Kinh Đại Bát Niết Bàn

Tịnh Xá Minh Đăng Quang, Hoa Kỳ Xuất Bản 1990



Việt Dịch HT. Trí Tịnh

Nguồn
http://www.thuvienhoasen.org
Chuyển sang ebook 24-6-2009
Người thực hiện : Nam Thiên – namthien@gmail.com
Link Audio Tại Website http://www.phatphaponline.org

Mục Lục

Lời Giới Thiệu

Tam Tạng kinh điển của nhà Phật mênh mông như rừng, nhưng tất cả đều có cùng một mục đích là từng bước, chỉ cho chúng sinh con đường tháo bỏ gông cùm của vô minh phiền não tham sân si, vượt qua dòng sinh tử luân hồi, đến được bờ hoàn toàn giải thoát, hội nhập lại bản thể chân như giác tánh.

Tùy theo tâm bệnh của chúng sinh, mỗi bộ kinh lại nhấn mạnh về một vấn đề, cũng như tùy bệnh cơ thể mà người lương y lại cho một loại thuốc đặc chế theo loại vi trùng của bệnh đó. Cho nên, cũng có những bộ kinh đặc biệt để trị bệnh chúng sinh ở một giai đoạn nào đó.

Đại Bát Niết Bàn là tên bộ kinh do Phật Thích Ca thuyết trước khi Ngài Niết Bàn. Có hai bản Kinh Niết Bàn của Phật Giáo Nam Tông và Phật Giáo Bắc Tông. Kinh Đại Bát Niết bàn của Nam Tông, được tìm thấy trong Kinh Trường Bộ, [Kinh Đại Bát Niết Bàn, (Hệ Pali), Việt dịch: Hòa Thượng Thích Minh Châu, Viện Nghiên Cứu Phật Học Việt Nam ấn hành năm 1991]. Còn Kinh Đại Bát Niết Bàn của Phật Giáo Bắc Tông bao gồm hai bản: (1) Phật Thuyết Phương Đẳng Bát Nê Hoàn Kinh, do ngài Dharmaaksa (265-316), đời Tây Tấn dịch và (2) Đại Bát Nê Hoàn Kinh, do ngài Pháp Hiển và Buddhabadhra đời Đông Tấn (317-420) dịch. Bản Việt ngữ của Phật Giáo Bắc Tông do Hòa Thượng Thích Trí Tịnh dịch từ bản Hán văn, Tịnh Xá Minh Đăng Quang, Hoa Kỳ tái Xuất Bản năm 1990, dầy 1500 trang gồm

tất cả hai mươi chín phẩm (chương), được phân ra làm hai quyển, **quyển 1 từ phẩm 1 đến phẩm thứ 21 và quyển hai từ phẩm 22 đến phẩm 29.**

Kinh Đại Bát Niết bàn, vì là lời nói sau cùng của Đức Phật, trước khi Ngài Niết Bàn, nên bao quát hầu như đủ mọi thắc mắc của chúng sinh. Vì thời gian có hạn nên lời Ngài dạy rất cô đọng, nhưng minh bạch, rõ ràng. Thí dụ như nơi **Phẩm Kim Cang Thân thứ năm** và **Phẩm Như Lai Tánh thứ mười hai**, ngài giải thích cặn kẽ về Chân Ngã hay Phật Tánh, đó chính là bản thể thanh tịnh thường hằng bất biến của tất cả mọi loài chúng sinh, mênh mông như hư không, thường trụ bất hoại, tuy vậy bản thể ấy không phải tất cả chúng sinh là một, nhưng cũng không phải là khác, vượt ra khỏi tư tưởng suy nghĩ thông thường của đời sống tương đối hiện tượng, cho nên gọi là bất khả tư nghị, tức không thể nghĩ bàn, nhưng chính là cái chân thật của mọi chúng sinh, không phải là cái "Tôi" ô nhễm tham sân si, đầy vướng mắc khổ vui vô thường này. Bản thể ấy tràn ngập khắp nơi nhưng chúng sinh bị trói buộc vì phiền não, tham sân si nhiễm ô che mờ nên không thấy được. Bản thể ấy luôn luôn sẵn sàng, tịch tĩnh hiện diện, nên gọi là Như Lai.

Vấn đề Hộ Pháp. Phật tử chúng ta thường quan niệm rằng hộ pháp là đến chùa làm công quả hoặc đem tiền bạc vật chất đến chùa cúng dường là tròn bổn phận. Trong kinh, đức Phật dạy rằng Ngài giao cho tứ chúng Phật tử gồm Tỳ Kheo, Tỳ Kheo ni, nam Cư sĩ và nữ Cư sĩ, tất cả đều phải có nhiệm vụ hộ pháp, nghĩa là giữ gìn sao cho chánh pháp khỏi bị mang tiếng oan vì những người phá giới, khiến cho người đời mất niềm tin, mất cơ hội thấm nhuần dòng sữa Phật pháp. Đó mới là chân chính hộ trì chánh pháp. Đạo Phật là đạo bình đẳng, không khi nào dung dưỡng một loại người đặc biệt nào được quyền phá hoại uy tín của đạo Phật một cách tự do, thoải mái, mà mọi người vẫn phải nhắm mắt bịt tai lại mà cung kính cúng dường. Nếu như thế tức là a dua, đồng lõa với kẻ phạm pháp. Chữ Tăng ở câu kính Phật trọng Tăng phải hiểu nghĩa là thanh tịnh Tăng.

Về vấn đề đức Thích Ca sơ sinh bước bảy bước và nói "Thiên thượng Thiên hạ duy Ngã độc tôn", nơi **Phẩm Tứ Tướng thứ bẩy**, ngài cũng nói rõ rằng Ngã đây chính là Như Lai, là Chân Tâm, Phật Tánh, là thân Kim Cang bất hoại, chứ không phải là Ngã của Thái Tử Tất Đạt Đa. Cũng trong phẩm đó, vấn đề ăn thịt cũng được Ngài căn dặn rất kỹ lưỡng.

Bộ kinh Đại Bát Niết Bàn được ngài nói khi sắp thị hiện Niết Bàn. Biết rằng Ngài không còn tại thế để hằng ngày giải đáp thắc mắc cho chúng sinh nữa, nên chư đệ tử đã hỏi và Ngài đã giảng gần như đủ loại vấn đề. Ngài còn dặn

kỹ rằng vì phương tiện độ sanh, tùy theo thời điểm và tâm chúng sinh đương thời, nên đôi khi có những lời dạy Ngài phải giản lược, chưa đi tới được rốt ráo, cho nên có những kinh ngài gọi là kinh bất liễu nghĩa. Nay, lời cuối cùng, nơi **Phẩm Tứ Y thứ 8**, ngài dặn lại rằng chúng sinh phải y chỉ kinh liễu nghĩa, là kinh với mục tiêu tối hậu, nói về Giác Tánh của chúng sinh, về Trí tuệ bát nhã, chỉ cho chúng sinh con đường hội nhập lại bản thể thường hằng bất biến, giải thoát hoàn toàn.

Chúng tôi thiết tha mong mỏi chư vị dành thì giờ xem toàn thể bộ kinh, tất cả mọi phẩm, tất cả đều là cam lộ thủy, xem rồi lắng tâm suy nghĩ cảm nhận sâu xa từng lời dạy cuối cùng của Đức Phật, tâm càng an tịnh thì lời dạy càng thấm thía, càng thấy ánh sáng của lời kinh rọi vào đủ loại thắc mắc, lấn cấn trong tâm, sẽ thấy bừng sáng lên lời giải đáp, sẽ thấy tín tâm càng tăng trưởng, càng tích cực cố gắng "không làm điều ác, siêng làm điều lành, thanh tinh hóa tâm ý" hơn nữa.

Cuối cùng, chúng con xin cung kính đảnh lễ Hòa Thượng Thích Trí Tịnh, tri ơn công đức dịch kinh của Ngài, nhờ vậy, chúng con mới có được cơ duyên càng thấm nhuần hơn nữa những lời dạy quý giá của Đức Bổn Sư Như Lai. Cũng xin chân thành cảm ơn Thầy Thích Đồng Bổn và Đạo hữu Lệ Diệu đã giúp đánh máy vi tính bộ kinh này.

Tâm Diệu

I

PHẨM TỰ THỨ NHẤT

(Hán bộ trọng quyển thứ nhất)

Như vậy, tôi nghe : một lúc nọ, đức Thích-Ca-Mâu-Ni Phật ở tại rừng Ta-La Song-Thọ nơi thành Câu-Thi-Na (1), cùng với tám mươi ức trăm ngàn vị đại Tỳ-Kheo.

Bấy giờ nhằm ngày rằm tháng hai vào lúc sáng sớm sắp nhập niết-bàn, đức Phật dùng thần lực vang ra tiếng lớn thấu khắp các nơi, suốt đến trời Hửu-đãnh (2) theo từng ngôn-ngữ của mỗi loài mà bảo rằng : “ Đưc Như-Lai Vô-Thượng-Đẳng, Chánh-giác thương mến che chở chúng-sanh, là ngôi nhà to rộng cho chúng sanh, về nương, xem chúng-sanh đồng như La-Hầu-La.

Đấng Đại-Giác Thế-Tôn sắp nhập Niết-bàn, tất cả chúng-sanh nếu có chổ nghi nay đều nên bạch hỏi, củng là lần hỏi cuối cùng!

Từ mắt, mũi, miệng, đức Thế-Tôn phóng ra các thứ ánh sáng. Những ánh sáng ấy có nhiều mầu : Xanh, vàng, đỏ, trắng, màu pha-lê, màu mã- não, chiếu khắp cõi đại-thiên (3), cũng lại chiếu suốt cả mười phương. Lục-đạo chúung-sanh (4), ai gặp được ánh sáng nầy chiếu đến mình thời tất cả tội-cấu phiền-não đều tiêu trừ. Những chúng sanh nầy thấy ánh sáng cùng nghe lời tuyên-bố trên đây, tất cảđều rầu lo, buồn khóc nức nở : “Than ôi! còn gì đấng Từ-Phụ : Thương thay khổ thay !”

Lúc đó khắp đại-địa, núi non biển cả thảy đều chấn động.

Các chúng sanh bảo nhau rằng : “ Chúng ta gắng dằn lòng chớ quá buồn khổ. Phải kíp đến thành Câu-Thi-Na, nơi rừng Ta-La đảnh lễ Phật, cầu thỉnh đức Như-Lai trụ thế thêm một thờigian “.

Mọi người lại nắm tay nhau mà nói rằng : “Chúng sanh hết phước, thế gian trống rỗng, những ác nghiệp thêm nhiều.

Đức Như-Lai sắp nhập Niết-bàn. Các ngài mau đến hầu Phật”.

Rồi lại cùng than rằng :”Thế gian trống rỗng ! Thế gian trống rỗng ! Chúng ta từ nay không chỗ phụng thờ, không ai cứu hộ, côi cút nghèo cùng. Một mai xa lìa đấng Vô-Thượng-Giác, nếu có chỗ nghi lầm, chúng ta sẽ bạch hỏi với ai ?”

Bấy giờ các vị đại Tỳ-kheo (5) : Tôn-giả Ma-Ha-Ca-Chiên-Diên, Tôn-giả Bạc-Câu-La, Tôn-giả Ưu-Ba Nan-Đà v.v… chạm phải ánh sáng của Phật, thân của các ngài liền run giật, tâm tưởng mê loạn, hốt hoảng kêu la.

Lại có tám trăm vạn vị Tỳ-kheo đều là bực vô-lậu A-La-Hán, tâm được tự tại, chỗ làm đã xong, rời các phiền-não, điều-phục các căn, có oai-đức lớn, thành tựu không-huệ, đã khỏi sanh tử, tất cả đều là chơn Phật-tử. Sáng hôm ấy, lúc mặt trời vừa mọc, các ngài đang nhăn nhành dương, thấy ánh sáng của Phật chiếu đến, các ngài hối nhau súc miệng, rửa tay. Toàn thân của các ngài đều rởn óc máu nổi đỏ như bông ba-la-xa, hai mắt đầy lệ, lòng rất buồn khổ. Vì muốn lợi-lạc cho chúng sanh, thành tựu hạnh đệ-nhứt-không của Đại-thừa, cùng muốn hiển phát giáo-pháp phương tiện bí mật của Như-Lai, để các cuộc thuyết pháp chẳng đoạn tuyệt và cũng vì muốn làm nhơn duyên

điều phục chúng sanh, nên các ngài vội đến trước Phật, cúi đầu lạy chơn Phật, nhiễu Phật trăm ngàn vòng, rồi chắp tay cung kính ngồi qua một bên.

Lại có sáu mươi ức vị Tỳ-kheo-ni, như Thiện-Hiền Tỳ-kheo-ni, Ưu-Ba Nan-Đà Tỳ-kheo-ni, Hải-Y Tỳ- kheo-ni, v.v…., đều là bực Đại-A-La-Hán, đả sạch phiền-não, tâm được tự tại, chỗ làm đã xong, các căn điều –phục có oai đức lớn, thành tựu không –huệ.

Các Tỳ-kheo-ni ấy cũng vào buổi sáng sớm, lúc mặt trời vừa mọc, toàn thân rởn ốc, máu nổi đỏ như bông ba-la-xa, đôi mắt đầy lệ, lòng rất buồn khổ, cũng vì muốn lợi lạc cho chúng sanh, và làm nhơn duyên điều-phục, nên các Tỳ-kheo-ni ấy vội đến chỗ Phật, cúi đầu lạy chơn Phật, nhiễu Phật trăm ngàn vòng, rồi chắp tay cung kính, ngồi qua một bên. Trong chúng Tỳ-kheo-ni nầy, có những vị Bồ-Tát đến bực thập-địa an-trụ bất-động. Vì hóa độ chúng sanh nên hiện thân phụ nữ, nhưng thường tu tập bốn tâm vô-lượng (6), đặng sức tự-tại có thể biến-hóa làm Phật.

Bấy giờ lại có một hằng-hà-sa đại Bồ-Tát (7) chứng bực thập địa an trụ bất động, phương tiện hiện thân. Danh hiệu của các vị Thượng thủ là : Hải Đức Bồ tát, Vô Tận Ý Bồ Tát v.v… Các ngài thảy đều kính trọng Đại thừa, an trụ Đại thừa, hiểu sâu Đại thừa, ưa thích Đại thừa, gìn giữ Đại thừa. Các ngài khéo tùy thuận được tất cả thế gian mà lập thệ rằng : “ Những ai chưa giải thoát, sẽ làm cho được giải thoát”.

Các ngài từ vô lượng kiếp về quá khứ tu trì giới pháp thanh tịnh, khéo đem chỗ đã làm dạy lại cho người chưa hiểu, nối thạnh ngôi Tam Bảo (8) làm cho chẳng đoạn tuyệt, sau này sẽ chuyển pháp luân, dùng đại trang nghiêm mà tự trang nghiêm, thành tựu vô lượng công đức như thế, xem chúng sanh đồng như con một. Các vị đại Bồ Tát này cũng vào lúc sáng sớm gặp ánh sáng của Phật chiếu đến cả mình rởn ốc, máu đỏ nổi kên như bông ba-la-xa, đôi mắt tràn lệ, lòng rất đau xót, vì muốn lợi lạc cho chúng sanh, thành tựu hạnh đệ nhứt không của Đại thừa, hiển phát giáo pháp phương tiện bí mật của Như –Lai, cho các cuộc thuyết pháp chẳng đoạn tuyệt, cùng làm nhơn duyên điều phục cho chúng sanh, nên các ngài vội đến chỗ Phật, cúi đầu lạy chơn Phật, đi nhiễu Phật trăm ngàn vòng, chắp tay cung kính ngồi qua một bên.

Bấy giờ lại có hai hằng -ha-sa vị Ưu-bà-tắc (9) thọ trì ngũ giới (10) đầy đủ oai nghi, các ôÂâng Oai Đức Ưu-Bà-Tắc , Thiện Đức Ưu-Bà-Tắc v.v… làm thượng-thủ trong số ấy. Tất cả đều thích quan sát sâu kỹ các môn đối-trị như các môn khổ, vui, thường, vô-thường, tịnh, bất-tịnh, ngã, vô ngã, thiệt, bất

thiệt, qui y, phi qui y, chúng sanh, phi chúng sanh, hằng, phi hằng, an, phi an, vi, vô vi, đọan, bất đoạn, niết bàn, phi niết bàn, tăng thượng, phi tăng thượng v.v…. Cũng thích muốn nghe vô- thượng đại-thừa, nghe rồi có thể giảng lại cho người khác, khéo giữ gìn giới luật thanh tịnh, khát ngưỡng đại-thừa, đã tự đầy đủ lại có thể làm đầy đủ kẻ khác, khéo nhiếp thủ trí-huệ vô-thượng, ưa thích và gìn giữ đại-thừa. Khéo tùy thuận tất cả thế gian, độ người chưa được độ, dạy người chưa được hiểu, nối giống Tam-Bảo cho khỏi đoạn tuyệt, sau nầy sẽ chuyển pháp-luân, dùng đại trang-nghiêm mà tự trang-nghiêm, tâm các vị ấy luôn say sưa nơi giới-hạnh thanh-tịnh, thành-tựu nhữngø công đức như thế, đối với chúng sanh phát tâm đại-bi bình-đẳng xem nhu con một.

Sáng sớm hôm ấy, vì muốn làm lễ trà-tỳ (11) thân của Như-lai, nên mỗi người đem vạn bó gỗ thơm : gỗ chiên-đàn trầm-thủy, gỗ ngưu-đâøu chiên-đàn, gỗ thiên -mộc-hương v.v…. Do thần lực của Phật nên các bó gỗ thơm áy chiếu ra nhiều màu xanh vàng đỏ trắng rất sáng đẹp. Gỗ thơm ấy đều ướp bằng các thứ dầu thơm. Các thứ hoa sen đơm trên những bó gỗ, cùng treo những lá phan năm màu mịn đẹp. Chở gỗ là các thứ xe bằng loại thất bảo (12) thắng bốn ngựa hùng tráng. Trên xe tàn lọng che giăng, rủ những tràng hoa sen đẹp đủ màu, làm bằng vàng ròng và kim cương, các loại ong đen vui vẻ bu họp trong hoa vang ra tiếng diễn nói những pháp vô-â thường, khổ, không, vô –ngã và thuật đạo hạnh của Bồ- Tát tu tập ngày trước. Lại có các thứ âm nhạc hòa tấu thành tiếng buồn than : “Khổ thay ! Khổ thay ! Thế gian trống rỗng !” Trước mỗi xe có Ưu-Bà-Tắc bưng hương-án bằng vàng, bạc, lưu ly, pha lê, trên án xông các thứ hương thơm thượng hảo, cùng chưng các thứ hoa sen đẹp đủ màu. Các vị Ưu- Bà-Tắc nầy vì muốn cúng dường Phật cùng chư tăng, nên đã dự sắmõ các thứ thực phẩm nấu bằng củi chiên-đàn trầm thủy. Những thực phẩm ấy thơm ngon đủ sáu vị : mặn, ngọt, chua, cay, đắng, lạt cùng đủ ba đức ; mềm dẽo, sạch sẽ, đúng pháp. Khi đến rừng Ta-La, họ lấy mạt vàng ròng rải khắp các nơi, rồi trải gấm lụa lên trên rộng đến mười hai do-tuần. Họ thiết tòa sư tử cao lớn bằng bảy báu để thỉnh Phật và chư Tăng ngồi. Họ đem dầu thơm quý thoa vào thân cây trong rừng rồi treo các lá phan, các tàn lọng xinh đẹp họ rải những thứ hoa đẹp thơm vào các khoảng giữa cây cách nhau. Các Ưu-Bà-Tắc nầy đều suy nghĩ rằng :

“ Tất cả chúng sanh nếu ai có chỗ thiếu hụt : cần thức ăn, tôi sẽ cho ăn; cần uống, cho uống; cầnđầu, cho đầu; cần mắt, cho mắt; bất luận là cần dùng thứ gì, tôi sẽ cho thứ ấy. Lúc bố-thí như thế tôi sẽ không có lòng tham sân ác độc nhơ-nhớp. Tôi không hề móng niệm cầu phước lộc thế gian mà chỉ nhứt tâm cầu quả vô-thượng bồ-đề”.

Các vị Ưu-Bà-Tắc nầy đều đã an-trụ nơi đạo bồ-đề. Các ông nghĩ thầm : Hôm nay đức Như-Lai thọ thực của chúng tôi xong sẽ nhập Niết-Bàn". Vừa nghĩ đến đây, cả mình các ông đều rởn ốc, máu đỏ nổi lên như bông ba-la-xa, đôi mắt tràn lệ, lòng rất buồn khổ. Các ông lật đật đem những đồ cúng dường dâng lên đức Phật, cúi đầu lạy chơn Phật đi nhiễu trăm ngàn vòng, khóc lóc nức nở, tiếng động trời đất, nước mắt như mưa. Các ông than với nhau rằng : Thế gian sẽ trống rỗng, thế gian sẽ trống rỗng, rồi cac ông lại nhào lăn trước Phật, vừa khóc vừa bạch Phật :" Cúi xin Đức Như-Lai xót thương chúng con mà nhận lễ cúng dường cuối cùng nầy".

Đức Thế-Tôn biết giờ nên yên-lặng không nhận. Các ông yêu cầu ba phen mà Phật vẫn không hứa nhận. Không được đức Phật nhận, các ông rất đau khổ như người có con một phải bệnh chết vừa mới chôn xong. Các ông đem những đồ cúng an trí một nơi rồi cùng nhau ngồi qua một bên.

Bấy giờ lại có ba hằng-hà-sa Ưu-Ba-Di thọ-trì ngũ-giới đầy đủ oai nghi, trong số đó có tám vạn bốn ngàn vị thượng –thủ, như các bà Thọ-Đức Ưu-Bà-Di, Đức-Man Ưu-Bà-Di, Tỳ-Xá-Khư Ưu-Ba-Di v.v…Chư Ưu-Bà-Di nầy đều kham hộ trì chánh pháp, vì độ chúng sanh mà hiện thân phụ nữ. Thường chê trách gia pháp. Tự xem thân mình như bốn rắn độc : thân nầy thường là món ăn của vô số vi trùng, thân nầy hôi thúi bị ràng trong ngục tham dục, thân nầy đáng ghét dường như thây chó chết, thân nầy nhơ nhớp, chín lỗ chảy luôn. Thân nầy như thành trì : da mỏng bọc trên máu thịt gân xương, tay chân là gậy gộc ngăn địch, đôi mắt là lỗ hở, đầu là cung điện chỗ của tâm vương ngự. Những ác quỷ gian tham, dâm dục, sân hận, thù ghét, si mê, tà kiến cư ngụ trong thành nầy. Đây là chổ vất bỏ của chư Phật Thế Tôn, ma phàm phu ngu si lại mê say. Thân nầy là vật không bền chắc, khác nao bọt nước, cây chuối, cọng lau. Thân nầy vô thường niệm niệm không dừng như làn chớp, nước dốc, như ảo thuật, ngọn lửa, lằn vẽ trên nước. Thân này dễ hư rã như cây bên bờ sông lở. Thân nầy không mấy chốc sẽ là thức ăn của sói, cồn quạ, kên, chó đói. Có ai là người trí mà ưa thích thân nầy. Đem hết nước biển đựng trong dấu chân trâu còn không khó bằng kể cho đủ những sự vô thường, nhơ nhớp hôi thúi của thân nầy. Vò quả địa cầu làm cho nhỏ lại bằng trái táo, bằng hạt đình lịch, bằng hạt bụi, là việc dễ hơn kể hết những tội lỗi tai hại của thân nầy. Thế nên phải nhàm bỏ thân nầy như nhàm bỏ đàm mũi, vì những nhơn duyên ấy, các Ư-Bà-Di đây thường tu pháp không, vô-tướng, vô-nguyện. Các bà rất thích học hỏi kinh điển đại –thừa, thủ hộ đại thừa và cũng có thể giảng dạy lại cho người khác. Dầu là hiện thân nữ, mà các bà đều là Bồ-Tát, khéo hay tùy thuận tất cả thế gian, độ người chưa được độ, dạy người chưa được hiểu. Các bà nối giống Tam-Bảo khiến chẳng

đoạn tuyệt, sẽ chuyển pháp –luân nơi đời vị lai, dùng đại trang nghiêm để tự trang nghiêm. Đối với chúng sanh phát tâm đại bi bình dẳng, xem như con một. Sáng sớm hôm ấy, các bà bảo nhau đến rừng Ta- La. Các bà đem rất nhiều đồ cúng dường cùng đến trước Phật, cúi đầu lễ chơn Phật, đi nhiễu trăm ngàn vòng rồi bạch Phật rằng : " Thế-Tôn ! Hôm nay chúng con sắm sửa đồ cúng dường kính dưng lên đức Thế-Tôn và chư Tăng. Ngửa mong Đức Như-Lai thương xót nhận cho". Các bà ba phen khẩn cầu mà đức Phật yên lặng không nhận. Các bà than thở ngồi qua một bên.

Bấy giờ nơi thành Tỳ-Gia-Ly, các quyến-thuộc trai gái già trẻ của dòng Ly-Xa và những quyến thuộc của vua chúa ở các nước, vì cầu chánh pháp nên khéo tu giới hạnh, đầy đủ oai- nghi, trừ dẹp các môn dị học làm tổn hại chánh phápø. Họ thường bảo nhau rằng :" Chúng ta phải dùng vàng bạc kho đụn làm cho tạng chánh-pháp thâm-áo còn mãi nơi đời. Nguyện cho chúng ta thường được tu học. Nếu có ai khinh chê chánh pháp của Phật thời phải cắt lưỡi người đó". Họ lại nguyện rằng :" Người xuất gia nếu phá hư giới cấm, chúng ta bắt phải thôâi tu, huờn tục, để làm tôi mọi. Còn bực hộ-trì chánh pháp giới đức tinh nghiêm, chúng ta phải kính trọng phụng thờ như cha mẹ. Nếu chư Tăng có thể tu theo chánh pháp, chúng ta phải tùy hỉ tán trợ cho những vị ấy được thế lực". Những hoàng tộc nầy rất thích nghe kinh điển đại thừa, và cũng có thể giảng giải lại cho người khác những pháp đại thừa mà họ đã được nghe. Tất cả đều thành tựu những công đức như vậy. Danh hiệu của họ là : Tịnh Vô Cấu Tạng Ly Xa Tử. Tịnh Bất Phóng Dật Ly Xa Tử, Vô Cấu Tịnh Đức Ly Xa Tử, v.v… Họ bảo nhau kíp đến chỗ Phật cùng đem vô số đồ cúng dường với vô số châu minh nguyệt, gỗ trầm, chiên đàn, chở bằng những thớt tượng lớn và những cỗ xe báu tứ mã. Trên xe trang hoàng vô số phang lọng. Lúc đến trước Phật, họ cúi đầu lạy chơn Phật, đi nhiễu trăm ngàn vòng, rồi bạch rằng :" Thế Tôn ! Hôm nay chúng con sắm các phẩm vật cúng dường đức Phật và chư Tăng. Ngửa mong đức Như Lai thương xót nhận cho".

Đức Phật yên lặng không hứa nhận. Các hoàng tộc chẳng được toại nguyện, lòng rất buồn khổ, do thần lực của Phật, họ bay lên cao cách đất bảy cây đa la rồi yên lặng mà trụ giữa hư không.

Bấy giờ lại có vô số Đại Thần Trưởng Giả kính trọng đại thừa, ủng hộ đại thừa, dẹp trừ các phái dị học, như mưa đá tuôn nát cỏ cây. Các ông Nhựt Quang Trưởng giả, Hộ Thế Trưởng giả, Hộ Pháp, Trưởng giả, v.v… là bực thượng thủ trong hàng người ấy. Họ sắm vô số đồ cúng dường cùng đem nhau đến trước Phật, cúi đầu lạy chơn Phật, đi nhiễu trăm ngàn vòng rồi

bạch rằng :” Thế Tôn ! Hôm nay chúng con sắm các phẩm vật dưng cúng đức Phật và chư Tăng. Ngửa mong đức Như Lai thương xót nhận cho”.

Đức Phật yên lặng chẳng hứa nhận. Các vị Trưởng giả không được toại nguyện, lòng rất buồn khổ. Do thần lực của Phật, họ bay lên cao cách đất bảy cây đa la rồi yên lặng trụ giữa hư không.

Bấy giờ vua thành Tỳ-Xá-Ly và vua các nước, trừ vua A-Xà-Thế và phu nhơn, mỗi vua cùng với các bà phu nhơn và thần dân đem theo vô số cúng phẩm đến rừng Ta-La.ù Các vua và phu nhơn đây đều đã an trụ nơi chánh pháp, kính trọng và rất mến đại thừa, thương chúng sanh đồng như con một. Lúc đến trước Phật, các vua và phu nhơn bạch rằng :” Bạch đức Thế Tôn ! Hôm nay chúng con sắm phẩm vật dưng cúng đức Phật và chư Tăng.Ngửa mong đức Như Lai thương xót nhận cho”.

Đức Phật tự biết chưa phải lúc, nên cũng chẳng hứa nhận. Các vua và phu nhơn không được toại nguyện, lòng rất buồn khổ, ngồi qua một bên.

Bấy giờ có vô số Thiên –Nữ. Thượng thủ Quảng-Mục Thiên-Nữ bảo rằng :” Chị em xem kia ! Đại chúng sắm phẩm vật muốn cúng dường Phật và chư Tăng. Chúng ta cũng nên đem phẩm vật dưng lên đức õPhật, đức Phật thọ xong sẽ nhập Niết-bàn. Chị em nên biết, Phật xuất thế rất khó, được cúng dường Phật lần cuối cùng càng khó hơn. Nếu Phật nhập Niết bàn thời thế gian sẽ trống rỗng”.

Hàng Thiên Nữ nầy đều giữ gìn giới hạnh, đầy đủ oai nghi, rất thích tu học và hộ trì đại thừa, khéo hay tùy thuận tất cả thế gian, độ người chưa được độ, dạy người chưa được hiểu, sẽ chuyển pháp luân ở vị lai, dùng đại trang nghiêm để tự trang nghiêm bình đẳng thương chúng sanh đồng như con một. Vì muốn lợi lạc cho chúng sanh, thành tựu hạnh đệ-nhứt-nghĩa-không của đại thừa hiển phát giáo pháp phương tiện bí mật của Như Lai, mà cũng muốn các sự thuyết pháp không đoạn tuyệt, nên các Thiên Nữ sắm vô số đồ cúng dường ở cõi trời và vô số thứ hương trời, chở trên những xe báu trần thiết vô số lọng báu, phan báu, bửu châu, kỹ nhạc, rải vô số hoa trời, cùng nhau đến trước Phật, khóc lóc lạy chơn Phật, đi nhiễu trăm ngàn vòng rồi bạch rằng :” Ngửa mong đức Như Lai thương xót nhận phần cúng dường cuối cùng của chúng con”.

Đức Phật yên lặng chẳng nhận. Các Thiên Nữ chẳng được toại nguyện, lòng rất buồn khổ, ngồi qua một bên.

Bấy giờ có vô số chư Thiên- Tử, Thiên- Vương, tứ Thiên- Vương, vô số Thiên Thần, Tỳ- Sa-Môn- Thiên-Vương làm thượngû thủ; vô số Long Vương Hòa-Tu-Kiết-Long- Vương, Nan-Đà-Long-Vương, Bạt-Nan-Đa Long-Vương làm thượng thủ; vô số Kim-Sí-Điểu- Vương, Hàng-Oán-Điểu-Vương làm thượng thủ; vô số Càn-Thát Bà- Vương Na-La- Đạt- Vương làm thượng thủ; vô số Khẩn-Na-La- Vương, Thiện-Kiến- Vương làm thượng thủ; vô số Ma-Hầu-La-Già Vương, Đại-Thiện-Kiến Vương làm thượng thủ; vô số A-Tu-La Vương, Viêm-Bà-Lợi- Vương làm thượng thủ; vô số Đà-Na-Bà- ø Vương, Vô-Cấu-Hà-Thủy-Vương, Bạt-Đề-Đạt-ĐaVương làm thượng thủ, vô số La-Sát- Vương, Khả- Úy- Vương làm thượng thủ; vô số Thọ-Lâm-Thần-Vương, Lạc-Hương-Vương làm thượng thủ; vô số Hải- Thần, Hà-Thần, vô số Trì-Chú-Vương, Đại-Huyễn-Vương làm thượng thủ; vô số Quỷ-My, Thiện- Kiến-Vương làm thượng thủ, vô số Quỷ-Vương, Bạch-Thấp-Vương làm thượng thủ; vô số Tượng- Vương; vô số Sư-Tử-Vương; vô số Điểu-Vương; vô số Ngưu-Vương; vô số Phong-Vương; vô số Vân-Vũ-Vương; vô số Thần-Tiên v.v… Đại- chúng trên đây đều đem vô số phẩm vật, vô số hương hoa, vô số nhũ mật hảo hạng đến lễ Phật cúng dường.

Đức Như-Lai đều chẳng hứa nhận. Họ rất buồn khổ ngồi qua một bên. Chư Tỳ-Kheo, Tỳ-Kheo-Ni thảy đều họp đủ, chỉ thiếu mặt hai chúng Ma-Ha-Ca-Diếp va A-Nan- Đa.

Hôm ấy toàn rừng Ta-La bỗng đổi màu trắng như lông bạch hạc. Trên hư không tự nhiên có tòa nhà thất bửu, dưới tòa nhà có ao suối mọc đầy hoa sen xinh đẹp, như vườn hoan hỉ ở Thiên-cung Đao- Lợi. Cả rừng Ta-La cũng biến thành trang nghiêm xinh đẹp khác thường.

Trời Đế-thích, cũng như Tứ-Thiên-Vương, và chư thiên trong dục giới đều đem phẩm vật thượng hảo dưng lên đức Phật, mong Phật nhận phần cúng dường cuối cùng của mình hầu được sớm thành tựu pháp bố- thí ba-la-mật, nhưng đức Phật vẫn không hứa nhận. Chư Thiên-Dục giới không được toại nguyện, lòng rất buồn khổ, ngồi qua một bên.

Đại Phạm-Thiên-vương cùng Chư Thiên sắc giới đến lễ Phật, tha thiếtá dưng phẩm vật cõi sắc. Phật không hứa nhận. Đại Phạm-Thiên và Chư-Thiên sắc giới không được toại nguyện, lòng rất buồn khổ ngồi qua một bên.

Bấy giờ Ma-Vương Ba-Tuần cùng quyến thuộc vô lượng đại chúng mở cửa địa ngục ban nước thanh- tịnh, nhơn đó bảo đại chúng rằng : Nay đây các người không làm gì được, chỉ nên chuyên niệm Như- Lai Ứng-Cúng Chánh-

Biến-Tri, trần thiết lễ tùy hỉ cúng dường cuối cùng, các người sẽ được an vui mãi mãi" . Liền đó, Ma-Ba-Tuần dẹp bỏ dao gươm v.v… , những độc cụ trong địa ngục cùng làm mưa to dập tắt ngọn lửa đang cháy hừng. Do thần lực của Phật, Ma-Vương lại phát tâm lành truyền lệnh cho toàn thể quyến thuộc ma đều bỏ hết binh khí, rồi mang vô số cúng phẩm cùng nhau đến chổ Phật, cúi đầu lạy chơn Phật mà bạch rằng :' Chúng con từ nay ưa thích và gìn giữ đại thừa. Bạch Thế- Tôn ! Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhơn vì cúng dường, vì sợ hải, vì phỉnh người, vì tiền của, vì tùy theo người v.v… mà thọ lấy pháp đại thừa này hoặc chơn hoặc ngụy chúng con nói chú nầy để trừ diệt sợ hải của người đó : " Sá chỉ, trá trá la sá chỉ, lô ha lệ, ma ha lô ha lệ, a la, giá la, đa la, tóa ha".

Bài chú nầy có thể làm cho người điên cuồng, người kinh sợ, người thuyết pháp, người chẳng dứt chánh pháp đều được an ổn. Vì hàng phục ngoại đạo, vì gìn giữ thân mình, vì hộ trì chánh pháp, vì hộ trì đại-thừa, mà chúng con nói bài chú nầy. Nếu người nào thọ trì chú nầy thời không còn sợ voi dữ làm hại; hoặc đi đến rừng hoang, đầm trống, những nơi nguy hiểm chẳng sanh sự kinh sợ; cũng không có những tai nạn nước, lửa, sư tử, cọp, sói, trộm, cướp, vua, quan. Bạch đức Thế-Tôn ! Nay đây, chúng con không vì dua nịnh mà nói những việc nầy. Ai thọ trì bài chú nầy thời con sẽ chí thành ủng hộ làm cho thêm thế lực. Ngửa mong đức Như-Lai thương xót nhận phần cúng dường cuối cùng của chúng con".

Đức Phật bảo Ma-Vương Ba-Tuần rằng :" Như-Lai không nhận thực phẩm của nhà ngươi dưng, mà chỉ nhận lấy thần chú của người nói, vì Như-Lai muốn cho chúng sanh và bốn bộ chúng được an vui".

Ma Vương cầu thỉnh ba lần, mà đức Phật vẫn không hứa nhận. Ma Ba-Tuần không được toại nguyện, lòng rất buồn khổ, ngồi qua một bên.

Đại-Tự-Tại-Thiên-Vương cùng vô lượng Chư-Thiên sắm những cúng phẩm trội hơn tất cả thứ phẩm vật của các đại chúng trời người đã thuật ở trước, cho đến phẩm vật của Phạm-Thiên Đế- Thích sánh với những cúng phẩm nầy thời như khối mực đen sánh với đống châu ngọc, một cây lọng báu nhỏ nhứt giương ra có thể che trùm cả cõi đại thiên. Đại-Tự-Tại Thiên Vương cùng Chư-thiên đem những cúng phẩm ấy đến chỗ Phật, cúi đầu lạy chơn Phật đi nhiễu trăm ngàn vòng rồi bạch rằng :" Thế-Tôn ! Cúng phẩm của chúng con dưng lên đây rất hèn mọn khác nào con muỗi dưng cho Chư-Thiên. Lại cũng như đem một bụm nước đổå vào biển lớnù , thắp một cây đèn nhỏ giúp sáng cho trăm ngàn mặt trời, cầm một cái bông thêm vào vườn

bông giữa mùa xuân muôn hoa đua nở, đặt một hột đình lịch thêm lớn cho núi Tu-Di. Nào có ích gì cho biển rộng, mặt trời, vườn hoa, núi lớn. Cúng phẩm của chúng con đối với đức Phật cũng như thế.

Dầu mang cả hương hoa, kỹ nhạc, phan lọng đầy khắp cõi đại thiên đến cúng dường Như-lai còn không đáng kể. Vì sao vậy ? Vì đức Như-Lai thường ở địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh trong các ác thú thọ nhiều sự khổ để cứu vớt mọi loài. Xin đức Thế-tôn thương xót nhận phần cúng dường của chúng con.

Đức Phật yên lặng không hứa nhận. Đại-Tự-Tại Thiên-vương cùng chư Thiên không được toại nguyện lòng rất buồn khổ, ngồi qua một bên.

Bấy giờ phương đông cách đây vô lượng vô số a-tăng-kỳ hằng hà sa vi trần thế giới, nơi cõi Ý- Lạc-Mỹ-Âm, có Phật hiệu Hư-Không-Đẳng Như-Lai Ứng-Cúng Chánh-Biến-Tri Minh-Hạnh- Túc Thiện-Thế Thế gian-giải Vô-thượng-sĩ Điều ngự trượng-phu Thiên-nhơn-sư Phật Thế-Tôn, bảo vị đệ tử lớn nhứt là Vô-Biên-Thân Bồ-Tát rằng : “ Thiện- nam- tử nên qua Tây phương Ta-Bà thế giới. Cõi ấy có Phật Thích-Ca-Mâu-Ni đủ mười đức hiệu sắp nhập niết bàn. Ông đem cơm thơm ăn vào an ổn nơi cõi nầy qua dưng lên Phật Thích-Ca-Mâu-Ni, Phật thọ rồi sẽ nhập niết bàn. Nhơn đó ông có thể lễ kính Phật cầu giải quyết những điều nghi”.

Vô-Biên-Thân Bồ-Tát tuân lời Phật dạy, liền cùng vô lượng chúng Bồ-Tát đồng đến cõi Ta- Bà. Lúc ấy toàn cõi Ta-Bà chấn động sáu cách. Đại chúng nơi rừng Ta-La : Phạm-Thiên Đế-thích, Tứ Thiên- Vương, Ma-Vương-Ba-Tuần, Đaiï-Tự-Tại-Thiên v.v… Thấy đất rúng động, cả mình rỡn ốc, cổ lưỡi khô khan tự thấy thân mình không còn ánh sáng mất cả oai đức, kinh hãi run rẩy đều muốn giải tán.

Văn-Thù-Sư-Lợi Bồ-Tát liền đứùng dậy bảo đại chúng rằng :”Mọi người chớ sợ ! Cách đây về phương đông vô lượng vô số a-tăng-kỳ hằng-hà-sa vi-trần thế giới (13) có cõi Ý-lạc-Mỹ- Âm. Phật Hư- Không-Đẳng đủ cả mười đức hiệu. Nơi cõi đó có đại Bồ-tát tên Vô-Biên-Thân cùng vô lượng Bồ-Tát sắp đến đây. Bởi oai đức của đại Bồ-Tát ấy làm oai quang của mọi người phải ẩn đi. Mọi người nên vui mừng đừng kinh sợ”.

Liền đó mọi người đều thấy rõ chúng đại Bồ-tát nơi cõi Mỹ-Âm, như nhìn trong gương tự thấy thân mình.

Văn-Thù Sư-Lợi Bồ-Tát lại bảo đại chúng : “ Nay đây, mọi người thấy chúng đại Bồ-Tát đó như thấy đức Phật Thích-Ca. Do thần lực của Phật sẽ được thấy vô-lượng chư Phật ở chín phương”.

Bấy giờ đại chúng đều thấy Vô-Biên-Thân Bồ-Tát cùng quyến thuộc của ngài. Nơi mỗi lỗ chơn lông của Vô-Biên-Thân Bồ-Tát đều xuất sanh một hoa sen lớn, mỗi hoa sen đều có bảy muôn tám ngàn thành ấp rộng như thành Tỳ-Gia-Ly. Vách thành hào thành toàn bằng thất bảo, cây báu hàng liệt bông trái sum sê.

Gió nhẹ thổi động vang ra tiếng hòa nhã như tiếng nhạc trời. Nhơn dân trong những thành ấy nghe tiếng gió reo liền đặng hưởng tho nhiều sự vui vẻ. Nước trong hào thành trong sạch thơm tho như chơn luy-ly, trên mặt nước có thuyền thất bảo, chúng nhơn ngồi thuyên dạo chơi tắm gội rất mực vui sướng. Trong hào lại có vô lượng hoa sen đủ màu : xanh, vàng, đỏ, trắng, lớn như bánh xe. Trên bờ hào lại có vườn rừng, trong mỗi vườn có năm ao suối đầy hoa sen bốn màu, hương thơm ngào ngạt. Nước ao sạch trong có các loài chim bơi lội. Trong vườn lại có nhiều lâu đài, mỗi tòa lâu đài rộng bốn do-tuần, vách cột mặt đất toàn bằng các chất báu, vàng, bạc, lưu ly, pha lê, trong ấy có nhiều ao suối thất bảo, bực thang bằng vàng ròng, vàng Diêm-Phù-Đàn làm cây, không khác vườn Hoan-ỷ ở cung trời Đao-Lợi. Nơi mỗi thành ấp ấy có vô số dân chúng luôn luôn vui sướng. Dân chúng nầy chỉ nghe tiếng pháp vô- thượng đại-thừa, không nghe danh từ gì khác. Có vị quốc vương ngự trên tòa sư tử (14) dùng pháp đại- thừa giáo hóa nhơn dân.Và nhơn dân biên chép đọc tụng, tu hành theo kinh điển đại-thừa. Nhờ thần lực của Bồ-Tát mà đại chúng được thấy các sự biến hóa ấy. Thân của Bồ-Tát cao lớn vô-lượng vô-biên đồng hư không, trừ Phật, không ai có thể thấy ngằn mé thân của ngài. Vô-Biên-Thân Bồ-Tát cùng vô-lượng Bồ-Tát thị-hiện thần-thông như thế rồi, đem vô lượng cúng phẩm và thức ăn thơm ngon đến chỗ Phật, ai ngửi đến mùi thơm của thức ăn nầy thời phiền não đều tiêu diệt, đảnh lễ chơn Phật mà bạch rằng :” Ngửa mong đức Thế-Tôn thương xót nhận đồ cúng dường của chúng con”.Các Bồ-Tát ba phen dưng bạch, đức Phật biết chưa phải lúc nên không hứa nhận. Vô-Biên-Thân Bồ-Tát cùng chúng Bồ-Tát ngồi qua một bên.

Các cõi Phật ở Nam-phương, Tây-phương, Bắc-phương, cũng có vô lượng Vô-Biên-Thân Bồ- Tát va vôø lượng đại Bồ-Tát ở mười phương đều đến rừng Ta-La. Bốn bộ chúng ở Diêm-Phù- Đề (15) hội về đông đủ, trừ Ma-Ha-Ca-Diếp, A-Nan-đà, vua A-Xà-Thế và quyến thuộc của vua nầy. Thần Đà-Na-Bà, A-Tu-La nhẫn đến mười sáu loài ác độc, rắn, rít, bò cạp, bọ hung

v.v… đều bỏ ác niệm mà sanh lòng nhân từ xem nhau như cha mẹ, chị em. Tất cả chúng sanh trong cõi Đại- thiên sanh lòng nhân từ đối với nhau cũng như thế, trừ hạng nhứt-xiển-đề.

Hôm ấy, cả đại thiên thế giới do thần lực của Phật, biến thành trang nghiêm đẹp sáng như cõi Cực lạc của Đức Vô-Lượng-Thọ Phật ở phương Tây (16). Đại-chúng trong pháp-hội Ta-La đều thấy rõ các thế giới của chư Phật ở mười phương, như thấy mình trong gương sáng.ï

Lúc ấy ánh sáng năm màu từ mặt Phật phóng ra bao trùm đại hội rồi thâu vào miệng Phật. Cả chúng-hội trời, người, a-tu-la v.v… thấy ánh sáng thâu vào miệng Phật, thời cả kinh mà nói rằng : "Đức Phật phóng ánh sáng rồi thâu vào nơi miệng, chắc có duyên cớ. Hay chính là tướng sắp nhập Niết-Bàn khổ thay !

Khổ thay ! Sao Đức Thế-Tôn lại rời bỏ bốn tâm vô-lượng, chẳng nhận sự cúng dường của Trời, của ngươiø. Mặt trời Thánh-huệ từ nay sắp tắt hẳn, thuyền pháp vô-thượng từ nay sắp chìm mất. Thế gian rất khổ. Than ôi ! Đau lòng lắm thay ! Than xong, đại chúng nhào lăn kêu khóc, nước mắt hòa máu rơi đầy nơi đất.

THÍCH NGHĨA

(1) Rừng cây Ta-La, cũng đọc là Sa-La, vì chỗ Phật ngự, bốn phía có tán cây Ta-La chia làm bốn cặp nên gọi là Ta-La Song-Thọ Câu-Thi-Na

(2) HỮU ĐẢNH gọi đủ là "Tam hữu chi đảnh" – Cõi trời cao nhất trong tam giới,   tức là sắc Cứu-Cánh-Thiên.

(3) CÕI ĐẠI-THIÊN, nói đủ là Tam-Thiên Đại-Thiên Thế-Giới : Một Thái-dương-hệ gọi là một tiểu thế- giới, gồm một từng trời Sơ Thiền và một cõi dục.
Một ngàn tiểu thế giới hiệp lại cùng một từng trời Nhị-Thiền, gọi là một Tiểu-Thiên Thế- giới (1 T H. G x 1000 = 1 Tiểu Thiên)
Một ngàn Tiểu Thiên hiệp lại cùng một từng trời Tam-Thiền. Gọi là một Trung-Thiên Thế- Giới (1 T. TH. G. x 1000 = 1 T.   TH x 1000 = 1 Trung Thiên)
Một ngàn Trung-Thiên hiệp lại gồm một từng trời Tứ-Thiền, gọi là một Đại-Thiên Thế-Giới (1 T. TH. G x 1000 = 1 TH x 1000 = 1 TR. TH x 1000

= 1 Đại-Thiên)
Từ một Thái-dương-hệ hay một Tiểu Thế-giới phải ba lần nhơn ngàn chồng lên mới thành một Đại- Thiên Thế-Giới, tức là 1.000.000.000 Tiểu thế giới cùng 1.000.000 trời Nhị-Thiền, 1.000 Trời Tam- Thiền và một từng Trời Tứ-Thiền, nên cũng có chổ gọi Tam-Thiên Đại-Thiên Thế-Giới.

(4) -Trong toàn cõi Đại-Thiên có vô số loài hữu tình chúng sanh. Đại khái chia làm 6 : Trời, Người, A-Tu-La, Qủy, Súc sanh, và Địa ngục. Có chỗ thêm Tiên thành bảy loài. Có chỗ lược A-Tu- La thành năm loài gọi là " Ngũ-Thú".

(5) - TỲ-KHƯU có ba nghĩa : Khất-sĩ, Phá ác và Bố-ma.
Có ba trường hợp thành Tỳ-Kheo :
I – Người chứng Thánh quả vô-lậu gọi là pháp tánh Tỳ-kheo.
II- Được Phật hiện diện, gọi là Thiện-Lai Tỳ-kheo, thời thành Tỳ-kheo.
III-Chư Tăng hòa hợp đúng pháp bạch tứ yết- ma trao giới Tỳ-kheo, đây gọi là Tác-pháp Tỳ-kheo.

(6) - TỨ VÔ-LƯỢNG-TÂM : Từ, Bi, Hỉ, Xả. Vận dụng bốn tâm trên đây bủa khắp vô- lượng chúng sanh trong vô lượng thế giới, nên gọi là bốn tâm vô lượng.

(7)- Nói đủ là Bồ-Đề-Tát-Đỏa có nghĩa là Hữu-tình đã giác ngộ và giác ngộ các hữu tình khác. Bắt đầu từ khi mới phát tâm bồ đề vô thượng : " nguyện thành Phật độ muôn loài ", tu lục độ vạn hạnh, phá hai chướng, chứng pháp thân. Tất cả có 57 bực Bồ-Tát : những bực Thập Địa đã chứng Pháp thân gọi là Đại-Bồ-Tát (Bồ-Tát Ma-Ha-Tát)

(8)- TAM BẢO : Ba ngôi báu quý nhứt ở thế gian : Phật Bảo, Pháp Bảo, Tăng Bảo.

(9)- Ưu-Bà-Tắc ; Cận-sự-nam. ƯU-BÀ-DI : Cận-sự-nữ. Hai phái tại gia thường gần gũi hộ trì Tam-Bão. Bắt đầu qui-y Tam-Bảo thời được danh hiệu nầy.

(10)-NGŨ-GIỚI : năm điều giới của hàng tại gia : không được sát sanh, không được trộm cắp, không được tà dâm, không được vọng ngữ, không được uống rượu say.

(11)- TRÀ-TỲ : Lễ thiêu thi hài lấy tro để thờ.

12)- THẤT-BẢO : vàng, bạc, lưu ly, ngọc xà cừ, ngọc mã não, ngọc san hô, ngọc hổ phách, trân châu

(13)- A-TĂNG-KỲ : vô số HẰNG-HÀ-SA : Sông Hằng (Gange).là con sông to, nguồn từ Hy-Mã- Lạp-Sơn (Himalaya) chảy qua trung châu Ấn-Độ đổ ra Ấn-Độ-Dương. Bờ sông và đáy sông này có nhiều cát mịn. Khi thuyết pháp, Phật thường dùng số hột cát của sông Hằng để thay một số lớn.

VI-TRẦN : Bụi nhỏ. Số nhiều như bụi nhỏ không thể tính đếùm đươc. THẾ-GIỚI : Mỗi thế-giới là cả một Đại-Thiên, phạm vi giáo hóa của một Đức Phật.

(14)-TÒA SƯ-TỬ : Chỗ ngồi chạm hình sư tử tiêu biểu oai đức tự tại đối vớiđại chúng, như sư tử oai khiếp quần thú.

(15)-DIÊM-PHÙ-ĐỀ cũng gọi là Nam Thiệm-Bộ-Châu, tức là quả địa cầu nầy.

(16) A-Di-PHẬT, Phạm-âm, Tàu dịch là Vô-Lượng-Thọ-Phật, hoặc Vô-Lượng-Quang-Phật, giáo chủ cõi Cực-Lạc, cũng gọi cõi An-Lạc cõi An-Dưỡng. Cõi nầy cách cõi Ta-Bà đây mười muôn ức cõi về phương Tây.

II

PHẨM THUẦN ĐÀ THỨ HAI

(Hán bộ phần đầu quyển thứ hai)

Bấy giờ trong đại hội có vị ưu-bà-tắc, con nhà thợ thuyền trong thành Câu-Thi-Na, tên là Thuần- Đà cùng với mười lăm bạn đồng nghiệp, vì muốn đem qủa lành đến cho người đời nên đến trước Phật, quỳ gối chắp tay cúi lạy chơn Phật, buồn khóc rơi lệ, bạch rằng : “ Ngửa mong đức Thế- Tôn và Tỳ-Kheo-Tăng thương xót nhận phần cúng dường cuối cùng của chúng con, cho vô-lượng chúng sanh được độ.

Bạch Thế-tôn ! Chúng con từ nay nghèo cùng đói khổ không ai cứu giúp, không nơi nương nhờ, muốn xin phước lộc tương lai ở Đức thế-Tôn (17). Cúi xin xót thương nhận chút lễ mọn rồi sẽ nhập Niết-bàn. Bạch Thế-Tôn ! Ví như có người nghèo cùng đến xứ xa lạ ra sức làm ruộng, đặng trâu cày

giỏi, ruộng đất tốt màu, bằng phẳng sạch cỏ, chỉ còn chờ trời mưa.Trâu giỏi dụ cho bảy nghiệp của thân và miệng, ruộng tốt bằng phẳng dụ cho trí huệ, sạch cỏ dụ cho trừ sạch phiền não. Bạch Thế-tôn ! Nay đây con đã có trâu giỏi ruộng tốt sạch cỏ, chỉ còn trông chờ trận mưa pháp cam-lồ của Như-Lai. Người nghèo kia chính là con đây,nghèo nơi của báu pháp-bảo vô-thượng. ngửa mong xót thương dứt trừ sự nghèo cùng khốn khổ của chúng con và cả vô-lượng chúng-sanh. Cúng phẩm của con dầu kém mọn, cũng mong đức Như-Lai và chư Tăng dùng được đủ. ngày nay con không nơi nương nhờ, không ai nưng đỡ, xin đức Thế-tôn rủ lòng thương xót coi con như La-Hầu-La (18).

Đức Thế-Tôn, bực nhứt-thiết chủng- trí vô- thượng điều-ngự, bảo Thuần-Đà rằng Lành thay !Lành thay ! Hôm nay Như-Lai trừ sự nghèo cùng cho ông, mưa pháp vô-thượng xuống cho ruộng thân tâm ông mọc mầm pháp. Ông muốn cầu thọ-mạng, sắc, lực, an-lạc vô ngại, biện-tài nơi Như-Lai. Như-Lai sẽ ban cho ông các thứ ấy. “ Thuần-Đà ! Thí- thực có hai, đồng một quả báo; một là thọ xong liền chứng vô- thượng chánh-đẳng chánh-gíac, hai là thọ xong liền nhập Niết-Bàn. Hôm nay Như-Lai nhận phần cúng dường cuối cùng của ông, cho ông đầy đủ bố-thí ba-la-mật” 19).

Thuần-Đà liền bạch Phật rằng ;” Như Đức Thế-Tôn vừa dạy rằng hai lúc cúng-thí quả-báo đồng nhau, theo ý con nghĩ, e rằng không đúng ngĩa. Vì vị thọ-thí trước là bực chưa sạch phiền não, chưa chứng nhứt-thiết-chủng-trí (20) cũng chưa có thể làm cho chúng sanh đầy đủ bố-thí ba-la-mật. Còn vị thọ thí sau là bực nhứt-thiết chủng-trí, đã sạch phiền-não, có thể làm cho khắp chúng sanh đầy đủ bố-thí-ba-la-mật.

Vị thọ-thí trước còn là chúng sanh, vị thọ-thí sau là bực trời trong các trời. Vị thọ-thí trước là thân tạp-thực, thân phiền-não, thân vô-thường cuối cùng; vị thọ-thí sau là thân kim-cang không phiền- não, là pháp-thân chơn-thường vô cùng. Sao lại cho rằng hai sự cúng-thí quả báo đồng nhau ?

Vị thọ thí trước chưa được đầy đủ đàn-ba-la-mật nhẫn đến bát-nhã ba-la-mật, chỉ có nhục nhãn chưa có huệ nhãn nhẫn đến Phật-nhãn (21). Vị thọ thí sau đã được đầy đủ cả sáu ba-la-mật nhẫn đến Phật-nhãn. Sao lại cho rằng hai sự cúng-thí được quả-báo đồng nhau ?

Bạch đức Thế-Tôn ! Vị thọ-thí trước, thọ xong ăn nuốt vào bụng tiêu hóa đặng sống còn, đặng sức khỏe, xinh đẹp, an vui, vô-ngại-biện. Vị thọ thí sau chẳng ăn chẳng tiêu, không năm sự quả. Sao lại cho rằng hai sự cúng thí được quả báo đồng nhau ?"

Đức Phật phán ;" Thuần-Đà ! Như-lai đã từ vô-lượng vô-biên vô số kiếp (22) không có những thân ăn uống, thân phiền não, thân sau cùng, mà là thân chân-thường, thân kim- cang, là pháp- thân.

Thuần-Đà ! Người chưa thấy Phật- tánh gọi là thân tạp-thực, phiền mão, cuối cùng. Lúc đó Bồ- tát thọ đồ ăn uống rồi nhập kim-cang tam-muội, đồ ăn tiêu hóa xong liền thấy Phật-tánh, chứng vô- thượng chánh đẳng chánh giác. Vì lẽ ấy nên Như-Lai nói hai sự cúng-thí được quả báo đồng nhau.

Lúc thành đạo, Bồ-tát phá hoại bốn ma (23), nay nhập Niết-bàn cũng phá hoạI bốn ma , nên Như-Lai nói hai quả-báo không sai khác.

Lúc trước dẫu Bồ-tát chẳng rộng giảng-diễn mười hai bộ kinh nhưng đã thông đạt rồi, nay nhập Niết- bàn rộng vì chúng sanh phân biệt giảng dạy. Vì thế nên Như-Lai nói hai quả báo đồng nhau.

Thuần-Đà ! Thân của Như-Lai đã từ vô-lượng vô số kiếp chẳng thọ sự ăn uống. Vì hàng Thanh-Văn mà nói rằng trước thọ cháo sửa của hai nàng chăn bò là Nan-Đà và Nan- Đà Ba- La, rồi sau mới chứng quả vô- thượng chánh-giác, nhưng chính thiệt Như-Lai không ăn. Hôm nay vì đại-chúng trong hội nầy, mà Như-Lai nhận sự cúng dường cuối cùng của ông dưng. thiệt ra Như-Lai không ăn".

Đại-chúng nghe đức Thế-Tôn khắp vì đại-hội mà nhận sự cúng dường cuối cùng của Thuần-Đà, đều vui mừng hớn hở. Đồng rập tiếng khen rằng : Lành thay ! Lành thay ! Hi hữu thay cho Thuần- Đà ! Thiệt ông không uổng tên là Thuần-Đà. Vì hai chữ Thuần-Đà là "hiểu diệu-nghĩa". Ông nay kiến lập diệu-nghĩa như thế, cứ nghĩa đặt tên gọi là Thuần-Đà. Hiện đời đây ông được đầy đu ûcả danh tiếng, tài lợi, đức hạnh, chí nguyện. Rất lạ cho ông

Thuần-Đà ! Sanh trong loài người lại được quả lành vô- thượng rất khó đươc. Lành thay cho Thuần-Đà ! Trong đời khó có người thứ hai. khác nào hoa Ưu-Đàm. Đức Phật ra đời là rất khó. Gặp Phật sanh lòng tin, được nghe chánh pháp, lại là rất khó. Đức Phật sắp nhập Niết-Bàn, thỉnh được đức Phật nhận phần cúng dường cuối cùng lại càng khó hơn.

Nam-mô Thuần-Đà ! Nam-mô Thuần-Đàø ! Nay ông đã đầy đủ bố-thí ba-la-mật. Đại chúng liền nói kệ rằng :

Ông dầu sanh nhơn đạo
Đã siêu trời thứ sáu
Tôi cùng tất cả chúng
Nay xin yêu cầu ông :
Đấng tối-thắng trong người
Nay sẽ nhập Niết-bàn,
Ông nên thương chúng tôi
Xin kíp thỉnh đức Phật
Ở lâu lại thế gian
Diễn thuyết pháp vô-thượng
Mà bực trí tán thán
Hầu lợi ích chúng sanh.
Nếu ông không thỉnh Phật
Mạng tôi ắt khó toàn
Ông nên vì chúng tôi
Đãnh lễ đức Điều-Ngự.

Thuần-Đà vui mừng hớn hở như người có cha mẹ vừa chết bỗng sống lại.
Ông đãng lễ Phật mà nói kệ rằng :

Vui thay được lợi mình !
Khéo thọ nơi thân người
Dẹp trừ tham sân si
Thoát hẳn ba ác đạo (24)
Thích thay được lợi mình !
Được gặp kho vàng báu
Gặp gỡ đức Điều-Ngự
Chẳng sợ đọa súc sanh
Phật như hoa Ưu-Đàm (25)
Khó gặp gỡ tin kính
Gặp rồi trồng căn lành

Dứt hẳn khổ ngạ-quỷ,
Lại cũng hay tổn giãm
Chủng loại A-Tu-La.
Hột cải ghim đầu kim (26)
Phật ra đời khó hơn,
Tôi đã đủ đàn độ (27)
Độ thiên nhơn sanh tử.
Phật chẳng nhiễm việc đời
Như hoa sen ở nước
Khéo dứt giống tam-giới (28)
Thoát hẳn giòng sanh tử,
Sanh làm người là khó
Gặp đời Phật cũng khó
Dường như trong biển lớn
Rùa mù gặp bọng cây.
Nay tôi dưng thực phẩm
Nguyện đặng báo vô thượng
Xô phá phiền –não kiết
Tất cả không bền chắc.
Nay tôi ở nơi đây
Chẳng cầu thân nhơn thiên
Dầu có được thân ấy
Cũng không lòng ham thích
Được Phật nhận cúng phẩm
Con vui sướng không lường
Khác nào bông Y-Lan (29)
Ngát mùi hương chiên đàn.
Thân tôi như Y-Lan
Thế-Tôn nhận cúng phẩm
Như ngát hương chiên đàn
Vì thế tôi vui mừng.
Tôi nay được hiện báu
Chỗ tối-thắng thượng-diệu
Đế-Thích cùng Phạm-Thiên (30)
Đều đến cúng dường tôi,
Tất cả các thế gian
Đều sanh lòng buồn khổ
Vì biết Phật Thế-tôn
Muốn nhập đại-niết-bàn
Đồng cất tiếng xướng to :

Đời sẽ không Điều-Ngự
Chẳng nên bỏ chúng sanh
Phải xem như con một
Phật ở giữa chư tăng
Diễn thuyết pháp vô thượng
Như núi báu Tu-di
Cao vọi giữa biển cả.
Trí Phật vay khéo dứt
Tối vô-minh của tôi
Dường như giữa hư không
Mây nổi đặng mát mẻ
Như –Lai khéo dứt trừ
Tất cả các phiền não(31)
Như mặt trời mọc lên
Tan mây sáng khắp soi
Các loài chúng sanh đây
Khóc than sưng cả mắt
Đều bị dòng sanh tử
Đẩy trôi rất khốn khổ.
Đức Thế-Tôn cần phải
Thêm căn lành chúng sanh
Vì dứt khổ sanh tử
Ở nán lại thế gian.

Phật bảo Thuần-Đà:” Đúng như lời ngươi nói. Phật ra đời là khó như hoa Ưu-đàm. Gặp Phật sanh lòng tin lại khó hơn. Phật sắp nhập Niết-Bàn, dược cúng dường lần cuối cùng đầy đủ bố-thí ba-la-mật, lại là việc rất khó gấp bội.

Nay ông chớ buồn khổ, nên phải vui mừng vì đã được dịp cúng dường Như-Lai lần cuối cùng, do đây thành-tựu bố-thí ba-la-mật. Ông chẳng nên thỉnh Phật ở lại nơi đời, mà phải quan sát cảnh giới của chư Phật thảy đều vô-thường, tánh và tướng của các hành-pháp cũng như vậy”.

Đức Phật liền vì Thuần-Đà mà nói kệ rằng :

Tất cả các thế gian
Có sanh đều có tử,
Dầu thọ-mạng vô-lượng
Tất có kỳ phải hết.

Có thạnh tất có suy,
Sum hiệp có biệt ly,
Tuổi trẻ chẳng dừng lâu
Khỏe mạnh bị bịnh xâm,
Sự chết nuốt mạng người
Không có gì thường còn.
Bực vua chúa tự-tại
Thế-lực không ai bằng
Tất cả đều dời đổi
Mạng sống cũng như vậy.
Sự khổ xoay không ngằn
Lưu-chuyển không thôi dừng
Ba cõi đều vô thường
Mọi loài không có vui.
Tánh tướng của pháp có
Tất cả đều trống không,
Pháp sanh diệt lưu-chuyển
Luôn có những lo khổ,
Sợ sệt, các lỗi ác,
Già, bịnh, chết, buồn rầu.
Những khổ ấy không ngằn
Hư rã nhiều tai hại,
Phiền não bao gói kín
Khác nào tầm ở kén,
Là người có trí huệ
Đâu nên thích chốn nầy.
Các khổ nhóm nơi thân
Tất cả đều nhơ nhớp,
Tai nạn, ghẻ nhọt thảy
Cội gốc của khổ đau,
Dầu là thân chư-Thiên
Đều cũng giống như vậy.
Dục ái đều vô-thường
Nên Phật chẳng tham ưa,
Ly dục khéo tư duy
Đặng chứng quả chơn thiệt
Rốt ráo dứt sanh tử
Nay sẽ vào Niết-bàn.
Phật đãvượt bờ kia
Đã thoát hẳn các khổ

Vì thế nên hiện nay
Thuần hưởng những diệu-lạc,
Do các nhơn duyên ấy
Chứng quả vị chơn thiệt
Dứt hẳn những triền phược
Hôm nay vào Niết-bàn.
Phật không già, bịnh, chết,
Thọ mạng vô cùng tận,
Phật nay vào Niết-bàn
Như ngọn lửa lớn tắt.
Thuần-Đà ! Ông chẳng nên
Suy lường nghĩa Như-Lai,
Nên xét tánh Như-Lai
Dường như núi Tu Di.
Phật nay vào Niết-bàn
Thọ-trì bệ nhứt lạc,
Pháp chư Phật như vậy
Các ông chớ nên khóc.

Thuần-Đà bạch Phật rằng : Bạch đức Thế-Tôn ! Đúng như lời Phật dạy. Trí huệ của con kém nhỏ như muỗi mòng, đâu có thể nghĩ bàn được nghĩa Niết-bàn sâu kín của Như-Lai.

Bạch Thế-Tôn ! Ví như người tuổi thơ ấu mới xuất gia, dầu chưa thọ giới cụ-túc, mà đã được dự vào số chúng tăng. Con nay cũng vậy, nhờ thần lực của Phật và BồTát, mà con được dự vào số đại Bồ-Tát, đã được cùng hàng với các bực Đại-Long-Tượng (32) dứt phiền não, như ngài Văn-Thù Sư-Lợi Pháp-Vương –Tử v.v…

Thế nên hôm nay con muốn đức Như-Lai thường ở nơi đời mà chẳng vào Niết-bàn .

Văn-Thù Sư-Lợi Pháp-Vương-Tử (33) bảo Thuần-Đà rằng : Ông chẳng nên nói rằng muốn đức Như-Lai thường ơ nơi đời mà chẳng vào Niết-bàn. Ông phải quán-sát tánh tướng của hành pháp, quán sát như thế đặng "không" tam-muội. Muốn cầu chánh pháp nên học pháp quán-sát như vậy.

Thuần-Đà nói ;” Thưa ngài Văn-Thù Sư-Lợi ! Đức Như-Lai là bực cao cả nhứt trong người trên trời. Đức Như-Lai như thế há lại là hành pháp sao ? (34) Nếu là hành- pháp thời là pháp sanh diệt. Ví như bóng nước chóng nổi chóng tan, qua lại xoay vần như bánh xe lăn, các hành- pháp cũng thế. Tôi nghe chư Thiên sống rất lâu, tại sao đức Thế-Tôn là bực trời trong các trời mà lại sống chẳng đầy trăm tuổi.

Cách hành-pháp là pháp sanh tử, nếu đức Như-Lai nhập diệt thời đồng với hành-pháp, đâu được gọi là bực trời trong các trời, là pháp vương tự- tại. Vì thế chẳng nên xem đức Như-Lai đồng với hành-pháp.

Đức Như-Lai hàng phục phiền- não ma, ngũ-ấm ma, thiên-ma, tử ma do nhơn duyên ấy mà thành-tựu đầy đủ vô-lượng công-đức chơn thiệt, nên hiệu là Như-Lai Ứng-Cúng Chánh-Biến- Tri, hiệu là Tam-Giới-Tôn.

Thưa ngài Văn-Thù Sư-Lợi : Chẳng nên ức-tưởng phân biệt mà đem pháp Như-Lai cho đồng với các hành pháp. Ví như phú ông sanh con trai, nhà tướng số xem trẻ ấy có tướng đoản mạng. Phú ông biết rằng trẻ ấy không thể nối lấy gia nghiệp, nên chẳng ái trọng. Vả kẻ đoản thọ thời chẳng được mọi người kính trọng. Nếu đức Như-Lai đồng với các hành-pháp, ắt chẳng được sa-môn bà-la-môn tất cả trời người kính thờ, mà pháp chơn thiệt bất biến bất dị của Như-Lai dạy ra cũng không ai tín thọ. Vì lẽ ấy, ngài chẳng nên nói rằng Như-Lai đồng với các hành-pháp.

Thưa ngài Văn-Thù Sư-Lợi ! Như bần-nữ đang có mang mà lại đói khát không nhà cửa, đẻ nhờ dưới mái nhà kia, chủ nhà xua đuổi, bần nữ bồng con muốn đến xứ khác để mưu sinh. Dọc đường phải lội qua con sông, ra giữa dòng bị nước chảy, xoáy mạnh, không nỡ buông con nên mẹ con đồng bị chết đuối. Vì tấm lòng từ ái ấy, bần nữ được sanh lên cõi phạm- thiên.

Nếu có thiện-nam-tử muốn hộ trì chánh-pháp, chớ nói Như-Lai đồng với các hành-pháp hay chẳng đồng với các hành-pháp. Chỉ nên tự trách mình ngu si không có huệ- nhãn, chánh-pháp của Như-Lai không thể nghĩ bàn, không nên tuyên nói Như-Lai quyết định là hữu-vi, hay vô-vi. Nếu là người chánh-

kiến nên nói Như-Lai quyết định là vô- vi. Vì sao thế ? Vì nói Như- Lai là vô-vi thời có thể sanh pháp lành cho chúng sanh.

Thiện-nam-tử hộ-trì chánh-pháp thà chết chớ chẳng nói Như-Lai đồng với pháp hữu-vi, mà chỉ nên nói Như-Lai đồng với pháp vô-vi. Nhơn vì hộ- trì chánh-pháp nói Như-Lai đồng với pháp vô-vi mà đặng quả vô-thượng chánh-giác. Như bần-nữ thà chết đuối giữa dòng chớ không chịu buông con, nhơn đó mà được sanh lên cõi phạm-thiên. Thiện nam-tử này chẳng cầu giải thoát mà giải thoát tự đến. Khác nào bần nữ kia chẳng cầu sanh phạm-thiên mà quả phạm- thiên tự đến.

Thưa ngài Văn-Thù Sư-Lợi ! Như người đi xa giữa đường mỏi mệt, nghỉ nhờ nhà người. Giữa lúc ngũ, nhà ấy bổng bốc lửa to. Người ấy choàng dậy biết chắc phải chết, lòng hổ thẹn sọ thân thể lõa lồ bèn lấy y áo vấn thân mà chết, liền được sanh lên cõi trời Đạo-Lợi. sau đó tám mươi đời làm Đại-Phạm-Vương, trăm ngàn đời làm Chuyển- Luân- vương, người ấy mãi hưởng phước lành như vậy, hẳn không bị đọa vào ác đạo. Vì duyên cớ ấy, nếu là người có tâm tàm-quý chẳng nên xem Như-Lai đồng với các hành-pháp.

Bọn ngoại đạo tà-kiến mới được nói Như-Lai đồng với pháp hữu-vi.

Là Tỳ-Kheo trì-giới đâu nên có quan niệm rằng Như-Lai là pháp hữu-vi.

Nếu nói Như-lai là pháp hữu-vi, đó chính là vọng-ngữ. Phải biết người nầy sẽ đọa địa ngục.

Thưa ngài Văn-Thù Sư-Lợi ! Như-Lai chơn thiệt, chính là pháp vô-vi, chẳng nên lại nói là hữu-vi. Từ nay ở trong đường sanh tử, ngài nên bỏ vô-trí mà cầu nơi chính-trí. Phải biết Như-Lai chính là vô-vi. Được chánh- quán như thế, sẽ đầy đủ ba mươi hai tướng, chóng thành tựu quả vô-thượng bồ-đề.”

Văn-Thù Sư-Lợi Bồ-Tát khen Thuần-Đà rằng :”Lành thay ! Lành thay ! Nay ông đã tạo nhơn duyên trường thọ, ông biết được Như-Lai là pháp thường-trụ, là pháp chẳng biến-dị, là pháp vô-vi. Nay ông khéo che đậy tướng hữu-

vi của Như-Lai, sau nầy ông sẽ đặng đầy đủ ba mươi hai tướng, tám mươi tùy hình, mười tám pháp bất cộng, thọ mạng vô-lượng, luôn được an vui, không còn sanh tử sẽ thành bực Ứng-Cúng Chánh-Biến-Tri. Như người lữ khách bị lửa thiêu mà có lòng hổ thẹn lấy y áo vấn thân, nhờ tâm lành ấy nên được sanh lên cõi Đao-Lợi, lại nhiều đời làm Phạm-Vương, Chuyển- Luân-Vương, luôn được an vui chẳng sa ác đạo.

Tôi cùng ông cũng đều nên che đậy tướng hữu-vi của Như-Lai. Lát nữa đức Thế-Tôn sẽ giảng rộng về ý nghĩa ấy.

Nên để hữu-vi vô-vi lại đó. Ông nên kíp lo cúng-dường cơm nước cho kịp giờ, và cũng nên sắm sữa đồ cần thiết cho hàng tứ-chúng từ xa hội về đang mõi mệt. Cúng đường như thế chính là đầy đủ chủng-tử căn-bổn của đàn-ba-la-mật.

Thuần-Đà ! Nếu cúng dường đức Phật và chư Tăng lần cuối cùng, hoặc nhiều hay ít, đủ hay thiếu đều phải sớm lo cho kịp giờ. Đức Như-Lai sẽ nhập Niết-bàn".

Thuần-Đà nói : " Thưa ngài Văn-Thù Sư-Lợi ! Sao ngài lại tham chút uống ăn mànói hoặc ít hoặc nhiều, đủ hay chẳng đủ, rồi bảo tôi lo cho kịp giờ ? Xưa kia đức Như-Lai khổ hạnh trọn sáu năm còn chịu nổi, huống là giây lát hôm nay. Ngài thiệt cho rằng đức Như-Lai chánh giác thọ đồ uống ăn nầy ư ? Tôi thời biết quyết định thân Như-Lai chính là pháp-thân, không phải thực-thân.

Phật bảo Văn-thù Sư-Lợi :' Thật đúng như lời của Thuần-đà ! Lành thay Thuần-Đà ! Ông đã thành-tựu đại trí-huệ, khéo thâm nhập kinh- điển đại-thừa".

Văn-Thù Sư-Lợi nói với Thuần-Đà : " Ông cho rằng Như-Lai là vô-vi, thân Như-Lai là trường-thọ, hiểu biết như vậy đức Phật rất hài lòng".

Thuần-Đà nói :" Đức Như-Lai chẳng riêng gì hài lòng nơi tôi, mà cũng hài lòng với tất cả chúng sanh".

Văn-Thù Sư-Lợi nói :" Đức Như-Lai đối với ông, với tôi, với tất cả chúng sanh, đều hài lòng".

Thuần-Đà nói :' Ngài chẳng nên nói đức Như-Lai hài lòng. Luận về hài lòng, chính là đảo-tưởng. Phàm có đảo-tưởng thời là sanh tử, có sanh tử thời là pháp hữu-vi. Vì lẽ ấy ngài chẳng nên cho Như- Lai là hữu-vi. Nếu nói Như-Lai là hữu-vi thời ngài cùng tôi đều điên-đảo cả.

Thưa ngài Văn-Thù Sư-Lợi ! Đức Như-Lai không có ái- niệm. Luận về ái-niệm , như trâu mẹ kia ái-niệm con của nó, dầu là đói khát đi tìm cỏ nước, hoặc no hay chưa no, bỗng nhiên nhớ con liền trở về. Chư Phật Thế-Tôn không có ái-niệm như vậy, bình đẳng xem tất cả chúng sanh như La-Hầu-La. Từ-niệm bình đẳng như vậy chính là cảnh-giới trí-huệ của chư Phật.

Thưa ngài Văn-thù Sư-Lợi ! Ví nnư quốc vương ngự trên xe tứ mã, có người muốn cho xe bò theo kịp xe vua, tất không thể được. Ngài cùng tôi muốn cùng tận chỗ vi-mật thâm-áo của Như-Lai cũng không thể được.

Ví như Kim-Sí-Điểu (35) bay vọt trên cao vô lượng do-tuần, nhìn xuống biển cả thấy rõ những loài thủy tộc cùng loài rồng và bóng của nó. Kẻ phàm tục trí kém, không thể suy lường chỗ thấy của Kim-Sí-Điểu. Cũng thế, ngài cùng tôi không thể suy lường được trí huệ của Như-Lai".

Văn-Thù Sư-Lợi Bồ-tát bảo Thuần-Đà rằng : " Đúng như lời ông vừa nói. Đối với những việc ấy không phải là tôi không hiểu. Chẳng qua vì muốn đem việc của Bồ-Tát thử ông đó thôi".

Bấy giờ đức Thế-tôn từ trên mặt phóng ra nhiều tia sáng chiếu thân ngài Văn-Thù. Ngài Văn- Thù liền bảo Thuần-Đà rằng :" Nay đây đức Nnhư-Lai hiện thoại-tướng từ trên mặt phóng ra nhiều tia sáng như thế chẳng phải là không duyên cớ, đó

là điềm đức Phật sắp nhập Niết-bàn. Ông phải sớm lo dưng lễ cúng dường lên đức Phật và chư Tăng cho kịp giờ."

Đức Phật bảo Thuần-Đà :" Đã phải giờ cho ông dưng thực phẩm cúng dường Phật và đại- chúng. Như-Lai sẽ nhập Niết-bàn."

Đức Phật bảo luôn ba lần như vậy.

Thuần-Đà nghe đức Phật dạy như vậy, bất giác nghẹn ngào khóc than nức nở:

" Khổ thay ! Khổ thay ! Thế gian sẽ trống rỗng." Rồi ông lại thưa cùng đại-hội :

" Hôm nay chúng ta phải đồng tha-thiết đảnh lễ cầu đức Phật đừng nhập Niết-bàn."

Đức Thế-Tôn lại bảo Thuần-Đà :"Ông chớ nên khóc than tiều-tụy như vậy. Ông phải quán sát thân nầy như cây chuối, như ánh nắng, như bọt nước, như huyễn-hóa, như thành Càn-thát-bà, như đồ gốm chưa hầm, như làn chớp, như hình vẽ trên nước, Như tù sắp hành hình, như trái muồi, như cục thịt, như bức dệt đã hết khổ, như chày giã lên xuống. Phải quán sát các hành-pháp như món ăn lẫn chất độc, pháp hữu-vi nhiều tai hại."

Thuần-Đà bạch Phật :" Đức Thế-Tôn chẳng muốn ở lại đời làm sao con không buồn khóc cho được. Khổ thay ! Khổ thay ! Thế-gian sẽ trống rỗng. Ngữa mong Đức Thế-Tôn thương xót chúng con và chúng sanh mà ở luôn nơi đời, chẳng nhập Niết-bàn".

Phật bảo Thuần-Đà : Ông chẳng nên nói rằng thương xót các ông mà ở luôn nơi Đời. Chính vì thương xót ông và các chúng sanh mà hôm nay Phật mới muốn nhập Niết-bàn. Vì sao thế ? Chư Phật pháp-nhĩ như vậy. Pháp hữu-vi cũng thế. Nên chư Phật nói kệ rằng :

Các pháp hữu-vi

Tánh nó vô thường

Sanh rồi chẳng trụ

Tịch-diệt là vui.

Thuần-Đà ! Ông nên quán-sát các hành pháp là tạp độc. Các pháp hữu-vi là vô-ngã vô-thường chẳng trụ. Tấm thân nầy có rất nhiều tai hại như bóng nước. Vì lẽ ấy ông chớ nên khóc lóc".

Thuần-Đà bạch Phật :" Thật đúng như lời Thế-Tôn dạy. Mặc dầu con vốn biết đức Như-Lai phương tiện thị-hiện nhập Niết-bàn, nhưng con không làm sao ngăn sự buồn thảm được. Giờ đây tự suy xét, con lại sanh lòng vui mừng."

Phật khen Thuần-Đa :" Lành thay ! Lành thay ! Ông có thể rõ biết Như-Lai thị-hiện đồng với chúng sanh mà phương tiện nhập Niết-bàn.

Thuần-Đà ! Ông nên nghe đây : Như mùa xuân chim ta-la-tà đều nhóm nơi ao A-Dậu-Đạt. Chư Phật cũng thế đều đến chỗ ấy. Ông chẳng nên suy nghĩ chư Phật là trường thọ hay đoản thọ. Tất cả các pháp đều nnhư tướng huyễn-thuật. Như-Lai ở trong ấy do sức phương tiện không có nhiễm trước. Vì sao thế ? Vì chư Phật pháp-nhĩ như vậy.

Thuần-Đà ! Nay Như-Lai nhận phần cúng dường của ông là vì muốn cho ông thoát khỏi các dòng sanh tử trong ba cõi. Hàng nhơn-thiên ở nơi sự cúng dường cuối cùng đối với Như-Lai đây, đều sẽ được quả-báo bất động, luôn được an vui. Vì sao thế ? Vì Như-Lai là phước điền tốt của chúng sanh. Nếu ông muốn vì chúng sanh mà làm phước-điền, thời phải kíp sắm sửa cúng phẩm, chẳng nên để trể".

Bấy giờ Thuần-Đà vì các chúng sanh được độ thoát nên cúi đầu lau lệ mà bạch Phật :" Lành thay đức Thế-Tôn ! Nếu lúc con kham có thể làm phước-điền, thời có thể biết rõ Như-Lai là nhập Niết- bàn hay chẳng phải nhập Niết-bàn. Nay trí huệ của chúng con cùng Thanh-Văn Duyên-Giác nhỏ kém như kiến muỗi, thiệt không thể suy lường Như-Lai nhập Niết-bàn hay chẳng phải nhập Niết-bàn".

Bạch xong, Thuần-Đà cùng quyến thuộc buồn rầu khóc lóc, thiêu hương rải

hoa, hết lòng cung kính, rồi liền cùng ngài Văn-Thù Sư-Lợi Bồ-Tát đi lo sắm sửa thực phẩm.

THÍCH NGHĨA

(17) THẾ TÔN : Đấng tôn quý nhứt trong tất cả thế gian và xuất thế gian. Từ ngữ này gồm đủ mười điều vô-thượng : 1 – Như-Lai, 2 – Ứng-Cúng. 3- Chánh-Biến-Tri. 4- Minh-Hạnh-Túc. 5- Thiện- Thệ. 6- Thế-Gian-Giải. 7- Vô-Thượng-Sĩ. 8- Điều-Ngự-Trượng-Phu. 9- Thiên-Nhơn-Sư. 10- Phật.
(18) LA-HẦU-LA : Con trai của Thái-Tử Sĩ-Đạt-Ta và Da-Du-Đà-La
(19) BỐ-THÍ-BA-LA-MẬT : Công hạnh bố thí đã đến từng ngã và pháp đều không, đã rốt ráo viên mãn. Biệt-Giáo bực sơ địa viên giáo bực sơ trụ mới thành tựu hạnh nầy.

(20) TRÍ-HUỆ CHỨNG-NGÃ-KHÔNG gọi là "Nhứt-thiết-trí" Hàng nhị thừa có trí nầy. Trí-huệ chứng ngã-không và phần chứng pháp không gọi là "Đạo-chủng-trí". Pháp thân Bồ-Tát có trí nầy. Trí huệ chứng ngã-không và toàn chứng pháp-không gọi là "Nhứt-thiết-chủng-trí" Chỉ bực Phật mới có trí nầy. Trí huệ nầy gồm có bốn trí : 1- Thành-sở-tác-trí. 2- Diệu quán-sát-trí. 3- Bình-đẳng tánh-trí. 4- Đại-viên cảnh-trí.
(21) NGŨ NHÃN : 1- Nhục nhãn. 2- Thiên nhãn. 3- Huệ nhãn. 4 Pháp nhãn. 5- Phật nhãn. Phàm phu chỉ có nhục nhãn, riêng chư Thiên và chư ngũ thông tiên-nhơn gồm có thiên nhãn. A-La-Hán và Bích-Chi-Phật có nhục nhãn, thiên nhãn và huệ nhãn. Pháp thân Bồ-Tát có ba nhãn trên và pháp nhãn Đức Phật có đủ 5 nhãn.
(22) KIẾP-BA : là thời gian dài. Có tiểu, trung va đại ba kiếp. Một tiểu kiếp có 16798.000 năm (theo năm của nhơn loại địa cầu). Một trung kiếp có 20 tiểu kiếp. Và một đại kiếp có 4 trung kiếp hay 80 tiểu kiếp, tức là : (16798.000 năm x 80 = 1.343.840.000 năm) (một tỷ, ba trăm bốn mươi ba triệu, tám trăm bốn chục ngàn năm). Phàm trong kinh chỉ nói bao nhiêu kiếp, mà không nói trung hay tiểu, thời thường là nói đại kiếp.

(23) BỐN MA ; Ma phiền não, Ma ngũ-ấm, Ma chết, va Thiên ma. Nói đủ là Ma-La có nghĩa là hay phá hoại thiện căn của chúng sanh, của người tu hành.

BA ÁC ĐẠO : Súc sanh, ngạ quỹ và địa ngục. Ba loài nầy vì phạm tội thập ác nhẹ, vừa và nặng mà phải thọ lấy quả khổ ấy, nên gọi là ác đạo, đây là cứ nơi nghiệp nhơn ác mà đặt tên. Nếu theo quả khổ thời gọi là tam đồ : 1-

Huyết đồ, loài súc sanh thường ăn nuốt máu thịt lẫn nhau; 2- Đao đồ, loài ngạ quy thường dùng dao gậy đánh đập nhau; 3- Hỏa đồ- loài địa ngục thường bị lửa thui đốt, nấu rang.

ƯU-ĐÀM-BÁT-LA-HOA ; dịch là Linh-Thoại-Hoa. Tục truyền ba ngàn năm mới xuất hiện một lần , là điềm Thánh-Vương, hay Thánh-Nhơn xuất thế. Ném hột cải trúng dính vào đầu nhọn cây kim. "Đàn" là bố thí, "Độ" là ba-la-mật. Đàn-Độ" là bố-thí ba-la-mật.

TAM GIỚI : ba cõi : cõi dục, cõi sắc và cõi vô sắc.

BÔNG Y-LAN : là một thứ hoa có mùi rất hôi thúi.
(30) ĐẾ-THÍCH : nói đủ là Thiên Đế Thích-Đề-Hoàn-Nhơn, vua cõi trời Đao-Lợi.

PHẠM-THIÊN : Thiên Vương cõi sắc.

(31) PHIỀN NÃO : Phiền nhiễu, não loạn, tức là những tâm niệm xấu, cùng ý tưởng ác như : tham, sân, si, mạn, nghi, ác-kiến v.v… nó làm nhiễu loạn thân tâm người, đồng thời hay phá hoại thiện căn của người, nên cũng gọi kà phiền não ma.

(32) ĐẠI-LONG-TƯỢNG ; Rồng lớn và Voi lớn là loài to mạnh trong các muông thú. Dùng danh từ nầy là dụ cho các bậc siêu nhơn đại Bồ-Tát. Phật là Pháp-Vương, đại Bồ-Tát sẽ thành Phật, là con của đấng Pháp-Vương nên gọi là Pháp-Vương-Tử.

(34) HÀNH-PHÁP : Pháp di động chuyển biến.

(35) KIM-SÍ-ĐIỂU ; Chim cánh vàng, một loài chim to nhất hay dùng rồng làm món ăn.

III

PHẨM AI THÁN THỨ BA

(Hán bộ phần sau quyển thứ hai)

Ông Thuần-Đà ra đi không bao lâu, khắp cả đại-địa nhẫn đến trời phạm thiên bỗng chấn động sáu cách (36). Phàm địa động có hai : đại động và tiểu động. Có tiếng nhỏ, chỉ riêng nơi mặt đất chấn động, chỉ động một chiều, đây là tiểu địa động. Có tiếng lớn, cả đất liền cùng núi biển sông rạch cây cối đều động, động xoay nhiều chiều, lúc động có thể làm động cả tâm chúng sanh, đây là đại địa động. Đức Phật ra đời có những lần đại địa động : Từ cung trời Đâu-Suất giáng thần xuống nhơn gian, sơ sanh, xuất gia, thành đạo, chuyển pháp luân, và nhập Niết-bàn. Giờ đây Như-Lai sắp nhập Niết-bàn nên có điềm đại-địa-động như vậy.

Thiên-Long bát bộ (37) cả mình rởn ốc, đồng thanh buồn khóc mà nói kệ rằng :

Cúi đầu lạy Thế-Tôn
Chúng con đồng khuyến thỉnh,
Chúng con mà xa Phật
Thời không ai cứu hộ.
Đức Phật nhập Niết-bàn
Chúng con chìm biển khổ
Khác nào nghé mất mẹ
Sầu lo rất buồn khổ,
Nghèo cùng không ai giúp
Cũng như người bịnh ngặt
Không lương y săn sóc
Tự ý ăn uống lầm
Chúng sanh bịnh phiền não
Thường bị kiến-chấp hại
Xa lìa đấng y-vương (38)
Uống ăn thuốc tà độc
Ngửa mong Phật Thế-Tôn
Chớ bỏ rơi chúng con.
Ví như mặt trời mọc
Quang minh rất sáng chói
Đã có thể tự soi
Cũng từ tất cả tối,
Phật phóng thần thông quang
Trừ khổ não chúng sanh
Ở giữa các chúng hội

Ví như núi Tu-di (39)

Bạch Tjhế-Tôn ! Ví như quốc-vương sanh các vương tử diện mạo xinh đẹp, Vua rất yêu mến dạy cho rành nghề văn nghiệp võ rồi sai người đem giết.

Ngày nay chúng con là con của Phật, nhờ Phật dạy dổ có đủ chánh kiến, xin chớ bỏ con. Nếu bỏ chúng con thời chúng con khác nào các vương tử kia. Ngửa mong đức Phật ở luôn nơi đời, chớ nhập niết-bàn.

Bạch Thế-tôn ! Ví như có người học giỏi nơi các bộ luận rồi lại sanh lòng sợ đối với các bộ luận ấy, cũng thế, đức Như-Lai thông đạt các pháp mà lại sợ các pháp. Nếu được đức Như-Lai ở luôn nơi đời giảng pháp cam lồ cho chúng sanh được thấm nhuần đầy đủ, thời các chúng sanh đây chẳng còn lại sợ phải bị sa vào địa ngục.

Bạch Thế-tôn ! Ví như có người mới vừa học làm nghề, kế bị quan bắt giam vào ngục, có hỏi thăm hiện tại thế nào ? Người ấy tất đáp : Nay tôi rất buồn khổ. Nếu người ấy được thả, thời được an vui. Cũng thế, đức Thế-Tôn vì chúng con mà tu các khổ hạnh, hiện nay chúng con chưa được thoát khỏi sanh tử, thế sao đức Như-Lai đặng thọ hưởng an vui.

Bạch Thế-Tôn ! Ví như y vương hiểu rành các phương thuốc, đem phương bí truyền dạy riêng cho con mình, mà khôngh dạy cho các trò khác. Cũng thế, đức Như-Lai đem tạng pháp thậm thâm bí mật dạy riêng cho Văn-Thù Sư-Lợi, mà chẳng thương chẳng dạy cho chúng con. Như ông thầy thuốc kia vì lòng còn riêng tư thân sơ, nên sự dạy không bình đẳng rộng rãi, chỉ dạy riêng cho con mình môn bí-phương, mà không truyền cho các trò khác. Đức Như-Lai trọn không có lòng thân sơ tư vị, tại sao chẳng dạy dổ chúng con. Ngửa mong đức Phật ở lâu nơi đời, chớ nhập Niết-bàn.

Bạch đức Thế-Tôn ! Ví như những người già trẻ bịnh khổ đi nơi đường hiểm rất khốn khó gian lao, có bực dị nhơn thấy vậy xót thương bèn chỉ cho con đường tốt bằng thẳng. Chúng con cũng như vậy. Người trẻ dụ cho những kẻ chưa tăng trưởng pháp thân, người già dụ cho những kẻ nặng phiền não, bịnh khổ dụ cho sanh tử, đường hiểm nạn dụ cho tam giới. Cúi xin đức Như-Lai chỉ dẫn con đường chơn chánh giải thoát cho chúng con, ở lâu nơi đời, chớ nhập Niết-bàn.”

Đức Thế-Tôn bảo các Tỳ-kheo :” Các thầy đừng ưu sầu khóc kể như hàng trời người phàm phu kia.

Các thầy phải siêng năng tinh tấn giữ vững chánh niệm".

Nghe đức Phật phán như vậy, hàng trời người bát bộ liền nín khóc.

Đức Thế-Tôn vì đại chúng mà nói kệ rằng :

Đại chúng phải sáng suốt
Chẳng nên quá sầu khổ.
Chư Phật đều vậy cả
Vì thế nên im lặng,
Thích nơi hạnh tinh tấn
Gìn lòng giữ chánh niệm
Xa lìa các điều quấy
Hớn hở được an vui.

Lại nầy các thầy Tỳ-kheo ! Nếu có chỗ nào nghi ngờ đều phải bạch hỏi. Ở trong những pháp không,bất không, thừơng, vô thường, khổ, phi khổ, y, phi y, khứ, bất khứ, quy, phi quy, hằng, phi hằng, đoạn, phi đoạn, chúng sanh, phi chúng sanh, hữu, vô hữu, thiệt, bất thiệt, chơn, bất chơn, diệt, bất diệt, mật, bất mật, nhị, bất nhị, v.v… nếu còn nghi ngờ nay nên bạch hỏi, Như-Lai sẽ giải quyết cho. Như-Lai trứơc nói pháp cam-lộ cho các thầy rồi, sau mới nhập Niết-bàn.

Nầy các thầy Tỳ-kheo ! Phật ra đời là khó, thân người khó được, gặp Phật sanh tín- tâm, việc đây cũng khó, nhẫn sự khó nhẫn lại là khó hơn, đầy đủ giới hạnh chứng quả A-La-Hán (40) cũng là việc khó. Như tìm cát vàng cùng hoa ưu-đàm-bát-la.

Các thầy khỏi bát nạn được thân người là sự khó, nay gặp Như-Lai chẳng nên để luống uổng. Ngày xưa, Như-Lai tu nhiều hạnh khổ, nay được phương tiện vô thượng như thế, trong vô lượng kiếp vì các thầy mà xả thí thân thịt tay chơn đầu mắt tủy não. Ví thế các thầy chẳng nên phóng dật.

Nầy các thầy Tỳ-kheo ! Thành báu chánh pháp trang nghiêm, đầy đủ các

thứ công đức trân bảo, giới, định, và trí huệ làm tường thành và hào thành. Nay các thầy gặp được thành báu Phật pháp, chẳng nên lượm lấy những vật hư ngụy. Ví như nhà thương mãi gặp thành chơn bảo, lượm lấy ngói sạn rồi trở về nhà. Các thầy chớ để tâm hạ liệt, cam đủ nơi chút ít pháp mọn. Các thầy dầu xuất gia mà không ham mộ pháp đại thừa. Thân các thầy dầu được đắp cà sa mà tâm chưa được nhuộm pháp đại thừa thanh tịnh. Các thầy dầu khất thực ở nhiều nơi mà chưa từng khất pháp-thực đại- thừa. Các thầy dầu cạo bỏ râu tóc mà chưa vì chánh pháp cạo sạch kiết-sử.

Nầy các thầy Tỳ-kheo ! Nay Như-Lai bảo thiệt các thầy, hiện nay Như-Lai đại chúng hòa hiệp pháp tánh chơn thiệt chẳng điên đảo. Vì thế các thầy phải nhiếp tâm dõng mãnh tinh tấn xô dẹp các kiết sử. Khi mặt trời Phật huệ lặn mất rồi, các thầy sẽ bị vô minh trùm đậy.

Nầy các thầy ! Ví như những cỏ thuốc trên mặt đất để chúng sanh dùng, Phật pháp cũng vậy, sanh ra pháp vị cam lồ diệu thiện làm thuốc hay chữa bịnh phiền não của chúng sanh. Nay Như-Lai sẽ làm cho tất cả chúng sanh cùng bốn bộ chúng đều được an trụ trong tạng bí mật. Cũng như chữ y, nếu ba điểm đứng chung hàng, hoặc đứng ngay, hoặc khác nhau đều không thành chữ y. Ba điểm phải như ba con mắt trên mặt Đại-Tự-Tại-Thiên mới thành chữ y. Như-Lai cũng thế, pháp giải thoát không phải Niết- bàn, thân Như-Lai không phải Niết-bàn, ma-ha-bát-nhã cũng không phải Niết-bàn, ba pháp đều khác nhau cũng không phải Niết-bàn. Như-Lai này an trụ ba pháp ấy, vì chúng sanh mà nói là nhập Niết-bàn, như chữ y trong đời.”

Các Tỳ-kheo nghe đức Phật Thế-Tôn nói quyết định sẽ nhập Niết-bàn, ai nấy đều lo rầu, cả mình rởn ốc, lệ tràn đầy mắt, cúi lạy chơn Phật mà bạch rằng :’ Đức Thế-Tôn khéo dạy vô thường, khổ, không, vô-ngã.

Bạch Thế-Tôn ! Ví như các dấu chưn của muông thú, dấu chưn voi là hơn cả. Vô thường quán cũng lại như vậy là pháp quán tưởng bực nhứt trong các pháp quán tưởng. Nếu ai tinh cần tu tập pháp nầy, thời có thể trừ tất cả sự ái nhiễm cõi dục, cõi sắc và cõi vô sắc, trừ vô minh kiêu mạn và vô thường tưởng. Đức Như-Lai nếu đã lìa hẳn vô thường tưởng thời nay chẳng nên nhập Niết-bàn. Còn nếu chẳng lìa hẳn, cớ sao lại dạy rằng tu vô thường quán trừ được sự ái nhiễm ba cõi, vô minh, kiêu mạn và vô thường tưởng.

Bạch Thế-Tôn ! Ví như đế vương biết mạng sắp chết, bèn ân xá ngục tù trong thiên hạ rồi sau mới băng. Ngày nay đức Như-Lai cũng nên như vậy, độ cho tất cả chúng sanh thoát khỏi lao ngục vô tri vô minh rồi sẽ nhập Niết-bàn. Hiện tại chúng con đều chưa được giải thoát, sao đức Thế-Tôn lại vất bỏ mà muốn nhập Niết-bàn ?

Bạch Thế-Tôn ! Như người say rượu mê loạn nói xàm, không còn biết thân sơ, mẹ con, chị em,nằm vùi trong phẩn nhơ, nhờ lương y cho uống thuốc, ói sạch rượu ra mới được tỉnh lại, lòng rất hổ thẹn tự răn trách lấy mình, rượu là thứ hại, là cội gốc của các tội lỗi, nếu chừa được rượu thời khỏi tội lỗi. Chúng con cũng thế, từ nhiều đời đến nay luân chuyển sanh tử, tình sắc làm say mê tham đắm trong ngũ dục, không phải mẹ, tưởng là mẹ, không phải con, chị, em, mà tưởng là con, chị, em, không phải chúng sanh mà tưởng là chúng sanh, vì cớ ấy nên luân chuyển chịu khổ sanh tử, như người say kia nằm trong phẩn nhơ. Nay đức Như-Lai nên ban pháp dược cho chúng con uống để ói rượu độc phiền não, chúng con còn chưa được tỉnh ngộ, sao đức Như-Lai lại vất bỏ mà muốn nhập Niết- bàn.

Bạch Thế-Tôn ! Không có cớ gì khen cây chuối là cứng chắc được. Chúng sanh cũng thế, không co cớ gì khen ngã, nhơn, chúng sanh, thọ mạng, dưỡng- dục, tri- kiến, tác-giả, thọ-giả là chơn thiệt được. Chúng con tu vô ngã quán cũng như vậy.

Bạch Thế-Tôn ! Vì như bã xác không còn dùng được, bông thất diệp không có mùi thơm, cũng vậy, thân thể của người không ngã không chủ. Chúng con thường tu tập pháp quán tưởng vô ngã như vậy.

Như đức Phật từng dạy tất cả các pháp không ngã và không ngã sở, các Tỳ-kheo phải tu tập. Tu như đây thời trừ ngã mạn, rời ngã mạn thời chứng Niết-bàn. Bạch Thế-Tôn ! Không bao giờ có dấu chim bay nơi hư không. Người hay tu tập pháp quán vô-ngã không bao giờ có các kiến-chấp".

Đức Phật khen các Tỳ-kheo : Lành thay ! Lành thay ! Các thầy khéo hay tu tập pháp quán vô- ngã."

Các Tỳ-kheo bạch Phật : Bạch Thế-T6n ! Chẳng những chúng con tu pháp quán vô-ngã tưởng, mà chúng con cũng tu tập các pháp quán khác như : khổ, vô thường.

Bạch Thế-Tôn ! Như nguòi say, tâm trí mê loạn thấy nhà cửa cây cỏ núi sông thảy đều xoay lộn.

Ngươiø không tu các pháp quán khổ, vô thường, vô ngã thời chẳng gọi là bực Thánh, người nầy nhiều phóng dật trôi lăn trong vòng sanh tử. Vì thế nên các con khéo tu tập các quán ấy".

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo :" Lóng nghe ! Lóng nghe ! Vừa rồi các thầy trình bày ví dụ người say đó, các thầy chỉ biết danh tự mà chưa hiểu thấu "thật nghĩa". Thế nào là "thật nghĩa" ? Như ngườ say kia thấy nhà cửa núi sông vốn thiệt không xoay lộn, mà tưởng cho là xoay lộn. Cũng vậy, bị những phiền não vô minh trùm đậy nên chúng sanh khởi tâm điên đảo : ngã cho là vô ngã, thường cho là vô thường, tịnh cho là bất tịnh, lạc cho là khổ. Vì mắc phải phiền não trùm che, nên dầu nghĩ tưởng như vậy mà không thấu rõ thật nghĩa", như người say kia đối với sự không xoay lộn mà tưởng cho là xoay lộn.

" Ngã" chính là thật nghĩa của "Phật", "Thường" chính là thật nghĩa của"Pháp-Thân", "Lạc" là thật nghĩa của "Niết-bàn", "Tịnh" là thật nghĩa của "Pháp".

Các thầy sao lại nói người có ngã thời kiêu-mạn cống-cao lưu chuyển sanh tử. Nếu các thầy nói rằng, tôi cũng tu tập pháp quán vô thường, khổ, vô ngã. Ba môn tu tập này không có thiệt nghĩa".

Như-Lai sẽ nói ba pháp tu đặc thắng.

Khổ cho là vui, vui cho là khổ, là pháp điên đảo. Vô thường cho là thường, thường cho là vô thường, là pháp điên đảo. Vô-ngã cho là ngã, ngã cho là vô ngã, là pháp điên đảo. Bất tịnh cho là tịnh, tịnh cho là bất tịnh, là pháp điên

đảo. Có bốn pháp điên đảo như vậy thời là người chẳng rõ pháp tu chơn chánh.

Các thầy ở trong pháp khổ tướng cho là vui, ở trong vô thường tưởng cho là thường, ở trong vô-ngã tưởng cho là ngã, ở trong bất tịnh tưởng cho là tịnh.

Thế gian cũng có thường, lạc, ngã, tịnh. Xuất thế cũng co thường, lạc, ngã tịnh. Pháp thế gian có văn tự mà không thật nghĩa. Xuất thế có văn tự có thật nghĩa. Tại sao vậy ? Vì pháp thế gian có bốn sự điên đảo nên chẳng biết thật nghĩa. Lại có tưởng điên đảo, tâm điên đảo, kiến điên đảo. Vì có ba sự điên đảo nầy nên người thế gian ở trong lạc thấy là khổ, trong thường thấy vô thường, trong ngã thấy vô ngã, trong tịnh thấy bất tịnh, đây gọi là điên đảo. Vì điên đảo nên thế gian biết văn tự mà chẳng biết thật nghĩa.

Gì là thật nghĩa? Vô ngã gọi là sanh tử, còn ngã gọi là Như-Lai. Vô thường là Thanh-văn Duyên- giác, còn thường là Như-Lai pháp thân. Khổ là tất cả ngoại đạo, còn lạc là Niết-bàn. Bất tịnh là pháp hữu vi, còn tịnh là chánh pháp của chư Phật và Bồ-Tát. Đây gọi là chẳng điên đảo. Vì chẳng điên đảo nên biết văn tự biết thật nghĩa. Nếu muốn lìa khỏi bốn sự điên đảo thời phải rõ biết thường, lạc, ngã, tịnh như vậy.

Các Tỳ-kheo bạch Phật :"Bạch Thế-Tôn ! Như lời đức Thế-Tôn dạy rằng dứt lìa bốn sự điên đảo ấy thời được rõ biết thường, lạc, ngã, tịnh. Nay đức Như-Lai trọn không có bốn sự điên đảo thời đã rõ biết thường, lạc, ngã, tịnh. Nếu đã rõ biết thường, lạc, ngã, tịnh sao đức Như-Lai không ở đời một kiếp hoặc nửa kiếp để dạy dỗ chúng con, cho chúng con khỏi lìa bốn sự điên đảo, mà lại vất bỏ chúng con muốn nhập Niết-bàn. Nếu được đức Như-Lai đoái thương dạy bảo, chúng con sẽ hết lòng tuân lời tu tập. Nếu đức Như-Lai nhập Niết-bàn, chúng con không thể mang thân độc hại nầy mà tu phạm hạnh. Chúng con cũng sẽ nhập Niết-bàn theo Phật."

Phật bảo các Tỳ-kheo :" Các thầy chớ nói như vậy. Bao nhiêu vô thượng chánh pháp của Phật, Như-Lai đều đem giao phó cho Ma-Ha-Ca-Diếp. Ma-Ha-Ca-Diếp sẽ là chỗ y-chỉ hoàn toàn cho các thầy, cũng như đức Như-Lai là chỗ y-chỉ của tất cả chúng sanh.

Ví như quốc vương lúc đi tuần du, đem quốc sự giao phó cả cho đại thần. Cũng vậy, Như-Lai đem chánh pháp giao phó cho Ma-Ha-Ca-Diếp.

Các thầy nên biết rằng chỗ tu pháp khỗ vô thường trước kia chẳng phải là chơn thật. Ví như mùa xuân, có một nhóm người chơi thuyền trong hồ lớn làm rớt chìm ngọc lưu ly.Nhóm người ấy ,liền cùng nhau hụp lặn tìm ngọc, bóc nhằm hòn sõi viên đá, bụng mừng cho là ngọc, đến lúc đem ra khỏi nước mới rõ là không phải. Lúc ấy ngọc lưu ly vẫn ở dưới nước, do thế lực của ngọc mà nước hồ đều đứng trong. Bấy giờ nhóm người ấy mới nhìn thấy viên ngọc. Có một người trí tìm cách khéo chẫm rãi lặn xuống tìm vớt được ngọc.

Các thầy chớ nên cho sự tu tập pháp quán vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh như vậy là thật nghĩa

.Như nhóm người kia lặn xuống nước bốc nhầm sạn đá mà cho là ngọc. Các thầy phải khôn khéo nơi nơi chỗ chỗ .luôn tu pháp quán ngã, thường, lạc, tịnh. Lại cần nên biết tướng mạo tu tập bốn pháp trước kia đều là điên đảo. Muốn được chơn thiệt tu các pháp quán, tức là quán ngã, thường, lạc, tịnh thời phải như người trí khéo vớt được ngọc kia.

Các Tỳ-kheo bạch Phật :" Bạch Thế-Tôn ! Ngày trước đức Phật dạy rằng các pháp vô ngã, các ông phải tu học. Tu học pháp vô ngã sẽ lìa sự chấp ngã, lìa chấp ngã thời lìa kiêu mạn, lìa kiêu mạn, thời chứng Niết-bàn. Nghĩa ấy thế nào ?

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo : " Lành thay ! Lành thay ! Nay các thầy có thể bạch hỏi nghĩa ấy để tự dứt chỗ nghi ngờ.

Nầy các thầy ! Ví như quốc vương kém sáng suốt, tin dùng một y sư vụng về, tánh tình lại cao ngạo, Phàm trị bịnh gì cũng thuần dùng sửa để làm thuốc cả , thêm nỗi chẳng rõ căn do của bịnh, dầu biết dùng sửa mà chẳng hiểu rành, chẳng biện biệt sửa tốt xấu, lành, không lành. Một hôm, từ phương xa lại một minh y thông cả tám nghề, rành các phương thuốc, trị bịnh rất giỏi. Cựu-y vì sẵn tánh cống-cao khinh mạn nên không đếm xỉa tới. Minh y thấy vậy, bèn hạ mình thỉnh cựu-y làm thầy, nhơn đó được vào hầu

quốc vương. Minh y trình bày lên quốc vương các phương thuốc và những nghệ thuật khác. Bấy giờ quốc vương tỉnh ngộ, xét biết cựu y là hạng vụng về cao ngạo, liền biếm truất đi, rồi trọng dụng minh y. Minh y mới yêu cầu quốc vương cấm dân chúng uống thuốc sửa của cựu-y, vì thuốc ấy độc hại, làm thương tổn người bịnh, quốc vương chuẩn lời, ra lệnh cấm hẳn, nếu ai dùng sửa để trị bịnh sẽ bị tử hình. Minh y cứ theo phương dược chế các thứ thuốc, phàm dân chúng có bịnh gì đều trị lành cả.

Ít lúc sau, quốc vương phải bịnh nặng, truyền vời minh y điều trị. Sau khi khám bịnh, biết rằng quốc vương phải dùng thuốc sửa, minh y liền tâu rằng :" Ngày trước tôi yêu cầu cấm dùng sữa làm thuốc, đó là đại vọng ngữ. Nếu uống thuốc sữa rất có thể trị được bịnh. Hiện nhà vua đang phải bịnh nóng, chính nên dùng sữa".

Vua bão :" Có lẽ ông điên cuồng hay bị bịnh loạn óc rồi, mới nói rằng uống sữa trị được bịnh của ta. Cựu-y dùng sửa, ông cho là độc, bảo ta biếm truất và cấm hẳn, nay trở lại nói sửa là tốt hay trị được bịnh.

Ông muốn khi dối ta ư ? Cứ theo lời ông nói thời cựu-y có thể hơn ông rồi".

Minh y tâu : " Thưa Đại-Vương ! Như mối ăn gỗ ngẫu nhiên thành chữ, con mối nầy tự nó không biết là chữ hay không phải chữ. Ngừơi trí xem thấy trọn không bao giờ tuyên xướng rằng con mối biết chữ và cũng chẳng lấy làm lạ.

Cũng vậy, cựu-y không hiểu căn bịnh, bịnh gì cũng dùng thuần sữa để trị, lại không biết sữa là tốt hay xấu, là lành hay không lành"

Vua nói :" Xin ông giải thích cho ta rõ"

Minh y tâu :" Thuốc sữa kia cũng là độc hại, cũng là cam lộ. Thế nào là thuốc sữa cam lộ ? Nếu là bò cái không ăn bã hèm trấu cặn, con nghé của nó rất điều thiện, chỗ thả chăn không phải cao nguyên cũng không quá thấp ướt, nước uống trong sạch, chẳng cho chạy nhảy, chẳng cho chung bầy với bò

đực, cho nó ăn uống đi đứng vừa chừng phải cách. Sửa của bò nầy trị được nhiều bịnh gọi là cam lộ. Ngoài ra các thứ sửa khác thời gọi là độc hại.

Nghe minh y giảng giải, vua khen rằng :" Hay lắm ! Hay lắm ! Nay ta mới rõ thế nào là sửa tốt, xấu, lành, cùng chẳng lành ".

Sau khi được uống thuốc sửa của minh y, vua được lành mạnh, vua liền truyền lịnh cho dân chúng được dùng sửa để trị bịnh. Dân chúng không vừa lòng với thái độ của nhà vua, nên hội đến hoàng cung để cật vấn.

Quốc vương bảo dân chúng :" Mọi người chẳng nên oán trách nơi ta, về vấn đề thuốc sữa nên uống hay không nên uống đều là ý của y sư cả không phải lỗi của ta".

Dân chúng vui lòng tuân lời minh y dùng thuốc sữa tốt trị bịnh, được nhiều kết quả tốt.

Này các Tỳ-kheo ! Các thầy nên biết đức Như-Lai Ứng-Cúng Chánh-Biến-Tri, Minh-Hạnh- Túc, Thiện-Thệ Thế-Gian-Giải Vô-Thượng-Sĩ Điều-Ngự Trượng-Phu Thiên-Nhơn-Sư Phật Thế-Tôn cũng lạI như vậy. Là bực đại y vương hiện ra nơi đời hàng phục tất cả tà y ngọai đạo. Giữa dại chúng xướng rằng ta là y vương, vì hàng phục ngoại đạo nên nói không ngã, không nhơn, không chúng sanh, không thọ giã. Các thầy nên biết ngoại đạo mà nói là ngã đó, như mối ăn cây ngẫu nhiên thành chữ thôi. Vì thế nên trong Phật pháp đức Như-Lai nói là vô ngã để điều phục chúng sanh, và vì là lúc phải n ói là vô ngã. Rồi cũng vì có nhơn duyên nên cũng nói có ngã. Như minh y kia biết rõ nơi sữa phải thuốc, hay không phải thuốc. Chẳng phải như chỗ chấp ngô ngã của phàm phu. Phàm phu chấp ngã lớn như ngón tay cái, hoặc như hột cải, hoặc như vi trần. Ngã của Như-Lai nói đều không phải như vậy, vì thế nên nói các pháp không ngã, mà chính thiệt chẳng phải là không ngã. Thế nào là thiệt ? Nếu Pháp là thiệt, là chơn, là thường, là chủ, là sở-y, tánh không biến đổi, đó gọi là nga.õ Như minh y kia hiểu rành thuốc sửa. Cũng vậy, Như-Lai vì chúng sanh mà nói trong các pháp chơn thiệt có ngã.

Bốn bộ đệ tử của Như-Lai đều phải tu pháp quán chơn ngã như vậy.

THÍCH-NGHĨA

(36) –SÁU CÁCH CHẤN ĐỘNG : 3 CÁCH VỀ TIẾNG : 1. Tiếng nổ, 2. Tiếng loài hữu tình kêu la, 3. tiếng loài vô tình khua chạm, 3 cách về hình : 1 rung động qua lại, 2. vọt lên khỏi chỗ cũ, 3. đang nằm bỗng đứng dậy dựng lên.

(37)- TÁM BỘ THIÊN THẦN ; Thiên thần, Long thần, Dạ xoa thần, Càn-thát-bà thần, A-Tu- La-thần, Ca-Lâu-La thần, Khẩn-Na-La thần , Ma-hầu-la thần.
(38) Y-VƯƠNG : Đức Phật là ông Vua thuốc pháp, hay chữa lành tâm bệnh phiền não cứu chúng sanh thoát khỏi tất cả khổ thống, sanh tử, để được an vui Niết-bàn thường lạc, ngã, tịnh.

(39)-TU-DI SƠN (Suméru) : Quả núi to nhất ở thế gian, ở giữa biển Hương-Thủy, toàn bằng bốn chất báu Vàng, bạc, lưu ly và pha lê. Đảõnh núi là cõi trời Đao-Lợi, thuộc quyền Đế-Thích thống trị. Giữa núi là Cõi Tứ-Vương, do 4 vị Thiên-Vương cai quản.

(40)- A-La-Hán : Quả thứ tư trong bốn quả thánh xuất thế thuộc tiểu thừa : Tu-Đà-Hoàn (Dự lưu) bực nầy thấy lý tứ đế, dứt ngã chấp, phân biệt hết kiến hoặc, ra khỏi phàm phu, dự vào hàng Thánh xuất thế. Tư-Đà-Hàm (Nhứt-Lai) bực Thánh nầy đã hết kiến hoặc dứt thêm sáu phẩm trong chín phẩm tư-hoặc cõi dục, còn một lần sanh trở lại cõi dục mới thoát hẳn.

A-Na-Hàm (Bất-Lai) bực Thánh đã hết kiến –hoặc và dứt cả chín phẩm tư-hoặc cõi dục, không còn sanh trở lại cõi dục nữa. A-La-Hán (Vô-sanh Sát-tặc Ứng-cúng) bực Thánh cao nhứt trong hàng Thanh-văn Tiểu- thừa, đã dứt sạch kiến-hoặc và tư –hoặc tam giới cùng câu-sanh ngã-chấp nên gọi là Sát- Tặc. Đã khỏi hẳn sanh tử luân hồi trong lục đạo, nên hiệu là Vô-sanh, là bực đáng thọ sự cúng dường của Nhơn- Thiên, niên hiệu là Ứng-Cúng.

IV

PHẨM TRƯỜNG THỌ THỨ TƯ

(Hán bộ phần đầu quyển thứ hai)

Đức Phật lại bảo các vị Tỳ-kheo : "Các thầy ở nơi giới luật có chỗ nào Nghi ngờ , cho phép các thầy hỏi Như-Lai sẽ giải thích cho. Tất cả các pháp bổn-tánh không-tịch. Như-Lai đã tu học rành rẽ thông đạt. Các thầy chớ nghĩ rằng Như-Lai chỉ tu các pháp bổn-tánh không-tịch. Ở nơi giới luật có chỗ nào nghi ngờ, các thầy nên hỏi".

Các Tỳ-kheo bạch Phật :" Bạch Thế-Tôn ! Chúng con không đủ trí huệ để hỏi đức Như-Lai Ứng-Cúng Chánh-Biến-Tri. Vì cảnh giới của Như-Lai không thể nghĩ bàn, thiền định của Như-Lai không thể nghĩ bàn, lờI phán dạy của Như lai không thể nghĩ bàn. Vì cớ ấy nên chúng con là hạng không đủ trí huệ để hỏi đức Như-Lai

Bạch Thế-Tôn ! Ví như ông già trên trăm tuổi đang phải bịnh trầm trọng nằm liệt trên giường sẽ chết mất nay mai. Một người giàu kia có duyên sự muốn đến xứ khác, đem trăm cân vàng gởi cho ông già ấy mà giao ước rằng : hoặc mười năm hoặc hai mươi năm chừng nào tôi trở về thời ông huờn số vàng nầy lại cho tôi. Ông già nhận giữ vàng, không bao lâu thời chết, ông già lại không người kế tự, số vàng gởi kia đều thất lạc cả. Lúc người chủ vàng trở về không biết đòi hỏi ai, đành chịu mất vàng. Chủ vàng là kẻ vô trí, khi gửI vàng không biết chọn nơi đáng gửI, nên phảI mất vàng. .

Cũng vậy, hàng Thanh-Văn chúng con dầu nghe đức Như-Lai ân cần dạy bão mà chúng con không thể thọ trì khiến chánh pháp được bền lâu, khác nào ông già kia nhận vàng của người gởi, rồi không sống được mà giữ gìn. Chúng con vô trí, ở nơi giới luật sẽ hỏi những gì !"

Đức Phật nói : " Nếu nay các thầy hỏi Như-Lai thời có thể đem lại sự lợi ích cho chúng sanh, nên Như-Lai mớI bảo các thầy có chỗ nào nghi thờI cho phép hỏi".

Các Tỳ-kheo bạch Phật :" Bạch Thế-tôn ! Ví như một người trai trẻ khỏe

mạnh lối hai mươi lăm tuổi, nhà giầu có, cha mẹ vợ con quyến thuộc đông đủ.. Có người đem vàng bạc đến gởi cho người trai trẻ nầy mà nói rằng :" Tôi có duyên sự cần phải đi xa. Khi tôi trở về, anh sẽ huờn số vàng bạc nầy lại cho tôi." Người trai trẻ nhận vàng bạc và cất giữ kỹ-lưỡng. Ít lúc phải bịnh, người trai trẻ dặn thân quyến rằng số vàng bạc nầy là của ông già gởi, khi nào ông ấy đến hỏi thời giao đủ cho ông ấy. Thời gian sau, người gởi vàng bạc trở về được thân quyến của người trai trẻ huờn đủ số đã gửi. Đây là người có trí, biết chọn chỗ đáng gởi nên khỏi mất của.

Cũng vậy, nếu đức Thế-Tôn đem pháp-bảo giao phó cho A-Nan và các Tỳ-kheo ắt chẳng đặng lâu dài, vì tất cả hàng Thanh-Văn và Ma-Ha-Ca-Diếp đều sẽ vô thường, như ông già trước kia. Đức Như-Lai nên đem Phật pháp vô-thượng giao phó cho Bồ-Tát. Vì hàng Bồ-Tát đủ trí huệ có thể hỏi Như-Lai, pháp bảo sẽ được lâu dài hưng thạnh lợi ích cho chúng sanh, như người trai trẻ trước kia. Vì những lẽ ấy, nên chỉ có hàng Bồ- tát là có thể hỏi đức Như-Lai thôi. Trí huệ của chúng con như mòng muỗi, làm sao hỏi được pháp thâm diệu của Như lai."

Bạch xong, các Tỳ-kheo đều ngồi yên lặng.

Đức Phật khen các Tỳ-kheo rằng :" Lành thay ! Lành thay ! Các thầy khéo được tâm vô lậu, tâm A-La-Hán. Như-Lai cũng đã suy xét hai duyên cớ mà các thầy vừa trình bày, nên đem pháp đại thừa giao phó cho hàng Bồ-Tát, khiến diệu pháp nầy được còn lâu nơi đời".

Đức Phật bảo toàn thể đại chúng :" Thọ-mạng của Như-Lai không thể tính lường, biện tài cũng chẳng thể cùng tận. Đại chúng phải nên tùy ý bạch hỏi hoặc nơi giới luật, hoặc nơi pháp quy-y".

Đức Phật tuyên bố luôn ba lần như vậy.

Bấy giờ trong đại chúng có một vị đại Bồ-Tát tuổi còn trẻ, vốn là người trong tụ-lạc Đa-La, họ Đại-Ca-Diếp giòng Bà-La-Môn, do thần lực của Phật, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch vai áo bên hữu, cung kính nhiễu Phật, gối

hữu chấm đất, chắp tay hướng Phật mà bạch rằng :” Nay con có chút việc muốn bạch hỏi, xin đức Thế-Tôn hứa khả cho”.

Phật bảo Ca-Diếp Bồ-Tát :” Như-Lai Ứng-Cúng Chánh-Biến-Tri cho phép ông hỏi. Như Lai sẽ giảI quyết chỗ nghi của ông, cho ông vui mừng. “.

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật :” Đức Thế-Tôn xót thương đã cho phép, nay con sẽ hỏi . Nhưng trí huệ của con rất kém. Đạo đức của Thế-Tôn cao vòi vọi, thân của Như-lai như chơn kim cang màu như ngọc lưu ly. Trong đại hội đây, các vị đại Bồ-Tát thảy đều thành tựu vô lượng vô biên thâm diệu công đức. Ở trước một đại hội như thế nầy, đâu dám bạch hỏi. Nay con nương sức thần thông của Phật và nhơn thiện-căn oai-đức của đại chúng mà bạch hỏi ít điều thôi”.

Ca-Diếp Bồ-Tát liền ở trước Phật, nói kệ rằng :

Thế nào được trường thọ
Thân kim cang chẳng hoại ?
Lại do nhơn duyên gì
Đặng sức kiên cố lớn ?
Thế nào rơi kinh nầy
Rốt ráo đến bờ kia?
Nguyện Phật vì chúng sanh
Giảng bày nghĩa kín nhiệm.
Thế nào đặng rộng lớn
Làm y-chỉ cho chúng ?
Thiệt chẳng phải La-Hán
Mà đồng hàng La-Hán ?
Thế nào biết thiên ma
Làm lưu nạn cho chúng ?
Lời Phật, lời Ba-Tuần,
Thế nào phân biệt biết ?
Thế nào bực Điều-Ngự
Hoan hỷ nói chơn đế
Đủ thành tựu chánh thiện
Diễn nói bốn điên đảo ?
Làm nghiệp lành thế nào
Xin Thế-Tôn dạy bảo.
Thế nào các Bồ-tát

Thấy được tánh khó thấy ?
Nghĩa mãn-tự, bán-tự
Phải hiểu như thế nào ?
Thế nào cộng thánh hạnh
Như chim Ta-La-Ta ?
Thế nào chưa phát tâm
Mà gọi là Bồ-Tát ?
Thế nào giữa đại chúng
Mà đặng không kinh sợ
Như vàng Diêm-Phù-Đàn
Không ai chỉ trích được ?
Thế nào ở đời trược
Chẳng nhơ như hoa sen ?
Thế nào ở phiền não
Phiền não chẳng nhiễm được,
Như y-sư trị bịnh
Chẳng bị bịnh truyền lây ?
Thế nào làm lái thuyền
Ở giữa biển sanh tử ?
Thế nào thoát sanh tử
Như rắn lột da cũ ?
Thế nào xem Tam-Bảo
Dường như cây Thiên-Ý ?
Ba thừa nếu vô tánh
Thế nào mà nói đặng,
Như sự vui chưa có
Sao lại nói thọ vui ?
Thế nào các Bồ-Tát
Mà đặng chứng bất-hoại ?
Thế nào vì người mù
Mà làm người chỉ đường ?
Thị hiện nhiều đầu kia
Xin Phật giải rõ cớ.
Thế nào người thuyết pháp
Thêm lớn như trăng mọc
Thế nào lại thị hiện
Rốt ráo nơi Niết-bàn ?
Thế nào bực dũng kiện
Hiện nhơn, thiên, ma, đạo ?
Thế nào biết pháp tánh

Mà thọ nơi pháp lạc ?
Thế nào các Bồ-Tát
Xa lìa tất cả bịnh ?
Thế nào vì chúng sanh
Diễn thuyết nơi bí mật
Thế nào nói rốt ráo
Và cũng chẳng rốt ráo ?
Như kia dứt lưới nghi
Tại sao n ói bất định ?
Thế nào là đặng gần
Đạo tối thắng vô thượng ?
Con nay thỉnh Như-Lai
Vì các hàng Bồ-Tát
Giảng nói pháp thậm thâm
Các hạnh vi-diệu thảy
Trong tất cả các pháp
Đều có tánh an lạc
Cúi xin đấng Thế-tôn
Phân biệt dạy chúng con.
Bực nương tựa của chúng
Diệu-dược Lưỡng-Túc-Tôn !
Nay muốn hỏi các ấm
Mà con không trí huệ
Các Bồ-Tát tinh tấn
Cũng lại chẳng biết được.
Cảnh giới của chư Phật
Rất sâu mầu như vậy.

Đức Phật khen Ca-Diếp Bồ-tát : " Lành thay ! Lành thay ! Nay ông chưa được nhứt thiết chủng trí, Như-Lai đã được, nhưng bí tạng rất sâu của ông vừa hỏI đồng như chỗ hỏI của bực nhất thiết trí.

Này thiện nam tử ! Lúc ta mới thành đạo chánh giác nơi cội Bồ-đề, có vô lượng Bồ-Tát ở mười phương thế giới cũng từng đến hỏi Như-Lai những nghĩa thậm thâm ấy. Văn nghĩa công đức đã hỏi ngày trước cùng với của ông hôm nay đồng nhau không khác.

Hỏi như vậy có thể đem sự lợi ích lại cho vô lượng chúng sanh".

Ca- Diếp Bồ-Tát bạch Phật: "Bạch Thế Tôn ! Con không đủ trí để hỏi Như Lai về những thâm nghĩa ấy.

Ví như muỗi mòng chẳng thể bay qua đến bờ kia của biển cả, cùng lượn khắp hư không. Cũng vậy, con không thể bạch hỏi Như Lai về những nghĩa biển cả trí huệ và hư không pháp tánh rất sâu như vậy.

Ví như quốc vương đem viên minh châu trong búi tóc giao cho quan giữ kho. Quan giữ kho lãnh châu hết lòng cung kính gìn giữ. Cũng vậy, con hết lòng cung kính giữ gìn nghĩa lý đại thừa rất sâu của Như-Lai truyền dạy. Vì nghĩa lý ấy làm cho con được trí huệ sâu rộng".

Phật bảo Ca-Diếp Bồ-Tát: "Lóng nghe ! Lóng nghe ! Như –Lai sẽ vì ông mà nói nghiệp nhơn trường thọ của Như-Lai đã được. Do nơi nghiệp nhơn nầy mà Bồ Tát được thọ mạng dài lâu. Nếu hạnh nghiệp có thể làm nhơn cho quả Bồ-Đề thời phải nên thành tâm nghe kỹ và lãnh thọ nghĩa ấy. Đã tự lãnh thọ rồi nói lại cho người khác. Do tu tập hạnh nghiệp ấy mà Như-Lai đặng thành vô thöôïng chaùnh giaùc. Nay lạI vì ngườI mà giảng rộng ý nghĩa ấy.

Ví như vương tử phạm tội bị giam vào ngục, nhà vua rất nhớ thương con, đích thân ngự đến ngục thất. Cũng vậy, muốn được trường thọ, Bồ Tát phải nên hộ niệm tất cả chúng sanh, xem như con ruột, sanh lòng đại từ, đại bi, đại hỉ, đại xả, truyền cho giới bất sát, dạy cho tu pháp lành. Cũng nên để tất cả chúng sanh ở nơi ngũ giới thập thiện. Lại đến địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, a-tu-la v.v…, để cứu vớt những kẻ khổ não trong các nơi ấy. Giải thoát kẻ chưa giải thoát, cứu độ người chưa được cứu độ. Người chưa chứng Niết bàn làm cho chứng Niết bàn. An ủi tất cả người đang ở trong cảnh kinh sợ. Do các nghiệp nhơn trên đây mà Bồ Tát được thọ mạng dài lâu. Nơi các trí huệ được tự tại. Sau khi maïng chung sanh lên cõi trên".

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật: "Bạch Thế Tôn ! Bồ-Tát Ma-Ha-Tát bình đẳng xem chúng sanh đồng như con ruột, nghĩa ấy rất sâu, con chưa hiểu được. Đức Thế Tôn chẳng nên nói Bồ Tát đối với chúng sanh tu tâm bình đẳng

xem đồng như con, vì trong Phật pháp có người phá giới, có kẻ phạm tội nghịch, có kẻ hủy báng chánh pháp. Sao lại với những hạng ấy mà xem đồng như con ?".

Phật dạy: "Phải đấy ! Như Lai đối với chúng sanh thiệt xem đồng là con nhö La-Hầu-La".

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật: "Trước kia ngày rằm lúc Chư Tăng đang bố tát . Có một đứa trẻ không khéo tu tập ba nghiệp thân, khẩu, ý, núp ở chỗ kín rình nghe chư Tỳ-kheo-tăng thuyết giới. Mật-Tích Lực-Sĩ nương thần lực của Phật lấy chày kim cang đập đứa trẻ ấy nát ra như bụi. Bạch Thế Tôn ! Vị thần Kim Cang ấy rất là bạo ác mới giết được đứa trẻ. Thế sao Như Lai xem các chúng sanh đồng như là La Hầu La?"

Phật dạy: "Ông không nên nói như vậy.

Đứa trẻ ấy chính là người biến hóa, chẳng phải người thiệt. Vì muốn xua đuổi những kẻ phá giới hủy pháp ra ngoài chư Tăng nên hiện như vậy. Thần Kim Cang kia cũng là biến hóa thôi. Hạng hủy báng chánh pháp cùng nhứt-xiển-đề hoặc có người sát sanh nhẫn đến tà kiến, và cố ý phạm giới, Như Lai đối với những hạng ấy đều thương xót như con là La-Hàu-La.

Như quốc vương đối với bầy tôi phạm phép thời cứ tội tru lục mà chẳng tha. Như-Lai Thế-Tôn không phải như vậy; với hạng hủy pháp, làm pháp yết-ma khu-khiển, quở trách, cử tội v.v… Sở dĩ Như-Lai làm các pháp yết-ma trừng trị những hạng hủy báng chánh pháp như vậy là vì muốn chỉ rõ những người ác hạnh thờI có quả báo.

Ông phải biết Như-Lai là vị ban bố sự vô úy cho chúng sanh ác. Nếu Như-Lai phóng ra một tia sáng, hoặc hai, năm tia sáng, kẻ nào gặp được thời đề xa lìa tất cả các điều ác. Nay Như lai đầy đủ vô lượng thế lực như vậy.

Pháp chưa được thấy, nếu ông muốn thấy, nay sẽ vì ông nói tướng mạo đó. Sau khi Như-Lai nhập niết bàn, nơi nào có Tỳ-Kheo trì giới đầy đủ oai nghi

hộ trì chánh pháp, thấy người hoại pháp bèn có thể khu-khiển quở trách trừng trị. Phải biết Tỳ kheo ấy đặng phước vô lượng không thể tính kể.

Ví như quốc vương chuyên làm việc bạo ác, rồi mang bệnh nặng. Vua nước láng giềng nghe biết tình hình đem binh đến đánh, trách tội muốn giết. Vua ác bịnh ấy vì không thế lực sợ hãi ăn năn chừa lỗi mà làm lành. Vua láng giềng kia được phước vô lượng. Cũng vậy, Tỳ kheo giữ phép khu-khiển quở trách người phạm giới cho họ chừa lỗi làm lành thời đặng phước vô lượng.

Ví như nhà cửa ruộng vườn của ông trưởng giả mọc lên những cây gai độc. Trưởng giả biết được bèn chặt đốn sạch cả.

Lại như người trai trẻ đầu có tóc bạc, vì hỗ thẹn nên nhổ bỏ chẳng cho ra dài.

Cũng vậy, Tỳ kheo giữ pháp thấy có người phá giới hủy hoại chánh pháp, bèn nên khu-khiển quở trách cử tội. Tỳ kheo nầy là đệ tử của Như-Lai, là chơn thật Thanh-Văn. Nếu thấy mà bỏ qua, thời nên biết Tỳ kheo nầy là người hại Phật pháp".

Ca-Diếp Bồ-Tát lại bạch Phật rằng: "Bạch Thế Tôn ! Cứ như lời Phật dạy thời là không bình đẳng xem tất cả chúng sanh đồng như con là La-Hầu-La. Bạch Thế Tôn ! Nếu có một người cầm dao hại Phật, lại có một người đem nước chiên đàn thoa thân Phật. Như-Lai đối với hai người nầy nếu là tâm bình đẳng, sao lại bảo rằng phải trừng trị kẻ phạm luật. Nếu trừng trị kẻ phạm luật thời lời dạy kia có lỗi."

Phật nói : " Như quốc vương, đại thần tể tướng có bốn người con trai diện mạo khôi ngô, thông minh sáng suốt, đem giao cho giáo sư dạy dỗ và dặn rằng : Thầy gắng dạy chúng nó cho được toàn vẹn cả tài lẫn đức. Nếu chúng nó ngỗ nghịch, thầy phải nghiêm trị, dầu ba đứa bị đòn chết, còn một đứa được nên, chúng tôi cũng vui lòng.

Nầy Ca-Diếp ! Như vậy thời cha và thầy của các trẻ có phải tội sát sanh chăng ?

Ca-Diếp Bồ-Tát thưa : " Bạch Thế-Tôn, không ! Vì lòng thương muốn cho các trẻ được nên, chớ chẳng phải ác tâm. Dạy dỗ như thế đặng phước vô lượng".

Phật nói : " Cũng vậy, Như-Lai đối với kẻ phạm pháp xem đồng như con cả. Nay Như-Lai đem chánh pháp vô thượng phó chúc các vua, đại thần, tể tướng, Tỳ-kheo, Ty-ø kheo ni, Ưu-Bà-Tắc, Ưu-Bà-Di. Các vua, quan và bốn bộ chúng phải nên khuyên răn khích lệ các học chúng, khiến đặng tăng thượng giới, định, trí huệ. Nếu người nào không tu học ba phẩm pháp nầy lười biếng phá giới, hủy hoại chánh pháp, thời vua quan, bốn bộ chúng phải nên nghiêm trị.

Nầy Ca-Diếp ! Như vậy các vua, quan, bốn bộ chúng có mắc tội chăng?'

Ca-Diếp Bồ-tát thưa : "Bạch Thế Tôn. Không !"

Phật nói : " Các vua quan và bốn bộ chúng ấy còn không tội, huống là Như-lai.

Nầy Ca-Diếp ! Như-Lai khéo tu đức bình đẳng như vậy, xem các chúng sanh đồng là con cả. Tu như vậy gọi là Bồ-Tát tu tâm bình đẳng nơi các chúng sanh xem đồng là con. Bồ-Tát tu tập hạnh nghiệp bình đẳng nầy thời được thọ mạng lâu dài, lại cũng khéo biết những việc đời trước".

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật : " Bạch Thế-Tôn ! Như lời Phật dạy nếu Bồ-Tát tu tâm bình đẳng đối với chúng sanh xem như con ruột thời được thọ mạng dài lâu. Đức Như-Lai chẳng nên dạy như thế.

Như người biết phép, có thể giảng nói các hạnh hiếu thuận, khi về đến nhà lại lấy ngói đá ném đánh cha mẹ. Mà cha mẹ là ruộng phước lớn có ơn nhiều nên phải cúng dường, trở lại đánh đập, thời người biết phép nầy lời nói cùng hành động trái ngược nhau.

Lời dạy của Như-Lai cũng vậy. Bồ-Tát tu tâm từ bình đẳng được thọ mạng dài lâu biết được túc mạng, thường ở nơi đời không có đổi dời. Nay đây do duyên cớ gì mà đức Thế-Tôn thọ mạng rất ngắn đồng nhơn-gian ư ? Hay là Như-Lai có oán ghét chi chúng sanh ? Ngày trước Như-Lai làm nghiệp ác gì, giết chết mấy mạng, mà mắc báo đoản thọ sống không đầy trăm tuổi ư ?"

Phật bảo Ca-Diếp Bồ-tát : " Nay duyên cớ gì mà ông nói lời thô ở trước Như-Lai như thế ? Như-Lai trường thọ rất hơn hết trong các tuổi thọ. Như-Lai chứng được pháp thường trụ hơn hết trong các pháp thường trụ".

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật : "Bạch Thế-Tôn ! Đức Như-Lai được thọ mạng dài lâu thế nào?"

Phật nói : “ Như tám con sông lớn : một là sông Hằng, hai là sông Diêm-Ma-La, ba là sông Tát-La, bốn là sông A-Lợi-La, năm là sông Ma-Ha, sáu là sông Tân-Đầu, bảy là sông Bác-Xoa, tám là sông Tất-Đà. Tám con sông nầy cùng các sông nhỏ đều chảy vào biển lớn.

Cũng vậy, tất cả con sông thọ mạng của người, của trời, của đất, của hư không, đều vào trong biển thọ mạng của Như-Lai. Vì vậy, nên Như-Lai thọ mạng vô lượng.

Ví nhu ao A-Nậu chảy ra thành bốn con sông lớn. Cũng vậy, Như-Lai xuất sanh tất cả thọ mạng.

Ví như trong các pháp thường trụ, hư không là đệ nhứt. Cũng vậy, ở trong các pháp thường trụ, Như-Lai là đệ nhứt.

Như trong các vị thuốc, vị đề-hồ là đệ nhứt. Cũng vậy, trong các chúng sanh, thọ mạng của Như-Lai là đệ nhứt.”

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật : “ Bạch Thế-Tôn ! Nếu thọ mạng của Như-lai dài lâu như vậy, thời Như-Lai nên ở nơi đời hoặc một kiếp, hoặc ít hơn để thường tuyên diệu pháp, như tuôn mưa lớn”.

Phật dạy : “ Nầy Ca-Diếp ! ông chẳng nên ở nơi Như-Lai có quan niệm là diệt tận.

Nầy Ca-Diếp ! Nếu có Tỳ-Kheo, Tỳ-Kheo ni, Ưu-Bà-tắc, Ưu-Ba-Di, nhẫn đến ngoại đạo ngũ thông thần tiên, hạng được tự tại, hoặc sống một kiếp hay ít hơn, ở giữa hư không đi đứng nằm ngồi tự tại, nách tả phun lửa, nách hữu vọt nước, thân tuôn khói lửa, nếu muốn sống lâu, thời được như ý muốn. Đối với mạng sống hoặc dài hoặc ngắn đều tự tại. Người được ngũ thông còn đặng thần lực tùy ý như vậy, huống là Như-Lai đặng sức tự tại đối với tất cả pháp, mà lại không thể ở đời hoặc nửa kiếp, hoặc một, hai kiếp, hoặc trăm ngàn kiếp, hoặc vô lượng kiếp sao ? Vì những nghĩa ấy, phải biết rằng Như-Lai là pháp thường trụ chẳng biến đổi. Thân của Như-Lai đây là thân biến hóa chẳng phải thân tạp thực. Vì độ chúng sanh nên thị hiện đồng với chúng. Vì vậy, nên thị hiện bỏ thân mà nhập Niết-bàn.

Ông nên biết rằng Phật là pháp thường trụ, là pháp không biến đổi.Ở trong đệ nhứt nghĩa nầy, các ông phải nên siêng năng tinh tấn nhứt tâm tu tập. Mình đã tu tập và vì người khác mà giảng nói”.

Ca-Diếp Bồ-Tá thưa : " Bạch Thế-Tôn ! Có sự sai khác gì giữa xuất-thế-pháp cùng thế pháp ? Như lời Phật dạy : Phật là pháp thường trụ, là pháp không biến đổi. Người đời cũng nói Phạm-Thiên là thường, Tự-Tại-Thiên là thường, không biến đổi, họ cũng nói Ngã là thường, Tánh là thường, Vi-Trần cũng thường.

Nếu nói Như-Lai là pháp thường trụ, cớ sao Như-lai chẳng thường hiện nơi đời ? Nếu không thường hiện nơi đời thời có khác gì nghĩa thường của thế gian . Vì Phạm-Thiên nhẫn đếùn vi trần cũng chẳng hiện".

Phật bảo Ca-Diếp Bồ-Tát : Ví như nhà trưởng giả kia có nuôi nhiều bò, màu lông khác nhau, đồng chung một bầy. Trưởng giả giao bầy bò cho người chăn thả đi ăn cỏ uống nước, chỉ vì vị đề-hồ chớ chẳng cầu sữa bơ. Người chăn ấy vắt sữa rồi tự uống. Trưởng giả chết, bao nhiêu bò đều bị bọn cướp đoạt cả. Bọn cướp tự vắt sữa ra uống, rồi bàn với nhau rằng ông Trưởng giả nuôi bầy bò nầy chỉ muốn đặng vị đề-hồ chớ không cầu sữa bơ. Chúng ta làm cách gì để đặng đề-hồ. Đề-hồ là phẩm vật quý nhứt trong đời. Chúng ta không có gì đựng, dầu vắt được sữa cũng không chỗ chứa. Chúng lại bàn đựng sữa trong túi da. Dầu có đồ đựng nhưng vì không biết cách làm, nên bơ còn không được thành, huống là đề-hồ . Vì muốn được đề-hồ, bọn cướp đổ thêm nước vào túi sữa, vì quá nhiều nước nên chẳng những không được đề-hồ, bơ, mà cả sữa cũng mất.

Phàm phu cũng vậy, dầu có pháp lành nhưng đều là pháp thừa của Như-Lai. Sau khi Thế-Tôn nhập Niết-bàn, họ trộm pháp lành thừa của Như-Lai hoặc, giới, định, hoặc huệ. Như bọn cướp đoạt bầy bò. Hạng phàm phu dầu lại đặng giới, định, trí huệ, nhưng không có phương tiện nên chẳng giải thuyết được. Vì nghĩa nầy nên họ không thể đặng thường giới, thường định, thường huệ giải thoát. Như bọn cướp kia chẳng biết phương tiện không được đề-hồ, rồi vì đề-hồ mà đổ nước vào sữa. Cũng vậy, hạng phàm phu vì giải thoát mà nói Ngã hoặc Phạm-Thiên, Tự-Tại-Thiên, nhẫn đến Phi-Tưởng, Phi-Phi-Tưởng-Thiên chính là Niết-bàn kỳ thiệt họ chẳng được giải thoát Niết-bàn. Như bọn cướp kia không được đề-hồ.

Hạng phàm phu ấy có chút ít phạm hạnh, cúng dường cha mẹ, nhờ đây được sanh lên trời hưởng một ít an lạc, như bọn cúop kia được sữa pha với nước. Mà hạng phàm phu ấy thiệt chẳng biết là do tu ít phạm hạnh, cúng dường cha mẹ đặng sanh lên cõi trời, họ lại chẳng biết được giới, định, trí huệ, quy-y Tam-bảo, rồi do chẳng biết mà nói thường, lạc, ngã, tịnh. Dầu lại nói

thường, lạc, ngã, tịnh, mà thiệt ra thời họ chẳng biết. Vì thế nên sau khi ra đời, Như-Lai vì chúng sanh mà diễn nói thường, lạc, ngã, tịnh.

Như vua Chuyển-Luân ra đời, do sức phước đức của vua nên bọn cướp tan vỡ, bầy bò vẫn còn nguyên vẹn. Nhà vua bèn giao bầy bò cho người chăn rành nghề, do đó mà được đề-hồ, và nhờ đề-hồ ma nhơn dân khỏi bịnh khổ.

Lúc đấng Pháp-Vương ra đời, hạng phàm phu không thể diễn thuyết giới, định, trí huệ kia liền tan rã như bọn cướp. Bấy giờ Như-Lai khéo giảng thế-pháp và xuất-thế-pháp. Vì chúng sanh mà khiến các vị Bồ-tát theo đó để diễn thuyết. Chư đại Bồ-tát đã được đề-hồ, lại làm cho vô số chúng sanh được pháp-vị cam-lộ vô-thượng, tức là thường, lạc, ngã, tịnh, của Như-lai.

Nầy Ca-Diếp 1 Vì những nghĩa ấy, nên Như-Lai là thường, là pháp không biến đổi. Chẳng đồng hạng người ngu trong đời gọi Phạm-Thiên v.v… là pháp thường còn.

Gọi là pháp thường trụ thời phải là Như-Lai chớ chẳng phải pháp nào khác. Ông phải hiểu biết thân Như-Lai là như vậy.

Nầy Ca-Diếp ! Mọi người nên thường chuyên lòng tu hai chữ nầy : Phật là "Thường-trụ". Nếu thiện-nam-tử, thiện-nữ-nhơn nào tu hai chữ nầy, nên biết người ấy đi theo đường Phật đi, đến chỗ Phật đến.

Nầy Ca-Diếp ! Nếu người tu tập hai chữ nầy làm tướng tịch diệt, nên biết Như-Lai thời là nhập Niết-bàn đối với người ấy.

Nầy Ca-Diếp ! Nghĩa Niết-bàn chính là pháp tánh của chư Phật".

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật : " Bạch Thế-Tôn ! Pháp tánh của chư Phật nghĩa thế nào ? Nay con muốn biết nghĩa của pháp tánh. Cúi mong Đức Như-Lai xót thương giải rộng cho.

Vả pháp tánh tức là xả thân, xả thân gọi là vô-sở-hữu, nếu vô-sở-hữu thời thân làm sao còn. Thân nếu còn tại sao lại nói thân có pháp tánh ? Thân có pháp tánh sao thân lại còn ?

Nay con phải hiểu như thế nào về nghĩa ấy ?"

Phật dạy : " Nầy Ca-Diếp ! Nay ông chẳng nên nói diệt là pháp tánh. Pháp tánh không có diệt.

Ví như vô-tưởng-thiên thành tựu sắc ấm mà không có sắc tưởng. Chẳng nên hỏi rằng các ông trời ấy sung sướng hưởng vui thế nào ? Nghĩ tưởng những gì ? Thấy nghe thế nào ?

Nầy Ca-Diếp ! Cảnh giới của Như-lai chẳng phải là chỗ biết của Thanh-Văn Duyên-Giác. Chẳng nên nói rằng thân của Như-Lai là pháp diệt.

Nầy Ca-Diếp ! Pháp diệt như thế là cảnh giới của Phật, chẳng phải hàng Thanh-Văn Duyên-Giác biết được.

Nay ông không nên nghĩ lường Như-Lai ở chỗ nào, đi chỗ nào, thấy chỗ nào, vui chỗ nào ? Những nghĩa ấy, cũng chẳng phải các ông biết được. Pháp thân của Phật, các thứ phương tiện chẳng thể nghĩ bàn.

Nầy Ca-Diếp ! Nên phải tu tập Phật, Pháp và Tăng mà quán tưởng là thường. Ba pháp ấy không có dị tưởng. Không vô thường tưởng, không biến dị tưởng. Nếu ở nơi ba pháp tu dị-tưởng, phải biết rằng tam quy thanh tịnh của những người nầy thời không chỗ y-nương, cấm giới của họ đều chẳng đầy đủ. Trọn chẳng chứng được quả Thanh-Văn, Duyên-Giác, Bồ-Đề. Nếu có thể ở nơi bất khả tư-nghị nầy tu thường-tưởng thời có chỗ quy-y.

Nầy ca-Diếp ! Ví như nhơn nơi cây thời có bóng cây. Cũng vậy, vì Như-Lai có pháp thường trụ thời có chỗ quy-y, chớ chẳng phải là vô thường. Nếu cho rằng Như-Lai là vô thường thời Như-Lai không phải là chỗ quy-y của người và của trời”.

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật : “ Bạch Thế-Tôn ! Ví như trong tối có cây mà không có bóng”.

Phật nói : “Này Ca-Diếp ! Ông không nên nói có cây mà không có bóng, Chỉ vì nhục nhãn không thấy đó thôi. Cũng vậy, tánh Như-lai là thường trụ, la không biến đổi. Người không có con mắt trí huệ thời không thấy được. Như trong tối không thấy bóng cây. Cũng vậy, sau khi Phật nhập diệt, hạng phàm phu nói Như-Lai là vô thường. Nếu cho rằng Phật khác với Pháp và Tăng thời chẳng thành chỗ của ba Pháp quy- y. Như cha mẹ của ông mỗi mỗi sai khác, nên thành vô thườntg”.

Ca-Diếp Bồ-Tát lại bạch Phật : “ Bạch Thế-Tôn ! Bắt đầu từ nay, con sẽ đem ba pháp thường trụ Phật, Pháp và Tăng để khai ngộ cho cha mẹ, nhẫn đến cha mẹ trong bảy đời đều khiến phụng trì.

Bạch Thế-Tôn ! Nay con phải học Phật, Pháp, Tăng bất-khả-tư-nghị. Tự mình học rồi lại sẽ vì người mà giảng giải những nghĩa ấy. Nếu người nào không tin không nhận, thời người đó là kẻ tu pháp vô thường đã lâu. Con sẽ làm sương móc, làm mưa giá cho hạng người nầy".

Phật khen Ca-Diếp Bồ-Tát : "Lành thay ! Lành thay ! Nay ông khéo có Thể hộ trì chánh pháp. Hộ pháp như vậy thời là không khinh khi người. Do nơi nghiệp nhơn không khinh khi người mà được quả báo trường thọ, biết rành những đời đã qua"

V

PHẨM KIM CANG THÂN THỨ NĂM

(Hán bộ phần giữa quyển thứ ba)

Bấy giờ đức Phật lại bảo Ca Diếp Bồ Tát: "Nầy Ca Diếp! Thân Như Lai là thân thường trụ, thân bất hoại, thân kim cang chẳng phải là thân tạp thực. Chính là pháp thân".

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật: "Bạch thế tôn! Những thân của Phật nói đó con đều chẳng thấy, con chỉ thấy những thân vô thường, phá hoại, vi trần, tạp thực thôi, vì rằng đức Như Lai sắp nhập niết bàn".

Phật dạy: "Nầy Ca Diếp! Ông chớ cho rằng thân của Như Lai hư hoại không bền, như thân phàm phu."

"Ông nên biết rằng thân Như Lai trong vô lượng ức kiếp luôn bền chắc không hư hoại, không phải thân người, thân trời, không phải thân sợ sệt, chẳng phải thân tạp thực. Thân của Như Lai chẳng phải thân mà là thân, chẳng sanh chẳng diệt, chẳng tập chẳng tu, vô lượng vô biên, không có dấu vết, vô tri vô hình, rốt ráo thanh tịnh, không có lay động, không phải thọ hành, chẳng trụ chẳng làm, không mùi vị không xen tạp, chẳng phải hữu vi, chẳng phải nghiệp, chẳng phải quả, chẳng phải dời chẳng phải diệt, chẳng phải tâm vương tâm sở, chẳng thể nghĩ bàn, thường chẳng thể nghĩ bàn, không thức, rời tâm cũng chẳng rời tâm, tâm đó bình đẳng không có mà cũng có, không đến đi mà cũng đến đi, chẳng phá hoại, chẳng đoạn tuyệt, chẳng sanh diệt, không chủ mà cũng là chủ, chẳng phải hữu vô, chẳng phải giác quán, chẳng danh tự chẳng phải không danh tự, chẳng phải định chẳng phải không định, không thể thấy mà cũng thấy rành rành, không nơi chỗ cũng là nơi chỗ, không tối không sáng, không tịch tịnh mà cũng tịch tịnh, là

vô sở hữu, chẳng nhận lấy chẳng ban cho, trong sạch không nhơ, không tranh đua, dứt tranh đua, trụ nơi vô trụ, chẳng chấp lấy chẳng sa mắc, chẳng phải pháp chẳng phải phi pháp, chẳng phải phước điền chẳng phải không phước điền, vô tận bất tận, lìa tất cả tận, là rỗng không rời rỗng không, dầu chẳng thường trụ mà cũng thường trụ, chẳng phải niệm niệm diệt, không có cấu trược, không danh tự rời danh tự, chẳng phải tiếng chẳng phải nói, cũng chẳng phải tu tập, chẳng phải cân lường, chẳng phải nhứt dị, chẳng phải hình tượng, chẳng phải tướng mạo mà đủ tướng tốt trang nghiêm, chẳng phải dõng mãnh, chẳng phải sợ sệt, không tịch chẳng tịch, không nhiệt chẳng nhiệt, không thể xem thấy không có tướng mạo.

Như Lai độ thoát tất cả chúng sanh vì không ai độ thoát cho. Như Lai có thể làm cho chúng sanh được hiểu biết được giác ngộ, vì không ai giác ngộ cho. Như Lai thuyết pháp đúng như thật vì không có hai, chẳng thể nghĩ lường vì không sánh bằng, bình đẳng như hư không chẳng có hình mạo, đồng tánh vô sanh chẳng đoạn chẳng thường, thường hành nhứt thừa chúng sanh thấy là ba, chẳng thối chẳng chuyển, dứt tất cả kiết sử, chẳng gây chẳng chạm, chẳng phải tánh mà trụ nơi tánh, chẳng phải hiệp chẳng phải tan, chẳng phải dài chẳng phải vắn, chẳng phải tròn chẳng phải vuông, chẳng phải ngũ ấm lục nhập, thập bát giới mà là ấm, nhập, giới, chẳng phải thêm chẳng phải tổn, chẳng phải hơn chẳng phải thua. Thân của Như Lai thành tựu vô lượng công đức như vậy, không có ai biết không ai chẳng biết, không ai thấy không ai chẳng thấy, chẳng phải hữu vi chẳng phải vô vi, chẳng phải thời gian chẳng phải không thời gian, chẳng phải làm chẳng phải chẳng làm, chẳng phải nương chẳng phải không nương, chẳng phải tứ đại chẳng phải không tứ đại, chẳng phải nhơn chẳng phải chẳng nhơn, chẳng phải chúng sanh chẳng phải chẳng chúng sanh, chẳng phải Sa Môn chẳng phải Bà La Môn, là sư tử là đại sư tử, chẳng phải thân chẳng phải chẳng thân, chẳng thể tuyên thuyết, trừ một pháp tướng không tính đếm được, lúc nhập niết bàn chẳng nhập niết bàn. Pháp thân của Như Lai thảy đều thành tựu vô lượng công đức như vậy.

Nầy Ca Diếp! Chỉ có Như Lai mới biết tướng ấy, chẳng phải hàng Thanh Văn Duyên Giác biết được. Những công đức như vậy thành thân của Như Lai, chẳng phải thân do tạp thực nuôi lớn.
Nầy Ca Diếp! Chơn thân của Như Lai có công đức như vậy, đâu lại có các bịnh hoạn mỏng manh chẳng bền như đồ gốm chưa hầm kia ư? Sở dĩ Như Lai thị hiện có sự khổ là vì muốn điều phục các chúng sanh.

Nay ông phải biết thân Như Lai là thân kim cang. Từ ngày nay ông phải chuyên tâm suy nghĩ nghĩa ấy, chớ nghĩ là thân tạp thực. Cũng nên vì người mà giảng nói thân Như Lai tức là pháp thân".

Ca Diếp bồ tát bạch Phật: "Bạch Thế Tôn! Đức Như Lai thành tựu công đức như vậy, sao thân Như Lai phải có bịnh khổ vô thường phá hoại?

Từ ngày nay, con phải thường suy nghĩ thân của Như Lai là pháp thân thường trụ, là thân an lạc. Con cũng sẽ nói rộng nghĩa ấy cho người khác cùng nghe biết.

Kính bạch Thế Tôn! Pháp thân của Như Lai Kim Cang bất hoại, mà con chưa rỏ nguyên do thế nào."

Phật dạy: "Nầy Ca Diếp! Vì nhơn duyên hay hộ trì chánh pháp nên được thành tựu thân Kim Cang này.

Nầy Ca Diếp! Do vì ngày trước Như Lai hộ pháp nên nay được thân Kim cang thường trụ bất hoại này.

Nầy Ca Diếp! Người hộ trì chánh pháp chẳng thọ năm giới, chẳng tu oai nghi. Phải cầm binh khí hộ trì Tỳ Kheo giữ giới thanh tịnh".

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật: "Bạch Thế Tôn! Nếu có Tỳ Kheo rời sự hộ trì, ở riêng nơi vắng vẻ, bên gò, dưới cây, thời nên gọi vị này là chơn Tỳ Kheo. Nếu có người theo giữ gìn, phải biết vị này là cư sĩ trọc."

Phật bảo Ca Diếp Bồ Tát: "Ông chớ nói là Cư sĩ trọc. Nếu có Tỳ Kheo tùy ở chỗ nào nuôi thân vừa đủ, đọc tụng kinh điển, tư duy tọa thiền. Có ai đến thưa hỏi đạo pháp, thời giảng nói phước đức trì giới, bố thí, ít muốn biết đủ. Dầu hay thuyết pháp như vậy mà vẫn không thể tuyên thuyết pháp đại thừa, không có đồ chúng đại thừa, không hàng phục được kẻ ác phi pháp. Tỳ Kheo này không có thể đem lợi ích lại cho chính mình và chúng sanh. Phải biết Tỳ Kheo này lười nhác biếng trễ. Dầu hay giữ giới gìn hạnh thanh tịnh mà không làm được việc gì.

Nếu có Tỳ Kheo nuôi thân đầy đủ, giữ gìn cấm giới đã thọ, có thể giảng rộng giáo lý vi diệu đại thừa trong chín bộ kinh, để lợi ích an lạc các hạng chúng sanh. Xướng lên rằng: Trong kinh Niết Bàn, đức Phật bảo các Tỳ Kheo chẳng được chứa nuôi tôi tớ trâu bò dê lợn, những vật phi pháp. Nếu có Tỳ Kheo nào chứa nuôi những vật bất tịnh ấy thời phải răn trị. Đức Như

Lai ở trong bộ kinh khác đã từng nói có Tỳ Kheo nuôi chứa những vật phi pháp ấy, bị quốc vương y cứ pháp trừng trị bắt phải hoàn tục.

Nếu có Tỳ Kheo lúc tuyên thuyết những lời như trên đây, những kẻ phá giới nghe được rất oán giận bèn hại vị pháp sư này. Dầu bị giết chết, nhưng vị pháp sư này vẫn được gọi là bực trì giới lợi mình lợi người. Vì do duyên này nên Như Lai cho phép vua quan, cư sĩ hộ trì người thuyết pháp. Nếu ai muốn được hộ trì chánh pháp phải nên học như vậy.

Nầy Ca Diếp! Người phá giới chẳng hộ trì chánh pháp, gọi là cư sĩ trọc. Chẳng phải người trì giới mang phải danh từ ấy.

Nầy Ca Diếp! Về đời quá khứ đã vô lượng vô biên vô số kiếp, nơi thành Câu Thi Na này có Phật ra đời hiệu Hoan Hỉ Tăng Ích Như Lai đủ cả mười đức hiệu. Lúc ấy cõi nước rộng lớn tốt đẹp giàu vui, nhơn dân đông đầy ấm no như chư Bồ Tát ở cõi An Lạc. Phật Hoan Hỉ Tăng Ích ở đời rất lâu, cơ duyên đã mãn, Ngài nhập Niết Bàn, nơi rừng Ta La. Sau khi Phật Hoan Hỉ Tăng Ích nhập Niết Bàn. Chánh pháp còn ở đời vô lượng ức năm, lúc còn lại bốn mươi năm cuối cùng, bấy giờ có một Tỳ Kheo trì giới hiệu là Giác Đức có đông đồ chúng. Tỳ Kheo Giác Đức hay tuyên thuyết chín bộ kinh. Cấm các Tỳ Kheo không được chứa nuôi tôi tớ trâu bò heo dê, những vật phi pháp. Bấy giờ có các Tỳ Kheo phá giới oán ghét theo làm hại Giác Đức. Quốc vương Hữu Đức nghe được việc ấy, vì hộ pháp nên nhà vua liền vội đến đấu chiến với bọn phá giới, nhờ đó mà pháp sư Giác Đức khỏi nạn. Nhà vua cả mình bị thương rất nặng. Pháp sư Giác Đức liền khen vua rằng: "Lành thay! Lành thay! Nay vua thiệt là người hộ pháp, đời sau, thân vua sẽ là vô lượng pháp khí". Vua nghe lời ấy lòng rất vui mừng, rồi liền chết sanh về cõi Phật A Súc làm vị đệ tử thứ nhứt. Quân lính nhơn dân hoặc người theo vua chiến đấu, hoặc tùy hỉ đều được không thối chuyển tâm bồ đề, sau khi chết họ cũng được sanh về nước của Phật A Súc. Pháp sư Giác Đức khi mãn thọ cũng sanh về cõi ấy làm vị đệ tử thứ hai trong chúng Thanh Văn của Phật A Súc.

Nầy Ca Diếp! Quốc Vương trước kia là tiền thân của Như Lai đây, Pháp sư Giác Đức là tiền thân của Phật Ca Diếp.

Nếu lúc chánh pháp sắp diệt phải nên hộ trì như vậy. Người hộ pháp được vô lượng quả báo, vì thế nên nay Như Lai được nhiều tướng tốt để tự trang nghiêm, thành tựu pháp thân không biến hoại".

Ca Diếp Bồ Tát lại bạch Phật rằng: "Bạch Thế Tôn! Thân chơn thường của Như Lai cũng như khắc chạm vào đá".

Phật bảo Ca Diếp Bồ Tát: "Nầy Ca Diếp! Vì nhơn duyên như vậy nên Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di phải siêng năng hộ trì chánh pháp. Hộ pháp được quả báo rộng lớn vô lượng.

Nầy Ca Diếp! Vì những cớ ấy nên hàng Ưu Bà Tắc v.v... phải cầm binh khí ủng hộ vị Tỳ Kheo trì pháp như Giác Đức kia. Nếu cứ thọ trì ngũ giới chẳng đặng gọi là người đại thừa. Người hộ trì chánh pháp nên phải cầm binh khí hầu người thuyết pháp."

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật: "Bạch Thế Tôn! Nếu chư Tỳ Kheo làm bạn với hàng Ưu Bà Tắc cầm binh khí như vậy, là có thầy hay không có thầy? Là trì giới hay phá giới?".

Phật nói: "Ông chớ nói những người ấy là phá giới.

Nầy Ca Diếp ! Sau khi ta nhập niết bàn đời trược ác, cõi nước hoang loạn, đánh cướp lẫn nhau, nhơn dân đói khổ. Bấy giờ có người vì đói khổ nên phát tâm xuất gia, người như vậy gọi là người trọc. Hạng trọc ấy thấy Tỳ Kheo thanh tịnh giữ giới oai nghi đầy đủ hộ trì chánh pháp, bèn xua đuổi hoặc giết hại".

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Bạch Thế Tôn ! Nếu như vậy thời Tỳ Kheo trì giới hộ trì chánh pháp, làm thế nào vào tụ lạc thành ấp để giáo hóa".

Phật nói : "Vì vậy nên Như Lai cho phép Tỳ Kheo trì giới cùng làm bạn với hàng cư sĩ cầm khí giới. Trong trường hợp trên đây, các quốc vương, đại thần, trưởng giả, Ưu Bà Tắc v.v... vì hộ pháp mà cầm binh khí. Như Lai gọi họ là người trì giới. Dầu cầm binh khí, nhưng chẳng nên giết chết người, nếu được như vậy thời được gọi là người trì giới bực nhứt.

Nầy Ca Diếp ! Người đủ chánh kiến có thể giảng rộng kinh điển đại thừa, trọn nắm cầm tàng lọng của hàng vương giả, bình dầu, gạo thóc, các thứ dưa trái. Chẳng vì lợi dưỡng mà thân cận vua, quan, trưởng giả. Đối với các đàn việt tâm không đua vạy, đầy đủ oai nghi, phục trừ hạng ác phá giới, đây gọi là bực thầy trì giới hộ pháp. Người này có thể làm chơn thiện tri thức cho chúng sanh. Tâm người này rộng lớn như biển cả.

Nầy Ca Diếp ! Nếu có Tỳ Kheo vì cầu lợi mà thuyết pháp cho người. Đồ chúng quyến thuộc của Tỳ Kheo nầy cũng bắt chước thầy mà cầu lợi, Tỳ Kheo này bèn là tự phá hoại tăng chúng.

Nầy Ca Diếp ! Tăng chúng có ba hạng: một là phạm giới tạp tăng, hai là ngu si tăng, ba là thanh tịnh tăng. Hạng phá giới tạp tăng thời d phá hoại. Hạng tăng thanh tịnh trì giới thời lợi danh không làm hư được.

Thế nào là phá giới tạp tăng ? Nếu thầy Tỳ Kheo dầu là giữ gìn giới cấm, mà vì cầu lợi nên cùng với người phá giới ở chung, ngồi chung, đi chung, sự nghiệp chung, đây gọi là phá giới cũng gọi là tạp tăng.

Thế nào là ngu si tăng ? Nếu có Tỳ Kheo ở nơi A Lan Nhã, tâm trí tối khờ đần độn, thiểu dục đi khất thực. Đến ngày thuyết giới ngày tự tứ, bảo các đệ tử thanh tịnh sám hối. Thấy người không phải đệ tử phạm giới không có thể bảo thanh tịnh sám hối, mà bèn chung thuyết giới tự tứ. Đây gọi là hạng ngu si tăng.

Thế nào là thanh tịnh tăng ? Có Tỳ Kheo Tăng không bị trăm ngàn loài ma làm trở hoại. Đại chúng Bồ Tát nầy bổn tánh thanh tịnh, có thể điều phục được hai bộ chúng trên làm cho đều an trụ trong chúng thanh tịnh. Đây gọi là bực đại sư Hộ Pháp vô thượng.

Người khéo trì luật vì muốn điều phục lợi ích chúng sanh, rõ biết hành tướng hoặc khinh hoặc trọng của giới, không phải luật thời không chứng biết, còn phải là luật thời bèn chứng biết.

Thế nào là điều phục lợi ích chúng sanh? Nếu là Bồ Tát vì giáo hóa chúng sanh mà thường vào xóm làng chẳng chọn thời tiết, hoặc đến nhà của góa phụ, dâm nữ mà cùng ở chung nhiều năm. Đây gọi là điều phục lợi ích chúng sanh. Nếu là hàng Thanh Văn thời không nên làm như vậy.

Thế nào gọi là giới trọng ? Nếu thấy đức Như Lai nhơn sự chế giới, từ ngày nay ông phải cẩn thận chớ lại phạm, như bốn giới trọng người xuất gia không nên làm mà bèn cố ý làm là không phải là Sa Môn, không phải hàng Thích tử, đây gọi là trọng.

Thế nào là giới khinh? Nếu phạm tội nhẹ, ba lần can gián, nếu hay bỏ được, đây gọi là khinh. Chẳng phải luật không chứng biết, là khi có người khen nói những vật không thanh tịnh nên thọ dùng thời không ở chung với người ấy.

Phải là luật thời chứng biết, là khéo học giới luật, chẳng gần người phá giới, thấy ai thật hành thuận với giới luật thời lòng vui mừng, khéo hay giải thuyết thế nào là chỗ làm của Phật pháp, đây gọi là luật sư. Khéo hiểu nhứt tự, khéo gìn khế kinh cũng lại như vậy.

Nầy Ca Diếp ! Phật pháp vô lượng chẳng thể nghĩ bàn. Như Lai cũng vậy chẳng thể nghĩ bàn".

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật: "Bạch Thế Tôn ! Đúng như lời đức Phật dạy, Phật pháp vô lượng chẳng thể nghĩ bàn. Như Lai cũng vậy chẳng thể nghĩ bàn. Vì thế nên biết Như Lai thường trụ chẳng biến đổi chẳng hư hoại. Nay con khéo học và cũng sẽ giảng rộng cho người về nghĩa ấy".

Phật khen Ca Diếp Bồ Tát : "Lành thay! Lành thay! Thân Như Lai là thân Kim Cang bất hoại. Bồ Tát phải khéo học như vậy, thấy chơn chánh biết chơn chánh như vậy. Nếu có thể thấy biết rành rẽ như vậy, thời là thấy thân kim cang không hư hoại của Phật, như thấy hình sắc trong gương sáng".

VI

PHẨM DANH TỰ CÔNG ĐỨC THỨ SÁU

(Hán bộ phần sau quyển thứ ba)

Bấy giờ đức Như-Lai lại bảo Ca-Diếp Bồ-Tát : “Nầy Ca-Diếp ! Nay ông nên khéo thọ trì danh tự chương cú cùng công đức của kinh nầy. Nếu có ai được nghe tên kinh nầy, thời không còn phải sanh vào bốn đường ác. Vì kinh nầy là chỗ tu tập của vô-lượng vô-biên chư Phật. Nay Như-Lai sẽ nói về chỗ được công đức.

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật : “ Bạch Thế-Tôn ! Kinh nầy tên gì ? Đại Bồ-Tát phụng trì thế nào ?”

Phật dạy : “ Kinh nầy tên là Đại-Bát-Niết-Bàn”. Tất cả lời hoặc thượng, hoặc trung, hoặc hạ đều lành cả. Nghĩa vị thâm thúy, văn trong kinh cũng lành, tinh-thuần đầy đủ phạm-hạnh thanh tịnh, Bửu-tạng kim cang đầy đủ không thiếu. Nay ông khéo nghe, Như-Lai sẽ nói.

Nầy Ca-Diếp ! Nói là Đại đó gọi là Thường, như tám sông lớn đều chảy về biển cả. Kinh nầy hàng phục các kiết sử phiền não và các tánh ma, rồi cần phải ở nơi Đại-bát Niết-bàn mà buông bỏ thân mạng. Vì thế nên tên là Đại-Bát-Niết-Bàn.

Lại như Y-sư có một bí phương, nhiếp cả các phương thuốc khác. Cũng vậy, bao nhiêu môn diệu pháp thâm-áo bí mật đều vào nơi "Đại-Bát Niết-Bàn". Vì thế nên gọi là "Đại-Bát-Niết-Bàn".

Ví như nông phu, tháng mùa xuân gieo giống thường có hy vọng lúc đã gặt hái xong thời không hy vọng nữa.

Cũng vậy, tất cả chúng sanh tu học các thứ kinh khác thường hy vọng mùi vị, nếu được nghe kinh Đại-Bát-Niết-Bàn nầy, thời sự hy vọng mùi vị nơi các kinh kia thảy đều dứt hẳn.

Đại-Niết-Bàn đây có thể làm cho chúng sanh qua khỏi các giòng hữu-lậu trong ba cõi.

Nầy Ca-Diếp ! Như trong các dấu chưn, dấu chưn voi là hơn cả. Cũng vậy, kinh nầy là đệ nhứt nơi các kinh Tam-muội.

Như cày ruộng, mùa thu cày là hơn cả, cũng vậy, trong các kinh, kinh nầy là hơn cả.

Như trong các vị thuốc, vị đề-hồ là thứ nhứt hay trị bịnh nhiệt não loạn tâm của chúng sanh, cũng vậy, kinh Đại-Bát-Niết-Bàn là thứ nhứt.

Như bơ ngọt đủ cả tám mùi. Cũng vậy, kinh nầy đầy đủ tám vị. Những gì là tám ? Một là "thường", hai là "hằng", ba là "an", bốn là "thanh lương", năm là "chẳng già", sáu là "chẳng chết", bảy là "không nhơ", tám là "khoái lạc" . Vì đầy đủ tám vị nên gọi là " Đại-Bát-Niết-Bàn".

Nếu các đại Bồ-Tát an trụ trong đây thời lại có thể thị hiện Niết-bàn ở nhiều nơi. Vì thế nên gọi là "Đại-Bát-Niết-Bàn".

Nầy Ca-Diếp ! Nếu người nào muốn ở nơi Đại-Bát-Niết-Bàn đây mà Niết-Bàn thời phải học như vầy : Như-Lai thường-trụ, Pháp và Tăng cũng thường-trụ.

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật : “ Bạch Thế-tôn ! Công đức của Như-Lai chẳng thể nghĩ bàn. Pháp và Tăng cũng không thể nghĩ bàn. Đại-Niết-Bàn đây cũng không thể nghĩ bàn.

Nếu có người tu học kinh điển nầy thời đặng pháp môn chơn chánh, có thể làm lương y. Nếu là chưa học, nên biết người nầy đui mù không con mắt trí huệ bị vô minh che đậy”.

VII

PHẨM TỨ TƯỚNG THỨ BẢY

(Hán bộ trọn quyển thứ tư và thứ năm)

Đức Phật lại bảo Ca Diếp Bồ Tát: "Vị Đại Bồ Tát phân biệt khai thị Đại Bát Niết Bàn có bốn tướng nghĩa: một là tự chánh, hai là chánh tha, ba là hay tùy vấn đáp, bốn là khéo hiểu nghĩa nhơn duyên.

Thế nào là "Tự Chánh" ? Nếu đức Như Lai thấy các nhơn duyên mà có chỗ đáng dạy bảo. Như có Tỳ Kheo thấy cụm lửa lớn bèn nói rằng: thà rằng tôi tự ôm lấy cụm lửa nầy, trọn chẳng dám ở nơi chỗ đức Như Lai giảng thuyết mười hai phần kinh và tạng bí mật, mà hủy báng là của ma Ba Tuần nói chứ không phải Phật. Thà lấy dao bén cắt đứt lưỡi mình, không bao giờ nói Như Lai, Pháp và Tăng là vô thường. Hoặc nghe người khác nói như vậy tôi cũng không tin nhận mà còn thương xót cho kẻ ấy.

Như Lai, Pháp và Tăng chẳng thể nghĩ bàn, nên thọ trì như vậy. Tự xem thân mình như cụm lửa. Đây gọi là Tự Chánh".

Thế nào là "Chánh Tha" ? Lúc nọ Phật đang thuyết pháp, có một người nữ vào l¬ Phật rồi ngồi qua một bên. Đức Thế Tôn biết mà cố ý hỏi rằng: Có phải nàng vì quá thương con, mà mớm cho con ăn nhiều chất bơ, rồi không biết có tiêu hoá hay không tiêu hoá? - Người nữ liền bạch Phật: "Lạ lùng thay! đức Thế Tôn biết được tâm niệm của con. Bạch Thế Tôn! Sớm mai này tiện nữ cho con ăn nhiều chất bơ, lòng tiện nữ sợ rằng không tiêu hoá được, nó sẽ phải bệnh. Ngưỡng mong đức Như Lai chỉ dạy cho." - Phật dạy: "Con nàng ăn thức ấy đã tiêu hoá tốt, nó sẽ được khoẻ mạnh". Người nữ

nghe đức Phật nói, thời vui mừng hớ hở và thốt lời rằng: "Vì đức Như Lai nói đúng như thiệt nên con vui mừng".

Đức Thế Tôn vì muốn điều phục các chúng sanh, mà khéo phân biệt nói tiêu hay chẳng tiêu, cũng nói các pháp vô ngã, vô thường. Nếu Phật nói "thường" trước, các đệ tử sẽ cho rằng pháp nầy đồng với ngoại đạo mà không chịu tin theo, vì hàng thanh văn đệ tử sẽ chẳng tiêu được pháp thường trụ, nên Như Lai trước dạy pháp "khổ", "vô thường". Khi mà hàng thanh văn đệ tử đã đầy đủ công đức, đủ sức tu tập kinh pháp đại thừa, Như Lai ở kinh nầy nói sáu vị: Một là "Khổ", vị chua; hai là "vô thường", vị mặn; ba là "vô ngã", vị đắng; bốn là "lạc", vị ngọt; năm là "ngã", vị cay; sáu là "thường", vị lạt.

Trong thế gian kia có ba vị: vô thường, vô ngã, và khổ, phiền não làm củi, trí huệ làm lửa, do các nhơn duyên đó mà thành cơm niết bàn tức là "thường, lạc và ngã", làm cho các đệ tử đều được nếm mùi ngọt ngon.

Phật lại bảo người nữ rằng: "Nếu nàng có sự duyên muốn đến xứ khác, thời phải đuổi đứa con trai hung ác ra khỏi nhà, rồi đem gia nghiệp giao cho đứa con trai hiền lành." Người nữ bạch Phật rằng: "Thiệt đúng như lời đức Thế Tôn dạy, gia nghiệp nên giao cho đứa con hiền, chớ chẳng nên giao cho đứa con dữ." Phật nói: "Như Lai cũng vậy, lúc nhập niết bàn, đem tạng pháp vô thượng phó chúc cho các vị Bồ Tát, chớ không giao cho hàng Thanh văn, vì hàng Thanh văn tưởng là Như Lai thiệt diệt độ. Còn các vị Bồ Tát thời nhận rằng Như Lai thường trụ không biến đổi. Mà quả thiệt Như Lai không có diệt độ. Như lúc nàng xa nhà chưa trở về, đứa con ác kia bèn nói là nàng đã chết mất rồi, còn đứa con hiền vẫn tin tưởng là nàng còn sống. Mà chính thiệt thời nàng còn sống.

Nếu có chúng sanh nào nhận rằng Phật là thường trụ không biến đổi, phải biết nhà kẻ ấy thời là có Phật.

Đây gọi là Chánh Tha.

Thế nào là Hay Tùy Vấn Đáp? Nếu có người đến hỏi Phật rằng: tôi phải làm thế nào không mất tiền của mà được gọi là Đàn Việt đại bố thí? Phật dạy: "Đem tôi trai tớ gái bố thí cho những bực Sa Môn, Bà La Môn thiểu dục tri túc chẳng nhận chẳng chứa các vật bất tịnh. Đem người nữ thí cho vị tu phạm hạnh. Đem rượu thịt thí cho người đã dứt rượu thịt. Đem thực phẩm phi thời thí cho người không ăn phi thời. Đem đồ trang sức thí cho người không trang sức. Bố thí như vậy rất có danh tiếng, mà của tiền khỏi mất hào ly."

Đây gọi là Hay Tùy Vấn Đáp.

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật: "Bạch Thế Tôn! Với người ăn thịt chẳng nên đem thịt đến cho. Vì con thấy người không ăn thịt được công đức lớn."

Phật khen: "Lành thay! Lành thay! Nay ông có thể khéo biết ý của Như Lai. Bồ Tát hộ pháp phải như vậy.

Nầy Ca Diếp! Bắt đầu từ ngày nay trở đi Như Lai không cho phép hàng thanh văn đệ tử ăn thịt, nếu đàn việt đem đến dưng thí, phải xem thịt ấy như thịt con mình".

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật: "Bạch Thế Tôn! Tại sao đức Như Lai không cho phép ăn thịt?"

Phật dạy: "Nầy Ca Diếp! Luận về người ăn thịt thời dứt mất giống đại từ".

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật: "Duyên cớ gì ngày trước đức Như Lai cho phép hàng Tỳ Kheo ăn ba thứ tịnh nhục?" Phật dạy: "Nầy Ca Diếp! Ba thứ tịnh nhục ấy chỉ là theo việc mà tạm chế thôi".

Ca Diếp Bồ Tát lại bạch: "Bạch Thế Tôn! Duyên cớ gì mà mười thứ bất tịnh nhẫn đến chín thứ thanh tịnh, Như Lai lại chẳng cho phép?

Phật nói: "Cũng là nhơn nơi sự mà lần lượt chế. Nên biết chính là nghĩa đoạn nhục hiện nay".

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật: "Cớ sao Như Lai khen ngợi ngư nhục là món ăn ngon?"

Phật dạy: "Như Lai cũng chẳng nói loài ngư nhục là món ăn ngon, mà Như Lai vẫn nói mía, đường, gạo, tất cả thứ lúa, bắp, sữa, bơ, dầu, là những thức ăn ngon.

Dầu rằng Như Lai nói được chứa các thứ y phục, mà đều phải hoại sắc, huống lại tham ưa nơi vị ngư nhục kia"

Ca Diếp lại bạch Phật: "Đức Như Lai nếu chế không được ăn ngư nhục, thời những thứ sữa, bơ, dầu, v.v... và các thứ y phục kiều xa gia, đồ bằng da thú, ngọc ngà, bồn chậu bằng vàng bạc, cũng đều chẳng nên dùng".

Phật dạy: "Nầy Ca Diếp! Chẳng nên có kiến chấp đồng với bọn lõa thể ngoại đạo kia. Bao nhiêu giới cấm của Như Lai chế ra đều có dị ý. Vì dị ý nên cho ăn ba thứ tịnh nhục. Vì dị ý nên cấm ăn mười thứ thịt. Vì dị ý nên cấm tất cả thứ thịt đều không được ăn, dầu là thịt của con vật tự chết.

Nầy Ca Diếp! Từ nay Như Lai cấm các đệ tử không được ăn tất cả thứ thịt.Ữ

Nầy Ca Diếp! Người mà ăn thịt, hoặc đi đứng nằm ngồi chúng sanh nào nghe đến hơi thịt thời kinh sợ. Ví như người ở gần sư tử, đi đến đâu, mọi người nghe mùi hôi của sư tử đều kinh sợ. Như người ăn tỏi, không ai dám gần người ấy vì tanh mùi tỏi. Kẻ ăn thịt cũng vậy, tất cả chúng sanh nghe hơi thịt, thảy đều kinh sợ, nghĩ đến sự chết, các loài cá trạnh, muôn thú cùng chim chóc, đều chạy tránh xa, đều có quan niệm rằng người ấy là kẻ hại ta. Vì thế nên Bồ Tát không ăn thịt, vì độ chúng sanh mà thị hiện ăn thịt. Dầu thị hiện ăn thịt mà thật ra thời không có ăn.

Nầy Ca Diếp! Hàng Bồ Tát nầy còn không ăn những thức ăn thanh tịnh, huống lại ăn thịt.

Sau khi Như Lai nhập niết bàn, các bực tứ quả Thánh Nhơn đều lần lượt nhập niết bàn. Sau khi chánh pháp diệt, trong thời tượng pháp, sẽ có các Tỳ Kheo in tuồng trì luật, ít đọc tụng kinh, tham ưa ăn uống, lo bồi bổ thân thể, y phục mặc trên thân thô xấu hôi dơ, hình dung tiều tụy không có oai đức, chăn nuôi bò dê vác củi gánh cỏ, tóc râu để dài, đầu mặc cà sa mà như thợ săn, dầu ngó xuống đi chậm rãi mà như mèo rình chuột. Thường tự xướng rằng ta chứng được quả A La Hán, mang nhiều bệnh khổ nằm lăn trên phẩn uế, ngoài thời hiện ra tướng hiền thiện, trong thời đầy lòng tham sân như bà la môn, thọ phép câm, thiệt chẳng phải Sa môn mà hiện tướng Sa môn, tà kiến xí thạnh, chê bai chánh pháp. Những người như vậy phá hoại giới luật, chánh hạnh oai nghi của Như Lai chế, và quả giải thoát của Như Lai nói.

Họ rời pháp thanh tịnh và làm hư hoại giáo pháp thậm thâm bí mật. Họ theo ý riêng, nói ngược với kinh luật rằng đức Phật cho phép chúng tôi ăn thịt. Họ đều tự xưng là Sa môn Thích tử.

Nầy Ca Diếp! Bấy giờ lại có các hàng Sa môn chứa thóc, nhận lấy thịt cá, tay tự nấu ăn, cầm xách bình dầu ăn, cùng giày dép bàng da và lọng báu, thân cận quốc vương, quan lớn, nhà giàu sang, xem tướng, coi sao, siêng học nghề thuốc, chứa nuôi tôi tớ, vàng bạc bảy báu, các thứ dưa trái, học tập các

nghề: nghề vẽ, nghề nắn, làm sách dạy học, gieo trồng, chú thuật, chế thuốc, đờn ca xướng hát, hương hoa trang điểm, cờ bạc, học các nghề thợ.

Nếu có Tỳ Kheo nào hay tránh lìa các việc ác như trên, nên nói người ấy thật là đệ tử của Như Lai.

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật: "Bạch Thế Tôn! Các Tỳ Kheo, Tỳ Kheo ni, Ưu bà tắc, Ưu bà di, nhơn người khác giúp mà sống. Lúc khất thực, nếu đặng món ăn lộn với thịt, phải làm cách nào để ăn đúng với pháp thanh tịnh?

Phật dạy: "Nầy Ca Diếp! Nên lấy nước rửa sạch thịt rồi hãy ăn. Nếu đồ đựng bị thịt làm dơ, chỉ làm cho không có vị thịt thời cho phép được dùng không tội. Nếu thấy trong thức ăn có nhiều thịt thời không được nhận. Tất cả thứ thịt đều không được ăn. Người ăn thịt thời phải tội.

Nay Như Lai xuống điều chế đoạn nhục như vậy, nếu giảng rộng thời không thể hết. Giờ niết bàn gần đến phải nói lược."

Đây gọi là "Hay tùy vấn đáp".

Nầy Ca Diếp! Thế nào là Khéo Hiểu Nghĩa Nhơn Duyên?

Như có bốn bộ chúng đến hỏi Như Lai rằng: những nghĩa như vậy, thuở đức Như Lai mới ra đời, cớ sao chẳng vì vua Ba Tư Nặc nói pháp môn nghĩa lý thâm diệu, hoặc có lúc nói thâm, có lúc nói thiển, hoặc gọi là phạm, hoặc gọi là không phạm, thế nào gọi là đọa? Thế nào gọi là luật? Thế nào là Ba-la-đề-mộc-xoa?

Phật dạy: " Ba-la-đề-mộc-xoa gọi là tri túc, thành tựu oai nghi, không cất chứa, cũng gọi là tịnh mạng.

Đọa đó gọi là bốn ác thú, và lại đọa đó là đọa nơi địa ngục, nhẫn A Tỳ, luận về chậm mau thời hơn nơi mưa to. Người nghe sợ hãi bèn giữ chặt cấm giới không phạm oai nghi, tu tập tri túc, chẳng thọ lấy tất cả vật bất tịnh. Và lại đọa là thêm lớn địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ. Vì những nghĩa ấy nên gọi là đọa.

Ba-la-đề-mộc-xoa là lìa nghiệp tà bất thiện của thân, khẩu, và ý.

Luật là các giới, oai nghi, nghĩa hay trong các kinh thâm diệu, ngăn thọ tất cả vật bất tịnh, và nhơn duyên bất tịnh, cũng ngăn bốn trọng tội, mười ba tội

tăng tàn, hai tội bất định, ba mươi tội xả đọa, chín mươi tội đơn đọa, bốn pháp hối quá, các pháp học, bảy pháp diệt tranh.

Hoặc có người phá tất cả giới, nghĩa là bốn pháp trọng nhẫn đến bảy pháp diệt tránh. Hoặc có người chê bai chánh pháp, những kinh điển thậm thâm, và hạng hoàn toàn nhứt-xiển-đề. Những người trên đây tự nói mình thông minh nhiều trí, che dấu tất cả những tội nặng nhẹ, che dấu điều xấu ác như rùa dấu cả sáu chi. Vì che dấu mãi không chịu sám hối nên tội lỗi càng lớn thêm lần. Như Lai biết như vậy nên lần lượt mà chế giới, chẳng đồng thời chế cả thảy được.

Bấy giờ có người đến hỏi: "Bạch Thế Tôn! Đức Như Lai từ lâu đã biết trước những sự ấy, sao không chế trước, phải chăng đức Thế Tôn muốn để chúng sanh mắc tội đọa địa ngục ư? Ví như có nhóm người muốn đến xứ khác, quên đường, đi lạc, mà vẫn không tự biết là lạc đường, lại không gặp ai để hỏi là phải hay không phải. Cũng vậy, chúng sanh mê tối nơi Phật pháp chẳng thấy con đường chánh chơn. Đáng lẽ đức Như Lai nên trước dạy đạo chơn chánh. Bảo các Tỳ Kheo này là phạm giới, nầy là trì giới, phải chế giới như vậy. Vì đức Như Lai là bực chánh giác chơn thiệt thấy rõ đạo chơn chánh. Chỉ có đức Như Lai là đấng trời trong các trời, hay nói pháp thập thiện công đức tăng thượng và nghĩa vị của pháp ấy. Thế nên khải thỉnh đức Thế Tôn chế giới trước.

Phật nói: "Nầy Thiện nam tử, nếu ông đã nói rằng đức Như Lai hay vì chúng sanh mà dạy pháp thập thiện công đức tăng thượng, thế thời Như Lai xem các chúng sanh như La Hầu La, sao ông lại nạn rằng phải chăng Như Lai muốn chúng sanh phải đọa địa ngục! Như Lai thấy một người có nhơn duyên đọa A Tỳ địa ngục, còn vì người ấy mà trụ một kiếp, hoặc không đầy một kiếp. Như Lai có lòng đại từ bi đối với chúng sanh, đâu có cớ gì lại phỉnh gạt kẻ mà Như Lai đã xem như con ruột, làm cho nó bị sa vào địa ngục!

Nầy Thiện nam tử! Như người vá áo, thấy áo có lỗ rách vậy sau mới vá. Cũng vậy, thấy chúng sanh có nhơn duyên sa vào A Tỳ địa ngục, Như Lai bèn dùng giới lành mà vá đó.

Ví như vua Chuyển Luân trước dạy nhơn dân mười nghiệp lành, về sau có người làm ác, vua bèn theo mỗi sự mà dứt ác lần lần, khi sự ác đã dứt rồi, pháp luật của nhà vua tự hành trong dân chúng. Cũng vậy, Như Lai dầu có thuyết pháp mà không được chế luật trước, phải do nơi Tỳ Kheo làm phi

pháp, mới theo sự mà chế lần lần. Những người thích chánh pháp, tu hành theo lời dạy của Như Lai, hạng người này mới có thể thấy pháp thân của Như Lai.

Như luân bửu của vua Chuyển Luân không thể nghĩ bàn. Như Lai, Pháp và Tăng cũng không thể nghĩ bàn. Người hay thuyết pháp và người nghe pháp cũng không thể nghĩ bàn.

Đây gọi là Khéo Hiểu Nghĩa Nhơn Duyên.

Bồ Tát phân biệt khai thị nghĩa của bốn điều như vậy, đây là nghĩa nhơn duyên trong Đại Thừa đại niết bàn.

Lại còn có nghĩa thế nầy: "Tự Chánh" là được đại bát niết bàn đây.

"Chánh Tha" là Như Lai vì Tỳ Kheo mà nói rằng Như Lai thường còn không biến đổi.

"Tùy vấn đáp" là, nầy Ca Diếp! Nhơn ông hỏi mà Như Lai mới được dịp vì đại chúng giảng nói nghĩa lý thậm thâm vi diệu trên đây.

"Nghĩa nhơn duyên" là, hàng Thanh văn Duyên giác không hiểu được nghĩa rất sâu như vậy, chẳng nghe chữ y do ba điểm mà thành, giải thoát cùng niết bàn và Ma ha bát nhã thành tạng bí mật.

Nay Như Lai ở nơi đại hội đây xiển dương phân biệt, khai phát huệ nhãn cho hàng Thanh văn. Giả sử có người nói rằng bốn sự như vậy là một, thế nào chẳng phải hư vọng ư? Thời nên gạn trở lại rằng hư không đây, không chỗ có, không ngại, không động, bốn sự như vậy có gì là khác. Đâu gọi là hư vọng được!"

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật: "Bạch Thế Tôn! Các câu như vậy chính là một nghĩa, đó là nghĩa không.

Tự chánh, chánh tha, hay tùy vấn đáp và hi¬u nghĩa nhơn duyên, cũng lại như vậy, đồng là đại niết bàn cả"

Phật bảo Ca Diếp Bồ Tát: "Nếu có người nói thế này: Như Lai vô thường. Biết là vô thường, vì như lời Phật dạy diệt các phiền não gọi là niết bàn, cũng như lửa tắt thời không chỗ có, dứt các phiền não gọi là niết bàn cũng lại như vậy, thế sao Như Lai là pháp thường trụ không biến đổi ư? Lại như

Phật dạy, rời các cõi hữu lậu, bèn gọi là niết bàn, trong niết bàn đây không có các cõi hữu lậu, thế sao Như Lai là pháp thường trụ không biến đổi ư? Như cái áo hư rách hết, chẳng còn gọi là món vật. Cũng vậy, niết bàn dứt các phiền não chẳng gọi là vật gì. Thế sao Như Lai là pháp thường trụ không biến đổi ư? Đức Phật cũng dạy: ly dục tịch diệt gọi là niết bàn, như người bị chém đứt đầu thời không còn có đầu, cũng vậy, ly dục tịch diệt rỗng trống, không chỗ có nên gọi là niết bàn. Thế sao Như Lai là pháp thường trụ không biến đổi ư? Phật từng dạy rằng:

Như sắt nướng đỏ
Đập văng mạt lửa
Văng ra liền tắt,
Chẳng biết ở đâu!
Được chánh giải thoát.
Cũng lại như vậy.
Đã lìa dâm dục,Ữ
Các cõi hữu lậu.
Được quả vô động,
Không rõ đến đâu!

Thế sao Như Lai là pháp thường trụ không biến đổi?

Nầy Ca Diếp! Nếu ai hỏi gại như vậy, gọi là lời gạn tà. Ông cũng chẳng nên suy nghĩ rằng tánh Như Lai là diệt tận.

Nầy Ca Diếp! Dứt hết phiền não không còn gọi là vật, vì đã trọn rốt ráo hẵn, thế nên gọi là "Thường". Câu này tịch tịnh không có gì hơn. Dứt hết các tướng không có thừa sót. Câu đây trắng sạch thường trụ không thối chuyển. Thế nên niết bàn gọi là thường trụ. Như Lai thường trụ không biến đổi cũng lại như vậy.

Mạt lửa để dụ phiền não, văng ra liền tắt không biết ở đâu, để chỉ Như Lai đã dứt phiền não, chẳng ở trong năm loài. Thế nên Như Lai là pháp thường trụ không có biến đổi.

Nầy Ca Diếp! Chánh pháp là chỗ tôn thờ của chư Phật, nên Như Lai cung kính cúng dường. Vì pháp là thường trụ nên chư Phật cũng thường trụ".

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật: "Nếu lửa phiền não tắt, Như Lai cũng tắt, thế thời Như Lai không có chổ thường trụ, như mạt sắt kia, mất ánh lửa đỏ rồi chẳng biết văng đến đâu. Như Lai phiền não cũng vậy, diệt rồi thời vô thường. Lại

như trên thanh sắt kia, hơi nóng và màu đỏ tắt rồi thời không còn có, Như Lai cũng vậy diệt rồi thời vô thường. Diệt lửa phiền não bèn nhập niết bàn, nên biết Như Lai tức là vô thường"

Phật nói: "Nầy Ca Diếp! Thanh sắt là nói các phàm phu. Người phàm dầu diệt phiền não, diệt rồi sanh lại, nên gọi là vô thường. Như Lai chẳng phải như vậy, diệt rồi không còn sanh lại nên gọi là thường".

Ca Diếp Bồ Tát lại bạch: "Như nơi thanh sắt, màu lửa đỏ đã tắt, đem thanh sắt để lại trong lửa, thời màu đỏ sẽ sanh lại. Nếu như vậy, Như Lai lẽ ra sanh phiền não lại, nếu phiền não sanh trở lại bèn là vô thường".

Phật nói: "Nầy Ca Diếp! Ông không nên nói Như Lai vô thường, vì Như Lai là thường trụ.

Như đốt gỗ, khi gỗ hết lửa tắt thời còn tro, phiền não diệt rồi bèn có niết bàn. Các điều dụ như áo hư, chém đầu, lọ vỡ cũng như vậy.

Nầy Ca Diếp! Như sắt nguội có thể làm nóng lại. Như Lai không phải như vậy, dứt phiền não rồi rốt ráo thanh lương, lửa phiền não chẳng còn sanh trở lại.

Vô lượng chúng sanh như thanh sắt kia Như Lai dùng lửa mạnh trí tuệ đốt sắt kiết sử phiền não của chúng sanh".

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật: "Lành thay! Lành thay! Con nay thật biết rõ chư Phật là thường trụ".

Phật nói: "Nầy Ca Diếp! Ví như Thánh Vương vốn ở trong cung, hoặc có lúc dạo chơi nơi vườn; dầu lúc ấy vua không có ở giữa đám cung phi, cũng chẳng được nói là vua đã chết. Cũng vậy, Như Lai dầu nhập vào trong niết bàn không hiện nơi cõi Diêm Phù, chẳng gọi là vô thường. Như Lai ra khỏi vô lượng phiền não vào nơi niết bàn an vui, dạo chơi vui vẻ nơi các vườn hoa chánh giác".

Ca Diếp Bồ Tát lại hỏi: "Như đức Phật đã dạy: Từ lâu Như Lai đã vượt khỏi biển phiền não. Duyên cớ gì lại cùng Gia Du Đà La sanh La Hầu La? Do cớ đây mà biết rằng Như Lai chưa vượt khỏi biển cả phiền não. Cúi xin Như Lai nói về nhơn duyên đó".

Phật bảo Ca Diếp Bồ Tát: "Ông chẳng nên nói Như Lai từ lâu đã vượt khỏi biển cả phiền não, duyên cớ gì lại cùng Gia Du Đà La sanh La Hầu La, vì cớ đây nên biết Như Lai chưa vượt khỏi biển cả phiền não.

Nầy Ca Diếp! Đại niết bàn đây hay kiến lập sự nghĩa to lớn. Nay các ông nên chí tâm lóng nghe, rồi rộng vì người mà giảng thuyết, chớ sanh lòng nghi ngờ.

Nếu có vị đại Bồ Tát trụ đại Niết bàn, có thể đem núi Tu Di cao rộng để vào trong vỏ hột đình lịch. Các loài ở tại núi Tu Di không bị chật hẹp, vẫn y như thường, cũng không có quan niệm gì khác, chỉ có người đáng được độ mới thấy vị Bồ Tát ấy đem núi Tu Di để vào vỏ hột đình lịch, rồi đem để lại chỗ cũ.

Nầy Ca Diếp! Lại có vị đại Bồ Tát trụ đại niết bàn, có thể đem cả cõi đại thiên để vào vỏ hột đình lịch, chỉ có người đáng được độ là thấy việc làm nầy, ngoài ra tất cả chúng sanh đều không hay biết cũng không thấy chật hẹp, vẫn y như cũ. Cho đến đem cõi đại thiên để vào lỗ chưn lông cũng như vậy.

Lại có vị đại Bồ Tát trụ đại niết bàn ngắt lấy nhiều thế giới ở mười phương để nơi đầu mũi kim, như ghim lá táo, rồi ném để nơi thế giới khác. Những chúng sanh trong các thế giới bị ném đó không hay không biết, chỉ có người đáng được độ là thấy việc làm nầy, và cũng thấy Bồ Tát đem thế giới đã ném để lại chỗ cũ.

Lại có vị đại Bồ Tát trụ đại niết bàn, bức lấy các thế giới ở mười phương để trên bàn tay mặt, rồi ném vụt qua khỏi vô lượng thế giới khác. Cũng có vị đại Bồ Tát trụ đại niết bàn đem vô lượng thế giới ở mười phương để vào trong thân mình, hoặc để vào trong một vi trần, vẫn không chật hẹp. Chúng sanh trong các cõi ấy không bị bức ngộp, cũng chẳng hay chẳng biết, chỉ có người đáng được độ mới thấy biết việc làm nầy, và cũng thấy Bồ Tát đem những thế giới để lại chỗ cũ.

Nầy Ca Diếp! Vị đại Bồ Tát trụ đại niết bàn thời có thể thị hiện vô lượng thần thông biến hoá, vì thế nên gọi là đại bát niết bàn.

Tất cả chúng sanh không có thể suy lường đến được. Nay ông làm thế nào biết Như Lai gần nơi ái dục sanh La Hầu La?

Nầy Ca Diếp! Như Lai từ lâu đã trụ nơi đại niết bàn , thị hiện vô lượng thần thông biến hoá, ở trong cõi đại thiên trăm ức mặt trời mặt trăng, trăm ức Diêm Phù Đề nầy, thị hiện vô lượng thần thông biến hoá, như trong kinh Thủ Lăng Nghiêm đã có nói nhiều. Hoặc ở Diêm Phù Đề thị hiện nhập niết bàn, mà chẳng rốt ráo nhập niết bàn. Hoặc ở Diêm Phù Đề thị hiện vào thai mẹ, làm cho cha mẹ tưởng là con trai của mình sanh đẻ, mà thân của Như Lai đây trọn hẳn chẳng từ nơi ái dục hoà hiệp mà sanh. Như Lai đã lìa ái dục từ nơi vô lượng kiếp rồi. Thân của Như Lai đây chính là pháp thân, vì tùy thuận thế gian mà thị hiện vào thai mẹ.

Nầy Ca Diếp! Nơi vườn Lâm Tỳ Ni, thị hiện từ nơi mẹ là Ma-Gia sanh ra, vừa sanh liền đi qua hướng đông bảy bước xướng lên rằng: — trong hàng trời, người, A Tu La, ta là bực tôn thượng hơn cả.

Cha mẹ và trời người thấy thế vừa sợ vừa mừng cho rằng hi hữu. Mà mọi người nói là đứa trẻ nhỏ. Nhưng chính thiệt thời thân của Như Lai đã lìa cách trên đây từ vô lượng kiếp.

Thân của Như Lai tức là pháp thân, chẳng phải thân thịt máu mạch gân xương tủy hiệp thành. Vì thuận cách sanh của chúng sanh mà thị hiện làm đứa trẻ. Đi qua hướng Nam bảy bước là thị hiện muốn làm phước điền vô thượng cho chúng sanh. Đi qua hướng Tây bảy bước là thị hiện thân nầy là thân cuối cùng không còn sanh tử nữa. Đi qua hướng Bắc bảy bước là thị hiện đã qua khỏi sự sanh tử của các cõi. Đi qua hướng Đông bảy bước là thị hiện làm đạo sư cho chúng sanh. Đi qua bốn hướng cạnh bảy bước là thị hiện dứt diệt các thứ phiền não và bốn loài ma, mà thành đấng Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri. Đi lên bảy bước là thị hiện không bị vật dơ làm ô nhi¬m, như hư không. Đi xuống bảy bước, là thị hiện rưới mưa pháp dập tắt lửa địa ngục, cho chúng sanh hưởng vui an ổn.

Nơi Diêm Phù Đề, sau khi sanh bảy ngày lại thị hiện cạo tóc, mọi người đều cho rằng Như Lai là đứa trẻ mới cạo tóc lần đầu. Kỳ thiệt, tất cả trời, người, ma vương, Sa môn, Bà la môn, không một ai có thể thấy được đảnh tướng của Như Lai, huống là có người cầm dao đến cạo tóc được. Trong vô lượng kiếp lâu xa về trước, Như Lai đã cạo bỏ râu tóc rồi. Vì muốn tuỳ thuận theo pháp thế gian, nên Như Lai thị hiện cạo tóc.

Cha mẹ đem ta đến miếu thờ trời, ra mắt Đại Tự Thiên. Lúc Đại Tự Thiên thấy Như Lai, liền chấp tay cung kính đứng qua một bên. Từ lâu xa vô lượng

kiếp, Như Lai đã bỏ lìa cách vào miếu trời, nhưng vì tuỳ thuận thế gian mà thị hiện như vậy.

— Diêm Phù Đề, Như Lai thị hiện xỏ lỗ tai, kỳ thiệt, tất cả chúng sanh không ai có thể xỏ lỗ tai Như Lai được, vì tùy thuận thế gian mà thị hiện như vậy.

Lại lấy các châu báu làm bông tai sư tử để đeo vào, kỳ thiệt từ vô lượng kiếp, Như Lai đã bỏ lìa đồ trang điểm, nhưng vì muốn tuỳ thuận thế gian mà thị hiện việc như vậy.

Rồi vào học đường học tập chữ nghĩa, võ nghệ, nghề nghiệp v.v... kỳ thiệt từ vô lượng kiếp Như Lai đã hoàn toàn rành rẽ tất cả những môn ấy. Xem khắp cả ba cõi, không một ai có khả năng làm thầy của Như Lai được, vì muốn tùy thuận thế gian mà thị hiện vào học đường. Vì thế nên gọi là đấng Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri.

— cõi Diêm Phù Đề, tùy thuận thế gian mà thị hiện làm Thái Tử, mọi người đều thấy Như Lai là Thái Tử con trai lớn vua Tịnh Phạn và Hoàng Hậu Ma Gia, hưởng sự vui sướng trong cảnh ngũ dục (41). Kỳ thiệt trong vô lượng kiếp, Như Lai đã bỏ lìa sự vui ngũ dục rồi.

Nhà tướng số đoán rằng Thái Tử nếu chẳng xuất gia thời sẽ làm Chuyển Luân Thánh Vương cai trị Diêm Phù Đề, mọi người đều tin lời đoán ấy. Kỳ thiệt, từ vô lượng kiếp, Như Lai đã bỏ vị Chuyển Luân Thánh Vương mà làm bực Pháp Vương.

Thị hiện nhằm lìa cảnh vui ngũ dục, dạo thành gặp người già, bịnh, chết cùng vị Sa môn, rồi vượt thành xuất gia hành đạo. Mọi người đều cho rằng Thái Tử Sĩ Đạt Đa mới xuất gia. Nhưng từ vô lượng kiếp Như Lai đã xuất gia hành đạo rồi.

Thị hiện thọ giới cụ túc, tinh tấn tu hành đạo, chứng quả Tu Đà Hoàn, quả Tư Đà Hàm, quả A Na Hàm, quả A La Hán. Mọi người thấy vậy đều nói quả A La Hán d¬ được không khó. Nhưng từ vô lượng kiếp Như Lai đã thành tựu quả A La Hán rồi.

Vì muốn độ thoát mọi loài chúng sanh, mà thị hiện trải cỏ làm tòa, ngồi nơi đạo tràng dưới cội Bồ Đề hàng phục Ma quân. Đại chúng đều cho rằng Như Lai mới thành đạo, hàng phục Ma quân. Nhưng từ vô lượng kiếp Như Lai đã

hàng phục Ma quân rồi. Vì muốn hàng phục chúng sanh cang cường nên thị hiện như vậy.

Như Lai lại thị hiện đại tiện, tiểu tiện, thở ra, hít vào. Mọi người đều cho rằng Như Lai có đại tiện, tiểu tiện và thở. Kỳ thiệt thân của Như Lai đây đều không có những việc ấy, vì tùy thuận thế gian mà thị hiện như vậy.

Lại thị hiện thọ thực phẩm của người dưng cúng, nhưng thiệt ra thân của Như Lai đều không có sự đói khát. Lại thị hiện ngủ nghỉ đồng như chúng sanh, nhưng từ vô lượng kiếp, Như Lai đầy đủ trí huệ thâm diệu, xa lìa tất cả những sự thế gian như đi, đứng, nằm, ngồi, đau đầu, đau bụng, đau lưng, rửa tay, rửa mặt, súc miệng v.v..., mọi người đều cho rằng Như Lai có các oai nghi như vậy. Nhưng thân của Như Lai đều không có những sự ấy, tay chơn trong sạch như hoa sen, hơi miệng thơm sạch như mùi thơm ưu-bát-la.

Đại chúng cho rằng Như Lai là nhơn loại, mà thiệt thời Như Lai không phải nhơn loại.

Lại thị hiện nhận lấy y phấn tảo, giặt giủ may nhuộm, nhưng từ lâu Như Lai chẳng cần đến cái y ấy.

Nầy Ca Diếp! Dầu Như Lai luôn thị hiện nhập niết bàn tại Diêm Phù Đề nầy. Kỳ thiệt Như Lai chẳng rốt ráo nhập niết bàn, mà chúng sanh cho rằng Như Lai thiệt diệt độ. Phải biết tánh Như Lai thiệt chẳng diệt hẳn, là pháp thường trụ, là pháp không biến đổi.

Nầy Ca Diếp! Đại Niết bàn là pháp giới của Phật Như Lai.

Như Lai thị hiện ra đời thành Phật, chúng sanh đều nói Như Lai mới thành Phật; nhưng thiệt ra Như Lai chỗ làm đã xong từ vô lượng kiếp rồi, vì tùy thuận thế gian mà thị hiện như vậy.

Nầy Ca Diếp! — Diêm Phù Đề có lúc Như Lai thị hiện chẳng giữ giới cấm, phạm tứ trọng tội, nhưng từ vô lượng kiếp Như Lai giữ chặt cấm giới chẳng một mảy thiếu xót.

Có lúc thị hiện làm gã nhứt-xiển-đề, nhưng thiệt ra không phải nhứt-xiển-đề. Làm gì có nhứt-xiển-đề mà thành bực vô thượng chánh giác!

Có lúc thị hiện phá hoà hiệp tăng, có lúc thị hiện hộ trì chánh pháp, mọi người đều phải kinh quái.

Có lúc thị hiện làm Ma vương Ba tuần, nhưng từ vô lượng kiếp, Như Lai đã lìa ma sự, trong sạch không nhi¬m như hoa sen.

Có lúc thị hiện thân gái thành Phật, mọi người đều nói, rất lạ cho người nữ mà có thể thành Phật. Phải biết Như Lai trọn hẳn không thọ thân gái, vì muốn điều phục vô lượng chúng sanh nên hiện thân gái. Và cũng vì thương xót chúng sanh mà hiện nhiều thứ thân, cho đến hiện thân A Tu La, Súc Sanh, Ngạ Quỷ, Địa Ngục, để độ chúng sanh trong các loài ấy.

Lại thị hiện làm Phạm Thiên Vương để cho người thờ Phạm Thiên vào trong chánh pháp, nhẫn đến thị hiện các thân trời khắp các miếu trời cũng vì mục đích ấy. Nhưng thiệt ra Như Lai không phải Phạm Thiên, không phải thân trời.

Có lúc thị hiện vào nhà gái dâm, nhưng Như Lai thiệt không có niệm dục, lòng Như Lai trong sạch không nhiễm ô như hoa sen, vào đấy để tuyên thuyết diệu pháp cho hạng người say mê sắc dục.

Lại thị hiện vào nhà thanh y, để giáo hóa hạng nô tỳ cho chúng nó được trụ nơi chánh pháp.

Lại thị hiện làm bác sĩ để dạy học trò, thị hiện chơi bài bạc để độ hạng người bài bạc, thị hiện thân chim thứu để độ loài thứu, lại thị hiện làm trưởng giả để an lập mọi người trụ nơi chánh pháp, thị hiện làm vua, làm quan, để dìu dắt nhơn dân tu chánh pháp.

Lại thị hiện tật dịch (42) tại nơi Diêm Phù đề, rồi trước thí thuốc cho bịnh nhơn, sau giảng dạy đạo pháp. Lại thị hiện cơ cẩn tai, trước bố thí cơm áo, sau tuyên truyền diệu pháp. Lại thị hiện đao binh tai, rồi thuyết diệu pháp.Ữ

Lại thị hiện vì hạng chấp thường mà giảng pháp vô thường, vì hạng chấp lạc mà giảng pháp khổ, vì hạng chấp ngã mà giảng pháp vô ngã, vì hạng chấp tịnh mà giảng pháp bất tịnh. Vì người tham chấp ba cõi, mà thuyết pháp cho họ xa lìa ba cõi, vì độ chúng sanh mà tuyên thuyết diệu pháp vô thượng, trồng cây pháp dược vô thượng để thay cây phiền não, di¬n nói chánh pháp để cứu bọn ngoại đạo tà kiến. Dầu thị hiện làm thầy chúng sanh, nhưng Như Lai trọn không có quan niệm là Thầy.

Đức Như Lai chánh giác an trụ đại bát niết bàn như vậy, nên gọi là thường trụ không biến đổi.

Cũng như thị hiện ở Diêm Phù Đề, ở Đông Thắng Thần Châu, Tây Ngưu Hóa Châu, Bắc Cu Lô Châu, nhẫn đến ở khắp cõi đại thiên, Như Lai đều thị hiện như vậy. Như kinh Thủ Lăng Nghiêm đã nói rộng. Vì lẽ ấy nên gọi là đại bát niết bàn.

Nếu có vị đại Bồ Tát an trụ đại bát niết bàn như vậy, thời có thể thị hiện vô lượng thần thông biến hóa như trên, mà trọn không có chút chướng ngại cùng e sợ.

Nầy Ca Diếp! Do nhơn duyên trên đây, ông chẳng nên nói rằng La Hầu La là con trai của Phật, vì từ vô lượng kiếp. Như Lai đã lìa hẵn dục nhi¬m, nên Như Lai gọi thường trụ không biến đổi".

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật: "Như lời Phật nói: như ngọn đèn đã tắt thời không có phương sở. Cũng vậy, Như Lai diệt độ rồi thời không phương sở. Thế nào Như Lai gọi là thường trụ?"

Phật nói: "Nầy Ca Diếp! Ví như người đời thắp đèn dầu, theo số dầu còn thời ngọn đèn cháy, khi dầu hết thời ngọn đèn tắt, ngọn đèn tắt dụ cho lửa phiền não dứt. Ngọn đèn tắt mà bình đèn vẫn còn. Cũng vậy, phiền não dầu dứt mà Như Lai pháp thân thường còn.

Nầy Ca Diếp! Ngọn đèn cùng bình đèn có cùng tắt dứt cả không?"

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật: "Bạch Thế Tôn, không ạ! Tuy không cùng tắt dứt cả, nhưng là vô thường. Nếu đem pháp thân dụ với bình đèn, thời pháp thân cũng vô thường".

Phật nói: "Nầy Ca Diếp! Ông không nên nạn như vậy. Đồ vật thế gian là vô thường, Như Lai không phải vô thường. Trong tất cả pháp niết bàn là thường, Như Lai tức niết bàn nên gọi là thường.

Nầy Ca Diếp! Nói đèn tắt đó, là nói niết bàn của bực A La Hán chứng, vì A La Hán dứt tham ái phiền não nên dụ như đèn tắt. Bực A Na Hàm gọi là có tham, vì có tham nên chẳng được gọi là đồng với đèn tắt. Do nghĩa ấy nên ngày trước Như Lai nói dụ như đèn tắt, chớ chẳng phải đại niết Bàn đồng với đèn tắt. Bực A Na Hàm chẳng còn lại thọ thân trong ba cõn nữa, chẳng còn lại thọ thân hôi nhơ, thân trùng, thân ăn uống, thân độc khổ, nên gọi là A Na Hàm. Nếu còn thọ thân thời gọi là Na Hàm, không còn thọ thân mới gọi là A Na Hàm. Nếu còn khứ lai thời gọi là Na Hàm, không còn khứ lai mới gọi là A Na Hàm.

Bấy giờ Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật: "Bạch Thế Tôn! Như lời Phật dạy "Chư Phật Thế Tôn có tạng bí mật!" Nghĩa nầy không phải. Vì chư Phật Thế Tôn chỉ có mật ngữ mà không có mật tạng. Như nhà ảo thuật điều khiển người máy. Mọi người dầu thấy người máy co duỗi cúi ngửa, nhưng chẳng biết bộ phận trong thế nào. Phật pháp không phải như vậy, Phật pháp làm cho chúng sanh đều hiểu đều biết. Thế sao lại bão rằng chư Phật Thế Tôn tôn có tạng bí mật?"

Phật khen: "Lành thay! Lành thay! Đúng như lời ông vừa nói. Như Lai thiệt không có tạng bí mật. Như trăng tròn giữa đêm thu, trời trong không mây mù, mọi người ai cũng thấy rõ vầng trăng sáng. Lời của Như Lai cũng khai phát hiển lộ rõ ràng, kẻ ngu kia tự không hiểu rồi cho là tạng bí mật. Người trí suốt thấu thời không gọi là tạng.

Nầy Ca Diếp! Ví như có người để dành vàng bạc đến số ức triệu, vì lòng bỏn xẻn nên chẳng ban ơn bố thí cho kẻ nghèo cùng, chứa của như vậy mới gọi là dấu kín. Như Lai thời không phải thế, từ vô lượng kiếp chứa để vô lượng diệu pháp, lòng không bỏn xẻn, thường đem ban bố cho mọi loài chúng sanh, đâu có thể gọi là Như Lai bí tạng được.

Như có người tật nguyền, hoặc một mắt, cụt tay, què chơn, vì hổ thẹn mà không cho người thấy, vì thế nên gọi là núp kín. Như Lai thời không phải thế, bao nhiêu chánh pháp đầy đủ không thiếu đều cho người thấy cả nên pháp của Như Lai không gọi là bí tạng được.

Như người nghèo thiếu nợ nhiều, vì sợ chủ nợ đòi mà ẩn trốn, nên gọi là trốn kín. Như Lai thời không phải thế, Như Lai không có nợ chúng sanh về pháp thế gian. Dầu đối với chúng sanh có nợ xuất thế, nhưng cũng chẳng ẩn mặt, vì Như Lai luôn xem chúng sanh như con đẻ, mà thường di¬n thuyết pháp nghĩa vô thượng.

Như trưởng giả giàu có nhiều của, chỉ có một người con trai, trưởng giả rất mến yêu con, bao nhiêu tiền của châu báu đều chỉ cho con biết. Cũng vậy, Như Lai xem chúng sanh đồng là con một.

Như người đời vì nam căn, nữ căn (43) xấu xí nên dùng y phục để che đậy nên gọi là phúc tàng. Như Lai không phải thế, đã dứt hẳn thứ căn ấy, vì không căn nên không chỗ phúc tàng.

Như dòng Bà La Môn có những điều luận nói, trọn không muốn cho người trong dòng Sát Lợi, Tỳ Xá, Thủ Đà (44) nghe biết, vì trong các luận điều của

họ có chỗ lỗi ác. Chánh pháp của Như Lai thời không phải như vậy, tất cả đều là lành là phải, vì thế nên chẳng được gọi là bí tạng.

Như trưởng giả (45) rất cưng yêu đứa con trai một, dắt đến nhà trường ý muốn cho học, sau vì sợ con không được mau thành tài nên lại dắt về. Vì thương con nên trưởng giả ngày đêm ân cần dạy cho nó về bán tự, mà không dạy luận Tỳ Già La, vì nó còn nhỏ tuổi quá, chưa đủ sức học.

Nầy Ca Diếp! Giả sử trưởng giả dạy về bán tự xong, đứa con trai ấy có thể liền đặng hiểu biết luận Tỳ Già La không?

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật: "Bạch Thế Tôn không!"

Phật hỏi: "Như vậy trưởng giả có bí tàng đối với con của ông không?"

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật: "Bạch Thế Tôn không! Vì đứa con còn thơ ấu, nên trưởng giả không dạy, chớ chẳng phải vì bí tàng lẩn tiếc mà không dạy. Nếu có lòng tật đố lẩn tiếc mới gọi là bí tàng. Như Lai không như vậy, sao lại gọi là Như Lai bí tàng được."

Phật nói: "Lành thay! Lành thay! Đúng như lời ông nói. Nếu có lòng tật đố giận hờn lẩn tiếc mới gọi là bí tàng. Như Lai không có những lòng quấy ấy đâu gọi là bí tàng được.

Nầy Ca Diếp! Ông trưởng giả trên kia là chỉ cho Như Lai, đứa con trai một của ông là chỉ cho tất cả chúng sanh. Như Lai xem tất cả chúng sanh như con một. Dạy con trai một là nói hàng Thanh văn đệ tử. Còn bán tự (46) đó là nói chín bộ kinh Tiểu Thừa. Luận Tỳ Già La là nói về kinh điển Phương Đẳng (47) Đại Thừa. Vì hàng Thanh văn không đủ sức trí huệ nên Như Lai dạy cho họ bán tự chín bộ kinh điển mà chẳng dạy luận Tỳ Già La kinh điển Phương Đẳng Đại Thừa.

Nầy Ca Diếp! Như đứa con trai kia tuổi đã lớn, đủ sức học tập, mà trưởng giả không dạy luận Tỳ Già La mới có thể gọi trưởng giả là bí tàng. Nếu hàng Thanh văn (48) đủ sức lãnh thọ Đại Thừa mà Như Lai lẩn tiếc không dạy, mới có thể gọi Như Lai có tạng bí mật. Nhưng thiệt ra Như Lai không phải như vậy, nên Như Lai không có bí tàng.

Như trưởng giả sau khi dạy bán tự xong, kế vì con mà di¬n nói Luận Tỳ Già La. Cũng vậy, Như Lai vì các đệ tử giảng nói bán tự chín phần kinh xong, kế

vì giảng nói luận Tỳ Già La Phương Đẳng Đại Thừa, chính là diệu lý Như Lai thường còn không biến đổi.

Nầy Ca Diếp! Như tháng mùa hạ, kéo mây nổi sấm xối mưa lớn, khiến nhà nông cày cấy đặng mùa. Người không gieo trồng thời không chỗ được, chẳng phải lỗi của Long Vương, mà Long Vương cũng không chỗ tiếc dấu. Như Lai đây cũng như vậy, xối mưa pháp lớn: Kinh Đại Niết Bàn. Nếu các chúng sanh gieo hột lành thời được mầm trái trí huệ. Nếu không gieo hột lành thời không chỗ được. Đây không phải là lỗi ở Như Lai, mà Phật Như Lai cũng không chỗ bí tàng."

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật: "Nay con quyết định rõ biết Như Lai không chỗ bí tàng. Như lời Phật nói: Luận Tỳ Già La là nói Phật Như Lai thường còn không biến đổi. Nghĩa đây không phải. Vì sao? Vì ngày trước Phật có nói kệ:

Chư Phật cùng Duyên giác
Nhẫn đến chúng đệ tử
Còn bỏ thân vô thường
Huống là hạng phàm phu.

Nay Phật nói là thường còn không biến đổi, nghĩa đây như thế nào?

Phật dạy: "Nầy Ca Diếp! Như Lai vì hàng Thanh văn đệ tử mà dạy về bán tự nên nói kệ vô thường ấy.

Nầy Ca Diếp! Xưa kia, vì mẹ chết nên vua Ba Tư Nặc rất thương nhớ buồn khổ, đến thăm Như Lai. Như Lai liền hỏi cớ sao nhà vua lại quá buồn khổ như vậy? - Vua đáp: "Bạch Thế Tôn hôm nay Thái hậu thăng hà. Giả sử có người nào làm cho mẹ tôi sống lại, tôi nhường ngôi và đem của tiền châu báu cùng thân nầy để thưởng tặng cho người ấy xử dụng. "Như Lai khuyên: "Nầy Đại Vương! Nhà vua chớ nên quá sầu khổ. Tất cả chúng sanh hễ thọ mạng hết gọi là chết. Chư Phật, Duyên giác, Thanh văn còn bỏ thân nầy, huống là phàm phu!

Nầy Ca Diếp! Vì dạy bán tự cho vua Ba Tư Nặc nên Như Lai nói bài kệ ấy.

Nay Như Lai vì các hàng Thanh văn đệ tử giảng nói luận Tỳ Già La, tức là Như Lai thường còn không biến đổi."

Ca Diếp Bồ Tát lại bạch Phật: "Như lời Phật dạy:

Không chỗ chứa nhóm
Nơi ăn biết đủ
Như chim bay không
Dấu không thể tìm.

Bạch Thế Tôn, những nghĩa nầy là thế nào? Trong chúng hội đây ai được gọi là không chỗ chứa nhóm? Ai được gọi là nơi ăn biết đủ? Ai đi nơi hư không chẳng thể tìm dấu? Mà sự đi nầy là đến phương nào?

Phật dạy: "Luận về chứa nhóm là nói về của báu.

Nầy Ca Diếp! Chứa nhóm có hai thứ: một là hữu vi, hai là vô vi. Chứa nhóm hữu vi là hạnh Thanh văn, chứa nhóm vô vi là hạnh Như Lai.

Nầy Ca Diếp! Tăng cũng có hai hạng: một là hữu vi, hai là vô vi. Hữu vi Tăng gọi là hàng Thanh văn. Thanh văn Tăng không có chứa nhóm những tôi tớ đồ vật phi pháp, kho đụn lúa gạo, muối, mè, đậu, bắp. Nếu có người nói Như Lai cho chứa tôi tớ các đồ vật như vậy, người ấy sẽ bị báo rút lưỡi. Hàng Thanh văn đệ tử của Như Lai gọi là không chứa nhóm, cũng được gọi là nơi ăn biết đủ. Nếu có tham ăn gọi là chẳng biết đủ.

Người khó tìm dấu thời là bực gần đạo vô thượng bồ đề. Như Lai nói người nầy dầu đi mà không chỗ đến."

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật: "Hàng hữu vi Tăng còn không chứa nhóm huống là vô vi Tăng. Vô vi Tăng chính là Như Lai. Thế sao Như Lai phải có chứa nhóm. Và chứa nhóm đó gọi là cất dấu. Thế nên Như Lai phàm có nói ra đều không lẫn tiếc, thế nào gọi là dấu cất?

Không thể tìm ra dấu vết đó, gọi là niết bàn. Trong niết bàn không có mặt trời, mặt trăng, tinh tú, lạnh nóng gió mưa. Sanh già bịnh chết, hai mươi lăm cõi, lìa các sự lo khổ và các phiền não. Niết bàn như vậy là chỗ Như Lai ở thường không biến đổi. Vì nhơn duyên ấy, Như Lai đến trong rừng Ta La nơi đại niết bàn mà nhập đại niết bàn."

Phật nói: "Nầy Ca Diếp! Chữ Đại đó tánh ấy rộng lớn. Như người sống lâu vô lượng tuổi thời gọi là đại trượng phu. Người nầy nếu có thể an trụ nơi chánh pháp thời gọi là bực siêu thăng trong loài người. Như tám điều giác ngộ của bực đại nhơn mà Như Lai đã dạy, là một người có đủ hay nhiều người có đủ. Nếu một người đủ cả tam thời là rất siêu thăng. Nói rằng niết bàn đó, không có tỳ vết.

Nầy Ca Diếp! Như người bị xuông tên độc đau nhức lắm, gặp được lương y nhổ tên độc ra rồi truyền cho thuốc hay, người ấy hết đau nhức được an vui. Vị lương y nầy liền đi nơi thành ấp và các xóm làng, h¬ chỗ nào có người bị thương đau khổ liền đến điều trị.

Cũng vậy, Như Lai thành bực Đẳng Chánh Giác làm vị đại Y Vương, thấy chúng sanh khổ não nơi Diêm Phù Đề, từ vô lượng kiếp bị tên độc phiền não, dâm nộ, si mê làm đau nhức, bèn nói kinh Đại Thừa cam lộ pháp dược. Điều trị nơi đây rồi, Như Lai lại đến xứ khác, nơi có tên độc phiền não, thị hiện làm Phật để điều trị. Thế nên gọi là đại bát niết bàn.

Đại bát Niết Bàn đó gọi là chỗ giải thoát. Tùy nơi nào có chúng sanh đáng được điều phục, thời Như Lai ở trong ấy mà thị hiện. Vì nghĩa chơn thiệt thậm thâm nầy nên gọi là đại bát niết bàn."

Ca Diếp Bồ Tát lại bạch Phật rằng: "Bạch Thế Tôn! Y sư trong đời có thể điều trị thương tích cho tất cả chúng sanh chăng?"

Phật nói: "Nầy Ca Diếp! Thương tích của người đời phàm có hai thứ: một là bịnh có thể trị, hai là bịnh không thể trị. Bịnh có thể trị thời y sư trị được, còn bịnh không thể trị thời y sư không trị được."

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật: "Cứ như lời Phật dạy, thời Như Lai đã trị bịnh cho chúng sanh nơi Diêm Phù Đề nầy rồi. Nếu nói đã trị rồi, sao nơi đây còn có chúng sanh chưa được niết bàn? Nếu chưa được niết bàn cả, sao Như Lai nói rằng điều trị đã xong mà muốn đến xứ khác?"

Phật nói: "Nầy Ca Diếp! Chúng sanh trong Diêm Phù Đề nầy có hai hạng: một hạng tin và một hạng không tin. Hạng có lòng tin thời gọi là trị được, vì sẽ không phiền não quyết định được niết bàn, thế nên Như Lai nói trị chúng sanh nơi Diêm Phù Đề rồi. Hạng không lòng tin gọi là nhứt-xiển-đề. Hạng nhứt-xiển-đề gọi là không trị được. Trừ hạng nhứt-xiển-đề, ngoài ra đều đã trị xong, thế nên niết bàn gọi là không thương tích."

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật: "Bạch Thế Tôn! Những gì gọi là niết bàn?"

Phật nói: "Nầy Ca Diếp! Niết bàn đó, gọi là giải thoát."

- Bạch Thế Tôn! Chỗ nói giải thoát, là sắc hay chẳng phải sắc?"

- Nầy Ca Diếp! Hoặc là sắc, hoặc là chẳng phải sắc. Thanh văn, Duyên giác giải thoát là không phải sắc. Chư Phật Như Lai giải thoát là sắc.

Nầy Ca Diếp! Thế nên giải thoát cũng sắc cũng chẳng phải sắc. Như Lai vì hàng Thanh văn đệ tử nói là chẳng phải sắc.

.
Ca Diếp Bồ Tát lại bạch: "Như nơi thanh sắt, màu lửa đỏ đã tắt, đem thanh sắt để lại trong lửa, thời màu đỏ sẽ sanh lại. Nếu như vậy, Như Lai lẽ ra sanh phiền não lại, nếu phiền não sanh trở lại bèn là vô thường".

Phật nói: "Nầy Ca Diếp! Ông không nên nói Như Lai vô thường, vì Như Lai là thường trụ.

Như đốt gỗ, khi gỗ hết lửa tắt thời còn tro, phiền não diệt rồi bèn có niết bàn. Các điều dụ như áo hư, chém đầu, lọ vỡ cũng như vậy.

Nầy Ca Diếp! Như sắt nguội có thể làm nóng lại. Như Lai không phải như vậy, dứt phiền não rồi rốt ráo thanh lương, lửa phiền não chẳng còn sanh trở lại.

Vô lượng chúng sanh như thanh sắt kia Như Lai dùng lửa mạnh trí tuệ đốt sắt kiết sử phiền não của chúng sanh".

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật: "Lành thay! Lành thay! Con nay thật biết rõ chư Phật là thường trụ".

Phật nói: "Nầy Ca Diếp! Ví như Thánh Vương vốn ở trong cung, hoặc có lúc dạo chơi nơi vườn; dầu lúc ấy vua không có ở giữa đám cung phi, cũng chẳng được nói là vua đã chết. Cũng vậy, Như Lai dầu nhập vào trong niết bàn không hiện nơi cõi Diêm Phù, chẳng gọi là vô thường. Như Lai ra khỏi vô lượng phiền não vào nơi niết bàn an vui, dạo chơi vui vẻ nơi các vườn hoa chánh giác".

Ca Diếp Bồ Tát lại hỏi: "Như đức Phật đã dạy: Từ lâu Như Lai đã vượt khỏi biển phiền não. Duyên cớ gì lại cùng Gia Du Đà La sanh La Hầu La? Do cớ đây mà biết rằng Như Lai chưa vượt khỏi biển cả phiền não. Cúi xin Như Lai nói về nhơn duyên đó".

Phật bảo Ca Diếp Bồ Tát: "Ông chẳng nên nói Như Lai từ lâu đã vượt khỏi biển cả phiền não, duyên cớ gì lại cùng Gia Du Đà La sanh La Hầu La, vì cớ đây nên biết Như Lai chưa vượt khỏi biển cả phiền não.

Nầy Ca Diếp! Đại niết bàn đây hay kiến lập sự nghĩa to lớn. Nay các ông nên chí tâm lóng nghe, rồi rộng vì người mà giảng thuyết, chớ sanh lòng nghi ngờ.

Nếu có vị đại Bồ Tát trụ đại Niết bàn, có thể đem núi Tu Di cao rộng để vào trong vỏ hột đình lịch. Các loài ở tại núi Tu Di không bị chật hẹp, vẫn y như thường, cũng không có quan niệm gì khác, chỉ có người đáng được độ mới thấy vị Bồ Tát ấy đem núi Tu Di để vào vỏ hột đình lịch, rồi đem để lại chỗ cũ.

Nầy Ca Diếp! Lại có vị đại Bồ Tát trụ đại niết bàn, có thể đem cả cõi đại thiên để vào vỏ hột đình lịch, chỉ có người đáng được độ là thấy việc làm nầy, ngoài ra tất cả chúng sanh đều không hay biết cũng không thấy chật hẹp, vẫn y như cũ. Cho đến đem cõi đại thiên để vào lỗ chưn lông cũng như vậy.

Lại có vị đại Bồ Tát trụ đại niết bàn ngắt lấy nhiều thế giới ở mười phương để nơi đầu mũi kim, như ghim lá táo, rồi ném để nơi thế giới khác. Những chúng sanh trong các thế giới bị ném đó không hay không biết, chỉ có người đáng được độ là thấy việc làm nầy, và cũng thấy Bồ Tát đem thế giới đã ném để lại chỗ cũ.

Lại có vị đại Bồ Tát trụ đại niết bàn, bức lấy các thế giới ở mười phương để trên bàn tay mặt, rồi ném vụt qua khỏi vô lượng thế giới khác. Cũng có vị đại Bồ Tát trụ đại niết bàn đem vô lượng thế giới ở mười phương để vào trong thân mình, hoặc để vào trong một vi trần, vẫn không chật hẹp. Chúng sanh trong các cõi ấy không bị bức ngộp, cũng chẳng hay chẳng biết, chỉ có người đáng được độ mới thấy biết việc làm nầy, và cũng thấy Bồ Tát đem những thế giới để lại chỗ cũ.

Nầy Ca Diếp! Vị đại Bồ Tát trụ đại niết bàn thời có thể thị hiện vô lượng thần thông biến hoá, vì thế nên gọi là đại bát niết bàn.

Tất cả chúng sanh không có thể suy lường đến được. Nay ông làm thế nào biết Như Lai gần nơi ái dục sanh La Hầu La?

Nầy Ca Diếp! Như Lai từ lâu đã trụ nơi đại niết bàn , thị hiện vô lượng thần thông biến hoá, ở trong cõi đại thiên trăm ức mặt trời mặt trăng, trăm ức Diêm Phù Đề nầy, thị hiện vô lượng thần thông biến hoá, như trong kinh Thủ Lăng Nghiêm đã có nói nhiều. Hoặc ở Diêm Phù Đề thị hiện nhập niết bàn, mà chẳng rốt ráo nhập niết bàn. Hoặc ở Diêm Phù Đề thị hiện vào thai mẹ, làm cho cha mẹ tưởng là con trai của mình sanh đẻ, mà thân của Như Lai đây trọn hẳn chẳng từ nơi ái dục hoà hiệp mà sanh. Như Lai đã lìa ái dục từ nơi vô lượng kiếp rồi. Thân của Như Lai đây chính là pháp thân, vì tùy thuận thế gian mà thị hiện vào thai mẹ.

Nầy Ca Diếp! Nơi vườn Lâm Tỳ Ni, thị hiện từ nơi mẹ là Ma-Gia sanh ra, vừa sanh liền đi qua hướng đông bảy bước xướng lên rằng: — trong hàng trời, người, A Tu La, ta là bực tôn thượng hơn cả.

Cha mẹ và trời người thấy thế vừa sợ vừa mừng cho rằng hi hữu. Mà mọi người nói là đứa trẻ nhỏ. Nhưng chính thiệt thời thân của Như Lai đã lìa cách trên đây từ vô lượng kiếp.

Thân của Như Lai tức là pháp thân, chẳng phải thân thịt máu mạch gân xương tủy hiệp thành. Vì thuận cách sanh của chúng sanh mà thị hiện làm đứa trẻ. Đi qua hướng Nam bảy bước là thị hiện muốn làm phước điền vô thượng cho chúng sanh. Đi qua hướng Tây bảy bước là thị hiện thân nầy là thân cuối cùng không còn sanh tử nữa. Đi qua hướng Bắc bảy bước là thị hiện đã qua khỏi sự sanh tử của các cõi. Đi qua hướng Đông bảy bước là thị hiện làm đạo sư cho chúng sanh. Đi qua bốn hướng cạnh bảy bước là thị hiện dứt diệt các thứ phiền não và bốn loài ma, mà thành đấng Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri. Đi lên bảy bước là thị hiện không bị vật dơ làm ô nhi¬m, như hư không. Đi xuống bảy bước, là thị hiện rưới mưa pháp dập tắt lửa địa ngục, cho chúng sanh hưởng vui an ổn.

Nơi Diêm Phù Đề, sau khi sanh bảy ngày lại thị hiện cạo tóc, mọi người đều cho rằng Như Lai là đứa trẻ mới cạo tóc lần đầu. Kỳ thiệt, tất cả trời, người, ma vương, Sa môn, Bà la môn, không một ai có thể thấy được đảnh tướng của Như Lai, huống là có người cầm dao đến cạo tóc được. Trong vô lượng kiếp lâu xa về trước, Như Lai đã cạo bỏ râu tóc rồi. Vì muốn tuỳ thuận theo pháp thế gian, nên Như Lai thị hiện cạo tóc.

Cha mẹ đem ta đến miếu thờ trời, ra mắt Đại Tự Thiên. Lúc Đại Tự Thiên thấy Như Lai, liền chấp tay cung kính đứng qua một bên. Từ lâu xa vô lượng

kiếp, Như Lai đã bỏ lìa cách vào miếu trời, nhưng vì tuỳ thuận thế gian mà thị hiện như vậy.

— Diêm Phù Đề, Như Lai thị hiện xỏ lỗ tai, kỳ thiệt, tất cả chúng sanh không ai có thể xỏ lỗ tai Như Lai được, vì tùy thuận thế gian mà thị hiện như vậy.

Lại lấy các châu báu làm bông tai sư tử để đeo vào, kỳ thiệt từ vô lượng kiếp, Như Lai đã bỏ lìa đồ trang điểm, nhưng vì muốn tuỳ thuận thế gian mà thị hiện việc như vậy.

Rồi vào học đường học tập chữ nghĩa, võ nghệ, nghề nghiệp v.v... kỳ thiệt từ vô lượng kiếp Như Lai đã hoàn toàn rành rẽ tất cả những môn ấy. Xem khắp cả ba cõi, không một ai có khả năng làm thầy của Như Lai được, vì muốn tùy thuận thế gian mà thị hiện vào học đường. Vì thế nên gọi là đấng Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri.

— cõi Diêm Phù Đề, tùy thuận thế gian mà thị hiện làm Thái Tử, mọi người đều thấy Như Lai là Thái Tử con trai lớn vua Tịnh Phạn và Hoàng Hậu Ma Gia, hưởng sự vui sướng trong cảnh ngũ dục (41). Kỳ thiệt trong vô lượng kiếp, Như Lai đã bỏ lìa sự vui ngũ dục rồi.

Nhà tướng số đoán rằng Thái Tử nếu chẳng xuất gia thời sẽ làm Chuyển Luân Thánh Vương cai trị Diêm Phù Đề, mọi người đều tin lời đoán ấy. Kỳ thiệt, từ vô lượng kiếp, Như Lai đã bỏ vị Chuyển Luân Thánh Vương mà làm bực Pháp Vương.

Thị hiện nhằm lìa cảnh vui ngũ dục, dạo thành gặp người già, bịnh, chết cùng vị Sa môn, rồi vượt thành xuất gia hành đạo. Mọi người đều cho rằng Thái Tử Sĩ Đạt Đa mới xuất gia. Nhưng từ vô lượng kiếp Như Lai đã xuất gia hành đạo rồi.

Thị hiện thọ giới cụ túc, tinh tấn tu hành đạo, chứng quả Tu Đà Hoàn, quả Tư Đà Hàm, quả A Na Hàm, quả A La Hán. Mọi người thấy vậy đều nói quả A La Hán d¬ được không khó. Nhưng từ vô lượng kiếp Như Lai đã thành tựu quả A La Hán rồi.

Vì muốn độ thoát mọi loài chúng sanh, mà thị hiện trải cỏ làm tòa, ngồi nơi đạo tràng dưới cội Bồ Đề hàng phục Ma quân. Đại chúng đều cho rằng Như Lai mới thành đạo, hàng phục Ma quân. Nhưng từ vô lượng kiếp Như Lai đã

hàng phục Ma quân rồi. Vì muốn hàng phục chúng sanh cang cường nên thị hiện như vậy.

Như Lai lại thị hiện đại tiện, tiểu tiện, thở ra, hít vào. Mọi người đều cho rằng Như Lai có đại tiện, tiểu tiện và thở. Kỳ thiệt thân của Như Lai đây đều không có những việc ấy, vì tùy thuận thế gian mà thị hiện như vậy.

Lại thị hiện thọ thực phẩm của người dưng cúng, nhưng thiệt ra thân của Như Lai đều không có sự đói khát. Lại thị hiện ngủ nghỉ đồng như chúng sanh, nhưng từ vô lượng kiếp, Như Lai đầy đủ trí huệ thâm diệu, xa lìa tất cả những sự thế gian như đi, đứng, nằm, ngồi, đau đầu, đau bụng, đau lưng, rửa tay, rửa mặt, súc miệng v.v..., mọi người đều cho rằng Như Lai có các oai nghi như vậy. Nhưng thân của Như Lai đều không có những sự ấy, tay chơn trong sạch như hoa sen, hơi miệng thơm sạch như mùi thơm ưu-bát-la.

Đại chúng cho rằng Như Lai là nhơn loại, mà thiệt thời Như Lai không phải nhơn loại.

Lại thị hiện nhận lấy y phấn tảo, giặt giủ may nhuộm, nhưng từ lâu Như Lai chẳng cần đến cái y ấy.

Nầy Ca Diếp! Dầu Như Lai luôn thị hiện nhập niết bàn tại Diêm Phù Đề nầy. Kỳ thiệt Như Lai chẳng rốt ráo nhập niết bàn, mà chúng sanh cho rằng Như Lai thiệt diệt độ. Phải biết tánh Như Lai thiệt chẳng diệt hẳn, là pháp thường trụ, là pháp không biến đổi.

Nầy Ca Diếp! Đại Niết bàn là pháp giới của Phật Như Lai.

Như Lai thị hiện ra đời thành Phật, chúng sanh đều nói Như Lai mới thành Phật; nhưng thiệt ra Như Lai chỗ làm đã xong từ vô lượng kiếp rồi, vì tùy thuận thế gian mà thị hiện như vậy.

Nầy Ca Diếp! — Diêm Phù Đề có lúc Như Lai thị hiện chẳng giữ giới cấm, phạm tứ trọng tội, nhưng từ vô lượng kiếp Như Lai giữ chặt cấm giới chẳng một mảy thiếu xót.

Có lúc thị hiện làm gã nhứt-xiển-đề, nhưng thiệt ra không phải nhứt-xiển-đề. Làm gì có nhứt-xiển-đề mà thành bực vô thượng chánh giác!

Có lúc thị hiện phá hoà hiệp tăng, có lúc thị hiện hộ trì chánh pháp, mọi người đều phải kinh quái.

Có lúc thị hiện làm Ma vương Ba tuần, nhưng từ vô lượng kiếp, Như Lai đã lìa ma sự, trong sạch không nhi¬m như hoa sen.

Có lúc thị hiện thân gái thành Phật, mọi người đều nói, rất lạ cho người nữ mà có thể thành Phật. Phải biết Như Lai trọn hẳn không thọ thân gái, vì muốn điều phục vô lượng chúng sanh nên hiện thân gái. Và cũng vì thương xót chúng sanh mà hiện nhiều thứ thân, cho đến hiện thân A Tu La, Súc Sanh, Ngạ Quỷ, Địa Ngục, để độ chúng sanh trong các loài ấy.

Lại thị hiện làm Phạm Thiên Vương để cho người thờ Phạm Thiên vào trong chánh pháp, nhẫn đến thị hiện các thân trời khắp các miếu trời cũng vì mục đích ấy. Nhưng thiệt ra Như Lai không phải Phạm Thiên, không phải thân trời.

Có lúc thị hiện vào nhà gái dâm, nhưng Như Lai thiệt không có niệm dục, lòng Như Lai trong sạch không nhiễm ô như hoa sen, vào đấy để tuyên thuyết diệu pháp cho hạng người say mê sắc dục.

Lại thị hiện vào nhà thanh y, để giáo hóa hạng nô tỳ cho chúng nó được trụ nơi chánh pháp.

Lại thị hiện làm bác sĩ để dạy học trò, thị hiện chơi bài bạc để độ hạng người bài bạc, thị hiện thân chim thứu để độ loài thứu, lại thị hiện làm trưởng giả để an lập mọi người trụ nơi chánh pháp, thị hiện làm vua, làm quan, để dìu dắt nhơn dân tu chánh pháp.

Lại thị hiện tật dịch (42) tại nơi Diêm Phù đề, rồi trước thí thuốc cho bịnh nhơn, sau giảng dạy đạo pháp. Lại thị hiện cơ cẩn tai, trước bố thí cơm áo, sau tuyên truyền diệu pháp. Lại thị hiện đao binh tai, rồi thuyết diệu pháp

Lại thị hiện vì hạng chấp thường mà giảng pháp vô thường, vì hạng chấp lạc mà giảng pháp khổ, vì hạng chấp ngã mà giảng pháp vô ngã, vì hạng chấp tịnh mà giảng pháp bất tịnh. Vì người tham chấp ba cõi, mà thuyết pháp cho họ xa lìa ba cõi, vì độ chúng sanh mà tuyên thuyết diệu pháp vô thượng, trồng cây pháp dược vô thượng để thay cây phiền não, di¬n nói chánh pháp để cứu bọn ngoại đạo tà kiến. Dầu thị hiện làm thầy chúng sanh, nhưng Như Lai trọn không có quan niệm là Thầy.

Đức Như Lai chánh giác an trụ đại bát niết bàn như vậy, nên gọi là thường trụ không biến đổi.

Cũng như thị hiện ở Diêm Phù Đề, ở Đông Thắng Thần Châu, Tây Ngưu Hóa Châu, Bắc Cu Lô Châu, nhẫn đến ở khắp cõi đại thiên, Như Lai đều thị hiện như vậy. Như kinh Thủ Lăng Nghiêm đã nói rộng. Vì lẽ ấy nên gọi là đại bát niết bàn.

Nếu có vị đại Bồ Tát an trụ đại bát niết bàn như vậy, thời có thể thị hiện vô lượng thần thông biến hóa như trên, mà trọn không có chút chướng ngại cùng e sợ.

Nầy Ca Diếp! Do nhơn duyên trên đây, ông chẳng nên nói rằng La Hầu La là con trai của Phật, vì từ vô lượng kiếp. Như Lai đã lìa hẵn dục nhi¬m, nên Như Lai gọi thường trụ không biến đổi".

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật: "Như lời Phật nói: như ngọn đèn đã tắt thời không có phương sở. Cũng vậy, Như Lai diệt độ rồi thời không phương sở. Thế nào Như Lai gọi là thường trụ?"

Phật nói: "Nầy Ca Diếp! Ví như người đời thắp đèn dầu, theo số dầu còn thời ngọn đèn cháy, khi dầu hết thời ngọn đèn tắt, ngọn đèn tắt dụ cho lửa phiền não dứt. Ngọn đèn tắt mà bình đèn vẫn còn. Cũng vậy, phiền não dầu dứt mà Như Lai pháp thân thường còn.

Nầy Ca Diếp! Ngọn đèn cùng bình đèn có cùng tắt dứt cả không?"

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật: "Bạch Thế Tôn, không ạ! Tuy không cùng tắt dứt cả, nhưng là vô thường. Nếu đem pháp thân dụ với bình đèn, thời pháp thân cũng vô thường".

Phật nói: "Nầy Ca Diếp! Ông không nên nạn như vậy. Đồ vật thế gian là vô thường, Như Lai không phải vô thường. Trong tất cả pháp niết bàn là thường, Như Lai tức niết bàn nên gọi là thường.

Nầy Ca Diếp! Nói đèn tắt đó, là nói niết bàn của bực A La Hán chứng, vì A La Hán dứt tham ái phiền não nên dụ như đèn tắt. Bực A Na Hàm gọi là có tham, vì có tham nên chẳng được gọi là đồng với đèn tắt. Do nghĩa ấy nên ngày trước Như Lai nói dụ như đèn tắt, chớ chẳng phải đại niết Bàn đồng với đèn tắt. Bực A Na Hàm chẳng còn lại thọ thân trong ba cõn nữa, chẳng còn lại thọ thân hôi nhơ, thân trùng, thân ăn uống, thân độc khổ, nên gọi là A Na Hàm. Nếu còn thọ thân thời gọi là Na Hàm, không còn thọ thân mới gọi là A Na Hàm. Nếu còn khứ lai thời gọi là Na Hàm, không còn khứ lai mới gọi là A Na Hàm.

Bấy giờ Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật: "Bạch Thế Tôn! Như lời Phật dạy "Chư Phật Thế Tôn có tạng bí mật!" Nghĩa nầy không phải. Vì chư Phật Thế Tôn chỉ có mật ngữ mà không có mật tạng. Như nhà ảo thuật điều khiển người máy. Mọi người dầu thấy người máy co duỗi cúi ngửa, nhưng chẳng biết bộ phận trong thế nào. Phật pháp không phải như vậy, Phật pháp làm cho chúng sanh đều hiểu đều biết. Thế sao lại bão rằng chư Phật Thế Tôn tôn có tạng bí mật?"

Phật khen: "Lành thay! Lành thay! Đúng như lời ông vừa nói. Như Lai thiệt không có tạng bí mật. Như trăng tròn giữa đêm thu, trời trong không mây mù, mọi người ai cũng thấy rõ vầng trăng sáng. Lời của Như Lai cũng khai phát hiển lộ rõ ràng, kẻ ngu kia tự không hiểu rồi cho là tạng bí mật. Người trí suốt thấu thời không gọi là tạng.

Nầy Ca Diếp! Ví như có người để dành vàng bạc đến số ức triệu, vì lòng bỏn xẻn nên chẳng ban ơn bố thí cho kẻ nghèo cùng, chứa của như vậy mới gọi là dấu kín. Như Lai thời không phải thế, từ vô lượng kiếp chứa để vô lượng diệu pháp, lòng không bỏn xẻn, thường đem ban bố cho mọi loài chúng sanh, đâu có thể gọi là Như Lai bí tạng được.

Như có người tật nguyền, hoặc một mắt, cụt tay, què chơn, vì hổ thẹn mà không cho người thấy, vì thế nên gọi là núp kín. Như Lai thời không phải thế, bao nhiêu chánh pháp đầy đủ không thiếu đều cho người thấy cả nên pháp của Như Lai không gọi là bí tạng được.

Như người nghèo thiếu nợ nhiều, vì sợ chủ nợ đòi mà ẩn trốn, nên gọi là trốn kín. Như Lai thời không phải thế, Như Lai không có nợ chúng sanh về pháp thế gian. Dầu đối với chúng sanh có nợ xuất thế, nhưng cũng chẳng ẩn mặt, vì Như Lai luôn xem chúng sanh như con đẻ, mà thường di¬n thuyết pháp nghĩa vô thượng.

Như trưởng giả giàu có nhiều của, chỉ có một người con trai, trưởng giả rất mến yêu con, bao nhiêu tiền của châu báu đều chỉ cho con biết. Cũng vậy, Như Lai xem chúng sanh đồng là con một.

Như người đời vì nam căn, nữ căn (43) xấu xí nên dùng y phục để che đậy nên gọi là phúc tàng. Như Lai không phải thế, đã dứt hẳn thứ căn ấy, vì không căn nên không chỗ phúc tàng.

Như dòng Bà La Môn có những điều luận nói, trọn không muốn cho người trong dòng Sát Lợi, Tỳ Xá, Thủ Đà (44) nghe biết, vì trong các luận điều của

họ có chỗ lỗi ác. Chánh pháp của Như Lai thời không phải như vậy, tất cả đều là lành là phải, vì thế nên chẳng được gọi là bí tạng.

Như trưởng giả (45) rất cưng yêu đứa con trai một, dắt đến nhà trường ý muốn cho học, sau vì sợ con không được mau thành tài nên lại dắt về. Vì thương con nên trưởng giả ngày đêm ân cần dạy cho nó về bán tự, mà không dạy luận Tỳ Già La, vì nó còn nhỏ tuổi quá, chưa đủ sức học.

Nầy Ca Diếp! Giả sử trưởng giả dạy về bán tự xong, đứa con trai ấy có thể liền đặng hiểu biết luận Tỳ Già La không?

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật: "Bạch Thế Tôn không!"

Phật hỏi: "Như vậy trưởng giả có bí tàng đối với con của ông không?"

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật: "Bạch Thế Tôn không! Vì đứa con còn thơ ấu, nên trưởng giả không dạy, chớ chẳng phải vì bí tàng lẩn tiếc mà không dạy. Nếu có lòng tật đố lẩn tiếc mới gọi là bí tàng. Như Lai không như vậy, sao lại gọi là Như Lai bí tàng được."

Phật nói: "Lành thay! Lành thay! Đúng như lời ông nói. Nếu có lòng tật đố giận hờn lẩn tiếc mới gọi là bí tàng. Như Lai không có những lòng quấy ấy đâu gọi là bí tàng được.

Nầy Ca Diếp! Ông trưởng giả trên kia là chỉ cho Như Lai, đứa con trai một của ông là chỉ cho tất cả chúng sanh. Như Lai xem tất cả chúng sanh như con một. Dạy con trai một là nói hàng Thanh văn đệ tử. Còn bán tự (46) đó là nói chín bộ kinh Tiểu Thừa. Luận Tỳ Già La là nói về kinh điển Phương Đẳng (47) Đại Thừa. Vì hàng Thanh văn không đủ sức trí huệ nên Như Lai dạy cho họ bán tự chín bộ kinh điển mà chẳng dạy luận Tỳ Già La kinh điển Phương Đẳng Đại Thừa.

Nầy Ca Diếp! Như đứa con trai kia tuổi đã lớn, đủ sức học tập, mà trưởng giả không dạy luận Tỳ Già La mới có thể gọi trưởng giả là bí tàng. Nếu hàng Thanh văn (48) đủ sức lãnh thọ Đại Thừa mà Như Lai lẩn tiếc không dạy, mới có thể gọi Như Lai có tạng bí mật. Nhưng thiệt ra Như Lai không phải như vậy, nên Như Lai không có bí tàng.

Như trưởng giả sau khi dạy bán tự xong, kế vì con mà di¬n nói Luận Tỳ Già La. Cũng vậy, Như Lai vì các đệ tử giảng nói bán tự chín phần kinh xong, kế

vì giảng nói luận Tỳ Già La Phương Đẳng Đại Thừa, chính là diệu lý Như Lai thường còn không biến đổi.

Nầy Ca Diếp! Như tháng mùa hạ, kéo mây nổi sấm xối mưa lớn, khiến nhà nông cày cấy đặng mùa. Người không gieo trồng thời không chỗ được, chẳng phải lỗi của Long Vương, mà Long Vương cũng không chỗ tiếc dấu. Như Lai đây cũng như vậy, xối mưa pháp lớn: Kinh Đại Niết Bàn. Nếu các chúng sanh gieo hột lành thời được mầm trái trí huệ. Nếu không gieo hột lành thời không chỗ được. Đây không phải là lỗi ở Như Lai, mà Phật Như Lai cũng không chỗ bí tàng."

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật: "Nay con quyết định rõ biết Như Lai không chỗ bí tàng. Như lời Phật nói: Luận Tỳ Già La là nói Phật Như Lai thường còn không biến đổi. Nghĩa đây không phải. Vì sao? Vì ngày trước Phật có nói kệ:

Chư Phật cùng Duyên giác
Nhẫn đến chúng đệ tử
Còn bỏ thân vô thường
Huống là hạng phàm phu.
Nay Phật nói là thường còn không biến đổi, nghĩa đây như thế nào?

Phật dạy: "Nầy Ca Diếp! Như Lai vì hàng Thanh văn đệ tử mà dạy về bán tự nên nói kệ vô thường ấy.

Nầy Ca Diếp! Xưa kia, vì mẹ chết nên vua Ba Tư Nặc rất thương nhớ buồn khổ, đến thăm Như Lai. Như Lai liền hỏi cớ sao nhà vua lại quá buồn khổ như vậy? - Vua đáp: "Bạch Thế Tôn hôm nay Thái hậu thăng hà. Giả sử có người nào làm cho mẹ tôi sống lại, tôi nhường ngôi và đem của tiền châu báu cùng thân nầy để thưởng tặng cho người ấy xử dụng. "Như Lai khuyên: "Nầy Đại Vương! Nhà vua chớ nên quá sầu khổ. Tất cả chúng sanh hể thọ mạng hết gọi là chết. Chư Phật, Duyên giác, Thanh văn còn bỏ thân nầy, huống là phàm phu!

Nầy Ca Diếp! Vì dạy bán tự cho vua Ba Tư Nặc nên Như Lai nói bài kệ ấy.

Nay Như Lai vì các hàng Thanh văn đệ tử giảng nói luận Tỳ Già La, tức là Như Lai thường còn không biến đổi."

Ca Diếp Bồ Tát lại bạch Phật: "Như lời Phật dạy:

Không chỗ chứa nhóm
Nơi ăn biết đủ
Như chim bay không
Dấu không thể tìm.

Bạch Thế Tôn, những nghĩa nầy là thế nào? Trong chúng hội đây ai được gọi là không chỗ chứa nhóm? Ai được gọi là nơi ăn biết đủ? Ai đi nơi hư không chẳng thể tìm dấu? Mà sự đi nầy là đến phương nào?

Phật dạy: "Luận về chứa nhóm là nói về của báu.

Nầy Ca Diếp! Chứa nhóm có hai thứ: một là hữu vi, hai là vô vi. Chứa nhóm hữu vi là hạnh Thanh văn, chứa nhóm vô vi là hạnh Như Lai.

Nầy Ca Diếp! Tăng cũng có hai hạng: một là hữu vi, hai là vô vi. Hữu vi Tăng gọi là hàng Thanh văn. Thanh văn Tăng không có chứa nhóm những tôi tớ đồ vật phi pháp, kho đụn lúa gạo, muối, mè, đậu, bắp. Nếu có người nói Như Lai cho chứa tôi tớ các đồ vật như vậy, người ấy sẽ bị báo rút lưỡi. Hàng Thanh văn đệ tử của Như Lai gọi là không chứa nhóm, cũng được gọi là nơi ăn biết đủ. Nếu có tham ăn gọi là chẳng biết đủ.

Người khó tìm dấu thời là bực gần đạo vô thượng bồ đề. Như Lai nói người nầy dầu đi mà không chỗ đến."

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật: "Hàng hữu vi Tăng còn không chứa nhóm huống là vô vi Tăng. Vô vi Tăng chính là Như Lai. Thế sao Như Lai phải có chứa nhóm. Và chứa nhóm đó gọi là cất dấu. Thế nên Như Lai phàm có nói ra đều không lẫn tiếc, thế nào gọi là dấu cất?

Không thể tìm ra dấu vết đó, gọi là niết bàn. Trong niết bàn không có mặt trời, mặt trăng, tinh tú, lạnh nóng gió mưa. Sanh già bịnh chết, hai mươi lăm cõi, lìa các sự lo khổ và các phiền não. Niết bàn như vậy là chỗ Như Lai ở thường không biến đổi. Vì nhơn duyên ấy, Như Lai đến trong rừng Ta La nơi đại niết bàn mà nhập đại niết bàn."

Phật nói: "Nầy Ca Diếp! Chữ Đại đó tánh ấy rộng lớn. Như người sống lâu vô lượng tuổi thời gọi là đại trượng phu. Người nầy nếu có thể an trụ nơi chánh pháp thời gọi là bực siêu thăng trong loài người. Như tám điều giác ngộ của bực đại nhơn mà Như Lai đã dạy, là một người có đủ hay nhiều người có đủ. Nếu một người đủ cả tam thời là rất siêu thăng. Nói rằng niết bàn đó, không có tỳ vết.

Nầy Ca Diếp! Như người bị xuông tên độc đau nhức lắm, gặp được lương y nhổ tên độc ra rồi truyền cho thuốc hay, người ấy hết đau nhức được an vui. Vị lương y nầy liền đi nơi thành ấp và các xóm làng, h¬ chỗ nào có người bị thương đau khổ liền đến điều trị.

Cũng vậy, Như Lai thành bực Đẳng Chánh Giác làm vị đại Y Vương, thấy chúng sanh khổ não nơi Diêm Phù Đề, từ vô lượng kiếp bị tên độc phiền não, dâm nộ, si mê làm đau nhức, bèn nói kinh Đại Thừa cam lộ pháp dược. Điều trị nơi đây rồi, Như Lai lại đến xứ khác, nơi có tên độc phiền não, thị hiện làm Phật để điều trị. Thế nên gọi là đại bát niết bàn.

Đại bát Niết Bàn đó gọi là chỗ giải thoát. Tùy nơi nào có chúng sanh đáng được điều phục, thời Như Lai ở trong ấy mà thị hiện. Vì nghĩa chơn thiệt thậm thâm nầy nên gọi là đại bát niết bàn."

Ca Diếp Bồ Tát lại bạch Phật rằng: "Bạch Thế Tôn! Y sư trong đời có thể điều trị thương tích cho tất cả chúng sanh chăng?"

Phật nói: "Nầy Ca Diếp! Thương tích của người đời phàm có hai thứ: một là bịnh có thể trị, hai là bịnh không thể trị. Bịnh có thể trị thời y sư trị được, còn bịnh không thể trị thời y sư không trị được."

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật: "Cứ như lời Phật dạy, thời Như Lai đã trị bịnh cho chúng sanh nơi Diêm Phù Đề nầy rồi. Nếu nói đã trị rồi, sao nơi đây còn có chúng sanh chưa được niết bàn? Nếu chưa được niết bàn cả, sao Như Lai nói rằng điều trị đã xong mà muốn đến xứ khác?"

Phật nói: "Nầy Ca Diếp! Chúng sanh trong Diêm Phù Đề nầy có hai hạng: một hạng tin và một hạng không tin. Hạng có lòng tin thời gọi là trị được, vì sẽ không phiền não quyết định được niết bàn, thế nên Như Lai nói trị chúng sanh nơi Diêm Phù Đề rồi. Hạng không lòng tin gọi là nhứt-xiển-đề. Hạng nhứt-xiển-đề gọi là không trị được. Trừ hạng nhứt-xiển-đề, ngoài ra đều đã trị xong, thế nên niết bàn gọi là không thương tích."

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật: "Bạch Thế Tôn! Những gì gọi là niết bàn?"

Phật nói: "Nầy Ca Diếp! Niết bàn đó, gọi là giải thoát."

- Bạch Thế Tôn! Chỗ nói giải thoát, là sắc hay chẳng phải sắc?"

- Nầy Ca Diếp! Hoặc là sắc, hoặc là chẳng phải sắc. Thanh văn, Duyên giác giải thoát là không phải sắc. Chư Phật Như Lai giải thoát là sắc.

Nầy Ca Diếp! Thế nên giải thoát cũng sắc cũng chẳng phải sắc. Như Lai vì hàng Thanh văn đệ tử nói là chẳng phải sắc.

- Bạch Thế Tôn! Thanh văn Duyên giác nếu chẳng phải sắc thời thế nào được trụ?

- Nầy Ca Diếp! Như trời phi tưởng phi phi tưởng cũng phải là sắc chẳng phải sắc, Như Lai cũng nói là chẳng phải sắc. Như có người nạn rằng Trời phi tưởng phi phi tưởng nếu chẳng phải sắc thế nào được trụ, đi lại, cử động? Những nghĩa nầy là cảnh giới chư Phật. Chẳng phải Thanh văn Duyên giác biết được. Giải thoát cũng vậy là sắc chẳng phải sắc nói là chẳng phải sắc, cũng là tưởng chẳng phải tưởng nói là chẳng phải tưởng. Những nghĩa như vậy là cảnh giới của chư Phật, chẳng phải hàng Thanh văn Duyên giác biết được.

Bấy giờ Ca Diếp Bồ Tát lại bạch Phật rằng: "Ngưỡng mong đức Thế Tôn thương xót nói rộng lại những nghĩa hạnh đại niết bàn giải thoát."

Phật khen: "Lành thay! Lành thay! Nầy Ca Diếp! Người chơn giải thoát gọi là xa lìa tất cả hệ phước. Nếu chơn giải thoát lìa các hệ phước thời không có sanh cũng không hòa hiệp. Ví như cha mẹ hòa hiệp sanh ra con. Người chơn giải thoát thời không phải như vậy, thế nên giải thoát gọi rằng chẳng sanh.

Nầy Ca Diếp! Như đề hồ, tánh nó thanh tịnh. Cũng vậy, Như Lai chẳng phải nhơn cha mẹ hòa hiệp mà sanh, tánh Như Lai thanh tịnh, sở dĩ thị hiện có cha mẹ là vì muốn hóa độ các chúng sanh. Người chơn giải thoát tức là Như Lai. Như Lai cùng giải thoát không hai không khác.

Ví như tháng mùa xuân gieo các hột giống, đặng hơi ẩm ướt liền mọc mầm lên cây. Người chơn giải thoát thời chẳng như vậy.

Lại giải thoát gọi là hư vô. Hư vô tức là giải thoát, giải thoát tức là Như Lai, Như Lai tức là hư vô, chẳng phải năng tác sở tác. Phàm là tác giả dường như thành quách lầu nhà để ngăn kẻ địch, chơn giải thoát thời chẳng như vậy. Thế nên giải thoát tức là Như Lai.

Lại giải thoát tức là pháp vô vi. Ví như thợ gốm làm đồ rồi lại bị bể. Giải thoát chẳng như vậy. Chơn thiệt giải thoát chẳng sanh chẳng diệt. Thế nên

giải thoát tức là Như Lai. Cũng vậy, Như Lai bất sanh bất diệt, chẳng già, chẳng chết, chẳng hư chẳng hoại, chẳng phải pháp hữu vi. Do những nghĩa nầy nên gọi Như Lai nhập đại niết bàn.

Già là dời đổi, tóc bạc, mặt nhăn, chết là thân hư mạng hết, trong giải thoát không hai thứ nầy. Vì không già chết nên gọi giải thoát. Như Lai cũng không tóc bạc mặt nhăn các pháp hữu vi dời đổi, thế nên Như Lai không có già. Không có già thời không có chết.

Lại giải thoát gọi rằng không bịnh. Bịnh là bốn trăm lẽ bốn bịnh và các thứ bịnh ở ngoài đến xâm tổn nơi thân. Nơi đây không có các bịnh ấy nên gọi là giải thoát. Không tật bịnh là chơn thiệt giải thoát, chơn thiệt giải thoát tức là Như Lai. Như Lai không bịnh cho nên pháp thân cũng không có bịnh. Không bịnh như vậy tức là Như Lai.

Chết là thân hư mạng hết. Nơi đây không chết tức là cam lộ. Cam lộ nầy là chơn thiệt giải thoát, chơn giải thoát tức là Như Lai.

Như Lai thành tựu công đức như vậy, thế sao lại nói Như Lai vô thường? Không có lẽ gì nói Như Lai là vô thường được. Là thân kim cang thế nào vô thường! Thế nên Như Lai không gọi là chết.

Như Lai thanh tịnh không có cấu nhơ. Thân Như Lai chẳng bị nhơ nhớp trong thai, như hoa sen trắng bổn tánh trong sạch. Như Lai giải thoát cũng lại như vậy. Giải thoát như vậy tức là Như Lai. Thế nên Như Lai thanh tịnh không cấu nhơ.

Lại giải thoát trọn không còn sót thừa những phiền não lỗi lầm. Cũng vậy, Như Lai không có tất cả phiền não lỗi lầm.

Lại giải thoát không có đấu tranh. Ví như người đói, thấy kẻ khác ăn uống thời sanh lòng tham đoạt. Giải thoát không phải như vậy.

Lại giải thoát gọi là an tịnh. Người phàm tục cho rằng an tịnh là Đại Tự Tại thiên, đây là lời hư vọng. Chơn thiệt an tịnh là rốt ráo giải thoát, rốt ráo giải thoát tức là Như Lai.

Lại giải thoát tức là an ổn. Như chỗ nhiều giặc cướp chẳng gọi an ổn. Nơi thanh bình mới gọi là an ổn. Trong giải thoát không có bố úy nên gọi là an ổn. Thế nên an ổn tức là chơn thiệt giải thoát, chơn giải thoát tức là Như Lai. Như Lai tức là pháp vậy.

Lại giải thoát không có bạn đồng hàng. Có bạn đồng hàng như quốc vương có các lân quốc. Không bạn đồng hàng như Chuyển Luân Thánh Vương không có vua nào đứng ngang hàng. Cũng vậy, giải thoát không có đồng hạng. Không có đồng hàng là chơn giải thoát. Chơn giải thoát là Như Lai Chuyển Pháp Luân Vương. Thế nên Như Lai không bạn đồng hàng.

Lại giải thoát không ưu sầu. Có ưu sầu như Quốc Vương sợ nước láng giềng mạnh nên ưu sầu. Giải thoát không như vậy. Như phá được oán địch thời không còn lo sợ nữa. Cũng vậy, giải thoát không có lo sợ, không lo sợ tức là Như Lai.

Lại giải thoát là không lo mừng. Ví như người đàn bà chỉ có một đứa con trai, có việc xa nhà, thoạt có tin con bị nạn chết thời rất sầu khổ, về sau lai nghe rằng còn sống thời rất vui mừng. Trong giải thoát không có sự lo mừng như vậy. Không lo mừng là chơn giải thoát, chơn giải thoát tức là Như Lai.

Lại giải thoát không có bụi nhơ. Như tháng mùa xuân sau khi mặt trời lặn, gió nổi bụi mù. Trong giải thoát không có việc ấy. Không bụi mù dụ cho chơn giải thoát, chơn giải thoát tức là Như-Lai.

Như viên minh châu trong búi tóc của Thánh-Vương không có nhơ bợn. Tánh giải thoát cũng không nhơ bợn. Không nhơ bợn dụ cho chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như-Lai.

Như chất vàng không lộn cát đá mới gọi là vàng ròng, ai được vàng ròng thời tự biết là mình có của.

Cũng vậy, tánh giải thoát như chất vàng ròng. Vàng ròng kia dụ cho chơn giải thoát, chơn giải thoát tức là Như-Lai.

Như bình sành bị bể, tiếng nghe lạch cạch. Bình bằng kim cang bửu thời chẳng như vậy. Giải thoát cũng không diếc bể. Bình báu kim cang dụ cho chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như-Lai. Thế nên thân Như-Lai không hư hoại.

Tiếng lạch cạch như hột đu đủ dầu phơi trong nắng, nổ tiếng lạch cạch. Giải thoát không có như vậy.Như bình báu kim cang không có tiếng bể lạch cạch. Giả sử trăm ngàn người, cùng đua nhau bắn, không ai làm bể được. Không tiếng bể lạch cạch dụ cho chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như-Lai.

Như người nghèo thiếu nợ, bị chủ nợ đòi hỏi kiện thưa, gông cùm trói nhốt. Trong giải thoát không có các việc ấy. Như Trưởng giả giàu lớn có vô số vàng bạc châu báu, thế lực tự tại, chẳng mang nợ ai. Giải thoát cũng như vậy, chứa vô lượng của pháp bảo, thế lực tự tại, không có nợ thiếu. Không nợ thiếu dụ cho chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như-Lai.

Lại chơn giải thoát gọi rằng không bức ngặt. Như mùa xuân lần nóng, mùa hạ oi bức, mùa đông rét lạnh. Trong chơn giải thoát không có những sự chẳng vừa ý như vậy. Không bức ngặt dụ cho chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như-Lai.

Ví như người ăn cá đã no mà lại uống sữa, người nầy thời là gần sự chết. Trong chơn giải thoát không có sự như vậy. Người nầy nếu được thuốc hay cam lồ thời được khỏi bịnh. Chơn giải thoát cũng như vậy. Thuốc hay cam lồ dụ cho chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như-Lai.

Thế nào là bức ngặt, và không bức ngặt ? Như người phàm ngã-mạn tự cao cho rằng không ai hại được mình, bèn ở chung với rắn cọp độc trùng, nên biết người nầy sẽ bị hoạnh tử. Đây là bức ngặt. Trong chơn giải thoát không có việc như vậy.

Không bị bức ngặt là như thần châu của vua Chuyển Luân trừ được chín mươi sáu thứ độc trùng, ai nghe được thần châu nầy thời các thứ độc đều tiêu diệt. Chơn giải thoát cũng lại như vậy xa lìa cả hai mươi lăm cõi. Tiêu độc dụ cho chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như-Lai.

Lại không bức ngặt như hư không. Giải thoát cũng vậy. Hư không kia dụ cho chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như-Lai.

Lại bức ngặt như gần cỏ khô mà đốt đèn lửa thời bị cháy lan. Trong chơn giải thoát không có sự như vậy.

Lại không bức ngặt, ví như mặt trời mặt trăng không bức chúng sanh. Cũng vậy, giải thoát không bức ngặt chúng sanh. Không bức ngặt đây dụ cho chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như-Lai.

Lại giải thoát gọi là pháp vô-động., vô động là không oan không thân. Như vua Chuyển-Luân-Vương không có vị Thánh vương khác để làm thân hữu. Giải thoát cũng vậy. Thánh vương không thân hữu dụ cho chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như-Lai. Như-Lai tức là pháp vậy.

Như áo trắng dễ nhuộm màu. Giải thoát không như vậy, nên giải thoát là vô-động.

Như hoa bà-sư, muốn có mùi hôi và màu xanh thời không thể được. Cũng vậy, muốn trong giải thoát có mùi hôi và có các màu thời không thể được, nên giải thoát là pháp vô-động. Giải thoát tức là Như-Lai.

Lại giải thoát gọi là hi hữu. Như trong nước mọc hoa sen thời không phải hi hữu. Trong lửa mọc hoa sen mới là hi hữu, ai thấy cũng đều vui mừng. Cũng vậy, ai được thấy chơn giải thoát cũng đều vui mừng.

Hi hữu kia dụ cho chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như-Lai, Như Lai tức là pháp thân.

Như trẻ nít chưa mọc răng, khôn lớn lần răng mới mọc. Giải thoát chẳng phải vậy. Không có sanh cùng bất sanh.

Lại giải thoát gọi là hư-tịch, vô-hữu, bất-định. Bất-định là như hạng nhứt-xiển-đề không phải rốt ráo chẳng dời, như người phạm tội trọngkhông phải rốt ráo chẳng thành Phật. Nếu có lòng tin trong sạch ở nơi chánh pháp, hoặc được làm Ưu-Bà-Tắc thời diệt nhứt-xiển-đề. Còn người phạm tội trọng, khi diệt tội ấy thời được thành Phật. Nếu nói là rốt ráo không dời, rốt rtáo chẳng thành Phật-đạo thời là không đúng.

Trong chơn giải thoát đều không có sự diệt tận như vậy.

Lại hư-tịch thuộc về pháp-giới, như pháp-giới tánh tức là chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như-Lai.

Lại nhứt-xiển-đề nếu diệt tận thời chẳng được gọi là nhứt-xiển-đề. Những gì gọi là nhứt-xiển-đề. Hạng nhứt-xiển-đề đoạn diệt tất cả căn lành, tâm họ không vin niếu tất cả pháp lành, nhẫn đến không sanh một niệm lành. Trong chơn giải thoát đều không có sự như vậy. Không các việc ấy tức là chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như-Lai.

Lại giải thoát gọi là chẳng thể lường được. Ví như đống thóc, có thể biết số cân lượng. Chơn giải thoát thời chẳng như vậy. Ví như biển lớn thời không thể đo lường được. Cũng vậy, giải thoát không thể đo lường. Không thể đo lường là chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như-Lai.

Lại giải thoát gọi là vô-lượng pháp. Như một chúng sanh có nhiều nghiệp báo. Cũng vậy, giải thoát có vô lượng quả báo. Vô lượng quả báo là chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như-Lai.

Lại giải thoát gọi là rộng lớn. Như biển lớn không gì sánh bằng. Cũng vậy, giải thoát không gì sánh bằng. Không gì sánh bằng là chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như-Lai.

Lại giải thoát gọi là tối thượng, như hư không cao hơn cả không gì sánh. Cũng vậy, giải thoát cao hơn cả không gì sánh. Cao không gì sánh tức chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như-Lai.

Lại giải thoát gọi là không gì qua. Ví như chỗ ở của sư tử, các loài thú không con nào qua được. Cũng vậy, giải thoát không gì qua được. Không gì qua được là chơn giải thoár. Chơn giải thoát tức là Như-Lai.

Lại giải thoát gọi là vô thượng. Như phương Bắc là trên cả các phương. Cũng vậy, giải thoát là không còn gì trên. Không gì trên là chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như-Lai.

Lại giải thoát gọi là vô-thượng-thượng. Như phương Bắc qua nơi phương Đôntg là vô-thượng-thượng. Cũng vậy, giải thoát là vô-thượng-thượng. Vô-thượng-thượng là chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như-Lai.

Lại giải thoát gọi là pháp hằng. Như thân của Trời người chết, đây gọi là hằng, chẳng phải không hằng. Cũng vậy, giải thoát chẳng phải không hằng. Chẳng phải không hằng là chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như-Lai.

Lại giải thoát gọi là cứng chắc. Như Khư-đà-la chiên-đàn trầm-thủy, tánh của nó cứng chắc. Cũng vậy, tánh của giải thoát cứng chắc. Tánh cứng chắc tức là chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như-Lai.

Lại giải thoát gọi là không rỗng bộng. Như thân cây tre lau rỗng bộng. Giải thoát không phải như vậy, nên biết giải thoát tức là Như-lai.

Lại giải thoát gọi là không ở được. Như tường vách khi chưa sơn phết thời ruồi muỗi đáp đậu trên đó, lúc sơn phết rồi, côn trùng nghe mùi sơn bèn không đến đậu ở. Không ở như vậy dụ cho chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như-Lai.

Lại giải thoát gọi là vô biên. Ví như tụ-lạc đều có biên giới. Giải thoát không phải như vậy, không có biên-tế như hư không. Giải thoát như vậy tức là Như-Lai.

Lại giải thoát gọi là không thể thấy. Ví như khó thấy dấu chim bay trên hư không, khó thấy như vậy dụ cho chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như-Lai.

Lại giải thoát gọi là thậm thâm. Vì hàng Thanh-Văn Duyên-Giác không thể vào được. Giải thoát như vậy tức là Như-Lai.

Lại thậm thâm đó là chỗ cung kính của Phật và Bồ-Tát. Ví như hiếu tử cúng dường cha mẹ công đức rất sâu. Công đức rất sâu, dụ cho chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như-Lai.

Lại giải thoát gọi là không thấy được. Như người đời không thấy được đỉnh đầu của mình. Cũng vậy, hàng Thanh-Văn Duyên-Giác không thấy được giải thoát. Chơn giải thoát đây tức là Như-Lai.

Lại giải thoát gọi là không nhà cửa. Ví như hư không, không có nhà cửa. Nói nhà cửa là dụ cho hai mươi lăm cõi. Không nhà cửa dụ cho chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như-Lai.

Lại giải thoát gọi là chẳng thể nắm lấy. Như trái a-ma-lặc, người nắm lấy được. Giải thoát không thể nắm lấy. Không thể nắm lấy là chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như-Lai.

Lại giải thoát gọi là không thể cầm. Ví như vật huyễn không thể cầm. Không thể cầm là chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như-lai.

Lại giải thoát không có thân thể. Ví như thân người sanh các thứ ghẻ lác, ung nhọt, điên cuồng, gầy ốm. Trong chơn giải thoát không có những bịnh như vậy. Không bịnh dụ cho chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như-Lai.

Lại giải thoát gọi là một vị. Như sữa có một vị. Một vị như vậy là chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như-Lai.

Lại giải thoát gọi là thanh tịnh. Như nước không bùn đứng lặng trong sạch. Đứng lặng trong sạch là chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như-Lai.

Lại giải thoát gọi là nhứt vị thanh-tịnh. Như giọt mưa nơi hư không nhứt vị thanh-tịnh. Nhứt vị thanh-tịnh dụ cho chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như-Lai.

Lại giải thoát gọi là trừ dẹp. Ví như trăng tròn không mây mù. Không mây mù là chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như-Lai.

Lại giải thoát gọi là tịch-tịnh. Ví như người mang bịnh nóng khi được lành mạnh thời thân tịch- tịnh. Giải thoát cũng vậy, thân được tịch-tịnh. Thân được tịch-tịnh tức chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như-lai.

Lại giải thoát tức là bình đẳng. Ví như ruộng hoang, loài rắn độc lang sói đều có tâm sát hại. Giải thoát không như vậy, không có tâm sát hại. Không tâm sát hại là chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như-Lai.

Lại bình đẳng đó, như lòng bình đẳng của cha mẹ đối với các con. Giải thoát cũng vậy, tâm ấy bình đẳng. Tâm bình đẳng tức chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như-Lai.

Lại giải thoát gọi là không chỗ khác. Ví như có người chỉ ở nơi tòa nhà cao đẹp sạch sẽ, không có chỗ ở nào khác. Giải thoát cũng vậy, không có chỗ nào khác. Không chỗ nào khác là chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như-Lai.

Lại giải thoát gọi là tri-túc. Ví như người đói gặp được món ăn ngon thời ăn mãi không nhàm. Giải thoát không phải như vậy. Như ăn cháo sữa thời không cần món gì nữa. Không cần món gì dụ cho chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như-Lai.

Lại giải thoát gọi là đoạn tuyệt. Như người bị trói dứt dây được thoát khỏi. Cũng vậy,, giải thoát dứt đứt tất cả sự trói buộc của lòng nghi ngờ. Đoạn nghi như vậy là chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như-Lai.

Lại giải thoát gọi là đến bờ kia. Ví như con sông lớn có bờ bên nầy bờ bên kia. Giải thoát không như vậy. Dầu không bờ bên nầy mà có bờ bên kia. Có bờ bên kia đó là chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như-Lai.

Lại giải thoát gọi là im lặng, không phải như biển lớn vang tiếng ồ-ạt của thủy triều. Giải thoát như vậy tức là Như-Lai.

Lại giải thoát gọi là mỹ-diệu. Ví như các thứ thuốc trộn với trái A-lê-lặc thời có vị đắng. Giải thoát không như vậy, vị như cam lồ. Vị như cam lồ dụ cho chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như-Lai.

Lại giải thoát trừ các phiền não. Ví như lương y hòa hiệp các thứ thuốc trị lành các bịnh tật. Cũng vậy, giải thoát trừ được các phiền não. Trừ phiền não tức chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như-Lai.

Lại giải thoát gọi là không hẹp. Ví như căn nhà nhỏ không dung được nhiều người. Giải thoát không phải như vậy, dung chứa được nhiều. Dung được nhiều là chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như-Lai.

Lại giải thoát gọi là diệt những tham ái, chẳng xen dâm dục. Ví như người nữ nhiều sự tham dục. Giải thoát không như vậy. Giải thoát như vậy tức là Như-Lai. Như-Lai không có những phiền não, tham dục, sân hận, ngu si, kiêu mạn v.v…

Lại giải thoát gọi là không ái nhiễm. Ái có hai thứ : một là ngạ quỷ ái, hai là pháp ái. Chơn giải thoát lìa nơi ngạ quỷ ái. Vì thương xót chúng sanh mà có pháp ái. Pháp ái như vậy là chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như-lai.

Lại giải thoát lìa ngã và ngã sở. Giải thoát như vậy tức là Như-Lai. Như-Lai tức là Pháp vậy.

Lại giải thoát tức là diệt tận, lìa sự tham trong ba cõi. Giải thoát như vậy tức là Như-Lai. Như-Lai tức là Pháp vậy.

Lại giải thoát gọi là cứu hộ. Hay cứu hộ tất cả những kẻ sợ hãi. Giải thoát như vậy tức là Như-Lai. N hư-Lai là Pháp vậy.

Lại giải thoát tức là chỗ về. Nếu về nương nơi giải thoát như vậy thời chẳng cầu nương chỗ khác. Ví như có người nương tựa nơi vua, chẳng cầu nương tựa chỗ khác. Dầu nương tựa nơi vua mà có động chuyển. Về nương nơi giải thoát không có động chuyển. Không động chuyển là chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như-Lai. Như-Lai là pháp vậy.

Lại giải thoát gọi là tòa nhà. Ví như có người đi nơi rừng vắng thời có hiểm nạn. Giải thoát không như vậy, chẳng có hiểm nạn. Chẳng có hiểm nạn tức chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như-Lai.

Lại giải thoát là vô sở úy. Như sư tử chúa không sợ trăm thú. Cũng vậy, giải thoát không sợ các loài ma. Không sợ sệt là chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như-Lai.

Lại giải thoát không có chật hẹp. Ví như con đường hẹp không dung được hai người đi ngang nhau. Giải thoát chẳng như vậy. Giải thoát ấy tức là Như-Lai. Ví như có người bị cọp rượt té xuống giếng sâu. Giải thoát không như vậy. Giải thoát ấy tức là Như-Lai.

Lại không chật hẹp, như đi thuyền vượt biển an ổn, lòng được vui mừng. Giải thoát cũng vậy, tâm được vui mừng. Được vui mừng là chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như-Lai.

Lại giải thoát là lìa các nhơn duyên. Ví như nhơn sữa được lạc, nhơn lạc được tô, nhơn tô được đề-hồ. Trong chơn giải thoát đều không có những nhơn ấy. Không nhơn là chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như-Lai.

Lại chơn giải thoát hay phục kiêu-mạn. Ví như Đại-vương kiêu mạn đối với Tiểu-vương. Giải thoát không phải như vậy. Giải thoát ấy tức là Như-Lai, Như-Lai tức là pháp vậy.

Lại giải thoát phục các phóng dật. Người phóng dật thời có nhiều tham dục. Trong chơn giải thoát không có tên gọi ấy. Không tên gọi ấy là chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như-Lai.

Lại giải thoát hay trừ vô minh. Như thứ tô thượng hạng lọc sạch cả cạn nhơ bèn gọi là đề-hồ. Cũng vậy, giải thoát trừ sạch vô minh sanh ra chơn minh. Chơn minh ấy tức là chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như-Lai.

Lại giải thoát gọi là tịch-tịnh, thuần một không hai. Như voi nơi đồng hoang trống, riêng một mình không bạn bầy. Cũng vậy, giải thoát thuần một không hai, thuần một không hai là chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như-Lai.

Lại giải thoát gọi là cứng đặc. Như tre, lau, thầu dầu, cọng cây rỗng bộng mà hột thời cứng đặc. Trừ Phật Như-Lai, tất cả trời người đều không cứng đặc. Chơn giải thoát xa lìa tất cả các dòng hữu lậu. Giái thoát như vậy tức là Như-Lai.

Lại giải thoát gọi là bỏ các hữu-lậu, như có người ăn rồi mà ói ra. Bỏ các hữu lậu là chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như-Lai.

Lại giải thoát gọi là quyết định, như mùi thơm hoa bà-sư không có trong hoa thất-diệp. Giải thoát như vậy tức là Như-Lai.

Lại giãi thoát gọi là thủy-đại. Ví như thủy-đại thắng hơn các đại khác, hay nhuận hột giống của tất cả cỏ cây. Cũng vậy, giải thoát hay nhuận tất cả loài có sự sanh sống. Giải thoát như vậy tức là Như-Lai.

Lại giải thoát gọi là vào. Như có cửa nẻo thời thông vào hầm vàng, có thể được vàng. Cũng vậy, giải thoát như cửa nẻo kia. Người tu vô ngã thời được vào trong. Giải thoát như vậy tức là Như-Lai.

Lại giải thoát gọi là hay giỏi. Ví như học trò theo bên thầy, làm đúng theo chỗ thầy dạy bão thời được gọi là hay giỏi. Giải thoát như vậy tức là Như-Lai.

Lại giải thoát gọi là pháp xuất-thế, ra khỏi hơn nơi tất cả pháp. Như vị của sữa và tô hơn vị của các thứ khác. Giải thoát như vậy tức là Như-Lai.

Lại giải thoát gọi là bất động. Như ngạch cửa gió không làm động được. Giải thoát như vậy tức là Như-Lai.

Lại giải thoát gọi là không sóng dợn. Như nước biển cả luôn có sóng dợn. Giải thoát không phải như vậy. Giải thoát như vậy tức là Như-Lai.

Lại giải thoát gọi là có chỗ dùng. Như vàng Diêm-phù-đàn dùng được nhiều việc. Không ai nói được chỗ xấu dở của vàng nầy. Cũng vậy, giải thoát không có xấu dở. Không có xấu dở là chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như-Lai.

Lại giải thoát bỏ hạnh anh-nhi, như người lớn bỏ hạnh trẻ nít. Cũng vậy, giải thoát trừ bỏ năm ấm. Trừ bỏ năm ấm là chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như-Lai.

Lại giải thoát gọi là rốt ráo. Như người bị trói, được mở thả, tắm rửa sạch sẽ rồi về nhà. Cũng vậy, giải thoát là rốt ráo thanh tịnh. Rốt ráo thanh tịnh là chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như-Lai.

Lại giải thoát gọi là sự vui vô-tác, vì đã ói sạch tham dục, sân hận cùng ngu si. Ví như có người uống nhầm thuốc độc, phải uống thuốc ói, khi ói hết chất độc thời thân được an vui. Giải thoát cũng vậy, ói các độc phiền não kiết

phược, thân được an-vui gọi là sự vui vô-tác. Sự vui vô-tác tức là chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như-Lai.

Lại giải thoát gọi là đoạn tất cả pháp hữu-vi xuất sanh tất cả vô-lậu thiện-pháp. Đ.oạn bít các đạo : Hoặc là ngã, vô-ngã, phi-ngã, phi vô-ngã. Chỉ đoạn sự chấp lấy, chớ khônghh đoạn ngã-kiến. Ngã kiến đó gọi là Phật tánh. Phật tánh tức là chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như-Lai.

Lại giải thoát gọi là chẳng không mà không. Phàm không – không gọi là vô-sở-hữu, vô-sở-hữu là sự vọng chấp – giải thoát của các nhà ngoại đạo Ni-kiền-tử, mà thật ra không có giải thoát nên gọi là không-không. Chơn giải thoát thời không như vậy nên gọi là chẳng không mà không. Chẳng không mà không là chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như-Lai.

Lại giải thoát gọi là không mà chẳng không. Như bình đựng nước đựng sữa, dầu không nước không sữa nhưng vẫn được gọi là bình nước, bình sữa. Các thứ bình đây không thể gọi là không hay chẳng không được. Nếu nói là không thời không được có sắc, hương ,vị, xúc. Nếu nói là chẳng không thời lại không có nước sữa. Giải thoát cũng vậy không thể nói là sắc cùng với chẳng phải sắc. Chẳng thể nói là không cùng với chẳng không. Nếu nói là không thời chẳng được có thường, lạc, ngã, tịnh. Nếu nói là chẳng không thời ai thọ thường, lạc, ngã, tịnh nầy. Vì những nghĩa ấy nên không thể nói là không cùng với bất không. Không là nói không hai mươi lăm cõi và các phiền não, tất cả sựï khổ, tất cả tướng, tất cả hạnh hữu-vi. Như bình không nước thời gọi là không. Chẳng không là nói chơn thiệt thiện sắc : thường lạc, ngã, tịnh, chẳng động, chẳng biến. Như sắc, hương, vị, xúc của cái bình, thời gọi là chẳng không. Vì vậy nên giải thoát dụ như cái bình kia. Cái bình kia gặp duyên thời bị bể hư. Giải thoát không hề bị hư hoại. Không thể hư hoại là chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như-Lai.

Lại giải thoát gọi là lìa ham muốn. Ví như có người lòng ham muốn ngôi Thiên-Đế, Phạm-Vương, Tự-Tại-Thiên-vương. Giải thoát không như vậy. Khi đã thành bực Vô-thượng Chánh-giác rồi thời không ai không nghi. Không ai không nghi là chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như-Lai.

Lại giải thoát đoạn sự ham muốn của ba cõi, đoạn tất cả tướng, tất cả hệ phược, tất cả phiền não, tất cả sanh tử, tất cả nhơn duyên, tất cả quả báo. Giải thoát như vậy tức là Như-lai. Như-Lai tức là Niết-bàn.

Tất cả chúng sanh vì sợ phiền não sanh tử nên thọ tam quy-y. Ví như bầy nai sợ thợ săn, nhảy khỏi một nhảy dụ cho một quy-y, nhảy ba nhảy dụ ba quy-y. Do nhảy khỏi ba nhảy mà được thoát nạn an vui. Chúng sanh cũng vậy vì sợ bốn loài ma mà thọ tam quy-y. Do tam quy-y nên được an vui. Được an vui tức là chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như-Lai. Như-Lai tức là Niết-bàn. Niết-bàn tức là vô tận. Vô tận tức là Phật tánh. Phật tánh tức là quyết định. Quyết định tức là Vô-thượng Chánh-Giác."

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật : " Bạch Thế-Tôn ! Nếu Niết-bàn, Phật tánh, quyết định và Như-Lai là một nghĩa, thế sao nói rằng có ba quy-y ?"

Phật dạy : " Nấy Ca-Diếp ! Tất cả chúng sanh sợ sanh tử nên cầu tam quy-y.

Vì do tam quy-y ,mà biết Phật tánh, quyết định, Niết-bàn.

Nầy Ca-Diếp ! Có pháp , tên thời một mà nghĩa thời khác. Có pháp, tên cùng nghĩa đều khác. Tên một nghĩa khác như Phật thường, pháp thường, tăng tbhường, Niết-bàn, hư không cũng đều thường. Tên cùng nghĩa đều khác: Như Phật gọi là giác, pháp gọi là bất giác, tăng gọi là hòa hiệp, Niết-bàn gọi là giải thoát, hư không gọi là phi-thiện cũng gọi là vô-ngại.

Nầy Ca-Diếp ! Tam quy-y danh nghĩa đều khác, thế nên Như-Lai bảo Ma-Ha-Ba-Xà-Ba-Đề rằng: Nầy Kiều Đàm-Di chớ cúng dường Như-Lai, nên cúng dường Tăng, nếu cúng dường Tăng thời được cúng dường tam quy đầy đủ. Ma-Ha-Ba-Xà-Ba-Đề thưa rằng trong chúng tăng không Phật không Pháp, sao cho rằng cúng dường Tăng thời được đầy đủ cúng dường tam-quy ? Như-Lai dạy : Bà tuân lời Như-Lai đó là cúng dường Phật. Vì giải thoát là cúng dường Pháp. Chúng Tăng nhận lãnh là cúng dường Tăng.

Nầy Ca-Diếp 1 Thế nên tam quy chẳng được là một.

Nầy Ca-Diếp ! Hoặc có lúc Như-Lai nói một làm ba, nói ba làm một. Nghĩa ấy là cảnh giới của Chư Phật, chẳng phải là hàng Thanh-Văn cùng Duyên-Giác biết được.

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật : " Như lời Thế-Tôn nói rốt ráo an vui gọi là Niết-bàn, nghĩa nầy như thế nào ? Luận về Niết-bàn thời bỏ thân, bỏ trí, nếu bỏ thân trí ai sẽ thọ vui ?"

Phật dạy : " Nầy Ca-Diếp ! Ví như có người ăn xong buồn nôn, bèn đi ra ngoài mà ói, ói rồi trở vào nhà. Bạn bè hỏi anh đã lành mạnh chưa mà trở

vào nhà. Người ấy đáp đã lành, thân tôi được an vui. Như-lai cũng vậy, rốt ráo xa lìa hai mươi lăm cõi, trọn được chỗ Niết-bàn an lạc không thể động chuyển, không có diệt tận, dứt tất cả thọ, gọi là sự vui không thọ. Không thọ như vậy gọi là sự vui thường trụ. Nếu nói Như-Lai có thọ sự vui thời là không đúng. Thế nên rốt ráo vui tức là Niết-bàn, Niết-bàn tức là chơn giải thoát, chơn giải thoát tức là Như-Lai.

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật : " Bạch Thế-Tôn ! Bất sanh bất diệt là giải thoát ư ?"

Phật nói : " Phải ! Bất sanh bất diệt tức là giải thoát, giải thoát như vậy tức là Như-Lai."

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật : " Nếu bất sanh bất diệt là giải thoát, thời tánh hư-không cũng không sanh diệt lẽ ra là Như-Lai. Như tánh Như-Lai tức là giải thoát".

Phật nói : " Nầy Ca-Diếp ! Việc ấy không phải vậy. N hư tiếng hót rất thanh diệu của chim Ca-Lăng-Tần-Già cùng chim Mạng-Mạng, chừng có đồng với tiếng hót của chim quạ, chim khách chăng ?"

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật: " Bạch Thế-Tôn ! Trăm ngàn muôn lần tiếng hót của chim quạ, chim khách sánh cũng không bằng tiếng hót của chim Ca-Lăng-Tần-Già cùng chim Mạng-Mạng.

Bạch Thế-Tôn ! Tiếng của chim Ca-Lăng-Tần-Già rất thanh diệu, thân cũng khác, sao đức Thế-Tôn lại đem so sánh với chim quạ, chim khách. Khác nào đem hột đình lịch sánh với núi Tu-Di. Phật sánh cùng hư-không cũng lại như vậy. Tienág của chim Ca-Lăng-Tần-Già có thể dụ cho tiếng nói của Phật. Không thể đem dụ với tiếng của chim quạ, chim khách."

Phật khen : " Hay thay ! Hay thay ! Nay ông khéo hiểu được pháp rất sâu khó hiểu.

Có lúc vì một nhơn duyên mà Như-Lai dẫn như không để dụ cho giải thoát. Giải thoát như vậy tức là Như-Lai.

Chơn giải thoát, tất cả trời người không ai có thể sánh ví được. Mà hư không kia thiệt cũng chẳng phải là ví dụ. Nhưng vì giáo hoá chúng sanh nên đem sự chẳng phải ví dụ để làm dụ. Phải biết giải thoát tức là Như-Lai. Tánh Như-Lai tức là giải thoát. Giải thoát cùng Như-Lai không hai, không khác.

Nầy Ca-Diếp ! Chẳng phải ví-dụ, như vật không gì sánh không thể dẫn làm dụ. Vì có nhơn duyên có thể dẫn làm dụ. Như trong khế-kinh có nói diện mạo đoan chánh dường như mặt trăng tròn. Voi trắng sạch sẽ như núi tuyết. Trăng tròn không đồng với gương mặt. Núi tuyết chẳng được tức là voi trắng.

Nầy Ca-Diếp ! Chẳng thể đem dụ nào để ví dụ cho chơn giải thoát. Chỉ vì giáo hoá chúng sanh mà làm ví dụ thôi. Do nơi ví dụ mà biết các pháp-tánh cũng lại như vậy".

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật : " Cớ sao đức Như-Lai nói hai thuyết như thế ?"

Phật nói : "â Nầy ca-Diếp ! Ví như có người lòng giận tức tay cầm dao gươm muốn hại Như-Lai. Như-Lai vẫn hòa vui không có vẽ giận hờn. Người ấy có thể hại được Như-Lai để thành tội nghịch chăng ?"

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật : "Bạch Thế-Tôn ! Không thể được. Vì thân Như-Lai không thể phá hại. Bởi thân Như-Lai vốn không thân chỉ có pháp-tánh. Tánh của pháp-tánh chẳng thể phá hoại. Người ấy đâu hại được thân Phật. Do vì có lòng ác hại mà người ấy thành tội vô-gián.

Do nhơn duyên nầy dẫn các thứ ví dụ để được biết pháp chơn thiệt.

Phật khen : " Hay thay ! Hay thay ! Lời ông vừa nói chính là chỗ Như-Lai muốn nói .

Nầy Ca-Diếp ! Lại như đứa con ác muốn hại mẹ nó. Nhằm lúc nó ở bên đống thóc, mẹ nó đem cơm đến. Nó thấy mẹ liền đi mài dao để giết mẹ. Mẹ nó biết ý bèn chui vào đống thóc để trốn. Nó cầm dao chém khắp đống thóc, tự cho là đã giết được mẹ nên rất vừa lòng. Lát sau mẹ nó lén chui ra khỏi đống thóc và trở về nhà.

Ông nghĩ thế nào, đứa con ấy có thành tội vô gián không ?"

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật : "Bạch Thế-Tôn ! Không quyết định được. Nếu nói là thành tội thời mẹ nó chưa bị giết chết. Nếu nói là không tội, thời chính nó tự cho là đã giết được mẹ và rất vừa lòng. Người ấy dầu chẳng đầy đủ tội nghịch, mà cũng là nghịch. Do nhơn duyên nầy, nên dẫn các ví dụ để được biết pháp chơn thiệt."

Phật khen : " Hay thay ! Hay thay ! Nầy ca-Diếp ! Vì nhơn duyên ấy nên Như-Lai nói các phương tiện ví-dụ để dụ giải thoát. Dầu nói vô-lượng vô số ví-dụ, mà thiệt không thể đem dụ để sánh được. Hoặc có nhơn duyên cũng nói ví dụ. Hoặc có nhơn duyên chẳng nói ví dụ. Thế nên giải thoát thành tựu vô lượng công đức như vậy, thẳng đến Niết-bàn. Niết-bàn Như-Lai cũng có vô lượng công đức như vậy. Do vì thành tựu viên-mãn vô lượng công đức như vậy nên gọi là Đại-Niết-Bàn."

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật : " Bạch Thế-Tôn ! Nay con mới biết chỗ đến của Như-Lai là không có cùng tận. Nếu chỗ đã không cùng tận, phải biết thọ mạng cũng phải không cùng tận."

Phật nói : " Hay thay ! Hay thay ! Nầy Ca-Diếp ! Nay ông khéo hay hộ trì chánh pháp. Nếu có người nào muốn đoạn trừ phiền não kiết-phược, phải nên hộ trì chánh pháp như vậy."

THÍCH NGHĨA

(41)– NGŨ-DỤC : Năm điều tham dục : 1- Tiền của, 2- Sắc đẹp, 3-Danh vị, 4- An mặc. 5- Ngủ nghỉ. Cũng có chỗ nói NGŨ DỤC là tham mê nơi cảnh ngũ trần : Sắc, thanh, hương, vị, xúc.
(42)– Nhơn gian có TIỂU TAM TAI (ba tai nạn nhỏ). 1- Tai nạn về bệnh tật nguy hiểm truyền nhiễm, như bệnh dịch, bệnh trái trời, bệnh thiên thời v.v… 2- Tai nạn về sự đói khát. 3- Tai nạn về sự đao binh (giặc loạn).Thế giới có ĐẠI TAM TAI (3 TAI NẠN LỚN) : 1- Hỏa tai : tai nạn về lửa đốt cháy từ A-tỳ địa-ngục đến cõi trời Sơ-Thiền. 2- Thủy tai : tai nạn về nước ngập đến cõi trời Nhị-Thiền. 3- Phong tai ; tai nạn về gió thổi tan đến cõi trời Tam-Thiền.
(43)- NAM-CĂN : bộ phận sanh dục của đàn ông. NỮ CĂN : bộ phận sanh dục của đàn bà.
(44)- BỐN GIAI CẤP ở xứ Thiên-Trúc thời kỳ đức Thích-Ca xuất thế 1- Ba-La-Môn : giai cấp bực thầy của quốc dân, gồm những dòng trí thức thông thái, nắm chủ quyền về văn hóa lễ nghi trong nước. 2- Sát-Đế-Lợi : giai cấp vua chúa hoàng tộc. 3-Tỳ-xá : giai cấp thương mãi, thợ thuyền. 4- Thủ-Đà : giai cấp lao công, cần vụ.

(45)-TRƯỞNG-GIẢ : Danh từ tôn gọi hạng giàu sang cũng có đức hạnh.
(46)– " BÁN TỰ" chỉ cho những học thuyết sơ cấp, phổ thông, chưa đến trình độ rốt ráo viên mãn.

(47)– PHƯƠNG ĐẲNG : rộng lớn cùng khắp.

(48)– THANH VĂN : Nghe thanh âm; hàng Tiểu-Thừa nghe thanh âm thuyết pháp của Phật rồi y theo đó tu tập mà đoạn hoặc-nghiệp, chứng chơn-quả. Không phải như Đại-Thừa Bồ-Tát tự-ngộ bổn tâm, tự-chứng bổn tánh.

VIII

PHẨM TỨ Y THỨ TÁM

(Hán bộ trọn quyển thứ sáu)

Phật dạy : " Nầy Ca-Diếp : Trong kinh Đại-Niết-Bàn vi diệu nầy có bốn hạng người hay hộ trì chánh pháp, kiến-lập chánh pháp, ức-niệm chánh pháp. Thương xót và làm lợi ích an lạc nhiều cho thế gian và làm chỗ nương tựa cho thế gian,

Một là bực xuất thế đủ tánh phiền não.
Hai là bực Tu-Đà-Hoàn và Tư-Đà-Hàm.
Ba là bực A-Na-Hàm.
Bốn là bực A-La-Hán.

Bốn hạng người trên đây hiện ra nơi đời có thể xót thương làm nhiều điều lợi ích an-lạc cho thế gian, cho trời, cho người, làm chỗ y chỉ cho thế gian.

Thế nào gọi là đủ tánh phiền não ? Nếu có người hay phụng trì giới cấm, đầy đủ oai nghi, kiến lập chánh pháp. Nghe hiểu lời Phật dạy, rồi đem phân biệt tuyên thuyết cho người khác. Chỗ gọi rằng thiểu dục là đạo, đa dục không phải đạo. Rộng giảng nói tám điều giác ngộ của bực đại nhơn như vậy. Có ai phạm tội thời chỉ bão cho phát lồ sám hối để trừ tội. Khéo biết pháp bí mật của Bồ-Tát phương tiện ra làm. Hạng người nầy gọi là phàm phu chớ không phải người bực thứ tám. Người bực thứ tám không phải phàm phu gọi là Bồ-Tát, không gọi là Phật.

Hạng thứ hai là bực Tu-Đà-Hoàn và bực Tư-Đà-Hàm. Hạng nầy nếu được chánh pháp thời thọ trì chánh pháp. Nghe pháp nơi Phật, đúng theo chỗ đã được nghe bèn biên chép thọ-trì đọc tụng, rồi nói lại cho người khác. Không bao giờhạng người nầy nghe pháp rồi mà không chép không thọ không nói, và cũng không bao giờ nói Phật cho chứa vật bất-tịnh như tôi tớ v.v…Hạng thứ hai đây chưa được bực thứ ba. Trụ nơi bực thứ ba gọi là Bồ-tát, đã được thọ ký.

Hạng người thứ ba gọi là bực A-Na-Hàm. Bực nầy không có những việc phỉ báng chánh pháp, cho chứa tôi tớ các vật bất-tịnh , thọ trì sách luận ngoại đạo; cũng không bị khách trần phiền não làm chướng, cựu phiền não che ngăn; cũng không dấu chơn thiệt xá lợi của Như-Lai; không bị bịnh ngoài làm não hại, không bị bốn thứ rắn độc xâm nhiễu mà luận nói là ngã. Thường nói lý vô-ngã. Không bao giờ nói tham luyến thế pháp, mà thường nói pháp đại thừa nối luôn không dứt. Thân thể của vị nầy không có tám vạn hộ-trùng, đã lìa hẳn dâm dục, nhẫn đến trong giấc mộng chẳng chảy bất tịnh. Lúc sắp chết không sợ hãi. A-Na-Hàm nghĩa là gì ? Vị nầy không còn trở lại, những sụ lỗi lầm không làm nhơ nhớp được người, là bực Bồ-Tát đã được thọ ký, sắp sẽ thành bực vô thượng chánh giác. Đây gọi là hạng thứ ba.

Hạng người thứ tư là bực A-La-Hán. Bực nầy dứt hẳn phiền não, giải thoát sanh tử, việc làm đa õxong là Bồ-Tát trụ-địa thứ mười, đặng trí huệ tự tại, có thể hiện bất cứ thân hình nào mà mọi loài ưa thích. Muốn thành Phật liền có thể được thành. Trọn nên vô lượng công đức như vậy nên gọi là A-La-hán.

Trên đây là bốn hạng người xuất hiện nơi đời, xót thương người đời, đem nhiều lợi ích an vui cho thế gian, là chỗ thế gian nương tựa, là bực rất tôn quý của cõi trời cõi người, không khác gì đức Như-Lai.

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật : “ Bạch Thế-Tôn ! Nay con không nương tựa nơi bốn hạng người ấy. Vì rằng trong kinh Cù-Sư-La, đức Phật từng bảo ông Xà-Sư-Lê : Nếu có thiên ma vì muốn phá hoại chánh pháp mà biến ra hình Phật, đủ cả tướng tốt oai nghiêm, cũng viên quang, cũng bạch hào, ông phải kiểm giảo là giả hay thật. Đã rõ là ma thời phải hàng phục.

Bạch Thế-Tôn ! Bọn ma còn biến làm thân Phật được huống là thân của bốn hạng người trên với những thần thông : Nằm ngồi giữa hư không, nách bên tả tuôn nước, nách bên hữu phun lửa, cả thân ra khói lửa v.v… Vì lẽ ấy nên lời tuyên nói của các hạng người trên đây, lòng con không dám tin cùng bẩm thọ, con cũng không có quan niệm kính mến để nương tựa theo.

Đức Phật dạy : “ Nầy Ca-Diếp ! Cho đến đối với lời nói của Như-Lai mà có lòng nghi ngờ còn không nên thọ trì, huống là lời của các hạng người ấy. Vì thế nên phải khéo phân biệt cho rõ là lành hay chẳng lành, nên làm hay chẳng nên làm. Được như vậy mới có kết quả an lạc lâu dài. Nầy Ca-Diếp Ví như con chó gian trộm, đêm tối lén vào nhà người, người trong nhà nếu hay được phải liền la đuổi, chó ấy sợ bỏ đi không dám trở lại. Cũng thế , từ nay các ông phải theo cách ấy mà trị loài thiên ma. Bảo thiên ma rằng : Nầy Ba-

tuần, nhà ngươi không được dối hiện ra các thân hình ấy, nếu còn hiện, ta sẽ dùng năm món trói buộc để trói nhà ngươi. Ma nghe rồi sẽ bỏ đi không trở lại phá nữa.

Ca-Diếp bạch Phật : " Bạch Thế-Tôn ! Như Phật vì ông Cù-Sư-La mà dạy rằng : Nếu có thể hàng phục thiên ma như vậy thời cũng có thể được gần Đại-Niết-Bàn. Thế thời đức Như-Lai cần gì nói bốn hạng người trên đây là chỗ quy-y của mọi người. Lời nói của bốn hạng người trên đây chưa ắt đáng tin."

Phật dạy : " Nầy Ca-Diếp ! Như-Lai vì hàng Thanh-Văn nhục nhãn mà nói là hàng phục loài thiên ma, chớ chẳng phải vì người tu học đại thừa mà nói. Hàng Thanh-Văn dầu có thiên nhãn, nhưng vẫn gọi là nhục nhãn. Người tu học đại-thừa dầu có nhục nhãn nhưng gọi là Phật nhãn. Vì kinh điển đại-thừa gọi là Phật-thừa, là trên tất cả và hơn tất cả.

Nầy Ca-Diếp ! Ví như vị đại-kiện-sĩ khuyên bão những người nhút nhát theo mình rằng : Các ngươi phải học tập bắn cung múa kiếm như thế nầy, phải có dạn dỉ đừng khiếp sợ, xem ai cũng yếu kém chỉ có mình là mạnh mẽ. Nếu có kẻ vốn hèn yếu giả là lực sĩ mang cung đeo kiếm đến dọa nạt hò hét, ngươi chớ lo sợ, kẻ dối giả ấy thấy ngươi không có vẻ kinh hãi tất sẽ tự rút lui không dám khuấy phá, như con chó gian trộm kia.

Nầy Ca-Diếp, cũng thế, đức Như-Lai bảo hàng Thanh-Văn chớ sợ ma Ba-Tuần. Nếu ma Ba-Tuần hiện hình Phật đến trước các ông, thời các ông phải tinh tấn gìn chánh niệm cho vững chắc, ma kia tất lo sầu mà bõ đi.

Nầy Ca-Diếp ! Như vị đại kiện sĩ không bắt chước ai, người học Đại-Thừa cũng vậy. Khi được nghe các kinh điển thâm-mật, lòng họ vui thích không hề kinh sợ. Vì người tu học Đại-Thừa ấy từ trước đã từng cúng dường, cung kính, lễ bái vô-lượng muôn ức đức Phật. Dầu có vô số loài ma muốn đến phá khuấy, cũng không chút kinh sợ.

Ví như người được thuốc A-già-đà thời không sợ tất cả rắn độc, và sức thuốc ấy cũng trừ được tất cả chất độc. Kinh điển Đại-Thừa cũng vậy, không sợ tất cả loài ma độc mà lại có thể hàng phục loài ma, không cho nó làm quấy.

Nầy Ca-Diếp ! Ví như loài độc long lúc muốn hại ai, hoặc lấy mắt độc nhìn, hoặc dùng miệng hà hơi độc. Tất cả muông thú sư tử, cọp, sói đều kinh sợ độc long, nếu suông nhằm hơi độc thời đều bị hại. Có người giỏi thần chú có

thể điều phục loài độc long cùng các ác thú, dùng làm con vật để cỡi. Cũng vậy, người học Đại-Thừa thấy hàng Thanh-Văn sợ những sự làm hại của ma Ba-Tuần, đối với pháp Đại-Thừa, không chịu tin, bèn dùng phương tiện hàng phục loài ma trước, rồi nhơn đó rộng nói các môn diệu-pháp. Hàng Thanh-Văn kia thấy đã hàng phục được loài ma nên hết sợ, mới có lòng tin đối với chánh pháp vô thượng của Đại-Thừa, và bảo nhau rằng : Từ nay trở đi, ở trong pháp Đại-Thừa chúng ta chớ có làm chướng ngại.

Nầy Ca-Diếp ! Hàng Thanh-Văn cùng Duyên-Giác rất sợ phiền não. Người học Đại-Thừa đều không sợ phiền não. Vì người học Đại-Thừa có oai lực như vậy, nên lời ta nói thuở trước chính là để khuyến khích hàng Thanh-Văn cùng Duyên-Giác điều phục các loài ma, chớ chẳng phải nói với người học Đaiï-Thừa.

Kinh điển vi diệu Đại-Niết-Bàn đây rất kỳ lạ, rất đặc biệt. Nếu có người được nghe mà kính tin thọ trì cùng tin chắc Như-Lai là pháp thường trụ thời người nầy rất là hi hữu như hoa Ưu-Đàm. Sau khi Như-Lai vào Niết-bàn, nếu có người được nghe kinh điển vi diệu Đại-Thừa nầy mà sanh lòng kính tin, nên biết người nầy trăm ngàn ức kiếp về sau không bị sa vào ác đạo.

Nầy Ca-Diếp ! Sau khi ta vào Niết-bàn, sẽ có vô lượng chúng sanh chẳng tin và chê bai kinh điển vi diệu Đại-Niết-Bàn nầy.”

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật : “ Bạch Thế-Tôn ! Sau khi Phật diệt độ chừng bao lâu sẽ có hạng người chê bai ấy ? Và có bực thuần-thiện nào cứu vớt dược kẻ chê bai ấy chăng ?”.

Phật dạy : “ Nầy Ca-Diếp ! Sau khi ta vào Niết-bàn trong khoảng bốn mươi năm, kinh nầy sẽ được lưu bố rộng trong cõi Diêm-Phù-Đề, rồi sau sẽ ẩn mất trong đất.

Nầy Ca-Diếp ! Như xứ nào có gạo thơm, mía, đường, sữa, đề-hồ, người xứ ấy tất cho các thực phẩm ấy là món ăn ngon nhứt. Nếu chốn nào mà người bổn xứ chỉ ăn ròng những gạo hẩm, hột cỏ, tất họ cũng sẽ cho món họ ăn là ngon nhứt, vì đây là những người bạc phước, nghiệp báo của họ khiến như vậy. Nếu là người có phước đức lớn thì chỉ hưởng những thực phẩm qúy : Cơm ngon, mía, đường, sữa, đề-hồ, trọn đời nghe đến tên cơm hẩm hột cỏ,

Cũng vậy, đối với kinh điển vi diệu Đại-Niết-Bàn đây, hàng nhị thừa độn căn bạc phước

Chẳng ưa chẳng thích, còn người học đại thừa thời kính tin vui mừng khi đã nghe được.

Nầy Ca-Diếp ! Ví như có một vị Quốc-vương ở trong núi hiểm trở, dầu có mía, đường, gạo nếp, nhưng vì khan hiếm nên không dám ăn, cứ lo chứa cất, ma chỉ ăn những rau cỏ. Vua nước láng giềng nghe biết vừa thương vừa cười, bèn cho xe chở gạo, nếp, mía, đường sang biếu tặng. Quốc-vương được tặng phẩm liền phân phát cho nhơn dân cả nước cùng ăn. Nhơn dân được ăn đều vui mừng và nói rằng nhờ vua láng giềng mà chúng ta được món ăn rất ngon lạ.

Nầy Ca-Diếp ! Bốn hạng người y-chỉ trên đây cũng vậy, là đại tướng của pháp Đại-thừa vô thượng. Trong bốn hạng người nầy, hoặc có một người thấy xứ khác có vô-lượng Bồ-Tát dầu học kinh điển Đại-thừa, hoặc biên chép, hoặc khuyên bão người biên chép, nhưng vì lợi dưỡng, vì danh vị, vì tự-độ, vì y-chỉ, nên đem đổi các kinh điển khác, mà không đem pháp Đại-thừa tuyên dạy cho mọi người, bèn đem kinh Đại-Niết-Bàn gởi tặng cho các vị Bồ-tát ấy, cho các vị nầy phát tâm và an trụnơi đạo Bồ-đề vô-thượng. Vị Bồ-Tát ấy khi được kinh nầy rồi, liền đem tuyên dạy lại mọi người, làm cho vô lượng chúng sanh đặng lãnh thọ pháp vị Đại-thừa, mọi người đều nhờ nơi sức của một vị Bồ-Tát nầy mà được nghe thứ kinh vi diệu chưa từng nghe. Như nhơn dân trong nước kia, nhờ sức vua mà được hưởng các thức ăn ngon lạ.

Nầy Ca-Diếp ! Phàm chỗ nào có kinh điển vi diệu Đại-Niết-Bàn nầy lưu-bố, phải biết chốn ấy là kim-cang, người ở chỗ ấy cũng như kim cang. Người được nghe kinh nầy thời chẳng thối chuyển nơi đạo vô thượng chánh giác, đều được thành tựu những điều mong muốn. Như những điều mà Như-Lai đã tuyên nói đây, chư Tỳ-Kheo phải khéo thọ trì. Chúng sanh nào không nghe được kinh điển nầy thời thật là hạng đáng thương hại, vì họ không thọ trì được nghĩa lý sâu xa của kinh điển Đại-thừa như thế nầy.”

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật : “ Bạch Thế-Tôn ! Sau khi Như-Lai diệt độ, trong khỏang bốn mươi năm, kinh Đại-thừa Đại-Niết-Bàn nầy sẽ rộng truyền ở cõi Diêm-Phù-Đề, qua thời gian ấy sẽ ẩn mất vào đất.Vậy chẳng biết chừng nào kinh nầy sẽ lại xuất hiện ?”

Phật dạy : “ Nầy Ca-Diếp ! Lúc chánh pháp của Như-Lai còn thừa tám mươi năm, bốn mươi năm đầu là thời gian mà kinh nầy lại được thạnh truyền”.

Ca-Diếp Bồ-Tát lại thưa : "Bạch Thế-Tôn ! Lúc chánh pháp diệt, chánh giới hư, phi pháp tăng trưởng, chúng sanh tệ ác, thời ai là người có thể nghe hiểu thọ trì đọc tụng nhuần thuộc, cùng cúng dường cung kính biên chép giải nói kinh điển Đại-thừa nầy. Mong Như-Lai xót thương chỉ bảo, cho các hàng Bồ-Tát được bực bất thối tâm vô-thượng bồ-đề."

Phật khen : " Lành thay ! Lành thay ! Nầy Ca-Diếp ! Chúng sanh nào đã từng phát tâm bồ-đề ở chổ chư Phật nhiều bằng số cát của một sông Ni-Liên mới có thể nơi đời ác thọ trì kinh điển như thế nầy mà không phỉ báng.

Chúng sanh nào được phát tâm bồ-đề nơi chư Phật bằng số cát của một sông Hằng,vậy sau mới có thể ở trong đời ác ưa thích pháp Đaiï-thừa nầy, nhưng chẳng thể giảng giải cho mọi người. Chúng sanh nào từng ở trước chư Phật bằng số cát của hai sông Hằng phát tâm bồ-đề, mới có thể ở trong đời ác chẳng phỉ báng kinh nầy, mà tin hiểu chơn chánh cùng ưa thích thọ trì đọc tụng, nhưng cũng chẳng thể giảng rộng cho người. Chúng sanh phát tâm bồ-đề nơi chư Phật bằng số cát của ba sông Hằng, mới có thể ở đời ác tin hiểu thọ-trì đọc tụng và giảng nói kinh nầy, nhưng chưa hiểu thâm nghĩa. Chúng sanh phát tâm bồ-đề nơi chư Phật bằng số cát của bốn sông Hằng, mới có thể ở đời ác tin ưa đọc tụng kinh nầy và giảng nói một phần trong mười sáu phần thâm nghĩa. Chúng sanh phát tâm bồ-đề nơi chư Phật bằng số cát của năm sông Hằng, mới có thể ở đời ác giảng nói tám phần trong mười sáu phần thâm nghĩa của kinh nầy. Chúng sanh phát tâm bồ-đề nơi chư Phật bằng số cát trong sáu sông Hằng, mới có thể ở đời ác giảng nói mười hai phần trong mười sáu phần thâm nghĩa của kinh nầy. Chúng sanh phát tâm bồ-đề nơi chư Phật bằng số cát trong bảy sông Hằng, mới có thể ở đời ác giảng nói mười bốn phần trong mười sáu phần thâm nghĩa của kinh nầy.. Và chúng sanh phát tâm bồ-đề nơi chư Phật bằng số cát của tám sông Hằng, ở đời ác, mới có thể tự mình và khuyên người đối với kinh nầy tin ưa đọc tụng biên chép thọ trì, cúng dường cung kính, và hiểu thấu tất cả nghĩa vị, tức là Như-Lai thường trụ chẳng dời, rốt ráo an vui, tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, người nầy khéo biết các pháp tạng của Như-Lai, cúng dường vô lượng chư Phật, kiến lập chánh pháp vô thượng và thọ trì ủng hộ.

Nếu có người mới phát tâm vô-thượng bồ- đề, phải biết rằng đời vị lai, người nầy ắt có thể kiến lập và thọ trì ủng hộ chánh pháp như thế nầy.

Nầy Ca-Diếp ! Có hạng ác Tỳ-kheo nghe Như-Lai vào Niết-Bàn chẳng những không lo buồn mà còn mừng rỡ : Rằng từ nay về sau không ai ngăn chế kiềm thúc, ngày Như-Lai còn ở đời thời cấm giới cao nghiêm, nay đã

vào Niết-Bàn sẽ giải bỏ tất cả, Ca Sa vốn là pháp thức nay cũng sẽ dẹp bỏ như lá phan trên cây. Hạng Tỳ-kheo ấy chê bai chống cự kinh điển đại thừa nầy.

Nầy Ca-Diếp ! Nay ông phải ghi nhớ như vậy. Nếu có chúng sanh trọn nên đầy đủ vô lượng công đức, mới có thể tin kinh điển Đại-thừa nầy, tin rồi thọ trì. Những chúng sanh nào ưa thích pháp Đại-thừa, nên vì họ mà giảng giải kinh nầy. Họ được nghe kinh nầy, thời bao nhiêu nghiệp ác đã tạo ra từ vô lượng kiếp trước thảy đều tiêu trừ. Nếu kẻ nào không tin kinh điển nầy, thời hiện thân sẽ bị vô lượng bịnh khổ não hại, phần nhiều bị người trách mắng, sau khi chết, sẽ thọ thân hình xấu xí, nghèo thiếu, bị người khinh tiện, đời đời sanh trong nhà bần cùng hạ tiện tà kiến, thường bị tai nạn đao binh, hình pháp, giặc cướp, oán thù làm hại, không được gặp gỡ bạn lành, hằng ngày đói khát, không chịu tin nghe lời chơn chánh, lời hay phải. Những kẻ ấy, không bao giờ được đến chỗ lành ở cõi trời, cõi người, như chim gãy cánh không bay cao được

Nếu người nào kính tin kinh điển nầy, thời dầu đã mang thân hình thô kệch xấu xa, do công đức của kinh, sẽ được xinh tốt, sắc lực oai nhan ngày ngày thêm hơn, thườngđược trời người mến ưa. Người nầy có nói ra lời chi, ai nghe đến đều kính tin cả. Trong hàng Thanh-Văn đệ tử của Như-Lai, nếu vị nào muốn thi hành việc hi hữu nhứt, thời nên tuyên rộng kinh điển Đại-thừa như đây.

Nầy Ca-Diếp ! Như sương mù kia chỉ có thể tồn tại đến lúc mặt trời mọc. Khi mặt trời đã mọc, sương mù sẽ tiêu tan. Bao nhiêu nghiệp ác của chúng sanh, thế lực nó sẽ phải tiêu diệt khi được thấy mặt trời Đại-thừa Đại-Niết-Bàn nầy.

Nầy Ca-Diếp ! Như có người mới xuất gia cạo tóc đắp ca-sa vẫn chưa thọ mười giới Sa-di, có tín thí trưởng giả đến thỉnh chúng Tăng, người ấy cùng đại chúng đồng đi thọ trai, dầu chưa thọ giới mà đã vào số chư Tăng.

Cũng vậy, nếu có chúng sanh nào phát tâm mới học kinh Đại-thừa Đại-Niết-Bàn biên chép đọc tụng, người nầy dầu chưa đầy đủ công đức bằng bực Thập-Địa Bồ-tát, nhưng đã được dự trong số các bực Thập-Trụ Bồ-Tát. Nếu có chúng sanh nào hoặc là đệ tử Phật, hoặc không phải đệ tử Phật, hoặc vì tham vì sợ, hoặc vì lợi dưỡng mà nghe học thọ trì kinh Đại-thừa Đại-Niết-Bàn nầy nhẫn đến một bài kệ, kính tin không hủy báng, phải biết người nầy thời là đã được gần vô-thượng bồ-đề.

Nầy Ca-Diếp ! Vì nhơn duyên trên đây, nên Như-lai nói bốn hạng người trước kia là chỗ nương tựa của thế gian. Bốn hạng người ấy không bao giờ đem lời Phật dạy, nói là không phải của Phật. Vì thế nên Như-Lai nói bốn hạng người ấy là chổ nương tựa của thế gian. Ông phải cúng dường bốn hạng người ấy.”

Ca-Diếp Bồ-Tát thưa : “ Bạch Thế-Tôn ! Con làm thế nào biết được hạng người ấy để cúng dường ?”

Phật dạy : “ Nếu có người nào kiến lập hộ trì chánh pháp, thời phải thỉnh hỏi và xả thân cúng dường người ấy. Như ta từng nói nơi kinh Đại-thừa nầy :

Có ai biết chánh-pháp
Không luận già hay trẻ
Đều nên phải cúng dường
Cung kính và lễ lạy
Như hàng Bà-La-Môn
Chí thành thờ thần lửa
Và như các thiên-thần
Cung kính trời Đế-Thích.

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật : “ Bạch Thế-Tôn ! Như lời Phật dạy cúng dường bực Sư-trưởng chính phải như vậy. Nay con có chỗ nghi, xin Như-Lai giảng giải. Nếu có vị trưởng-túc giới-hạnh tinh nghiêm đến học hỏi với người trẻ tuổi, thời có phải lễ kính chăng ? Nếu lễ kính thời đâu gọi là trì giới. Hoặc người tuổi trẻ tinh nghiêm giới luật đến học với vị trưởng-túc phá giới, có nên lễ kính chăng ? Hoặc người xuất gia đến học với người tại gia thời có nên làm lễ chăng ? Nhưng người xuất gia không nên lễ kính người tại gia. Và trong giáo pháp của Phật, người trẻ tuổi phải cung kính bực trưởng túc cao niên, vì bực trưởng túc thọ giới cụ túc trứơc, đã thành tựu oai nghi. Như-Lai từng bảo rằng người phá giới không được dung thọ ở trong Phật pháp, như đám cỏ ở trong thửa ruộng tốt. Như-Lai lại nói có ai biết chánh pháp, không luận là già trẻ, phải cúng dường người ấy như Thiên-thần kính thờ trời Đế-Thích. Các lời dạy trên có chỗ trái nhau, xin Như-Lai giải thích cho. Như Phật từng nói thầy Tỳ-kheo trì giới cũng có chỗ sai phạm. Duyên cớ gì mà Như-Lai nói lời ấy. Trong các kinh khác, Thế-Tôn cũng có nói cho trị tội kẻ phá giới. Những lời dạy ấy chưa được trọn nghĩa.”

Phật dạy : “ Nầy Ca-Diếp ! Bài kệ vừa rồi là Như-Lai vì chư Bồ-Tát học Đại-thừa sau nầy mà nói, chớ chẳng phải nói với hàng Thanh-Văn đệ tử.

Nầy Ca-Diếp ! Như lời của Như-Lai đã nói, lúc chánh pháp diệt, thời kỳ chánh giới bị hủy hoại tăng trưởng sự phágiới, chớ chẳng phải lúc chánh pháp hưng thạnh. Lúc mà tất cả Thánh-nhơn không hiện, lúc mà hạng xuất gia nhận và chứa tôi trai tớ gái cùng vật bất tịnh, trong bốn

hạng người trên sẽ có một người hiện ra nơi đời cạo bỏ râu tóc xuất gia học đạo, thấy chư Tỳ-kheo không biết vật tịnh cùng bất tịnh, cũng không hiểu là luật hay phi luật, vì muốn điều phục họ nên cùng họ hòa quang, nhưng không tội lỗi như họ. Người nầy khéo phân biệt chỗ làm của mình cùng chỗ làm của Phật. Dầu thấy các người phạm tội ba-la-di, vẫn im lặng không cử tội.

Nầy ca-Diếp ! Người nầy vì hộ trì chánh pháp nên dầu có chỗ phạm luật mà không gọi là phá giới. Như có vị Quốc-vương phải bịnh chết, Thái-tử còn thơ ấu chưa có thể nối ngôi. Có người Chiên-đà-la giàu có, quyến thuộc đông, thừa dịp soán ngôi, tự lên làm vua. Trong nước, các hàng Cư-sĩ, Bà-la-môn, phần nhiều trốn sang nước khác. Người ở lại cũng ẩn tránh không muốn thấy mặt vua ấy. Vua Chiên-đà-la hay nhiều người trong nước bỏ sang nước khác, bèn truyền lịnh rằng nếu có vị Bà-La-Môn nào có thể vì nhà vua mà làm thầy chủ lễ tôn vương, thời nhà vua sẽ chia đôi cõi nước cho cai trị. Mọi người nói với nhau bao giờ có người dòng Bà-La-Môn lại đi chủ lễ tôn vương cho một gã Chiên-đà-la. Vua thấy không có vị Bà-La-Môn nào ra mặt cả, bèn xuống lịnh nếu trong hàng Bà-La-Môn không một ai chịu ra làm thầy cho nhà vua, thời nhà vua tất sẽ buộc các người Ba-La-Môn cùng ở chung, làm việc chung với người Chiên-đà-la.

Còn nếu ai chịu chủ lễ tôn vương thời nhà vua quyết chia đôi cõi nước để phong thưởng, cho đến thuốc cam-lộ bất tử của cõi trời Đao-Lợi do sức thần chú cầu được, nhà vua cũng sẽ chia đều cho người ấy.

Bấy giờ có một người bà-La-Môn tuổi trẻ, đức hạnh thanh tịnh, giỏi về chú thuật ra lãnh làm chủ lễ tôn vương cho vua Chiên-đà-la. Nhà vua y lời hứa chia nước làm đôi, cùng Bà-La-Môn trẻ đồng cai trị. Hàng Bà-La-Môn đều giận trách người ấy : Người là dòng Bà-La-Môn sao lại đi làm thầy cho gã Chiên-đà-la ?

Ít lâu sau, Bà-La-Môn trẻ bảo vua rằng : Tôi bỏ phép của dòng tôi đến làm thầy cho nhà vua, và dạy cho vua chú thuật vi-mật. Nhưng đến ngày nay, nhà vua vẫn chưa thương tưởntg đến tôi.” Vua hỏi cớ. Bà-La-Môn trẻ đáp : :” Nhà vua chưa cho tôi cùng được uống thuốc cam-lộ bất tử của Tiên-

vương”. Vua bảo : “ Phải lắm quả nhơn thiệt không biết, nếu đại sư cần thời lấy mà dùng. Bà-La-Môn trẻ đem thuốc cam-lộ về nhà mời các đại thần đến cùng chia nhau uống. Vua được tin ấy bèn nói với Bà-La-Môn trẻ rằng : “ Sao đại sư cùng các đại thần uống thuốc cam-lộ mà không chia phần cho quả nhơn. Bà-La-Môn trẻ dưng thuốc độc cho vua. Nhà vua uống xong say mê như người chết, Bấy giờ Bà-La-Môn trẻ liền lập Thái-tử con Tiên-vương lên ngôi, mà xướng lên rằng : “ Theo phép ngai vàng không bao giờ hạng người Chiên-đà-la được ngự. Từ xưa đến nay tôi chưa từng nghe thấy dòng Chiên-đà-la làm vua, phải tôn Thái-tử lên ngôi để chăn dân trị nước.” Sau khi sắp đặt việc triều chính xong, Bà-La-môn trẻ giải độc cho Chiên-đà-la rồi đuổi ra khỏi nước Bà-La-Môn trẻ dầu hành động các việc như trên nhưng vẫn không mất pháp Bà-La-Môn. Bấy giờ người trong nước, hàng cư sĩ và Bà-la-môn đều khen ngợi việc làm ấy và đều kính trọng Bà-La-Môn trẻ.

Nầy Ca-Diếp ! Sau khi Như-Lai vào Niết-bàn, hàng Bồ-Tát hộ trì chánh pháp, phương tiện giả đồng sự với các Tỳ-kheo phá giới. Nếu thấy có người dầu phạm giới nhiều, nhưng có thể trị các ác Tỳ-kheo, Bồ-Tát liền đến cúng dường kính lễ người ấy, vì việc cúng dường nên phải cầu xin với nhà đàn việt và cất chứa vật bất tịnh.

Mặc dầu Bồ-Tát cung kính lễ bái cúng dường người ấy và chứa vật bất tịnh, nhưng vẫn không có tội lỗi, vì là phương tiện để tẩn trị các ác Tỳ-kheo cho Tăng chúng thanh tịnh được an ổn và lưu bố kinh điển Đại-thừa, làm lợi ích cho trời cho người.

Nầy Ca-Diếp ! Vì duyên do ấy, nên Như-lai nói hai bài kệ trước kia để bảo các Bồ-Tát khen ngợi người hộ pháp. Như hàng Cư-sĩ và Bà-La-Môn ngợi khen Bà-La-Môn trẻ. Nếu có ai thấy người vì hộ pháp mà cùng đồng sự với các Tỳ-kheo phá giới, rồi nói là có tội, thời phải biết kẻ ấy tự chác lấy họa hại. Người hộ pháp kia thiệt không có tội.

Nầy Ca-Diếp ! Nếu có tỳ-kheo phạm cấm giới rồi tự kiêu mạn không sám hối, phải biết đó chính là người thiệt phá giới. Bồ-Tát vì hộ pháp nên mặc dầu có chỗ sai phạm, nhưng không kiêu mạn chịu sám hối, nên không gọi là phá giới. Vì cớ ấy nên Như-Lai nói trong kinh :

Có ai biết chánh pháp
Không luận già hay trẻ
Đều nên phải cúng dường
Cung kính và lễ lạy

Như hàng Bà-La-Môn
Chí thành thờ thần lửa
Và như các Thiên-Thần
Cung kính trời Đế-Thích.

Lời kệ trên đây là Như-Lai vì các Bồ-Tát học Đại-Thừa mà nói, chớ chẳng phải nói với hạng người học pháp Thanh-Văn.”

Ca-Diếp Bồ-Tát thưa :” Bạch Thế-Tôn ! Các vị Bồ-tát như thế ở nơi giới rất là huỡn đãi. Giới của các vị ấy đã thọ có còn đủ chăng ?”

Phật dạy : “ Nầy ca-Diếp ! Nay ông không nên nói như vậy. Vì giới của các vị ấy đã thọ vẫn đủ không mất. Giả sử có sai phạm liền phải sám hối. Sám hối xong thời được thanh tịnh.

Nầy Ca-Diếp ! Như bờ đê cũ có lỗ hở trống thời nước rịn chảy, vì không người sửa sang. Nếu được sửa sang thời nước không rịn chảy. Cũng thế, các vị Bồ-tát dầu cùng kẻ phá giới đồng sự, nhưng ở nơi giới đãthọ vẫn không hư mất. Vì nếu không có người thanh tịnh trì giới thời Tăng chúng sẽ tổn giãm, ngày càng lười trể. Nếu có người trì giới thanh tịnh thời giới đã thọ được đầy đủ không mất.

Nầy Ca-Diếp ! Đối với “thừa” mà huỡn đãi mới gọi là huỡn đãi, còn huỡn đãi nơi “giới” không gọi là huỡn đãi. Các vị Bồ-Tát không trể lười nơi Đại-thừa, đây gọi là giới căn bổn. Các vị ấy vì hộ trì chánh pháp nên dùng nước Đại-thừa mà tự tắm gội. Vì thế nên Bồ-Tát dầu hiện ra sự phá giới nhưng không gọi là huỡn đãi.”

Ca-Diếp Bồ-Tát thưa : “ Trong chư Tăng có bốn hạngngười, như trái am-la khóphân được trái sống trái chín. Làm thế nào biết được người trì giới cùng người phá giới ?”.

Phật dạy : “ Nầy Ca-Diếp ! Nhơn nơi kinh điển vi diệu Đại-Niết-Bàn thời dễ biết. Ví như nông phu gieo mạ cấy lúa, cày bừa hết cỏ, cứ mắt thịt xem thời gọi là thửa ruộng sạch. Đến mùa bông trái thời lúa cùng cỏ khác nhau. Tám việc như vậy hay làm nhơ nhớp chúng Tăng, nếu trừ được thời dùng mắt thịt cũng biết là thanh tịnh. Hoặc khi trì giới hay phá giới mà không tác ác, dùng mắt thịt khó biện biệt được, lúc việc ác lộ bày thời dễ thấy biết. Như loại cỏ dễ nhận được. Cũng vậy, trong chúng Tăng nếu có thể xa lìa nơi tám pháp bất tịnh, thời gọi là Thánh chúng thanh tịnh, là phước điền, đáng được cõi

trời cõi người cúng dường, quả báo thanh tịnh dùng mắt thịt không thể biện biệt .

Nầy Ca-Diếp ! Như rừng Ca-La-Ca rất rậm rạp nhiều cây. Trong rừng nầy chỉ có một cây Trấn-đầu-ca. Trái của hai thứ cây nầy rất giống nhau khó biện biệt được. Đến mùa trái chín, một thiếu nữ lượm cả hai thứ, một phần trái Trấn-đầu-ca, mười phần trái Ca-la-ca đem ra chợ bán. Các trẻ nít ngu dại mua lầm trái Ca-la-ca, ăn xong phải độc mà chết. Hàng thức giả nghe được việc ấy, liền hỏi thiếu nữ lượm những trái nầy ở nơi nào ? Thiếu nữ nói là lượm ở rừng Ca-la-ca. Thức giả bảo trong rừng ấy tòan là cây Ca-la-ca chỉ có một cây Trấn-đầu-ca thôi. Mọi người biết rõ đều chê cười rồi bỏ đi.

Nầy Ca-Diếp ! Tám pháp bất tịnh trong chư Tăng cũng vậy. Trong chư Tăng phần đông đều thọ dụng tám thứ bất tịnh ấy, chỉ có một người trì giới thanh tịnh không thọ tám thứ bất tịnh , và biết đại chúng thọ dụng phi pháp, nhưng vẫn đồng sự không xa tránh, như cây Trấn-đầu-ca đứng giữa rừng cây Ca-la-ca. Có Ưu-Bà-Tắc thấy phần đông phi pháp và chẳng cung kính cúng dường vị thanh tịnh nầy. Nếu muốn cúng dường nên trước hỏi bạch Đại-Đức, tám việc như vậy có nên nhận và chứa không ! Phật có cho phép không ? Nếu nói là Phật cho phép, thời người nhận chứa ấy đặng cùng chung bố-tát, yết-ma, tự-tứ không? Đại chúng đáp rằng : Tám việc ấy, đức Như-Lai xót thương thảy đều cho phép chứa. – Ưu-Ba-tắc nói :Trong tinh-xá Kỳ-Hoàn, hoặc có Tỳ-kheo nói Phật cho phép chứa vàng bạc, hoặc có Tỳ-kheo nói Phật không cho phép. Người nói là Phật cho phép, thời người nói Phật không cho phép chẳng chịu ở chung, chẳng đồng thuyết giới, tự tứ, nhẫn đến không chịu cùng uống nước một con sông, chẳng chịu chung hưởng vật lợi dưỡng. Sao các ngài lại bảo là Phật cho phép ? Phật là đấng trời trong hàng trời, dầu cho Phật có nhận các thứ ấy, chư Tăng các ngài cũng chẳng nên chứa cất. Nếu vị nào nhận chứa thời không nên đồng sự, chẳng nên cùng thuyết giới, tự tứ, yết-ma. Nếu chung cùng, sau khi chết sẽ đọa vào địa ngục, như kẻ phải chết vì ăn lầm trái Ca-la-ca.

Nầy Ca-Diếp ! Như nơi chợ có người bán thuốc, bán cả thuốc quý Tuyết-sơn cùng nhiều thứ thuốc độc khác, mùi vị đều giống nhau. Người mua không rành mặt thuốc hỏi mua thuốc Tuyết-sơn. Người bán dối trá lấy các thứ thuốc độc đưa ra. Người mua nhận lầm là thiệt nên trả tiền mang thuốc đi và mừng thầm rằng đã mua được thuốc quý Tuyết-sơn.

Nầy Ca-Diếp ! Trong chư Tăng Thanh-Văn có giả-danh-tăng có chơn-thiệt-tăng và hòa-hiệp-tăng, hoặc trì giới, hoặc phá giới. Đối với trong đại-chúng

ấy, phải bình đẳng cúng dường cung kính lễ bái, vì với mắt thịt, hàng Ưu-Bà-Tắc chẳng phân biệt được vị nào trì giới, vị nào phá giới, ai là chơn-thiệt-tăng, ai là giả-danh-tăng, như người mua thuốc không phân biệt được thuốc quý Tuyết-sơn. Người có thiên-nhãn mới có thể biết rõ.

Nầy Ca-Diếp ! Nếu Ưu-Bà-Tắc biết rõ là Tỳ-kheo phá giới thời chẳng nên cung cấp lễ bái cúng dường. Nếu biết Tỳ-kheo nhận và chứa tám vật bất tịnh, cũng lại chẳng nên cung cấp lễ bái cúng dường. Nếu trong chư Tăng có người phá giới, chẳng nên vì đắp ca-sa mà cung kính lễ bái".

Ca-Diếp Bồ-Tát thưa : " Bạch Thế-Tôn ! Lành thay ! Lành thay ! Lời Phật dạy chơn thật không hư, con sẽ trân trọng tuân theo, xem như bảo vật kim-cang.

Như lời Phật dạy : Các Tỳ-kheo phải y theo bốn điều : Y theo pháp không y theo người, y theo nghĩa không y theo lời, y theo trí không y theo thức, y theo kinh liễu nghĩa không y theo kinh chẳng liễu nghĩa. Bốn pháp như vậy, nên phải chứng biết không phải bốn hạng người".

Phật dạy : Nầy Ca-Diếp ! Y theo pháp đó chính là Như-Lai Đại-Bát-Niết-Bàn, tất cả Phật pháp tức là pháp tánh. Pháp tánh ấy tức là Như-Lai. Thế nên Như-Lai thường trụkhông biến đổi. Nếu ai bảo rằng Như-Lai vô thường, người nầy không biết không thấy pháp tánh. Nếu là người không biết không thấy pháp tánh thời không nên nương tựa. Như trên đã nói bốn hạng người hiện ra nơi đời hộ trì chánh pháp nên phải chứng biết để mà y chỉ. Vì các vị nầy khéo hiểu biết pháp-tạng thâm-áo vi-mật của Như-Lai, biết rõ Như-Lai thường trụ không biến đổi. Không bao giờ Như-Lai vô-thường biến đổi. Bốn hạng người nầy có thể gọi là Như-lai, vì hiểu được và nói được mật ngữ của Như-Lai. Nếu có người biết được pháp tạng thâm mật, và biết Như-Lai thường trụ không biến đổi, người nầy chẳng bao giờ vì lợi dưỡng mà nói Như-Lai là vô thường. Còn nên y chỉ với người nầy huống là chẳng y chỉ với bốn bực trên.

Y chỉ nơi pháp tức làpháp tánh, không y chỉ với người tức là hàng Thanh-Văn. Pháp tánh tức là Như-lai, Thanh-Văn tức là hữu-vi. Như-Lai tức là thường trụ, hữu vi tức là vô thường.

Nầy Ca-Diếp ! nếu là người phá giới vì lợi dưỡng mà nói Như-Lai là vô thường biến đổi, thời không nên nương tựa với người ấy.

Trên đây là định nghĩa “ Y theo pháp không y theo người .” Y theo nghĩa không y theo lời là thế nào ? Nầy Ca-Diếp ! Nghĩa là giác-liễu, nghĩa giác-liễu là nghĩa không thiếu sót tức là nghĩa đầy đủ. Nghĩa đầy đủ là Như-Lai. Pháp cùng Tăng đều thường trụ chẳng biến đổi. Đó là y theo nghĩa. Còn những lời gì chẳng nên y theo ? Tức là các bộ luận trau chuốt lời văn. Như Phật từng bảo rằng có rất nhiều thứ kinh điển tham cầu không biết nhàm, gian dối dua bợ, bày nhiều cách để cầu lợi, làm việc cho kẻ bạch y, lại xướng rằng đức Phật cho phép thầy Tỳ-kheo nuôi tôi trai tớ gái, các vật bất tịnh như vàng bạc châu báu, lúa gạo kho đụn, trâu dê voi ngựa, cùng buôn bán lấy lời. Nơi đời cơ-cẩn Phật vì thương đệ tử nên cho phép Tỳ-kheo chứa đồ ăn cũ, để cách đêm, tự tay nấu nướng, không lãnh thọ mà ăn. Không nên y theo những lời như thế.

Y theo trí không y theo thức là thế nào ?

Nầy Ca-Diếp ! Trí tức là Như-Lai. Nếu có hàng Thanh-Văn chẳng khéo rõ biết công đức của Như-Lai, đó là “thức” không nên y theo. Nếu rõ biết Như-lai tức là pháp thân, đó là chơn trí nên phải y theo. Nếu thấy thân phương tiện ứng hoa ùcủa Như-Lai mà nói là thuộc về ấm-giới nhập, do ăn mà được sống được lớn, sự nhận xét nầy là “thức” cũng chẳng nên y theo. Người cùng kinh điển nói những điều ấy đều chẳng nên y theo.

Thế nào là y theo kinh liễu nghĩa mà không y theo kinh chẳngliễu nghĩa ? Hàng Thanh-Văn nghe đến chỗ tạng pháp thâm mật của Như-Lai đều nghi ngờ không hiểu pháp ấy từ nơi biển đại trí huệ mà có ra. Khác nào những đứa trẻ thơ khônghiểu biết xa rộng. Đây gọi là chẳng liễu-nghĩa. Còn bực Bồ-tát có trí huệ chơn thật, theo trí lớn vô ngại nơi tự tâm, như người tuổi tác hiểu biết xa rộng. Đây gọi là liễu-nghĩa. Lại Thanh-Văn thừa là không liễu-nghĩa. Vô thượng đại-thừa mới gọi là liễu-nghĩa. Nếu nói Như-Lai vô-thường biến đổi thời gọi là chẳng liễu nghĩa. Còn nói Như-Lai thường trụ không biến đổi thời gọi là liễu nghĩa. Lời của hàng Thanh-Văn nên chứng biết, gọi là chẳng liễu-nghĩa. Lời của Bồ-tát nên chứng biết, gọi là liễu-nghĩa. Nếu nói Như-Lai nhờ sự ăn mà sống còn, đó là lời không liễu nghĩa. Nếu nói Như-Lai thường trụ không biến đổi, đây gọi là lời liễu nghĩa. Nếu nói Như-Lai nhập Niết-bàn như củi hết lửa tắt, đó là lời không liễu-nghĩa. Nếu nói Như-Lai nhập pháp tánh, đấy là lời liễu nghĩa.

Giáo pháp của Thanh-Văn thừa, thời không nên nương tựa vì Như-lai muốn độ chúng sanh nên phương tiện nói ra pháp Thanh-Văn thừa, như ông Trưởng giả đem bán tự dạy cho con.

Nầy Ca-Diếp ! Thanh-Văn thừa như mới cày bừa chưa có hột trái, gọi là chẳng liễu-nghĩa vì thế chẳng nên nương theo Thanh-Văn thừa. Phải nương theo pháp đại-thừa. Vì Như-Lai muốn độ chúng sanh mà phương tiện nói pháp đại-thừa, Pháp đại-thừa là liễu-nghĩa, là chỗ nên nương tựa.

Trên đây là bốn điều nên y theo, cần phải chứng biết.

Lại nữa, "nghĩa" đáng y theo gọi là chất trực, chất trực gọi là sáng suốt. Sáng suốt gọi là không kém thiếu. Không kém thiếu gọi là Như-Lai. Sáng suốt lại gọi là trí huệ. Chất trực gọi là thường trụ. Như-lai thường trụ gọi là y theo "pháp", "pháp" ấy gọi là thường trụ, cũng gọi là vô biên, bất tư nghị, chẳng có thể chấp trì, chẳng có thể trói buộc, mà cũng có thể chứng thấy. Nếu kẻ nào nói là không có thể chứng thấy được "pháp", thời không nên y theo kẻ ấy. Vì thế nên theo "pháp" mà không y theo người.

Nếu có người dùng lời vi-diệu tuyên nói vô-thường. Không nên y theo những lời nầy. Vì thế nên y theo "nghĩa" mà không y theo "lời".

Còn nhận biết chúng Tăng là thường trụ, là vô-vi không biến đổi, chẳng chứa cất tám vật bất tịnh. Đây là y theo "trí không y theo "thức".

Nếu có người nói : Thức làm, thức thọ, không chúng Tăng hòa hiệp. Tại vì sao ? Luận về hòa hiệp gọi là vô sở hữu. Đã vô sở hữu sao gọi là thường trụ. Đây là tình thức không nên y theo.

Còn liễu-nghĩa gọi là trí túc, trọn không dối hiện oai nghi thanh bạch, không kiêu mạn tự cao tham cầu lợi dưỡng, và đối với trong giáo pháp tùy nghi phương tiện của Như-Lai không sanh lòng chấp trước. Nếu vị nào an trụ được trong những điều này, phải biết người ấy đã trụ được nơi đệ nhứt nghĩa. Đây gọi là y theo kinh liễu-nghĩa.

Như trong kinh nói : Tất cả phừng cháy, tất cả đều khổ, tất cả đều không, tất cả vô ngã. Đây gọi là không liễu nghĩa. Tại vì sao ? Vì không có thể hiểu rõ nghĩa như vậy, hay làm cho chúng sanh phải đọa A-Tỳ địa ngục. Do vì chấp trước nên không hiểu thấu ý nghĩa. Với câu tất cả phừng cháy, cho rằng Như-Lai nói Niết-bàn cũng cháy. Tất cả vô thường thời Niết-bàn cũng vô thường. Khổ, không, vô-ngã cũng như vậy. Đây gọi là kinh không liễu nghĩa chẳng nên y theo.

Nầy Ca-Diếp ! Nếu có người nói Như-lai thương xót chúng sanh khéo biết thời nghi. Vì biết thời nghi nên có lúc Như-Lai nói nhẹ là nặng, hoặc nói

nặng là nhẹ. Như-Lai xét biết hàng đệ tử có các nhà thí chủ cung cấp đồ cần dùng không thiếu, nên Phật không cho nhận và chứa tôi tớ, vàng bạc của báu, không cho buôn bán đổi chác những vật bất tịnh. Nếu hàng đệ tử không có thí chủ cung cấp, và thời kỳ mất mùa đói kém, vì muốn hộ trì chánh pháp, nên Phật cho nhận và chứa tôi tớ vàng bạc xe cộ, ruộng nhà gạo thóc, đổi lấy đồ dùng. Dầu cho nhận cbứa các thứ ấy, nhưng phải tịnh thí cho nhà đàn việt nhiệt thành tin chánh pháp.

Bốn pháp trên đây nên y theo. Nếu có các thứ kinh, luật cùng luận nào chẳng trái bốn pháp trên đây cũng nên y theo.

Nếu có người bảo : Phải thời nghi hay không phải thời nghi, có thể hộ pháp hay không thể hộ pháp. Như-Lai đều cho tất cả Tỳ-kheo nhận và chứa những vật bất tịnh ấy. Đây là những lời không nên y theo. Nếu có những kinh, luật, luận nào mà đồng với những thuyết nầy cũng chẳng nên y theo.

Như-Lai vì người nhục nhãn mà nói bốn điều nên y theo, không phải nói với các vị có huệ nhãn.

Thế nên nay Như-Lai nói bốn điều y chỉ như vậy. "Pháp" chính là pháp tánh. "Nghĩa" chính là Như-Lai thường trụ không biến đổi. "Trí" là rõ biết tất cả chúng sanh đều có Phật tánh. "Liễu-nghĩa" là thấu rõ tất cả kinh điển Đại-thừa.

IX

PHẨM TÀ CHÁNH THỨ CHÍN

(Hán bộ phần đầu quyển thứ bảy)

Bấy giờ Ca-Diếp Bồ-Tát thưa ! " Bạch Thế-tôn ! Có phải cần y-chỉ theo bốn hạng người như trên đã nói chăng ?

Phật dạy : " Chính thế ! Nầy Ca-Diếp ! Nên phải y-chỉ như Như-Lai đã nói . Sao lại phải y chỉ với bốn bực ấy ? Vì rằng có bốn thứ ma".

Ca-Diếp Bồ-Tát thưa: " Bạch Thế-Tôn ! Như lời Phật dạy có bốn thứ ma. Nay con phải làm thế nào để phân biệt là lời của Phật, là lời của Ma. Có

những chúng sanh chạy theo hạnh Ma, cũng có nhiều người thuận theo lời Phật dạy. Phải làm thế nào để biết rành hai mạng ấy ?

Phật dạy : “ Nầy Ca-Diếp ! Sau khi Như-Lai vào Niết-bàn bảy trăm năm, ma Ba- Tuần sẽ ngăn trở và làm hư hại chánh pháp. Ví như thợ săn thân mặc pháp-y, cũng vậy, ma-vương Ba-tuần giả hình Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-Ba-Tắc, Ưu- Bà- Di. Nó cũng hoá làm thân Tư-Đà-Hoàn, Tư-Đà-Hàm, A-Na-Hàm, A-La- Hán và hoá làm hình Phật. Ma-Vương đem thân hữu lậu hoá làm thân vô-lậu để làm hư hại chánh pháp. Thời kỳ Ma-Vương Ba-tuần làm hư hại chánh pháp, nó sẽ nói rằng xưa kia Bồ-Tát ở cung trời Đâu-Suất chết, rồi sanh nơi cung vua Bạch- Tịnh tại thành Ca-Tỳ-La-Vệ nương sự ái dục hòa hiệp của cha mẹ sanh dục mà có thân. Không bao giờ có người nào sanh trong loài người mà được đại chúng cõi Trời cõi người tôn kính. Và lại nói rằng xưa kia khổ hạnh bố thí những đầu, mắt, tủy, não, bố thí những vợ, con, quốc thành, nên nay đặng thành Phật, vì thế nên được chư Thiên, chư Thần cùng mọi người cung kính. Nếu có kinh luật nào nói như lời trên đây, phải biết đó là lời của ma.

Nầy Ca-Diếp ! Nếu kinh luật nào nói đức Như-Lai chánh giác đã thành Phật từ lâu, vì muốn cứu độ chúng sanh nên nay mới thị hiện thành Phật, và vì tùy thuận theo thế gian nên cũng thị hiện có cha mẹ, nhơn nơi ái dục hòa hiệp mà sanh. Phải biết kinh luật nầy chính thật là của Như-Lai nói.

Nếu ai tin theo lời ma, thời là quyến thuộc của ma. Bằng người nào có thể tùy thuận kinh luận của Phật, người đó là Bồ-Tát.

Nếu có chỗ nào nói không nên tin rằng lúc mới sanh, cả bốn phương Như-Lai đều đi bảy bước. Phải biết đây là lời của ma. Ai tùy thuận theo lời của ma thời là quyến thuộc của ma.

Nếu nói lúc Như-Lai mới ra đời cả bốn phương đều đi bảy bước, đó là Như-Lai phuơng tiện thị hiện. Phải biết đây là kinh luật của Như-Lai nói. Người nào tùy thuận lời Phật dạy, thời là bực Bồ-tát.

Nếu có chỗ nói khi Bồ-tát giáng sanh, Phụ-Vương cho người đem đến miếu thờ Trời, tất cả chư Thiên thần, như Đại-Tự-Tại-Thiên, Đại-Phạm-Thiên-Vương, Thiên-Đế-Thích v.v… Thảy đều chắp tay lễ chơn Bồ-Tát. Đây là lời của Phật. Người thuận theo lời nầy là bực Bồ-Tát.

Nếu gạn rằng : Trời sanh trước, Phật sanh sau, cớ sao chư Thiên lại lễ kính Phật ? Phải biết lời gạn nầy là lời của ma Ba-Tuần. Nếu ai thuận theo lời gạn nầy thời là quyến thuộc của ma.

Nếu chổ nào nói : Lúc làm Thái-tử, vì lòng tham dục, nên Bồ-tát cưới vợ, hưởng thọ khoái lạc nơi chốn thâm cung. Nên biết trên đây là lời của Ma-Vương, người thuận theo đây thời là quyến thuộc của Ma.

Nếu nói rằng : Từ lâu, Bồ-Tát đã bỏ lìa tâm tham dục, vợ con, cho đến sự vui vi diệu của tam-thập, tam-thiên, như bỏ đờm mũi, huống là sự vui ở cõi người. Bồ- Tát cạo bỏ râu tóc, xuất gia hành đạo. Đây là lời Phật nói, là kinh luật của Phật. Người thuận theo đây thời là Bồ-Tát.

Nếu có chổ nói, tại Kỳ-Hoàn tinh xá ở nước Xá-Vệ, vì lòng đại từ thương xót chúng sanh, nên Phật cho các Tỳ-kheo nuôi tôi tớ, voi ngựa, gia súc, chứa vàng bạc châu báu, cho buôn bán, gieo trồng v.v… Phải biết đây là lời của ma. Ai thuận theo đây thời là quyến thuộc của ma.

Nếu nói rằng, tại nước Xá-Vệ nơi tinh xá Kỳ-Hòan, trước vua Ba-Tư-Nặc và Cổ- Chi-Đức Bà-La-Môn, đức Phật cấm các Tỳ-kheo không được nuôi chứa và làm các điều trên. Người phạm các điều nầy thời không được ở trong hàng Tỳ-kheo, phải huờn tục, như đám cỏ trong ruộng lúa cần phải nhổ bỏ. Đây chính là kinh luật của Phật. Người thuận theo đây thời là bực Bồ-tát.

Nếu nói rằng : Thái-Tử Bồ-Tát thị hiện vào miếu thờ Trời, ở trong pháp ngoại đạo xuất gia tu hành, thị hiện biết tất cả oai nghi lễ tiết, khéo hiểu tất cả văn tự kỹ nghệ, thị hiện làm bực tôn qúy nhất trong các giai cấp của xã hội, dầu vậy, Bồ- Tát chẳng có lòng luyến ái, như hoa sen không nhiễm bùn nhơ. Vì độ chúng sanh nên Bồ-Tát phương tiện thị hiện thuận theo thế-pháp. Những lời trên đây là của Phật nói, người thuận theo đây là bực Bồ-Tát. Nếu nói trái lại thời là lời của ma cùng quyến thuộc của ma.

Nếu có người cố chấp chín bộ kinh luật mà không chịu tin kinh điển phương đẳng đại thừa cho rằng không phải của Phật nói, vì trong kinh luật của họ không có nói đến. Phải biết người nầy có tội, không phải đệ tử của Phật.

Nếu có người tin kinh điển phương đẳng đại thừa, cho rằng vì độ chúng sanh nên Như-Lai nói kinh đại thừa. Người nầy chính thật là đệ tử của Phật.

Nếu có chỗ nói, Như-Lai không phải là kết quả của vô lượng công đức, là vô thường biến đổi, do chứng pháp không nên tuyên nói lý vô-ngã, chẳng thuận với thế gian. Đây là lời của ma, người tin lời nầy thời là quyến thuộc của ma.

Nếu nói rằng Như-Lai là bực Đẳng-Chánh-Giác không thể nghĩ bàn, là kết qủa của vô lượng công đức, là thường trụ không biến đổi. Đây là lời Phật nói, ai thuận theo lời nầy thời là bực Bồ-Tát.

Nếu có Tỳ-kheo thiệt không chỗ được mà dối hiện tướng đã được, cùng nói được các pháp hơn người, thời phạm tội ba-la-di, mất pháp làm người, như viên đá bể hai không còn liền lại được.

Nếu có Tỳ-kheo giới đức trong sạch, ít muốn biết đủ, ở nơi vắng vẽ rãnh rang. Vua quan gặp Tỳ-kheo cho là bực A-La-hán, rồi cung kính khen ngợi rằng Đại- sư đây sau khi bỏ thân nầy sẽ chứng quả vô thượng bồ-đề. Tỳ-kheo nghe được liền cải chính là mình chưa chứng quả thánh và khuyên vua quan chớ nhận lầm. Nhà vua vẫn cố kính tin và loan truyền cho mọi người cùng tôn trọng cúng dường. Tỳ-kheo nầy thiệt là người giới đức trong sạch nên làm cho mọi người được phước đức lớn. Tỳ-kheo nầy không phạm tội ba-la-di vì tự mọi người sanh lòng kính tin cúng dường. Nếu nói Tỳ-kheo nầy mắc tội, phải biết đó là lời của ma.

Lại có Tỳ-kheo giảng tuyên giáo-điển đại-thừa rất sâu của chư Phật rằng : Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh sẽ dứt trừ vô lượng phiền não bèn thành bực vô thượng chánh giác, trừ hạng nhứt-xiển-đề. Nếu có người hỏi Tỳ-kheo : Nhà thầy có Phật tánh chăng ? Sẽ được làm Phật hay không ? Tỳ-kheo đáp : Chính tôi đây quyết định có Phật tánh, còn thành Phật hay không chưa có thể thẩm định. Người lại nói Đại-Đức không phải hạng nhứt-xiển-đề, tất được thành Phật không còn nghi ngờ gì. Tỳ-kheo đáp rằng : “ Vâng ! Đúng như lời người đã nói”. Dầu Tỳ-kheo nầy nói quyết định có Phật tánh, mà vẫn không phạm tội.

Lại có Tỳ-kheo lúc xuất gia tự nghĩ rằng : Nay ta quyết định thành bực vô thượng chánh giác. Tỳ-kheo nầy dầu chưa được thành Phật, nhưng đã được vô lượng vô biên phước đức. Vì xưa kia, trong tám mươi ức kiếp, ta giữ giới trong sạch, ít muốn biết đủ, thành tựu oai nghi, khéo tu vô lượng pháp tạng của chư Phật, thuở ấy ta cũng quyết định rằng mình có Phật tánh, nhờ đó nên nay ta được thành Phật, có đức đại-từ-bi.

Những điều trên đây là lời Phật nói, nếu ai thuận theo thời là bực Bồ- Tát. Còn ai không chịu thuận theo thời là quyến thuộc của ma.

Ma lại sẽ bảo rằng : Không có bốn tội trọng, mười ba tội tăng tàn, hai tội bất định, ba mươi tội xả-đọa, chín mươi tội đọa, bốn pháp phải sám hối, các pháp phải học, bảy điều diệt tránh, nhẫn đến không có tội thô, tội nghịch, nhứt- xiển-đề. Nếu có Tỳ-kheo phạm các tội đã kể trên đây mà phải đọa địa ngục thời hàng ngoại đạo lẽ ra đều được sanh lên cõi trời cả, vì ngoại đạo không thọ giới, tất không có giới gì mà phạm. Đó là Như-Lai muốn khủng bố người nên nói các điều giới ấy. Dầu Như-Lai có nói phạm tội đột-kiết-la, phải bị đọa vào địa ngục mãi đến tám trăm muôn năm của cõi trời Đao-Lợi mới mãn tội, đó cũng là việc thị hiện để khủng bố người. Rằng ba-la-di cho đến đột-kiết-la tội nặng tội nhẹ không sai. Đây là các nhà luật sư vọng nói là lời của Phật chế, kỳ thiệt không phải Phật chế như vậy. Tất cả những lời trên đây là điển từ của ma cả.

Có chổ nói rằng : Ở trong các điều giới nếu phạm một giới nhỏ, sẽ bị khổ báo trong thời gian rất lâu. Nhận thức như vậy sẽ giữ gìn tự thân như rùa dấu kín sáu chi.

Nếu có luật sư nào nói rằng : “ Phàm chỗ phạm giới đều không tội báo”.

Không nên gần gũi luật sư nầy. Như Phật đã từng dạy :

Nếu nói quá một pháp. Đây gọi là vọng ngữ, Chẳng nhận thấy đời sau. Không ác nào chẳng tạo.

Do đây, chẳng được thân cận người phủ nhận nhơn quả. Trong chánh pháp của Phật trong sạch như vậy, huống lại có phạm tội du-lan-giá hoặc phạm tăng- tàn và ba-la-di mà chẳng phải là tội ư ! Thế nên rất phải tự giữ gìn những giới pháp như vậy. Nếu không giữ gìn, thời lấy pháp gì mà gọi là cấm giới ?

Trong các kinh, Như-Lai cũng nói nếu có phạm bốn tội trọng ba-la-di cho đến phạm tội nhỏ đột-kiết-la, thời phải theo luật mà trị tội. Nếu chúng sanh chẳng hộ trì cấm giới làm sao thấy được Phật tánh.

Dầu tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, nhưng phải do nơi trì giới rồi sau mới được thấy. Do thấy Phật tánh mà được thành vô thượng chánh giác.

Trong chín bộ kinh, không có kinh đại-thừa phương đẳng, cho nên không nói có Phật tánh. Dầu không nói, nhưng phải biết là thiệt có Phật tánh.

Người nào nói những lời như đây, thời thiệt là đệ tử của Như-Lai ".

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật : " Bạch Thế Tôn ! Như trên đã nói tất cả chúng sanh đều có Phật tánh. Trong chín bộ kinh chưa từng nghe thấy điều nầy. Như nói là có thời sao lại không phạm tội ba-la-di ?

Phật dạy : " Nầy Ca-Diếp ! Như lời ông nói đó, thiệt chẳng phạm tội ba-la-di. Như có người nói trong biển cả chỉ có bảy thứ báu, không có tám thứ, Người nầy không có lỗi. Cũng vậy, nếu nói trong chín bộ kinh, không có Phật tánh, vẫn là vô tội vì Như-Lai ở trong biển lớn đại trí, đại thừa nói có Phật tánh. Hàng nhị thừa chẳng thấy biết mà nói là không, nên chẳng mắc tội. Cảnh giới nầy là chổ thấy biết của Phật, chẳng phải hàng Thanh-Văn và Duyên giác biết đến.

Nầy Ca-Diếp ! Người không được nghe tạng pháp thậm thâm bí mật của Như- Lai thời làm thế nào biết rằng có Phật tánh . Những gì gọi là tạng pháp thậm thâm bí mật của Như-Lai ? Chính là kinh điển đại-thừa phương đẳng vậy.

Nầy Ca-Diếp ! Có các nhà ngoại đạo, hoăïc nói ngã là thường còn, hoặc nói ngã là đoạn diệt.

Như-Lai không nói như vậy, mà cũng nói là có ngã và cũng nói là không ngã. Đây gọi là trung đạo.

Nếu có người nói : Đức Phật nói trung đạo : Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, vì phiền não che ngăn nên không thấy không biết. Vì thế nên phải siêng năng tu tập để dứt trừ phiền não.

Ai nói được những lời trên đây thời chẳng phạm bốn tội trọng. Nếu không nói được như đây thời gọi là phạm tội ba-la-di.

Nếu có người nói : " Tôi đã thành Phật, vì tôi có Phật tánh". Người nói lời nầy phạm tội ba-la-di. Vì dầu có Phật tánh. Nhưng chưa tu tập các pháp lành nên chưa được thấy, vì chưa thấy Phật tánh nên chẳng được thành Phật.

Nầy Ca-Diếp ! Do những nghĩa nầy nên Phật pháp rất sâu chẳng thể nghĩ bàn".

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật : “ Bạch Thế-tôn ! Có Quốc vương hỏi thế nào là Tỳ- kheo mắc phải tội đại vọng ngữ ?”

Phật dạy : “ Nầy Ca-Diếp ! Nếu có Tỳ-kheo vì cầu lợi, vì việc uống ăn, rồi làm những cách dua nịnh gian ngụy khi trá, thế nào cho người đời tưởng thật ta là bực khất sĩ, để ta được danh to lợi lớn. Tỳ-kheo nầy nhiều ngu si, tự biết rằng chính mình chưa chứng đặng bốn quả thánh, trong lòng luôn suy nghĩ phải làm thế nào cho người đời, các Ưu-Bà-Tắc, Ưu-Bà-Di đều nói rằng ta đã chứng quả, là bực phước đức lớn, thiệt là thánh nhơn, Tỳ-kheo suy nghĩ cầu lợi chẳng phải cầu pháp, ta phải đi đứng đoan nghiêm, chấp trì y-bát, giữ đúng oai nghi, ở riêng nơi yên vắng như A-La-Hán. Làm cho người đời đều bảo rằng : Tỳ- kheo như thế là bực lành bực tốt nhất, ngài tinh cần khổ hạnh tu pháp tịch diệt. Như thế ta sẽ có đệ tử đông, cũng sẽ được người cúng dường trọng hậu, khiến hàng phụ nữ cung kính mến tưởng.

Nếu có Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni nào làm những sự như vậy thì mắc phải tội đại vọng ngữ.

Lại như có Tỳ-kheo vì muốn kiến lập chánh pháp vô thượng nên ở nơi yên vắng, tự chẳng phải A-la-Hán mà muốn làm cho mọi người tin tưởng gọi là A-La- Hán, là Tỳ-kheo tốt, Tỳ-kheo lành, Tỳ-kheo tịch-tịnh, được nhiều người xuất gia theo làm quyến thuộc. Nhơn đó khuyên dạy các Tỳ-kheo và Ưu-Bà-tắc phá giới, đều khiến trì giới. Do đây mà chánh pháp được kiến lập, làm rạng rỡ pháp vô thượng của Như-Lai, khai hiển phương đẳng đại-thừa, độ thoát vô lượng chúng sanh, khéo hiểu những nghĩa khinh trọng trong kinh luật mà Như-lai đã nói. Tỳ-kheo nầy lại nói : Nay ta cũng có Phật tánh. Có kinh điển gọi là tạng bí-mật của Như- lai. Nơi trong kinh nầy, ta sẽ quyết định đặng thành Phật đạo, có thể dứt sạch vô lượng ức phiền não kiết sử. Vì vô lượng Ưu-Bà-Tắc mà nói rằng : Các ông đều có Phật tánh, ta cùng các ông đều sẽ an trụ nơi cấp bực của Như-lai mà thành vô thượng chánh giác, đứt sạch vô lượng phiền não kiết sử. Tỳ-kheo nói những lời trên đây không gọi là người phạm đại vọng ngữ mà gọi là bực Bồ- Tát.

Như nói : Người phạm tội đột-kiết-la phải bị đọa trong địa ngục chịu tội đến tám trăm muôn năm tính theo năm tháng ở cõi trời Đao-Lợi, huống là cố phạm tội du- lan-giá.

Trong đại-thừa đây, nếu có Tỳ-kheo phạm tội du-lan-giá thời không nên thân cận.

Những gì gọi là tội du-lan-giá trong kinh đại-thừa ?

Nếu có đàn-tín tạo lập chùa Phật, đem các tràng hoa dùng cúng dường Phật. Có Tỳ-kheo thấy chỉ trong xâu hoa, không hỏi xin mà lấy thời phạm tội du-lan-giá. Hoặc biết hay chẳng biết cũng đều phạm như vậy. Nếu vì tâm tham mà phá hoại tháp Phật thời phạm tội du-lan-giá. Không nên thân cận những người như vậy.

Nếu đàn-tín thấy tháp Phật hư , vì muốn tu bổ cúng dường xá lợi, nơi trong tháp nầy hoặc được châu báu bèn đem gởi Tỳ-kheo. Tỳ-kheo lãnh rồibèn tự ý thọ dụng. Tỳ-kheo nầy gọi là hạng bất tịnh, sanh nhiều sự đấu tránh. Các Ưu-Ba- Tắc tốt không nên gần gũi cúng dường. Tỳ-kheo như vậy gọi là vô căn, gọi là hai căn, gọi là bất định căn.

Người bất định căn lúc tham muốn làm gái, thân liền biến làm gái, lúc tham muốn làm trai thân liền biến làm trai.

Tỳ-kheo như vậy gọi là ác-căn, không gọi là nam, không gọi là nữ, không gọi là tại gia, không gọi là xuất gia. Với Tỳ-kheo nầy, không nên thân cận cung kính cúng dường.

Trong Phật pháp, về pháp tắc của hàng Sa-Môn, phải sanh lòng từ bi lợi ích chúng sanh, cho đến loài trùng kiến cũng phải ban sự vô úy, đây là pháp của Sa- Môn. Xa lìa uống rượu cho đến ngữi mùi đây là pháp của Sa-Môn. Chẳng được vọng ngữ cho đến trong giấc mộng cũng không nghĩ đến sự vọng ngữ, đây là pháp của Sa-Môn. Chẳng sanh lòng dục cho đến trong giấc mộng cũng không nghĩ đến lòng dục, đây là pháp của Sa-Môn.

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật : " Bạch Thế-Tôn ! Nếu Tỳ-kheo ngủ chiêm bao hành dâm dục, có phạm giới chăng ?"

Phật dạy : " Không phạm giới. Ở nơi sự dâm dục, phải sanh ý nghĩ là hôi nhơ, cho đến không có một niệm tưởng là sạch tốt. Tránh sự nghĩ tưởng ái nhiễm hàng phụ nữ. Nếu chiêm bao hành dâm, lúc thức dậy phải hổ thẹn ăn năn,. Nếu móng lòng dâm dục phải kíp trừ bỏ. Tỳ-kheo đi khất thực, lúc nhận cúng dường, phải có ý tưởng như ăn thịt con đẻ trong thời kỳ đói kém. Pháp môn trên đây là kinh luật của Phật nói, Người thuận theo đây thời là bực Bồ-tát.

Nếu có kẻ nào nói rằng : Đức Phật cho phép Tỳ-kheo luôn đứng co một chơn, luôn nín lặng không nói, hoặc nhảy vào lửa, nhảy xuống vực, từ trên gộp đá cao tự nhảy xuống chẳng tránh sự hiểm nạn, hoặc uống độc dược, hoặc tuyệt thực, nằm trên tro đất, tự trói tay chơn, hoặc giết hại chúng sanh,

bàng môn chú thuật, con nhà hàng thịt, không căn, hai căn, bất định căn, giác quan không đủ, Như-Lai đều cho những người trên đây xuất gia hành đạo. Phải biết lời nầy là của ma nói.

Nếu có chỗ nào nói rằng cho mặc ma-ha-lăng-già, đều cho chứa cất tất cả hột giống, loài cỏ cây đều có thọ mạng, Như-Lai nói lời nầy rồi bèn vào Niết-bàn. Phải biết trên đây là lời của ma nói.

Trước kia Như-Lai cho ăn năm thứ sữa bò cùng với dầu, mật, cho mặc y kiều-xa- gia, dép da v.v… trừ những vật của ngoại đạo.

Như-Lai cũng không cho luôn đứng co một chơn, mà bảo theo đúng chánh pháp pháp tùy ý đi đứng nằm ngồi. Như-lai cũng chẳng cho tuyệt thực hay uống độc dược, hoặc năm thứ nóng đốt thân, trói cột tay chơn, giết hại chúng sanh, luyện bàng môn chú thuật, dùng ngà voi châu ngọc làm dép da. Chẳng cho mặc ma-ha- lăng-già, chứa cất các hột giống. Chẳng nói cỏ cây có thọ mạng. Nếu ai nói Như- Lai cho phép và nói như trên đây, phải biết kẻ ấy là quyến thuộc của ngoại đạo, không phải là đệ tử của Phật.

Như-Lai chỉ cho ăn năm thứ sữa bò và dầu, mật, cho mang dép da, mặc y kiều- xa-gia,. Như-Lai nói tứ đại không có thọ mạng. Kinh luật nào nói như vậy chính là lời của Phật. Thuận theo lời Phật là đệ tử của Phật. Còn không thuận theo lời Phật thời là quyến thuộc của ma. Nếu có người nào tùy thuận kinh luật của Phật, phải biết đó là bực Bồ-Tát.

Nầy Ca-Diếp ! Thế nào là lời của ma nói, thế nào là lời của Phật nói. Nay Như-Lai đã phân biệt nhiều cho ông rồi.”

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật : “ Bạch Thế-tôn ! Nay con mới biết rõ chỗ sai biệt của lời Phật nói cùng lời ma nói, nhơn đây mà con được ngộ nhập nghĩa sâu của Phật pháp”.

Phật khen Ca-Diếp Bồ-Tát : Nầy Ca-Diếp ! Ông có thể hiểu rành re õnhư vậy, đáng gọi là người thông sáng.

X

PHẨM TỨ ĐẾ THỨ MƯỜI

(Hán bộ phần giữa quyển thứ bảy)

Nầy Ca-Diếp ! Nói là “ khổ” đó, chẳng gọi là thánh đế. Tại sao vậy ? Vì nếu nói “khổ” là khổ thánh-đế, thời tất cả trâu, dê, lừa, ngựa cùng người địa ngục lẽ ra có thánh-đế.

Nầy Ca-Diếp ! Nếu có người nào chẳng biết cảnh giới rất sâu của Như-Lai với pháp thân vi mật thường trụ không biến đổi, cho là thực thân không phải pháp thân, chẳng biết đạo đức oai lực của Như-Lai, đây gọi là “khổ”.

Do vì chẳng biết nên nơi “pháp” thấy là “phi-pháp”, nơi “phi pháp” thấy là “pháp”. Phải biết người nầy ắt phải đọa vào ác thú mãi trôi lăn trong vòng sanh tử, thêm lớn nghiệp hoặc chịu nhiều khổ não.

Nếu có người hay biết Như-Lai thường trụ không có biến đổi, hoặc nghe tiếng nói hai chữ “thường trụ” một lần phớt qua tai, bèn được sanh lên cõi trời. Về sau, lúc được giải thoát, mới được chứng biết Như-Lai thường trụ không có biến đổi. Khi đã chứng biết bèn tự nói : “ Ngày trước, tôi từng nghe nghĩa thường trụ nầy, nay được giải thoát mới được chứng biết. Đối với bổn tế, vì không rõ biết, nên tôi phải luân hồi sanh tử xoay lăn vô cùng, ngày nay mới bắt đầu đặng chứng biết như thật.”

Nếu người nào biết như vậy, thiệt là tu khổ-đế, được nhiều lợi ích lớn. Nếu người không biết, dầu là siêng tu nhưng không được lợi ích, đây gọi là biết : “khổ”, gọi là “khổ thánh-đế”.

Nếu người nào không tu tập được như vậy, thời gọi là “khổ”, chẳng phải “khổ thánh-đế”.

“ Khổ-tập-đế”là, nơi trong chơn pháp chẳng sanh chơn trí. Thọ lấy vật bất tịnh, tức là nô tỳ, hay nói phi pháp là chánh pháp, dứt diệt chánh pháp chẳng cho còn lâu. Vì nhơn duyên nầy mà không biết được pháp tánh, vì không biết mà luân hồi sanh tử chịu nhiều sự khổ não, chẳng được sanh cõi trời và chánh giải thoát, Nếu có thâm trí chẳng hoại chánh pháp do nhơn duyên nầy được sanh cõi trời và chánh giải thoát.

Nếu có người không biết khổ tập đế, mà nói chánh pháp không có thường trụ. Đây đều là diệt pháp. Vì nhơn duyên nầy nên trong vô lượng kiếp lưu chuyển sanh tử chịu các sự khổ não.

Nếu có thể biết pháp thường trụ chẳng khác, đây gọi là biết "tập", gọi là "tập thánh-đế". Nếu người không thể tu tập được như vậy thời gọi là "tập", chẳng phải "tập thánh-đế".

Khổ diệt-đế là, nếu có người tu học nhiều pháp không thời là chẳng tốt. Bởi vì sao? Vì dứt tất cả pháp, vì hư hoại chơn pháp tạng Như-lai. Tu học như trên đây gọi là tu pháp không. Người tu khổ diệt-đế thời nghịch lại tất cả pháp tu của ngoại đạo. Nếu nói rằng tu pháp không là diệt-đế đó, thời tất cả ngoại đạo cũng tu pháp không, đáng lẽ họ có diệt-đế, nếu có người tu tập Như-Lai tạng : Vô ngã không-tịch, người nầy nơi vô lượng đời lưu chuyển thọ khổ trong vòng sanh tử. Nếu có người chẳng tu tập như vậy, dầu có phiền não nhưng chóng có thể diệt trừ, vì người nầy biết tạng bí mật Như-Lai.

Nếu có người nói rằng có tạng Như-Lai, dầu chẳng thấy được nhưng nếu có thể diệt trừ tất cả phiền não đây thời đặng chứng nhập. Nếu phát tâm như trên đây, nhơn duyên trong một niệm, có thể đặng tự tại đối với tất cả pháp.

Nếu người nào có thể tu tập Diệt-đế như vậy chính là đệ tử của ta. Bằng không, thời gọi là tu pháp không chẳng phải diệtThánh-đế vậy.

Đạo Thánh-đế tức là Phật-bảo, Pháp-bảo, Tăng-bảo và chánh giải thoát.

Có hạng chúng sanh điên đảo cho rằng không Phật, không Pháp, không Tăng và không chánh giải thoát, sanh tử lưu chuyển dường như huyễn hoá. Do kiến chấp nầy nên lưu chuyển ba cõi chịu nhiều khổ não.

Nếu người có thể phát tâm thấy rằng Như Lai thường trụ không biến đổi, Pháp, Tăng giải thoát cũng thường trụ như vậy. Nhờ một niệm nầytrong vô lượng đời tùy ý mà đặng quả báo tự tại.

Như ta thuở trước, vì bốn thứ điên đảo, chẳng phải pháp chấp là pháp, nên mắc lấy vô lượng nghiệp quả ác. Ngày nay ta đã diệt hết những kiến chấp như vậy, nên đặng thành Phật vô thượng chánh giác. Đây gọi là đạo Thánh-đế.

Nếu có người cho rằng Tam-bảo là vô thường, đây là lối tu hư vọng chẳng phải đạo Thánh-đế.

Nếu người tu tập Tam-bảo là thường trụ, người nầy là đệ tử của ta, chơn chánh tu tập thấy bốn pháp Thánh-đế. Trên đây gọi là bốn Thánh đế.

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật rằng : " Thế-tôn ! Nay tôi mới biết tu tập bốn pháp Thánh-đế rất sâu".

XI

PHẨM TỨ ĐẢO THỨ MƯỜI MỘT

(Hán bộ phần sau quyển thứ bảy)

Phật bảo Ca-Diếp Bồ-tát : " Nầy thiện-nam-tử ! Thế nào là Tứ-Đảo ? (bốn điều điên đảo) " Nơi chẳng phải khổ tưởng cho là khổ", gọi là điên đảo. Chẳng phải khổ chỉ cho Như-Lai.

Tưởng cho là khổ, tức là cho rằng Như-Lai là vô thường biến đổi.

Nếu có người nói Như-Lai là vô thường, đây gọi là tội khổ rất lớn.

Nếu nói Như-Lai khi xả thân khổ nầy để nhập Niết-bàn như củi hết lửa tắt, đây gọi là chẳng phải khổ mà tưởng cho là khổ. Chính đó là điên đảo.

Nếu ta nói rằng : Như-Lai là thường thời là chấp ngã, vì chấp ngã nên có vô lượng tội, thế nên phải nói Như-Lai là vô thường, nói như thế thời ta vui thích.

Như-Lai là vô thường chính đó là khổ, nếu đã là khổ thế nào sanh vui. Bởi ở trong khổ tưởng cho là vui nên gọi là điên đảo.

Nơi vui tưởng cho là khổ, gọi đó là điên đảo. Vui tức là Như-Lai. Khổ tức là Như- Lai vô thường. Nếu nói Như-Lai là vô thường đây gọi là nơi vui tưởng cho là khổ.

Như-Lai thường trụ, gọi là vui.

Nếu ta nói rằng : Như-Lai là thường, sao lại nhập nơi Niết-bàn. Nếu nói Như-Lai chẳng phải là khổ, sao lại bỏ thân mà diệt độ. Bởi ở trong vui tưởng cho là khổ nên gọi đó là điên đảo. Các điều tưởng lầm như trên gọi là sự điên đảo thứ nhứt.

“ Vô-thường tưởng là thường, thường tưởng là vô-thường”, đây gọi là điên đảo.

Vô thường chỉ chẳng tu pháp không. Vì chẳng tu pháp không nên thọ mạng ngắn ngủi.

Nếu có người cho rằng chẳng tu pháp không tịch thời đặng trường thọ. Quan niệm đó gọi là điên đảo. Đây là sự điên đảo thứ hai.

“ Vô-ngã tưởng là ngã, ngã tưởng là vô-ngã”, đây là điên đảo.

Người đời cũng nói có ngã, trong Phật pháp cũng nói có ngã.

Người đời dầu nói có ngã nhưng không có Phật tánh, đây thời gọi là nơi vô-ngã mà tưởng là ngã gọi đó là điên đảo.

Phật pháp nói có ngã tức là Phật tánh. Người đời lại nói Phật pháp không ngã, đây gọi là nơi ngã tưởng là vô ngã. Nếu nói Phật pháp quyết định vô ngã nên đức Như-Lai dạy hàng đệ tử tu tập pháp vô ngã. Lời trên đây là điên đảo. Đây là điều điên đảo thứ ba.

Tịnh tưởng là bất tịnh, bất tịnh tưởng là tịnh, đây gọi là điên đảo.

Tịnh chính là Như-Lai thường trụ, chẳng phải thân tạp thực, chẳng phải thân phiền não, chẳng phải thân thịt, chẳng phải là thân gân xương ràng rịt.

Nếu có người nói rằng Như-Lai là vô thường, là thân tạp thực, là thân thịt, là thân gân xương ràng rịt, cũng cho rằng Pháp, Tăng, Giải thoát đều là diệt tận, đó gọi là những quan niệm điên đảo vì tịnh mà cho là bất tịnh.

Bất tịnh tưởng cho là tịnh, gọi đó là điên đảo.

Nếu có người nói rằng trong thân của ta đây không có một pháp nào là bất tịnh cả, bởi không có bất tịnh nên quyết định sẽ đặng vào nơi chỗ thanh tịnh. Thuyết tu bất tịnh quán của Như-Lai là thuyết hư-vọng.

Trên đây là quan niệm điên đảo. Đó gọi là điều điên đảo thứ tư”.

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật rằng : “ Thế-Tôn ! Từ nay tôi mới đặng chánh kiến. Bạch thế-Tôn, trước đây chúng tôi đều là người tà kiến cả.

XII

PHẨM NHƯ LAI TÁNH THỨ MƯỜI HAI

(Hán bộ phần trên quyển thứ tám)

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật : “ Thế-Tôn ! Hai mươi lăm cõi có ngã cùng chăng ?

Phật dạy : “ Nầy Thiện-nam-tử ! Ngã tức là nghĩa Như-Lai tạng. Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh tức là nghĩa của ngã. Nghĩa của ngã như vậy từ nào tới giờ thường bị vô lượng phiền não che đậy, vì thế nên chúng sanh chẳng nhận thấy được.

Như cô gái nghèo, trong nhà có nhiều kho tàng vàng vòng, tất cả người nhà không ai biết. Một hôm có người khách lạ khéo biết phương tiện bảo cô gái nghèo : “ Nay tôi thuê cô dọn cỏ rác cho tôi”.

Cô gái liền đáp : “ Nếu ông có thể chỉ kho vàng cho tôi, rồi tôi sẽ dọn cỏ rác cho ông”.

Người khách nói : “ Tôi biết cách thức, cóthể chỉ kho vàng cho cô.”

Cô gái nói : “ Tất cả người nhà của tôi còn chẳng biết được, huống là ông mà có thể biết !”

Khách lại nói : “ Nay tôi có thể biết chắc chắn”.

Cô gái nói : “ Tôi gấp muốn thấy, ông nên chỉ cho tôi”.

Người khách liền ở trong nhà cô, đào được kho vàng ròng. Cô gái thấy kho vàng lòng rất vui mừng ngạc nhiên lạ lùng, kính trọng người khách.

Nầy Thiện-nam-tử ! Phật tánh của chúng sanh cũng như vậy, tất cả chúng sanh chẳng nhận thấy được. Khác nào cô gái nghèo có kho vàng mà chẳng biết. Hôm nay ta chỉ bày Phật tánh sẵn có của tất cả chúng sanh hiện bị các phiền não che đậy. Như cô gái nghèo kia trong nhà sẵn có kho vàng nhưng không thấy được. Hôm nay đức Như-Lai chỉ bày kho báu giác tánh cho chúng sanh, đây chính là Phật tánh. Chúng sanh thấy được tánh nầy lòng rất vui mừng quy ngưỡng đức Như-Lai.

Người khách khéo biết phương tiện dụ cho Như-Lai. Cô gái nghèo dụ cho vô lượng chúng sanh. Kho vàng ròng dụ cho Phật tánh.

Nầy Thiện-nam-tử ! Ví như cô gái sanh một trai trẻ nầy mắc bịnh, cô gái buồn rầu tìm y sĩ. Y sĩ đến xem bịnh, dùng ba thứ bơ, sữa đường phèn hiệp lại bảo cho đứa trẻ uống. Y sĩ dặn cho cô gái, đứa trẻ sau khi uống thuốc chớ cho nó bú, phải chờ thuốc tiêu hóa, rồi mới được cho bú

Cô gái liền lấy chất đắng thoa trên vú rồi bảo đứa bé : " Vú của mẹ đã thoa thuốc độc, con chớ chạm đến".

Đứa bé đói khát muốn bú, nhưng nghe mùi đắng trên vú bèn chẳng dám gần. Thời gian sau thuốc uống đã tiêu hoá, người mẹ lấy nước rửa sạch vú mình, gọi con đến bú.

Lúc đó đứa trẻ mặc dầu đói khát nhưng nhớ mùi đắng nên chẳng dám đến bú.

Người mẹ bảo : " Vì con uống thuốc nên mẹ lấy chất đắng thoa trên vú. Thuốc con uống đã tiêu hóa, vú của mẹ cũng đã rửa sạch, giờ đây con có thể đến bú không hại gì."

Đứa trẻ nghe mẹ bảo lần lần đến bú.

Nầy Thiện-nam-tử ! Đức Như-Lai cũng vậy. Vì độ tất cả chúng sanh nên dạy tu pháp vô ngã. Nhờ tu pháp đó dứt hẳn tâm chấp ngã, được nhập Niết-bàn. Vì trừ những vọng kiến trong đời nên thị hiện pháp xuất thế gian. Lại chỉ rõ quan niệm chấp ngã của người đời là hư vọng chẳng phải chơn thật, nên dạy tu pháp vô ngã để được thân thanh tịnh.

Như cô gái kia chữa bịnh cho con, nên lấy chất đắng thoa trên vú. Cũng vậy, Đức Như-Lai vì dạy tu pháp không nên nói các pháp đều không có ngã.

Như cô gái kia rửa sạch vú rồi kêu con đến bú. Cũng vậy, đức Phật hôm nay nói Như-Lai tạng.

Vì thế nên các Tỳ-kheo chớ sanh lòng kinh sợ.

Như đứa trẻ kia nghe mẹ kêu lần lần đến bú. Cũng vậy, các Tỳ-kheo nên tự phân biệt Như-Lai tạng, chẳng được, chẳng có.

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật : “ Thế-Tôn ! Thiệt không có ngã. Vì lúc đứa trẻ mới sanh không hiểu biết. Nếu là có ngã thời ngày mới sanh lẽ ra liền có hiểu biết. Do nghĩ nầy nên định biết là không ngã.

Nếu quyết định có ngã, sau khi đã thọ sanh, lẽ ra không chết mất. Nếu tất cả chúng sanh đều có Phật tánh. là thường trụ, lẽ ra không hư hoại. Nếu là không hư hoại, sao lại có Sát-đế-lợi, Bà-la-môn, Tỳ-xá, Thủ-đà, Chiên-đà-la, Súc sanh v.v… sai biệt nhau. Hiện nay thấy các thứ nghiệp duyên chẳng đồng, các loài đều riêng khác. Nếu quyết định có ngã, thời tất cả chúng sanh lẽ ra không hơn kém.

Do những nghĩa trên đây nên định biết Phật tánh chẳng phải là pháp thường trụ.

Nếu cho rằng Phật tánh quyết định là thường trụ, thời do duyên gì lại nói có sát sanh, trộm cướp, tà dâm, lưỡng thiệt, ác khẩu. Vọng ngôn, ỷ ngữ, tham lam, sân khuể, tà kiến.

Nếu ngã tánh là thường trụ, cớ gì sau khi uống rươu lại say mê.

Nếu ngã tánh là thường trụ, thời kẻ mù lẽ ra thấy sắc, kẻ điếc lẽ ra nghe tiếng, kẻ câm lẽ ra nói được, người què lẽ ra có thể đi.

Nếu ngãø tánh là thường trụ, lẽ ra chẳng còn tránh hầm lửa, nước lụt, thuốc độc, dao gươm, kẻ ác, thú dữ.

Nếu ngã là thường trụ, thời những việc đã từng nghe thấy le õra chẳng quên. Nếu chẳng quên cớ gì lại nói : tôi đã từng thấy người nầy ở chỗ đó.

Nếu ngã là thường, thời lẽ ra chẳng nên có niên thiếu, tráng niên, lão thành v.v… Lẽ ra chẳng nên có thạnh, suy, mạnh, yếu cùng nhớ đến việc đã qua.

Nếu ngã là thường, thời nó ở chỗ nào ? Nó ở trong nước mũi, nước miếng, hay ở trong các màu sắc xanh, vàng, đỏ, trắng ư !

Nếu ngã là thường, lẽ ra nó phải khắp trong thân, như dầu mè không chỗ hở trống. Nếu như vậy lúc chặt đứt thân thể, thời ngã đó lẽ ra cũng bị đứt !”

Phật bảo Ca-Diếp Bồ-tát : “ Thiện-nam-tử ! Ví như nhà vua có đại lực sĩ. Trên trán lực sĩ gắn hột châu kim cương. Lực sĩ nầy cùng người đánh vật.

Hột châu kim cương bị đầu kẻ địch đụng lún khuất trong da, Nơi đó thành vết thương. Liền nhờ y sĩ cứu chữa. Y sĩ tài giỏi xem vết thương biết là do hột châu lún vào ở khuất dưới da. Y sĩ hỏi lực -sĩ : " Châu kim cương trên trán của ông đâu rồi ?"

Lực sĩ kinh hãi đáp : " Hột châu trên trán của tôi đã mất rồi ư ? Nó rơi rớt ở đâu ?" Nói xong lo rầu khóc lóc.

Y sĩ an ủi : " Nay ông chẳng nên buồn khổ. Vì lúc ông đánh vật, hột châu lún vào ở ẩn dưới da, bóng nó hiện ra nơi ngòai. Lúc các ông vật đánh nhau, ,lòng quá giận tức, nên hột châu lún vào trán mà chẳng hay biết".

Lực sĩ chẳng tin lời của y sĩ. Nghĩ rằng : Nếu hột châu ở dưới da, máu mũ chảy tuôn cớ sao hột châu chẳng trồi lên. Còn nếu hột châu ở trong gân, lẽ ra không thể thấy. Hoặc giả y sĩ gạt gẫm ta chăng ? Bấy giờ y sĩ cầm gương soi trên mặt lực sĩ. Hột châu kim cương hiện ánh sáng trong gương. Lực sĩ nhìn thấy, ngạc nhiên mừngrỡ.

Nầy Thiện-nam-tử ! Tất cả chúng sanh cũng như vậy. Vì không được gần gũi bực thiện-tri-thức, dầu có Phật tánh mà đều không nhận thấy. Bị tham, sân, si che đậy. Vì thế nên đọa địa ngục, súc sanh, ngạ quỹ, A-tu-la, Chiên-đà-la, Sát- đế-lợi, Bà-la-môn, Tỳ-xá, Thủ-đà. Sanh vào trong các dòng đó, nhơn tâm tưởng mà gây ra các thứ nghiệp duyên. Dầu được thân người, nhưng phải điếc, đui, câm, ngọng, què, thọt. Thọ các quả báo trong hai mươi lăm cõi. Vì tham, sân, si, che lấp bổn tâm, nên chẳng biết Phật tánh. Như lực sĩ kia hột châu vẫn ở trong thân mà hô đã mất.

Cũng vậy, chúng sanh chẳng biết gần gũi thiện-tri-thức, chẳng biết bảo tạng Như- Lai, nên tu học vô ngã. Như hạng chẳng phải bực Thánh, dầu nói là có ngã, nhưng lại chẳng biết chơn tánh của ngã.

Hàng đệ tử của ta cũng giống như vậy, vì chẳng biết gần gũi bực thiện-tri-thức, nên tu học vô ngã mà chẳng biết chỗ thật của vô ngã. Còn chẳng tự biết chơn tánh của vô ngã, huống lại có thể biết chơn tánh của ngã.

Nầy Thiện-nam-tử ! Đức Như-Lai nói các chúng sanh đều có Phật tánh, ví như y sĩ chỉ hột châu kim cương cho lực sĩ, các chúng sanh nầy bị vô lượng phiền não che đậy chẳng biết Phật tánh. Nếu dứt hết phiền não, bây giờ mới đặng chứng biết rõ ràng. Như lực sĩ thấy hạt châu tronggương sáng.

Tạng Như-Lai vô lượng chẳng thể nghĩ bàn như vậy.

Nầy Thiện-nam-tử ! Ví như núi Tuyết có một vị thuốc tên là “Dược vị”. Thuốc đó rất ngọt, ở dưới lùm bụi rậm, người không thấy được. Có người nghe mùi thuốc liền biết chỗ đó chắc có thuốc ấy. Thuở trước có vua Chuyển Luân ở nơi núi Tuyết nầy đặt những bộng cây để tiếp lấy thuốc. Lúc thuốc đó chín thời từ đất chảy ra chứa vào trong bọng cây, mùi vị thuốc ngọt ngon. Sau khi Vua đã băng, thời thuốc đó hoặc chua, hoặc mặn, hoặc ngọt, hoặc đắng, hoặc cay, hoặc lạt, tùy địa phương của thuốc sanh ra mùi vị đều khác nhau. Nhưng vị thật của thuốc đọng ở nơi núi như mặt trăng tròn. Người phàm ít phước dầu có đào xới chỉ luống khốn khổ mà không thể được. Lúc có Thánh-Vương ra đời, vì phước lớn của Vua, liền đặng vị thật của thuốc.

Nầy Thiện-nam-tử ! Mùi vị tạng Như-lai cũng như vậy, bị các rừng bụi phiền não che đậy, chúng sanh mê mờ chẳng thấy được.

“Dược vị” trên kia dụ cho Phật tánh. Bởi các phiền não nên sanh ra các thứ mùi vị sai khác như là địa ngục, súc sanh, ngạ quỹ, Trời, người, nam, nữ, Sát-lợi, Bà-la-môn, Tỳ-xá, Thủ-đà v.v…

Phật tánh hùng mãnh không thể hư hoại, vì thế nên không ai có thể sát hại được. Nếu sát hại được thời Phật tánh dứt, nhưng Phật tánh trọn không thể dứt, vì không bao giờ tánh có thể dứt được.

Như tánh của ngã tức là tạng Như-Lai không có gì phá hoại, đốt cháy được tánh ấy. Dầu không có thể phá hoại, nhưng chẳng thấy được. Nếu chứng đặng vô thượng chánh đẳng chánh giác mới thấy được tánh. Do cớ đó nên không ai có thể sát hại được.

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật rằng : “ Thế Tôn ! Nếu không ai sát hại được, thời lẽ ra không có nghiệp bất thiện ?”

Phật nói : :” Nầy Ca-Diếp ! Thiệt có sát sanh. Vì Phật tánh của chúng sanh ở trong thân ngũ ấm, nếu sát hại ngũ ấm, gọi là sát sanh, đã có sát sanh, thời đọa ác thú.

Do nhơn duyên của nghiệp mà có Sát-lợi, Bà-la-môn, Tỳ-xá, Thủ- đà,Chiên-đà- la, nam-nữ v.v… hai mươi lăm cõi sai khác lưu chuyển trong dòng sinh tử.

Người chẳng phải bực thánh vọng chấp tướng của ngã là lớn hay nhỏ, bằng hột cỏ, hoặc bằng hột gạo, hột đậu, nhẫn đến bằng ngón tay cái. Họ vọng

sanh các thứ tưởng tượng như vậy. Tướng của vọng tưởng không có chơn thật.

Tướng ngã xuất thế gian, gọi là Phật tánh. Nhận lấy ngã nầy, gọi là rất lành.

Nầy Thiện-nam-tử ! Ví như có người giỏi biết kho báu dưới đất, liền lấy cuốc bén đào đất, thẳng đến đá bàn, cát, sỏi, có thể đào qua không khó, chỉ đến lớp kim cương thời không thể xoi thấu.

Luận về chất kim cương, tất cả dao búa không thể làm hư bể. Phật tánh của chúng sanh cũng lại như vậy, tất cả nhà biện luận, Thiên-ma, Ba-tuần, cho đến các hàng Trời, người, không thể phá hoại.

Tướng ngũ ấm là hữu vi, tướng hữu vi dụ như đá, cát, sỏi, có thể đào, có thể xoi. Phật tánh dụ như kim cương, không thể phá hoại được.

Do nghĩa nầy, nên phá hoại thân ngũ ấm thời gọi đó là sát sanh.

Nầy Thiện-nam-tử ! Nên biết quyết định rằng Phật pháp chẳng thể nghĩ bàn như vậy.

Nầy Thiện nam-tử ! Kinh Đại-thừa Phương-đẳng như chất cam lồ, cũng có lúc như thuốc độc.

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật : " Do nhơn duyên gì mà Đức Như-Lai nói kinh Đại- thừa Phương-Đẳng như chất cam lồ, cũng có lúc như thuốc độc".

-Nầy Thiện-nam-tử ! Nay ông muốn biết nghĩa chơn thật của tạng Như-Lai chăng ?

Ca- Diếp Bồ-Tát bạch Phật : " Tôi nay thiệt muốn biết nghĩa của tạng Như-Lai".

Bấy giờ Đức Thế-Tôn nói kệ rằng :

Hoặc có người uống cam lồ.
Hại thân mạng mà chết sớm.
Hoặc có người uống cam lồ.
Thêm tuổi thọ sống được lâu,
Hoặc uống thuốc độc được sống,

Có người uống độc mà chết.
Trí vô ngại như cam lồ,
Đó chính là kinh Đại thừa.
Kinh điển Đại thừa như vậy,
Cũng gọi là chất thuốc độc.
Như bơ, đề-hồ v.v…
Nhẫn đến các thứ đường phèn.
Uống vào tiêu hóa là thuốc .
Chẳng tiêu hoá thời thành độc.
Kinh Đại- thừa cũng như vậy,
Nơi người trí là cam lồ,
Kẻ ngu chẳng biết Phật tánh.
Nghe Đại-thừa thành thuốc dộc.
Với bực Thanh-Văn, Duyên- Giác.
Pháp Đại thừa là cam lồ.
Cũng như trong các mùi vị.
Chất sữa là hơn tất cả.
Những người siêng năng tinh tấn.
Nhờ nương nơi pháp Đại-thừa.
Đặng đến nơi Đại-Niết-bàn.
Thành bực vua trong loài người.
Chúng sanh chứng biết Phật tánh.
Được chất cam lồ vô thượng.
Thời không sanh cũng không tử.
Như Ca- Diếp Bồ-Tát thảy.
Nầy Ca-Diếp ông nên phải.
Khéo phân biệt pháp tam-quy,
Thật tánh của pháp tam-quy.
Thời là chơn tánh của ngã.
Nếu có thể gẫm xét kỹ.
Tánh của ngã có tánh Phật.
Nên biết những người như vậy.
Đặng chứng nhập tạng Như-Lai.
Biết ngã cùng biết ngã sở.
Người nầy đã được xuất thế.
Tánh, Phật, Pháp, Tăng, Tam-Bảo.
Là bực đệ nhứt vô thượng.
Kệ trên đây của ta nói.
Phật tánh đó nghĩ như vậy.

Ca-Diếp Bồ-Tát nói kệ bạch Phật :

Tôi nay đều chẳng biết.
Quy y nơi Tam-Bảo.
Thế nào sẽ về đến.
Vô thượng vô- sở-úy ?
Chẳng biết chỗ Tam-Bảo.
Thế nào là vô ngã ?
Quy y Phật thế nào,
Mà đặng nơi an ổn ?
Quy y Pháp thế nào,
Xin Phật vì tôi nói.
Thế nào đặng tự tại ?
Thế nào chẳng tự tại ?
Quy y Tăng thế nào,
Lại đặng lợi vô thượng ?
Thế nào thuyết chơn thật,
Đời sau thành Phật đạo ?
Đời sau nếu chẳng thành,
Thế nào quy Tam-Bảo ?
Nay tôi không dự biết,
Nên tuần tự quy y.
Thế nào chưa thai nghén,
Mà tưởng sẽ sanh con?
Nếu biết ở trong thai,
Thời gọi là có con,
Con nếu ở trong thai,
Chắc sẽ sanh chẳng lâu,
Đây gọi là nghĩa con,
Nghiệp chúng sanh cũng vậy.
Như lời Phật đã nói,
Người ngu chẳng biết được.
Do vì họ chẳng biết,
Luân hồi ngục sanh tử,
Giả danh Ưu- bà- tắc,
Chẳng biết nghĩa chơn thật.
Xin Phật rộng phân biệt,
Dứt trừ lưới nghi cho.
Đức Phật trí huệ lớn,
Xin thương vì phân biệt,

Xin nói nơi Như-Lai,
Tạng báu rất bí mật.
Ca-Diếp ông nên biết,
Ta nay sẽ vì ông,
Khéo mở tạng bí mật,
Cho ông đặng dứt nghi,
Nay phải hết lòng nghe :
Ông trong hàng Bồ-Tát,
Thời đồng một danh hiệu,
Với Đức Phật thứ bảy.
Người quy y nơi Phật,
Thiệt là Ưu-Bà- Tắc,
Trọn chẳng lại quy y.
Những thiên thần nào khác.
Người quy y nơi Pháp,
Thời lìa sự sát hại.
Người quy y Thánh-Tăng,
Chẳng cầu các ngoại đạo,
Quy Tam- Bảo như vậy,
Thời đặng vô-sở-úy.

Ca-Diếp bạch Phật rằng :

Tôi cũng quy Tam-bảo,
Đây gọi là đường chánh,
Cảnh giới của chư Phật,
Tướng Tam-bảo bình đẳng.
Thường có tánh trí huệ,
Tánh ngã và tánh Phật,
Không hai không sai khác,
Đạo nầy Phật khen ngợi,
Thẳng đến chỗ ở an.
Cũng gọi chánh biến tri.
Nên được Phật tán thán.
Tôi cũng đến Phật đạo.
Của Đức Phật ngợi khen.
Là cam lồ tối thượng.
Các cõi chỗ không có.

Đức Phật bảo Ca-Diếp Bồ-Tát : “ Nầy Thiện-nam-tử ! Nay ông chẳng nên như hàng Thanh-văn, cùng hàng phàm phu phân biệt ngôi Tam-bảo. Nơi Đại- thừa đây không có tướng Tam-quy sai khác, vì trong Phật tánh bèn có Pháp và Tăng. Nhơn muốn hóa độ hàng Thanh-văn và phàm phu, nên phân biệt nói tướng Tam- quy sai khác.

Nầy Thiện nam-tử ! Nếu muốn tùy thuận pháp thế gian, thời nên phân biệt có ba pháp quy y.

Nầy Thiện-nam-tử ! Bồ-Tát nên suy nghĩ như thế nầy, nay thân của ta đây quy y nơi Phật, nếu chính nơi thân nầy đặng thành Phật đạo, đã thành Phật rồi, chẳng nên cung kính lễ bái cúng dường các đức Thế-Tôn. Vì chư Phật đều bình đẳng. Khắp vì chúng sanh mà làm chỗ quy y. Nếu muốn tôn trọng pháp thân xá lợi, thời nên lễ kính tháp miếu của chư Phật, vì muốn hóa độ chúng sanh, cũng làm cho chúng sanh đối với thân của ta tưởng là tháp miếu mà lễ bái cúng dường. Những chúng sanh đó, lấy pháp thân của ta làm chỗ quy y.

Tất cả chúng sanh đều nương theo pháp tà ngụy chẳng chơn thật, ta sẽ tuần tự vì chúng sanh nói pháp chơn thật.

Nếu lại có chúng sanh nương theo phái chẳng phải chơn Tăng, ta sẽ vì chúng sanh làm chỗ chơn Tăng để chúng quy y.

Nếu có người phân biệt ba pháp quy y ta sẽ vì họ mà làm chỗ quy y duy nhứt, không ba pháp sai khác.

Đối với hạng sanh-manh (49), ta vì họ làm nhãn-mục.

Ta lại sẽ vì hàng Thanh-Văn, Duyên-Giác mà làm chỗ chơn quy.

Nầy Thiện-nam-tử ! Như vậy, Bồ-tát vì vô lượng chúng sanh ác và những người trí mà làm Phật sự.

Nầy Thiện-nam-tử ! Ví như người lúc ra trận chiến đấu, tự nghĩ rằng trong đội ngũ đây, ta là người thứ nhứt, tất cả binh sĩ đều nương cậy nơi ta.

Cũng như vương-tử suy nghĩ thế nầy, ta sẽ điều-phục các vương-tử khác, nối

ngôi đại vương giữ gìn nghiệp bá chủ, để đặng tự tại, khiến các vươngtử đều phải quy y. Vì thế nên chẳng được sanh tâm hạ liệt. Như vương tử, vua và các quan cũng như vậy. Nầy Thiện-nam-tử ! Bồ-Tát cũng suy nghĩ như vầy : Thế nào ba sự cùng ta đồng một thể ?

Nầy Thiện-nam-tử ! Đức Phật nói ba sự tức là Niết-bàn. Như-Lai đó gọi là Vô- Thương-Sĩ. Ví như thân người, đầu là trên tất cả, chẳng đồng với tay chơn lóng đốt. Phật cũng như vậy, là bực tôn thượng, chẳng phải Pháp cùng Tăng. Vì muốn hóa độ các thế gian, nên thị hiện những tướng sai khác, ví như bực thang kia.

Vì thế, nay ông chẳng nên như hàng phàm phu, nhận biết tướng ba pháp quy y sai khác. Đối với Đại-thừa, ông phải như dao bén mạnh mẽ quyết đoán.

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật : “ Thế-Tôn ! Tôi vẫn biết, nhưng cố ý hỏi, chẳng phải là không biết, tôi vì các vị Bồ-Tát đại dõng mãnh, mà bạch hỏi chỗ thật hành thanh tịnh không nhơ, muốn đức Như-Lai vì các Bồ-Tát tuyên nói những việc kỳ-đặc, tuyên dương kinh điển Đại-thừa Phương-đẳng. Đức Đại-Bi Thế-Tôn hôm nay đã khéo giải thuyết. Tôi cũng đã an trụ trong pháp đó. Chỗ thật hành thanh tịnh của Bồ-Tát mà Phật đã nói đó, tức là tuyên thuyết kinh Đại Niết- Bàn.

Thế-Tôn ! Nay tôi cũng sẽ rộng vì chúng sanh diễn dương tạng Như-Lai bí mật như vậy, cũng sẽ chứng biết chỗ tam-quy chơn thật.

Nếu có chúng sanh nào có thể tin kinh Đại-Niết-Bàn nầy, người đó thời có thể tự nhiên rõ thấu chỗ ba pháp quy y. Vì tạng Như-Lai có Phật tánh vậy.

Có người tuyên nói kinh điển nầy, thời đều nói rằng trong thân vẫn có Phật tánh. Người nầy bèn chẳng cầu ba pháp quy y nơi đâu xa. Vì đời vị lai đây, thân ta bèn sẽ thành tựu ngôi Tam-Bảo. Vì thế nên hàng Thanh-Văn, Duyên-giác vànhững chúng sanh khác đều nương nơi ta mà cung kính lễ bái. Do nghĩa đó nên phải khéo học kinh điển Đai thừa.

Phật tánh như vậy chẳng thể nghĩ bàn, ba mươi hai tướng, tám mươi thứ tốt cũng chẳng thể nghĩ bàn".

Phật bảo Ca-Diếp Bồ-Tát : " Lành thay ! Lành thay ! Nầy Thiện-nam-tử ! Ông đã thành tựu trí huệ rất sâu.

Nay ta sẽ lại vì ông nói pháp chứng nhập Tạng Như-Lai.

Nếu ngã là có, thời là pháp thường chẳng rời nơi khổ. Nếu không có ngã, thời tu hạnh thanh tịnh không được lợi ích.

Nếu cho rằng các pháp đều không có ngã, đó là đoạn kiến, nếu cho rằng có ngã thời là thường kiến.

Nếu cho rằng tất cả hành pháp là vô thường, thời là đoạn kiến, cho rằng các hành pháp là thường, thời lại là thường kiến.

Nếu nói là khổ, thời là đoạn kiến, nếu nói là lạc, thời lại là thường kiến.

Tu tất cả pháp thường đó, thời sa nơi đoạn kiến, tu tất cả pháp đoạn đó, thời sa nơi thường kiến. Như bước đi, cần phải do chưn trước, mới dời đặng chưn sau. Người tu pháp thường, pháp đoạn, cũng lại như vậy, cần phải do nơi đoạn và thường.

Do nghĩ nầy, nên người tu các pháp khổ đều gọi là chẳng lành, người tu các pháp lạc, thời gọi là lành. Người tu các pháp vô ngã, thời thuộc về phiền não, người tu các pháp thường, thời gọi là tạng Như-Lai.

Niết-bàn, không có nơi chốn. Tu những pháp vô thường, thời là tài vật, tu những pháp thường, gọi là Phật, Pháp, Tăng, và chánh giải thoát.

Nên biết Phật pháp trung đạo như vậy, xa lìa hai bên mà nói pháp chơn thật.

Người phàm phu ngu mê đối trong pháp đó không nghi, như người gầy yếu, được uống thuốc bổ, thời khí lực khỏe khoắn.

Những pháp hữu, vô, thể tánh chẳng nhứt định. Ví như tứ –đại tánh nó chẳng đồng, đều trái phản nhau. Lương y khéo biết tùy món đại nào phát bịnh mà điều chỉnh đó.

Nầy Thiện-nam-tử ! Cũng vậy, đức Như-lai đối với các chúng sanh, cũng như vị lương y, rõ biết thể tướng sai khác của các phiền não mà dứt trừ, khai-thị tạng Như-Lai bí mật, Phật tánh thanh tịnh thường trụ chẳng biến đổi. Nếu cho rằng có, thời lẽ ra trí chẳng nhiễm. Nếu nói là không, bèn thành vọng ngữ. Nếu nói là có, lẽ ra chẳng nên nín lặng. Lại cũng chẳng nên hý luận cãi cọ, chỉ nên cầu được rõ biết chơn tánh của các pháp.

Người phàm phu hý luận cãi cọ vì chẳng hiểu tạng Như-Lai. Nếu nói pháp khổ, người ngu bèn cho thân là vô thường, chẳng có thể biết nơi thân có tánh lạc.

Nếu nói vô thường, người phàm phu chấp tất cả thân đều là vô thường, như ngói chưa hầm chín.

Nếu là người trí nên phải quan sát, chẳng nên nói tất cả đều vô thường, vì nơi thân của ta có chủng tử Phật tánh.

Nếu nói vô ngã, người phàm phu sẽ cho là tất cả Phật, Pháp đều không có ngã. Người trí nên phải quan sát vô ngã là giả danh chẳng thật, rõ biết n hư vậy chẳng nên sanh nghi.

Nếu nói tạng Như-Lai là không tịch, người phàm phu nghe như thế sanh kiến chấp đoạn diệt. Người trí nên phải quan sát Như-Lai là thường, không có biến đổi.

Nếu nói giải thoát dụ như huyễn hoá, người phàm phu sẽ cho rằng chứng

đặng giải thoát tức là dứt mất. Người trí nên phải quan sát đức Như-Lai giải thoát, dầu có đến đi, nhưng vẫn thường trụ không biến đổi.

Nếu nói vô minh làm nhơn duyên mà có các hành pháp, người phàm phu liền phân biệt tưởng rằng có hai pháp : “minh” đến “vô minh”. Người trí rõ biết tánh đó vốn không có hai. Tánh không hai đó tức là thật tánh.

Nếu nói các hành làm nhơn duyên có ra thức, người phàm phu cho rằng có hai : “hành” cùng “thức”.

Người trí rõ biết tánh đó không hai. Tánh không hai đó tức là thật tánh.

Nếu nói thập thiện, thập ác có thể tạo tác, không thể tạo tác, đường lành, đường dữ, pháp lành, pháp dữ, người phàm phu nghe đó cho là có hai, người trí rõ biết tánh đó không hai. Tánh không hai đó tức là thật tánh.

Nếu nói nên tu tất cả pháp khổ, phàm phu cho rằng có hai, người trí rõ biết tánh kia không hai, tánh không hai đó tức là thật tánh.

Nếu nói tất cả hành pháp là vô thường thời tạng Như-Lai cũng là vô thường, phàm phu cho rằng có hai, người trí rõ biết tánh đó không hai, tánh không hai đó tức là thật tánh.

Nếu nói tất cả pháp vô ngã, tạng Như-Lai cũng không có ngã, phàm phu cho rằng có hai, người trí rõ biết tánh đó không hai, tánh không hai đó tức là thật tánh.

Ngã với vô ngã nơi tánh không có hai thứ.

Tạng Như-Lai, nghĩa tánh vô lượng vô biên như vậy, là chỗ mà chư Phật đều tán thán, hôm nay ta ở nơi trong kinh thành-tựu tất cả công đức này đều đã nói rồi.

Nầy Thiện-nam-tử ! Ngã cùng vô ngã tánh và tướng không có hai thứ, ông phải trân trọng thọ trì như vậy, ông cũng phải ghi nhớ giữ gìn kinh điển nầy. Như ta ngày trước trong kinh Đại-Bát-Nhã cũng nói ngã và vô ngã không có hai thứ.

Nầy Thiện-nam-tử ! Như do sữa thành lạc, do lạc thành sanh-tô, do sanh-tô thành thục-tô, do thục-tô đặng chất đề-hồ. Chất lạc đó là từ sữa sanh ra, hay là nó tự sanh, hoặc do cái khác sanh ư, nhẫn đến đề-hồ cũng lại như vậy. Nếu từ cái khác sanh, thời là lẽ ra chẳng phải do sữa mà thành. Nếu chẳng phải từ nơi sữa sanh, thời sữa thành vô dụng đối với lạc, bởi sữa vốn không có lạc. Nếu lạc, tự nó sanh lấy nó, lẽ ra chẳng từ sữa lần lần biến thành lạc. Nếu lần lần biến thành, thời là chẳng sanh chung. Nếu chẳng sanh chung thời cả năm thứ không đồng một thời. Dầu chẳng đồng một thời nhưng quyết định chẳng phải từ nơi chỗ khác mà có

Phải biết trong chất sữa đã có tướng của chất lạc. Vì nhiều vị ngọt nên chẳng thể tự biến, Nhẫn đến chất đề-hồ cũng lại như vậy.

Do con bò cái ăn cỏ, uống nước, huyết mạch chuyển biến mà đặng có sữa. Nếu nó ăn cỏ ngọt thời sữa nó nhiều vị ngọt. Nếu nó ăn cỏ đắng, thời sữa nó có lẫn vị đắng. Núi Tuyết có thứ cỏ tên là Phì-Nhị. Bò cái ăn cỏ Phì-Nhị, thời đặng thuần chất đề-hồ, không có những màu xanh, vàng, đỏ, trắng, đen.

Do cỏ lúa làm nhơn duyên mà sữa bò có màu vị khác nhau. Cũng vậy, các chúng sanh do minh cùng vô minh, vì nghiệp làm nhơn duyên mà sanh có hai tướng. Nếu vô minh chuyển thời biến làm minh. Tất cả những pháp thiện, bất thiện, v.v…, cũng lại như vậy, không có hai thứ.”

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật : “ Thế-Tôn ! Như lời Phật nói, trong sữa có tướng lạc,

nghĩa đó như thế nào ? Thế-Tôn ! Nếu nói rằng trong sữa quyết định có tướng lạc, do vì vi tế chẳng thấy được, thế sao lại nói từ nơi sữa mà thành lạc. Phàm trước vốn không mà nay có thời gọi đó là sanh. Như lạc đã vốn có, sao lại nói là sanh. Nếu nói trong sữa quyết định có tướng lạc, thời trong cỏ lúa lẽ ra cũng có sữa, và trong sữa lẽ ra cũng có cỏ lúa.

Nếu nói trong sữa quyết định không có lạc, thế sao nhơn sữa mà đặng thành lạc. Nếu trước vốn không, sau mới sanh ra có, thời cớ gì trong sữa chẳng sanh ra cỏ lúa ?

_ Thiện-nam-tử ! Chẳng nên nói quyết định trong sữa có lạc hay trong sữa không lạc, cũng chẳng nên nói từ nơi khác mà sanh.

Nếu nói trong sữa quyết định có lạc, thời chất và vị của hai thứ sao lại khác nhau. Vì thế nên chẳng nên nói trong sữa quyết định có chất lạc.

Nếu nói trong sữa quyết định không có lạc, cớ sao trong sữa chẳng sanh vật khác. Đem chất độc pha vào trong sữa, lúc sữa đó thành lạc, thời chất lạc đó giết chết người, vì thế nên chẳng nên nói rằng trong sữa quyết định không có chất lạc.

Nếu nói chất lạc từ nơi khác mà sanh, thời cớ gì trong nước lã chẳng sanh chất lạc, mà phải từ nơi sữa, vì thế nên chẳng nên nói chất lạc từ nơi khác mà sanh.

Nầy Thiện-nam-tử ! Bò cái kia ăn cỏ tiêu hoá biến thành bạch huyết, do phước lực của chúng sanh, cỏ huyết biến thành sữa. Sữa nầy dầu từ nơi cỏ huyết mà ra, nhưng chẳng đặng nói là hai thứ, chỉ đặng gọi là từ nhơn duyên mà sanh. Chất lạc, nhẫn đến đề-hồ cũng lại như vậy. Do nhơn duyên nên sau khi sữa mất biến thành chất lạc, ủ đông, hâm nóng, đó là nhơn duyên. Nhẫn đến đề-hồ cũng lại như vậy. Vì thế nên chẳng đặng nói quyết định rằng trong sữa không có tướng lạc.

Nếu nói từ nơi khác mà sanh, thời ngoài sữa không do đâu để có chất lạc.

Nầy Thiện-nam-tử ! "Minh" cùng "vô minh" cũng lại như vậy. Nếu chung với phiền não thời gọi là vô minh, nếu chung với tất cã pháp lành thời gọi là minh. Do đó nên ta nói không có hai tướng. Vì thế nên trước kia ta nói bò cái ăn cỏ Phì- Nhị ở núi Tuyết, thời sanh thuần chất đề-hồ. Phật tánh cũng vậy.

Nầy Thiện-nam-tử ! Do vì phiền não che đậy nên chúng sanh chẳng thấy Phật tánh, như người phước bạc chẳng thấy được cỏ Phì-Nhị.

Như trong biển lớn, dầu đồng một vị mặn, nhưng trong đó cũng có nước ngọt ngon, vị đồng như sữa. Như nơi núi Tuyết, dầu sanh nhiều cỏ thuốc, nhưng cũng có cỏ độc.

Thân của các chúng sanh cũng lại như vậy, dầu có giống rắn độc tứ đại, nhưng trong đó cũng có diệu dược, tức là Phật tánh. Phật tánh chẳng phải là pháp tạo tác làm ra, chỉ vì phiền não khách trần che khuất, nếu chúng sanh nào dứt trừ được phiền não, thời liền thấy được Phật tánh thành đạo vô thượng.

Ví như giữa hư không, giăng mây nổi sấm, trên ngà của tất cả voi đều sanh bông. Nếu không có sấm nổ, thời bông không sanh.

Phật tánh của chúng sanh cũng lại như vậy, thường bị tất cả phiền não che khuất nên chẳng thấy được. Vì thế nên ta nói chúng sanh không có ngã.

Nếu được nghe kinh điển Đại-Niết-Bàn vi diệu nầy, thời được thấy Phật tánh như bông hiện trên ngà voi.

Dầu nghe tất cả tam muội trong khế kinh, mà chẳng nghe kinh Đại-Niết-Bàn nầy, thời chẳng biết được tướng Như-Lai vi diệu. Như lúc không có tiếng sấm, thời chẳng thấy được bông trên ngà voi.

Nếu được nghe kinh nầy rồi, liền biết tạng Phật tánh của tất cả Như-lai nói. Như trời sấm thấy bông trên ngà voi. Được nghe kinh nầy liền biết tất cả chúng sanh đều có Phật tánh.

Do nghĩa trên đây, nên nói Đại-Niết-Bàn là tạng Như-Lai thêm lớn pháp thân, như lúc trời sấm, bông trên ngà voi nhờ đó mà được sanh thêm.

Nếu có thiện-nam, tín-nữ, có thể tập học kinh điển vi diệu Đại-Niết-Bàn nầy, nên biết những người đây có thể báo được ân Phật, thật là đệ tử của Phật.

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật rằng : " Thế-Tôn ! Phật tánh như đã nói rất sâu, khó thấy, khó vào, hàng Thanh-Văn, Duyên-Giác không thể đến được."

Phật nói : " Nầy Thiện nam-tử ! Đúng như lời ông vừa khen, chẳng trái lời nói của ta".

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật : " Thế-Tôn ! Phật tánh ấy rất sâu, khó thấy, khó vào như thế nào ?"

Phật nói : " Nầy Thiện-nam-tử ! Như trăm người mù đến lương y để trị bịnh mắt. Lúc đó lương y dùng kim vàng lột màng mắt của họ, lột xong, giơ một ngón tay hỏi rằng : Thấy không ? Người mù đáp rằng : Tôi vẫn chưa thấy. Lương y lại giơ hai ngón, ba ngón ; người mù mới nói rằng thấy mờ mờ.

Nầy Thiện-nam-tử ! Kinh điển Đại-Niết-Bàn vi diệu nầy, lúc đức Như-Lai chưa nói cũng lại như vậy. Vô lượng Bồ-tát dầu đầy đủ thật hành các ba-la-mật, nhẫn đến bậc thập-trụ vẫn còn chưa thấy được Phật tánh. Lúc Như-Lai đã nói, mới thấy được chút ít. Lúc Bồ-Tát nầy đã được thấy, đều nói rằng : " Thế-Tôn ! Lạ lùng thay, chúng tôi lưu chuyển thọ vô lượng sanh tử, thường bị vô ngã làm mê lầm.

Nầy Thiện-nam-tử ! Bồ-tát nầy lên bực thập-địa còn chưa thấy được Phật tánh rỏ ràng, huống là hàng Thanh-Văn, Duyên-Giác mà có thể thấy đặng.

Nầy Thiện-nam-tử ! Ví như có người ngước mặt nhìn đàn chim nhạn trên hư không, nhìn kỹ phưởng phất thấy dạng bầy nhạn. Bực thập trụ Bồ-tát đối nơi Phật tánh, thấy biết được chút ít cũng lại như vậy, huống là hàng Thanh-Văn, Duyên-Giác mà thấy biết được !

Nầy Thiện-nam-tử ! Ví như người say, đi trên đường xa, ngó thấy mập mờ. Bực thập trụ Bồ-tát đối với Phật tánh thấy biết được ít phần cũng như vậy.

Nầy Thiện-nam-tử ! Như người khát nước, đi trong đồng trống, khắp nơi tìm nước, thấy có lùm cây, trong lùm có chim bạch hạc, người đó bị cơn khát bức ngặt, mê muội chẳng phân biệt được là cây hay là nước. Đến lúc nhìn kỹ mới biết là chim bạch hạc cùng với lùm cây. Bực thập trụ Bồ-Tát, đối với Phật tánh, thấy biết phần ít cũng như vậy.

Nầy Thiện-nam-tử ! Ví như có người ở trong biển lớn, nhẫn đến trăm ngàn do tuần, trông thấy chiếc thuyền lớn ở ngoài khơi xa, liền nghĩ rằng : Đó là chiếc thuyền hay là khoảng không. Nhìn lâu, trong tâm quyết định biết là thuyền lớn. Bực thập trụ Bồ-Tát, ở trong tự thân, thấy Phật tánh cũng như vậy.

Nầy Thiện-nam-tử ! Ví như vị Vương-tử, thân rất yếu đuối, dạo chơi suốt đêm,đến sáng ngày sau, mắt mờ thấy không được rõ. Bực Thập-trụ Bồ- Tát dầu ở nơi thân mình thấy được Phật tánh nhưng chưa được rõ ràng cũng như vậy.

Nầy Thiện-nam-tử ! Ví như quan lại, vì công sự suốt đêm trở về nhà chớp nhoáng thấy bầy trâu, liền nghĩ rằng : Đó là trâu ư, hay là dãy nhà, nhìn lâu, dầu nhận là trâu mà còn chưa định chắc. Bực Thập-trụ Bồ-Tát, dầu ở nơi thân mình thấy Phật tánh, chưa có thể định chắc cũng như vậy.

Nầy Thiện-nam-tử ! Như Tỳ-kheo trì giới, nhìn trong bát nước không có trùng, mà thấy tướng trùng, liền nghĩ rằng : Trong nước đây là trùng hay bụi đất, nhìn lâu, dầu biết là bụi nhưng chẳng rõ ràng. Bực Thập-trụ Bồ-tát, ở trong thân mình thấy Phật tánh chẳng được rõ ràng lắm cũngnhư vậy.

Nầy Thiện-nam-tử ! Ví như có người, xa thấy đứa trẻ đứng trong bóng tối, liền nghĩ rằng : Đó là con vật, là chim, hay là người ? Nhìn lâu, dầu nhận

thấy là đứa trẻ, nhưng vẫn chẳng rõ ràng. Bực Thập-trụ Bồ-tát ở nơi thân mình thấy Phật tánh chẳng rõ ràng lắm cũng như vậy.

Nầy Thiện-nam-tử ! Ví như có người ở trong đêm tối, thấy bức họa tượng Bồ- Tát liền nghĩ rằng : Đây là tượng Bồ-Tát hay làtượng Thiên-thần , nhìn lâu dầu nhận là tượng Bồ-Tát, nhưng chẳng rõ ràng. Bực Thập-trụ Bồ-Tát ở nơi thân mình thấy Phật tánh chẳng rõ ràng lắm cũng như vậy.

Nầy Thiện-nam-tử ! Phật tánh ấy rất sâu như vậy, khó biết khó thấy, chỉ Phật biết rõ, chẳng phải hàng Thanh-Văn, Duyên-Giác đến được. Người trí phải quan sát như vậy để rõ biết Phật tánh.

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật : :" Phật tánh vi-tế khó thấy như vậy, thế sao nhục nhãn mà có thể thấy được."

Phật bảo Ca-Diếp Bồ-Tát : " Nầy Thiện-nam-tử ! Như trời Phi-tưởng Phi-Phi- tưởng kia, cũng chẳng phải hàng nhị thừa biết được, chỉ tin theo khế-kinh mà biết.

Nầy Thiện-nam-tử ! Hàng Thanh-Văn Duyên Giác tin thuận theo kinh Đại-Niết- Bàn nầy tự biết thân mình có Phật tánh.

Nầy Thiện-nam-tử ! Vì thế nên phải tinh tấn tu tập kinh Đại-Niết-Bàn. Phật tánh đó chỉ Phật biết rõ, chẳng phải hàng Thanh-Văn Duyên-Giác đến được."

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật : " Thế-Tôn ! Hàng chúng sanh phàm phu chẳng phải Thánh đều nói có ngã".

Phật nói : " Ví như hai người làm bạn thân nhau : Một người là vương tử, một người là dân hèn, hai người đó thường qua lại nhau, lúc đó người nghèo thấy vương tử có một con dao tốt, trong lòng thích muốn, thời gian sau, vương tử mang dao trốn qua nước khác. Một hôm, người dân hèn ngủ nhờ nhà người khác, giữa giấc ngũ mơ nói con dao ! con dao ! Người nhà nghe được bắt nộp cho vua. Vua gạn hỏi : Nhà ngươi nói con dao, nay ở đâu ? Người dân bèn thuật rõ việc trước. Nay nhà vua dầu giết thần, banh xẻ tay chân cũng không thể tìm được dao. Thần cùng vương tử vốn là bạn thân, trước kia, dầu mắt được thấy con dao, nhưng còn không dám chạm đến, huống lại cố ý lấy.

Vua lại hỏi : " Lúc nhà ngươi thấy dao, hình dạng giống thứ gì ".

Người dân bèn thưa : “ Tâu Đại-Vương, thần thấy con dao ấy giống như sừng dê đen”.

Vua nghe xong, vui mừng cả cười, bảo rằng : “ Nhà ngươi chớ sợ, ta tha cho ngươi, trong kho tàng của ta, đều không có thứ dao ấy, huống là ngươi thấy con dao nơi vương tử”.

Lúc đó nhà vua lại hỏi các quan : “ Các khanh từng thấy con dao đó chăng ?” Nói xong vua liền băng. Triều thần liền lập vương tử khác lên làm vua.

Tân Vương lại hỏi các quan : “ Các khanh từng thấy con dao đó chăng ? Hình dáng nó như thế nào ?”

Các quan đồng tâu : “ Chúng thần từng thấy hình nó như sừng dê đen”.

Vua nói : “ Trong kho tàng của ta, chỗ nào mà có thứ dao hình dạng như vậy ?”

Lần lượt bốn vị tân Vương tra tìm con dao ấy đều chẳng đặng.

Sau đó, vị Vương tử đào vong ngày trước, trở về nước, được tôn làm vua. Khi lên ngôi xong, tân Vương nầy lại hỏi các quan : “ Các khanh có thấy con dao đó chăng ? Hình dạng nó thế nào ?”

Các quan tâu : “ Chúng tôi đều thấy”. Rồi đua nhau trình bày hình dáng của con dao. Người thì nói sắc dao thanh tịnh như hoa sen xanh. Người lại nói hình như sừng dê. Người thì nói dao màu hồng đỏ như lửa. Người lại nói dao đen tuyền như rắn đen.

Nhà vua cả cười bảo : “ Các khanh đều chẳng thấy biết hình dáng thật của con dao của ta”.

Nầy Thiện-nam-tử ! Bồ-Tát xuất hiện nơi đời nói tướng chơn thiệt của ngã cũng như vậy. Nói xong bỏ đi. Như Vương-tử mang con dao tốt trốn qua nước khác.

Người phàm phu ngu mê cho rằng tất cả đều có ngã, có ngã. Như người dân hèn ngũ nhờ nhà người khác, mơ nói con dao ! con dao !

Hàng Thanh-Văn, Duyên-Giác hỏi các chúng sanh, tướng của ngã như thế nào ? Đáp rằng : “ Tôi thấy tướng của ngã lớn bằng ngón tay cái. Có kẻ nói,

như hột gạo. Có kẻ nói như hột cỏ. Cũng có kẽ nói tướng của ngã ở trong tâm, sáng rỡ như mặt trời".

Những chúng sanh đó đều chẳng biết tướng của ngã. Như các quan chẳng biết hình dáng của con dao.

Bồ-Tát nói tướng trạng của ngã, hàng phàm phu chẳng rõ biết, vọng tưởng ra các hình tướng của ngã, như những người nói hình dáng của con dao, giống như sừng dê đen v.v…

Các hạng phàm phu đó, tuần tự nối nhau mà sanh những tà kiến.

Vì dứt những tà kiến đó, nên đức Như-Lai hiện ra đời, nói pháp vô-ngã. Vương- tử bảo các quan : Trong kho tàng của ta không có thứ dao như vậy.

Nầy Thiện-nam-tử ! Hôm nay đức Như-Lai nói ngã chơn thật gọi là Phật tánh. Phật tánh như vậy ở trong phật pháp của ta, như con dao tốt kia.

Thiện-Nam-tử ! Nếu có kẻ phàm phu, có thể nói đúng, đó chính là do vì tùy thuận Phật pháp vô thượng. Nếu có người khéo phân biệt tùy thuận tuyên nói như đây, nên biết người đó chính là Bồ-tát.

THÍCH NGHĨA

(47) – PHƯƠNG- ĐẲNG : Rộng lớn cùng khắp.

(48) – THANH-VĂN : Nghe thanh âm ; hàng Tiểu-thừa nghe thanh âm thuyết pháp của Phật rồi y theo đó tu tập mà đoạn hoặc nghiệp, chứng chơn quả. Không phải như Đại-Thừa Bồ-Tát tự ngộ bổn tâm, tự chứng bổn tánh.

(49) – SANH – MANH : Kẻ mù từ khi sanh ra. Nơi đây chỉ cho hạng phàm phu không trí huệ chơn chánh.

XIII

PHẨM VĂN TỰ THỨ MƯỜI BA

(Hán bộ phần giữa quyển thứ tám)

Phật bảo Ca-Diếp Bồ-Tát : “ Bao nhiêu những dị-luận, chú thuật, ngôn ngữ, văn tự, đều là của Phật nói, chẳng phải của ngoại đạo nói”.

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật : “Thế-Tôn ! Đức Như-Lai nói văn tự căn bổn ra thế nào ?”

Phật nói : Nầy Thiện-nam-tử ! Ban đầu nói bán tự để làm căn bổn, để ghi nhận những thật pháp, như kýluận, chú-thuật, văn chương, các ấm. Hạng phàm phu học bán tự căn bổn nầy mới biết được những pháp đó là chẳng phải pháp”.

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật : “ Thế-Tôn ! Bán tự của Phật nói nghĩa như thế nào ? “

Nầy Thiện-nam-tử ! Có mười bốn âm gọi là nghĩa của bán tự.

Tự ở đây nói gọi là Niết-bàn. Vì là thường, nên chẳng lưu chuyển. Nếu chẳng lưu chuyển, thời là vô tận. Vô tận chính là thân kim cang của Như-Lai.

Mười bốn âm là căn bổn của tự.

“A” (giọng ngắn), là chẳng phá hoại, chẳng phá hoại gọi là Tam-bảo, dụ như chất kim-cang. Lại A là chẳng lưu-dật, chẳng lưu-dật tức là Như-Lai. Vì cửu-khiếu của Như-Lai không có chảy ra, nên là chẳng lưu-dật. Lại không có cửu- khiếu, nên chẳng lưu-dật. Chẳng lưu-dật, thời là thường, thường chính là Như-Lai. Vì thế Như-Lai không tạo-tác, nên chẳng lưu-dật. Lại A gọi là công đức, công đức tức là Tam-bảo, nên gọi là A.

A (giọng dài), gọi là A-Xà-Lê, A-Xà-Lê nghĩa là gì ? Chính là người được trong đời gọi là bực Thánh. Thánh là không chấp trước, thiểu-dục, tri-túc, thanh tịnh, có thể cứu độ chúng sanh thoát khỏi biển lớn sanh tử trong ba cõi.

Lại A là chế độ, Tu-trì giới thanh tịnh, tùy thuận oai nghi. Lại A là nương nơi thánh nhơn để học oai nghi, đứng, đi, hành động, cúng dường, cung kính, lễ bái Tam bảo, thảo nuôi cha mẹ. Và hàng thiện nam, cùng thiện nữ học tập Đại- thừa, thọ trì đủ cấm giới, và các vị đại Bồ-Tát, đây gọi là Thánh-nhơn.

Lại A là giáo hối. Như nói các ngươi phải làm như thế nầy, chẳng nên làm như thế nầy. Nếu có thể ngăn dứt những điều chẳng phải oai nghi, thời gọi là Thánh- nhơn. Vì thế nên gọi là A.

"Y" (giọng ngắn), Là Phật pháp. Hạnh thanh tịnh rộng lớn, trong sạch không nhơ như mặt trăng tròn, các ngươi nên làm như vậy, chẳng được làm như vậy, nghĩa nầy phải, nghĩa nầy chẳng phải, đây là lời Phật nói, đây là lời ma nói. Vì thế nên gọi là Y.

Y (giọng dài), là Phật pháp vi diệu rất sâu khó đặng. Như Đại-Tự-Tại-Thiên, Đại-Phạm-Thiên-Vương gọi rằng tự tại. Nếu có thể thọ trì Phật pháp, thời gọi là hộ pháp.

Lại tự-tại chỉ cho bốn bực hộ-thế, bốn bực tự-tại nầy thời có thể nhiếp hộ kinh Đại-Niết-Bàn cũng có thể tự tại tuyên dương giảng thuyết.

Lại Y là có thể vì chúng sanh thuyết pháp tự tại.

Lại Y là vì được tự tại nên thuyết pháp tức là tu tập kinh điển Đại-thừa Phương- Đẳng.

Lại Y là dứt tật-đố, như dọn sạch cỏ rác, đều có thể làm cho trở thành tốt lành. Vì thế nên gọi là Y.

Ưu (giọng ngắn), là tối thượng, tối thắng, tăng trưởng thượng thượng trong các kinh tức là Đại-Niết-Bàn.

Lại Ưu là Như-Lai tánh, hàng Thanh-văn, Duyên-Giác chưa từng nghe biết. Như Bắc-Câu-Lô châu hơn hết các châu. Bồ-Tát nếu nghe thọ được kinh nầy, thời là tối thắng, tối thượng đối với tất cả đại chúng. Vì thế nên gọi là Ưu.

Ưu ưu (giọng dài), ví như sữa bò hơn hết trong các thức ăn. Như-Lai tánh cũng vậy, là tối tôn tối thượng ở trong các kinh. Nếu có kẻ chê bai hủy báng Như-Lai tánh phải biết người nầy không khác với bò.

Lại Ưu ưu là nói người trên đây là kẻ không có trí huệ chánh niệm, chê bai tạng Như-Lai tạng Như-Lai bí mật. Người nầy rất đáng thương xót ngoài tạng Như- Lai bí mật mà nói không ngã, không pháp. Vì thế nên gọi là Ưu ưu.

Yên là Phật tánh Niết-Bàn.

Dã là nghĩa Như-Lai. Lại Dã là Như-Lai đứng, đi, cử động không gì chẳng lợi ích tất cả chúng sanh, vì thế nên gọi là Dã.

Ô là nghĩa phiền não. Phiền não gọi là những hữu lậu. Đức Như-Lai dứt hẳn tất cả phiền não, vì thế nên gọi là Ô.

Pháo, là nghĩa Đại-thừa, nghĩa rốt ráo trong mười bốn âm. Kinh điển Đại-thừa cũng vậy, là rốt ráo trong các kinh luận. Vì thế nên gọi là Pháo.

AM, có thể ngăn tất cả những vật bất tịnh, nơi trong Phật pháp có thể bỏ tất cả vàng bạc, châu báu, vì thế nên gọi là AM.

Ă, là nghĩa thắng thừa. Kinh điển Đại-thừa Đại-Niết-Bàn đây hơn hết trong các kinh vì thế nên gọi là .

CA, đối với các chúng sanh khởi lòng từ bi tưởng như con ruột như La-Hầu-La làm những việc nghĩa, lành tốt đẹp, vì thế nên gọi là CA.

Khư, gọi là bạn chẳng lành. Bạn chẳng lành gọi là dơ dáy, chẳng tin tạng Như-Lai bí mật. Vì thế nên gọi là Khư.

Dà, gọi là tạng. Tức là tạng Như-Lai bí mật. Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh vì thế nên gọi là Dà.

Rằng, là âm-vận thường hằng của Như-Lai tức là Như-Lai thường trụ chẳng biến đổi. Vì thế nên gọi là Rằng.

Nga, là tướng phá hoại của tất cả các hành pháp.

GÍA, nghĩa kà tu. Điều-phục tất cả chúng sanh gọi đó là tu. Vì thế nên gọi là GÍA.

XA, Như-Lai che chở tất cả chúng sanh dụ như cây lọng lớn. Vì thế nên gọi là XA.

XÀ, là chánh giải thoát không có tướng già, vì thế nên gọi là XÀ.

THÀ, là Phiền não rậm rợp như lùm rừng vì thế nên gọi là THÀ.

NHÃ, là nghĩa trí huệ, biết pháp tánh chơn thật. Vì thế nên gọi là NHÃ.

TRA, là ở nơi cõi Diêm-Phù-Đề thị hiện bán thân mà thuyết pháp, ví như bán nguyệt, vì thế nên gọi là TRA.

TRẠCH, là pháp thân đầy đủ ví như mãn nguyệt, vì thế nên gọi là TRẠCH.

TRÀ, ,là ngu si Tăng, chẳng biết thường, cùng với vô thường ví như trẻ nít vì thế nên gọi là TRÀ.

TỔ, là chẳng biết ơn thầy, ví như con dê đực vì thế nên gọi là TỔ.

NOA, là nghĩa chẳng phải Thánh, dụ như ngoại đạo, vì thế nên gọi là NOA.

ĐA, đức Như-Lai một lúc kia bảo các Tỳ-Kheo, các ông nên lìa sự kinh sợ, sẽ vì các ông nói Pháp vi-diệu, vì thế nên gọi là ĐA.

THA, là nghĩa ngu si, chúng sanh lưu chuyển trong dòng sanh tử, như tằm làm kén, như bọ ngựa làm ổ. Vì thế nên gọi là THA.

ĐÀ, là bố thí lớn, tức là Đại-thừa, vì thế nên gọi là ĐÀ.

ĐẠN, là khen ngợi công đức, tức là Tam-Bảo, như núi Tu-Di cao vọi rộng lớn, không có nghiêng ngã cho nên gọi là ĐẠN.

NA, là Tam-Bảo an trụ không có nghiêng động, ví như ngạch cửa, nên gọi là NA.

BA, là nghĩa điên đảo, như nói, Tam-Bảo thảy đều dứt mất, nên biết người nầy là tự nghi hoặc điên đảo, vì thế nên gọi là BA.

PHẢ, là tai họa thế gian nếu nói rằng lúc tai họa thế gian khởi lên thời Tam-bảo cũng dứt mất, nên biết người nầy là kẻ ngu si vô trí, trái với ý nghĩa của Thánh – nhơn. Vì thế nên gọi là PHẢ.

BÀ, là mười trí lực của Phật.

PHẠM, là gánh nặng, có thể kham-nhiệm gánh mang chánh pháp vô thượng nên biết người nầy là đại Bồ-Tát. Vì thế nên gọi là PHẠM.

MA, là chế độ nghiêm tuấn của Bồ-Tát, tức là Đại-thừa. Đại Niết-Bàn. Vì thế nên gọi là MA.

GIA, là các vị Bồ-Tát, ở mọi nơi chỗ, vì các chúng sanh nói pháp Đại- thừa. Vì thế nên gọi là GIA.

RA, là có thể phá hoại tham dục, sân- khuể, ngu si mà nói pháp chơn thật. Vì thế nên gọi là RA.

LÀ, là Thanh-văn-thừa động chuyển chẳng dừng, đại-thừa bền vững không có lay động. Bỏ Thanh-văn-thừa, siêng năng tu tập vô-thượng đại-thừa. Vì thế nên gọi là LÀ.

HÒA, đức Như-Lai Thế-Tôn vì các chúng sanh rưới mưa pháp lớn, như những chú thuật, kinh sách thế gian. Vì thế nên gọi là HÒA.

SA, xa lìa ba mũi tên độc, vì thế nên gọi là SA.

SÁ là, nghĩa đầy đủ, nếu nghe được kinh Đại-Niết-Bàn nầy, thời là đã đặng nghe và thọ trì tất cả kinh điển đại-thừa, vì thế nên gọi là SÁ.

TA, vì các chúng sanh diễn nói chánh pháp làm cho lòng họ vui mừng nên gọi là TA.

HA, là tâm hoan hỷ, lạ lùng thay đức Thế-Tôn rời tất cả hành vi. Lạ thay đức Như-Lai nhập Niết Bàn. Vì thế nên gọi là HA.

LA, là nghĩa ma, vô lượng loài ma không thể hủy hoại tạng bí mật của Như-Lai cho nên gọi là LA. Lại La là nhẫn đến thị hiện tùy thuận thế gian, mà có cha mẹ vợ con. Vì thế nên gọi là LA.

LỖ, LƯU, LƯ, LÂU, bốn chữ như vậy nói có bốn nghĩa tức là Phật, Pháp, Tăng và đối pháp. Đối pháp là tùy thuận thế gian, như Đề-Bà, Đạt-Đa thị hiện phá Tăng, hóa làm các thứ hình dáng sắc-tượng để làm duyên cho Phật chế giới. Người trí rõ thấu chẳng nên đối với việc nầy mà sanh lòng sợ sệt. Đây gọi là những hành vi tùy thuận thế gian vì thế nên gọi là LỖ, LƯU, LƯ, LÂU.

Hít khí trời cuống lưỡi theo tiếng lỗ mũi tiếng dài, ngắn, cao, thấp theo giọng nói để giãi bày ý nghĩa đều do lưỡi, răng mà có sai khác. Những chữ nghĩa như vậy có thể làm cho chúng sanh khẩu nghiệp thanh tịnh.

Phật tánh của chúng sanh thời không phải nhờ nơi văn tự rồi sau mới được thanh tịnh, vì Phật tánh vẫn thanh tịnh, nên dầu ở trong ngũ ấm, lục nhập,

thập bát giới, nhưng chẳng đồng với ngũ ấm, lục nhập, thập bát giới. Vì thế nên chúng sanh đều phải quy y.

Các vị Bồ-Tát do nơi Phật tánh mà đều coi chúng sanh bình đẳng như nhau không có sai khác.

Vì thế nên bán tự làm căn bổn của những kinh sách, ký-luận, văn chương.

Lại nghĩa của bán tự đều là căn bổn của phiền não ngôn thuyết.

Nghĩa của mãn tự thời là căn bổn của tất cả thiện pháp ngôn thuyết.

Ví như trong đời, người làm ác gọi là bán nhơn, người tu hành gọi là mãn nhơn. Cũng vậy, tất cả kinh sách ký-luận đều do bán tự làm căn bổn.

Nếu nói Như-Lai là chánh giải thoát, vào trong phạm vi bán tự, lời nói nầy không đúng. Vì Như-Lai và chánh giải thoát rời danh tự. Do đó nên đức Như-Lai đối với tất cả pháp, không chướng ngại, không đắm-trước mà đặng chơn thật giải thoát.

Thế nào gọi là hiểu rõ chữ nghĩa ? Có người biết đức Như-Lai hiện ra nơi đời có thể dứt được bán tự, nên gọi là hiểu rõ chữ nghĩa.

Nếu có kẻ chạy theo nghĩa bán tự thời người nầy chẳng biết được tánh Như-Lai.

Thế nào gọi là nghĩa vô-tự ? Người gần gũi tu tập pháp bất thiện, đây gọi là vô tự. Lại người vô tự dầu có thể gần gũi tu tập pháp lành, nhưng chẳng biết Như- Lai là thường cùng vô thường, hằng cùng chẳng phải hằng, chẳng biết Pháp và Tăng, luật cùng phi luật, kinh cùng chẳng phải kinh, chẳng biết lời ma, lời Phật. Nếu người không thể phân biệt rõ biết như vậy, thời gọi là chạy theo nghĩa vô- tự.

Nay ta đã nói, chạy theo nghĩa vô-tự như vậy, cùng nghĩa bán-tự và mãn-tự, nên các ông phải rời bán-tự khéo hiểu mãn-tự.

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật : “ Thế-Tôn ! Chúng tôi phải nên khéo học tự- số. Nay tôi được gặp ngay Đức Thầyvô-thượng, đã lãnh thọ những lời dạy bảo ân cần của Như-Lai.”

Đức Phật khen ngợi Ca-Diếp Bồ-Tát”:

Lành thay ! Lành Thay ! Người ưa thích chánh-pháp phải học như vậy.”

XIV

PHẨM ĐIỀU DỤ THỨ MƯỜI BỐN

(Hán bộ phần sau quyển thứ tám)

Phật bảo Ca-Diếp Bồ-Tát : “ Nầy Thiện-nam-tử ! Có hai giống chim : Một tên là Ca-Lân-Đề, hai tên là Oan-Ương. Hai giống chim đó lúc bay, lúc ở đều cùng chung chẳng xa rời nhau. Các pháp khổ, vô-thường, vô-ngã, chẳng rời nhau cũng như vậy.”

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật : Thế-Tôn ! Thế nào là các pháp khổ vô thường vô ngã, như chim Oan-ương và Ca-lân-Đề kia”.

Phật nói : :” Nầy Thiện-nam-tử ! Pháp khổ khác, pháp lạc khác, pháp thường khác, pháp vô thường khác, pháp ngã khác, pháp vô ngã khác. Ví như lúa gạo khác với mè bắp. Mè bắp lại khác với đậu mía. Các thứ ấy từ mầm mộng của nó, nhẫn đến trổ lá, đơm bông đều là vô thường. Đến lúc thành trái thành hột khô chín, mọi người thọ dụng mới gọi là thường, vì tánh chất chơn thật”.

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật : “ Thế-Tôn ! Những vật như vậy nếu là thường thời có đồng với Như-Lai chăng ?”

Phật nói : “ Nầy Thiện-nam-tử ! Nay ông chẳng nên nói như vậy, vì nói cho rằng Như-Lai như núi Tu-Di, lúc kiếp-hoại núi Tu-Di lở sụp, thời đức Như-Lai há lại cũng đồng hư hoại ư !

Nầy Thiện-nam-tử ! Ông chẳng nên giữ lấy những nghĩa ấy.

Tất cả các pháp chỉ trừ Phật tánh và Niết-Bàn, không có một pháp nào là thường cả. Nói trái và hột là thường, đó là nói theo thế gian thôi.”

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật : “ Thế-Tôn ! Lành thay ! Lành thay ! Đúng như lời Phật nói.”

Phật bảo Ca-Diếp Bồ-Tát : “ Đúng như vậy. Nầy Thiện-nam-tử ! Dầu tu tất cả khế kinh, các môn thiền định, nhẫn đến chưa nghe pháp Đại-Niết-Bàn

thời đều nói tất cả là vô thường. Nghe kinh nầy rồi dầu có phiền não mà như không phiền não, bèn có thể lợi ích tất cả cõi trời, cõi người, vì hiểu rõ thân mình có Phật tánh, đây gọi là thường.

Nầy Thiện-nam-tử ! Ví như cây Am-la bông nó mới trổ gọi là vô thường, đến lúc thành trái có thể ăn dùng mới gọi là thường.

Cũng thế, nầy Thiện-nam-tử ! Dầu tu tất cả khế kinh, các môn thiền định lúc chưa nghe kinh Đại-Niết-Bàn nầy, đều cho rằng tất cả pháp đều là vô thường. Lúc nghe kinh nầy rồi, dầu có phiền não mà như không phiền não, bèn có thể lợi ích cõi trời, cõi người. Vì hiểu rõ thân mình có Phật tánh, đây gọi là thường.

Thiện-nam-tử ! Ví như lúc nấu, lọc, quặng vàng, là tướng vô thường, lọc xong thành vàng ròng, có nhiều lợi ích bèn gọi rằng thường.

Cũng vậy, nầy Thiện-nam-tử ! Dầu tu tất cả khế kinh các môn thiền định, lúc chưa nghe kinh Đại-Niết-Bàn nầy, đều cho rằng tất cả pháp đều là vô thường. Lúc nghe kinh nầy rồi, dầu có phiền não như không phiền não, bèn có thể lợi ích tất cả cõi trời, cõi người, vì hiểu rõ thân mình có Phật tánh, đây gọi là thường.

Nầy Thiện-nam-tử ! Ví như hột mè lúc chưa bị ép, gọi là vô thường. Lúc ép thành dầu có nhiều lợi ích bèn gọi rằng thường.

Nầy Thiện-nam-tử ! Dầu tu tất cả khế kinh, các môn thiền định mà chưa nghe kinh Đại-Niết-Bàn nầy, đều cho rằng tất cả là vô thường. Lúc nghe kinh nầy rồi dầu có phiền não, như không phiền não, đều có thể lợi ích cõi người cõi trời vì hiểu rõ thân mình có Phật tánh đây gọi rằng thường.

Nầy Thiện-nam-tử ! Ví như các dòng nước đều chảy về biển. Cũng vậy, tất cả khế kinh, các môn thiền-định tam-muội đều quy về kinh Đại-thừa Đại-Niết- Bàn, vì khéo nói có Phật tánh.

Nầy Thiện-nam-tử ! Vì thế nên ta nói ; pháp thường khác, pháp vô thường khác ; nhẫn đến vô ngã cũng lại như vậy.

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật : “ Thế-Tôn ! Đức Như-Lai đã lìa tên độc Ưu-bi, luận về có Ưu-bi gọi là trời. Đức Như-Lai chẳng phải trời. Có Ưu-bi gọi là người, Như- Lai chẳng phải người, có Ưu-bi gọi là hai mươi lăm cõi hữu-

lậu, đức Như-Lai chẳng phải hai lăm cõi hữu-lậu. Vì thế nên đức Như-Lai không có Ưu-bi, cớ sao nói rằng đức Như-Lai Ưu-bi ?”

Nầy Thiện-nam-tử ! Vô-tưởng-thiên gọi là không tưởng. Nếu không tưởng thời không thọ mạng, nếu không thọ mạng, sao lại có ấm, nhập, các giới. Do vì nghĩa đó, nên thân thọ mạng của vô-tưởng-thiên, không thể nói là có chỗ ở.

Nầy Thiện-nam-tử ! Ví như Thọ-thần nương theo cây mà ở, chẳng thể quyết định nói nương nhánh, nương lóng, nương thân, nương lá.

Cũng vậy, dầu không chỗ quyết định, nhưng không thể nói là không có thân thọ mạng của vô-tưởng-thiên.

Nầy Thiện-nam-tử ! Phật pháp cũng vậy, rất sâu khó hiểu. Đức Như-Lai thiệt không ưu-bi khổ não, mà ở nơi hàng chúng sanh khởi lòng đại từ bi, thị hiện có ưu-bi, coi hàng chúng sanh như La-Hầu-La.

Nầy Thiện-nam-tử ! Trong vô-tưởng-thiên có bao nhiêu thọ mạng, chỉ Phật biết được, chẳng phải người khác có thể biết. Nhẫn đến trời Phi-tưởng, Phi-Phi- tưởng cũng như vậy.

Nầy Ca-Diếp, Như-Lai tánh thanh tịnh không ô-nhiễm, dường như hoá thân, chỗ nào mà có ưu-bi khổ não.

Nếu nói đức Như-Lai không ưu-bi đó, thế nào có thể lợi ích chúng sanh, rộng hoằng Phật pháp. Và nếu nói là không ưu-bi, sao lại nói bình đẳng xem chúng sanh như La-Hầu-La, nếu chẳng bình đẳng xem như La-Hầu-La, thời lời nói trên là hư vọng.

Nầy Thiện-nam-tử ! Do vì nghĩa đó, Phật chẳng thể nghĩ bàn, Pháp chẳng thể nghĩ bàn, chúng sanh Phật tánh chẳng thể nghĩ bàn, thọ mạng vô-tưởng-thiên chẳng thể nghĩ bàn. Đức Như-Lai có ưu-bi cùng không ưu-bi, là cảnh giới của Phật, chẳng phải hàng Thanh-Văn, Duyên-Giác biết được.

Nầy Thiện-nam-tử ! Thí như nhà, cửa, bụi, đất, không thể trụ giữa hư không, nhưng nếu nói nhà cửa chẳng cần hư không mà có thể trụ, thời không đúng. Do vì nghĩa đó nên chẳng thể nói nhà trụ nơi hư không, hay chẳng trụ nơi hư không. Kẻ phàm phu dầu n ói rằng nhà trụ ở hư không, mà hư không thiệt không chỗ trụ, vì tánh hư không vốn là vô-trụ.

Nầy Thiện-nam-tử ! Cũng vậy, không thể nói rằng tâm trụ nơi ấm, giới, nhập cùng chẳng trụ. Thọ mạng vô tưởng thiên cũng như vậy. Đức Như-Lai ưu-bi cũng như vậy. Nếu không ưu-bi, thế nào nói rằng bình đẳng xem chúng sanh như La-Hầu-La. Nếu cho là có ưu-bi, thời sao lại nói Như-Lai tánh đồng với hư không.

Nầy Thiện-nam-tử ! Ví như nhà ảo thuật, dầu hoá làm các thứ cung điện sát sanh nuôi dưỡng, bắt trói mở thả nhẫn đến hoá làm các vật báu vàng bạc lưu ly, lùm rừng, cây cối, v.v… đều không có tánh chất chơn thật.

Cũng vậy, Đức Như-Lai tùy thuận theo thế gian, thị hiện ưu-bi mà không có chơn thật. Đức Như-Lai đã chứng nhập nơi Đại-Niết-Bàn thế nào lại có ưu-bi khổ não.

Nếu có kẻ cho rằng đức Như-Lai chứng nhập Niết-Bàn là vô thường, nên biết người nầy thời có ưu-bi. Nếu nói đức Như-Lai chẳng nhập Niết-Bàn thường trụ chẳng biến đổi, nên biết người nầy không có ưu-bi.

Đức Như-Lai có ưu-bi cùng không ưu-bi không ai có thể biết được.

Nầy Thiện-nam-tử ! Ví như người bực hạ biết được pháp bực hạ, mà chẳng biết bực trung, và bực thượng. Người bực trung, thời biết pháp bực trung mà chẳng biết nơibực thượng. Người bực thượng thời biết bực thượng và biết cả bực trung bực hạ.

Cũng thế, hàng Thanh-Văn, Duyên-Giác chỉ biết ngang chừng bực của mình. Đức Như-Lai thời không phải như vậy, đều biết rõ bực của mình và cả những bực khác. Vì thế nên đức Như-Lai gọi là đấng vô-ngại-trí, tùy thuận theo thế gian mà hoá hiện. Kẻ phàm phu nhục nhãn cho là chơn thật, mà muốn biết hết trí vô- thượng vô-ngại của Như-Lai, quan niệm nầy không đúng.

Đức Như-Lai có ưu-bi cùng không ưu-bi chỉ Phật biết được. Do nhơn duyên nầy, pháp có ngã khác, pháp vô ngã khác. Đây gọi là điều dụ chim Oan-ương, chim La- lân-Đề.

Nầy Thiện-nam-tử ! Phật pháp dường như chim Oan-ương đồng nhau bay đi. Chim Ca-lân-Đề và chim Oan-ương nầy, mùa thạnh hạ nước dưng lên, lựa chọn gò cao làm ổ cho con chúng ở, rồi sau chúng nó mới trở về chốn cũ ưu-du an ổn.

Cũng vậy, Đức Như-Lai xuất thế giáo hóavô lượng chúng sanh, làm cho đều được trụ nơi chánh pháp. Như chim kia lựa gò cao lót ổ cho con chúng nó ở.

Đức Như-Lai làm cho các chúng sanh đều được giải thoát, chỗ làm đã xong, bèn nhập Đại-Niết-Bàn.

Nầy Thiện-nam-tử ! Đây gọi là pháp khổ khác, pháp vui khác. Những hành pháp là khổ. Niết-Bàn là vui vi-diệu thứ nhứt, vì đã phá hoại các hành pháp".

Ca-Diếp bồ-tát bạch Phật : " Thế-tôn ! Thế nào chúng sanh chứng đặng Niết- Bàn gọi là an-lạc đệ nhứt ?.

_ Nầy Thiện-nam-tử ! Như lời ta đã nói các hành pháp hòa hiệp gọi đó là lão- tử.

Cẩn thận chẳng phóng dật, Đây gọi là cam lộ. Phóng dật chẳng cẩn thận, Đây gọi là tử-cú. Nếu người chẳng phóng dật, Thời đặng chỗ bất tử, Như kẻ phóng dật kia, Thường đến nơi tử lộ.

Nếu phóng dật gọi là Pháp hữu-vi. Pháp hưu-vi nầy là khổ đệ nhứt. Nếu chẳng phóng dật thời gọi là Niết-Bàn. Niết-Bàn đó gọi là cam lộ an vui đệ nhứt. Nếu xu hướng các hành pháp, thời gọi là chổ chết thọ khổ đệ nhứt. Nếu đến Niết-Bàn thời gọi là bất tử thọ vui vi-diệu. Nếu chẳng phóng dật, dầu nhóm họp các hành pháp, cũng gọi là thường lạc bất tử, thân chẳng phá hoại.

Thế nào là phóng dật, thế nào là chẳng phóng dật ? Hàng phàm phu chẳng phải Thánh thời gọi là phóng dật, là pháp thường tử. Bực Thánh xuất thế là chẳng phóng dật không có lão tử, vì chứng nhập nơi Niết-Bàn thường lạc đệ nhứt.

Do nghĩa nầy nên pháp khổ khác, pháp lạc khác, pháp ngã khác, pháp vô ngã khác.

Như người đứng dưới đất, ngước mặt nhìn lên hư không chẳng thấy dấu chim bay.

Nầy Thiện-nam-tử ! Chúng sanh không có thiên nhãn, ở trong phiền não mà chẳng tự thấy có Như-Lai tánh. Cho nên ta nói giáo pháp vô ngã bí mật, vì

người không có thiên nhãn, chẳng biết được chơn-ngã, mà vọng chấp nơi ngã.

Do các phiền não tạo nghiệp hữu-vi, chính đó là vô thường. Cho nên ta nói pháp thường khác, pháp vô thường khác.

Người tinh tấn dõng mãnh. Hoặc ở nơi đảnh núi. Đất bằng cùng đồng trống, Thường thấy những phàm phu, Lên điện đại-trí-huệ. Đài Vô-thượng vi diệu. Đã tự trừ ưu-khổ. Cũng thấy khổ chúng sanh.

Đức Như-Lai dứt hết vô lượng phiền não ở núi trí huệ, thấy hàng chúng sanh thường ở trong vô lượng phiền não".

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật : " Thế-Tôn ! Ý nghĩa như bài kệ vừa nói không đúng.

Vì người nhập Niết-Bàn không ưu không hỷ, thế nào đặng lên điện đài trí huệ, và thế nào ở nơi đảnh núi mà thấy chúng sanh ?"

_ Nầy Thiện-nam-tử ! Điện trí huệ đó chính là nói Niết-Bàn, người không ưu-khổ là nói đức Như-Lai vậy. Người có ưu sầu gọi là phàm phu. Bởi phàm phu ưu khổ, nên Như-Lai không ưu khổ.

Đảnh núi Tu-Di là nói chánh giải thoát. Người tinh tấn dõng mãnh như núi Tu-Di không động chuyển. Đất là nói công hạnh hữu vi. Hàng phàm phu nầy, đứng trên đất đây tạo tác những hành nghiệp. Người trí huệ kia thời gọi là chánh giác, lìa hữu lậu, thường trụ, nên gọi là Như-Lai.

Đức Như-Lai thương xót vô lượng chúng sanh thường bị trúng tên độc các cõi, nên nói rằng đức Như-Lai có ưu-bi."

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật : " Thế-Tôn ! Giả sử nếu Như-Lai có ưu-bi, thời chẳng đặng gọi là bực đẳng chánh giác ".

_ Nầy thiện-nam-tử ! Đều có nhân duyên cả. Tùy chỗ nào có chúng sanh đáng được hóa độ, thời đức Như-Lai thị hiện thọ sanh ở trong đó. Dầu thị hiện thọ sanh, nhưng thiệt không có sanh, nên đức Như-Lai gọi là pháp thường trụ. Như chim Oan-ương, chim Ca-Lân-Đề vậy.

XV

PHẨM NGUYỆT DỤ THỨ MƯỜI LĂM

(Hán bộ phần đầu quyển thứ chín)

Phật bảo Ca-Diếp Bồ-Tát : " Ví nhu có người thấy mặt trăng lặn, cho rằng mặt trăng đã mất, nhưng thiệt ra mặt ttăng không mất, đang hiện ra ở phương khác. Chúng sanh xứ kia lại nói là mặt trăng mọc, nhưng thật ra mặt trăng không có mọc, vì bị che chướng không thấy, nên cho rằng mặt trăng có mọc, có lặn, nhưng thật ra mặt trăng không mọc không lặn.

Cũng vậy, đức Như-Lai chánh biến tri hiện ra nơi Đại-Thiên-Thế-Giới, hoặc sanh tại Diêm-Phù-Đề, có cha, có mẹ, chúng sanh đều cho rằng đức Như-Lai giáng sanh trong Diêm-Phù-Đề . Hoặc thị hiện Niết-Bàn, chúng sanh cho rằng đức Như-Lai nhập Niết-Bàn. Nhưng thật ra, Như-Lai tánh không sanh không diệt. Vì giáo hóa chúng sanh nên thị hiện sanh diệt.

Nầy Thiện-nam-tử ! Như xứ nầy thấy mặt trăng tròn, phương khác thấy mặt trăng khuyết, phương nầy thấy mặt trăng khuyết, phương khác thấy mặt trăng tròn. Người Diêm-Phù-Đề nều thấy bắt đầu có mặt trăng nói là ngày mùng một, tưởng là đầu tháng. Lúc thấy trăng tròn, nói là ngày rằm. Nhưng mặt trăng thiệt không có khuyết với tròn, vì bị che chướng mà có thêm bớt.

Cũng vậy, ở trong Diêm-Phù-Đề, Đức Như-Lai hoặc hiện giáng sanh, hoặc hiện Niết-Bàn. Lúc mới giáng sanh như mặt trăng đầu tháng. Đi bảy bước, như mặt trăng ngày mùng hai. Vào học đường, như mặt trăng ngày mùng ba. Lúc xuất gia như mặt trăng ngày mùng tám. Phóng ánh sáng trí huệ vi diệu, phá vô lượng chúng ma như trăng tròn ngày rằm. Thị hiện ba mươi hai tướng, tám mươi thứ tốt để tự trang nghiêm. Rồi thị hiện nhập Niết-Bàn, như cuối tháng mặt trăng ẩn.

Chỗ thấy của chúng sanh chẳng đồng : Hoặc thấy trăng nửa, hoặc thấy trăng tròn, hoặc thấy trăng ẩn, nhưng thật ra mặt trăng không có thêm bớt, vẫn luôn là mặt trăng đầy đủ.

Cũng vậy, thân của đức Như-Lai vẫn luôn là thường trụ chẳng biến đổi.

Nầy Thiện-nam-tử ! Như mặt trăng tròn chiếu sáng, tất cả thành ấp, xóm làng, trong nước suối, nước đầm, trong giếng, trong ao, trong nước bồn nước chậu, tất cả đều có mặt trăng hiện. Có người đi trăm do tuần, ngàn do tuần vẫn thấy mặt trăng luôn đi theo mình. Phàm phu ngu mê tưởng rằng ta trước

kia ở trong thành ấp nhà cửa thấy mặt trăng như vậy, giờ đây ở nơi đầm trống nầy thấymặt trăng. Đây là mặt trăng trước kia hay là mặt trăng khác. Mỗi người tự nghĩ tưởng hình dáng mặt trăng lớn nhỏ, hoặc nói như miệng chậu, hoặc cho rằng lớn như bánh xe vân vân. Mặt trăng nầy vốn có một, mà chúng sanh nhận thấy hình dáng khác nhau.

Cũng vậy, đức Như-Lai xuất hiện ra đời, có người hay trời nghĩ rằng nay đây đức Như-Lai ở trước mặt chúng tôi. Cũng có những chúng sanh khác cho rằng hiện nay đức Như-Lai ở trước mặt họ. Hoặc có kẻ điếc câm cũng thấy đức Như- Lai có tướng điếc câm. Muôn loài chúng sanh nói tiếng khác nhau, đều cho rằng đức Như-Lai đồng tiếng với mình. Cũng đều nghĩ rằng đức Như-Lai đang thọ cúng dường tại nhà tôi.

Có chúng sanh thấy thân Như-Lai rộng lớn vô lượng, có loài thấy thân Phật nhỏ bé. Có kẻ thấy Phật là hình dáng Thanh-Văn, hoặc là hình dáng Duyên-Giác.

Cũng có hàng ngoại đạo lại cho rằng hiện nay Đức Như-Lai xuất gia học đạo ở trong giáo phái chúng ta.

Hoặc có chúng sanh nghĩ rằng, nay Đức Như-Lai riêng vì chúng ta mà xuất hiện nơi đời.

Thiệt tánh của Như-Lai tức là pháp thân, là thân vô sanh, là thân phương tiện, tùy thuận nơi thế gian thị hiện vô lượng nghiệp dụng, thị hiện sanh ra nơi nầy nơi khác. Như mặt trăng kia hiện ra trong tất cả chỗ có nước.

Do nghĩa nầy nên Như-Lai là thường trụ không có biến đổi.

Nầy Thiện-nam-tử ! Như La-Hầu-La Tu-La-Vương lấy tay che mặt trăng, người đời cho rằng mặt trăng bị nuốt. Nhưng mặt trăng vẫn luôn đầy đủ không có sứt mẻ, vì tay A-Tu-La che nên ánh sáng chẳng hiện. Lúc A-tu-La thâu tay, người đời cho rằng mặt trăng sanh trở lại, và cho rằng mặt trăng chịu nhiều sự khổ não. Nhưng mặt trăng vẫn không có những sự ấy, giả sử trăm ngàn A-Tu-La- Vương cũng chẳng làm khổ não được mặt trăng.

Cũng vậy, đức Như-Lai thị hiện, có chúng sanh đối với đức Như-Lai sanh tâm hung ác, hại thân Phật chảy máu thành tội ngũ nghịch, hoặc hủy báng chánh pháp thành hạng nhứt-xiển-đề. Vì các chúng sanh mà thị hiện những sự phá hoại tăng đoàn dứt diệt chánh pháp, làm những điều chướng nạn. Nhưng thật ra, giả sử trăm ngàn vô lượng loài ma cũng không thể làm thân

Như-Lai chảy máu. Vì thân Như-Lai không có huyết, nhục, gân mạch, xương tủy, Như-Lai chơn thật, thiệt không có sự não hoại. Chúng sanh đều cho rằng pháp và tăng bị hủy hoại, Như-Lai dứt diệt. Nhưng Như-Lai tánh chơn thật không biến đổi, không có phá hoại. Vì tùy thuận thế gian mà thị hiện như vậy.

Nầy Thiện-nam-tử ! Như hai người đấu võ, hoặc dùng dao gậy chém đập tuôn máu, dầu đánh nhau đến chết mà chẳng nghĩ tưởng là giết nhau, thời nghiệp tướng ấy nhẹ mà chẳng nặng. Đối với đức Như-Lai vốn không có tâm giết hại, dầu làm cho thân Phật ra máu, thời nghiệp nầy cũng nhẹ mà chẳng nặng. Vì giáo hoá chúng sanh đời vị lai, nên đức Phật thị hiện nghiệp báo.

Nầy Thiện-nam-tử ! Như lương y đem những phương thuốc căn bản ân cần truyền dạy cho người con, người con kính vâng lời của cha, chuyên cần học tập, hiểu rành các phương thuốc. Thời gian sau, lương y chết. Ngườicon kêu khóc mà nói thế nầy : Cha tôi dạy cho tôi những phương thuốc như vậy như vậy.

Cũng vậy, đức Như-Lai vì giáo hoá chúng sanh mà thị hiện chế-giới luật : Phải thọ trì như vậy, chớ phạm tội ngũ nghịch, chê bai chánh pháp và nhứt-xiển- đề. Vì đời vị lai chúng sanh khởi các tội ấy nên thị hiện như vậy, để cho các Tỳ-Kheo sau khi Phật diệt độ, rõ biết những điều như vậy : Đây là nghĩa rất sâu của khế kinh, đây là tướng nhẹ nặng của giới luật, đây là luận phân biệt những pháp cú. Như người con của lương y.

Loài người hoặc sáu tháng một lần thấy mặt trăng bị nuốt , mà chư Thiên trong khoảng giây lát đã nhiều lần thấy mặt trăng bị nuốt. Vì thời gian của nhơn loại ngắn, còn ngày giờ của chư-thiên dài.

Nầy Thiện-nam-tử ! Trời và người đều cho rằng đức Như-Lai thọ mạng ngắn ngủi. Như chư Thiên trên trời trong khoảng giây lát thấy mặt trăng bị nuốt nhiều lần. Trong khỏang giây lát, đức Như-Lai thị hiện trăm ngàn muôn ức lần nhập Niết-Bàn, dứt ma phiền não, ma ngũ ấm, ma chết. Vì vậy nên trăm ngàn muôn ức thiên ma đều biết đức Như-Lai nhập Niết-Bàn. Đức Như-Lai lại thị hiện vô lượng trăm ngàn nhơn duyên nghiệp báo tiền thân.

Vì tùy thuận theo chủng tánh của thế gian mà thị hiện vô lượng vô biên chẳng thể nghĩ bàn như vậy, nên Như-Lai là thường trụ không biến đổi.

Nầy Thiện-nam-tử ! Như mặt trăng tròn sáng chúng sanh ưa thấy, nên gọi mặt trăng là lạc-kiến.

Chúng sanh nếu có tham, sân, si thời chẳng đặng gọi là lạc-kiến.

Tánh Như-Lai thuần thiện thanh tịnh không cấu nhiễm, thời rất đáng gọi là lạc- kiến. Những chúng sanh ưa thích chánh pháp nhìn ngó đức Như-Lai không nhàm. Những người tâm ác chẳng ưa nhìn ngó. Vì thế nên đứùc Như-Lai dụ như mặt trăng tròn sáng.

Nầy Thiện-nam-tử ! Ví như mặt trời mọc có ba thời kỳ khác nhau, tức là xuân, hạ, và đông. Ngày mùa đông thời ngắn, ngày mùa xuân thời vừa, ngày mùa hạ thời rất dài.

Cũng vậy, ở nơi đại-thiên thế-giới nầy, đối với người thọ mạng ngắn ngủi và hàng Thanh-Văn, đức Như-Lai thị hiện tuổi thọ ngắn. Những hạng người trên đây thấy như vậy đều cho rằng đức Như-Lai thọ mạng ngắn ngủi, dụ như ngày mùa đông.

Đối với hàng Bồ-tát đức Như-Lai thị hiện tuổi thọ bực trung, hoặc một kiếp, hoặc dưới một kiếp, dụ như ngày mùa xuân.

Chỉ Phật thấy Phật thọ mạng vô lượng, dụ như ngày mùa hạ.

Nầy Thiện-nam-tử ! Giáo pháp phương đẳng đại-thừa vi-mật của Như-Lai nói là đức Như-Lai thị hiện rưới mưa đại pháp nơi thế gian.

Đời vị lai nếu có người nào có thể thọ trì kinh điển nầy, giảng nói khai-thị lợi ích cho chúng sanh, nên biết những người nầy thiệt là Bồ-Tát. Dụ như ngày thạnh- hạ rưới mưa cam-lồ.

Nếu có hàng Thanh-Văn, Duyên-Giác nghe giáo pháp vi mật của Như-Lai thời dụ như ngày mùa đông gặp nhiều lạnh lẽo.

Hàng Bồ-Tát nếu nghe giáo pháp vi-mật : Như-Lai tánh thường trụ không biến đổi như vậy, thời dụ như ngày mùa xuân nẩy mầm, nở hoa.

Thiệt ra Như-Lai tánh không có dài ngắn, vì thuận theo thế gian mà thị hiện như vậy. Đó chính là Pháp-tánh chơn thật của chư Phật.

Nầy Thiện-nam-tử ! Ví như ban ngày các ngôi sao chẳng hiện ra, mà mọi người cho rằng ban ngày các ngôi sao lặn mất, kỳ thiệt chẳng phải lặn mất, vì ánh sáng mặt trời chói sáng nên sao chẳng hiện.

Cũng vậy, hàng Thanh-Văn, Duyên-Giác chẳng thấy được Như-Lai, như người đời ban ngày chẳng thấy sao.

Nầy Thiện-nam-tử ! Ví như lúc tối tăm, mặt trời mặt trăng chẳng hiện ra, kẻ ngu cho rằng mặt trời mặt trăng lặn mất, nhưng thiệt ra mặt trời mặt trăng chẳng phải lặn mất.

Lúc chánh pháp của Như-Lai diệt hết. Tam-bảo chẳng còn, cũng chẳng phải là dứt hẳn, lệ như mặt trời mặt trăng lúc lặn mất kia. Vì thế nên biết Như-Lai là thường trụ không có biến đổi. Vì chơn tánh của Tam-bảo chẳng bị những cấu nhơ làm ô nhiễm.

Nầy Thiện-nam-tử ! Ví như đêm không trăng, sao chổi hiện ra, chiếu sáng giây lát rồi lặn mất, chúng sanh ngó thấy cho đó là điềm chẳng lành.

Cũng vậy, hàng Bích-Chi-Phật hiện ra đời trong thời kỳ không Phật, chúng sanh ngó thấy đều cho rằng đức Như-Lai thiệt diệt độ, nên sanh lòng buồn khổ. Nhưng thân Như-Lai thiệt chẳng diệt mất như mặt trời mặt trăng kia không có diệt mất.

Nầy Thiện-nam-tử ! Như lúc mặt trời mọc lên, sương mù đều tan. Kinh Đại-Niết-Bàn vi diệu nầy cũng như vậy. Lúc kinh nầy xuất hiện ra đời, nếu có chúng sanh nào một lần được nghe, đều có thể dứt trừ tất cả tội nghiệp vô gián, tất cả những điều ác. Kinh Đại-Niết-Bàn nầy cảnh giới rất sâu chẳng thể nghĩ bàn, khéo nói lên được tánh Như-Lai vi-mật.

Do nghĩa nầy nên Thiện-nam-tử , Thiện-nữ-nhơn đối với Như-Lai phải có tâm tin nhận là thường trụ không biến đổi, chánh pháp chẳng dứt, Tăng bảo chẳng diệt. Nên phải dùng nhiều phương tiện siêng năng học tập kinh điển nầy. Người nầy chẳng bao lâu sẽ đặng thành vô thượng chánh đẳng chánh giác. Vì thế nên kinh nầy gọi là do vô lượng công đức kết thành, cũng gọi là chánh giác chẳng cùng tận, do vì chẳng cùng tận, nên đặng gọi là Đại-Niết-Bàn.

XVI

PHẨM BỒ TÁT THỨ MƯỜI SÁU

(Hán bộ phần sau quyển thứ chín)

Nầy Thiện-nam-tử ! Như ánh sánng mặt trời mặt trăng hơn hết trong các ánh sáng. Ánh sáng Đại-Niết-Bàn rất là thù-thắng đối với ánh sáng của các khế kinh. Ánh sáng của các khế kinh không thể kịp được. Vì ánh sáng Đại-Niết-Bàn có thể chiếu vào các lỗ chơn lông của chúng sanh. Chúng sanh dầu không có tâm bồ- đề, nhưng có thể làm nhơn duyên cho bồ-đề, vì thế nên gọi là Đại-Niết- Bàn.

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật : " Thế-Tôn ! Như lời Phật vừa nói "ánh sáng Đại- Niết-Bàn chiếu vào các lỗ chơn lông của chúng sanh, chúng sanh dầu không tâm bồ-đề, nhưng có thể làm nhơn duyên cho bồ-đề". Xét ra, nghĩa trên đây chẳng đúng.

Bạch Thế-Tôn ! Người phạm bốn giới trọng, người tạo tội ngũ nghịch và hạng nhứt-xiển-đề, ánh sáng chiếu vào thân họ làm nhơn bồ đề, thời những hạng nầy có khác gì người trì giới thanh tịnh, tu tập các hạnh lành, nếu không khác, cớ sao đức Như-Lai nói nghĩa tứ-y.

Bạch Thế-tôn ! Lại như lời Phật nói, nếu có chúng sanh một lần được nghe kinh Đại-Niết-Bàn, thời dứt trừ đặng các phiền não. Trước kia đức Như-Lai lại nói có người ở nơi hằng hà sa chư Phật mà phát tâm, nghe kinh Đại-Niết-Bàn chẳng hiểu được nghĩa, sao lại có thể dứt tất cả phiền não ?

Nầy Thiện-nam-tử ! Trừ hạng nhứt-xiển-đề, những chúng sanh khác được nghe kinh nầy, thảy đều có thể làm nhơn duyên cho bồ-đề. Ánh sáng của tiếng pháp chiếu vào lỗ chơn lông quyết định sẽ đặng vô thượng chánh đẳng chánh giác. Vì người đã có thể cúng dường cung kính vô lượng chư Phật mới đặng nghe kinh Đại-Niết-Bàn. Người phước bạc thời chẳng được nghe. Việc lớn như đây người đại-phước mới có thể được nghe, kẻ tiểu nhơn thời chẳng được nghe. Những gì là việc lớn ? Chính là chỉ cho tạng bí mật rất sâu của chư Phật, tức là Phật tánh.

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật : " Thế-tôn ! Những gì làm nhơn bồ-đề cho người chưa phát tâm bồ-đề?

Nầy Thiện-nam-tử ! Nếu có người nghe kinh Đại-Niết-Bàn nầy, không tin nói rằng tôi chẳng cần phát bồ-đề tâm. Người đó thường ở trong chiêm bao

thấy hình La-Sát, lòng rất kinh sợ. La Sát bảo rằng : Nếu ngươi chẳng phát bồ-đề tâm, ta sẽ giết ngươi. Vì sợ sệt nên khi thức giấc người nầy liền phát tâm bồ đề. Sau khi chết, nếu người nầy hoặc đọa trong ba đường ác, cùng sanh trong loài trời, loài người tiếp tục nhớ lại tâm bồ đề đã phát. Nên biết người nầy là bực bồ- tát.

Do nghĩa trên đây, nên oai thần của kinh Đại-Niết-Bàn nầy có thể làm nhơn bồ đề cho người chưa phát tâm.

Đây gọi là Bồ-Tát có nhơn duyên mà phát tâm, chẳng phải không nhơn duyên. Do vì nghĩa nầy nên kinh điển Đại-Thừa vi diệu thiệt là của Phật nói.

Nầy Thiện-nam-tử ! Như trên hư không kéo mây mưa xuống, nơi cây khô, núi đá, gò nổng, cao nguyên nước không đọng lại. Ruộng thấp hồ cao đều đầy chúng sanh nơi đó được lợi ích. Cũng vậy, kinh Đại-Niết-Bàn vi diệu nầy khắp nhuần chúng sanh, làm cho nẩy nở tâm bồ đề. Còn hàng nhứt-xiển-đề chẳng phát tâm bồ đề không được lợ ích.

Nầy Thiện-nam-tử ! Ví như hột giống đã cháy, dầu có gặp mưa trọn chẳng mọc mầm. Cũng vậy, hàng nhứt-xiển-đề dầu nghe kinh Đại-Niết-Bàn vi diệu nầy, trọn không phát tâm bồ đề. Vì hạng nầy đoạn diệt tất cả căn lành như hột giống đã cháy.

Nầy Thiện-nam-tử ! Ví như ngọc minh châu để trong nước đục, thế lực của minh châu làm cho nước liền trong. Nhưng để minh châu trong bùn lầy không thể làm cho trong. Kinh Đại-Niết-Bàn vi diệu nầy cũng như vậy, có thể làm cho chúng sanh phạm tội vô gián, tứ trọng, tiêu tội được thanh tịnh phát tâm bồ đề. Không thể làm cho nhứt-xiển-đề phát bồ đề tâm, vì nhứt-xiển-đề dứt hết căn lành không phải pháp khí.

Nầy Thiện-nam-tử ! Ví như cây thuốc Dược Vương là vua trong những thứ thuốc. Nếu đem Dược Vương hòa với lạc, hoặc tô, hoặc mật, hoặc nước, sữa, hoặc thuốc bột, thuốc huờn, hoặc dùng thoa ghẻ, thoa mắt, hoặc uống, hoặc xông, hoặc nhìn, hoặc ngửi, đều có thể làm cho chúng sanh được lành tất cả bịnh. Dược Vương ấy chẳng nghĩ rằng chúng sanh nếu lấy rễ của ta, thời chẳng nên lấy hết, cũng chẳng nghĩ rằng, nếu lấy lá chẳng nên lấy rễ, nếu lấy thân chẳng nên lấy võ, nếu lấy võ chẳng nên lấy thân. Dược Vương ấy dầu chẳng tưởng niệm mà có thể trừ tất cả bịnh khổ.

Nầy Thiện-nam-tử ! Kinh Đại-Niết-bàn vi diệu nầy có thể diệt trừ tất cả ác nghiệp, bốn tội trọng, năm tội vô gián của chúng sanh. Người chưa phát bồ đề tâm nhơn kinh nầy thời đặng phát bồ đề tâm. Vì kinh nầy là vua trong các thứ kinh, như cây thuốc Dược Vương là vua trong các thứ thuốc. Nếu có người tu tập cùng chẳng tu tập kinh Đại-Niết-Bàn nầy, nếu nghe được danh tự của kinh nầy, nghe rồi sanh lòng kính tin, thời đều trừ diệt được tất cả phiền não. Nhưng chỉ chẳng thể làm cho hạng nhứt-xiển-đề an trụ nơi vô thượng chánh đẳng chánh giác. Như Dược Vương kia dầu có thể chữa lành tất cả bịnh nặng, nhưng không thể cứu chữa người quyết định chết.

Nầy Thiện-nam-tử ! Như người tay có ghẻ lở, bốc nắm thuốc độc, thời chất độc thấm vào thịt. Người tay không ghẻ lỡ, dầu có cầm nắm chất độc cũng chẳng thấm vào được. Hạng nhứt-xiển-đề không có nhơn bồ đề, như người tay không ghẻ không thể thấm chất độc. Chất độc dụ cho diệu nghĩa đệ nhứt.

Nầy Thiện-nam-tử ! Ví như kim cương không gì phá vỡ được, mà kim cương có thể phá vỡ tất cả vật khác , chỉ trừ mu rùa và sừng bạch dương. Kinh Đại- Niết- Bàn vi diệu nầy có thể làm cho vô lượng chúng sanh trụ nơi đạo bồ đề, chỉ không thể khiến hạng nhứt-xiển-đề thành lập nhơn bồ đề.

Nầy Thiện-nam-tử ! Như cỏ Mã-Xỉ, cây Ta-La-Xí, cây Ni-Ca-La, dầu chặt nhánh, đốn cây, nhưng rồi đâm chồi mọc lên như cũ, chẳng phải như cây Đa-la đốn rồi không thể mọc lại.

Cũng vậy, những chúng sanh đặng nghe kinh Đại-Niết-Bàn nầy, dầu phạm bốn tội nặng và năm tội vô gián, vẫn có thể sanh nhơn bồ đề, Hạng nhứt-xiển-đề thời chẳng như vậy, dầu đặng nghe kinh điển vi diệu, nhưng không thể sanh nhơn bồ đề.

Nầy Thiện-nam-tử ! Như cây Khư-đà-la, cây Trấn-đầu-ca bị đốn thời chẳng mọc lại, và những hột giống bị cháy thời chẳng mọc mầm, cũng vậy, hàng nhứt- xiển-đề dầu đặng nghe kinh Đại-Niết-Bàn nầy. Nhưng không thể phát tâm bồ-đề.

Nầy Thiện-nam-tử ! Ví như mưa to, nước mưa chẳng dừng ở hư không. Kinh Đại-Niết-Bàn nầy cũng chẳng dừng ở nơi hạng nhứt-xiển-đề.

Hạng nhứt-xiển-đề nầy khắp mình kín dày như chất kim cương, vật ngoài không thể lọt vào được.

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật : “ Thế-Tôn ! Như đức Phật từng nói kệ rằng :

Chẳng thấy, lành, chẳng làm. Chỉ thấy, ác, nên làm. Điều đó đáng kinh sợ. Dường như đường nguy hiểm.

Bạch Thế-Tôn ! Bài kệ đó có những nghĩa gì ?”

Phật nói : “ Nầy Thiện-nam-tử ! Chẳng thấy là chẳng thấy Phật tánh. Lành là vô thượng chánh đẳng chánh giác. Chẳng làm là chẳng gần gũi thiện tri thức. Chỉ thấy là thấy không nhơn quả. Ác là hủy báng kinh điển Đại-thừa Phương- đẳng. Nên làm là hạng nhứt-xiển-đề nói không có Đại-thừa. Hạng nhứt-xiển- đề không có tâm xu hướng pháp lành thanh tịnh. Pháp lành là Đại-Niết-Bàn . Xu hướng Đại-Niêt-Bàn là nói có thể tu tập hạnh hiền-thiện. Hạng nhứt-xiển-đề không hạnh hiền-thiện, nên không thể xu hướng Đại-Niết-Bàn. Điều đó đáng kinh sợ là nói hủy báng chánh pháp : Người trí phải kinh sợ, vì người hủy báng chánh pháp không có tâm lành, không có phương tiện tu tập, con đường nguy hiểm là nói các hành pháp.

Ca-Diếp Bồ-Tát lại bạch : Như Phật từng nói :

Thấy chỗ làm thế nào ? Đặng pháp lành thế nào ? Chỗ nào chẳng kinh sợ ? Như đường bằng vua đi.

Thế-Tôn ! Bài kệ nầy nghĩa như thế nào ?

Nầy Thiện-nam-tử ! Thấy chỗ làm là phát-lồ các tội ác : Từ vô lượng đời gây tạo các nghiệp ác thảy đều phát lộ, đến nơi rốt ráo thanh tịnh. Đó là chỗ không kinh sợ. Như đường bằng thẳng của vua đi, trộm cướp đều chạy trốn. Cũng vậy, phát lồ như trên thời tất cả tội ác đều dứt trừ.

Lại chẳng thấy chỗ làm là nói hàng nhứt-xiển-đề làm những việc ác mà chẳng tự thấy. Hàng nhứt-xiên-đề do lòng kiêu mạn nên dầu làm ác nhưng không kinh sợ. Vì thế nên hạng nầy chẳng đặng Niết-Bàn. Dụ như khỉ vượn mò nắm mặt trăng trong nước.

Nầy Thiện-nam-tử ! Giả sử vô lượng chúng sanh đồng thời chứng đặng vô thượng chánh đẳng chánh giác, các đức Như-Lai nầy cũng chẳng thấy hạng nhứt-xiển-đề kia đặng thành bồ-đề. Vì nghĩa nầy nên gọi là chẳng thấy chỗ làm.

Và lại chẳng thấy chỗ làm của ai ? Đây là chẳng thấy chỗ làm của Phật. Phật vì chúng sanh nói có Phật tánh. Hạng nhứt-xiển-đề trôi lăn trong sanh tử,

không thể thấy biết Phật tánh. Vì nghĩa nầy nên gọi là chẳng thấy chỗ làm của Như-Lai.

Lại hàng nhứt-xiển-đề thấy đức Như-Lai rốt ráo nhập Niết-bàn, họ cho rằng thật vô thường, như đèn tắt, dầu mỡ đều hết. Vì hạng nầy nghiệp ác của họ chẳng giảm bớt.

Nếu có Bồ-Tát lúc làm những nghiệp lành hồi hướng vô thượng chánh đẳng chánh giác, dầu hàng nhứt-xiển-đề chẳng tin chê bai phá hoại, nhưng các vị Bồ- Tát vẫn đem công đức thí cho, muốn cùng họ đồng thành đạo vô thượng. Vì pháp của chư Phật và Bồ-Tát tự nhiên như vậy.

Làm ác chẳng liền thọ, Như sữa liền thành lạc, Như tro che trên lửa. Người ngu khinh đạp đó.

Hàng nhứt-xiển-đề gọi là kẻ không con mắt, nên chẳng thấy đạo A-La- Hán, vì không con mắt, nên chê bai Đại-thừa chẳng muốn tu tập. Như A-La-Hán siêng tu tâm từ.

Nếu người nói rằng : Nay tôi chẳng tin kinh điển Thanh-văn, chỉ tin thọ Đại-thừa, đọc tụng giải thuyết. Vì thế nên nay tôi là Bồ-Tát. Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh. Do có Phật tánh nên trong thân chúng sanh bèn có mười trí lực ba mươi hai tướng, tám mươi thứ tốt. Lời nói của tôi không khác lời nói của Phật. Nay anh cùng tôi đều phá vô lượng phiền não ác, như phá vỡ bình nước. Vì phá kiết sử nên liền đặng thấy vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Người đó dầu diễn nói như vậy, nhưng tâm nó thiệt chẳng tin có Phật tánh, chỉ vì lợi dưỡng nên nói theo văn kinh, đây gọi là người ác. Người ác như vậy chẳng liền thọ quả báo, như sữa thành lạc.

Ví như Vương sứ biện luận giỏi, nhiều chước khéo, phụng mạng qua nước khác, thà chết chớ trọn chẳng ẩn giấu lời truyền của vua. Cũng vậy, người trí ở trong hàng phàm phu, chẳng tiếc thân mạng, quyết phải tuyên nói Như-Lai tạng kinh điển Đại-thừa Phương-đẳng, tất cả chúng sanh đều có Phật tánh.

Nầy Thiện-nam-tử ! Có kẻ nhứt-xiển-đề làm dạng A-La-Hán, chê bai kinh điển đại thừa. Người phàm phu thấy đó đều cho là thiệt A-La-Hán, là đại Bồ- Tát. Bọn ác Tỳ-kheo nhứt-xiển-đề nầy, ở nơi A-Lan-Nhã phá hoại pháp A-Lan-Nhã, thấy người khác đặng lợi sanh lòng ganh ghét, nói rằng những kinh điển Đại-thừa đều là lời của Thiên-Ma Ba-Tuần nói. Họ cũng nói Như-

Lai là pháp vô thường. Họ hủy diệt chánh pháp, phá hoại chúng tăng. Họ lại nói lời của Thiên-Ma Ba-Tuần chẳng phải là lời lành, lời thuận.

Bọn trên đây tuyên nói lời tà ác như vậy. Bọn nầy làm ác chẳng liền thọ báo. Như sữa thành lạc. Người như vậy gọi là nhứt-xiển-đề. Như tro trùm trên lửa, người ngu khinh đạp đó.

Vì thế nên biết kinh điển Đại-thừa vi diệu quyết định thanh tịnh. Như châu Ma-Ni ném vào nước đục, nước liền trong.

Nầy Thiện-nam-tử ! Ví như hoa sen được mặt trời rọi đến đều nở. Tất cả chúng sanh nếu đặng thấy nghe kinh Đại-Niết-Bàn, thời đều phát Bồ-đề tâm. Vì thế nên ta nói ánh sáng Đại-Niết-Bàn chiếu vào lỗ chơn lông, quyết định làm nhơn vi diệu.

Nhứt-xiển-đề kia dầu có Phật tánh, nhưng bị vô lượng tội chướng ràng buộc, nên chẳng thể hiện ra, như con tằm ở trong kén, do nghiệp chướng đó chẳng thể sanh nhơn bồ đề, lưu chuyển mãi trong sanh tử.

Nầy Thiện-nam-tử ! Như hoa sen mọc nơi bùn lầy, mà trọn chẳng bị bùn lầy àm nhơ. Nếu có chúng sanh tu tập kinh điển Đại-Niết-Bàn vi diệu nầy, dầu có phiền não, mà trọn chẳng bị phiền não làm nhơ, vì nhờ năng lực rõ biết Như-Lai tánh.

Nầy Thiện-nam-tử ! Ví như có nước kia nhiều gió mát mẻ. Nếu gió ấy thổi vào lỗ chơn lông nơi thân của chúng sanh, thời có thể trừ tất cả sự nóng bức bực bội.

Kinh điển Đại-thừa Đại-Niết-Bàn nầy cũng lại như vậy, vào khắp lỗ chơn lông của tất cả chúng sanh, mà làm nhơn bồ-đề, trừ hạng nhứt-xiển-đề vì hạng nầy chẳng phải pháp-khí.

Nầy Thiện-nam-tử ! Ví như lương y, hiểu rõ tám thứ thuốc trị lành tất cả bịnh, chỉ trừ người quyết định chết. Cũng vậy, tất cả khế kinh, thiền định, tam muội, có thể trị tất cả phiền não tham sân, si, mà không thể trị kẻ phạm bốn tội trọng, năm tội vô gián.

Nầy Thiện-nam-tử ! Lại có lương y giỏi hơn, có thể chữa lành tất cả bịnh khổ của người, chỉ trừ bịnh quyết định chết. Cũng vậy, kinh điển Đại-thừa Đại- Niết-bàn nầy, có thể trừ tất cả phiền não, làm cho chúng sanh an trụ nơi

nhơn Như-Lai thanh tịnh, người chưa phát tâm làm cho phát tâm, chỉ trừ hạng nhứt-xiển- đề.

Nầy Thiện-nam-tử ! Ví như lương y có thể dùng thuốc hay chữa trị cho các người mù, khiến mắt họ được sáng, thấy tất cả cảnh vật, chỉ chẳng thể trị lành con mắt của người sanh-manh. Cũng vậy, Kinh Đại-Niết-Bàn này có thể làm cho hàng Thanh-văn, Duyên-Giác khai phát huệ nhãn, khiến cho họ an trụ nơi vô lượng vô biên kinh điển Đại-thừa. Những người chưa phát tâm, hoặc phạm bốn tội nặng, năm tội vô gián, kinh nầy đều có thể làm cho họ phát tâm bồ đề, chỉ trừ bọn nhứt-xiển-đề, như kẻ sanh-manh.

Nầy Thiện-nam-tử ! Ví như lương y hiểu rõ tám khoa trị bịnh vì trị tất cả bịnh khổ cho người, dùng các phương thuốc, theo bịnh mà trị, mà người bịnh ngu chẳng muốn uống đó. Lương y xót thương, dắt người nầy về nhà mình, ép uống thuốc, bịnh liền được lành. Phụ nữ sanh sản, lá nhau chẳng ra, nếu uống thuốc nầy lá nhau liền ra, cũng làm cho hài nhi được an lành.

Cũng vậy, kinh điển Đại-thừa Đại-Niết-Bàn nầy có thể trừ vô lượng phiền não cho chúng sanh, trừ bốn tội trọng, năm tội vô gián, người chưa phát tâm đều làm cho phát tâm trừ hạng nhứt-xiển-đề.

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật : “ Thế-Tôn ! Phạm bốn tội trọng và năm tội vô gián gọi là rất nặng, rất ác. Ví như cây đa-la đã bị đốn chẳng còn mọc lại được. Những người phạm tội nầy chưa phát tâm bồ-đề thế nào có thể làm nhơn bồ- đề cho họ được ?”

_ Nầy Thiện-nam-tử ! Những người phạm tội nầy, hoặc ở trong chiêm bao thấy bị đọa địa ngục, thọ những sự khổ não, liền sanh lòng ăn năn, sau khi thức dậy, tin có quả báo lớn, bèn phát tâm bồ-đề.

Như hài nhi kia, lấn lần khôn lớn, thường nghĩ nhớ rằng : Lương y đó rất giỏi, nhờ ông cho thuốc, mẹ mình đặng an lành, do đó nên mạng của mình cũng đặng toàn. Cảm thương mẹ mình chịu nhiều sự khổ não, mang thai cả mười tháng, sau khi sanh nở, nhường khô nằm ướt, hốt rửa phân dải, bú mớm nuôi nấng. Vì những công ơn ấy, ta phải báo đền, săn sóc hầu hạ, tùy thuận cúng dường mẹ ta.

Người phạm bốn tội nặng và năm tội vô gián, lúc sắp chết nhớ đến kinh Đại-Niết-Bàn nầy, dầu đọa địa ngục, súc sanh, ngạ quỹ, hay sanh trên trời, trong loài người, kinh điển nầy cũng làm nhơn bồ-đề cho người nầy, trừ hạng

nhứt-xiển- đề.

Nầy Thiện-nam-tử ! Ví như lương y và con trai của lương y hiểu biết sâu rộng hơn các y sĩ khác, biết rành phương trừ độc : Độc rắn, độc rồng, độc rít, độc bò cạp, lại đem phương thuốc nầy thoa nơi giày dép, các độc trùng chạm đến chất độc liền tiêu, chỉ không thể tiêu được độc của đại-long.

Cũng vậy, nếu có chúng sanh phạm bốn tội nặng, năm tội vô gián, kinh Đại Niết-Bàn
nầy có thể làm cho tội tiêu diệt, an trụ nơi đạo bồ-đề. Oai thần của kinh làm cho chúng sanh được an-lạc chỉ trừ hạng nhứt-xiển-đề.

Nầy Thiện-nam-tử ! Ví như có người lấy chất thuốc độc thoa lên mặt trống, những người nghe tiếng trống nầy, dầu là vô tâm đều trúng độc mà chết, chỉ trừ một người.

Cũng vậy, những người nghe tiếng kinh Đại-Niết-Bàn nầy, bao nhiêu tham dục, sân- khuể, ngu si thảy đều dứt hết. Oai lực của kinh nầy có thể diệt trừ phiền não, dầu là người không lòng nghĩ nhớ. Người phạm bốn tội nặng, năm tội vô gián được nghe kinh nầy cũng thành nhơn vô thượng bồ-đề, lần dứt phiền não, chỉ trừ hạng nhứt- xiển-đề.

Nầy Thiện-nam-tử ! Ví như đêm tối, tất cả công việc làm đều ngưng nghĩ. Nếu việc chưa làm xong phải chờ đến sáng ngày sau. Cũng vậy, người học Đại- thừa dầu tu tập theo khế kinh tất cả các môn thiền định, cần phải chờ nghe lời dạy vi mật của Như-Lai, nơi hội Đại-thừa Đại-Niết-Bàn rồi sau mới có thể tu tạo nghiệp nhơn bồ-đề an trụ nơi chánh pháp.

Như trời mưa nhuần thấm làm cho tất cả hột giống nẩy mầm lên cây, đơm bông kết trái, mọi người nhờ đó được no đủ, khỏi đói khát. Cũng vậy, pháp tạng của Như-Lai có thể diệt trừ tám thứ thống khổ. Kinh nầy ra đời, như những trái, hột đem sự no đủ an vui đến cho mọi người, tức là làm cho chúng sanh thấy Phật tánh. Như trong hội Pháp-Hoa tám ngàn ThanhVăn đặng thọ ký thành Phật.

Hạng nhứt-xiển-đề không tu tập pháp lành như mùa thạnh-động.

Nầy Thiện-nam-tử ! Ví như lương y nghe con người khác bị quỷ thần bắt, liền sai một người đem thuốc đến cứu, dặn rằng : Ngươi đem thuốc nầy mau trao cho người đó, sức thuốc sẽ làm cho quỷ thần tránh xa. Nếu người chậm trể thời ta phải tự đi, quyết chẳng để người đó bị hại. Nếu người bịnh đó

đặng thuốc, và oai đức của lương y, bịnh khổ liền hết. Cũng vậy, nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu- bà- tắc, Ưu-bà-di, và hàng ngoại đạo có thể thọ trì đọc tụng kinh điển nầy, lại phân biệt giảng nói cho người khác, hoặc tự biên chép, khiến người biên chép, tất cả đều là nhơn bồ-đề.

Nếu người phạm bốn tội nặng, năm tội nghịch, hoặc bị quỷ tà ác độc làm hại, nghe kinh điển nầy tất cả ác độc đều tiêu diệt, nên biết người nầy thật là Bồ-tát. Vì tạm đặng nghe kinh Đại-Niết-Bàn nầy, cũng do vì sanh lòng tưởng niệm Như- Lai thường-trụ. Tạm đặng nghe còn đặng công đức như vậy, huống là biên chép thọ trì đọc tụng, tất cả đều là Bồ-Tát, chỉ trừ hạng nhứt-xiên-đề.

Nầy Thiện-nam-tử ! Ví như người điếc chẳng nghe được tiếng. Cũng vậy, hàng nhứt-xiển-đề dầu muốn nghe kinh điển vi diệu nầy, cũng chẳng đặng nghe.

Nầy Thiện-nam-tử ! Ví như lương y thông suốt tất cả phương thuốc và rộng biết vô lượng chú thuật. Lương y nầy thấy nhà vua bèn tâu rằng :" Nay Đại-Vương có bịnh nguy đến tánh mạng". Vua nói : " Khanh chẳng thấy việc trong bụng ta, sao lại nói rằng có bịnh nguy đến tánh mạng". Lương y tâu : "Nếu chẳng tin lời của thần, xin Đại-Vương uống thuốc xổ, sau khi xổ Đại-Vương tự nghiệm lấy". Vua không bằng lòng uống.

Bấy giờ lương y dùng chú thuật làm cho hậu môn của vua sưng phồng lên vàthòng xuống, trùng máu tuôn ra. Vua nhìn thấy kinh sợ, hết lời khen ngợi lương y: Ta rất tiếc trước chẳng dùng lời của khanh, giờ đây mới biết khanh thật lương y, nhờ khanh mà thân ta đặng an lạc. Vua bèn cung kính lương y xem như cha mẹ.

Kinh Đại-Niết-Bàn nầy cũng lại như vậy. Tất cả chúng sanh không luận hàng hữu dục hay vô dục, đều có thể làm phiền não của kia tiêu dứt.

Những chúng sanh nầy nhẫn đến trong chiêm bao, cung kính cúng dường kinh nầy, như nhà vua cung kính lương y.

Nếu vị lương y đó biết người quyết định chết thời không chữa trị. Cũng vậy, kinh Đại-Niết-Bàn nầy chẳng thể chữa trị hạng nhứt-xiển-đề.

Nầy Thiện-nam-tử ! Ví như lương y biết rành tám khoa trị bịnh có thể trị lành tất cả các bịnh. Chỉ chẳng thể chữa trị người quyết định chết. Cũng vậy,

chư Phật, Bồ-Tát, có thể cứu độ tất cả chúng sanh có tội, chỉ không thể độ hạng nhứt-xiển - đề.

Nầy Thiện-nam-tử ! Ví như lương y biết rành tám khoa trị bịnh, lại thông hiểu nhiều khoa cao siêu khác, đem chỗ hiểu biết của mình truyền dạy cho con. Lần lần truyền dạy cả tám khoa, lại dạy thêm những khoa cao siêu khác. Cũng vậy, Đức Như-Lai trước dạy các Tỳ-kheo những phương tiện diệt trừ tất cả phiền não, dạy quán thân chẳng bền chắc, quán thân thọ khổ, quán vô ngã, khiến các đệ tử học thông thuộc chín bộ kinh, rồi sau mới dạy học tạng Như-Lai bí mật, nói Như-Lai thường trụ. Đức Như-Lai nói kinh Đại-thừa Đại-Niếât-Bàn để làm nhơn bồ-đề cho những chúng sanh đã phát tâm và người chưa phát tâm, chỉ trừ hạng nhứt-xiển-đề.

Nầy Thiện-nam-tử ! Kinh Đại-Niết-Bàn nầy là giáo pháp vô lượng vô số chẳng thể nghĩ bàn chưa từng có. Nên biết kinh nầy là lương y vô thượng tôn quý nhứt hơn tất cả, là vua trong các kinh.

Nầy Thiện-nam-tử ! Ví như thuyền lớn từ bờ biển nầy đi đến bờ kia lại từ bờ biển kia trở về bở nầy. Cũng vậy, Đức Như-Lai ngồi thuyền báu Đại-thừa Đại-Niết- Bàn qua lại tế độ chúng sanh. Nơi nào chốn nào có kẻ đáng được độ thời đều làm cho đặng thấy thân Như-Lai. Vì thế nên Đức Như-Lai có hiệu làvô- thượng thuyền-sư.

Ví như có thuyền, thời có thuyền sư, do có thuyền sư thời có người đi qua biển lớn. Đức Như-Lai thường trụ hóa độ chúng sanh cũng lại như vậy.

Nầy Thiện-nam-tử ! Ví như có người ở trong biển lớn, ngồi thuyền muốn đi qua, nếu đặng thuận gió, thời trong khoảnh khắc có thể đi đặng trăm ngàn do tuần. Nếu chẳng đặng thuận gió dầu ngồi thuyền trải qua nhiều năm chẳng rời khỏi chỗ cũ, có lúc thuyền hư lủng, đắm chìm mà chết.

Cũng vậy, chúng sanh ở nơi biển lớn sanh tử ngu si, ngồi trên thuyền các công hạnh, nếu gặp được gió mạnh Đại-Niết-Bàn, thời có thể mau đến bờ vô thượng đạo. Nếu chẳng gặp kinh nầy, sẽ phải luân chuyển mãi trong sanh tử. Hoặc có lúc phá hư công hạnh, phải đọa địa ngục, súc sanh, ngạ quỹ.

Nầy Thiện-nam-tử ! Ví như có người chẳng gặp gió thuận lớn, ở lâu trong biển nghĩ rằng : Nay chúng ta ắt chết tại đây. Lúc nghĩ như vậy bỗng gặp gió lớn, thuận theo gió qua khỏi biển, vui mừng nói rằng ngọn gió tốt nầy thật chưa từng có, làm cho chúng ta đặng an ổn qua khỏi nạn biển lớn. Cũng vậy, chúng sanh từ lâu ở trong biển lớn ngu si sanh tử, nghèo cùng tiều tụy khốn

khổ, lúc chưa gặp kinh Đại-Niết-Bàn thời nên nghĩ rằng : Chúng ta quyết định phải đọa nơi địa ngục, súc sanh, ngạ quỹ. Lúc chúng sanh nầy suy nghĩ như vậy, bỗng gặp kinh Đại-thừa Đại-Niết-Bàn, tùy thuận tu hành vào nơi vô thượng chánh đẳng chánh giác, khen rằng : Chúng ta từ trước đến nay chưa từng được nghe tạng Như-Lai vi mật như vậy. Lúc bấy giờ mới sanh lòng tin thanh tịnh đối với kinh Đại- Niết- Bàn.

Nầy Thiện-nam-tử !Như rắn lột da, nó có chết đặng chăng ?

_ Bạch Thế-Tôn ! “ Rắn không chết”.

_ Nầy Thiện-nam-tử ! Cũng vậy, Đức Như-Lai phương tiện thị hiện dứt bỏ thân độc nầy, có thể nói rằng Đức Như-Lai là vô thường diệt mất ư.

_ Bạch Thế-Tôn ! Không phải vậy.

Đức Như-Lai ở trong Diêm-Phù-Đề phương tiện bỏ thân, như rắn kia lột bỏ lớp da cũ, vì thế nên Đức Như-Lai gọi là thường trụ.

_ Nầy Thiện-nam-tử ! Ví như thợ kim hoàn đặng vàng thật tốt làm thành các món đồ tùy theo ý mình. Cũng vậy, Đức Như-Lai ở trong hai mươi lăm cõi, vì hóa độ chúng sanh khỏi dòng sanh tử, nên thị hiện các thứ sắc thân tùy ý tự tại, nên Đức Như-Lai có hiệu là vô-biên-thân. Dầu lại thị hiện các thứ sắc thân, nhưng cũng gọi là thường trụ không biến đổi.

Nầy Thiện-nam-tử ! Như cây Am-la và cây Diêm-phù. Trong một năm ba lần biến đổi; có lúc sanh bông màu sắc sáng rỡ, có lúc mọc lá sum sê rậm rợp có lúc điêu tàn như khô chết.

Nầy Thiện-nam-tử ! Cây ấy có thiệt là khô chết chăng ?

_ Bạch Thế-Tôn ! Cây ấy không phải chết.

_ Nầy Thiện-nam-tử ! Đức Như-Lai ở trong ba cõi, thị hiện ba thứ sắc thân cũng lại như vậy : Có lúc mới giáng sanh, có thời kỳ lớn khôn, có thời kỳ nhập Niết- Bàn. Dầu vậy, nhưng thân Đức Như-Lai thiệt chẳng phải vô thường.

Ca-Diếp Bồ-Tát tán thán rằng : “ Lành thay ! Lành thay ! Thiệt đúng như lời Phật dạy : Đức Như-Lai thường trụ không có biến đổi.”

Nầy Thiện-nam-tử ! Mật ngữ của Như-Lai rất sâu khó hiểu, ví như nhà vua bảo các quan đem Tiên-Đà-Bà đến. Danh từ Tiên-Đà-Bà chỉ cho bốn tbứ : Một là muối, hai là chén , ba là nước, bốn là ngựa. Có cả bốn thứ ấy đều đồng một danh từ Tiên-Đà-Bà. Quan hầu có trí biết rành danh từ nầy. Lúc vua muốn rửa ráy đòi Tiên-Đà-Bà, liền dưng nước. Lúc vua ăn đòi Tiên-Đà-Bà liền dưng muối. Lúc vua ăn xong muốn uống nước ngọt, đòi Tiên-Đà-Bà liền dưng chén. Lúc vua muốn du hành đòi Tiên-Đà-Bà liền đem ngựa dưng. Quan hầu có trí hiểu rành mật ngữ của nhà vua.

Kinh Đại-thừa nầy có bốn nghĩa vô thường cũng như vậy. Hàng Phật-tử Đại-thừa phải nên biết rành. Nếu đức Phật ra đời vì chúng sanh nói Như-Lai Niết- Bàn, người trí nên biết đây là đức Như-Lai vì người chấp thường mà nói pháp quán vô thường, muốn cho các Tỳ-kheo tu pháp quán vô thường. Hoặc đức Phật lại nói chánh pháp sẽ diệt, người trí nên biết đây là đức Như-Lai vì người chấp lạc nói pháp quán về khổ, muốn cho các Tỳ-kheo tu pháp quán khổ. Hoặc đức Như-Lai nói, nay ta bịnh khổ, chúng Tăng phá hoại. Người trí nên biết đây là đức Như-Lai vì người chấp ngã nói pháp quán vô ngã, muốn cho các Tỳ-kheo tu pháp quán vô ngã. Hoặc đức Phật lại nói, pháp quán không là chánh giải thoát. Người trí nên biết đây là đức Như-Lai nói chánh giải thoát, không hai mươi lăm cõi, muốn cho các Tỳ-kheo tu học pháp quán không. Vì nghĩa nầy nên chánh giải thoát gọi là không, cũng gọi là bất động. Bất động là vì trong giải thoát không có khổ. Cho nên bất động là chánh giải thoát, là không có tướng. Nói rằng không tướng đó là không có sắc, thanh, hương, vị, xúc vân vân, nên gọi là không tướng. Chánh giải thoát nầy thường chẳng biến đổi. Trong giải thoát nầy không có vô thường khổ não biến đổi. Vì thế nên giải thoát hiệu là thường trụ, mát mẻ chẳng biến đổi.

Hoặc đức Phật nói rằng tất cả chúng sanh đều có Như-Lai tánh. Người trí nên biết Đây là đức Như-Lai nói pháp thường, muốn cho các Tỳ-kheo tu tập pháp thường. Các Tỳ-kheo nầy nếu có thể tùy thuận học tập như vậy, nên biết người nầy thật là đệ-tử của Phật, biết rành tạng Như-Lai vi mật, như quan hầu có trí, biết rành ý của nhà vua.

Nầy thiện-nam-tử ! Nhà vua kia cũng có mật ngữ như vậy, huống là đức Như-Lai mà lại không có.

Nầy Thiện-nam-tử ! Vì thế nên giáo pháp vi mật của Như-Lai khó có thể biết được. Chỉ người trí mới có thể hiểu được Phật pháp rất sâu vi diệu của Như-Lai, chẳng phải hạng phàm phu trong đời mà có thể tin được.

Nầy Thiện-nam-tử ! Như cây Ba-la-xa cây Ca-ni-ca, cây A-thúc-ca gặp lúc nắng hạn thời chẳng sanh hoa trái. Nhẫn đến các sanh vật dưới nước trên đất thảy đều khô héo, không thể tăng trưởng, tất cả các phương thuốc không còn công hiệu.

Kinh Đai-thừa Đại-Niết-Bàn nầy cũng lại như vậy. Sau khi ta diệt độ, có các chúng sanh chẳng thể cung kính thời chẳng có oai đức. Vì các chúng sanh nầy chẳng biết tạng Như-Lai vi mật, bởi chúng sanh nầy phước đức mỏng kém.

Nầy Thiện-nam-tử ! Lúc chánh pháp của Như-Lai sắp diệt, bây giờ có số đông ác hạnh Tỳ-kheo chẳng biết tạng Như-Lai vi mật, chểnh mảng biếng nhác, chẳng thể đọc tụng tuyên dương chánh pháp của Như-Lai.

Ví như kẻ cướp ngu si, vất bỏ châu báu mà mang gánh cỏ trấu. Vì chẳng hiểu tạng Như-Lai vi mật nên biếng nhác đối với kinh nầy.

Thương thay đời vị lai rất nguy hiểm, rất đáng sợ sệt.

Khổ thay chúng sanh chẳng siêng năng thọ trì kinh Đại-thừa Đại-Niết-Bàn nầy.

Chỉ các vị Đại Bồ-Tát có thể ở nơi kinh nầy chẳng chấp văn tự, tùy thuận nghĩa chơn thật mà vì chúng sanh giảng nói.

Nầy Thiện-nam-tử ! Như đứa gái chăn bò vì muốn bán sữa, tham lợi nhiều nên thêm hai phần nước rồi bán cho đứa gái chăn bò khác. Đứa gái kia lại thêm hai phần nước rồi bán lại cho đứa gái ở gần thành. Đứa gái nầy lại thêm hai phần nước rồi bán lại cho đứa gái ở trong thành. Đứa gái nầy lại thêm hai phần nước rồi đem ra chợ bán. Bấy giờ có một người cần sữa tốt để đãi tân khách, nên đến chợ muốn mua sữa. Đứa gái bán sữa đòi giá mắc. Người mua nói sữa nầy pha nhiều nước, không đến giá đó, nay nhằm lúc tôi phải đãi đằng tân khách nên đành mua mắc. Mua xong đem về nhà, nấu thành cháo trọn không có mùi sữa. Dầu không có mùi sữa, nhưng cũng ngàn lần hơn vị chát đắng, vì vị sữa hơn hết trong các vị.

Nầy Thiện-nam-tử ! Sau khi ta nhập Niết-Bàn, lúc chánh pháp chưa dứt, còn tám mươi năm, kinh nầy sẽ lưu hành rộng nơi Diêm-Phù-Đề. Lúc bấy giờ sẽ có các ác Tỳ-kheo sao lược kinh nầy chia làm nhiều phần, có thể làm mất mùi vị tốt đẹp của chánh pháp. Những người nầy dầu đọc tụng kinh điển đây, nhưng lại diệt trừ yếu nghĩa thâm mật của Như-Lai, đem lời thế gian vô

nghĩa văn sức lẫn lộn, sao phần trước để ở sau, sao phần sau để ở trước, phần trước phần sau để ở giữa, phần giữa để ở phía sau phía trước. Nên biết các Tỳ-kheo nầy là bạn bè của ma. Họ nhận chứa tất cả vật bất tịnh mà nói rằng đức Như-Lai đều cho chúng tôi nhận chứa. Như đứa gái chăn bò pha nhiều nước vào trong sữa. Cũng vậy, các ác Tỳ-kheo nầy đem lời thế tục xen tạp vào kinh nầy. Làm cho đa số chúng sanh chẳng đặng lời nói chơn chánh, biên chép chơn chánh, nhận lấy chơn chánh, để tôn trọng tán thán cúng dường cung kính. Ác Tỳ-kheo đây vì lợi dưỡng nên chẳng thể lưu truyền rộn kinh nầy. Dầu có lưu truyền cũng là chút ít phần chẳng đáng kể. Như các đứa gái xoay vần bán sữa. Nhẫn đến nấu thành cháo mà không có vị sữa. Cũng vậy, Kinh Đại-thừa Đại-Niết-Bàn nầy lần lượt lạt lẽo không có khí vị. Dầu không khí vị vẫn còn hơn những kinh khác cả ngàn lần. Như cháo không mùi sữa kia vẫn ngàn lần hơn các vị đắng. Vì kinh Đại- thừa Đại-Niết-Bàn nầy là thượng-thủ nhứt đối với kinh điển Thanh-văn. Như sữa bò hơn hết trong các vị. Vì nghĩa nầy nên gọi là Đại-thừa Đại-Niết-Bàn.

Nầy thiện-nam-tử ! Như loài người không ai chẳng mong mõi được thân nam tử. Vì thân người nữ đều là chỗ nhóm ở của các sự nhơ xấu.

Nầy Thiện-nam-tử ! Như nước tiểu của con muỗi không thể làm cho mặt đất được nhuần ướt. Người nữ lòng dục khó đầy cũng như vậy. Ví như cả quả địa cầu, đem vò viên như hột đình lịch. Nam tử đông như số hột ấy, cùng dâm với một người nữ, vẫn không thể đủ.

Giả sử số nam tử như hằng sa cùng dâm với một người nữ, cũng không thể đủ.

Ví như trời mưa, trăm sông các giòng đều chảy vào biển cả, mà biển cả vẫn chưa từng đầy.

Cũng vậy, giả sử tất cả đều là nam tử, cùng dâm với một người nữ cũng không đủ.

Nầy Thiện-nam-tử ! Như cây A-thúc-ca, cây Ba-tra-la, cây Ca-ni-ca, mùa xuân hoa nở, có con ong hút lấy hương tế nhị của hoa chẳng chán chẳng đủ.

Cũng vậy, người nữ muốn người nam chẳng nhàm chẳng đủ.

Nầy Thiên-nam-tử ! Do nghĩa nầy nên mọi người khi nghe kinh Đại-thừa Đại- Niết-Bàn nầy, thường phải quở trách thân nữ cầu được thân nam. Vì kinh nầy có tướng trượng phu, tức làPhật tánh. Nếu người chẳng biết Phật

tánh nầy, thời không có tướng nam, ta nói những người nầygọi là nữ nhơn. Nếu có thể tự biết Phật tánh, ta nói người nầy gọi là tướng trượng phu. Nếu có người nữ biết thân mình quyết có Phật tánh, nên biết những người nầy chính là nam tử.

Kinh Đại-thừa Đại-Niết-bàn nầy chứa nhóm vô lượng vô biên công đức chẳng thể nghĩ bàn, vì nói tạng Như-Lai vi mật. Thế nên mọi người nếu muốn mau biết tạng Như-Lai, nên phải phương tiện siêng tu kinh nầy.

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật : " Thế-Tôn !Phải lắm, phải lắm, đúng như lời Phật nói. Nay tôi nhơn có tướng trượng phu nên đặng vào tạng Như-Lai vi mật. Hôm nay đức Như-Lai mới giác ngộ cho tôi, nhơn đây tôi liền được quyết định thông đạt."

Phật nói : " Lành thay ! Lành thay ! Nầy Thiện-nam-tử ! Nay ông tùy thuận thế gian mà nói."

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật : " Thế-Tôn ! Tôi chẳng tùy thuận pháp thế gian".

Đức Phật khen ngợi Ca-Diếp Bồ-tát : " Lành thay ! Lành thay ! Nay chỗ biết của ông là pháp vị vô thượng, pháp ấy rất sâu khó biết mà ông có thể biết đặng. Như con ong hút lấy mật hoa.

Nầy Thiện-nam-tử ! Như nước tiểu của con muỗi không thể làm cho mặt đất được thấm ướt. Đời đương-lai kinh nầy lưu truyền cũng lại như vậy. Lúc chánh pháp sắp diệt, kinh nầy sẽ trước ẩn mất nơi cõi đất nầy. Nên biết đó là tướng suy của chánh pháp.

Nầy Thiện-nam-tử ! Ví như hết mùa hạ qua đầu mùa thu, mưa thu tầm tã. Cũng vậy, kinh Đại-thừa Đại-Niết-Bàn nầy vì các vị Bồ-Tát ở phương nam sẽ lưu truyền rộng, rưới pháp võ đầy khắp xứ ấy. Lúc chánh pháp sắp diệt, kinh nầy sẽ truyền đủ nơi nước Kế-Tân. Hoặc có người tin, có người chẳng tin, kinh nầy ẩn mất trong đất. Khi kinh nầy ẩn mất rồi, tất cả kinh điển Đại-thừa khác, thảy đều dứt mất. Nếu ai gặp đặng kinh nầy đầy đủ, thời người đó là đệ nhứt trong loài ngươi. Các hàng Bồ-Tát nên biết chánh pháp vô thượng của Như-Lai sắp diệt chẳng còn lâu.

Lúc bấy giờ ngài Văn-Thù Sư-Lợi bạch Phật rằng : " Thế-tôn ! Nay ông Thuần- Đà còn có tâm nghi, ngưỡng mong đức Như-Lai vì ông giảng giải.

_ Nầy Thiện-nam-tử ! Tâm nghi thế nào, ông cứ trình bày Như-Lai sẽ dạy nữa cho.

Văn-Thù Sư-Lợi nói : " Ông Thuần-Đà nghi rằng : Đức Như-Lai là thường trụ, do vì đặng sức tri kiến Phật tánh. Nếu thấy Phật tánh mà là thường trụ, thời lúc trước chưa thấy lẽ ra là vô thường. Nếu lúc trước là vô thường, lúc sau cũng phải như vậy. Như những vật trong đời trước không nay có, có rồi trở thành không. Những vật như vậy đều là vô thường. Do nghĩa nầy nên chư Phật, Bồ- Tát, Duyên-Giác, Thanh-Văn không sai khác nhau".

Đức Thế-Tôn liền nói kệ rằng :

Trước có nay không, Trước không nay có,Trọn không có nghĩa. Ba đời là có.

Nầy thiện-nam-tử ! Do nghĩa nầy mà chư Phật, Bồ-Tát, Duyên-Giác, Thanh- Văn, cũng có sai khác.

Văn-Thù Sư-Lợi tán thán rằng : " Lành thay ! Thiệt như lời dạy của Như-Lai, nay tôi mới biết chư Phật, Bồ-Tát, Duyên-Giác, Thanh-Văn cũng có sai khác, cũng không sai khác."

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật : " Thế-Tôn ! Như lời Phật nói, Chư Phật, Bồ-tát, Duyên-Giác, Thanh-Văn, tánh không sai khác, cúi mong đức Như-Lai giảng rộng nghĩa ấy, để lợi ích, an lạc tất cả chúng sanh."

Phật nói : " Nầy Thiện-nam-tử ! Lóng nghe suy xét kỹ, đức Như-Lai sẽ vì ông giảng nói nghĩa ấy.

Nầy Thiện-nam-Tử ! Ví như trưởng giả nuôi nhiều bò sữa, đủ các màu lông, sai một người chăn nuôi. Một hôm người chăn vì sự cúng kiếng, vắt sữa tất cả bò đựng chung trong một thùng. Người ấy thấy sữa đồng một màu trắng, lấy làm lạ nghĩ rằng : Bầy bò mỗi con đều khác màu, sao sữa của chúng nó đều đồng màu. Người ấy gẫm kỹ, xét rằng tất cả đều do nhơn duyên nghiệp báo của chúng sanh làm cho sữa đồng một màu.

Nầy Thiện-nam-tử ! Hàng Thanh-Văn, Duyên-Giác, Bồ-Tát, đồng một Phật tánh, như sữa của bầy bò đồng một màu. Vì đồng sạch hết phiền não. Nhưng các chúng sanh nói chư Phật, Bồ-Tát, Duyên-Giác, Thanh-Văn, sai khác nhau. Cũng có hàng Thanh-Văn và người phàm phu nghĩ rằng : Ba thừa sao lại không sai khác. Những người nầy lâu lâu về sau tự hiểu rằng, tất cả ba

thừa đồng một Phật tánh. Như người chăn bò hiểu rằng màu sữa đồng một, là do nhơn duyên nghiệp báo.

Nầy Thiện-nam-tử ! Ví như quặng vàng, nấu lọc cặn bã, sau khi tiêu dung thành vàng, thời giá trị vô lượng. Thanh-Văn, Duyên-Giác, Bồ-Tát đều đặng thành tựu đồng một Phật tánh, vì trừ hết phiền não , như quặng vàng trừ hết cặn bã thành vàng. Do nghĩa nầy nên tất cả chúng sanh đồng một Phật tánh không có sai khác. Vì họ trước kia nghe tạng Như-Lai vi mật, thời gian sau thành Phật tự nhiên đặng biết, vì dứt vô lượng phiền não. Như ông Trưởng gia ûkia biết sữa đồng một màu."

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật rằng : : Thế-tôn ! Nếu tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, thời Phật cùng chúng sanh có gì sai khác. Người nói như vậy có nhiều lỗi lầm. Nếu các chúng sanh đều có Phật tánh, do nhơn duyên gì Ngài Xá-Lợi- Phất vân vân lại nhập Tiểu Niết-Bàn. Hàng Duyên-Giác nhập Trung Niết-Bàn, các vị Bồ-Tát nhập Đại Niết-Bàn. Ba hạng người như vậy nếu đồng Phật tánh sao lại chẳng đồng nhập Đại-Niết-Bàn như đức Như-Lai ?"

_ Nầy thiện-nam-tử ! Niết-Bàn của chư Phật Thế-Tôn chính là chẳng phải cho ãchứng của Thanh-Văn, Duyên-Giác, do nghĩa nầy nếu nhập Đại Niết-Bàn gọi là thuần-thiện. Thế gian nếu không Phật ra đời chẳng phải là không có hàng nhị thừa chứng đặng hai thứ Niết-Bàn".

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật : Thế-Tôn ! Nghĩa ấy như thế nào ?

Phật nói vô lượng vô biên vô số kiếp mới có một đức Phật hiện ra nơi đời khai thị pháp tam thừa.

Nầy Thiện-nam-tử ! như lời ông nói, Bồ-Tát, Duyên-Giác và Thanh-Văn không sai khác đó, trước kia trong tạng Như-Lai Đại-Niết-Bàn nầy ta đã có nói nghĩa đó. Các vị A-La-Hán không có thuần thiện, vì các vị A-La-Hán đều sẽ đặng Đại- Niết- Bàn nầy, do nghĩa nầy nên nhập Đại-Niết-Bàn có lạc rốt ráo, vì có lạc rốt ráo nên gọi là nhập Đại-Niết-Bàn.

Ca-Diếp Bồ-tát bạch Phật rằng : " Như lời Phật nói tôi nay mới biết nghĩa sai khác, cùng nghĩa không sai khác, vì tất cả Bồ-Tát Thanh-Văn, Duyên-Giác đều sẽ đồng qui nơi Đại-Niết-Bàn ở đời vị lai, như các dòng nước chảy về biển cả. Thế nên hàng Thanh-Văn, Duyên-Giác đều gọi là thường chẳng phải là vô thường. Do nghĩa nầy nên cũng có sai khác, cũng không sai khác.

_ Bạch Thế-Tôn ! Thế nào là tánh sai khác ?

_ Nầy Thiện-nam-tử ! Thanh-Văn như sữa. Duyên-Giác như lạc, Bồ-Tát như sanh-tô thục-tô, chư Phật Thế-tôn như đề-hồ. Do nghĩa nầy nên trong Đại-Niết- Bàn nói bốn chủng tánh sai khác nhau.

_ Bạch Thế-Tôn ! Tánh tướng của tất cả chúng sanh như thế nào ?

Nầy Thiện-nam-tử ! Như bò mới sanh, sữa máu chưa sai khác. Tánh phàm phu các phiền não xen tạp cũng lại như vậy.

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch rằng : " Trong thành Câu-Thi-La có gã chiên-đà-la tên là Hoan-Hỷ, Phật thọ ký người nầy do một lần phát tâm nên sẽ mau thành đạo vô thượng chánh giác trong số ngàn Phật ở thế giới nầy. Cớ sao đức Như-Lai chẳng thọ ký cho Tôn-Giả Xá-Lợi-Phất, Tôn-Gỉa Mục-Kiền-Liên vân vân, mau thành Phật đạo ?

_ Nầy Thiện-nam-tử ! Hoặc có Thanh-Văn, Duyên-Giác, Bồ-Tát phát nguyện rằng : Tôi sẽ mãi mãi hộ trì chánh pháp vậy sau mới thành Phật đạo. Vì phát nguyện mau, nên thọ ký cho mau thành Phật.

Nầy Thiện-nam-tử !Ví như người buôn bán, có châu báu vô giá đem ra chợ bán. Người ngu thấy báu chẳng biết, khinh cười. Nhà buôn xướng rằng châu báu của tôi giá trị vô số. Bọn ngu càng nghe lại khinh cười thêm bảo nhau rằng : Thứ đó không phải chơn châu hay là châu pha lê. Cũng vậy, hàng Thanh-Văn, Duyên- Giác nếu nghe thọ ký mau thành Phật, thời bèn giãi đãi khinh cười coi rẽ. Như bọn người ngu chẳng biết chơn châu.

Đời vị lai có hàng Tỳ-kheo chẳng thể siêng năng tu tập pháp lành. Do nghèo cùng khốn khổ, đói khát mà xuất gia để thân được no ấm, tâm chí họ khinh tháo, tà mạn, siểm khúc, Hạng nầy nếu nghe đức Như-Lai thọ ký hàng Thanh-Văn mau thành Phật, họ sẽ cả cười khinh mạn chê bai. Nên biết bọn nầy tức là kẻ phá giới, tự nói rằng đã chứng đặng hơn người. Do nghĩa nầy nên tùy theo người phát nguyện mau thành, thời thọ ký cho mau thành. Người hộ trì chánh pháp, thời vì thọ ký cho lâu thành.

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật : " Thế-Tôn ! Đại Bồ-Tát như thế nào sẽ đặng chẳng hư hoại quyến thuộc ?

Phật nói : " Nếu các Bồ-tát siêng năng tinh tấn muốn hộ trì chánh pháp. Do nhơn duyên nầy được quyến thuộc chẳng thể hư hoại."

_ Bạch Thế-Tôn ! Do nhơn duyên gì chúng sanh môi miệng khô cháy ?

_ Nếu có người chẳng biết Tam-bảo là thường còn, do nhơn duyên nầy, môi miệng khô cháy. Như người miệng bịnh chẳng biết vị ngọt, đắng, cay, chua mặn, lạt. Tất cả chúng sanh ngu si vô trí chẳng biết Tam-bảo là thường còn, thế nên gọi là môi miệng khô cháy.

Nầy Thiện-nam-tử ! Nếu có chúng sanh chẳng biết Như-Lai là thường trụ, nên biết người nầy là kẻ sanh manh, nếu biết Như-Lai là thường trụ, người nầy dầu là nhục nhãn nhưng Phật nói là thiên-nhãn.

Nầy Thiện-nam-tử ! Nếu người có thể biết Như-Lai là thường trụ nên biết người nầy từ lâu đã tu tập kinh điển nầy. Phật nói những người nầy cũng gọi là thiên nhãn.

Nếu chẳng thể biết như-Lai là thường trụ, người nầy dầu có thiên nhãn, nhưng Phật gọi là nhục nhãn. Người nầy nhẫn đến chẳng biết tay chơn chi tiết của thân mình, cũng không thể làm cho người khác biết, do nghĩa nầy nên gọi là nhục nhãn.

Nầy Thiện-nam-tử ! Đức Như-Lai thường vì tất cả chúng sanh mà làm cha mẹ. Vì tất cả chúng sanh các thứ hình loại : Hai chơn, bốn chơn, nhiều chơn, không chơn, đức Phật dùng một âm thanh mà vì thuyết pháp. Những loài chúng sanh khác nhau kia đều tự đặng nhận hiểu, đều tán thán rằng : Đức Như-Lai ngày nay vì tôi mà thuyết pháp. Do nghĩa nầy nên đức Như-Lai gọi là cha mẹ.

Nầy Thiện-nam-tử ! Như người sanh con trai mới được mười sáu tháng, đứa trẻ dầu biết nói nhưng chưa rành rẽ. Mà cha mẹ của đứa trẻ muốn dạy con nói, nên theo đồng tiếng của nó để dạy lần lần. Lời nói của cha mẹ đứa trẻ có phải là chẳng đúng giọng ư ?

_ Bạch Thế-tôn ! Không phải vậy .

_ Nầy Thiện-nam-tử ! Chư Phật Như-Lai tùy theo các thứ tiếng nói của mọi loài chúng sanh mà thuyết pháp. Vì làm cho chúng sanh an trụ nơi chánh pháp. Tùy theo chúng sanh đáng được thấy mà vì thị hiện các thứ hình tượng. Đức Như- Lai nói năng đồng với chúng sanh, có thể cho rằng âm thanh của Như-Lai là chẳng chánh ư ?

_ Bạch Thế-Tôn ! Không phải vậy. Vì Đức Như-Lai tùy thuận theo các thứ âm thanh của thế gian, mà vì chúng sanh diễn nói diệu-pháp.

XVII

PHẨM ĐẠI CHÚNG SỞ VẤN THỨ MƯỜI BẢY

(Hán bộ phần đầu quyển thứ mười)

Bấy giờ đức Thế-Tôn từ trên mặt phóng các thứ ánh sáng màu : Những ánh sáng xanh, vàng, đỏ, trắng, hồng, tía, chiếu thân Thuần-Đà. Thuần-Đà gặp ánh sáng nầy, bèn cùng quyến thuộc mang những thức ăn đến rừng Ta-La để cúng dường đức Phật lần cuối cùng và cúng dường chúng Tỳ-kheo.

Lúc đó có Trời Đại-Oai-Đức đứng án trước mặt bảo Thuần-Đà rằng : Ông Thuần-Đà nên dừng lại, chớ dâng cúng.

Đức Như-Lai lại phóng vô lượng vô biên ánh sáng, đại chúng cõi trời gặp ánh sáng nầy liền để cho Thuần-Đà đem những thức ăn uống dâng lên Phật.

Lúc đó chư thiên cùng các chúng sanh đem đồ cúng dường cũng lần đến nơi trước Phật, đồng quì bạch rằng : Ngưỡng mong đức Như-Lai cho phép các Tỳ- kheo thọ vật thực nầy.

Các Tỳ-kheo biết đã đến giờ ăn, bèn chấp trì y-bát an lành ngồi yên.

Thuần-Đà vì Phật và chúng sanh mà bố thí những tòa báu sư tử, treo phan lọng lụa cùng chuỗi ngọc hương hoa. Lúc bấy giờ cả tam thiên đại thiên thế giới trang nghiêm tốt đẹp như cõi Cực-lạc ở phương Tây.

Thuần-Đà quì trước Phật, sầu lo buồn bã bạch rằng : “ Ngưỡng mong đức Như- Lai xót thương trụ thọ một kiếp, hoặc dưới một kiếp.”

Phật bảo Thuần-Đà : “ Ông muốn đức Phật ở lâu nơi đời, phải nên mau dâng cúng dường lần cuối cùng.

Lúc đó tất cả Đại-Bồ-Tát, chư thiên, mọi người người khác miệng đồng lời xướng rằng : “ Lạ lùng thay ông Thuần-Đà, trọn nên phước đức lớn có thể làm cho đức Như-Lai nhận lấy lần cúng dường cuối cùng. Chúng ta vô phước uổng công trần thiết !”

Đức Thế-Tôn muốn làm cho tất cả đại chúng mãn nguyện, mỗi mỗi lỗ chơn lông trên thân Phật hoá thành vô lượng Phật mỗi đức Phật đều có vô lượng

Tỳ-kheo Tăng. Chư Phật và Tỳ-kheo Tăng nầy thị hiện thọ sự cúng dường của Đại- chúng. Thích-Ca Như-Lai tự thọ phần của Thuần-Đà dâng.

Do thần lực của Phật tám hộc cơm của Thuần-Đà đều cung cấp đầy đủ tất cả Đại-hội. Thuần-Đà thấy vậy, vui mừng hớn hở, tất cả đại chúng cũng đều hoan hỷ.

Toàn thể đại chúng lúc đó đều nghĩ rằng : Nay đức Như-Lai đã nhận sự cúng dường rồi, không bao lâu sẽ vào Niết-Bàn. Lòng đại chúng vừa buồn vừa mừng.

Lúc bấy giờ rừng cây Ta-La vốn hẹp nhỏ, do thần lực của Phật, khoảng không gian như mũi kim đều có vô lượng chư Phật Thế-Tôn và quyến thuộc Bồ- Tát đồng ngồi thọ thực. Những thức ăn cũng đồng không sai khác.

Lúc đó chư Thiên, mọi người, A-Tu-La vân vân, khóc lóc buồn khổ than rằng : Nay đức Như-Lai đã thọ lần cúng dường cuối cùng củachúng ta, rồi đây đức Phật sẽ nhập Niết-Bàn, chúng ta còn biết sẽ cúng dường ai. Nay chúng ta mất hẳn bực điều-ngự vô thượng, khác nào người mù không con mắt.

Đức Thế-Tôn vì muốn an ủi tất cả đại chúng mà nói kệ rằng:

Đại chúng chớ buồn than, Pháp chư Phật phải vậy. Phật nhập nơi Niết-Bàn, Đã trải vô lượng kiếp. Thường hưởng vui vô thượng, Vĩnh biễn ở an ổn. Mọi người lóng lòng nghe ! Phật sẽ nói Niết-Bàn : Phật đã lìa ăn uống. Trọn không khổ đói khát, Phật sẽ vì mọi người, Nói nguyện tùy thuận kia, Khiến tất cả đại chúng, Đều được vui an ổn, Nghe xong nên tu hành, Pháp thườngtrụ của Phật. Giả sử quạ chim cắt, Chung một cây làm ổ. Như anh em thân yêu, Phật mới Niết- Bàn hẳn. Như-Lai xem tất cả, Thương như La-Hầu-La, Thường làm thầy chúng sanh, Sao lại Niết-Bàn hẳn. Giả sử rắn chuột sói, Đồng ở chung một hang, Thương nhau như anh em, Phật mới Niết-bàn hẳn. Như-Lai xem tất cả, Thương như La- Hầu-La, Thường làm cha chúng snh, Thế nào Niết-Bàn hẳn. Giả sử hoa thất- diệp, Thơm như hoa bàn-sư. Trái cây ca-lưu-ca, Chuyển làm trái trấn-đầu, Như- Lai xem tất cả, Thương như La-Hầu-La, Sao lại bỏ Từ-Bi. Vĩnh viễn nhập Niết- Bàn. Giả sử nhứt-xiển-đề, Hiện thân thành Phật đạo, Thọ hẳn vui đệ nhứt, Phật mới vào Niết-Bàn. Như-Lai xem tất cả, Đều như La-Hầu-La, Sao lại bỏ Từ-Bi, Vĩnh viễn nhập niết-Bàn. Giả sử tất cả chúng. Đồng thời thành Phật đạo, Xa lìa các lỗi lầm, Phật mới nhập Niết-Bàn. Như-Lai xem tất cả, Đều như La-Hầu-La, Sao lại bỏ Từ-bi, Vĩnh viễn nhập Niết-Bàn. Giả sử nước đái muỗi, Ngập lụt cả

đại địa, Ngập núi và trăm sông, Biển cả đều đầy tràn. Nếu có việc như vậy, Phật mới vào Niết-Bàn. Lòng bi xem tất cả, Đều như La-Hầu-La, Thường làm thầy chúng sanh, Sao lại Niết-Bàn hẳn. Vì thế nên mọi người, Phải ưa thích chánh pháp. Chẳng nên sanh buồn rầu, Than thở mà khóc lóc. Muốn có hạnh chơn chánh, Phải tu Phật thường trụ, Nên xét pháp như vậy, Còn mãi chẳng biến đổi. Lại nên suy nghĩ rằng : Tam-Bảo đều thường trụ, Thời đặng lợi ích lớn, Như cây khô sanh trái. Đây gọi là Tam-Bảo, Tứ chúng phải khéo nghe, Nghe rồi thêm vui mừng, Liền phát tâm Bồ-Đề. Nếu biết được Tam-Bảo, Thường trụ đồng chơn- đế, Đây thời là thệ nguyện, Tối-thượng của chư Phật.

Nếu có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, có thể y cứ theo thệ nguyện tối thượng của Như-Lai mà tự phát nguyện, nên biết người nầy không có ngu si, kham lãnh thọ sự cúng dường. Bởi nguyện lực nầy có công đức quả báo rất thù thắng nơi thế gian, như A-La-Hán. Nếu ai chẳng thể quan sát Tam-bảo thường trụ như vậy, kẻ nầy là chiên-đà-la.

Nếu có người biết được Tam-Bảo là thường trụ, là nhơn duyên pháp chơn thật, thời lìa khổ đặng an vui, không có gì nhiễu hại lưu nạn được người nầy.

Lúc đó cả đại chúng trời, người, a-tu-la vân vân, nghe lời Phật dạy, đều vui mừng hớn hở tâm tưởng đều nhu, dung nhan vui vẻ oai đức thanh tịnh, khéo dứt ngũ cái, tâm không phân biệt cao hạ, biết Phật là thường trụ. Do đó đại chúng sắp đặt các thứ cúng dường, cõi trời rải các thứ hoa trời, hương bột, hương thoa, đánh trống trời, trỗi kỹ nhạc trời để cúng dường Phật.

Phật bảo Ca-Diếp Bồ-Tát rằng : "Ông thấy việc hy hữu của đại chúng đây chăng ?

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật : " Thế-Tôn ! Tôi đã thấy. Tôi thấy các đức Như-Lai đông vô lượng vô biên không thể tính đếm, lãnh thọ những thức uống ăn của đại chúng cúng dường. Lại thấy chư Phật thân rất cao lớn, mà chỗ ngồi chỉ choán khoảng bằng mũi kim. Chúng đông vi nhiễu không chướng ngại nhau. Lại thấy đại chúng đều phát nguyện nói mười ba bài kệ. Tôi cũng biết đại chúng đều tự nghĩ rằng : Nay đức Như-Lai riêng thọ tôi cúng dường. Giả sử tất cả vật thực của Thuần-Đà dâng cúng, nghiền nhỏ như vi trần, đem một vi trần dâng một đức Phật, vẫn không khắp đủ, nhưng nhờ thần lực của Phật, mà đều cung cấp đủ tất cả đại chúng, chỉ có các vị Đại-Bồ-Tát như Văn-Thù Sư-Lợi Pháp-Vương Tử vân vân, mới biết được sự hi hữu nầy. Đây đều là

đức Như-Lai phương tiện thị hiện, chúng Thanh-Văn và A-Tu-La vân vân đều biết đức Như-Lai là pháp thường trụ".

Đức Thế-Tôn bảo Thuần-Đà rằng : " Nay ông có thấy việc hi hữu lạ lùng nầy chăng ?"

_ Bạch Thế-Tôn ! Tôi thiệt có thấy. Tôi trước thấy vô lượng chư Phật, ba mươi hai tướng, tám mươi thứ tốt trang nghiêm nơi thân. Chư Đại-Bồ-Tát cung kính vi nhiễu".

Phật bảo Thuần-Đà : " Vô lượng chư Phật mà ông đã thấy, đó là ta hoá hiện ra để đem sự lợi ích vui mừng đến cho tất cả chúng sanh. Hàng Đại Bồ-Tát như vậy công hạnh tu hành chẳng thể nghĩ bàn, có thể làm vô lượng Phật sự. Nầy Thuần-Đà, nay ông đã thành tựu hạnh Đại-Bồ-Tát, đặng trụ thập địa, đã làm xong đầy đủ công hạnh của Bồ-tát"ï

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật : " Thế-Tôn ! Đúng như lời Phật dạy. Chỗ tu tập của Thuần-Đà trọn nên hạnh Bồ-Tát, tôi cũng tùy hỷ.

Hôm nay đức Như-Lai vì muốn đem sự sáng suốt lớn cho chúng sanh đời vị lai, mà nói kinh Đại-thừa Đại-Niết-Bàn nầy.

Bạch Thế-Tôn ! Tất cả khế kinh có còn nghĩa dư thừa hay không nghĩa dư thừa ?

Nầy Thiện-nam-tử ! Kinh của Phật đã nói cũng có nghĩa dư thừa, cũng không nghĩa dư thừa.

Thuần-Đà bạch Phật : " Thế-Tôn ! Như lời Phật nói :

Tất cả vật của mình có, Đem bố thí cho tất cả, Chỉ phải nên đều tán thán, Trọn không được có khuy tổn.

Bạch Thế-Tôn ! Nghĩa đó thế nào. Trì giới, hủy giới có sai khác gì ?

Phật nói : " Chỉ trừ một người, ngoài ra tất cả bố-thí đều nên tán thán".

Thuần-Đà bạch Phật : " Thế nào gọi là chỉ trừ một người ?"

Phật nói : : Người phá giới như trong kinh nầy đã nói".

Thuần-Đà lại bạch : " Nay tôi chưa được rõ, cúi mong đức Phật nói rõ cho".

Phật bảo Thuần-Đà : " Trong kinh đây nói người phá giới là nhứt-xiển-đề. Ngoài ra tất cả chỗ bố-thí đều nên tán thán, đặng quả báo rất lớn".

Thuần-Đà bạch Phật : " Thế-Tôn ! Nghĩa nhứt-xiển-đề như thế nào ?"

Phật bảo Thuần-Đà : " Nếu có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, nói lời thô ác, chê bai chánh pháp, tạo tội nặng nề, trọn chẳng ăn năn, tâm không hổ thẹn, người như vậy gọi là xu hướng con đường nhứt-xiển-đề.

Nếu người phạm bốn tội trọng, năm tội nghịch, tự quyết định biết phạm tội trọng như vậy, mà tâm chẳng biết sợ sệt hổ thẹn, chẳng bằng lòng phát lồ, ở nơi chánh pháp trọn không lòng hộ trì kiến lập, chê bai khinh tiện, nhiều lời lỗi lầm, người như vậy cũng gọi là hướng đến đường nhứt-xiển-đề.

Nếu lại có ngươi nói rằng : Không Phật, không Pháp, không Tăng, người như vậy, cũng gọi là hướng đến đường nhứt-xiển-đề.

Chỉ trừ bọn nhứt-xiển-đề này, ngoài ra tất cả chỗ bố thí đều nên tán thán ."

Thuần-Đà lại bạch Phật rằng : " Thế-Tôn ! Như Phật nói phá giới, nghĩa đó thế nào ?"

_ Nầy Thuần-Đà ! Nếu phạm bốn tội nặng và năm tội nghịch, cùng hủy báng chánh pháp, người như vậy gọi là phá giới.

Thuần-Đà bạch Phật : " Thế-Tôn ! người phá giới như vậy có thể cứu vớt được chăng ?"

_ Nầy Thuần-Đà! Có nhơn duyên thời cứu vớt được. Nếu người đó còn mặc pháp phục chưa bỏ, trong tâm luôn hổ thẹn sợ sệt, tự trách cứ lấy mình, trong lòng ăn năn, sanh tâm hộ trì chánh pháp, muốn kiến lập chánh pháp và nguyện sẽ cúng dường người hộ pháp. Nếu có người đọc tụng kinh điển Đại-thừa, tôi sẽ đến han hỏi để được thọ trì đọc tụng. Khi đã thông thuộc rồi, tôi sẽ vì người khác giảng nói.

Nầy Thuần-Đà người như trên đây, Phật gọi là chẳng phá giới. Ví như mặt trời mọc lên có thể phá trừ tất cả tối tăm sương mù. Cũng vậy, kinh Đại-thừa Đại- Niết-Bàn vi diệu nầy, khi hiện ra nơi đời, có thể phá trừ những nghiệp tội trong vô lượng kiếp của chúng sanh. Thế nên kinh nầy nói rằng hộ trì chánh pháp đặng quả báo lớn, có thể cứu vớt kẻ phá giới.

Nếu có người hủy báng chánh pháp nầy, mà có thể tự ăn năn chừa cải, trở về nơi chánh pháp, tự nghĩ tất cả điều ác đã làm, như người tự hại lấy mình, sanh lòng kinh sợ hổ thẹn. Trừ chánh pháp nầy ra không có gì cứu hộ được. Vì thế nên phải trở về nơi chánh pháp.

Người nầy nếu có thể quy y chánh pháp như trên, bố thí cho người nầy sẽ đặng vô lượng phước. Người nầy cũng gọi là bậc đáng lãnh thọ sự cúng dường của thế gian.

Nếu người phạm những tội nghiệp ác như trên, trãi qua một tháng, hoặc mười lăm ngày, chẳng có lòng phát lồ quy y chánh pháp, nếu bố thí cho người nầy được quả báo rất ít.

Người phạm tội ngũ nghịch, nếu có thể sanh lòng ăn năn hổ thẹn quy y hộ trì chánh pháp như trên, người nầy chẳng gọi là phạm tội ngũ nghịch. Nếu bố thí cho người nầy, đặng vô lượng phước. Nếu phạm tội ngũ nghịch, mà chẳng sanh tâm quy y hộ pháp. Nếu bố thí cho người nầy, đặng phước không đáng kể.

Nếu Thiện-nam-tử ! Người phạm tội trọng nên có tâm nầy : Chánh pháp tức là tạng Như-Lai vi mật, tôi phải hộ trì kiến lập. Nếu ai bố thí cho người nầy,thời đặng quả báo rất tốt.

Nầy Thiện-nam-tử ! Ví như thiếu phụ kia mang thai gần ngày sanh nở, nhằm lúc trong nước loạn lạc, lánh nạn trốn đến xứ khác, giữa đường sanh nở. Sau đó nghe nước nhà đã an ổn, đem con trở về, giữa đường phải lội qua con sông nước đầy chảy xiết, đến giữa dòng đuối sức, tự nghĩ rằng : Tôi thà cùng con tôi đồng chết, quyết không bỏ con để được sống một mình. Do đó mẹ con đều bị nước cuốn chìm. Phụ nữ ấy, sau khi chết được sanh lên cõi trời. Phụ nữ nầy tánh vốn tệ ác nhờ lòng thương con mà đặng sanh lên cõi trời.

Cũng vậy, người phạm bốn tội nặng, năm tội nghịch, nếu sanh tâm quy y hộ trì chánh pháp thời là phước điền vô thượng của thế gian. Người hộ pháp nầy được vô lượng quả báo tốt như vậy.

Thuần-Đà bạch Phật : Thế-Tôn ! Nếu hạng nhứt-xiển-đề có thể tự ăn năn chừa cải, cung kính cúng dường tán thán Tam-Bảo. Bố thí cho người nầy có đặng quả báo lớn chăng ?

Nầy Thiện-nam-tử ! Nay ông chẳng nên nói như vậy. Ví như có người ăn trái Am-La nghĩ rằng : Trong hột trái nầy có lẽ ngọt liền đập bể hột ra để

nếm thấy vị rất chát đắng, lòng sanh hối hận sợ mất giống trái tốt, mới gom góp mãnh hột vụn đem ươm nơi đất, siêng năng săn sóc, đến dùng sửa, tô, dầu để tưới bón. Ý ông nghĩ thế nào, hột đó có thể mọc lên cây được chăng ?

_ Bạch Thế-Tôn ! " Không thể mọc lên được, dầu cho trời mưa chất cam lồ, hột nát bể ấy cũng mọc không được".

_ Nầy Thiện-nam-tử ! Hạng nhứt-xiển-đề đã đốt cháy căn lành, sẽ ở nơi chỗ nào mà trừ tội đặng.

Nếu sanh tâm lành, thời kẻ đó chẳng gọi là nhứt-xiển-đề.

Do nghĩa nầy tất cả chỗ bố thí đặng quả báo chẳng phải không sai khác. Vì thí cho hàng Thanh-Văn đặng quả báo khác, thí hàng Bích-Chi Phật đặng quả báo cũng khác. Duy cúng thí đức Như-Lai đặng quả báo vô thượng. Thế nên nói rằng : Tất cả chỗ bố thí chẳng phải không sai khác.

Thuần-Đà lại bạch : " Thế-Tôn ! Do cớ chi đức Như-Lai nói bài kệ ấy ?"

_ Nầy Thuần-Đà ! Vì có nhơn duyên nên ta nói bài kệ ấy.

Trong thành Vương-Xá có nhà cư sĩ không lòng tin Tam-Bảo, phụng thờ phái Ni- Kiền-Tử đến hỏi Phật nghĩa bố thí nên ta nói bài kệ ấy. Cũng vì các vị Đại-Bồ- Tát mà nói nghĩa tạng bí mật, bài kệ ấy nghĩa như vầy :

Tất cả đó là ít phần tất cả. Phải biết Đại-Bồ-Tát là bực tôn quý trong loài người, nhiếp thủ hạng trì giới cung cấp cho đồ cần dùng, dứt bỏ hạng phá giới, như bỏ cỏ rác.

Nầy Thiện-nam-tử ! Như xưa kia ta nói kệ rằng :

Tất cả sông ngòi, Quyết có xoáy cong, Tất cả rừng rậm, Aét có cây cối, Tất cả người nữ. Quyết lòng dua vạy, Tất cả tự tại, Quyết hưởng an vui.

Lúc đó Văn-thù Sư-Lợi Bồ-Tát đến lạy chơn Phật mà nói kệ rằng :

Chẳng phải tất cả sông, Điều quyết có xoáy cong, Chẳng phải tất cả rừng, Quyết gọi là cây cối. Chẳng phải mọi người nữ, Quyết có lòng dua vạy. Tất cả hàng tự tại. Chẳng quyết đều hưởng vui.

Văn-Thù Sư-Lợi lại bạch : “ Kệ của đức Phật nói còn có nghĩa dư thừa, cúi mong đức Như-lai nói rõ nhơn duyên kia.

Thế-Tôn ! Vì nơi thế giới nầy, có bờ Câu-da-ni, nơi ấy có con sông Ta-bà-da ngay thẳng chẳng cong, như sợi dây, chạy chăng vào biển Tây. Con sông ấy nơi trong những kinh khác Phật chưa từng nói, xin đức Như-Lai nhơn hội phương đẳng nầy, nói nghĩa còn dư thừa trong kinh A-Hàm, khiến các vị Bồ-Tát hiểu rõ nghĩa ấy.

Thế-Tôn ! Ví như có người, lúc trước thời biết quặng vàng, lúc sau lại chẳng biết vàng. Cũng vậy, đức Như-Lai biết rõ tất cả pháp mà lời nói ra còn có nghĩa dư thừa chẳng trọn. Dầu đức Như-Lai nói nghĩa thừa như vậy, nhưng cũng nên phương tiện giải rõ ý nghĩa kia.

Tất cả rừng rậm quyết là cây cối. Đây cũng chưa được trọn, vì các thứ cây vàng, bạc, lưu ly những cây bằng chất báu, cũng gọi là rừng.

Tất cả người nữ quyết có lòng dua vạy. Đây cũng chưa trọn, vì cũng có người nữ khéo giữ giới cấm trọn nên công đức, có lòng đại từ bi.

Tất cả tự tại quyết hưởng an vui. Đây cũng chưa trọn, ví như Thích-Ca Như-Lai là đấng pháp vương tự tại, chẳng ở trong phạm vi vô thường, chẳng thể diệt dứt là rốt ráo an vui. Hàng Phạm-Vương Đế-Thích, các trời, dầu đặng tự tại, nhưng đều là vô thường, chưa phải an vui. Nếu đặng thường trụ không biến đổi mới đặng gọi là tự tại, chính là Đại-thừa Đại-Niết-bàn.”

Phật bảo Văn-Thù Sư-lợi : “ Nay ông khéo đặng biện tài vô ngại.

Nầy Thiện-nam-tử ! Vả thôi, nên lóng nghe. Ví như trưởng giả mang bịnh khổ, y sĩ hiệp thuốc cao để điều trị. Vì tham, người bịnh muốn uống nhiều. Y sĩ bảo, nếu có thể tiêu hoá được thời nên uống nhiều, nay thân trưởng giả gầy yếu chẳng nên uống nhiều. Phải biết thuốc cao nầy gọi là cam lồ, cũng gọi là độc dược, nếu uống nhiều chẳng tiêu hóa được thời thành chất độc.

Nầy Thiện-nam-tử ! Nay ông chớ cho rằng lời nói của y sĩ là trái nghĩa mật lý, làm hư công hiệu của thuốc cao.

Nầy Thiện-nam-tử ! Cũng vậy, đức Như-Lai nhơn vua Ba-Tư -Nặc, Vương-tử, và hậu phi có lòng kiêu mạn, vì muốn điều phục họ nên thị hiện nói lời ấy cho họ sợ sệt, như y sĩ kia. Do đó mà ta nói kệ rằng :

Tất cả sông ngòi, Quyết có xoáy cong, Tất cả rừng rậm, Quyết là cây cối. Tất cả người nữ, Quyết lòng dua vạy. Tất cả tự tại, Quyết hưởng an vui.

Nầy Văn-Thù Sư-Lợi ! Ông nên biết rằng lời nói của đức Như-Lai không có sai sót. Như cõi đất nầy, có thể làm cho lật úp, lời nói của Như-Lai trọn không sai sót. Do nghĩa nầy nên lời nói của đức Như-Lai tất cả có dư thừa.

Lúc đó đức Phật khen Văn-Thù Sư-Lợi Bồ-Tát : " Lành thay ! Lành thay ! Nầy Thiện-nam-tử ! Từ lâu ông đã biết nghĩa như vậy. Vì thương xót tất cả, muốn làm cho chúng sanh đặng trí huệ, nên ông cố ý hỏi đức Như-Lai nghĩa của bài kệ như vậy ".

Văn-Thù Sư-Lợi Bồ-Tát lại ở nơi trước Phật mà nói bài kệ rằng :

Với lời nói của người, Tùy thuận chẳng chống trái, Cũng chẳng xem người khác, Làm hay là chẳng làm, Chỉ tự xem thân mình, Làm lành hay chẳng lành.

Thế-Tôn ! Pháp dược như vậy chẳng phải là chánh thuyết, chỉ là đối với lời nói của người khác mà tùy thuận chẳng trái. Cúi mong đức Như-Lai xót thương chánh thuyết cho. Vì Thế-Tôn thường nói, tất cả ngoại giáo cả chín mươi lăm phái, đều đi đến ác đạo. Hàng Thanh-Văn đệ tử đều hướng đến chánh lộ. Khéo giữ gìn cấm giới, nhiếp trì oai nghi, gìn giữ sáu căn, những người như vậy, rất ưa thích đại thừa, thẳng đến thiện-đạo. Cớ sao đức Như-Lai ở trong chín loại kinh thấy có ai hủy báng người khác, thời bèn quở trách. Bài kệ trên đây ý nghĩa như thế nào ?

_ Nầy Thiện-nam-tử ! Ta nói kệ ấy cũng chẳng phải vì tất cả chúng sanh. Lúc đó chỉ vì vua A-Xà-Thế. Chư Phật nếu không nhơn duyên trọn chẳng nghịch thuyết.

Nầy Thiện-nam-tử ! Vua A-Xa-Thế khi hại cha rồi, đến giáo hội muốn chiết phục ta, hỏi rằng : Thế-Tôn có nhứt-thiết-trí hay chẳng có nhứt-thiết-trí. Điều- Đạt trong vô lượng đời đã qua, thường ôm lòng ác, theo dõi muốn làm hại Như-Lai. Nếu là bực nhứt-thiết-trí, sao Như-Lai cho Điều-Đạt xuất gia.

Do nhơn duyên vua A-Xà-Thế hỏi mà ta nói bài kệ :

Với lời nói của người, Tùy thuận chẳng trái nghịch, Cũng chẳng xem người khác, Làm hay là chẳng làm. Chỉ tự xem thân mình, Làm lành hay chẳng lành.

Rồi Phật bảo nhà vua, nay nhà vua hại cha đã tạo tội nghịch, nay phải phát lồ để được tiêu tội, cớ sao lại xem lỗi lầm của người khác.

Nầy Thiện-nam-tử ! Do nghĩa đó nên ta vì vua A-Xa-Thế mà nói bài kệ ấy.

Nầy thiện-nam-tử ! Ta cũng vì người hộ trì cấm giới thành tựu oai nghi, lại xem lỗi của người khác mà nói bài kệ ấy.

Nếu lại có người, nhận lãnh lời dạy của người khác, xa lìa những tội ác, rồi dạy lại người khác, làm cho lìa những tội ác. Người như vậy thời là đệ tử của Phật. Đức Thế-tôn vì Văn-thù-Sư-Lợi Bồ-tát mà nói kệ rằng :

Tất cả đều sợ dao gậy, Không ai chẳng mến thân mạng, Tự tha thứ đáng làm lệ, Chớ giết cũng chớ đánh đập.

Văn-Thù-Sư-Lợi Bồ-Tát lại ở trước Phật mà nói kệ rằng :

Chẳng phải tất cả đều sợ gậy. Chẳng phải tất cả mến thân mạng, Tự tha thứ đáng lấy làm lệ, Siêng thực hành những phương tiện lành.

Pháp cú của đức Như-Lai nói cũng chưa trọn nghĩa. Vì như A-La-hán, Chuyển- Luân Thánh-Vương, ngọc nữ, tượng bảo, mã bảo, chủ tạng đại-thần, Chư Thiên và A-tu-la, không có ai cầm gươm bén có thể làm hại được.

Dũng sĩ, liệt nữ, mã vương, thú vương. Tỳ-kheo trì giới, dầu có oan đối đến làm hại, nhưng họ chẳng sợ sệt. Do nghĩa nầy bài kệ của Như-Lai nói cũng chưa trọn nghĩa.

Nếu nói tự tha thứ đáng lấy làm lệ đó, cũng không trọn nghĩa. Vì nếu giả sử A- La-Hán, lấy mình làm lệ cho người, thời có ngã tưởng và thọ mạng tưởng. Nếu có ngã tưởng và thọ mạng tưởng thời phải giữ gìn. Như thế thời phàm phu lẽ ra cũng thấy A-La-Hán đều là hạng người còn tu hành. Nếu thấy như vậy, thời thành tà kiến, sẽ phải đọa Địa ngục A-Tỳ.

Lại A-La-Hán trọn không móng tâm sát hại chúng sanh. Vô lượng chúng sanh cũng không thể làm hại A-la-Hán.

_ Nầy Thiện-nam-tử! Nói rằng ngã tưởng là đối với chúng sanh có lòng đại bi, không có tưởng giết hại là nói tâm bình đẳng của A-La-hán. Chớ cho rằng đức Thế-Tôn không nhơn duyên mà nghịch thuyết.

Ngày xưa trong thành Vương-Xá, có người thợ săn giết nhiều nai, mời ta ăn thịt. Lúc đó dầu ta nhận lời mời, nhưng đối với các chúng sanh sanh lòng từ bi xem như La-Hầu-La mà nói kệ rằng :

Sẽ khiến người được trường thọ, Mãi mãi sống ở nơi đời, Thọ trì pháp chẳng giết hại. Dường như thọ mạng của Phật. Do cớ đó nên ta nói bài kệ : Tất cả đều sợ dao gậy, Không ai chẳng mến thân mạng. Tự tha thứ, đáng làm lệ, Chớ giết, cũng chớ đánh đập.

Lành thay ! Lành thay ! Văn-Thù-Sư-Lợi vì các vị Đại-Bồ-Tát gạn hỏi đức Như-Lai giáo pháp như vậy.

Văn-Thù Sư-Lợi Bồ-Tát lại nói kệ rằng :

Thế nào là kính cha mẹ, Tùy thuận tôn trọng song thân ? Thế nào thật hành pháp nầy, Bị đọa nơi ngục vô gián ?

Đức Như-Lai nói kệ đáp :

Nếu dùng tham ái làm mẹ, Dùng vô minh, để làm cha. Rồi tùy thuận tôn trọng đó, Thời phải đọa ngục vô gián.

Đức Như-Lai lại vì Văn-Thù Sư-Lợi Bồ-Tát nói kệ rằng :

Tất cả thuộc kẻ khác, Thời gọi đó là khổ, Tất cả do nơi mình. Tự tại được an vui, Tất cả kẻ kiêu mạn, Thế lực rất bạo ác, Những người hiền người lành, Tất cả đều mến tưởng.

Văn-Thù Sư-Lợi Bồ-Tát bạch Phật rằng : “ Thế-Tôn ! Lời nói của Như-Lai cũng chẳng trọn nghĩa. Ngưỡng mong đức Như-Lai thương xót nói nhơn duyên đó. Ví như con trai của trưởng giả, lúc theo thầy học tập, là thuộc nơi thầy chăng ? Nếu thuộc nơi thầy, thời chẳng phải. Nếu chẳng thuộc nơi thầy, thời cũng chẳng phải. Nếu đặng tự tại, theo nghĩa cũng chẳng phải.

Ví như Vương-tử không có học tập, làm việc gì cũng chẳng thành, ngu tối thường khổ. Vương-tử ấy nếu cho là tự tại, thời chẳng đúng nghĩa, nếu nói thuộc người khác, nghĩa cũng chẳng phải.

Do lẽ trên đây lời nói của Phật gọi là có thừa. Vì thế nên tất cả thuộc người khác chẳng ắt thọ khổ. Tất cả tự tại chẳng ắt hưởng vui. Tất cả kẻ kiêu mạn, thế lực rất bạo ác, lời nầy cũng có thừa. Thế-tôn ! Như các liệt nữ, vì tâm

kiêu mạn, mà xuất gia học đạo, giữ gìn cấm giới, thành tựu oai nghi, kềm giữ sáu căn chẳng cho buông lung. Thế nên tất cả phiền não kiêu mạn chẳng ắt là bạo ác.

Người hiền, ngườilành, tất cả đều mến tưởng lời nầy cũng có thừa.Như người phạm bốn tội nặng rồi chẳng bỏ pháp phục, giữ gìn oai nghi, hộ trì chánh poháp, người khác thấy chẳng mến, người nầy sau khi chết ắt đọa địa ngục. Nếu có người hiền phạm tội trọng, người hộ pháp thấy đó, liền đuổi ra bảo hoàn tục. Do nghĩa nầy tất cả người hiền người lành chẳng ắt đều được mến tưởng.

.

Phật bảo Văn-thù Sư-Lợi Bồ-tát : Vì có duyên do nên đức Như-Lai ở trong trường hợp nầy nói pháp có nghĩa thừa. Lúc đó trong thành Vương-Xá có người nữ tên Thiện-Hiền trở về nhà cha mẹ. Nhơn đó nàng đến chỗ ta quy y Phật, Pháp, và chúng Tăng mà bạch rằng : Tất cả người nữ chẳng được tự do, tất cả người nam tự tại vô ngại.

Ta biết rõ tâm nàng bèn vì nàng mà nói bài kệ tụng như trên.

Nầy Văn-Thù-Sư-Lợi ! Lành thay ! Lành thay ! Nay ông có thể vì tất cả chúng sanh hỏi nơi đức Như-Lai mật ngữ như vậy".

Văn-Thù- Sư-Lơiï Bồ-Tát lại nói kệ rằng :

Tất cả loài chúng sanh, Nhờ ăn uống được sống, Tất cả người đại-lực, Tâm họ không tật đố, Tất cả nhơn uống ăn, Mà mắc nhiều bịnh khổ, Tất cả tu tịnh hạnh, Mà đặng hưởng an vui.

Nay đức Thế-Tôn thọ vật thực của ông Thuân-Đà cúng dường, phải chăng đức Như-Lai có sợ sệt ư ?

Đức Phật vì Văn-Thu-ø Sư-Lợi Bồ-Tát mà nói kệ rằng :

Chẳng phải tất cả chúng sanh, Đều nhờ uống ăn mà sống, Chẳng phải tất cả đại lực, Tâm họ đều không tật đố, Chẳng phải tất cả do ăn, Mà chác lầy bịnh hoạn, Chẳng phải tất cả tịnh hạnh. Đều đặng hưởng quả an vui.

Nầy Văn-Thù Sư-Lợi ! Nếu ông mang bịnh, thời đức Phật cũng mang bịnh. Vì hàng A-La-Hán va Bích-Chi Phật, các vị Bồ-Tát cùng chư Phật Như-Lai đều thiệt không có ăn uống. Chỉ vì muốn giáo hóa chúng sanh nên thị hiện

thọ dụng vật thực của chúng sanh cúng thí. Làm cho chúng sanh đầy đủ đàn-ba-la-mật, cứu vớt cho ngã quỉ, súc sanh, địa ngục.

Nếu cho rằng đức Như-Lai khổ hạnh sáu năm, thân thể ốm gầy, thời là không đúng. Chư Phật Thế-Tôn giải thoát ba cõi chẳng đồng với phàm phu. Lẽ nào thân thể lại ốm gầy. Chư Phật siêng năng tu tập đặng thân kim cương chẳng đồng với thân nguy hiểm vô thường của người đời. Hàng đệ tử của ta cũng chẳng thể nghĩ bàn, đều chẳng nương nơi ăn uống mà sống.

Nói rằng tất cả người đại lực tâm không tật đố, đây cũng là không trọn nghĩa. Như trong thế gian có người cả đời không có lòng tật đố, mà họ cũng không có đại lực.

Nói rằng tất cả bịnh khổ do ăn uống sanh ra, đây cũng chưa trọn nghĩa. Vì thấy có người mang phải bịnh ở ngoài đưa đến, như bị chém đâm v.v…

Nói rằng tất cả người tu tịnh hạnh hưởng quả an vui, đây cũng chưa trọn nghĩa, vì trong đời cũng có hàng ngoại đạo tu tịnh hạnh, mà vẫn thọ lấy quả khổ não.

Lời thuyết pháp của đức Như-Lai còn có nghĩa thừa, đó là đức Như-Lai vì có duyên do mà nói những kệ như vậy : Xưa kia nơi nước Ưu-Thiền-Ni, có nhà Bà- La-Môn tên Cổ-Đê-Đức đến nơi Phật thọ pháp bát-quan-trai. Lúc đó ta vì nhà Bà-La-Môn ấy mà nói kệ như vậy”.

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật : “ Thế-Tôn ! Những gì gọi là không nghĩa thừa ? Thế nào lại gọi là nhứt-thiết-nghĩa ?”

_ Nầy Thiện-nam-tử ! Chỉ trừ pháp lành trợ đạo, thường, lạc, gọi là nhứt-thiết, cũng gọi là không thừa, ngoài ra các pháp khác cũng gọi là có thừa, cũng gọi là không thừa. Vì muốn làm cho mọi người ưa thích chánh pháp, biết nghĩa có thừa và nghĩa không thừa nầy.

Ca-Diếp Bồ-Tát vui mừng hớn hở bạch Phật rằng : Rất lạ lùng ! Rất lạ lùng ! Đức Thế-Tôn bình đẳng xem chúng sanh như La-Hầu-La”.

Đức Phật tán thán Ca-Diếp Bồ-Tát : Lành thay ! Lành thay ! Chỗ kiến giải của ông rất sâu vi diệu. Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật : “ Cúi xin đức Như-Lai nói về sự được công đức ở nơi kinh Đại-thừa Đại-Niết-Bàn nầy”.

_ Nầy Thiện-nam-tử ! Nếu có người đặng nghe danh hiệu của kinh nầy, công đức của người đó đặng chẳng phải hàng Thanh-Văn Bích-Chi Phật có thể tuyên thuyết, duy đức Phật biết rõ thôi. Vì chẳng thể nghĩ bàn là cảnh giới Phật. Huống là người thọ trì đọc tụng thông thuộc, biên chép kinh nầy.

Lúc đó chư Thiên, mọi người và A-tu-La ở trước Phật khác miệng đồng lời mà nói kệ rằng :

Chư Phật khó nghĩ bàn. Pháp, Tăng cũng như vậy, Vì thế nay kính thỉnh. Xin Phật nán ở lại. Đại-Ca-Diếp Tôn-Giả, Cùng với A-Nan-Đà, Quyến thuộc của hai ngài, Xin chờ giây lát đến. Và chúa nước Ma-Già, Đại-vương A-Xà-Thế. Chí tâm kính tin Phật, Vẫn còn chưa đến đây. Cúi xin đức Như-Lai, Xót thương ở giây lát, Nơi trong đại chúng nầy. Quyết lưới nghi chúng tôi.

Đức Như-Lai vì đại chúng mà nói kệ rằng :

Trưởng tử trong giáo pháp ta, Tức là ông Đại-Ca-Diếp, Ông A-Nan siêng tinh tấn. Dứt được tất cả lưới nghi. Đại chúng nên quán sát kỹ, A-Nan là bực đa văn, Tự nhiên có thể hiểu rõ. Pháp thường và pháp vô thường. Vì thế đại chúng chẳng nên, Sanh lòng lo buồn sầu khổ.

Bấy giờ đại chúng đem các đồ vật cúng dường Như-Lai. Cúng Phật xong tất cả đều phát tâm vô thượng bồ-đề. Vô lượng vô biên hằng hà sa Bồ-Tát đặng trụ bực sơ địa.

Đức Thế-Tôn thọ ký cho Văn-Thù Sư-Lợi Bồ-Tát, Ca-Diếp Bồ-Tát và Thuần-Đà. Thọ ký xong đức Phật nói rằng : Nầy các Thiện-nam-tử, phải tự tu tập tâm mình, chớ nên phóng dật. Nay lưng ta có bịnh, cả mình đều đau nhức, ta muốn nằm như đứa trẻ nít và người thường bịnh hoạn. Các ông Văn-Thù Sư-Lợi nên vì bốn bộ chúng mà giảng nói đại pháp. Nay ta đem pháp nầy, giao phó cho các ông. Đến khi Đại-Ca-Diếp và A-Nan đến, các ông sẽ phó chúc chánh pháp như vậy”.

Dặn dò xong, vì muốn điều phục chúng sanh, nên đức Phật hiện thân có bịnh, nằm nghiêng bên mặt.

XVIII

PHẨM HIỆN BỊNH THỨ MƯỜI TÁM

(Hán bộ phần sauquyển thứ mười)

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật : " Thế-Tôn đức Như-lai đã khỏi tất cả tật bệnh, không còn đau khổ, không sợ sệt. Thế-Tôn ! Tất cả chúng sanh có bốn mũi tên độc : Tham Dục, sân-khuể, ngu si và kiêu mạn. Bốn thứ độc nầy là nhân sanh ra bệnh. Nếu có bệnh nhơn, thời có bệnh sanh ra tức là những thứ bệnh hàn, nhiệt, bệnh phổi, ói mữa, da thịt ngứa xót, buồn nôn ngăn nghẹn, đi chảy, bệnh kiết, tiểu dải lâm dịch, nhức tai, xốn mắt, đau lưng, bụng đầy, điên cuồng, ốm gầy, quỉ mị dựa, các thứ thân bịnh tâm bịnh như vậy. Chư Phật dầu không còn có những thứ bịnh ấy. Hôm nay đức Như-Lai cớ sao bảo Văn-Thù Sư-Lợi Bồ-Tát rằng Phật đau lưng, các ông nên vì đại chúng mà thuyết pháp ?

Bạch Thế-Tôn ! Có hai nhơn duyên thời không bệnh khổ ! Một là thương xót tất cả chúng sanh, hai là cung cấp thuốc men cho người bịnh. Từ xưa đức Như-Lai đã tu đạo Bồ-Tát trong vô lượng muôn ức kiếp : Thường thật hành lời nói dịu dàng, thân yêu, lợi ích cho chúng sanh chẳng để họ phải khổ não, bố thí các thứ thuốc men cho người bịnh. Cớ sao hôm nay lại tự nói là có bịnh ?

Thế-Tôn ! Trong đời, người có bịnh, hoặc ngồi, hoặc nằm chẳng yên, hoặc đòi uống đòi ăn, dặn bảo người nhà coi sóc sản nghiệp. Cớ sao đức Như-Lai nằm yên lặng, chẳng dạy bảo hàng Thanh-Văn đệ tử những giới luật, Thiền-Định giải thoát tam muội, tu hạnh chánh cần. Cớ sao chẳng giảng nói kinh điển đại thừa rất sâu vi diệu. Cớ sao đức Như-Lai chẳng dùng vô lượng phương tiện dạy ngài Đại Ca-Diếp cùng các hàng đại-nhơn cho họ đặng bực bất thối vô thượng bồ- đề. Cớ sao chẳng trị phạt các ác Tỳ-kheo nhận chứa tất cả vật bất tịnh. Đức Thế-Tôn thiệt không có bệnh tật, sao lại yên lặng nằm nghiêng bên mặt.

Các vị Bồ-Tát phàm cung cấp thuốc men cho người bịnh, đem căn lành ấy ban cho chúng sanh, đồng hồi hướng nhứt thế chủng trí. Vì trừ các thứ phiền não chướng, nghiệp chướng, và báo chướng cho chúng sanh. Phiền não chướng là tham dục, sân khuể ngu si, phẫn nộ, triền cái, tập não, tật đố, xan lẫn, gian trá, siểm khúc, vô tàm vô qúi, mạn, mạn mạn, đại mạn, bất như mạn, tăng thượng mạn, ngã mạn, tà mạn, kiêu mạn, phóng dật, cống cao, phẫn hận, tránh tụng, tà mạn, siểm mị, dối bày tướng lạ, dùng lợi cầu lợi, cầu quấy cầu nhiều, không cung kính, chẳng tùy thuận lời dạy bảo, gần

gũi ác hữu, tham lợi không nhàm, ràng buộc khó mở, mong mỏi điều ác, tham lam việc ác chấp thân chấp có, chấp không, vươn vai ưa ngủ, ngáp dài chẳng vui, tham uống tham ăn, tâm trí mờ tối, tâm tưởng sai lầm, chẳng khéo suy nghĩ, thân và miệng nhiều lỗi ác, hay mừng, nói nhiều, căn tánh ám độn, lời nói phần nhiều rỗng tuếch, thường bị các giác quán : Dục giác, khuể giác, hai giác che đậy. Tất cả trên đây gọi là phiền não chướng.

Nghiệp chướng là năm tội vô gián, những bịnh nặng dữ.

Báo chướng là sanh vào địa ngục, ngạ quỹ, súc sanh, hủy báng chánh pháp và nhứt xiển đề.

Ba chướng như vậy gọi là căn bịnh lớn.

Các vị Bồ-Tát lúc tu hạnh bồ-đề trong vô lượng kiếp, cung cấp thuốc men cho tất cả người tật bịnh, thường nguyện rằng làm cho tất cả chúng sanh dứt hẳn ba chướng.

Bồ-Tát lúc tu hạnh bồ đề cung cấp thuốc men cho tất cả người bịnh thường nguyện rằng : Nguyện cho chúng sanh dứt hẳn tật bịnh đặng thân kim cương của Như-Lai. Lại nguyện vì tất cả chúng sanh làm diệu dược dứt trừ tất cả những bệnh nặng, bịnh dữ. Nguyện các chúng sanh đặng thuốc A-Dà-Đà, thuốc nầy có công hiệu trừ vô lượng độc dữ. Nguyện chúng sanh không thối chuyển nơi vô thượng chánh đẳng chánh giác, mau đặng thành tựu vô thượng Phật đạo, tiêu trừ tất cả mũi tên độc phiền não. Nguyện chúng sanh tinh tấn tu hành, thành tựu thân kim cương của Như-Lai, làm thuốc hay vi diệu trị lành các thứ bịnh, chẳng để có người sanh lòng tránh tụng. Cũng nguyện chúng sanh làm dược thọ lớn, trị lành tất cả những bịnh dữ bịnh nặng. Lại nguyện chúng sanh nhổ mũi tên độc đặng thành quang minh vô lượng của Như-Lai. Lại nguyện chúng sanh đặng vào trí huệ của Như-Lai, thông đạt pháp tạng vi mật.

Thế-Tôn ! Bồ-Tát đã phát nguyện nầy trong vô lượng trăm ngàn muôn ức na-do- tha kiếp làm cho chúng sanh không còn bịnh tật. Cớ sao hôm nay đức Như-Lai lại xướng rằng có bịnh.

Thế-Tôn, trong đời có người bịnh không ngồi dậy được, không thể cúi ngước cựa động, ăn uống không đặng, đồ nước chẳng xuống, cũng không thể dặn bảo con cái xem sóc gia nghiệp. Cha mẹ, vợ con, anh em, thân thuộc đều nghĩ rằng : Người nầy quyết định chết. Cũng vậy, hôm nay đức Như-Lai

nằm nghiêng bên hữu, không nói năng đàm luận, nơi Diêm-Phù-Đề nầy, có những người ngu sẽ nghĩ rằng : Đức Như-Lai chánh giác quyết sẽ diệt tận nhập Niết-Bàn. Nhưng thiệt ra tánh như, Như-Lai chẳng rốt ráo nhập Niết-Bàn. Vì Như-Lai thường trụ không biến đổi. Do cớ nầy đức Như-Lai chẳng nên nói rằng : Nay ta đau lưng.

Thế-Tôn ! Trong đời có người bịnh. Thân thể ốm gầy, hoặc nằm nghiêng nằm ngữa trên giừơng nệm, gia quyến người đó sanh lòng ghét bỏ, cho rằng người đó ắt chết. Cũng vậy, nay đức Như-Lai sẽ bị chín mươi lăm phái ngoại đạo khinh mạn, cho là vô thường. Các ngoại đạo đó sẽ nói rằng : Chẳng bằng chúng ta do ngã tánh thường còn, thời tiết tự tại, các pháp vi trần v.v…, mà làm thường trụ không có biến đổi. Sa-Môn Cừu-Đàm bị vô thường thuyên chuyển, đó là biến đổi. Do nghĩa nầy, hôm nay đức Thế-Tôn chẳng nên yên lặng nằm nghiêng bên mặt.

Thế-Tôn ! Trong đời người có bịnh tứ đại tăng tổn không điều thích, ốm gầy mất sức. Vì thế nên không thể ngồi đứng tùy ý, phải nằm trên giừơng nệm,. Tứ đại của Như-Lai điều hòa thích, sức lực đầy đủ, cũng không ốm gầy.

Thế-Tôn ! Như sức của mười con trâu nhỏ, chẳng bằng sức của một con trâu lớn. Sức của mười con trâu lớn không bằng sức của một con thanh ngưu. Sức của mười con thanh ngưu không bằng sức của một con voi thường. Sức của mười con voi thường không bằng sức của một con voi rừng. Sức của mười con voi rừng chẳng bằng sức của một con voi hai ngà. Sức của mười con voi hai ngà chẳng bằng sức của một con voi bốn ngà. Sức của mười con voi bốn ngà chẳng bằng sức của bạch tượng ở núi Tuyetá-sơn. Sức của mười bạch tượng ở Tuyết-sơn chẳng bằng sức của một hương tượng. Sức của mười hương tượng không bằng sức của một thanh tượng. Sức của mười thanh tượng không bằng sức của một huỳnh tượng. Sức của mười huỳnh tượng chẳng bằng sức của một xích tượng. Sức của mười xích tượng không bằng sức của một bạch tượng vương. Sức của mười bạch tượng vương không bằng sức của một sơn tượng. Sức của mưới sơn tượng không bằng sức của một ưu-bát-la-tượng. Sức của mười ưu- bát-la tượng không bằng sức của ba-đầu-ma tượng. Sức của mười ba-đầu-ma tượng không bằng sức của một câu-vật-đầu-tượng. Sức của mười câu-vật- đầu tượng không bằng sức của một phân-đà-lợi tượng. Sức của mười phân-đà- lợi tượng không bằng sức của một đại lực sĩ trong loài người. Sức của mười đại lực sĩ không bằng sức của một bát-kiền-đề. Sức của mười bát-kiền-đề chẳng bằng sức của bát-tý na-la-diên. Sức của mười na-la-diên không bằng sức một lóng tay của vị Thập trụ Bồ-Tát.

Các lóng xương trong thân của người thường, đầu xương chẳng đến nhau. Đại lực sĩ trong loài người đầu xương đến nhau. Thân của bát-kiền-đề các lóng xương tiếp nhau. Thân của Na-La-Diên đầu xương móc nhau, Thân của Thập- trụ của Bồ-Tát đầu những lóng xương kết liền với nhau. Vì thế nên sức mạnh của Bồ-Tát rất lớn. Lúc thế giới thành lập từ kim cang tế có tòa kim cang nổi lên đến đạo tràng dưới cây Bồ-Đề. Bồ-Tát ngồi trên tòa đó, tâm liền chứng đặng mười trí lực.

Nay đức Như-Lai chẳng nên như trẻ con thơ bé. Trẻ nít ngu si không biết nói năng, tùy ý nằm ngữa nằm nghiêng không ai quở trách. Đức Như-Lai Thế-Tôn có trí huệ lớn hiểu biết tất cả, là bực tối tôn trong loài người, đầy đủ oai đức lớn, thành tựu đại thần thông, dứt hẳn lưới nghi, đã nhổ tên độc đi đứng an lành, đặng tự tại vô sở úy, giờ đây cớ chi nằm nghiêng bên mặt, làm cho hàng nhơn thiên lo rầu khốn khổ ?

Ca-Diếp Bồ-Tát liền ở trước Phật mà nói kệ rằng :

Như-Lai đại thánh đức, Xin dạy giảng pháp mầu. Chẳng nên như trẻ thơ, Người bịnh nằm giường nệm, Điều-Ngự-Thiên-Nhơn-Sư. Nằm dựa nơi song thọ, Kẻ phàm phu ngó thấy, Cho rằng ắt Niết-Bàn. Chẳng biết kinh Đại- thừa, Hạnh của Phật rất sâu. Chẳng thấy tạng vi mật. Như mù chẳng thấy đường. Duy các vị Bồ-Tát, Văn-Thù-Sư-Lợi thảy. Hiểu được mật tạng nầy, Ví như người bắn giỏi. Chư Phật trong ba đời, Đại-bi làm căn bản, Đại-từ-bi như vậy. Nay ở tại chỗ nào ? Nếu là không đại bi, Thời chẳng gọi là Phật. Phật nếu ắt Niết-Bàn. Thời chẳng gọi là thường. Ngưỡng mong đấng vô thượng, Nhận lời mời của tôi, Lợi ích các chúng sanh, Xô dẹp những ngoại đạo.

Lúc bấy giờ đức Thế-Tôn, đại-bi huân nơi lòng, rõ biết tâm niệm của đại chúng muốn tùy thuận để đại chúng được lợi ích rốt ráo, liền dậy ngồi kiết-già, dung nhan vui vẻ sáng rỡ như vàng ròng, mặt mắt xinh đẹp dường như trăng tròn, hình dung thanh tịnh không có những cấu-uế, phóng ánh sáng lớn chiếu khắp hư không. Ánh sáng đó hơn cả trăm ngàn mặt trời chiếu suốt mười phương thế giới, ban bố trí huệ cho chúng sanh, diệt trừ vô minh hắc ám, làm cho trăm ngàn ức na-do-tha chúng sanh bồ-đề tâm vững chắc.

Đức Thế-Tôn lòng không nghi lự. Như sư tử vương dùng ba mươi hai tướng đại nhơn, tám mươi thứ tốt trang nghiêm nơi thân. Mỗi lổ chơn lông trên thân đều hiện ra một hoa sen. Hoa sen ấy đủ ngàn cánh thuần màu vàng ròng, cọng bằng lưu ly, tua bằng kim cang, gương bằng ngọc mai khôi, hình

lớn tròn như bánh xe. Những hoa sen ấy đều phóng ra ánh sáng nhiều màu : Xanh, vàng, đỏ, trắng, màu tía, màu pha lê, các ánh sáng ấy chiếu suốt đến địa ngục A-Tỳ cùng các đại địa ngục, chúng sanh đang bị khổ đốt, nấu, đâm, chém, lột da v.v…, gặp ánh sáng nầy đều được khỏi khổ, an ổn mát mẻ. Trong ánh sáng ấy lại tuyên nói tạng bí mật của Như-Lai, nói rằng : Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh. Chúng sanh trong địa ngục nghe pháp âm rồi, liền bỏ thân sanh lên cõi trời hay trong loài người. Chúng sanh trong hàn-băng địa ngục ánh sáng của Phật chiếu đến cũng được khỏi khổ, được nghe pháp và được sanh lên cõi trời hay trong loài người. Bao nhiêu địa ngục nơi cõi Diêm-Phù-Đề nầy và các thế giới khác thảy đều trống không, không người thọ tội, trừ kẻ nhứt-xiển-đề.

Loài ngạ-quỷ khổ vì đói khát tóc vấn lấy thân, cả trăm ngàn năm chưa từng được nghe tên nước, đồ uống, họ gặp ánh sáng của Phật liền hết đói khát. Trong ánh sáng ấy cũng nói tạng vi mật của Như-Lai, nói rằng : Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh.

Nhờ nghe pháp âm nầy loài ngạ quỷ được sanh lên trời hay trong loài người, trừ những kẻ hủy báng kinh điển Đại-thừa Phương-đẳng.

Những loài súc sanh, giết hại ăn nuốt lẫn nhau. Chúng nó gặp ánh sáng của Phật trừ được tâm hung ác. Trong ánh sáng ấy cũng nói tạng vi mật của Như- Lai, nói rằng : Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh.

Những loài súc sanh nhờ nghe pháp âm sau khi chết sanh lên cõi trời hay trong loài người, trừ những kẻ hủy báng chánh pháp.

Trên mỗi hoa sen đó đều có một đức Phật Viên-Quang rộng một tầm. Màu vàng chói sáng, ba mươi hai tướng, tám mươi thứ đẹp trang nghiêm nơi thân. Trong các đức Phật đó có vị thì ngồi, có vị thì đi, có vị thì đứng, có vị thì nằm, có vị nổi tiếng sấm, có vị rưới mưa, có vị phóng chớp sáng, có vị nổi gió, có vị phóng khói lửa, có vị thị hiện những núi bảy báu, suối , ao, sông, ngòi, núi rừng, cây cối, có vị hiện ra cõi nước bảy báu, thành ấp xóm làng cung điện nhà cửa. Có vị hiện ra voi, ngựa, sư tử, cọp, sói, chim công, phụng hoàng. Có vị làm cho bao nhiêu chúng sanh trong Diêm-Phù-Đề đều được thấy địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ, nhẫn đến thấy sáu cõi trời dục giới. Trong các đức Phật đó lại có vị thuyết về ấm, giới, các nhập, nhiều sự tội lỗi. Cóvị nói pháp tứ-đế. Có vị nói pháp thập nhị nhơn duyên. Có vị nói những phiền não, những nghiệp đều do nhơn duyên sanh. Có vị nói pháp ngã cùng vô ngã. Có vị nói hai pháp khổ và lạc. Có vị nói pháp thường và vô thường.

Có vị nói pháp tịnh cùng bất tịnh. Lại có đức Phật vì các Bồ-Tát nói sáu pháp ba-la-mật. Lại có đức Phật nói công đức của Đại Bồ-Tát . Lại có đức Phật nói công đức của chư Phật Thế-Tôn. Lại có đức Phật nói công đức của hàng Thanh-Văn. Lại có đức Phật nói tùy thuận nhứt-thừa. Hoặc có đức Phật nói tam-thừa thành đạo. Có đức Phật hông bên trái hiện ra nước, hông bên hữu hiện ra lửa. Có đức Phật thị hiện giáng sanh, xuất gia ngồi đạo tràng dưới cây bồ-đề chuyển pháp luân vi diệu, nhập Niết-bàn. Lại có đức Phật thuyết pháp làm cho trong đại đội nầy có người chứng đặng sơ quả, nhị quả, tam quả, nhẫn đến tứ quả. Hoặc có đức Phật nói vô lượng nhơn duyên thoát ly sanh tử.

Những chúng sanh trong Diêm-Phù-Đề nầy được ánh sáng của Phật chiếu đến người mù được thấy, người điếc được nghe, người câm nói được, người què bại đi được, người nghèo được của, kẻ bỏn xẻn phát tâm bố thí, kẻ sân hận sanh lòng từ. Người không chánh tín bèn có chánh tín. Chúng sanh trong thế giới không có ai làm việc ác, trừ hạng nhứt xiển đề.

Tất cả trời, rồng, quỷ thần, càn-thát-bà, a-tu-la, ca-lâu la, khẩn-na-la, ma-hầu-la- già, la-sát, kiện-đà, ưu-ma-đà, a-bà-ma-la, nhơn, phi nhơn v.v… đều đồng tiếng xướng rằng : Lành thay ! Lành thay ! Đấng Vô Thượng Thiên-Tôn, làm sự lợi ích lớn. Tất cả đều vui mừng hớn hở, hoặc ca hoặc múa, đem các thứ hoa rải trên Phật và chúng Tăng. Đó là những hoa cõi trời : Hoa sen xanh, vàng, đỏ, trắng, hoa mạn-đà-la, hoa ma-ha-mạn-đà-la, hoa mạn-thù-sa, hoa ma-ha-mạn-thù-sa, hoa tán-đà-na, hoa ma-ha tán-đà-na, hoa lư-chỉ-na, hoa ma-ha-lư-chỉ-na, hoa hương, hoa đại-hương, hoa thích-ý, hoa đại thích-ý, hoa ái-kiến, hoa đại ái- kiến, hoa đoan-nghiêm, hoa đệ nhứt đoan-nghiêm.

Lại rải các thứ hương : Hương trầm-thủy, hương đa-dà-lâu, chiên-đàn, uất-kim, hương pha trộn, hương hải ngạn.

Lại đem tràng phan lọng báu cõi trời, kỹ nhạc cõi trời : đờn tranh, đờn sắt, ống dịch, ống sanh, không hầu, khảy, thổi cúng dường lên Phật, đồng nói kệ rằng :

Tôi nay đãnh lễ đức Đại Tinh Tấn Đấng Lưỡng-Túc-Tôn vô thượng chánh giác. Đại chúng trời người chẳng thể biết thấu, Chỉ có đức Cù-Đàm mới rõ được. Đức Thế-Tôn thuở trước vì chúng tôi, Trong vô lượng kiếp siêng tu khổ hạnh, Tại sao một mai bỏ thệ nguyện cũ, Mà bèn xả mạng muốn nhập Niết-bàn ? Tất cả chúng sanh chẳng thể thấy biết, Tạng bí mật của chư Phật Thế-Tôn, Do nhơn duyên nầy khó đặng xuất ly, Luân chuyển trong sanh tử

đọa ác đạo. Như Phật đã từng nói A-La-Hán. Tất cả đều sẽ đến nơi Niết-Bàn, Công hạnh rất sâu củaPhật như vậy. Hạng phàm phu ngu mê ai biết được. Ban pháp cam lồ cho các chúng sanh, Vì muốn dứt trừ hết những phiền não, Nếu có người uống chất cam lộ nầy, Chẳng còn lại thọ sanh lão bịnh tử. Đức Như-Lai Thế- Tôn vì chữa trị, Trăm ngàn vô lượng tất cả chúng sanh. Bao nhiêu những bịnh nặng của chúng sanh, Đều làm tiêu diệt không còn thừa sót. Đức Thế-Tôn từ lâu khỏi bịnh khổ. Nên đặng gọi là đức Phật thứ bảy, Ngưỡng mong ngày nay lại rưới mưa pháp, Nhuần thấm giống công đức của chúng tôi. Đại chúng trời người trong pháp hội nầy, Thỉnh cầu như vậy rồi đều yên lặng.

Phật bảo Ca-Diếp bồ-Tát : Lành thay ! Lành thay ! Nầy Thiện-nam-tử, ông đã đầy đủ trí huệ vi diệu rất sâu như vậy, chẳng bị tất cả tà ma ngoại đạo phá hoại.

Nầy Thiện-nam-tử ! Nay ông thành tựu biện tài vô ngại. Ông đã từng cúng dường vô lượng hằng hà sa chư Phật quá khứ, nên có thể hỏi đức Như-Lai những nghĩa như vậy.

Nầy Thiện-nam-tử ! ta đã từ vô lượng vô biên ức na-do-tha trăm ngàn muôn kiếp, trừ hết bịnh căn, lìa hẳn sự dựa nằm, vô lượng a-tăng-kỳ kiếp về quá khứ, có đức Phật ra đời hiệu là Vô-Thượng-Thắng, đầy đủ mười hiệu. Đức Phật đó vì hàng Thanh-Văn nói kinh Đại-thừa Đại-Niết-Bàn nầy. Thuở đó ta cũng làm Thanh-Văn của đức Phật ấy. Ta thọ trì kinh điển Đại-Niết-Bàn như vậy, đọc tụng thông thuộc, biên chép quyển kinh, rồi ta rộng vì người khác phân biệt giảng thuyết. Ta đem căn lành đóhồi hướng vô thượng Bồ-Đề.

Nầy Thiện-nam-tử ! Từ đó trở đi, ta chưa từng có những phiền não nghiệp ác, chẳng đọa nơi ác đạo, chẳng hủy báng chánh pháp làm nhứt xiển đề, chẳng thọ thân hoàng môn, chẳng phạm năm tội nghịch, bốn tội trọng. Từ đó đến nay thân tâm ta an ổn, không có các sự khổ não.

Nầy Thiện-nam-tử ! nay ta thiệt không có tất cả tật bịnh. Vì chư Phật Thế-tôn từ lâu đã xa lìa tất cả bịnh khổ. Các chúng sanh chẳng biết giáo pháp bí mật Đại- thừa Phương-Đẳng, bèn cho rằng đức Như-Lai thiệt có bịnh.

Nầy thiện-nam-tử ! Như nói đức Như-Lai là sư tử trong loài người nhưng đức Như-Lai thiệt chẳng phải là sư tử . Như nói đức Như-Lai là rồng lớn trong loài người, nhưng đức Như-Lai thiệt chẳng phải rồng. Đức Phật từ vô lượng kiếp đã xa lìa ác nghiệp. Nên biết những lời như vậy chính là giáo pháp bí mật của Như-Lai.

Nầy Thiện-nam-tử ! Như nói đức Như-Lai là người, là trời, nhưng thiệt ra đức Phật chẳng phải người, chẳng phải trời, cũng chẳng phải quỉ thần, càn-thát-bà, a-tu-la, ca-lầu-la, khẩn-na-la, ma-hầu-la-già, chẳng phải ngã, chẳng phải mạn, chẳng phải dưỡng dục, chẳng phải sĩ phu, chẳng phải làm, chẳng phải không làm, chẳng phải thọ, chẳng phải không thọ, chẳng phải Thế-Tôn chẳng phải Thanh-Văn, chẳng phải thuyết, chẳng phải không thuyết. Những lời như vậy đều là giáo pháp bí mật của Như-Lai.

Nầy Thiện-nam-tử ! Như nói đức Như-Lai dường như biển cả, như núi tu-Di, nhưng đức Như-Lai thiệt chẳng phải vị mặn, cũng chẳng phải đồng như đá núi. Phải biết lời nói như vậy là giáo pháp bí mật của Như-Lai.

Nầy Thiện-nam-tử ! Như nói đức Như-Lai như hoa Phân-Đà-Lợi, nhưng thiệt ra đức Phật chẳng phải hoa Phân-Đà-Lợi. Như nói đức Như-Lai dường như cha mẹ, nhưng thiệt ra đức Như-Lai chẳng phải cha mẹ. Như nói đức Như-Lai là Đại Thuyền-Sư, nhưng đức Như-Lai chẳng phải Thuyền-Sư . Như nói đức Như-Lai như Thương-chủ, nhưng đức Như-Lai thiệt chẳng phải Thương-chủ. Những lời như vậy cũng là giáo pháp bí mật của Như-Lai.

Nầy Thiện-nam-tử ! Như nói đức Như-Lai hay trừ dẹp loài ma, nhưng thật ra đức Như-Lai không có ác tâm muốn khiến ma bị xô dẹp. Như nói đức Như-Lai trị được ung thư ghẻ độc, nhưng thật ra đức Phật chẳng phải thầy thuốc trị ung nhọt. Những lời như vậy cũng là giáo pháp bí mật của Như-Lai.

Nầy Thiện-nam-tử ! Như đức Phật trước kia đã nói, nếu có thiện-nam, tín nữ nào có thể khéo tu hành ba nghiệp thân, khẩu, ý, lúc người đó chết, dầu trong thân tộc hoặc đem thi hài thiêu đốt, hoặc ném xuống sông, hoặc bỏ trong gò mã, chồn sói cầm thú cùng nhau đến xé ăn, những tâm ý thức của người đó liền sanh nơi cõi lành. Tâm thức như vậy thiệt không đi, không lại cũng không chỗ đến, chỉ là trước sau giống nhau, nối nhau, tướng mạo chẳng sai khác. Lời nói như vậy là giáo pháp bí mật của Như-Lai.

Nầy Thiện-nam-tử ! Nay ta nói rằng có bịnh cũng như vậy, cũng là giáo pháp bí mật của Như-Lai. Đức Như-Lai Đẳng Chánh-Giác thiệt không có bịnh nằm nghiêng bên hữu, cũng không rốt ráo nhập nơi Niết-bàn. Nầy Ca-Diếp Bồ- Tát ! Đại-Niết-bàn đây thiệt là thiền định rất sâu của chư Phật. Thiền định nầy chẳng phải cảnh giới của Thanh-Văn, Duyên-Giác.

Nầy thiện-nam-tử ! Vừa rồi ông hỏi cớ chi đức Như-Lai dựa nằm chẳng ngồi dậy, chẳng đòi uống ăn, chẳng dặn bảo quyến thuộc coi sóc sản nghiệp.

Nầy Thiện-nam-tử ! Tánh hư không cũng chẳng ngồi dậy, chẳng đòi uống ăn, chẳng dặn bảo quyến thuộc coi sóc sản nghiệp, cũng không đi, không lại, không sanh diệt, không già, trẻ, không mọc lặn, hư bể, giải thoát, ràng buộc, cũng không nói mình, nói người, cũng không hiểu mình hiểu người, chẳng phải ăn, chẳng phải bịnh.

Nầy Thiện-nam-tử ! Chư Phật Thế-Tôn cũng như vậy, dường như hư không, thế nào sẽ có những bịnh khổ ư ?

Nầy Thiện-nam-tử ! Trong đời có ba hạng người bịnh khó trị : Một là kẻ hủy báng Đại-thừa, hai là kẻ phạm tội ngũ nghịch, ba là hạng nhứt-xiển-đề, ba hạng bịnh nầy là rất nặng ở trong đời. Hàng Thanh-Văn Duyên-Giác và Bồ-Tát đều không thể trị được.

Nầy Thiện-nam-tử ! ví như có bịnh khó trị chắc chết, dầu có săn sóc, tùy ý thuốc men, hoặc không săn sóc, tùy ý thuốc men, người bịnh ấy chắc chết chẳng nghi. Ba hạng người trên đây cũng như vậy, dầu có Thanh-Văn, Duyên-Giác và Bồ- Tát thuyết pháp cho, hay chẳng thuyết pháp, đều không thể làm cho họ phát tâm vô thượng bồ-đề.

Nầy Thiện-nam-tử ! Ví như người bịnh có sự săn sóc, tùy ý thuốc men, thời có thể lành bịnh, nếu không ba việc này, thời bịnh chẳng lành. Cũng vậy, hàng Thanh-Văn, Duyên-Giác, theo Phật và Bồ-Tát đặng nghe pháp rồi liền có thể phát tâm vô thượng bồ-đề. Không phải chẳng nghe pháp mà có thể phát bồ-đề tâm.

Nầy Thiện-nam-tử ! Ví như người bịnh, nếu được săn sóc, tùy ý thuốc men, hoặc không săn sóc, tùy ý thuốc men, đều được lành bịnh. Cũng vậy, có một hạng người, hoặc gặp Thanh-Văn hay chẳng gặp, hoặc gặp Duyên-Giác hay chẳng gặp, hoặc gặp Bồ-Tát hay chẳng gặp, hoặc gặp Như-Lai hay chẳng gặp, hoặc đặng nghe pháp hay chẳng đặng nghe, tự nhiên đặng thành vô thượng chánh đẳng chánh giác. Đây là hạng người nào ? Chính là người vì thân mình hay vì người khác, hoặc vì sợ sệt hoặc vì lợi dưỡng, hoặc vì dua nịnh, hoặc vì phỉnh gạt người mà biên chép kinh Đại-Niết-Bàn nầy, rồi thọ trì đọc tụng cúng dường cung kính, giải nói cho người khác.

Nầy Thiện-nam-tử ! Có năm hạng người đối với kinh điển Đại-thừa Đại-Niết- Bàn nầy có bịnh mà tu hành, chẳng phải là đức Như-Lai. Những gì là năm hạng ?

Một là bực dứt kiến-hoặc trong tam giới đặng quả tu-đà-hoàn, chẳng đọa địa ngục, súc sanh, ngã-quỉ, bảy lần sanh trong loài người, trên trời, dứt hẳn các sự khổ nhập Niết-bàn. Đây gọi là hạng người thứ nhứt có bịnh tu hành. Người nầy thuở vị lai, qua khỏi tám muôn kiếp sẽ đặng thành vô thượng chánh giác.

Bực thứ hai dứt kiến-hoặc trong tam giới, tham, sân, si, mạn, đặng quả tư-đà- hàm, còn một lần sanh trong loài người, trên trời, dứt hẳn các khổ nhập Niết- Bàn. Đây gọi là bực thứ hai có bịnh tu hành. Người nầy thuở vị lai qua khỏi sáu muôn kiếp, sẽ đặng thành vô thượng chánh giác.

Bực thứ ba dứt kiến-hoặc trong tam giới, tư-hoặc cõi dục đã dứt, đặng quả a-na- hàm, chẳng còn sanh trong loài người, dứt hẳn các khổ nhập Niết-Bàn. Đây gọi là bực thứ ba có bịnh tu hành. Người nầy thuở vị lai qua khỏi bốn muôn kiếp, sẽ đặng quả vô thượng chánh giác.

Bực thứ tư dứt hẳn tham dục, sân-khuể, ngu si, đặng quả a-la-hán, không còn phiền não nhập Niết-Bàn, cũng chẳng phải hạnh kỳ-lân độc nhứt. Đây gọi là bực thứ tư có bịnh tu hành. Người nầy thuở vị lai qua khỏi hai muôn kiếp, sẽ đặng quả vô thượng chánh giác.

Bực thứ năm dứt hẳn tham dục, sân khuể, ngu si, đặng quả Bích-Chi Phật phiền não hết sạch nhập Niết-Bàn, thiệt là hạnh kỳ-lân độc nhứt. Đây gọi là bực thứ năm có bịnh tu hành. Người nầy thuở vị lai qua khỏi mười ngàn kiếp, sẽ đặng quả vô thượng chánh giác.

Đây gọi là năm hạng người có bịnh tu hành, chẳng phải đức Như-Lai vậy.

XIX

PHẨM THÁNH HẠNH THỨ MƯỜI CHÍN

(Hán bộ trọn quyển 11, 12 và 13)

Phật bảo ca-Diếp Bồ-Diếp : “Đại Bồ-Tát phải nên ở nơi kinh Đại-Niết- Bàn nầy chuyên tâm tư duy năm thứ hạnh : Một là thánh hạnh, hai là phạm hạnh, ba là thiên hạnh, bốn là anh-nhi-hạnh, năm là bịnh hạnh.

Nầy Thiện-nam-tử ! Đại-Bồ-Tát thường nên tu tập năm thứ hạnh nầy. Lại có một hạnh, chính là Như-Lai hạnh, cũng chính là kinh Đại-thừa Đại-Niết-Bàn.

Đại Bồ-Tát tu thánh hạnh thế nào ? Đại Bồ-Tát hoặc từ Thanh-Văn, hoặc từ đức Như-Lai đặng nghe kinh Đại-Niết-Bàn như vậy, nghe xong sanh lòng tin, tin xong nên suy nghĩ như vầy : Chư Phật Thế-Tôn có đạo vô thượng, có chánh pháp lớn, có chánh hạnh cho đại chúng, lại có kinh điển Phương-đẳng Đại-thừa, nay ta nên vì ưa thích mong cầu kinh Đại-thừa mà bỏ lìa vợ con, quyến thuộc, nhà cửa, vàng bạc, châu báu, chuỗi ngọc tốt đẹp, hương hoa, kỹ nhạc, tôi trai, tớ gái, voi ngựa, xe cộ, trâu dê, gà chó, heo lợn. Lại nghĩ thế này, ở nhà ràng buộc như lao ngục, do đó mà sanh tất cả phiền não. Xuất gia khoảng khoát như hư không, tất cả pháp lành nhơn đây được tăng trưởng. Nếu ở nhà chẳng đặng trọn đời tu phạm hạnh, nay ta phải nên cạo bỏ râu tóc, xuất gia học đạo vô thượng.

Lúc Bồ-Tát muốn xuất gia như vậy, Thiên-ma Ba-tuần rất lo khổ, nói rằng : Bồ- Tát nầy lại sẽ cùng ta sanh sự chiến tranh lớn.

Nấy Thiện-nam-tử ! Bồ-Tát nầy ở nơi chỗ nào lại sẽ cùng người chiến tranh ? Bồ-Tát nầy qua đến tăng phường nếu thấy Như-Lai và hàng đệ tử oai nghi đầy đủ, thân tâm tịch tịnh, lòng liền nhu hòa thanh tịnh mà cầu xuất gia, cạo bỏ râu tóc mặc ba pháp y.

Xuất gia xong tuân giữ giới cấm, oai nghi chẳng thiếu, cử chỉ an lành không có sai phạm, nhẫn đến tội nhỏ cũng sanh lòng sợ sệt, tâm hộ giới như kim cương.

Nầy Thiện-nam-tử ! Ví như có người đeo trái nổi muốn lội qua biển lớn. Trong biển có quỉ La-sát theo người đó để xin trái nổi. Người đó nghĩ rằng : Nếu ta cho nó quyết định phải chìm chết. Nghĩ rồi đáp rằng : Nầy La-Sát, thà ngươi giết ta, chớ ta không thể cho trái nổi được.

La-Sát lại nói : Nếu ông chẳng cho hết, thời cho ta phân nửa. Người ấy vẫn không cho. La-Sát lại xin một phần ba, không được, lại xin một mãnh bằng bàn tay, nhẫn đến xin chừng bằng hột bụi. Người nầy đáp rằng : Nhà ngươi dầu xin rất ít, nhưng hiện nay ta cần phải lội qua biển, chẳng biết đường còn xa hay gần. Nếu ta cho ngươi một ít, trái nổi sẽ xì hơi, làm sao qua được biển lớn, có thể sẽ bị chìm chết giữa đường.

Nầy Thiện-nam-tử ! Bồ-Tát hộ trì cấm giới cũng như vậy. Lúc Bồ-Tát hộ giới, thường có phiền não bảo Bồ-Tát rằng : Ông nên tin tôi trọn chẳng dối nhau, chỉ phá bốn giới trọng, giữ gìn những giới khác sẽ được an ổn nhập Niết-bàn. Lúc đó Bồ-Tát nên nghĩ rằng : Thà ta giữ gìn giới cấm mà đọa A-tỳ địa-ngục, quyết chẳng hủy phạm mà sanh trên cõi trời. Phiền não lại nói :

Ông nếu chẳng phá bốn giới trọng, thời nên phá tăng tàng, sẽ được an ổn nhập Niết-bàn. Bồ- Tát không bằng lòng.

Phiền não lại bảo : Ông nếu chẳng phạm tăng tàng, cũng nên phạm tội thâu-lan- giá, thời đặng an ổn nhập Niết-bàn.

Bồ-Tát cũng chẳng nghe theo.

Phiền não lại bảo : Ông nếu chẳng thể phạm thâu-lan-giá, nên phạm xả- đọa thời nên an ổn nhập Niết-bàn.

Bồ-Tát cũng chẳng nghe theo.

Phiền não lại bảo : Ông nếu chẳng thể phạm xả-đọa nên phạm ba-dật-đề sẽ đặng an ổn nhập Niết-bàn.

Bồ-Tát cũng chẳng nghe theo.

Phiền não lại bảo : Ông nếu chẳng thể phạm ba-dật-đề, thời nên phạm đột kiết- la, do đây được an ổn nhập Niết-bàn.

Bồ-Tát vẫn không nghe theo, tự nghĩ rằng : Nay nếu ta phạm tội đột-kiết-la, mà chẳng phát-lồ, thời không thể qua khỏi biển sanh tử đến bờ Niết-Bàn được. Bồ- Tát đối với tội rất nhỏ trong giới luật, giữ gìn bền chắc, tâm như kim cương. Bồ- Tát đối với bốn giới trọng cùng đột-kiết-la, giữ gìn kính trọng như nhau không khác.

Bồ-Tát nếu có thể bền giữ giới luật như vậy, thời là đầy đủ năm chi giới : Một là đầy đủ giới nghiệp thanh tịnh căn bổn của Bồ-Tát; hai là những giới thanh tịnh khác, quyến thuộc của giới trước giới sau; ba là giới giác quán thanh tịnh, chẳng phải những ác giác; bốn là giới niệm thanh tịnh hộ trì chánh niệm; năm là giới hồi hướng vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Nầy Thiện-nam-tử ! Bồ-Tát đây lại có hai thứ giới : Một là giới thọ thế-giáo; hai là giới đặng chánh pháp. Bồ-Tát nếu thọ giới chánh pháp thời trọn chẳng làm ác. Nếu thọ giới thế giáo, thời bạch tứ Yết-Ma, rồi sau mới đặng.

Nầy Thiện-nam-tử ! Lại có hai thứ giới : Một là giới-tánh-trọng, hai là giới dứt sự cơ- hiềm thế gian. Giới-tánh-trọng tức là bốn giới trọng. Giới dứt cơ-hiềm thế gian là chẳng buôn bán, cân thiếu, giạ non, khi dối người, cậy thế lực người để lấy tài vật của kẻ khác, ác tâm trói buộc người, phá hoại sự

thành công của người, thắp đèn sáng mà nằm, ruộng nương gieo trồng, gia nghiệp buôn bán. Chẳng chứa voi ngựa, xe cộ, trâu, dê, đà, lừa, gà, chó, khỉ , vượn, chim công, chim két, chim cộng mạng, cùng chim câu-chỉ-la, cọp, beo, chó sói, mèo, chồn, heo lợn, và những ác thú khác. Chẳng chứa đồng nam, đồng nữ, đại nam, đại nữ, tôi tớ, vàng, bạc, lưu ly, pha lê, chơn châu, xa cừ, mã não, san hô, bích ngọc, kha bối, các thứ châu báu, đồng cỏ, thiếc nhôm, thau, chì, những thứ chén bát to lớn. Chẳng chứa áo lông, áo cừu, áo da, tất cả lúa, gạo nếp, mè, bắp, đậu, những đồ đựng món ăn sống, đồ đựng món ăn chín. Thường ăn một bữa, chẳng từng ăn hai lần. Thường đi khất thực và thọ thực trong chúng Tăng, thường biết vừa đủ. Chẳng thọ thỉnh riêng, chẳng ăn thịt, chẳng uống rượu, loại ngũ tân tánh nồng đều chẳng ăn, vì thế nên thân Bồ-Tát chẳng có hôi hám. Thường được chư Thiên tất cả người cung kính, cúng dường, tôn trọng, tán thán. Ăn vừa đủ trọn chẳng lãnh thọ của dư. Nhận lấy y phục vừa đủ che thân. Thường dùng ba y, bát, tọa cụ, trọn chẳng xa lìa như hai cánh chim. Chẳng chứa các thứ củ, cọng, mắt, hột, trái, các loại hột. Chẳng chứa của báu hoặc vàng, hoặc bạc, kho bếp chứa đồ ăn, áo xiêm thêu vẽ, giường rộng, cao lớn giừơng ngà, giường vàng, mùng màn nhiều màu, đều chẳng ngồi nằm. Chẳng chứa tất cả thứ chiếu, mềm nhuyễn. Chẳng ngồi yên voi, yên ngựa. Chẳng dùng áo xiêm mịn nhuyễn tốt đẹp để trải giường nằm. Trên giường ngủ nghỉ chẳng để hai gối, cũng chẳng nhận chứa gối đỏ tốt đẹp, gối cây lộng chạm. Trọn chẳng nhìn xem đua voi, đua ngựa, đua xe, diễn binh, cũng chẳng coi xem hoặc nam, hoặc nữ, hoặc trâu, dê, gà, chim trĩ, chim két, đánh đá nhau. Cũng chẳng cố ý đi xem binh trận. Cũng chẳng cố ý nghe thổi ốc , thổi sừng, tiếng đờn cầm, đờn sắt, đờn tranh, ống địch, không hầu, ca ngâm, các thứ kỹ nhạc, trừ khi cúng dường Phật. Trọn chẳng xem chẳng làm tất cã những sự chơi đùa cờ bạc. Chẳng coi tướng tay chân mặt mắt, chẳng bói quẻ, xủ quẻ. Chẳng ngước xem hư không tinh tú, trừ khi muốn giải sự buồn ngủ. Chẳng làm sứ mạng cho nhà vua. Cũng chẳng đem lời người nầy truyền đến người kia, lời người kia truyền đến người nầy. Chẳng dua nịnh tà mạn để nuôi sống. Chẳng tuyên nói những việc của vua của quan, của kẻ trộm cướp, việc kiện cáo, việc uống ăn trong nước, trong xứ thất mùa đói khát, những việc khủng bố, những việc đặng mùa an ổn. Đây gọi là giới dứt sự cơ hiềm trong đời của Đại-Bồ-Tát.

Nầy Thiện-nam-tử ! Đại-Bồ-Tát giữ gìn kỹ những điều giới ngăn chế như vậy đồng như giữ gìn những giới tánh trọng.

Nầy Thiện-nam-tử ! Đại-Bồ-Tát thọ trì những giới cấm như vậy rồi lại nguyện rằng : Thà đem thân nầy nhảy vào trong hầm lửa, trọn chẳng hủy phạm giới cấm của chư Phật ba đời mà cùng tất cả người nữ làm điều bất

tịnh. Lại nguyền thà lấy sắt nóng vấn nơi thân, trọn chẳng dám đem thân phá giới để thọ y phục của tín tâm đàn việt. Lại nguyện thà nuốt hòn sắt cháy đỏ, trọn chẳng dám đem thân phá giới ăn các thực vật của tín tâm đàn việt. Lại nguyện thà đem thân nầy nằm trên sắt nóng trọn chẳng đem thân nầy thọ giừơng chiếu của tín tâm đàn việt. Lại nguyện thà đem thân nầy chịu ba trăm mũi mâu đâm, trọn chẳng dám đem thân phá giới thọ thuốc men của tín tâm đàn việt. Lại nguyện thà đem thân nầy nhảy vào vạc sắt nóng, chẳng dám đem thân phá giới thọ phòng nhà của tín tâm đàn việt. Lại nguyện thà dùng chùy sắt đập nát thân nầy từ đầu đến chân nát như tro bụi, chẳng đem thân phá giới thọ sự cung kính của mọi người. Lại nguyện thà dùng sắt nóng khoét đôi mắt, chẳng dùng nhiễm tâm nhìn sắc đẹp của người. Lại nguyện thà dùng dùi sắt đâm thủng lỗ tai, chẳng dùng nhiễm tâm nghe tiếng hay giọng tốt. Lại nguyện thà dùng dao bén cắt bỏ lỗ mũi, chẳng dùng nhiễm tâm tham ngửi những mùi thơm. Lại nguyện thà dùng dao bén cắt rách lưỡi mình, chẳng dùng nhiễm tâm tham vị ngon ngọt. Lại nguyện rằng thà dùng búa bén chặt chém thân thể, chẳng dùng nhiễm tâm tham chạm xúc êm dịu. Vì những sự trên đây có thể làm cho nhà tu hành đọa địa ngục, súc sanh, ngả-quỉ. Đây gọi là Đại-Bồ-Tát hộ trì cấm giới.

Đại Bồ-Tát hộ trì những cấm giới như vậy rồi, đều đem bố thí cho tất cả chúng sanh, nguyện cho chúng sanh hộ trì cấm giới, đặng giới thanh tịnh, giới thiện, giới chẳng thiếu, giới chẳng phân tích, giới đại-thừa, giới bất thối, giới tùy thuận, giới rốt ráo, thành tựu đầy đủ giới ba-la-mật.

Nầy Thiện-nam-tử ! Đại Bồ-Tát lúc tu trì giới thanh tịnh như vậy liền đặng trụ bậc sơ-bất-động. Thế nào gọi là bậc bất-động ? Bồ-Tát trụ trong bậc bất-động nầy thời chẳng động, chẳng đọa, chẳng thối, chẳng tán.

Nầy Thiện-nam-tử ! Ví như núi Tu-di, gió trốt gió bão, không thể làm lay động sụp đổ tan nát được. Cũng vậy, Đại-Bồ-Tát trụ trong bậc nầy, chẳng bị sắc, thinh, hương, vị, xúc, làm động, chẳng đọa địa ngục, súc sanh, ngạ quỹ, chẳng lui xuống bậc Thanh-Văn, Bích-Chi Phật, chẳng bị dị-kiến tà phong làm tan, mà theo tà mạn để nuôi sống.

Lại bất động là chẳng bị tham dục, sân khuể, ngu si làm động. Lại bất đọa là chẳng đọa bốn tội trọng. Lại bất thối là chẳng lui bỏ giới để hoàn tục. Lại bất tán là chẳng bị người trái nghịch kinh Đại-thừa làm tan hoại.

Đại Bồ-Tát cũng chẳng bị các ma phiền não làm lay động, chẵng bị ma ngũ ấm làm đọa. Nhẫn đến ngồi nơi cội cây bồ-đề đạo tràng dầu có Thiên-ma

chẳng thể làm Bồ-Tát thối bỏ vô thượng chánh đẳng chánh giác, cũng chẳng bị ma chết làm tan.

Nầy Thiện-nam-tử ! Đây gọi là Bồ-Tát tu tập Thánh-hạnh. Thế nào gọi là Thánh- hạnh ? Vì là chổ thật hành của Phật và Bồ-tát nên gọi là Thánh-hạnh. Do cớ chi Phật và Bồ-Tát gọi là Thánh- nhơn ? Vì những bậc nầy có Thánh-pháp, vì thường quán các pháp thể tánh không tịch, do nghĩa nầy nên gọi là Thánh- nhơn. Lại vì có thánh giới, thánh định, thánh huệ, nên gọi là thánh nhơn. Lại vì có bảy thánh tài : Tín, giới, tàm, quí, đa văn, trí huệ, xả ly, nên gọi là thánh nhơn. Lại vì có bảy thánh giác nên gọi là thánh nhơn. Do nghĩa nầy nên lại gọi là thánh hạnh.

Nầy Thiện-nam-tử ! Đại-Bồ-Tát thực hành thánh hạnh, quán sát thân nầy từ đầu đến chân trong đó chỉ có tóc, lông, móng, răng, hôi dơ chẳng sạch, da, thịt, gân, xương, tỳ, thận, tâm, phế, gan, mật, bao tử, ruột non, ruột già, tiểu tiện, đại tiện, nước mũi, nước miếng, nước mắt, óc, tũy, mủ, máu, mạch lạc. Lúc Bồ- Tát chuyên tâm quán sát như vậy : Cái gì là ngã, ngã thuộc về cái gì ? Ngã ở chổ nào ? Cái gì thuộc về ngã ? Lại nghĩ rằng : Xương có phải là ngã chăng ? Hay rời xương là ngã ? Lúc đó Bồ-Tát trừ bỏ da thịt chỉ quán sát xương trắng lại suy xét sắc tướng của xương sai khác, là xanh, vàng, đỏ, trắng, xanh đen, xương như vậy cũng chẳng phải ngã, vì ngã chẳng phải xanh, vàng, đỏ, trắng và xanh đen. Lúc Bồ-Tát chuyên tâm quán sát như vậy, liền dứt trừ đặng tất cả sắc dục. Lại nghĩ rằng : Những xương như vậy đều từ nhơn duyên mà sanh. Nhờ xương bàn chân để gắn xương mắt cá do xương mắt ca để gắn xương ống quyển, nhơn xương ống quyển dùng gắn xương đầu gối, nhơn xương đầu gối để gắn xương đùi, do xương đùi kết với xương mông, nhờ xương mông dựng xương sống, nhờ xương sống kết xương sườn, trên xương sống có xương cổ, nhơn xương cổ gắn xương hàm, nơi xương hàm cặm răng nanh, trên đó có xương sọ. Lại nhơn xương cổ kết xương vai, nhơn xương vai gắn xương cánh tay, đầu xương cánh tay gắn xương bắp tay, do xương bắp tay kết xương bàn tay, nhơn xương bàn tay có xương ngón tay. Lúc Bồ-Tát quán sát như vậy, tất cả xương trong thân đều chia lìa. Quán sát như vậy rồi, liền dứt đặng ba thứ dục nhiễm : Một là sự dục nhiễm về hình mạo, hai là sự dục nhiễm về tư thái, ba là sự dục nhiễm về chạm xúc mịn màng.

Đại Bồ-Tát lúc quán sát xương màu xanh, thấy cõi đất khắp mười phương Đông, Tây, Nam, Bắc, bốn hướng trên, dưới thảy đều màu xanh cả. Lúc quán xương màu vàng, màu đỏ, màu trắng, màu xanh đen cũng như vậy.

Lúc Bồ-Tát quán sát như trên đây giữa chặn mày liền chiếu ra ánh sáng xanh, vàng, đỏ, trắng, xanh đen. Trong mỗi ánh sáng nầy Bồ-tát thấy có tượng Phật, liền hỏi : Thân nầy do nhơn duyên bất tịnh hòa hợp chung lại mà thành, sao lại đặng ngồi, nằm, đi, đứng, co duỗi, cúi, ngước xem, nháy, thở, buồn, khóc, vui, cười, trong thân nầy không chủ tể, ai sai sử có những việc như vậy ? Vừa hỏi xong, chư Phật trong ánh sáng liền ẩn mất.

Bồ-Tát lại suy nghĩ : Hoặc thức tâm là ngã, nên chư Phật chẳng vì tôi mà nói. Lại quán sát thức tâm nầy thứ đệ sanh diệt dường như nước chảy cũng chẳng phải là ngã. Lại suy nghĩ nếu thức tâm chẳng phải là ngã, thời hơi thở ra vào hoặc có thể là ngã chăng ? Lại suy nghĩ : Hơi thở ra vào chỉ là tánh gió, mà tánh gió là tứ đại, trong tứ đại, đại nào là ngã ? Tánh địa đại chẳng phải ngã, tánh thủy, tánh hỏa, tánh phong cũng chẳng phải ngã. Lại suy nghĩ : Tất cả trong thân nầy đều không có ngã, chỉ có tâm niệm do nhơn duyên hòa hiệp mà hiện ra có những tác dụng. Ví như sức bùa chú, ảo thuật làm ra. Cũng như ống không hầu tùy ý thổi ra tiếng. Thế nên thân nầy là bất tịnh, nhờ những nhơn duyên hòa hiệp chung lại mà thành, thế thì sẽ ở chỗ nào mà sanh tham dục. Lại ở chỗ nào mà sanh giận hờn nếu bị người mắng nhục. Thân nầy của ta do ba mươi sáu vật hội hiệp, hôi nhơ bất tịnh, chỗ nào mà có người lãnh thọ sự mắng nhục. Nếu nghe tiếng mắng, bèn suy nghĩ, do tiếng tăm gì mà thành mắng nhiếc ? Riêng mỗi mỗi tiếng chẳng thể thành mắng nhiếc. Nếu một tiếng chẳng thành, thời nhiều tiếng cũng chẳng thành. Do nghĩa nầy nên chẳng nên sanh lòng giận hờn.

Nếu có người đến đánh, cũng nên suy nghĩ, sự đánh đập nầy từ đâu mà có. Lại suy nghĩ : Nhơn tay, dao, gậy, cùng với thân của ta nên gọi là đánh. Nay ta cớ sao lại giận hờn nơi người, bèn là thân ta tự chác lấy lỗi nầy, vì ta thọ thân ngũ ấm. Ví như nhơn cái đích thời có mũi tên bắn trúng. Cũng vậy, do có thân ta, mới có sự đánh. Ta nếu chẳng có nhẫn, thời tâm tán loạn, tâm nếu tán loạn thời mất chánh niệm, nếu mất chánh niệm thời chẳng thể quan sát nghĩa lành cùng chẳng lành. Nếu chẳng thể quan sát nghĩa lành cùng chẳng lành thời phạm việc ác. Đã phạm việc ác tất phải đọa địa ngục, súc sanh, ngạ quỉ.

Lúc Bồ-Tát quán sát như vậy rồi, thời đặng tứ niệm xứ. Đặng tứ niệm xứ rồi thời đặng trụ nơi trong bậc kham nhẫn. Đại-Bồ-Tát trụ nơi bậc nầy thời có thể kham nhẫn những sự tham dục, sân khuể, ngu si. Cũng có thể kham nhẫn những sự lạnh, nóng, đói khát, muỗi mòng, rận, rệp, gió dữ, đụng chạm, thô cứng, các thứ tật dịch, chửi rủa mắng nhiếc, đánh đập khổ sở tất cả những

sự khổ não nơi thân, nơi tâm đều có thể nhẫn. Vì thế nên gọi là trụ bậc kham nhẫn.

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật : " Thế-Tôn ! Bồ-Tát chưa trụ đặng bậc bất động, lúc trì tịnh giới, có nhơn duyên gì đặng phá giới chăng ?

_ Nầy Thiện-nam-tử ! Bồ-Tát chưa đặng trụ bậc bất động, vì có nhơn duyên thời có thể đặng phá giới.

_ Bạch Thế-Tôn ! Nhơn duyên như thế nào ?

_ Nầy Thiện-nam-tử ! Nếu Bồ-Tát biết rằng do nhơn duyên phá giới, thời có thể làm cho người ưa thích thọ trì kinh điển đại-thừa, lại có thể làm cho người đọc tụng thông thuộc, biên chép quyển kinh, giảng thuyết rộng ra, chẳng thối chuyển nơi vô thượng chánh giác. Vì cớ như vậy nên đặng phá giới. Lúc đó Bồ- Tát nên nghĩ rằng : Ta thà chịu tội đọa nơi A-Tỳ địa ngục, một kiếp hoặc dưới một kiếp, cần phải làm cho người như vậy chẳng thối chuyển nơi vô thượng chánh giác. Do nhơn duyên nầy Bồ-Tát đặng phá tịnh giới.

Văn-Thù-Sư-Lợi Bồ-Tát bạch Phật : Thế-Tôn ! Nếu có Bồ-Tát nhiếp thủ hộ trì người như vậy, làm cho chẳng thối chuyển tâm Bồ-Đề, quyết không vì duyên cớ ấy phá giới mà bị đọa A-Tỳ.

Phật khen Văn-Thù Sư-Lợi : "Lành thay ! Lành thay ! Đúng như lời ông vừa nói. Ta nhớ thuở xưa, nơi Diêm-Phù-Đề nầy, ta làm Đại Quốc-Vương, tên là Tiên- Dư. Nhà vua mến ưa kính trọng kinh điển Đại-thừa, tâm vua thuần thiện, không có tật ác, tật đố, san lẫn, miệng vua thường nói lời dịu dàng, lời lành, thân vua thường nhiếp hộ kẻ nghèo cùng cô độc. Bố thí, tinh tấn, không ngừng nghỉ.

Thuở đó không có Phật ra đời, cũng không Thanh-Văn, Duyên Giác. Nhà vua ưa thích kinh điển Đại-thừa Phương-đẳng, trong mười hai năm phụng thờ Bà-La- Môn, cung cấp những đồ cần dùng. Qua khỏi mười hai năm, nhà vua bảo Bà-La- Môn các ngài nay phải phát tâm vô thượng bồ-đề. Bà-La-Môn đáp : Tâu Đại- vương tánh bồ-đề là không chỗ có, kinh điển Đại-thừa cũng như vậy. Sao Đại- vương muốn cho người cùng vật đồng như hư không.

Nhà vua lúc đó tâm tôn trọng Đại-thừa, nghe Bà-La-Môn hủy báng Phương-đẳng Đại-thừa, bèn giết Bà-La-Môn.

Nầy thiện-nam-tử ! Do nhơn duyên trên đây, từ đó trở đi, ta chẳng bị đọa địa ngục.

Nầy Thiện-nam-tử ! Ủng hộ nhiếp trì kinh điển Đại-thừa, bèn có vô lượng thế lực như vậy.

Phật lại bảo Ca-Diếp Bồ-Tát : " Có thánh hạnh là tứ thánh đế : Khổ, tập, diệt, đạo. Khổ là tướng bức bách. Tập là tướng có thể sanh trưởng. Diệt là tướng tịch diệt,. Đạo là tướng đại-thừa. Lại khổ là hiện tướng. Tập là chuyển tướng . Diệt là trừ tướng. Đạo là năng trừ tướng. Lại khổ có ba tướng : Tướng khổ khổ, tướng hành khổ, tướng hoại khổ. Tập là hai mươi lăm cõi. Diệt là diệt dứt hai mươi lăm cõi. Đạo là tu tập giới, định, huệ.

Nầy Thiện-nam-tử ! Pháp hữu lậu có hai thứ : Có nhơn, có quả. Pháp vô lậu cũng có hai thứ : Có nhơn, có quả.

Quả hữu lậu thời gọi là khổ. Nhơn hữu lậu thời gọi là tập. Quả vô lậu thời gọi là diệt. Nhôn vô lậu thời gọi là đạo.

Nầy Thiện-nam-tử ! Có tám tướng gọi là khổ : Sanh khổ, lão khổ, bệnh khổ, tử khổ, ái biệt ly khổ, oán tằng hội khổ, cầu bất đắc khổ, ngũ ấm thạnh khổ. Có thể sanh ra tám thứ khổ như vậy gọi đó là "Tập". Nơi không có tám thứ khổ như vậy đây gọi là "Diệt". Mười trí lực, bốn vô-sở-úy ba niệm xứ, đại-bi, đây gọi là "Đạo".

Sanh là tướng sanh ra có năm : Một là mới sanh ra, hai là đến rốt sau, ba là tăng trưởng, bốn là xuất thai, năm là chủng loại sanh.

Lão có hai thứ : Một là niệm niệm lão, hai là chung thân lão. Lại có hai : Một là tăng trưởng lão, hai là diệt hoại lão.

Bệnh là nói tứ đại chẳng điều thích lẫn nhau cũng có hai : Một là thân bịnh, hai là tâm bệnh. Thân bịnh có năm : Một là nhơn nơi nước, hai là nhơn nơi gió, bà là nhơn nơi nhiệt, bốn là tạp bịnh, năm là khách bịnh. Khách bịnh có bốn : Một là chẳng phải phận sự gắng gỗ làm, hai là vì quên lầm mà té ngã, ba là dao gậy ngói đá, bốn là quỉ mị dựa. Tâm bệnh cũng có bốn : Một là hớn hở, hai là sợ sệt, ba là lo rầu, bốn là ngu si.

Nầy Thiện-nam-tử ! Thân bịnh, tâm bịnh phàm có ba thứ : Một là nghiệp báo, hai là xa lìa chẳng đặng ác-đối, ba là thời tiết thay đổi. Sanh ra các thứ nhơn duyên danh tự thọ bịnh sai khác như vậy. Nhơn duyên là những bịnh

phong v.v…, danh tự là buồn nôn, phổi sưng, hơi lên, ho hen, tim nhảy, chảy kiết. Thọ sai khác là : Nhức đầu, đau mắt, đau tay, đau chưn, v.v… , đây gọi là bịnh.

Tử là bỏ thân đã thọ. Bỏ thân cũng có hai : Một là căn mạng hết mà chết, hai là do duyên ngoài là chất mạng hết mà chết. Mạng hết mà chết có ba : Một là mạng hết chẳng phải phước hết, hai là phước hết chẳng phải mạng hết , ba là phước mạng đều hết. Duyên ngoài chết cũng có ba : Một là chẳng phải phần tự hại mà chết, hai là bị kẻ khác hại chết, ba là do mình và kẻ khác mà chết. Lại có ba thứ chết : Một là phóng dật mà chết, hai là phá giới mà chết, ba là mạng căn hư hoại mà chết. Những gì gọi là phóng dật mà chết ? Nếu có hủy báng Đại- thừa Phương-đẳng bát-nhã-ba-la-mật, đây gọi là phóng dật mà chết. Những gì gọi là phá giới mà chết ? Hủy phạm giới cấm của chư Phật ba đời, đây gọi là phá giới mà chết. Những gì gọi là mạng căn hư hoại mà chết ? Bỏ thân ngũ ấm, đây gọi là mạng căn hư hoại mà chết. Do đây nên gọi rằng chết là rất khổ.

Những gì gọi là ái biệt ly khổ ? Những vật mến yêu bị hư hoại lìa tan. Vật mến yêu hư hoại lìa tan đó cũng có hai thứ : Một là ngũ ấm trong loài người hư hoại, hai là ngũ ấm trong cõi trời hư hoại. Ngũ ấm mến yêu trong cõi người cỏi trời phân biệt tính đếm có vô lượng thứ. Đây gọi là ái biệt ly khổ.

Những gì gọi oán-tằng-hội khổ ? Tức là chẳng yêu thương mà hội họp cùng nhau, chẳng yêu thương hội họp nầy cũng có ba : Địa ngục, ngạ quỉ, súc sanh. Ba ác thú như vậy phân biệt tính đếm có vô lượng thứ. Đây gọi là oán tằng hội khổ.

Những gì gọi là cầu bất-đắc khổ ? Cũng có hai thứ : Một là chỗ trông mong được mà cầu chẳng được, hai là tốn nhiều công lực mà chẳng đặng kết quả,. Đây gọi là cầu bất đắc khổ.

Những gì gọi là ngũ-ấm thạnh khổ ? Chính là sanh khổ, lão khổ, bịnh khổ, tử khổ, ái-biệt-ly khổ, oán-tằng-hội khổ, cầu-bất-đắc khổ. Đây gọi là ngũ ấm thạnh khổ.

Nầy Thiện-nam-tử ! Sanh làm cội gốc có ra lão khổ nhẫn đến ngũ ấm thạnh khổ, bảy khổ như vậy.

Nầy Thiện-nam-tử ! Luận về sự già suy, chẳng phải tất cả đều có. Phật cùng Chư Thiên một bề quyết định không, trong loài người thời chẳng nhứt định, hoặc có hoặc không.

Nầy Thiện-nam-tử ! Thọ thân trong ba cõi không ai chẳng có sanh, cho nên sanh là cội gốc của tất cả thân. Còn già thời chẳng quyết định.

Chúng sanh trong thế gian, do điên đảo che mờ tâm tánh, nên tham đắm nơi sanh mà nhàm lo già chết. Bồ-Tát chẳng như vậy. Bồ-Tát quán sát thân mới sanh đã thấy nỗi khổ.

Nầy Thiện-nam-tử ! Như có người nữ vào nhà người khác. Người nữ nầy xinh đẹp chuỗi ngọc trang nghiêm nơi thân. Chủ nhà hỏi rằng : Nàng tên là gì, thuộc nơi ai ? Người nữ đáp rằng : Thân tôi tức là Công Đức Đại-Thiên.

Chủ nhà hỏi : Nàng đến để làm gì ?

Người nữ đáp : Chỗ nào tôi đến, tôi có thể cho các thứ vàng, bạc, lưu-ly, pha lê, chơn châu, san hô, hổ phách, xa cừ, mã não, voi, ngựa, xe cộ, tôi tớ.

Chủ nhà nghe rồi vui mừng hớn hở : Nay ta phước đức, nên khiến nàng nầy đến nhà ta. Liền bèn đốt hương, rải hoa cúng dường, cung kính lễ bái.

Lại thấy ngoài cửa có một người nữ hình dạng xấu xa, áo xiêm rách nát, do thứa nức nẻ, sắc mặt xám trắng, dơ dáy hôi hám. Chủ nhà hỏi : Nàng tên gì , thuộc về ai ?

Cô gái đáp : Tôi tên Hắc-ám.

_ Tại sao tên Hắc-ám ?

_ Tôi đi đến chỗ nào có thể làm cho nhà đó hao tài, tốn của.

Chủ nhà nghe xong bèn cầm dao bén bảo rằng : Nàng nếu chẳng đi, ta sẽ chém chết.

Cô gái nói : Ông ngu si lắm, không có trí huệ.

Chủ nhà hỏi : Tại sao nói ta là ngu si không có trí huệ.

Cô gái đáp : Người đẹp đứng trong nhà ông chính là chị của tôi. Tôi thường đi chung với chị, nếu ông đuổi tôi cũng phải đuổi chị tôi.

Chủ nhà trở vô hỏi Công-Đức-Thiên : Ngòai cửa có cô gái nói là em của nàng có phải vậy chăng ?

Công-Đức-Thiên nói : Thiệt là em gái tôi, tôi cùng đi chung với nó, chưa có lúc nào lìa nhau. Tùy ở chỗ nào tôi thường làm việc tốt, còn nó thường làm việc xấu. Tôi thường làm việc lợi ích, còn nó luôn làm sự suy hao. Nếu ai yêu tôi cũng phải yêu nó. Nếu cung kính tôi, cũng phải cung kính nó.

Chủ nhà liền nói : Nếu có cả sự tốt lẫn sự xấu như vậy, thời ta chẳng cần, hai nàng nên tùy ý đi đi.

Lúc đó hai người nữ cùng dắt nhau trở về. Chủ nhà thấy cả hai đi rồi, trong lòng rất vui mừng hớn hở.

Bây giờ hai người nữ lại cùng dắt nhau đến một nhà nghèo. Người nghèo nầy lòng rất vui mừng mời rằng : Từ nay trở đi, xin hai nàng ở luôn nhà tôi.

Công-Đức-Thiên nói : Chúng tôi vừa bị người xua đuổi, cớ sao ông lại mời chúng tôi ở ?

Người nghèo nói : Nay nàng tưởng đến tôi, vì nàng nên tôi phải kính cô kia, vì thế nên tôi mời cả hai ở nơi nhà tôi.

Nầy Thiện-nam-tử ! Đại-Bồ-Tát cũng như vậy, chẳng nguyện sanh cõi trời, vì sanh thời có già, bịnh, chết, thế nên đều bỏ. Không chút tâm luyến ái. Kẻ phàm phu chẳng biết lỗi lầm khổ hoạn của già, bệnh, chết nên họ tham luyến sanh tử.

Nầy Thiện-nam-tử ! Như đứa trẻ dòng Bà-La-Môn đương lúc quá đói thấy trong đống phân có trái am-la, bèn lượm lên. Người trí ngó thấy quở rằng : Người là Bà-La-Môn, giòng giống thanh tịnh, cớ sao lại lượm trái nhơ trong đống phân. Đồng tử nghe xong hổ thẹn nói : “ Tôi thiệt chẳng ăn, muốn đem trái ấy rửa sạch rồi ném bỏ”. Người trí nói : “Ngươi ngu si quá, nếu rồi sẽ ném bỏ, đáng lẽ chẳng nên lượm lấy.”

Nầy Thiện-nam-tử ! Đại-Bồ-tát cũng như vậy, đối với vấn đề sanh chẳng lãnh thọ, cũng chẳng dứt bỏ, như người trí kia quở trách đứa trẻ. Kẻ phàm phu thích sanh ghét tử, như đứa trẻ kia lượm trái dơ rồi trở lại bỏ.

Nầy Thiện-nam-tử ! Như nơi ngã tư đường có người đựng đầy đồ ăn thơm ngon trong chậu, trong bát, bày ra để bán. Có người khách từ xa đến quá đói, thấy đồ ăn ấy thơm ngon, liền hỏi đây là vật gì ? Người bán nói : Đây là đồ ăn thơm ngon, nếu ai ăn thứ nầy, thời đặng sắc tốt, sức mạnh, có thể hết đói, hết khát và đặng thấy chư Thiên. Nhưng chỉ có một tai hại là sẽ chết. Người

khách nghe xong nghĩ rằng : Nay tôi chẳng dùng sắc đẹp, sức mạnh, thấy chư Thiên, vì tôi chẳng muốn chết. Nghĩ xong hỏi rằng : Ăn vật thực nầy nếu phải chết sao ông lại đem bán.

Người bán đáp : Những người có trí không ai bằng lòng mua. Chỉ có kẻ ngu, chẳng biết việc nầy, họ tham ăn nên họ trả giá đắt cho tôi.

Nầy Thiện-nam-tử ! Đại-Bồ-Tát cũng như vậy, chẳng nguyện sanh cõi trời, đặng sắc đẹp, đặng sức mạnh, thấy chư Thiên, vì sanh cõi trời chẳng khỏi những khổ não. Kẻ phàm phu ngu si sanh chỗ nào cũng đều tham luyến vì họ chẳng thấy già, bệnh, chết.

Nầy Thiện-nam-tử ! Ví như cây độc, gốc rễ cũng có thể giết người, thân cây, vỏ, bông, trái, hột đều cũng có thể giết người. Tất cả thân ngũ ấmtrong hai mươi lăm cõi đều có thể hại chúng sanh cũng như vậy.

Nầy Thiện-nam-tử ! Ví như phân nhơ, nhiều hay ít đều hôi cả. Cũng vậy, thọ sanh dầu sống lâu tám muôn tuổi hay mười tuổi cũng đều khổ não cả.

Nầy Thiện-nam-tử ! Ví như hầm sâu nguy hiểm, lấy cỏ che trên miệng hầm, bờ bên kia của hầm có mạch cam-lồ, người nào được ăn chất cam lồ, sẽ sống lâu ngàn năm không bệnh tật, an ổn , khoan khoái. Kẻ ngu si tham chất cam lồ, chẳng biết dưới đó có hầm sâu, bèn chạy đến lấy, chẳng ngờ trật chơn té xuống hầm mà chết. Người trí biết sự nguy hiểm, nên không đến lấy chất cam-lồ.

Đại-Bồ-Tát cũng như vậy còn chẳng muốn nhận lấy vật thực thượng diệu cõi trời huống là tong loài người. Kẻ phàm phu bèn ở nơi địa ngục nuốt hoàn sắt, huống là thức ăn thượng diệu cõi trời cõi người mà có thể chẳng ăn.

Nầy Thiện-nam-tử ! Do những điều thí dụ như vậy, ngoài ra còn vô lượng thí dụ khác, nên biết thọ sanh thiệt là rất khổ.

Đây gọi là Đại-Bồ-Tát trụ nơi kinh Đại-thừa Đại-Niết-Bàn quán sát sanh là khổ.

Nầy Thiện-nam-tử ! Đại-Bồ-tát trụ nơi kinh Đại-thừa Đại-Niết-Bàn quán sát lão là khổ như thế nào ?

Sự già yếu hay làm ho hen, ngăn nghẹn hơi, đưa lên, có thể làm mất sức mạnh, trí nhớ kém, sự tráng kiện không còn, mất sự an vui thơ thới, khoan khoái. Tuổi già hay làm lưng còm, mỏi nhọc, lười biếng, bị người khi dể.

Nầy Thiện-nam-tử ! Ví như hoa sen nở tốt đầy trong ao nước rất đáng ưa thích, gặp trận mưa đá, tất cả đều hư nát. Cũng vậy, tuổi già có thể phá hoại tráng kiện, sắc đẹp.

Nầy Thiện-nam-tử ! Ví như quốc vương có một trí thần dùng binh giỏi. Có vua nước địch chống cự chẳng thuận hảo. Quốc vương sai trí thần đem binh qua đánh, bắt vua nước nghịch mang về dưng cho quốc vương. Cũng vậy, tuổi già bắt được tráng kiện, sắc đẹp đem giao cho tử vương.

Nầy Thiện-nam-tử ! Ví như trục xe đã gãy, xe đó không còn dùng được. Cũng vậy, già suy thời không còn dùng được vào việc gì.

Nầy Thiện-nam-tử ! Như nhà giàu to có nhiều của báu : Vàng , bạc, lưu ly, san hô, hổ phách, xa cừ, mã não. Có bọn cướp nếu vào đặng nhà đó thời có thể cướp giựt hết cả. Cũng vậy, tuổi tráng kiện và sắc đẹp thường bị giặc già suy cướp giựt.

Nầy thiện-nam-tử ! Ví như người nghèo tham thức ăn ngon, y phục mịn màng, dầu có hy vọng nhưng không thể được. Cũng vậy, tuổi già suy dầu có tâm than, muốn hưởng thọ ngũ dục sung sướng mà chẳng thể đặng.

Nầy Thiện-nam-tử ! Như con rùa ở trên đất cao lòng nó thường nghĩ đến nước. Cũng vậy, người đời đã già suy khô héo mà lòng họ thường nhớ tưởng những khoái lạc ngũ dục thuở tráng kiện.

Nầy thiện-nam-tử ! Như mùa thu ai cũng ưa ngắm hoa sen nở, đến khi hoa tàn héo, mọi người đều không thích. Cũng vậy, sự tráng kiện, sắc đẹp mọi người đều ưa thích, đến khi già suy ai cũng nhàm ghét.

Nầy thiện-nam-tử ! Ví như cây mía, sau khi bị ép, bã xác không còn vị ngọt. Cũng vậy, tráng kiện sắc đẹp đã bị già ép, thời không có ba thứ vị : Một là vị xuất gia, hai là vị đọc tụng, ba là vị tọa thiền.

Nầy Thiện-nam-tử ! Ví như mặt trăng tròn ban đêm thời tỏ sáng, ban ngày thời không như vậy. Cũng vậy, tráng kiện thời hình mạo nở nang xinh đẹp, già thời suy yếu, thân thể và tinh thần kém suy.

Nầy Thiện-nam-tử ! ví như có nhà vua thường dùng chánh pháp cai trị nhơn dân, chơn thật, không lừa dối, từ bi ưa bố thí. Thuở đó nhà vua bị nước địch xâm lăng đánh bại, bèn lưu vong đến nước khác. Nhơn dân trong nước kia thấy nhà vua đều cảm thương nói rằng : Đại-vương ngày trước dùng chánh pháp trị nước chẳng uổng lạm bá tánh, thế sao nay lại lưu vong đến đây. Cũng vậy, loài người đã bị già suy làm bại hoại, thời thường tán thán sự nghiệp đã làm thuở tráng kiện.

Nầy Thiện-nam-tử ! Ví như tim đèn dầu nhờ mỡ dầu nhưng mỡ dầu sẽ hết, thế chẳng lâu dài. Cũng vậy, thân người dầu nhờ cậy sự tráng kiện, nhưng tráng kiện phải trải qua già suy, đâu còn được dùng lâu.

Nầy Thiện-nam-tử ! Ví như con sông cạn khô không có thể lợi ích cho người, cho phi nhơn, chim thú. Cũng vậy, thân người bị già suy khô héo, không còn làm được việc gì, chẳng thể có lợi ích.

Nầy Thiện-nam-tử ! Ví như cây cheo leo bờ sông, nếu gặp gió to, ắt sẽ đổ ngã. Như vậy đến tuổi già ắt phải chết, thế chẳng thể còn được.

Nầy Thiện-nam-tử ! Như trục xe đã gãy, không thể chở chuyên. Cũng vậy, già suy không thể học hỏi tất cả pháp lành.

Nầy Thiện-nam-tử ! Như trẻ thơ bị người khinh khi. Cũng vậy, già suy thường bị người khinh hủy.

Nầy Thiện-nam-tử ! Do những điều dụ như vậy cùng vô lượng thí dụ khác nên biết sự già thiệt là rất khổ.

Đây gọi là Đại-Bồ-Tát tu hành kinh Đại-thừa Đại-Niết-Bàn quán sát già là khổ.

Nầy Thiện-nam-tử ! Đại-Bồ-Tát trụ nơi kinh Đại-thừa Đại-Niết-Bàn quán sát bịnh khổ như thế nào ?

Ví như mưa đá làm hại mạ lúa. Cũng vậy, tật bệnh có thể phá hoại tất cả những sự an ổn vui vẻ.

Như người có oán thù , tâm thường lo rầu sợ sệt. Cũng vậy, tất cả chúng sanh thường bị bịnh khổ, lo rầu không yên.

Ví như có người hình dung xinh đẹp, Vương-phi tâm dục yêu thương, sai sứ đòi đến để cùng giao thông. Vua bắt đặng, liền truyền lịnh khoét một mắt,cắt một vành tai, chặt một tay, một chân, bấy giờ người đó hình dung đổi khác bị người nhờm gớm khinh rẻ. Cũng vậy, thân người trước thời dung mạo tươi tốt, tai mắt đầy đủ, đã bị bịnh khổ hành hạ, thời xấu xa bị người nhờm gớm.

Như cây chuối, cây tre, cây lau, cây la, hễ có con, có trái thì chết. Cũng vậy, người có bịnh thời chết.

Như vua Chuyển-Luân, đại thần, chủ binh thường làm tiền đạo đi trước, nhà vua theo sau cũng như chúa cá, chúa kiến, chúa ốc, chúa trâu, thương chủ, lúc ở trước chúng mà đi, thời toàn chúng thảy đều đi theo không rời. Cũng vậy, sự chết thường theo sát bịnh khổ không rời.

Nầy Thiện-nam-tử ! Nhơn duyên của bịnh làm cho khổ não, rầu lo, buồn than, thân tâm không an ổn. Hoặc bị kẻ giặc cướp bức hại, trái nổi bể hư, phá hoại cầu cống, đều cũng có thể cướp giựt mạng sống. Bịnh lại có thể phá hoại sự tráng kiện, sắc đẹp, thế lực, an vui, mất lòng tàm quý, có thể làm cho thân tâm xót xa bức rức.

Do những điều dụ đó và vô lượng thí dụ khác, nên biết bịnh rất là khổ não.

Đây gọi là Đại-Bồ-Tát tu hành kinh Đại-thừa Đại-Niết-Bàn quán sát bịnh khổ.

Nầy thiện-nam-tử ! Thế nào là Đại-Bồ-Tát tu hành kinh Đại-thừa Đại- Niết-Bàn quán sát tử khổ ? Sự chết có thể đốt cháy tiêu diệt. Như hỏa tai khởi lên có thể đốt cháy tất cả, chỉ trừ cõi trời nhị thiền trở lên, vì thế lực của hỏa tai chẳng đến được. Cũng vậy, sự chết có thể tiêu diệt tất cả, chỉ trừ Bồ-Tát trụ nơi Đại-thừa Đại-Niết-bàn vì thế lực của sự chết không đến được.

Như lúc thủy tai khởi lên, tất cả đều trôi, đều ngập, chỉ trừ cõi tam-thiền trở lên, vì thế lực của thủy tai chẳng đến được. Cũng vậy, sự chết làm chìm mất tất cả, chỉ trừ Bồ-Tát trụ nơi Đại-thừa Đại-Niết-Bàn.

Như lúc phong tai khởi lên, có thể thổi tan tất cả, chỉ trừ cõi tứ thiền, vì thế lực của phong tai chẳng đến được. Cũng vậy, sự chết có thể tiêu diệt tất cả, chỉ trừ Bồ-Tát trụ nơi Đại-thừa Đại-Niết-Bàn.

Ca-Diếp-Bồ-Tát bạch Phật : " Thế-Tôn ! Cõi Tứ-thiền kia do cớ gì mà gió không thổi đến, nước chẳng ngập đến, lửa chẳng cháy đến ?"

_ Nầy Thiện-nam-tử ! Cõi Tứ-Thiền kia không có tất cả quá hoạn trong thân và ngoại cảnh.

Cõi Sơ- Thiền có quá hoạn : Trong có giác quán, ngoài có hỏa tai.

Cõi Nhị-Thiền có quá hoạn : Trong có vui mừng, ngoài có thủy tai.

Cõi Tam-Thiên có quá hoạn : Trong có hơi thở, ngoài có phong tai.

Cõi Tứ-Thiền trong ngoài đều không quá hoạn, nên ba thứ tai họa lớn chẳng thể đến được.

Đại-Bồ-Tát cũng như vậy, an trụ nơi Đại-thừa Đại-Niết-Bàn, trong ngoài đều không tất cả quá hoạn, nên sự chết chẳng đến được.

Lại nầy Thiện-nam-tử : Như Kim-Súy-Điểu có thể nuốt, có thể tiêu tất cả loài rồng, cá và châu báu, vàng, bạc vân vân, chỉ trừ chất kim cương không tiêu được. Cũng vậy, sự chết có thể nuốt, có thể tiêu tất cả chúng sanh, chỉ không tiêu được Đại-Bồ-tát trụ nơi Đại-Thừa Đại-Niết-Bàn.

Lại nầy Thiện-nam-tử ! Ví như những cỏ cây ở bờ sông, nước lụt dưng lên đều trôi theo dòng vào biển lớn, chỉ trừ cây dương liễu, vì thứ cây nầy mềm dẽo. Cũng vậy, tất cả chúng sanh đều trôi lăn vào biển chết, chỉ trừ Bồ-Tát trụ nơi Đại-thừa Đại-Niết-Bàn.

Lại nầy Thiện-nam-tử ! Như thần Na-La-Diên có thể hàng phục tất cả lực sĩ, chỉ trừ gió to, vì gió to vô ngại. Cũng vậy, sự chết có thể hàng phục tất cả chúng sanh, chỉ trừ Bồ-Tát trụ nơi Đại-thừa Đại-Niết-Bàn, vì bậc nầy vô ngại.

Lại nầy Thiện-nam-tử ! Ví như có người đối với kẻ thù giả làm thân thiện, theo sát bên như bóng theo hình, chờ khi thuận tiện mà giết đó, nếu phòng bị chặt chẽ, thời người kia không hại được. Cũng vậy, sự chết luôn theo rình chúng sanh chờ dịp làm hại, chỉ không thể hại được bậc Đại-Bồ-Tát trụ nơi Đại-thừa Đại- niết-bàn, vì bậc Bồ-Tát nầy chẳng phóng dật.

Lại nầy Thiện-nam-tử ! Ví như trời bỗng mưa kim cương xối xuống tất cả cỏ cây, núi rừng, đất cát, ngói, đá, vàng, bạc, lưu ly, cùng tất cả vật đều bị hư

nát, chỉ kim cương chơn bảo không bị hư. Cũng vậy, sự chết đều có thể phá hoại tất cả chúng sanh, chỉ trừ kim cương Bồ-Tát trụ nơi Đại-thừa Đại-Niết-Bàn.

Lại nầy Thiện-nam-tử ! Như Kim-súy-điểu có thể nuốt các loài rồng, chỉ không nuốt được rồng thọ Tam-quy-y. Cũng vậy, sự chết có thể nuốt tất cả chúng sanh, chỉ trừ Bồ-Tát trụ ba môn chánh định : Không, vô tướng vô nguyện.

Lại nầy Thiện-nam-tử ! Như độc rắn ma-la, khi rắn nầy cắn nhằm người, những chú hay, thuốc tốt đều không cứu được, chỉ có chú A-Kiệt Đa-Tinh là có thể chữa lành. Cũng vậy, sự chết tất cả phương thuốc đều không cứu được, chỉ trừ Bồ- Tát trụ nơi Đại-thừa Đại-Niết-Bàn.

Lại nầy Thiện-nam-tử ! Như có người bị nhà vua giận, có thể dùng lời dịu dàng khéo léo, dâng của cải châu báu mà đặng khỏi tội. Sự chết không như vậy, dầu dùng lời nói dịu dàng, tiền của châu báu để cống dưng cũng chẳng thoát khỏi.

Nầy Thiện-nam-tử ! Luận về sự chết là chỗ hiểm nạn, không gì giúp đỡ, đi đường xa xôi mà không bạn bè, ngày đêm đi luôn chẳng biết bờ mé, sâu thẳm tối tăm, không có đèn đuốc, nó vào không có cửa nẻo mà có chỗ nơi, dầu không chỗ đau đớn nhưng chẳng thể chữa lành, nó qua không ai ngăn được, nó đến không thể thoát được, không phá phách gì mà người thấy sầu khổ, nó không phải màu sắc xấu xa mà làm cho người kinh sợ. Nó ở bên thân người mà chẳng hay biết được.

Nầy Ca-Diếp Bồ-Tát, do những điều dụ đó cùng vô lượng thí dụ khác, nên biết sự chết thật là rất khổ.

Đây gọi là Đại-Bồ-Tát tu hành kinh Đại-thừa Đại-Niết-Bàn quán sát tử khổ.

NầyThiện-nam-tử ! Thế nào là Đại-Bồ-Tát trụ nơi kinh Đại-thừa Đại-Niết-Bàn quán sát ái-biệt-ly khổ ? Ái biệt-ly nầy có thể làm cội gốc cho tất cả sự khổ. Như nói bài kệ rằng :

Nhơn ái sanh lo, Nhơn ái sanh sợ, Nếu lìa sự ái, Nào lo nào sợ.

Vì ái nên sanh sự lo khổ, vì lo khổ nên làm cho chúng sanh có già suy. Ái-biệt-ly khổ là nói sự chết. Vì biệt-ly hay sanh những sự khổ vi-tế, nay sẽ vì ông mà phân biệt rõ ràng.

Nầy Thiện-nam-tử ! Thuở quá khứ người sống vô lượng tuổi, có quốc vương tên là Thiện-Trụ nhà vua trị nước tám muôn bốn ngàn năm. Trên đỉnh đầu của vua mọc lên một bứu thịt mềm nhuyễn như bông. Bứu ấy lần lần to lớn, không làm đau nhức. Mãn mười tháng, bứu ấy nứt ra, sanh một đồng tử hình dung đẹp lạ. Nhà vua vui mừng đặt tên là Đãnh-Sanh.

Thời gian sau vua Thiện-Trụ đem việc nước giao cho Thái-tử Đảnh-Sanh, tồi rời bỏ cung điện quyến thuộc vào núi tu hành. Ngày rằm Thái-Tử Đảnh-Sanh lên ngôi, đương ở trên lầu cao tắm gội trai giới, phương Đông liền có báu kim- luân, bánh xe vàng đủ một ngàn cây căm tự nhiên bay đến. Vua Đảnh-Sanh nghĩ rằng : Từng nghe Ngũ-Thông tiên nhơn nói : Nếu dòng vua Sát-Đế-Lợi ngày rằm ở trên lầu cao tắm gội trai giới, có báu kim luân đủ ngàn cây căm tự nhiên bay đến, thời nhà vua đó sẽ đặng làm Chuyển-Luân Thánh-Vương. Nay ta nên thí nghiệm. Nghĩ xong, vua Đảnh-Sanh tay tả bưng báu kim-luân, tay hửu cầm lư hương, qùy gối bên mặt mà phát thệ rằng : Nếu đây thiệt là báu kim-luân, thời nên bay đi như vua Chuyển-Luân Thánh-Vương thuở quá khứ. Nhà vua phát thệ vừa xong, thời báu kim-luân bay lên hư không, bay khắp mười phương, rồi trở về dừng lại trên tay tả vua Đảnh-Sanh. Nhà vua vui mừng biết chắc mình sẽ là Chuyển-Luân Thánh-Vương.

Sau đó không bao lâu, có tượng bảo xuất hiện, mình trắng như bạch liên-hoa, xinh đẹp, mạnh mẽ đôi ngà chấm đất. Vì muốn thí nghiệm vua Đảnh-Sanh liền bưng lư hương quì gối bên hữu mà phát thệ rằng : Nếu thật là báu bạch tượng nên bay đi như thuở vua Chuyển-Luân Thánh-Vương quá khứ. Phát thệ xong, bạch tượng liền từ sáng đến chiều bay đi khắp tám phương, tột đến mé biển, rồi trở về cung vua. Kế đó lại có Mã-bửu xuất hiện, lông màu xanh biếc mướt đẹp, lông đuôi cùng gáy màu vàng ròng. Vì muốn thí nghiệm vua Đảnh-Sanh tay bưng lư hương quì gối bên hữu phát thệ rằng : Nếu thiệt là Mã-bảo thời phải như của vua Chuyển-Luân Tánh-Vương thuở quá khứ. Phát thệ xong, từ sáng đến chiều, Mã-bảo ấy đi khắp tám phương, đến mé biển rồi trở về cung vua.

Kế đó lại có Nữ-bảo xuất hiện xinh đẹp đệ nhứt, chơn lông thoảng mùi chiên đàn, hơi miệng thơm sạch như hoa sen xanh, mắt sáng nhìn xa một do tuần, tai nghe, mũi ngữi cũng xa như mắt, lưỡi rộng lớn le ra có thể trùm cả mặt, da mịn láng như lá đồng đỏ, rất thông minh có trí huệ, lời nói dịu dàng đối với tất cả mọi người. Tay người ấy lúc chạm đến áo của vua, liền biết thân vua khỏe mạnh hay bịnh hoạn, cũng biết những ý nghĩ của vua.

Kế đó trong cung vua tự nhiên có Ma-ni bảo châu lớn bằng bắp vế của người, màu thuần xanh, trong suốt, trong chỗ tối có thể chiếu sáng một do tuần. Nếu trời mưa giọt lớn như trục xe, thế lực của bảo châu nầy có thể che một do tuần, giọt mưa không rơi xuống được.

Sau đó, lại có Chủ- tạng thần hiện ra, cặp mắt có thể thấy thấu những kho châu báu ở trong lòng đất, tùy ý vua muốn đều có thể dưng đủ. Vua Đảnh-Sanh muốn thí nghiệm bèn cùng Chủ-tạng thần ngồi thuyền ra biển, vua bảo chủ-tạng thần : Nay ta muốn đặng châu báu. Chủ-tạng thần liền lấy hai tay quậy nước biển, đầu mười ngón tay liền hiện ra mười kho châu báu lấy dưng cho vua tâu rằng : “Tùy ý nhà vua chọn dùng, còn thừa lại nên ném trả xuống biển.”

Kế đó lại có chủ-binh thần xuất hiện, thao lược đệ nhứt, điều khiển bốn binh chủng rất giỏi. Lúc vua cần binh thời hiện quân lính ra để dùng. Lúc chẳng dùng binh, thời quân lính ẩn mất. Xứ nào chưa hàng phục chủ binh thần nầy có thể làm cho hàng phục. Xứ nào đã hàng phục, thời đủ sức giữ gìn.

Lúc đó vua Đảnh-Sanh tự biết là Chuyển-Luân -Vương, bèn bảo các quan : “ Cõi Diêm-Phù-Đề nầy an ổn giàu vui, nay bảy báu đã đủ, cả ngàn vương tử cũng đủ, giờ đây nên làm việc gì ?”

Các quan tâu : “ Châu Phất-Bà-Đề phương Dông còn chưa qui thuận, đại vương nên đem binh qua chinh phục.”

Vua Đảnh-Sanh bèn cùng thất-bảo bay qua châu Phất-Bà-Đề, nhơn dân trong châu đó đều vui mừng qui thuận.

Các quan lại tâu nên chinh phục châu Cù-Đà-Ni ở phương Tây. Kế đó lại đến chinh phục châu Uất-Đơn-Việt. Sau khi chinh phục ba châu xong. Vua Đảnh-Sanh bảo các quan : “ Châu Nam-Diêm-Phù-Đề này cùng ba châu đều an onả giàu vui, tất cả đều qui thuận ta, nay đây lại nên làm việc gì ?”

Các quan tâu : “ Cõi trời Đao-Lợi tuổi thọ dài lâu , an ổn, khoái lạc, thân chư Thiên xinh đẹp hơn nhơn gian, cung điện nhẫn đến giường ghế toàn bằng bảy báu, cậy phước trời chưa chịu đến qui phục, nay nên đem binh đánh dẹp.”

Vua Đảnh-Sanh lại cùng thất bảo bay lên cõi trời Đao-Lợi, trông thấy một cây màu xanh đậm bèn hỏi đại thần : Đó là cây gì ?

Đại-thần tâu : Cây ấy tên là Ba-Lợi-Chất-Đa-La, chư Thiên cõi Đao-Lợi nầy đến ngày mùa hạ thường tựu hợp vui chơi dưới cây đó.

Lại trông thấy màu trắng như bạch vân, vua Đảnh-Sanh hỏi đại thần chỗ đó là gì ? Đại-thần tâu đó là thiện-pháp-đường, chư thiên cõi Đao-Lợi thường nhóm nơi đó để bàn luận những việc cõi trời cõi người.

Thiên-Chúa Thích-Đề-Hoàn-Nhơn biết vua Đảnh-Sanh đã đến, liền ra tiếp rước, cầm tay vào thiện-pháp-đường lên tòa mà ngồi. Hai vua hình dung tướng mạo giống nhau, chỉ có đôi mắt nhìn nháy là khác nhau.

Lúc đó vua Đảnh-Sanh nghĩ rằng : nay ta có thể đuổi thiên-chúa nầy để ta ở đây làm thiên-vương.

Thiên-Đế-Thích vốn thọ trì đọc tụng kinh điển Đại-thừa, thường vì chư Thiên giảng thuyết, chỉ chưa thông đạt hết thâm nghĩa của kinh. Do thọ trì giảng thuyết Đại-thừa nên Thiên-Đế có oai đức hơn.

Khi vua Đảnh-Sanh khởi ác tâm đối với Thiên-Đế, tổn phước liền tự rớt xuống Diêm-Phù-Đề, nhớ tiếc cõi trời lòng rất khổ não. Không bao lâu vua Đảnh-Sanh phải bịnh chết.

Nầy Thiện-nam-tử ! Thiên-Đế thuở đó chính là Phật Ca-Diếp, vua Đảnh-Sanh thời là tiền thân của ta.

Nầy Thiện-nam-tử ! Phải biết ái-biệt-ly như vậy rất là khổ não.

Nầy Thiện-nam-tử ! Đại-Bồ-Tát còn nhớ những trường hợp ái-biệt-ly khổ thuở quá khứ, huống là Bồ-Tát trụ nơi kinh Đại-Thừa Đại-Niết-Bàn mà nên chẳng quán sát sự ái-biệt-ly khổ trong đời hiện tại !

Nầy Thiện-nam-tử ! Thế nào là Đại Bồ-Tát tu hành kinh Đại-thừa Đại-Niết-Bàn quán sát oán-tằng-hội khổ ?

Đại-Bồ-Tát nầy quán sát địa ngục, súc sanh, ngạ quỉ, loài người, trên trời đều có sự oán-tằng-hội-khổ như vậy.

Ví như có người quán sát lao ngục giam nhốt, gông xiềng là rất khổ. Cũng vậy, Đại-Bồ-Tát quán sát năm loài chúng sanh đều là oán-tằng-hội-hiệp rất khổ sở.

Ví như có người thường sợ kẻ oán thù, gông cùm, xiềng xích, nên bỏ cha mẹ, vợ con, quyến thuộc, cùng của báu sản nghiệp mà trốn lánh đi xa. Cũng vậy, Đại-Bồ-Tát sợ sanh tử, nên tu hành sáu môn Ba-La-Mật, chứng nhập Niết- Bàn. Đây gọi là Bồ-Tát tu hành Đại-thừa Đại-Niết-Bàn quán sát oán-tằng-hội khổ.

Nầy Thiện-nam-tử ! Thế nào là Đại-Bồ-Tát tu hành Đại-thừa Đại-Niết- Bàn quán sát cầu-bất-đắc khổ ?

Cầu là mong cầu tất cả , có hai thứ : Một là cầu pháp lành, hai là cầu pháp chẳng lành. Cầu pháp lành mà chưa đặng thời khổ, pháp ác muốn rời mà chưa rời được thời khổ.

Đây là lược nói ngũ- ấm-thạnh khổ. Đây gọi là khổ đế.

Ca-diếp Bồ-Tát bạch Phật : " Thế-Tôn ! Như lời Phật nói, ngũ ấm thạnh khổ nghĩa đó chẳng phải. Vì như ngày trước Phật bảo Thích-Ma-Nam : Nếu sắc là khổ, tất cả chúng sanh lẻ ra chẳng nên cầu sắc, nếu có người cầu thời chẳng gọi là khổ. Lại như Phật bảo các Tỳ-kheo thọ có ba thứ : Khổ thọ, lạc thọ, bất khổ bất lạc thọ. Lại như lúc trước đức Phật nói với các Tỳ-kheo : Nếu người nào có thể tu hành pháp lành thời đặng thọ lạc. Lại như đức Phật nói : Ở trong đường lành sáu căn lãnh thọ sáu cảnh vui : Mắt thấy sắc đẹp là vui, tai, mũi, lưỡi, thân nhẫn đến ý suy nghĩ pháp lành cũng như vậy.

Như Phật từng nói kệ :

Trì giới thời là vui, Thân chẳng thọ sự khổ. Ngủ nghỉ đặng an ổn, Thức dậy lòng vui vẻ. Lúc nhận lấy y thực, Đọc tụng và kinh hành, Ở riêng nơi núi rừng, Như vậy là rất vui. Nếu đối với chúng sanh, Ngày đêm tu lòng từ, Nhơn đây được thường vui, Vì chẳng hại người khác. Ít muốn biết đủ vui, Học rộng biết nhiều vui, A-La-Hán không chấp, Cũng gọi là thọ vui, Các vị Đại Bồ-Tát, rốt ráo đến bờ kia. Những việc làm đã xong, Đây gọi là rất vui.

Thế-Tôn ! Trong các bộ kinh nói về tướng vui ý nghĩa như vậy. Thế nào tương ứng với nghĩa của Phật nói hôm nay ?

Phật bảo Ca-Diếp Bồ-Tát : " Lành thay ! Lành thay ! Ông khéo có thề thưa hỏi đức Như-Lai những nghĩa như vậy.

Nầy Thiện-nam-tử ! Tất cả chúng sanh đối với sự khổ hạng hạ tưởng lầm là vui. Vì thế nên nay ta nói tướng khổ không khác với ngày trước đã nói.

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật : " Như lời Phật hỏi : Đối với sự khổ hạng hạ tưởng cho là vui, thời sanh, lão, bệnh, tử hạng hạ cùng ái-biệt-ly, cầu-bất-đắc, oán- tằng-hội, ngũ-ấm-thạnh hạng hạ, những sự khổ như vậy lẽ ra cũng nên có vui.

Thế-Tôn ! Sanh hạng hạ là ba ác thú, sanh hạng trung là loài người, sanh hạng thượng là trên trời.

Nếu lại có người hỏi rằng : Nếu ở nơi sự vui hạng hạ tưởng cho là khổ, trong sự vui hạng trung tưởng cho là không khổ không vui. Trong sự vui hạng thượng tưởng cho là vui, thời phải trả lời thế nào ?

Thế-Tôn ! Nếu trong sự khổ hạng hạ tưởng cho là vui, chưa thấy có người nào sẽ bị phạt đánh ngàn trượng, lúc mới đánh một trượng đầu mà đã tưởng là vui. Nếu lúc đánh trượng đầu chẳng tưởng là vui, thế sao nói rằng : Nơi trong sự khổ hạng hạ mà tưởng cho là vui ?"

Phật bảo Ca-Diếp Bồ-Tát : " Phải lắm ! Phải lắm ! Đúng như lời ông nói. Do nghĩa nầy nên không có tưởng là vui, vì như người tội kia sẽ bị phạt đánh ngàn trượng, khi bị đánh một trượng rồi liền đặng tha. Người nầy bèn sanh lòng vui. Vì thế nên biết rằng trong sự không vui lầm tưởng là vui."

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật : Thế-Tôn ! Người đó chẳng vì bị đánh một trượng mà sanh vui. Chính vì đặng tha mà sanh lòng vui.

_ Nầy Thiện-nam-tử ! Vì thế nên ta ngày trước nói với Thích-Ma-Nam trong ngũ ấm có vui, lời đó là đúng, thiệt chẳng phải mâu thuẩn vậy.

Nầy Thiện-nam-tử ! Có ba thọ và ba khổ. Ba thọ là : Lạc thọ, khổ thọ và bất khổ bất lạc thọ. Ba khổ là : Khổ-khổ, hành khổ, hoại khổ.

Nầy T.hiện-nam-tử ! Khổ thọ chính là cả ba món khổ : Khổ-khổ, hành khổ và hoại khổ. Hai món thọ kia chính là hành khổ và hoại khổ. Do đây nên trong sanh tử thiệt có lạc thọ. Đại-Bồ-Tát thấy tánh khổ cùng tánh lạc chẳng rời lìa nhau nên nói rằng tất cả đều khổ.

Nầy Thiện-nam-tử ! Trong sanh tử thiệt không có vui, vì chư Phật Bồ-Tát tùy thuận thế gian nên nói là có vui.

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật : " Thế-Tôn ! Chư Phật và Bồ-Tát nếu tùy theo thế tục mà nói, thời là có hư vọng chăng ? Như Phật thường nói, người tu hành pháp lành thời thọ quả báo vui. Trì giới an vui thân chẳng thọ khổ, nhẫn đến việc làm đã xong đây là rất vui. Lời nói thọ vui trong các kinh như vậy, chừng có hư vọng chăng . Nếu là hư vọng, thời chư Phật Thế-tôn trong vô lượng trăm ngàn muôn ức a-tăng-kỳ-kiếp tu hành đạo bồ-đề đã lìa vọng ngữ. Nay Phật nói như vậy ý nghĩa thế nào ?

_ Nầy Thiện-nam-tử ! Như bài kệ nói về những sự thọ lạc trước kia chính là cội gốc của đạo Bồ-Đề, cũng có thể trưởng-dưỡng vô thượng bồ-đề. Do nghĩa đó nên trong những kinh trước nói tướng vui như vậy.

Ví như trong thế gian những đồ cần dùng cho đời sống, có thể làm nhơn cho sự vui, nên gọi là vui. Như nữ sắc, rượu uống, đồ ăn ngon, lúc khát được nước, lúc lạnh được lửa, y phục, chuỗi ngọc, voi ngựa, xe cộ, tôi tớ, vàng, bạc, lưu ly, san hô, chơn châu, kho đựng lúa gạo, những vật như vậy người đời cần dùng có thể làm nhơn cho sự vui nên gọi là vui.

Nầy Thiện-nam-tử ! Những vật như vậy cũng có thể sanh sự khổ. Nhơn nơi nữ sắc sanh sự khổ, lo, rầu, buồn, khóc nhẫn đến phải chết cho người nam. Nhơn nơi rượu, đồ ăn ngon, nhẫn đến lúa gạo cũng có thể làm cho người phải lo khổ nhiều. Do nghĩa đó nên tất cả đều khổ không có tướng rốt ráo vui.

Nầy Thiện-nam-tử ! Đại-Bồ-Tát nơi tám điều khổ nầy, hiểu rỏ là khổ nên không bị khổ.

Nầy Thiện-nam-tử ! Tất cả hàng Thanh-Văn, Duyên-Giác chẳng biết nhơn của sự vui, nên Phật vì họ ở trong sự khổ hạng hạ nói có tướng vui. Chỉ có Bồ- Tát trụ nơi Đại-Thừa Đại-Niết-Bàn bèn có thể biết nhơn của sự khổ sự vui nầy.

Nầy Thiện-nam-tử ! Thế nào là Đại-Bồ-Tát trụ nơi Đại-Thừa Đại-Niết- Bàn quán sát tập đế ? Đại-Bồ-Tát quán sát tập đế là nhơn duyên ngũ ấm. Tập nghĩa là trở lại ái-luyến nơi hữu. Ái có hai thứ : Một là ái thân mình, hai là ái đồ cần dùng. Lại có hai thứ : Năm thứ dục lạc, lúc chưa đặng tâm luôn tìm cầu, đã tìm cầu đặng rồi luôn đắm trước. Lại có ba thứ : dục ái, sắc ái, vô sắc ái. Lại có ba thứ : Nghiệp nhơn duyên ái, phiền não nhơn duyên ái, khổ nhơn duyên ái. Người xuất gia có bốn thứ ái : Y phục, đồ ăn uống, đồ nằm, thuốc thang. Lại có năm thứ : Tham lam nơi ngũ ấm, tùy chỗ cần dùng tất cả đều tham ái toan tính phân biệt vô-lượng vô-biên.

Nầy Thiện-nam-tử ! Ái có hai thứ : Một là thiện ái, hai là bất thiện ái. Chỉ người ngu tìm cầu bất thiện ái. Các vị Bồ-Tát cầu nơi thiện-ái. Thiện ái lại có hai thứ : Bất thiện và thiện. Cầu pháp Nhị-thừa gọi là bất thiện. Cầu pháp Đại- thừa gọi là thiện.

Nầy Thiện-nam-tử ! Kẻ phàm phu tham ái gọi là " tập" chẳng gọi là "đế". Sự ái của Bồ-Tát thời gọi là thật đế chẳng gọi là tập, vì Bồ-Tát muốn độ chúng sanh nên thị hiện thọ sanh, chẳng phải vì tham ái mà thọ sanh.

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật : Thế-Tôn ! Như trong các kinh khác đức Phật vì chúng sanh mà nói nghiệp làm nhơn duyên, hoặc nói kiêu mạn, hoặc nói lục xúc, hoặc nói vô minh làm nhơn duyên mà có ngũ ấm xí-thạnh. Hôm nay do nghĩa gì đức Phật nói bốn Thánh-Đế riêng lấy ái làm nhơn cho ngũ ấm.

Phật khen Ca-Diếp Bồ-Tát : " Lành thay ! Lành thay ! Đúng như lời ông vừa nói, các nhơn duyên chẳng phải làm cũng chẳng phải nhơn, chỉ vì năm ấm cần phải nhơn nơi ái.

Ví như quốc vương lúc đi tuần du các quan quyến thuộc thảy đều theo hầu. Cũng vậy, ái đi đến chỗ nào thời các kiết sử cũng đi theo.

Ví như y phục thấm mồ hôi, bụi bay đến liền bám dính. Cũng vậy, chỗ nào có ái những nghiệp kiết cũng ở nơi đó.

Ví như đất ướt thời có thể mọc mầm. Cũng vậy, ái có thể sanh tất cả mầm nghiệp phiền não.

Nầy Thiện-nam-tử ! Đại Bồ-Tát trụ nơi Đại-thừa Đại-Niết-Bàn quán sát kỹ ái nầy có chín thứ : Một là như thiếu nợ, hai là như vợ La-Sát, ba là như trong cọng hoa đẹp có rắn độc vấn , bốn là như vật thực độc mà cố ăn đó, năm là như dâm nữ, sáu là như hột ma-lâu-ca, bảy là như thịt thúi trong mụn nhọt, tám là như gió bão, chín là như sao chổi.

Như thiếu nợ là thế nào ! Ví như người nghèo cùng thiếu tiền của người khác, dầu đã trả nợ mà vẫn còn thiếu, nên bị giam nhốt chưa ra khỏi ngục. Hàng Thanh-Văn Duyên-Giác vì còn tập khí thừa của ái nên chẳng chứng đặng vô thượng bồ-đề.

Như vợ La-Sát là thế nào ? Ví như có người lấy gái La-Sát làm vợ, gái La-Sát nầy hễ sanh con liền ăn thịt, ăn thịt con đẻ hết lại ăn luôn thịt chồng. Ái

cũng vậy, tùy người sanh thiện căn nó liền ăn, ăn hết thiện căn nó lại ăn luôn cả người làm cho phải đọa địa ngục, súc sanh ngã quỉ. Chỉ trừ các vị Bồ-Tát.

Như cọng hoa đẹp có rắn độc vấn là thế nào ? Như có người thích hoa đẹp mà chẳng thấy cọng hoa có rắn độc, liền đến ngắt hoa bị rắn cắn chết. Tất cả phàm phu tham đắm ngũ dục mà chẳng thấy độc hại của ái, nên bị ái làm hại, sau khi chết đọa trong ba đường ác. Chỉ trừ các vị Bồ-Tát.

Vật thực độc mà cố ăn là thế nào ? Như có người cố ăn vật thực độc, ăn xong đau bụng thổ tả mà chết. Chúng sanh trong ngũ đạo vì tham ái mà phải bị đọa trong ba đường ác. Chỉ trừ các vị Bồ-Tát.

Như dâm nữ là thế nào ? Ngư người ngu tư thông với dâm nữ, dâm nữ nầy thường dối phĩnh gạt đoạt hết tiền của rồi xua đuổi người ấy. Người ngu không có trí tuệ bị tham ái đoạt tất cả pháp lành rồi xua đuổi vào trong ba đường ác. Chỉ trừ các vị Bồ-Tát.

Như hột ma-lâu-ca là thế nào ? Nếu chim ăn hột ma-lâu-ca, phẩn chim do gió thổi rớt dưới cây liền mọc lên đeo vấn cây to làm cho khô chết, tham ái ràng buộc phàm phu làm cho pháp lành không tăng trưởng nhẫn đến khô diệt, sau khi chết đọa vào ba đường ác. Chỉ trừ các vị đại Bồ-Tát.

Thịt thúi trong mụn nhọt như thế nào ? Như người bị ung nhọt, trong nhọt sanh thịt thúi, người bịnh nầy phải chuyên tâm chạy chữa, nếu chểnh mãng thời thịt thúi sanh trùng có thể phải chết, ngũ ấm của phàm phu cũng như vậy, ái sanh trong đó, phải nên siêng năng điều trị tham ái, nếu không điều trị sẽ phải đọa trong ba đường ác. Chỉ trừ các vị Bồ-Tát.

Như gió bão là thế nào ? Gió bão có thể làm lở núi ngã cây. Cũng vậy, tham ái sanh tâm ác đối với cha mẹ, có thể làm ngã trốc cội cây vô thượng Bồ-Đề của các ông Đại-Trí Xa-Lợi-Phất vân vân. Chỉ trừ các vị Bồ-Tát.

Như sao chổi là thế nào ? Như sao chổi mọc thời trong thiên hạ phải bịnh tật, đói kém, họa tai khổ sở. Cũng vậy, ái có thể dứt tất cả căn lành làm cho phàm phu cơ cùng thiếu thốn sanh bịnh phiền não lưu chuyển trong sanh tử mang nhiều sự khổ. Chỉ trừ các vị Bồ-Tát.

Nầy Thiện-nam-tử ! Đại-Bồ-Tát Đại-Thừa trụ nơi Đại-Niết-Bàn quán sát tham ái có chín thứ như vậy.

Do nghĩa trên đây, hàng phàm phu có khổ, không đế. Hàng Thanh-Văn Duyên- Giác có khổ đế mà không chơn thật. Các vị Bồ-Tát hiểu khổ không có khổ mà có chơn đế. Hàng phàm phu có tập không có đế. Hàng Thanh-Văn Duyên- Giác có tập có tập đế. Các vị Bồ-Tát hiểu tập không có tập mà có chơn đế. Hàng Thanh- Văn Duyên-Giác có diệt mà chẳng phải chơn. Đại-Bồ-Tát có diệt có chơn đế. Hàng Thanh-Văn Duyên-Giác có đạo mà chẳng phải chơn. Đại Bồ-Tát có đạo có chơn đế.

Nầy Thiện-nam-tử ! Thế nào là Đại Bồ-Tát trụ nơi Đại-thừa Đại-Niết-Bàn thấy diệt cùng thấy diệt-đế ? Chính là dứt trừ tất cả phiền não, nếu phiền não đã dứt thời gọi là thường. Dứt lữa phiền não thời gọi là tịch diệt. Vì phiền não diệt nên đặng hưởng thọ chơn lạc. Chư Phật và Bồ-Tát cho nguyện cầu nên gọi là tịnh, chẳng còn thọ thân trong hai mươi lăm cõi nên gọi là xuất thế. Do xuất thế nên gọi là ngã, là thường. Đối với sắc, thinh, hương, vị xúc, nam, nữ, sanh, trụ, diệt, khổ, lạc, bất khổ, bất lạc, đều chẳng chấp lấy tướng mạo nên gọi là rốt ráo tịch diệt chơn đế. Đây là Đại Bồ-Tát trụ nơi Đại-thừa Đại-Niết-Bàn quán sát diệt Thánh-đế.

Thế nào là Đại-Bồ-Tát trụ nơi Đại-thừa Đại-Niết-Bàn quán sát đạo Thánh-đế ?

Ví như trong tối nhơn đèn mà đặng thấy những vật lớn nhỏ. Cũng vậy, Đại-Bồ- Tát trụ nơi Đại-Thừa Đại-Niết-Bàn nhơn bát thánh-đạo mà thấy tất cả pháp : Thường, vô thường, hữu vi, vô vi, chúng sanh, phi chúng sanh, vật, phi vật, khổ, lạc, ngã, vô ngã, tịnh, bất tịnh, phiền não, phi phiền não, nghiệp, phi nghiệp, thật, phi thật, thừa, phi thừa, tri, bất tri, đà-la-phiên, phi-đà-la-phiên, cầu na, phi cầu na, kiến, phi kiến, sắc, phi sắc, đạo, phi đạo, giải, phi giải. Bồ-Tát trụ nơi Đạïi- thừa Đại-Niết-Bàn quán sát đạo Thánh-đế như vậy".

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật : " Thế-Tôn ! Nếu tám Thánh-đạo là đạo Thánh-đế thời nghĩa chẳng tương ứng. Như đức Phật hoặc có lúc nói lòng tin là đạo có thể thoát khỏi các phiền não. Hoặc có lúc nói chẳng phóng dật là đạo vì chư Phật chẳng phóng dật nên đặng vô thượng Bồ-đề, và cũng là phép trợ đạo của Bồ- Tát. Hoặc có lúc nói tinh tấn là đạo, như Phật bảo A-Nan nếu có người siêng tu tinh tấn thời đặng thành vô thượng Bồ-đề. Hoặc có lúc nói quán thân niệm xứ, nếu chuyên tu tập thân niệm xứ nầy đặng thành vô thượng bồ-đề. Hoặc có lúc nói chánh định là đạo. Như Phật bảo Ma-Ha-Ca-Diếp : Chánh định là đạo chơn thật, nếu nhập chánh định bèn có thể tư duy sự sanh diệt của ngũ ấm, chẳng nhập thời không thể tư duy. Hoặc có lúc nói

một pháp : Nếu người tu tập cói thề thanh tịnh chúng sanh, dứt trừ tất cả ưu sầu khổ não chứng đặng chánh pháp, tức là niệm Phật tam muội. Hoặc Phật lại nói rằng tu quán tưởng vô thường thời gọi là đạo có thể chứng đặng vô thượng Bồ-đề. Hoặc Phật nói không tịch ở nơi A-Lan-Nhã, ngồi một mình tư duy có thể mau chứng đặng vô thượng Bồ-đề. Hoặc có lúc Phật nói : Vì người diễn thuyết thời gọi là đạo, nếu người nghe pháp dứt được lưới nghi thời chứng đặng vô thượng Bồ-đề. Hoặc có lúc Phật nói trì giới là đạo, nếu người tinh tấn tu trì giới cấm, người nầy thoát khỏi khổ sanh tử. Hoặc có lúc Phật nói gần gũi Thiện-hữu gọi là đạo, như Phật bảo A-Nan : Người gần gũi thiện-tri-thức thời đầy đủ tịnh giới nếu có chúng sanh nào gần gũi nơi Phật thời đặng phát tâm vô thượng Bồ-đề. Hoặc có lúc Phật nói tu lòng từ là đạo, người tu học lòng từ dứt các phiền não thời đặng bực bất động. Hoặc có lúc Phật nói trí huệ là đạo, như ngày trước Phật vì Tỳ-kheo-ni Ba-Xà-Ba-Đề mà nói rằng : Nầy Tỳ-kheo-ni ! Như hàng Thanh-Văn dùng sức trí huệ dứt được các lậu phiền não. Hoặc có lúc Phật nói bố thí là đạo, như ngày trước Phật bảo vua Ba- Tư-Nặc : Nầy Đại-Vương ! Ngày trước đức Phật làm nhiều việc bố thí do đó mà nay đặng thành vô thượng Bồ-đề.

Bạch Thế-Tôn ! Nếu bát thánh đạo là đạo đế, những kinh như vậy há chẳng phải là hư vọng. Nếu những kinh đó chẳng phải hư vọng thời duyên cớ gì trong những kinh đó chẳng nói bát thánh đạo là đạo thánh đế. Nếu những kinh đó chẳng nói, dễ thường ngày trước đức Như-Lai có lầm lộn. Nhưng tôi quyết định biết rằng chư Phật từ lâu đã lìa lầm lộn.

Đức Phật khen Ca-Diếp-Bồ-Tát : “ Lành thay ! Lành thay ! Nầy thiện-nam-tử ! Nay ông muốn biết Kinh-diển Đại-thừa vi diệu có những pháp bí mật nên hỏi như vậy. Những kinh ngày trước như vậy đều vào trong đạo thánh đế.

Nầy Thiện-nam-tử ! Như ta nói lòng tin là đạo. Tín căn nầy có thể tá trợ đạo bồ- đề. Vì thế nên lời Phật nói không có lầm lộn. Đức Như-Lai khéo biết vô lượng phương tiện vì muốn hóa độ chúng sanh nên sự thuyết pháp có nhiều loại.

Ví như lương y biết các căn bịnh của chúng sanh, tùy theo bịnh mà hiệp thuốc và những thứ cấm kỵ đối với thuốc. Chỉ nước chẳng ở trong lệ cấm. Hoặc cho uống nước gừng, nước cam thảo, nước tế tân, nước đường phèn, nước trái a-ma- lặc, nước ni-ba-la, hoặc nước bát-trú-la, hoặc cho uống nước lạnh, nước nóng, nước nho, nước thạch lựu.

Nầy Thiện-nam-tử ! Lương y ấy khéo biết căn bịnh của chúng sanh. Dầu rằng thuốc có nhiều sự cấm kỵ, nhưng chỉ có nước là không ở trong lệ cấm.

Cũng như vậy, đức Như-Lai khéo biết phương tiện, trong một pháp tướng tùy theo các loài chúng sanh mà phân biệt diễn thuyết nhiều loại danh tướng. Các loài chúng sanh kia tùy theo chỗ lãnh thọ của họ mà tu tập, dứt trừ phiền não. Như người bịnh kia theo lời dặn cũa lương y mà bịnh được lành.

Nầy Thiện-nam-tử ! Như có một người biết nhiều thứ tiếng ở chung trong đại chúng. Một hôm đại chúng khát nước đều kêu rằng : Tôi muốn uống nước ! Tôi muốn uống nước ! Người đó liền đem nước mát lạnh tùy theo từng người mà trao cho uống. Hoặc nói là ba-ni, hoặc nói là uất-đặt, hoặc nói là xa-lỵ-lam, hoặc nói là ba-lỵ, hoặc nói là ba-da, hoặc nói là cam-lồ, hoặc nói là ngu-nhũ, dùng vô lượng tên nước như vậy để nói với đại chúng. Cũng vậy, đức Như-Lai dùng một thánh đạo vì hàng Thanh-Văn mà diễn thuyết nhiều cách : Từ Tín-căn vân vân đến bát thánh-đạo.

Nầy Thiện-nam-tử ! Như thợ kim hoàn dùng một chất vàng tùy ý tạo làm các thứ trang sức : Dây chuyền, vòng, xuyến, xoa, khoen tai, mão, ấn. Dầu làm nhiều thứ chẳng đồng nhưng chẳng rời chất vàng. Cũng vậy, đức Như-Lai dùng một Phật đạo, tùy theo mọi loài chúng sanh mà phân biệt diễn thuyết. Hoặc nói một thứ, như nói chư Phật một đạo không hai. Hoặc nói hai thứ là định và huệ. Hoặc nói ba thứ là kiến, trí và huệ. Hoặc nói bốn thứ là kiến-đạo, tu đạo, vô học đạo, và Phật đạo. Hoặc nói năm thứ là tín-hành-đạo, pháp-hành-đạo, tín-giải- thoát-đạo, kiến-đáo-đạo, thân chứng đạo. Lại nói sáu thứ là Tu-Đà-Hoàn-Đạo, Tư- Đà- Hàm-Đạo, A-Na-Hàm-Đạo, A-La-Hán-Đạo, Bích-Chi-Phật Đạo, và Phật-Đạo. Lại nói bảy thứ là niệm-giác-phần, trạch-pháp-giác-phần, tinh-tấn-giác-phần, hỷ- giác-phần, trú-giác-phần, định-giác-phần và xả-giác-phần. Lại nói tám thứ là chánh-kiến, chánh-tư-duy, chánh-ngữ, chánh-nghiệp, chánh-mạng, chánh-tinh- tấn, chánh-niệm, và chánh-định. Lại nói chín thứ là bát-thánh-đạo, và tín. Lại nói mười thứ là thập-lực. Lại nói mười một thứ là thập-lực và đại-từ. Lại nói mười hai thứ là thập-lực đại-từ và đại-bi. Lại nói mười ba thứ là thập-lực đại- từ, đại-bi và niệm Phật tam-muội. Lại nói mười sáu thứ là thập-lực, đại-từ, đại-bi, niệm-Phật tam-muội và ba chánh-niệm. Lại nói hai mươi đạo là thập-lực, tứ-vô-sở- úy, đại-từ, đại-bi, niệm-Phật tam-muội và ba chánh-niệm.

Đạo-chỉ là một thể, ngày trước đức Như-Lai vì chúng sanh mà phân biệt diễn nói sai khác.

Nầy Thiện-nam-tử ! Như một thứ lửa, nhơn nơi chỗ nó đốt cháy mà có nhiều tên sai khác, như lửa cây, lửa cỏ, lửa trấu, lửa phân bò, lửa phân ngựa. Cũng vậy, Phật đạo chỉ là một không có hai vì chúng sanh mà phân biệt sai khác.

Nầy Thiện-nam-tử ! Như một thức phân biệt nói có sáu, nếu đến nơi nhãn căn, thời gọi là nhãn thức, nhẫn đến nơi ý-căn thời gọi là ý-thức. Đạo cũng như vậy, chỉ là một không hai vì hóa độ chúng sanh mà phân biệt sai khác.

Nầy Thiện-nam-tử ! Như một sắc pháp, mắt thấy thời gọi là sắc, tai nghe gọi là tiếng, mũi ngửi thời gọi là mùi, lưỡi nếm thời gọi là vị, thân cảm giác thời gọi là xúc. Đạo cũng như vậy, là một không có hai, vì muốn hóa độ chúng sanh nên đức Như-Lai phân biệt sai khác.

Do nghĩa nầy nên bát-thánh-đạo gọi là đạo thánh-đế.

Nầy Thiện-nam-tử !Bốn thánh đế nầy chư Phật theo thứ lớp mà giảng nói. Do đây vô lượng chúng sanh đặng thoát khỏi sanh tử.

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật : " Thế-Tôn ! Ngày trước có một lúc Phật ở trong rừng Thi-Thủ trên bờ sông Hằng, đức Như-Lai lấy lá cây bảo các Tỳ-kheo : Lá trong tay của ta đây là nhiều hay tất cả lá trên mặt địa cầu là nhiều ? Các Tỳ- kheo bạch Phật tất cả lá trên địa cầu rất nhiều không thể tính đếm, lá trong tay Phật cầm rất ít không đáng kể. Phật bảo các Tỳ-kheo : Những pháp mà ta giác ngộ nhiều như những lá cỏ cây trên địa cầu, còn pháp mà ta vì chúng sanh tuyên nói như mấy chiếc lá trong bàn tay.

Bạch Thế-Tôn ! Cứ theo lời của Phật, thời đức Như-Lai rõ biết vô lượng pháp- môn, nếu vào trong bốn thánh-đế thời như đã nói, còn nếu chẳng vào nơi bốn thánh-đế lẽ ra phải có năm đế.

Phật khen Ca-Diếp Bồ-Tát : Lành thay ! Lành thay ! Lời hỏi của ông có thể lợi ích an vui vô lượng chúng sanh.

Nầy Thiện-nam-tử ! Những pháp môn như vậy đều đã nhiếp ở trong bốn thánh- đế.

Ca-Diếp Bồ-Tát lại bạch Phật : Những pháp như vậy ở trong bốn thánh đế cớ sao đức Như-Lai xướng rằng chẳng nói ?

_ Nầy Thiện-nam-tử ! Dầu là nhiếp trong bốn thánh đế nhưng còn chẳng gọi là đã nói, vì người rõ biết bốn thánh đế có hai thứ trí : Một là trí bực trung,

hai là trí bực thượng. Bực trung là trí của Thanh-Văn Duyên-Giác. Bực thượng là trí của chư Phật và Bồ-Tát. Biết thân ngũ ấm là khổ thời gọi là trí bực trung, phân biệt các ấm có vô lượng tướng thảy đều là khổ thời chẳng phải hàng Thanh- Văn Duyên-Giác biết được, đây gọi là trí bực thượng. Những nghĩa như vậy nơi các kinh khác ta trọn chẳng nói đến.

Nầy Thiện-nam-tử ! Biết các nhập gọi đó là môn cũng gọi là khổ, đây gọi là trí bực trung. Phân biệt các nhập có vô lượng tướng thảy đều là khổ thời chẳng phải hàng Thanh-Văn Duyên-Giác biết được, đây gọi là trí bực thượng. Những nghĩa như vậy nơi các kinh khác ta cũng chẳng nói.

Nầy Thiện-nam-tử ! Biết các giới gọi đó là phần, cũng gọi là tánh, cũng gọi là khổ, đây là trí bực trung,. Phân biệt các giới có vô lượng tướng thảy đều là khổ thời chẳng phải hàng Thanh-Văn Duyên-Giác biết được đây gọi là trí bực thượng. Những nghĩa như vậy nơi các kinh khác ta cũng chẳng nói.

Nầy Thiện-nam-tử ! Biết sắc là tướng hư-hoại, đây là trí bực trung. Phân biệt các sắc có vô lượng tướng hư hoại thảy đều là khổ, thời chẳng phải hàng Thanh- Văn Duyên-Giác biết được đây lại gọi là trí bực thượng. Những nghĩa như vậy nơi các kinh khác ta cũng chẳng nói.

Nầy Thiện-nam-tử ! Biết thọ là tướng giác xúc đây gọi là trí bực trung. Phân biệt các thọ có vô lượng tướng giác xúc thời chẳng phải hàng Thinh-Văn Duyên- Giác biết được, đây gọi là trí bực thượng. Những nghĩa như vậy nơi các kinh khác ta cũng chẳng nói.

Nầy Thiện-nam-tử ! Biết tưởng là chấp lấy tướng đây gọi là trí bực trung. Phân biệt nơi tưởng có vô lượng tướng chấp lấy, thời chẳng phải hàng Thinh- Văn Duyên-Giác biết được, đây gọi là trí bực thượng. Những nghĩa như vậy nơi các kinh khác, ta cũng chẳng nói.

Nầy Thiện-nam-tử ! Biết hành là tướng tạo-tác, đây gọi là trí bực trung. Phân biệt nơi hành có vô lượng tướng tạo tác thời chẳng phải hàng Thinh-Văn Duyên- Giác biết được, đây gọi là trí bực thượng. Những nghĩa như vậy nơi các kinh khác ta cũng chẳng nói.

Nầy Thiện-nam-tử ! Biết thức là tướng phân biệt, đây gọi là trí bực trung. Phân biệt nơi thức có vô lượng trí tướng, thời chẳng phải hàng Thinh-Văn Duyên- Giác biết được, đây gọi là trí bực thượng. Những nghĩa như vậy nơi các kinh khác ta cũng chẳng nói.

Nầy Thiện-nam-tử ! Biết ái làm nhơn duyên có thể sanh năm ấm đây gọi là trí bực trung. Một người sanh ra ái vô lượng vô biên, hàng Thinh-Văn Duyên- Giác không biết được. Có thể biết tất cả chúng sanh khởi lên lòng có những ái như vậy đây gọi là trí bực thượng. Những nghĩa ấy nơi các kinh khác ta cũng chẳng nói.

Nầy Thiện-nam-tử ! Biết dứt phiền não đây gọi là trí bực trung, phân biệt phiền não chẳng thể tính đếm, dứt diệt cũng chẳng thể tính đếm như vậy thời chẳng phải hàng Thinh-Văn Duyên-Giác biết được đây gọi là trí bực thượng. Những nghĩa như vậy nơi các kinh khác ta cũng chẳng nói.

Nầy Thiện-nam-tử ! Biết đạo có thể lìa phiền não đây gọi là trí bực trung. Phân biệt đạo có vô lượng vô biên tướng, lìa phiền não cũng vô lượng vô biên thời chẳng phải hàng Thinh-Văn Duyên-Giác biết được đây gọi là trí bực thượng. Những nghĩa ấy nơi các kinh khác ta cũng chẳng nói.

Nầy Thiện-nam-tử ! Biết thế-đế gọi là trí bực trung. Phân biệt thế-đế vô lượng vô biên chẳng thể tính đếm thời chẳng phải hàng Thinh-Văn Duyên-Giác biết được đây gọi là trí bực thượng. Những nghĩa ấy nơi các kinh khác ta cũng chẳng nói.

Nầy Thiện-nam-tử ! Tất cả hạnh vô thường, các pháp vô ngã, Niết-bàn tịch diệt, đây là đệ nhứt nghĩa, gọi là trí bực trung. Biết đệ nhứt nghĩa vô lượng vô biên chẳng thể tính đếm thời chẳng phải hàng Thinh-Văn Duyên-Giác biết được đây gọi là trí bực thượng. Những nghĩa như vậy nơi các kinh khác ta cũng chẳng nói.

Văn-Thù Sư-Lợi Bồ-Tát bạch Phật : “ Thế-Tôn ! Đức Phật nói thế-đế và đệ nhứt nghĩa-đế ý nghĩa thế nào ? Bạch Thế-Tôn trong đệ nhứt nghĩa-đế có thế- đế chăng ? Trong thế-đế có đệ-nhứt nghĩa-đế chăng ? Nếu là có thời có một đế. Nếu là không, chừng có phải đức Như-Lai hư vọng diễn thuyết chăng ?”

_ Nầy Thiện-nam-tử ! Thế-đế chính là đệ-nhứt nghĩa-đế.

_ Bạch Thế-Tôn ! Nếu như vậy thời không có hai đế.

_ Nầy Thiện-nam-tử ! Có phương tiện khéo tùy thuận chúng sanh diễn thuyết hai đế. Nếu cứ theo ngôn thuyết thời có hai thứ : Một là thế pháp, hai là xuất thế pháp.

Như chỗ biết của người xuất thế. Thời gọi là đệ nhứt nghĩa-đế. Chỗ biết của người đời thời gọi là thế-đế.

Nầy Thiện-nam-tử ! Năm ấm hòa hiệp gọi tên mỗ giáp. Phàm phu chúng sanh tùy theo tên gọi đó là thế đế. Hiểu biết năm ấm không có tên mỗ giáp, rời ngũ ấm cũng không có mỗ giáp, người xuất thế đúng như tánh tướng mà hiểu biết, gọi là đệ nhứt nghĩa đế.

Nầy Thiện-nam-tử ! Hoặc có pháp có tên có sự thiệt. Lại có pháp có tên không sự thiệt. Có tên không sự thiệt chính là thế-đế. Có tên có sự thiệt là đệ nhứt nghĩa-đế.

Như : Ngã, chúng sanh, thọ mạng, tri kiến, dưỡng dục, sĩ phu, tác giả, thọ giả dương-diệm, thành Càn-Thát-Bà, lông rùa, sừng thỏ, vòng lửa xây, các ấm, giới, nhập… Đây gọi là thế-đế. Khổ, tập, diệt, đạo, gọi là đệ nhứt nghĩa-đế.

Thế-pháp có năm thứ : Một là danh thế, hai là cú thế, ba là phược thế, bốn là pháp thế, năm là chấp-trước-thế.

Nam, Nữ, Bình, Áo, Xe, Nhà…… Những vật nầy gọi đó là danh-thế.

Bốn câu thành một bài kệ, những bài kệ như vậy gọi là cú thế.

Cuốn, hiệp, trói, cột, chắp, tay… đây gọi là phược thế-đế.

Đánh kiền-chùy nhóm tăng, chiêng trống răn quân lính, thổi ốc để biết giờ… đây gọi là pháp thế.

Như trông thấy đằng xa có người mặc y hoại sắc tưởng là Sa-Môn chẳng phải Bà-La-Môn, thấy có người gút dây đeo trên thân bèn nghĩ rằng là Bà-La- Môn chẳng phải Sa-Môn, đây là chấp-trước thế-đế.

Như trên đây gọi là năm thứ thế-pháp.

Nầy Thiện-nam-tử ! Nếu có chúng sanh nào đối với năm thứ thế pháp như vậy tâm không điên đảo biết đúng như thật đây gọi là đệ nhứt nghĩa-đế.

Lại như hoặc đốt, hoặc cắt, hoặc chết, hoặc hoại, đây gọi là thế-đế.

Không đốt, không cắt, không chết, không hoại, đây gọi là đệ-nhứt nghĩa- đế.

Lại có tám tướng khổ gọi là thế đế, không sanh, không già vân vân, đây gọi là đệ-nhứt nghĩa-đế.

Ví như một người có nhiều tài : Lúc họ chạy thời gọi là người chạy, lúc gặt cắt lại gọi là người gặt, lúc nấu nường thời gọi là người làm đồ ăn, lúc cưa đẽo cây gỗ thời gọi là thợ mộc, lúc nấu đập vàng bạc thời gọi là thợ bạc. Chỉ có một người mà có nhiều danh hiệu. Pháp cũng như vậy , thiệt chỉ là một mà có nhiều tên. Nhơn nơi cha mẹ hòa hiệp mà sanh gọi là thế-đế. Mười hai nhơn duyên hòa hiệp mà sanh gọi là đệ-nhứt nghĩa-đế.

Văn-Thù Sư-Lợi Bồ-Tát bạch Phật : " Thế-Tôn ! Thật đế của Phật nói ý nghĩa thế nào ?"

_ Nầy Thiện-nam-tử ! Thật-đế là pháp chơn thật. Nếu pháp chẳng phải chơn thời chẳng gọi là thật-đế. Thật-đế là không điên đảo. Thật-đế là không hư vọng. Thật-đế gọi là đại-thừa. Thật-đế là lời của Phật nói chẳng phải lời của ma. Thật-đế là đạo duy nhứt thanh tịnh không có hai, có thường, có lạc, có ngã, có tịnh, thời gọi là nghĩa thật-đế.

Văn-Thù Sư-Lợi bạch Phật : " Thế-Tôn ! Nếu cho chơn thật là thật-đế thời pháp chơn thật tức là Như-Lai, hư không, Phật tánh. Nếu như vậy thời Như-Lai, hư không và Phật tánh không có sai khác."

Phật bảo Văn-Thù Sư-Lợi : Có khổ, có đế, có thật. Có tập có đế có thật. Có diệt có đế có thật. Có đạo có đế có thật.

Nầy Thiện-nam-tử ! Như-Lai chẳng phải khổ chẳng phải đế là "thật". Hư không chẳng phải khổ chẳng phải đế là "thật". Phật tánh chẳng phải khổ chẳng phải đế là "thật".

Khổ là tướng vô thường, là tướng dứt được đó là thật đế. Như-Lai tánh chẳng phải khổ chẳng phải vô thường chẳng phải tướng dứt được vì thế nên là thật. Hư không và Phật tánh cũng như vậy.

Tập là có thể làm cho ngũ ấm hòa hiệp mà sanh, cũng gọi là khổ cũng gọi là vô thường, là tướng dứt được, đây là thật đế,. Như-Lai chẳng phải là tập, chẳng phải nhơn của ngũ ấm, chẳng phải tướng dứt được vì thế nên là thật. Hư không và Phật tánh cũng như vậy.

Diệt là nói phiền não dứt diệt cũng là thường, cũng là vô thường, hàng nhị thừa chứng đặng gọi là vô thường, chư Phật chứng đặng thời gọi là thường,

cũng gọi là pháp chứng đặng, đây là thật đế, Như-Lai tánh chẳng gọi là diệt, có thể dứt diệt phiền não, chẳng phải thường chẳng phải vô thường, chẳng gọi là chứng tri, thường trụ không biến đổi, vì thế nên là thật. Hư không và Phật tánh cũng như vậy.

Đạo là có thể dứt phiền não cũng là thường cũng là vô thường, là pháp có thể tu tập, đây gọi là thật đế. Như-Lai chẳng phải đạo có thể dứt phiền não, chẳng phải là thường chẳng phải vô thường, chẳng phải pháp có thể tu tập, thường trụ chẳng biến đổi, vì thế nên là thật. Hư không và Phật tánh cũng như vậy.

Nầy Thiện-nam-tử ! Chơn thật chính là Như-Lai. Như-Lai chính là chơn thật. Hư không và Phật tánh cũng như vậy.

Nầy Văn-Thù Sư-Lợi có khổ, có khổ nhơn, có khổ tận, có khổ đối. Như-Lai chẳng phải khổ nhẫn đến chẳng phải đối, vì thế nên là thật, chẳng gọi là đế. Hư không và Phật tánh cũng như vậy.

Khổ là hữu-vi hữu-lậu không an lạc. Như-Lai chẳng phải hữu-vi chẳng phải hữu- lậu, đứng lặng an vui, nên là thật chẳng phải đế.

Văn-Thù Sư-Lợi bạch Phật : Thế-Tôn như lời Phật nói chẳng điên đảo gọi là thật đế, nếu như vậy trong tứ đế có bốn thứ điên đảo chăng ? Nếu là có, sao lại nói rằng không có điên đảo gọi là thật đế ! Tất cả điên đảo chẳng gọi là thật.

_ Nầy Thiện-nam-tử ! Tất cả điên đảo đều vào trong khổ-đế. Như chúng sanh có tâm điên đảo thời gọi là điên đảo. Ví như có người chẳng lãnh thọ lời dạy răn của cha mẹ tôn trưởng, hoặc dầu lãnh thọ mà không tùy thuận thật hành, người nầy gọi là điên đảo. Điên đảo như vậy chẳng phải không là khổ mà chính là khổ.

Văn-Thù Sư-Lợi bạch Phật : “ Như lời Phật nói chẳnghư vọng chính là thật đế. Nếu như vậy thời biết rằng hư vọng chẳng phải thật đế”.

_ Nầy Thiện-nam-tử ! Tất cả hư vọng đều vào trong khổ đế. Như có chúng sanh khi dối người khác, do nhơn duyên nầy đọa nơi địa ngục, súc sanh, ngạ quỉ, đây gọi là hư vọng, cũng chính là khổ. Những điều đó hàng Thinh-Văn Duyên- Giác cùng chư Phật đều xa lìa chẳng thật hành, vì thế nên gọi là hư vọng. Những điều hư vọng như vậy là chỗ dứt trừ của nhị thừa và chư Phật, nên gọi là thật đế.

Văn-Thù Sư-Lợi bạch Phật : " Như lời Phật nói Đại-thừa là thật đế. Do đó biết rằng Thinh-Văn thừa và Bích-Chi Phật thừa thời là chẳng thật."

_ Nầy Thiện-nam-tử ! Hàng nhị thừa cũng là thật cũng là chẳng thật. Thinh-Văn Duyên-Giác dứt các phiền não thời gọi là thật. Hàng nhị thừa vô thường chẳng trụ là pháp biến đổi nên gọi là chẳng thật.

Văn-thù Sư-Lợi bạch Phật : " Như lời Phật nói những pháp của đức Phật nói gọi là thật.

Do đó biết rằng lời nói của ma thời chẳng phải thật. Bạch Thế-Tôn ! Lời nói của ma có nhiếp trong thánh-đế chăng ?"

Nầy Thiện-nam-tử ! Lời nói của ma nhiếp trong hai đế là khổ và tập. Phàm tất cả những điều phi pháp phi luật không thể làm cho người được lợi ích, dầu cả ngày diễn nói cũng không có người nào thấy được khổ, dứt được tập, chứng được diệt, tu được đạo, đây gọi là hư vọng. Những điều hư vọng như vậy cũng đều là lời nói của ma.

Văn-Thù Sư-Lợi bạch Phật : " Như lời Phật nói đạo duy nhứt thanh tịnh không có hai. Các phái ngoại đạo cũng nói ta có đạo duy nhứt thanh tịnh không hai. Nếu cho rằng đạo duy nhứt là thật đế thời cùng với ngoại đạo kia có sai khác gì. Nếu không sai khác thời lẽ ra chẳng nên nói rằng đạo duy nhứt thanh tịnh."

_Nầy Thiện-nam-tử ! Các phái ngoại đạo có khổ đế và tập đế mà không diệt đế và đạo đế. Ở trong chẳng phải diệt đế chẳng phải đạo đế, mà họ tưởng là diệt là đạo. Ở trong chẳng phải quả chẳng phải nhơn, mà họ tưởng là quả là nhơn. Do nghĩa nầy nên họ không có đạo duy nhứt thanh tịnh không hai.

Văn-Thù Sư-Lợi bạch Phật : " Như lời Phật nói có : Thường, lạc, ngã, tịnh là thật nghĩa, thời các phái ngoại đạo lẽ ra cũng có thật-đế mà trong Phật pháp thời không. Vì các phái ngoại đạo nói hạnh là thường. Thế nào là thường ? Vì khả ý, bất khả ý, các nghiệp báo vân vân. Khi thọ rồi thời chẳng mất. Khả-ý là nói mười báo lành. Bất khả ý là nói mười báo chẳng lành. Nếu cho rằng các hạnh thảy đều vô thường, kẻ tạo nghiệp đã chết mất thời ai ở nơi kia mà thọ quả báo. Do nghĩa nầy nên các hạnh là thường. Sát sanh nhơn duyên gọi là thường. Nếu cho rằng vô thường thời kẻ giết cùng bị giết đều vô thường cả, còn ai ở nơi địa ngục mà thọ tội báo. Nếu nói quyết định có địa ngục thọ báo, thời các hạnh thiệt chẳng phải là vô thường. Chuyên tâm ghi nhớ cũng gọi là thường, như chỗ nhớ biết trải qua mười năm nhẫn đến

trăm năm cũng chẳng quên mất, vì thế nên là thường. Nếu là vô thường thời những việc đã thấy biết lấy gì để nhớ. Do cớ ấy nên tất cả các hạnh chẳng phải là vô thường. Tất cả sự tưởng nhớ cũng là thường. Như có người ngày trước thấy tay chưn mặt mày đầu cổ của người khác, lúc sau gặp lại liền nhớ biết. Nếu là vô thường thời những tướng thấy biết ngày trước lẽ ra đã diệt mất. Nghề nghiệp tạo tác do tập học từ lâu, hoặc ba năm hoặc năm năm rồi sau mới giỏi, nên gọi là thường. Phương pháp tính đếm từ một, hai, ba nhẫn đến trăm ngàn, nếu là vô thường lẽ ra một phải diệt, nếu một đã diệt thời lấy chi đến hai. Do một chẳng diệt nên được đến hai, nhẫn đến trăm ngàn, vì thế nên là thường. Như phương pháp đọc tụng : Đọc Nhứt-A-Hàm rồi đến Nhị-A-Hàm, nhẫn đến Tam tứ A-Hàm. Nếu là vô thường thời chỗ đọc tụng trọn chẳng đến bốn. Do sự đọc tụng có tăng trưởng nên gọi là thường. Bình, y, xe cộ, như người mang nợ, hình tướng, địa cầu, núi, sông, cây rừng, cây cỏ, lá thuốc, chúng sanh trị bịnh tất cả đều là thường cũng như vậy. Các phái ngoại đạo đều nói rằng các hạnh là thường. Nếu là thường thời là thật đế.

Bạch Thế-Tôn ! Các phái ngoại đạo lại nói lạc. Thế nào biết rằng có ? Vì người thọ quyết định đặng báo khả ý. Phàm người thọ lạc quyết định đặng đó. Như Đại-Phạm-Thiên-Vương, Đại-Tự-Tại-thiên, Thích-Đề-Hòan-Nhơn, và chư Thiên. Do nghĩa nầy nên nói rằng quyết định có lạc. Lại vì chúng sanh mong cầu nên ngoại đạo nói rằng có lạc. Như người đói cầu ăn, người khát cầu uống, người lạnh cầu ấm, người nóng cầu mát, người mệt nhọc cầu ngơi nghỉ, người bịnh cầu lành. Nếu không có lạc thời những người kia duyên cớ gì mà cầu. Do vì có người cầu nên biết rằng có lạc.

Các phái ngoại đạo lại cho rằng bố thí có thể đặng lạc. Người đời ưa bố thí cho Sa-Môn Bà-La-Môn và kẻ nghèo cùng khốn khổ những y phục, vật thực, giường ghế, thuốc thang, voi ngựa, xe cộ, hương bột, hương thoa, nhà cửa, đèn đuốc. Bố thí những thứ như vậy vì muốn đời sau tôi được thọ báo khả ý. Vì thế nên biết rằng quyết định có lạc.

Có phái ngoại đạo nói rằng người thọ lạc vì có nhơn duyên nên có lạc xúc. Nếu không lạc đâu thành có nhơn duyên, như sừng thỏ không có, thời không nhơn duyên. Vì có nhơn duyên lạc, nên biết rằng có lạc.

Ngoại đạo lại nói lạc có thượng trung và hạ. Thọ lạc bực hạ như Thích-Đề-Hoàn-Nhơn. Thọ lạc bực trung như Đại-Phạm-thiên-Vương. Thọ lạc bực thượng như Đại-Tự-Tại-Thiên. Vì thế nên biết rằng có lạc.

Ngoại đạo lại nói rằng có tịnh. Nếu không tịnh thời lẽ ra chẳng sanh lòng mong muốn. Vì có mong muốn nên biết là có tịnh. Như vàng bạc, châu báu, lưu ly, pha lê, xa cừ, mã não, san hô, chân châu, bích ngọc, kha bối, suối mát, ao tắm, vật thực, y phục, hoa hương, đèn đuốc, những vật như vậy đều là tịnh. Họ lại nói thân ngũ ấm chính là tịnh khí đựng những tịnh vật như thân người, Trời, Tiên, A- La-Hán, Bích-Chi Phật, Bồ-Tát chư Phật. Do nghĩa nầy nên gọi là tịnh.

Có phái ngoại đạo lại nói rằng có ngã vì có thấy biết vì có thể tạo tác. Như có người vào nhà thợ gốm, dầu chẳng thấy thân người thợ nhưng vì thấy khí cụ nên biết quyết định nhà đó là nhà thợ gốm. Ngã cũng như vậy, do mắt thấy sắc biết chắc là có ngã. Nếu không có ngã thời ai có thể thấy sắc ? Nghe tiếng nhẫn đến giác xúc cũng như vậy. Họ lại nói có ngã. Làm sao biết rằng có ? Vì do nơi tướng mà biết : Thở, ngáy, ngó, nháy, mạng sống, móng tâm, lãnh thọ sự khổ vui, tham cầu, giận hờn, đều là tướng của ngã. Vì thế nên biết quyết định của ngã.

Ngoại đạo lại nói rằng có ngã, vì phân biệt được mùi vị : Như có người ăn trái cây, thấy trái biết mùi vị. Do đây nên biết quyết định có ngã.

Ngoại đạo lại nói vì có chấp tác làm việc nên biết là có ngã : Như cầm lưỡi liềm thời có thể cắt gặt, cầm búa thời có thể chặt, cầm bình thời đựng nước, ngồi xe thời cầm cương, do đó nên biết quyết định có ngã. Ngoại đạo lại nói lúc mới sanh biết đòi bú đó là do tập quán đời trước, nên biết quyết định có ngã.

Ngoại đạo lại nói vì hòa hiệp lợi ích chúng sanh khác nên biết rằng có ngã. Như bình, y, xe cộ, ruộng nhà, núi rừng, cây cối, voi ngựa, trâu, dê những vật như vậy nếu hòa hiệp thời có sự lợi ích. Năm ấm trong thân người cũng như vậy : Nhãn căn vân vân… vì có hòa hiệp thời có sự lợi ích cho người, do đó nên biết quyết định có ngã.

Ngoại đạo lại nói có ngã vì rằng có sự vật ngăn ngại. Như có vật thời có ngăn ngại. Nếu không vật thời không ngăn ngại. Vì cóù ngăn ngại nên biết quyết định có ngã.

Ngoại đạo lại nói vì có bạn cùng chẳng phải bạn nên biết là có ngã. Như thân yêu cùng chẳng phải thân yêu thời chẳng phải là bạn. Chánh pháp với tà pháp, trí với chẳng trí. Sa Môn cùng chẳng phải Sa-Môn, Bà-La-Môn với chẳng phải Bà-La-Môn, con cùng chẳng phải con, ngày với chẳng phải ngày,

đêm với chẳng phải đêm, ngã với chẳng phải ngã, các pháp như vậy là bạn và chẳng phải bạn, do đó nên biết quyết định có ngã.

Bạch Thế-Tôn ! Các phái ngoại đạo nhiều cách nói có thường, lạc, ngã, tịnh, nên biết quyết định có thường, lạc, ngã, tịnh. Do nghĩa đó nên các phái ngoại đạo cũng nói được rằng : Ta có chơn-đế.”

Phật bảo Văn-Thù Sư-Lợi : “ Nếu có Sa-Môn hay Bà-La-Môn mà có thường, có lạc, có ngã, có tịnh, thời người đó chẳng phải là Sa-Môn chẳng phải là Bà-La- Môn. Vì họ mê nơi sanh tử xa lìa bực đại-đạo-sư nhứt thế-trí. Hàng Sa-Môn và Bà-La-Môn như vậy thiếu kém pháp lành tham đắm các dục nhiễm. Hàng ngoại đạo nầy ràng buộc trong ngục tham dục, sân khuể, ngu si mà kham nhẫn thọlạc. Các ngoại đạo nầy dầu biết nghiệp quả mình làm mình chịu, nhưng còn chẳng thể xa lìa pháp ác. Hàng ngoại đạo nầy chẳng phải là chánh pháp, chánh mạng, để tự sống, vì họ không có lửa trí huệ nên chẳng thể tiêu được vậy.

Các phái ngoại đạo dầu tham đắm ngũ dục thượng diệu, tham nơi pháp lành nhưng chẳng siêng tu. Ngoại đạo nầy dầu muốn đến chánh giải thoát, nhưng trì cấm giới chẳng thành tựu. Các ngoại đạo nầy dầu muốn cầu vui nhưng chẳng có thể cầu nhơn duyên của vui. Các ngoại đạo nầy dầu bị bốn rắn độc lớn đeo vấn nhưng vẫn phóng dật chẳng cẩn thận. Các ngoại đạo nầy bị vô minh che đậy, xa lìa phương pháp lành, thích ở trong tam giới, lửa vô thường đốt cháy mà chẳng thể ra được. Các ngoại đạo nầy gặp những bệnh phiền não khó lành mà họ chẳng cầu bực lương y đại trí. Các ngoại đạo nầy thuở vị lai sẽ đi trên đường xa hiểm vô biên, mà chẳng biết tu tập tư-lương pháp lành để tự trang nghiêm. Các ngoại đạo nầy thường bị tay độc dâm dục làm hại mà trở lại ôm ấp rương độc ngũ dục. Các ngoại đạo nầy giận hờn hung dữ mà trở lại gần gũi bạn ác. Các ngoại đạo nầy thường bị vô minh che đậy mà trở lại tìm cầu pháp tà ác. Các ngoại đạo nầy thường bị tà kiến mê lầm mà trở lại thân thiện với tà kiến. Các ngoại đạo nầy trông mong ăn trái ngọt mà lại gieo giống đắng. Các ngoại đạo nầy đã ở trong nhà tối phiền não mà trở lại xa lìa đuốc sáng đại trí. Các ngoại đạo nầy mang bịnh khát phiền não mà trở lại uống nước mặn dục nhiễm. Các ngoại đạo nầy mê lầm điên đảo nói các hạnh là thường. Cho các hạnh là thường thời không đúng.

Nầy Thiện-nam-tử ! Đức Phật quán sát các hạnh thảy đều vô thường. Tại sao biết như vậy ? Vì các hạnh đều do nhơn duyên. Phàm những pháp do nhơn duyên, mà sanh thời biết là vô thường. Các ngoại đạo nầy không có một pháp gì chẳng từ nhơn duyên sanh.

Nầy Thiện-nam-tử ! Phật tánh không sanh không diệt, không đi không đến, chẳng phải quá khứ vị lai hiện tại, chẳng phải do nhơn làm ra cũng chẳng phải không nhơn, chẳng phải tu tác chẳng phải tác giả chẳng phải tướng chẳng phải không tướng, chẳng phải có danh chẳng phải không danh, chẳng phải danh sắc, chẳng phải dài ngắn, chẳng phải nhiếp trì trong ấm, giới, nhập. Vì thế nên Phật tánh gọi là thường.

Nầy Thiện-nam-tử ! Phật tánh là Như-Lai, Như-Lai là pháp, pháp là thường.

Nầy Thiện-nam-tử ! Thường là Như-Lai, Như-Lai là Tăng, Tăng là thường.

Do nghĩa nầy nên những pháp từ nhơn duyên mà sanh chẳng gọi là thường. Các ngoại đạo nầy không có một pháp gì chẳng từ nhơn duyên mà sanh. Các ngoại đạo nầy chẳng thấy Phật tánh Như-Lai là pháp. Vì thế nên lời nói của ngoại đạo đều là vọng ngữ, không có chơn đế.

Người phàm phu lúc trước thấy bình, y, xe cộ, nhà cửa, thành quách, nước sông, rừng núi, nam nữ, voi ngựa, trâu dê, lúc sau thấy tương tợ bèn nói là thường, phải biết những vật ấy thiệt chẳng phải là thường.

Nầy Thiện-nam-tử ! Tất cả pháp hữu vi đều là vô thường. Pháp vô vi là thường. Hư không và Phật tánh là vô vi nên là thường. Hư không tức là Phật tánh, Phật tánh là Như-Lai, Như-Lai là vô vi, vô-vi là thường. Thường là pháp, pháp là Tăng, Tăng là vô-vi, vô-vi là thường.

Nầy Thiện-nam-tử ! Có hai thứ pháp hữu vi : Một là sắc pháp, hai là phi sắc pháp. Phi sắc pháp là tâm và tâm sở. Sắc pháp là địa thủy hỏa phong.

Nầy Thiện-nam-tử ! Tâm gọi là vô thường vì tánh nó phan-duyên phân biệt. Tánh của nhãn thức khác, nhẫn đến tánh của ý thức khác, nên là vô thường. Cảnh giới sắc khác, nhẫn đến cảnh giới pháp khác, nên là vô thường.

Nầy Thiện-nam-tử ! Nếu tâm là thường thời nhãn thức lẽ ra một mình duyên tất cả pháp. Nếu nhãn thức khác, nhẫn đến ý thức khác, thời biết là vô thường. Bởi các pháp tương tợ niệm niệm sanh diệt, người phàm phu thấy đó chấp cho là thường.

Nầy Thiện-nam-tử ! Vì các tướng nhơn duyên có thể phá hoại, nên cũng gọi là vô thường. Như nhơn nhãn căn, nhơn sắc, nhơn ánh sáng, nhơn tư duy mà sanh nhãn thức. Lúc nhĩ thức sanh ra nhơn duyên đều khác chẳng phải là

nhơn duyên của nhãn thức, nhẫn đến nhơn duyên của ý thức cũng khác như vậy.

Nầy Thiệân-nam-tử ! Nhơn duyên phá hoại các hạnh sai khác, nên tâm gọi là vô thường. Như tâm tu vô thường khác, tâm tu khổ, không, vô ngã khác. Nếu tâm là thường lẽ ra thường tu vô thường. Còn chẳng đặng quán khổ, không, vô ngã huống lại quán thường, lạc, ngã, tịnh. Do nghĩa nầy nên trong giáo pháp của ngoại đạo chẳng có thể nhiếp lấy thường, lạc, ngã, tịnh, phải biết tâm pháp quyết định là vô thường.

Nầy Thiện-nam-tử ! Vì tâm tánh sai khác nên gọi là vô thường. Như tâm tánh Thanh-Văn khác, tâm tánh Duyên-Giác khác, tâm tánh chư Phật khác.

Tất cả ngoại đạo có ba thứ tâm : Một là tâm xuất gia, hai là tâm tại gia, ba là tâm xa lìa tại gia. Tâm tương-ưng với lạc khác, tâm tương ưng với khổ khác, tâm tương-ưng với bất khổ bất lạc khác, tâm tương-ưng với tham dục khác, tâm tương-ưng với sân-khuể khác, tâm tương ưng với ngu si khác. Tâm tướng của tất cả ngoại đạo cũng khác : Các tâm tương-ưng với ngu si, nghi hoặc cùng tà kiến đều khác, lúc đi đứng nằm ngồi tâm đó cũng khác. Nếu tâm là thường thời lẽ ra chẳng phân biệt được các sắc như xanh, vàng, đỏ, trắng, tía. Nếu tâm là thường lẽ ra chẳng quên những việc đã từng ghi nhớ. Nếu tâm là thường thời sự đọc tụng lẽ ra chẳng tăng trưởng. Nếu tâm là thường lẽ ra chẳng nên nói rằng : Đã làm, đương làm, sẽ làm. Nếu có đã làm, đương làm, sẽ làm thời biết rằng tâm này quyết định là vô thường. Nếu tâm là thường thời không có oán thù thân ái cũng chẳng oán chẳng thân. Nếu tâm là thường thời chẳng nên nói rằng vật của tôi, vật của người hoặc sống hoặc chết. Nếu tâm là thường thời dầu có tạo tác lẽ ra chẳng tăng trưởng. Do những nghĩa đó, nên biết tâm tánh mỗi mỗi đều sai khác. Vì sai khác nên biết là vô thường.

Nầy Thiện-nam-tử ! Nay đức Phật ở trong tâm pháp nầy diễn nói nghĩa vô thường, đã rõ, vì ông mà nói sắc là vô thường. Sắc nầy vô thường vốn không có sanh, vì sanh đã diệt. Lúc thân ở thai bào vốn không có sanh, vì sanh đã biến đổi. Các mầm cây vốn không có sanh, vì sanh đã biến đổi. Do đó biết rằng, tất cả sắc pháp thảy đều vô thường.

Nầy Thiện-nam-tử ! Sắc thân tùy theo thời gian mà biến đổi : Lúc tượng thai nhẫn đến lúc mới sanh đều đổi khác. Lúc thơ bé, lớn khôn nhẫn đến tuổi già

luôn luôn đổi khác. Lúc nẩy mầm, lên cây, mọc nhánh sanh lá, trổ bông, kết trái đều đổi khác.

Nầy Thiện-nam-tử ! Chất vị ở trong cũng đổi khác, lúc tượng thai nhẫn đến lúc già luôn luôn biến đổi. Mầm cây, nhánh, lá, hoa, trái, chất vị cũng đều đổi khác. Sức lực lúc tượng thai nhẫn đến sức lực lúc tuổi già đều đổi khác. Trạng mạo lúc tượng thai nhẫn đến trạng mạo lúc tuổi già đều đổi khác. Quả báo lúc tượng thai nhẫn đến quả báo lúc tuổi già cũng khác. Danh tự lúc tượng thai nhẫn đến danh tự lúc tuổi già cũng sai khác . Sắc thân có hoại có hiệp nên biết là vô thường. Cây cối cũng có hoại có hiệp nên biết là vô thường. Thứ đệ sanh lần lần, như lúc tượng thai sanh lần lần đến tuổi già. Lúc nẩy mầm sanh lần lần đến khi kết trái. Vì thế nên biết là vô thường vì những sắc pháp có thể hoại diệt, như lúc tượng thai hoại diệt nhẫn đến lúc tuổi già hoại diệt đều sai khác, lúc nẩy mầm hoại diệt nhẫn đến lúc kết trái đều hoại diệt nên biết là vô thường. Người phàm phu không hiểu biết thấy tương tợ sanh ra chấp cho là thường. Do những nghĩa nầy nên gọi là vô thường. Đã là vô thường thời chính là khổ, đã là khổ thời chính là bất tịnh.

Nầy Thiện-nam-tử ! Các hạnh đều không có ngã. Tổng tất cả pháp không ngoài hai thứ : Sắc và tâm. Sắc không phải ngã, vì sắc có thể phá có thể hoại, có thể vỡ có thể đập, có thể tăng trưởng. Ngã thời chẳng thể phá hoại vỡ đập sanh trưởng. Do nghĩa nầy nên biết sắc chẳng phải là ngã.

Tâm cũng chẳng phải ngã vì do nhơn duyên mà sanh khởi. Các ngoại đạo do chuyên niệm mà biết là có ngã. Tánh chuyên niệm thiệt ra chẳng phải ngã. Nếu cho chuyên niệm là ngã, những việc quá khứ có lúc quên mất, vì có quên mất nên quyết định biết là không ngã. Nếu các ngoại đạo do ức tưởng mà biết là có ngã, vì có lúc không ức tưởng nên quyết định biết là không ngã. Như nói : Thấy người bàn tay có sáu ngón, bèn hỏi rằng chúng ta ngày trước gặp nhau ở chỗ nào. Nếu là có ngã thời chẳng nên lại hỏi. Vì hỏi nhau nên quyết định biết là không ngã.

Nếu các ngoại đạo cho rằng vì có ngăn ngại mà biết là có ngã. Xét ra vì có ngăn ngại nên quyết định biết là vô ngã, như nói Điều-Đạt thời trọn chẳng nói rằng không phải Điều-Đạt. Cũng vậy, nếu ngã quyết định là ngã thời trọn chẳng ngăn ngại ngã. Nhưng vì cũng ngăn ngại ngã nên quyết định biết là vô ngã. Nếu vì ngăn ngại mà biết là có ngã, nay ông chẳng ngăn ngại đáng lẽ là không ngã !

Nầy Thiện-nam-tử ! Nếu các ngoại đạo cho rằng vì bạn cùng chẳng phải bạn mà biết rằng có ngã. Cứ nơi thuyết nầy mà suy, vì không bạn lẽ ra không có ngã. Có những pháp không bạn : Như-Lai, Hư-Không, Phật tánh, Ngã cũng như vậy thiệt không có bạn. Do vì nghĩa nầy nên quyết định biết là không ngã.

Nầy Thiện-nam-tử ! Nếu có ngoại đạo cho rằng vì có danh tự mà biết là có ngã. Trong pháp không ngã cũng có danh tự ngã : Như người nghèo hèn mà tên là phú quí. Như nói ta chết, nếu ta chết thời là ta giết ta, nhưng ngã thiệt chẳng có thể giết, giả danh là giết ngã. Cũng như người lùn mà tên là Trưởng-giả. Do nghĩa nầy nên quyết định biết không ngã.

Nầy Thiện-nam-tử ! Nếu các ngoại đạo cho rằng vì người mới sanh đã biết đòi bú nên biết là có ngã. Nếu có ngã thời tất cả trẻ thơ chẳng nên bốc phẩn, đất, lửa, rắn, thuốc độc. Do nghĩa nầy nên quyết địng biết không ngã.

Nầy Thiện-nam-tử ! Tất cả chúng sanh đối với ba pháp : Dâm dục, uống ăn, kinh sợ đều có sự hiểu biết đồng nhau, vì thế nên không có ngã.

Nầy Thiện-nam-tử ! Nếu các ngoại đạo cho rằng vì có tướng mạo mà biết là có ngã. Vì có tướng thời không có ngã, không có tướng cũng là không ngã. Như lúc ngủ, người không thể đi đứng ngước cúi nhìn ngó, chẳng biết khổ biết vui, như thế thời đáng lẽ không có ngã. Nếu cho rằng vì có đi đứng cúi ngước mà biết là có ngã, thời người máy lẽ ra cũng có ngã.

Như-Lai chẳng đi, chẳng đứng, chẳng cúi, chẳng ngước, chẳng nhìn, chẳng ngó, chẳng khổ, chẳng vui, chẳng tham sân si. Như-Lai như vậy mà có ngã chơn thật.

Nầy Thiện-nam-tử ! Nếu các ngoại đạo vì thấy người khác ăn trái cây, trong miệng mình sanh nước miếng, nên biết là có ngã. Do vì nhớ tưởng thấy thời sanh nước miếng, nước miếng chẳng phải ngã, ngã cũng chẳng phải là nước miếng, chẳng phải vui buồn, chẳng phải ngáp, chẳng phải cười, chẳng phải nằm, chẳng phải đứng, chẳng phải đói, chẳng phải no. Do nghĩa nầy nên quyết định biết là không ngã.

Nầy Thiện-nam-tử ! Các ngoại đạo ấy ngu si như trẻ nít không có trí huệ phương tiện chẳng hiểu thấu được thường cùng vô thường, khổ, vui, tịnh, bất tịnh, ngã, vô ngã, thọ mạng, phi thọ mạng, chúng sanh, phi chúng sanh, thật, phi thật, hữu, phi hữu. Ở trong Phật pháp họ lấy chút ít phần rồi vọng

chấp là có thường, lạc, ngã, tịnh, như người sanh manh chẳng biết màu sữa, bèn hỏi người khác rằng màu sữa giống như thứ gì ? Người khác đáp : Màu sữa trắng như vỏ ốc.

Người sanh manh lại hỏi : " Thế thì màu sữa như tiếng thổi ốc ư ?

Đáp : Không phải.

Người sanh manh lại hỏi màu ốc giống thứ gì ?

_ Màu ốc trắng như bột gạo.

Người sanh manh nghe nói cho rằng màu sữa mịn nhuyễn như bột gạo. Khi biết không phải lại hỏi.

Người khác đáp : Màu sữa trắng như tuyết.

Người sanh manh lại cho rằng màu sữa lạnh lẽo như tuyết.

Người khác lại bảo màu sữa trắng như lông chim bạch hạc.

Người sanh manh ấy dầu nghe cả bốn thứ thí dụ tỉ lệ, nhưng trọn chẳng biết được màu sắc thiệt của sữa.

Cũng vậy, các ngoại đạo nầy trọn không thể biết được thường, lạc, ngã, tịnh. Do nghĩa nầy trong Phật pháp của ta có chơn-thật-đế, không phải hàng ngoại đạo có được.

Văn-Thù Sư-Lợi Bồ-Tát bạch Phật : " Hi hữu thay : Hôm nay đức Như-Lai sắp nhập Niết-Bàn phương tiện chuyển pháp luân vô thượng, bèn phân biệt chơn- thật-đế như vậy."

Phật bảo Văn-Thù Sư-Lợi : : Nay ông cớ sao ở nơi đức Như-Lai mà sanh quan niệm nhập Niết-Bàn. Nầy Thiện-nam-tử ! Như-Lai thiệt là thường trụ chẳng biến đổi chẳng nhập Niết-Bàn.

Nầy Thiện-nam-tử ! Đức Như-Lai trọn chẳng có quan niệm ta là Phật, ta thành vô thượng chánh giác, ta chính là pháp, pháp là cái có của ta, ta là đạo, đạo là của ta có, ta là Thế-Tôn, Thế-Tôn là của ta, ta là Thanh-Văn, Thanh-Văn là của ta, ta có thể thuyết pháp làm cho người khác nghe và thọ trì, ta

chuyển pháp luân, người khác không chuyển được. Đức Như-Lai trọn không có quan niệm như vậy nên đức Như-Lai chẳng chuyển pháp luân.

Nầy Thiện-nam-tử ! Như-Lai không có những quan niệm ta thấy biết, sự thấy biết là của ta, tai nghe, mũi ngửi v.v… cũng như vậy, ta là sắc, sắc là của ta, thinh, hương, nhẫn đến pháp cũng như vậy, ta là địa đại, địa đại là của ta, thủy hỏa phong đại cũng như vậy. Như-Lai cũng không có những quan niệm ngã là tín là đa-văn, tín và đa-văn là của ta, ta là đàn-ba-la-mật, là thi-ba-la-mật, nhẫn đến là bát-nhã-ba-la-mật, đàn-ba-la-mật nhẫn đến là bát-nhã-ba-la-mật, đàn-ba-la- mật nhẫn đến bát-nhã-ba-la-mật là của ta, ta là tứ niệm xứ là tứ chánh cần, nhẫn đến là bát-thánh-đạo, tứ-niệm-xứ nhẫn đến bát-thánh-đạo là của ta. Như- Lai trọn chẳng có những quan niệm như vậy, nên Như-Lai chẳng chuyển pháp luân.

Nầy Thiện-nam-tử ! Nếu nói thường trụ không biến đổi, sao lại nói rằng Phật chuyển pháp luân ! Vì thế nên ông chẳng nên nói rằng đức Như-Lai phương tiện chuyển pháp luân.

Nầy Thiện-nam-tử ! Như nhơn nhãn căn, sắc trần, ánh sáng và tư duy hoà hiệp sanh ra nhãn thức. Nhãn căn chẳng nghĩ rằng ta sanh ra thức, sắc, ánh sáng và tư duy cũng chẳng nghĩ rằng ta sanh nhãn thức, nhãn thức cũng chẳng nghĩ rằng ta có thể tự sanh. Những pháp như vậy nhơn duyên hòa hợp đặng gọi là thấy. Cũng vậy, đức Như-Lai nhơn sáu ba-la-mật cùng ba mươi bảy pháp trợ đạo mà giác ngộ rõ thấu các pháp. Lại nhơn yết hầu, lưỡi răng, môi miệng có ra lời ra tiếng, vì các ông Kiều-Trần-Như v.v… mà thuyết pháp lần đầu tiên, gọi đó là chuyển pháp luân. Do nghĩa nầy nên đức Như-Lai chẳng gọi là chuyển pháp luân.

Nầy Thiện-nam-tử ! Nếu chẳng chuyển thời gọi là pháp, pháp là Như-Lai. Như do bùi nhùi, do cọ xát, do tay, do phân bò khô mà có lửa sanh ra. Bùi nhùi v.v… đều chẳng nghĩ rằng ta sanh ra lửa. Lửa chũng chẳng nói rằng ta có thể tự sanh. Cũng vậy, đức Như-lai nhơn sáu ba-la-mật v.v… Vì các ông Kiều-Trần-Như thuyết pháp gọi là chuyển pháp luân, đức Như-Lai trọn chẳng nghĩ rằng ta chuyển pháp luân. Nếu chẳng nghĩ tưởng như vậy thời gọi đó là chuyển chánh pháp luân. Chuyển pháp luân như vậy bèn gọi là Như-Lai.

Như do nơi chất lạc, nước khuấy, bình, giây, tay người mà có chất tô sanh ra. Lạc v.v… chẳng nghĩ rằng ta sanh ra tô. Tô cũng chẳng nói rằng ta có thể tự sanh ra. Do các duyên hòa hiệp nên sanh ra chất tô. Cũng vậy, đức Như-

Lai trọn chẳng nghĩ rằng ta chuyển pháp luân. Nếu chẳng nghĩ như vậy, thời gọi đó là chuyển chánh pháp luân. Chuyển pháp luân như vậy thời là Như-Lai.

Nầy Thiện-nam-tử ! Như do hột giống, đất, nước, phân, hơi nóng, gió, thời gian, công tác của người mà có mầm mọc lên . Hột giống v.v… chẳng nghĩ rằng ta sanh ra mầm. Mầm cũng chẳng nói rằng ta có thể tự sanh. Cũng vậy, đức Như- Lai trọn chẳng nghĩ rằng ta chuyển pháp luân. Nếu chẳng nghĩ như vậy thời gọi đó là chuyển chánh pháp luân. Chuyển pháp luân như vậy thời là Như-Lai.

Nầy Thiện-nam-tử ! Như do trống, khoảng không, do, dùi, người hòa hiệp nhau mà sanh ra tiếng trống v.v… chẳng nghĩ rằng ta sanh ra tiếng. Tiếng cũng chẳng nói rằng ta có thể tự sanh.

Cũng vậy, đức Như-Lai trọn chẳng nghĩ rằng ta chuyển pháp luân. Chẳng nghĩ như vậy thời gọi đó là chuyển chánh pháp luân. Chuyển pháp luân như vậy thời là Như-Lai.

Nầy Thiện-nam-tử ! Chuyển pháp luân là cảnh giới của chư Phật Thế-Tôn chẳng phải hàng Thinh-Văn Duyên-Giác biết được.

Nầy Thiện-nam-tử ! Hư không chẳng phải sanh, chẳng phải xuất, chẳng phải tạo tác chẳng phải pháp hữu vi. Cũng vậy, Như-Lai chẳng phải sanh, xuất, tạo tác chẳng phải pháp hữu vi. Phật tánh cũng như vậy.

Nầy Thiện-nam-tử ! Chư Phật Thế-Tôn lời thuyết giáo có hai thứ : Một là thế ngữ hai là xuất thế ngữ. Đức Như-Lai vì hàng Thinh-Văn Duyên-Giác dùng thế ngữ để thuyết giáo. Vì các vị Bồ-Tát nói xuất thế ngữ.

Nầy Thiện-nam-tử ! Hàng đại chúng nghe pháp cũng có hai hạng : Một là hạng cầu tiểu thừa, hai là hạng cầu đại thừa. Ngày trứơc ở thành Ba-La-Nại ta chuyển pháp luân cho hàng Thinh-Văn. Nay ở thành Câu-Thi-Na nầy mới vì các vị Bồ- Tát chuyển đại pháp luân.

Nầy Thiện-nam-tử ! Lại có hai hạng người trung căn và thượng căn. Vì hạng trung căn ở thành Ba-La-Nại ta chuyển pháp luân. Vì hạng thượng văn như Ca- Diếp Bồ-Tát v.v… ở nơi thành Câu-Thi-Na nầy ta chuyển đại pháp luân.

Nầy Thiện-nam-tử ! Hạng tột hạ-căn đức Như-Lai trọn chẳng chuyển pháp luân cho họ. Hạng tột hạ-căn tức là nhứt-xiển-đề.

Nầy Thiện-nam-tử ! Người cầu Phật đạo có hai hạng : Một là hạng trung tinh tấn, hai là hạng thượng tinh tấn. Như-Lai ở thành Ba-La-Nại vì hạng trung tinh tấn mà chuyển pháp luân. Nay ở thành Câu-Thi-Na nầy chuyển đại pháp luân cho hạng thượng tinh tấn.

Nầy Thiện-nam-tử ! Ngày trước Như-Lai ở thành Ba-La-Nại, chuyển pháp-luân lần đầu tiên, có tám muôn thiên nhơn chứng đặng quả Tu-Đà hoàn. Nay trong hội thuyết pháp tại thành Câu-Thi-Na nầy, có tám mươi muôn ức người chứng bực bất thối chuyển vô thượng Bồ-Đề.

Nầy Thiện-nam-tử ! Ngày trước ở thành Ba-La-Nại, Đại-Phạm thiên-Vương đảnh lễ thỉnh Phật chuyển pháp luân. Nay tại thành Câu-Thi-Na nầy, Ca-Diếp Bồ- Tát đảnh lễ thỉnh Phật chuyển đại pháp luân.

Nầy Thiện-nam-tử ! Ngày trước ở thành Ba-La-Nại lúc chuyển pháp luân Phật giảng thuyết về vô thường, khổ, không và vô ngã. Nay tại thành Câu-Thi- Na nầy Như-Lai giảng thuyết về thường, lạc, ngã và tịnh.

Nầy Thiện-nam-tử ! Ngày trước ở thành Ba-La-nại, lúc thuyết pháp tiếng nói của Phật nghe xa đến trời Phạm-Thiên. Nay tại thành Câu-Thi-Na nầy, lúc chuyển pháp luân tiếng của Phật khắp đến hai mươi hằng hà sa thế giới ở mười phương.

Nầy thiện-nam-tử ! Chư Phật Thế-Tôn phàm có lời nói ra đều gọi là chuyển pháp luân.

Ví như Chuyển-Luân-Thánh-Vương có Luân-bảo, kẻ chưa hàng phục có thể làm cho hàng phục, người đã hàng phục có thể làm cho an ổn. Chư Phật Thế-Tôn phàm có thuyết pháp cũng như vậy. Vô lượng phiền não người chưa điều phục có thể làm cho điều phục, người đã điều phục làm cho sanh căn lành.

Ví như Chuyển-Luân-Thánh-Vương co ùLuân-bảo có thể phá tan tất cả oán tặc. Cũng vậy, đức Như-Lai thuyết pháp có thể làm cho tất cả giặc phiền não thảy đều tịch tịnh.

Ví như Chuyển-Luân-Thánh-Vương có Luân-bảo trên dưới xoay chuyển. Cũng vậy, Như-Lai thuyết pháp có thể làm cho các chúng sanh ở ác thú sanh lên cõi trời cõi người nhẫn đến thành Phật đạo.

Nầy Thiện-nam-tử ! Vì thế nên nay ông chẳng nên khen rằng đức Như-Lai ở nơi đây lại chuyển pháp luân.

Văn-Thù Sư-Lợi bạch Phật rằng : " Thế-Tôn ! Đối với nghĩa nầy chẳng phải là tôi không biết. Hỏi Phật là vì muốn lợi ích cho những chúng sanh. Từ lâu tôi đã biết chuyển pháp luân thiệt là cảnh giới của chư Phật Như-Lai, chẳng phải hàng Thinh-Văn Duyên-Giác biết được.

Phật bảo Ca-Diếp Bồ-Tát : " Nầy Thiện-nam-tử ! Đây gọi là Bồ-Tát trụ nơi kinh Đại-Thừa Đại-Niết-Bàn thật hành Thánh-hạnh.

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật : Thế-Tôn, do nghĩa gì gọi là Thánh-hạnh ?

_ Nầy Thiện-nam-tử ! Thánh là nói chư Phật Thế-Tôn. Do nghĩa nầy nên gọi là Thánh-hạnh.

_ Bạch Thế-Tôn ! Nếu là chỗ thật hành của chư Phật thời chẳng phải hàng Thinh-Văn Duyên-Giác, Bồ-tát có thể tu hành được.

_ Nầy Thiện-nam-tử ! Đây là chư Phật Thế-Tôn an trụ nơi Đại-Niết-Bàn này mà phân biệt khai thị như vậy, do nghĩa nầy nên gọi là Thánh-hạnh. Hàng Thinh- Văn, Duyên-Giác, và Bồ-Tát nghe như vậy rồi thời có thể phụng hành nên gọi là Thánh-hạnh. Đại-Bồ-Tát nầy đặng tu hành hạnh đây rồi thời đặngtrụ nơi bực vô sở úy. Chẳng còn sợ tham, sân, si, sanh, lão, bịnh, tử. Cũng chẳng còn sợ ác đạo, địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ.

Nầy Thiện-nam-tử ! Luận về sự ác có hai hạng : Một là A-Tu-La, hai là trong loài người. Trong loài người có ba hạng ác : Một là nhứt-xiển-đề, hai là hủy báng kinh điển Đại-Thừa Phương-Đẳng, ba là phạm bốn tội trọng. Trụ trong vô sở úy nầy, hàng Bồ-Tát trọn chẳng sợ đọa trong những hạng ác như vậy. Cũng chẳng còn sợ Sa-Môn, Bà-La-Môn, ngoại đạo tà kiến, Thiên-Ma Ba-Tuần. Cũng chẳng còn sợ thọ thân trong hai mươi lăm cõi. Vì thế nên bực nầy gọi là vô sở úy.

Nầy Thiện-nam-tử ! Đại-Bồ-Tát trụ bực vô sở úy chứng đặng hai mươi lăm môn tam muội, phá hoại hai mươi lăm cõi. Đặng vô-cấu tam-muội có thể phá hoại cõi địa ngục. Đặng bất-thối tam muội có thể phá hoại cõi súc sanh. Đặng tâm- lạc tam muội có thể phá hoại cõi ngạ quỉ. Đặng hoan-hỷ tam muội có thể phá hoại cõi A-Tu-La. Đặng nhựt-quang tam muội có thể dứt cõi Phất-Bà-Đề. Đặng nguyệt-quang tam muội có thể dứt cõi Cù-Da-Ni. Đặng nhiệt-diện tam muội có thể dứt cõi Uất-Đơn-Việt. Đặng như-huyễn

tam muội có thể dứt cõi Diêm- Phù- Đề. Đặng nhứt-thiết pháp bất-động tam muội có thể dứt cõi Tứ-Thiên- Vương. Đặng tối-phục tam muội có thể dứt cõi Đao-Lợi-Thiên. Đặng Duyệt-ý tam muội có thể dứt cõi Diệm-Ma-Thiên. Đặng Thanh-sắc tam muội có thể dứt cõi Đâu- Suất-Thiên. Đặng Huỳnh-sắc tam muội có thể dứt cõi Hoá-Lạc-Thiên. Đặng xích- sắt tam muội có thể dứt cõi Tha-Hoá-Tự-tại-Thiên. Đặng Bạch-sắc tam muội có thể dứt cõi Sơ-Thiền. Đặng chủng chủng tam muội có thể dứt cõi Đại- Phạm- Vương. Đặng song tam muội có thể dứt cõi Nhị-Thiền. Đặng lôi-âm tam muội có thể dứt cõi tam-Thiền. Đặng chú-võ tam muội có thể dứt cõi Tứ-Thiền. Đặng như hư-không tam muội có thể dứt cõi Vô-Tưởng. Đặng chiếu-cảnh tam muội có thể dứt cõi Tịnh-Cư A-Na-Hàm. Đặng vô-ngại tam muội có thể dứt cõi Không- Xứ- Thiên. Đặng thường tam muội có thể dứt cõi Thức-Xứ-Thiên. Đặng lạc tam muội có thể dứt cõi Bất-Dụng Xứ-Thiên. Đặng ngã tam muội có thể được cõi Phi- Tưởng-Phi-Phi-Tưởng-Xứ-Thiên.

Đây gọi là Bồ-Tát chứng đặng hai mươi lăm tam muội dứt hai mươi lăm cõi.

Nầy Thiện-nam-tử ! Hai mươi lăm môn tam muội nầy gọi là vua của các môn tam-muội. Đại Bồ-Tát nhập trong những môn tam muội vương nầy, nếu muốn thổi hoại núi Tu-Di liền có thể tùy ý. Nều muốn biết tâm niệm của mọi loài chúng sanh trong cõi đại thiên, cũng đều có thể biết. Muốn đem mọi loài chúng sanh trong cõi đại thiên để vào trong một lỗ chơn lông nơi thân của mình liền có thể tùy ý, cũng có thể làm cho những chúng sanh đó không c quan niệm chật hẹp. Nếu muốn hoá làm vô lượng chúng sanh đầy khắp trong cõi đại thiên, cũng liền có thể tùy ý. Muốn chia một thân làm nhiều thân, lại hiệp nhiều thân làm một thân, dầu làm những sự như vậy nhưng tâm không trụ trước, dường như hoa sen.

Nầy Thiện-nam-tử ! Đại Bồ-Tát nhập trong những môn tam muội vương như vậy rồi, liền đặng trụ nơi bực tự tại. Bồ-Tát trụ bực tự tại nầy thời đặng sức tự tại, tùy ý muốn sanh chỗ nào liền đặng vãng sanh.

Ví như Chuyển-Luân-Thánh-Vương thống lãnh bốn cõi thiên hạ, tùy ý qua lại không bị chướng ngại. Cũng vậy, tất cả chỗ muốn thọ sanh Bồ-Tát nầy có thể tùy ý vãng sanh.

Bồ-Tát nầy nếu thấy tất cả chúng sanh nơi địa ngục, kẻ nào có thể làm cho sanh căn lành, Bồ-Tát liền qua mà thọ sanh trong đó, dầu sanh nhưng chẳng phải là nghiệp quả, do sức tự tại mà thọ sanh trong đó. Bồ-Tát nầy dầu ở nơi địa ngục nhưng chẳng bị những sự khổ đốt cháy nát thân v.v…

Nầy Thiện-nam-tử ! Bồ-Tát nầy thành tựu vô lượng vô biên trăm ngàn muôn ức công đức như vậy, còn không thể nói hết, huống là công đức của Phật mà có thể nói được.”

Bấy giờ trong chúng hội, có một vị Bồ-Tát tên là Trụ-Vô-Cấu-Tạng- Vương, có oai đức lớn thành tựu thần thông, đặng đại tổng trì đầy đủ môn tam muội, chứng bực vô sở úy, liền đứng dậy trịch y bày vai bên hữu qùy gối hữu, chắp tay bạch Phật rằng : “Thế-Tôn ! Như lời đức Phật nói : Chư Phật Bồ-Tát thành tựu vô lượng vô biên trăm ngàn muôn ức công đức thiệt không thể nói được. Ý tôi còn cho rằng vẫn chẳng bằng kinh điển Đai-thừa nầy vì nhơn sức của kinh Đại- Thừa Phương-Đẳng nầy nên có thể xuất sanh chư Phật Thế-Tôn vô thượng chánh giác”.

Phật khen rằng : Lành thay ! Lành thay ! Phải lắm đúng như lời ông nói. Những kinh Phương-Đẳng Đại-Thừa dầu thành tựu vô lượng công đức, muốn so sánh với kinh nầy thời không thể kịp được, trăm lần, ngàn lần, trăm ngàn muôn ức lần, nhẫn đến toán số thí dụ cũng chẳng kịp được.

Ví như từ bò có sữa, từ sữa sanh ra chất lạc, từ lạc sanh ra chất sanh tô, từ sanh tô sanh ra chất thục tô, từ thục tô sanh ra chất đề hồ. Chất đề hồ là vị hơn hết, nếu có người uống chất nầy các thứ bịnh đều tiêu trừ, bao nhiêu chất thuốc đều vào trong đề hồ.

Cũng vậy, từ Phật có ra mười hai loại kinh, từ mười hai loại kinh có ra Tu-đa-la, từ Tu-đa-la có ra kinh Phương-đẳng, từ kinh Phương-đẳng có ra Bát-Nhã Ba-La- Mật, từ Bát-Nhã Ba-La-Mật có ra Đại-Niết-Bàn, như chất đề hồ. Chất đề hồ dụ cho Phật tánh. Phật tánh tức là Như-Lai.

Nầy Thiện-nam-tử ! Do nghĩa nầy nên nói rằng Như-Lai có vô lượng vô biên công đức chẳng thể nói được tính được.”

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật : “ Thế-Tôn ! Như lời Phật khen kinh Đại-Niết-Bàn như chất đề hồ là vị thượng diệu, nếu có người uống đề hồ thời những chứng bịnh đều tiêu trừ, tất cả các vị thuốc đều vào trong chất đề hồ. Tôi nghe lời nầy trộm nghĩ rằng : Nếu có người chẳng nghe chẳng lãnh thọ được kinh nầy, phải biết người đó rất là ngu si không có tâm lành.

Bạch Thế-Tôn ! Nay tôi thiệt có thể kham chịu lột do làm giấy , chích máu làm mực, lấy tủy làm nước, chẻ xương làm viết, biên chép kinh Đại-Niết-Bàn nầy. Biên chép đọc tụng thông thuộc, rồi vì người mà giảng rộng ý nghĩa đó.

Bạch Thế-Tôn ! Nếu có chúng sanh tham trước của cải, tôi sẽ bố thí của cải rồi sau đem kinh Đại-Niết-Bàn nầy khuyên họ đọc. Nếu có người sang qúi, tôi trứơc dùng ái ngữ để được cảm tình, rồi sau lần lần sẽ đem kinh Đại-Thừa Đại- Niết- Bàn nầy khuyên họ đọc. Nếu là kẻ thường dân, tôi sẽ dùng oai thế ép họ đọc tụng. Nếu với người kiêu mạn tôi sẽ làm tôi tớ họ, tùy thuận ý của họ cho họ vui lòng, rồi sau sẽ đem kinh Đại-Niết-Bàn nầy mà dẫn dắt họ. Nếu có người hủy báng kinh Đại-Thừa tôi sẽ dùng thế lực hàng phục họ, rồi sau khuyên họ đọc kinh Đại-Niết-Bàn. Nếu có người ưa thích kinh Đại-Thừa, tôi đích thân đến cung kính cúng dường tôn trọng tán thán họ.

Phật khen Ca-Diếp Bồ-Tát : Lành thay ! Lành thay ! Ông thiệt đáng là người ưa thích kinh điển Đại-Thừa, tham kinh Đại-Thừa, thọ kinh Đại-Thừa, say kinh Đại- Thừa, kính tin tôn trọng cúng dường kinh Đại-Thừa.

Nầy Thiện-nam-tử ! Nay do tâm lành nầy, ông sẽ siêu việt vô lượng vô biên hằng hà sa đại Bồ-Tát, đặng thành vô thượng chánh giác trước, chẳng bao lâu ông cũng sẽ vì đại chúng diễn nói tạng bí mật Đại-Niết-Bàn, Như-Lai, Phật tánh, như ta hôm nay.

Nầy Thiện-nam-tử ! Về thuở quá khứ thời kỳ không có Phật ra đời, lúc đó ta làm Bà-La-Môn tu hạnh Bồ-Tát, có thể thông đạt những kinh luận của tất cả ngoại đạo, tu hạnh tịch diệt, đầy đủ oai nghi, tâm ta thanh tịnh chẳng bị các dục nhiễm ở ngoài phá hoại, dứt lửa sân hận, thọ trì pháp môn thường, lạc, ngã, tịnh. Khắp nơi ta tìm cầu kinh điển Đại-Thừa, nhẫn đến vẫn chẳng được nghe danh tự kinh Phương-Đẳng. Bấy giờ ta ở núi Tuyết, núi nầy thanh tịnh có suối chảy ao tắm, rừng rậm cây thuốc, hoa thơm nở khắp núi, chim thú không thể tính đếm, nhiều thứ trái ngon, lại có vô lượng ngó sen, củ ngọt củ thơm. Ta ở một mình trong núi chỉ ăn các thứ trái, ăn xong ngồi thiền chuyên tâm quán tưởng. Ta tu khổ hạnh như vậy trải qua vô lượng năm, cũng chẳng được nghe có Phật ra đời cùng tên kinh Đại-Thừa.

Thích-Đề-Hoàn-Nhơn và chư Thiên thấy ta bền tu khổ hạnh như vậy lòng họ kinh sợ bảo nhau rằng :

Chúng ta nên xem coi. Trong núi Tuyết thanh tịnh, Người ly dục tịch tịnh. Vua công đức trang nghiêm, Đã lìa tham sân mạn. Dứt hẳn lòng ngu si, Miệng chưa từng nói ra, Những lời thô ác thảy.

Có một vị Thiên-tử tên là Hoan-Hỷ lại nói kệ rằng :

Người ly dục như vậy, Thanh tịnh siêng tinh tấn, Toan chẳng cầu Đế-Thích, Và làm chư Thiên ư ! Nếu là hạng ngoại đạo, Họ tu hành khổ hạnh, Phần nhiều đều mong cầu, Tòa ngồi của Đế-Thích.

Có một vị Tiên-thiên-tử lại vì Đế-Thích mà nói kệ rằng :

Thiên-Chúa Kiều-Thi-Ca, Chẳng nên sanh lòng lo, Ngoại đạo tu khổ hạnh, Hà tất cầu Đế-Thích.

Thiên-Tử nầy lại thưa với Đế-Thích : " Bực đại-sĩ trong đời vì chúng sanh nên chẳng tham luyến thân mình mà tu vô lượng khổ hạnh để làm lợi ích cho chúng sanh. Hạng người như vậy thấy rõ những lỗi lầm trong giòng sanh tử, dầu của báu đầy cả mặt đất, đại sĩ nầy cũng chẳng tham muốn như thấy mũi dãi. Bực đại sĩ nầy rời bỏ của cải vợ con đầu mắt tủy não tay chơn da thịt, nhà cửa, voi ngựa, xe cộ, tôi tớ, cũng chẳng mong cầu sanh lên cõi trời, chỉ mong muốn làm cho tất cả chúng sanh được an vui. Như chỗ tôi hiểu bực đại-sĩ như vậy lòng thanh tịnh không ô nhiễm, đã dứt hết phiền não chỉ muốn cầu quảvô thượng bồ-đề.

Thích-Đề-Hoàn-Nhơn bảo rằng : " Theo như lời ông nói thời người ấy vì nhiếp thủ tất cả chúng sanh trong đời. Nầy Đại-Tiên ! Nếu trong đời nầy có Phật dứt trừ được tất cả rắn độc phiền não của chư Thiên, loài người và A-Tu-La. Nếu các chúng sanh ở trong bóng mát của Phật thời tất cả những độc phiền não đều tiêu diệt. Nầy Đại-Tiên ! Bực Đại-sĩ nầy nếu trong đời vị lai sẽ thành Phật, thời chúng ta sẽ được dứt trừ vô lượng phiền não. Việc nầy thiệt là khó tin, vì vô lượng chúng sanh phát tâm vô thượng bồ-đề, bị chút ít duyên liền thối thất Bồ- đề tâm, như bóng trăng trong nước, nước động thời trăng động. Lại như họa tượng, khó thành mà dễ hư . Cũng vậy, tâm Bồ-đề khó phát mà dễ thối thất.

Nầy Đại-Tiên ! Như có nhiều người mặc giáp cầm gậy muốn đi dẹp giặc, lúc ra đến chiến trận lòng sợ sệt thời bèn chay lui. Cũng vậy vô lượng chúng sanh phát tâm Bồ-đề tự trang nghiêm bền chắc, lúc thấy lỗi sanh tử lòng sợ sệt bèn thối thất. Nầy Đại-Tiên ! Ta từng thấy vô lượng chúng sanh sau khi phát tâm Bồ- Đề đều bị thối chuyển. Vì thế nên nay dầu thấy người nầy tu khổ hạnh tịch tịnh không phiền não nhưng ta chưa tin được. Nay ta sẽ đến thử xem coi người nầy thiệt có thể gánh vác nổi vô thượng Bồ-Đề chăng ? Nầy Đại-Tiên ! Như xe có hai bánh thời có công dụng chở chuyên, như chim có hai cánh mới có thể bay đi. Người tu khổ hạnh nầy, dầu thấy là giữ gìn giới cấm, nhưng chưa biết có trí sâu chăng. Nếu có sâu thời có thể gánh nổi

vô thượng Bồ-Đề. Nầy Đại-Tiên ! Như cá mẹ đẻ ra bầy cá con, nhưng số cá được lớn khôn rất ít. Như cây am-la nhiều bông mà ít trái. Chúng sanh phát tâm Bồ-Đề đông vô lượng nhưng ít người được thành tựu. Nầy Đại-Tiên ! Ông nên cùng ta đồng qua thử đó. Như vàng ròng sau khi thử đủ ba cách mới biết là vàng thiệt, là đốt, đập và mài. Nay chúng ta cũng thử người tu khổ hạnh nầy.

Lúc đó Thích-Đề-Hoàn-Nhơn tự biến thân mình làm quỉ La-sát dung mạo đáng sợ, bay xuống núi Tuyết đến gần người tu khổ hạnh, cất tiếng thanh nhã tuyên nói nửa bài kệ của Phật quá khứ :

Các hạnh vô thường, Là pháp sanh diệt.

Quỉ La-sát nói nửa kệ xong liếc mắt tìm ngó bốn phía. Người tu khổ hạnh nghe hai câu kệ ấy lòng rất vui mừng, như người khách buôn ban đêm đến đường hiểm lạc mất đồng bạn, kinh sợ tìm kiếm bỗng gặo được đồng bạn, lòng rất vui mừng. Cũng như người bịnh lâu chưa gặp được lương y, về sau bỗng gặp được. Như người trôi nổi ngoài biển khơi bỗng gặp được thuyền bè. Như người quá khát gặp được nước mát trong. Như người bị oán-địch rượt mà chạy thoátđược. Như người bi trói nhốt đã lâu bỗng đặng thả. Cũng như nhà nông trời nắng hạn mà gặp mưa. Như người đi xa trở về đến nhà, cả nhà đều vui mừng.

Nầy Thiện-nam-tử ! Lúc nghe được nửa bài kệ ấy, lòng người khổ hạnh vui mừng cũng như vậy. Liền đứng dậy lấy tay đỡ tóc lên ngó tìm bốn phía nói rằng : “ Chẳng biết ai vừa nói hai câu kệ ? Ngó mãi không thấy người nào khác chỉ thấy quỉ La-Sát bèn nói rằng : “ Ai khai môn giải thoát như vậy ? Ai có thể thuật lời của Phật như vậy ? Ai có thể ở trontg giấc ngủ sanh tử mà có thể riêng được giác ngộ xướng lên lời đó vậy ? Ai có thể ở chốn nầy đem đạo vị vô thượng chỉ dạy cho chúng sanh đang đói khát trong vòng sanh tử ? Ai có thể làm thuyền lớn cứu vớt vô lượng chúng sanh đang nổi chìm trong biển sanh tử ? Những chúng sanh nầy thường mang bịnh nặng phiền não, ai có thể làm lương y nói hai câu kệ ấy khai ngộ tâm của tôi. Như mặt trăng nửa như hoa sen hé nở.

Người khổ hạnh lúc đó không thấy có ai khác chỉ thấy quỉ La-Sát nghĩ rằng có lẽ quỉ nầy nói hai câu kệ ấy chăng ? Rồi lại nghĩ rằng quỉ nầy hình dung hung dữ đáng sợ, phàm người đặng nghe những câu kệ ấy thời tất cả sự sợ sệt xấu xa liền tiêu trừ, đâu có lẽ người hình mạo xấu xa nầy mà có thể nói lời kệ ấy. Như trong lửa mọc được hoa sen. Trong ánh nắng mặt trời chẳng

sanh được nước mát. Rồi lại tự trách : Ta thật là vô trí hoặc quỉ nầy đặng gặp chư Phật quá khứ, nên được nghe nửa bài kệ ấy, nay ta nên hỏi ý nghĩa của lời ấy. Suy nghĩ xong liền đến trước quỉ La-Sát nói rằng : " Lành thay lành thay ! Đại-Sĩ ! Ngài ở đâu mà học được nửa bài kệ của Phật quá khứ như vậy ?

Quỉ La-Sát liền đáp rằng : " Nầy Bà-La-Môn ! Ông chẳng nên hỏi ta về việc ấy. Vì ta đã nhiều ngày không được ăn đói khát khổ não tâm ý mê loạn. Ta tìm cầu khắp nơi vẫn chẳng được thức ăn. Vì thế nên ta nói những lời như vậy."

Người khổ hạnh lại nói với quỉ La-Sát : " Nếu Đại-Sĩ có thể vì tôi nói trọn bài kệ, tôi sẽ trọn đời làm đệ tử ngài. Kệ của Đại-Sĩ vừa nói lời chẳng đủ, nghĩa chẳng trọn, sao Đại-Sĩ chẳng nói cho trọn ? Luận về tài-thí thời có cạn hết, còn pháp-thí thời chẳng thể cùng tận, nhiều sự lợi ích. Tôi nghe nửa bài kệ ấy sanh lòng kinh nghi. Trông mong ngài vì tôi mà nói cho trọn, tôi sẽ trọn đời làm đệ tử ngài."

Qủi La-Sát nói : " Ông tham thái quá chỉ biết tự thương thân mình mà chẳng nghĩ đến người. Ta đương đói khổ thiệt không thể nói đặng".

Người khổ hạnh hỏi : " Thức ăn của ngài là vật gì ?

Quỉ nói : " Ông đừng hỏi, nếu ta nói ra thời mọi người phải kinh sợ".

Người khổ hạnh nói : " Giữa đây chỉ có mình tôi không có người nào khác. Tôi không sợ, ngài cứ nói.

Qủi nói : " Tôi chỉ ăn thịt người tươi nóng, chỉ uống máu nóng của người. Vì ta phước mõng nên chỉ ăn những thứ đó. Ta tìm khắp các nơi mà chẳng đặng. Trong đời dầu có người đông nhiều, nhưng mỗi người đều có phước đức, lại được chư Thiên-Thần thủ hộ, ta không đủ sức bắt ăn được."

Người khổ hạnh nói : " Ngài cứ nói đủ bài kệ ấy, tôi nghe kệ rồi sẽ đem thân nầy dâng cho ngài dùng. Thưa Đại-Sĩ nếu lúc tôi chết thân nầy sẽkhông dùng vào việc gì được, sẽ bị cọp, sói, chim hiêu, kên kên ăn mổ, không được một mảy phước đức. Nay tôi vì cầu Vô-thượng Bồ-đề xả thí thân vô thường chẳng bền nầy, để đổi lấy thân thường trụ bền chắc".

Quỉ nói : " Ai tin được lời của ông, chỉ vì có tám chữ mà thí bỏ thân đáng mến đáng tiếc."

Người khổ hạnh nói : “ Như có người đem đồ sành bố thí cho người khác mà đặng đồ bằng thất bảo. Cũng vậy, tôi xả thí thân vô thường nầy để đặng thân kim cương. Ngài nói ai tin được lời tôi ?”

Các vị Đại-Phạm-Thiên-Vương, Thích-Đề-Hoàn-Nhơn và Tứ-Thiên-Vương có thể chứng minh lời tôi. Lại có các vị Bồ-Tát tu hành Đại-thừa đủ lục độ, lợi ích vô lượng chúng sanh, có thiên nhãn cũng chứng biết được lời của tôi, Thập phương chư Phật cũng chúng biết cho tôi vì tám chữ mà xả thí thân mạng.

Quỉ nói : “Nếu ông có thể xả thí thân mạng như vậy, thời nên lóng nghe kỹ tôi sẽ vì ông nói nửa bài kệ sau”.

Người khổ hạnh nghe quỉ hứa nói vui mừng hớn hở, liền cởi tấm da nai đang mặc trên thân trải tòa rồi mời quỉ : “ Bạch Hòa-Thượng xin thỉnh ngài lên tòa nầy”.

Quỉ ngồi xong người khổ hạnh qùy dài, vòng tay thưa rằng : “ Mong Hòa-Thượng vì tôi mà nói nửa bài kệ còn lại cho được đầy đủ”.

Quỉ La-sát liền tuyên rằng :

Sanh-diệt diệt rồi, Tịch diệt là vui.

Quỉ La-Sát nói hai câu kệ rồi bảo rằng : “ Nầy Đại Bồ-Tát nay ông đã nghe đủ cả nghĩa bài kệ, lòng mong muốn của ông đã đầy đủ, nếu ông muốn lợi ích chúng sanh giờ đây nên thí thân cho ta.

Người khổ hạnh suy nghĩ kỹ những nghĩa trong bài kệ rồi biên chép lên trên đá, trên vách, trên cây, bên đường đi. Tự cột áo xiêm sợ sau khi chết thân thể lõa lồ rồi leo lên cây cao.

Thọ-Thần bảo người khổ hạnh : “ Lành thay ! Nay ông muốn làm việc gì ?

Người khổ hạnh đáp : “ Tôi muốn thí xả thân nầy để trả giá bài kệ”.

Thọ-Thần nói : “ Bài kệ như vậy có những lợi ích gì ?”

Người khổ hạnh đáp : “ Những câu kệ ấy là lời thuyết pháp của Phật ba đời, trong ấy chỉ dạy đạo pháp chơn không. Tôi vì pháp nầy muốn lợi ích tất cả chúng sanh mà thí xả thân nầy, chẳng phải vì lợi danh, chẳng cầu Chuyển-

Luân- Thánh-Vương, Tứ-Thiên-Vương, Thích-Đề-Hoàn-Nhơn, Đại-Phạm-thiên-Vương, chẳng cầu quả vui của người của trời.

Lúc sắp sửa xả thân, người khổ hạnh nói rằng : " Nguyện cho tất cả người tham lam bỏn sẻn đều thấy tôi xả thân. Những người bố thí chút ít sanh lòng cống cao cũng đặng thấy tôi vì một bài kệ mà xả thân mạng.

Nói xong, người khổ hạnh buông mình từ trên cây rơi xuống. Lúc thân chưa tới đất. Trong hư không vang ra các thứ tiếng thấu đến cõi trời Sắc-Cứu-Cánh. Quỉ La-sát huờn lại hình Thiên-Đế hứng lấy thân người khổ hạnh để nhẹ nhàng xuống đất.

Bấy giờ Thích-Đề-Hoàn-Nhơn, Đại-Phạm-Thiên-Vương cùng chư Thiên đảnh lễ người khổ hạnh mà khen rằng : " Lành thay ! Lành thay ! Thiệt là Bồ-Tát có thể lợi ích nhiều cho vô lượng chúng sanh, muốn thắp đuốc pháp lên giữa đêm tối vô minh. Vì tôi mến tiếc pháp lớn của Như-Lai nên cố nhiễu não ngài. Ngưỡng mong ngài cho tôi sám hối tội lỗi. Thuở vị lai ngài quyết định thành Vô- thượng Chánh-giác,. Khi được thành Phật, mong ngài tế độ chúng tôi,

Nói xong, Thích-Đề-Hoàn-Nhơn và chư Thiên đảnh lễ người khổ hạnh, cáo từ, bỗng nhiên ẩn mất.

Nầy Thiện-nam-tử ! Người khổ hạnh thuở xưa chính là tiền thân của ta. Ngày trước vì nửa bài kệ mà ta xả thí thân mạng. Do cớ đó ta đặng vượt bực thành Phật trước Di-Lặc mười hai kiếp.

Nầy Thiện-nam-tử ! Ta đặng vô lượng công đức như vậy đều do cúng dường chánh pháp củaNhư-Lai.

Nay ông phát tâm Vô- thượng Bồ-đề, thời ông cũng đã vượt hơn vô lượng vô biên hằng hà sa Bồ-Tát.

Nầy Thiện- nam-tử ! Đây gọi là Bồ-Tát trụ nơi Đại-Thừa Đại-Bát Niết-Bàn tu hành thánh hạnh.

XX

PHẨM PHẠM HẠNH THỨ HAI MƯƠI

(Hán bộ trọn quyển 14, 15, 16, 17 và phần đầu quyển thứ 18)

Nầy Thiện nam tử ! Bồ-Tát-Ma-Ha-Tát tu phạm hạnh như thế nào ? Bồ-Tát-Ma- Ha-Tát trụ nơi Đại-thừa Đại Niết Bàn, trụ bảy pháp lành thời phạm hạnh đầy đủ.

Bảy pháp lành là : Một là biết pháp, hai là biết nghĩa, ba là biết giờ, bốn là biết tri túc, năm là biết mình, sáu là biết chúng, bảy là biết tôn ty.

Bồ-Tát-Ma-Ha-Tát như thế nào gọi là biết pháp. Nầy Thiện nam tử ! Bồ Tát nầy biết mười hai bộ kinh tức là Tu Đa La, Kỳ Dạ, Thọ Ký, Dà Đà, Ưu Đà Na, Ni Đà Na, A Ba Đà Na, Y Đế Mục Đà Na, Xà Đà Dà, Tỳ Phật Lược, A Phù Đà Đạt Ma, Ưu Bà Đề Xá.

Đây là khế kinh Tu Đa La : Từ " như thị ngã văn nhẫn đến câu hoan hỷ phụng hành" tất cả như vậy gọi là Tu Đa La kinh (trường hàng). Đây là Kỳ-dạ : Phật bảo các Tỳ kheo ngày xưa ta cùng các ông ngu si không trí huệ, chẳng thể thấy bốn chơn đế đúng như thật, nên lưu chuyển mãi trong biển khổ sanh tử. Bốn chơn đế là : Khổ Đế, Tập Đế, Diệt Đế, và Đạo Đế.

Ngày xưa đức Phật vì các Tỳ Kheo nói khế kinh xong lại có hàng chúng sanh căn trí sáng tỏ, vì muốn nghe pháp nên đến chỗ Phật hỏi mọi người rằng, đức Như Lai vừa rồi nói những việc gì ? Lúc đó Phật vì hàng chúng sanh ấy đem kinh vừa giảng nói thành kệ tụng :

Ta xưa cùng các ông, Chẳng thấy bốn chơn đế, Nên phải lưu chuyển mãi, Trong biển khổ sanh tử, Nếu thấy được bốn đế, Thời dứt đặng sanh tử. Sanh tử đã hết rồi, Chẳng còn thọ thân nữa.

Kệ tụng trên đây gọi là Kỳ-Dạ kinh (trùng tụng).

Những gì gọi là thọ ký ? Như có lúc đức Như Lai nói kinh hay luật, vì các hàng trời hay người mà thọ ký sẽ làm Phật. Như nói : " Đời sau có vua hiệu là Nhương Khư, ông A Dật Đa sẽ ở cõi nầy thành bực chánh giác hiệu là Di Lặc Phật. Đây gọi là thọ ký kinh.

Những gì gọi là Dà Đà ? Trừ trường hàng và các giới luật, ngòai ra những bài kệ bốn câu như :

Các điều ác chớ làm, Phụng hành những điều lành, Lóng sạch tâm ý mình, Là lời dạy của Phật.

Trên đây gọi là Dà Đà kinh (kệ cô khởi).

Những gì gọi là Ưu Đà Na ? Như đức Phật lúc xế chiều nhập thiền định, vì chư thiên giảng rộng các pháp yếu. Lúc đó các Tỳ- kheo đều nghĩ rằng : Giờ đây đức Như Lai đang làm việc gì ?

Sáng ngày sau, đức Như Lai xuất định, không ai hỏi, dùng tha tâm trí mà tự nói rằng : Nầy các Tỳ-kheo : Tất cả chư thiên thọ mạng rất dài. Lành thay ! Các Tỳ- kheo biết vì người, chẳng cầu tư lợi, biết thiểu dục, biết tri túc, được tịch tịnh.

Những kinh như trên đây không ai hỏi đức Phật tự giảng nói đó gọi là Ưu Đà Na kinh (tự thuyết).

Những gì là Ni Đà Na ? Như trong các kinh do nhơn duyên Phật vì người khác diễn nói. Lệ như : Trong nước Xá Vệ có một chàng trai giăng lưới bắt chim, bắt đặng chim nhốt trong lồng, cho ăn lúa uống nước rồi lại thả đi. Đức Thế Tôn biết nhơn duyên đó mà nói kệ rằng:

Chớ khinh tội nhỏ, Cho là không họa, Giọt nước dầu nhỏ, Lần đầy lu lớn.

Như trên đây gọi là Ni Đà Na kinh (nhơn duyên).

Những gì là A Ba Đà Na ? Như những thí dụ trong luật nói.

Những gì là Y Đế Mục Đa Dà ! Lệ như đức Phật nói : Nầy các Tỳ-kheo ! Lúc ta xuất thế những điều ta dạy bảo gọi là giới kinh. Lúc đức Câu Lưu Tôn Phật xuất thế lời Phật dạy gọi là trống Cam-lồ . Lúc đức Phật Câu Na Hàm Mâu Ni xuất thế lời Phật dạy gọi là Pháp cảnh.

Lúc đức Phật Ca Diếp xuất thế lời Phật dạy gọi là Phân biệt không.

Như trên đây gọi là Y Đế Mục Đa Dà kinh (bổn sự).

Những gì là Xà Đà Dà ? Lệ như đức Phật xưa kia làm vị Bồ Tát tu khổ hạnh. Như Phật nói : Nầy các Tỳ kheo ! Thuở quá khứ ta từng làm nai, làm gấu, làm cheo, làm thỏ, làm quốc vương, làm Chuyển Luân Thánh Vương, làm rồng, làm kim súy điểu v.v… Như trên đây gọi là Xa Đà Dà kinh (bổn sanh).

Những gì là Tỳ Phật Lược ? Tức là những kinh điển thuộc về Đại thừa Phương đẳng nghĩa lý rộng lớn dường như hư không (phương quảng).

Những gì là vị tằng hữu ? Lệ như lúc đức Bồ Tát mới sanh không ai đỡ dắt mà tự đi bảy bước, phóng quang minh lớn ngó khắp mười phương. Lệ như con vượn tay bưng bát mật dâng cúng đức Như Lai,. Lệ như chó cổ trắng đến bên Phật nghe pháp. Lệ như ma vương Ba Tuần biến làm trâu xanh đi trong bát sành, làm cho các bát sành đụng chạm lẫn nhau mà không nứt bể. Lệ như Phật lúc mới sanh lúc vào thiên miếulàm cho thiên tượng đứng dậy bước xuống đảnh lễ.

Những đoạn kinh như trên đây gọi là Vị Tằng Hữu kinh.

Những gì là Ưu Ba Đề Xá ? Lệ như đức Phật lúc nói kinh hoặc luận nghĩa cùng phân biệt giảng rộng biện luận các tướng mạo, đây gọi là Ưu Ba Đề Xá kinh (luận nghị).

Bồ Tát nếu có thể rõ biết mười hai bộ kinh như vậy thời gọi là biết pháp.

Bồ Tát Ma Ha Tát như thế nào gọi là biết nghĩa ? Nếu Bồ Tát ở nơi tất cả văn tự ngữ ngôn biết rộng những ý nghĩa thời gọi là biết nghĩa.

Bố Tát Ma Ha Tát thế nào là biết giờ ? Bồ Tát khéo biết trong những giờ như vậy có thể tu tịch tịnh, trong những giờ như vậy có thể tu tinh tấn, trong những giờ như vậy có thể tu xả định, trong những giờ như vậy có thể cúng dường Phật, trong những giờ như vậy có thể cúng dường Sư trưởng, trong những giờ như vậy có thể tu hạnh bố thí, trì giới nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, đầy đủ Bát Nhã Ba La Mật. Như trên đây gọi là biết giờ.

Bồ Tát Ma Ha Tát như thế nào gọi là tri túc ?

Bồ Tát biết đủ đối với những việc dưới đây :Uống ăn, y phục, thuốc men, đi, đứng, ngồi, nằm, ngủ, thức, nói, nín. Như trên đây gọi là tri túc.

Bồ Tát Ma Ha Tát như thế nào gọi là biết mình ? Vị Bồ Tát nầy tự biết rằng ta có đức tin như vậy, có giới như vậy, có đa văn như vậy, có xả như vậy, có huệ như vậy, có đi đến như vậy, có chánh niệm như vậy, có hạnh lành như vậy, hỏi như vậy, đáp như vậy, như trên đây gọi là biết mình.

Bồ Tát Ma Ha Tát như thế nào gọi là biết người ? Bồ Tát nầy biết những người đây là hàng Sát Đế Lợi, là hàng Bà La Môn, là hàng Cư Sĩ, là hàng Sa Môn. Nên ở trong chúng nầy đi đến như vậy, ngồi đứng như vậy, thuyết pháp như vậy, hỏi đáp như vậy. Như trên đây gọi là biết người.

Bồ Tát Ma Ha Tát thế nào gọi là biết người bực tôn bực ty ? Người có hai hạng : Một là có tín tâm, hai là chẳng có tín tâm. Bồ Tát phải biết người có tín tâm thời là người lành, người chẳng có tín tâm thời chẳng gọi là người lành.

Người có tín tâm lại có hai hạng: Một là người thường đến chùa chiền, hai là người chẳng đến chùa, Bồ Tát phải biết người đến chùa là lành, người chẳng đến chùa thời chẳng gọi là lành.

Người đến chùa lại có hai hạng : Một là lễ bái, hai là chẳng lễ bái, Bồ Tát phải biết người lễ bái là lành, người chẳng lễ bái thời chẳng gọi là lành.

Người lễ bái lại có hai hạng : Một là nghe pháp, hai là chẳng nghe pháp. Bồ Tát phải biết người nghe pháp là lành, người chẳng nghe pháp thời chẳng gọi là lành.

Người nghe pháp lại có hai hạng : Một là hết lòng lóng nghe, hai là chẳng hết lòng. Bồ Tát phải biết người hết lòng nghe thời gọi là lành, người chẳng hết lòng nghe thời chẳng gọi là lành.

Hết lòng nghe pháp lại có hai hạng : Một là suy gẫm ý nghĩa, hai là chẳng suy gẫm ý nghĩa. Bồ Tát phải biết người gẫm nghĩa là lành, người chẳng gẫm nghĩa thời chẳng gọi là lành.

Người gẫm nghĩa lại có hai hạng : Một là đúng như lời nói thật hành, hai là chẳng thật hành đúng như lời nói. Người thật hành gọi là lành, người chẳng thật hành thời chẳng gọi là lành.

Thật hành đúng như lời nói lại có hai hạng : Một là cầu quả Thanh Văn chẳng có thể lợi ích an lạc tất cả chúng sanh khổ não, hai là hồi hướng Đại thừa vô thượng, lợi ích mọi người làm cho đặng an lạc. Bồ Tát phải biết lợi ích mọi người làm cho đặng an lạc là điều lành vô thượng.

Nầy Thiện nam tử ! Như trong các châu báu, như ý bảo châu tốt đẹp hơn tất cả. Như trong các mùi vị, chất cam lồ là hơn hết. Bồ Tát nầy ở nơi trong hàng trời người là bực hơn tất cả không gì ví dụ được.

Như trên đây gọi là bực Đại Bồ Tát trụ nơi kinh Đại Thừa Đại Niết Bàn an trụ nơi bảy pháp lành. Bồ Tát trụ nơi bảy pháp lành nầy thời đặng đầy đủ phạm hạnh.

Nầy Thiện nam tử ! Lại có phạm hạnh gọi là từ, bi, hỷ, xả.

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : " Thế Tôn ! Nếu người tu hạnh từ có thể dứt sân khuể. Người tu lòng bi cũng dứt được sân khuể. Sao lại nói là bốn tâm vô lượng. Xét theo nghĩa đó thời lẽ ra chỉ có ba.

Thế Tôn ! Lòng từ có ba duyên : Một là duyên chúng sanh, hai là duyên nơi pháp, ba thời duyên không. Lòng bi, hỷ, xả, cũng ba duyên như vậy, nếu theo nghĩa nầy thời lẽ ra chỉ có ba chẳng nên có bốn .

Duyên chúng sanh là duyên nơi thân ngũ ấm nguyện cho họ được vui. Duyên nơi pháp là những vật chúng sanh cần dùng đem ban cho họ. Không duyên tức là duyên nơi Như-Lai.

Lòng từ thời phần nhiều duyên nơi chúng sanh nghèo cùng. Đức Như Lai Đại Sư lìa hẳn sự nghèo cùng hưởng sự vui đệ nhứt. Nếu duyên chúng sanh thời chẳng duyên nơi Phật, Pháp cũng như vậy. Vì do nghĩa nầy nên duyên Như Lai gọi là không duyên.

Thế Tôn ! Lòng từ duyên tất cả chúng sanh, như duyên cha mẹ, vợ con, thân thuộc. Do nghĩa nầy nên gọi là chúng sanh duyên.

Pháp duyên là chẳng thấy cha mẹ, vợ con, thân thuộc. Thấy tất cả pháp đều từ nơi duyên sanh ra. Đây gọi là pháp duyên.

Vô duyên là chẳng trụ nơi pháp tướng và chúng sanh tướng.

Từ, bi, hỷ, xả, đều duyên như vậy, vì thế nên lẽ ra chỉ có ba chẳng nên có bốn.

Thế Tôn ! Người có hai hạng : Một là kiến hành, hai là ái hành. Người kiến hành nhiều tu từ bi, người ái hành nhiều tu hỉ xả. Vì thế nên đáng lẽ có hai chẳng nên có bốn.

Thế Tôn ! Luận về vô lượng gọi là vô biên. Vì chẳng thể được biên bờ nên gọi là vô lượng. Nếu là vô lượng thời lẽ ra nên có một chẳng nên nói là bốn.

Nếu nói là bốn đâu đặng vô lượng. Vì thế nên là một chẳng nên là bốn vậy".

Phật bảo Ca Diếp Bồ Tát : " Nầy Thiện nam tử ! Chư Phật Như Lai vì mọi loài chúng sanh mà giảng nói pháp yếu. Lời của Phật bí mật khó hiểu biết

được. Hoặc vì chúng sanh nói một nhơn duyên. Như nói những gì là một nhơn duyên tức là tất cả pháp hữu vi.

Hoặc nói hai thứ là nhơn cùng quả.

Hoặc nói ba thứ là phiền não, nghiệp và khổ.

Hoặc nói bốn thứ là vô minh, hành, sanh, và lão tử.

Hoặc nói năm thứ là thọ, ái, thủ, hữu và vô sanh.

Hoặc nói sáu thứ là nhơn quả ba đời.

Hoặc nói bảy thứ là thức, danh sắc, lục nhập xúc, thọ, ái, và thủ. Hoặc nói tám thứ là trong mười hai nhơn duyên trừ vô minh, hành, sanh và lão tử.

Hoặc nói chín thứ như trong Thánh kinh nói mười hai nhơn duyên trừ vô minh, hành và thức.

Hoặc nói mười một thứ như trong kinh Tát Giá Ni Kiền Tử nói mười hai nhơn duyên trừ sanh.

Hoặc có lúc nói đủ cả mười hai nhơn duyên. Như nơi thành Vương Xá vì Ca Diếp v.v… nói vô minh nhẫn đến sanh, lão, bịnh, tử.

Nầy Thiện nam tử ! Như một nhơn duyên vì chúng sanh nên phân biệt nhiều thứ, vô lượng tâm cũng như vậy.

Nầy Thiện nam tử ! Vì do nghĩa nầy đối với hạnh thâm mật của Như Lai chẳng nên sanh nghi.

Đức Như Lai có phương tiện lớn : Vô thường nói là thường, thường nói là vô thường, nói vui là khổ, nói khổ là vui, bất tịnh nói là tịnh, tịnh nói là bất tịnh, ngã nói là vô ngã, vô ngã nói là ngã, nơi vô tình nói là hữu tình, nơi hữu tình nói là vô tình, chẳng phải vật nói là vật, vật nói là chẳng phải vật, chẳng phải thiệt nói là thiệt, thiệt nói là chẳng phải thiệt, chẳng phải cảnh nói là cảnh, cảnh nói là chẳng phải cảnh, chẳng phải sanh nói là sanh, sanh nói là chẳng phải sanh, nhẫn đến vô minh nói là minh, minh nói là vô minh, sắc nói là chẳng phải sắc, chẳng phải sắc nói là sắc, chẳng phải đạo nói là đạo, đạo nói là chẳng phải đạo. Nầy thiện nam tử ! Đức Như Lai vì điều phục chúng sanh dùng vô lượng phương tiện như vậy há lại là hư vọng ư !

Hoặc co ùchúnh sanh tham của cải, đối với người đó ta tự hóa thân mình làm vua Chuyển Luân, theo chỗ cần dùng của người đó cung cấp các thứ vật dụng trong nhiều năm, rồi sau giáo hoá nó, cho nó được trụ nơi vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Nếu có chúng sanh tham đắm ngũ dục, trong nhiều năm ta đem ngũ dục cung cấp nó, rồi sau khuyến hoá, cho nó trụ nơi vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Nếu có chúng sanh sang giàu, thời ta trong nhiều năm vì người đó mà làm tôi tớ hầu hạ cho người đó vừa lòng, rồi sau khuyến hoá người đó trụ nơi vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Nếu có chúng sanh cứng cỏi tự thị cần có người can gián, thời ta trong nhiều năm can ngăn khuyên dạy, làm cho tâm người đó điều thuận rồi sau khuyến hoá người đó trụ nơi vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Nầy Thiện nam tử ! Đức Như Lai trong vô lượng năm dùng mọi thứ phương tiện làm cho chúng sanh được trụ nơi vô thượng chánh đẳng chánh giác như vậy há lại hư vọng ư !

Chư Phật Như Lai dầu ở trong chỗ ác nhưng như hoa sen không bị nhiễm ô.

Nầy Thiện nam tử ! Nên biết nghĩa của bốn tâm vô lượng cũng như vậy, tâm vô lượng nầy thể tánh có bốn. Nếu có người tu hành thời sanh lên cõi trời Đại Phạm.

Tâm vô lượng nầy có bốn loại, nên nói là bốn.

Luận về người tu lòng từ có thể dứt tham dục. Người tu lòng bi có thể dứt sân khuể. Người tu lòng hỷ có thể dứt sự chẳng vui. Người tu lòng xả có thể dứt tham dục và sân khuể.

Nầy Thiện nam tử ! Do nghĩa nầy nên được gọi là bốn, chẳng phải một, hai cũng chẳng phải ba.

Nầy Thiện nam tử ! Như lời ông nói lòng từ có thể dứt được sân, lòng bi cũng như vậy nên nói là ba đó, ông chẳng nên nạn như vậy. Sân khuể có hai thứ : Một là giết chết, hai là đánh đập. Tu lòng từ thời dứt được sự giận giết chết. Tu lòng bi thời dứt được sự giận đánh đập. Do nghĩa đó há lại chẳng phải là bốn ư !

Sân lại có hai thứ : Một là sân với chúng sanh, hai là sân với chẳng phải chúng sanh. Người tu lòng từ dứt được sự sân với chúng sanh. Người tu lòng bi dứt được sự sân với chẳng phải chúng sanh.

Sân lại có hai thứ : Một là có nhơn duyên, hai là không nhơn duyên.

Tu lòng từ dứt được sự sân có nhơn duyên. Tu lòng bi dứt được sự sân không nhơn duyên.

Sân lại có hai thứ : Một là tập quán quá khứ, hai là tập quán hiện tại, tu lòng từ dứt được sân quá khứ. Tu lòng bi dứt được sân hiện tại.

Sân lại có hai thứ : Một là sân thánh nhơn hai là sân phàm phu. Tu lòng từ dứt được sân thánh nhơn. Tu lòng bi dứt được sân phàm phu.

Sân lại có hai thứ : Một là thượng hai là trung. Tu lòng từ dứt được sân hạng thượng. Tu lòng bi dứt được sân hạng trung.

Nầy Thiện nam tử !Do nghĩa nầy nên gọi là bốn, đâu đặng nạn rằng : Nên ba chẳng nên bốn. Thế nên tâm vô lượng nầy loại của nó đối nhau phân biệt làm bốn.

Lại do vì căn khí nên thành bốn : Căn khí nếu có tâm từ thời chẳng đặng có tâm bi, hỷ, xả. Vì do nghĩa nầy nên phải là bốn không bớt được.

Nầy Thiện nam tử ! Do thật hành sai khác nên phải có bốn. Nếu lúc thật hành hạnh từ không có hạnh bi, hỷ, xả, vì thế nên cóø bốn.

Nầy Thiện nam tử ! Do vì vô lượng cũng đặng gọi là bốn. Luận về vô lượng thì có bốn thứ : Có tâm vô lượng, có duyên chẳng tự tại, có tâm vô lượng tự tại, chẳng phải duyên, có tâm vô lượng cũng duyên cũng tự tại, có tâm vô lượng chẳng phải duyên chẳng phải tự tại.

Thế nào là tâm vô lượng có duyên chẳng tự tại ? Duyên nơi vô lượng vô biên chúng sanh mà chẳng đặng chánh định tự tại, dầu đặng chánh định nhưng hoặc đặng hoặc mất.

Thế nào là tâm vô lượng tự tại chẳng phải duyên ? Như duyên cha mẹ, anh em, chị em, muốn làm cho được an vui, chẳng phải là duyên vô lượng.

Thế nào là tâm vô lượng cũng duyên cũng tự tại ? Tức là nói chư Phật Bồ Tát.

Thế nào tâm vô lượng chẳng phải duyên chẳng tự tại ? Hàng Thanh Văn Duyên Giác chẳng có thể duyên rộng vô lượng chúng sanh cũng chẳng phải tự tại.

Nầy Thiện nam tử ! Do nghĩa đây nên gọi là bốn thứ vô lượng, chẳng phải hàng Thanh Văn Duyên Giác biết được, đây là cảnh giới của chư Phật.

Bốn thứ vô lượng như vậy, hàng Thanh Văn Duyên Giác dầu gọi là vô lượng, nhưng chỉ chút ít không đáng kể. Chư Phật và Bồ Tát thời đặng gọi là vô lượng vô biên.

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : " Thế Tôn ! Phải lắm ! Phải lắm ! Thiệt đúng như lời dạy của Phật. Bao nhiêu cảnh giới của Như Lai, chẳng phải hàng Thanh Văn Duyên Giác biết đến được. Thế Tôn ! Có Bồ Tát nào trụ nơi Đại thừa Đại Niết Bàn đặng tâm từ bi mà chẳng phải là tâm đại từ đại bi chăng ?"

Phật nói : " Có. Nầy Thiện nam tử ! Bồ Tát nếu đối trong hàng chúng sanh phân biệt ba hạng : Một là người thân yêu, hai là kẻ oán ghét, ba là người không thương không ghét. Đối trong những người thương yêu lại chia ba hạng : Thượng, trung, hạ. Đối với kẻ oán ghét cũng vậy. Vị Bồ Tát nầy ở trong hạng thương yêu bực thượng ban cho sự vui tăng thượng. Nơi trong hạng thân yêu bực trung, bực hạ cũng bình đẳng ban cho sự vui tăng thượng,. Ở nơi trong hạng oán ghét bực thượng cho ít phần vui. Nơi trong kẻ oán ghét bực trung cho sự vui vừa vừa. Nơi trong hạng oán ghét bực hạ cho sự vui tăng thượng. Bồ Tát lần lượt tu tập thêm lên như vậy, ở trong hạng oán ghét bực thượng ban cho sự vui vừa vừa, trong hạng oán ghét bực trung, bực hạ bình đẳng cho sự vui tăng thượng. Lại tu tập thêm nơi những kẻ oán ghét thượng, trung, hạ bình đẳng ban cho sự vui tăng thượng.

Nếu trong hạng oán ghét bực thượng ban cho sự vui tăng thượng, bấy giờ đặng gọi là thành tựu tâm từ.

Lúc bấy giờ Bồ Tát đối với cha mẹ là kẻ oán ghét bực thượng tâm được bình đẳng không sai khác.

Nầy Thiện nam tử ! Như trên đây gọi là đặng tâm từ chẳng phải tâm đại từ.

_ Bạch Thế Tôn ! Do duyên gì Bồ Tát đặng tâm từ như vậy mà vẫn chẳng đặng gọi là đại từ ?

_ Nầy Thiện nam tử ! Bởi vì khó thành nên chẳng gọi đại từ. Do trong vô lượng kiếp thuở quá khứ chứa nhiều phiền não chưa tu pháp lành, thế nên chẳng có thể ở nơi trong một ngày điều phục được tâm mình.

Nầy Thiện nam tử ! Ví như hột đậu đá lúc đã khô lấy dùi ghim trọn không dính được. Phiền não cứng rắn cũng như vậy. Dầu một ngày đêm nhiếp tâm chẳng tán, nhưng khó điều phục được.

Lại như chó nhà chẳng sợ người, còn con nai rừng thấy người sợ chạy. Sân khuể khó trừ như giữ chó nhà, lòng từ dễ mất như nai rừng kia. Thế nên tâm nầy khó điều phục được. Do nghĩa nầy nên chẳng gọi là đại từ.

Nầy Thiện nam tử ! Ví nhu khắc trên đá lằn chữ còn mãi. Vẽ trên nước thời chóng mất. Sân như khắc trên đá. Các căn lành như vẽ trên nước. Vi thế nên tâm nầy khó điều phục được.

Như đống lửa lớn chói sáng được lâu. Ánh sáng của điện chớp thoạt có, liền mất. Sân như đống lửa. Lòng từ như ánh sáng chớp. Vì thế nên tâm nầy khó điều phục được. Do vì nghĩa nầy nên chẳng gọi là đại từ.

Nầy Thiện nam tử ! Bồ Tát trụ bực sơ địa gọi là đại từ. Tại sao vậy ? Vì người tột hung ác gọi là nhứt xiển đề.

Bực Sơ địa Bồ Tát lúc tu Đại thừa nơi hạng nhứt xiển đề tâm không phân biệt chẳng thấy lỗi của họ nên chẳng sanh lòng sân. Do nghĩa nầy mà đặng gọi là đại từ.

Nầy Thiện nam tử ! Vì trừ những sự không lợi ích cho các chúng sanh, đây gọi là đại từ.

Muốn cho chúng sanh được vô lượng lợi ích an vui, đây gọi là đại bi.

Đối với các chúng sanh sanh lòng vui mừng đây gọi là đại hỷ. Không thấy có chúng sanh được ủng hộ, đây gọi là đại xả.

Nếu chẳng thấy có ngã, pháp tướng, thân mình, thấy tất cả pháp đều bình đẳng không sai khác, đây gọi là đại xả. Tự rời bỏ sự vui của mình mà đem ban cho người khác, đây gọi là đại xả,

Nầy Thiện nam tử ! Chỉ có bốn tâm vô lượng có thể làm cho Bồ Tát được đầy đủ sáu pháp Ba La Mật, những công hạnh khác chẳng quyết định được như vậy.

Nầy Thiện nam tử ! Bồ Tát trước đặng bốn tâm vô lượng thế gian, vậy sau mới phát tâm vô thượng Bồ Đề, kế đó mới đặng tâm vô lượng xuất thế. Nhơn tâm vô lượng thế gian mà được tâm vô lượng xuất thế do vì nghĩa nầy nên gọi là đại vô lượng".

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : " Thế Tôn ! Trừ sự không lợi ích cùng sự lợi ích an vui thiệt không còn có việc gì để làm. Suy nghĩ như vậy thời là hư vọng quán sát không có lợi ích thiết thiệt.

Thế Tôn ! Ví như Tỳ kheo lúc quán bất tịnh thấy y của mình đắp đều trở thành tướng da mà thiệt chẳng phải là da. Những thức uống ăn đều thấy thành tướng dòi trùng mà thiệt chẳng phải dòi trùng. Quán bát canh đậu thành tướng phân dãi mà thiệt chẳng phải phân.

Quán dầu bơ đương ăn thấy như tủy óc mà thiệt chẳng phải óc.

Quán xương nát bể dường như bột bún, mà thiệt chẳng phải bột.

Cũng vậy, bốn tâm vô lượng chẳng có thể thiết thực đem sự lợi ích an vui cho chúng sanh. Dầu miệng nói rằng ban vui cho chúng sanh mà thiệt chúng sanh chẳng được vui. Tu quán như vậy chẳng phải là hư vọng ư !

Thế Tôn ! Nếu chẳng phải hư vọng mà thiệt ban cho sự vui, cớ sao chúng sanh chẳng nhờ oai lực của chư Phật Bồ Tát đặng hoàn toàn an vui tất cả.

Còn nếu quả là thiệt chẳng được an vui đó, như lời Phật nói : Ta nhớ thuở trước riêng tu tâm từ, trãi qua bảy phen thành hoại của cõi nầy chẳng đến sanh trong nhơn gian, lúc thế giới thành sanh lên trời Phạm Thiên. Lúc thế giới hoại sanh lên trời Quang Aâm. Khi sanh lên trời Phạm Thiên ta có oai thế tự tại tôn quí hơn hết trong ngàn cõi Phạm Thiên gọi là Đại Phạm Vương. Nếu các chúng sanh đối với ta đều tưởng là bực tôn thượng thời được làm vua cõi trời Đao Lợi ba mươi sáu lần. Làm vua Chuyển Luân vô lượng trăm ngàn lần.

Riêng tu lòng từ bèn đặng phước báu cõi trời cõi người như vậy. Nếu chẳng thiệt được lợi ích làm sao hiệp với nghĩa nầy ?"

Phật nói : “ Lành thay ! Lành thay ! Nầy Thiện nam tử ! Ông thiệt là dũng mãnh không e sợ.

Phật liền vì Ca Diếp Bồ Tát mà nói kệ rằng :

Đối với một chúng sanh, Chẳng sanh lòng giận hờn, Mà muốn ban cho vui, Đây gọi là từ thiện. Trong tất cả chúng sanh, Nếu sanh được lòng bi, Gọi là thành chủng tánh, Đặng phước báo vô lượng. Giả sử Tiên Ngũ thông, Đông khắp mặt đất nầy, Có vua chúa tự tại, Dâng cấp đủ đồ dùng : Voi, ngựa, các vật dụng, Thí cho Tiên được phước, Chẳng bằng tu lòng từ, Trong một phần mười sáu.

Nầy Thiện nam tử ! Luận về người tu lòng từ thiệt chẳng phải vọng tưởng, mà chắc chắn là chơn thật. Nếu là lòng từ của Thanh Văn Duyên Giác thời gọi là hư vọng. Chư Phật Bồ Tát lòng từ chơn thật chẳng hư vọng. Do đâu mà biết như vậy ? Nầy Thiện nam tử ! Bồ Tát tu hành Đại Niết Bàn. Quán đất làm vàng, quán vàng làm đất, quán mặt đất thành tướng nước, quán mặt nước thành tướng đất, nước quán thành lửa, lửa quán thành nước, đất quán thành gió, gió quán thành đất, tùy ý thành tựu không có hư vọng. Quán chúng sanh thiệt thành chẳng phải chúng sanh, quán chẳng phải chúng sanh thành chúng sanh thiệt, đều tùy ý mà thành không có hư vọng.

Nầy Thiện nam tử ! Nên biết bốn tâm vô lượng của Bồ Tát là sự tư duy chân thật chẳng phải không chân thật.

Nầy Thiện nam tử ! Thế nào gọi là tư duy chơn thật ? Do vì có thể dứt trừ các phiền não vậy. Luận về tu lòng từ có thể dứt được tham dục, tu lòng bi có thể dứt được sân khuể. Tu lòng hỷ có thể dứt được sự chẳng vui vẻ. Tu lòng xả có thể dứt được tham dục, sân khuể và tướng chúng sanh.

Vì thế nên gọi là tư duy chơn thật.

Nầy Thiện nam tử ! Bốn tâm vô lượng của Bồ Tát có thể làm cội gốc cho tất cả hạnh lành.

Bồ Tát nếu chẳng thấy được chúng sanh nghèo cùng thời không duyên để sanh lòng từ. Nếu lòng từ chẳng sanh thời không thể khởi tâm huệ thí. Do nhơn duyên huệ thí làm cho chúng sanh đặng an vui. Ban cho những đồ uống ăn , xe cộ, y phục, hoa hương, giường ghế, nhà cửa, đèn đuốc. Lúc ban cho như vậy, lòng cởi mở chẳng sanh niệm tham đắm, quyết định hồi hướng vô thượng chánh đẳng, chánh giác. Lúc đó tâm của Bồ Tát không dừng ở

chỗ nào, dứt hẳn vọng tưởng, chẳng kẹt nơi sợ sệt, danh dự, tài lợi, chẳng cầu quả báo vui sướng cõi trời cõi người, chẳng kiêu mạn, chẳng trông người trả ơn, chẳng vì phỉnh người mà làm việc bố thí, chẳng cầu giàu sang.

Phàm lúc làm việc bố thí, chẳng thấy người thọ là trì giới hay phá giới, là phước điền hay chẳng phải phước điền, là hàng tri thức hay chẳng phải tri thức, lúc bố thí cũng chẳng thấy là căn khí hay chẳng phải căn khí, chẳng lựa ngày giờ, chẳng chọn chỗ nơi, cũng chẳng tính là lúc được mùa hay đói kém, chẳng thấy nhơn quả chẳng phân biệt là chúng sanh hay chẳng phải chúng sanh, là phước hay chẳng phải phước.

Dầu lại chẳng thấy người thí kẻ thọ cùng của cải nhẫn đến chẳng thấy nhân tu cùng quả báo, mà luôn luôn làm việc bố thí không ngừng.

Nầy Thiện nam tử ! Bồ Tát nếu thấy người lãnh thọ là trì giới hay phá giới v.v… nhẫn đến thấy có quả báo thời chẳng thể bố thí trọn vẹn. Nếu chẳng bố thí trọn vẹn thời không thể đầy đủ đàn ba la mật. Nếu chẳng đầy đủ đàn ba la mật thời không thể thành vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Nầy Thiện nam tử ! Ví như có người thân bị trúng tên độc. Quyến thuộc của người đó vì muốn cho người đó được an ổn liền mời lương y đến để nhổ tên độc.

Người đó nói đừng động đến chờ tôi quan sát coi mũi tên độc nầy từ phương nào bay đến, của ai bắn, người bắn là dòng nào : Là Sát Đế Lợi hay Bà La Môn, là Tỳ Xá hay Thủ Đà. Nghiệm coi mũi tên làm bằng cây, bằng tre hay bằng gỗ liễu. Mũi sắt từ lò nào rèn, cứng hay mềm, đuôi lông và lông cánh chim gì, chim quạ hay kên kên. Chất độc tẩm trong mũi tên tự nhiên mà có hay chế ra, là độc của loài người hay độc của loài rắn.

Người ngu si đó chưa biết được mà đã chết.

Nầy Thiện nam tử ! Cũng vậy, Bồ Tát nếu lúc làm việc bố thí phân biệt người thọ là trì giới hay phá giới, nhẫn đến phân biệt quả báo, thời chẳng bố thí trọn vẹn

Nếu chẳng bố thí trọn vẹn thời chẳng đầy đủ đàn ba la mật. Nếu chẳng đầy đủ đàn ba la mật thời chẳng đặng thành vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Nầy Thiện nam tử ! Lúc làm việc bố thí Bồ Tát đối với chúng sanh lòngtừ bình đẳng tưởng như con mình. Lại lúc làm việc bố thí, đối với các chúng

sanh Bồ Tát sanh lòng thương xót như cha mẹ săn sóc đứa con đang đau ốm. Lúc làm việc bố thí, lòng Bồ Tát vui mừng như cha mẹ thấy con lành mạnh.

Sau khi đã bố thí lòng Bồ Tát buông bỏ như cha mẹ thấy con khôn lớn đã có thể tự sanh sống.

Vị Bồ Tát nầy ở trong tâm từ, lúc bố thí thức ăn thường nguyện như vầy : Nay những đồ ăn của ta bố thí đều cho chung tất cả chúng sanh, do nhơn duyên nầy làm cho chúng sanh đặng có trí huệ lớn, siêng tu hồi hướng đại thừa vô thượng. Nguyện các chúng sanh đặng có trí lành chẳng cầu báo Thanh Văn và Duyên Giác. Nguyện các chúng sanh đặng món ăn pháp hỷ chẳng cầu món ăn ái nhiễm. Nguyện các chúng sanh đều đặng món ăn Bát Nhã Ba La Mật, đều được đầy đủ phương tiện vô ngại, thêm lớn căn lành. Nguyện các chúng sanh hiểu thấu tướng vô đắc, thân vô ngại dường như hư không. Nguyện các chúng sanh thường làm người lãnh thọ, thương xót tất cả mọi loài mà làm phước điền cho chúng.

Nầy Thiện nam tử ! Lúc tu lòng từ khi đem thức ăn bố thí nên phải phát những điều nguyện như trên.

Nầy Thiện nam tử ! Lúc bố thí các thức uống, Bồ Tát ở trong lòng từ nên nguyện rằng : Những thức uống bố thí hôm nay ta đều cho tất cả chúng sanh chung hưởng, do nhơn duyên nầy làm cho chúng sanh đến sông Đại Thừa uống nước bát vị mau lên đường Vô Thượng Bồ Đề, rời khỏi sự khô khát của Thanh Văn Duyên Giác mà khát ngưỡng cầu Phật thừa vô thượng, dứt khát phiền não mà khát ngưỡng pháp vị. Rời niệm ưa sanh tử mà ưa thích Đại Thừa Đại Niết Bàn đầy đủ pháp thân đặng các tam muội vào nơi biển lớn trí huệ rất sâu. Nguyện các chúng sanh đặng vị cam lồ trí giác xuất thế ly dục tịch tịnh. Nguyện các chúng sanh đầy đủ vô lượng trăm ngàn pháp vị. Đủ pháp vị rồi đặng thấy Phật tánh. Thấy Phật tánh rồi có thể rưới mưa pháp. Rưới mưa pháp rồi Phật tánh trùm khắp dường như hư không. Lại làm cho vô lượng chúng sanh khác đặng pháp vị duy nhứt tức là Đại thừa , chẳng phải vị sai biệt Thanh Văn và Duyên Giác. Nguyện các chúng sanh chỉ cầu pháp vị Phật tánh vô ngại, chẳng cầu những vị khác.

Nầy Thiện nam tử ! Lúc bố thí các thức uống trong tâm từ Bồ Tát phải phát những nguyện như vậy.

Nầy Thiện nam tử ! Lúc bố thí xe cộ Bồ Tát ở trong tâm từ nên nguyện rằng : Những đồ của tôi bố thí hôm nay đều cho chúng sanh chung hưởng. Do nhơn duyên nầy khiến tất cả chúng sanh trọn nên Đại thừa, trụ nơi Đại thừa,

bất thối Đại thừa, bất động chuyển thừa, kim cang tòa thừa. Chẳng cầu thừa Thanh Văn Duyên Giác, chỉ hồi hướng nơi Phật thừa vô thượng.

Bồ Tát ở trong tâm từ lúc bố thí xe cộ nên phải phát nguyện như vậy.

Nầy Thiện nam tử ! Lúc bố thí y phục Bồ Tát ở trong tâm từ nên nguyện rằng : Những đồ bố thí của ta hôm nay đều cho tất cả chúng sanh chung hưởng, do nhơn duyên nầy làm cho chúng sanh đặng y phục tàm quý. Pháp giới che thân xé rách y phục kiến chấp. Y phục rời thân một thước sáu tấc, đặng thân sắc vàng chạm xúc êm dịu, màu sắc nhuần láng, da thứa mịn màng, chiếu sáng vô lượng : Không sắc, rời nơi sắc. Nguyện các chúng sanh tất cả đều đặng thân không sắc vượt tất cả sắc, đặng chứng nhập Đại Niết Bàn không sắc.

Lúc bố thí y phục Bồ Tát ở trong tâm từ nên phát nguyện như vậy.

Nầy Thiện nam tử ! Lúc bố thí hoa hương, hương thoa, hương bột, các hương thơm, trong tâm từ Bồ Tát nên nguyện rằng : Những đồ bố thí của ta hôm nay đều cho tất cả chúng sanh chung hưởng. Do nhơn duyên nầy làm cho tất cả chúng sanh đều được bông tam muội của Phật, tràng hoa thất giác chi tốt đẹp vấn trên đầu của chúng. Nguyện các chúng sanh thân hình xinh đẹp như trăng tròn, các màu sắc được thấy diệu mầu đệ nhứt. Nguyện các chúng sanh đều thành tướng trăm phước trang nghiêm. Nguyện các chúng sanh tùy ý đặng thấy màu sắc vừa ý. Nguyện các chúng sanh thường gặp bạn lành đặng hương vô ngại rời những hôi nhơ. Nguyện các chúng sanh, đầy đủ căn lành trân bảo vô thượng. Nguyện các chúng sanh nhìn nhau hòa vui không có. lo khổ, đầy đủ hạnh lành. Nguyện các chúng sanh trọn đủ giới hương. Nguyện các chúng sanh trì giới vô ngại mùi thơm ngạt ngào khắp cả mười phương. Nguyện các chúng sanh, đặng giới bền chắc, đặng giới không nghi hối đặng giới nhứt thế trí, rời các sự phá giới, đều đặng giới không, giới chưa từng có, giới vô sư, giới vô tác, giới không ô nhiễm, giới hoàn toàn, giới rốt ráo, giới bình đẳng. Lấy hương xoa nơi thân xem đồng như chém đâm không có ưa cùng ghét. Nguyện các chúng sanh đặng giới vô thượng, giới Đại thừa, chẳng phải giới Tiểu thừa. Nguyện các chúng sanh đều đặng đầy đủ Thi Ba La Mật, như chư Phật thành tựu giới độ. Nguyện các chúng sanh đều được huân tu hạnh bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ. Nguyện các chúng sanh đều đặng trọn nên hoa sen vi diệu Đại Niết Bàn. Hoa đó mùi thơm khắp cả mười phương. Nguyện các chúng sanh thuần ăn cơm thơm vô thượng Đại Thừa Đại Niết Bàn. Như con ong hút hoa chỉ

lấy vị mật. Nguyện các chúng sanh đều đặng thành tựu thân vô lượng công đức.

Lúc bố thí hoa hương Bồ Tát ở trong tâm từ nên phải phát nguyện như vậy.

Nầy Thiện nam tử ! Lúc bố thí giường chiếu, Bồ Tát ở trong tâm từ nên phát nguyện rằng : Những giường chiếu của tôi hôm nay cho tất cảchúng sanh chung hưởng. Do nhơn duyên nầy làm cho chúng sanh đặng giường nằm của bực trời ở trong các trời, đặng trí huệ lớn ngồi tứ thiền, nằm ở nơi giường của Bồ Tát, chẳng nằm nơi giường của Thanh Văn, Bích Chi Phật là giường nằm thô ác. Nguyện cho chúng sanh đặng giường an lạc, lìa giường sanh tử thành tựu giường sư tử Đại Niết Bàn.

Nguyện cho các chúng sanh ngồi trên giường nầy rồi, lại vì vô lượng chúng sanh khác thị hiện thần thông sư tử du hí. Nguyện các chúng sanh trụ trong cung điện lớn Đại thừa nầy vì các chúng sanh khác diễn nói Phật tánh.

Nguyện các chúng sanh ngồi trên giường vô thượng chẳng bị pháp thế gian chi phối.

Nguyện các chúng sanh đặng giường nhẫn nhục, rời hẳn sanh tử đói khát lạnh lẽo.

Nguyện các chúng sanh đặng giường vô úy lìa hẳn tất cả giặc phiền não.

Nguyện các chúng sanh đặng giường thanh tịnh chuyên cầu đạo vô thượng chánh chân.

Nguyện các chúng sanh đặng giường pháp lành thường được bạn lành ủng hộ.

Nguyện các chúng sanh đặng giường nằm hông bên hữu, nương nơi pháp của chư Phật đã làm.

Nầy Thiện nam tử ! Bồ Tát lúc bố thí giường chiếu ở trong tâm từ nên phải phát nguyện như vậy.

Nầy Thiện nam tử ! Bồ Tát lúc bố thí nhà cửa ở trong tâm từ thường phát nguyện rằng : Nhà cửa của tôi bố thí hôm nay đều cho tất cả chúng sanh chung hưởng. Do nhơn duyên nầy làm cho các chúng sanh ở nhà Đại thừa, tu hành những hạnh của thiện hữu làm, thật hành hạnh đại bi, hạnh lục độ,

hạnh đại chánh giác, đạo hạnh của tất cả Bồ Tát làm, hạnh rộng lớn vô biên như hư không.

Nguyện các chúng sanh đều đặng chánh niệm, xa lìa niệm ác.

Nguyện các chúng sanh đều đặng an trụ thường, lạc, ngã, tịnh, lìa hẳn bốn thứ điên đảo.

Nguyện các chúng sanh thảy đều thọ trì nhà xuất thế.

Nguyện các chúng sanh đều là căn khí vô thượng nhứt thiết trí.

Nguyện các chúng sanh đều đặng vào nơi ngôi nhà cam lồ.

Nguyện các chúng sanh trong tất cả tâm thường vào ngôi nhà Niết Bàn.

Nguyện các chúng sanh nơi đời vị lai thường ở cung điện của Bồ Tát ở. Bồ Tát lúc bố thí nhà cửa ở trong tâm từ thường nên phát nguyện như vậy.

Nầy Thiện nam tử ! Bồ Tát lúc bố thí đèn sáng ở trong tâm từ thường nguyện rằng những đèn sáng của tôi bố thí hôm nay đều cho tất cả chúng sanh chung hưởng. Do nhơn duyên nầy làm cho các chúng sanh có vô lượng ánh sáng an trụ nơi Phật pháp.

Nguyện các chúng sanh thường đặng chiếu sáng.

Nguyện các chúng sanh được sắc thân tốt đẹp nhuần sáng đệ nhứt.

Nguyện các chúng sanh đặng con mắt thanh tịnh không có những màn lòa.

Nguyện các chúng sanh đặng đuốc đại trí huệ, khéo hiểu lý vô ngại, không tướng chúng sanh, không tướng nhân, không tướng thọ mạng.

Nguyện các chúng sanh đều đặng nhìn thấy Phật tánh thanh tịnh dường như hư không.

Nguyện các chúng sanh nhục nhãn thanh tịnh thấy suốt hằng hà sa thế giới ở mười phương.

Nguyện các chúng sanh đặng ánh sáng của Phật chiếu khắp mười phương.

Nguyện các chúng sanh đặng con mắt vô ngại đều được thấy Phật tánh thanh tịnh.

Nguyện các chúng sanh đặng trí huệ lớn phá tất cả tối tăm và kẻ nhứt xiển đề.

Nguyện các chúng sanh đặng vô lượng quang minh chiếu vô lượng thế giới của chư Phật.

Nguyện các chúng sanh thắp đèn đại thừa rời đèn nhị thừa.

Nguyện các chúng sanh đặng quang minh dứt trừ tối vô minh hơn công dụng chiếu sáng của ngàn mặt trời.

Nguyện các chúng sanh được ánh sáng hỏa châu, diệt hết những tối tăm của tam thiên đại thiên thế giới.

Nguyện các chúng sanh đầy đủ ngũ nhãn, tỏ ngộ pháp tướng, thành vô sư trí.

Nguyện các chúng sanh không kiến không minh.

Nguyện các chúng sanh đều đặng ánh sáng vi diệu Đại Thừa Đại Niết Bàn, khai thị cho chúng sanh ngộ Phật tánh chơn thật.

Bồ Tát lúc bố thí đèn sáng trong tâm từ thường nên phát nguyện như vậy.

Nầy Thiện nam tử ! Tất cả Thanh Văn Duyên Giác Bồ Tát chư Phật chỗ có căn lành đều do tâm từ làm căn bổn.

Nầy Thiện nam tử ! Bồ Tát tu tập tâm từ, có thể sanh vô lượng căn lành như những quán hạnh : Bất tịnh, sổ tức, vô thường, tứ niệm xứ, bảy phương tiện, ba quán xứ, mười hai nhơn duyên, vô ngã, v.v… Cùng với pháp noãn, pháp đãnh, pháp nhẫn, pháp thế đệ nhứt, kiến đạo, tu đạo, chánh cần, như ý, ngũ căn, ngũ lực, thất bồ đề phần, bát thánh đạo phần, tứ thiền, tứ vô lượng tâm, bát giải thoát, bát thắng xứ, mười nhứt thiết nhập, không, vô tướng, vô nguyện, vô tránh tam muội, tha tâm trí, các thần thông, trí biết bổn tế, trí Thanh Văn, trí Duyên Giác, trí Bồ Tát, trí Phật.

Nầy Thiện nam tử ! Những pháp như vậy tâm từ là căn bổn. Do vì nghĩa đó nên từ là chơn thật chẳng phải là hư vọng.

Nếu có người hỏi gì là căn bổn của tất cả pháp lành ? Nên đáp : Chính là tâm từ. Do vì nghĩa đó nên từ là chơn thật, chẳng phải hư vọng.

Nầy Thiện nam tử ! Người có thể thực hành pháp lành, gọi là thiệt tư duy, người thiệt tư duy, bèn gọi là có tâm từ. Tâm từ chính là Như Lai.

Nầy Thiện nam tử ! Tâm từ tức là Đại thừa, Đại thừa tức là tâm từ, tâm từ tức là Như Lai.

Nầy Thiện nam tử ! Tâm từ tức là đạo Bồ Đề, đạo Bồ Đề tức là tâm từ, tâm từ tức là Như Lai.

Nầy Thiện nam tử ! Tâm từ tức là Đại Phạm, Đại Phạm tức là tâm từ, tâm từ tức là Như Lai.

Nầy Thiện nam tử ! Tâm từ có thể vì tất cả chúng sanh mà làm phụ mẫu, phụ mẫu tức là tâm từ, tâm từ chính là Như Lai.

Nầy Thiện nam tử ! Tâm từ là cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn của chư Phật. Cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn của chư Phật chính là tâm từ. Nên biết tâm từ chính là Như Lai.

NầyThiện nam tử ! Tâm từ chính là Phật tánh của chúng sanh. Phật tánh như vậy từ lâu bị phiền não che đậy nên làm cho chúng sanh chẳng đặng nhìn thấy, Phật tánh tức là tâm từ, tâm từ chính là Như Lai.

Nầy thiện nam tử ! Tâm từ tức là Đại không, Đại không tức là tâm từ, tâm từ tức là Như Lai.

Nầy Thiện nam tử ! Tâm từ tức là hư không, hư không tức là tâm từ, tâm từ tức là Như Lai.

Nầy Thiện nam tử ! Tâm từ tức là thường, thường tức là pháp, pháp tức là tăng. Tăng tức là từ, từ chính là Như Lai.

Và nầy Thiện nam tử ! Tâm từ tức là lạc, lạc tức là pháp, pháp tức là Tăng, Tăng tức là tâm từ, tâm từ tức là Như Lai.

Nầy Thiện nam tử ! Tâm từ tức là tịnh, tịnh tức là pháp, pháp tức là Tăng, Tăng tức là tâm từ, tâm từ tức là Như Lai.

Nầy Thiện nam tử ! Tâm từ tức là ngã, ngã tức là pháp, pháp tức là Tăng, Tăng tức là tâm từ, tâm từ chính là Như Lai.

Nầy Thiện nam tử ! Tâm từ tức là cam lồ, cam lồ tức là tâm từ, tâm từ tức là Phật tánh , Phật tánh tức là pháp, pháp tức là Tăng, Tăng tức là tâm từ, tâm từ chính là Như Lai.

Nầy Thiện nam tử ! Tâm từ tức là đạo vô thượng của tất cả Bồ Tát, đạo là tâm từ, tâm từ chính là Như Lai.

Nầy Thiện nam tử ! Tâm từ tức là cảnh giới vô lượng của chư Phật, cảnh giới vô lượng tức là tâm từ, nên biết tâm từ tức là Như Lai.

Nầy Thiện nam tử ! Nếu tâm từ là vô thường, vô thường tức là tâm từ, nên biết tâm từ nầy là tâm từ của Thanh Văn.

Nầy Thiện nam tử ! Nếu tâm từ là khổ, khổ là tâm từ, nên biết tâm từ nầy là tâm từ của Thanh văn.

Nầy Thiện nam tử ! Nếu tâm từ là bất tịnh, bất tịnh là tâm từ , nên biết tâm từ nầy là tâm từ của Thanh Văn.

Nầy Thiện nam tử ! Nếu tâm từ là vô ngã, vô ngã là tâm từ, nên biết tâm từ nầy là tâm từ của Thanh Văn.

Nầy Thiện nam tử ! Tâm từ nếu là vọng tưởng, vọng tưởng là tâm từ, nên biết tâm từ nầy là tâm từ của Thanh Văn.

Nầy Thiện nam tử ! nếu tâm từ chẳng gọi là Đàn Ba La Mật nên biết tâm từ nầy là tâm từ cuả Thanh Văn..

Nhẫn đến Bát Nhã Ba La Mật cũng lại như vậy.

Nầy Thiện nam tử ! Nếu tâm từ chẳng có thể lợi ích chúng sanh, tâm từ như vậy là tâm từ của Thanh Văn.

Nầy Thiện nam tử ! Tâm từ nếu chẳng vào đạo nhứt tướng, nên biết tâm từ đó là tâm từ của Thanh Văn.

Nầy Thiện nam tử ! Tâm từ nếu chẳng có thể thấu rõ các pháp, nên biết tâm từ ấy là tâm từ của Thanh Văn.

Nầy Thiện nam tử ! Tâm từ nếu thấy các pháp đều có tướng, nên biết tâm từ ấy là tâm từ của Thanh Văn.

Nầy Thiện nam tử ! Nếu tâm từ là hữu lậu ấy là tâm từ của Thanh Văn.

Nầy Thiện nam tử ! Nếu tâm từ là hữu vi, tâm từ hữu vi nầy là tâm từ của Thanh Văn.

Nầy Thiện nam tử ! Nếu tâm từ chẳng trụ nơi bực sơ trụ thời chẳng phải tâm từ của sơ trụ, nên biết tức là tâm từ của Thanh Văn.

Nầy Thiện nam tử ! Nếu tâm từ chẳng có thể đặng mười trí lực của Phật và bốn món vô sở úy, nên biết tâm từ nầy là tâm từ của Thanh Văn.

Nầy Thiện nam tử ! Nếu tâm từ có thể đặng bốn quả Sa Môn, nên biết tâm từ nầy là tâm từ của Thanh Văn.

Nầy Thiện nam tử ! Tâm từ nếu là có, không, chẳng phải có, chẳng phải không, tâm từ như vậy chẳng phải hàng Thanh Văn, Bích Chi Phật nghĩ bàn được. Tâm từ nếu chẳng thể nghĩ bàn, thời pháp chẳng thể nghĩ bàn, Phật tánh chẳng thể nghĩ bàn, Như Lai chẳng thể nghĩ bàn.

Nầy Thiện nam tử ! Vị Đại Bồ Tát trụ nơi Đại Thừa Đại Niết Bàn tu tâm từ như vậy, dầu lại an trụ trong thùy miên mà chẳng thùy miên, do vì siêng năng tinh tấn. Dầu thường thức giấc cũng không thức giấc, vì không có ngủ. Ở trong thùy miên chư thiên dầu hộ vệ cũng không hộ vệ, vì chẳng làm việc ác. Thùy miên chẳng ác mộng, không có việc chẳng lành vì rời thùy miên. Sau khi mạng chung dầu sanh lên Phạm Thiên cũng không sanh vì đặng tự tại.

Nầy Thiện nam tử ! Luận về người tu từ có thể đặng thành tựu vô lượng vô biên công đức như vậy.

Nầy Thiện nam tử ! Kinh điển Đại Niết Bàn vi diệu nầy cũng có thể thành tựu vô lượng vô biên công đức như vậy. Chư Phật Như Lai cũng đặng thành tựu vô lượng vô biên công đức như vậy.

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : “ Thế Tôn ! Phàm Bồ Tát tư duy đều là chơn thật. Hàng Thanh Văn, Duyên Giác chẳng phải là chơn thật. Tất cả chúng sanh cớ chi chẳng nhờ oai lực của Bồ Tát đồng thọ khoái lạc. Nếu các chúng

sanh thiệt chẳng đặng khoái lạc, nên biết tâm từ của Bồ Tát tu tập là không lợi ích.”

Phật nói : “ Nầy Thiện nam tử ! Tâm từ của Bồ Tát chẳng phải không lợi ích.

Có những chúng sanh hoặc quyết định thọ khổ. Hoặc có chúng sanh chẳng quyết định thọ khổ. Nếu có chúng sanh quyết định thọ khổ, lòng từ của Bồ Tát là không lợi ích, vì đó là hàng nhứt xiển đề.

Nếu có chúng sanh chẳng quyết định thọ khổ thời lòng từ của Bồ Tát là lợi ích, làm cho chúng sanh đó đều thọ khoái lạc.

Nầy Thiện nam tử ! Ví như có người từ xa thấy sư tử, cọp, beo, chó sói, quỷ La Sát v.v… tự nhiên sanh sợ sệt. Ban đêm thấy gốc cây trụi cũng sanh sợ sệt.

Những người như vậy tự nhiên sợ sệt, cũng thế, chúng sanh thấy người tu tâm từ tự nhiên thọ khoái lạc.

Do nghĩa đó n ên Bồ Tát tu tâm từ là tư duy chơn thật chẳng phải không lợi ích.

Nầy Thiện nam tử ! Ta nói tâm từ nầy có vô lượng môn, chính là những thần thông.

Nầy Thiện nam tử ! Như Đề Bà Đạt Đa xưa kia bảo vua A Xà Thế làm hại đức Như Lai. Lúc đó ta cùng chúng Tăng vào thành Vương Xá thứ đệ khất thực.

Vua A Xà Thế liền thả voi say để hại ta cùng chư Tăng. Lúc đó voi say đạp chết trăm ngàn chúng sanh. Voi ấy ngửi hơi máu, nên hung tợn càng thêm hung tợn, nhắm ngay đoàn của ta mà chạy thẳng đến. Các đệ tử chưa ly dục kinh sợ chạy tứ tán chỉ một mình A Nan ở lại. Lúc đó nhơn dân trong thành Vương Xá đều cả tiếng kêu khóc, hôm nay đức Như Lai có thể bị hại, cớ sao đấng chánh giác lại vội sẽ diệt mất. Còn Điều Đạt trong lòng hớn hở. Sa Môn Cù Đàm bị hại chết thời là rất tốt, kế của ta rất hay, ta sắp sẽ được toại nguyện.

Nầy Thiện nam tử ! Lúc đó ta vì muốn hàng phục voi say liền nhập từ tâm tam muội, sè bàn tay chỉ voi, năm đầu ngón tay ta hiện năm sư tử. Voi say

thấy sư tử, lòng nó quá sợ, phẩn tiểu vảy ra, gieo mình mọp xuống kính lễ dưới chân ta.

Nầy Thiện nam tử ! Lúc đó năm đầu ngón tay của ta thiệt không sư tử, đó là do sức thiện căn tu tâm từ làm cho voi say được điều phục.

Thiện nam tử ! Vừa rồi lúc ta muốn nhập Niết Bàn, mới khởi sự đi đến thành Câu Thi Na. Giữa đường có năm trăm lực sĩ dọn quét đường sá có một hòn đá to, bọn họ muốn khiêng bỏ nhưng sức họ chẳng khiêng nổi. Lúc đó ta xót thương liền khởi tâm từ. Bọn lực sĩ kia liền thấy ta lấy ngón chân cái hất hòn đávăng lên hư không, rồi lấy tay hứng bắt để hòn đá trên bàn tay mặt, thổi nát ra rồi ráp liền lại làm cho bọn lực sĩ hết cao mạn. Ta liền vì họ nói các pháp yếu làm cho họ đồng phát tâm vô thượng Bồ Đề.

Nầy Thiện nam tử ! Lúc đó Như Lai thiệt chẳng dùng ngón chân hất văng hòn đá, cho đến chẳng thổi nát và ráp lại.

Nầy Thiện nam tử ! Nên biết chính là sức thiện căn của tâm từ làm cho bọn lực sĩ thấy như vậy.

Nầy Thiện nam tử ! Xứ Nam Thiên Trúc nầy có một thành lớn Thủ Ba La. Trong thành đó có một trưởng giả tên Lưu Chí, được đại chúng kính trọng. Ông
nầy đã vun trồng cội lành từ vô lượng đức Phật thuở quá khứ. Nhơn dân trong thành đó tin theo đạo tà, phụng sự phái Ni Kiền Tử. Ta muốn độ ông Trưởng giả Lưu Chí, liền từ Vương Xá thành đến thành Thủ Ba La. Phái Ni Kiền Tử nghe ta sắp đến thành liền bàn với nhau : Sa Môn Cù Đàm nếu đến thành nầy, nhơn dân chắc sẽ bỏ ta chẳng còn cung cấp, chúng ta lấy gì sanh sống.

Bàn xong, chúng Ni Kiền Tử chia ra loan báo với người trong thành. Sa Môn Cù Đàm sắp đến thành nầy. Nhưng Sa Môn đó lìa bỏ cha mẹ du phương các xứ, ông đến đâu thời làm cho xứ đó mất mùa đói khát nhơn dân bị bịnh trời, bịnh dịch không thể cứu chữa. Cù Đàm là hạng vô lại dắt theo toàn những quỉ La Sát hung ác, là kẻ cô cùng không cha không mẹ đi theo làm môn đồ. Giáo thuyết của ông toàn là hư vọng. Ông đến nơi nào thời xứ đó không an vui.

Nhơn dân trong thành nghe những lời đó kinh sợ quá lạy mọp dưới chơn bọn Ni Kiền Tử thưa rằng : Đại Sư ! Nay chúng tôi phải thiết kế gì ?

Bọn Ni Kiền Tử đáp : Tánh của Sa Môn Cù Đàm ưa lùm rừng, suối chảy nước trong. Các ngươi nên ra ngoài thành, chỗ nào có rừng suối phải đốn hết cây cối đem phẩn dơ rảy xuống giếng , ao, khe, suối. Rồi đóng chặt cửa thành võ trang phòng vệ. Ông ấy đến thời đừng cho vào. Ông ấy không vào thành được thời các người sẽ được an ổn. Chúng ta cũng sẽ dùng pháp thuật làm cho ông Cù Đàm phải rút lui.

Nhơn dân trong thành liền thật hành theo : Đốn hết cây cối, làm nhơ đục hết các giòng suối, võ trang phòng vệ.

Nầy Thiện nam tử ! Lúc ta đến ngoài thành kia chẳng thấy rừng cây, chỉ thấy người trên mặt thành võ trang giữ gìn chặt chẽ, ta liền thương xót khởi tâm từ. Những cây cối mọc lên như cũ mà còn có phần tươi tốt hơn. Nước trong sông, ao giếng, suối đều trở nên sạch sẽ, đầy tràn trong như lưu ly, nhiều thứ hoa đẹp thơm mọc lan tràn mặt đất. Vách thành biến làm lưu ly xanh. Nhơn dân trong thành đều thấy đặng ta và đại chúng. Cửa thành tự mở toang, không ai kềm ngăn được. Võ khí của nhơn dân biến thành cành hoa đẹp. Lúc đó trưởng giả Lưu Chí dẫn nhơn dân hiệp đoàn đến chỗ Phật. Ta liền vì họ nói các pháp yếu làm cho mọi người đều phát tâm vô thượng Bồ Đề.

Nầy Thiện nam tử ! Lúc đó ta thiệt chẳng hoá những rừng cây, cũng chẳng làm cho nước trong sạch đặng đầy tràn, cũng chẳng biến thành đó làm lưu ly xanh để cho nhơn dân kia thấy suốt ta và đại chúng, cũng chẳng mở cửa thành, biến võ khí làm cành hoa. Nên biết những việc ấy đều do sức căn lành của lòng từ làm cho nhơn dân thành Thủ Ba La thấy việc như vậy.

Nầy Thiện nam tử ! Thành Xá Vệ có nàng Bà Tư Tra, giòng Bà La Môn, chỉ sanh một trai, nên nàng yêu quí lắm. Một hôm đứa trẻ bịnh chết, nàng quá tiếc thương, buồn rầu đến mất trí, như điên như cuồng, xé nát quần áo, thân thể lõa lồ, đi rong khắp thành ấp tìm con, miệng luôn kêu khóc : Ôi ! Con ôi ! Con bỏ mẹ đi dâu ?

Nàng Bà Tư Tra nầy đời trước đã từng gieo trồng căn lành ở nơi chư Phật quá khứ.

Nầy Thiện nam tử ! Ta nghe việc như vậy động lòng xót thương. Bà Tư Tra liền thấy được ta, nàng ngỡ là con trai của nàng, chạy vội đến ôm như cách yêu con, tâm trí tỉnh lại. Ta liền bảo A Nan mang y phục đến cho nàng mặc,

rồi ta vì nàng mà giảng giải pháp yếu. Được nghe pháp, nàng Bà Tư Tra vui mừng hớn hở phát tâm vô thượng Bồ Đề.

Nầy Thiện nam tử ! Lúc đó thiệt ra ta không phải là con của nàng ấy, nàng ấy không phải là mẹ ta, cũng không có việc ôm ẵm. Nên biết đều do sức căn lành của lòng từ làm cho nàng Bà Tư Tra thấy việc như vậy.

Nầy Thiện nam tử ! Có cô Ưu Bà Di Ma Ha Tư Na Đạt Đa ở tại thành Ba La Nại. Cô nầy đã từng gieo trồng căn lành từ vô lượng đức Phật thuở quá khứ.

Một mùa hạ kia, cô nguyện dâng thuốc men cho chư Tăng.

Trong chư Tăng, bỗng có một Tỳ kheo mang bịnh nặng. Y sĩ điều trị bảo phải dùng thịt tươi làm thuốc. Ngoài thịt tươi ra không gì trị được, và sẽ nguy đến tánh mạng. Nhằm ngày quốc pháp cấm giết thịt, nên không tìm đâu ra thịt tươi để mua mặc dầu cô muốn đem vàng ròng trọng lượng bằng thịt để đổi. Cô Ưu Bà Di Ma Ha Tư Na Đạt Đa bèn tự cắt thịt bắp vế, chế nấu theo lời Y Sĩ, rồi đem dâng cho Tỳ kheo bịnh dùng. Nhờ đó Tỳ kheo được lành mạnh.

Vết thương nơi bắp vế hành quá đau nhức, cô rên rỉ niệm Phật : Nam Mô Phật ! Nam Mô Phật !

Bấy giờ ta đương ở tại thành Xá Vệ, nghe tiếng niệm Phật của cô, động lòng đại từ. Liền đó, cô thấy ta đem thuốc đến đắp lên vết thương, hết đau nhức, thịt lành như cũ. Rồi ta vì cô mà giảng giải pháp yếu. Cô được nghe Pháp vui mừng hớn hở phát tâm vô thượng Bồ Đề.

Nầy thiện nam tử ! Lúc đó thiệt ra ta không đem thuốc đến thành Ba La Nại đắp cho cô Ma Ha Tư Na Đạt Đa, nên biết đó là do sức căn lành của lòng từ khiến cô Ưu Bà Di ấy thấy những việc như vậy.

Nầy Thiện nam tử ! Ông Điều Đạt tham uống quá nhiều chất tô, nên nhức đầu đau bụng. Quá khốn khổ chịu không nổi, ông liền niệm : Nam Mô Phật ! Nam Mô Phật !

Bấy giờ ta đương ở tại thành Ưu Thiền Ni, nghe tiếng niệm động lòng đại từ.

Điều Đạt liền thấy ta đem thuốc đến cho uống, cùng dùng tay xoa đầu xoa bụng, do đó ông được hết bịnh.

Nầy Thiện nam tử ! Thiệt ra ta không có đến chỗ Điều Đạt để xoa đầu xoa bụng và cho ông ấy uống thuốc. Đó là do sức căn lành của lòng từ khiến ông Điều Đạt thấy việc như vậy.

Nầy Thiện nam tử ! Nước Kiều Tát La có đảng cướp nămtrăm người, lộng hành làm hại dân chúng. Vua Ba Tư nặc sai binh vây đánh bắt sống được trọn đảng cướp. Vua truyền khoét mắt cả năm trăm tên cướp, rồi thả trong rừng sâu.

Đảng cướp nầy đã từng gieo trồng căn lành nơi chư Phật thuở quá khứ, nên khi đau đớn khốn khổ quá bèn đồng xướng rằng : Nam Mô Phật ! Nam Mô Phật ! Chúng con nay không người cứu hộ. Cùng nhau khóc than thê thảm.

Bấy giờ ta đương ở tại Kỳ Hoàn tinh xá, nghe tiếng kêu cầu, động lòng đại từ. Lúc đó có gió mát thổi chất thuốc từ núi hương sơn đến tụ đầy lỗ mắt của năm trăm người, biến thành tròng mắt, bọn họ đều được thấy tỏ như xưa. Mở mắt ra, bọn họ thấy đức Như Lai đứng trước mặt họ giảng pháp yếu. Sau khi nghe pháp, cả bọn đều phát tâm vô thượng Bồ Đề.

Nầy Thiện nam tử ! Lúc đó thiệt ra ta không làm gió thổi thuốc đến cứu mắt họ, cũng không có đến thuyết pháp cho họ. Đó là do sức căn lành của lòng từ, khiến họ thấy những việc như vậy.

Nầy Thiện nam tử ! Vì ngu si, Thái Tử Lưu Ly phế Phụ Vương lập mình làm vua, lại nhớ đến sự hiềm oán ngày trước giết hại giòng họ Thích. Vua Lưu Ly bắt hai ngàn phụ nữ họ Thích cắt tai thẻo mũi, chặt đứt tay chân, rồi bỏ xuống hầm. Các phụ nữ họ Thích quá đau khổ bèn niệm rằng : “Nam Mô Phật ! Nam Mô Phật ! Chúng tôi ngày nay không ai cứu vớt”. Cùng nhau khóc than thê thảm.

Các phụ nữ nầy đã từng trồng căn lành nơi chư Phật thuở quá khứ.

Lúc đó ta ở tại Trúc Lâm Tinh Xá nghe tiếng than của họ liền sanh lòng từ. Các phụ nữ khốn nạn kia bèn thấy ta đến thành Ca Tỳ La, lấy nước rửa vết thương cho họ rồi dùng thuốc đắp lên vết thương. Họ không còn đau nhức. Lỗ tai lỗ mũi và tay chân lành lại như cũ. Ta liền vì họ giảng nói pháp yếu. Vừa hết đau khổ lại được nghe pháp, các phụ nữ ấy đều phát tâm vô thượng chánh đẳng chánh giác. Sau đó các phụ nữ ấy đến nơi Bà Đại Ái Đạo Tỳ Kheo Ni xuất gia thọ giới cụ túc.

Nầy Thiện nam tử ! Thật ra lúc đó đức Phật không có đến thành Ca Tỳ La, cũng không có lấy nước rửa và đắp thuốc nơi vết thương. Phải biết đều là do sức căn lành của lòng từ làm cho các phu nữ kia thấy những việc như vậy.

Như căn lành của lòng từ, lòng bi, lòng hỷ cũng như vậy.

Nầy Thiện nam tử ! Do nghĩa nầy nên Đại Bồ tát tu tập lòng từ là chân thật chẳng phải hư vọng.

Nầy thiện nam tử ! Luận về vô lượng là chẳng thể nghĩ bàn. Công hạnh của Bồ Tát cũng chẳng thể nghĩ bàn, công hạnh của Phật và kinh Đại Thừa Đại Niết Bàn cũng đều chẳng thể nghĩ bàn.

Nầy Thiện nam tử ! Đại Bồ Tát tu từ, bi, hỉ rồi đặng trụ nơi bực rất yêu thương con một.

Nầy Thiện nam tử ! Thế nào là bực ? Sao gọi là rất yêu thương. Và sao gọi là con một ?

Nầy Thiện nam tử ! Ví như cha mẹ thấy con an ổn lòng rất vui mừng. Đại Bồ Tát ở bực nầy xem các chúng sanh đồng như con một, thấy người tu hạnh lành Bồ Tát rất vui mừng, vì thế nên bực nầy gọi là rất yêu thương.

Nầy Thiện nam tử ! Ví như cha mẹ thấy con đau ốm lòng rất khổ não xót thương săn sóc không tạm rời. Cũng vậy, Đại Bồ Tát ở trong bực nầy thấy các chúng sanh bị bịnh phiền não ràng buộc bức khổ, trong lòng rầu lo thương tưởng như con, đến nỗi lỗ chơn lông nơi thân đều rỉ máu ra. Vì thế nên gọi bực nầy là con một.

Nầy Thiện nam tử ! Như người lúc bé thơ lượm đất cục, ngói đá, xương khô, nhánh cây đút vào miệng. Cha mẹ xem thấy sợ bị hại, tay tả nắm đầu con, tay hữu móc ra. Cũng vậy, Đại Bồ Tát trụ nơi bực nầy thấy các chúng sanh pháp thân chưa tăng trưởng , hoặc thân khẩu ý tạo nghiệp chẳng lành. Bồ Tát bèn lấy tay trí huệ cứu vớt đó, chẳng muốn chúng sanh lưu chuyển trong sanh tử mà phải thọ những khổ não. Vì thế nên bực nầy lại gọi là con một.

Nầy Thiện nam tử ! Ví như đứa con thân yêu chết mất, thời cha mẹ buồn rầu muốn cùng chết theo con. Cũng vậy, Đại Bồ Tát thấy hạng nhứt xiển đề đọa nơi địa ngục, cũng nguyện cùng họ sanh chung trong địa ngục. Vì hạng nhứt xiển đề nầy lúc bị khổ, hoặc sanh một niệm ăn năn chừa cải, Bồ Tát sẽ vì họ

thuyết pháp làm cho họ sanh đặng một niệm căn lành. Vì thế nên bậc nầy gọi là con một.

Nầy Thiện nam tử ! Ví như cha mẹ chỉ có một đứa con, lúc đứa con ngủ, thức, đi, đứng, ngồi, nằm, lòng cha mẹ luôn luôn nhớ tưởng. Nếu con có lỗi lầm cha mẹ chỉ thương xót dạy dỗ chớ chẳng làm hại. Cũng vậy, Đại Bồ Tát thấy các chúng sanh hoặc bị đọa địa ngục súc sanh ngạ quỉ, hoặc sanh trong loài người, trên trời, gây tạo những nghiệp lành nghiệp dữ, lòng Bồ Tát thường nhớ tưởng trọn không rời bỏ chúng sanh. Nếu có chúng sanh tạo ác, Bồ Tát trọn chẳng giận hờn, chẳng làm hại. Vì thế nên bậc nầy gọi là con một.

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật rằng : “ Thế Tôn ! Như lời Phật đã nói ý rất sâu kín, nay tôi trí cạn cợt làm sao hiểu được. Nếu các vị Đại Bồ Tát trụ nơi bực con một có thể được như thế, tại sao đức Như Lai xưa kia là vị quốc vương thật hành đạo Bồ Tát mà lại giết hại giòng Bà La Môn. Nếu đặng bực nầy thời lẽ ra phải xót thương ủng hộ, còn nếu chẳng đặng bậc nầy, nhơn duyên gì lại chẳng đọa vào địa ngục.

Nếu bình đẳng xem tất cả chúng sanh là con như La Hầu La, cớ sao đức Phật lại quở Đề Bà Đạt Đa : Đồ ngu si không biết hổ thẹn ăn nước miếng nước mũi của người. Làm cho Đề Bà Đạt Đa sanh lòng giận hờn hại thân Phật ra máu. Đề Bà Đạt Đa tạo nghiệp ác nầy rồi, đức Như Lai lại huyền ký cho ông ấy sẽ bị đọa địa ngục chịu khổ một kiếp.

Thế Tôn !Những lời như vậy làm thế nào chẳng trái nghịch với nghĩa lý.

Thế Tôn ! Ông Tu Bồ Đề trụ bậc giải không, lúc muốn vào thành khất thực, trước hết ông quán sát nếu có người đối với ông sanh tâm ganh ghét thời ông thôi chẳng đi khất thực, dầu cho quá đói ông vẫn chẳng đi. Vì ông Tu Bồ Đề thường nghĩ rằng : Tôi tự nhớ đời trước đối với phước điền sanh một niệm ác, do nhơn duyên nầy tôi bị đọa địa ngục lớn chịu nhiều thống khổ. Nay tôi thà đói trọn ngày chẳng ăn, quyết không khiến những người kia vì ganh ghét tôi mà phải đọa vào địa ngục chịu khổ. Ông Tu Bồ Đề lại nghĩ rằng : Nếu có chúng sanh không bằng lòng cho tôi đứng, tôi sẽ trọn ngày ngồi yên chẳng đứng dậy. Nếu có chúng sanh không bằng lòng cho tôi ngồi, tôi sẽ đứng trọn ngày chẳng dời chỗ. Đi cùng nằm nằm

Ông Tu Bồ Đề vì hộ chúng sanh còn có tâm như vậy, hà huống là Đại Bồ Tát. Bồ Tát nếu đặng bực con một, có duyên cớ gì mà đức Như Lai nói ra lời thô như vậy làm cho ông Đề Bà Đạt Đa sanh lòng giận ác ?

_ Nầy Thiện nam tử ! Nay ông chẳng nên gạn như vậy. Chẳng nên nói rằng đức Như Lai làm nhơn duyên phiền não cho chúng sanh. Giả sử vòi con muỗi có thể hút hết nước đến đáy biển, đức Như Lai trọn chẳng làm nhơn duyên phiền não cho chúng sanh. Giả sử mặt đất đều thành không màu, nước thành tướng khô, lửa thành lạnh, gió đứng lại, giả sử Tam Bảo Phật tánh nhẫn đến hư không thành tướng vô thường, đức Như Lai cũng trọn chẳng làm nhơn duyên phiền não cho chúng sanh. Giả sử người phạm bốn tội nặng, hạng nhứt xiển đề, hủy báng chánh pháp hiện thân đặng thành mười trí lực, bốn vô úy, ba mươi hai tướng, tám mươi thứ tốt, đức Như Lai trọn chẳng làm nhơn duyên phiền não cho chúng sanh. Giả sử hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật là thường trụ chẳng biến đổi, đức Như Lai trọn chẳng làm nhơn duyên phiền não cho chúng sanh.

Giả sử bực thập trụ Bồ Tát phạm bốn tội nặng, làm nhứt xiển đề hủy báng chánh pháp, đức Như Lai trọn chẳng làm nhơn duyên phiền não cho chúng sanh.

Giả sử vô lượng chúng sanh dứt mất Phật tánh, chư Phật rốt ráo nhập Niết Bàn, đức Như Lai cũng trọn chẳng làm nhơn duyên phiền não cho chúng sanh.

Giả sử vải chài có thể cột trói được gió, răng có thể nhai nát sắt, móng tay cào đổ núi Tu Di, đức Như Lai trọn chẳng làm nhơn duyên phiền não cho chúng sanh.

Thà ở chung với rắn độc, đút hai tay vào miệng sư tử đói, lấy than hồng dùng tắm rửa trọn chẳng nên nói rằng đức Như Lai làm nhơn duyên phiền não cho chúng sanh.

Nầy Thiện nam tử ! Đức Như Lai thiệt có thể làm cho chúng sanh dứt trừ phiền não, chớ trọn chẳng làm nhơn duyên sanh phiền não.

Nầy Thiện nam tử ! Như ông vừa nói đức Như Lai ngày xưa giết dòng Bà La Môn. Nên biết Đại Bồ Tát, còn không cố sát một con kiến, huống lại giết Bà La Môn. Bồ tát thường dùng mọi cách thức ban bố vô lượng thọ mạng cho chúng sanh. Luận về bố thí thời là bố thí mạng sống, vật thực. Đại Bồ Tát

lúc thật hành Đàn Ba La Mật, thường ban bố vô lượng thọ mạng cho chúng sanh. Người giữ giới bất sát thời đặng sống lâu.

Đại Bồ Tát lúc thật hành Thi La Ba La Mật, thời là ban bố vô lượng thọ mạng cho tất cả chúng sanh.

Nầy Thiện nam tử ! Giữ gìn miệng không lỗi thời đặng sống lâu.

Đại Bồ Tát lúc thật hành sằn đề Ba La Mật, thường khuyên chúng sanh chớ ôm lòng oán thù những việc phải cho người đem sự quấy về mình, không cãi cọ kiện cáo thời đặng sống lâu. Vì thế nên Bồ Tát lúc thật hành sằn đề Ba La Mật, thời đã ban bố vô lượng thọ mạng cho chúng sanh.

Nầy Thiện nam tử ! Siêng năng tu tập hạnh lành thời đặng sống lâu. Đại Bồ Tát lúc thật hành Tỳ Lê Da Ba La Mật thường khuyên chúng sanh siêng tu pháp lành, chúng sanh thật hành rồi đặng sống lâu vô lượng. Vì thế nên Đại Bồ Tát lúc thật hành Tỳ Lê Da Ba La Mật đã ban bố vô lượng thọ mạng cho chúng sanh.

Nầy Thiện nam tử ! Người nhiếp tâm tu thiền thời đặng sống lâu. Đại Bồ Tát lúc thật hành thiền Ba La Mật, khuyên các chúng sanh tu tâm bình đẳng. Chúng sanh thật hành rồi thì đặng sống lâu. Vì thế nên Bồ Tát lúc thật hành thiền Ba La Mật đã ban bố cho chúng sanh vô lượng thọ mạng.

Nầy Thiện nam tử ! Ở nơi những pháp lành, người không phóng dật thời đặng sống lâu. Đại Bồ tát lúc thật hành Bát Nhã Ba La Mật, khuyên các chúng sanh nơi những pháp lành chẳng sanh lòng phóng dật. Chúng sanh thật hành rồi thời đặng sống lâu. Vì thế nên lúc Bồ Tát thật hành Bát Nhã Ba La Mật đã ban bố vô lượng thọ mạng cho chúng sanh.

Nầy Thiện nam tử ! Do nghĩa nầy nên Đại Bồ Tát trọn không giết hại mạng sống của chúng sanh.

Nầy Thiện nam tử ! Như vừa rồi ông hỏi, lúc giết hại dòng Bà La Môn, đức Phật đã đặng được bậc con một.

Nầy Thiện nam tử ! Lúc đó ta đã đặng bực ấy. Vì lòng thương họ mà giết chẳng phải vì tâm ác.

Nầy Thiện nam tử ! Ví như cha mẹ chỉ có một đứa con nên rất cưng yêu, đứa con đó phạm hiến pháp của quan. Vì quá sợ nên cha mẹ hoặc đuổi hoặc giết. Dầu cha mẹ đuổi hay giết nhưng không có tâm ác.

Cũng vậy, Đại Bồ Tát vì hộ trì chánh pháp nếu có chúng sanh hủy báng Đại Thừa, liền lấy roi gậy để trị, hoặc giết chết, đó là muốn chúng sanh chừa bỏ để tu pháp lành.

Bồ Tát thường nên suy nghĩ : Dùng nhơn duyên gì làm cho chúng sanh phát khởi lòng tin thanh tịnh, tùy phương cách nào thuận tiện thời sẽ thật hành đó. Những người Ba øLa Môn sau khi chết đọa A Tỳ địa ngục liền suy nghĩ ba điều : Một là tự nghĩ rằng ta từ đâu mà sanh đến đây, liền tự biết rằng từ trong loài người. Hai là tự nghĩ rằng : Ta hiện sanh đây là chỗ nào, liền tự biết rằng là địa ngục A Tỳ. Ba là tự nghĩ rằng do nghiệp duyên gì mà đọa địa ngục, liền tự biết rằng do chẳng tin và hủy báng kinh điển Đại Thừa, bị nhà vua giết mà sanh đến địa ngục nầy. Họ nghĩ như vậy rồi liền sanh lòng kính tin kinh điển Đại Thừa. Do lòng kính tin đó thân địa ngục chết họ sanh đến thế giới của Cam Lồ Cổ Như Lai, sống lâu đủ mười kiếp.

Nầy Thiện nam tử ! Do nghĩa nầy thuở xưa kia ta ban cho những người ấy mười kiếp thọ mạng, sao lại giết hại họ.

Nầy Thiện nam tử ! Có người đào đất, cắt cỏ, đốn cây, chặt tử thi, mắng chửi, đánh đập tử thi, do nghiệp duyên nầy có bị đọa địa ngục chăng ?

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : “ Thế Tôn ! Như tôi hiểu nghĩa của Phật nói kẻ đó phải đọa địa ngục. Vì cớ sao ? Như ngày trước Phật nói pháp cho hàng Thanh Văn : Nầy các Tỳ Kheo ở nơi cây cháy rụi chớ sanh lòng ác. Vì tất cả chúng sanh do lòng ác mà phải đọa nơi địa ngục.”

Đức Phật khen Ca Diếp Bồ Tát : “ Lành thay ! Lành thay ! Đúng như lời ông nói, phải khéo thọ trì.

Nầy Thiện nam tử ! Nếu chơn ác tâm phải đọa địa ngục, lúc đó Bồ Tát thiệt không ác tâm. Vì Đại Bồ Tát đối với tất cả chúng sanh nhẫn đến con trùn , con kiến đều sanh lòng thương xót, muốn cho họ được lợi ích vì Bồ tát khéo biết các phương tiện, các nhơn duyên, do sức phương tiện muốn làm cho chúng sanh vun trồng cội lành. Do nghĩa đó, lúc ấy ta dùng phương tiện, dầu giết hại mạng họ mà chẳng phải là tâm ác.

Nầy Thiện nam tử ! Cứ theo giáo pháp Bà La Môn, cho rằng nếu giết chết kiến đầy cả mười xe không có tội báo, muỗi, ruồi, rận, rệp, mèo, chồn, sư tử, cọp, sói, gấu, những độc trùng, ác thú, và những loài có thể làm hại người : Quỉ Thần, La Sát , Cưu Bàn Trà. Ca La, Phú Đơn Na, Điên cuồng, Càn khô, có ai giết hại mạng họ đầy cả mười xe cũng không có tội báo, nếu giết người ác thời có tội báo. Giết rồi chẳng ăn năn thời đọa ngạ quỉ. Nếu có thể sám hối tuyệt thực ba ngày, thời tội đó tiêu diệt không còn thừa. Nếu giết Hòa Thượng, giết cha , hại mẹ, giết phụ nữ, giết bò, trâu, thời phải đọa địa ngục trong vô số ngàn năm.

Nầy Thiện nam tử ! Chư Phật và Bồ Tát biết giết hại có ba hạng : hạ, trung và thượng.

Hạng hạ là trùn kiến nhẫn đến tất cả các súc sanh chỉ trừ Bồ Tát thị hiện thọ sanh. Đại Bồ Tát do nguyện lực nên thị hiện làm thân súc sanh, trừ đây ra gọi là sát sanh hạng hạ. Nghiệp duyên nầy sẽ phải đọa nơi địa ngục, súc sanh, ngã quỉ chịu lấy sự khổ hạng hạ. Vì những súc sanh có căn lành rất kém ít nên kẻ giết phải thọ tội báo hạng hạ.

Sát hại hạng trung là từ người phàm phu đến vị chứng quả A Na Hàm, đây gọi là hạng trung. Nghiệp duyên giết hại hạng nầy phải đọa nơi địa ngục, súc sanh, ngạ quỉ thọ sự khổ hạng trung.

Sát sanh hạng thượng là giết cha mẹ, nhẫn đến A La Hán, Bích Chi Phật, quyết định Bồ Tát, đây gọi là hạng thượng. Nghiệp duyên giết hại hạng nầy phải đọa vào trong địa ngục A Tỳ chịu lấy sự khổ hạng thượng.

Nầy Thiện nam tử ! Nếu có người giết kẻ nhứt xiển đề, thời chẳng đọa vào trong ba hạng sát hại nầy.

Nầy Thiện nam tử ! Những người dòng Bà La Môn bị nhà vua giết trước kia tất cả đều là hạng nhứt xiển đề. Thí như đào đất cắt cỏ đốn cây chặt tử thi mắng nhiếc đánh đập, đều không có tội báo. Giết hạng nhứt xiển đề cũng không có tội báo như vậy. Vì những người Bà La Môn không có căn lành nhẫn đến không có năm pháp tín v.v… Vì thế nên dầu giết hại họ mà chẳng đọa địa ngục.

Nầy Thiện nam tử ! Ông trước nói rằng : Đức Như Lai cớ chi mắng Đề Bà Đạt Đa là người ngu si ăn nước miếng. Ông không nên hỏi như vậy. Vì chư Phật Thế Tôn phàm nói ra lời gì đều chẳng thể nghĩ bàn.

Nầy Thiện nam tử ! Hoặc có thiệt ngữ được người đời mến ưa nhưng phi thời, phi pháp chẳng lợi ích, những lời như vậy đức Phật trọn chẳng nói. Hoặc lại nói lời thô vụng hư vọng, phi thời, phi pháp, chẳng lợi ích người nghe chẳng ưa thích, đức Phật cũng chẳng nói.

Nầy Thiện nam tử ! Nếu có những lời dầu là thô rắn nhưng chơn thật chẳng hư vọng, phải thời đúng pháp có thể lợi ích cho tất cả chúng sanh, người nghe dầu chẳng vui đẹp nhưng ta cần phải nói. Vì chư Phật Thế Tôn chánh đẳng chánh giác khéo biết phương tiện.

Nầy Thiện nam tử ! Trước kia có một hôm ta đi ngang thôn Khoáng Dã, ở dưới rừng có một quỉ thần tên là Khoáng Dã. Quỉ nầy thuần ăn máu thịt giết hại nhiều chúng sanh. Quỉ ấy lại mỗi ngày ăn một người trong thôn xóm gần đó. Lúc đó ta rộng nói pháp yếu cho quỉ Khoáng Dã, nhưng quỉ ấy hung bạo ngu si chẳng lãnh thọ giáo pháp. Ta liền hóa thân ra làm đại lực quỉ, làm rúng động cung điện của nó. Quỉ Khoáng Dã dắt quyến thuộc và bộ hạ kéo ra muốn chống cự với ta. Chúng nó vừa thấy ta liền run sợ té xuống đất ngất xỉu như người chết. Ta dùng lòng từ bi lấy tay xoa lên mình nó. Nó tỉnh dậy nói rằng : “ Hôm nay may mắn được sống lại. Vị Đại Thần Vương nầy có oai đức lớn có tâm từ bi tha tội lỗi của tôi”. Qủi Khoáng Dã liền sanh tâm lành kính tin nơi ta.

Ta hiện huờn lại thân Như Lai vì họ nói pháp yếu làm cho các quỉ thần kia thọ giới bất sát.

Chính ngày đó trong thôn Khoáng Dã có một ông Trưởng giả đến phiên phải chết, người trong thôn đã đưa ông ấy giao cho quỉ Khoáng Dã. Quỉ Khoáng Dã liền đem đến cúng thí cho ta. Ta lãnh ông Trưởng giả và đặt hiệu cho ông là Thủ Trưởng giả.

Quỉ Khoáng Dã bạch ta rằng : “ Thế Tôn ! Con và quyến thuộc của con chỉ nhờ máu thịt mà đặng sống, nay thọ giới bất sát biết lấy gì để sống được ?”

Ta bảo rằng : “ Từ nay trở đi đức Phật sẽ bảo hàng Thanh Văn đệ tử tùy chỗ nào có Phật pháp lưu hành đều sẽ cúng thí đồ uống ăn cho nhà ngươi.”

Nầy Thiện nam tử ! Do nhơn duyên đó ta chế điều giới : Các Tỳ Kheo từ nay trở đi thường phải thí thực cho quỉ Khoáng Dã. Nếu người xuất gia nào chẳng cúng thí, nên biết người đó chẳng phải đệ tử Phật, chính là đồ đảng quyến thuộc của Thiên Ma.

Nầy Thiện nam tử ! Đức Như Lai vì muốn điều phục chúng sanh nên thị hiện những phương tiện như vậy. Chẳng phải cố ý làm cho họ sanh lòng sợ hãi.

Cũng có một lúc ta dùng cây đánh quỉ hộ pháp.

Lại có một hôm ta đang đi trên một ngọn núi xô quỉ Dương Đầu làm nó té xuống dưới núi.

Lại một hôm nơi ngọn cây ta xô ngã quỉ Hộ Di Hầu.

Một ngày nọ làm cho voi Hộ Tài thấy năm sư tử.

Có lúc ta sai thần Kim Cương khủng bố ngoại đạo Tát Giá Ni Kiền Tử.

Ngày kia ta cũng lấy kim đâm thân của quỉ Tiển Mao.

Dầu ta làm những việc như vậy nhưng cũng chẳng làm cho các quỉ thần kia đến phải chết. Chỉ vì muốn khiến họ an trụ nơi chánh pháp nên thị hiện những phương tiện như vậy.

Nầy Thiện nam tử ! Trước kia thiệt ra đức Phật chẳng mắng nhục Đề Bà Đạt Đa. Còn Đề Bà Đạt Đa cũng chẳng ngu si ăn nước miếng của người, cùng chẳng đọa A Tỳ địa ngục thọ tội một kiếp, cũng chẳng phá hoại chúng Tăng, chẳng làm thân Phật ra máu, Đề Bà Đạt Đa cũng chẳng trái phạm bốn tội nặng, chẳng hủy báng kinh điển Đại Thừa, ông ấy chẳng phải nhứt xiển đề, chẳng phải Thanh Văn cũng chẳng phải Bích Chi Phật.

Nầy Thiện nam tử ! Đề Bà Đạt Đa thiệt chẳng phải cảnh giới Thanh Văn, Duyên Giác. Duy chư Phật thấy biết được thôi.

Nầy Thiện nam tử ! Vì thế nên nay ông chẳng nên gạn rằng : “ Cớ gì đức Như Lai quở trách mắng nhiếc làm nhục Đề Bà Đạt Đa. Đối với cảnh giới của chư Phật, ông chẳng nên có lòng nghi như vậy.”

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : “ Thế Tôn ! Như mía nấu nhiều lần thời đặng nhiều thứ vị. Tôi cũng như vậy, nghe Phật nói pháp nhiều lần đặng nhiều pháp vị. Chính là những vị : Xuất gia vị, ly dục vị, tịch diệt vị, đạo vị. Thế-Tôn ! Như vàng ròng đốt đập nhiều lần càng thêm sáng sạch, giá trị vô lượng, được trời người quí trọng. Đức Như-Lai cũng vậy, trân trọng thưa hỏi liền đặng nghe thấy nghĩa rất sâu vi diệu, khiến người tu hành phụng tu thọ

trì vô lượng chúng sanh phát tâm vô thượng bồ đề. Do đó đức Phật được trời người tôn trọng cung kính cúng dường.

Đức Phật tán thán Ca Diếp Bồ Tát : “ Lành thay ! Lành thay ! Đại Bồ tát vì muốn lợi ích chúng sanh nên thưa hỏi đức Như Lai những nghĩa sâu như vậy. Do nghĩa nầy ta tùy theo ý của ông mà nói pháp Đại Thừa Phương Đẳng rất sâu, bí mật, tức là bậc rất yêu thương như con một.”

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : “ Thế Tôn ! Nếu Bồ Tát tu tâm từ, bi , hỷ, đặng bậc con một, lúc tu tâm xả thời dặng bực gì ?

Phật nói : “ Lành thay ! Lành thay ! Ông khéo biết thời, biết ta muốn nói nên ông thưa hỏi.

Nầy Thiện nam tử ! Đại Bồ Tát lúc tu tâm xả thời đặng bậc bình đẳng không như ông Tu Bồ Đề. Đại Bồ Tát trụ bậc bình đẳng không, thời chẳng thấy có cha mẹ, anh em, chị em, họ hàng quyến thuộc, oán thù kẻ không thân không oán nhẫn đến chẳng thấy : Ấm, giới, nhập, chúng sanh thọ mạng. Ví như hư không, không có cha me, anh em, vợ con, nhẫn đến không có chúng sanh thọ mạng, tất cả các pháp cũng không có cha mẹ nhẫn đến thọ mạng.

Đại Bồ Tát thấy tất cả pháp cũng như vậy, tâm của Bồ Tát bình đẳng như hư không, vì Bồ Tát khéo tu tập những pháp không”.

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : Thế Tôn ! Sao gọi là không ?

_ Nầy Thiện nam tử ! Nói là không có nội không, ngoại không, nội ngoại không, hữu vi không, vô vi không, vô thỉ không, tánh không, vô sở hữu không, đệ nhất nghĩa không, không không, đại không.

Đại Bồ Tát quán n ội không như thế nào ? Đại Bồ Tát nầy quán nội pháp là không, chính là không cha mẹ, kẻ oán, người thân, không oán, không thân, chúng sanh, thọ mạng, thường, lạc, ngã, tịnh, Như Lai, Pháp , Tăng, tài vật. Trong nội pháp nầy dầu có Phật tánh, nhưng Phật tánh nầy chẳng phải nội chẳng phải ngoại. Vì Phật tánh thường trụ không biến đổi. Đây gọi là Đại Bồ Tát quán nơi nội không.

Ngoại không cũng như vậy không có ngoại pháp.

Nội ngoại không cũng như vậy.

Nầy Thiện nam tử ! Chỉ có Như Lai, Pháp, Tăng, Phật tánh, chẳng ở nơi phạm vi hai thứ không. Vì bốn pháp như vậy là thường, lạc, ngã, tịnh, nên chẳng gọi là không. Đây gọi là nội và ngoại đều không.

Nầy Thiện nam tử ! Hữu vi không là các pháp hữu vi thảy đều không. Chính là nội không, ngoại không, nội ngoại không, thường, lạc, ngã, tịnh không, chúng sanh thọ mạng Như Lai pháp, Tăng, đệ nhứt nghĩa không. Trong đây Phật tánh chẳng phải pháp hữu vi, nên Phật tánh chẳng phải là pháp hữu vi không. Trên đây gọi là hữu vi không .

Nầy Thiện nam tử ! Đại Bồ Tát quán vô vi không như thế nào ? Pháp vô vi thảy đều là không tức là vô thường, khổ, bất tịnh, vô ngã, ấm, giới, nhập , chúng sanh, thọ mạng, hữu vi, hữu lậu, nội pháp, ngoại pháp. Trong pháp vô vi Phật, Pháp v.v… bốn pháp đều chẳng phải hữu vi chẳng phải vô vi : Vì là thiện nên chẳng phải vô vi, vì tánh thường trụ nên chẳng phải hữu vi. Đây gọi là Bồ Tát quán vô vi không.

Thế nào là Bồ Tát quán vô thỉ không ? Đại Bồ Tát thấy sanh tử vô thỉ thảy đều
không tịch gọi là không, đó tức là thường, lạc, ngã, tịnh, thảy đều không tịch chẳng có biến đổi. Chúng sanh thọ mạng Tam Bảo, Phật tánh và vô vi pháp cũng như vậy. Đây gọi là quán vô thỉ không.

Đại Bồ Tát quán nơi tánh không thế nào ? Đại Bồ tát nầy quán tất cả pháp bổn tánh đều không :Ấm, giới, nhập, thường, vô thường, khổ, lạc, tịnh, bất tịnh, ngã, vô ngã. Tất cả pháp đều chẳng thấy bổn tánh, đây gọi là quán nơi tánh không.

Đại Bồ Tát quán vô sở hữu không như thế nào ? Như người không con nói nhà cửa trống không, rốt ráo quán không chẳng có thân yêu. Người ngu si thời gọi là các phương không. Người nghèo cùng thời gọi là tất cả không. Những kiến chấp như vậy, hoặc không hoặc chẳng phải không. Lúc Bồ Tát quán sát như người nghèo cùng tất cả đều không. Đây gọi là Bồ Tát quán vô sở hữu không.

Đại Bồ Tát quán đệ nhất nghĩa không như thế nào ? Bồ Tát lúc quán đệ nhất nghĩa, nhãn căn nầy lúc sanh ra không từ đâu lại, lúc nó diệt mất cũng không đi đến đâu, trước không, nay có, có rồi trở lại không suy thật tánh của nó không nhãn căn không chủ tể. Như nhãn căn vô tánh, tất cả pháp cũng như vậy. Những gì gọi là đệ nhứt nghĩa không ? Có nghiệp có báo, chẳng thấy

tác giả, pháp không như vậy gọi là đệ nhứt nghĩa không. Đây gọi là quán đệ nhứt nghĩa không.

Đại Bồ Tát quán không không như thế nào ? Trong không không nầy là chỗ mê mờ của Thanh Văn và Bích chi Phật.

Nầy Thiện nam tử ! Là có, là không, đây gọi là không không. Là phải là chẳng phải đây gọi là không không.

Nầy Thiện nam tử ! Bực Thập trụ Bồ Tát còn ở trong đây thông đạt phần ít như vi trần, huống là những người khác, không không như vậy cũng chẳng đồng không không Tam Muội của Thanh Văn chứng đặng. Đây gọi là Bồ Tát quán nơi không không.

Đại Bồ Tát quán Đại Không thế nào ? Đại Không tức là Bát Nhã Ba La Mật.

Nầy Thiện nam tử ! Đại Bồ Tát đặng pháp môn Không như vậy thời đặng trụ nơi bậc hư không đặng.

Nầy Thiện nam tử ! Nay đức Phật ở trong đại chúng nầy lúc nói những nghĩa không như vậy, có mười hằng hà sa Bồ Tát liền đặng trụ nơi bậc hư không đẳng.

Nầy Thiện nam tử ! Đại Bồ Tát trụ nơi bậc nầy ở trong tất cả pháp không bị trở ngại, không bị ràng buộc câu chấp, tâm không mê muội. Do nghĩa nầy nên gọi là bậc hư không đẳng.

Nầy Thiện nam tử ! Ví như hư không đối sắc đáng ưa chẳng sanh tham đắm, đối với sắc chẳng ưa chẳng sanh giận hờn. Đại Bồ Tát trụ trong bực nầy cũng như vậy, đối với sắc tốt xấu, tâm không tham không giận, ví như hư không rộng lớn tuyệt đối, có thể dung chứa tất cả vật. Đại Bồ tát trụ trong bực nầy cũng như vậy, rộng lớn tuyệt đối đều có thể dung thọ tất cả pháp. Do nghĩa nên đặng gọi là bậc hư không đẳng.

Nầy Thiện nam tử ! Đại Bồ Tát trụ trong bậc nầy đối với tất cả pháp cũng thấy cũng biết, là hành, là duyên, là tánh, là tướng, là nhơn, là duyên, là chúng sanh tâm, là căn, là thiền định, là thừa, là thiện tri thức, là trì cấm giới, là vật bố thí, những pháp như vậy tất cả đều biết đều thấy.

Nầy Thiện nam tử ! Đại Bồ Tát trụ trong bực nầy biết mà chẳng thấy. Thế nào là biết ? Biết tự nhịn đói, gieo xuống vực, nhảy vào lửa tự té từ ngọn núi

cao, thường co một chân, năm thứ nóng đốt thân, thường nằm trên tro, trên đất, trên gai góc, trên lá cây, cỏ cứng, trên phân bò, mặc y phục bằng gai thô của người vất bỏ trong gò mã, áo lông phấn tảo, áo khâm bà la, da nai, da hươu, áo quần bằng cỏ, ăn rau, ăn trái, ăn ngó, ăn cũ, xác dầu, phân bò. Nếu đi khất thực hạn định từ nhà, gia chủ nếu nói rằng không liền bỏ đi, dầu kêu trở lại cũng chẳng ngó ngoái lại. Chẳng ăn muối ăn thịt, cùng năm thứ sữa lạt, tô, v.v… Thường uống nước cám trấu, nước sôi. Thọ trì ngưu giới, kê giới, cẩu giới, trỉ giới. Lấy tro trét trên mình, để tóc dài làm tướng. Lúc dùng dê để cúng tế trước chú nguyện rồi sau giết thịt. Bốn tháng thờ lửa, ngày bảy hớp gió. Trăm ngàn ức thứ hoa cúng dường chư Thiên. Muốn nhơn những việc trên đây để được thành tựu chỗ mong cầu. Những phương pháp trên đây không bao giờ có thể làm nhơn giải thoát được. Đây gọi là biết.

Thế nào là chẳng thấy ? Đại Bồ Tát chẳng thấy môt người nào thật hành phương pháp như vậy mà đặng chánh giải thoát. Đây gọi là chẳng thấy.

Nầy Thiện nam tử ! Đại Bồ Tát cũng thấy cũng biết. Những gì là thấy ? Thấy các chúng sanh thật hành tà pháp ấy quyết đọa địa ngục đây gọi là thấy.

Thế nào là biết ? Biết các chúng sanh từ địa ngục ra, sanh trong loài người nếu có thể tu hành Đàn Ba La Mật nhẫn đến đầy đủ các môn Ba La Mật người nầy quyết đặng tám môn chánh giải thoát. Đây gọi là biết.

Nầy Thiện nam tử ! Đại Bồ Tát lại có cũng thấy cũng biết. Thế nào là thấy ? Thấy thường, vô thường, khổ, lạc, tịnh, bất tịnh, ngã, vô ngã, đây gọi là thấy. Thế nào là biết ? Biết các đức Như Lai quyết định chẳng rốt ráo nhập Niết Bàn, biết thân Như Lai là kim cang không hư hoại, chẳng phải là thân do phiền não mà thành, lại chẳng phải hôi nhơ hư rã. Cũng lại có thể biết tất cả chúng sanh đều có Phật tánh. Đây gọi là biết.

Nầy Thiện nam tử ! Đại Bồ Tát lại có cũng biết cũng thấy. Thế nào là biết ? Biết chúng sanh nầy tín tâm thành tựu, biết chúng sanh nầy cầu pháp Đại thừa, người nầy thuần lưu, người nầy nghịch lưu, người nầy chánh trụ, biết chúng sanh nầy đã đến bờ kia.

Người thuận lưu là nói hạng phàm phu. Người nghịch lưu là từ bậc Tu Đà Hoàn nhẫn đến Duyên Giác. Người chánh trụ là nói các bậc Bồ Tát. Người đến bờ kialà nói các đức Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri. Đây gọi là biết.

Thế nào là thấy ? Đại Bồ Tát trụ nơi kinh điển Đại Thừa Đại Niết Bàn tu phạm hạnh dùng thiên nhãn thanh tịnh thấy các chúng sanh ba nghiệp thân, khẩu, ý tạo điều ác đọa nơi địa ngục,súc sanh, ngạ quỉ. Thấy các chúng sanh tu nghiệp lành sau khi chết sẽ sanh trên trời hay trong loài người. Những chúng sanh nầy từ tối tăm vào tối tăm. Có những chúng sanh từ tối tăm vào sáng suốt. Có những cbúng sanh từ sáng suốt vào tối tăm. Có những chúng sanh từ sáng suốt vào sáng suốt. Đây gọi là thấy.

Nầy Thiện nam tử ! Đại Bồ Tát lại có cũng biết cũng thấy. Đại Bồ Tát biết các chúng sanh tu thân, tu giới, tu tâm, tu huệ. Người nầy đời nay thành tựu nghiệp ác, hoặc nhơn tham dục, sân khuể, ngu si nghiệp nầy ắt phải thọ báo nơi địa ngục, người nầy do tu thân, tu giới, tu tâm, tu huệ, nên hiện đời thọ quả báo nhẹ chẳng đọa địa ngục. Nghiệp nầy thế nào có thể đặng báo hiện tại ? Phát lồ sám hối những tội ác đã làm đã ăn năn chừa cải về sau chẳng dám tái phạm. Vì hổ thẹn, vì cúng dường tam bảo, vì thường trụ quở trách, người nầy do nhơn duyên nghiệp lành đây nên chẳng đọa địa ngục. Hiện đời thọ quả báo là nhức đầu, đau mắt, đau bụng, đau lưng, chết vì họan nạn, bị mắng nhiếc làm nhục, bị đánh đập trói nhốt, bị đói khát khốn khổ, những việc như vậy là hiện đời thọ quả báo nhẹ. Đây gọi là biết.

Thế nào là thấy ? Đại Bồ Tát thấy người như vậy chẳng có thể tu tập thân, giới tâm, huệ, tạo chút ít nghiệp ác. Nhơn duyên của nghiệp nầy đáng lẽ hiện đời thọ quả báo. Người nầy tạo chút ít nghiệp ác chẳng có thể sám hối, chẳng tự quở trách, chẳng sanh lòng hổ thẹn, chẳng sợ sệt, nghiệp ác nầy tăng trưởng nên thọ quả báo nơi địa ngục. Đây gọi là thấy.

Lại có biết mà chẳng thấy. Thế nào là biết ? Biết tất cả chúng sanh đều có Phật tánh , vì phiền não che đậy nên chẳng thể thấy. Đây gọi là biết mà chẳng thấy.

Lại có biết mà thấy chút ít. Bậc thập trụ Bồ Tát biết tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, thấy chẳng được rõ ràng dường như đêm tối thấy vật chẳng rõ.

Lại có cũng thấy cũng biết, chính là chư Phật Như Lai cũng thấy cũng biết.

Lại có cũng thấy cũng biết, chẳng thấy chẳng biết. Cũng thấy cũng biết là : Trong thế gian những văn tự, ngôn ngữ, nam, nữ, xe cộ, bình chậu, nhà cửa, thành ấp, áo xiêm, uống ăn, núi sông, vườn rừng, chúng sanh, thọ mạng. Đây gọi là cũng biết cũng thấy.

Thế nào là chẳng thấy chẳng biết ? Thánh nhơn chỗ có nói ra lời vi mật, không có nam nữ nhẫn đến vườn rừng. Đây gọi là chẳng thấy chẳng biết.

Lại có biết mà chẳng thấy : Biết vật bố thí, biết chỗ cúng dường, biết người lãnh thọ, biết nhơn quả. Đây gọi là biết. Chẳng thấy đồ bố thí, chỗ cúng dường, người thọ nhẫn đến quả báo. Đây gọi là chẳng thấy.

Đại Bồ Tát biết có tám thứ, chính là ngũ nhãn của đức Như Lai chỗ biết.

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : " Thế Tôn ! Đại Bồ Tát có thể biết như vậy thời đặng những lợi ích gì ?

Nầy Thiện nam tử ! Đại Bồ Tát có thể biết như vậy thời đặng bốn vô ngại. Pháp vô ngại, nghĩa vô ngại, từ vô ngại, nhạo thuyết vô ngại. Pháp vô ngại là biết tất cả pháp và danh tự của pháp. Nghĩa vô ngại là : Biết những nghĩa của tất cả pháp, có thể tùy theo danh tự đã đặt cho các pháp mà giải nghĩa. Từ vô ngại là giảng luận tùy theo danh tự, giảng luận theo chánh âm, giảng luận về pháp cú, giảng luận về thế biện. Nhạo thuyết vô ngại là : Đại Bồ Tát khi diễn thuyết không có chướng ngại, không ai động chuyển được, không có sợ sệt, khó có ai tồi phục được.

Nầy Thiện nam tử ! Đây gọi là Bồ Tát có thể thấy và biết như vậy, bèn đặng bốn trí vô ngại như thế.

Lại nầy Thiện nam tử ! Pháp vô ngại là : Đại Bồ Tát biết khắp những pháp Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, chư Phật. Nghĩa vô ngại là thừa, dầu có ba, nhưng biết quy về một, trọn chẳng cho rằng có tướng sai biệt hẳn. Từ vô ngại là : Đại Bồ Tát ở trong một pháp đặt thành nhiều thứ tên, trãi vô lượng kiếp nói chẳng hết, hàng Thanh Văn, Duyên Giác, không thể nói như vậy được. Nhạo thuyết vô ngại là : Đại Bồ Tát trong vô lượng kiếp vì các chúng sanh diễn thuyết các pháp : Hoặc danh hoặc nghĩa, nhiều loại giảng thuyết khác nhau chẳng thể cùng tận.

Lại nầy Thiện nam tử ! Pháp vô ngại : Là Đại Bồ Tát dầu biết các pháp nhưng chẳng chấp lấy. Nghĩa vô ngại là : Đại Bồ Tát dầu biết những nghĩa nhưng cũng chẳng chấp. Từ vô ngại là Đại Bồ Tát dầu biết danh tự cũng chẳng chấp lấy. Nhạo thuyết vô ngại là Đại Bồ tát dầu biết nhạo thuyết tối thượng như vậy nhưng cũng chẳng chấp. Vì cớ sao chẳng chấp ? Vì nếu chấp lấy thời chẳng gọi là Bồ Tát.

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : " Thế Tôn ! Nếu chẳng chấp lấy thời chẳng biết pháp, nếu biết pháp thời là chấp lấy, nếu biết mà chẳng chấp lấy thời là không chỗ biết, thế sao đức Như Lai nói rằng : Biết pháp mà chẳng chấp lấy ? Phật nói : Nầy Thiện nam tử ! Luận về người chấp lấy thời chẳng gọi là vô ngại. Người không chấp lấy mới gọi là vô ngại. Thế nên tất cả Bồ Tát nếu có chấp lấy thời không vô ngại, nếu không vô ngại thời chẳng gọi là Bồ Tát. Nên biết người ấy gọi là phàm phu. Tại sao chấp lấy gọi là phàm phu ? Vì tất cả phàm phu chấp lấy nơi sắc, thinh, nhẫn đến chấp lấy thức. Vì chấp lấy sắc thời sanh tâm tham, vì sanh tâm tham nên bị sắc ràng buộc, nhẫn đến bị thức ràng buộc. Do bị ràng buộc nên chẳng đặng thoát khỏi sanh, già, bịnh, chết, ưu, bi, khổ não. Thế nên chấp lấy gọi là phàm phu. Do nghĩa nầy nên tất cả phàm phu không có bốn vô ngại.

Nầy Thiện nam tử ! Đại Bồ Tát đã ở nơi vô lượng a tăng kỳ kiếp biết và thấy pháp tướng. Do biết thấy nên biết nghĩa. Do thấy pháp tướng và biết nghĩa nên ở trong sắc v.v… chẳng sanh lòng chấp lấy, nhẫn đến trong thức cũng lại như vậy. Do chẳng chấp lấy, Bồ Tát đối với sắc chẳng sanh lòng tham, nhẫn đến nơi thức cũng chẳng sanh lòng tham. Do không tham nên chẳng bị sắc ràng buộc, nhẫn đến chẳng bị thác ràng buộc. Bởi chẳng ràng buộc thời đặng thoát khỏi sanh, già, bịnh, chết, ưu , bi, khổ não. Do nghĩa nầy nên tất cả Bồ Tát đặng bốn vô ngại.

Nầy Thiện nam tử ! Do nhân duyên nầy trong mười hai bộ kinh, đức Phật vì hàng đệ tử nói chấp lấy gọi là bị ma trói buộc. Nếu chẳng chấp lấy thời thoát khỏi sự trói buộc của ma. Ví như trong đời, người có tội bị vua bắt trói, người không tội nhà vua không bắt. Đại Bồ Tát cũng như vậy : Người chấp lấy thời bị ma ràng buộc, người không chấp lấy thời ma không ràng buộc được. Do nghĩa nầy nên Đại Bồ Tát không có chấp lấy.

Nầy Thiện nam tử ! Pháp vô ngại là : Đại Bồ Tát khéo biết danh tự giữ lấy chẳng quên, nói giữ lấy là như đất, núi, như con mắt, như đám mây, như người, như mẹ, tất cả các pháp cũng lại như vậy, nghĩa vô ngại là : Bồ Tát chẳng biết danh tự của các pháp cũng biết nơi nghĩa. Biết nghĩa thế nào ? Như đất khắp giữ lấy tất cả chúng sanh, và phi chúng sanh, do nghĩa nầy nên gọi là đất giữ lấy. Bồ Tát lại suy nghĩ núi có thể giữ lấy đất làm cho vững vàng không nghiêng động nên gọi là núi giữ lấy. Con mắt có thể giữ lấy ánh sáng. Mây gọi là hơi của rồng, hơi của rồng giữ lấy nước cho nên gọi là mây giữ lấy. Người có thể giữ lấy pháp và phi pháp. Mẹ có thể giữ lấy con. Đại Bồ Tát biết danh tự cú nghĩa của tất cả pháp cũng như vậy.

Từ vô ngại là : Đại Bồ Tát dùng các thứ ngôn từ diễn nói một nghĩa, cũng không có nghĩa. Như những danh từ nam nữ, nhà cửa, xe cộ, chúng sanh v.v… Cớ sao là vô nghĩa ? Luận về nghĩa là cảnh giới của Phật của Bồ Tát, ngôn từ là cảnh giới của phàm phu. Do biết nghĩa nên đặng từ vô ngại.

Nhạo thuyết vô ngại là Đại Bồ Tát biết từ, biết nghĩa, nên trong vô lượng a tăng kỳ kiếp thuyết từ, thuyết nghĩa, chẳng cùng tận. Đây gọi là nhạo thuyết vô ngại.

Nầy Thiện nam tử ! Đại Bồ Tát trong vô lượng vô biên a tăng kỳ kiếp tu hành thế đế, do sự tu hành nầy biết pháp vô ngại. Lại trong vô lượng a tăng kỳ kiếp tu đệ nhất nghĩa đế nên đặng nghĩa vô ngại. Lại vô lượng a tăng kỳ kiếp tập học luận Tỳ Dà La Na nên đặng từ vô ngại. Cũng ở trong vô lượng a tăng kỳ kiếp tu tập luận thuyết về thế đế, nên đặng nhạo thuyết vô ngại. Hàng Thinh Văn Duyên Giác không đặng bốn vô ngại như vậy.

Nầy Thiện nam tử ! Trong chín bộ kinh, đức Phật nói Thanh Văn và Duyên Giác có bốn vô ngại, nhưng Thanh Văn Duyên Giác thật không có. Tại vì sao ? Vì Đại Bồ Tát nhơn độ chúng sanh nên tu tập bốn trí vô ngại như vậy. Hàng Duyên Giác tu pháp tịch diệt chỉ ưa ở một mình, nếu hoá độ chúng sanh chỉ hiện thần thông, trọn ngày nín lặng không thuyết pháp làm sao có được bốn trí vô ngại. Cớ sao nín lặng mà không thuyết pháp ? Hàng Duyên Giác chẳng thể thuyết pháp độ người khiến đặng pháp noãn, pháp đảnh, pháp nhẫn, pháp thế đệ nhất, Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm, A Na Hàm, A La hán, Bích Chi Phật, Bồ Tát, chẳng thể khiến người phát tâm vô thượng Bồ Đề.

Nầy Thiện nam tử ! Hàng Duyên Giác ra đời trong thế gian không có chín bộ kinh, vì thế nên Duyên Giác không có từ vô ngại và nhạo thuyết vô ngại. Hàng Duyên Giác dầu biết các pháp nhưng không được pháp vô ngại. Vì pháp vô ngại gọi là biết văn tự. Hàng Duyên Giác dầu biết văn tự nhưng không được văn tự vô ngại. Vì chẳng biết hai chữ : “ Thường Trụ”. Thế nên hàng Duyên Giác chẳng đặng pháp vô ngại. Hàng Duyên Gác dầu biết nơi nghĩa nhưng không được nghĩa vô ngại.

Người thật biết nghĩa thời biết chúng sanh đều có Phật tánh. Nghĩa Phật tánh gọi là vô thượng chánh đẳng chánh giác. Do nghĩa nầy nên hàng Duyên Giác chẳng đặng nghĩa vô ngại, thế nên tất cả hàng Duyên Giác không có bốn trí vô ngại.

Thế nào là hàng Thanh Văn không có bốn trí vô ngại ? Hàng Thanh Văn không có ba thứ thiện xảo phương tiện; một là quyết cần phải lời nói dịu dàng rồi sao mới lãnh thọ giáo pháp, hai là quyết phải lời nói thô rồi sao mới lãnh thọ sự giáo hóa, ba là lời nói chẳng dịu dàng chẳng thô rồi sau mới lãnh thọ sự giáo hóa. Vì hàng Thanh Văn không có ba phương tiện nầy nên không có bốn trí vô ngại. Lại hàng Thanh Văn Duyên Giác chẳng có thể biết lời, biết nghĩa rốt ráo, không có trí tự tại, hiểu rõ nơi cảnh giới, không có mười trí lực, bốn vô sở úy chẳng có thể rốt ráo ra khỏi sông lớn mười hai nhân duyên, chẳng có thể khéo biết những căn tánh lợi độn sai khác của chúng sanh, chưa có thể dứt hẳn lòng nghi đối với hai đế lý, chẳng biết các thứ cảnh giới sở duyên nơi tâm của chúng sanh, chẳng có thể khéo nói đệ nhất nghĩa không, thế nên hàng nhị thừa không có bốn trí vô ngại.

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Thế Tôn ! Nếu tất cả hàng Thanh Văn Duyên Giác đều không có bốn trí vô ngại, tại sao đức Thế Tôn lại nói Xá Lợi Phất là trí huệ đệ nhất. Đại Mục Kiền Liên là thần thông đệ nhất, Ma Ha Câu Si La là tứ vô ngại đệ nhất. Nếu các ngài đó là không có bốn trí vô ngại, sao đức Như Lai tuyên bố những lời như vậy.

Đức Phật khen ngợi Ca Diếp Bồ Tát : " Lành thay ! Lành thay ! Nầy Thiện nam tử ! Ví như sông Hằng có nước nhiều vô lượng, sông lớn Tân Đầu cũng có nước vô lượng, sông lớn Bác Xoa cũng có nước vô lượng, sông lớn Tất Đà cũng có nước vô lượng, ao A Nậu Đạt cũng có nước vô lượng, trong đại hải nước cũng vô lượng. Các con sông lớn ao A Nậu cùng đại hải dầu đồng có nước nhiều vô lượng, nhưng thatä ra nhiếu ít chẳng đồng nhau. Bốùn trí vô ngại của hàng Thanh Văn, Duyên Giác cùng các bậc Đại Bồ Tát vốn cũng như vậy, nếu gọi là đồng nhau thời không đúng.

Nầy Thiện nam tử ! Ta vì phàm phu mà nói Ma Ha Câu Si La bốn trí vô ngại đệ nhất. Ý nghĩa lời hỏi của ông là như vậy.

Nầy Thiện nam tử ! Hàng Thanh Văn hoặc có vị đặng một trí vô ngại , hoặc có vị đặng hai, không có vị nào có đủ được bốn.

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : " Thế Tôn ! Như trong phẩm Phạm Hạnh, đức Phật đã nói sự tri kiến của Bồ tát đặng bốn trí vô ngại. Tri kiến của Bồ Tát thời là vô sở đắc cũng không có tâm niệm cho rằng Vô Sở Đắc. Thế Tôn ! Đại Bồ Tát nầy thật vô sở đắc. Nếu giả sử tâm niệm Bồ Tát có sở đắc thời chẳng phải là Bồ Tát, nên gọi là phàm phu. Đức Như Lai sao lại nói Bồ Tát mà có sở đắc ?

_ Nầy Thiện nam tử ! Lành thay ! Lành thay ! Ta sắp sửa nói mà ông lại hỏi. Đại Bồ Tát thật vô sở đắc, vô sở đắc gọi là bốn trí vô ngại.

Nầy Thiện nam tử ! Do nghĩa gì vô sở đắc gọi là bốn trí vô ngại. Nếu có sở đắc thời gọi là ngại. Có chướng ngại gọi là bốn thứ điên đảo.

Nầy Thiện nam tử ! Đại Bồ tát vì không bốn thứ điên đảo nên đặng vô ngại. Thế nên Bồ Tát gọi là vô sở đắc.

Lại nầy Thiện nam tử ! Vô sở đắc thời gọi là huệ. Đại Bồ Tát đặng huệ nầy nên gọi là vô sở đắc. Có sở đắc gọi là vô minh. Bồ Tát dứt hẳn vô minh tối tăm nên vô sở đắc. Vì thế nên Bồ Tát gọi là vô sở đắc.

Lại nầy Thiện nam tử ! Vô Sở Đắc gọi là Đại Niết bàn. Bồ Tát an trụ trong Đại Niết Bàn như vậy, chẳng thấy tánh tướng của tất cả pháp vì thế nên Bồ Tát gọi là vô sở đắc. Có sở đắc gọi là hai mươi lăm cõi, Bồ Tát dứt hẳn hai mươi lăm cõi đặng Đại Niết Bàn. Vì thế nên Bồ Tát gọi là vô sở đắc.

Lại nầy Thiện nam tử !Vô sở đắc gọi là Đại Thừa, Đại Bồ Tát chẳng trụ nơi các pháp nên đặng Đại Thừa. Vì thế nên Bồ Tát gọi là vô sở đắc.

Có sở đắc gọi là đạo Thanh Văn, Bích Chi Phật. Bồ Tát dứt hẳn đạo Nhị Thừa nên đặng Phật đạo. Vì thế nên Bồ Tát gọi là vô sở đắc.

Lại nầy Thiện nam tử ! Vô sở đắc gọi là kinh Phương Đẳng. Bồ Tát đọc tụng kinh như vậy nên đặng Niết Bàn. Vì thế nên Bồ Tát gọi là vô sở đắc.

Có sở đắc gọi là mười một bộ kinh. Bồ Tát tu tập kinh điển thuần giảng thuyết Phương đẳng Đại Thừa. Vì thế nên gọi là Bồ Tát Vô Sở Đắc.

Lại nầy Thiện nam tử ! Vô Sở Đắc gọi là hư không. Trong thế gian không có vật gọi là hư không. Bồ Tát đặng hư không tam muội nầy thời không chổ thấy. Vì thế nên Bồ Tát gọi là Vô Sở Đắc.

Có Sở Đắc gọi là luân hồi sanh tử. Tất cả phàm phu luân hồi sanh tử nên có chổ thấy. Bồ Tát dứt hẳn tất cả sanh tử nên gọi Bồ Tát là Vô Sở Đắc. Lại nầy Thiện nam tử !Vô Sở Đắc của Đại Bồ Tát gọi là thường, lạc, ngã, tịnh, vì Đại Bồ Tát thấy Phật tánh nên đặng thường, lạc, ngã, tịnh. Do đó nên gọi Bồ Tát là Vô Sở Đắc.

Có Sở Đắc gọi là vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh. Đại Bồ Tát dứt bốn thứ nầy nên gọi Bồ Tát là Vô Sở Đắc.

Lại nầy Thiện nam tử ! Vô Sở Đắc gọi là Đệ Nhất Nghĩa Không. Đại Bồ Tát quán Đệ Nhất Nghĩa Không đều không chỗ thấy nên gọi Bồ Tát là Vô Sở Đắc.
Có Sở Đắc gọi là năm sự thấy. Bồ Tát dứt hẳn năm sự thấy nầy nên chứng đặng đệ nhất nghĩa không, vì thế nên gọi Bồ Tát là Vô Sở Đắc.

Lại nầy Thiện nam tử !Vô Sở Đắc gọi là vô thượng chánh đẳng chánh giác. Đại Bồ Tát lúc đặng vô thượng chánh giác đều không chỗ thấy nên gọi Bồ Tát là Vô Sở Đắc.

Có Sở Đắc gọi là Thanh Văn Bồ Đề, Duyên Giác Bồ Đề, Bồ Tát dứt hẳn Bồ Đề của Nhị thừa nên gọi Bồ Tát là Vô Sở Đắc.

Nầy Thiện nam tử ! Lời hỏi của ông cũng Vô Sở Đắc. Lời nói của ta cũng Vô Sở Đắc. Nếu có Sở Đắc là quyến thuộc của ma, chẳng phải đệ tử của Phật.

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : " Thế Tôn ! Vì tôi lúc nói Bồ Tát Vô Sở Đắc nầy, có vô lượng chúng sanh dứt tâm chấp có tướng. Do việc nầy tôi dám thưa hỏi Vô Sở Đắc, làm cho vô lượng chúng sanh như vậy rời quyến thuộc ma làm đệ tử Phật."

Ca Diếp Bồ Tát lại bạch Phật : " Thế Tôn ! Đức Như Lai vừa rồi ở rừng Ta La Song Thọ nầy vì Thuần Đà nói bài kệ :

Trước có nay không.
Trước không nay có.
Ba đời có pháp,
Không có lẽ ấy.

_ Nầy Thiện nam tử ! Đức Phật vì hoá độ chúng sanh mà nói lời ấy, cũng vì hàng Thanh Văn Duyên Giác mà nói lời ấy, cũng vì Văn Thù Sư Lợi mà nói lời ấy, chẳng phải chỉ vì một mình Thuần Đà mà nói kệ ấy. Lúc đó Văn Thù Sư Lợi toan muốn hỏi Phật. Phật biết tâm niệm của Văn Thù mà nói kệ ấy. Phật nói bài kệ ấy rồi thời Văn Thù Sư Lợi liền hiểu rõ.

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : " Thế Tôn ! Như Văn Thù Sư Lợi, có được mấy người hiểu nghĩa ấy. Xin đức Như Lai vì đại chúng lại phân biệt giảng rộng.

_ Nầy Thiện nam tử ! Lóng nghe ! Lóng nghe 1 Nay sẽ vì ông diễn giải lại.

Nói rằng trước có đó : Ngày trước ta vốn có vô lượng phiền não, do phiền não nên hiện tại không có Đại Niết Bàn.

Nói rằng trước không đó : Trước không bát nhã ba la mật, vì không bát nhã ba la mật nên hiện tại có đủ phiền não. Hoặc Sa Môn hay Bà La Môn, hoặc trời, hoặc ma, hoặc Phạm Vương, hoặc người, không ai có thể nói đức Như Lai thuở quá khứ, vị lai, hay hiện tại có phiền não.

Lại nầy Thiện nam tử ! Nói rằng trước có đó : Ta trước có thân hòa hiệp của cha mẹ sanh vì thế nên hiện tại không có pháp thân kim cang vi diệu. Nói rằng trước không đó : Thân ta vốn không ba mươi hai tướng, tám mươi thứ tốt, bởi trước không có tướng tốt nên hiện tại có đủ bốn trăm lẻ bốn thứ bịnh.
Hoặc Sa Môn hay Bà La Môn, hoặc trời hoặc ma, hoặc Phạm vương hoặc người, không thể nói rằng đức Như Lai thuở quá khứ, vị lai, hiện tại có bệnh khổ đó.

Lại nầy Thiện nam tử ! Nói rằng trước có đó ta trước vốn có vô thường, vô ngã, vô lạc, vô tịnh. Bởi có vô thường, vô ngã, vô lạc, vô tịnh, nên hiện tại không có vô thường bồ đề. Nói rằng trước không đó : Trước không thấy Phật tánh, vì chẳng thấy nên không có thường, lạc , ngã, tịnh, hoặc Sa Môn hay Bà La Môn hoặc trời hoặc ma, hoặc Phạm Vương, hoặc người, không thể nói rằng đức Như Lai thuở quá khứ vị lai hiện tại không có thường, lạc, ngã, tịnh.

Lại nầy Thiện nam tử ! Nói rằng trước có đó, là trước có tâm niệm tu khổ hạnh của phàm phu cho rằng đặng vô thượng chánh giác, vì vậy nên hiện tại không thể phá hoại bốn thứ ma. Nói rằng trước không đó, ta trước không có sáu môn Ba La Mật, do trước không sáu môn Ba La Mật nên có tâm niệm tu, tu hành khổ hạnh của phàm phu cho rằng đặng vô thượng bồ đề. Hoặc Sa Môn hay Bà La Môn, hoặc trời, hoặc ma, hoặc Phạm vương, không thể nói đức Như Lai thuở quá khứ vị lai, hiện tại có khổ hạnh.

Lại nầy Thiện nam tử ! Nói rằng trước có đó, ta xưa trước có thân tạp thực nên hiện tại không thân vô biên. Nói rằng trước không đó, trước không ba mươi bảy pháp trợ đạo, do không pháp trợ đạo nên hiện tại có thân tạp thực. Hoặc Sa Môn hay Bà La Môn, hoặc trời, hoặc ma, hoặc Phạm Vương, hoặc người, nói rằng đức Như Lai thuở quá khứ vị lai hiện tại có thân tạp thực, thời không đúng.

Lại nầy Thiện nam tử ! Nói rằng trước có đó : Ta xưa trước có tâm niệm chấp lấy tất cả pháp, vì thế nên hiện tại không có chánh định rốt ráo không. Nói rằng trước không đó : Ta trước không có thật nghĩa trung đạo, do không có thật nghĩa trung đạo nên có tâm niệm chấp lấy tất cả pháp. Hoặc Sa Môn hay Bà La Môn, hoặc trời, hoặc ma, hoặc Phạm vương, hoặc người nói rằng đức Như Lai thuở quá khứ, vị lai, hiện tại nói tất cả pháp là có tướng, thời không đúng.

Lại nầy Thiện nam tử ! Nói rằng trước có đó, lúc ta mới đặng vô thượng bồ đề, có các đệ tử Thanh Văn căn độn, do có đệ tử Thanh văn căn độn nên không thể diễn nói đạo nhứt thừa chơn thật. Nói rằng trước không đó : Trước không bậc lợi căn Tượng Vương trong loài người như Ca Diếp Bồ Tát v.v… Bởi không hạng lợi căn nên đức Phật tùy nghi phương tiện khai thị ba thừa. Nếu có Sa Môn hay Bà La Môn, hoặc trời, hoặc ma, hoặc Phạm vương, hoặc người, nói rằng đức Như Lai thuở quá khứ vị lai, hiện tại rốt ráo diễn thuyết pháp ba thừa, thời không đúng.

Lại nầy Thiện nam tử ! Nói rằng trước có đó : Ta trước nói rằntg sau đây ba tháng nơi rừng Ta La Song Thọ, ta sẽ nhập Niết Bàn. Vì thế nên hiện tại đây chẳng diễn thuyết được kinh Đại Thừa Đại Niết Bàn. Nói rằng trước không đó : Ngày trước không có Văn Thù Sư Lợi Đại Bồ Tát v.v… Vì không có nên hiện tại nói đức Như Lai vô thường. Hoặc Sa Môn hay Bà La Môn, hoặc Phạm Vương, hoặc người, hoặc trời, hoặc ma, nói rằng đức Như Lai thuở quá khứ, hiện tại là vô thường thời không đúng.

Nầy Thiện nam tử ! Đức Như Lai khắp vì chúng sanh nên dầu biết rõ tất cả pháp mà nói là chẳng biết, dầu thấy mà nói chẳng thấy, Pháp có tướng nói rằng không tướng, pháp không tướng nói rằng có tướng. Thiệt có thường nói rằng vô thường, lạc, ngã, và tịnh cũng như vậy. Pháp tam thừa nói là nhứt thừa, pháp nhứt thừa tùy nghi nói thành ba : Tướng dón gọn nói thành tướng rộng, tướng rộng nói thành tướng dón gọn. Bốn tội trọng nói là tội thâu lan giá, tội thâu lan giá nói là bốn tội trọng. Phạm nói chẳng phải phạm, chẳng phải phạm nói là phạm. Tội khinh nói là trọng, tội trọng nói là khinh. Tại sao vậy ? Vì đức Như Lai thấy rõ căn tánh của chúng sanh. Đức Như Lai dầu nói như vậy mà trọn không hư vọng. Vì lời hư vọng chính là tội lỗi. Đức Như Lai đã dứt hết tất cả tội lỗi, thời đâu còn có nói lời hư vọng.

Nầy Thiện nam tử ! Đức Như Lai dầu không lời hư vọng, nếu biết chúng sanh do nơi lời hư vọng mà đặng lợi ích đối với chánh pháp, thời tùy nghi phương tiện vì họ mà nói.

Nầy Thiện nam tử ! Tất cả thế đế đối với Như Lai tức là đệ nhất nghĩa đế. Chư Phật Thế Tôn vì đệ nhất nghĩa đế mà nói thế đế, làm cho chúng sanh chứng đặng đệ nhất nghĩa đế. Giả sử chúng sanh chẳng đặng đệ nhất nghĩa đế như vậy, thời chư Phật trọn chẳng tuyên nói thế đế.

Nầy Thiện nam tử ! Đức Như Lai có lúc diễn nói thế đế, chúng sanh cho rằng Phật nói đệ nhất nghĩa đế. Đức Như Lai có lúc diễn nói đệ nhất nghĩa đế, chúng sanh cho rằng Phật nói thế đế. Nên cảnh giới rất sâu của chư Phật chẳng phải hàng Thanh Văn Duyên Giác có thể biết được.

Nầy Thiện nam tử ! Vì thế nên ông chẳng nên gạn rằng : Đại Bồ Tát là vô sở đắc. Bồ Tát thường chứng đặng đệ nhất nghĩa đế, sao lại gạn rằng là vô sở đắc.

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : Thế Tôn ! Đệ nhất nghĩa đế cũng gọi là đạo, cũng gọi là bồ đề, cũng gọi là Niết Bàn. Nếu có Bồ Tát nói rằng có đắc đạo, có bồ đề, Niết Bàn thời là vô thường. Vì pháp nếu là thườntg thời chẳng thể đặng, dường như hư không, có ai được.

Thế Tôn ! Như vật trong thế gian trước không nay có gọi đó là vô thường. Cũng vậy, nếu đạo là có thể được thời gọi là vô thường. Pháp nếu là thường thời không đặng, không sanh, dường như Phật tánh không đặng, không sanh.

Thế Tôn ! Luận về đạo : Chẳng phải sắc, chẳng phải chẳng sắc, chẳng dài, chẳng vắn, chẳng phải cao, chẳng phải thấp, chẳng phải sanh, chẳng phải diệt, chẳng phải đỏ, chẳng phải trắng, chẳng phải xanh, chẳng phải vàng, chẳng phải có, chẳng phải không, cớ sao đức Như Lai nói là có thể được. Bồ Đề cùng Niết Bàn cũng như vậy.

Phật nói : " Phải lắm ! Phải lắm ! Nầy Thiện nam tử ! Đạo có hai thứ : Một là thường, hai là vô thường. Tướng Bồ Đề cũng có hai thứ : Một là thường, hai là vô thường. Niết Bàn cũng vậy.

Đạo của ngoại đạo gọi là vô thường. Đạo của nội đạo gọi là thường, Bồ Đề của Thanh Văn Duyên Giác là vô thường. Bồ Đề của Bồ Tát và chư Phật gọi là thường. Ngoại giải thoát gọi là vô thường, Nội giải thoát gọi là thường.

Đạo cùng Bồ Đề và Niết Bàn đều gọi là thường. Tất cả chúng sanh vì bị vô lượng phiền não che đậy không huệ nhãn nên chẳng thể thấy được. Mà các chúng sanh vì muốn được thấy nên tu giới, định, huệ. Do tu hành nên thấy

đạo cùng Bồ Đề và Niết Bàn. Đây gọi là Bồ Tát chứng đặng đạo cùng Bồ Đề và Niết Bàn.

Tánh tướng của đạo thật chẳng sanh, chẳng diệt. Do nghĩa nầy nên chẳng thể nắm lấy. Nầy Thiện nam tử ! Đạo dầu không hình sắc thấy được, không thể cân lường biết. Nhưng thật có công dụng. Như tâm chúng sanh dầu chẳng phải sắc, chẳng phải dài, vắn, thô, tế, chẳng phải buộc chẳng phải mở. Chẳng phải là pháp có thể thấy nhưng cũng là có.

Do nghĩa nầy nên đức Phật vì ông Tu Đạt Đa nói rằng : Nầy trưởng Giả ! Tâm là chúa trong thành. Trưởng Giả nếu chẳng giữ gìn tâm thời chẳng giữ gìn thân miệng. Nếu giữ gìn tâm thời giữ gìn thân miệng. Bởi chẳng khéo giữ gìn thân miệng nên làm cho chúng sanh sa đến ba ác thú. Giữ gìn thân miệng thời làm cho chúng sanh đặng báo trời người và Niết Bàn. Chứng đặng gọi là chơn thật, còn chẳng chứng đặng gọi là chẳng chơn thật. Đạo cùng Bồ Đề và Niết Bàn cũng như vậy : Cũng là có cũng là thường. Nếu như không có làm sao có thể dứt được tất cả phiền não. Vì có nên tất cả Bồ Tát thấy biết rõ ràng.

Nầy Thiện nam tử ! Một là thấy tướng mạo, hai là thấy rõ ràng. Thế nào là thấy tướng mạo ? Như thấy khói đàng xa gọi là thấy lửa, kỳ thật chẳng thấy lửa, dầu chẳng thấy lửa, nhưng cũng chẳng phải là hư vọng. Thấy chim hạc bay trên không bèn nói là thấy nước. Dầu chẳng thấy nước nhưng chẳng phải là hư vọng. Như thấy lá cây bèn nói là thấy gốc cây, dầu chẳng phải thấy gốc cây nhưng cũng chẳng phải là hư vọng. Như người thấy sừng trâu trong rào đằng xa bèn nói là thấy trâu, dầu chẳng thấy trâu nhưng cũng chẳng phải là hư vọng. Như thấy người nữ thai nghén bèn nói là thấy dục, dầu chẳng thấy dục, nhưng cũng chẳng phải là hư vọng. Như thấy cây mọc lá bèn nói là thấy nước, dầu chẳng thấy nước nhưng cũng chẳng phải là hư vọng. Như thấy mây bèn nói là thấy mưa, dầu chẳng thấy mưa nhưng cũng chẳng phải là hư vọng. Như thấy thân nghiệp cùng khẩu nghiệp bèn nói là thấy tâm, dầu chẳng thấy tâm, nhưng cũng chẳng phải là hư vọng, đây gọi là thấy tướng mạo.

Thế nào là thấy rõ ràng ? Như mắt thấy sắc. Nầy Thiện nam tử ! Như người có con mắt sáng tự xem trái A Ma Lặc trong bàn tay. Đại Bồ Tát thấy đạo Bồ Đề, Bồ Đề và Niết Bàn rõ ràng cũng như vậy, dầu thấy như vậy nhưng vẫn không có tướng thấy.

Nầy Thiện nam tử ! Do nhân duyên nầy ngày trước ta bảo Xá Lợi Phất : Tất cả trong đời hoặc Sa Môn, Bà La Môn, hoặc trời, hoặc ma, hoặc Phạm Vương, hoặc người chỗ chẳng biết, chẳng thấy, chẳng hiểu, chỉ có đức Như Lai đều biết thấy và hiểu, chư vị Đại Bồ Tát cũng như vậy. Còn nếu trong các thế gian chỗ biết thấy và hiểu, thời ta cùng Bồ Tát cũng biết thấy và hiểu. Chúng sanh trong thế gian chỗ chẳng biết, chẳng thấy, chẳng hiểu, cũng chẳng tự biết là mình chẳng biết, chẳng thấy, chẳng hiểu. Chúng sanh trong thế gian chỗ biết thấy và hiểu bèn tự nói rằng tôi biết thấy và hiểu. Đức Như Lai tất cả đều biết thấy và hiểu, cũng chẳng tự nói rằng ta biết thấy và hiểu, tất cả Bồ Tát cũng như vậy, vì nếu giả sử đức Như Lai còn có tướng biết thấy và hiểu, phải biết đó là chẳng Phật Thế Tôn mà là phàm phu, Bồ Tát cũng vậy.

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : " Như đức Thế Tôn bảo Xá Lợi Phất : Thế gian biết ta cũng biết, thế gian chẳng biết ta cũng biết rõ. Ý nghĩa đó thế nào ?

Nầy Thiện nam tử ! Tất cả thế gian chẳng biết, chẳng thấy chẳng hiểu được Phật tánh. Nếu có biết thấy và hiểu Phật tánh thời chẳng gọi là thế gian mà là Bồ Tát. Người thế gian cũng lại chẳng biết, chẳng thấy, chẳng hiểu, mười hai loại kinh, mười hai nhơn duyên, bốn đảo, bốn đế ba mươi bảy phẩm, vô thượng Bồ Đề, Đại Niết Bàn, nếu biết, thấy và hiểu thời chẳng phải là thế gian nên gọi là Bồ Tát.

Nầy Thiện nam tử ! Đây gọi là thế gian chẳng biết, chẳng thấy, chẳng hiểu.

Thế nào là chỗ biết thấy và hiểu của thế gian ? Chính là Phạm Thiên, Tự Tại Thiên, Bát Tý Thiên, tánh, thời, vi trần, pháp và phi pháp là chủ tạo hoá, chung thỉ của thế giới, hai kiến chấp đoạn thường, cho rằng sơ thiền đến trời phi phi tưởng Là Niết Bàn.

Nầy Thiện nam tử ! Đây gọi là chỗ thấy, biết và hiểu của thế gian. Đại Bồ Tát đối với những việc như vậy cũng biết thấy và hiểu. Bồ Tát thấy biết và hiểu như vậy rồi, nếu nói rằng chẳng biết chẳng thấy chẳng hiểu thời là hư vọng. Hư vọng thời là tội. Do tội nầy phải đọa địa ngục.

Nầy Thiện nam tử ! Hoặc nam nữ, hoặc Sa Môn hay Bà La Môn nói rằng không có đạo Bồ Đề Niết Bàn. Phải biết bọn nầy gọi là Nhứt Xiển Đề, là quyến thuộc của Ma, gọi là hủy báng chánh pháp. Hủy báng chánh pháp như vậy chính là hủy báng chư Phật. Người như vậy chẳng gọi là thế gian cùng chẳng gọi là chẳng phải thế gian.

Lúc bấy giờ Ca Diếp Bồ Tát liền nói kệ tán thán Phật.

Đức đại từ thương chúng sanh, Nên nay tôi quy y Phật. Khéo nhổ những mũi tên độc, Nên hiệu là đại Y Vương. Y sĩ trong đời trị bịnh, Dầu lành nhưng sanh trở lại, Đức Như Lai trị lành hẳn, Rốt ráo chẳng còn phát sanh. Thuốc cam lộ của Thế Tôn, Đem ban cho các chúng sanh, Chúng sanh đã uống thuốc rồi, Thời chẳng chết cũng chẳng sanh. Đức Như Lai nay vì tôi, Diễn nói kinh Đại Niết Bàn, Chúng sanh nghe tạng bí mật. Liền đặng chẳng sanh chẳng diệt.

Nói kệ xong, Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : " Thế Tôn ! Như lời Phật nói tất cả thế gian chẳng biết, thấy , hiểu, Bồ Tát đều có thể biết, thấy, hiểu. Giả sử Bồ Tát là thế gian thời chẳng đặng nói rằng thế gian chẳng biết chẳng thấy chẳng hiểu, mà Bồ Tát có thể biết thấy hiểu. Còn nếu Bồ Tát chẳng phải thế gian thời có tướng gì khác ?

_ Nầy Thiện nam tử ! Bồ Tát cũng là thế gian cũng chẳng phải thế gian. Chẳng biết, thấy, hiểu gọi là thế gian. Biết , thấy, hiểu chẳng gọi là thế gian. Ông hỏi có tướng gì khác nay ta sẽ nói.

Nầy Thiện nam tử ! Hoặc nam nữ nếu có người mới nghe kinh Đại Niết Bàn nầy liền sanh lòng kính tin phát tâm vô thượng Bồ Đề, đây gọi là thế gian Bồ Tát. Tất cả thế gian chẳng biết, thấy , hiểu, Bồ Tát nầy cũng chẳng biết, thấy, hiểu đồng như thế gian. Bồ Tát nghe kinh Đại Niết Bàn nầy rồi biết có sự mà thế gian chẳng biết, chẳng thấy, chẳng hiểu là chỗ biết, thấy, hiểu của Bồ Tát. Biết như vậy rồi liền tự nghĩ rằng : Tôi phải tu tập thế nào để được biết thấy và hiểu ? Lại tự nghĩ : Chỉ phải thâm tâm tu trì tịnh giới.

Nầy Thiện nam tử ! Do nhơn duyên đó Bồ Tát nầy ở đời vị lai sanh vào chốn nào giới đức vẫn thường thanh tịnh.

Nầy Thiện nam tử ! Do giới thanh tịnh nên Đại Bồ Tát sanh vào chốn nào vẫn thường không kiêu mạn, tà kiến, nghi lầm. Không bao giờ cho rằng : Đức Như Lai rốt ráo nhập Niết Bàn. Đây gọi là Bồ Tát tu trì giới thanh tịnh.

Giới đã thanh tịnh kế đến tu thiền định. Do tu thiền định nên đời đời chẳng mất chánh niệm : Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, mười hai bộ kinh, chư Phật Thế Tôn thường, lạc, ngã, tịnh. Tất cả Bồ Tát an trụ nơi kinh Phương Đẳng Đại Niết Bàn đều thấy Phật tánh, những việc như vậy đời đời nhớ chẳng quên. Do tu chánh định, nên chứng đặng mười một pháp không. Đây gọi là Bồ tát tu thanh tịnh.

Giới định đã đủ kế tu huệ thanh tịnh. Do tu huệ nên chẳng chấp trước trong thân có ngã, trong ngã có thân, là thân là ngã, chẳng phải thân chẳng phải ngã. Đây gọi là Bồ Tát tu tập huệ thanh tịnh. Do tu huệ nên giới cấm đang thọ trì bền chắc chẳng lay động.

Như núi Tu Di chẳng bị bốn ngọn gió làm lay động. Cũng vậy, Đại Bồ Tát chẳng bị bốn thứ điên đảo làm lay động.

Bấy giờ Bồ Tát tự rõ biết rằng giới cấm của mình thọ trì không có lay động. Đây gọi là chỗ thấy biết của Bồ Tát, chẳng phải là thế gian.

Nầy Thiện nam tử ! Bồ Tát thấy giới cấm của mình thọ trì bền chắc chẳng lay động thời tâm không hối hận. Vì không hối hận nên tâm vui mừng. Vì vui mừng nên tâm thỏa thích. Vì thỏa thích nên tâm an ổn. Vì an ổn nên đặng chánh định vô động. Vì đặng chánh định vô động nên đặng tri kiến chơn thật. Vì đặng tri kiến chơn thật nên nhàm lìa sanh tử. Vì nhàm lìa sanh tử bèn đặng giải thoát. Vì đặng giải thoát nên thấy rõ Phật tánh. Đây gọi là chỗ thấy biết của Bồ Tát, chẳng phải là thế gian.

Nầy Thiện nam tử ! Như trên đây gọi là thế gian chẳng biết chẳng thấy, mà là chỗ thấy chỗ biết của Bồ Tát.

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : " Thế nào là Bồ Tát tu trì giới thanh tịnh tâm không hối hận nhẫn đến thấy rõ Phật tánh ?"

_ Nầy Thiện nam tử ! Giới cấm của thế gian chẳng gọi là thanh tịnh. Vì giới cấm của thế gian để cầu pháp có, vì tánh bất định, vì chẳng rốt ráo, chẳng thể khắp vì tất cả chúng sanh. Do nghĩa nầy nên gọi là chẳng thanh tịnh. Vì chẳng thanh tịnh nên có tâm hối hận. Vì hối hận nên tâm không vui mừng. Vì không vui mừng thì không thỏa thích. Vì không thỏa thích thời tâm không an ổn. Vì không an ổn nên không có chánh định bất động. Vì không chánh định bất động nên không có tri kiến chơn thật. Vì không tri kiến chơn thật thì tâm không nhàm lìa. Vì không nhàm lìa thời không được giải thoát. Vì không giải thoát nên chẳng thấy Phật tánh. Vì không thấy Phật tánh nên trọn chẳng đặng Đại Niết Bàn. Đây gọi là giới cấm của thế gian chẳng thanh tịnh.

Nầy Thiện nam tử ! Giới của Đại Bồ Tát thanh tịnh : Vì giới mà chẳng phải giới, vì chẳng phải là có, vì quyết định rốt ráo, vì lợi ích chúng sanh. Đây gọi là giới thanh tịnh của Bồ Tát.

Nầy Thiện nam tử ! Đại Bồ Tát ở trong giới thanh tịnh, dầu chẳng muốn sanh lòng không hối hận, nhưng lòng không hối hận tự nhiên sanh. Như người cầm gương sáng chẳng trông mong thấy mặt mình mà ảnh của mặt mình tự nhiên hiện.

Như nhà nông đem giống gieo trong ruộng tốt, chẳng mong mõi mầm mộng mọc lên mà mầm mộng tự mọc. Lại cũng như thắp đèn chẳng muốn trừ tối mà tối tự mất.

Đại Bồ Tát bèn giữ giới thanh tịnh tâm không hối hận tự nhiên sanh cũng như vậy, do thanh tịnh nên tâm đặng vui mừng.

Như người xinh đẹp thấy diện mạo mình lòng sanh vui mừng, người trì tịnh giới cũng như vậy.

Nầy Thiện nam tử ! Người phá giới thấy giới không thanh tịnh lòng không vui mừng, như người tàn tật xấu xa thấy diện mạo mình lòng buồn bã.

Như hai cô gái chăn bò : Một người cầm bình đựng chất lạc, một người cầm bình đựng chất nước trái ép, đồng vào thành để bán, giữa đường vấp chân té hai bình đều bể. Một thời vui mừng, một thời rầu rĩ. Trì giới và phá giới mừng rầu cũng như vậy. Người trì tịnh giới tâm vui mừng. Vì vui mừng bèn suy nghĩ :

_ Chư Phật ở trong Niết Bàn nói rằng : Người có thể trì tịnh giới thanh tịnh sẽ đặng Niết Bàn. Nay tôi tu tập tịnh giới như vậy cũng đáng được đó. Do cớ nầy nên tâm thỏa thích.

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : Vui mừng cùng thỏa thích có sai khác gì ?

Nầy Thiện nam tử ! Đại Bồ Tát lúc chẳng làm ác gọi là vui mừng, lúc trì tịnh giới gọi là thỏa thích. Đại Bồ Tát lúc quán sát sanh tử gọi là vui mừng, lúc thấy Đại Niết Bàn gọi là thỏa thích. Bậc hạ gọi là vui mừng, bậc thượng gọi là thỏa thích. Lìa pháp thế gian gọi là vui mừng, đặng pháp bất cộng gọi là thỏa thích. Do giới thanh tịnh nên thân thể dịu dàng, miệng không nói lời thô ác lỗi lầm. Lúc bấy giờ Bồ Tát hoặc thấy hoặc nghe, hoặc ngửi, hoặc nếm, hoặc xúc chạm, hoặc biết, đều không có các sự ác. Vì không ác nên tâm đặng an ổn. Vì an ổn nên đặng chánh định . Vì đặng chánh định nên thấy biết chơn thật. Vì thấy biết chơn thật nên nhàm lìa sanh tử. Vì nhàm lìa sanh tử nên đặng giải thoát.Vì giải thoát nên thấy Phật tánh. Vì thấy Phật tánh nên đặng Niết Bàn. Đây gọi là Bồ Tát trì tịnh giới, chẳng phải giới cấm thế gian.

Vì Đại Bồ Tát thọ trì tịnh giới có năm pháp tá trợ : Một là tín, hai là tàm, ba là quí, bốn là thiện tri thức, năm là tôn kính giới, do đã lìa ngũ cái, chỗ thấy thanh tịnh vì đã lìa năm ác kiến. Tâm không nghi hoặc vì đã lìa năm thứ nghi : Một là nghi Phật, hai là nghi Pháp, ba là nghi Tăng, bốn là nghi giới, năm là nghi chẳng phóng dật. Bồ Tát bèn đặng ngũ căn : Tín niệm, tinh tấn, định và huệ. Vì đặng ngũ căn nên đặng năm thứ Niết Bàn : Sắc giải thoát nhẫn đến thức giải thoát. Đây gọi Bồ Tát trì tịnh giới thanh tịnh chẳng phải thế gian vậy.

Nầy Thiện nam tử ! Đây là thế gian chẳng biết chẳng thấy mà là chỗ thấy biết của Bồ Tát.

Nếu hàng đệ tử của ta thọ trì đọc tụng biên chép, diễn thuyết kinh Đại Niết Bàn mà có phá giới. Bị người quở trách khinh tiện hủy nhục và nói rằng : "Nếu tạng bí mật của Phật, kinh Đại Niết Bàn có oai lực, sao lại làm cho người hủy phá giới cấm. Nếu người thọ trì kinh Niết Bàn nầy hủy phá giới cấm, nên biết kinh nầy là không có oai lực nếu không oai lực dầu có đọc tụng cũng không lợi ích". Do vì khinh hủy kinh Đại Niết Bàn nên làm cho vô lượng chúng sanh đọa địa ngục. Người thọ trì kinh nầy mà hủy phá giới cấm là ác tri thức của chúng sanh, là quyến thuộc của ma chẳng phải đệ tử của ta. Người như vậy ta cũng chẳng cho thọ trì kinh nầy. Thà khiến họ chẳng thọ chẳng trì, chẳng tu, chớ chẳng để họ hủy phá giới cấm mà tho ïtrì tu tập.

Nầy Thiện nam tử ! Nếu đệ tử ta thọ trì đọc tụng thơ tả diễn thuyết kinh Niết Bàn phải chánh thân tâm cẩn thận chớ cợt đùa, cử động khinh tháo thân không cợt đùa tâm không khinh động. Tâm cầu pháp có thời gọi là khinh động thân tạo các nghiệp gọi là cợt đùa. Nếu đệ tử ta cầu pháp có, tạo các nghiệp, thời không nên thọ trì kinh điển Đại thừa Đại Niết Bàn nầy. Nếu người như vậy mà thọ trì kinh nầy, sẽ làm cho nhiều người khinh chê mà nói rằng : Nếu kinh Đại Niết Bàn, tạng bí mật của Phật có oai lực, sao lại làm cho người cầu pháp có, gây tạo các nghiệp. Nếu người trì kinh nầy cầu pháp có, gây tạo các nghiệp do đó biết rằng kinh nầy không có oai lực không oai lực nên thọ trì cũng không lợi ích gì.

Do khinh hủy kinh Đại Niết Bàn lại làm cho vô lượng chúng sanh đọa địa ngục. Người thọ trì kinh nầy nếu cầu pháp có, gây tạo các nghiệp, họ là ác tri thức của chúng sanh, là quyến thuộc của ma không phải đệ tử ta.

Nầy Thiện nam tử ! Nếu hàng đệ tử của ta thọ trì đọc tụng thơ tả diễn thuyết kinh Đại Niết Bàn nầy, không nên : Thuyết pháp phi thời, thuyết pháp phi xứ, không thỉnh mà thuyết pháp, khinh tâm mà thuyết pháp, chỗ nào cũng thuyết pháp, tự khen mình mà thuyết pháp, khinh người khác mà thuyết pháp, diệt Phật mà thuyết pháp, hưng thạnh pháp thế gian mà thuyết pháp.

Nếu đệ tử của ta thọ trì kinh nầy mà thuyết pháp phi thời cho đến thuyết pháp để hưng thạnh pháp thế gian, mọi người sẽ khinh chê họ. Vì khinh chê kinh Đại Niết Bàn nên làm cho vô lượng chúng sanh đọa địa ngục. Người thọ trì kinh nầy mà như vậy thời là ác tri thức của chúng sanh, là quyến thuộc của ma, không phải đệ tử của ta.

Nầy Thiện nam tử ! Nếu người thọ trì kinh nầy, muốn giảng thuyết Đại Niết Bàn, muốn giảng thuyết Phật tánh, muốn giảng thuyết tạng bí mật của Như Lai, muốn giảng thuyết Đại Thừa, muốn giảng thuyết kinh Phương Đẳng , muốn giảng thuyết Thanh Văn thừa, Bích Chi Phật thừa, muốn giảng thuyết giải thoát, thấy Phật tánh thời trước phải thanh tịnh thân của mình. Vì thân thanh tịnh thời người không quở trách. Vì không quở trách nên làm cho vô lượng chúng sanh có lòng tin thanh tịnh đối với kinh Đại Niết Bàn. Vì cóù lòng tin nên càng kính kinh nầy, nếu được nghe một kệ, một câu, một chữ và người thuyết pháp, thời phát đặng tâm vô thượng Bồ Đề. Nên biết người nầy thật là thiện tri thức của chúng sanh, là đệ tử của Phật. Đây gọi là Bồ Tát chẳng phải thế gian.

Nầy Thiện nam tử ! Đây gọi là thế gian chẳng biết chẳng thấy mà là chỗ thấy chỗ biết của Bồ Tát.

Nầy Thiện nam tử ! Thế nào là tất cả thế gian chẳng thấy chẳng biết, mà là chỗ thấy chỗ biết của Bồ Tát ? Đây là nói sáu chánh niệm : Niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm giới , niệm thí, niệm thiên.

Thế nào là niệm Phật ? Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ,Thế Gian Giải, Vô thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn, thường chẳng biến đổi, đầy đủ mười trí lực, bốn môn vô sở úy, đại Sư Tử Hống, gọi là đại Sa Môn, đại Bà La Môn, đại tịnh, rốt ráo đến nơi bờ kia, đấng Vô Năng Thắng, đấng Vô Kiến Đảnh, không có bố úy, chẳng kinh chẳng động, riêng một không bạn vô sư tự ngộ, trí mau lẹ, trí lớn, trí lanh lợi, trí sâu, trí giải thoát, trí bất cộng, trí rộng khắp, trí rốt ráo, trí bảo thành tựu, tượng vương trong loài người, Ngưu vương trong loài người, Long vương trong loài người, trượng phu trong loài người, Liên Hoa

trong loài người, hoa Phân Đà Lợi, Điều Ngự Nhơn Sư, là đại thí chủ bực thầy đại pháp, hiệu đại pháp sư, vì biết pháp, vì biết nghĩa, vì biết thời, vì tri túc, vì tri ngã, vì biết đại chúng, vì biết chủng tánh của chúng sanh, vì biết căn tánh lợi độn, vì nói trung đạo, do những cớ nầy nên hiệu là đại pháp sư.

Thế nào gọi là Như lai ? Như chỗ thuyết pháp của chư Phật quá khứ chẳng biến đổi. Chư Phật quá khứ vì độ chúng sanh nên nói mười hai bộ kinh. Đức Như Lai cũng vậy nên hiệu là Như Lai. Chư Phật Thế Tôn từ sáu môn Ba La Mật, ba mươi bảy phẩm trợ đạo, mười một pháp không mà đến Đại Niết Bàn. Đức Như Lai cũng vậy, nên gọi Phật là Như Lai. Chư Phật Thế Tôn vì chúng sanh nên tùy nghi phương tiện khai thị ba thừa, thọ mạng vô lượng không thể tính đếm. Đức Như Lai cũng vậy nên gọi Phật là Như Lai.

Thế nào là Ứng ? Pháp thế gian đều gọi là oan gia, vì đức Như Lai ứng phá hoại pháp ấy nên gọi là ứng. Luận về tứ ma là oan gia của Bồ Tát, chư Phật Như Lai lúc làm Bồ Tát, có thể dùng trí huệ phá hoại bốn thứ ma nên gọi là Ứng. Lại Ứng gọi là viễn ly, lúc làm Bồ Tát nên phải xa lìa vô lượng phiền não nên gọi là Ứng. Lại Ứng gọi là lạc, chư Phật quá khứ lúc làm Bồ Tát dầu trong vô lượng vô số kiếp vì chúng sanh mà thọ những khổ não, nhưng trọn không khi nào là không vui, mà thường vui đó nên gọi là Ứng. Và lại tất cả nhơn thiên nên đem các thứ hoa, hương , chuỗi ngọc, tràng phan, kỹ nhạc để cúng dường đó nên gọi là Ứng cúng.

Thế nào gọi là Chánh Biến Tri ? Chánh là nói chẳng điên đảo. Biến tri là thông đạt tất cả bốn thứ điên đảo. Lại chánh là nói khổ hạnh. Biến tri là biết nhơn nơi khổ hạnh quyết định có quả khổ. Lại chánh là nói trong thế gian. Biến tri là rốt ráo quyết định biết tu tập trung đạo thời đặng vô thượng Bồ Đề. Lại chánh nói có thể đếm, có thể lường có thể cân. Biến tri là chẳng thể đếm, chẳng thể lường, chẳng thể cân vì thế nên gọi Phật là Chánh Biến Tri.

Nầy Thiện nam tử ! Thanh Văn Duyên Giác cũng có biến tri, cũng chẳng biến tri. Vì biến tri là nói ngũ ấm, thập nhị nhập, thập bát giới. Thanh Văn Duyên Giác cũng đặng biến tri, đây gọi là có biến tri. Giả sử hàng nhị thừa trong vô lượng kiếp quán sát một sắc ấm cũng chẳng thể biết được hết, do nghĩa nầy nên hàng Thanh Văn Duyên Giác không có biến tri.

Thế nào là Minh Hạnh Túc ? “Minh” là nói đặng vô lượng quả lành. “Hạnh” là chân cẳng. Quả lành gọi là vô thượng Bồ Đề. Chân cẳng là nói giới huệ. Nương nơi chân giới huệ mà đặng vô thượng Bồ Đề, vì thế nên gọi là Minh Hạnh Túc. Lại minh gọi rằng “chú”, hạnh gọi rằng “kiết”, túc gọi rằng

“quả”, đây là nghĩa thế gian. “Chú’ là nói giải thoát, “Kiết’ là vô thượng Bồ Đề, “Quả” là nói Đại Niết Bàn, vì thế nên gọi là Minh Hạnh Túc. Lại “minh” là quang, “hạnh” là nghiệp, “túc” là quả, đây là nghĩa thế gian. “Quang” là nói chẳng phóng dật, “Nghiệp” là nói sáu môn Ba La Mật, “Quả” là nói vô thượng Bồ Đề. Và lại “Minh” là tam minh : Một là Bồ Tát minh, hai là chư Phật minh, ba là vô minh minh. Bồ Tát minh là Bát Nhã Ba La Mật. Chư Phật minh là Phật nhãn, vô minh minh là rốt ráo không. “Hạnh” là trong vô lượng kiếp vì chúng sanh nên tu tập các nghiệp lành. “Túc” là thấy rõ Phật tánh . Do nghĩa nầy nên gọi là Minh Hạnh Túc.

Thế nào là Thiện Thệ ? “Thiện” là cao, “Thệ’ là chẳng cao, đây là nghĩa thế gian. “Cao” gọi là vô thượng Bồ Đề. “Chẳng cao” chính là tâm Như Lai. Nầy Thiện nam tử ! Tâm nếu cao thời chẳng gọi là Như Lai, vì thế nên Như Lai gọi là Thiện Thệ. Lại “Thiện” là thiện tri thức, “Thệ:” là quả thiện tri thức, đây là nghĩa thế gian. Thiện tri thức là sơ phát tâm, quả của thiện tri thức là Đại Niết Bàn. Như Lai chẳng bỏ sự phát tâm tối sơ nên đặng Đại Niết Bàn, vì thế nên Như Lai hiệu là Thiện Thệ. Và lại “thiện” gọi là tốt, “thệ” gọi là có, đây là nghĩa thế gian. “Tốt” là nói thấy Phật tánh, “có” là nói Đại Niết Bàn thiệt chẳng phải có, chư Phật vì thế gian mà nói là có. Như người đời thiệt không có con mà nói là có con, thiệt không có đạo mà nói là có đạo. Nhơn thuận theo thế gian mà nói là có Niết Bàn. Chư Phật Thế Tôn thành Đại Niết Bàn nên gọi là Thiện Thệ.

Thế nào là Thế Gian Giải ? Thế gian là nói ngũ ấm, giải là rõ biết. Chư Phật khéo biết ngũ ấm nên hiệu là Thế Gian Giải. Lại thế gian là nói ngũ dục, giải là chẳng tham đắm. Chẳng tham đắm ngũ dục nên hiệu là Thế Gian Giải. Lại thập phương vô lượng vô số thế giới tất cả hàng Thanh Văn Duyên Giác chẳng biết chẳng thấy chẳng hiểu, chư Phật đều biết đều thấy đều hiểu, vì thế nên Phật hiệu là Thế Gian Giải. Lại thế gian là tất cả phàm phu, giải là biết nhơn quả thiện ác của phàm phu, chẳng phải hàng Thanh Văn Duyên Giác biết được, duy Phật có thể biết nên Phật hiệu là Thế Gian Giải. Lại thế gian là Liên Hoa, giải là nói chẳng ô nhiễm, đây là nghĩa thế gian. Liên Hoa là nói Như Lai, đức Như Lai chẳng bị tám pháp thế gian làm ô nhiễm, nên Phật hiệu là Thế Gian Giải. Lại chư Phật Bồ Tát thấy rõ thế gian nên hiệu là Thế Gian Giải. Như nhơn ăn mà đặng sống nên gọi ăn là mạng sống. Cũng vậy, chư Phật và Bồ Tát vì thấy rõ thế gian nên hiệu là Thế Gian Giải.

Thế nào là Vô Thượng Sĩ ? Thượng Sĩ gọi là dứt, không chỗ dứt gọi là Vô Thượng Sĩ. Chư Phật Thế Tôn không có phiền não nên không chỗ dứt, vì thế

Phật hiệu là Vô Thượng Sĩ. Lại Thượng Sĩ là nói tránh tụng, Vô Thượng Sĩ là không có tránh tụng. Như Lai không tránh tụng nên hiệu là Vô Thượng Sĩ. Lại Thượng Sĩ là lời nói có thể phá hoại, Vô Thượng Sĩ là lời nói chẳng thể phá hoại. Lời nói của Như Lai không ai phá được nên hiệu là Vô Thượng Sĩ. Lại Thượng Sĩ là nói bậc thượng tòa, Vô Thượng Sĩ là nói bậc vô thượng tòa. Chư Phật ba đời không có ai hơn nên hiệu là Vô Thượng Sĩ. Lại nữa "thượng" là mới, "sĩ" la cũ. Chư Phật Thế Tôn thể chứng Đại Niết Bàn không mới không cũ nên hiệu là Vô Thượng Sĩ.
Thế nào là Điều Ngự Trượng Phu ? Tự mình đã là Trượng Phu, lại điều phục trượng phu khác.

Nầy Thiện nam tử ! Như Lai thật chẳng phải trượng phu, cũng chẳng phải chẳng trượng phu, nhơn điều phục trượng phu nên gọi Như Lai là trượng phu. Tất cả nam nữ nếu đủ bốn pháp thời gọi là trượng phu : Một là gần thiện tri thức, hai là có thể nghe pháp, ba là tư duy nghĩa, bốn là đúng như pháp tu hành. Nếu nam nữ nào không có bốn pháp nầy thời chẳng được gọi là trượng phu. Vì thân dầu là trượng phu mà hành vi đồng như súc sanh. Như Lai điều phục những nam nữ ấy nên Phật hiệu là Điều Ngự trượng Phu. Lại như điều khiển ngựa phàm có bốn cách : Một là chạm đến lông, hai là chạm đến da, ba là chạm đến thịt, bốn là chạm đến xương, tùy chỗ chạm đến vừa ý người điều khiển. Cũng vậy, Như Lai dùng bốn cách điều phục chúng sanh : Một là vì chúng sanh mà giảng thuyết về sanh khổ khiến lãnh thọ lời Phật, như cách chạm lông thời ngựa tuân theo ý người điều khiển. Hai là giảng thuyết sanh tử bèn lãnh thọ lời Phật, như chạm đến lông da thời ngựa tuân theo ý người điều khiển. Ba là giảng nói sanh cùng lão bịnh bèn lãnh thọ lời Phật, như chạm đến lông, da, thịt, thời ngựa tuân theo ý người điều khiển. Bốn là giảng nói sanh, lão, bịnh và tử bèn lãnh thọ lời Phật, như chạm đến lông, da, thịt, xương, thời ngựa tuân theo ý người điều khiển.

Nầy Thiện nam tử ! Người điều khiển ngựa không có quyết định. Như Lai điều phục chúng sanh quyết định chẳng luống nên Phật hiệu là Điều Ngự Trượng Phu.

Thế nào là Thiên Nhơn Sư ? Sư có hai hạng : Một là dạy điều lành, hai là dạy điều ác. Chư Pật và Bồ Tát thường đem pháp lành dạy bảo chúng sanh. Pháp lành là nói thân, khẩu, ý đều lành. Chư Phật Bồ Tát dạy bảo chúng sanh : Các người nên xa nghiệp chẳng lành nơi thân, vì nghiệp ác nơi thân là thứ có thể xa lìa, để được giải thoát, nên ta đem pháp nầy dạy các ngươi. Nếu nghiệp ác chẳng thể xa lìa để được giải thoát, thời ta trọn chẳng dạy các ngươi. Các chúng sanh nếu lìa ác nghiệp rồi thời không bị đọa ba ác đạo. Do

lìa ác nên thành Vô Thượng Bồ Đề đặng Đại Niết Bàn. Vì thế nên chư Phật và Bồ Tát thường đem pháp lành nầy giáo hoá chúng sanh. Khẩu và ý cũng như vậy. Vì thế Phật là Vô Thượng Sư. Lại xưa chưa đặng đạo nay đã đặng đạo đó, đem đạo đã đặng dạy cho chúng sanh. Từ trước tới nay chưa tu phạm hạnh nay đã tu xong, đem chỗ tu của mình dạy cho chúng sanh. Tự phá vô minh, lại phá vô minh cho chúng sanh. Tự đặng tịnh nhãn lại làm cho chúng sanh cũng đặng tịnh nhãn. Tự biết rõ hai đế lý lại vì chúng sanh mà giảng thuyết hai đế lý. Đã tự giải thoát lại vì chúng sanh nói pháp giải thoát. Tự qua khỏi sông lớn sanh tử không ngằn mé lại làm cho chúng sanh đều được qua khỏi.

Tự được vô úy lại dạy chúng sanh làm cho không còn sợ sệt. Tự đã được Niết Bàn lại vì chúng sanh nói Đại Niết Bàn. Vì thế nên Phật hiệu là Vô Thượng Sư.

“ Thiên” là nói ban ngày. Trên trời ngày dài đêm ngắn nên gọi là thiên. Lại : “thiên” là nói không sầu não thường vui sướng nên gọi là thiên. Lại “thiên” là nói đèn sáng có thể phá đen tối thành sáng suốt nên gọi là thiên. Cũng bởi có thể phá nghiệp ác tối tăm đặng nghiệp lành sanh lên trời nên gọi là “thiên”. Lại vì kiết tường nên gọi là : “thiên”, Lại vì có ánh sáng nên gọi là “ thiên”.

Nhơn là nói, là có thể nhiều suy nghĩ nghĩa lý. Lại nhơn là thân khẩu dịu dàng. Lại nhơn là nói kiêu mạn. Lại nhơn là nói có thể phá kiêu mạn.

Nầy Thiện nam tử ! Chư Phật dầu là đại sư vô thượng của tất cả chúng sanh, nhưng trong kinh nói là Thiên Nhơn Sư, vì trong các loài chúng sanh chỉ có người cùng trời có thể phát tâm vô thượng Bồ Đề, có thể tu mười nghiệp đạo lành, có thể đặng quả Tu Đà Hoàn, quả Tư Đà Hàm, quả A Na Hàm, quả A La Hán, quả Bích Chi Phật, chứng đặng vô thượng Bồ Đề. Vì thế nên Phật hiệu là Thiên Nhơn Sư.

Thế nào là Phật, Phật gọi là giác, đã tự giác ngộ lại có thể giác ngộ người khác. Như có người rõ biết kẻ giặc cướp, thời giặc cướp không hại được. Đại Bồ Tát có thể rõ biết tất cả vô lượng phiền não. Vì rõ biết nên các phiền não không làm não được. Do đây nên gọi là Phật. Do vì giác ngộ nên chẳủng sanh, chẳng lão, chẳng bịnh, chẳng tử, do đây gọi là Phật.

Phật hiệu là Bà Dà Bà, “ Bà Dà” là phá, “ Bà’ là phiền não. Có thể phá phiền não nên hiệu Bà Dà Bà. Lại có thể thành tựu các pháp lành, lại có thể hiểu rõ nghĩa của các pháp lại có công đức lớn không ai hơn, lại có tiếng đồn khắp

mười phương, lại có thể bố thí tất cả, lại trong vô lượng a tăng kỳ kiếp lìa nữ căn.

Nầy Thiện nam tử ! Hoặc nam hoặc nữ có thể niệm Phật như vậy, lúc đi đứng, lúc ngồi nằm, hoặc ban ngày, hoặc ban đêm, lúc tối, lúc sáng, thường đặng chẳng lìa thấy Phật Thế Tôn.

Nầy Thiện nam tử ! Cớ sao gọi rằng Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri nhẫn đến Bà Dà Bà mà có vô lượng công đức cùng tiếng tăm lớn như vậy ? Đại Bồ Tát trong vô lượng vô số kiếp trước, cung kính cha mẹ, hòa thượng sư trưởng, thượng tọa, trưởng lão. Trong vô lượng kiếp thường vì chúng sanh mà thật hành hạnh Bố Thí, trì Tịnh Giới, tập Nhẫn Nhục, siêng Tinh tấn, Thiền định, Trí Huệ, Đại Từ, Đại Bi, Đại Hỷ, Đại Xả, vì thế nên ngày nay đặng ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, thân kim cương. Và lại Bồ Tát trong vô lượng vô số kiếp trước tu tập ngũ căn : Tín, niệm, Tấn, Định, Huệ, cung kính cúng dàng các bực sư trưởng, thường vì pháp, chẳng vì ăn. Bồ Tát nếu trì mười hai loại kinh, hoặc đọc tụng, thường muốn cho chúng sanh đặng giải thoát an ổn vui sướng, trọn chẳng vì mình. Tại sao vậy ? Vì Bồ tát thường tu tâm xuất thế và tâm xuất gia, lại thường tu tâm vô vi, tâm vô tránh, tâm vô cấu, tâm vô phược, tâm vô thủ, không tâm che đậy, không tâm vô ký, không tâm sanh tử, không tâm nghi, không tâm tham, không tâm sân, không tâm si, không tâm kiên mạn, không tâm uế trược, không tâm phiền não, không tâm khổ, tu tâm vô lượng, tâm quảng đại, tâm hư không, tâm không, không tâm không, không tâm chẳng điều phục, không tâm chẳng hộ trì, không tâm che giấu, không tâm thế gian, tâm thường định, tâm thường tu, tâm thường giải thoát, tâm không báo đền, tâm khôâng nguyện cầu, tâm nguyện lành, tâm không nói năng, tâm nhu nhuyến, tâm chẳng trụ, tâm tự tại, tâm vô lậu, tâm đệ nhất nghĩa, tâm bất thối, tâm vô thượng, tâm chánh trực, tâm không dua vạy, tâm không đa thiểu, tâm không ương ngạnh, tâm không phàm phu, không tâm Thanh Văn, không tâm Duyên Giác, tâm biết lành, tâm biết cõi, tâm biết sanh cõi nào, tâm biết ở cõi nào, tâm biết cõi tự tại. Vì ngày trước tu những tâm nầy nên nay đặng mười trí lực, bốn vô sở úy, đại từ bi, tam niệm xứ, thường, lạc, ngã, tịnh, do đây hiệu là Như Lai nhẫn đến Bà Dà Bà. Đây gọi là Đại Bồ Tát niệm Phật.

Thế nào là Đại Bồ Tát niệm Pháp ? Đại Bồ Tát suy nghĩ giáo pháp của chư Phật nói ra rất vi diệu hơn tất cả. Do pháp nầy có thể làm cho chúng sanh đặng quả hiện tại, chỉ có chánh pháp nầy không thuộc thời gian, pháp nhãn ngó thấy, nhục nhãn không thấy được. Chẳng thể dùng thí dụ để so sánh. Chánh pháp nầy chẳng sanh, chẳng xuất, chẳng trụ, chẳng diệt, không thỉ ,

không chung, vô vi, vô số, kẻ không nhà thời làm nhà cho họ, kẻ không chỗ về thời làm chỗ về, không ánh sáng thời làm ánh sáng , không đến bờ kia thời làm cho đến bờ kia, chỗ không mùi thơm thời làm mùi thơm vô ngại, kẻ không nhìn thấy thời làm cho nhìn thấy rõ ràng. Chánh pháp nầy chẳng động, chẳng chuyển, chẳng dài, chẳng ngắn, dứt hẳn sự vui mà thường an vui, rốt ráo vi diệu, chẳng phải sắc đã dứt sắc thức mà cũng là thức, chẳng phải nghiệp đã dứt nghiệp, chẳng phải kiết sử, đã dứt kiết sử, chẳng phải vật đã dứt vật mà cũng là vật, chẳng phải giới đã dứt giới mà cũng là giới, chẳng phải hữu đã dứt hữu mà cũng là hữu, chẳng phải nhập đã dứt nhập mà cũng là nhập, chẳng phải nhơn đã dứt nhơn mà cũng là nhơn, chẳng phải quả đã dứt quả mà cũng là quả, chẳng phải hư, chẳng phải thiệt dứt tất cả thiệt mà cũng là thiệt, chẳng phải sanh chẳng phải diệt dứt hẳn sanh diệt mà cũng là diệt, chẳng phải tướng chẳng phải phi tướng dứt tất cả tướng mà cũng là tướng, chẳng phải dạy dỗ, chẳng phải không dạy dỗ mà cũng là thầy dạy, chẳng phải sợ chẳng phải an dứt tất cả sợ mà cũng là an, chẳng phải nhẫn chẳng phải không nhẫn, dứt hẳn sự chẳng nhẫn mà cũng là nhẫn, chẳng phải dừng ở chẳng phải không dừng ở dứt tất cả dừng ở mà cũng là dừng ở trên đảnh tất cả pháp. Chánh pháp nầy đều có thể dứt hẳn tất cả phiền não, thanh tịnh vô tướng, thoát hẳn các tướng, là chỗ ở rốt ráo của vô lượng chúng sanh. Có thể diệt tất cả ngọn lửa sanh tử, là chỗ đi và ở của chư Phật, là thường còn chẳng biến đổi. Đây gọi là Bồ Tát niệm Pháp.

Thế nào là niệm Tăng ?

Chư Phật Thánh Tăng đúng như Pháp mà trụ thọ trì chánh pháp tùy thuận tu hành, chẳng thể nhìn thấy, chẳng thể cầm nắm, chẳng thể phá hoại, chẳng thể nhiễu hại, chẳng thể nghĩ bàn, là ruộng phước tốt của tất cả chúng sanh. Dầu là ruộng phước nhưng không thọ, không lấy, thanh tịnh, không nhơ, vô lậu, vô vi, rộng khắp vô biên, tâm điều nhu bình đẳng không hai, không có loạn trược thường chẳng biến đổi. Đây gọi là niệm Tăng.

Thế nào là niệm giới ?

Bồ Tát suy nghĩ có giới, chẳng phá, chẳng lậu, chẳng hoại, chẳng tạp, dầu không hình sắc mà nên hộ trì, dầu không xúc đối nhưng khéo tu phương tiện có thể đặng đầy đủ không có lỗi lầm, là chỗ mà chư Phật Bồ tát ngợi khen là nhơn của Đại Thừa Phương Đẳng Đại Niết Bàn. Như mặt đất, ghe thuyền, chuỗi ngọc, dòng họ tôn qúy, biển lớn, nước tro, nhà cửa, gươm đao, cầu kỳ, lương y, thuốc hay, thuốc A Dà Đà, như ý bảo châu, chân, mắt, cha mẹ, bóng mát, không ai trộm cướp được, không ai nhiễu hại được, lửa không

cháy được, nước không trôi được, là thang bậc lên núi lớn, là tràng báu của chư Phật Bồ Tát, nếu trụ nơi giới nầy thời đặng quả Tu Đà Hoàn. Tôi cũng có phần nầy nhưng tôi chẳng cầu, vì nếu tôi đặng quả Tu Đà Hoàn thời không thể độ khắp tất cả chúng sanh. Nếu trụ nơi giới nầy đặng vô thượng Bồ Đề, thời tôi cũng có phần, đây là chỗ mong muốn của tôi : Vì nếu đặng vô thượng Bồ Đề, tôi sẽ vì chúng sanh giảng thuyết diệu pháp để cứu độ. Đây là Đại Bồ Tát niệm giới.

Thế nào là niệm thí ?

Đại Bồ Tát quán sát kỹ hạnh Bố Thí là nhơn của vô thượng Bồ Đề. Chư Phật và Bồ Tát tu tập hạnh Bố Thí như vậy, tôi cũng tu tập như vậy. Nếu chẳng Bố Thí thời không thể trang nghiêm bốn bộ chúng. Bố Thí dầu không thể rốt ráo dứt kiết sử, mà có từ phá hiện tại phiền não. Do vì Bố Thí nên thường được chúng sanh trong vô lượng thế giới ở mười phương khen ngợi Đại Bồ Tát Bố Thí vật thực cho chúng sanh thời là Bố Thí mạng sống cho chúng sanh. Do quả báo bố thí nên lúc thành Phật thường chẳng biến đổi. Do Bố Thí làm chúng sanh an vui nên lúc thành Phật đặng an vui. Lúc Bố Thí, Bồ Tát cầu của cải đúng pháp, chẳng lánh người kia để cho người nầy, vì thế nên lúc thành Phật đặng thanh tịnh Niết Bàn. Lúc Bố Thí, Bồ Tát làm cho chúng sanh chẳng cầu mà đặng, nên lúc thành Phật đặng ngã tự tại. Vì Bố Thí làm cho người khác đặng sức khỏe, nên lúc thành Phật chứng đặng mười trí lực. Vì Bố Thí làm cho người đặng nói năng, nên lúc thành Phật đặng bốn môn vô ngại. Chư Phật và Bồ Tát tu tập hạnh Bố Thí nầy làm nhơn Niết Bàn, tôi cũng tu tập hạnh Bố Thí như vậy để làm nhơn Niết Bàn.

Nói rộng hạnh Bố Thí như trong kinh Tạp Hoa.

Thế nào là niệm Thiên ?

Có cõi trời Tứ Thiên Vương nhẫn đến cõi trời Phi Tưởng, Phi Phi tưởng. Nếu có tín tâm đặng sanh cõi trời Tứ Thiên Vương v.v… Tôi cũng có phần. Nếu giới, đa văn, bố thí, trí huệ đặng sanh cõi trời Tứ Thiên Vương nhẫn đến cõi trời phi Tưởng, Phi Phi Tưởng, tôi cũng có phần nhưng chẳng phải chỗ mong muốn của tôi. Vì trời Tứ Thiên Vương nhẫn đến trời Phi Phi Tưởng đều là vô thường. Vì vô thường nên có sanh già bịnh chết, do lẽ nầy nên chẳng phải là chỗ tôi mong muốn. Như ảo thuật biến hoá phỉnh gạt người ngu, người trí không bị lầm. Phàm phu ngu mê ham muốn cõi trời Tứ Thiên Vương nhẫn đến trời Phi Tưởng, Phi Phi Tưởng. Tôi chẳng đồng với phàm phu. Tôi từng nghe có trời đệ nhứt nghĩa, chính là chư Phật và Bồ tát

thường chẳng biến đổi. Vì thường trụ nên chẳng có sanh, lão, bịnh, tử. Tôi vì chúng sanh mà cần cầu trời đệ nhứt nghĩa vì trời đệ nhứt nghĩa có thể làm cho chúng sanh dứt trừ phiền não, như cây như ý. Nếu tôi có tín, niệm, tấn, định và huệ thời có thể đặng trời đệ nhứt nghĩa nầy. Tôi sẽ vì chúng sanh giảng thuyết phân biệt trời đệ nhứt nghĩa. Đây gọi là Đại Bồ Tát niệm Thiên.

Nầy Thiện nam tử ! Đây là thế gian chẳng biết chẳng thấy, mà là chỗ thấy biết của Bồ Tát.

Nầy Thiện nam tử ! Nếu đệ tử của ta cho rằng thọ trì đọc tụng biên chép diễn thuyết mười hai bộ kinh cùng với thọ trì đọc tụng biên chép diễn thuyết kinh Đại Niết Bàn đồng nhau, nói như vậy không đúng nghĩa. Vì Đại Niết Bàn là tạng bí mật rất sâu của tất cả chư Phật Thế Tôn, đây thời là hơn tất cả. Do nghĩa nầy nên kinh Đại Niết Bàn rất lạ, rất đặc biệt chẳng thể nghĩ bàn.

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : “ Tôi cũng biết kinh Đại Niết Bàn là rất lạ, rất đặc biệt chẳng thể nghĩ bàn. Phật, Pháp, Tăng chẳng thể nghĩ bàn. Bồ Tát, Bồ Đề, Đại Bát Niết Bàn cũng chẳng thể nghĩ bàn. Bạch Thế Tôn ! Do nghĩa gì lại nói Bồ Tát chẳng thể nghĩ bàn ?

Nầy Thiện nam tử ! Đại Bồ Tát không ai giáo hóa mà có thể tự phát tâm Bồ Đề, đã phát tâm rồi tinh tấn siêng tu. Giả sử lửa lớn đốt cháy thân thể, trọn chẳng vì cầu cứu mà bỏ tâm niệm Pháp. Vì Đại Bồ Tát thường tự suy nghĩ: Tôi trong vô lượng vô số kiếp hoặc ở địa ngục, ngạ quỉ, súc sanh, trong loài người, trên trời, bị các thứ lửa kiết sử đốt cháy, chưa từng đặng một pháp quyết định, pháp quyết định là vô thượng Bồ Đề. Nay tôi vì vô thượng Bồ Đề trọn chẳng tiếc thân mạng, dầu đến phải nát thân như vi trần, tôi trọn chẳng buông bỏ hạnh tinh tấn siêng tu. Vì tâm tinh tấn bèn là nhơn vô thượng Bồ Đề.

Nầy Thiện nam tử ! BồTát nầy lúc chưa thấy vô thượng Bồ Đề đã có thể chẳng tiếc thân mạng như vậy, huống là đã thấy. Do đây nên Bồ Tát chẳng thể nghĩ bàn.

Lại Đại Bồ Tát thấy sanh tử có vô lượng tội khổ, chẳng phải hàng Thanh Văn Duyên Giác biết được. Dầu biết sanh tử có vô lượng tội khổ, nhưng vì chúng sanh ở trong đó chịu khổ mà chẳng sanh tâm nhàm lìa. Do đây nên gọi là Bồ Tát chẳng thể nghĩ bàn. Đại Bồ Tát vì chúng sanh nên dầu ở trong địa ngục chịu khổ nhưng vui như đệ tam thiền. Do đây nên lại gọi là chẳng thể nghĩ bàn.

Ví như nhà Trưởng Giả phát hỏa, Trưởng Giả xem thấy liền bỏ nhà chạy ra. Các con của Trưởng Giả ở sau chưa thoát khỏi nạn lửa. Trưởng Giả vì các con nên trở vào nhà để cứu, chẳng đoái đến họan nạn nguy hiểm. Cũng vậy, Đại Bồ Tát dầu biết sanh tử nhiều tội khổ, nhưng vì cứu chúng sanh nên ở trong sanh tử mà chẳng nhàm. Do đây nên lại gọi là chẳng thể nghĩ bàn.

Nầy Thiện nam tử ! Vô lượng chúng sanh phát tâm Bồ Đề, thấy trong sanh tử nhiều tội khổ liền thối tâm Bồ Đề, hoặc làm Thanh Văn hoặc làm Duyên Giác. Nếu Bồ Tát được nghe kinh Đại Niết Bàn nầy thời trọn chẳng thối thất tâm Bồ Đề. Bồ Tát nầy dầu chưa đến bậc bất động địa, nhưng tâm bền chắc không thối thất. Do đây nên lại gọi là chẳng thể nghĩ bàn. Nầy Thiện nam tử ! Như có người nói rằng tôi có thể tự lội qua khỏi biển lớn. Người nói như vậy có thể nghĩ bàn được chăng ?

_ Bạch Thế Tôn ! Lời nói như vậy hoặc có thể nghĩ bàn, hoặc chẳng thể nghĩ bàn. Vì nếu là người lội qua khỏi biển lớn thời chẳng thể nghĩ bàn. Còn nếu A Tu La lội qua thời là có thể nghĩ bàn.

_ Nầy Thiện nam tử ! Ta chẳng nói A Tu La, chỉ nói người.

_ Bạch Thế Tôn ! Trong loài người cũng có hai hạng : Một là Thánh Nhơn, hai là phàm phu. Nếu phàm phu lội qua thời là chẳng thể nghĩ bàn. Nếu Thánh nhơn thời là có thể nghĩ bàn.

_ Nầy Thiện nam tử ! Ta nói phàm phu chẳng nói Thánh nhơn.

_ Bạch Thế Tôn ! Nếu là phàm phu tự nói lội qua biển lớn được thời thiệt là chẳng thể nghĩ bàn.

_ Nầy Thiện nam tử ! Phàm phu thiệt không thể lội qua biển lớn được. Bồ Tát đây thiệt có thể qua khỏi biển lớn sanh tử nên gọi là chẳng thể nghĩ bàn.

_Nầy Thiện nam tử ! Nếu có người có thể dùng chỉ cọng sen treo núi Tu Di, thời có thể nghĩ bàn được chăng ?

_ Bạch Thế Tôn ! Không thể nghĩ bàn được.

_ Nầy Thiện nam tử ! Đại Bồ Tát trong khoảng một niệm đều có thể tính lường tất cả sanh tử, nên lại gọi chẳng thể nghĩ bàn.

Nầy Thiện nam tử ! Đại Bồ Tát trong vô lượng vô số kiếp thường quán sát sanh tử là vô thường, vô ngã, vô lạc, vô tịnh, vì chúng sanh phân biệt diễn thuyết thường, lạc, ngã, tịnh. Dầu diễn thuyết như vậy nhưng chẳng phải là tà kiến. Do đây nên lại gọi là chẳng thể nghĩ bàn.

Nầy Thiện nam tử ! Như người vào nước, nước chẳng trôi được, vào lửa, lửa chẳng cháy được. Như vậy thời chẳng thể nghĩ bàn. Cũng vậy, Đại Bồ Tát dầu ở sanh tử, nhưng chẳng bị sanh tử não hại. Do đây nên lại gọi là chẳng thể nghĩ bàn.

Nầy Thiện nam tử ! Loài người có ba hạng : Thượng , trung và hạ.

Hạng người hạ lúc mới nhập thai nghĩ rằng : Nay tôi ở nhà tiêu đầy những hôi nhơ tối tăm. Lúc mới xuất thai nghĩ rằng nay tôi ra khỏi nhà tiêu, ra khỏi chỗ hôi nhơ tối tăm.

Hạng người bực trung nghĩ rằng : Nay tôi vào trong rừng cây, trong sông sạch sẽ, trong nhà cửa. Lúc xuất thai cũng vậy.

Hạng người bực thượng nghĩ rằng : Tôi lên điện, ở trong rừng hoa, cỡi ngựa, cỡi voi trèo lên núi cao. Lúc xuất thai cũng vậy.

Đại Bồ Tát lúc mới nhập thai, tự biết là nhập thai, lúc ở trong thai biết là ở, lúc xuất thai biết là xuất, trọn chẳng sanh tâm niệm tham sân, nhưng chưa lên bậc sơ trụ. Do đây nên lại gọi là chẳng thể nghĩ bàn.

Nầy Thiện nam tử ! Vô thượng Bồ Đề thiệt không thể dùng thí dụ để so sánh, nhưng đều có thể nói.

Đại Bồ Tát không có thầy thưa hỏi học tập, mà có thể đặng pháp vô thượng Bồ Đề. Đặng pháp nầy rồi tâm không lẫn tiếc, thường diễn thuyết cho chúng sanh. Do đây nên lại gọi là chẳng thể nghĩ bàn.

Nầy Thiện nam tử ! Đại Bồ Tát có thân xa lìa mà chẳng phải khẩu, có khẩu xa lìa mà chẳng phải thân, có chẳng phải thân, chẳng phải khẩu mà cũng xa lìa. Lìa sát, đạo, dâm gọi là thân xa lìa mà chẳng phải khẩu. Lìa vọng ngữ, lưỡng thiệt, ác khẩu, vô nghĩa ngữ thời gọi là khẩu xa lìa mà chẳng phải thân. Xa lìa tham lam, ganh ghét, giận hờn, tà kiến thời gọi là ý xa lìa, mà chẳng phải thân chẳng phải khẩu. Đại Bồ tát chẳng thấy một pháp nào là thân là nghiệp cùng ông chủ xa lìa, nhưng cũng có xa lìa. Do đây nên lại gọi là chẳng thể nghĩ bàn, khẩu và ý cũng như vậy.

Nầy Thiện nam tử ! Từ nơi thân xa lìa thân, từ nơi khẩu xa lìa khẩu, từ trí huệ xa lìa chẳng phải thân chẳng phải khẩu. Thật có trí huệ nầy nhưng chẳng thể khiến Bồ tát xa lìa vì không có một pháp nào hoại được làm được. Tánh của pháp hữu vi, lúc sanh khác , lúc diệt khác. Vì thế nên trí huệ nầy chẳng thể xa lìa.

Nầy Thiện nam tử ! Trí huệ chẳng thể phá, lửa chẳng thể cháy, nước chẳng thể rã, gió chẳng thể động, đất chẳng thể giữ, sanh chẳng thể sanh, lão chẳng thể lão, trụ chẳng thể trụ, hoại chẳng thể hoại, tham chẳng thể tham, sân chẳng thể sân, si chẳng thể si. Bởi tánh của pháp hữu vi lúc sanh khác, lúc diệt khác. Đại Bồ Tát trọn chẳng nghĩ rằng tôi dùng trí huệ nầy phá các phiền não mà tự nói rằng tôi phá phiền não, dầu nói như vậy nhưng chẳng phải hư vọng. Do đây nên lại gọi là chẳng thể nghĩ bàn.

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật ! " Thế Tôn ! Nay tôi mới biết Đại Bồ Tát chẳng thể nghĩ bàn, Phật, Pháp, chúng Tăng, kinh Đại Niết Bàn và người thọ trì Bồ Đề Niết Bàn đều chẳng thể nghĩ bàn.

Bạch Thế Tôn ! Phật pháp vô thượng thời gian bao lâu sẽ diệt ?

Nầy Thiện nam tử ! Nếu đệ tử ta còn có người thọ trì đọc tụng biên chép diễn thuyết nghĩa của kinh Đại Niết Bàn, nhẫn đến năm hạnh : Thánh hạnh, Phạm hạnh, Thiên hạnh, Bệnh hạnh, Anh nhi hạnh, được chúng sanh cung kính tôn trọng tán thán cúng dàng, nên biết đó là thời kỳ Phật pháp chưa diệt.

Nầy Thiện nam tử ! Nếu kinh Đại Niết Bàn lúc lưu hành đầy đủ, hàng đệ tử của ta phần nhiều phạm giới cấm tạo nghiệp ác, không kính tin kinh điển nầy, vì không tin nên chẳng thọ trì đọc tụng biên chép, giải thuyết ý nghĩa của kinh nầy, chẳng được mọi người cung kính cúng dường, lúc thấy người thọ trì lại khinh chê, nên biết đó là thời kỳ Phật pháp sắp diệt chẳng còn lâu.

Ca Diếp Bồ Tát lại bạch Phật : " Thế Tôn ! Chính tôi từng nghe Phật nói rằng : Chánh pháp của Phật Ca Diếp ở đời bảy ngày thời diệt hết.

Bạch Thế Tôn ! Phật Ca Diếp có kinh Đại Niết Bàn nầy chăng ? Nếu như có sao lại nói là diệt ? Nếu như không có thời sao lại nói rằng kinh Đại Niết Bàn là tạng bí mật của chư Phật ?

_ Nầy Thiện nam tử ! Trước kia ta nói rằng chỉ có Văn Thù Sư Lợi mới hiểu được nghĩa nầy. Nay ta sẽ nói lại, ông nên chí tâm lóng nghe !

Nầy Thiên nam tử ! Chư Phật có hai loại pháp : Một là thế pháp, hai là đệ nhất nghĩa pháp. Thế pháp thời có hoại diệt, đệ nhất nghĩa pháp không có hoại diệt.

Lại có hai loại : Một là vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh, những pháp nầy có hoại diệt, hai là thường, lạc, ngã, tịnh, pháp nầy không hoại diệt.

Lại có hai loại : Một là pháp của nhị thừa thọ trì đây thời có hoại diệt, hai là pháp của Bồ Tát thọ trì, đây thời không hoại diệt.

Lại có hai loại : Một là ngoại pháp thời có hoại diệt, hai là nội pháp thời không hoại diệt.

Lại có hai loại : Một là pháp hữu vi thời có hoại diệt, hai là pháp vô vi thời không hoại diệt.

Lại có hai loại : Một là pháp có thể được thời có hoại diệt, hai là pháp không thể được thời không hoại diệt.

Lại có hai loại : Một là cộng pháp thời có hoại diệt, hai là bất cộng pháp thời không hoại diệt.

Lại có hai loại : Một là pháp trong loài người thời có hoại diệt, hai là pháp trong loài trời thời không hoại diệt.

Lại có hai loại : Một là mười một bộ kinh thời có hoại diệt, hai là kinh Phương Đẳng thời không hoại diệt.

Nầy Thiện nam tử ! Nếu hàng đệ tử của ta thọ trì đọc tụng, biên chép giải thuyết cùng cung kính cúng dàng tôn trọng tán thán kinh Phương Đẳng Đại Thừa, nên biết đó là thời kỳ Phật pháp chẳng diệt.

Nầy Thiện nam tử ! Vừa rồi ông hỏi Phật Ca Diếp có kinh nầy chăng ?

Nầy Thiện nam tử ! Kinh Đại Niết Bàn là tạng bí mật của tất cả Phật. Vì chư Phật dầu có mười một bộ kinh, nhưng chẳng nói Phật tánh, chẳng nói thường, lạc, ngã, tịnh của Như Lai, chẳng nói chư Phật trọn không rốt ráo nhập Niết Bàn. Vì thế nên kinh nầy gọi là tạng bí mật của Như Lai. Trong mười một bộ kinh chẳng nói đến nên gọi là tạng. Như thất bảo của người chẳng đem ra ngòai để dùng thời gọi là bảo tạng. Tài vật của người nầy chứa cất để dùng vào việc tương lai. Nghĩa là dự phòng lúc lúa gạo mắc, giặc đến

xâm lăng, chính trị khổ khắc, thời dùng để chuộc mạng, hoặc đường giao thông bế tắc mới đem ra dùng. Cũng vậy, tạng bí mật của Như Lai cũng để dự phòng đời vị lai các Tỳ Kheo ác chứa vật bất tịnh, đối với tứ chúng nói Như Lai rốt ráo nhập Niết Bàn, đọc tụng sách vở thế gian, chẳng kính kinh điển của Phật. Lúc những điều ác như vậy hiện ra nơi đời, đức Như Lai vì muốn dứt các sự ác ấy nên diễn nói kinh nầy, khiến mọi người xa lìa những lợi dưỡng tà mạn. Lúc kinh tạng bí mật nầy dứt diệt, nên biết đó là thời kỳ Phật pháp diệt.

Nầy Thiện nam tử ! Kinh Đại Niết Bàn thường còn chẳng biến đổi, sao ông lại hỏi rằng lúc Phật Ca Diếp có kinh nầy chăng ?

Nầy Thiện nam tử ! Thời kỳ Phật Ca Diếp, chúng sanh ít tham dục, nhiều trí huệ, hàng Đại Bồ Tát điều thuận nhu hòa dễ giáo hóa, có đại oai đức tổng trì chẳng quên, như Đại Tượng Vương. Cõi nước thanh tịnh. Tất cả chúng sanh đều biết Như Lai chẳng rốt ráo nhập Niết Bàn thường trụ chẳng biến đổi, nên dầu có kinh nầy mà chẳng cần diễn thuyết.

Chúng sanh đời nay phiền não nhiều, ngu si ưa giận hờn không trí huệ, lòng tin chẳng vững, nhiều nghi ngờ, cõi nước bất tịnh, chúng sanh cho rằng Như Lai vô thường dời đổi rốt ráo nhập Niết Bàn. Do cớ nầy nên Như Lai diễn thuyết kinh đây.

Nầy Thiện nam tử ! Chánh pháp của Phật Ca Diếp thật chẳng diệt mất vì chánh pháp thường trụ chẳng biến đổi.

Nầy Thiện nam tử ! nếu có chúng sanh đối với chơn ngã mà thấy là vô ngã, vô ngã lại thấy là có ngã, chơn thường thấy là vô thường, vô thường thấy là thường, chân lạc thấy là vô lạc, vô lạc thấy lạc, chơn tịnh thấy là bất tịnh, bất tịnh thấy là tịnh, diệt thấy là bất diệt, bất diệt thấy là diệt, tội thấy là chẳng phải tội, phi tội thấy là tội, tội nhẹ thấy là nặng, tội nặng thấy là nhẹ, thừa thấy là phi thừa, phi thừa thấy là thừa, đạo thấy là phi đạo, phi đạo thấy là đạo, thật là Bồ Đề thấy chẳng phải Bồ Đề, thật chẳng phải là Bồ Đề thấy lầm là Bồ Đề, khổ thấy chẳng phải khổ, tập thấy chẳng phải tập, diệt thấy chẳng phải diệt, đạo thấy chẳng phải đạo, thật là thế đế lại thấy là đệ nhất nghĩa đế, còn đệ nhất nghĩa đế lại thấy là thế đế, quy thấy là chẳng quy, chẳng phải quy thấy là quy, cho lời của Phật nói là lời của ma, còn thiệt lời ma lại cho là lời Phật, vào thời kỳ như trên đây chư Phật bèn nói kinh Đại Niết bàn.

Nầy Thiện nam tử ! Thà nói vòi con muỗi tột đến đáy biển lớn, chẳng nên nói chánh pháp của Như Lai diệt. Thà nói rằng lấy dây vấn buộc luồng gió

mạnh, thà nói lấy miệng thổi tan núi Tu Di, thà nói trong đống lửa hừng mọc bông sen, thà nói thuốc A Dà Đà là độc dược, thà nói có thể làm cho mặt trăng nóng mặt trời lạnh, thà nói bốn đại chủng đều bỏ tánh chất của nó, trọn chẳng nên nói rằng chánh pháp của Như Lai diệt.

Nầy Thiện nam tử ! Lúc Phật mới ra đời chứng đặng vô thượng Bồ Đề rồi, hàng đệ tử chưa có người hiểu thấu Đại Thừa rất sâu, đức Phật đó bèn nhập Niết Bàn, nên biết chánh pháp đó chẳng ở lâu nơi đời. Nếu có hàng đệ tử đã hiểu thấu nghĩa đại thừa rất sâu, Phật dầu nhập Niết Bàn nhưng chánh pháp vẫn ở lâu nơi đời.

Nầy Thiện nam tử ! Nếu Phật ra đời chứng vô thượng Bồ Đề, hàng đệ tử dầu có người hiểu nghĩa Đại Thừa rất sâu, mà không có hàng Bạch Y Đàn Việt hết lòng kính tin tôn trọng Phật pháp, khi Phật nhập Niết Bàn rồi, thời chánh pháp đó chẳng ở lâu nơi đời. Nếu có hàng Bạch Y Đàn Việt hết lòng kính tin Phật pháp. Phật dầu nhập Niết Bàn nhưng chánh pháp vẫn ở lâu nơi đời.

Nầy Thiện nam tử ! Nếu Phật ra đời chứng vô thượng Bồ Đề, có các đệ tử hiểu nghĩa đại thừa rất sâu, cũng có Bạch Y Đàn Việt hết lòng kính tin tôn trọng Phật pháp, mà các đệ tử thuyết pháp lại vì danh lợi, chẳng cầu Niết Bàn, khi Phật diệt rồi thì chánh pháp chẳng ở lâu nơi đời. Trái lại nếu hàng đệ tử thuyết pháp vì cầu Niết Bàn chẳng ham danh lợi, Phật dầu nhập diệt nhưng chánh pháp vẫn ở lâu nơi đời.

Nầy Thiện nam tử ! Nếu Phật ra đời chứng đặng vô thượng Bồ Đề, dầu có các hàng đệ tử hiểu nghĩa đại thừa rất sâu, cũng có hàng Bạch Y Đàn Việt hết lòng kính tin tôn trọng Phật pháp, mà các đệ tử sanh nhiều sự tranh tụng hơn thua phải quấy lẫn nhau, Phật lại nhập Niết Bàn, thời chánh pháp chẳng ở lâu nơi đời. Trái lại các đệ tử thật hành pháp hòa kính, chẳng hơn thua phải trái nhau, tôn trọng lẫn nhau, dầu Phật nhập Niết Bàn nhưng chánh pháp vẫn ở lâu chẳng diệt.

Nầy Thiện nam tử ! Nếu Phật ra đời chứng vô thượng Bồ Đề, có những đệ tử hiểu nghĩa đại thừa rất sâu, cũng có hàng Bạch Y Đàn Việt hết lòng kính tin tôn trọng Phật pháp, các đệ tử vì cầu Đại Niết Bàn mà thuyết pháp, cung kính lẫn nhau, nhưng cất chứa những vật bất tịnh, lại khen rằng tôi đặng quả Tu Đà Hoàn, nhẫn đến quả A La Hán Phật lại nhập Niết Bàn thời chánh pháp đó chẳng ở lâu nơi đời. Trái lại hàng đệ tử chẳng cất chứa những vật bất tịnh cũng chẳng tự nói mình đã chứng quả Tu Đà Hoàn, nhẫn đến quả A La Hán, Phật dầu diệt độ, nhưng chánh pháp vẫn còn không diệt.

Nầy Thiện nam tử ! Nếu Phật ra đời chứng vô thượng Bồ Đề có các đệ tử đủ những điều kiện trên nhưng lại chấp kiến giải của mình mà lập những dị thuyết : Nầy Trưởng lão ! Giới của Phật chế, bốn giới trọng nhẫn đến bảy pháp diệt tránh, vì chúng sanh nên hoặc ngăn, hoặc mở, mười hai bộ kinh cũng như vậy. Vì Phật biết cõi nước đều sai khác, chúng sanh căn tánh lợi độn chẳng đồng vì thế nên Như Lai nói có khinh có trọng, hoặc ngăn hoặc mở. Như lương y trị bịnh người bịnh nóng thời cho uống sửa, bịnh lạnh thời ngăn không cho uống sửa. Đức Như Lai quán sát căn bịnh phiền não của chúng sanh, nên cũng mở cũng ngăn. Nầy Trưởng lão tôi đích thân nghe Phật nói nghĩa ấy, chỉ tôi biết chớ ngài không biết được, chỉ tôi hiểu luật chớ ngài không hiểu, chỉ tôi biết kinh chứ ngài không biết được. Nên biết khi Phật diệt độ chánh pháp đó chẳng ở lâu nơi đời. Trái lại hàng đệ tử đủ các điều kiện trên lại không lập dị thuyết. Phật dầu diệt độ nhưng chánh pháp vẫn ở lâu nơi đời.

Nầy Thiện nam tử ! Lúc chánh pháp của ta diệt, hàng Thanh Văn đệ tử hoặc có người nói có thần, hoặc nói không thần, có trung ấm hoặc không trung ấm, có ba đời hoặc không ba đời, có ba thừa hoặc không ba thừa, hoặc nói tất cả đều có, hoặc nói tất cả đều không, hoặc nói chúng sanh có thỉ có chung, hoặc nói chúng sanh không thỉ không chung, hoặc nói có mười hai nhơn duyên là pháp hữu vi, hoặc nói là pháp vô vi, hoặc nói Như Lai có bịnh khổ, hoặc nói Như Lai không bịnh khổ, hoặc nói Như Lai không cho Tỳ kheo ăn mười thứ thịt : Thịt người, thịt rắn , thịt voi, thịt ngựa, thịt lừa, thịt chó, thịt sư tử, thịt heo, thịt chồn , thịt khỉ vượn, ngoài ra đều cho, hoặc nói tất cả thứ thịt đều không cho ăn, hoặc nói Tỳ kheo chẳng được làm năm việc : Chẳng đặng bán những thứ : Sanh vật, dao, rượu, thuốc nhuộm, dầu mè, ngoài ra đều cho, hoặc nói chẳng cho vào năm thứ nhà : Nhà hàng thịt, nhà dâm nữ, nhà rượu, cung vua, nhà Chiên-đà-la, ngoài ra đều cho, hoặc nói chẳng cho mặc y Kiều-xa-gia, ngoài ra đều cho, hoặc nói Như Lai cho các Tỳ Kheo lãnh thọ và chứa cất y phục đồ nằm trị giá mười muôn lượng vàng, hoặc nói chẳng cho, hoặc nói Niết Bàn là thường, lạc, ngã, tịnh, hoặc nói Niết Bàn chính là kiết sử dứt hết không còn có pháp gì khác nên gọi là Niết Bàn, như dệt chỉ gọi đó là y, y đã hư rách thời gọi là không y, không có pháp gì khác gọi là không y, thể của Niết Bàn cũng như vậy. Đương thời kỳ đó, các đệ tử của ta : Chánh thuyết thời ít tà thuyết thời nhiều, thọ chánh pháp thời ít, thọ tà pháp thời nhiều, thọ lời Phật thời ít, thọ lời ma thời nhiều. Bây giờ trong nước Câu Diêm Di có hai đệ tử : Một là La Hán hai là phá giới, người phá giới có năm trăm đồ chúng, La Hán có một trăm đồ chúng. Người phá giới nói đức Như Lai rốt ráo nhập Niết Bàn, chính tôi nghe Phật nói nghĩa đó, bốn giới trọng của Phật chế, nếu trì cũng được, nếu phạm cũng

không tội, nay tôi cũng đặng quả A La Hán, bốn trí vô ngại, mà A La Hán cũng phạm tội như vậy, nếu bốn giới trọng thật là tội, thời A La Hán lẽ ra chẳng phạm. Lúc đức Như Lai còn ở đời bảo phải giữ gìn, đến lúc nhập Niết Bàn thời đều phóng xả.

Lúc đó A La Hán bảo Tỳ Kheo rằng : Nầy Trưởng lão ông chẳng nên nói đức Như Lai rốt ráo nhập Niết Bàn. Tôi biết đức Như Lai thường còn chẳng biến đổi. Đức Như Lai ở đời cùng lúc đã nhập Niết Bàn, phạm bốn trọng giới, tội không sai khác. Nếu nói A La Hán phạm trọng giới thời không đúng nghĩa. Vì Tu Đà Hoàn còn chẳng phạm cấm giới huống là A La Hán. Nếu Trưởng lão nói rằng tôi là A La Hán. Trưởng lão nên biết A La Hán trọn chẳng tưởng rằng tôi đặng A La Hán. A La Hán chỉ nói pháp lành chẳng nói pháp ác. Lời nói của Trưởng lão thuần là phi pháp. Nếu có người được đọc mười hai bộ kinh thời quyết định biết rằng Trưởng lão chẳng phải A La Hán.

Lúc đó đồ chúng của Tỳ Kheo phá giới liền giết A La Hán chết.

Ma Vương nhơn hai chúng giận hờn nhau bèn hại cả sáu trăm Tỳ Kheo.

Bầy giờ phàm phu trong đời đều bảo nhau rằng : Thương thay Phật pháp nay đã dứt. Nhưng chánh pháp của ta thật chẳng dứt mất, vì trong nước ấy có mười hai muôn Đại Bồ Tát khéo hộ trì pháp của ta.

Lúc bấy giờ trong Diêm Phù Đề không có một Tỳ Kheo làm đệ tử của ta. Ma Vương Ba Tuần dùng lửa đốt tất cả kinh điển. Trong đó hoặc còn sót, hàng Bà La Môn bèn trộm lấy lượm lặt để vào trong sách của họ. Do đây nên hàng Tiểu Bồ Tát, lúc Phật chưa ra đời đem nhau tin lấy lời của Bà La Môn. Hàng Bà La Môn dầu nói rằng tôi có trai giới, nhưng thiệt ra các ngoại đạo đều không có. Hàng ngoại đạo dầu nói : Có ngã, có lạc, có tịnh, nhưng thiệt ra họ chẳng hiểu nghĩa lạc, ngã, tịnh. Chính là họ lấy một chữ hai chữ một câu hai câu trong Phật pháp rồi nói là trong sách vở họ có nghĩa như vậy.

Lúc bấy giờ trong rừng Ta La Song Thọ nơi thành Câu Thi Na, vô lượng vô biên vô số đại chúng nghe lời Phật nói như trên, liền đồng tiếng xướng rằng : “Thế gian trống rỗng ! Thế gian trống rỗng !”

Ca Diếp Bồ Tát bảo đại chúng : Các người chớ lo rầu khóc lóc. Thế gian chẳng trống rỗng vì Phật pháp và Tăng là thường trụ không biến đổi.

Đại chúng nghe lời nầy liền thôi khóc, tất cả đều phát tâm vô thượng Bồ Đề.

Lúc bấy giờ thành Vương Xá, vua A Xà Thế tánh tình tệ ác, thích chém giết, miệng đủ bốn điều ác, tham, sân, si đầy nơi tâm, chỉ thấy hiện tại chẳng thấy vị lai, thuần dùng người ác để làm quyến thuộc, vì tham ngũ dục hiện đời mà giết vua cha vô tội. Hại cha xong lòng ăn năn bức rức, khắp mình sanh ghẻ lở tanh hôi chẳng ai dám gần. Vua A Xà Thế liền tự nghĩ rằng : Nay ta đã phải thọ lấy quả báo, không bao lâu chắc phải bị quả báo nơi địa ngục.

Thân mẫu của nhà vua là bà Vi Đề Hy lấy các thứ thuốc để thoa xức, nhưng ghẻ càng lở nặng thêm.

Vua A Xà Thế thưa với mẹ : Ghẻ lở nầy do nơi tâm mà sanh chẳng phải do tứ đại, không thể dùng y dược trong đời mà điều trị được.

Vua bảo các vị đại thần : Nay thân tâm của ta đều đau khổ. Cha ta vô tội, ta lại giết hại. Từng nghe người trí bảo rằng người phạm tội ngũ nghịch quyết định chẳng thoát khỏi địa ngục. Nay ta đã phạm tội nghịch thân tâm đau khổ, không có lương y nào chữa trị được.

Đại thần Nguyệt Xưng liền thưa với nhà vua : Như người thích ngủ nghỉ, ngủ nghỉ càng thêm nhiều, như người mê dâm dục, dâm dục càng thêm nhiều, như người ưa uống rượu, càng lúc càng uống nhiều. Nếu thường sầu khổ nhiều, thêm sầu cũng như vậy.

Như Đại Vương vừa nói người phạm tội ngũ nghịch quyết định chẳng thoát khỏi địa ngục. Có ai đến ngục thấy việc ấy trở về thưa với Đại Vương chăng ? Lời nói địa ngục chính là người trí ở thế gian nói. Nay có đại y sĩ hiệu là Phu Lan Na đặng sức định tự tại thấy biết tất cả, tu tập hạnh thanh tịnh thường vì mọi người mà diễn thuyết đạo Niết Bàn vô thượng, dạy hàng đệ tử rằng không có nghiệp ác, không có báo ác. Không có nghiệp lành không có báo lành. Không có nghiệp lành ác, không có báo lành ác. Không có thượng nghiệp cũng không có hạ nghiệp. Đại sư nầy hiện nay ở trong thànhVương Xá. Xin Đại Vương giá lâm, để nhờ đại sư ấy điều trị. Vua nói : “Nếu ông ấy có thể diệt trừ tội lỗi của ta, thời ta sẽ quy y”.

Lại có một vị đại thần tên Tạng Đức thưa với nhà vua, mong Đại Vương chớ lo rầu sợ sệt. Có hai thứ pháp luật : Một là xuất gia, hai là vương pháp. Hại cha mình để lên ngôi trị nước, dầu là nghịch nhưng đối với vương pháp thật không có tội. Như trùng Ca La La phải cắn lủng bụng mẹ mới sanh được. Dầu cắn lủng bụng mẹ thật ra hàng trùng cũng không có tội. Con la nghén chửa cũng như vậy. Phương pháp trị nước theo phép phải như vậy, dầu giết hại cha anh cũng không có tội. Còn pháp luật xuất gia thời nhẫn đến giết

muỗi kiến cũng đều có tội cả. Xin Đại Vương chớ lo rầu, vì càng sầu khổ thời càng thêm sầu khổ. Như người ưa ngủ, thích rượu, tham dâm thời sự ngủ v.v… càng thêm.

Nay có vị đại sư tên Mạt Già Lê Câu Xá Ly Tử thương xót chúng sanh như con đỏ, thấy biết tất cả, đã lìa phiền não có thể cứu vớt chúng sanh khỏi ba mũi tên độc bén nhọn. Đại sư nầy thường dạy đệ tử rằng : Tất cả chúng sanh thân có bảy nguyên tố : Địa, thủy, hỏa, phong, khổ, lạc và thọ mạng. Bảy thứ ấy chẳng phải hoá, chẳng thể làm chẳng thể hủy hại, như cỏ Y Sư Ca, an trụ chẳng động như núi Tu Di. Chẳng bỏ chẳng làm dường như sữa, như chất lạc. Chẳng cãi lẻ nhau : Hoặc khổ hoặc vui, là lành hay chẳng lành. Lấy dao bén chặt không chỗ bị thương bị hại, vì trong bảy nguyên tố ấy trống rỗng không ngăn ngại. Mạng cũng không bị hại vì không có người hại và người chết, không làm không thọ, không nói không nghe không có ai nhớ cũng như không người dạy bảo. Đại sư ấy thường thuyết pháp như vậy làm cho chúng sanh dứt trừ tất cả trọng tội. Nay đại sư ấy hiện ở trong thành Vương Xá. Xin Đại Vương đến đó. Nếu Đại vương gặp được Đại sư ấy thời các tội sẽ tiêu trừ.

Vua A Xà Thế bảo đại thần Tạng Đức : “ Nếu thật được như vậy ta sẽ quy y”.

Lại có một đại thần tên là Thiệt Đức tâu cùng vua rằng : “ Xin Đại Vương chớ sầu khổ. Nếu Tiên Vương tu đạo giải thoát, giết hại thời có tội. Nếu theo phép trị nước thời không có tội. Tất cả chúng sanh đều có nghiệp thừa, do nghiệp nầy nên thường bị sanh tử. Nếu như Tiên Vương có nghiệp thừa Đại Vương giết hại thời có tội gì. Mong Đại Vương yên lòng chớ sầu khổ vì người thường sầu khổ thời sầu khổ càng thêm.

Hiện nay trong thành Vương Xá có vị đại sư hiệu là San Xà Dạ Tỳ La Chi Tử thấy biết tất cả, trí sâu rộng như biển cả, có oai đức, có thần thông, có thể làm cho chúng sanh lìa các lưới nghi. Ngài dạy hàng đệ tử rằng : Trong quần chúng nếu là bậc vua chúa, thời tự tại tùy ý làm việc lành việc ác, trọn không có tội, như lửa đốt cháy đồ vật không luận là sạch cùng chẳng sạch. Như mặt đất chứa chở cả sạch cùng nhơ. Như nước, sạch dơ đều rửa. Như gió, sạch dơ đều thổi. Dầu có các việc như vậy mà đất nước v.v… trọn không giận, không mừng, phép của vua chúa cũng đồng như vậy. Như cây mùa thu trụi lá, mùa xuân thời đâm chồi, dầu chặt cây trụi nhưng không có tội. Cũng vậy chúng sanh ở chỗ nầy chết trở lại sanh chỗ nầy, vì sanh trở lại nên không có tội. Những quả báo khổ vui của tất cả chúng sanh đều chẳng phải do nghiệp

đời hiện tại chính là do nghiệp nhơn đời quá khứ. Hiện tại không nghiệp nhơn thì vị lai không quả báo. Do quả hiện tại nên chúng sanh trì giới tinh tấn tu hành để ngăn quả ác hiện tại. Do trì giới thời đặng vô lậu, vì đặng vô lậu thời hết nghiệp hữu lậu, vì hết nghiệp nên đặng hết khổ, vì hết khổ nên đặng giải thoát.

Xin Đại Vương mau đến đó. Nếu Đại Vương được thấy Đại Sư ấy thời tất cả tội đều trừ.

Vua đáp rằng : " Nếu thật như vậy thời ta sẽ quy y".

Lại có một đại thần tên Tất Tri Nghĩa tâu cùng vua rằng : " Xin Đại Vương thư tâm chớ sầu khổ. Ngày xưa có vua La Ma giết cha để lên ngôi. Vua Mạc Đề, vua Tỳ Lâu Chơn, vua Na Hầu Sa, vua Ca Đế Ca, vua Tỳ Xá Khư, vua Nguyệt Quang Minh, vua Nhật Quang Minh, vua Ái Vương, vua Tỳ Đa Nhơn, đều giết hại cha mình mà lên ngôi, nhưng không có một vua nào bị đọa địa ngục. Đời nay có vua Tỳ Lưu Ly, vua Ưu Đa Dạ, vua Ác Tánh, vua Thử Vương, vua Liên Hoa, đều giết hại cha mình, mà không một vua nào sanh lòng sầu não. Dầu nói rằng địa ngục, ngã quỉ, trên trời, nhưng ai thấy được đó.

Tâu Đại vương chỉ có hai loài : Một là người hai là súc sanh. Dầu có hai lòai nhưng chẳng phải do nhơn duyên sanh, cũng chẳng phải do nhơn duyên chết. Đã chẳng phải do nhơn duyên thời có gì là thiện là ác. Mong Đại Vương chớ buồn rầu sợ sệt. Vì người thường sầu khổ thời sầu khổ càng thêm.

Nay gần thành Vương Xá có vị Đại Sư hiệu là A Kỳ Đa Xúy Xá Khâm Bà La thấy biết tất cả, xem vàng cùng đất đồng nhau. Đối với người lấy dao chém vào hông bên mặt cùng người lấy chiên đàn thoa vào hông bên trái, tâm của ngài bình đẳng không sai khác, không oán, không thân, thật là bậc lương y trong đời. Đại sư dạy hàng đệ tử rằng : " Hoặc tự làm, hoặc bảo người làm, hoặc tự chém, hoặc bảo người chém, hoặc tự đốt, hoặc bảo người đốt, hoặc tự hại, hoặc bảo người hại, hoặc tự trộm, hoặc bảo người trộm, hoặc tự dâm, hoặc bảo người dâm, hoặc tự vọng ngữ, hoặc bảo người vọng ngữ, hoặc tự uống rượu, hoặc bảo người uống rượu, hoặc giết một thôn, một thành, một nước, hoặc dùng đao luân giết tất cả chúng sanh, hoặc phía nam sông Hằng Bố Thí chúng sanh, phía Bắc sông Hằng giết hại chúng sanh, tất cả đều không tội không phước, không thí, không giới, không định. Nếu Đại Vương gặp được Đại Sư ấy thời những tội lỗi sẽ dứt trừ."

Vua bảo Đại thần Tất Tri Nghĩa : “ Nếu thật được như vậy ta sẽ quy y.”

Lại có Đại thần tên là Kiết Đắc tâu cùng vua rằng : “ Ai đến phỉnh gạt Đại Vương mà nói rằng là có địa ngục ? Như đầu gai nhọn ai làm ra ? Loài chim khác màu ai làm ra? Tánh nước nhuần ướt, tánh đá cứng rắn, tánh lửa thời nóng, tánh gió thời động, tất cả muôn vật tự sanh tự chết ai làm ra ? Thuyết địa ngục chính là văn tự của người trí. Hạ thần nầy xin trình bày nghĩa địa ngục : Chữ địa là đất, chữ ngục nghĩa là phá, phá địa ngục không có tội báo, đây gọi là địa ngục. Lại chữ địa là người, chữ ngục là trời, bởi hại cha mình nên đến trong người trên trời. Do nghĩa nầy nên Bà Tẩu Tiên Nhơn nói rằng : Giết dê đặng quả vui cõi trời cõi người, đây gọi là địa ngục. Lại chữ địa là mạng, chữ ngục là dài, do sát sanh nên đặng thọ mạng dài, đây gọi là địa ngục. Tâu Đại Vương do đây nên biết thật không có địa ngục. Như gieo bắp đặng bắp, gieo lúa đặng lúa, giết địa ngục mắc phải địa ngục, giết hại người lẽ ra phải đặng báo người. Đại Vương nên nghe lời hạ thần trình bày, thật không có sự giết hại, vì nếu có ngã thời không hại, nếu không ngãlại không chỗ hại. Vì có ngã thời thường còn không biến đổi, vì thường còn nên chẳng thể giết hại, chẳng phá, chẳng hoại, chẳng trói, chẳng buộc, không giận, không mừng, dường như hư không, sao lại có tội giết hại. Nếu không ngã thời các pháp đều vô thường, vì vô thường nên niệm niệm hoại diệt, vì niệm niệm hoại diệt nên người giết, người chết đều niệm niệm diệt, nếu đã niệm niệm diệt thời ai sẽ có tội. Tâu Đại Vương như lửa đốt cây, lửa không có tội, như búa chặt cây, búa cũng không tội, như liềm cắt cỏ liềm thật không tội, như dao giết người, dao chẳng phải người dao đã không tội, sao người lại có tội ? Như thuốc độc giết người, thuốc độc chẳng phải người, thuốc độc đã không tội, sao người lại có tội ? Tất cả muôn vật cũng đều như vậy, thật không giết hại, sao lại có tội. Mong Đại vương chớ nên sầu khổ, vì thường sầu khổ thời sầu khổ càng thêm.

Nay gần thành Vương Xá có vị Đại Sư hiệu là Ca La Cưu Đà Ca Chiên Diên thấy biết tất cả, rõ suốt ba đời, trong khoảng một niệm có thể thấy vô lượng vô biên thế giới, nghe tiếng cũng vậy, Đại Sư ấy có thể làm cho chúng sanh xa lìa tội lỗi, như sông Hằng bao nhiêu đồ nhơ uế, đều làm cho sạch sẽ. Đại sư ấy dạy đệ tử rằng : Nếu người giết hại tất cả chúng sanh mà lòng không ăn năn hổ thẹn thời trọn chẳng đọa ác thú, như hư không chẳng dính bụi dính nước, nếu lòng ăn năn hổ thẹn liền đọa địa ngục, như nước thấm ướt đất. Tất cả chúng sanh đều do Tự Tại Thiên tạo ra. Tự Tại Thiên mừng thời chúng sanh an vui, Tự Tại Thiên sân thời chúng sanh khổ não. Tất cả tội phước của chúng sanh đều do Tự Tại Thiên làm ra, sao lại nói rằng loài người có tội có phước. Ví như thợ máy chế ra người máy, cũng đi đứng ngồi nằm, chúng

sanh cũng như vậy. Tự Tại thiên dụ như máy, thân chúng sanh dụ như người máy. Tạo hoá như vậy thời ai là người có tội.

Nếu Đại vương gặp được Đại Sư ấy thời tội chướng sẽ tiêu trừ.

Vua bảo Đại Thần Kiết Đắc : " Nếu thật được như vậy thời ta sẽ quy y".

Lại có Đại Thần tên Vô Sơ Úy tâu cùng vua A Xà Thế rằng : "Xin Đại Vương chớ sầu khổ. Xét về dòng Sát Đế Lợi là dòng vua chúa, nếu vì nước, vì Sa Môn và Bà La Môn, vì vấn đề an ổn nhân dân, dầu có giết hại nhưng không tội.

Tiên Vương dầu cung kính Sa Môn mà chẳng phụng thờ các Bà La Môn, tâm không bình đẳng chẳng phải thật dòng Sát Đế Lợi
Nay Đại Vương muốn cúng dường các Bà La Môn mà giết hại Tiên Vương thời có tội gì ?

Tâu Đại vương ! Thật ra không có giết hại. Xét về sự giết hại là giết hại mạng sống. Mạng là hơi gió, tánh hơi gió không thể giết hại được, sao lại nói rằng hại mạng thời sẽ có tội. Mong Đại vương chớ sầu khổ, vì thường sầu khổ thời sầu khổ càng thêm. Nay trong thành Vương Xá có vị Đại Sư hiệu là Ni Kiền Đà Nhã Đề Tử thấy biết tất cả, thương xót chúng sanh, rõ biết căn tánh lợi độn, tám pháp thế gian không làm ô nhiễm được ngài, tu tập phạm hạnh thanh tịnh, Đại Sư ấy dạy hàng đệ tử rằng : Không Bố Thí, không nghiệp lành, không cha, không mẹ, không đời nay, không đời sau, không A La Hán, không đạo hạnh, không tu hành. Tất cả chúng sanh trải qua bốn muôn kiếp, tự nhiên sẽ thoát khỏi dòng sanh tử, không luận là người có tội hay vô tội, như bốn con sông lớn đều chảy vào biển cả, tất cả chúng sanh lúc đặng giải thoát đều đồng nhau không khác. Nếu Đại vương gặp được Đại sư ấy thời các tội chướng sẽ tiêu trừ."

Vua bảo Đại Thần Vô Sở Úy : " Nếu thật như vậy ta sẽ quy y".

Mặc dầu các Đại thần khuyên lơn giảng dạy đủ điều như vậy, nhưng vua A Xà Thế vẫn sầu khổ.

Lúc đó Đại Y Sĩ Kỳ Bà tâu cùng vua rằng : " Đại Vương ngủ nghỉ có đặng yên
chăng ?"

Vua A Xà Thế liền nói kệ rằng :

Nếu có người dứt hẳn được, Tất cả những phiền não hoặc, Chẳng tham nhiễm trong ba cõi. Mới ngủ nghỉ được an ổn. Nếu người chứng Đại Niết Bàn, Diễn thuyết nghĩa lý rất sâu. Gọi là thiệt Bà La Môn. Mới ngủ nghỉ được an ổn, Thân không tạo nghiệp ác, Miệng xa lìa bốn điều lỗi, Tâm không có những lưới nghi, Mới ngủ nghĩ đặng an ổn. Thân tâm đều không nhiệt não, An trụ nơi chỗ tịch tịnh, Đặng đến cảnh vui vô thượng, Mới ngủ nghỉ được an ổn. Trong lòng không có chấp lấy, xa lìa những niệm oán thù, Thường hòa thuận không tránh tụng, Mới ngủ nghỉ được an ổn. Nếu chẳng tạo những nghiệp ác, Thường có tâm niệm hổ thẹn, Tin làm ác có quả báo, Mới ngủ nghỉ được an ổn. Cung kính phụng dưỡng cha mẹ, Chẳng giết hại một sanh mạng. Chẳng trộm cướp tài vật người, Mới ngủ nghỉ được an ổn. Điều phục sửa trị sáu căn.

Gần gũi bậc thiện tri thức, Phá hoại tất cả bốn ma, Mới ngủ nghỉ được an ổn. Chẳng thấy lành cùng chẳng lành, Với những sự khổ sự vui, Vì cứu độ những chúng sanh, Nên luân chuyển trong sanh tử, Nếu người có thể như vậy, Mớ ngủ nghỉ được an ổn. Ai đặng ngủ nghỉ yên ổn ? Đáp rằng : Chính là Chư Phật. Quán sâu nơi tam muội. Thân cùng tâm an chẳng động. Ai ngủ nghỉ được an ổn ? Đáp rằng : Là đấng Từ Bi. Thường siêng tu chẳng phóng dật, Xem chúng sanh như con một. Chúng sanh bị tội vô minh, Chẳng thấy quả khổ phiền não, Thường gây tạo những nghiệp ác, Nên ngủ nghỉ chẳng được yên, Hoặc vì lợi chính thân mình, và đến thân những người khác, mà gây tạo mười nghiệp ác, Thời ngủ nghỉ chẳng được yên. Nếu nói vì lên ngôi vua, Hại cha vẫn không tội lỗi, Thuận theo ác tri thức nầy, Thời ngủ nghỉ chẳng được yên. Nếu ăn uống không tiết độ, Uống chất lạnh mà quá nhiều, Do đây phải mang bịnh khổ, Thời ngủ nghỉ chẳng được yên. Nếu đối với vua có lỗi, Tà niệm với vợ con người, Cùng đi trên đường xa vắng, Thời ngủ nghỉ chẳng được yên. Trì giới chưa được quả lành. Thái tử chưa được nối ngôi, Kẻ trộm chưa lấy được của, Thời ngủ nghỉ chẳng được yên.

Nầy Kỳ Bà ! Nay ta mang bịng nặng nầy chính vì ta nghịch lại vua cha. Cha ta trị nước đúng pháp thật không tội lỗi mà ta lại giết hại. Vì thế nên tất cả lương y diệu dược chú thuật đều không thể trị lành bịnh ta. Lòng ta khổ sở như cá mắc cạn, như nai mắc bẫy v.v… Ta từng nghe người trí bảo rằng người phạm tội nghịch ắt đọa địa ngục. Ta làm sao ngủ yên ổn được. Lại không bậc vô thượng đại y sĩ dùng pháp dược để dứt trừ bịnh khổ cho ta.

Kỳ Bà tâu cùng vua : “ Lành thay ! Lành thay ! Vua dầu tạo tội nhưng có lòng ăn năn hổ thẹn. Tâu Đại Vương ! Chư Phật thường nói rằng có hai pháp lành có thể cứu chúng sanh. Một là tàm, hai là quí. Tàm là tự chẳng phạm

tội. Quí là chẳng bảo người phạm. Tàm là trong lòng tự hổ thẹn. Quí là đối người phát lồ. Tàm là hổ cùng người. Quí là thẹn với trời. Kẻ không tàm, quí thời chẳng gọi là người, nên gọi là súc sanh. Vì có tàm quí thời có thể cung kính cha mẹ sư trưởng. Người có tàm quí thời gọi là có cha mẹ anh em chị em.

Lành thay ! Đại Vương có lòng tàm quí. Xin Đại Vương nghe hạ thần trình bày.

Hạ thần từng nghe đức Phật nói : Có hai hạng người trí : Một là người chẳng tạo điều ác, hai là tạo điều ác rồi biết sám hối. Cùng có hai hạng người ngu : Một là người tạo tội, hai là người tạo tội rồi che giấu.

Dầu trước tạo tội lúc sau phát lồ ăn năn hổ thẹn chẳng dám tái phạm, như đem minh châu để trong nước đục, do thế lực của minh châu nước liền trong. Như khói mây tan thời mặt trăng chói sáng. Người tạo tội ác có thể sám hối cũng như vậy.

Đại Vương nếu sám hối có lòng tàm quí thời tội chướng sẽ trừ diệt, trong sạch như xưa.

Tâu Đại Vương ! Giàu có hai hạng : Một là nhiều voi ngựa, lục súc,. Hai là nhiều vàng bạc các thứ châu báu. Voi ngựa nhiều chẳng sánh được một hột châu. Cũng vậy, chúng sanh có hai hạng giàu : Một là giàu điều ác, hai là giàu điều lành. Tạo nhiều điều ác chẳng bằng một điều lành. Hạ thần nghe Phật nói tu một tâm lành phá tâm điều ác. Như chút kim cang có thể hoại núi Tu Di. Cũng như chút lửa có thể đốt cháy tất cả. Như chút thuốc độc có thể hại chúng sanh. Cũng vậy, chút ít điều lành có thể phá nghiệp ác lớn. Dầu gọi là chút lành nhưng kỳ thật là lớn, vì phá được nghiệp ác lớn.

Tâu Đại vương ! Như lời Phật nói che dấu là hữu lậu, chẳng che dấu là vô lậu. Phát lồ sám hối tội lỗi thời là vô lậu. Nếu tạo tội mà chẳng che chẳng dấu thời tội mỏng ít. Nếu có lòng tàm quí thời tội tiêu diệt. Giọt nước dầu nhỏ nhưng lần đầy lu lớn. Cũng vậy, mỗi mỗi tâm lành có thể phá điều ác lớn. Nếu người che dấu tội lỗi thời tội lỗi thêm lớn, còn phát lồ hổ thẹn thời tội lỗi tiêu diệt. Vì thế nên chư Phật nói người có trí chẳng che dấu tội lỗi.

Lành thay ! Đại Vương có thể tin nhân quả tin nghiệp báo. Xin Đại Vương chớ ôm lòng sầu khổ sợ sệt.

Nếu có chúng sanh tạo các tội ác rồi che dấu chẳng sám hối, không lòng hổ thẹn, chẳng thấy nhơn quả cùng nghiệp báo, chẳng thể học hỏi nơi người trí, chẳng gần bạn lành, tất cả lương y không thể trị lành bịnh người nầy, như bịnh Ca Ma La, y sĩ trong đời đều khoanh tay. Người tội nầy gọi là nhứt xiển đề chẳng tin nhơn quả, không biết hổ thẹn, chẳng tin nghiệp báo, chẳng thấy hiện tại cùng vị lai, chẳng gần bạn lành, chẳng thuận theo lời dạy của Phật, chư Phật Thế Tôn không thể chữa trị bịnh nầy. Như tử thi, y sĩ chẳng chữa được.

Nay Đại vương chẳng phải hạng nhứt xiển đề, sao lại nói rằng không thể cứu lành.

Như lời Đại vương nói không người nào chữa trị được. Xin Đại vương nên biết rằng : Con vua Tịnh Phan ở thành Ca Tỳ La họ Cù Đàm tên Tất Đạt Đa, tự giác ngộ thành bậc vô thượng chánh giác, thân trang nghiêm đủ ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, đầy đủ mười trí lực, bốn vô sở úy, thấy tất cả, đại từ đại bi thương xót chúng sanh như La Hầu La, tùy thuận chúng sanh như nghé theo trâu mẹ, thuyết pháp đúng thời, lời Phật chơn thiệt, thanh tịnh, vi diệu, đúng nghĩa đúng pháp, duy nhứt, có thể làm cho chúng sanh lìa hẳn phiền não khéo biết căn tánh của chúng sanh, tùy nghi phương tiện không gì chẳng thông đạt. Trí của Phật cao lớn như núi Tu Di, thâm thúy rộng xa như biển cả. Đức Phật có trí kim cang phá tất cả tội ác của chúng sanh. Đức Phật cách đây mười hai do tuần trong rừng Ta La Song Thọ nơi thành Câu Thi Na, đương vì vô lượng vô số Bồ Tát đại chúng mà thuyết pháp. Nếu Đại Vương được nghe Phật dạy về nghĩa vô tác, vô thọ thời bao nhiêu trọng tội sẽ được tiêu trừ.

Xưa kia Thích Đề Hoàn Nhơn lúc sắp chết có năm tướng hiện : Một là áo xiêm nhơ nhớp, hai là hoa trên đầu héo, ba là thân thể hôi dơ, bốn là dưới nách ra mồ hôi, năm là chẳng thích chỗ mình ở. Lúc đó Thiên Đế Thích, hoặc nơi chỗ vắng vẻ thấy Sa Môn, hoặc thấy Bà La Môn, liền đi đến kính ngưỡng như Phật. Các Sa Môn cùng Bà La Môn thấy Thiên Đế Thích đến rất vui mừng nói rằng : Thưa Thiên Chúa ! Nay tôi quy y với ngài.

Thiên Đế biết chẳng phải Phật, nghĩ rằng : Người đó nếu không phải là Phật thời không thể chửa trị năm tướng suy của ta.

Thiên tử theo hầu tên Bát Giá Thi tâu cùng Thiên Đế : Vua Càn Thát Bà tên Đôn Phù Lâu có công chúa hiệu là Tu Bạt Đà, Thiên Vương nếu ban công chúa nầy cho hạ thần, hạ thần sẽ chỉ người có thể trừ tướng suy cho Thiên

Vương.
Thiên Đế đáp rằng : Nầy Thiên Tử ! Nếu được như lời khanh vừa tâu, công chúa Xá Chỉ, con gái của vua A Tu La Tỳ Ma Chất Đa hiện ta đương kính ái, nếu khanh muốn ta cũng sẽ ban cho, huống là công chúa Tu Bạt Đà.

_ Tâu Thiên Vương, hiện tại có đức Phật Thế Tôn hiệu Thích Ca Mâu Ni đương ở thành Vương Xá, Thiên Vương nếu đến cầu pháp nơi Phật thời tướng suy chắc chắn sẽ trừ diệt.

Thiên Đế liền khiến xa giá đến núi Kỳ Xà Quật. Thiên Đế đầu mặt đảnh lễ chân Phật, rồi ngồi qua một bên bạch cùng Phật rằng : " Thế Tôn ! trong hàng Thiên Nhơn những gì là trói buộc ?"

Phật nói : " Nầy Kiều Thi Ca ! Chính là xan tham và tật đố."

Bạch Thế Tôn ! Xan tham tật đố nhơn đâu mà sanh ?

_ Do vô minh mà sanh.

_ Bạch Thế Tôn ! Vô minh lại do đâu mà sanh ?

_ Do phóng dật mà sanh.

_ Bạch Thế Tôn ! Phóng dật lại do đâu mà sanh ?

_ Do điên đảo mà sanh.

_ Bạch Thế Tôn ! Điên đảo lại do đâu mà sanh ?

_ Do lòng nghi mà sanh.

_ Bạch Thế Tôn ! Đúng như lời Phật dạy, vì tâm tôi nghi nên sanh điên đảo, đối với người chẳng phải Phật mà tưởng là Phật. Giờ đây tôi được thấy Thế Tôn, lưới nghi của tôi liền trừ. Vì lưới nghi trừ nên điên đảo cũng hết. Vì điên đảo hết nên không có tâm xan tham tâm tật đố.

Phật nói : " Ông nói rằng không có tâm xan tham tật đố, thời ông đã đặng quả A Na Hàm chăng ? Bậc A Na Hàm không có tâm tham. Nếu không tâm tham sao lại vì mạng sống mà tìm đến ta. Mà bậc A Na Hàm thật chẳng cầu sống.

_ Bạch Thế Tôn ! Người có điên đảo thời có cầu mạng sống, người không điên đảo thời chẳng cầu mạng sống. Nay tôi thật chẳng cầu mạng sống, tôi chỉ cầu pháp thân cùng trí huệ của Phật.

_ Nầy Kiều Thi Ca ! Người cầu pháp thân cùng trí huệ của Phật, thời tương lai quyết định sẽ được.

Nghe lời Phật nói xong năm tướng suy của Thiên Đế liền tiêu diệt.

Thiên Đế đứng dậy đảnh lễ rồi đi nhiễu Phật ba vòng chắp tay cung kính bạch Phật : " Thế Tôn ! Nay tôi sắp chết được sống, sắp mất mạng được mạng, lại được Phật thọ ký sẽ thành vô thượng chánh giác. Bạch Thế Tôn ! Tất cả nhơn thiên thế nào được tăng ích ? Lại do nhơn duyên gì mà phải tổn giảm ?

_ Nầy Kiều Thi Ca do đấu tránh nên nhơn duyên tổn giảm. Khéo tu hòa kính thời đặng tăng ích.

_Bạch Thế Tôn! Nếu do đấu tránh mà tổn giảm, từ nay trở đi tôi chẳng cùng A Tu La đánh nhau nữa.

_ Lành thay ! lành thay ! Nầy Kiều Thi Ca chư Phật Thế Tôn đều nói hạnh nhẫn nhục là nhơn vô thượng Bồ Đề.

Thích Đề Hoàn Nhơn lễ tạ Phật trở về Thiên cung.

Tâu Đại Vương vì đức Như Lai có thể trừ những tướng ác , nên gọi Phật là chẳng thể nghĩ bàn. Nếu Đại vương ra mắt Phật chắc chắn sẽ trừ được trọng tội.

Ngày trước thanh niên dòng Bà La Môn, tên là Bất Hại, vì giết hại nhiều người nên hiệu là Ương Quật Ma La. Thanh niên nầy lại muốn hại mẹ, lúc tâm ác nổi lên cầm gươm tìm mẹ, vì thân tâm ác nên thành nhân tội nghịch, tất phải đọa địa ngục. Lát sau thấy Phật thân tâm khởi ác muốn hại Phật, đây cũng là nhân tội nghịch sẽ đọa địa ngục. Thanh niên nầy được đức Như Lai giáo hoá, tâm ác liền trừ, nghiệp nhân địa ngục tiêu diệt, phát tâm vô thượng Bồ Đề. Vì thế nên đức Phật hiệu là Y Vương vô thượng, chẳng phải như hàng lục sư ngoại đạo kia.
Tâu Đại Vương lại có Vương Tử Tu Tỳ La, vua cha giận chặt cả tay chân xô xuống giếng sâu. Vương mẫu thấy xót thương sai người đem Vương Tử đến trước Phật. Lúc Vương Tử thấy Phật, tay chân đầy đủ lại như cũ, liền

phát tâm vô thượng Bồ Đề. Vì Vương Tử được thấy Phật nên đặng quả báo hiện tại. Do đây nên đức Phật hiệu là Y Vương vô thượng, chẳng phải như hàng lục sư ngoại đạo.

Tâu Đại vương ngày trước trên bờ sông Hằng có năm trăm ngạ quỷ đã nhiều năm chẳng thấy nước, chẳng được uống, dầu họ đến bên sông nhưng họ thấy thuần là lửa, vì quá đói khát nên họ kêu la than khóc. Lúc đó đức Như Lai ngồi dưới bóng cây ở rừng Uất Đàm Bát cạnh bờ sông. Các ngạ quỷ đến bạch Phật : "Thế Tôn ! Chúng tôi đói khát sắp chết đến nơi.

Phật nói : " Sao các người chẳng uống nước sông Hằng ?"

Các ngạ quỷ thưa : " Đức Như Lai thấy nước còn chúng tôi thấy là lửa ".

Phật nói : " Trong sông hằng tòan nước trong mát thật chẳng phải lửa. Vì nghiệp ác nên các người sanh tâm điên đảo cho là lửa. Phật sẽ trừ tâm điên đảo cho các người, để các người thấy được nước.

Như Lai liền vì các ngạ quỷ giảng nói tội lỗi của tâm xan tham.

Các ngạ quỷ thưa : " Nay chúng tôi đang đói khát, dầu nghe lời thuyết pháp nhưng đều chẳng nhập tâm".

Phật nói : " Các người nếu đói khát có thể vào sông Hằng tha hồ uống đó".

Nhờ công đức của Phật các ngạ quỷ uống đặng nước. Uống nước xong họ trở về chỗ Phật ngồi. Đức như Lai vì họ thuyết pháp, tất cả đều phát tâm vô thượng Bồ Đề. Lúc đó năm trăm ngạ quỷ đều đặng sanh lên cõi trời.

Do cớ đây nên đức Phật hiệu là Y Vương vô thượng, chẳng như hàng lục sư ngoại đạo.

Tâu Đại Vương ! Nước Xá Bà Đề có đảng cướp năm trăm người, bi vua Ba Tư Nặc bắt được khoét cả đôi mắt bỏ trong rừng sâu. Đảng cướp khổ sở khóc than tưởng niệm đến Phật. Đức Phật xót thương hiện thân trước đảng cướp khuyên bảo rằng : Các người phải khéo giữ gìn nhân khẩu, chớ gây tạo nghiệp ác nữa. Đảng cướp nghe tiếng Phật dịu dàng trong trẻo , đôi mắt sáng trở lại. Đồng chấp tay đảnh lễ Phật bạch rằng : Thế Tôn ! Nay chúng tôi biết rõ Phật có lòng đại từ che chở tất cả chúng sanh, chẳng phải riêng là nhơn thiên.

Đức Như Lai vì họ thuyết pháp tất cả đều được phát tâm vô thượng Bồ Đề. Do đây nên đức Như Lai thật là lương y vô thượng trong thế gian, chẳng phải như hàng lục sư ngoại đạo.

Tâu Đại vương ! Nước Xá Bà Đề có ngườiChiên Đà la tên là Khí Hứ giết hại nhiều mạng người, gặp được đệ tử của Phật là ngài Ma Ha Mục Kiền Liên, liền phá được nhân địa ngục sanh lên cõi trời Đao Lợi. Vì có hàng thánh đệ tử như vậy nên đức Như Lai hiệu là Y Vương vô thượng chẳng phải như hàng lục sư ngoại đạo.

Tâu Đại Vương thành Ba La Nại có trưởng giả tử tên là A Dật Đa, dâm bà mẹ, giết chết ông cha. Bà mẹ lại tư thông với người khác, Trưởng gia tử bèn lại giết mẹ. Có vị A La Hán là thân hữu của nhà nầy. Vì hổ thẹn nên Trưởng giả tử lại giết A La Hán. Sau đó Trưởng giả tử đến Kỳ Hoàn Tinh Xá cầu xuất gia. Các Tỳ kheo rõ biết người nầy phạm ba tội nghịch, nên không vị nào dám nhận. Trưởng giả tử oán gận, giữa đêm phóng lửa đốt phòng của chư tăng, giết hại nhiều người vô tội. Lúc sau đó Trưởng giả tử qua thành Vương Xá cầu xin đức Như Lai cho xuất gia. Đức Như Lai liền nhận lời rồi giảng nói pháp yếu khiến tội nghịch nặng lần lần giảm nhẹ, Tưởng giả tử phát tâm vô thượng Bồ đề. Do đây nên đưc Phật hiệu là Y Vương vô thượng.

Đại Vương bổn tánh bạo ác nghe lời người ác là Đề Bà Đạt Đa, thả voi say để chà Phật, voi thấy Phật liền tỉnh ngộ, Phật lấy tay xoa đầu voi, nói pháp yếu voi phát tâm vô thượng Bồ Đề.

Tâu Đại Vương! Súc sanh thấy Phật còn phá được nghiệp quả súc sanh, huống là loài người ư !

Đại Vương nếu gặp được Phật, bao nhiêu trọng tội tất sẽ tiêu trừ.

Đưc Thế Tôn lúc chưa thành vô thượng Bồ Đề, Ma Vương dẫn vô lượng quyến thuộc đến chỗ Bồ Tát ngồi, Bồ Tát dùng sức nhẫn nhục phá tan ác tâm của ma, làm cho ma thọ pháp phát tâm vô thượng Bồ Đề.

Tâu Đại Vương có Khoáng Dã quỷ giết hại nhiều người. Vì cứu Thiện Hiền trưởng giả, đức Như Lai đến thôn Khoáng Dã hiện thân thuyết pháp, Khoáng Dã quỷ nghe pháp vui mừng, bèn đem Thiện Hiền Trưởng giả trao cho Như Lai, rồi sau bèn phát tâm vô thượng Bồ Đề.

Tâu Đại Vương Nước Ba La Nại có người hàng thịt tên là Quảng Ngạch, mỗi ngày giết hại cả trăm ngàn con dê, gặp ngài Xá Lợi Phất liền thọ bát quan trai một ngày một đêm. Nhờ công đức nầy, sau khi chết Quảng Ngạch sanh là con trai của Tỳ Sa Môn Thiên Vương. Đệ tử của đức Như Lai còn có công đức lớn như vậy huống là Phật.

Tâu Đại Vương Thành Tế Thạch ở bắc Thiên Trúc, có vua Long ẩn vì tham ngôi vua mà giết hại vua cha, về sau sanh lòng ăn năn bỏ nước đến xin đức Phật xuất gia, làm Tỳ Kheo, tội nặng tiêu diệt phát tâm vô thượng Bồ Đề.

Đức Phật có vô lượng vô biên công đức như vậy.

Tâu Đại Vương ! Phật có một người em họ là Đề Bà Đạt Đa, ông nầy phá tăng, làm thân Phật chảy máu, giết chết A La Hán Liên Hoa Tỳ Kheo Ni, phạm cả ba tội nghịch, đức Như Lai vì ông giảng nói pháp yếu làm cho tội nghịch nặng của ông được giảm nhẹ, nên đức Như Lai là Y Vương vô thượng chẳng phải như hàng lục sư ngoại đạo.

Đại Vương nếu có thể tin lời của hạ thần xin Đại Vương mau đến đức Như Lai. Nếu Đại Vương chưa tin, hạ thần cũng mong Đại Vương suy nghĩ kỹ lại.

Tâu Đại Vương ! Chư Phật có lòng Đại Bi che chở tất cả, chẳng hạn cuộc nơi một người. Chánh pháp của Phật rộng rãi, bao gồm chẳng sót với kẻ oán người thân Phật xem bình đẳng lòng không ghét không yêu.

Đức Như Lai chẳng phải là thầy riêng của bốn bộ chúng, mà là thầy của tất cả trời, người rồng, thần, địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ. Tất cả chúng sanh cũng nên xem Phật như cha mẹ. Đức Như Lai chẳng riêng vì người sang giàu như vua Bạt Đề Ca mà thuyết pháp, cũng thuyết pháp cho cả người hạ tiện như U Ba Ly. Chẳng riêng thọ xứ cúng dàng của Trưởng Giả Tu Đạt Đa, Trưởng Giả A Na Bân Kỳ mà cũng nhận lấy đồ ăn của người nghèo. Đức Phật chẳng riêng vì hạng trí huệ như ngài Xá Lợi Phất mà thuyết pháp, cũng giáo hóa cả người ngu tối như Châu Lợi Bàn đặc. Đức Như Lai chẳng riêng cho người tánh không tham như ngài Ca Diếp xuất gia mà cũng cho cả người rất tham như Bàn Đà xuất gia, đức Phật chẳng riêng cho người ít phiền não như Ưu Lâu Tần Loa Ca Diếp xuất gia mà cũng cho người phiền não sâu nặng tạo trọng tội như ông Tu Đà Da em vua Ba Tư Nặc xuất gia. Đức Phật chẳng vì ông Tá Thảo cung kính cúng dàng mà nhổ từ gốc sân hận cho ông ấy cũng độ cả kẻ ác tâm muốn làm hại là Ương Quật Ma La. Chẳng riêng độ người xuất gia làm cho chứng đặng bốn thánh quả, cũng làm cho

hàng tại gia chứng đặng ba thánh quả, đức Như Lai chẳng riêng vì người nhàn tịch như ông Phú Đa La mà thuyết pháp, cũng giảng thuyết cho vua Tần Bà Ta La bận rộn việc nước. Người nghiền rượu như ông Út Già Trưởng Giả Phật cũng giáo hóa chớ chẳng phải riêng vì những người kiêng rượu. Đức Phật cũng giáo hóa nàng Bà Tư Tra là người mẹ cuồng tâm vì con chết, chớ chẳng phải riêng thuyết pháp cho bậc nhập thiền định như Ly Bà Đa. Đức Phật chẳng riêng vì đệ tử của mình mà cũng thuyết pháp cho hàng ngoại đạo Ni Kiền Tử. Phật cũng giáo hóa cho người già suy tám mươi tuổi, cũng như với hạng trai trẻ hai mươi lăm. Người căn lành chưa thuần thục, cũng được Phật giáo hóa như người đã thuần thục, Phật thuyết pháp cho người dâm nữ Liên Hoa cũng như vì Mạt Lợi phu nhân. Phật nhận món ăn độc của Trưởng Giả Thi Lợi Cúc Đa như lãnh thực phẩm thượng soạn của vua Ba Tư Nặc.

Tâu Đại Vương Trưởng Giả Thi Lợi Cúc Đa trước kia cũng tạo tội nghịch, nhờ đến Phật nghe thuyết pháp bèn phát tâm vô thượng Bồ Đề.

Giả sử trong một tháng thường đem y phục vật thực cung kính cúng dường cho tất cả chúng sanh, chẳng bằng người niệm Phật khoảng một niệm.

Giả sử đúc vàng làm người, xe ngựa chở đầy châu báu đến số trăm dùng để bố thí, chẳng bằng người phát tâm muốn đến Phật dở chân bước một bước.

Giả sử dùng trăm xe voi chở các thứ trân bảo của nước Đại Tần, cùng trăm người nữ nước ấy thân đeo đầy chuỗi ngọc dùng để bố thí, vẫn không bằng bước một bước hướng đến Phật.

Cho đến giả sử Đại Vương cung kính cúng dường hàng hà sa vô lượng chúng sanh, chẳng bằng một lần đến rừng Long Thọ thành tâm nghe đức Như Lai thuyết pháp.

Vua A Xà Thế bảo rằng: “Nầy Kỳ Bà đức Như Lai tâm tánh đã điều nhu, thời quyến thuộc phải là người điều nhu, như rừng Chiên Đàn thời thuần cây chiên đàn, đức Như Lai thanh tịnh quyến thuộc của ngài cũng thanh tịnh, như rồng thời thuần dùng rồng làm quyến thuộc. Đức Như Lai tịch tịnh không tham không phiền não, quyến thuộc của ngài cũng không phiền não . Nay ta là người cực ác, thân thể hôi nhơ, thuộc hạng địa ngục, đâu đáng là người đến chỗ đức Như Lai. Giả sử ta có qua, e rằng đức Như Lai chẳng đoái tới. Khanh dầu khuyên ta, nhưng ta xấu hổ sợ sệt không có lòng muốn đi.

Vua A Xà Thế nói vừa dứt, trên không bỗng có tiếng rằng : Phật pháp vô thượng sắp suy mất, dòng sông pháp rộng sâu sắp cạn, đèn sáng đại pháp sắp tắt, núi pháp sắp lở, thuyền pháp sắp chìm, cầu pháp sắp hư, điện pháp sắp đổ, tràng pháp sắp ngã, cây pháp sắp gãy, bạn lành sắp đi, sự khủng bố sắp đến, chúng sanh sắp đói khát, bịnh dịch phiền não sắp lưu hành, sự tối tăm sắp đến, ma vương vui mừng cởi mở giáp trụ, mặt trời Phật sắp lặn nơi núi Đại Niết Bàn. Phật nếu diệt độ tội nghịch trọng của Đại Vương không còn ai trị được.
_ Nay Đại Vương đã tạo tội nghiệp A Tỳ địa ngục, đã có tội nghiệp tất phải thọ báo. Sao gọi là A Tỳ địa ngục ? A là không , Tỳ là xen hở, tức là Vô Gián. Người đọa trong đó luôn bị khổ không hở, một người tội thân lớn đầy khắp cả ngục tám muôn do tuần, nhiều người tội, thân mỗi người cũng đầy khắp cả ngục không chướng ngại nhau, do đây nên gọi là ngục Vô Gián.

Trong địa ngục lạnh tạm thời có gió ấm nóng, trong địa ngục ấm nóng tạm thời có gió mát lạnh, địa ngục A Tỳ toàn không có việc nầy. Ngục A Tỳ bốn phía có cửa, ngoài mỗi cửa đều có ngọn lửa rất mạnh cháy suốt cả bốn phương tám muôn do tuần, vách ngục bằng sắt, nền cũng bằng sắt, lưới phủ trùm ở trên lửa, dưới nền cháy suốt đến nóc ngục, lửa trên nóc cháy suốt đến nền ngục. Người tội trong đó bị đốt cháy đau khổ như cá bị chiên trong chảo. Phạm một tội nghịch bị trọn sự khổ như vậy, nếu tạo hai tội nghịch, thời sự khổ gấp hai, nếu tạo đủ ngũ nghịch thời sự khổ gấp năm lần. Tôi biết chắc ác nghiệp của Đại Vương không thể thoát khỏi. Mong Đại Vương mau đến gặp Phật, ngoài Phật ra không ai cứu Đại Vương được. Vì xót thương nên tôi có mấy lời khuyên Đại Vương.

Vua A Xà Thế trong lòng quá sợ, toàn thân run rẩy, ngước mặt lên hỏi rằng : Ngài là ai ? Sao chỉ nghe tiếng mà chẳng hiện thân ?

Trên hư không có tiếng đáp : “ Tôi là Tần Bà Ta La, cha đẻ của Đại Vương.

Nay Đại Vương phảinghe lời Kỳ Bà, chớ nghe lời tà kiến của sáu đại thần.”

Nghe xong vua A Xà Thế ngất xỉu trên đất, ghẻ nhọt thêm nhiều càng hôi nhơ hơn trước. Dầu ngự y đem thuốc đến thoa, nhưng ghẻ độc càng thêm nóng nhức.

Lúc bấy giờ đức Thế Tôn ở trong rừng Song Thọ, Phật nhãn thấy vua A Xà Thế ngất xỉu xuống đất, liền bảo đại chúng : “ Nay Phật sẽ vì vua nầy ở lại đời đến vô lượng kiếp chẳng nhập Niết Bàn.”

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : Thế Tôn ! Đức Như Lai nên vì vô lượng chúng sanh chẳng nhập Niết Bàn. Cớ sao riêng vì vua A Xà Thế ?

_ Nầy Thiện nam tử ! Trong đại chúng đây không có một người nào cho rằng Phật quyết định sẽ nhập Niết Bàn. Vua A Xà Thế cho rằng Phật quyết định sẽ nhập Niết Bàn hẳn nên ngất xỉu.

Nầy Thiện nam tử ! Như Phật nói vì A Xà Thế chẳng nhập Niết Bàn ý nghĩa ấy rất sâu kín ông chưa hiểu được. Ta nói "vì" là vì tất cả phàm phu, A Xà Thế là khắp đến tất cả người tạo tội ngũ nghịch. Lại :"vì' chính là tất cả chúng sanh hữu vi. Ta trọn chẳng vì vô vi chúng sanh mà ở lại đời. Luận về vô vi thời chẳng phải là chúng sanh. " A Xà Thế" chính là người đầy đủ phiền não. Lại "vì" chính là chúng sanh chẳng thấy Phật tánh. Nếu đã thấy Phật tánh thời Phật trọn chẳng vì họ mà ở lâu nơi đời. Vì người thấy Phật tánh thời chẳng phải là chúng sanh. "A Xà Thế" chính là tất cả người chưa phát tâm vô thượng Bồ Đề.

Lại "vì' là vì hai chúng Đại Ca Diếp và A Nan. "A Xà Thế" chính là Phi hậu của nhà vua và tất cả phụ nữ trong thành Vương Xá. Lại "vì" là nói Phật tánh, "A Xà" là chẳng sanh "Thế" là oán. Bởi chẳng sanh Phật tánh thời sanh phiền não oán thù. Vì sanh phiền não oán thù nên chẳng thấy Phật tánh. Bởi chẳng sanh phiền não thời thấy được Phật tánh. Do thấy Phật tánh thời được an trụ Đại Niết Bàn. Đây gọi là bất sanh, đây gọi là "vì A Xà Thế".

Nầy Thiện nam tử ! "A Xà" là chẳng sanh, chẳng sanh gọi là Niết Bàn. "Thế" là nói thế pháp. "Vì" nói là chẳng nhiễm ô. Bởi tám pháp trong đời chẳng ô nhiễm được, vô lượng vô biên vô số kiếp chẳng nhập Niết Bàn. Do đây nên Phật nói vì A Xà Thế vô lượng kiếp chẳng nhập Niết Bàn.

Nầy Thiện nam tử ! Lời nói sâu kín của Như Lai chẳng thể nghĩ bàn. Phật, Pháp, Tăng, Bồ Tát Ma Ha Tát đều chẳng thể nghĩ bàn. Kinh Đại Niết Bàn cũng chẳng thể nghĩ bàn.

Bây giờ đức Thế Tôn vì vua A Xà Thế mà nhập nguyệt ái tam muội, phóng ánh sáng lớn . Ánh sáng nầy mát mẻ chiếu đến thân vua. Ghẻ lở trên thân liền lành, hết nóng hết nhức.

Vua bảo Kỳ Bà : "Ta từng nghe : Lúc sắp tận kiếp ba mặt trăng đồng hiện lên, do đó những khổ hoạn của chúng sanh đều trừ. Nay chưa đến thời kỳ ấy, do đâu có ánh sáng mát mẻ chiếu đến thân ta làm cho thân ta được an ổn ghẻ lở đều lành ?

Kỳ Bà tâu : Đây không phải là tận kiếp, không phải ánh sáng của ba mặt trăng, cũng chẳng phải ánh sáng mặt trời, tinh tú bảo châu, dược thảo cũng chẳng phải ánh sáng chư thiên.

Vua lại hỏi như vậy thời là ánh sáng của ai ?

_ Tâu Đại vương ! Đây là ánh sáng của đấng Thiên Trung Thiên. Ánh sang nầy chẳng có ngằn mé, chẳng nóng, chẳng lạnh, chẳng thường, chẳng diệt, chẳng phải sắc cùng vô sắc, chẳng phải tướng cùng vô tướng, chẳng phải xanh , vàng, đỏ, trắng. Vì độ chúng sanh nên hiện ra có tướng có thể thấy. Dầu thấy được nhưng thiệt ra ánh sáng nầy vốn không tướng. Vua nói : Nầy Kỳ Bà ! Đấng Thiên Trung Thiên do nhơn duyên gì mà phóng ánh sáng nầy ?

_ Tâu Đại Vương ! Nay tướng lành nầy chính là vì Đại Vương. Bởi vừa rồi Đại Vương nói trong đời không có lương y trị được thân bịnh, tâm bịnh của Đại Vương, nên đức Thế Tôn phóng ánh sáng nầy, trước chữa lành bịnh nơi thân của Đại Vương, rồi sau sẽ trị bịnh nơi tâm.

_ Nầy Kỳ Bà đức Như Lai cũng nghĩ tưởng đến ta ư ?

_ Tâu Đại Vương ! Ví như một người mà có bảy đứa con, một đứa bị bịnh, lòng cha mẹ săn sóc đứa con bịnh tật nhiều hơn. Cũng vậy, đức Như Lai chẳng phải là không bình đẳng đối với chúng sanh, nhưng với người có tội thời lòng Phật thiên trọng. Với kẻ phóng dật lòng Phật thương tưởng, người chẳng phóng dật thời Phật phóng xả. Người chẳng phóng dật là bực đệ lục trụ Bồ Tát. Chư Phật đối với chúng sanh, chẳng nhìn ngó đến dòng họ, già trẻ, giàu nghèo, năm tháng ngày giờ, nghề nghiệp khéo vụng, tôi tớ hèn hạ, chỉ ngó đến chúng sanh có tâm lành. Nếu người có tâm lành thời Phật thương tưởng.

Tâu Đại Vương ! Đây chính là đức Như Lai nhập nguyệt ái tam muội phóng ra ánh sáng ấy.

Nhà vua hỏi : Sao gọi là nguyệt ái tam muội ?

Kỳ Bà tâu : “ Ví như ánh sáng mặt trăng có thể làm cho tất cả hoa sen sanh nở xòe, cũng vậy, nguyệt ái tam muội có thể làm cho tâm lành chúng sanh nở xòe.

Ví như ánh sáng mặt trăng có thể làm cho tất cả người đi đêm vui mừng, cũng vậy, nguyệt ái tam muội có thể làm cho người tu tập đạo Niết Bàn vui mừng.

Ví như ánh sáng mặt trăng từ đêm mùng một đến rằm, hình sắc ánh sáng lần lần thêm đầy đủ, cũng vậy, nguyệt ái tam muội làm cho người mới phát tâm những căn lành lần lần thêm lớn đầy đủ Đại Niết Bàn.

Ví như ánh sáng mặt trăng từ đêm mười sáu đến đêm ba mươi hình sắc ánh sáng lần lần giảm bớt, cũng vậy, nguyệt ái tam muội có thể làm cho phiền não lần lần tiêu diệt.

Ví như đang lúc nắng nóng, tất cả chúng sanh thường nghĩ đến ánh sáng mặt trăng, lúc trăng sáng đã soi thời liền hết nóng bức, cũng vậy nguyệt ái tam muội có thể làm cho chúng sanh trừ được phiền não nóng bức. Ví như mặt trăng tròn là vua trong các tinh tú, là cam lộ vị, tất cả chúng sanh đều ưa thích, cũng vậy, nguyệt ái tam muội là vua trong các pháp lành, là cam lộ vị chúng sanh đều ưa thích.

Vua nói :Ta nghe đức Như Lai chẳng cùng người ác ở chung đàm luận. Như biển lớn chẳng chứa tử thi. Như chim Oan Ương chẳng đậu nhà xí. Thiên Đế Thích Đề Hoàn Nhơn chẳng ở chung với quỷ. Chim Cưu Súy La chẳng đậu cây khô. Cũng vậy, ta đâu có thể gần được đức Như Lai. Theo ta xét đức Như Lai thà gần voi say, sư tử, cọp, sói, lửa hừng, trọn chẳng gần gũi nơi người tạo tội ác quá nặng. Vì vậy nên ta không lòng nào dám đến gặp Phật.

Kỳ Bà tâu : Ví như người khát nước thời gấp đến suối trong, người đói cầu vật thực, người kinh sợ cầu cứu, người bịnh tìm lương y, người nóng bức tìm bóng mát, người lạnh tìm lửa. Nay Đại Vương cũng nên cầu Phật như vậy. Đức Như Lai còn vì hạng Nhứt Xiển Đề mà thuyết pháp huống là Đại Vương chẳng phải Nhứt Xiển Đề.

Vua nói : Nầy Kỳ Bà ! Ta từng nghe Nhứt Xiển Đề là kẻ chẳng tin, chẳng nghe, chẳng thể quán sát, chẳng hiểu đặng nghĩa lý, tại sao đức Như Lai lại thuyết pháp cho họ ?

Kỳ Bà tâu : " Như có người mang bịnh nặng, đêm ngủ mơ thấy lên trên điện một cột, uống chất tợ dầu mỡ và lấy thoa nơi thân, nằm trên tro ăn tro, leo lên cây khô hoặc thấy cùng khỉ vượn làm bạn, chìm dưới nước, lún trong bùn, té rơi xuống điện lầu, hoặc thấy núi cao, rừng rậm, voi, ngựa, trâu, dê, thân mặc y phục xanh, vàng, đỏ, đen, vui cười ca múa, hoặc thấy kên kên,

chồn, cáo, rụng răng, rụng tóc, trần truồng, gối đầu trên mình chó, nằm trên phẩn nhơ, hoặc thấy cùng người đã chết đi đứng nằm ngồi dắt tay ăn uống, đi trong đường đầy rắn độc, hoặc mơ thấy ôm ẵm người nữ trùm tóc, y phục bằng lá Đa La, ngồi xe lừa hư gãy qua hướng chánh Nam.

Người nầy tỉnh dậy lòng buồn rầu bịnh nơi thân càng thêm. Vì bịnh thêm nên thân thuộc sai người mời y sĩ. Người đi mời nầy lùn thấp tàn tật, đầu đầy bụi bặm, y phục rách nát, ngồi xe hư cũ, đến nói với y sĩ : Xin mau qua thăm bịnh.

Y sĩ tự nghĩ : Người đến mời nầy tướng mạo chẳng lành, bịnh chắc khó trị. Lại coi ngày, thấy nhằm ngày bịnh khó trị tức là ngày mùng bốn, mùng sáu, mùng tám, mười hai, mười bốn. Lại coi sao cũng nhằm sao khó trị, tức là hỏa tinh, khuê tinh, mão tinh, Diêm La Tinh, thấp tinh, mãn tinh. Lại coi nhằm mùa thu, mùa đông, giờ mặt trời lặn nửa đêm, giờ mặt trăng lặn, nhằm những giờ nầy bịnh cũng khó trị. Y Sĩ lại nghĩ rằng : Dầu tất cả đều chẳng lành, nhưng xem người bịnh nếu có phước đức thời trị được, bằng không phước đức dầu lành tốt có ích gì !

Y Sĩ liền cùng đi với người đến mời, giữa đường nghĩ rằng : Nếu người bịnh có tướng trường thọ thời trị được, nếu là tướng đoản thọ thời chẳng thể trị.

Dọc đường thấy hai đứa trẻ đánh lộn, thấy người cầm lửa tự nhiên tắt, thấy có người đốn cây, lại thấy người kéo tấm da đi trên đường, lại thấy trên đường có vật bỏ rơi, hoặc thấy người xách thùng không, hoặc thấy Sa Môn đi một mình, lại thấy cọp, sói, chồn, kên kên. Y Sĩ suy nghĩ từ người mời nầy đến ngày giờ thời tiết cùng những việc dọc đường đều là điềm bất tường, người bịnh chắc khó trị, nhưng nếu ta không đến thời chẳng phải Y Sĩ. Dọc đường lại nghe có tiếng khóc than người chết, tiếng sụp, bể, gãy, tiếng té ngã. Lại nghe phương Nam có tiếng kên kên, có tiếng chim Xá Lợi, tiếng chó, tiếng chuột, tiếng chồn, tiếng thỏ, tiếng heo. Y Sĩ tự nghĩ : Toàn là những điềm bịnh khó trị.

Sau khi đến nhà, thấy người bịnh lúc lạnh lúc nóng, gân xương nhức, mắt đỏ lưu lệ, tiếng lỗ tai nghe đến ngoài, cổ họng nghẹn đau, trên lưỡi nức nở, sắc mặt đen tối, cất đầu không nổi, mình khô không mồ hôi, đại tiện tiểu tiện bế tắc, cả thân sưng phù đỏ hồng dị thường, giọng nói chẳng đều, bụng đầy, nói không rõ.

Y Sĩ xem xong hỏi người khán bịnh : Từ qua đến nay ý chí người bịnh thế nào ?

Người khán bịnh nói : " Thưa Y Sĩ ! Người nầy trước kia vốn kính tin Tam Bảo, và chư Thiên, nay bỗng đổi khác không còn tin. Trước kia ưa bố thí nay thời bỏn xẻn, trước kia ăn ít nay thời quá nhiều, tánh vốn hào tốt nay thời tệ ác. Tánh vốn nhơn từ hiếu thuận, nay thời không cung kính cha mẹ". Y Sĩ nghe xong đến ngửi người bịnh và rờ bóp trên thân, biết người bịnh quyết định sẽ chết, nhưng chẳng nói ra, bảo người khán bịnh rằng : :" Nay tôi có việc gấp ngày mai tôi sẽ trở lại, người bịnh cần dùng thứ gì cứ tha hồ chớ ngăn cản". Dặn xong Y Sĩ trở về nhà.

Rạng ngày người bịnh đến rước, Y Sĩ bảo rằng : " Việc tôi chưa xong thuốc cũng chế chưa rồi".

Nếu là người trí, thấy cử chỉ của Y Sĩ thời biết rằng : Người bịnh ấy chắc chết.

Tâu Đại Vương ! Đức Thế Tôn cũng như vậy, dầu biết rõ căn tánh hàng Nhứt Xiển Đề, nhưng đức Phật cũng vì họ mà thuyết pháp vì nếu không thuyết pháp cho họ, tất cả phàm phu sẽ cho rằng Như Lai không tâm đại từ bi, đâu nên gọi là bậc nhứt thiết trí. Vì có tâm đại từ bi mới gọi là bậc nhứt thiết trí, do đây nên Như Lai thuyết pháp cho hạng Nhứt Xiển Đề.

Đức Như Lai gặp những người bịnh thời liền ban bố pháp dược, người bịnh nếu chẳng chịu uống đó chẳng phải là lỗi của Như Lai. Hạng Nhứt Xiển Đề chia ra làm hai : Một là hạng đặng căn lành hiện tại, hai là hạng đặng căn lành đời sau.

Đức Như Lai biết rõ hạng Nhứt Xiển Đề những kẻ hiện tại có thể đặng thiện căn thời thuyết pháp cho. Những kẻ đời sau đặng thiện căn đức Phật cũng thuyết pháp cho họ, nay dầu vô ích nhưng để làm nhơn cho đời sau. Do đây nên đức Như Lai vì hạng Nhứt Xiển Đề mà giảng thuyết pháp yếu.

Lại có hai hạng Nhứt Xiển Đề : Một là hạng lợi căn, hai là hạng trung căn. Hạng lợi căn nơi đời hiện tại có thể đặng thiện căn, hạng trung căn thời đời sau sẽ đặng.

Chư Phật không bao giờ thuyết pháp mà không lợi ích.

Ví như người sạch sẽ té trong hầm tiêu, có thiện tri thức thấy vậy xót thương liền nắm tóc kéo ra khỏi hầm. Cũng vậy, chư Phật thấy chúng sanh đọa trong ba đường ác nên phương tiện cứu tế làm cho đặng thoát khỏi. Do đây nên đức Như Lai vì hạng Nhứt Xiển Đề mà thuyết pháp.

Vua bảo Kỳ Bà : :” Nếu đức Như Lai thật có những điều như vậy, rạng ngày sẽ chọn ngày lành giờ tốt rồi chúng ta sẽ đến gặp Phật.

Kỳ Bà tâu : Trong giáo pháp của đức Như Lai không có chọn lựa ngày lành giờ tốt. Tâu Đại vương như người bịnh nặng đâu nên chọn ngày giờ tốt xấu, chỉ nên gấp cầu lương y. Nay Đại Vương bịnh nặng phải gấp cầu Phật, chẳng nên chờ chọn ngày lành giờ tốt.

Tâu Đại Vương ! Như lửa chiên đàn cùng lửa y lan, tướng lửa cháy hai thứ không khác nhau. Cũng vậy, ngày tốt, ngày xấu, nếu đến chỗ Phật đều được diệt tội. Mong Đại Vương giờ đây nên gấp qua gặp Phật.”

Vua A Xà Thế liền bảo cận thần Kiết Tường : “ Nay ta muốn đến chỗ đức Phật, khanh mau sắm sửa đồ cúng dàng”.

Vua A Xà Thế cùng Phu nhơn xa giá một muôn hai ngàn cỗ, voi lớn năm ngàn thớt, trên mỗi thớt voi đều chở ba người mang cầm phan lọng, hoa hương , kỹ nhạc, nhiều thứ đồ cúng dàng, dắt theo mười tám muôn kỵ mã. Nhơn dân trong nước Ma Dà Đà năm mươi tám muôn người đồng đi theo vua.

Lúc bấy giờ nơi thành Câu Thi Na, đại chúng tựu hội tất cả mười hai do tuần, mọi người đều thấy vua A Xà Thế cùng quân dân từ xa đi đến.

Đức Phật bảo đại chúng : “ Nhơn duyên gần với vô thượng Bồ Đề của tất cả chúng sanh không gì trước hơn bạn lành. Vì vua A Xà Thế nếu chẳng nghe lời Kỳ Bà, ngày mùng bảy tháng tới quyết định phải chết đọa địa ngục A tỳ.

Vua A Xà Thế lúc đi dọc đường được biết tin vua Tỳ Lưu Ly ngồi thuyền vào biển bị lửa cháy mà chết. Tỳ Kheo Cù Ca Ly, đất nứt, thân sống sa vào địa ngục A Tỳ. Còn Tu Na Sát Đa gây tạo những tội ác đến ra mắt Phật các tội đều đặng tiêu trừ. Vua nghe những tin nầy nói với Kỳ Bà rằng : “ Nay ta dầu được nghe những tin ấy nhưng còn chưa chắc. Khanh đến ngồi chung một thớt voi với ta. Giả sử ta bị đọa địa ngục trông mong khanh nắm giữ ta chớ để ta bị đọa. Vì ngày trước ta từng nghe những người đắc đạo chẳng vào địa ngục.”

Phật bảo đại chúng : “ Vua A Xà Thế còn lòng nghi, nay Phật sẽ làm cho vua được tâm quyết định.”

Trong Pháp hội có một vị Bồ Tát hiệu là Trì Nhứt Thiết bạch Phật rằng : Trước kia Phật nói tất cả pháp đều không có tướng nhứt định, sắc không tướng nhứt định, nhẫn đến Niết Bàn cũng không tướng nhứt định. Tại sao hôm nay nói rằng vì vua A Xà Thế
Làm cho được tâm quyết định ?

Phật nói : Lành thay ! Lành thay ! Nầy Thiện nam tử ! Nay Phật sẽ làm cho vua A Xà Thế có tâm quyết định, vì nếu tâm nghi ngờ của vua có thể phá hoại được, nên biết rằng tâm nầy là không quyết định. Nếu tâm của vua là quyết định, thời tội nghịch của vua làm sao tiêu tan được. Vì không quyết định nên có thể tiêu trừ tội nghiệp.

Vua A Xà Thế đến rừng Ta La Song Thọ ngước lên thấy đức Như Lai đủ ba mươi hai tướng tốt tám mươi vẻ đẹp, dường như tòa núi vàng ròng.

Đức Thế Tôn cất tiếng phạm âm chào vua : " Đại Vương !"

Lúc đó vua A Xà Thế nhìn ngó hai bên tự nghĩ rằng : Không rõ ai là Đại Vương trong đại chúng nầy. Ta là người nhiều tội lại không phước đức, đức Như Lai chẳng lẽ gọi ta là Đại Vương !

Đức Như Lai lại lên tiếng gọi : "Đại Vương A Xà Thế !"

Vua nghe dứt lời trong lòng rất vui mừng nghĩ rằng : Nay đức Như Lai chiếu cố đến ta rõ là đức Như Lai có lòng đại bi bình đẳng đối với tất cả chúng sanh.

Vua bạch Phật rằng : " Thế Tôn nay lòng tôi không còn nghi ngờ quyết định biết rằng đức Như Lai bậc Đại Sư Vô Thượng của tất cả chúng sanh.

Ca Diếp Bồ Tát nói với Trì Nhất Thiết Bồ Tát : " Đức Như Lai đã làm cho vua A Xà Thế được tâm quyết định.

Vua A Xà Thế bạch Phật : Thế Tôn ! Giả sử hôm nay tôi được ngồi chung ăn uống với Phạm Vương, Đế Thích cũng chẳng vui mừng bằng một lời kêu gọi của đức Như Lai.

Vua liền đem những phan lọng hoa hương kỹ nhạc dâng lên Phật, đảnh lễ chân Phật đi nhiễu bên hữu ba vòng, rồi ngồi qua một phía. Phật nói : " Nầy Đại Vương : Nay Phật sẽ vì nhà vua mà nói pháp yếu. Nhà vua nên hết lòng lóng nghe !

Hạng phàm phu cần phải chuyên tâm quán sát nơi thân có hai mươi việc : Một là trong thân của ta đây không có công đức vô lậu, hai là không căn lành, ba là chưa đặng điều thuận, bốn là sa rớt hầm sâu không chỗ nào chẳng đáng sợ, năm là dùng phương tiện gì để thấy Phật tánh, sáu là tu thiền định thế nào để được thấy Phật tánh, bảy là sanh tử khổ luôn không có thường không ngã không tịnh, tám là khó thoát khỏi tám nạn, chín là thường bị oan gia theo dỏi, mười là không có một pháp gì ngăn được những hữu lậu, mười một là chưa thoát khỏi ba đường ác, mười hai là đầy đủ những ác kiến, mười ba là chưa qua khỏi bờ ngũ nghịch, mười bốn là chưa qua khỏi dòng sanh tử không bờ, mười lăm là chẳng tạo nghiệp lành chẳng được quả báo lành , mười sáu là không có ta làm mà người khác chịu quả, mười bảy là chẳng gây nhơn vui thời trọn không quả vui, mười tám là đã tạo nghiệp thời quả báo trọn chẳng mất, mười chín là do vô minh mà sanh cũng do vô minh mà chết, hai mươi là quá khứ vị lai và hiện tại thường buông lung phóng dật. Nầy Đại Vương ! Người phàm phu nên quán sát thân nầy có hai mươi điều như vậy. Do quán sát nầy nên chẳng ưa thích sanh tử. Nếu chẳng ưa thích sanh tử thời được chỉ quán. Theo thứ tự quán tướng sanh, trụ, diệt nơi tâm. Quán định, huệ, tinh tấn, trì giới cũng như vậy. Quán tướng sanh trụ diệt rồi biết rõ tâm tướng nhẫn đến giới tướng thời trọn chẳng làm ác, không có sợ chết cũng không sợ ba ác đạo. Nếu chẳng chuyên tâm quán sát hai mươi điều như vậy thời tâm buông lung phóng dật không việc ác nào chẳng làm.

Vua thưa : “ Thế Tôn ! Như tôi hiểu nghĩa nơi lời Phật dạy : Từ trước tôi chưa từng quán sát hai mươi điều ấy, nên gây tạo những tội ác. Do đó nên sợ chết và sợ ba ác đạo.

Bạch Thế Tôn ! Tôi tự chuốc họa tạo tội ác lớn : Vua cha vô tội, tôi lại làm hại. Đối với hai mươi điều nầy tôi dầu có quán sát hay không quán sát quyết định sẽ bị đọa địa ngục A Tỳ.

Phật nói : “ Nầy Đại Vương ! Tất cả pháp, tánh tướng của nó đều vô thường không có quyết định. Sao nhà vua lại nói quyết định sẽ đọa địa ngục A Tỳ ?

Vua thưa : “Thế Tôn ! Nếu tất cả pháp không tướng nhất định, thời tội giết cha của tôi cũng sẽ không nhất định. Nếu tội giết hại là nhứt định thời tất cả pháp chẳng phải là nhứt định.

Phật nói : “ Nầy Đại Vương ! Lành thay ! Lành thay ! Chư Phật nói tất cả pháp đều không tướng nhứt định. Nhà vua lại có thể rõ biết tội giết hại cũng chẳng nhứt định.

Nầy Đại Vương ! Như lời nhà vua nói : Vua cha vô tội lại làm hại. Gì là cha ? Chỉ ở nơi danh từ giả, năm ấm chúng sanh mà vọng tưởng là cha. Trong thập nhị nhập cùng thập bát giới, cái gì là cha ? Nếu sắc ấm là cha thời bốn ấm kia lẽ ra không phải. Nếu bốn ấm là cha thời sắc ấm cũng lẽ ra không phải. Nếu sắc ấm cùng phi sắc hiệp lại làm cha thời không đúng lý, vì tánh của sắc cùng phi sắc vốn không hiệp.

Nầy Đại Vương ! Chúng sanh phàm phu đối với sắc ấm nầy vọng tưởng là cha. Sắc ấm như vậy cũng không thể hại được. Vì sắc ấm có mười thứ, trong mười thứ nầy riêng sắc là có thể thấy có thể nắm lấy, có thể cân, có thể lường, có thể trói, có thể kéo. Dầu có thể thấy có thể trói, nhưng tánh của sắc vẫn chẳng trụ. Vì chẳng trụ nên không thể thấy được, cũng không thể nắm cầm cân lường kéo dắt cột trói. Sắc tướng đã như vậy thời thế nào giết hại được. Nếu sắc là cha có thể giết hại mắc phải tội báo, thời chín thứ kia lẽ ra không phải là cha. Nếu chín thứ chẳng phải là cha thời lẽ ra không mắc tội.

Nầy Đại Vương ! Sắc có ba thứ : Quá khứ vị lai và hiện tại. Quá khứ và hiện tại thời không thể giết hại. Vì quá khứ đã qua rồi, hiện tại lại niệm niệm diệt. Chỉ vì ngăn vị lai không sanh nên gọi là giết. Một thứ sắc như vậy, hoặc có giết được, hoặc chẳng giết được. Chẳng giết thời sắc chẳng nhất định. Nếu sắc chẳng nhất định thời giết cũng chẳng nhất định. Vì giết chẳng nhất định nên quả báo cũng chẳng nhất định. Sao nhà vua lại nói quyết định đọa địa ngục ? Nầy Đại Vương ! Tội nghiệp của tất cả chúng sanh tạo ra có hai thứ : Một là tội khinh, hai là tội trọng. Nếu tâm và khẩu gây tạo thời gọi là tội khinh, thân khẩu và tâm gây tạo thời gọi là tội trọng. Tâm nghĩ miệng nói mà thân chẳng làm thời mắc quả báo nhẹ. Ngày trước Đại Vương chẳng bảo giết, chỉ nói chặt chân. Đại Vương nếu truyền lệnh lập tức chém đầu vua cha, thị thần liền chém, còn chẳng mắc tội, huống là Đại Vương chẳng truyền lệnh. Nếu Đại Vương mắc tội thời chư Phật lẽ ra cũng mắc tội. Vì Tiên Vương Tần Bà Ta La thường vun trồng những căn lành nơi chư Phật, do đó nên ngày nay được làm vua. Nếu chư Phật chẳng thọ sự cúng dường thời Tiên Vương chẳng có phước làm vua. Nếu Tiên Vương chẳng làm vua thời Đại Vương đâu có vì nước mà giết hại. Nếu Đại vương giết cha mà có tội, thời chư Phật chúng ta lẽ ra cũng có tội. Còn nếu chư Phật không mắc tội sao Đại Vương lại riêng mắc tội ư.

Nầy Đại Vương ! Tiên Vương Tần Bà Ta La ngày trước có tâm ác. Đi săn nơi núi Tỳ Phú La, tìm muông thú khắp nơi không đặng chỉ gặp một Tiên nhơn chứng ngũ thông, Tiên Vương giận nói bị người nầy nên hôm nay ta đi săn không gặp muông thú. Tiên Vương đuổi đi rồi sai quan hầu theo giết.

Lúc sắp chết Tiên nhơn sanh lòng oán giận, mất thần thông, thệ rằng : Ta thật vô tội, người dùng tâm khẩu giết hại ta, đời sau ta cũng dùng tâm khẩu mà hại ngươi.

Tiên Vương nghe lời ấy trong lòng ăn năn bèn cúng dàng chôn cất tử thi.

Ngày trước Tiên Vương như vậy còn được thọ báo nhẹ chẳng đọa địa ngục, huống là Đại Vương chẳng như vậy, Tiên Vương tự làm ra trở lại tự thọ lấy, sao nhà vua lại mắc phải tội giết hại.

Như nhàvua nói : Vua cha không tội. Nầy Đại Vương sao lại nói rằng không tội ? Luận về người không nghiệp ác thời không tội báo, người có tội thời có tội báo. Tiên Vương kia nếu vô tội thời đâu có thọ báo. Tiên Vương Tần Bà Ta La trong hiện đời cũng đặng quả lành cùng quả ác. Do đây nên Tiên Vương cũng là chẳng nhất định. Do vì chẳng nhất định nên giết hại cũng chẳng nhất định, giết hại đã chẳng nhất định sao nhà vua lại nói rằng quyết định đọa địa ngục.

Nầy Đại vương ! Chúng sanh điên cuồng có bốn hạng : Một là tham vọng mà điên cuồng, hai là bị thuốc mà điên cuồng, ba là bị bùa chú mà điên cuồng, bốn là do nghiệp duyên đời trước mà điên cuồng.

Trong hàng đệ tử Phật nếu mắc phải bốn chứng điên cuồng nầy, dầu tạo nhiều tội ác, ta trọn chẳng nhận người nầy là phạm giới. Người nầy tạo tội chẳng đọa ba đường ác. Lúc tâm tỉnh trở lại ta cũng chẳng gọi là phạm.

Đại Vương vì tham ngôi Quốc Vương mà nghịch hại vua cha, do tham cuồng gây tạo sao gọi mắc tội. Như người say rượu giết hại thân mẫu, lúc đã tỉnh say sanh lòng hối hận, nghiệp giết mẹ nầy cũng chẳng tội báo.

Đại Vương nay tham say nơi ngôi vua, chẳng phải bổn tâm làm tội nghịch đó, sao lại bảo là mắc tội.

Ví như nhà ảo thuật, nơi ngã tư đường dùng chú thuật hóa ra những thứ trai, gái, voi, ngựa, chuỗi ngọc, y phục. Người ngu cho đó là thật, người trí biết chẳng phải thật.

Cũng vậy, sự giết hại, phàm phu cho là thật, chư Phật biết là chẳng phải thật.

Ví như tiếng vang trong khe núi, người ngu cho là tiếng thật, người trí biết là chẳng phải thật, giết hại cũng như vậy, phàm phu cho là thật, chư Phật biết là chẳng phải thật.

Như có kẻ oán thù giả đến gần gũi, người ngu si nhận là thật thân thuộc, người trí rõ biết là giả trá. Giết hại cũng như vậy, phàm phu cho là thật, chư Phật biết là chẳng phải thật.

Như người soi gương tự thấy bóng mặt, người ngu cho là mặt thật, người trí rõ biết chẳng phải thật. Giết hại cũng như vậy, phàm phu cho là thật, chư Phật biết là chẳng phải thật.

Như ánh nắng gợn lúc trời nắng gắt, người ngu đứng xa thấy cho là nước, người trí rõ biết chẳng phải nước. Giết hại cũng như vậy, phàm phu cho là thật, chư Phật biết chẳng phải thật.

Như thành Càn Thát Bà, người ngu cho là thật, người trí rõ biết chẳng phải thật. Sát hại cũng như vậy, phàm phu cho là thật, chư Phật biết chẳng phải thật.

Như người ngủ mơ, thấy hưởng vui ngũ dục, người ngu cho là thật, người trí rõ biết chẳng phải thật. Giết hại cũng như vậy, phàm phu cho là thật chư Phật biết chẳng phải thật.

Nầy Đại Vương ! Cách thức giết, nghiệp giết, ngườigiết, quả giết, nhẫn đến giải thoát, ta dầu rõ thấu tất cả, ta vẫn không có tội. Đại Vương dầu biết giết hại, nhưng sao lại có tội ?

Ví như có người cai quản hãng rượu người nầy nếu không uống thời cũng chẳng say. Lại như người biết lửa cũng chẳng bị đốt cháy. Đại Vương cũng như vậy, dầu biết giết hại nhưng sao lại có tội ?

Nầy Đại Vương ! Có những chúng sanh lúc mặt trời mọc tạo nhiều tội, lúc mặt trăng mọc lại đi trộm cướp, lúc mặt trời mặt trăng chẳng mọc thời chẳng làm việc ác, dầu nhân mặt trời mặt trăng khiến người đó làm ác, nhưng mặt trời mặt trăng thật không mắc tội. Sát hại cũng như vậy, dầu nhân nơi Đại Vương nhưng Đại Vương thật không mắc tội.

Như trong cung vua, thường truyền lệnh làm thịt dê, lòng vua vốn không nghi sợ , tại sao ở nơi vua cha riêng sanh lòng sợ, dầu là người cùng cầm súc

có tôn ty sai khác, nhưng qúi sanh mạng cũng sợ chết không khác nhau. Cớ sao đối với loài dê lòng khinh không sợ, còn nói vua cha lòng trọng lo khổ.

Người đời là tôi tớ của tham ái, bị tham ái sai khiến mà làm việc giết hại, giả sử có quả báo thời là tội của tham ái, Đại Vương bị sai sử thời có tội gì.

Như Niết Bàn chẳng phải có chẳng phải không mà cũng là có. Sát hại cũng như vậy, dầu chẳng phải có chẳng phải không mà cũng là có. Người tàm quý thời là chẳng phải có, người không tàm quý thời là chẳng phảikhông, người thọ quả báo thời gọi là có. Người chấp không thời là chẳng phải có, người chấp có thời là chẳng phải không, người có chấp cũng gọi là có. Vì người có chấp có thời mắc quả báo, người không chấp có thời không mắc quả báo. Người chấp thường thời là chẳng phải có, người không chấp thường thời là chẳng phải không, người có thường kiến thời chẳng đặng gọi là không, vì người có thường kiến thời có nghiệp quả ác. Nên nghĩa nầy dầu chẳng phải có chẳng phải không, mà cũng là có.

Nầy Đại Vương ! Xét về chúng sanh gọi là hơi thở ra vào, vì làm dứt hơi thở ra vào cho nên gọi là giết hại. Chư Phật thuận theo thế tục cho nên cũng nói là giết hại !

Nầy Đại Vương ! Sắc uẩn là vô thường, nhân duyên của sắc cũng là vô thường, đã từ nhơn vô thường mà sanh, thời sắc uẩn sao lại là thường, nhẫn đến thức ấm cũng như vậy. Do vô thường nên khổ, do khổ nên không, do không nên vô ngã. Nếu khổ là vô thường, khổ, không vô ngã thời món nào giết hại ? Giết hại vô thường đặng Niết Bàn thường, giết hại khổ đặng lạc, giết hại không đặng chân thật, giết hại vô ngã đặng chân ngã.

Nầy Đại Vương ! Nếu giết vô thường, khổ, không, vô ngã thời cùng với Phật đồng. Phật cũng giết vô thường, khổ , không, vô ngã chẳng bị đọa vào địa ngục, Đại Vương sao lại bị đọa ?

Lúc đó vua A Xà Thế đúng theo lời Phật dạy quán sát sắc ấm nhẫn đến quán sát thức ấm. Vua quán sát như vậy rồi liền bạch Phật : “ Thế Tôn ! Nay tôi mới biết sắc là vô thường nhẫn đến thức là vô thường. Trước kia nếu tôi biết được như vậy thời chẳng gây tạo tội nghịch.

Bạch Thế Tôn ! Tôi từng nghe chư Phật là cha mẹ của chúng sanh. Dầu nghe như vậy nhưng chưa có lòng tin chắc. Nay tôi mới tin quyết định.

Bạch Thế Tôn ! Tôi cũng từng nghe núi Tu Di do bốn chất báu hiệp thành, là vàng, bạc, lưu ly, pha lê. Nếu có loài chim đậu chỗ nào trên núi, màu chim liền đồng với màu núi, dầu nghe như vậy tôi cũng chẳng tin chắc. Nay tôi đến trong pháp hội của Phật liền được đồng màu sắc, nghĩa là tôi rõ biết các pháp vô thường , khổ, không, vô ngã.

Bạch Thế Tôn ! Tôi thấy từ hột y lan mọc lên cây y lan chẳng thấy hột y lan mọc lên cây chiên đàn. Nay tôi mới được thấy từ hộy y lan mọc lên cây chiên đàn. Hột y lan chính là thân tôi, cây chiên đàn chính là tâm vô căn tín của tôi. Vô căn chính là từ trước tôi chẳng biết cung kính Như Lai, chẳng tin chánh pháp cùng tăng chúng, đây gọi là vô căn.

Bạch Thế Tôn ! Nếu tôi chẳng gặp đức Như Lai sẽ phải thọ vô lượng khổ nơi đại địa ngục trong vô lượng vô số kiếp. Nay tôi được gặp Phật trọn nên công đức, phá hoại tâm ác phiền não của chúng sanh.

Phật nói : Lành thay ! Lành thay ! Nầy Đại Vương ! Nay Phật biết nhà vua chắc chắn có thể phá hoại tâm ác của chúng sanh."

Bạch Thế Tôn : Nếu tôi thật có thể phá hoại tâm ác của chúng sanh, thời tôi thường ở A Tỳ địa ngục trong vô lượng kiếp vì chúng sanh chịu mọi sự khổ não tôi cũng chẳng lấy làm khổ.

Lúc đó vô lượng nhân dân nước Ma Dà Đà đều phát tâm vô thượng Bồ Đề. Nhờ sự phát tâm của nhân dân, tội nặng của vua A Xà Thế liền nhẹ bớt.

Nhà vua cùng phu nhân các thể nữ đồng phát tâm vô thượng Bồ Đề.

Vua A Xà Thế bảo Kỳ Bà rằng : " Nay ta chưa chết đã đặng thân trời, bỏ mạng ngắn đặng mạng trường thọ, bỏ thân vô thường đặng thân chân thường. Làm cho các chúng sanh phát tâm vô thượng Bồ Đề chính là thân trời, mạng trường thọ, thân chân thường, cũng chính là đệ tử của tất cả chư Phật.

Nói xong, nhà vua bèn đem các thứ tràng báu, phan lọng báu, hương hoa, chuỗingọc, kỹ nhạc cúng dường đức Phật.

Cúng dường xong nhà vua lại nói kệ tán thán :

Lời chân thật rất vi diệu, Khéo léo nơi câu cùng nghĩa. Tạng pháp rất sâu bí mật, Vì chúng sanh nên hiển bày. Bao nhiêu lời dạy rộng rãi, Vì chúng sanh

nên nói lược, Đầy đủ những lời như vậy. Khéo chữa được bệnh chúng sanh. Nếu có các hàng chúng sanh, Đặng nghe lời dạy của Phật. Có lòng tin hoặc chẳng tin. Quyết định biết là lời Phật. Lời chư Phật thường dịu dàng. Vì chúng sanh nên nói thô. Lời thô cùng lời dịu dàng, Đều về đến đệ nhất nghĩa. Do cớ nầy nên hôm nay, Tôi quy y đức Thế Tôn. Như lời bình đẳng nhất vị. Dường như nước trong biển cả, Đây gọi là đệ nhất nghĩa, Nên không có lời vô nghĩa. Hôm nay đức Như Lai nói, Vô lượng vô số pháp yếu. Nam nữ già trẻ được nghe. Đồng thấy đặng đệ nhất nghĩa. Không có nhân cũng không quả, Không có sanh và không diệt, Đây gọi là Đại Niết Bàn, Người nghe phá kiết sử. Đức Như Lai vì tất ca,û Thường làm cha cùng mẹ lành, Nên biết các hàng chúng sanh, Đều là con của Như Lai. Đức Thế Tôn đại từ bi, Vì chúng sanh nên khổ hạnh, Như người bị ma quỷ dựa, Cuồng loạn tạo nhiều tội ác. Nay tôi đặng thấy Như Lai, Ba nghiệp đều được lành tốt, Nguyện đem những công đức nầy, Hồi hướng Phật đạo vô thượng. Hôm nay chỗ tôi cúng dường, Đức Phật pháp và chúng Tăng. Nguyện đem những công đức nầy, Tam Bảo thường ở thế gian. Ngày nay chỗ tôi sẽ đặng, Tất cả vô lượng công đức, Nguyện dùng đây để phá hoại, Bốn thứ ma của chúng sanh. Ngày trước tôi gặp bạn ác, Gây tạo tội nghiệp ba đời, Nay đối trước Phật sám hối, Nguyện sau nầy chẳng lại phạm. Cầu cho tất cả chúng sanh, Đều phát tâm đại Bồ Đề, Chuyên tâm thường siêng nghĩ nhớ, Tất cả chư Phật mười phương. Lại nguyện tất cả chúng sanh. Phá hẳn những giặc phiền não, Được thấy Phật tánh rõ ràng. Như Ngài Văn Thù Bồ Tát.

Đức Thế Tôn khen vua A Xà Thế : “ Lành thay ! Lành thay ! Nếu có người phát được tâm vô thượng Bồ Đề, phải biết người nầy trang nghiêm chư Phật cùng đại chúng.

Nầy Đại Vương ! Thuở xưa nhà vua ở trước Đức Phật Tỳ Bà Thi đã phát tâm vô thượng Bồ Đề, từ đó đến ngày nay chưa từng bị đọa địa ngục, nên biết tâm Bồ Đề có vô lượng quả báo lành như thế.

Nầy Đại Vương ! Từ nay về sau nhà vua phải thường siêng tu tâm Bồ Đề. Vì tu tâm Bồ Đề sẽ tiêu diệt được vô lượng tội ác.”

Vua A Xà Thế cùng nhân dân nước Ma Dà Đà đi nhiễu Phật ba vòng, lễ từ trở về cung.

Phẩm Thiên Hạnh như trong kinh Tạp Hoa đã nói.

XXI

PHẨM ANH NHI HẠNH THỨ HAI MƯƠI MỐT

(Hán bộ phần sa quyển thứ mười tám)

Phật bảo Ca Diếp Bồ Tát : " Thế nào gọi là Anh Nhi Hạnh ?

Nầy Thiện nam tử ! Chẳng có thể đứng dậy, đi tới, đi lui, nói chuyện, đây gọi là Anh Nhi. Cũng vậy đức Như Lai chẳng thể khởi dậy, vì Như Lai trọn chẳng khởi các pháp tướng. Cũng chẳng thể đứng dừng, vì Như Lai chẳng chấp trước tất cả pháp. Chẳng thể đến vì thân hình của Như Lai không có lay động. Cũng chẳng thể đi vì Như Lai đã đến Đại Niết Bàn. Chẳng thể nói, vì Như Lai dầu nói pháp cho tất cả chúng sanh nhưng thật ra không chỗ nói. Bởi có chỗ nói thời gọi là pháp hữu vi, do đây nên không chỗ nói. Lại không ngôn ngữ, như Anh Nhi ngôn ngữ chưa rõ, dầu có ngôn ngữ thật ra không ngôn ngữ. Cũng vậy, ngôn ngữ chưa rõ chính là lời bí mật của chư Phật, dầu có nói, chúng sanh cũng chẳng hiểu nên gọi là không ngôn ngữ. Lại như Anh Nhi gọi tên những đồ vật chẳng duy nhất, vì chưa biết rõ tên chánh, dầu gọi tên đồ vật chẳng duy nhất rõ tên chánh chưa biết nhưng chẳng phải chẳng nhân nơi đây mà đặng biết đồ vật. Cũng vậy, tất cả chúng sanh, giống loại, nơi chỗ, ngôn ngữ chẳng đồng. Như Lai phương tiện thuận theo tiếng của họ mà nói, cũng làm cho tất cả loài, nhân nơi đó đặng hiểu biết.

Lại Anh Nhi có thể nói được chữ cái.Cũng vậy, đức Như Lai nói chữ cái, như nói "Bà" "Hòa". "Hòa" là hữu vi, "Bà" là vô vi, đây gọi là Anh Nhi. "Hòa" là vô thường, "Bà' là thường. Như Lai nói thường, chúng sanh nghe rồi vì cầu pháp thường mà dứt vô thường, đây gọi là Anh Nhi Hạnh. Lại Anh Nhi chẳng biết khổ, vui, ngày, đêm, cha mẹ. Cũng vậy, Đại Bồ Tát vì chúng sanh nên chẳng biết khổ vui, không tướng ngày đêm, tâm bình đẳng đối với chúng sanh nên không có cha mẹ thân sơ sai khác.

Lại Anh Nhi chẳng thể tạo tác những việc lớn việc nhỏ. Cũng vậy, Bồ Tát chẳng tạo nghiệp sanh tử, đây gọi là chẳng làm việc lớn, việc lớn tức là tội ngũ nghịch. Việc nhỏ tức là tâm Thanh Văn Duyên Giác. Bồ Tát trọn chẳng thối tâm Bồ Đề mà tu hạnh Thanh Văn, Bích Chi Phật.

Lại như Anh Nhi lúc keu khóc, cha mẹ liền lấy lá dương vàng mà bảo rằng : Nín đi đừng khóc ! Vàng đây ta cho con. Anh Nhi thấy lá dương vàng tưởng là vàng thật bèn thôi không khóc nữa. Nhưng đây là lá dương chẳng phải là

vàng thật. Trâu gỗ, ngựa gỗ, người gỗ, Anh Nhi cũng tưởng là trâu, ngựa, người thật, liền chẳng khóc nữa. Do vì chẳng phải thật trâu, ngựa v.v… mà tưởng là thật trâu, ngựa v.v… nên gọi là Anh Nhi.

Đức Như Lai cũng như vậy. Nếu có chúng sanh muốn tạo tội ác đức Như Lai vì họ mà nói trời Đao Lợi Thiên là cõi tốt đẹp an vui tự tại. Chúng sanh nghe cõi vui đẹp như vậy, sanh lòng ưa thích bèn thôi chẳng tạo tội ác, mà siêng thật hành những nghiệp lành. Nhưng thật ra cõi trời Đao Lợi là sanh tử chẳng phải thật là an vui tự tại.

Lại như có chúng sanh nhàm khổ sanh tử, đức Như Lai vì họ nói hạnh quả nhị thừa, nhưng thật ra quả nhị thừa chẳng phải rốt ráo chân thật, vì hàng nhị thừa biết lỗi sanh tử, thấy vui Niết Bàn bèn có thể tự biết có dứt cùng chẳng dứt, có chân thật cùng chẳng chân thật, có tu cùng chẳng tu, có chứng đặng cùng chẳng chứng đặng. Như Anh Nhi kia đối với vật chẳng phải vàng mà tưởng là vàng thật.

Đức Như Lai ở trong chỗ bất tịnh mà nói là tịnh, vì đã chứng được đệ nhất nghĩa đế nên Như lai không có hư vọng.

Như Anh Nhi kia đối với những vật không phải trâu ngựa mà tưởng là trâu ngựa thật. Nếu có chúng sanh ở nơi phi đạo mà tưởng là chân đạo, Như Lai cũng nói phi đạo là đạo, nơi phi đạo thật không có đạo, vì có thể làm chút ít nhân duyên sanh ra đạo nên nói phi đạo là đạo.

Như Anh Nhi kia đối với người gỗ mà tưởng là người thật. Cũng vậy, Như Lai biết chẳng phải chúng sanh mà nói tướng chúng sanh, nhưng thật ra không có tướng chúng sanh. Nếu Như Lai nói không chúng sanh thời tất cả chúng sanh sẽ đọa tàkiến. Do đây nên Như Lai nói có chúng sanh, những người đối với chúng sanh mà tưởng là chúng sanh, thời không thể phá tướng chúng sanh. Nếu ở nơi chúng sanh phá được tướng chúng sanh, người nầy có thể đặng Đại Niết bàn. Do đặng Đại Niết Bàn như vậy nên chẳng còn kêu khóc nữa. Đây gọi là Anh Nhi Hạnh.

Nầy Thiện nam tử ! Nếu có người thọ trì đọc tụng thơ tả giải thuyết năm hạnh nầy, nên biết rằng người nầy quyết định sẽ được năm hạnh như vậy.

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật rằng : “ Thế Tôn ! Theo như chỗ tôi hiểu, y cứ theo lời của Phật dạy, thời tôi cũng quyết định sẽ đặng năm hạnh nầy.”

Phật nói : " Nầy Thiện nam tử ! Chẳng riêng gì ông đặng năm hạnh như vậy, nay trong hội nầy có chín mươi ba muôn người cũng đồng được năm hạnh như ông."

HẾT TẬP I

XXII

PHẨM QUANG MINH BIẾN CHIẾU CAO QUÝ ĐỨC VƯƠNG BỒ TÁT THỨ HAI MƯƠI HAI

Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn bảo Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương Bồ Tát : " Nầy Thiện nam tử ! Nếu có Đại Bồ Tát tu hành kinh Đại Niết Bàn như vậy, thời đặng mười công đức mà hàng Thanh Văn Bích Chi Phật chẳng có. Công đức nầy chẳng thể nghĩ bàn, người nghe đến sẽ kinh sợ. Công đức nầy chẳng phải trong ngoài, chẳng phải khó dễ, chẳng phải tướng phi tướng, không có tướng mạo, chẳng phải là thế pháp, trong thế gian không có. Đây là mười công đức :

Công đức thứ nhứt có năm điều : Một là chỗ chẳng nghe có thể đặng nghe, hai là nghe rồi có thể làm lợi ích, ba là có thể dứt tâm nghi hoặc, bốn là trí huệ chánh trực, năm là có thể biết tạng bí mật của Như Lai.

Những gì là chỗ chẳng nghe có thể được nghe ? Chính là nghĩa vi mật rất sâu : Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, Phật và Pháp cùng tăng không có sai khác, tánh tướng của Tam Bảo là thường, lạc, ngã, tịnh, tất cả chư Phật không rốt ráo nhập Niết Bàn là thường trụ không biến đổi. Lại Niết Bàn của Như Lai chẳng phải có không, chẳng phải hữu vi vô vi, chẳng phải hữu lậu vô lậu, chẳng phải sắc phi sắc, chẳng phải danh phi danh, chẳng phải tướng phi tướng, chẳng phải hữu phi hữu, chẳng phải vật phi vật, chẳng phải nhơn quả, chẳng phải đãi phi đãi, chẳng phải minh ám, chẳng phải xuất phi xuất, chẳng phải thường phi thường, chẳng phải đoạn phi đoạn, chẳng phải thỉ chung, chẳng phải quá khứ vị lai hiện tại, chẳng phải ấm phi ấm, chẳng phải nhập phi nhập, chẳng phải giới phi giới, chẳng phải thập nhị nhơn duyên, chẳng phải phi nhơn duyên. Những pháp như vậy đều vi mật rất sâu, từ trước chỗ chẳng nghe mà có thể được nghe. Lại có chỗ chẳng nghe, như là tất cả sách vỡ ngoại đạo : Tỳ Đà Luận, Tỳ Dà La Luận, Vệ Thế Sư Luận, Ca Tỳ La Luận, cùng tất cả kỹ nghệ, chú thuật, y dược, thiên văn, địa lý v.v…, nay ở nơi kinh nầy mà đặng biết tất cả. Lại có mười một bộ kinh trừ Tỳ Phật

Lược, cũng không có những nghĩa rất sâu như vậy, nay do kinh nầy mà đặng biết rõ đó. Đây gọi là chỗ chẳng nghe mà có thể được nghe.

Nghe rồi có thể làm lợi ích, chính là nếu có thể nghe và lãnh thọ kinh Đại Niết Bàn nầy, thời có thể biết rõ tất cả kinh điển Phương Đẳng Đại Thừa những nghĩa vị rất sâu. Ví như đối với tấm gương sáng sạch, người thấy rõ ràng sắc tượng của mình. Cũng vậy, Bồ Tát cầm gương Đại Niết Bàn thời đặng thấy rõ tất cả nghĩa rất sâu của kinh điển Đại Thừa. Cũng như có người ở trong nhà tối cầm ngọn đuốc lớn thời thấy rõ các đồ vật. Cũng vậy Bồ Tát cầm đuốc Đại Niết Bàn thời đặng thấy rõ nghĩa rất sâu của Đại Thừa. Cũng như mặt trời mọc có ngàn muôn ánh sáng soi rõ chỗ u ám của các núi, làm cho mọi người thấy những vật rất xa. Cũng vậy, huệ nhựt thanh tịnh Đại Niết Bàn nầy chiếu rõ chỗ rất sâu của Đại Thừa, làm cho hàng nhị thừa xa thấy Phật đạo, vì có thể nghe và lãnh thọ kinh Đại Niết Bàn vi diệu nầy .

Nầy Thiện nam tử ! Nếu có Đại Bồ Tát nghe và lãnh thọ kinh Đại Niết Bàn nầy thời đặng biết danh tự của tất cả pháp. Nếu có thể biên chép đọc tụng thông thuộc vì người giảng thuyết, suy nghĩ ý nghĩa thời rõ biết nghĩa lý của tất cả pháp.

Nầy Thiện nam tử ! Người nghe và lãnh thọ thời chỉ biết danh tự mà chẳng biết ý nghĩa. Nếu có thể biên chép thọ trì đọc tụng, vì người giảng thuyết suy nghĩ ý nghĩa thời có thể rõ biết được nghĩa.

Nầy Thiện nam tử ! Người nghe kinh nầy, nghe có Phật tánh nhưng chưa có thể thấy được. Nếu biên chép đọc tụng vì người giảng thuyết suy nghĩ ý nghĩa thời thấy được Phật tánh. Người nghe kinh nầy, nghe có danh từ bố thí nhưng chưa có thể thấy được Đàn Ba La Mật, nếu biên chép đọc tụng vì người giảng thuyết suy nghĩ ý nghĩa thời có thể thấy được Đàn Ba La Mật, nhẫn đến Bát Nhã Ba La Mật cũng vậy.

Nầy Thiện nam tử ! Đại Bồ Tát nếu có thể nghe kinh Đại Niết bàn nầy thời biết pháp biết nghĩa đủ cả hai đức vô ngại, đối hàng Sa Môn, Bà La Môn, hoặc chư thiên, Ma Vương, Phạm Vương, trong tất cả thế gian đều đặng vô sở úy, vì đại chúng khai thị phân biệt mười hai bộ kinh, diễn thuyết ý nghĩa không có sai lầm, có thể tự biết chẳng chờ học với người được gần vô thượng chánh đẳng chánh giác. Đây gọi là nghe rồi có thể làm lợi ích.

Nầy Thiện nam tử ! Có thể dứt tâm nghi lầm. Nghi có hai thứ : Một là nghi nơi danh từ, hai là nghi ý nghĩa. Người nghe kinh nầy, dứt tâm nghi danh từ, người suy nghĩ ý nghĩa thời dứt tâm nghi ý nghĩa.

Nghi lại có năm thứ : Một là nghi Phật quyết định nhập Niết Bàn hay chăng ? Hai là nghi Phật có phải thường trụ chăng ? ? Ba là nghi Phật có phải chơn lạc chăng ? Bốn là nghi Phật có phải chơn tịnh chăng ? Năm là nghi Phật có phải chơn ngã chăng ? Người nghe kinh nầy thời dứt hẳn lòng nghi Phật nhập Niết Bàn. Biên chép đọc tụng vì người giảng thuyết suy nghĩ ý nghĩa thời dứt hẳn bốn điều nghi, thường, lạc, ngã, tịnh.

Nghi lại có ba tbhứ : Một là nghi Thanh Văn là có hay là không ? Hai là nghi Duyên Giác là có hay là không ? Ba là nghi Phật thừa là có hay là không ? Người nghe kinh nầy thời dứt hẳn ba điều nghi như vậy. Còn biên chép đọc tụng vì người giảng thuyết suy nghĩ ý nghĩa thời có thể rõ biết tất cả chúng sanh đều có Phật tánh.

Nầy Thiện nam tử ! Nếu có chúng sanh chẳng nghe kinh Đại Niết Bàn nầy, thời tâm họ nhiều sự nghi ngờ. Như nghi hoặc thường hay vô thường, hoặc lạc hay chẳng lạc, hoặc tịnh hay chẳng tịnh, hoặc ngã hay vô ngã, hoặc mạng hay phi mạng, hoặc chúng sanh hay phi chúng sanh, hoặc rốt ráo hay chẳng rốt ráo, hoặc đời khác, hoặc đời đã qua, hoặc có, hoặc không, hoặc khổ, hoặc chẳng phải khổ, hoặc tập, hoặc chẳng phải tập, hoặc đạo hoặc chẳng phải đạo, hoặc diệt hoặc chẳng phải diệt, hoặc pháp, hoặc phi pháp, hoặc thiện hoặc bất thiện, hoặc không hoặc chẳng phải không. Người nghe kinh nầy thời dứt hẳn các điều nghi như vậy.

Thiện nam tử ! Nếu có người chẳng nghe kinh nầy thời lại có nhiều tâm nghi. Như nghi sắc uẩn là ngã ư ? Thọ, tưởng, hành, thức, là ngã ư ? Nhãn là năng kiến ư ? Ngã là năng kiến ư ? Thọ tưởng hành thức là năng kiến ư ? Ngã là năng kiến ư ? Sắc uẩn thọ báo ư ? Ngã thọ báo ư ? Thọ tưởng hành thức thọ báo ư ? Ngã thọ báo ư ? Sắc uẩn đến đời khác ư ? Ngã đến đời khác ư ? Thọ tưởng hành thức cũng như vậy. Những pháp sanh tử là có thỉ có chung ư ? hay là vô thỉ vô chung ư ? Người nghe kinh nầy cũng dứt hẳn được những điều nghi như vậy. Lại có người nghi nhứt xiển đề phạm bốn tội nặng tạo tội ngũ nghịch, hủy báng kinh Đại Thừa Phương Đẳng, hạng người nghe kinh nầy cũng dứt hẳn được những điều nghi như vậy.

Lại có người nghi thế gian có ngằn mé hay không có ngằn mé ? Có thập phương thế giới hay không thập phương thế giới. Người nghe kinh nầy cũng dứt hẳn được những điều nghi như vậy. Đây gọi là có thể dứt tâm nghi lầm, có trí huệ chánh trực không tà vạy. Vì nếu tâm nghi thời chỗ nhận thấy chẳng chánh. Tất cả phàm phu nếu chẳng đặng nghe kinh Đại Niết Bàn nầy thời chỗ nhận thấy tà vạy. Nhẫn đến Thanh Văn Duyên Giác chỗ thấy biết

cũng vạy vò. Vì phàm phu ở trong hữu lậu mà thấy là thường, lạc, ngã, tịnh nơi Như Lai lại thấy là vô thường khổ, bất tịnh, vô ngã, thấy có chúng sanh có thọ mạng, có tri kiến, chấp trời Phi Tưởng, Phi Phi Tưởng là Niết Bàn, thấy trời Tự Tại có tám thánh đạo, chấp có, chấp đoạn, các sự nhận thấy như vậy gọi là tà vạy. Đại Bồ Tát nếu đặng nghe kinh Đại Niết Bàn nầy tu hành thánh hạnh thời dứt trừ được những điều tà vạy như vậy.

Hàng Thanh Văn Duyên Giác thấy Bồ Tát từ trời Đâu Suất hoá hiện ngự trên Bạch tượng giáng thần vào thai mẹ tại thành Ca Tỳ La, cha hiệu Tịnh Phạn, mẹ tên Ma Gia. Ở thai đủ mười tháng sanh ra. Lúc sanh ra chưa đến đất, Thiên Đế Thích đưa tay đở, Nan Đà Long Vương và Bạt Nan Đà Long Vương phun nước tắm.

Đại Thần Vương Ma Ni Bạt Đà cầm lọng báu đứng hầu phía sau. Địa thần hoá hoa sen đở dưới chân. Bồ Tát đi qua bốn phương đều đủ bảy bước. Lúc đến Thiên Miếu các thiên tượng đều đứng dậy tiếp nghinh. Tiên A Tư Đà hai tay bồng xem tướng, xem xong Tiên nhơn buồn khổ thương phận mình sắp chết chẳng được thấy Bồ Tát thành Phật. Lớn lên đến thầy học sách, học toán số, cỡi ngựa, bắn cung, đồ sắm, các nghề nghiệp. Ở trong thâm cung cùng vui với sáu muôn thể nữ. Ra ngoài thành dạo chơi đến vườn Ca Tỳ La, dọc đường gặp người già, người bịnh, người chết, và gặp thầy Sa Môn mặc pháp phục đi trên đường, khi trở về cung, thấy các thể nữ hình mạo như xương khô, xem cung điện không khác gò mả. Nhàm chán, nửa đêm vượt thành xuất gia, đến chỗ các Đại Tiên nhơn Uất Đà Dà, A La La v.v… nghe giảng nói về Thức Vô Biên Xứ và Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ. Nghe rồi quan sát kỹ biết những xứ ấy là vô thường, khổ, bất tịnh, vô ngã, bèn bỏ đi đến núi Tuyết, dưới cội cây tu khổ hạnh trọn sáu năm. Sau đó biết khổ hạnh chẳng đặng thành vô thượng chánh giác, bèn đến tắm rửa trong sông A Nậu Bạt Đề. Tắm xong nhận lấy cháo sữa của cô gái chăn bò dâng. Ăn xong lại đến ngồi dưới cây Bồ Đề, phá ma Ba Tuần đặng thành vô thượng chánh giác. Đến thành Ba La Nại chuyển pháp luân lần đầu độ năm vị Tỳ Kheo, nhẫn đến ở rừng Ta La nơi thành Câu Thi Na nầy nhập Niết Bàn . Các điều nhận thấy như vậy gọi là chỗ thấy biết vạy vò của Thanh Văn Duyên Giác.

Nầy Thiện nam tử ! Đại Bồ Tát nghe và lãnh thọ kinh Đại Niết Bàn nầy, thời dứt trừ đặng những điều thấy biết như vậy. Nếu có thể biên chép đọc tụng thông thuộc vì người diễn thuyết suy nghĩ ý nghĩa, thời đặng trí huệ chánh trực không tà vạy.

Nầy Thiện nam tử ! Đại Bồ Tát tu hành kinh Đại Niết Bàn, biết rõ Bồ Tát từ vô lượng kiếp nhẫn lại chẳng từ trời Đâu Suất giáng thần thai mẹ, nhẫn đến thành Câu ThiNa nhập Niết Bàn. Đây gọi là chỗ thấy biết chánh trực của Đại Bồ Tát.

Có thể biết nghĩa thâm mật của Như Lai, tức là biết rõ Đại Niết Bàn, tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, sám trừ bốn giới trọng, trừ tâm hủy báng chánh pháp, hết tội ngũ nghịch, dứt nhứt xiển đề, rồi sau đặng thành vô thượng chánh giác.

Lại nghĩa thậm thâm là dầu biết chúng sanh thiệt không có ngã, nhưng nghiệp quả đời vị lai chẳng mất ; dầu giết năm ấm hiện đây dứt hết, nhưng nghiệp thiện ác trọn chẳng hư mất ; dầu có các hành nghiệp nhưng không có tác giả ; dầu có chỗ đến nhưng không có người đi; dầu có trói buộc nhưng không người bị trói ; dầu có Niết Bàn nhưng không có người diệt ; đây gọi là nghĩa bí mật rất sâu.

Cao Quý Đức Vương Bồ Tát bạch Phật : " Thế Tôn ! Như tôi hiểu nghĩa được nghe chỗ chưa từng nghe của Phật nói thời nghĩa nầy chẳng phải. Vì nếu pháp là có lẽ ra quyết định có, pháp nếu là không lẽ ra quyết định không. Nếu không thời lẽ ra chẳng sanh, nếu có thời lẽ ra chẳng diệt, như nghe thời là nghe, nếu chẳng nghe thời là chẳng nghe, sao lại nói rằng nghe chỗ chẳng nghe. Bạch Thế Tôn ! Nếu chẳng nghe đây là chẳng nghe, còn nếu đã nghe thời lại chẳng nghe, vì đã đặng nghe. Sao lại nói rằng nghe lại chẳng nghe ?

Ví như người đi, nếu đã đến thời chẳng đi còn đi thời chẳng đến. Cũng như đã sanh thời chẳng sanh, còn chẳng sanh thời là chẳng sanh. Đã đặng thời chẳng đặng, còn chẳng đặng thời là chẳng đặng. Nghe rồi thời chẳng nghe, còn chẳng nghe thời là chẳng nghe. Bạch Thế Tôn ! Nếu chẳng nghe mà nghe đó, thời tất cả chúng sanh chưa có Bồ Đề lẽ ra cũng có đó, người chưa đặng Niết Bàn lẽ ra cũng đặng đó, người chưa thấy Phật tánh lẽ ra cũng thấy Phật tánh, sao lại nói rằng bực Thập Trụ Bồ Tát dầu thấy Phật tánh nhưng chưa đặng rõ ràng.

Bạch Thế Tôn ! Nếu chẳng nghe mà nghe, thời đức Như Lai thuở xưa từ ai mà đặng nghe. Nếu nói rằng đặng nghe, cớ sao trong kinh A Hàm đức Như Lai lại nói là không có thầy, nếu chẳng nghe thời là chẳng nghe mà đức Như Lai đặng thành vô thượng chánh giác, thời tất cả chúng sanh chẳng nghe lẽ ra cũng đặng thành vô thượng chánh giác. Nếu đức Như lai chẳng nghe kinh

Đại Niết Bàn mà thấy Phật tánh, thời tất cả chúng sanh chẳng nghe kinh nầy lẽ ra cũng được thấy Phật tánh.

Bạch Thế Tôn ! Phàm là sắc thời hoặc có thể thấy, hoặc chẳng thấy được, tiếng cũng như vậy, hoặc là có thể nghe, hoặc chẳng được nghe. Đại Niết Bàn nầy chẳng phải sắc chẳng phải tiếng , sao lại nói rằng có thể thấy nghe được.

Bạch Thế Tôn ! Quá khứ đã diệt thời chẳng thể nghe, vị lai chưa đến cũng chẳng thể nghe, lúc hiện tại lóng nghe thời chẳng gọi là nghe, nghe rồi khiến dứt lại chẳng thể nghe. Kinh Đại Niết Bàn nầy cũng chẳng phải quá khứ vị lai hiện tại, nếu chẳng phải thời gian thời chẳng thể nói, nếu chẳng thể nói thời chẳng thể nghe, sao lại nói rằng Bồ Tát tu kinh Đại Niết Bàn nầy được nghe chỗ chẳng nghe.

Phật nói : “ Lành thay ! Lành thay ! Nầy Thiện nam tử ! Nay ông khéo biết tất cả pháp như huyễn, như dương diệm, như thành Càn Thát Bà, như dấu vẽ trong nước, cũng như bóng nước, bọt nước, cây chuối rỗng không chẳng chắc thiệt, chẳng phải mạng, chẳng phải ngã, không có khổ vui, như chỗ thấy biết của Thập Trụ Bồ Tát” .

Lúc đó trong đại chúng thoạt có ánh sáng lớn chiếu đến, ánh sáng nầy chẳng phải xanh vàng đỏ trắng, mà thấy là xanh vàng đỏ trắng, chẳng phải sắc, chẳng phải sáng, mà thấy là sắc là sáng, chẳng phải thấy mà thấy.

Đại chúng gặp ánh sáng nầy thân tâm vui thích như Tỳ Kheo nhập Sư tử Vương Định

Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát bạch Phật : “ Thế Tôn : Ai phóng ánh sáng nầy ?”

Đức Như Lai yên lặng chẳng đáp.

Ca Diếp Bồ Tát lại hỏi Văn Thù Sư Lợi : Nhơn duyên gì mà có ánh sáng nầy chiếu đến đại chúng ?

Văn Thù Sư Lợi yên lặng chẳng đáp.

Vô Biên Thân Bồ Tát lại hỏi Ca Diếp Bồ Tát : “ Ai phóng ánh sáng nầy ?”

Ca Diếp Bồ Tát yên lặng chẳng đáp.

Tịnh Trụ Vương Tử Bồ Tát lại hỏi Vô Biên Thân Bồ tát : " Duyên cớ gì trong đại chúng đây có ánh sáng nầy ?"

Vô Biên Thân Bồ Tát yên lặng không đáp.

Lần lượt đến năm trăm vị Bồ Tát xoay vần hỏi nhau , nhưng không ai giải đáp.

Đức Thế Tôn hỏi Văn Thù Sư Lợi : " Duyên Cớ gì trong đại chúng đây có ánh sáng nầy ?

Văn Thù Sư Lợi đáp : " Bạch Thế Tôn ! Ánh sáng nầy gọi là trí huệ. Trí huệ chính là thường trụ. Pháp thường trụ không có nhơn duyên, sao đức Phật lại hỏi duyên cớ gì có ánh sáng nầy ."

Ánh sáng nầy gọi là Đại Niết Bàn, Đại Niết Bàn thời gọi là thường trụ, pháp thường trụ chẳng từ nhơn duyên, sao đức Phật lại hỏi duyên cớ gì có ánh sáng nầy.

Ánh sáng nầy chính là Như Lai, Như Lai chính là thường trụ, pháp thường trụ chẳng từ nhơn duyên, sao đức Phật lại hỏi duyên cớ.

Ánh sáng nầy gọi là Đại Từ Đại Bi, đại từ bi gọi là thường trụ, pháp thường trụ chẳng phải từ nhơn duyên, sao đức Phật lại hỏi duyên cớ.

Ánh sáng nầy chính là niệm Phật, niệm Phật là thường trụ, pháp thường trụ chẳng từ nhơn duyên, sao đức Phật lại hỏi duyên cớ.

Áng sáng nầy là đạo bất cộng với tất cả Thanh Văn Duyên Giác, đạo bất cộng là thường trụ, pháp thường trụ chẳng từ nhơn duyên, sao đức Phật lại hỏi duyên cớ, Đức Thế Tôn cũng có nhơn duyên : Nhơn dứt vô minh chứng đặng vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Phật nói : " Nầy Văn Thù Sư Lợi ! nay ông chớ nhập đệ nhứt nghĩa đế, nên dùng thế đế để giải đáp."

Văn Thù Sư Lợi nói : " Bạch Thế Tôn ! Từ đây qua phương đông cách hai mươi hằng hà sa thế giới, có cỏi bất động, chổ Phật ngự rộng một muôn hai ngàn do diên. Cõi đó toàn thất bảo không có đất đá, bằng thẳng êm dịu

không có hầm hố. Cây cối toàn bằng bốn chất vàng, bạc lưu ly và pha lê, trên cây thường có hoa trái. Nếu có chúng sanh nào được ngửi mùi thơm của hoa nầy thời thân tâm an vui nhập đệ tam thiền. Khắp nơi có hai ngàn sông lớn nước sông đủ tám vị công đức, nếu có chúng sanh nào tắm trontg nước đó thời thân tâm vui vẻ như nhập đệ nhị thiền. Trong sông có nhiều thứ hoa đẹp : Những hoa sen xanh, vàng, đỏ, trắng. Hai bờ sông cũng có các thứ hoa thơm đẹp. Đáy sông toàn trải cát vàng. Có những thềm bực bằng vàng, bạc, lưu ly cùng pha lê nhiều màu, nhiều giống chim đẹp bay đậu trên đó.ï Lại có vô lượng cọp, sói, sư tử v.v… Các cầm thú ấy xem nhau như con đẻ. Trong cỏi đó không có những tội ác cùng hạng nhứt xiển đề. Khí hậu điều hòa không có lạnh nóng đói khát khổ sở, không có tham dục, sân hận phóng dật tật đố. Không mặt trời mặt trăng thời tiết như cõi trời Đao Lợi. Nhân dân cõi đó đồng có ánh sáng, không có tâm kiêu mạn. Tất cả đều là Bồ Tát Đại Sĩ đầy đủ thần thông, có công đức lớn, tôn trọng chánh pháp, mến tu Đại Thừa, có đại từ bi thương xót tất cả chúng sanh.

Đức Phật ở cõi đó hiệu là Mãn Nguyệt Quang Minh Như Lai, đầy đủ mười hiệu. Lúc đức Phật đó thuyết pháp, tòan thể chúng sanh trong cõi Bất Động đều được nghe. Đức Phật đó vì Lưu Ly Quang Bồ Tát mà giảng thuyết kinh Đại Niết Bàn đến đọan Bồ Tát tu hành kinh nầy thời đều đặng nghe chỗ chẳng đặng nghe. Lưu Ly Quang Bồ Tát gạn hỏi đức Phật Mãn Nguyệt Quang Minh, như tại đây Cao Quý Đức Vương Bồ Tát vừa hỏi đức Như Lai giống nhau không khác. Đức Phật Mãn Nguyệt Quang Minh bảo Lưu Ly Quang Bồ Tát rằng : Phương Tây của cõi Bất Động nầy cách hai mươi hằng hà sa Phật độ có cõi Ta Bà, cõi ấy đầy những đất đá gai chông hầm hố gò nỗng, thường có những khổ về đói khát lạnh nóng. Nhơn dân cõi Ta Bà chẳng biết cung kính Sa Môn, Bà La Môn, cha mẹ Sư Trưởng, phần nhiều tham đắm phi pháp, tà pháp, chẳng tin chánh pháp, thọ mạng của họ ngắn ngủi. Nhiều kẻ gian trá bị chánh quyền trừng phạt. Dầu đã có nước để cai trị, nhưng vua quan chẳng biết vừa đủ sanh lòng tham kéo binh đánh chiếm nước khác làm cho những người vô tội bị chết oan. Các nhà lãnh đạo thật hành những điều phi pháp như vậy, nên Tứ Thiên Vương các Thiên thần không hoan hỷ, thường giáng tai họa ; Hạn hán, bão lụt, mất mùa đói khát, nhơn dân nhiều bịnh, vô lượng sự khổ não. Cõi Ta Bà đó có Phật hiệu Thích Ca Mưu Ni Như Lai mười hiệu đầy đủ, hiện ở thành Câu Thi Na trong rừng Ta La Song Thọ, vì đại chúng diễn thuyết kinh Đại Niết Bàn, hiện có Bồ Tát tên Quang Minh Biến Chiếu CaoQuý Đức Vương đã đem việc nầy hỏi đức Thích Ca Mâu Ni, nay đức Phật đó đương giải đáp, ông nên mau qua cõi đó sẽ được nghe.

Bạch Thế Tôn ! Lưu Ly Quang Bồ Tát vâng lời đức Phật Mãn Nguyệt Quang Minh cùng tám muôn bốn ngàn vị Đại Bồ Tát sắp đến đây. Do nhơn duyên nầy nên hiện điềm phóng ánh sáng. Đây là có duyên cớ mà có ánh sáng nầy.

Lúc đó Lưu Ly Quang Bồ Tát cùng tám muôn bốn ngàn Đại Bồ Tát mang theo các thứ phan lọng, hương hoa, chuỗi ngọc nhiều thứ kỹ nhạc, đồng đến rừng Ta La nơi thành Câu Thi Na, đầu mặt lễ chưn Phật, đem đồ cúng dường dưng lên, cung kính đi nhiễu bên hữu ba vòng rồi ngồi qua một phía.

Đức Phật hỏi Lưu Ly Quang Bồ Tát : Ông vì đến mà lại, hay vì chẳng đến mà Lại ?

_ Bạch Thế Tôn ! Đến cũng chẳng lại, chẳng đến cũng chẳng lại. Tôi quán sát nghĩa nầy đều không có lại. Các hành pháp nếu là thường cũng chẳng lại, nếu là vô thường cũng không có lại. Nếu người thấy có chúng sanh tánh thời có lại, chẳng lại. Nay tôi chẳng thấy chúng sanh có định tánh, thời đâu có lại cùng chẳng lại. Người có kiêu mạn thời thấy có đi, có lại. Người không kiêu mạn thời không thấy có đi, có lại. Người có chấp lấy tạo tác thời thấy có đi có lại. Người không chấp lấy tạo tác thời không thấy có đi, có lại.

Nếu thấy Như Lai rốt ráo nhập Niết Bàn thời có đi, có lại. Người chẳng thấy Như Lai nhập Niết Bàn thời không đi, không lại.

Người chẳng nghe Phật tánh thời có đi , có lại. Người nghe Phật tánh thời không đi không lại.

Nếu thấy hàng Thanh Văn Bích Chi Phật có Niết Bàn thời thấy có đi có lại. Người chẳng thấy hàng Thanh Văn Bích Chi Phật có Niết Bàn thời không đi, không lại.

Nếu người thấy hàng Thanh Văn Bích Chi Phật là thường, lạc, ngã, tịnh, thời có đi, có đến. Nếu người không thấy thời không đi, không đến.

Nếu thấy Như Lai không có thường, lạc, ngã, tịnh thời có đi có đến. Nếu thấy Như Lai là thường lạc, ngã, tịnh thời không đi không đến.

Bạch Thế Tôn ! Xin để việc đó lại. Nay tôi có chỗ muốn hỏi mong đức Phật thương xót cho phép.

Phật nói : " Nầy Thiện nam tử ! Giờ đây phải lúc tùy ý ông hỏi ta sẽ giải đáp cho ông. Vì chư Phật khó gặp như hoa Ưu Đàm, pháp cũng khó được nghe, trong mười hai bộ kinh, bộ Phương Đẳng Đại thừa lại khó hơn. Vì thế nên phải chuyên tâm lóng nghe và lãnh thọ.

Lưu Ly Quang Bồ Tát bạch Phật : Thế Tôn ! Thế nào là Đại Bồ Tát có thể tu hành kinh Đại Niết Bàn được nghe chỗ chẳng nghe.

Phật khen rằng : " Lành thay ! Lành thay ! Nầy Thiện nam tử ! Nay ông muốn cùng tận biển Đại Thừa Đại Niết Bàn, lại gặp Phật có thể khéo giải thuyết. Phật là lương y có thể khéo nhổ mũi tên độc nghi ngờ của ông. Phật có đuốc huệ soi sáng Phật tánh cho ông. Ông muốn qua khỏi sông lớn sanh tử Phật có thể làm thuyền sư cho ông, ông ở nơi Phật tưởng là cha mẹ, Phật cũng ở nơi ông tưởng là một. Lòng ông tham của báu chánh pháp, gặp Phật có nhiều pháp lại hay bố thí. Ông nên lóng nghe khéo suy nghĩ đó.

Nầy Thiện nam tử ! Khi nghe pháp rồi phải sanh lòng kính tin tôn trọng. Đối với chánh pháp chớ tìm cầu chỗ lỗi, chớ nghĩ tham sân si. Chớ nhìn xem dòng họ tốt xấu của pháp sư . Sau khi nghe pháp chớ sanh lòng kiêu mạn, chớ gì cung kính, danh dự, lợi dưỡng , phải vì được lợi ích pháp vị cam lồ độ thế gian. Cũng chớ nghĩ rằng, tôi nghe pháp rồi trước tự độ mình sau sẽ độ người, trước sẽ tự giải thoát sau sẽ giải thoát cho người, trước tự an thân sau sẽ làm cho người được an, trước tự được Niết Bàn sau sẽ làm cho người được Niết Bàn. Nên có quan niệm bình đẳng đối với Phật, Pháp, Tăng. Trong sanh tử phải có quan niệm là khổ oan lớn. Đối với Đại Niết Bàn phải quan niệm là thường, lạc, ngã, tịnh. Trước vì người sau sẽ vì mình. Nên vì Đại Thừa chớ vì Nhị Thừa. Nên không trụ trước đối với tất cả pháp, cũng chớ chuyên chấp tất cả pháp tướng. Đối với các pháp chớ có lòng tham, thường có quan niệm biết pháp, thấy pháp.

Nầy Thiện nam tử ! Ông có thể hết lòng nghe pháp như vậy, đây thời gọi là được nghe chỗ chẳng nghe.

Nầy Thiện nam tử ! Có chẳng nghe mà nghe, có chẳng nghe mà chẳng nghe, có nghe mà chẳng nghe, có nghe mà nghe.

Nầy thiện nam tử ! Như chẳng sanh mà sanh, chẳng sanh mà chẳng sanh, sanh mà chẳng sanh, sanh mà sanh.

Như chẳng đến mà đến, chẳng đến mà chẳng đến, đến mà chẳng đến, đến mà đến.

_ Bạch Thế Tôn ! Thế nào là chẳng sanh mà sanh ?

_ Nầy Thiện nam tử ! An trụ nơi thế đế, lúc mới xuất thai đây gọi là chẳng sanh mà sanh.

_ Bạch Thế Tôn ! Thế nào là chẳng sanh mà chẳng sanh ?

Nầy Thiện nam tử ! Đại Niết Bàn đây không có tướng sanh, đây gọi là chẳng sanh mà chẳng sanh.

_ Bạch Thế Tôn ! Thế nào gọi là sanh mà chẳng sanh ?

Nầy Thiện nam tử ! Cứ theo thế đế , lúc chết thời gọi là sanh mà chẳng sanh.

_ Bạch Thế Tôn ! Thế nào là sanh mà sanh ?

Nầy Thiện nam tử ! Tất cả phàm phu thời gọi là sanh mà sanh. Vì phàm phu sanh, sanh chẳng dứt, vì tất cả hữu lậu niệm niệm sanh luôn, đây gọi là sanh mà sanh. Bực tứ trụ Bồ Tát thời gọi là sanh mà chẳng sanh, vì sanh mà tự tại.

Nầy Thiện nam tử ! Trên đó là nói về nội pháp. Còn về ngoại pháp cũng có chưa sanh mà sanh, chưa sanh mà chưa sanh, sanh mà chưa sanh, sanh mà sanh. Như hột giống lúa chưa mọc mầm, được tứ đại hòa hiệp, công người săn sóc, rồi sau mới mọc lên đây gọi là chưa sanh mà sanh. Như hột giống hư và hột giống chưa gặp đủ duyên, thời gọi là chưa sanh mà chưa sanh. Như mầm đã mọc mà chẳng lớn thêm, thời gọi là sanh mà chưa sanh. Như mầm lớn thêm thời gọi là sanh mà sanh. Tất cả ngoại pháp hữu lậu sanh mà sanh như vậy.

_ Bạch Thế Tôn ! Pháp hữu lậu nếu có sanh, thời là thường hay vô thường ?

Sanh nếu là thường, thời pháp hữu lậu không có sanh, sanh nếu là vô thường thời hữu lậu là thường.

_ Bạch Thế Tôn ! Nếu sanh có thể tự sanh, thời sanh không tự tánh. Nếu có thể sanh cái khác duyên cớ gì chẳng sanh vô lậu.

_ Bạch Thế Tôn ! Nếu lúc chưa sanh mà có sanh, sao lại đến nay mới gọi là sanh. Nếu lúc chưa sanh là không sanh, cớ sao chẳng nói hư không là sanh ?

Phật nói : " Lành thay ! Lành thay ! Nầy Thiện nam tử ! Chẳng sanh mà sanh, không thể nói được, cho đến sanh mà sanh cũng không thể nói được, sanh cùng bất sanh đều không thể nói được. Vì có nhơn duyên nên cũng có thể nói được.

Thế nào là chẳng sanh mà sanh chẳng thể nói được ? Chẳng sanh lại gọi là sanh, làm sao có thể nói được, vì nó sanh.

Thế nào là sanh mà sanh, chẳng thể nói được ? Vì sanh mà sanh nên là sanh, vì sanh mà sanh nên là chẳng sanh, cũng chẳng nói được.

Thế nào là sanh mà chẳng sanh, chẳng thể nói được ? Sanh thời gọi là sanh, sanh chẳng tự sanh, nên chẳng thể nói được.

Thế nào là chẳng sanh mà chẳng sanh, chẳng thể nói được ? Chẳng sanh gọi là Niết Bàn, vì Niết Bàn chẳng sanh nên chẳng thể nói được, vì Niết Bàn do tu mà chứng đặng.

Thế nào là sanh cũng chẳng thể nói được ? Vì sanh vốn là không .

Thế nào là chẳng sanh không thể nói được ? Vì có chứng đặng.

Thế nào là vì có nhơn duyên cũng có thể nói được ? Mười pháp nhơn duyên làm sanh tác nhơn do đây nên cũng có thể nói được.

Nầy Thiện nam tử ! Nay ông chớ nhập thậm thâm không định, vì đại chúng căn trí chậm lụt.

Nầy Thiện nam tử ! Pháp hữu vi sanh cũng là thường, do trụ vô thường, nên sanh cũng vô thường. Trụ cũng là thường do sanh mà sanh nên trụ cũng vô thường. Dị cũng là thường, do pháp vô thường nên dị cũng vô thường. Hoại cũng là thường, do trước không nay có nên hoại cũng vô thường.

Nầy Thiện nam tử ! Vì cứ nơi tánh, nên sanh trụ dị hoại đều là thường, vì niệm niệm diệt nên không thể nói là thường, vì Đại Niết Bàn nầy có thể dứt diệt được, nên lại gọi là vô thường.

Nầy Thiện nam tử ! Pháp hữu lậu lúc chưa sanh, đã có tánh sanh, vì thế nên sanh có thể sanh được. Pháp vô lậu vốn không tánh sanh, vì thế nên sanh không thể sanh được. Như lửa có tánh sẵn gặp duyên thời phát. Mắt có tánh thấy đủ duyên thời thấy. Sanh pháp của chúng sanh cũng như vậy, do tánh

sẵn có, gặp nhơn duyên của nghiệp, cha mẹ hòa hiệp thời bèn có sanh. Lưu Ly Quang Bồ Tát cùng tám muôn bốn ngàn Đại Bồ Tát nghe pháp nầy rồi, vọt thân lên hư không cao bảy cây Đa La, chấp tay cung kính bạch Phật : " Thế Tôn ! Tôi nhờ đức Như Lai ân cần dạy bảo, do Đại Niết Bàn mới đặng tỏ ngộ ý nghĩa nghe chỗ chẳng nghe, cũng làm cho tám muôn bốn ngàn Bồ Tát nầy hiểu rõ những nghĩa chẳng sanh mà sanh v.v… của các pháp.

Bạch Thế Tôn ! Nay tôi đã tỏ ngộ dứt hết nghi ngờ, nhưng trong hội nầy có một Bồ Tát hiệu là Vô Úy lại muốn thưa hỏi mong đức Phật cho phép.

Phật bảo Vô Úy Bồ Tát : " Nầy Thiện nam tử ! Tùy ý ông hỏi, ta sẽ vì ông giải nói".

Vô Úy Bồ Tát cùng tám muôn bốn ngàn Bồ Tát đồng đứng dậy nghiêm chỉnh y phục, quỳ chấp tay bạch Phật : " Thế Tôn ! Chúng sanh cõi Ta Bà nầy phải thật hành hạnh nghiệp gì để được sanh về cõi Bất Động ? Bồ Tát cõi đó thế nào mà đặng đầy đủ trí huệ, đầy đủ các công hạnh, có oai đức lớn, trí huệ lanh lẹ, nghe liền hiểu rõ ?"

Đức Phật liền nói kệ rằng :

Chẳng hại mạng chúng sanh.
Giữ gìn các cấm giới.
Bẩm thọ pháp của Phật.
Thời sanh cõi Bất Động.
Chẳng đoạt của người khác.
Thường ban cho tất cả.
Tạo chiêu đề tăng phường.
Thời sanh cõi Bất Động.
Chẳng phạm vợ con người,
Vợ nhà chẳng phi thời.
Thí trì giới ngọa cụ,
Thời sanh cõi Bất Động.
Chẳng vì mình hoặc người,
Cầu lợi và khủng bố.
Giữ lời chẳng vọng ngữ.
Thời sanh cõi Bất Động.
Chớ phá thiện tri thức,
Xa lìa quyến thuộc ác.
Thường nói lời hòa hiệp,

Thời sanh cõi Bất Động.
Như các bực Bồ Tát,
Thường lìa lời ác khẩu.
Nói ra người thích nghe,
Thời sanh cõi Bất Động.
Nhẫn đến lúc giỡn cười,
Chẳng nói lời phi thời.
Giữ gìn lời chánh pháp,
Thời sanh cõi Bất Động.
Thấy người đặng lợi dưỡng,
Thường sanh lòng vui mừng.
Chẳng sanh lòng tật đố,
Thời sanh cõi Bất Động.
Chẳng não hại chúng sanh,
Thường sanh lòng từ bi.
Chẳng làm phương tiện ác,
Thời sanh cõi Bất Động.
Tà kiến bác bố thí.
Không cha mẹ, khứ lai.
Chẳng có tà kiến ấy.
Thời sanh cõi Bất Động.
Đường xa làm giếng tốt.
Trồng rừng rậm cây trái.
Thường thí người khất thực.
Thời sanh cõi Bất Động.
Đối với Phật, Pháp, Tăng.
Cúng một đèn một hương.
Nhẫn đến dưng một hoa,
Thời sanh cõi Bất Động.
Nếu vì cớ sợ sệt.
Lợi dưỡng cùng phước đức.
Chép một kệ kinh nầy.
Thời sanh cõi Bất Động.
Nếu vì cầu phước lợi.
Được ở trong một ngày.
Đọc tụng kinh điển nầy.
Thời sanh cõi Bất Động.
Nếu vì đạo vô thượng,
Trong một ngày một đêm.
Thọ trì bát quan trai.

Thời sanh cõi bất động.
Chẳng cùng người phạm tội.
Người hủy báng Đại Thừa.
Đồng ở chung một chỗ.
Thời sanh cõi Bất Động.
Nếu thí cho người bịnh.
Nhẫn đến một trái cây.
Vui mừng mà săn sóc.
Thời sanh cõi Bất Động.
Chẳng lạm dùng của Tăng.
Khéo giữ vật của Phật.
Tô quét chỗ Phật Tăng.
Thời sanh cõi Bất Động.
Tạo tượng và tháp Phật.
Chừng bằng ngón tay cái.
Thường sanh lòng vui mừng.
Thời sanh cõi Bất Động.
Nếu vì kinh điển nầy.
Đem thân cùng của cải.
Cúng dường người thuyế pháp.
Thời sanh cõi Bất Động.
Nếu nghe và biên chép.
Thọ trì cùng đọc tụng.
Tạng bí mật của Phật.
Thời sanh cõi Bất Động.

Vô Úy Bồ Tát Bạch Phật : " Thế Tôn ! Nay tôi đã biết những công hạnh đặng sanh về cõi nước Bất Động.

Thế Tôn ! Cao Quý Đức Vương Bồ Tát nầy vì khắp xót thương tất cả chúng sanh nên trước kia có chỗ thưa hỏi, nếu đức Như Lai giải thuyết thời có thể lợi ích an vui cho hàng trời, người, bát bộ.

Đức Phật bảo Cao Quý Đức Vương Bồ Tát : " Lành thay ! Lành thay ! Nầy Thiện nam tử ! Ông nên hết lòng lóng nghe, tôi sẽ vì ông phân biệt giải thuyết.

Vì có nhơn duyên nên chưa đến chẳng đến. Vì có nhơn duyên nên chẳng đến mà đến, vì có nhơn duyên nên đến mà chẳng đến. Vì có nhơn duyên nên đến mà đến.

Nầy Thiện nam tử ! Xét về chẳng đến gọi là Đại Niết Bàn. Hàng phàm phu chưa đến bởi có tham dục sân khuể và ngu si. Vì hai nghiệp thân và khẩu chẳng thanh tịnh, cùng lãnh thọ tất cả vật bất tịnh, phạm bốn trọng tội, hủy báng Phương Đẳng Đại thừa là hạng nhứt xiển đề tạo tội ngũ nghịch, do nghĩa nầy nên chưa đến chẳng đến.

Chẳng đến gọi là chẳng đến Đại Niết Bàn. Do nghĩa gì mà được đến ? Vì dứt hẳn tham dục sân khuể ngu si và tội ác của thân khẩu, chẳng thọ tất cả vật bất tịnh, chẳng phạm bốn tội trọng, chẳng hủy báng Phương Đẳng Đại Thừa, chẳng làm hạng nhứt xiển đề, chẳng tạo tội ngũ nghịch. Do nghĩa nầy nên gọi là chẳng đến mà đến.

Bực Tu Đà Hoàn tám muôn kiếp thì đến, bực Tu Đà Hàm sáu muôn kiếp thì đến, bực A Na Hàm bốn muôn kiếp thì đến, bực A La Hán hai muôn kiếp thì đến, Bích Chi Phật mười ngàn kiếp thì đến. Do nghĩa nầy nên gọi là chẳng đến mà đến.

Đến gọi là hai mươi lăm cõi. Tất cả chúng sanh đều bị vô lượng phiền não che đậy, qua lại chẳng ngừng dường như bánh xe lăn, đây gọi là đến Thanh Văn Duyên Giác và Bồ Tát vì đã đặng lìa hẳn nên gọi là chẳng đến, lại ba bực nầy vì muốn hoá độ chúng sanh nên thị hiện ở trong đó, nên cũng gọi là đến.

Đến chính là hai mươi lăm cõi. Tất cả phàm phu, Tu Đà Hoàn nhẫn đến A Na Hàm, vì phiền não nên gọi là đến mà đến.

Nầy Thiện nam tử ! Nghe chỗ chẳng nghe cũng như vậy. Có chẳng nghe mà nghe, chẳng nghe mà chẳng nghe, nghe mà chẳng nghe, nghe mà nghe.

Chẳng nghe là Đại Niết Bàn vì chẳng phải hữu vi, vì chẳng phải âm thanh, vì chẳng thể nói. Thế nào là cũng nghe ?

Vì đặng nghe danh từ : Thường, lạc, ngã và tịnh. Do nghĩa nầy nên gọi là chẳng nghe mà nghe.

Cao Quý Đức Vương Bồ Tát bạch Phật : “ Thế Tôn ! Như Phật nói Đại Niết Bàn là chẳng thể nghe được, sao lại nói rằng thường, lạc, ngã, tịnh mà có thể nghe được. Vì người đoạn phiền não gọi là đặng Niết Bàn, nếu chưa đoạn gọi là chẳng được. Do nghĩa nầy tánh Niết Bàn trước không mà nay có. Nếu pháp thế gian trước không mà nay có thời gọi là vô thường. Ví như bình bồn

v.v…Trước không mà nay có, đã có hoàn không, nên gọi là vô thường. Niết Bàn nếu như vậy, sao lại nói rằng thường, lạc, ngã , tịnh.

Bạch Thế Tôn ! Phàm do trang nghiêm mà được thành đều gọi là vô thường. Niết Bàn nếu như vậy lẽ ra là vô thường. Những gì trang nghiêm Niết Bàn ? Chính là ba mươi bảy phẩm trợ đạo, sáu pháp Ba La Mật, bốn tâm vô lượng, quán tướng xương trắng, a na ba na, lục niệm xứ, phá tích sáu đại, do những pháp đó mà thành tựu Niết Bàn nên là vô thường.

Bạch Thế Tôn ! Phàm là cóù, thời gọi là vô thường. Nếu Niết Bàn là có thời lẽ ra là vô thường. Như ngày trước trong kinh A Hàm Phật nói : Thanh Văn Duyên Giác, chư Phật đều có Niết Bàn, do nghĩa nầy nên gọi là vô thường.

Bạch Thế Tôn ! Pháp có thể thấy thời gọi là vô thường. Như ngày trước Đức Phật nói : Người thấy Niết Bàn thời dứt trừ được tất cả phiền não. Ví như hư không chẳng có chướng ngại nên gọi là thường. Giả sử Niết Bàn là thường v.v… , cớ sao chúng sanh lại có người được, người chẳng được. Như vậy Niết Bàn đối với chúng sanh chẳng bình đẳng lẻ ra chẳng gọi là thường.

Ví như trăm người chung có một kẻ oán thù, nếu hại được kẻ nầy thời nhiều người được an lạc. Giả sử Niết Bàn là pháp bình đẳng, lúc một người được, lẽ ra nhiều người cũng được, một người dứt kiết sử lẽ ra nhiều người cũng dứt, nếu chẳng như vậy sao lại gọi là thường.

Như có người cung kính cúng dường tôn trọng tán thán quốc vương, vương tử, phụ mẫu, sư trưởng thời được lợi dưỡng, đây chẳng gọi là thường. Niết Bàn cũng vậy, như ngày trước trong kinh A Hàm đức Phật nói với A Nan : Nếu có người cung kính Niết Bàn thời dứt được kiết sử hưởng thọ vô lượng an lạc do đây nên chẳng gọi là thường.

Bạch Thế Tôn ! Nếu trong Niết Bàn có danh từ thường, lạc, ngã, tịnh thời chẳng gọi là thường, như không có, sao lại có thể nói ?

Đức Phật bảo Cao Quý Đức Vương Bồ Tát : “ Thể Niết Bàn chẳng phải trước không nay có. Nếu thể Niết Bàn trước không nay có thời chẳng phải vô lậu. Pháp thường trụ, nay có Phật hay không Phật, tánh tướng vẫn thường trụ. Bởi chúng sanh bị phiền não che đậy nên chẳng thấy Niết Bàn, bèn gọi là không. Đại Bồ Tát dùng giới định huệ siêng tu tâm mình, dứt xong phiền não bèn đặng thấy Niết Bàn. Phải biết Niết Bàn là pháp thường trụ chẳng phải trước không nay có nên gọi là thường.

Như dưới giếng trong nhà tối có các thứ châu báu, người cũng biết là có nhưng vì tối nên không thấy. Người có trí thắp đèn sáng lớn cầm soi đó thời thấy châu báu rõ ràng. Người trí nầy trọn chẳng nghĩ rằng : Nước giếng cùng châu báu, trước không mà nay có.

Cũng vậy, Niết Bàn trước vốn tự có, chẳng phải nay mới có, vì phiền não tối tăm nên chúng sanh chẳng thấy. Đức Như Lai đại trí thắp đèn trí huệ, làm cho Bồ Tát đặng thấy Niết Bàn, thường, lạc, ngã , tịnh. Do đây nên người trí chẳng nên nói rằng Niết Bàn trước không mà nay có.

Nầy Thiện nam tử ! Như ông nói do trang nghiêm nên đặng thành Niết Bàn lẽ ra là vô thường , nghĩa nầy cũng không phải. Vì thể của Niết Bàn chẳng phải sanh, chẳng phải xuất, chẳng phải thiệt, chẳng phải hư, chẳng phải tạo tác mà có, chẳng phải là pháp hữu lậu hữu vi, chẳng phải nghe, chẳng phải thấy, chẳng phải đọa, chẳng phải chết, chẳng phải tướng biệt dị, cũng chẳng phải tướng đồng, chẳng phải qua, chẳng phải lại, chẳng phải quá khứ, vị lai , hiện tại, chẳng phải một và nhiều, chẳng phải dài và vắn, chẳng phải tròn và vuông, chẳng phải nhọn và méo, chẳng phải có tướng và không tướng, chẳng phải danh và sắc, chẳng phải nhơn và quả, chẳng phải ngã và ngã sở. Do những nghĩa nầy nên Niết Bàn là thường không biến đổi. Phải tu tập pháp lành trong vô lượng kiếp để tự trang nghiêm rồi mới được thấy.

Ví như dưới đất có mạch nước trong mát chúng sanh chẳng thấy được, người trí ra công đào đất, thời đặng nước. Niết Bàn cũng như vậy.

Ví như người mù chẳng thấy mặt trời mặt trăng lương y điều trị thời đặng thấy. Mặt trời mặt trăng chẳng phải là trước không mà nay có. Niết Bàn cũng như vậy từ trước đã tự có, chẳng phải mới có ngày nay.

Như người có tội bị trói nhốt trong khám, lâu ngày mãn tù mới được thả ra, trở về nhà đặng thấy cha mẹ anh em vợ con quyến thuộc. Niết Bàn cũng như vậy.

Nầy Thiện nam tử ! Ông nói vì nhơn duyên nên pháp Niết Bàn lẽ ra vô thường, nghĩa nầy chẳng đúng.

Nầy Thiện nam tử ! Xét về nhơn có năm thứ : Một là sanh nhơn, hai là hòa hiệp nhơn, ba là trụ nhơn, bốn là tăng trưởng nhơn, năm là viễn nhơn. Sanh nhơn chính là nghiệp phiền não, cũng như hột giống của cây cỏ.

Hòa hiệp nhơn, như pháp lành hòa hiệp với tâm lành, pháp chẳng lành hòa hiệp với tâm chẳng lành, pháp vô ký hòa hiệp cùng tâm vô ký.

Trụ nhơn, như dưới có cột thời nóc nhà chẳng sập, núi, sông, cây cối, nhơn mặt đất mà đặng đứng vững, cũng vậy, nhờ có tứ đại cùng vô lượng phiền não mà chúng sanh đặng an trụ. Tăng trưởng nhơn, do uống ăn y phục v.v… làm cho chúng sanh Tăng trưởng. Ví như lửa chẳng đốt, chim chẳng ăn thời hột giống của cây cỏ được Tăng trưởng. Như hàng Sa Môn, Bà La Môn nhờ thầy lành bạn tốt mà được Tăng trưởng. Như nhờ cha mẹ mà con được Tăng trưởng.

Viễn nhơn, như nhơn thần chú mà quỉ chẳng hại được, độc chẳng trúng được, như nhờ quốc vương không có trộm cướp, như nương đất nước mà mầm mọc lên, như nước khuấy, công người là Viễn nhơn của chất tô. Như ánh sáng màu sắc v.v…là Viễn nhơn của nhãn thức, tinh huyết của cha mẹ là Viễn nhơn của chúng sanh. Như thời tiết v.v… đều gọi là Viễn nhơn.

_ Nầy Thiện nam tử ! Thể Niết Bàn chẳng phải do nhơn như vậy làm thành, sao ông lại nói là vô thường ?

_ Lại có hai thứ nhơn : Một là tác nhơn, hai là liễu nhơn. Như khí cụ của thợ gốm thời gọi là tác nhơn, như đèn đuốc vân vân soi vật trong tối thời gọi là liễu nhơn.

_ Nầy Thiện nam tử ! Đại Niết Bàn chẳng do tác nhơn mà có, chỉ do liễu nhơn. Ba mươi bảy phẩm trợ đạo, sáu pháp Ba La Mật gọi là liễu nhơn. Bố thí là nhơn của Niết Bàn, chẳng phải là nhơn của Đại Niết Bàn. Đàn Ba La Mật mới được gọi là nhơn của Đại Niết Bàn. Ba mươi bảy phẩm trợ đạo là nhơn của Niết Bàn, chẳng phải nhơn của Đại Niết Bàn. Vô lượng vô số pháp trợ Bồ Đề mới được gọi là nhơn của Đại Niết Bàn.

Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương Bồ Tát bạch Phật : “ Thế Tôn ! Tại sao bố thí chẳng được gọi là Đàn Ba La Mật ? Bố thí thế nào mới được gọi là Đàn Ba La Mật, nhẫn đến Bát Nhã Ba La Mật ? Thế nào gọi là Niết Bàn và Đại Niết Bàn ?

Phật nói : “ Nầy Thiện nam tử ! Đại Bồ Tát tu hành Đại Thừa Phương Đẳng Đại Niết Bàn, chẳng nghe bố thí cũng chẳng thấy bố thí. Chẳng nghe Đàn Ba La Mật cũng như chẳng thấy nhẫn đến chẳng nghe Bát Nhã, chẳng thấy Bát Nhã, cũng chẳng nghe chẳng thấy Bát Nhã Ba La Mật. Chẳng nghe chẳng thấy Niết Bàn và Đại Niết Bàn.

Đại Bồ Tát tu Đại Niết Bàn, biết và thấy pháp giới, hiểu rõ thật tướng không có tất cả tướng : Không có tướng hòa hiệp giác tri. Đặng tướng vô lậu, tướng vô tác, tướng như huyễn hóa, tướng ánh nắng, tướng thành Càn Thát Bà, tướng trống không. Bồ Tát thấy được những tướng như vậy thời không tham, sân, si, chẳng nghe chẳng thấy. Đây gọi là Đại Bồ Tát an trụ thật tướng.

Đại Bồ Tát tự biết đây là bố thí, đây là Đàn Ba La Mật nhẫn đến đây là Bát Nhã, đây là Bát Nhã Ba La Mật, đây là Niết Bàn, đây là Đại Niết Bàn.

Nầy Thiện nam tử ! Thế nào là bố thí mà chẳng phải Ba La mật ? Thấy có người xin rồi sau mới cho, đây là bố thí chẳng phải Ba La Mật. Nếu không người xin tâm tự thí xả, thời gọi là Đàn Ba La Mật. Nếu bố thí có thời gian thời gọi là bố thí chẳng phải Ba La Mật. Nếu thường thật hành bố thí thời gọi là Đàn Ba La Mật, nếu bố thí rồi trở lại sanh lòng hối hận đây gọi là bố thí chẳng phải Ba La Mật. Thí rồi chẳng ăn năn thời gọi là Đàn Ba La Mật.

Đại Bồ Tát đối với của cải có bốn quan niệm lo sợ : Một là vua quan tịch thâu, hai là trộm cướp, ba là nước lụt, bốn là lửa cháy, do đó nên vui vẻ đem bố thí, đây gọi là Đàn Ba La Mật nếu mong được báo đền mà bố thí thời chẳng phải Ba La Mật. Bố thí chẳng mong báo đền thời gọi là Đàn Ba La Mật.

Nếu vì kinh sợ, vì tiếng tăm lợi lộc, vì gia pháp tương truyền, vì cầu vui cõi trời, vì kiêu mạn, vì hơn người, vì quen thân, vì cầu báo đền thời như là buôn bán đổi chác. Như người trồng cây để được bóng mát, được bông trái, hoặc để được cây gỗ. Nếu người tu hành mà bố thí như vậy thời gọi là bố thí chẳng phải Ba La Mật.

Đại Bồ Tát tu hành Phương Đẳng Đại Niết Bàn, chẳng thấy người bố thí cũng như chẳng thấy kẻ lãnh thọ và của cải, chẳng thấy thời tiết, chẳng thấy phước điền hay chẳng phải phước điền, chẳng thấy nhơn duyên, quả báo, chẳng thấy người làm kẻ thọ, chẳng thấy nhiều hay ít, tịnh hay bất tịnh, chẳng khinh người lãnh thọ cũng như chẳng khinh thân mình hay của cải, chẳng để ý người ngó thấy hay không ngó thấy, chẳng chấp mình cùng người chỉ vì pháp thường trụ Phương Đẳng Đại Niết Bàn mà thật hành bố thí chỉ vì lợi ích tất cả chúng sanh mà thật hành bố thí, vì dứt tất cả phiền não cho chúng sanh mà thật hành bố thí, chỉ vì chúng sanh nên chẳng thấy người thí kẻ thọ cùng của cải, mà thật hành bố thí.

Ví như người té xuống biển lớn, ôm lấy tử thi mà được thoát nạn., Đại Bồ Tát tu Đại Niết Bàn lúc thật hành bố thí cũng như ôm lấy tử thi để được vào bờ.

Ví như có người bị nhốt trong ngục kín, cửa nẻo đều đóng chặt, chỉ có lỗ cầu xí, bèn do nơi đó chui ra mà được thong thả, Đại Bồ Tát tu hành Đại Niết Bàn lúc thật hành bố thí cũng như vậy.

Ví như người sanh qúy phải nạn gấp kinh sợ không có chỗ dựa nương, bèn nương nhờ chiên đà la. Đại Bồ Tát tu Đại Niết Bàn thật hành bố thí cũng như vậy

Ví như người bịnh nặng, vì muốn được lành mạnh nên uống chất thuốc dơ. Đại Bồ Tát tu Đại Niết Bàn thật hành bố thí cũng như vậy.

Như Bà La Môn gặp lúc mất mùa đói khát vì mạng sống nên ăn thịt chó, Đại Bồ Tát tu Đại Niết Bàn thật hành bố thí cũng như vậy.

Nầy Thiện nam tử ! Trong Đại Niết Bàn những việc như vậy, từ vô lượng kiếp đến nay chẳng nghe mà được nghe giới luật cùng Thi La Ba La Mật nhẫn đến Bát Nhã cùng Bát Nhã Ba La Mật, như trong kinh Tạp Hoa đức Phật đã giảng rộng.

Nầy Thiện nam tử ! Thế nào là Bồ Tát tu Đại Niết Bàn chẳng nghe mà được nghe ? Mười hai bộ kinh nghĩa lý thâm thúy từ trước chẳng nghe, nay nhơn kinh nầy mà được nghe đầy đủ. Trước dầu được nghe nhưng chỉ nghe danh tự, nay ở kinh nầy mới đặng nghe nghĩa lý. Thanh Văn Duyên Giác chỉ nghe danh tự của mười hai bộ kinh mà chẳng nghe nghĩa lý, nay ở kinh nầy được nghe đầy đủ. Đây gọi là chẳng nghe mà được nghe.

Trong tất cả kinh của Thanh Văn Duyên Giác chẳng nghe đức Phật có thường, lạc, ngã, tịnh, chẳng rốt ráo nhập diệt, Tam Bảo và Phật tánh không có tướng sai khác, người phạm bốn trọng tội, hủy báng kinh điển Đại Thừa, tạo tội ngũ ngịch và nhứt xiển đề, tất cả đều có Phật tánh. Nay ở kinh nầy mà đặng nghe đó. Đây gọi là chẳng nghe mà được nghe.

Cao Quý Đức Vương Bồ Tát bạch Phật : “ Thế Tôn ! Nếu nhứt xiển đề v.v… mà có Phật tánh, tại sao bọn họ lại đọa địa ngục ?

Bạch Thế Tôn ! Giả sử bọn họ có Phật tánh, sao lại nói là không có thường, lạc, ngã, tịnh ?

Nếu dứt căn lành gọi là nhứt xiển đề, lúc dứt căn lành tại sao Phật tánh lại chẳng dứt ? Phật tánh nếu dứt sao lại nói rằng thường, lạc, ngã, tịnh ? Như Phật tánh chẳng dứt sao lại gọi là nhứt xiển đế ?

Bạch Thế Tôn ! Phạm bốn tội nặng gọi là bất định, hủy báng kinh Đại Thừa, tạo tội ngũ nghịch cùng nhứt xiển đề đều gọi là bất định. Những hạng nầy nếu quyết định làm sao đặng thành Vô Thượng Bồ Đề, Tu Đà Hoàn nhẫn đến Bích Chi Phật cũng gọi là bất định, vì nếu quyết định lẽ ra Tu Đà Hoàn nhẫn đến Bích Chi Phật đều chẳng được thành Vô Thượng Bồ Đề.

Bạch Thế Tôn ! Nếu phạm bốn tội nặng là chẳng quyết định, thời Tu Đà Hoàn nhẫn đến Bích Chi Phật cũng là chẳng quyết địnyh, chư Phật Như Lai cũng lại chẳng quyết định như thế thể tánh Niết Bàn cũng lại chẳng quyết định, tất cả pháp cũng chẳng quyết định. Tại sao chẳng quyết định gọi là nhứt xiển đề. Trừ nhứt xiển đề thời thành Phật đạo. Chư Phật Như Lai lẽ ra cũng như vậy, nhập Niết Bàn rồi đáng lẽ cũng lại trở ra chẳng nhập Niết Bàn. Nếu như vầy thời tánh Niết Bàn cũng là chẳng nhứt định. Vì chẳng nhứt định nên biết chẳng có thường, lạc, ngã, tịnh. Sao lại nói rằng : Nhứt xiển đề v.v… sẽ đặng Niết Bàn ?”

Đức Phật nói : “ Lành thay ! Lành thay ! Ông vì muốn lợi ích an lạc chúng sanh, vì lòng từ bi xót thương thế gian, vì muốn sách tấn các Bồ Tát phát Bồ Đề tâm, nên hỏi Phật những điều như vậy

Ông đã gần gũi vô lượng chư Phật quá khứ trồng những căn lành, từ lâu đã thành tựu công đức Bồ Đề hàng phục các loài ma, đã giáo hóa vô lượng vô biên chúng sanh đưa họ đến vô thượng chánh giác, từ lâu đã thông đạt tạng thâm mật của Như Lai, đã từng đem những nghĩa thâm mật như trên thưa hỏi hằng hà sa chư Phật thuở quá khứ. Tất cả thế gian hoặc người hoặc trời hoặc Sa Môn hoặc Bà La Môn hoặc Ma Vương, Phạm Vương, ta đều không thấy ai có thể hỏi được như vậy. Ông nên thành tâm lóng nghe.

Nầy Thiện nam tử ! Nhứt xiển đề cũng chẳng nhứt định. Vì nếu nhứt định thời nhứt xiển đề trọn không thể đặng thành vô thượng chánh giác. Vì chẳng nhứt định nên có thể đặng thành.

Như ông hỏi : Phật tánh chẳng dứt, sao nhứt xiển đề lại dứt căn lành ?

Nầy Thiện nam tử ! Căn lành có hai thứ : Trong và ngoài. Phật tánh chẳng phải trong chẳng phải ngoài, nên chẳng dứt.

Căn lành lại có hai thứ : Hữu lậu và vô lậu. Phật tánh chẳng phải hữu lậu vô lậu nên chẳng dứt.

Lại có hai thứ căn lành : Thường và vô thường. Phật tánh chẳng phải thường , chẳng phải vô thường nên chẳng dứt.

Nếu là những thứ bị dứt, thời trở lại đặng. Nếu chẳng trở lại đặng thời gọi là chẳng dứt. Nếu dứt rồi trở lại đặng thời gọi là nhứt xiển đề. Phạm bốn tội nặng, hủy báng đại thừa, tạo tội ngũ nghịch cũng chẳng nhứt định như vậy. Vì nếu nhứt định thời những hạng nầy trọn chẳng thể đặng vô thượng Bồ Đề.

Sắc cùng tướng của sắc, hương, vị, xúc, sanh đến vô minh, ấm, nhập , giới, hai mươi lăm cõi, bốn loài sanh, tất cả pháp cũng đều không có tướng nhứt định.

Ví như nhà ảo thuật ở trong đại chúng biến hóa làm quân lính, chuỗi ngọc đồ trang sức, xóm làng, thành ấp, rừng cây, suối, ao, sông, giếng. Trong đại chúng có bọn trẻ thơ vì không đủ trí, nên lúc xem coi cho đó là thiệt. Người trí biết đó là hư dối , do sức ảo thuật làm lầm mắt người.

Tất cả phàm phu nhẫn đến Thanh Văn Bích Chi Phật, đối với tất cả pháp thấy có tướng nhứt định. Chư Phật Bồ Tát đối với tất cả pháp chẳng thấy tướng nhứt định.

Ví như mùa hạ thấy ánh sáng dợn, trẻ thơ cho là nước. Người trí trọn chẳng nhận là nước thiệt, chỉ là ánh nắng gợn làm lầm mắt người.

Tất cả phàm phu Thanh Văn Duyên Giác thấy tất cả pháp đều cho là thật. Chư Phật Bồ Tát chẳng thấy có tướng nhứt định.

Ví như khe núi, do tiếng mà có vang. Trẻ thơ cho là thiệt tiếng. Người trí hiểu là không thật, chỉ có tướng tiếng phỉnh dối nơi nhĩ thức.

Tất cả phàm phu Thanh Văn Duyên Giác đối với tất cả pháp thấy có tướng nhứt định. Chư Phật Bồ Tát hiểu rõ đều không tướng nhứt định, thấy là tướng vô thường, tướng không tịch, tướng không sanh diệt. Do nghĩa nầy, Đại Bồ Tát thấy tất cả pháp là tướng vô thường.

Nầy Thiện nam tử ! Cũng có định tướng, chính là thường, lạc, ngã, tịnh nơi quả Đại Niết Bàn.

Nầy Thiện nam tử ! Quả Tu Đà Hoàn cũng chẳng quyết định, vì chẳng quyết định nên trãi qua tám muôn kiếp đặng vô thượng chánh giác. Quả Tu Đà Hàm cũng chẳng quyết định, vì trải qua sáu muôn kiếp đặng vô thượng chánh giác Quả A Na Hàm cũng chẳng quyết định, vì trải qua bốn muôn kiếp đặng vô thượng chánh giác. Quả A La Hán cũng chẳng quyết định, vì trải qua hai muôn kiếp đặng vô thượng chánh giác.

Bích Chi Phật cũng chẳng quyết định, vì trải qua mười ngàn kiếp đặng vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Nầy Thiện nam tử ! Hôm nay Như lai ở trong rừng Ta La Song Thọ nơi thành Câu Thi Na, thị hiện nằm dựa trên giường sư tử sắp nhập Niết Bàn, làm cho chúng đệ tử chưa chứng quả A La Hán cùng các lực sĩ rất lo rầu, cũng làm cho trời, người, A Tu la, Càn Thát Bà, Ca Lâu La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già v.v… trần thiết đồ cúng dường. Muốn khiến mọi người dùng ngàn bức vải lông vấn thân Như Lai, bảy báu làm quan tài, đựng đầy dầu thơm, chất những gỗ thơm để thiêu đó. Chỉ trừ hai thứ chẳng thể cháy được : Một là y lót mình, hai là lớp vải vấn phía ngoài hết. Vì chúng sanh nên phân chia xá lợi làm tám phần.

Tất cả hàng Thanh Văn đệ tử đều cho rằng Đức Như Lai nhập Niết Bàn. Phải biết Đức Như Lai cũng chẳng quyết định rốt ráo nhập Niết Bàn, vì đức Như Lai thường trụ chẳng biến đổi. Do nghĩa nầy nên Đức Như Lai nhập Niết Bàn cũng chẳng nhứt định.

Nầy Thiện nam tử ! Nên biết Như Lai cũng chẳng quyết định. Như Lai chẳng phải Thiên. Có bốn hạng thiên : Một là thế gian thiên, hai là sanh thiên, ba là tịnh thiên, bốn là nghĩa thiên.

Thế gian thiên, lệ như các vị Quốc vương. Từ Tứ Thiên Vương nhẫn đến trời Phi Tưởng Phi Phi Tưởng gọi là Sanh Thiên. Từ Tu Đà Hoàn đến Bích Chi Phật gọi là Tịnh Thiên. Thập trụ Bồ Tát v.v… gọi là Nghĩa Thiên, vì có thể hiểu rõ nghĩa của các pháp, chính là thấy nghĩa không của tất cả pháp.

Nầy Thiện nam tử ! Như Lai chẳng phải Quốc Vương, chẳng phải Tứ Thiên Vương, nhẫn đến trời Phi Phi Tưởng, cũng chẳng phải Tu Đà Hoàn, Bích Chi Phật, Thập Trụ Bồ Tát. Do đây nên Như Lai chẳng phải Thiên. Mặc dù như vậy, nhưng chúng sanh cũng gọi Phật là Thiên Trung Thiên. Vì thế nên Như Lai chẳng phải là Thiên cũng chẳng phải là chẳng phải Thiên, chẳng phải là người cũng chẳng phải là chẳng phải người, chẳng phải là quỷ, cũng chẳng phải là chẳng phải quỷ, chẳng phải là địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ,

chẳng phải là chúng sanh cũng chẳng phải là chẳng phải chúng sanh, chẳng phải là pháp cũng chẳng phải là chẳng phải pháp, chẳng phải là sắc cũng chẳng phải là chẳng phải sắc, chẳng phải là dài, vắn cũng chẳng phải là chẳng phải dài, vắn. Chẳng phải là tướng cũng chẳng phải là chẳng phải tướng, chẳng phải là tâm cũng chẳng phải là chẳng phải tâm, chẳng phải là hữu lậu, chẳng phải là vô lậu, chẳng phải là hữu vi, chẳng phải là vô vi, chẳng phải là thường, chẳng phải là vô thường, chẳng phải là huyễn hóa cũng chẳng phải là chẳng phải huyễn hóa, chẳng phải là danh cũng chẳng phải là chẳng phải danh, chẳng phải là định cũng chẳng phải là chẳng phải định, chẳng phải có không cũng chẳng phải là chẳng phải có không, chẳng phải ngôn thuyết cũng chẳng phải là chẳng phải ngôn thuyết, chẳng phải Như Lai cũng chẳng phải là chẳng phải Như Lai. Do nghĩa nầy nên Như Lai chẳng quyết định.

Nầy Thiện nam tử ! Cớ sao Như Lai chẳng gọi là thế gian Thiên ? Thế gian Thiên chính là của vị Quốc Vương. Đức Như Lai từ vô lượng kiếp đã bỏ ngôi Quốc Vương, cho nên Như Lai chẳng phải là Quốc Vương. Như Lai giáng sanh nơi nhà vua Tịnh Phạn tại thành Ca Tỳ La Vệ, nên Như Lai chẳng phải là chẳng phải Quốc Vương.

Như Lai từ lâu đã lìa khỏi các cõi, nên chẳng phải là sanh thiên. Như Lai lên trời Đâu Suất xuống Diêm Phù Đề, nên chẳng phải là chẳng phải sanh Thiên.

Như Lai chẳng phải Tu Đà Hoàn nhẫn đến Bích Chi Phật, nên Như Lai chẳng phải là Tịnh Thiên.

Tám pháp trong đời chẳng ô nhiễm được, dường như Liên Hoa chẳng dính bụi, nước, nên Như Lai chẳng phải là chẳng phải Tịnh Thiên.

Như Lai chẳng phải là Thập Trụ Bồ Tát, nên Như Lai chẳng phải là Nghĩa Thiên. Như Lai thường tu mười tám nghĩa không, nên Như Lai chẳng phải là chẳng phải Nghĩa Thiên.

Như Lai chẳng phải là người vì Như Lai từ vô lượng kiếp đã lìa quả báo người. Như Lai giáng sinh thành Ca Tỳ La nên chẳng phải là chẳng phải người.

Như Lai chẳng phải là quỷ vì chẳng hại tất cả chúng sanh. Như Lai cũng dùng thân quỷ để hóa độ chúng sanh nên chẳng phải là chẳng phải quỷ.

Như Lai chẳng phải là địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ vì từ lâu đã lìa ác nghiệp, cũng hiện thọ thân trong ác đạo để giáo hóa chúng sanh, nên Như Lai cũng chẳng phải là chẳng phải địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ,

Như Lai chẳng phải là chúng sanh vì từ lâu đã lìa tánh chúng sanh.

Có lúc Như Lai diễn thuyết chúng sanh, nên cũng chẳng phải là chẳng phải chúng sanh.

Các pháp mỗi mỗi đều có tướng sai khác. Như Lai chỉ có một tướng, nên chẳng phải là pháp. Như Lai là pháp giới nên cũng chẳng phải là chẳng phải pháp.

Như Lai chẳng nhiếp trong mười sắc pháp, nên chẳng phải là sắc.

Thân Như Lai có ba mươi hai tướng tốt tám mươi vẻ đẹp, nên chẳng phải là chẳng phải sắc.

Vì dứt tất cả sắc nên Như Lai chẳng phải là cao. Tất cả thế gian không ai thấy được đỉnh đầu của Như Lai, nên chẳng phải là chẳng phải cao.

Từ lâu, đã xa lìa kiêu mạn, nên Như Lai chẳng phải là thấp. Vì độ Trưởng Giả, Cù Sư La, Như Lai hiện thân ba thước, nên chẳng phải là chẳng phải thấp.

Từ lâu đã xa lìa các hình tướng, nên Như Lai chẳng phải là tướng. Như Lai biết rành tất cả tướng, nên chẳng phải là chẳng phải tướng.

Như Lai rỗng rang như hư không, nên chẳng phải là tâm. Vì Như Lai có mười tâm trí lực, cũng có thể rõ biết tâm của chúng sanh, nên cũng chẳng phải là chẳng phải tâm.

Vì Như Lai là thường, lạc, ngã , tịnh, nên chẳng phải là hữu vi. Như Lai thị hiện có đến, đi, ngồi, nằm cùng thị hiện Niết Bàn nên chẳng phải là vô vi.

Vì có thân phần đoạn nên Như Lai chẳng phải là thường.ï Lại vì có biết, vì có nói năng, vì có họ tên, vì có cha mẹ, vì có bốn oai nghi, vì có nơi chỗ, do đây nên Như Lai chẳng phải là thường. Phàm pháp có sanh gọi là vô thường. Như Lai là vô sanh nên chẳng phải là chẳng phải thường. Phàm pháp thường trụ thời khắp tất cả chỗ như hư không, không chỗ nào không có, Như Lai khắp tất cả chỗ cũng như vậy nên là thường. Những pháp vô thường thời chỗ

nầy có, chỗ kia không, Như Lai chẳng như vậy nên là thường. Pháp vô thường thời có lúc có lúc không, Như Lai chẳng như vậy nên là thường. Pháp thường trụ không danh, sắc, không nhơn, không quả, Như Lai cũng như vậy nên là thường. Pháp thường trụ chẳng nhiếp trong thời gian ba đời, Như Lai cũng như vậy nên là thường.

Vì dứt tất cả tâm luống dối, nên Như Lai chẳng phải là huyễn hóa. Như Lai có lúc chia một thân làm vô lượng thân, vô lượng thân hiệp làm một thân, đi thẳng qua núi qua vách không bị chướng ngại, đi trên nước như đất, vào trong đất như nước, đi trên hư không như đất bằng, thân tuôn ra khói lửa, hực hở như đống lửa, hiện tiếng mây sấm chấn động, hoặc hiện làm thành ấp xóm làng nhà cửa núi sông cây cối, hoặc hiện thân to lớn, hoặc thân nhỏ, thân nam, thân nữ, thân đồng nam, thân đồng nữ, vì thế nên Như Lai cũng chẳng phải là chẳng phải huyễn hóa.

Trong rừng Ta La nơi thành Câu Thi Na, Như Lai thị hiện nhập Niết Bàn vì thế nên Như Lai chẳng phải quyết định. Do vì thường, lạc, ngã tịnh nên Như Lai cũng chẳng phải là chẳng quyết định.

Vì đã dứt ba thứ lậu : Một là dục lậu tức là tất cả phiền não ở dục giới trừ vô minh ; hai là hữu lậu tức là tất cả phiền não sắc giới và vô sắc giới trừ vô minh ; ba là vô minh lậu tức là vô minh trong tam giới.

Vì thế nên Như Lai chẳng phải hữu lậu.

Tất cả phàm phu đối với đời vị lai đều có tâm nghi : Trong đời vị lai sẽ có thân hay chẳng có thân ? Trong đời qua khứ thân vốn có hay là vốn không ? Trong đời hiện tại thân nầy có hay thân nầy không ? Nếu có ngã, thời ngã ấy là sắc hay là chẳng phải sắc ? Là tưởng hay chẳng phải tưởng ? Thân nầy thuộc về cái khác hay chẳng thuộc ? Là có mạng có thân hay có thân không mạng ? Thân cùng mạng là thường hay vô thường ? Thân cùng mạng do Tự Tại Thiên tạo ư ? Thời tiết tạo ư ? Vô nhơn tạo ư ? Thế tánh tạo ư ? Vi trần tạo ư ? Pháp cùng phi pháp tạo ư ? Sĩ phu tạo ư ? Phiền não tạo ư ? Cha mẹ tạo ư ? Ngã ở nơi tâm hay ở nơi nhãn ? Ngã thấp đầy trong thân ư ? Ngã từ đâu đến, đi đến chỗ nào ? Ai sanh ai chết ? Ngã thuở quá khứ là chủng tánh nào ? Đời vị lai sẽ thuộc chủng tánh nào ? Thuở quá khứ, thân nầy của ta là nam hay nữ ? Nếu ta sát sanh sẽ phải tội hay không tội ? Nhẫn đến uống rượu sẽ có tội hay không tội ? Ta tự gây tạo hay vì người mà gây tạo ? Ngã thọ báo hay thân thọ báo ?

Vô lượng điều nghi chấp như vậy che đậy chúng sanh làm cho tâm phiền muộn. Do những điều nghi chấp nầy sanh ra sáu thứ quan niệm : Một là quyết định có ngã, hai là quyết định không ngã; ba là ngã thấy là ngã; bốn là ngã thấy là không ngã; năm không ngã thấy là ngã; sáu là ngã làm ngã thọ ngã biết. Những quan niệm trên đây gọi là tà kiến.

Như Lai đã dứt hẳn vô lượng cội gốc tà kiến, hữu lậu như vậy, nên Như Lai chẳng phải hữu lậu. Đại Bồ Tát tu thánh hạnh Đại Niết Bàn cũng dứt hẳn được những lậu như vậy. Chư Phật thường tu thánh hạnh nên là vô lậu.

Nầy Thiện nam tử ! Phàm phu chẳng thể khéo nhiếp năm căn thời có ba thứ lậu, bị nghiệp ác kéo dắt đến nơi chỗ chẳng lành. Ví như ngựa dữ tánh hung hăng, có thể làm cho người cỡi đến chỗ hiểm nạn. Người không khéo nhiếp năm căn cũng như vậy, có thể làm cho người đó xa lìa pháp lành đến những chỗ ác.

Ví như voi dữ chưa điều thuận, người cỡi nó chẳng thể tùy ý, nó đưa người xalìa thành ấp đến nơi rừng sâu. Chẳng khéo điều nhiếp năm căn nó sẽ dắt người xa lìa thành ấp Niết Bàn đến nơi rừng rậm sanh tử. Ví như tôi nịnh bảo vua làm ác, như đứa con hư chẳng tuân lời dạy của cha mẹ sư trưởng, chẳng khéo nhiếp ngũ căn nó sẽ khiến người làm ác chẳng thuận pháp lành.

Phàm phu chẳng nhiếp ngũ căn thường bị địa ngục súc sanh ngạ quỉ tàn hại, như giặc cướp hại người lành.

Phàm phu chẳng nhiếp ngũ căn chạy theo ngũ trần, như người chăn trâu chẳng khéo giữ gìn để trâu làm hại lúa mạ.

Phàm phu chẳng nhiếp ngũ căn nên thường ở trong ba cõi chịu nhiều sự khổ não. Đại Bồ Tát lúc tu Thánh hạnh Đại Niết Bàn, thường có thể khéo nhiếp ngũ căn, dứt trừ tham dục, sân khuể, ngu si, kiêu mạn , tật đố, để được thành tựu tất cả pháp lành.

Nếu người có thể khéo giữ gìn ngũ căn thời nhiếp được tâm, nếu nhiếp được tâm thời nhiếp ngũ căn. Ví như có người ủng hộ Quốc Vương thời là ủng hộ Quốc Gia, ủng hộ Quốc Gia thời là ủng hộ Quốc Vương.

Đại Bồ Tát nếu đặng nghe kinh Đại Niết Bàn nầy thời được trí huệ vì được trí huệ thời được chuyên niệm. Nếu ngũ căn tán loạn thời chánh niệm có thể nhiếp dừng lại, vì là niệm huệ vậy. Như người chăn giỏi, giả sử trâu sút dây đi ăn lúa mạ của người thời liền bắt lại. Nhờ niệm huệ nên Đại Bồ Tát thâu

nhiếp ngũ căn chẳng cho tán loạn. Nhờ có niệm huệ nên Đại Bồ Tát chẳng thấy ngã tướng, chẳng thấy tướng ngã sở, chẳng thấy chúng sanh cùng chỗ thọ dụng. Thấy tất cả pháp đồng là pháp tánh, sanh ra tướng đất đá ngói sạn. Như nhà cửa do nhiều duyên hiệp lại thành không có tánh nhứt định. Thấy chúng sanh do tứ đại ngũ ấm hiệp thành không tánh quyết định. Vì không tánh quyết định nên Bồ Tát ở trong đó chẳng sanh tham đắm. Tất cả phàm phu vì thấy có chúng sanh nên khởi phiền não. Đại Bồ Tát tu Đại Niết Bàn vì có niệm huệ nên đối với chúng sanh chẳng sanh tham trước.

Đại Bồ Tát tu kinh Đại Niết Bàn chẳng chấp trước tướng chúng sanh mà hiện làm ra những pháp tướng. Như thợ vẽ dùng các thứ màu vẽ thành những hình tượng : Hoặc nam, hoặc nữ, hoặc trâu, hoặc ngựa. Phàm phu không trí huệ thấy đó thời cho rằng có tướng nam nữ v.v… thợ vẽ rõ biết không có nam nữ. Cũng vậy vì có niệm huệ nên Đại Bồ Tát đối với tướng sai khác của các pháp thấy là một tướng, trọn chẳng thấy tướng chúng sanh.

Đại Bồ Tát tu kinh Đại Niết Bàn vì khéo quán sát pháp tướng nên lúc thấy nam nữ đoan chánh trọn chẳng sanh lòng tham trước.

Đại Bồ Tát biết ngũ dục không có thiệt vui, chẳng tạm dừng, như chó ngậm xương khô, như người cầm lửa đi ngược gió, như rắn độc đựng trong trấp, như trong chiêm bao lượm được trái cây trên đường, như khối thịt bầy chim đuổi theo, như bóng nước, như dấu vẽ trong nước, như dệt hết đường canh chỉ, như người tù dắt ra chợ, như vật mượn tạm. Bồ Tát quan sát ngũ dục nhiều lỗi ác như vậy.

Đại Bồ Tát quán sát chúng sanh vì sắc hương vị xúc, nên từ vô lượng kiếp đến nay, chịu nhiều khổ não. Trong một kiếp, mỗi chúng sanh, xương nơi thân chất như thành Vương xá, như núi Tỳ Phú La. Uống sửa mẹ nhiều như nước trong bốn biển. Máu trong thân chảy ra nhiều hơn nước bốn biển. Nước mắt khíoc người chết của cha mẹ, anh em, vợ con, quyến thuộc, nhiều hơn nước bốn biển. Dùng tất cả cỏ cây trên mặt đất làm thẻ dài bốn tấc để đếm cha mẹ cũng không thể hết. Từ vô lượng kiếp, hoặc ở địa ngục súc sanh ngạ quỷ chẳng thể tính đếm. Vò quả đất nầy bằng trái táo còn có thể dễ hết, nhưng sanh tử rất khó hết.

Đại Bồ Tát quán sát tất cả chúng sanh vì ngũ dục mà chịu vô lượng sự khổ như vậy, do đây Bồ Tát chẳng mất niệm huệ.

Ví như trong đời có nhóm người đông đầy chật hai mươi lăm dặm. Vua truyền một quan chức cầm một chén dầu đầy đi qua giữa đám đông ấy

không được làm đổ, nếu đổ rơi một giọt sẽ bị tội chết. Vua lại sai một người cầm gươm theo sau nếu thấy dầu đổ thời chém. Vì sợ chết nên quan chức ấy hết lòng gìn giữ chén dầu, đi qua khỏi đám đông chẳng làm đổ một giọt.

Cũng vậy, Đại Bồ Tát ở trong sanh tử chẳng mất niệm huệ, nên dầu thấy ngũ dục mà tâm không tham trước. Lúc bấy giờ ngũ căn của Bồ Tát thanh tịnh, vì ngũ căn thanh tịnh nên giữ gìn giới căn đầy đủ.

Tất cả phàm phu ngũ căn chẳng thanh tịnh chẳng khéo giữ gìn nên gọi là căn lậu. Bồ Tát đã dứt hẳn nên là vô lậu. Như Lai đã dứt hẳn cội gốc nên chẳng phải là lậu.

Nầy Thiện nam tử ! Lại có ly lậu. Đại Bồ Tát vì muốn được quả Phật vô thượng cam lồ nên lìa các ác lậu. Nếu có thể tu hành kinh Đại Niết Bàn, biên chép, thọ trì, đọc tụng, giải thuyết, tư duy ý nghĩa, đây gọi là xa lìa.

Nầy Thiện nam tử ! Ta chẳng thấy trong mười hai bộ kinh có kinh nào lìa được các ác lậu như kinh Đại Thừa Đại Niết Bàn nầy.

Ví như ông thầy giỏi dạy các đồ đệ, trong hàng đồ đệ người thuận theo lời thầy dạy thời chẳng gây tạo việc ác.

Cũng vậy Đại Bồ Tát tu hành kinh Đại Niết Bàn thời tâm chẳng gây tạo nghiệp ác.

Ví như trong đời có người giỏi chú thuật, nếu ai một lần nghe được chú nầy trong bảy năm chẳng bị trúng độc, rắn độc chẳng cắn được, nếu có người tụng thuộc chú nầy thời trọn đời không có những sự họa hại. Cũng vậy, nếu có chúng sanh một lần nghe kinh Đại Niết Bàn nầy thời trọn bảy kiếp chẳng bị đọa ác đạo. Nếu có người biên chép, đọc tụng, giải thuyết, tư duy ý nghĩa, thời quyết định thấy Phật tánh đặng vô thượng Bồ Đề.

Kinh Đại Niết Bàn nầy có vô lượng công đức như vậy. Nếu người nào biên chép, đọc tụng, giải thuyết, tư duy ý nghĩa của kinh nầy, thời thiệt là đệ tử Phật, khéo lãnh thọ giáo pháp của Phật, là người mà Phật thường thấy thường nhớ, là người biết rõ Phật chẳng nhập Niết Bàn. Người nầy ở tại chỗ nào thời Phật cũng ở trong đó, thường nhận sự cúng dường của người nầy, hoặc hiện làm Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di, Bà La Môn, Phạm Chí, người nghèo khổ ăn xin. Người nầy hoặc ở trong chiêm bao thấy tượng Phật, hoặc thấy Trời, thấy Sa Môn, Thánh Vương, Quốc Vương, Sư Tử Vương, hoa sen, hoa Ưu Đàm, hoặc thấy núi cao, biển lớn, mặt trời, mặt

trăng, hoặc thấy Bạch Tượng, bạch Mã, hoặc thấy cha mẹ, đặng bông, đặng trái, vàng bạc, lưu ly, pha lê những châu báu, thấy sữa, lạc, tô, đề hồ v.v…, nên biết chính là Như Lai nhận sự cúng dường. Người nầy sau khi tỉnh giấc vui mừng liền đặng những đồ vật cần dùng, tâm chẳng nghĩ điều ác, thích thật hành điều lành.

Nầy Thiện nam tử ! Kinh Đại Niết Bàn có vô lượng vô số công đức chẳng thể nghĩ bàn như vậy, nay ông phải tin lấy lời của Phật.

Nếu người nào muốn thấy Phật, muốn cung kính Phật, muốn đồng pháp tánh mà thấy Phật, muốn đặng không định, muốn thấy thiệt tướng, muốn tu tập Thủ Lăng Nghiêm định, Sư Tử Vương định, muốn phá tám ma : Phiền não, ngũ ấm, tử ma, thiên ma, vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh, muốn đặng hưởng vui trong loài người hay trên trời, thời phải qua gần gũi học hỏi cúng dường cung kính tôn trọng tán thán người thọ trì đọc tụng biên chép giải thuyết tư duy ý nghĩa kinh Đại Niết Bàn, rửa tay chưn cho người đó, trải giừơng chiếu cung cấp đầy đủ tất cả đồ cần dùng. Nếu người đó từ xa đến, phải ra rước ngoài mười do diên. Vì tôn trọng kinh Đại Niết Bàn nên đem tất cả vật nhu dụng dưng cúng cho người đó. Nếu không có, phải tự bán thân mình để mua sắm. Vì kinh nầy khó được gặp hơn hoa Ưu Đàm.

Nầy Thiện nam tử ! Ta nhớ thuở quá khứ vô lượng vô biên na do tha kiếp, thuở đó có cõi nước hiệu là Ta Bà, Phật hiệu là Thích Ca Mâu Ni đầy đủ mười hiệu, vì hàng đại chúng tuyên nói kinh Đại Niết Bàn. Thuở đó ta được nghe kinh nầy nơi các người bạn. Lòng ta vui mừng muốn sắm đồ cúng dường, nhưng vì quá nghèo thiếu nên không có một vật chi đáng giá. Ta tự đem thân đi bán, nhưng vì bạc phước nên chẳng ai chịu mua. Buồn tủi trở về nhà, giữa đường ta gặp một người, bèn đem tâm sự bày tỏ. Người ấy bảo ta : Nếu ông bằng lòng làm theo nhu cầu của người thời người sẽ mua với giá năm đồng tiền vàng. Người ấy có bịnh lạ y sĩ chế thuốc mỗi ngày cần có ba lượng thịt người. Ta vui mừng nhận lời yêu cầu. Người đó trả tiền trước, sau bảy ngày ta sẽ đến nhà người để theo đúng nhu cầu của người. Người ấy bằng lòng nhưng chỉ cho một ngày vì bịnh người phải gấp dùng thuốc.

Sau khi lãnh tiền ta liền đến chỗ Phật đảnh lễ chơn Phật, rồi đem tất cả năm đồng tiền vàng dưng lên Phật. Cúng dường xong, ta chí thành lóng nghe Phật giảng kinh Đại Niết Bàn. Lúc đó tâm trí ta quá tối, dầu đặng nghe kinh nhưng chỉ thọ trì được một bài kệ :

Như Lai chứng Niết Bàn . Dứt hẳn nơi sanh tử. Nếu người hết lòng nghe thường được vui vô lượng.

Sau khi thọ trì bài kệ trên đây rồi, ta liền đến nhà người bịnh. Nhờ ta niệm tưởng bài kệ, nên dầu mỗi ngày cắt lấy ba lượng thịt nơi thân, nhưng ta chẳng lấy làm đau khổ lắm. Trọn một tháng, mỗi ngày ta cắt lấy thịt cho người làm thuốc, do đó bịnh người được lành mà thân của ta cũng được bình phục, ta liền phát tâm vô thượntg Bồ Đề, nguyện đời vị lai đặng thành Phật hiệu Thích Ca Mâu Ni.

Nầy Thiện nam tử ! Do công đức của một bài kệ ấy làm cho ta ngày nay được thành Phật, ở trong đại chúng tuyên nói kinh Đại Niết Bàn nầy.

Nầy Thiện nam tử ! Kinh Đại Niết Bàn thành tựu vô lượng vô biên công đức chẳng thể nghĩ bàn như vậy, đây là tạng bí mật rất sâu của chư Phật. Do nghĩa nầy nên người thọ trì dứt lìa được những ác lậu. Chính là voi ác, ngựa ác, trâu ác, chó ác, rắn độc, chỗ đất nhiều gai, gộp cao, bờ biển, nước xoáy chảy xiết, người ác, nước ác, thành ác, nhà ác, bạn ác v.v… Những nơi đó nếu là nhơn ác lậu thời Bồ Tát liền xa lìa, nếu chẳng phải nhơn ác lậu thời Bồ Tát chẳng xa lìa. Nếu thêm hữu lậu thời xa lìa, nếu chẳng thêm thời chẳng xa lìa. Nếu là pháp ác thời bèn xa lìa, nếu có thể làm lành thời chẳng xa lìa. Xa lìa như thế nào ? Chẳng cầm dao gậy, thường dùng trí huệ phương tiện mà xa lìa đó, đây gọi là chánh huệ viễn ly, vì muốn thêm lớn pháp lành thời phải xa lìa pháp ác.

ĐạiBồ Tát quán sát thân tướng của mình, xem như ghẻ, như nhọt như oán thù, như tên độc, là chỗ khổ, là cội gốc của tất cả thiện ác. Thân nầy dầu bất tịnh như vậy, Bồ Tát vẫn săn sóc nuôi dưỡng, chẳng phải vì tham thân, chính là vì pháp lành ; chẳng phải vì sanh tử, chính là vì Niết Bàn ; vì thường, lạc, ngã, tịnh ; vì đạo Bồ Đề ; vì nhứt thừa ; vì ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, vì pháp vương. Đại Bồ Tát thường phải giữ gìn thân thể cho được an tòan để biên chép, thọ trì, đọc tụng, giải thuyết, tư duy ý nghĩa kinh Đại Niết Bàn nầy. Vì thế nên Bồ Tát phải khéo giữ gìn thân thể. Do nghĩa nầy nên Bồ Tát đặng xa lìa tất cả ác lậu.

Như người muốn qua sông phải khéo giữ gìn thuyền bè. Người đi đường xa khéo giữ gìn ngựa hay. Như nhà trồng tỉa khéo giữ gìn phân tro. Như vì chữa độc nên khéo giữ gìn rắn độc. Như người vì của cải nên nuôi dưỡng Chiên Đà La. Như vì muốn phá giặc nên nuôi dưỡng dũng sĩ. Như người lạnh giữ gìn ngọn lửa. Như người bịnh hủi tìm cầu thuốc độc. Cũng vậy, Đại

Bồ Tát dầu thấy thân nầy đầy vô lượng nhớp nhơ, nhưng vì muốn thọ trì kinh Đại Niết Bàn nên vẫn giữ gìn nuôi dưỡng.

Đại Bồ Tát xem voi ác cùng bạn ác đồng nhau không khác, vì đều làm hại thân. Đối với voi ác, Bồ Tát chẳng sợ bằng sợ bạn ác.Vì voi ác chỉ hại thân mà chẳng hại được tâm. Bạn ác thời hại cả hai thứ thân và tâm. Voi ác chỉ làm hại một thân. Bạn ác có thể làm hại vô lượng thân lành vô lượng tâm lành. Voi ác chỉ có thể phá hoại thân hôi nhơ. Bạn ác có thể phá hoại tịnh thân cùng tịnh tâm. Voi ác chỉ có thể làm hại nhục thân. Bạn ác làm hại đến pháp thân. Bị voi ác giết chẳng sa đến ba đường ác. Bị bạn ác giết tất sa đến ba đường ác. Voi ác chỉ là kẻ oán thù của thân. Bạn ác là kẻ oán thù của pháp lành. Do đây nên Bồ Tát thường phải xa lìa bạn ác.

Những ác lậu như vậy, phàm phu chẳng xa lìa nên sanh ác lậu, Bồ Tát xa lìa thời chẳng sanh ác lậu. Bồ Tát còn không có ác lậu như vậy huống là Như Lai.

Thế nào là gần gũi ác lậu ? Tất cả phàm phu lãnh lấy y phục vật thực đồ nằm thuốc thang, họ vì sự đòi hỏi của thân tâm mà tìm cầu những vật như vậy, nên gây tạo nhiều tội ác, chẳng biết là lỗi lầm, phải luân hồi trong ba đường ác, do đây nên gọi là ác lậu. Đại Bồ Tát thấy những lỗi như vậy thời bèn xa lìa.

Lúc cầu y phục Bồ Tát bèn nhận lấy. Chẳng phải vì thân mục đích chỉ vì pháp lành ; chẳng kiêu mạn, thường khiêm tốn, chẳng vì phục sức tốt đẹp, chỉ vì hổ thẹn, để che lạnh che nắng, che gió mưa ngăn muỗi mòng. Bồ Tát dầu lãnh thọ vật thực, nhưng lòng chẳng tham đắm chẳng vì thân chĩ vì chánh pháp, chẳng vì da thịt chỉ vì chúng sanh, để trị bịnh đói, dầu đặng món ăn ngon cũng vẫn không tham đắm.

Bồ Tát lúc nhận lấy phòng nhà cũng như vậy, chẳng để quan niệm tham đắm ở nơi lòng, vì che mưa gió, vì Bồ Đề mà nhận lấy phòng nhà.

Lúc cầu thuốc thang lòng Bồ Tát không tham đắm, chẳng phải vì mạng sống chỉ vì chánh pháp, vì pháp thân huệ mạng. Như người bị ung nhọt, dùng thuốc đắp lên lấy vải bó đó, như vậy là chỉ vì để rút máu mủ cho bịnh được lành. Vì tránh gió độc nên ở trong nhà kín. Cũng vậy, Đại Bồ Tát xem thân thể là ung nhọt nên lấy y phục che đậy, vì cửu khiếu máu mủ mà tìm cầu món ăn vật uống, vì mưa gió độc nên nhận lấy phòng nhà vì bốn độc phát bịnh nên tìm cầu thuốc thang. Vì đạo Bồ Đề mà Bồ Tát lãnh lấy bốn thứ cúng dường chẳng vì mạng sống. Bồ Tát suy nghĩ như vầy : Nếu tôi chẳng

nhận lấy bốn thứ cúng dường nầy, thời thân thể phải chết mất, chẳng thể nhẫn thọ khổ nhọc ; nếu không kham sự khổ nhọc thời không thể tu tập pháp lành ; nếu kham sự khổ nhọc thời có thể tu tập vô lượng pháp lành ; nếu tôi chẳng kham nhẫn các sự khổ, thời sẽ sanh lòng giận hờn đối với việc nghịch trái, và sẽ sanh lòng tham đắm đối với cảnh thuận vui ; nếu tìm cầu sự vui mà chẳng đặng thời sanh lớn vô minh mê muội.

Do đây nên phàm phu sanh những ác lậu đối với bốn thứ cần dùng. Bồ Tát vì có thể quan sát như vậy nên chẳng sanh những ác lậu, do đây nên gọi là vô lậu. Bồ Tát còn vô lậu như vậy huống là Như Lai. Vì thế nên Như Lai chẳng gọi là hữu lậu.

Nầy Thiện nam tử ! Tất cả phàm phu dù khéo giữ gìn thân tâm nhưng vẫn còn sanh ba thứ ác giác, do cớ nầy nên dầu phục trừ phiền não đặng sanh cõi trời phi phi tưởng, nhưng vẫn trở lại đọa trong ba đường dữ. Ví như có người đi qua biển lớn, sắp đến bờ mà bị chết đuối. Phàm phu trên đây cũng vậy, sắp ra khỏi ba cõi trở lại đọa nơi tam đồ. Đó là do vì không có thiện giác, chính là không có sáu chánh niệm.

Phàm phu tâm lành kém yếu, tâm ác lại lẫy lừng. Vì tâm lành kém nên trí huệ cũng kém. Vì trí huệ kém nên thêm lớn những ác lậu.

Bồ Tát nhờ huệ nhãn thanh tịnh thấy lỗi của ba thứ giác quán, biết ba thứ giác quán nầy có những họa hoạn thường làm oán thù đối với ba thừa. Do ba thứ giác quán nầy làm cho vô lượng phàm phu chẳng thấy Phật tánh, trong vô lượng kiếp điên đảo cho rằng Phật Thế Tôn không có thường, lạc, và ngã, chỉ có tịnh thôi ; lại cho rằng Như Lai rốt ráo nhập Niết Bàn. Tất cả chúng sanh là vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh, mà điên đảo cho là có thường, lạc, ngã, tịnh. Thiệt không có tam thừa mà điên đảo cho là thật có tam thừa. Đạo nhứt thừa chơn thật mà điên đảo cho là không có nhứt thừa.

Ba thứ giác quán nầy thường bị chư Phật và Bồ Tát quở trách. Ba thứ giác quán nầy thường hại nơi mình cũng hại đến kẻ khác. Có ba thứ giác quán nầy thời sanh ra tất cả điều ác. Ba thứ giác quán nầy chính là ba sợi dây trói liền chúng sanh trong sanh tử vô biên.

Bồ Tát thường quán sát ba thứ giác quán nầy. Hoặc có lúc vì nhơn duyên đáng lẽ phải sanh dục giác Bồ Tát yên lặng chẳng lãnh thọ. Ví như người xinh đẹp sạch sẽ chẳng nhận lãnh tất cả phẩn nhơ, như hoàn sắt nóng không ai cầm lấy, như dòng Bà La Môn chẳng nhận thịt bò ; như người no bụng chẳng nhận đồ ăn dở, như vua Chuyển Luân chẳng ngồi chung một giường

với Chiên Đà La, Bồ Tát khinh ghét ba thứ ác giác chẳng nhận chẳng ham cũng như vậy. Bồ Tát thường suy nghĩ : Chúng sanh biết rằng ta là ruộng phước tốt, ta đâu nên nhận pháp ác ấy, nếu ta nhận pháp ác thời chẳng đáng là ruộng phước của chúng sanh. Dầu ta chẳng tự nói mình là ruộng phước tốt, nhưng chúng sanh thấy hình tướng bèn nói ta là ruộng phước. Nếu ta sanh ác giác như vậy thời là khi dối tất cả chúng sanh. Thuở quá khứ, vì khi dối nên trong vô lượng kiếp đọa ba đường ác trôi lăn trong sanh tử. Nếu ta có ác tâm nhận của người cúng thí, tất cả thiên nhơn và ngũ thông tiên đều sẽ rõ biết, sẽ bị quở trách. Nếu ta có ác giác nhận sự cúng thí của người, sẽ làm cho thí chủ được phước đức kém ít, hoặc không phước đức, như thế ta là kẻ thù óan của thí chủ. Tất cả thí chủ thường mến kính ta, sao ta lại khi dối họ mà cho làm kẻ oán thù của họ, vì ta làm cho họ được ít phước đức, hoặc không phước đức.

Bồ Tát thường suy nghĩ : Ta thường tự xưng là người xuất gia. Luận về người xuất gia chẳng sanh ác giác, nếu sanh ác giác thời chẳng phải xuất gia. Người xuất gia thân cùng miệng phải tương ưng, nếu chẳng tương ưng thời chẳng phải xuất gia. Ta bỏ cha mẹ anh em vợ con quyến thuộc bạn bè để xuất gia tu hành, chính là thời kỳ tu tập những thiện giác, chẳng phải là thời gian sanh ác giác. Ví như có người vào biển tìm châu báu, chẳng lấy chơn châu mà lại lấy thủy tinh. Cũng như có người bỏ âm nhạc hay mà đi chơi giỡn trên đống phẩn nhơ. Như bỏ bảo nữ mà giao thông với tớ gái. Như bỏ bồn vàng mà dùng chậu sành. Như bỏ vị cam lộ mà uống thuốc độc. Như bỏ y sĩ thân thiện tài giỏi mà cầu thuốc với y sĩ oán thù dở. Cũng vậy, ta bỏ lìa pháp vị cam lồ của Đại Sư Như Lai Thế Tôn, mà nhận lấy các thứ ác giác của ma oán. Thân người khó đặng như hoa Ưu Đàm mà ta đã được. Như Lai khó gặp như hoa Ưu Đàm mà ta đã gặp. Pháp bửu thanh tịnh khó được thấy nghe mà ta được nghe. Như con rùa đui gặp được bộng cây nổi. Mạng người chẳng dừng qua mau hơn thác nước đổ, ngày nay dầu còn khó bảo đảm được ngày mai, sao lại buông lung ở nơi pháp ác ? Thời tráng kiện chẳng dừng qua mau như ngựa chạy, sao lại tự thị sanh lòng kiêu mạn . Bốn ác ma rình rập tìm cầu lỗi lầm của ta, sao lại để cho ác giác sanh khởi ! Ví như nhà hư mục sắp sập, mạng sống của ta cũng vậy, đâu nên sanh việc ác. Phàm Sa Môn gọi là tỏ ngộ nơi thiện giác, ta là Sa Môn sao lại sanh ác giác ? Người xuất gia phải tu đạo lành, nay ta làm ác đâu đáng gọi là xuất gia. Bà La Môn gọi là người tu hạnh thanh tịnh, nay ta thật hành ác giác chẳng thanh tịnh đâu gọi là chơn thật Bà La Môn. Nay ta cũng gọi là dòng Sát Đế Lợi. Luận về dòng Sát Đế Lợi thời hay trừ được kẻ oán địch, nay ta chẳng trừ được oán địch ác giác, đâu đáng gọi là dòng Sát Đế Lợi. Tỳ Kheo gọi là phá phiền não, nay ta chẳng phá được ác giác phiền não đâu đáng gọi là Tỳ Kheo.

Trong đời có sáu chỗ được gặp gỡ, nay ta đã được, đâu nên để ác giác ở nơi lòng. Những gì là sáu chỗ khó được ? _ Một là Phật ra đời khó gặp, hai là chánh pháp khó nghe, ba là tâm lo sợ khó sanh, bốn là khó được ở trung quốc, năm là khó được thân người, sáu là năm căn khó đầy đủ. Sáu việc như vậy khó được mà ta đã được, vì thế nên chẳng nên sanh ác giác.

Bồ Tát tu hành kinh Đại Niết Bàn nầy thường siêng quán sát những ác giác như vậy.

Hàng phàm phu chẳng thấy lỗi họa của ác giác, nên lãnh thọ ba thứ ác giác, gọi đó là lãnh thọ ác lậu.

Bồ Tát thấy như thế nên chẳng lãnh chẳng ham, nương nơi tám thánh đạo để trừ bỏ đó, để chặt đứt đó. Do đây nên Bồ Tát không thọ ác lậu. Sao lại nói rằng Như Lai có ác lậu ? Do nghĩa nầy nên Như Lai chẳng phải là hữu lậu.

Nầy Thiện nam tử ! Phàm phu nếu gặp lúc thân tâm khổ não thời sanh các sự ác. Lúc bị thân bịnh hay tâm bịnh, khiến thân khẩu, ý tạo những nghiệp ác. Vì tạo nghiệp ác nên luân hồi trong ba đường dữ thọ những sự khổ. Tại sao vậy ? Vì phàm phu không có niệm huệ.

Bồ Tát thường tự suy xét rằng : Ta từ vô số kiếp xưa đến nay, vì thân tâm nầy mà gây tạo những nghiệp ác, nên phải lưu chuyển trong sanh tử đọa nơi ác đạo chịu đủ sự khổ, làm cho ta xa lìa con đường chơn chánh ba thừa. Suy nghĩ như vậy rồi Bồ Tát rất sợ sệt đối với thân tâm của mình, lìa bỏ việc ác mà thẳng đến đạo lành.

Ví như có Quốc Vương đem bốn con rắn độc đựng chung trong một cái trấp, sai người nuôi dưỡng cho ăn , tắm rửa. Vua ra lịnh nếu để một con rắn giận dữ không vừa lòng, thời ta sẽ xử tử nhà ngươi.

Người đó nghe lịnh nghiêm khắc của Quốc Vương, sợ quá bỏ trấp rắn chạy trốn . Vua liền sai năm Chiên Đà La cầm dao rượt theo. Người ấy ngó ngoái lại thấy phía sau năm người rượt gấp bèn vội chạy đi. Năm người lập kế giấu dao, rồi bí mật sai một người giả dạng hiền lành đến khuyên bảo người ấy trở lại. Người ấy chẳng tin chạy thẳng đến một tụ lạc kia để ẩn trốn. Lúc đã vào trong tụ lạc, xem thấy những nhà cửa đều không có người cũng không có đồ vật, bèn ngồi trên đất. Thoạt nghe trên không có tiếng nói : Nầy nam tử ! Tụ lạc nầy hoang vắng không có cư dân, đêm nay sẽ có sáu tên cướp đến. Nếu người gặp cướp thời khó bảo tồn tánh mạng. Người ấy nghe tiếng trên hư không bảo như vậy sợ hãi quá bèn bỏ tụ lạc mà đi. Dọc đường gặp

một con sông nước chảy gấp. Tìm không có thuyền bè, vì sợ nên lấy các thứ cỏ cây kết làm bè. Tự nghĩ rằng : Nếu ta dừng ở nơi đây tất sẽ bị rắn độc, năm Chiên Đà La, một người dối hiền lành và sáu tên cướp làm nguy hại. Còn nếu qua sông thời chiếc bè nầy không bảo đảm có thể sẽ phải chìm chết. Nhưng thà chết đuối, trọn chẳng để kẻ ác kia làm hại. Suy nghĩ xong, kéo bè cỏ xuống nước, thân nằm trên bè, tay ôm bè, chưn đạp nước vượt dòng nước chảy xiết mà qua sông.

Lúc đã được qua đến bờ bên kia an ổn không họa hoạn, hết kinh sợ trong lòng rất thơ thới vui vẻ.

Bồ Tát đặng nghe và thọ trì kinh Đại Niết Bàn, suy xét thân nầy như cái trấp, địa, thủy, hỏa, phong như bốn rắn độc : Kiến độc, Xúc độc, Khí độc, Nọc độc. Tất cả chúng sanh gặp bốn rắn độc nầy thời phải mất thân mạng. Tứ đại cũng như vậy : Hoặc kiến chấp làm độc, hoặc chạm xúc làm độc, hoặc hà khí làm độc, hoặc cắn nọc làm độc, do đây nên xa lìa những điều lành.

Bồ Tát suy xét bốn rắn độc có bốn dòng họ : Dòng Sát Đế Lợi, dòng Bà La Môn, dòng Tỳ Xá, dòng Thủ Đà. Tứ đại cũng có bốn chủng tánh : Tánh cứng, tánh ướt, tánh nóng, tánh động. Vì thế nên Bồ Tát xem tứ đại đồng chủng tánh với bốn rắn độc.

Bồ Tát lại suy xét bốn rắn độc nầy thường rình hại người : Lúc nào sẽ nhìn ngó, lúc nào sẽ chạm xúc, lúc nào sẽ hà hơi, lúc nào sẽ cắn. Tứ đại cũng như vậy thường rình chờ dịp để hại chúng sanh.

Nếu bị bốn rắn độc hại chết chẳng đến nỗi phải đọa trong ba đường ác. Nếu bị tứ đại giết hại tất sa vào ba đường ác. Bốn rắn độc nầy dầu săn sóc nuôi dưỡng nó nhưng nó cũng thường muốn giết người. Cũng vậy, dầu thường cung cấp, nhưng tứ đại cũng luôn kéo dắt người tạo những nghiệp ác. Bốn rắn độc ấy nếu một con sân giận thời sẽ giết người. Tánh tứ đại nếu một đại phát lên cũng có thể hại người. Bốn rắn độc ấy dầu ở chung một chỗ, nhưng tâm tánh của nó đều riêng khác. Tứ đại dầu đồng ở một thân mà tánh của mỗi đại khác nhau. Bốn rắn độc ấy dầu có cung kính nó cũng khó có thể gần gũi nó, tứ đại cũng như vậy. Bốn rắn độc ấy nếu lúc hại người, có được phù chú thuốc men của Sa Môn hay Bà La Môn thời có thể chữa trị. Tứ đại giết người dầu có Sa Môn hay Bà La Môn dùng thần chú phép tắc cũng chẳng trị được. Như người trí nghe hơi tanh của rắn độc liền tránh xa. Chư Phật Bồ Tát nghe hơi hôi của tứ đại cũng liền tránh xa.

Bồ Tát lại suy nghĩ tứ đại như rắn độc, nên rất sợ sệt chạy đi lo tu tám thánh đạo.

Năm Chiên Đà La dùng lệ cho năm ấm. Bồ Tát quán sát năm ấm như Chiên Đà La.

Chiên Đà La thường hay làm cho người phải xa lìa ân ái mà hội họp với oán thù. Cũng vậy, năm ấm khiến người tham gần pháp ác mà xa lìa những pháp lành.

Như Chiên Đà La võ trang để tự vệ : Hoặc dao, gậy, cung tên hoặc thuẫn giáp, họ có thể hại người. Cũng vậy, năm ấm dùng các thứ phiền não để tự võ trang, hại những người ngu si làm cho sa vào trong ba cõi.

Như Chiên Đà La bắt được người có tội lỗi bèn giết hại. Cũng vậy, năm ấm có những kiết sữ thường hay hại người.

Do nghĩa nầy nên Bồ Tát quán sát năm ấm như Chiên Đà La.

Lại như Chiên Đà La không tâm từ mẫn họ hại cả người thân cũng như kẻ thù. Cũng vậy, năm ấm hại cả pháp lành, pháp ác, không lòng từ mẫn.

Như Chiên Đà La não hại tất cả mọi người, ngũ ấm dùng các thứ phiền não thường não hại tất cả chúng sanh trong dòng sanh tử.

Chiên Đà La luôn luôn có tâm niệm muốn giết hại, năm ấm cũng thường có những kiết sử não hại.

Như người cụt chân lại không dao gậy không người hộ vệ, phải biết người nầy ắt bị Chiên Đà La giết hại. Cũng vậy, chúng sanh không chân, không dao, không hộ vệ, thời bị giặc năm ấm làm hại. Chân lệ cho giới, dao lệ cho trí huệ, người hộ vệ lệ cho thiện tri thức. Nếu không ba điều nầy tất bị năm ấm làm hại. Do dây nên Bồ Tát xem năm ấm như Chiên Đà La.

Bồ Tát lại quán sát năm ấm còn hơn Chiên Đà La. Vì người bị Chiên Đà La giết hại chẳng đọa địa ngục, còn bị năm ấm giết hại thời đọa địa ngục. Do đây nên Bồ Tát lập thệ rằng : Tôi thà trọn đời gần Chiên Đà La, chớ chẳng gần năm ấm dầu chỉ tạm thời.

Chiên Đà La chỉ có thể hại nơi người ngu si ở cõi dục. Giặc ngũ ấm hại khắp tất cả phàm phu chúng sanh trong ba cõi.

Û Chiên Đà La chỉ có thể giết hại người có tội, năm ấm giết hại chúng sanh không luận có tội hay không tội.

Chiên Đà La chẳng giết hại người già cả, phụ nữ và trẻ thơ, năm ấm giết tất cả chúng sanh không luận già trẻ cùng phụ nữ.

Vì thế nên Bồ Tát quán sát năm ấm còn hơn Chiên Đà La, lập thệ trọn đời thà ở gần Chiên Đà La chớ chẳng gần gũi năm ấm dầu chỉ tạm thời.

Chiên Đà La chỉ hại người khác không bao giờ tự hại mình, giặc năm ấm hại mình hại người hơn Chiên Đà La.

Chiên Đà La có thể dùng lời lành, tiền của, châu báu lo lót mà được thoát khỏi. Năm ấm chẳng như vậy, không thể dùng lời lành để khuyến dụ cũng không thể dùng tiền của châu báu lo lót mà được thoát khỏi.

Trong ngày đêm Chiên Đà La chẳng ắt luôn luôn giết hại, năm ấm thời niệm niệm thường giết hại chúng sanh.

Chiên Đà La chỉ ở một chỗ, có thể trốn lánh khỏi, năm ấm thời ở khắp tất cả chỗ nên không thể trốn lánh.

Chiên Đà La dầu hại người, lúc hại xong, thời chẳng theo nữa. Năm ấm khi đã giết hại chúng sanh lại theo dõi luôn chẳng rời.

Do đây nên Bồ Tát lập thệ thà trọn đời ở gần Chiên Đà La, quyết không gần gũi năm ấm dầu chỉ tạm thời.

Người có trí huệ dùng phương tiện lành khéo thoát khỏi đặng năm ấm. Chính là thật hành tám thánh đạo, sáu Ba La Mật, bốn vô lượng tâm mà được giải thoát, thân tâm chẳng bị năm ấm làm hại. Vì thân như kim cương, tâm như hư không.

Do nghĩa nầy nên Bồ Tát quán sát năm ấm có những điều chẳng lành, lòng rất sợ sệt lo tu tám thánh đạo. Cũng như người kia sợ bốn rắn độc cùng năm Chiên Đà La, kiếm đường chạy trốn không dám ngó ngoái lại.

Kẻ giả làm bạn thân chính là để lệ cho tham ái. Bồ Tát quán sát kỹ tham ái như kẻ địch giả làm người thân. Nếu đã biết đượclà giả thời không bị hại, còn nếu chẳng rõ biết tất sẽ bị hại. Cũng vậy, nếu biết được tánh của tham ái thời nó chẳng thể làm cho chúng sanh luân chuyển sanh tử, như không rõbiết

thời phải luân hồi trong sáu loài chịu đủ mọi sự khổ. Vì tham ái làm hại khó bỏ lìa, như kẻ địch giả làm người thân nên khó xa lìa. Kẻ oán địch giả làm người thân, luôn rình chờ có dịp để hại người, tham ái làm cho người xa lìa tất cả pháp lành gần gũi tất cả pháp ác cũng như vậy. Bồ Tát quán sát kỹ tham ái như kẻ địch giả người thân, vì thấy mà chẳng thấy, vì nghe mà chẳng nghe, như người phàm phu thấy lỗi sanh tử, dầu có trí huệ nhưng vì si mê che đậy nên rồi lại chẳng thấy lỗi. Hàng Thanh Văn Duyên Gúac cũng như vậy : Dầu thấy nhưng chẳng thấy, dầu nghe nhưng chẳng nghe. Do tâm tham ái nên dầu thấy lỗi sanh tử mà không thể mau đến vô thượng Bồ Đề. Do nghĩa nầy nên Bồ Tát xem tham ái như kẻ địch giả người thân.

Như kẻ oán địch chẳng thân mà giả là người thiệt thân, chẳng thể gần gũi mà giả gần gũi, là ác mà giả là lành, chẳng thân yêu mà giả là thân yêu, để luôn luôn chờ dịp hại người. Tham ái cũng như vậy.

Kẻ địch giả người thân, chỉ thấy được thân và miệng của họ mà chẳng biết được tâm của họ, nên họ có thể phỉnh gạt. Tham ái hư dối khó biết nên nó có thể làm mê lầm tất cả chúng sanh.

Kẻ địch gỉa người thân thời có trước có sau có thể dễ xa lìa, tham ái không trước không sau nên khó xa lìa được.

Kẻ địch giả người thân, ở xa thời khó biết, gần gũi thời dễ biết. Tham ái gần gũi còn khó rõ biết huống là ở xa.

Tất cả chúng sanh vì tham ái mà xa Đại Niết Bàn gần gũi sanh tử, xa thường, lạc, ngã, tịnh mà gần vô thường khổ vô ngã bất tịnh. Do đây nên trong các kinh Phật nói là nhơ nhớp trong ba cõi. Nơi việc hiện tại vì vô minh nên chẳng thấy lỗi họa chẳng xa lìa được. Kẻ địch giả người thân trọn chẳng hại được người có trí. Do đây nên Bồ Tát quán sát kỹ tham ái nầy, lòng rất sợ lo tu tám thánh đạo. Như người kia sợ bốn rắn độc, năm Chiên Đà La và một kẻ giả người thân nên kiếm đường chạy trốn chẳng trở lại.

Tụ lạc trống rỗng không cư dân chính là lệ cho lục nhập. Bồ Tát quán sát nội lục nhập trống rỗng không chỗ có như tụ lạc trống. Như người sợ chết kia đã vào tụ lạc nhẫn đến chẳng thấy có một người ở, tìm khắp nơi cũng chẳng gặp được một món đồ. Cũng vậy, Bồ Tát quán sát kỹ lục nhập trống rỗng không chỗ có, chẳng thấy chúng sanh, chẳng thấy một vật thật có.

Tụ lạc trống rỗng đó, đảng cướp ở xa trọn chẳng tưởng là trống rỗng. Phàm phu cũng như vậy, đối với lục nhập chẳng nghĩ là trống rỗng, do đó nên luân

chuyển trong sanh tử thọ vô lượng sự khổ. Bồ Tát quán sát lục nhập nầy luôn nghĩ tưởng là trống rỗng, nên chẳng bị khổ luân hồi sanh tử. Bồ Tát đối với lục nhập thường không có quan niệm điên đảo, nên chẳng còn luân hồi sanh tử. Như đảng cướp, lúc vào tụ lạc trống rỗng nầy thời được an vui. Giặc phiền não cũng như vậy, lúc vào trong lục nhập thời được an vui. Như đảng cướp vào tụ lạc nầy thời không lòng sợ sệt.

Giặc phiền não ở nơi lục nhập nầy cũng không sợ sệt như vậy. Như tụ lạc trống rỗng là chỗ ở của các loài ác thú : Sư tử, cọp, sói. Lục nhập nầy cũng là chỗ ở của tất cả phiền não ác.

Do đây nên Bồ Tát quán sát kỹ lục nhập trống rỗng không chỗ có là chỗ ở của tất cả việc ác. Tụ lạc nầy trống rỗng không vui, mà đảng cướp tưởng là có người có vật là an vui. Đối với lục nhập trống rỗng không chỗ có mà người ngu tưởng là có, là vui, chỉ có người trí mới biết được sự thật.

Tụ lạc kia lúc thời có người, lúc thời không người. Lục nhập một mặt luôn không người, vì tánh nó vốn là không, chỉ có người trí rõ biết, chẳng phải là mắt thấy được. Do đây nên Bồ Tát quán sát lục nhập nhiều sự oán thù tai hại, lo tu tám đạo thánh chẳng thôi chẳng nghĩ. Như người kia sợ bốn rắn độc, năm Chiên Đà La. Một kẻ giả bạn thân cùng sáu tên cướp vội vã lên đường chạy thẳng.

Sáu tên cướp dùng lệ cho sáu trần : Bồ Tát quán sát sáu trần nầy như sáu tên cướp hung dữ, vì chúng nó có thể cướp tất cả những pháp lành, như sáu tên cướp có thể cướp tài vật của tất cả nhơn dân.

Như sáu tên cướp vào nhà người thời có thể cướp đoạt tất cả tài sản hiện có trong nhà chẳng chọn tốt xấu, làm cho người giàu to thoạt vậy nghèo cùng. Giặc sáu trần nầy lúc vào nơi sáu căn thời nó có thể cướp giựt tất cả pháp lành của người, làm cho người hết lành hết phước thành kẻ bần cùng Nhứt Xiển Đề. Vì thế nên Bồ Tát quán sát sáu trần như sáu tên cướp.

Như sáu tên cướp lúc muốn cướp nhà người phải nhờ người trong nhà làm nội ứng, nếu không người nội ứng thời bọn cướp bèn trở lại. Giặc sáu trần nầy cũng như vậy, lúc muốn cướp pháp lành cần phải do bề trong chúng sanh có những tướng tri kiến : Thường, lạc, ngã, tịnh, bất không v.v… nếu không có những tướng bề trong như vậy, thời giặc sáu trần chẳng thể cướp được pháp lành.

Người trí trong tâm không có những tướng như vậy, phàm phu thời có, nên sáu trần thường đến xâm đoạt pháp lành của phàm phu.

Người trí có thể khéo dùng trí huệ đề phòng giữ gìn nên chẳng bị cướp đoạt. Do đây nên Bồ Tát quán sát sáu trần nầy như sáu tên cướp.

Như sáu tên cướp có thể làm khổ não thân tâm của nhơn dân, giặc sáu trần thường làm thân tâm chúng sanh khổ não cũng như vậy.

Sáu tên cướp chỉ có thể đoạt tài sản hiện có của người, giặc sáu trần thường cướp đoạt pháp lành của chúng sanh cả ba đời.

Sáu tên cướp đến đêm tối thời vui mừng, giặc sáu trần ở trong vô minh hắc ám thời nó vui thích. Sáu tên cướp chỉ có nhà vua mới có thể dẹp bắt, giặc sáu trần chỉ có Phật Bồ Tát mới ngăn dứt được nó.

Sáu tên cướp nầy, lúc muốn cướp giựt, chẳng lựa chọn người xinh đẹp, thông minh, học rộng, giàu sang hay nghèo hèn. Giặc sáu trần lúc muốn cướp pháp lành cũng chẳng lựa chọn người xinh đẹp nhẫn đến nghèo hèn.

Sáu tên cướp nầy, dầu nhà vua bắt được, chặt tay chưn, nhưng vẫn không thể làm cho tâm chúng nó hết hung ác. Giặc sáu trần cũng như vậy, dầu Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm, A Na Hàm, chặt đứt nó, cũng chẳng thể làm cho nó chẳng cướp pháp lành. Như người dũng kiện mới có thể dẹp hẳn sáu tên cướp nầy. Cũng vậy, chư Phật và Bồ Tát mới có thể dẹp hẳn giặc sáu trần.

Như có người quyến thuộc đông, giòng họ lớn, bà con nhiều, thời chẳng bị sáu tên cướp xâm đoạt tài sản. Cũng vậy, chúng sanh nếu có thiện tri thức thời chẳng bị giặc sáu trần cướp hại.

Sáu tên cướp nầy nếu thấy tài vật của người, thời có thể trộm cướp. Giặc sáu trần nếu thấy, nếu biết, nếu nghe, nếu ngửi, nếu chạm, nếu hay biết, thời đều có thể cướp đoạt.

Sáu tên cướp chỉ có thể cướp đoạt tài sản của người, cõi dục, giặc sáu trần có thể cướp đoạt tất cả của báu pháp lành ba cõi.

Do đây nên Bồ Tát quán sát kỹ sáu trần còn hơn sáu tên cướp kia, do đây nên lo tu tám thánh đạo thẳng tiến chẳng trở lại. Như người kia sợ bốn rắn độc năm Chiên Đà La, một kẻ giả bạn thân cùng sáu tên cướp rời bỏ tụ lạc trống rỗng theo đường thẳng chạy đi.

Dọc đường gặp một con sông, chính là lệ cho phiền não.

Bồ Tát quán sát phiền não nầy như sông lớn, nước sông chảy xiết có thể làm trôi hương tượng. Phiền não cũng có thể làm trôi bực Duyên Giác.

Sâu khó đến đáy nên gọi là "sông", bờ xa khó qua đến nên gọi là "lớn". Giữa sông có nhiều loài cá hung dữ. Phiền não cũng như vậy, chỉ có Phật và Bồ Tát mới có thể cùng tột nên gọi là rất sâu, chỉ có Phật và Bồ Tát mới qua đến bờ nên gọi là rộng lớn, thường hại tất cả chúng sanh si mê nên gọi là hung dữ. Do đây nên Bồ Tát quán sát phiền não nầy dường như sông lớn.

Như nước sông lớn có thể sanh trưởng tất cả cỏ cây lùm rừng, phiền não cũng có thể sanh trưởng chúng sanh hai mươi lăm cõi. Như có người té xuống sông lớn mà không hổ thẹn, chúng sanh sa vào trong phiền não cũng không hổ thẹn như té xuống sông chìm chưa đến đáy mà đã chết, chúng sanh sa vào phiền não luân hồi trong hai mươi lăm cõi vẫn chưa đến đáy. Trên đây nói đáy sông là lệ cho tướng không, nếu chẳng tu tướng không nầy, thời chẳng đặng ra khỏi hai mươi lăm cõi. Tất cả chúng sanh vì chẳng thể khéo tu tướng không nên thường bị phiền não nhận chìm : Do đây nên Bồ Tát quán sát phiền não nầy dường như sông lớn.

Như sông lớn kia chỉ có thể làm hại thân mạng mà chẳng phá được pháp lành, phiền não thời có thể phá hoại tất cả pháp lành của thân tâm.

Sông lớn kia chỉ có thể làm trôi chìm người trong cõi dục, phiền não thời có thể hại tất cả nhơn thiên trong ba cõi.

Sông lớn trong đời nếu tay ôm phao, vịn bè, chưn đạp, thời có thể đến bờ bên kia. Với phiền não thời chỉ có Bồ Tát tu sáu pháp Ba La Mật mới qua khỏi được.

Như sông lớn người khó lội qua chúng sanh cũng khó thoát qua khỏi phiền não. Thế nào gọi là khó ? Đến bực thập trụ Bồ Tát vẫn còn chưa rốt ráo thoát khỏi hẳn phiền não, chỉ có chư Phật mới rốt ráo. Do đây nên gọi là khó qua khỏi được.

Như có người bị nước sông đẩy trôi chẳng có thể làm được việc gì, chúng sanh bị phiền não lôi cuốn cũng không thể tu tập pháp lành. Như người té sông bị nước cuốn đi, người có đủ sức thời cứu vớt được. Chúng sanh sa vào phiền não làm nhứt xiển đề, hàng Thanh Văn Duyên Giác, Bồ Tát, Chư Phật đều không cứu tế được. Sông lớn trong đời phải khô cạn lúc kiếp tận. Với

phiền não hàng Thanh Văn Duyên Giác dầu tu thất giác chi vẫn còn chẳng làm khô được. Vì thế nên Bồ Tát quán sát các phiền não dường như sông lớn.

Như người kia sợ bốn rắn độc năm Chiên Đà La, một kẻ giả bạn thân cùng sáu tên cướp mà bỏ tụ lạc trống rỗng thẳng đường chạy đi đến bên sông lớn, rồi lấy cỏ kết làm bè. Cũng vậy, Bồ Tát sợ tứ đại, ngũ ấm , tham ái, lục nhập, lục trần , đến sông phiền não, rồi tu giới, định huệ, giải thoát, giải thoát tri kiến, sáu môn ba la mật, ba mươi bảy phẩm trợ đạo, dùng đây làm thuyền bè để vượt qua sông phiền não đến bờ Niết Bàn : Thường, lạc, ngã, tịnh kia. Bồ Tát tu kinh Đại Niết Bàn suy nghĩ như vầy : Nếu tôi không suy nghĩ nhận lấy sự khổ nơi thân, sự khổ nơi tâm, thời không thể làm cho tất cả chúng sanh qua khỏi sông phiền não. Nhờ suy nghĩ như vậy nên dầu có khổ não, Bồ Tát vẫn yên lặng nhẫn thọ. Vì nhẫn thọ thời chẳng sanh ác lậu. Bồ Tát còn không có những ác lậu, huống là Như Lai. Do đây nên chư Phật là vô lậu. Vì Như Lai thường đi trong hữu lậu, chính là hiện thân trong hai mươi lăm cõi, nên hàng Thanh Văn cùng kẻ phàm phu cho rằng Phật là hữu lậu. Thật ra chư Phật Như Lai chơn thật vô lậu. Do nhơn duyên trên đây nên chư Phật Như Lai không có tướng quyết định. Và cũng do những cớ trên đây nên người phạm bốn tội nặng, hủy báng kinh Đại Thừa và nhứt xiển đề đều không quyết định.

Cao Qúy Đức Vương Bồ Tát nói : “ Phải lắm ! Phải lắm ! Đúng như lời đức Phật dạy, tất cả pháp đều không quyết định, do đây nên biết Như Lai cũng chẳng rốt ráo nhập Niết Bàn.

Như vừa rồi đức Phật nói trong đoạn Đại Bồ Tát tu hành kinh Đại Niết Bàn nghe chỗ chẳng nghe, có nói đến Niết Bàn cùng Đại Niết Bàn.

Bạch Thế Tôn ! Thế nào là Niết Bàn ? Thế nào là Đại Niết Bàn ?

Đức Phật khen : “ Lành thay ! Lành thay ! Nầy Thiện nam tử ! Nếu Bồ Tát đặng niệm tổng trì, mới có thể thưa hỏi như ông .

Nầy Thiện nam tử ! Như người đời nói : Có biển, có biển lớn ; có sông, có sông lớn ; có núi, có núi lớn ; có thành, có thành lớn ; có chúng sinh, có chúng sinh lớn ; có vua, có vua lớn ; có người, có người lớn ; có trời, có trời lớn ; có đạo, có đạo lớn ; Niết Bàn cũng như vậy : Có Niết Bàn và có Đại Niết Bàn.

Thế nào là Niết Bàn ?

Như người đói đặng chút ít cơm ăn thời gọi là được an vui. Như người bịnh được lành thời gọi là an vui. Như người kinh sợ đặng chỗ nương dựa thời được an vui. Như người nghèo cùng đặng châu báu thời được an vui. Như người quán xương trắng chẳng sanh lòng tham dục thời được an vui. Tất cả sự an vui trên đây cũng gọi là Niết Bàn, nhưng chẳng được gọi là Đại Niết Bàn, vì còn trong phạm vi tương đối.

Nầy Thiện nam tử ! Nếu người phàm phu nhẫn đến hàng Thanh Văn, hoặc nhơn thế tục, hoặc nhơn thánh đạo, mà dứt được kiết sử, cõi dục thời được an vui. Có thể dứt kiết sử cõi sơ thiền nhẫn đến có thể dứt kiết sử cõi Phi Phi Tưởng thời được an vui. Những sự an vui nầy cũng gọi là Niết Bàn, nhưng chẳng được gọi là Đại Niết Bàn, vì còn có tập khí phiền não.

Thế nào gọi là tập khí phiền não ?

Hàng Thanh Văn Duyên Giác còn có tập khí phiền não, chính là những quan niệm : Thân tôi, áo tôi, tôi đi, tôi đến, tôi nói, tôi nghe, chư Phật Như Lai nhập Niết Bàn, bổn tánh Niết Bàn không ngã, không lạc, chỉ có thường và tịnh, Phật, Pháp và Tăng có tướng sai khác, Như Lai rốt ráo nhập Niết Bàn, chỗ chứng đặng Niết Bàn của Thanh Văn, Duyên Giác cùng chư Phật đồng nhau không sai khác, những quan niệm trên đây là tập khí phiền não. Vì thế nên chỗ chứng đặng của hàng nhị thừa chẳng phải là Đại Niết Bàn, vì không có thường, lạc, ngã, tịnh. Có thường, lạc, ngã, tịnh mới được gọi là Đại Niết Bàn.

Nầy Thiện nam tử ! Ví như vùng nào có thể chứa đựng tất cả những dòng nước thời gọi là biển lớn. Chỗ nào Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát và Chư Phật chứng nhập thời gọi là Đại Niết Bàn. Tứ Thiền, ba môn tam muội, tám pháp bội xả, tám pháp thắng xứ, mười pháp nhứt thiết xứ, vị nào có thể nhiếp thủ vô lượng pháp lành như vậy thời gọi là Đại Niết Bàn.

Nầy Thiện nam tử ! Ví như có con sông, hương tượng lớn nhứt lội không đến đáy thời gọi là sông lớn. Hàng Thanh Văn , Duyên Giác nhẫn đến thập trụ Bồ Tát chẳng thấy Phật tánh thời gọi là Niết Bàn, chẳng phải Đại Niết Bàn. Nếu có thể thấy rõ Phật tánh thời được gọi là Đại Niết Bàn.

Chỉ có đại tượng vương mới có thể tột đến đáy sông lớn Đại Niết Bàn. Đại tượng vương đây là lệ cho chư Phật.

Nầy Thiện nam tử ! Nếu các đại lực sĩ trải qua nhiều thời gian không thể leo lên được, mới gọi là núi lớn. Hàng Thanh Văn Duyên Giác và Bồ Tát không thể thấy được mới gọi là Đại Niết Bàn.

Nầy Thiện nam tử ! Nơi trấn giữ của các vị tiểu vương thời gọi là thành nhỏ, chỗ của vua Chuyển Luân Vương trấn đóng mới gọi là thành lớn. Chỗ chứng nhập của Thanh Văn Duyên Giác : Tám muôn, sáu muôn, bốn muôn, hai muôn, một muôn kiếp, thời gọi là Niết Bàn. Chỗ chứng nhập của Như Lai vô thượng pháp vương mới được gọi là Đại Niết Bàn.

Nầy Thiện nam tử ! Ví như có người thấy bốn đội binh lòng chẳng sợ sệt, nên biết người nầy gọi là đại chúng sanh. Nếu có chúng sanh đối với ác đạo phiền não ác nghiệp mà chẳng sợ sệt, có thể ở trong đó mà rộng độ chúng sanh, nên biết người nầy đặng Đại Niết Bàn.

Nếu có người cúng dường cha mẹ, cung kính Sa Môn và Bà La Môn thật hành pháp lành, lời nói thành thật không có khi dối, có thể nhẫn những sự ác hại, lại hay bố thí cho kẻ nghèo thiếu, thời gọi là bực đại trượngphu. Cũng vậy, Bồ Tát có đại từ bi thương xót tất cả, xem chúng sanh như cha mẹ, đưa chúng sanh qua khỏi sông sanh tử, đem đạo nhứt thừa chơn thật chỉ dạy cho chúng sanh, đây gọi là Đại Niết Bàn.

Nầy Thiện nam tử ! Chữ đại là nói chẳng thể nghĩ bàn, nếu chẳng thể nghĩ bàn mà chúng sanh chẳng thể tin được, thời gọi là Đại Niết Bàn, chỉ có Phật và Bồ Tát thấy được. Lại do vô lượng nhơn duyên rồi sau mới có thể được nên gọi là đại. Vì có đại ngã nên gọi là Đại Niết Bàn. Vì Niết Bàn không có đại ngã là tự tại nên gọi là đại ngã. Đại tự tại là vì có tám điều tự tại : Một là có thể thị hiện một thân làm nhiều thân, số thân lớn nhỏ nhiều như vi trần đầy khắp mười phương vô lượng thế giới. Thân Như Lai thiệt chẳng phải vi trần vì sức đại tự tại mà thị hiện vi trần thân. Tự tại như vậy thời gọi là đại ngã.

Hai là thị hiện một thân vi trần đầy khắp cõi đại thiên, thiệt ra thân Như Lai chẳng đầy nơi cõi đại thiên, vì là vô biên, do sức tự tại nên thị hiện đầy khắp cõi đại thiên. Tự tại như vậy gọi là đại ngã.

Ba là có thể đem thân khắp cõi đại thiên nầy bay trên hư không nhẹ nhàng đến nơi hai mươi hằng hà sa thế giới mà không chướng ngại. Thiệt ra thân Như Lai không có nặng nhẹ, do sức tự tại nên làm có nhẹ có nặng, đây gọi là đại ngã.

Bốn là Như Lai chỉ có nhứt tâm an trụ chẳng động, do sức tự tại, vô lượng thân hình hóa hiện ra đều làm cho có tâm. Cũng do sức tự tại, có lúc Như Lai làm một việc mà khiến cho tất cả chúng sanh đều được thành tựu. Do sức tự tại thân Như Lai thường ở một cõi mà làm cho tất cả chúng sanh ở cõi khác đều thấy. Tự tại như vậy gọi là đại ngã.

Năm là căn tự tại, với một căn Như Lai có thể thấy sắc, nghe tiếng, ngửi mùi, nếm vị, cảm xúc, hay biết. Sáu căn của Như Lai thật ra chẳng thấy, nghe, ngửi, nếm, cảm, biết, do sức tự tại nên làm cho sáu căn đều tự tại, do đây gọi là đại ngã.

Sáu là vì tự tại nên chứng đặng tất cả pháp, thật ra tâm Như Lai không có quan niệm chứng đặng, vì là vô sở đắc. Nếu pháp là có thời có thể gọi là chứng đắc, pháp vẫn không thật có, đâu được gọi là chứng đắc. Giả sử Như Lai có quan niệm chứng đắc thời chư Phật chẳng được Niết Bàn. Do vì không chứng đắc nên gọi là được Niết Bàn. Do tự tại mà chứng được tất cả pháp nên gọi là đại ngã.

Bảy là diễn thuyết tự tại. Như Lai diễn thuyết nghĩa một bài kệ trãi qua vô lượng kiếp cũng chẳng hết như nói về giới, định, thí , huệ v.v… Đức Như Lai chẳng có quan niệm rằng ta nói người nghe, cũng chẳng nghĩ là một bài kệ. Người đời dùng bốn câu làm một bài kệ, Như Lai thuận theo thế tục nên cũng nói là bài kệ. Tất cả pháp tánh cũng không có ngôn thuyết, do sức tự tại nên Như Lai diễn thuyết, vì diễn thuyết nên gọi là đại ngã.

Tám là Như Lai khắp đầy tất cả chỗ như hư không. Tánh hư không chẳng thể thấy được. Như Lai thiệt cũng chẳng thể thấy được, vì tự tại nên làm cho chúng sanh được thấy. Tự tại như vậy gọi là đại ngã.

Do nghĩa tự tại nầy nên gọi là Đại Niết Bàn.

Nầy Thiện nam tử ! Như kho báu chứa nhiều thứ châu báu lạ kỳ nên gọi là đại tạng. Cũng vậy, tạng pháp rất sâu, rất diệu của Như Lai chứa đầy những pháp kỳ lạ chẳng thể nghĩ bàn, nên gọi là Đại Niết Bàn.

Nầy Thiện nam tử ! Phật nhiều vô biên mới gọi là đại, Niết Bàn vô biên, vô lượng nên gọi là đại. Nầy Thiện nam tử ! Lại vì có đại lạc nên gọi là đại Niết Bàn, Niết Bàn vốn không sự vui, do vì bốn điều vui nên gọi là đại Niết Bàn. Một là vì dứt những sự vui, chẳng dứt sự vui thời gọi là khổ, nếu có khổ thời chẳng gọi là thiệt vui. Vì dứt sự vui nên không có khổ, không khổ không vui

mới gọi là đại lạc. Tánh Niết Bàn không khổ không vui nên Niết Bàn gọi là đại lạc. Do nghĩa nầy mà gọi là đại Niết Bàn.

Vui có hai thứ : Vui của phàm phu và vui của chư Phật. Vui của phàm phu là vô thường bại hoại, nên không có thiệt vui. Vui của chư Phật là thường là không biến đổi nên gọi là đại lạc. Lại có ba thứ thọ : Một là khổ thọ, hai là lạc thọ, ba là bất khổ bất lạc thọ. Bất khổ bất lạc đây cũng là khổ. Niết Bàn dầu cũng chẳng khổ, chẳng vui nhưng là thật vui, do đây nên gọi là Đại Niết Bàn.

Hai là vì đại tịch tịnh gọi là đại lạc. Tánh Niết Bàn là đại tịch tịnh, vì xa lìa tất cả sự ồn náo, do đại tịch tịnh nên gọi là Đại Niết Bàn.

Ba là vì biết tất cả nên gọi là đại lạc. Như Lai biết tất cả nên gọi là Đại Niết Bàn.

Bốn là vì thân chẳng hư hoại nên gọi là đại lạc. Thân Như Lai là thân kim cương không hư hoại, chẳng phải thân phiền não, chẳng phải thân vô thường, nên gọi là đại lạc, là Đại Niết Bàn.

Nầy Thiện nam tử ! Danh tự của thế gian hoặc có nhơn duyên đặt ra hoặc không nhơn duyên đặt ra. Có nhơn duyên đặt ra như Xá Lợi Phất, vì bà mẹ tên là Xá Lợi, nhơn tên mẹ mà đặt tên ông là Xá Lợi Phất. Như Ma Vu La đạo nhơn, vì sanh quán tại nước Ma Vu La, nhơn tên nước mà đặt tên cho đạo nhơn. Như Mục Kiền Liên, Mục Kiền Liên chính là họ, nhơn họ đặt tên gọi là Mục Kiền Liên. Như ta sanh trong dòng Cù Đàm, nhơn dòng họ đặt tên gọi ta là Cù Đàm. Như nhà thông thái Tỳ Xá Khư, Tỳ Xá Khư chính là tên một ngôi sao, nhơn ngôi sao nầy đặt tên là Tỳ Xá Khư. Như người có sáu ngón tay, nhơn đây gọi là người sáu ngón. Như danh từ Phật nô, Thiên nô, nhơn nơi Phật, nhơn nơi Thiên, mà gọi là Phật nô, Thiên nô. Như nhơn nơi ẩm ướt sanh ra nên gọi là loài thấp sanh. Như nhơn nơi tiến mà gọi là Ca Ca La, gọi là Cứu Cứu La. Những danh từ như vậy là có nhơn duyên mà đặt tên.

Không nhơn duyên mà đặt ra, như hoa sen, như đất, nước, gió, lửa , hư không. Như một danh từ mạn đà bà chỉ cho hai vật : Điện đường và uống nước, điện đường chẳng phải uống nước nhưng cũng đều được gọi là mạn đà bà. Như tát bà sa đa gọi là xà cái, thiệt chẳng phải là xà cái. Như trên đây gọi là không nhơn mà lập danh tự.

Nầy Thiện nam tử ! Đại Niết Bàn đây cũng không có nhơn duyên mà lập danh tự. Như hư không chẳng nhơn sự trống rỗng nhỏ mà gọi là đại không, Niết Bàn cũng chẳng nhơn nơi tướng nhỏ mà gọi là Đại Niết Bàn. Ví như có một vật chẳng thể cân lườntg chẳng thể nghĩ bàn thời gọi là đại, Niết Bàn cũng chẳng thể cân lường chẳng thể nghĩ bàn nên gọi là Đại Niết Bàn.

Do vì thuần thanh tịnh nên gọi là Đại Niết Bàn. Thanh tịnh có bốn thứ : Một là hai mươi lăm cõi gọi là bất tịnh, vì có thể dứt hẳn nên gọi là thanh tịnh. Thanh tịnh đây tức là Niết Bàn. Niết Bàn nầy cũng đặng gọi là có. Nhưng thiệt ra Niết Bàn chẳng phải là có, Như Lai thuận theo thế tục nên nói Niết Bàn là có. Ví như người đời chẳng phải cha gọi là cha chẳng phải mẹ gọi là mẹ, chẳng phải thiệt cha mẹ mà nói là cha mẹ. Cũng vậy, tùy thuận theo thế tục nên nói chư Phật có Đại Niết Bàn.

Hai là vì nghiệp thanh tịnh. Tất cả phàm phu vì nghiệp chẳng thanh tịnh nên không có Niết Bàn. Như Lai vì nghiệp thanh tịnh nên gọi là đại tịnh, do đại tịnh nên gọi là Đại Niết Bàn.

Ba là vì thân thanh tịnh. Thân vô thường thời gọi là chẳng thanh tịnh. Thân Như Lai thường trụ không biến đổi nên gọi là đại tịnh, vì đại tịnh nên gọi là Đại Niết Bàn.

Bốn là vì tâm thanh tịnh. Tâm nếu có ác lậu thời gọi là chẳng thanh tịnh. Tâm của Phật vô lậu nên gọi là đại tịnh, vì đại tịnh nên gọi là Đại Niết Bàn.

Nầy Thiện nam tử ! Đây gọi là nam tử nữ nhơn tu hành kinh Đại Niết Bàn nầy thành tựu đầy đủ phần công đức thứ nhứt.

Nầy Thiện nam tử ! Kế đây là Đại Bồ Tát tu hành kinh Đại Niết Bànn thành tựu đầy đủ phần công đức thứ hai.

Đại Bồ Tát tu hành kinh Đại Niết Bàn, xưa chỗ chẳng được mà nay được, xưa chỗ chẳng thấy mà nay được thấy, xưa chỗ chẳng nghe mà nay được nghe, xưa chỗ chẳng đến mà nay được đến, xưa chỗ chẳng biết mà nay được biết.

Thế nào gọi là xưa chẳng được mà nay được ? Chính là nói về thần thông. Thần thông có hai thứ : Một là ngoài, hai là trong. Thần thông ngoài thời cùng ngoại đạo giống nhau. Thần thông trong lại có hai thứ : Một là của nhị thừa hai là của Bồ Tát. Thần thông của Bồ Tát, hàng Thanh Văn Bích Chi Phật chẳng có được. Hàng nhị thừa biến hóa một tâm hiện làm một chẳng

hiện được nhiều. Bồ Tát ở trong một tâm thời có thể hiện đủ tất cả thân trong lục đạo, do vì được thế lực của kinh Đại Niết Bàn. Đây gọi là xưa chỗ chẳng được mà nay được. Lại Bồ Tát được thân tự tại, tâm tự tại. Tất cả phàm phu thân cũng như tâm đều chẳng tự tại hoặc tâm theo nơi thân, hoặc thân theo nơi tâm. Ví như người say, rượu ở trong thân, lúc bấy giờ thân động tâm cũng động theo, cũng như thân mõi mệt thì tâm cũng mõi mệt theo, đây thời gọi là tâm theo nơi thân. Lại như trẻ thơ, thân nó nhỏ bé, tâm nó nhỏ theo, người lớn thân lớn thì tâm cũng lớn theo. Lại như có người thân thể thô rít, tâm họ thường nghĩ đến dầu mỡ muốn thoa cho được trơn nhuyễn, đây cũng gọi là tâm theo nơi thân.

Thế nào gọi là thân theo nơi tâm ? Chính là đi, đến, ngồi, nằm, thật hành bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, người sầu não thời thân gầy héo, người vui mừng thời thân tươi nở, người kinh sợ thời thân run rẩy, chuyên tâm thính pháp thời thân vui vẻ, người buồn khóc thời nước mũi nước mắt chảy tuôn đây thời gọi là thân theo nơi tâm.

Bồ Tát thời chẳng như vậy thân tâm đều được tự tại, Đại Bồ Tát hiện thân tướng như vi trần, thân vi trần nầy có thể khắp đến vô lượng vô biên hằng hà sa thế giới không bị chướng ngại, mà tâm Bồ Tát thường định vẫn không di động, đây thời gọi là tâm chẳng theo nơi thân, và cũng gọi là xưa chỗ chẳng đến mà nay được đến, vì tất cả Thanh văn, Bích Chi Phật chẳng thể đến được mà Bồ Tát đến được. Tất cả Thanh Văn, Bích Chi Phật dầu dùng thần thông chẳng có thể biến thân nhỏ như vi trần khắp đến vô lượng hằng hà sa thế giới. Thanh Văn, Bích Chi Phật lúc thân động thời tâm cũng động theo. Bồ Tát chẳng như vậy, tâm dầu chẳng động mà thân đến khắp tất cả chỗ, đây gọi là tâm chẳng theo nơi thân. Lại Bồ Tát hóa thân lớn bằng đại thiên thế giới, đem thân to lớn nầy chui vào thân nhỏ như vi trần, tâm của Bồ Tát cũng chẳng nhỏ theo. Thanh Văn, Bích Chi Phật dầu có thể hóa thân to lớn như đại thiên thế giới nhưng chẳng thể đem thân to lớn nầy chui vào thân nhỏ như vi trần.

Trong việc nầy nhị thừa còn chẳng làm được huống là có thể khiến tâm chẳng động theo. Đây gọi là Bồ Tát tâm chẳng theo nơi thân.

Đại Bồ Tát dùng một âm thanh có thể làm cho tất cả chúng sanh trong đại thiên thế giới đều nghe trong tâm Bồ Tát trọn chẳng nghĩ rằng khiến âm thanh nầy khắp đến các thế giới làm cho chúng sanh được nghe, Bồ Tát nói rằng do tôi thuyết pháp làm cho chúng sanh được nghe nên biết người nầy trọn chẳng thể đặng vô thượng chánh giác. Vì tâm tưởng như trên đây là tâm

sanh tử, tất cả Đại Bồ Tát đã hết tâm sanh tử nầy vì thế nên thân tâm của Bồ Tát chẳng theo dõi nhau.

Nầy Thiện nam tử ! Tất cả phàm phu thân tâm theo nhau. Bồ Tát chẳng như vậy, vì hóa độ chúng sanh nên dầu hiện thân nhỏ nhưng tâm chẳng bé nhỏ vì tâm tánh của Bồ Tát luôn rộng lớn. Dầu lúc hiện thân lớn như đại thiên thế giới, nhưng tâm cũng chẳng lớn. Do nghĩa nầy nên tâm của Bồ Tát chẳng theo nơi thân Đại Bồ Tát đã từ vô lượntg, vô số kiếp xa lìa rượu chẳng uống, nhưng tâm cũng động, tâm không buồn khổ mà thân cũng rơi lệ, thiệt không kinh sợ mà thân cũng run rẩy, do đây nên biết rằng Bồ Tát thân tâm tự tại, chẳng theo dõi nhau. Đại Bồ Tát dầu hiện một thân, mà các chúng sanh mỗi người tự thấy sai khác.

Thế nào là Đại Bồ Tát tu hành kinh Đại Niết Bàn, xưa chỗ chẳng nghe mà nay được nghe ? Đại Bồ Tát trước lấy tướng các thứ tiếng : Tiếng voi, tiếng ngựa, tiếng xe, tiếng người, tiếng ốc, tiếng trống, tiến gống tiêu, tiếngca,tiếng Cười v.v…

Mà luyện tập đó, do luyện tập nên có thể nghe tất cả tiếng của những địa ngục trong vô lượng đại thiên thế giới, lại càng tu tập thêm nên được nhĩ căn khác lạ, khác hơn thiên nhĩ của Thanh Văn Bích Chi Phật. Vì nhĩ căn thanh tịnh của nhị thừa nếu nương tứ đại tịnh diệu, của Sơ Thiền thời chỉ nghe tiếng cõi Sơ Thiền chẳng nghe được cõi Nhị Thiền, nhẫn đến Tứ Thiền cũng như vậy, dầu có thể trong một lúc được nghe tất cả tiếng trong đại thiên thế giới nhưng chẳng thể nghe được tiếng trong vô lượng vô biên trong hằng sa thế giới. Do nghĩa nầy nên gọi là BồTát xưa chỗ chẳng nghe mà nay được nghe, Bồ Tát dầu nghe tiếng tâm mà trong lòng vẫn không có tướng nghe tiếng chẳng có tướng thường, lạc, ngã, tịnh, tướng chủ, tướng y, tướng tác, tướng nhơn, tướng định, tướng quả. Do nghĩa nầy nên các vị Bồ Tát xưa chỗ chẳng nghe mà nay được nghe.

Cao Quý Đức Vương Bồ Tát bạch rằng : “ Thế Tôn ! Như Phật nói Bồ Tát chẳng thấy có tướng định, không tướng quả thời không được đúng. Vì trước kia Như Lai nói : Nếu có người nghe một chữ một câu kinh Đại Niết Bàn nầy quyết định được thành vô thượng Bồ Đề. Giờ đây sao Như Lai lại nói là không định không quả ? Nếu được vô thượng Bồ Đề thời chính là tướng quyết định, chính là tướng quả, sao lại nói rằng không định không qua ? Vì nghe tiếng ác thời sanh tâm ác vì sanh tâm ác thời đọa tam đồ, nếu đọa tam đồ thời là định quả, sao lại nói rằng không định không quả ?

Như Lai khen rằng : " Lành thay ! Ông có thể thưa hỏi như vậy. Giả sử Chư Phật nói các âm thanh là có tướng định quả, đây thời chẳng phải là tướng của Chư Phật, mà là tướng Ma vương, là tướng sanh tử, là tướng xa lìa Niết Bàn. Vì tất cả Chư Phật chỗ nói ra không có tướng định quả. Ví như dùng lưỡi dao sáng soi mặt người ; dựng đứng thời thấy mặt dài, để ngang thời thấy mặt rộng. Do nghĩa đây nên Chư Phật phàm nói ra không có tướng định quả. Đại Niết Bàn thiệt chẳng phải kết quả của tiếng. Giả sử Niết Bàn là quả của tiếng thời Niết Bàn chẳng phải là pháp thường trụ. Ví như những pháp trong đời theo nhơn mà sanh, có nhơn thời có quả, không nhơn thời không quả, vì nhơn vô thường nên quả cũng vô thường, nhơn cũng làm quả, quả cũng làm nhơn, do nghĩa nầy nên tất cả pháp không có tướng nhứt định. Giả sử Niết Bàn từ nhơn mà sanh, vì nhơn vô thường nên quả cũng vô thường. Nhưng Niết Bàn chẳng từ nhơn mà sanh, thể Niết Bàn chẳng phải là quả, vì thế nên Niết Bàn là thường trụ. Do nghĩa đây nên thể của Niết Bàn là không định không quả.

Nầy Thiện nam tử ! Luận về Niết Bàn, cũng có thể nói là định, cũng có thể nói là quả. Niết Bàn của tất cả chư Phật là thường, lạc, ngã, tịnh, nên nói là định không sanh già hư hoại nên nói là định. Nhứt Xiển Đề phạm bốn tội nặng, hủy báng Đại Thừa, tạo tội ngũ nghịch, rời bỏ bổn tâm, thời quyết định chứng đặng Niết Bàn, nên gọi là định.

Nầy Thiện nam tử ! Như ông vừa nói : Nếu có người nghe một chữ, một câu kinh Đại Niết Bàn, thời đặng vô thượng Bồ Đề. Đối với nghĩa nầy, ông còn chưa hiểu rõ. Ông nên lóng nghe ! Nếu có người nghe một câu, một chữ kinh Đại Niết Bàn, trong tâm chẳng có quan niệm tướng chữ, tướng câu, chẳng có tướng nghe, tướng Phật, tướng nói pháp, đây gọi là tướng, vô tướng. Do tướng vô tướng nên đặng vô thượng Bồ Đề.

Nầy Thiện nam tử ! Như ông vừa nói vì nghe tiếng ác, mà đến tam đồ, nghĩa đó không phải. Vì chẳng phải tiếng ác mà đến tam đồ. Phải biết quả nầy là do tâm ác. Vì như có người nghe tiếng ác mà tâm chẳng sanh ác, do đây nên biết chẳng phải do tiếng ác mà đọa trong tam đồ. Nhưng chúng sanh do nơi phiền não ác tâm quá nhiều mà phải sanh vào ba đường ác, chẳng phải là do nơi tiếng ác. Nếu tiếng có tướng quyết định, những người nghe tiếng ác, lẽ ra tất cả đều sanh tâm ác. Nay nghe tiếng ác, mà có người sanh tâm ác, có người chẳng sanh tâm ác, nên biết rằng tiếng không có tướng quyết định. Do vì không tướng quyết định nên dầu nghe tiếng ác mà chẳng sanh tâm ác.

_ Bạch Thế Tôn ! Tiếng nếu không quyết định, cớ sao Bồ Tát nay đặng nghe chỗ xưa chẳng nghe ?

_ Nầy Thiện nam tử ! Tiếng không có tướng quyết định nên làm cho Bồ Tát nay được nghe chỗ xưa chẳng nghe. Do nghĩa nầy nên Như Lai nói xưa chỗ chẳng nghe, mà nay được nghe.

Nầy Thiện nam tử ! Thế nào là chỗ xưa chẳng thấy mà nay được thấy ? Đại Bồ Tát tu kinh Đại Niết Bàn, trước lấy tướng sáng : Những ánh sáng mặt trời, mặt trăng, tinh tú, đèn đuốc, bảo châu, lửa. Do tu tập ánh sáng mà đặng nhãn căn khác lạ, khác hơn Thiên nhãn của Thanh Văn Duyên Giác. Thiên nhãn của Nhị thừa nếu nương nơi nhãn căn tứ đại cõi dục thời chẳng thấy sơ thiền, nếu nương nơi nhãn căn sơ thiền thời chẳng thấy cõi trên, cũng chẳng thấy nhãn căn của chính mình, nhiều lắm là thấy tột đến đại thiên thế giới. Đại Bồ Tát chẳng tu thiên nhãn, thấy sắc thân tốt đẹp đều là tướng xương trắng, dầu thấy sắc tướng trong hằng hà sa thế giới khác, nhưng chẳng tưởng là sắc tướng, chẳng tưởng là tướng thường, tướng có, tướng vật, tướng danh tự, chẳng tưởng là tướng thấy, cũng chẳng nói nhãn căn nầy có tướng thanh tịnh vi diệu, chỉ thấy là tướng nhơn duyên cùng tướng chẳng phải nhơn duyên. Thế nào là nhơn duyên ? Sắc là cảnh duyên của nhãn căn. Giả sử sắc chẳng phải là nhơn duyên, thời tất cả phàm phu lẽ ra chẳng thấy tướng sắc. Thế nào là chẳng phải nhơn duyên ? Đại Bồ Tát dầu thấy sắc nhưng chẳng tường là tướng sắc , do đây nên chẳng phải là duyên. Vì thế nên thiên nhãn thanh tịnh của Bồ Tát khác vơi thiên nhãn của Thanh Văn Duyên Giác. Trong một lúc, Bồ Tát thấy khắp chư Phật hiện tại ở mười phương thế giới. Cũng có thể thấy vi trần. Hàng Thanh Văn Duyên Giúac chẳng thấy được như thế. Bồ Tát dầu thấy nhãn căn của mình mà vẫn không có tướng thấy, thấy tướng vô thường, thấy thân của phàm phu có ba mươi sáu vật, chứa đầy những thứ bất tịnh, thấy rõ như xem trái a ma lặc trong bàn tay. Nếu thấy sắc tướng của chúng sanh, Bồ Tát biết người nầy là căn tánh đại thừa hay tiểu thừa. Đụng chạm đến y phục của họ, Bồ Tát cũng biết người đó có những căn lành hay căn chẳng lành. Do đây nên gọi là xưa chỗ chẳng thấy mà nay được thấy, cũng gọi là xưa chỗ chẳng biết mà nay được biết. Vì khi thấy thời biết chỗ xưa chẳng biết, do vì biết nên thấy chỗ xưa chẳng thấy.

Nầy Thiện nam tử ! Thế nào là Bồ Tát xưa chỗ chẳng biết mà nay được biết ? Đại Bồ Tát dầu biết tâm tham, sân, si của phàm phu, nhưng vẫn chẳng tưởng là tâm và tâm sở, chẳng tưởng là chúng sanh cùng vật. Thường tu tướng rốt ráo không đệ nhứt nghĩa, do tu tập tướng không, nên biết được chỗ xưa chẳng biết.

Biết như thế nào ? Biết không có ngã không có ngã sở, biết tất cả chúng sanh đều có Phật tánh. Vì có Phật tánh nên hàng Nhứt Xiển Đề rời bỏ được bổn tâm thời sẽ đặng vô thượng chánh giác. Những điều trên đây hàng Thanh Văn Duyên Giác chẳng biết được mà Bồ Tát có thể biết. Vì thế nên gọi là xưa chỗ chẳng biết mà nay được biết.

Đại Bồ Tát tu kinh Đại Niết Bàn nhớ đời quá khứ tất cả chúng sanh bao nhiêu những dòngạo cha mẹ, anh em, vợ con, quyến thuộc, bạn thân, kẻ thù. Trong một niệm Bồ Tát đặng trí khác lạ, khác với trí huệ của Thanh Văn, Duyên Giác. Thế nào là khác ? Trí huệ của Thanh Văn, Duyên Giác nhớ đến dòng họ cha mẹ v.v… Của chúng sanh đời quá khứ mà có tướng dòng họ cha mẹ v.v… Bồ Tát dầu nghĩ nhớ dòng họ cha mẹ thuở quá khứ, nhưng trọn chẳng tưởng có tướng dòng họ cha mẹ v… Mà thường thấy tướng không tịch. Đây gọi là Bồ Tát xưa chỗ chẳng biết mà nay được biết.

Đại Bồ Tát tu hành kinh Đại Niết Bàn đặng tha tâm trí khác với Thanh Văn, Duyên Giác. Thế nào là khác ? Hàng Thanh Văn Duyên Giác lúc dùng một niệm trí biết tâm của người, thời chẳng thể biết tâm của chư thiên, ngạ quỉ, súc sanh, địa ngục. Trong một niệm Bồ Tát biết khắp tất cả tâm của lục đạo chúng sanh. Đây gọi là Bồ Tát xưa chỗ chẳng biết mà nay được biết. Bồ Tát lại ở nơi trong một tâm rõ biết từ sơ tâm đến tâm thứ mười sáu của Tu Đà Hòan. Do đây nên gọi là xưa chỗ chẳng biết mà nay được biết. Đây là Bồ Tát tu hành kinh Đại Niết Bàn thành tựu đầy đủ phần công đức thứ hai.

Nầy Thiện nam tử ! Thế nào là Đại Bồ Tát tu hành kinh Đại Niết Bàn thành tựu đầy đủ phần công đức thứ ba ? Đại Bồ Tát bỏ lòng từ đặng lòng từ, lúc đặng lòng từ chẳng do nhơn duyên. Thế nào là bỏ lòng từ đặng lòng từ ? Từ gọi là thế đế. Đại Bồ Tát bỏ lòng từ thế đế đặng lòng từ đệ nhứt nghĩa. Lòng từ đệ nhứt nghĩa chẳng do nhơn duyên. Lòng từ nếu là có thể bỏ thời gọi là lòng từ của phàm phu, lòng từ nếu có thể được thời gọi là lòng từ vô duyên của Bồ Tát, đặng lòng từ lân mẫn, đặng lòng từ của Như Lai, lòng từ nầy là lòng từ không nhơn duyên. Lại bỏ lòng từ của hoàng môn, của người không căn, hai căn, nữ nhơn, đồ tể thợ săn v.v… cũng bỏ lòng từ của Thanh Văn, Duyên Giác, đặng lòng từ vô duyên của Bồ Tát. Chẳng còn thấy lòng từ của mình cũng chẳng thấy lòng từ của người, cũng chẳng thấy trì giới, phá giới. Dầu tự thấy lòng bi nhưng chẳng thấy tướng chúng sanh. Dầu có chịu khổ nhưng chẳng thấy người chịu khổ. Vì Bồ Tát tu hành chơn thật không đệ nhứt nghĩa nên thành tựu đầy đủ phần công đức thứ ba như vậy. Nầy Thiện nam tử ! Thế nào là Đại Bồ Tát tu hành kinh Đại Niết Bàn thành tựu đầy đủ phần công đức thứ tư ? Nơi đây có mười việc : Một là căn lành sâu không bị

lay động, hai là đối với thân mình có quan niệm quyết định, ba là chẳng thấy phước điền và chẳng phải phước điền, bốn là tu tập công hạnh thanh tịnh Phật độ, năm là diệt trừ ba thứ hữu dư, sáu là dứt trừ nghiệp duyên, bảy là tu thân thanh tịnh, tám là rõ biết các duyên, chín là lìa những oán địch, mười là dứt trừ nhị biên.

Thế nào là căn lành sâu khó lay động. Căn lành đây là nói chẳng phóng dật, chẳng phóng dật là căn lành của vô thượng Bồ Đề. Cội gốc pháp lành của tất cả chư Phật đều do chẳng phóng dật. Vì chẳng phóng dật nên những căn lành khác lần lần được tăng trưởng. Như trong các thứ dấu chân, dấu chân của voi là hơn hết, ở trong các pháp lành, chẳng phóng dật cũng là hơn hết. Như trong các thứ ánh sáng, ánh sáng mặt trời là hơn hết, chẳng phóng dật cũng là hơn hết các pháp lành khác. Như vua Chuyển Luân là bực nhứt trong các vua chúa, chẳng phóng dật cũng là bực nhứt trong các pháp lành. Như trong các dòng nước, bốn sông là hơn hết, chẳng phóng dật cũng là hơn hết trong các pháp lành, như núi Tu Di là bực nhứt trong các núi, chẳng phóng dật cũng là hạng bực nhứt trong các pháp lành. Như hoa sen xanh hơn tất cả những hoa mọc trong nước, chẳng phóng dật cũng là hơn hết trong các pháp lành. Như hoa Bà Lợi Sư Ca hơn tất cả thứ hoa mọc trên đất, chẳng phóng dật cũng hơn hết các pháp lành khác. Như trong các loài thú, Sư Tử là hơn hết, chẳng phóng dật hơn những pháp lành khác. Như trong các loài chim, kim súy điểu là bực nhứt, chẳng phóng dật cũng là bực nhứt trong các pháp lành. Như trong loài thân to lớn, vua A Tu La, La Hầu La, là to hơn cả, chẳng phóng dật cũng là hơn hết trong các pháp lành. Như trong tất cả chúng sanh, đức Như Lai là tôn quí nhứt, chẳng phóng dật cũng là bực nhứt trong các pháp lành. Như trong các đoàn thể, chư Tăng là hơn hết, chẳng phóng dật cũng hơn hết trong các pháp lành. Như trong giáo pháp của Phật, kinh Đại Niết Bàn là hơn hết, chẳng phóng dật cũng là hơn hết trong các pháp lành. Do những nghĩa nầy nên căn lành chẳng phóng dật sâu bền khó lay động.

Thế nào là do chẳng phóng dật mà được thêm lớn các căn lành ? Những căn lành : Tín, Giới, Bố Thí, trí huệ, nhẫn nhục, đa văn, tinh tấn, niệm định, thiện tri thức đều do chẳng phóng dật mà được thêm lớn.

Nầy Thiện nam tử ! Thế nào là đối với thân mình Bồ Tát có quan niệm quyết định ? Bồ Tát quyết định biết rằng thân của ta đây quyết định sẽ làm pháp khí vô thượng bồ đề ở đời vị lai, chẳng có tâm hẹp nhỏ, chẳng có tâm biến đổi, chẳng sanh tâm Thanh Văn, Bích Chi Phật, chẳng sanh tâm ma, tâm tự

hưởng vui, tâm sanh tử. Thường vì chúng sanh cầu tâm từ bi. Đây gọi là Đại Bồ Tát tu hành kinh Đại Niết Bàn đối với thân mình sanh lòng quyết định.

Nầy Thiện nam tử ! Thế nào là Bồ Tát chẳng thấy phước điền và chẳng phải phước điền ? Những gì là phước điền ? Ngoại đạo trì giới trên đến chư Phật đây gọi là phước điền. Nếu có người nghĩ rằng những bực nầy thuộc về phước điền nên biết tâm niệm nầy hẹp kém.

Đại Bồ Tát quán sát tất cả chúng sanh không ai chẳng phải là phước điền do vì Bồ Tát khéo tu tập niệm xứ khác lạ, nên quán sát chúng sanh không thấy có trì giới cùng hủy giới. Thường quán sát bốn pháp bố thí của Phật nói ra đều đặng quả báo thanh tịnh. Những gì là bốn thứ bố thí ? Một là thí chủ thanh tịnh, người thọ chẳng thanh tịnh. Hai là thí chủ chẳng thanh tịnh, người thọ thanh tịnh, ba là thí chủ cùng người thọ đều thanh tịnh. Bốn là thí chủ cùng người thọ đều chẳng thanh tịnh.

Thí chủ có đủ trì giới đa văn trí huệ rõ biết nhơn cùng quả bố thí, người thọ thời phá giới tà kiến không tin bố thí cùng quả báo, đây gọi thí chủ thanh tịnh mà người thọ chẳng thanh tịnh.

Nếu thí chủ phá giới tà kiến không tin bố thí cùng quả báo, người thọ thời trì giới đa văn trí huệ biết có nhơn cùng quả bố thí, đây gọi là thí chủ chẳng thanh tịnh người thọ thời thanh tịnh.

Nếu người bố thí cùng người thọ đều trì giới đa văn trí huệ biết có bố thí cùng quả báo, đây gọi là người thí người thọ đều thanh tịnh.

Nếu người thí người thọ đều phá giới tà kiến không tin nhơn cùng quả bố thí, đây gọi là người thí kẻ thọ đều chẳng thanh tịnh.

_ Bạch Thế Tôn ! Nếu như vậy tại sao lại nói Bồ Tát được qủa báo thanh tịnh, vì không thí, không báo nên gọi là thanh tịnh ?

_ Nầy Thiện nam tử ! Nếu có người chẳng thấy bố thí cùng quả báo bố thí, nên biết rằng, người nầy chẳng gọi là phá giới tà kiến.

Nầy Thiện nam tử ! Nếu y theo nhị thừa nói rằng chẳng thấy bố thí cùng quả báo, đây gọi là phá giới tà kiến. Nếu nương kinh Đại Niết Bàn nầy mà chẳng thấy bố thí cùng quả báo thời gọi là trì giới chánh kiến. Đại Bồ Tát có niệm xứ khác lạ, do tu tập niệm xứ nầy nên chẳng thấy chúng sanh trì giới phá giới người thí người thọ và quả báo bố thí, nên được gọi là trì giới chánh

kiến. Vì những nghĩa trên đây nên Đại Bồ Tát chẳng thấy phước điền và chẳng phải phước điền.

Thế nào gọi là thanh tịnh cõi Phật ? Đại Bồ Tát tu hành kinh Đại Niết Bàn vì vô thượng Bồ Đề vì độ chúng sanh, nên lìa tâm giết hại. Do căn lành nầy nguyện cùng tất cả chúng sanh đồng thành Phật, nguyện chúng sanh đặng thọ mạng dài lâu có thế lực lớn được thần thông lớn. Do sức thệ nguyện nầy, nên đời vị lai lúc Bồ Tát thành Phật, tất cả chúng sanh trong cõi nước được thọ mạng dài lâu có thế lực lớn và thần thông lớn.

Đại Bồ Tát tu hành kinh Đại Niết Bàn, vì vô thượng Bồ Đề vì độ chúng sanh, nên lìa tâm trộm cướp. Đem căn lành nầy nguyện cùng tất cả chúng sanh, đồng thành Phật. Nguyện cõi nước thuần là bảy báu, chúng sanh đầy đủ vật cần dùng tùy theo ý muốn. Do sức thệ nguyện nầy, nên đời vị lai lúc Bồ Tát thành Phật, cõi nước thuần là bảy báu, chúng sanh giàu đủ tùy ý tự tại.

Đại Bồ Tát tu hành kinh Đại Niết Bàn, vì vô thượng bồ dề, vì độ chúng sanh, nên lìa tâm tham dục. Đem căn lành nầy nguyện cùng chúng sanh đồng thành Phật. Nguyện tất cả chúng sanh không có tham dục, sân khuể, ngu si, cũng không có người đói khát khổ não. Do sức thệ nguyện nầy, nên đời vị lai lúc Bồ Tát thành Phật chúng sanh trong cõi nước xa lìa tâm tham dục sân khuể, ngu si, không có người đói khát khổ não.

Đại Bồ Tát tu hành kinh Đại Niết Bàn vì vô thượng Bồ Đề vì độ chúng sanh nên lìa tâm vọng ngữ. Đem căn lành nầy nguyện tất cả chúng sanh cùng thành Phật. Nguyện các cõi nước thường có cây bông, cây trái, cây mùi thơm, chúng sanh đều được tiếng nói tốt. Do sức thệ nguyện nầy nên đời vị lai lúc Bồ Tát thành Phật, cõi nước thường có cây bông, cây trái, cây mùi thơm chúng sanh đều được tiếng nói tốt thanh tịnh.

Đại Bồ Tát tu hành kinh Đại Niết Bàn vì vô thượng Bồ Đề vì độ chúng sanh nên xa lìa tâm lưỡng thiệt. Đem căn lành nầy nguyện cùng tất cả chúng sanh đồng thành Phật. Nguyện các cõi nước tất cả chúng sanh thường hòa hiệp nhau, cùng nhau giảng nói chánh pháp. Do sức thệ nguyện nầy, nên đời vị lai lúc Bồ Tát thành Phật, tất cả chúng sanh trong cõi nước đều hòa hiệp nhau cùng nhau giảng luận pháp yếu.

Đại Bồ Tát tu hành kinh Đại Niết Bàn, vì vô thượng Bồ Đề, vì độ chúng sanh nên xa lìa tâm ác khẩu. Đem căn lành nầy nguyện cùng tất cả chúng sanh đồng thành Phật, nguyện các cõi nước mặt đất bằng thẳng, không có

sạn sỏi gai góc, chúng sanh đều có tâm bình đẳng. Do sức thệ nguyện nầy, nên đời vị lai lúc Bồ Tát thành Phật, cõi nước bằng thẳng không có sạn sỏi gai góc, tâm chúng sanh đều bình đẳng.

Đại Bồ Tát tu hành kinh Đại Niết Bàn vì vô thượng Bồ Đề, vì độ chúng sanh nên lìa lời nói vô nghĩa. Đem căn lành nầy nguyện cùng tất cả chúng sanh đồng thành Phật. Nguyện chúng sanh không có khổ não. Do sức thệ nguyện nầy, nên đời vị lai lúc Bồ Tát thành Phật, tất cả chúng sanh trong cõi nước không có khổ não.

Đại Bồ Tát tu hành kinh Đại Niết Bàn, vì vô thượng Bồ Đề vì độ chúng sanh nên xa lìa tâm tham lam tật đố. Đem căn lành nầy nguyện cùng tất cả chúng sanh đồng thành Phật. Nguyện chúng sanh không có tham lam tật đố, não hại, tà kiến. Do sức thệ nguyện nầy, nên đời vị lai lúc Bồ Tát thành Phật, chúng sanh trong cõi nước đều không có tâm tham lam, tật đố, não hại, tà kiến.

Đại Bồ Tát tu hành kinh Đại Niết Bàn vì vô thượng Bồ Đề vì độ chúng sanh, nên xa lìa tâm não hại. Đem căn lành nầy nguyện cùng tất ca ûchúng sanh đồng thành Phật. Nguyện chúng sanh đồng tu tập đại từ đại bi, đặng bực nhứt tử. Do sức thệ nguyện nầy nên đời vị lai lúc Bồ Tát thành Phật, chúng sanh trong cõi nước đều tu tập đại từ đại bi, được bực nhứt tử.

Đại Bồ Tát tu hành kinh Đại Niết Bàn vì vô thượng Bồ Đề vì độ chúng sanh nên xa lìa tà kiến đem căn lành nầy nguyện cùng tất cả chúng sanh đồng thành Phật. Nguyện chúng sanh đều được Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật. Do sức thệ nguyện nầy, nên đời vị lai lúc Bồ Tát thành Phật, chúng sanh trong cõi nước đều được thọ trì Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật, đây gọi là Bồ Tat tu hành thanh tịnh cõi Phật.

Thế nào Đại Bồ Tát dứt trừ hữu dư ? Hữu dư có ba thứ : Một là phiền não dư báo, hai là dư nghiệp, ba là dư hữu.

Nếu có chúng sanh quen gần tham dục, báo nầy thành thục phải đọa nơi địa ngục, ra khỏi địa ngục phải thọ thân súc sanh : Bồ câu, se sẽ v.v… các loài chim, ca,ù trạch cùng khỉ, vượn cheo, nai v.v… Nếu được làm người, thời phải thọ thân hoàng môn, phụ nữ, hai căn, không căn, dâm nữ. Nếu được xuất gia thời phạm giới trọng ban đầu. Đây gọi là dư báo.

Nếu có chúng sanh quen gần sân, khuể, báo nầy thành thục phải đọa địa ngục. Ra khỏi địa ngục phải thọ thân súc sanh : Rắn độc, sư tử, cọp, sói, beo,

gấu, mèo, chồn , ó, diều, v.v… Nếu được làm người thời đủ cả mười sáu nghiệp ác. Nếu được xuất gia thời phạm giới trọng thứ ba. Đây gọi là dư báo.

Nếu có chúng sanh quen gần ngu si, báo nầy thành thục sẽ đọa địa ngục. Ra khỏi địa ngục phải thọ thân súc sanh : Voi, heo, bò, trâu, dê, rận, rệp, muỗi, ruồi, kiến, mối v.v… Nếu được làm người thời bị đui, điếc, câm, ngọng, lưng gù, tàn tật, thời không thể học tập. Nếu được xuất gia thời ưa phạm giới trọng. Đây gọi là dư báo.

Nếu có người quen gần kiêu mạn, báo nầy thành thục sẽ đọa địa ngục. Ra khỏi địa ngục thọ thân súc sanh : Lạc đà, lừa , ngựa, chó v.v… Nếu được làm người thọ thân tôi tớ nghèo cùng ăn xin. Nếu được xuất gia thường bị chúng sanh khinh tiện, phạm giới thứ tư. Đây gọi là dư báo.

Như trên đây gọi là phiền não dư báo. Đại Bồ Tát do tu tập kinh Đại Niết Bàn đều có thể trừ diệt.

Thế nào là dư nghiệp ? Tất cả nghiệp của phàm phu, nghiệp của Thanh Văn : Tu Đà Hoàn có nghiệp bảy lần thọ thân, Tư Đà Hàm có nghiệp hai lần thọ thân, A Na Hàm có nghiệp thọ thân cõi sắc, đây gọi là dư nghiệp. Đại Bồ Tát tu tập kinh Đại Niết Bàn đều có thể dứt trừ những nghiệp dư nầy.

Thế nào là dư hữu ? A La Hán đặng quả A La Hán, Bích Chi Phật đặng quả Bích Chi Phật, không nghiệp, không kiết sử, mà còn hai quả, đây gọi là dư hữu.

Đại Bồ Tát tu tập kinh Đại Niết Bàn đều có thể trừ ba thứ hữu dư trên đây, nên gọi là Đại Bồ Tát diệt trừ hữu dư.

Thế nào là Bồ Tát tu thân thanh tịnh ? Đại Bồ Tát tu giới bất sát có năm thứ tâm : Hạ, trung, thượng, thượng thượng, thượng trung thượng, nhẫn đến chánh kiến cũng lại như vậy. Năm mươi tâm nầy gọi là sơ phát tâm. Quyết định đầy đủ thành tựu năm mươi tâm nầy đây gọi là viên mãn. Một trăm tâm như vậy gọi là một trăm phước đức. Đầy đủ một trăm phước làm thành một tướng tốt. Lần lượt đầy đủ thành tựu ba mươi hai tướng tốt, thời gọi là thân thanh tịnh. Sở dĩ lại tu tám mươi vẻ đẹp, vì trong đời có chúng sanh phụng thờ tám mươi vị Thiên Thần : Thập nhị nhựt Thần, mười hai vị Trời lớn, năm ngôi sao lớn, sao Bắc Đẩu, Mã Thiên , Hành Đạo Thiên, Bà La Đọa Bạt Xà Thiên, Công Đức Thiên,Nhị Thập Bát Tú, Địa Thiên, Phong Thiên, Thủy Thiên , Hỏa Thiên, Phạm Thiên , Lâu Đà Thiên, Nhơn Đề Thiên,, Câu Ma

La Thiên, Bát Tý Thiên, Ma Hê Thủ La Thiên, Bàn Xà La Thiên, Qủi Tử Mẫu Thiên, Tứ Thiên Vương Thiên, Tạo Thơ Thiên, Bà Tẩu Thiên, đây gọi là tám mươi. Vì những chúng sanh nầy mà Bồ Tát tu tập tám mươi vẻ đẹp để trang nghiêm nơi thân. Đây gọi là Bồ Tát tu thân thanh tịnh. Vì tám mươi thiên thần nầy được chúng sanh kính trọng, nên Bồ Tát tu tập tám mươi vẻ đẹp, thân thể không đổi dời, làm cho chúng sanh tùy theo lòng tin, đều được thấy, sanh lòng tôn kính mà phát tâm vô thượng Bồ Đề.

Ví như có người muốn thỉnh Quốc Vương, thời phải sửa sang trần thiết nhà cửa cho thật sạch sẽ khéo léo, sắm đủ trăm thứ thực phẩm thơm ngon rồi sau mới rước Quốc Vương ngự đến nhà. Cũng vậy, Đại Bồ Tát muốn thỉnh đấng Pháp Vương Vô Thượng Bồ Đề, thời phải trước tu thân cho thật thanh tịnh, rồi sau Pháp Vương mới đến ngự.

Ví như có người muốn uống chất cam lộ thời phải trước rửa thân thật sạch. Cũng vậy, Đại Bồ Tát muốn uống Pháp vị Vô Thượng Bát Nhã Ba La Mật, trước phải tu tám mươi vẻ đẹp để trang nghiêm nơi thân.

Ví như đem bình vàng, chậu bạc đựng nước trong sạch thời cả trong lẫn ngoài đều trong sạch. Cũng vậy, Đại Bồ Tát dùng thân thanh tịnh chứa Vô Thượng Bồ Đề, thời trong ngoài đều thanh tịnh.

Như y trắng Ba La Nại dễ ăn màu thuốc nhuộm, vì chất y vốn trắng sạch. Cũng vậy, Đại Bồ Tát do thân thanh tịnh nên mau thành Vô Thượng Bồ Đề.

Do nghĩa nầy nên Đại Bồ Tát tu thân thanh tịnh, thế nào là Bồ Tát khéo biết các duyên ?

Đại Bồ Tát chẳng thấy sắc tướng, chẳng thấy sắc duyên, chẳng thấy sắc thể, chẳng thấy sắc sanh, chẳng thấy sắc diệt, chẳng thấy một tướng, chẳng thấy nhiều tướng, chẳng thấy người thấy, chẳng thấy tướng mạo, chẳng thấy người thọ, vì đã rõ nhơn duyên. Như đối với sắc, tất cả pháp cũng như vậy. Đây gọi là Bồ Tát rõ biết các duyên.

Thế nào là Bồ Tát lìa các thù địch ?

Bực Ngũ Trụ Bồ Tát chẳng xem phiền não là oán thù. Vì do phiền não mà Bồ Tát có thọ sanh, do thọ sanh nên có thể xoay vần giáo hoá chúng sanh.

Những gì là oán thù đối với Bồ Tát ?

Chính là kẻ hủy báng kinh điển Đại Thừa. Bồ Tát thọ sanh không sợ địa ngục, súc sanh, ngạ quỉ, chỉ sợ kẻ hủy báng kinh điển Đại Thừa. Có tám thứ ma là oán thù của Bồ Tát, xa lìa được tám thứ ma nầy thời gọi là lìa thù địch.

Thế nào là Bồ tát xa lìa hai bên ?

Hai bên là hai mươi lăm cõi và ái phiền não. Bồ Tát luôn xa lìa hai mươi lăm cõi cùng ái phiền não.

Đây gọi là Đại Bồ tát tu hành kinh Đại Niết Bàn thành tựu đầy đủ phần công đức thứ tư.

Cao Quý Đức Vương Bồ Tát bạch Phật : " Thế Tôn ! Như lời đức Phật vừa nói : Nếu Bồ Tát tu hành kinh Đại Niết Bàn thời thành tựu mười công đức như vậy. Cớ sao Đức Như Lai chỉ tu có chín điều mà không tu tịnh độ ?"

Phật nói : " Nầy Thiện nam tử ! Từ xưa ta thường tu tập đủ cả mười điều. Tất cả Đại Bồ Tát cùng tất cả Như Lai không có ai là chẳng tu tập trọn cả mười điều như vậy.

Giả sử thế giới đầy dẫy nhơ uế, không bao giờ Như Lai xuất hiện nơi ấy.

Nầy Thiện nam tử ! Ông chớ cho rằng chư Phật xuất hiện nơi thế giới nhơ uế. Nên biết rằng tâm tưởng như vậy là kém hẹp chẳng tốt. Ông nên biết rằng thiệt ra ta không có xuất hiện nơi Diêm Phù Đề.

Như có người nói riêng cõi nầy có mặt nhựt, mặt nguyệt, cõi khác không có. Lời nói nầy không có nghĩa lý.

Nếu có Bồ Tát nói cõi nầy nhơ uế xấu xa, cõi khác thanh tịnh xinh đẹp đây cũng là lời không có nghĩa lý.

Nầy Thiện nam tử ! Về phương Tây, cách cõi Ta Bà nầy bốn mươi hai hằng hà sa cõi Phật, có thế giới tên là Vô Thắng, những sự trang nghiêm xinh đẹp trong cõi đó đều bình đẳng, như cõi Cực Lạc, như cõi Mãn Nguyệt. Hiện tại ta xuất hiện trong cõi Vô Thắng đó. Vì hoá độ chúng sanh nên ta thị hiện chuyển pháp luân nơi Diêm Phù Đề nầy.

Chẳng phải riêng gì thân ta thị hiện chuyển pháp luân nơi cõi nầy, mà tất cả Chư Phật cũng chuyển pháp luân trong cõi nầy.

Do nghĩa nầy nên Chư Phật đều tu đủ cả mười điều như vậy.

Nầy Thiện nam tử ! Do thệ nguyện, nên đời đương lai, Từ Thị Bồ Tát làm cho cõi nầy trở thành thanh tịnh trang nghiêm.

Do nghĩa nầy nên tất cả thế giới của chư Phật đều thanh tịnh trang nghiêm.

Nầy Thiện nam tử ! Thế nào là Đại Bồ Tát tu hành kinh Đại Niết Bàn, thành tựu đầy đủ phần công đức thứ năm ? Nơi đây có năm điều công đức, một là nơi thân các căn đều trọn vẹn ; hai là chẳng sanh chốn biên địa, ba là chư Thiên Thần mến tưởng ; bốn là thường được chư Thiên, Ma Vương, Sa Môn, Bà La Môn v.v… cung kính, năm là được trí túc mạng. Do năng lực kinh Đại Niết Bàn mà Bồ Tát đồng đủ năm công đức như vậy.

Cao Quý Đức Vương Bồ Tát bạch Phật : “ Thế Tôn ! Ngày trước Phật dạy : Nếu có người bố thí thời được năm công đức. Sao nay Như Lai lại bảo nhơn kinh Đại Niết Bàn mà đặng năm công đức ?”

Phật nói : “ Lành thay ! Lành thay ! Nầy Thiện nam tử ! Các công đức ấy đều có nghĩa sai khác. Nay ta sẽ vì ông mà giảng nói.

Năm điều công đức do bố thí mà được là không định, không thương, không tịnh, không thắng, không lạ, không phải vô lậu, không thể lợi ích an lạc xót thương tất cả chúng sanh.

Nếu là năm điều công đức do y theo kinh Đại Niết Bàn mà được thời là định, là thường, là tịnh, là thắng, là lạ, là vô lậu, có thể lợi ích an lạc xót thương tất cả chúng sanh.

Nầy Thiện nam tử ! Xét về người bố thí thời xa lìa đói khát.Kinh Đại Niết Bàn có thể làm cho chúng sanh đều được xa lìa bịnh khát ái trong hai mươi lăm cõi. Do nơi bố thí làm cho sanh tử nối luôn, kinh Đại Niết Bàn có thể làm cho sanh tử phải dứt. Nhơn bố thí nên thọ lấy pháp phàm phu., nhơn kinh Đại Niết Bàn mà được pháp Bồ Tát. Do bố thí nên dứt được sự nghèo cùng khổ não, kinh Đại Niết Bàn có thể dứt tất cả sự nghèo thiếu về pháp. Do bố thí mà có phần, có quả, do kinh Đại Niết Bàn mà được vô thượng Bồ Đề không phần không quả.

Đây gọi là Bồ Tát tu hành kinh Đại Niết Bàn thành tựu đầy đủ phần công đức thứ năm.

Thế nào là Bồ Tát tu hành kinh Đại Niết Bàn thành tựu đầy đủ phần công đức thứ sáu ?

Đại Bồ Tát tu hành kinh Đại Niết Bàn được Kim Cang Tam Muội. An trụ trong chánh định nầy thời phá tan được tất cả pháp. Thấy tất cả pháp đều là vô thường, đều là tướng lay động, là nhơn duyên của sự khủng bố, bịnh khổ, cướp trộm, niệm niệm dứt hoại không chơn thiệt. Tất cả đều là cảnh giới của ma, không có tướng đáng thấy.

Đại Bồ Tát an trụ trong tam muội nầy, nhẫn đến không thấy một chúng sanh thiệt. Vì chúng sanh mà Bồ Tát tinh cần tu tập Thi La Ba La Mật, nhẫn đến Bát Nhã Ba La Mật. Nếu Bồ Tát còn thấy có một chúng sanh thời không thể rốt ráo đầy đủ Đàn Ba La Mật nhẫn đến Bát Nhã Ba La Mật.

Nầy Thiện nam tử ! Ví như vật gì bị chất kim cang dóa đập thời đều bể tan, mà chất kim cang nầy không hề hư tổn. Cũng vậy, pháp gì bị Kim cang tam muội chiếu đến thời đều nát rã, mà tam muội nầy không hề hao tổn.

Trong các thứ châu báu, chất kim cang là hơn tất cả. Cũng vậy, trong các tam muội, Kim cang tam muội là thứ nhứt. Vì Bồ Tát tu tập tam muội nầy thời tất cả tam muội đều đến quy thuộc.

Như các vua chúa nhỏ đều đến quy thuộc Chuyển Luân Thánh Vương, tất cả chánh định đều đến quy thuộc Kim cang tam muội.

Ví như có người là kẻ thù địch của quốc gia mọi người đều nhàm ghét, ai giết được người nầy thời cả nước đều ngợi khen công lao. Cũng vậy, Bồ Tát tu tập Kim Cang tam muội có thể phá hoại oán thù của tất cả chúng sanh, thế nên thường được tất cả tam muội tôn kính.

Ví như có người mạnh mẽ không ai cự lại, nếu có người thắng được người nầy thời được người đời khen tặng. Cũng vậy, Kim Cang tam muội có sức phá dẹp những pháp khó phá, nên được tất cả tam muội đến quy thuộc.

Như người đến tắm nơi biển lớn, phải biết rằng người nầy đã dùng nước của các sông ngòi suối ao. Cũng vậy, Bồ Tát tu tập Kim Cang tam muội, thời là đã tu tập tất cả tam muội khác.

Như trong Hương Sơn có một suối nước tên A Na Bà Đạp Đa, người nào được uống nước suối nầy thời không có những bịnh hoạn, vì nước suối nầy

đủ tám vị. Cũng vậy, Kim Cang tam muội đủ tám chánh đạo, Bồ Tát tu tập tam muội nầy thời dứt sạch những bịnh nặng phiền não tội lỗi.

Như người cúng dường Trời Ma Hê Thủ La, thời là đã cúng dường tất cả Chư Thiên. Cũng vậy, người tu tập Kim Cang tam muội thời là đã tu tập tất cả tam muội khác.

Nầy Thiện nam tử ! Nếu Bồ Tát an trụ trong Kim Cang tam muội thời thấy tất cả pháp không bị chướng ngại, như xem trái A Ma Lặc trong bàn tay. Bồ Tát nầy dầu được thấy như vậy, nhưng trọn không có quan niệm là thấy tất cả pháp.

Như có người ngồi nơi ngã tư đường, thấy mọi người đi, đứng, ngồi, nằm. Cũng vậy, Bồ Tát an trụ Kim Cang tam muội thời thấy sự sanh diệt mọc lặn của tất cả pháp.

Như người lên núi cao trông xa thấy rõ tất cả cảnh vật. Cũng vậy, Bồ Tát lên núi Kim Cang chánh định thời thấy rõ tất cả pháp.

Như mùa xuân, trời mưa láy pháy, giọt mưa li ti không có chỗ hở trống, người mắt sáng thời thấy rõ ràng. Cũng vậy, Bồ Tát đặng mắt thanh tịnh Kim Cang tam muội, thấy rõ những thế giới thành hoại ở mười phương, không chướng ngại.

Như do núi Càn Đà, bảy mặt trời đồng mọc, bao nhiêu cây cối nơi núi ấy đều cháy cả. Cũng vậy, Bồ Tát tu tập Kim Cang tam muội thời bao nhiêu rừng rậm phiền não liền tiêu diệt.

Như chất kim cang dầu có thể phá nát tất cả vật, nhưng trọn không có quan niệm rằng ta hay phá nát. Cũng vậy, Bồ Tát tu tập Kim Cang tam muội có thể phá phiền não mà trọn chẳng có quan niệm niệm rằng ta hay phá hoại phiền não. Như quả đất có thể giữ gìn muôn vật nhưng trọn chẳng có quan niệm rằng sức ta có thể giữ gìn ; lửa cũng chẳng nghĩ rằng ta hay đốt cháy ; nước cũng chẳng nghĩ rằng ta hay thấm nhuần ; gió cũng chẳng nghĩ rằng ta hay thổi động ; hư không cũng chẳng nghĩ rằng ta hay dung chứa ; Niết Bàn cũng chẳng nghĩ rằng ta làm cho chúng sanh đặng diệt độ. Cũng vậy, Kim Cang tam muội dầu có thể diệt trừ tất cả phiền não, nhưng vẫn không nghĩ rằng ta hay diệt trừ.

Nếu có Bồ Tát an trụ nơi Kim Cang tam muội nầy, trong khoảng một niệm biến vô lượng thân như Phật, khắp cả hằng hà sa thế giới ở mười phương,

dầu biến hoá như vậy nhưng Bồ Tát vẫn không có lòng kiêu mạn. Vì Bồ Tát thường nghĩ rằng : Ai có chánh định nầy và biến hoá được như vậy ? Chỉ có Bồ Tát an trụ Kim Cang tam muội nầy mới có thể biến hóa như vậy. Bồ Tát nầy trong một niệmđi khắp hằng hà sa thế giới ở mười phương rồi trở về bổn xứ, dầu có thần lực như vậy nhưng cũng chẳng nghĩ rằntg ta được thần lực ấy đó là do sức của Kim Cang tam muội. Bồ Tát nầy lại ở trong một niệm có thể dứt những phiền não của chúng sanh trong hằng hà sa thế giới ở mười phương, mà vẫn không có quan niệm rằng ta hay dứt phiền não của chúng sanh, đó là do sức Kim Cang tam muội. Bồ Tát nầy dùng một tiếng nói để thuyết pháp làm cho tất cả chúng sanh riêng theo loài của mình mà đặng hiểu rõ, lại thị hiện một sắc thân mà làm cho tất cả chúng sanh đều riêng thấy sắc thân riêng khác. Bồ Tát ở an một chỗ thân không dời đổi mà có thể làm cho chúng sanh theo chỗ ở của nó đều đặng thấy Bồ Tát diễn nói một pháp : Hoặc giới, hoặc nhập, mà tất cả chúng sanh đều riêng theo chỗ đã hiểu biết mà đặng nghe đó.

Bồ Tát an trụ Kim Cang tam muội dầu thấy chúng sanh mà vẫn không có tướng chúng sanh, dầu thấy nam nữ nhưng không tướng nam nữ, dầu thấy sắc thọ vị nhưng không có tướng sắc thọ vị, dầu thấy ngày đêm mà không có tướng ngày đêm, dầu thấy tất cả pháp nhưng không có tướng tất cả pháp, dầu thấy tất cả phiền não kiết sử cũng không có tướng tất cả phiền não, dầu thấy tám thánh đạo mà không có tướng tám thánh đạo, dầu thấy Bồ Đề thấy Niết Bàn nhưng không có tướng Bồ Đề, Niết Bàn, vì tất cả pháp vốn không có tướng. Bồ Tát nầy do sức Kim Cang tam muội nên thấy tất cả pháp bổn lai không có tướng.

Nầy Thiện nam tử ! Thế nào gọi là Kim Cang tam muội ? Như chất Kim cang nếu ở trong ánh nắng thời màu sắc chẳng nhứt định. Cũng vậy, Kim Cang tam muội ở trong đại chúng cũng chẳng nhứt định, vì thế nên gọi là Kim Cang tam muội.

Như chất Kim cang tất cả người đời không thể bình luận giá cả. Cũng vậy, Kim Cang tam muội có bao nhiêu công đức tất cả trời người không thể nghĩ lường được, do đây nên lại gọi là Kim Cang tam muội.

Như người nghèo đặng báu Kim cang thời hết nghèo cùng khốn khổ, lại khỏi ác quỉ tà độc. Cũng vậy, Đại Bồ Tát được tam muội nầy thời có thể dứt hết phiền não khổ hoạn xa lìa các ma tà độc, do đây nên gọi là Kim Cang tam muội.

Đây gọi là Bồ Tát tu hành kinh Đại Niết Bàn thành tựu đầy đủ phần công đức thứ sáu.

Thế nào là Đại Bồ Tát tu hành kinh Đại Niết Bàn thành tựu đầy đủ phần công đức thứ bảy ?

Nầy Thiện nam tử ! Đại Bồ Tát nầy nghĩ rằng : Pháp gì có thể làm nhơn duyên gần với Đại Niết Bàn ? Bồ Tát nầy liền biết có bốn điều : Làm nhơn duyên gần, nếu rời bốn pháp nầy thời không thể được Đại Niết Bàn : Vì thế nên nói rằng siêng tu tất cả khổ hạnh mà được Đại Niết Bàn, thời không đúng.

Đây là bốn điều : Một là gần gũi bạn lành ; hai là chuyên tâm nghe pháp ; ba là nhiếp niệm tư duy ; bốn là tu hành đúng pháp.

Như có người mang bịnh : Hoặc nóng, hoặc lạnh, hư lao, các tà quỉ độc, người bịnh nầy, tìm đến lương y, lương y liền theo bịnh cho thuốc. Người bịnh nầy hết lòng y theo lời chỉ dẫn của lương y, uống thuốc đúng cách, bịnh được lành, thân được an. Người bịnh dụ cho Bồ Tát. Lương y dụ cho thiện tri thức. Phương thuốc của lương y nói dụ cho kinh Đại Thừa. Y theo lời chỉ dẫn của lương y dụ cho khéo suy nghĩ nghĩa lý của kinh Đại Thừa. Hiệp thuốc uống đúng cách dụ cho tu hành đúng pháp. Bịnh lành dụ cho dứt hết phiền não. Thân an dụ cho đặng Niết Bàn thường, lạc, ngã, tịnh.

Ví như có Quốc Vương muốn cai trị đúng pháp, làm cho nhơn dân được an vui, nhà vua hỏi cách cai trị nơi các quan. Các quan bèn đem cách thức của Tiên Vương tâu với Quốc Vương. Quốc Vương liền chí tâm tin tưởng thật hành theo, đúng như pháp cai trị nước nhà, làm cho cả nước không giặc cướp, nhơn dân an vui. Quốc Vương dụ cho Bồ Tát, các quan dụ cho bạn lành. Cách thức cai trị của các quan tâu dụ cho mười hai bộ kinh. Quốc Vương hết lòng tin tưởng thật hành dụ cho Bồ Tát nhiếp tâm tư duy nghĩa lý của mười hai bộ kinh. Quốc Vương cai trị đúng pháp dụ cho Bồ Tát tu hành đúng theo sáu môn Ba La Mật. Cả nước không giặc cướp dụ cho Bồ Tát đã lìa phiền não kiết sử. Nhơn dân được an vui dụ cho Bồ Tát chứng được Đại Niết Bàn thường, lạc, ngã, tịnh.

Như có người bị bịnh phong hủi, có trí thức bảo rằng : Nếu ông đến được bên núi Tu Di thời bịnh có thể lành. Vì nơi đó có vị thuốc hay như cam lộ, uống được thuốc đó thời bịnh gì cũng lành. Người bịnh tin theo lời đi đến bên núi hái lấy thuốc cam lồ mà uống, tật bịnh liền hết, thân được an vui. Người bịnh dụ cho phàm phu. Trí thức dụ cho Đại Bồ Tát. Tin theo lời bảo

dụ cho bốn tâm vô lượng. Núi Tu Di dụ tám thánh đạo. Vị thuốc cam lồ dụ cho Phật tánh. Bịnh hủi được lành dụ lìa phiền não. Đặng an vui dụ đặng Niết Bàn thường, lạc, ngã, tịnh.

Ví như có người nuôi những đệ tử thông minh trí huệ, ngày đêm người nầy luôn dạy dỗ chẳng biết mõi. Bồ Tát cũng như vậy, tất cả chúng sanh hoặc tin, hoặc chẳng tin, Bồ Tát luôn giáo hóa không biết nhàm mõi.

Nầy Thiện nam tử ! Thiện tri thức là nói chư Phật Bồ Tát và hàng Thanh Văn, Bích Chi Phật, cùng những người tin kinh Đại Thừa. Thế nào gọi là thiện tri thức ? Hàng thiện tri thức có thể chỉ dạy cho chúng sanh xa lìa mười điều ác, tu hành mười điều lành, do nghĩa nầy nên gọi là thiện tri thức. Lại hàng thiện tri thức lời nói đúng như pháp thật hành đúng như lời nói, chính là tự mình chẳng sát sanh cũng bảo người chẳng sát sanh, nhẫn đến tự mình có chánh kiến, cũng đem chánh kiến dạy cho người.

Nếu có thể được như đây thời gọi là chơn thiệt thiện tri thức. Tự mình tu tập Bồ Đề cũng có thể dạy người tu hành Bồ Đề. Tự mình tu hành chánh tín, trì giới, bố thí, đa văn, trí huệ, cũng có thể dạy người như vậy, do đây nên gọi là thiện tri thức.

Nầy Thiện nam tử ! Hàng thiện tri thức có thiện pháp. Những gì là thiện pháp ? Những việc của mình thật hành chẳng mong cầu tự vui, mà thường vì chúng sanh cầu an vui, thấy người khác có lỗi không rao nói, miệng thường tuyên nói những việc thuần thiện, do đây nên gọi là thiện tri thức.

Nầy Thiện nam tử ! Như mặt trăng từ đêm mùng một đến đêm rằm lần lần thêm lớn đầy đủ. Cũng vậy, thiện tri thức làm cho những người học đạo lần lần xa lìa pháp ác, thêm lớn pháp lành. Nếu người gần gũi thiện tri thức, từ trước chưa có giới định huệ giải thoát, giải thoát tri kiến nay bèn có đó, người chưa đầy đủ thời được thêm rộng, do vì gần gũi thiện tri thức. Sự gần gũi nầy làm cho người lại được rõ thấu nghĩa sâu của mười hai bộ kinh. Nếu có thể chăm nghe nghĩa sâu của mười hai bộ kinh thời gọi là thính pháp. Nghe kinh Đại Thừa thời gọi là chơn thật thính pháp. Chơn thật thính pháp chính là nghe kinh Đại Niết Bàn, nghe có Phật tánh, Như Lai rốt ráo chẳng nhập Niết Bàn, do đây nên gọi là chuyên tâm thính pháp. Chuyên tâm thính pháp gọi là tám thánh đạo, do tám thánh đạo có thể dứt tham dục, sân khuể, ngu si, nên gọi là thính pháp. Xét về người thính pháp gọi là mười một pháp không, do pháp không nầy đối với tất cả pháp chẳng thấy có tướng mạo. Xét về người thính pháp gọi là sơ phát tâm nhẫn đến rốt ráo tâm vô thượng Bồ

Đề, nhơn nơi sơ tâm mà đặng Đại Niết Bàn, chẳng phải do nghe pháp mà đặng Đại Niết Bàn. Chính là do tu tập nên chứng Đại Niết Bàn. Như người bịnh dầu nghe lời chỉ dẫn của lương y cùng tên của món thuốc nhưng chẳng thể lành bịnh, phải do uống thuốc bịnh mới được lành. Dầu nghe mười hai nhơn duyên nhưng chẳng thể dứt được tất cả phiền não, cần phải nhiếp niệm khéo tư duy mới dứt được phiền não. Đây gọi là pháp nhiếp niệm tư duy thứ ba. Lại do nghĩa gì gọi là nhiếp niệm tư duy ? Đây là nói ba môn tam muội : Không tam muội, vô tướng tam muội, vô tác tam muội. Không là đối với hai mươi lăm cõi chẳng thấy một cõi nào là có thật. Vô tác là đối với hai mươi lăm cõi chẳng mong cầu. Vô tướng là không có mười tướng, chính là không có sắc tướng, thinh tướng, hương tướng, vị tướng, xúc tướng, sanh tướng, trụ tướng, diệt tướntg, nam tướng, nữ tướng. Tu tập ba môn tam muội như vậy thời gọi là Bồ Tát nhiếp niệm tư duy.

Thế nào gọi là tu hành đúng pháp ? Chính là tu hành Đàn Ba La Mật nhẫn đến Bát Nhã Ba La Mật, biết tướng chơn thật của ấm nhập giới, cũng biết Thanh Văn, Duyên Giác chư Phật đồng một đạo mà nhập Niết Bàn, chính là thường, lạc, ngã, tịnh, chẳng sanh già, bịnh, chết, chẳng đói khát, khổ não, chẳng thối chuyển chẳng hư mất.

Nầy Thiện nam tử ! Người hiểu nghĩa sâu của Đại Niết Bàn, thời biết chư Phật trọn chẳng rốt ráo nhập Niết Bàn.

Nầy Thiện nam tử ! Bực thiện tri thức chơn thật thứ nhứt là Bồ Tát và chư Phật, vì bực nầy thường dùng ba pháp khéo điều ngự : Một là lời nói hoàn toàn dịu hòa, hai là hoàn toàn quở trách, ba là dịu hòa cùng quở trách. Do đây nên Bồ Tát và chư Phật là bực thiện tri thức chơn thật. Phật và Bồ tát là bực đại lương y nên gọi là thiện tri thức, vì biết bịnh, biết thuốc, cho thuốc đúng bịnh.

Ví như lương y thông thạo tám môn trị bịnh xem bịnh có ba tướng : Phong, nhiệt, hàn. Người bịnh phong cho uống thuốc dầu tô, người bịnh nhiệt cho uống thuốc thạch mật, người bịnh hàn cho uống nước gừng. Do biết gốc bịnh cho thuốc được lành nên gọi là lương y. Cũng vậy, Chư Phật và Bồ Tát biết phàm phu có ba thứ bịnh :Tham dục, sân khuể, ngu si. Người tham dục dạy quán tướng xương trắng, người sân khuể dạy quán từ bi, người ngu si dạy quán mười hai nhơn duyên. Do đây nên chư Phật và Bồ Tát gọi là thiện tri thức.

Như thuyền chủ vì giỏi đưa người nên gọi là đại thuyền chủ. Cũng vậy, Chư Phật và Bồ Tát đưa chúng sanh khỏi biển sanh tử nên gọi là thiện tri thức.

Nầy Thiện nam tử ! Do Phật và Bồ Tát làm cho chúng sanh được tu hành đầy đủ những căn lành. Ví như núi Tuyết là nơi sản xuất những cội gốc thuốc hay vi diệu. Cũng vậy, chư Phật và Bồ Tát là chỗ xuất sanh tất cả căn lành, do đây nên gọi là thiện tri thức.

Trong núi Tuyết có vị hương dược tên là Ta Ha, người nào thấy thuốc nầy thời được sống lâu, không có bịnh khổ, bốn thứ độc không làm hại được. Người nào rờ đụng thuốc nầy thời sống lâu đủ một trăm hai mươi tuổi. Người nào nhớ thuốc nầy thời được trí túc mạng. Đó là do thế lực của vị thuốc nầy. Cũng vậy, chư Phật và Bồ Tát, nếu ai được thấy thời tất cả phiền não đều trừ, bốn ma chẳng nhiễu loạn được. Người nào gần gũi chư Phật và Bồ Tát, vì được nghe pháp, nên được trường thọ chẳng bị sanh tử. Người nào tưởng niệm chư Phật và Bồ Tát thời được vô thượng Bồ Đề. Do đây nên chư Phật và Bồ Tát gọi là thiện tri thức.

Như trong Hương Sơn có ao A Na Bà Đạp Đa, từ ao nầy thành nguồn bốn con sông lớn : Sông Hằng, sông Vân Đầu, sông Tư Đà, sông Bác Xoa. Người đời thường nói rằng : Nếu người có tội tắm nơi bốn con sông nầy thời tội đều tiêu diệt. Nên biết lời nói nầy là hư vọng chẳng thật. Chỉ có chư Phật và Bồ Tát mới là chơn thật. Vì người nào được gần gũi thời tất cả tội chướng đều tiêu trừ. Do đây nên chư Phật và Bồ Tát gọi là thiện tri thức.

Ví như trên mặt đất có bao nhiêu cỏ thuốc, rừng cây, trăm giống lúa, mía nho, các thứ bông trái. Gặp trời nắng hạn sắp khô chết, Nan Đà Long Vương vì xót thương chúng sanh nên ra khỏi biển lớn làm mưa xối xuống, nhờ đó tất cả cỏ cây bông trái đều được tươi tốt. Cũng vậy, tất cả chúng sanh có bao nhiêu căn lành sắp tiêu diệt, chư Phật và Bồ Tát sanh lòng đại bi từ biển trí huệ rưới pháp cam lồ, làm cho chúng sanh được mười hai pháp lành. Do đây nên chư Phật và Bồ Tát gọi là thiện tri thức.

Ví như lương y thông thạo tám môn trị bịnh, thấy những người bịnh thời lo chữa trị, không ngó đến dòng họ, đẹp xấu cũng không nghĩ đến châu báu, do đây nên người đời xưng tặng là đại lương y. Cũng vậy, chư Phật và Bồ Tát thấy chúng sanh có bịnh phiền não, liền sanh lòng từ mẫn mà thuyết pháp, không ngó đến dòng họ đẹp xấu cùng của cải, chúng sanh được nghe pháp, phiền não liền trừ diệt. Do đây nên chư Phật và Bồ Tát gọi là thiện tri thức. Do vì gần gũi thiện hữu nên được gần Đại Niết Bàn.

Thế nào là Bồ Tát nhờ nghe pháp mà đặng gần với Đại Niết Bàn ? tất cả chúng sanh do nghe pháp mà có tín căn, vì có tín căn nên thích thật hành bố thí , trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn , thiền định và trí huệ, được quả Tu Đà Hoàn nhẫn đến quả Phật. Do đây nên biết rằng được những pháp lành đều là thế lực của sự nghe pháp.

Ví như trưởng giả chỉ có một con trai, ông sai con đến nước khác buôn bán đổi chác. Ông chỉ rành đường sá, rồi lại dặn rằng : Nếu gặp dâm nữ thời con phải cẩn thận, chớ gần gũi, nếu thương yêu gần gũi thời mất tiền của và thân mạng cũng khó bảo toàn, cũng chớ giao du với người tệ ác. Người con kính thuận theo lời dạy của cha, thân tâm an ổn được nhiều của báu mang về.

Đại Bồ Tát giáo hóa chúng sanh cũng như vậy, chỉ rành đường đạo cùng những pháp chướng ác. Nhờ nghe pháp mà chúng sanh xa lìa những điều ác, đầy đủ những pháp lành đây là do sự thính pháp mà được gần với Đại Niết Bàn.

Ví như gương sáng soi rõ mặt người. Cũng vậy, người được nghe pháp thời thấy rõ pháp lành, pháp ác, do đây nên được gần Đại Niết Bàn.

Ví như nhà tìm châu bảo chẳng biết đường sá, có người hiểu biết chỉ đường, bèn đến được chỗ châu báu. Cũng vậy, tất cả chúng sanh muốn đến chỗ lành để lấy pháp bảo, chẳng biết phương pháp tu hành, nhờ Bồ Tát chỉ dạy, chúng sanh tuân theo mà được đến chỗ lành đặng pháp bảo vô thượng Đại Niết Bàn. Đây là do nghe pháp mà đặng gần với Đại Niết Bàn.

Ví như voi say hung dữ, có nhà điều tượng dùng móc sắt móc rách da đầu, voi say liền điều thuận hết tâm hung dữ. Cũng vậy, tất cả chúng sanh do tham, sân , si nên muốn gây tạo nhiều tội ác, Bồ Tát vì họ thuyết pháp, làm cho họ dứt hết tâm ác, do đây nên gần được Đại Niết Bàn. Vì thế nên Như Lai ở trong các kinh bảo hàng đệ tử phải nhiếp tâm lóng nghe và lãnh thọ mười hai bộ kinh, tu bảy giác chi, lìa năm thứ cái chướng. Do tu tập bảy giác chi thời được gần Đại Niết Bàn.

Do thính pháp mà Tu Đà Hoàn lìa những sự khủng bố :

Trưởng giả Tu Đạt Đa trước kia mang bịnh nặng, ông rất lo rầu sợ sệt. Sau khi được nghe Xa Lợi Phất nói bực Tu Đà Hoàn có bốn công đức, dùng mười thứ ví dụ để an ủi. Trưởng giả nghe rồi liền hết sợ sệt. Đây cũng là do thính pháp mà được gần Đại Niết Bàn, vì được mở thông pháp nhãn.

Trong đời có ba người : Một là không con mắt, hai là một con mắt, ba là đủ hai mắt. Người không con mắt dụ cho thường chẳng được nghe pháp. Người một con mắt dụ cho được tạm thời nghe pháp mà tâm không được an trụ. Người đủ hai con mắt dụ cho chuyên tâm nghe pháp lãnh thọ và thực hành, do đây được gần Đại Niết Bàn.

Nầy Thiện nam tử ! Ngày trước lúc ta ở thành Câu Thi Na, Xá Lợi Phất đương bịnh khổ. Ta sai A Nan đến thuyết pháp. Lúc đó Xá Lợi Phất nghe A Nan thuyết pháp, bèn bảo bốn người đệ tử khiêng giường bịnh đến chỗ Phật để nghe pháp. Do phước lực nghe Phật thuyết pháp nên Xá Lơïi Phất được lành bịnh thân thể an ổn. Vì thế nên nghe chánh pháp thời được gần Đại Niết Bàn.

Thế nào là Bồ Tát do tư duy mà được gần Đại Niết Bàn ? Nhơn sự tư duy nầy mà tâm được giải thoát. Vì tất cả chúng sanh thường bị ngũ dục ràng buộc, do tư duy nên đều được giải thoát. Đây là do tư duy mà được gần Đại Niết Bàn.

Tất cả chúng sanh thường bị thường, lạc, ngã, tịnh làm điên đảo. Do tư duy nên được thấy các pháp là vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh. Nhờ sự thấy nầy mà hết điên đảo. Đây cũng là do tư duy mà được gần Đại Niết Bàn.

Tất cả pháp có bốn tướng : sanh tướng, lão tướng, bịng tướng, diệt tướng. Do bốn tướng nầy làm cho phàm phu đến Tu Đà Hoàn bị nhiều sự khổ não. Nếu người có thể nhiếp niệm khéo tư duy, dầu gặp bốn tướng nầy nhưng chẳng bị khổ não. Đây cũng là do tư duy mà được gần Đại Niết Bàn.

Nầy Thiện nam tử ! Tất cả pháp lành đều do tư duy mà được. Vì có người dầu trải qua vô lượng vô biên vô số kiếp chuyên tâm thính pháp, nếu chẳn tư duy thời trọn không thể được vô thượng Bồ Đề. Đây cũng là do tư duy mà được gần Đại Niết Bàn.

Nếu có chúng sanh tin Phật, Pháp, Tăng không biến đổi nên sanh lòng cung kính. Nên biết rằng đây là do năng lực của sự nhiếp niệm tư duy mới được dứt trừ tất cả phiền não. Đây cũng là do tư duy mà được gần Đại Niết Bàn.

Thế nào là Bồ Tát tu hành đúng chánh pháp ? Nầy Thiện nam tử ! Dứt những pháp ác tu các pháp lành thời gọi là Bồ Tát tu hành đúng pháp. Lại thấy tất cả pháp trống rỗng không chỗ có, không thường, không lạc, không ngã, không tịnh, do sự thấy biết nầy nên thà bỏ thân mạng chẳng phạm cấm giới. Đây gọi là Bồ Tát tu hành đúng pháp.

Tu có hai thứ : Chơn thật và chẳng thật. Chẳng biết tướng của Niết Bàn, Phật Tánh, Như Lai, Pháp, Tăng, thật tướng, tướng hư không v.v… đây gọi là chẳng thật. Nếu biết thời gọi là chơn thật.

Thế nào gọi là biết tướng của Niết Bàn ? Niết Bàn có tám điều : Một là sạch hết, hai là tánh lành, ba là thật, bốn là chơn, năm là thường, sáu là lạc, bảy là ngã, tám là tịnh. Niết Bàn lại có tám điều : Một là giải thoát, hai là tánh lành, ba là chẳng thật, bốn là chẳng chơn, năm là vô thường, sáu là vô lạc, bảy là vô ngã, tám là vô tịnh.

Niết Bàn lại có sáu tướng : Một là giải thoát, hai là tánh lành, ba là chẳng thật, bốn là chẳng chơn, năm là an lạc, sáu là thanh tịnh.

Nếu chúng sanh y theo đạo thế tục mà dứt phiền não, thời Niết Bàn đó có tám điều giải thoát chẳng chơn thật, vì là vô thường. Vì vô thường nên là không thật, vì không thật thời không chơn. Dầu dứt phiền não nhưng rồi sẽ khổ trở lại, do đây nên không có thường, lạc, ngã, tịnh, đây gọi là Niết Bàn có tám điều giải thoát không thật.

Thanh Văn Duyên Giác vì dứt phiến não nên gọi là giải thoát nhưng chưa được vô thượng Bồ Đề, đây gọi là chẳng thật vì chẳng thật nên chẳng chơn. Đời vị lai sẽ được vô thượng Bồ Đề nên là vô thường. Vì được tám thánh đạo vô lậu nên gọi là thanh tịnh an lạc, đây gọi là Niết Bàn có sáu tướng.

Nầy Thiện nam tử ! Nếu biết như vậy đó là biết Niết Bàn, chẳng gọi là biết Phật tánh, Như Lai, Pháp, Tăng, thật tướng, hư không.

Phật tánh có sáu điều : Một là thường, hai là tịnh, ba là thật, bốn là thiện, năm là sẽ thấy, sáu là chơn. Phật tánh lại có bảy điều : Sáu điều như trên, bảy là có thể chứng, đây gọi là Bồ Tát biết Phật tánh.

Như Lai chính là tướng giác ngộ, tướng lành, là thường, lạc, ngã, tịnh, là giải thoát chơn thật, dạy đạo có thể thấy được, đây gọi là Bồ Tát biết tướng Như Lai.

Pháp là hoặc lành chẳng lành, hoặc thường chẳng thường, hoặc lạc chẳng lạc, hoặc ngã chẳng ngã, hoặc tịnh chẳng tịnh, hoặc tri chẳng tri, hoặc giải chẳng giải, hoặc chơn chẳng chơn, hoặc tu chẳng tu, hoặc sư chẳng phải sư, hoặc thật chẳng thật, đây gọi là Bồ Tát biết pháp tướng.

Thế nào là Bồ Tát biết Tăng tướng ?

Tăng là thường, lạc, ngã, tịnh, là tướng đệ tử, tướng có thể thấy, là thiện , là chơn, chẳng thật, vì tất cả Thanh Văn sẽ được thành Phật, vì tỏ ngộ chơn tánh nên gọi là chơn. Đây gọi là Bồ Tát biết tướng của Tăng.

Thiệt tướng là : Hoặc thường, vô thường, hoặc lạc, vô lạc, hoặc ngã, vô ngã, hoặc tịnh, vô tịnh, hoặc thiện, bất thiện, hoặc có, hoặc không, hoặc Niết Bàn, hoặc chẳng phải Niết Bàn, hoặc giải thoát, hoặc chẳng phải giải thoát, hoặc tri, hoặc bất tri, hoặc đoạn, hoặc bất đoạn, hoặc chứng, hoặc chẳng chứng, hoặc tu, hoặc chẳng tu, hoặc thấy, hoặc chẳng thấy, đây gọi là thiệt tướng, chẳng phải là Niết Bàn Phật tánh, Như Lai, Pháp, Tăng, hư không.

Đây gọi là Bồ Tát nhơn tu kinh Đại Niết Bàn nầy biết tướng sai khác của Niết Bàn, Phật tánh, Như Lai, Pháp, Tăng, thiệt tướng, hư không.

Nầy Thiện nam tử ! Đại Bồ Tát tu kinh Đại Niết Bàn chẳng thấy hư không, vì Phật và Bồ Tát dầu có ngũ nhãn nhưng chẳng thấy, chỉ có huệ nhãn mới thấy được. Chỗ thấy của huệ nhãn là không có pháp thấy được nên gọi là thấy. Nếu là không có vật gọi là hư không, thời hư không ấy gọi là thật, do vì thật thời gọi là thường không, vì thường không nên không có lạc, ngã và tịnh.

Nầy Thiện nam tử ! Trống không gọi là không có pháp, không có pháp gọi là trống không. Như trong đời chỗ không có vật gọi là trống không, tánh hư không cũng như vậy, vì không chỗ có nên gọi là hư không.

Nầy Thiện nam tử ! Tánh chúng sanh cùng tánh hư không đều không có thiệt tánh. Như có người nói rằng :Trừ dứt những vật có rồi sau mới là không. Nhưng hư không nầy thiệt chẳng thể làm ra, vì là không chỗ có, đã không chỗ có nên biết là không có hư không. Tánh hư không nầy nếu có thể làm ra thời gọi là vô thường, nếu là vô thường thời chẳng gọi là hư không.

Nầy Thiện nam tử ! Như người đời nói rằng hư không là không sắc chất, không cách ngại, là thường chẳng biến đổi, do đây nên trong đời gọi tánh hư không là đại chủng thứ năm. Nhưng hư không nầy thiệt ra không có tánh, do ánh sáng nên gọi là hư không, thật ra không có hư không. Như thế đế thiệt ra không có tánh vì thuận theo chúng sanh mà nói là có thế đế.

Nầy Thiện nam tử ! Thể Niết Bàn cũng không có chỗ trụ, chính nơi chư Phật dứt sạch phiền não mà gọi là Niết Bàn. Niết Bàn chính là thường, lạc, ngã, tịnh. Niết Bàn dầu là lạc, nhưng chẳng phải là thọ lạc, bèn là sự vui tịch diệt vi diệu vô thượng. Chư Phật có hai thứ vui : Một là tịch diệt lạc, hai là giác

tri lạc. Thể thiệt tướng có ba thứ vui : Một là thọ lạc, hai là tịnh diệt lạc, ba là giác tri lạc. Phật tánh có một thứ vui, vì sẽ được thấy, lúc chứng vô thượng Bồ Đề thời gọi là Bồ Đề lạc.

Cao Quý Đức Vương Bồ Tát bạch Phật : " Bạch Thế Tôn ! Nếu chỗ phiền não dứt là Niết Bàn thời không phải. Vì xưa kia lúc Đức Như Lai mới thành Phật, đi đến bờ sông Ni Liên Thiền, Ma Vương cùng quyến thuộc đến chỗ Phật thưa rằng : Thời kỳ Niết Bàn đã đến sao Thế Tôn chẳng nhập ?"

Phật bảo Ma Vương : Nay ta chưa có hàng đa văn đệ tử giới hạnh tinh nghiêm
Trí huệ thông minh, có thể giáo hoá chúng sanh, nên ta chẳng nhập Niết Bàn.

Nếu nói rằng chỗ phiền não dứt là Niết bàn, Bồ Tát từ vô lượng kiếp đã dứt phiền não, cớ sao chẳng đặng gọi là Niết Bàn ? Đều đồng dứt, cớ sao gọi riêng chư Phật có Niết Bàn, còn Bồ Tát thời không ? Nếu dứt phiền não chẳng phải là Niết Bàn cớ sao ngày trước đức Như Lai bảo ông Sanh Danh : Chính thân của ta đây là Niết Bàn. ?

Lúc Như Lai ở nước Tỳ Xá Ly, Ma Vương lại đến thưa : Thế Tôn ngày trước nói rằng vì chưa có hàng đệ tử đa văn trì giới thông minh trí huệ có thể giáo hóa chúng sanh, nên Thế Tôn chẳng nhập Niết bàn. Nay đã đầy đủ cớ sao Thế Tôn chẳng nhập ? Như Lai bảo Ma Vương : Sau đây ba tháng ta sẽ nhập Niết Bàn.

Bạch Thế Tôn ! Giả sử diệt độ chẳng phải nhập Niết bàn, tại sao đức Như Lai lại hẹn ba tháng sẽ nhập Niết Bàn ?

Bạch Thế Tôn ! Nếu dứt phiền não là Niết Bàn, ngày trước lúc đức Như Lai ngồi nơi đạo tràng Bồ Đề dứt hết phiền não bèn là Niết Bàn, sao lại nói với Ma Vương sau ba tháng sẽ nhập Niết Bàn ?

Bạch Thế Tôn ! Nếu lúùc đó là Niết Bàn, tại sao lại tuyên bố đến cuối đêm sẽ nhập Niết Bàn ?

Đức Như Lai là đấng thành thiệt, cớ sao lại nói những lời hư vọng như vậy ?

Phật bảo Cao Quý Đức Vương Bồ Tát : " Nầy Thiện nam tử ! Như Lai đã đặng tướng lưỡi rộng dài, phải biết rằng Như Lai từ vô lượng kiếp đã lìa

vọng ngữ. Tất cả chư Phật và Bồ Tát phàm có nói ra đều là lời thành thật chắc chắn không hư dối.

Nầy Thiện nam tử ! Ngày trước Ma Ba Tuần thỉnh Phật nhập Niết Bàn, mà Ma Vương chẳng biết tướng Niết Bàn. Ý Ma Vương cho rằng chẳng giáo hoá chúng sanh yên lặng bất động đó là Niết Bàn. Ví như người đời thấy có ai chẳng nói chẳng làm, bèn cho rằng người nầy như chết. Ý Ma Vương cũng như vậy.

Nầy Thiện nam tử ! Như Lai chẳng nói Phật Pháp và chúng Tăng không có tướng sai khác. Chỉ nói thường trụ và thanh tịnh hai pháp nầy không sai khác. Phật cũng chẳng nói Phật cùng Phật tánh và Niết Bàn không có tướng sai khác, chỉ nói thường hằng bất biến là không sai khác, Phật cũng chẳng nói Niết Bàn và thiệt tướng không có tướng sai khác, chỉ nói thường trụ và thật chẳng biến đổi không có sai khác.

Nầy Thiện nam tử ! Có lúc hàng Thanh Văn đệ tử của ta sanh sự tránh tụng, như các Tỳ Kheo ở nước Câu Diêm Vi trái lời dạy của Phật phạm nhiều cấm giới, chẳng kính trọng Phật, Pháp, Tăng, giới luật hòa thượng. Những Tỳ Kheo ác nầy chẳng tin lời dạy của Phật. Vì những người nầy mà ta bảo Ma Ba Tuần ông chớ lo rằng chậm. Sau ba tháng ta sẽ nhập Niết Bàn.

Nầy Thiện nam tử ! Nhơn vì các Tỳ Kheo ác nầy, khiến hàng Thanh Văn chẳng thấy thân của ta, chẳng nghe ta thuyết pháp, bèn cho rằng Như Lai nhập Niết Bàn. Chỉ hàng Bồ Tát thấy được thân ta, thường nghe ta thuyết pháp, nên chẳng cho rằng Phật nhập Niết Bàn.

Dầu hàng Thanh Văn nói rằng Như Lai nhập Niết Bàn, nhưng thật ra ta chẳng nhập Niết Bàn.

Nếu Thanh Văn đệ tử của ta nói rằng Như Lai nhập Niết Bàn, phải biết người nầy chẳng phải đệ tử của Phật, là bè đảng của ma, là người tà kiến chẳng phải chánh kiến. Nếu nói Như Lai chẳng nhập Niết bàn, phải biết người nầy thiệt là đệ tử Phật, là người chánh kiến chẳng phải bè đảng của ma.

Nầy Thiện nam tử ! Ta chẳng thấy trong hàng đệ tử có người nào cho rằng Như Lai chẳng giáo hóa chúng sanh yên lặng bất động gọi là Niết bàn.

Ví như trưởng giả có đông con cái, đi đến xứ khác chưa trở về. Những người con đều cho rằng cha mình đã chết. Như trưởng giả nầy thiệt chẳng chết, mà

những người con điên đảo tưởng rằng chết. Cũng vậy, hàng Thanh Văn đệ tử vì chẳng thấy Phật, bèn cho rằng Như Lai đã nhập Niết Bàn trong rừng Ta La nơi thành Câu Thi Na, nhưng thật ra ta chẳng nhập Niết Bàn, mà hàng Thanh Văn tưởng là nhập Niết Bàn.

Ví như ngọn đèn sáng, có người che kín đó, những kẻ không biết cho rằng đèn đã tắt, nhưng đèn sáng nầy thiệt chẳng tắt, vì không biết nên cho là tắt. Cũng vậy, hàng Thanh Văn đệ tử dầu có huệ nhãn nhưng bị phiền não che đậy làm cho tâm điên đảo chẳng thấy được thân chơn thật của Phật, bèn tưởng là Phật diệt độ, nhưng thiệt ra ta chẳng diệt độ.

Như người sanh manh chẳng thấy mặt trời mặt trăng, chẳng biết ngày đêm sáng tối, vì chẳng biết bèn nói rằng không có mặt trời mặt trăng thiệt, do vì không thấy nên sanh tưởng điên đảo. Cũng vậy, hàng Thanh Văn đệ tử, vì chẳng thấy Như Lai bèn cho rằng Phật nhập Niết Bàn. Nhưng thật ra Như Lai chẳng nhập Niết Bàn.

Ví như mây mù che khuất mặt trời mặt trăng, kẻ ngu si cho rằng không có mặt trời mặt trăng. Cũng vậy, Vì các phiền não che đôi mắt trí huệ nên hàng Thanh Văn chẳng thấy Như Lai bèn cho rằng Như Lai nhập Niết Bàn.

Nầy Thiện nam tử ! Đây là đức Như Lai thị hiện Anh Nhi Hạnh chớ chẳng phải diệt độ.

Nầy Thiện nam tử ! Như lúc mặt trời lặn, vì Hắc Sơn che khuất mặt trời, nên chúng sanh Diêm Phù Đề chẳng thấy, nhưng thật ra mặt trời không có lặn, vì không thấy nên chúng sanh tưởng là lặn. Cũng vậy, hàng Thanh Văn đệ tử bị phiền não che ngăn chẳng thấy thân Phật, vì chẳng thấy nên cho rằng Như Lai nhập Niết Bàn, nhưng thiệt ra Phật chẳng nhập Niết Bàn.

Do đây nên Phật ở nước Tỳ Da Ly bảo Ma Ba Tuần : Sau ba tháng ta sẽ nhập Niết Bàn.

Nầy Thiện nam tử ! Như Lai thấy trước rằng Ca Diếp Bồ Tát sau ba tháng căn lành sẽ thành thục, cũng thấy núi Hương Sơn ông Tu Bạt Đà La an cư xong sẽ đến chỗ ta, nên ta bảo Ma Ba Tuần sau ba tháng sẽ nhập Niết Bàn.

Nầy Thiện nam tử ! Có năm trăm lực sĩ mãn ba tháng cũng sẽ phát tâm vô thượng Bồ Đề, vì họ nên ta bảo ma Ba Tuần sau ba tháng Phật sẽ nhập Niết Bàn.

Nầy Thiện nam tử ! Bọn ông Thuần Đà năm trăm Lê Xa tử, và Am La nữ Sau ba tháng thời đạo tâm vô thượng sẽ thành thục, vì những người nầy nên ta bảo ma Ba Tuần sau ba tháng Như Lai sẽ nhập Niết Bàn.

Nầy Thiện nam tử ! Ông Tu Na Sát Đa theo hàng ngoại đạo Ni Kiền Tử, ta vì ông thuyết pháp trọn mười hai năm, ông chẳng tin chẳng thọ, chẳng bỏ tà kiến, ta biết ác tâm tà kiến của ông sau ba tháng quyết định có thể dứt trừ, nên ta bảo ma Ba Tuần sau ba tháng Phật sẽ nhập Niết Bàn.

Nầy Thiện nam tử ! Do nhơn duyên gì mà ngày trước ở bên sông Ni Liên, ta bảo ma Ba Tuần vì chưa có hàng đệ tử đa văn trí huệ nên Phật chẳng nhập Niết Bàn ?

Lúc đó ta muốn chuyển pháp luân độ các ông Kiều Trần Như v.v…, cũng muốn độ các ông Da Xá, muốn độ bọn ông Úc Dà trưởng giả, muốn độ vua Tần Bà Ta La nước Ma Dà Đà cùng vô lượng nhơn thiên, muốn độ thầy trò Ưu Lâu Tần Loa Ca Diếp, Na Đề Ca Diếp, Dà Da Ca Diếp, cũng muốn độ các ông Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên v.v… Vì thế nên ta bảo ma Ba Tuần : Như Lai chẳng nhập Niết Bàn.

Nầy Thiện nam tử ! Có Niết Bàn chẳng phải là Đại Niết Bàn. Chẳng thấy Phật tánh mà dứt phiền não thời gọi là Niết Bàn chẳng phải Đại Niết Bàn. Bởi chẳng thấy Phật tánh nên không có thường, ngã, chỉ có lạc và tịnh, do đây nên dầu dứt phiền não mà chẳng được gọi là Đại Niết Bàn. Nếu thấy Phật tánh dứt phiền não thời gọi là Đại Niết Bàn, vì thấy Phật tánh nên được gọi là thường, lạc, ngã, tịnh.

Nầy Thiện nam tử ! “ Niết” nghĩa là chẳng, “ Bàn” nghĩa là dệt, nghĩa chẳng dệt gọi là Niết Bàn. “Bàn” lại có nghĩa là che, chẳng bị che bèn gọi là Niết Bàn. Bàn lại có nghĩa là đi đến, chẳng đi chẳng đến gọi là Niết Bàn. “ Bàn” lại có nghĩa là bất định, không bất định gọi là Niết Bàn. “Bàn” lại có nghĩa là mới cũ, không mới cũ gọi là Niết Bàn. “Bàn” lại có nghĩa là chướng ngại, không chướng ngại gọi là Niêt Bàn.

Nầy Thiện nam tử ! Có hàng đệ tử của phái Ưu Lâu Khư, phái Ca Tỳ La nói “Bàn:” là danh tướng, không danh tướng gọi là Niết Bàn. “Bàn” lại có nghĩa là có; không có thời gọi là Niết Bàn. “Bàn” lại có nghĩa là hòa hiệp; không hòa hiệp gọi là Niết Bàn. “Bàn” lại có nghĩa là khổ ; không khổ gọi là Niết Bàn.

Nầy Thiện nam tử ! Người dứt phiền não chẳng gọi là tu Niết Bàn, chẳng sanh phiền não thời gọi là Niết Bàn. Chư Phật Như Lai vĩnh viễn chẳng khởi phiền não nên gọi là Niết Bàn. Có trí huệ ở nơi tất cả pháp không có chướng ngại thời gọi là Như Lai. Như Lai chẳng phải phàm phu, Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát. Đây gọi là Phật tánh.

Thân tâm trí huệ của Như Lai khắp đầy vô lượng vô biên, vô số cõi, không bị chướng ngại, đây gọi là hư không.

Như Lai thường trụ không có biến đổi, đây gọi là thật tướng.

Do nghĩa nầy nên Như Lai thiệt chẳng rốt ráo nhập Niết Bàn.

Đây gọi là Bồ Tát tu hành kinh Đại Niết Bàn thành tựu đầy đủ phần công đức thứ bảy.

Thế nào là Đại Bồ Tát tu hành kinh Đại Niết Bàn thành tựu đầy đủ phần công đức thứ tám ?

Nầy Thiện nam tử ! Đại Bồ Tát tu hành kinh Đại Niết Bàn : Trừ dứt năm việc, xa lìa năm việc, thành tựu sáu việc, tu tập năm việc, giữ gìn một việc, gần gũi bốn việc, tin thuận nhứt thật, tâm thiện giải thoát, huệ thiện giải thoát.

Trừ dứt năm việc, chính là trừ năm ấm : Sắc, thọ, tưởng, hành, thức : Năm thứ nầy hay làm chúng sanh sống chết nối mãi, chẳng rời gánh nặng chia lìa tụ họp, buộc ràng trong ba đời, không thể cầu tìm cho ra nghĩa lý ; do những lẽ nầy nên gọi là “ẤM”.

Đại Bồ Tát dầu thấy sắc ấm, nhưng chẳng thấy tướng của nó, vì trong mười món sắc suy tìm tánh của nó trọn không thể được, vì thuận theo thế tục mà gọi là “ẤM”.

Có một trăm lẻ tám thứ thọ, Bồ Tát dầu thấy thọ ấm, nhưng vẫn không thấy tướng của thọ. Vì thọ dầu có một trăm lẻ tám, nhưng tất cả không có nghĩa lý quyết định thật.

Như sắc và thọ, tưởng, hành và thức cũng như vậy.

Vì thấy rõ năm ấm là cội gốc sanh ra phiền não, nên Đại Bồ Tát dùng phương tiện làm cho dứt.

Đại Bồ Tát xa lìa năm việc, chính là xa lìa năm kiến chấp : Thân kiến, biên kiến, tà kiến, kiến thủ, giới thủ. Do năm kiến chấp nầy sanh ra sáu mươi hai thứ kiến chấp. Vì những thứ kiến chấp nầy mà sanh tử nối mãi chẳng dứt, nên Bồ Tát ngăn ngừa không gần gũi.

Đại Bồ Tát thành tựu sáu việc, chính là thành tựu sáu chánh niệm : Niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niện Thiên, niệm Thí, niệm Giới.

Đại Bồ Tát tu tập năm việc, chính là tu tập năm định : Tri định, tịch định, thân tâm thọ khóai lạc định, vô lạc định, Thủ Lăng Nghiêm định. Tu tập năm thứ định tâm nầy thời gần với Đại Niết Bàn, vì thế nên Đại Bồ Tát chuyên cần tu tập.

Bồ Tát giữ gìn một việc, chính là giữ gìn tâm Bồ Đề. Đại Bồ Tát luôn siêng năng gìn giữ tâm Bồ Đề, như người đời săn sóc đứa con một, như người chột mắt giữ gìn một mắt còn lại, như đi giữa rừng hoang vắng giữ gìn người dẫn đường. Do gìn giữ tâm Bồ Đề mà được vô thượng Bồ Đề, do được vô thượng Bồ Đề nên có đủ thường, lạc, ngã và tịnh, chính là Đại Niết Bàn do đây nên Bồ Tát gìn giữ một tâm Bồ Đề nầy.

Bồ Tát gần gũi bốn việc, chính là gần bốn tâm vô lượng : Đại từ, đại bi, đại hỉ, đại xả : Do bốn tâm nầy có thể làm cho vô lượng chúng sanh phát tâm Bồ Đề, nên Bồ Tát luôn gần gũi.

Bồ Tát tin thuận nhứt thật, chính là rõ biết tất cả chúng sanh đều về nơi đạo duy nhứt, đạo duy nhứt nầy là Đại Thừa : Nơi Đại Thừa nầy, chư Phật và Bồ Tát chia ra làm ba thừa để dụ dẫn chúng sanh.

Bồ Tát tâm thiện giải thoát chính là đã dứt hẳn tham, sân, si.

Bồ Tát huệ thiện giải thoát, chính là Đại Bồ Tát rõ biết tất cả pháp không chướng ngại. Do huệ giải thoát nên những pháp từ xưa chưa nghe mà nay được nghe, từ xưa chưa thấy mà nay được thấy, từ xưa chưa đến mà nay được đến.

Cao Quý Đức Vương Bồ Tát bạch Phật : " Thế Tôn ! Như lời Phật nói : " Tâm giải thoát", xét ra không đúng nghĩa. Vì tâm vốn không hệ phược. Bổn tánh của tâm không bị tham, sân, si, hệ phược. Đã là vốn không hệ phược, sao lại nói là giải thoát ?

Thế Tôn ! Nếu bổn tánh của tâm chẳng bị tham kiết hệ phược, do nhơn duyên gì mà có thể hệ phược được tâm ? Ví như vắt sừng, vì vốn không sữa nên dầu tốn nhiều công lực vẫn không do đâu có sữa chảy ra. Nếu vắt vú bò, tốn công ít mà được nhiều sữa. Cũng vậy, tâm vốn không tham, sao nay lại có. Nếu trước vốn không mà sau mới có, thời chư Phật và Bồ Tát vốn không tham, nay đáng lẽ đều có.

Thế Tôn ! Như thạch nữ vốn không con, dầu tốn nhiều công lực, nhiều nhơn duyên vẫn không thể có con. Cũng vậy, tâm vốn không tham, dầu gây tạo nhiều duyên, cũng không do đâu sanh được tham.

Thế Tôn ! Như dùi cây ướt không thể được lửa. Cũng vậy, dầu dùi tìm nơi tâm vẫn không thể có tham. Tại sao tham kiết hệ phược được tâm .

Thế Tôn ! Ví như ép cát không thể có dầu. Cũng vậy, dầu ép nơi tâm vẫn không có tham. Phải biết rằng tham cùng tâm, lý nghĩa của hai thứ riêng khác nhau. Thiết sử có tham, đâu nhiễm ô được tâm.

Thế Tôn ! Ví như đem nọc cắm giữa hư không trọn không thể đứng cứng được. Cũng vậy, đem tham cắm vào tâm, trọn không thể hệ phược được tâm, dầu dùng nhiều nhơn duyên.

Thế Tôn ! Nếu tâm vốn không tham mà lại gọi là giải thoát, thời chư Phật và Bồ Tát sao chẳng nhổ gai trong hư không ?

Thế Tôn ! Tâm quá khứ không gọi là giải thoát. Tâm vị lai cũng không giải thoát ; tâm hiện tại chẳng cùng chung với đạo ; thế thời tâm nào gọi là được giải thoát ?

Thế Tôn ! Như ngọn đèn quá khứ không thể diệt tối ; ngọn đèn vị lai cũng không thể diệt tối ; ngọn đèn hiện tại lại không thể diệt tối ; vì sáng cùng tối, hai thứ ấy không đồng thời có. Tâm cũng như vậy, sao lại nói rằng tâm được giải thoát ?

Thế Tôn ! Tham cũng là có. Nếu tham là không, thời lúc thấy người nữ lẽ ra chẳng sanh tham. Nếu do người nữ mà sanh tham, thời tham là có thật. Vì có tham nên đọa ba đường ác.

Thế Tôn ! Như có kẻ thấy tượng vẽ người nữ cũng sanh tham, vì sanh tham nên thành có nhiều tội lỗi. Nếu vốn không tham, tại sao thấy tướng vẽ lại sanh tham ? Nếu tâm không tham, tại sao Như Lai nói Bồ Tát tâm được giải

thoát ? Nếu tâm có tham, sao lại phải chờ thấy người nữ rồi sau mới sanh. Người không thấy thời không sanh ? Hiện tại tôi thấy có quả báo ác do tham gây ra, nên biết tham là có sân và si cũng như vậy.

Thế Tôn ! Như chúng sanh có thân không ngã, mà phàm phu chấp có ngã ; dầu chấp có ngã nhưng không vì thế mà đọa ba ác đạo. Tại sao người tham đối với không tướng nữ sanh tưởng là nữ mà phải đọa ba ác đạo ?

Thế Tôn ! Ví như dùi cây sanh lửa, nhưng tánh lửa nầy trong các duyên đều không có, cớ gì mà được sanh ra lửa ?

Thế Tôn ! Cũng vậy , trong sắc không có tham, trong thinh, hương, vị, xúc, pháp cũng đều không có tham, tại sao nơi sắc v.v… lại sanh ra tham ? Nếu trong các duyên đều không có tham, tại sao riêng chúng sanh có tham, mà chư Phật và Bồ Tát không sanh tham ?

Thế Tôn ! Tâm cũng là bất định. Nếu tâm là nhứt định thời không có tham sân si. Nếu tâm đã là bất định, sao lại nói rằng tâm được giải thoát ? Tham cũng là bất định, nếu đã là bất định, tại sao lại nhơn nơi tham mà sanh ra ba ác đạo ? Kẻ tham cùng cảnh giới, cả hai đều bất định. Vì đồng chung duyên một cảnh sắc, hoặc sanh tham, hoặc sanh sân, hoặc sanh si. Nếu cả hai đều bất định, tại sao đức Như Lai nói rằng Bồ Tát tu Đại Niết Bàn thời tâm được giải thoát ?

Phật bảo Cao Quý Đức Vương Bồ Tát : Lành thay ! Lành thay ! Nầy Thiện nam tử ! Tâm cũng chẳng bị tham kiết hệ phược, cũng chẳng phải chẳng bị hệ phược ; chẳng phải giải thoát, cũng chẳng phải giải thoát ; chẳng phải có ; chẳng phải không ; chẳng phải hiện tại, chẳng phải quá khứ chẳng phải vị lai.

Vì tất cả pháp đều không tự tánh.

Nầy Thiện nam tử ! Có các nhà ngoại đạo cho rằng : Nhơn duyên hòa hiệp thời có quả sanh ra.

Nếu trong các duyên vốn không tánh sanh mà có thể sanh ra, thời hư không vốn chẳng sanh lẽ ra cũng sanh được quả. Nhưng hư không vẫn chẳng sanh vì chẳng phải là nhơn.

Do vì trong các duyên vốn cá tánh của quả, nên hòa hiệp thời sanh được quả.

Như người đời khi muốn xây vách thời dùng bùn đất khô dùng cọ màu, lúc muốn vẽ vời thời dùng cọ màu mà chẳng dùng cỏ cây, may áo thời dùng kim chỉ mà chẳng dùng cây bùn, cất nhà thời dùng bùn cây mà chẳng dùng kim chỉ. Người dùng đến vật đó là vì nó có thể sanh ra quả, vì sanh được quả nên biết trong các nhơn tất đã có tánh. Nếu là không tánh, thời trong một vật lẽ ra phải xuất sanh tất cả vật.

Nếu là đáng lấy, đáng làm, đáng đem ra, nên biết rằng trong đó tất cả trước có tánh của quả. Nếu là không có tánh của quả thời người chẳng lấy, chẳng làm, chẳng đem ra. Chỉ có hư không là chẳng lấy, chẳng làm nên có thể xuất sanh tất cả muôn vật, do vì có nhơn.

Như hột ni câu đà mọc lên cây ni câu đà ; trong sửa có tánh chất đề hồ ; trong sợi chỉ có tánh của vải ; trong đất sét có tánh của cái bình.

Nầy Thiện nam tử ! Tất cả phàm phu bị vô minh làm mù lòa nên bày ra định thuyết : Sắc có nghĩa tham luyến, tâm có tánh tham. Họ lại cho rằng : Tâm phàm phu có tánh tham, cũng có tánh giải thoát gặp duyên tham thời tâm sanh tham, nếu gặp được duyên giải thoát thời tâm giải thoát.

Những thuyết nầy đều không đúng nghĩa.

Có hạng phàm phu lại cho rằng : Trong tất cả nhơn đều không có quả; nhơn có hai thứ : Vi tế và thô đại ; tế thời là thường, thô thời vô thường. Từ nhơn vi tế chuyển thành nhơn thô, từ nhơn thô nầy lại chuyển thành quả. Vì nhơn thô vô thường nên quả cũng vô thường.

Có hạng phàm phu lại cho rằng : Tâm không có nhơn, tham cũngkhông có nhơn, do thời tiết thời sanh tâm tham.

Vì không biết được tâm nhơn duyên, nên những hạng nầy luân hồi trong sáu đường, chịu đủ mọi sự sanh tử.

Ví như con chó bị xiềng, trọn ngày đi quanh cột không thể thoát lìa. Cũng vậy, tất cả phàm phu bị xiềng vô minh cột vào cột sanh tử, cứ vòng quanh mãi ở hai mươi lăm cõi không thoát ly được.

Ví như có kẻ sa vào hầm xí, đã được ra khỏi rồi lại té vào hầm. Như người bịnh được lành trở lại làm nhơn cho bịnh. Như người đi đường xa gặp chỗ hoang vắng, đã đi qua được rồi trở lại nữa. Như đã tắm rửa sạch sẽ trở lại lấy bùn đất trét vào. Cũng vậy, tất cả phàm phu đã được thoát khỏi cõi Vô Sở

Hữu, chỉ chưa thoát khỏi cõi Phi Phi Tưởng, trở lại sa vào đến ba ác đạo. Vì tất cả phàm phu chỉ biết quán sát nơi quả, mà chẳng suy gẫm nhơn duyên.

Như con chó đuổi theo cục đất chẳng chạy theo người. Cũng vậy, hạng phàm phu chỉ nhìn nơi quả mà chẳng nhìn nơi nhơn duyên. Do chẳng thấy biết nhơn duyên nên từ cõi Phi Phi Tưởng sa đến ba ác đạo.

Nầy Thiện nam tử ! Chư Phật và Bồ Tát trọn không bảo nhứt định rằng : Trong nhơn có quả, trong nhơn không quả, trong nhơn cũng có cũng không quả, trong nhơn chẳng phải có chẳng phải không quả.

Nếu kẻ nào cho rằng trong nhơn quyết định có quả, không quả, cũng có cũng không quả, chẳng phải có chỗ phải không quả, nên biết rằng đây là bè lũ của ma, là thuộc về loài ma là người tham ái, chẳng thể dứt hẳn sự hệ phược của sanh tử, người nầy chẳng rõ biết tâm tướng và tham tướng.

Nầy Thiện nam tử ! Chư Phật và Bồ Tát hiển bày lý trung đạo : Dầu nói các pháp là chẳng phải có, chẳng phải không, nhưng chẳng quyết định. Vì nhơn nơi nhãn, sắc, minh, tâm và niệm mà có thức sanh ra. Thức nầy quyết định chẳng ở trong nhãn, chẳng ở trong sắc, chẳng ở trong minh, chẳng ở trong tâm, chẳng ở trong niệm, cũng chẳng ở chặn giữa, chẳng phải có chẳng phải không.
Vì từ các duyên sanh ra nên gọi là có. Vì không tự tánh nên gọi là không. Do đây nên Như Lai nói các pháp là chẳng phải có chẳng phải không.

Nầy Thiện nam tử ! Chư Phật và Bồ Tát trọn không quyết định nói tâm có tánh thanh tịnh và tánh chẳng thanh tịnh, tánh tịnh cùng bất tịnh, vì tâm vốn vô trụ.

Do từ nơi duyên sanh ra nên nói là chẳng phải không, lại vì vốn không có tánh tham nên nói là chẳng phải có.

Nầy Thiện nam tử ! Do từ nơi nhơn duyên mà tâm sanh ra tham, do từ nơi nhơn duyên mà tâm được giải thoát. Nhơn duyên có hai thứ : Một là theo sanh tử, hai là theo Đại Niết Bàn.

Nầy Thiện nam tử ! Vì có nhơn duyên mà tâm cùng với tham sanh ra, chung với tham cùng diệt, có nhơn duyên tâm cùng với tham sanh mà chẳng chung với tham cùng diệt. Có nhơn duyên tâm chẳng cùng với tham sanh mà chung với tham cùng diệt. Có nhơn duyên tâm chẳng cùng với tham sanh cũng chẳng cùng với tham diệt.

Nầy Thiện nam tử ! Có hạng phàm phu chưa dứt tâm tham, huân tập tâm tham, những kẻ nầy, tâm của họ chung với tham cùng sanh cùng diệt.

Như chúng sanh cõi dục, tất cả đều có khí vị sơ thiền, hoặc tu hay chẳng tu, gặp nhơn duyên thời bèn được ; nơi đây nói nhơn duyên chính là cho hỏa tai. Cũng vậy, tất cả phàm phu hoặc huân tập hay không huân tập, tâm của họ chung với tham cùng sanh, chung với tham cùng diệt, vì họ chẳng dứt tham vậy.

Hàng Thanh Văn vì có nhơn duyên nên sanh tâm tham, vì sợ tâm tham nên tu tập quán bạch cốt, đây gọi là tâm cùng tham sanh mà chẳng cùng tham diệt. Lại hàng Thanh Văn chưa chứng quả A La Hán vì có nhơn duyên nên sanh tâm tham, lúc đã chứng A La Hán thời tham liền diệt, đây cũng gọi là tâm cùng tham sanh mà chẳng chung với tham cùng diệt. Đại Bồ Tát lúc chứng bực Bất Động cũng như vậy.

Thế nào là tâm chẳng cùng tham sanh mà chung với tham cùng diệt ?

Đại Bồ Tát đã dứt tâm tham, vì độ chúng sanh mà thị hiện có tham, vì thị hiện nên có thể làm cho vô lượng chúng sanh học tập thành tựu pháp lành. Đây gọi là tâm chẳng cùng tham sanh mà với tham cùng diệt.

A LA Hán, Duyên Giác, Chư Phật, Chư Bồ Tát trừ Bất Động Địa, gọi là tâm chẳng chung với tham cùng sanh cùng diệt.

Do những nghĩa trên đây, nên chư Phật và Bồ Tát chẳng quyết định nói tâm tánh vốn thanh tịnh, tâm tánh vốn không thanh tịnh.

Nầy Thiện nam tử ! Tâm nầy chẳng cùng với tham hòa hiệp, cũng chẳng cùng với sân, si hòa hiệp.

Như mặt trời, mặt trăng, dầu bị khói bụi mây mù và La Hầu A Tu La che chướng, làm cho chúng sanh không thấy, nhưng tánh mặt trời mặt trăng trọn chẳng cùng hòa hiệp với năm thứ ấy.

Cũng vậy, dầu do nhơn duyên mà tâm sanh tham, nhưng thật ra tâm tánh chẳng cùng tham hòa hiệp.

Nếu là tâm tham thời chính là tánh tham. Nếu là tâm chẳng tham thời chính là tánh chẳng tham. Tâm chẳng tham không thể làm tham. Tâm tham không thể chẳng tham.

Do nghĩa trên đây nên kiết sử tham dục không thể làm nhiễm ô được tâm.

Chư Phật và Bồ Tát đã phá hẳn tham kiết, nên gọi là tâm được giải thoát.

Tất cả chúng sanh vì do nhơn duyên mà sanh tham kiết, vì do nhơn duyên mà được giải thoát.

Nầy Thiện nam tử ! Như núi Tuyết, chỗ cao vót. Người cùng khỉ vượn đều không đi được, hoặc có chỗ vượn đi được mà người không đi được, hoặc có chỗ vượn cùng người đều đi được.

Chỗ mà người cùng vượn đều đi được đó, như thợ săn dùng keo nhựa bày trên bàn để bắt vượn. Vì ngu si, vượn đến lấy bàn tay rờ bóc, tay dính vào nhựa. Muốn gỡ tay, vượn dùng chơn đạp, lại dính luôn chơn. Muốn gỡ chơn, vượn dùng miệng cạp, lại dính cả miệng. Hai tay, hai chưn cùng miệng của vượn đều dính khắn vào nhựa không thể thoát được. Bấy giờ thợ lấy gậy xỏ vượn mang về nhà.

Chỗ cao vót của núi Tuyết dùng dụ cho chánh đạo của Phật và Bồ Tát chứng. Khỉ vượn dụ cho phàm phu. Thợ săn dụ cho ma Ba Tuần. Keo nhựa dụ cho tham dục.

Người cùng khỉ vượn đều không thể đi là dụ cho phàm phu và Ma Vương Ba Tuần đều không thể đi đến.

Khỉ vượn đi được mà người thời không, dụ hàng ngoại đạo, có trí huệ, các ác ma dù có dùng ngũ dục cũng không hệ phược được họ.

Người cùng khỉ vượn đều đi được là dụ cho tất cả phàm phu cùng ma Ba Tuần luôn ở trong sanh tử không thể tu hành. Hàng phàm phu bị ngũ dục hệ phược nên ma Ba Tuần tha hồ mang đi. Như thợ săn kia bắt khỉ vượn mang về nhà.

Nầy Thiện nam tử ! Như Quốc Vương ở trong nước mình thời thân tâm an lạc, nếu qua đến nươc khác thời tất phải gặp nhiều sự khổ não. Cũng vậy, tất cả chúng sanh nếu có thể tự trụ nơi cảnh giới của mình thời được an lạc, nếu đến cảnh giới khác tất gặp ác ma bị những khổ não.

Tự cảnh giới là chỉ tứ niệm xứ. Cảnh giới khác là nói ngũ dục.

Thế nào gọi là hệ thuộc nơi ma ? Có những chúng sanh nơi vô thường thấy là thường, nơi thường lại thấy là vô thường ; nơi khổ thấy là lạc, nơi lạc lại thấy là khổ ; nơi bất tịnh thấy là tịnh , nơi tịnh lại thấy là bất tịnh ; nơi vô ngã thấy là ngã, nơi ngã lại thấy là vô ngã . Nơi chẳng phải giải thoát thấy là giải thoát nơi thiệt giải thoát lại thấy là chẳng giải thoát. Nơi chẳng phải thừa thấy là thừa, nơi thừa lại thấy là chẳng phải thừa. Những hạng nầy gọi là kẻ hệ thuộc nơi ma. Phàm kẻ hệ thuộc nơi ma thời tâm họ không thanh tịnh.

Nầy Thiện nam tử ! Nếu thấy các pháp thiệt có tướng nhứt định là tổng là biệt, nên biết rằng người nầy lúc thấy sắc liền chấp tướng sắc, nhẫn đến lúc thấy thức cũng chấp tướng thức. Lúc thấy nam nữ, nhựt , nguyệt, ấm, nhập, giới v.v…liền chấp tướng nam, tướng nữ nhẫn đến tướng nhập, tướng giới. Kẻ có kiến chấp nầy gọi là hệ thuộc nơi ma. Kẻ hệ thuộc nơi ma thời tâm họ không thanh tịnh.

Nầy Thiện nam tử ! Nếu thấy ngã là sắc, trong sắc có ngã, trong ngã có sắc, sắc thuộc nơi ngã ; nhẫn đến thấy ngã là thức, trong thức có ngã, trong ngã có thức, thức thuộc nơi ngã. Kiến chấp nầy hệ thuộc nơi ma, người nầy không phải đệ tử Phật.

Nầy Thiện nam tử ! Hàng Thanh Văn đệ tử của ta xa lìa mười hai bộ kinh của Như Lai, mà tu tập theo sách vở của những ngoại đạo, chẳng tu công hạnh tịch diệt xuất gia, thuần kinh doanh sự vụ tại gia thế tục. Những gì là sự vụ tại gia thế tục ? Nhận chứa tất cả vật bất tịnh, tôi tớ, ruộng, nhà, voi, ngựa, xe cộ, đà, lừa, gà, chó, khỉ, vượn , heo, dê, các thứ lúa bắp ; xa lìa sư trưởng, chúng Tăng, gần gũi cư sĩ bạch y, trái phản Thánh giáo. Bảo hàng bạch y rằng : Đức Phật cho phép Tỳ Kheo nhận chứa những vật bất tịnh. Đây gọi là sự vụ tại gia.

Có các đệ tử chẳng vì Niết Bàn, chỉ vì lợi dưỡng mà nghe thọ mười hai bộ kinh, ăn dùng của thường trụ như của riêng mình, tham tiếc nhà người cùng danh tiếng, gần gũi Quốc Vương và các Vương Tử, bói xủ lành dữ, suy tính đầy vơi, bài bạc, thân thiện Tỳ Kheo Ni cùng các xử nữ, chứa hai hạng sa di, thường đến nhà hàng thịt, thợ săn, quán rượu, và chổ ở của Chiên Đà La, buôn bán các loại, tự tay làm đồ ăn, nhận đi xứ lân quốc, lãnh lịnh đi thơ. Nên biết rằng người như trên đây là quyến thuộc của ma, không phải đệ tử Pohật. Do nhơn duyên nầy mà tâm cùng tham chung sanh, chung diệt. Sân và si cũng như vậy.

Nầy Thiện nam tử ! Do đây nên tâm tánh chẳng phải tịnh, cũng chẳng phải bất tịnh. Vì thế nên ta nói rằng tâm được giải thoát.

Nếu có người không nhận, không chứa tất cả vật bất tịnh, vì Đại Niết Bàn mà thọ trì đọc tụng mười hai bộ kinh, biên chép giải thuyết. Nên biết rằng người nầy thật là đệ tử Phật. Người nầy không đi nơi cảnh giới của ác ma Ba Tuần. Người nầy chính là tu tập ba mươi bảy phẩm trợ đạo. Vì tu tập nên chẳng cùng tham mà sanh, cũng chẳng cùng với tham mà diệt.

Đây gọi là Đại Bồ Tát tu hành kinh Đại Niết Bàn thành tựu đầy đủ phần công đức thứ tám.

Thế nào là thành tựu đầy đủ phần công đức thứ chín ?

Nầy Thiện nam tử ! Đại Bồ Tát tu tập kinh Đại Niết Bàn, đầu tiên phát năm điều thời được thành tựu phần công đức nầy : Một là tín tâm ; hai là trực tâm ; ba là giới ; bốn là gần gũi bạn lành, năm là học rộng nghe nhiều.

Thế nào là tín tâm ?

Bồ tát tin nơi TAM BẢO, bố thí cúng dường thời có quả báo. Tin nơi hai đế lý, đạo nhứt thừa không có nẻo nào khác, vì muốn chúng sanh mau được giải thoát mà chư Phật và Bồ tát phân biệt làm ba thừa. Tin đế lý đệ nhứt nghĩa. Tin thiện phương tiện : Đây gọi là tin.

Người có lòng tin như trên đây, không ai phá hoại được. Do đức tin nầy mà được tánh thánh nhơn. Người nầy tu hành bố thí không luận ít nhiều đều được gần nơi Đại Niết Bàn, chẳng đọa nơi sanh tử. Như bố thí, trì giới , đa văn và trí huệ cũng vậy. Dầu có tín tâm nầy nhưng cũng chẳng chấp. Đây là Bồ Tát tu Đại Niết Bàn thành tựu điều ban đầu.

Thế nào là trực tâm ?

Đại Bồ Tát đối với chúng sanh, có lòng chất trực.

Tất cả chúng sanh , nếu gặp nhơn duyên thời móng lòng dua vạy. Bồ Tát thời không như vậy, vì hiểu rõ các pháp đều là nhơn duyên. Bồ Tát dầu thấy chúng sanh có những lỗi lầm, mà trọn không nói đến, vì sợ sanh phiền não, nếu sanh phiền não thời phải đọa ác thú.

Bồ Tát nầy nếu thấy chúng sanh có chút ít điều lành liền tán thán đó. Gì là lành ? Chính là Phật tánh. Do Bồ Tát tán thán Phật tánh nên chúng sanh phát tâm Bồ Đề.

Cao Quý Đức Vương Bồ Tát bạch Phật : " Thế Tôn ! Như đức Phật vừa nói : Bồ Tát tán thán Phật tánh làm cho chúng sanh phát tâm Bồ Đề. Lời đây không đúng nghĩa. Vì đức Như Lai lúc mới khai kinh Niết Bàn nói có ba hạng : Một là nếu có người bịnh gặp được thầy giỏi thuốc hay, người khán bịnh khéo thời được lành mạnh, nếu không đuợc như trên thời bịnh không lành ; hai là được gặp hay không được gặp đều không được lành ; ba là được gặp hay không được gặp bịnh đều lành.

Tất cả chúng sanh cũng có ba hạng như vậy : Một là hạng gặp bạn lành, gặp Phật, Bồ Tát, nghe nói diệu pháp thời được phát tâm Bồ Đề, nếu không gặp thời không phát, đây là chỉ cho các bực Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm, A Na hàm, A La Hán và Bích Chi Phật.

Hai là hạng dầu được gặp bạn lành, gặp Phật, Bồ Tát, được nghe diệu pháp cũng chẳng phát tâm Bồ Đề, đây là nói hạng Nhứt Xiển Đề.

Ba là hạng hoặc gặp hay chẳng gặp, tất cả đều có thể phát tâm Bồ Đề, đây là nói Bồ Tát.

Nếu đã nói rằng gặp cùng chẳng gặp tất cả đều phát tâm vô thượng Bồ Đề, giờ đây tại sao đức Như Lai lại nói : Do tán thán Phật tánh làm cho chúng sanh phát tâm vô thượng Bồ Đề ?

Thế Tôn ! Nếu nói rằng gặp cùng chẳng gặp đều không thể phát tâm Bồ Đề cả, lời nầy cũng không đúng nghĩa, vì hạng nầy sẽ được vô thượng Bồ Đề. Hạng Nhứt Xiển Đề do vì có Phật tánh, nên hoặc được gặp hay không được gặp, cũng đều sẽ được vô thượng Bồ Đề.

Thế Tôn ! Như đức Phật định nghĩa Nhứt Xiển Đề là dứt thiện căn, cũng không đúng. Vì hạng nầy không dứt Phật tánh. Cứ lý thời Phật tánh không thể dứt, sao đức Phật nói là dứt thiện căn ?

Như trong mười hai bộ kinh của Phật nói ngày trước, có hai thứ thiện căn : Thường và vô thường. Thiện căn thường thời không dứt, còn vô thường thời dứt.

Thiện căn vô thường có thể dứt nên đọa địa ngục. Còn thường chẳng thể dứt, cớ sao đức Phật chẳng có lời ngăn ?

Chẳng dứt Phật tánh chẳng phải nhứt xiển đề, cớ sao đức Phật lại nói là nhứt xiển đề ?

Thế Tôn ! Nếu nhơn Phật tánh mà phát tâm vô thượng Bồ Đề, cớ sao Như Lai lại vì chúng sanh nói rộng mười hai bộ kinh ?

Thế Tôn ! Như bốn con sông lớn từ ao A Na Bà Đạp Đa chảy ra, nếu có trời, người, cùng chư Phật cũng không thể bảo rằng nước sông lớn nầy không chảy vào biển cả sẽ trở lại nguồn.

Cũng vậy, người có Phật tánh, không luận nghe pháp hay không nghe, có giới hay không giới, có bố thí hay không bố thí, có tu hay không tu, có trí hay không trí, tất cả lẽ ra đều được vô thượng Bồ Đề.

Thế Tôn ! Như từ núi A Đà Diên, mặt trời mọc lên đến hướng chánh nam, không bao giờ mặt trời có thể nghĩ rằng ta không đến hướng Tây, ta trở lại phương Đông. Cũng vậy, đã có Phật tánh không có lẽ chẳng được vô thượng Bồ Đề mặc dầu không nghe pháp, không trì giới, không bố thí, không tu, không trí huệ.

Thế Tôn ! Như Lai nói tánh nhơn quả là chẳng phải có chẳng phải không. Nghĩa nầy cũng chẳng đúng.

Vì như trong sữa không có tánh của chất lạc, thời tất không có lạc. Như hột ni câu đà không có tánh cây năm trượng cao, thời tất không mọc lên cây cao năm trượng. Nếu trong Phật tánh không có cội vô thượng Bồ Đế, sao lại có thể sanh cội Bồ Đề vô thượng. Cứ như nghĩa nầy, thời làm sao hiệp với nghĩa nhơn quả chẳng phải có chẳng phải không của Phật đã nói ?

Đức Thế Tôn tán thán rằng : " Lành thay ! Lành thay ! Nầy Thiện nam tử ! Trong đời có hai hạng người rất là hi hữu như hoa Ưu Đàm : Một là người không phạm tội ác ; hai là người có tội biết hối cải.

Lại có hai hạng người rất hi hữu : Một là làm ơn ; hai là nhớ ơn.

Lại có hai hạng người rất hi hữu : Một là học hỏi điều mới ; hai là ôn nhuần điều học cũ không quên.

Lại có hai hạng người rất hi hữu : Một là tạo ra mới, hai là tu sửa chỗ cũ.

Lại có hai hạng người rất hi hữu : Một là thích nghe pháp ; hai là thích thuyết pháp.

Lại có hai hạng người rất hi hữu : Một là khéo gạn hỏi ; hai là khéo giải đáp.

Người khéo gạn hỏi chính là ông vậy. Người khéo giải đáp chính là Như Lai vậy.

Nầy Thiện nam tử ! Do nơi khéo gạn hỏi bèn chuyển được pháp luân vô thượng, có thể làm khô cây do mười hai nhơn duyên, có thể qua khỏi sông lớn sanh tử vô biên, có thể chiến đấu với ma vương Ba Tuần, có thể xô ngã thắng tràng của Ba Tuần dựng.

Nầy Thiện nam tử ! Như trước kia Phật nói ba hạng bịnh nhơn, hạng gặp thầy giỏi, thuốc hay, khán bịnh khéo, cùng không gặp đều được lành mạnh, đó là vì thọ mạng quyết định, do vì người nầy trong vô lượng đời đã tu ba thứ thiện căn : Thượng, Trung và Hạ, nên được thọ mạng quyết định. Như người Uất Đơn Việt tuổi thọ ngàn năm, nếu mắc phải bịnh , dầu gặp thầy gặp thuốc được săn sóc kỹ, cùng không gặp đều sẽ được lành mạnh cả, vì họ đã được tuổi thọ quyết định.

Hạng bịnh nhơn nếu gặp thầy giỏi thuốc hay, khán bịnh khéo thời được lành, bằng không gặp thời chẳng lành, đây là những người thọ mạng không quyết định. Hạng người nầy dầu thọ mạng chưa hết, song có chín nhơn duyên có thể làm họ chết yểu : Một là biết ăn sẽ không an mà cứ ăn, hai là ăn quá nhiều ;l ba là ăn chưa tiêu mà lại ăn nữa ; bốn là đại tiểu không điều hòa ; năm là lúc bịnh không nghe theo lời chỉ dẫn của y sĩ ; sáu là chẳng nghe lời dặn bảo của người khán bịnh ; bảy là cố nín nhẫn không chịu ói ; tám là đi đêm, vì đi đêm sẽ bị ác quỷ, ác trùng làm hại ; chín là phòng thất quá độ. Do đây nên Phật nói hạng bịnh nhơn nầy gặp thầy gặp thuốc thời lành, nếu không gặp thời không lành.

Hạng bịnh nhơn gặp thầy gặp thuốc hay không gặp đều không được lành mạnh, đây là những người tuổi thọ đã hết.

Chúng sanh cũng như vậy. Người phát tâm Bồ Đề, nếu gặp bạn lành, chư Phật, Bồ Tát, được học hỏi pháp cao sâu, hoặc không được gặp được học, tất cả đều sẽ được thành, vì người nầy đã có thể phát tâm vô thượng Bồ Đề. Như người Uất Đơn Việt có thọ mạng quyết định.

Hàng nhị thừa từ Tu Đà Hoàn đến Bích Chi Phật, nếu được nghe thiện hữu, Chư Phật, Bồ Tát giảng nói pháp Đại Thừa thời có thể phát tâm Bồ Đề, nếu không gặp không nghe thời không thể phát tâm Bồ Đề vô thượng. Như người thọ mạng không quyết định, do chín duyên làm cho họ phải yểu thọ, nếu gặp Thầy gặp thuốc thời lành, không gặp thời bịnh không lành.

Hạng nhứt xiển đề, dầu có gặp thiện hữu, chư Phật, Bồ Tát, có nghe pháp cao sâu, hay không nghe không gặp, đều không thể lìa tâm nhứt xiển đề, vì họ đã dứt thiện căn. Hạng nhứt xiển đề cũng được thành vô thượng Bồ Đề, vì nếu có thể phát tâm Bồ Đề vô thượng thời chẳng còn gọi là nhứt xiển đề.

Nầy Thiện nam tử ! tại sao nói hạng nhứt xiển đề được vô thượng Bồ Đềà ?

Hạng nhứt xiển đề, thật ra không thể được vô thượng Bồ Đề, như người tuổi thọ đã hết, dầu gặp thầy gặp thuốc, cũng không lành bịnh được.

Nầy Thiện nam tử ! " Nhứt Xiển" gọi "Tín", "Đề" là bất cụ, bất cụ tín gọi là nhứt xiển đề.

Phật tánh chẳng phải là tín ; chúng sanh chẳng phải là cụ ; bởi bất cụ nên thế nào dứt được.

"Nhứt Xiển" gọi là thiện phương tiện ; "Đề" là bất cụ, vì tu thiện phương tiện chẳng đầy đủ nên gọi là nhứt xiển đề.

Phật tánh chẳng phải là tu thiện phương tiện ; chúng sanh chẳng phải là cụ ;l bởi bất cụ nên thế nào dứt được.

"Nhứt xiển" gọi là tiến : "Đề" là bất cụ ; vì tinh tiến chẳng đầy đủ nên gọi là nhứt xiển đề.

Phật tánh chẳng phải là tiến ; chúng sanh chẳng phải là cụ ; vì bất cụ nên thế nào dứt được.

"Nhứt Xiển"gọi là niệm ; :"Đề" là bất cụ ; vì niệm chẳng đầy đủ nên gọi là nhứt xiển đề.

Phật tánh chẳng phải là niệm, chúng sanh chẳng phải là cụ ; vì bất cụ nên thế nào dứt được.

“Nhứt Xiển” gọi là định, “Đề” là bất cụ ; vì định chẳng đầy đủ nên gọi là nhứt xiển đề.

Phật tánh chẳng phải là định ; chúng sanh chẳng phải là cụ ; vì bất cụ nên thế nào dứt được.

“Nhứt Xiển” gọi là huệ ; “Đề” là bất cụ ; vì huệ chẳng đầy đủ nên gọi là nhứt xiển đề.

Phật tánh chẳng phải là huệ ; chúng sanh chẳng phải là cụ ; vì bất cụ nên thế nào dứt được.

“Nhứt Xiển” gọi là vô thường thiện ; “‘Đề” là bất cụ ; vì vô thường thiện chẳng đủ nên gọi là nhứt xiển đề.

Phật tánh là thường, chẳng phải thiện, chẳng phải bất thiện. Vì thiện pháp là từ phương tiện mà được, mà Phật tánh chẳng phải từ phương tiện được, nên gọi là chẳng phải thiện.

Do Phật tánh có thể được thiện quả vô thượng Bồ Đề, nên nói là chẳng phải bất thiện.

Lại vì thiện pháp sanh rồi mà được, còn Phật tánh không phải sanh rồi mà được nên nói là chẳng phải thiện.

Bởi dứt cả thiện pháp sanh và được, nên gọi là nhứt xiển đề.

Nầy Thiện nam tử ! Như ông gạn hỏi nếu nhứt xiển đề có Phật tánh, tại sao không ngăn tội địa ngục ?

Nầy Thiện nam tử ! Trong nhứt xiển đề không có Phật tánh.

Ví như nhà vua nghe tiến đờn véo von thánh thót, quá thích thú say sưa, bèn bảo đại thần : Tiếng quá hay như thế từ đâu mà có ?

Đại thần tâu là từ cây đờn phát ra tiếng ấy.

Nhà vua truyền đem đờn đến trước mặt, rồi bảo cây đờn kêu đi ! Kêu đi ! Cây đờn vẫn không kêu. Nhà vua bèn bứt dây, rọc da, chẻ cây, tìm mãi vẫn không có tiếng. Nhà vua nổi giận trách đại thần là tâu dối.

Đại thần phân trần : Nếu muốn cho đờn kêu ra tiếng thời phải khéo khảy đánh, chớ không phải làm cách như vậy.

Phật tánh của chúng sanh cũng như vậy, vốn không chỗ trụ. Dùng phương tiện khéo thời thấy được. Vì được thấy nên được vô thượng Bồ Đề.

Hạng nhứt xiển đề không thấy Phật tánh, làm thế nào ngăn được tội ba ác đạo !

Nầy Thiện nam tử ! Nếu nhứt xiển đề tin có Phật tánh, nên biết rằng người nầy không bị sa vào ba ác đạo, cũng chẳng còn gọi là nhứt xiển đề.

Nầy Thiện nam tử ! Như lời ông gạn, nếu trong sữa không có tánh của chất lạc thời lẽ ra chẳng có lạc ; nếu trong hột Ni Câu Đà không có tánh cao năm trượng thời lẽ ra không mọc lên cây cao năm trượng ?

Kẻ ngu si mới nói như thế, người trí không bao giờ nói như thế, vì là không có tánh vậy.

Nầy thiện nam tử ! Nếu trong sữa có tánh của chất lạc lẽ ra chẳng cần nhờ công lực các duyên. Như nước và sữa trộn lộn, rồi nằm chờ đến mãn tháng trọn không thành lạc. Nếu dùng một giọt sữa rồi tìm nước cây nhễu vào bèn thành lạc. Nếu vốn đã có lạc sao lại phải nhờ duyên.

Phật tánh của chúng sanh cũng như vậy, nhờ các duyên thời được thấy, nhờ các nhơn duyên thành vô thượng Bồ Đề. Nếu phải chờ các nhơn duyên rồi sau mới thành thời chính là vô tánh vậy. Do vô tánh nên có thể thành vô thượng Bồ Đề.

Nầy Thiện nam tử ! Do cớ trên đây nên Đại Bồ Tát thường tán thán điều lành của người, chẳng rao nói lỗi xấu của kẻ khác, đây gọi là chất trực tâm.

Lại thế nào là Bồ Tát có tâm chất trực ? Bồ Tát thường không phạm lỗi ác. Thiết sử có lầm lỗi thời liền sám hối với thầy, với bạn đồng học, trọn chẳng che giấu. Tự hổ thẹn, tự trách, chẳng dám tái phạm. Nơi tội khinh xem dường rất nặng. Nếu người gạn hỏi liền đáp rằng thiệt có phạm, là chẳng tốt, là chẳng lành, tội nầy là quả ác, là chính tôi gây tạo đây là do phiền não cấu tập. Do trực tâm nên tin có Phật tánh, vì tin Phật tánh nên không gọi là nhứt xiển đề. Do trực tâm nên gọi là đệ tử Phật. Nếu lãnh thọ đồ cúng dường của người, dầu mỗi thứ cả ngàn muôn cũng chẳng đủ làm nhiều.

Đây gọi là Bồ Tát tâm chất trực.

Thế nào là Bồ Tát tu trì giới luật ?

Bồ Tát tu trì cấm giới, chẳng cầu sanh thiên, chẳng vì khủng bố, nhẫn đến chẳng thọ cẩu giới, kê giới, ngưu giới, trĩ giới. Chẳng thật hành phá giới, giới khuyết điểm, giới tỳ vết, giới tạp, giới Thanh Văn, mà thọ trì giới Đại Bồ Tát, thọ trì giới Thi La Ba La Mật được giới đầy đủ chẳng sanh kiêu mạn.

Đây gọi là Bồ Tát tu Đại Niết Bàn trọn nên công hạnh thứ ba là giới.

Thế nào là Bồ Tát gần gũi thiện hữu ?

Đại Bồ Tát thường vì chúng sanh nói thiện đạo chẳng nói ác đạo. Nói ác đạo chẳng phải quả báo lành tốt.

Nầy Thiện nam tử ! Thân của Phật đây là chơn thiện tri thức của tất cả chúng sanh, vì thế nên có thể dứt tà kiến của Bà La Môn Phú Dà La. Nếu có chúng sanh nào gần gũi Phật, dầu có tội địa ngục cũng liền được sanh thiên, như gã Tu Na Sát Đa La v.v… đáng lẽ đọa địa ngục, do gặp được Phật tội liền tiêu trừ mà sanh lên trời cõi sắc.

Dầu có các ông Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên v.v…, nhưng chẳng gọi là chơn thiện tri thức của chúng sanh, vì các ông ấy là nhơn duyên sanh tâm nhứt xiển đề vậy.

Nầy Thiện nam tử ! Ngày trước lúc Phật ở nước Ba La Nại, ông Xá Lợi Phát có dạy hai đệ tử : Một người tu bạch cốt quán, một người tu sổ tức quán. Trải qua nhiều năm tu tập, cả hai người đều không được chánh định bèn sanh tà kiến cho rằng không Niết Bàn vô lậu, giả sử có thời chúng tôi đã được, vì chúng tôi khéo trì giới, tinh tấn tu.

Phật rõ việc nầy bèn gọi Xá Lợi Phất mà quở rằng : Ông không khéo dạy dỗ. Sao ông thuyết pháp điên đảo cho hai đệ tử như vậy. Hai đệ tử của ông đó, căn tánh đều khác nhau : Một người vốn là thợ giặt, một người vốn là thợ kim hoàn. Thợ kim hoàn nên truyền pháp sổ tức quán, người thợ giặt phải dạy bạch cốt quán. Vì ông dạy lầm nên làm cho cả hai sanh tà kiến.

Quở xong, Phật chỉ dạy cho hai người đệ tử tu quán như đã bảo với ông Xá Lợi Phất. Sau đó hai người đều chứng quả A La Hán. Vì thế nên Phật là chơn thiện tri thức của tất cả chúng sanh.

Giả sử có chúng sanh nào kiết sử cực trọng mà được gặp Phật, Phật liền dùng phương tiện dứt trừ được cả.

Như em Phật, ông Nan Đà, có dục vọng rất nặng, Phật dùng phương tiện khéo làm cho Nan Đà hết dục vọng.

Như gã Ươn Quật Ma La có lòng sân rất nặng, do gặp Phật mà hết sân.

Vua A Xà Thế có ngu si dày, đến ra mắt Phật liền hết ngu si.

Như trưởng giả Bà Hi Dà từ vô lượng kiếp quen tập phiền não rất nặng, quy y với Phật liền sạch phiền não.

Giả sử có kẻ tệ ác hèn hạ, được gần gũi Phật làm đệ tử, thời tất cả trời người đều cung kính mến tưởng.

Ông Thi Hội Cúc Đa tà kiến rất nặng, nhơn gặp Phật mà hết tà kiến.

Do gặp Phật nên tiêu tội địa ngục thành duyên sanh thiện, như gã chiên đà la Khí Hứ.

Do gặp Phật, nên lúc sắp chết trở lại được sống lâu, như Thiên Đế Kiều Thi Ca.

Do gặp Phật, nên hết điên cuồng, như Sấu Cù Đàm Di.

Do gặp Phật, nên bỏ nghề giết thịt, như Tỳ Kheo Xiển Đề.

Do gặp Phật, nên thà chết chớ không phạm cấm giới, như các Tỳ Kheo bị trói bằng dây cỏ tươi.

Do nghĩa trên đây, nên A Nan nói nửa phần phạm hạnh là thiện tri thức, Phật bảo là không phải. Đầy đủ phạm hạnh mới gọi là thiện tri thức.

Đây là Bồ Tát tu Đại Niết Bàn trọn nên điều thứ tư là gần gũi thiện tri thức.

Thế nào là Bồ Tát đầy đủ đa văn ?

Đại Bồ Tát vì Đại Niết Bàn, mười hai bộ kinh mà biên chép, đọc tụng, giải thuyết, thời gọi là Bồ Tát đầy đủ đa văn.

Trừ mười một bộ kinh, chỉ thọ trì , đọc tụng, biên chép, giải thuyết bộ Tỳ Phật Lược, cũng gọi là Bồ Tát đầy đủ đa văn.

Trừ cả mười hai bộ kinh, nếu có thể thọ trì, đọc tụng, biên chép, giải thuyết kinh điển vi diệu Đại Niết Bàn nầy thời gọi là Bồ Tát đầy đủ đa văn.

Không đợi thọ trì toàn bộ kinh nầy, chỉ thọ trì một bài kệ bốn câu, hoặc chỉ có thể thọ trì câu Như Lai thường trụ tánh không biến đổi ; đây gọi là Bồ Tát đầy đủ đa văn.

Không đợi như trên, hoặc chỉ biết rằng Như Lai thường không thuyết pháp, cũng gọi là Bồ Tát đầy đủ đa văn, vì pháp vốn vô tánh. Như Lai dầu giảng nói tất cả pháp nhưng thường không chỗ n ói.

Đây gọi là Bồ Tát tu tập Đại Niết Bàn trọn nên điều thứ năm là đầy đủ đa văn.

Nầy Thiện nam tử ! Nếu có nam tử cùng nữ nhơn nào vì Đại Niết Bàn mà trọn nên năm điều như trên thời làm được việc khó làm, nhẫn được việc khó nhẫn, thí được việc khó thí.

Thế nào Bồ Tát làm được việc khó làm ?

Nếu nghe có người mỗi ngày ăn một hột mè mà được thành vô thượng Bồ Đề, vì tin theo đây, Bồ Tát có thể trong vô lượng vô số kiếp, mỗi ngày thường ăn một hột nè.

Nếu nghe rằng vào lửa mà được thành vô thượng Bồ Đề, Bồ Tát có thể trong vô lượng kiếp vào trong lửa dữ ở ngục A Tỳ.

Thế nào là Bồ Tát nhẫn được việc khó nhẫn ?

Nếu nghe rằng chịu những đau khổ : Tay đánh gậy đập, đá ném, dao chém mà được Đại Niết Bàn, Bồ Tát có thể chịu đủ tất cả sự khổ ấy trong vô lượng kiếp mà không thấy là đau khổ.

Thế nào là Bồ Tát thí được việc khó thí ?

Nếu nghe rằng đem vợ con, nhà nước, đầu mắt tủy não bố thí cho người thời được thành vô thượng Bồ Đề, Bồ Tát liền ở trong vô lượng vô số kiếp đem những thứ ấy bố thí cho người, không một niệm hối tiếc.

Bồ Tát dầu làm, dầu nhẫn, dầu bố thí như vậy, song trọn không có quan niệm rằng tôi làm, tôi nhẫn, tôi bố thí.

Ví như cha mẹ chỉ có một con trai, rất mến yêu con, cho con ăn ngon mặc đẹp. Nếu bị con khinh khi mắng hỗn, cha mẹ cũng không hờn giận, cũng chẳng nghĩ công nuôi dưỡng.

Cũng vậy, Bồ Tát xem chúng sanh như con một.

Nếu con phải bịnh, thời cha mẹ cũng bịnh, lo tìm thầy chạy thuốc ; khi con đã được lành mạnh, cha mẹ cũng chẳng nghĩ rằng ta lo chạy chữa cho con.

Cũng vậy, Bồ Tát thấy chúng sanh bị mắc bịnh phiền não, thương xót đem chánh pháp dạy cho. Nhờ nghe chánh pháp mà chúng sanh dứt được phiền não. Bồ Tát trọn không nghĩ rằng ta làm cho chúng sanh hết phiền não. Nếu có quan niệm chúng sanh được độ thời không thể thành vô thượng Bồ Đề. Chỉ có quan niệm rằng không có một chúng sanh nào được nghe ta thuyết pháp mà dứt phiền não.

Bồ Tát đối với chúng sanh không có lòng sân hận, không có lòng hỷ lạc, vì Bồ Tát khéo tu tập không tam muội. Nếu là tu tập không tam muội, thời Bồ Tát còn sanh sân, sanh hỷ đối với ai ?

Ví như cụm rừng kia bị người chặt đốn, bị lửa cháy, bị nước ngập, cụm rừng sẽ sanh sân hỷ với ai ? Cũng vậy, đối với chúng sanh Bồ tát không có lòng sân hỷ , vì đã khéo tu tập không tam muội vậy .

Cao Quý Đức Vương Bồ Tát bạch Phật : “Thế Tôn ! tất cả các pháp là tánh nó tự không, hay là vì không, không nên không ?

Nếu tánh nó tự không thời chẳng nên tu không rồi sau mới thấy được không. Tại sao đức Như Lai nói do tu không mà được thấy không ?

Nếu tánh nó tự chẳng không , thời dầu có tu không, cũng chẳng thể làm cho nó thành không ?

Phật bảo : " Nầy Thiện nam tử ! Tất cả các pháp tánh của nó tự không, vì tánh của tất cả pháp vốn là bất khả đắc vậy .

Như sắc tánh bất khả đắc. Thế nào là sắc tánh ? Xét nơi sắc, chẳng phải là địa, thủy , hỏa , phong, cũng chẳng rời ngoài địa, thủy, hỏa, phong ; chẳng phải xanh, vàng, đỏ, trắng, cũng chẳng rời ngoài xanh, vàng, đỏ, trắng ; chẳng phải có, chẳng phải không, đâu có thể nói là sắc có tự tánh. Vì tánh bất khả đắc nên gọi là không.

Tất cả pháp khác cũng như vậy.

Bởi tương tợ tương tục nên phàm phu theo kiến thức của mình mà cho là các pháp tánh chẳng không tịch. Còn Đại Bồ Tát nhờ đầy đủ năm công hạnh nên thấy tất cả pháp, tánh vốn không tịch.

Nầy Thiện nam tử ! Nếu có Sa Môn hay Bà La Môn nào thấy tất cả pháp, tánh chẳng không, phải biết rằng người đó không phải là Sa Môn, Bà La Môn, người đó không tu tập Bát Nhã Ba La Mật, chẳng được vào Đại Niết Bàn, chẳng được hiện tiền thấy Phật, Bồ Tát ; người đó là quyến thuộc của ma.

Nầy Thiện nam tử ! tất cả các pháp tánh nó vốn tự không, cũng do Bồ Tát tu tập không mà thấy các pháp là không.

Nầy Thiện nam tử ! Như tất cả pháp vì tánh nó vô thường nên diệt có thể diệt được. Nếu chẳng phải là vô thường thời diệt chẳng thể diệt được.

Pháp hữu vi, vì có sanh tướng nên sanh có thể sanh nó, vì có diệt tướng nên diệt có thể diệt nó. Các pháp vì có tướng khổ nên khổ có thể làm cho khổ ?

Như tánh muối là mặn nên có thể ướp mặn vật khác. Vì tánh mật là ngọt nên có thể ướp ngọt vật khác. Vì tánh giấm là chua nên có thể ướp chua vật khác. Vì tánh gừng là cay nên có thể ướp cay vật khác. Vì A Lê Lặc đắng nên có thể ướp đắng vật khác. Vì trái Am La lạt nên có thể ướp lạt vật khác. Tánh chất độc có thể làm hại, nên ướp vật khác thành độc có thể làm hại. Tánh cam lộ làm cho người không chết, nếu đem hiệp với vật khác cũng có thể thành vị bất tử ?

Bồ Tát tu không cũng như vậy. Vì tu không nên thấy tất cả pháp, tánh của nó đều không tịch.

Cao Quý Đức Vương Bồ Tát lại bạch : " Thế Tôn ! Nếu như muối có thể làm cho vật không phải mặn thành ra mặn. Tu không tam muội cũng như vậy, thời chánh định nầy không lành, không diệu, tánh cách điên đảo. Nếu không tam muội chỉ thấy không, không là không có pháp thời là thấy những gì ?"

Phật bảo : " Nầy Thiện nam tử ! Không tam muội nầy thấy nơi pháp chẳng phải không, mà có thể làm thành không tịch, nhưng vẫn chẳng phải là điên đảo. Như muối làm vật không mặn thành mặn. Cũng vậy, không tam muội làm pháp chẳng không thành không.

Nầy Thiện nam tử ! Tham là tánh có chẳng phải tánh không. Nếu tham là tánh không thời lẽ ra chúng sanh chẳng vì tham mà phải đọa địa ngục. Nếu bị đọa địa ngục, thời tham tánh đâu phải là không !

Nầy Thiện nam tử ! Sắc tánh là có. Gì là sắc tánh ? Chính là điên đảo. Do điên đảo nên chúng sanh tham đắm. Nếu sắc tánh chẳng phải điên đảo thời đâu có thể làm cho chúng sanh tham đắm ! Vì sanh tham nên biết rằng sắc tánh chẳng phải là không có. Do cớ trên đây nên tu không tam muội chẳng phải là điên đảo vậy.

Nầy Thiện nam tử ! Tất cả phàm phu nếu thấy người nữ liền sanh tướng nữ.

Bồ Tát thời không như vậy, dầu thấy người nữ nhưng không sanh tướng nữ, vì không sanh tướng nữ nên không sanh tham ; tham không sanh chẳng phải là điên đảo vậy.

Vì người đời thấy có người nữ, nên Bồ Tát tùy thuận nói có người nữ. Nếu lúc thấy người nam mà nói là nữ, thời là điên đảo.

Do đây nên Phật bảo Xa Đề rằng : Nầy Bà La Môn ! Nếu cho ngày là đêm, thời là điên đảo. Cho đêm là ngày cũng là điên đảo.

Nầy Thiện nam tử ! Tất cả Bồ Tát trụ bực cửu địa thấy pháp có tánh, do đây nên không thấy Phật tánh, nếu đã thấy Phật tánh thời chẳng còn thấy tánh tất cả pháp. Do tu tập không tam muội nên chẳng thấy pháp tánh. Vì không thấy Pháp tánh nên thấy Phật tánh.

Chư Phật và Bồ Tát có hai thuyết : Một là có tánh, hai là không tánh.

Vì chúng sanh nên nói có Pháp tánh, vì các bực hiền thánh nên nói không Pháp tánh.

Vì muốn người không thấy được pháp không, nên tu không tam muội khiến thấy được không. Người không thấy pháp tánh cũng do tu không nên không. Do nghĩa nầy nên tu không thời thấy được không.

Nầy Thiện nam tử ! Ông gạn rằng : Người thấy không đó, không là không có pháp thời thấy những gì ?

Nầy Thiện nam tử ! Đúng như vậy, Đại Bồ Tát thiệt không chỗ thấy, không chỗ thấy chính là không chỗ có, không chỗ có chính là tất cả pháp. Đại Bồ tát tu Đại Niết Bàn nơi tất cả pháp đều không chỗ thấy. Nếu có chỗ thấy thời không thấy Phật tánh, không thể tu tập Bát Nhã Ba La Mật. Chẳng được vào nơi Đại Niết Bàn. Vì thế nên Bồ Tát thấy tất cả pháp, tánh vô sở đắc.

Nầy Thiện nam tử ! Bồ Tát chẳng những nhơn tu tam muội mà thấy không, Bát Nhã Ba La Mật cũng không, thiền Ba La Mật cũng không, Tỳ Lê Gia Ba La Mật cũng không, Sằn Đề Ba La Mật cũng không, Thi La Ba La Mật cũng không, Đàn Ba La Mật cũng không, sắc cũng không, nhãn cũng không, thức cũng không, Như Lai cũng không, Đại Niết Bàn cũng không. Vì thế nên Bồ Tát thấy tất cả pháp đều là không.

Do đây nên lúc ở thành Ca Tỳ La, Phật bảo A Nan : Ông chớ sầu não khóc lóc ! _ A Nan bạch : Thế Tôn ! Nay quyến thuộc của tôi đều bị giết chết cả, làm sao tôi không sầu não khóc lóc được ! Như Lai cùng tôi đồng sanh trưởng tại thành nầy, đồng là thân thích của dòng Thích Ca, tại sao chỉ riêng có Như Lai là không sầu não, dung nhan lại tươi sáng như vậy ?

_ Nầy A Nan ! Ông thấy thành Ca Tỳ La là có thật, còn Phật thời thấy là không tịch trọn không chỗ có. Ông thấy dòng Thích Ca là thân thích, còn Phật vì tu không nên đều không chỗ thấy. Vì thế nên ông sanh lòng sầu khổ, còn dung nhan của Phật càng thêm tươi sáng.

Nầy Thiện nam tử ! Vì chư Phật và Bồ Tát tu tập không tam muội như vậy nên chẳng sanh sầu não.

Đây gọi là Bồ Tát tu tập kinh Đại Niết Bàn, thành tựu đầy đủ phần công đức thứ chín.

Nầy Thiện nam tử ! Thế nào là Bồ Tát tu tập kinh Đại Niết Bàn, thành tựu đầy đủ phần công đức thứ mười rốt sau cả ?

Bồ Tát tu tập ba mươi bảy phần trợ đạo vào Đại Niết Bàn thường, lạc, ngã, tịnh. Vì các chúng sanh phân biệt giải thuyết kinh Đại Niết Bàn hiển thị Phật tánh.

Nếu Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm, A Na Hàm, A La Hán, Bích Chi Phật, Bồ Tát tin lời trên đây thời được vào Đại Niết Bàn. Nếu người không tin thời luân hồi sanh tử .

Cao Quý Đức Vương Bồ Tát bạch Phật : " Thế Tôn ! Những chúng sanh nào ở trong kinh nầy chẳng sanh lòng cung kính ?

Phật bảo : " Nầy Thiện nam tử ! Sau khi ta nhập Niết Bàn có hàng Thanh Văn đệ tử ngu si phá giới ưa sanh sự đấu tranh, bỏ mười hai bộ kinh, mà đi đọc tụng văn kệ sách vở của ngoại đạo, nhận chứa tất cả vật bất tịnh, nói rằng Phật cho phép. Những người ngu si nầy đem chiên đàn tốt đổi lấy gỗ tạp, đem vàng đổi lấy thau, đem bạc đổi lấy nhôm, hàng lụa đổi lấy bố gai, đem vị cam lộ đổi lấy chất độc.

Thế nào là chiên đàn đổi lấy gỗ tạp ?

Như các đệ tử vì cúng dường mà thuyết kinh pháp cho hàng bạch y. Hàng bạch y phóng dật không thích nghe pháp. Bạch y ngồi cao, Tỳ Kheo ngồi thấp. Nhẫn đến đem những đồ ăn uống ngon để cung cấp mà họ vẫn chẳng bằng lòng nghe. Đây gọi là đem chiên đàn đổi lấy gỗ tạp.

Thế nào là đem vàng đổi lấy thau ?

Thau là dụ cho sắc thinh, hương, vị, xúc năm dục trần, vàng là dụ cho giới. Đệ tử của ta vì sắc mà phá giới đã thọ. Đây là đem vàng đổi lấy thau.

Thế nào là đem bạc đổi lấy nhôm ?

Bạc dụ cho thập thiện, nhôm dụ cho thập ác. Đệ tử của ta vất bỏ mười hạnh lành mà làm mười điều ác. Đây gọi là đem bạc đổi lấy nhôm vậy ?

Thế nào là đem lụa đổi gai bố ?

Gai bố dụ cho vô tàm vô quý. Lụa dụ cho tàm quý. Đệ tử của ta bỏ tàm quý quen tập vô tàm vô quý. Đây là đem lụa đổi gai vậy ?

Thế nào là vị cam lồ đổi chất độc ?

Chất độc dụ cho các thứ lợi dưỡng. Cam lồ dụ cho pháp vô lậu. Đệ tử của ta vì lợi dưỡng mà tự khen tự khoe với hàng bạch y rằng mình được vô lậu. Đây là cam lồ đổi chất độc.

Sau nầy kinh Đại Niết Bàn lưu hành ở Diêm Phù Đề, có các đệ tử Phật thọ trì, đọc tụng, biên chép, diễn thuyết sẽ bị các ác Tỳ Kheo đây giết hại.

Lúc đó các ác Tỳ Kheo nhóm họp nhau lập chế ước nghiệm rằng : Vị nào đọc tụng thọ trì biên chép diễn thuyết kinh Đại Niết Bàn, đều chẳng được cùng ở, cùng ngồi, cùng đàm luận chuyện trò. Vì kinh Đại Niết Bàn chẳng phải của Phật nói, do người tà kiến tạo ra. Người tà kiến là lục sư, kinh điển của lục sư chẳng phải kinh điển của Phật. Vì tất cả chư Phật đều nói các pháp là vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh. Nếu nói các pháp là thường, lạc, ngã, tịnh thời đâu phải là kinh do Phật nói.

Chư Phật cho các đệ tử chứa các thứ vật, còn lục sư chẳng cho các đệ tử cất chứa tất cả vật. Nếu cấm chứa thời thế nào lại là lời của Phật ?

Chư Phật chẳng cấm đệ tử dứt hẳn năm vị sữa bò và ăn thịt. Còn lục sư chẳng cho ăn năm thứ muối, năm thứ vị sữa bò và huyết mỡ. Nếu cấm những thứ nầy thời đâu phải là kinh điển chánh của Phật !

Chư Phật nói ba thừa, mà kinh nầy thuần nói nhứt thừa và Đại Niết Bàn, thời đâu gọi là kinh điển chánh của Phật được !

Chư Phật rốt ráo nhập Niết Bàn, còn kinh nầy nói Phật là thường, lạc, ngã, tịnh, chẳng nhập Niết Bàn.

Kinh nầy không ở trong số mười hai bộ, chính là ma thuyết, chẳng phải Phật thuyết.

Nầy Thiện nam tử ! Người như trên đây dầu là đệ tử Phật mà chẳng thể tin thuận kinh Đại Niết Bàn nầy.

Nầy Thiện nam tử ! Trong thời kỳ như vậy, nếu có chúng sanh tin kinh điển nầy nhẫn đến nửa câu, phải biết rằng người nầy thiệt là đệ tử của Phật, do sự tin nầy mà thấy Phật tánh nhập Đại Niết Bàn.

Cao Quý Đức Vương Bồ Tát nói : " Lành thay ! Lành thay ! Ngày nay đức Như Lai khéo khai thị kinh Đại Niết Bàn.

Thế Tôn ! Tôi nhơn việc nầy bèn được giải ngộ kinh Đại Niết Bàn một câu nửa câu. Do hiểu một câu đến nửa câu nên thấy chút phần Phật tánh. Cứ như lời Phật nói, tôi cũng sẽ được vào Đại Niêt Nàn.

Đây gọi là Bồ Tát tu tập kinh Đại Niết Bàn thành tựu đầy đủ phần công đức thứ mười.

XXIII

PHẨM SƯ TỬ HỐNG BỒ TÁT THỨ HAI MƯƠI BA

Bấy giờ Đức Phật bảo tất cả đại chúng : " Nầy các Thiện nam tử ! Các người nếu nghi là có Phật không Phật, có Pháp không Pháp, có Tăng không Tăng, có khổ không khổ, có tập không tập, có diệt không diệt, có đạo không đạo, có thiệt không thiệt, có ngã không ngã, có lạc không lạc, có tịnh không tịnh, có thường không thường, có thừa không thừa, có tánh không tánh , có chúng sanh không chúng sanh, có hữu không hữu, có chơn không chơn, có nhơn không nhơn, có quả không quả, có tác không tác, có nghiệp không nghiệp, có báo không báo, giờ đây tha hồ cho các người hỏi, ta sẽ phân biệt giải thuyết cho.

Ta thiệt chẳng thấy hoặc có Trời, Người, hoặc có Ma, Phạm, hoặc có Sa Môn hay Bà La Môn nào đến hỏi mà ta không giải đáp được.

Trong pháp hội có Bồ Tát hiệu Sư Tử Hống đứng dậy nghiêm chỉnh y phục đảnh lễ đức Phật chấp tay quì bạch rằng : " Thế Tôn ! Tôi vừa muốn hỏi, đức Như Lai đại từ lại đã hứa cho.

Phật bảo đại chúng rằng : " Các người nên cung kính Bồ Tát nầy, cũng nên tôn trọng tán thán cùng đem các thứ hoa hương kỹ nhạc, anh lạc, phan lọng, y phục, đồ ăn uống, đồ nằm , thuốc men, phòng nhà, điện đường để cúng dường Bồ Tát. Vì Bồ Tát nầy từ quá khứ chư Phật đã sâu trồng thiện căn phước đức đã đầy đủ, vì thế nên muốn ở trước ta mà thưa hỏi :

Như Sư Tử chúa tự biết sức lực nanh răng nhọn bén, bốn chưn chống đất đứng trong hang vẫy đuôi gầm ra tiếng. Nếu có người nào đủ những tướng như vậy phải biết rằng có thể rống như Sư Tử, thiệt là Sư Tử chúa sáng sớm ra khỏi hang vươn vai ngáp nhìn ngó bốn phương, cất tiếng rống to. Làm như thế là vì mười một điều : Một là vì muốn phá dẹp những loài chẳng phải thiệt Sư Tử mà dối làm Sư Tử ; hai là vì muốn thử sức mình ; ba là vì muốn khiến chỗ ở thanh tịnh ; bốn là vì muốn bầy Sư Tử con biết chỗ nơi ; năm là vì muốn đoàn Sư Tử không tâm kinh sợ ; sáu là vì muốn kẻ ngũ được thức tỉnh ; bảy là vì muốn tất cả những thú phóng dật được siêng năng chẳng phóng dật ; tám là vì muốn những thú khác đến chầu hầu ; chín là vì muốn điều phục đại hương tượng ; mười là vì muốn dạy bảo các con cái ; mười một là vì muốn trang nghiêm quyến thuộc của mình.

Tất cả loài cầm thú nghe tiếng hống của Sư Tử, loài lội dưới nước liền lặn xuống vực sâu, loài chạy trên bờ nép trốn trong hang, loài chim bay thời rơi rớt, các đại hương tượng kinh hãi chạy té phẩn.

Như loài chồn cáo kia dầu đi theo Sư Tử trọn trăm năm nhưng chẳng thể rống lên tiếng như Sư Tử. Nếu là con Sư Tử, mới đầy ba năm thời có thể kêu rống như Sư Tử chúa.

Nầy Thiện nam tử ! Như Lai chánh đẳng giác, trí huệ là nanh vuốt, bốn như ý túc là chơn, đầy đủ sáu môn Ba La Mật là thân, thập trí lực hùng mãnh là sức lực, đại từ bi là đuôi an trụ, tứ thiền là hang thanh tịnh, vì chúng sanh mà rống như Sư Tử, dẹp phá quân ma, hiện bày mười trí lực, mở mang chỗ đi của Phật, làm chỗ nương về cho bọn tà kiến, vỗ về những chúng sợ sệt sanh tử, giác ngộ chúng sanh vô minh ngủ nghỉ, làm cho người tạo ác sanh tâm ăn năn, khai thị tà kiến cho tất cả chúng sanh, làm cho họ biết hàng lục sư chẳng phải là tiếng rống của Sư Tử, để phá lòng kiêu mạn của ngoại đạo Phú Lâu Na v.v… Làm cho hàng nhị thừa sanh lòng hối hận, dạy bảo các Bồ Tát bực ngũ trụ cho họ sanh tâm đại lực, làm cho bốn bộ chúng chánh kiến chẳng sợ sệt những đồ chúng tà kiến, nên từ nơi thánh hạnh, phạm hạnh, thiên hạnh, vươn vai mà ra. Muốn khiến các chúng sanh phá lòng kiêu mạn nên hà ngáp. Vì khiến chúng sanh thêm lớn pháp lành nên đoái ngó bốn phương. Vì khiến chúng sanh đặng tứ vô ngại biện nên bốn chân chấm đất. Vì khiến chúng sanh đầy đủ Thi La Ba La Mật nên rống như Sư Tử .

Sư Tử rống gọi là quyết định thuyết : " Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, Như Lai thường trụ không có biến đổi."

Nầy Thiện nam tử ! Hàng Thanh Văn Duyên Giác dầu theo đức Như Lai trong vô lượng vô số kiếp nhưng trọn không thể làm Sư Tử rống. Thập trụ Bồ Tát nếu có thể tu hành ba hạnh như trên, nên biết rằng đó là Sư Tử rống.

Nầy đại chúng ! Bồ Tát Sư Tử Hống đây, nay muốn làm đại Sư Tử rống, nên đại chúng phải nên thâm tâm cúng dường cung kính tôn trọng tán thán.

Bây giờ Thế Tôn bảo Sư Tử Hống Bồ Tát : " Nầy Thiện nam tử ! Nếu ông muốn hỏi, giờ đây ông có thể hỏi ."

Bạch Thế Tôn ! Thế nào là Phật tánh? Do nghĩa gì nên gọi là Phật tánh ? Có gì lại gọi là thường, lạc, ngã, tịnh ? Nếu chúng sanh có Phật tánh, tại sao lại chẳng thấy được Phật tánh của tất cả chúng sanh ? Thập trụ Bồ Tát trụ những pháp gì mà chẳng thấy Phật tánh rõ ràng ? Phật trụ những pháp gì mà thấy được rõ ràng ? Thập trụ Bồ Tát dùng con mắt gì mà thấy chẳng rõ ràng ? Phật dùng con mắt gì mà thấy Phật tánh được rõ ràng ?

Phật bảo : " Nầy Thiện nam tử ! Lành thay ! Lành thay ! Nếu có ai vì pháp mà thưa hỏi thời là đầy đủ hai thứ trang nghiêm : Một là trí huệ, hai là phước đức. Nếu có Bồ Tát đầy đủ hai thứ trang nghiêm như vậy thời biết Phật tánh, cũng lại rõ biết gọi là Phật tánh, nhẫn đến có thể biết Thập trụ Bồ Tát dùng con mắt gì, chư Phật Thế Tôn dùng con mắt gì .

Sư Tử Hống Bồ Tát thưa : " Bạch Thế Tôn ! Thế nào gọi là trí huệ trang nghiêm ? Thế nào gọi là phước đức trang nghiêm ?

_ Nầy Thiện nam tử ! Trí huệ trang nghiêm chính là từ nhứt địa đến thập địa. Phước đức trang nghiêm chính là Đàn Ba La Mật nhẫn đến Bát Nhã, chẳng phải là Bát Nhã Ba La Mật.

Lại nầy Thiện nam tử ! Huệ trang nghiêm là nói chư Phật và Bồ Tát. Phước đức trang nghiêm là nói Thanh Văn Duyên Giác cùng Cửu trụ Bồ Tát.

Lại nầy Thiện nam tử ! Phước đức trang nghiêm là hữu vi hữu lậu có quả báo, có ngại chẳng phải thường, là pháp phàm phu. Trí huệ trang nghiêm là vô vi vô lậu không quả báo, không ngại là thường trụ.

Nầy Thiện nam tử ! Nay ông đầy đủ hai thứ trang nghiêm nầy, nên ông có thể hỏi diệu nghĩa rất sâu Phật cũng đầy đủ hai thứ trang nghiêm nầy nên có thể giải đáp những nghĩa ấy.

Bạch Thế Tôn ! Nếu có Bồ Tát đầy đủ hai thứ trang nghiêm như vậy thời chẳng nên hỏi một thứ hai thứ. Tại sao đức Thế Tôn nói rằng có thể đáp một thứ hai thứ. Vì tất cả pháp không có một thứ hai thứ. Một thứ hai thứ là tướng phàm phu.

Nầy Thiện nam tử ! Nếu có Bồ Tát không hai thứ trang nghiêm thời chẳng phải biết một thứ hai thứ. Phải là Bồ Tát đầy đủ hai thứ trang nghiêmmới có thể rõ biết một thứ hai thứ. Nếu nói các pháp không một hai đó, thời không đúng nghĩa. Vì nếu không một hai thế nào nói là tất cả pháp không một không hai.

Nầy Thiện nam tử ! Nếu nói một hai là tướng phàm phu, đây bèn gọi là bực Thập trụ Bồ Tát chẳng phải là phàm phu vậy. Tại sao vậy ? Một đó gọi là Niết Bàn, hai đó gọi là sanh tử .

Tại sao một đó gọi là Niết Bàn ? Vì Niết Bàn là thường. Tại sao hai đó là sanh tử ? Vì là ái và vô minh vậy.

Niết Bàn thường trụ đó chẳng phải là tướng phàm phu. Sanh tử là hai đó cũng chẳng phải tướng phàm phu. Do nghĩa nầy nên người đủ hai thứ trang nghiêm thời có thể hỏi có thể đáp.

Ông hỏi thế nào là Phật tánh đó ? Lóng nghe ! Ta sẽ phân biệt giải thuyết cho ông.

Nầy Thiện nam tử ! Phật tánh đã gọi là đệ nhứt nghĩa không, đệ nhứt nghĩa không gọi là trí huệ.

Không đây là chẳng thấy không cùng bất không. Người trí thấy không và bất không thường cùng vô thường khổ với lạc, ngã cùng vô ngã. Không là nói tất cả sanh tử. Bất không là nói Đại Niết Bàn. Nhẫn đến vô ngã chính là sanh tử. Ngã đó chính là Đại Niết Bàn.

Thấy tất cả không mà chẳng thấy bất không thời chẳng gọi là trung đạo. Nhẫn đến thấy tất cả vô ngã mà chẳng thấy ngã thời chẳng gọi là trung đạo. Trung đạo đó gọi là Phật tánh. Do nghĩa nầy nên Phật tánh là thường hằng không biến đổi vì vô minh che đậy làm cho chúng sanh chẳng thấy được. Hàng Thanh Văn Duyên Giác thấy tất cả không mà chẳng thấy bất không, nhẫn đến thấy tất cả vô ngã mà chẳng thấy ngã, do đây nên chẳng được đệ nhứt nghĩa không. Vì chẳng đặng đệ nhứt nghĩa không nên chẳng đi được nơi trung đạo. Vì không trung đạo nên chẳng thấy Phật tánh.

Nầy Thiện nam tử ! Phàm có ba hạng chẳng thấy trung đạo. Một là định lạc hành, hai là định khổ hành, ba là khổ lạc hành.

Định lạc hành chính là Đại Bồ Tát vì thương xót tất cả chúng snh, nên dầu ở địa ngục A Tỳ nhưng an vui như đệ tam thiền.

Định khổ hành là nói hàng phàm phu.

Khổ lạc hành là nói Thanh Văn Duyên Giác. Thanh Văn Duyên Giác hành nơi khổ lạc mà tưởng là trung đạo, do đây nên dầu có Phật tánh mà chẳng thấy được.

Như ông hỏi nghỉa gì gọi là Phật tánh ?

Nầy Thiện nam tử ! Phật tánh chính là vô thượng Bồ Đề của tất cả chư Phật, là chủng tử của trung đạo.

Lại nầy Thiện nam tử ! Đạo có ba : Thượng, trung, hạ.

Đạo bực hạ là Phạm thiên vô thường nhận lầm là thường. Đạo bực thượng là sanh tử vô thườntg nhận lầm là thường. Tam Bảo là thường chấp là vô thường. Cớ gì gọi là bực thượng ? Vì có thể đặng vô thượng Bồ Đề.

Đạo bực trung gọi là đệ nhứt nghĩa không : Vô thường thấy là vô thường, thường thấy là thường. Đệ nhứt nghĩa không chẳng gọi là hạ, vì tất cả phàm phu không thể được, lại chẳng gọi là bực thượng, vì chính đây là thượng. Đạo của chư Phật Bồ Tát tu hành chẳng phải thượng chẳng phải hạ nên gọi là trung đạo.

Nầy Thiện nam tử ! Bờ mé sanh tử phàm có hai thứ cội gốc : Một là vô minh, hai là hữu ái. Chặn giữa hai thứ nầy thời có quả khổ sanh già bịnh chết, đây gọi là trung đạo. Trung đạo như đây có thể phá sanh tử nên gọi là trung. Do nghĩa nầy nên pháp trung đạo gọi là Phật tánh. Vì thế nên Phật tánh là thường lạc ngã tịnh. Bởi chúng sanh chẳng thấy được Phật tánh nên là vô thường vô lạc vô ngã vô tịnh. Phật tánh thiệt chẳng phải là vô thường vô lạc vô ngã vô tịnh.

Ví như người nghèo trong nhà có kho châu báu vì người nầy chẳng thấy nên không được sung sướng tự tại. Có người trí dùng phương tiện chỉ bảo cho được thấy. Nhờ thấy có châu báu người nầy hết khổ đặng sung sướng tự tại.

Cũng vậy, vì chúng sanh chẳng thấy Phật tánh nên là vô thường vô lạc vô ngã vô tịnh. Do thiện tri thức, chư Phật và Bồ Tát dùng nhiều phương tiện dạy bảo mà chúng sanh thấy Phật tánh. Do thấy Phật tánh nên chúng sanh được thường, lạc, ngã, tịnh.

Kiến chấp của chúng sanh phàm có hai : Thường kiến và đoạn kiến. Hai thứ kiến chấp nầy chẳng gọi là trung đạo. Không thường không đoạn mới gọi là trung đạo, không thường không đoạn, tức là trí quán chiếu mười hai nhơn duyên. Quán trí nầy gọi là Phật tánh. Hàng nhị thừa dầu quán nhơn duyên nhưng còn chẳng được gọi là Phật tánh. Phật tanùh dầu là thường bởi chúng sanh bị vô minh che đậy nên không thấy được. Lội chưa qua được sông mười hai nhơn duyên, dụ như thỏ và ngựa kia, vì chẳng thấy Phật tánh.

Nầy Thiện nam tử ! Trí huệ quán chiếu mười hai nhơn duyên đây chính là chủng tử của vô thượng Bồ Đề. Do nghĩa nầy nên mười hai nhơn duyên gọi là Phật tánh.

Ví như dưa hấu gọi là bịnh nhiệt, vì dưa nầy có thể làm nhơn duyên bịnh nhiệt. Mười hai nhơn duyên cũng như vậy.

Nầy Thiện nam tử ! Phật tánh có nhơn, có nhơn nhơn, có quả, có quả quả.

Có nhơn đó chính là mười hai nhơn duyên. Nhơn nhơn đó chính là trí huệ. Có quả chính là vô thượng Bồ Đề. Qủa quả đó chính là vô thượng Đại Niết Bàn.

Nầy Thiện nam tử ! Như vô minh là nhơn, hành là quả ; hành là nhơn , thức là qủa. Do nghĩa nầy nên thể vô minh kia cũng là nhơn, cũng là nhơn nhơn. Thức cũng là quả, cũng là quả quả. Phật tánh cũng như vậy.

Nầy Thiện nam tử ! Do nghĩa nầy nên mười hai nhơn duyên chẳng sanh, chẳng diệt, chẳng thường, chẳng đoạn, chẳng một, chẳng hai, chẳng đến, chẳng đi, chẳng chơn, chẳng quả.

Là nhơn mà chẳng phải quả như Phật tánh.

Là quả mà chẳng phải nhơn như Đại Niết Bàn.

Là nhơn cũng là quả như những pháp do mười hai nhơn duyên sanh.

Chẳng phải nhơn chẳng phải quả gọi là Phật tánh. Vì chẳng phải nhơn quả nên thường hằng không biến đổi.

Do nghĩa nầy nên trong kinh Phật nói mười hai nhơn duyên ý nghĩ rất sâu không thể biết, không thể thấy, chẳng thể nghĩ bàn, là cảnh giới của chư Phật và Bồ Tát, chẳng phải hàng Thanh Văn Duyên Giác đến được.

Do nghĩa gì mà là rất sâu ? Nghiệp hạnh của chúng sanh chẳng thường chẳng đoạn mà có quả báo dầu niệm niệm diệt mà không mất, dầu không tác giả mà có tác nghiệp, dầu không thọ giả mà có quả báo. Thọ giả, dầu diệt mà quả chẳng hư. Không có lự tri nhưng hòa hiệp mà có. Tất cả chúng sanh dầu cùng đi với mười hai nhơn duyên mà chẳng thấy chẳng biết. Vì chẳng thấy biết nên không có chung thỉ. Bực Thập trụ Bồ Tát chỉ thấy chung mà chẳng thấy thỉ. Chư Phật thấy thỉ thấy chung. Do nghĩa nầy nên chư Phật thấy Phật tánh được rõ ràng. Tất cả chúng sanh vì chẳng thấy được mười hai nhơn duyên nên phải luân chuyển.

Như tằm làm kén tự sống tự chết. Tất cả chúng sanh cũng như vậy, vì chẳng thấy Phật tánh nên tự tạo nghiệp mà lưu chuyển sanh tử, dường như đánh trái cầu.

Vì thế nên trong các kinh Phật nói : Nếu có người thấy được mười hai nhơn duyên thời là thấy pháp, thấy pháp đó chính là thấy Phật. Phật đó chính là Phật tánh, vì tất cả chư Phật dùng đây làm tánh.

Nầy Thiện nam tử ! Trí quán mười hai nhơn duyên có bốn hạng : Một là hạ, hai là trung, ba là thượng, bốn là thượng thượng.

Quán trí bực hạ chẳng thấy Phật tánh, vì chẳng thấy nên chứng được đạo Thanh văn. Trí quán bực trung chẳng thấy Phật tánh, vì chẳng thấy nên chứng đặng đạo Duyên Giác. Trí quán bực thượng thấy Phật tánh chẳng rõ ràng, vì thấy chẳng rõ ràng nên trụ bực thập trụ. Trí quán bực thượng thượng thấy Phật tánh rõ ràng nên chứng được vô thượng Bồ Đề. Do nghĩa đây nên mười hai nhơn duyên gọi là Phật tánh. Phật tánh chính là đệ nhứt nghĩa không. Đệ nhứt nghĩa không gọi là trung đạo. Trung đạo đó gọi là Phật. Phật đây là Niết Bàn.

Sư Tử Hống Bồ Tát bạch Phật : “ Thế Tôn ! Nếu Phật cùng Phật Tánh không sai khác, thời tất cả chúng sanh cần gì tu hành ?”

Phật bảo : “ Nầy Thiện nam tử ! Lời ông hỏi không đúng. Phật cùng Phật tánh dầu không sai khác nhưng chúng sanh đều chưa đầy đủ. Ví như có người ác tâm muốn hại mẹ, hại rồi sanh lòng ăn năn, ba nghiệp dầu lành, nhưng người nầy vẫn gọi là người địa ngục, vì người nầy quyết định sẽ đọa địa ngục vậy. Hiện tại người nầy dầu không thân địa ngục nhưng vẫn gọi là người địa ngục.

Do đây nên trong các kinh Phật nói nếu thấy có người tu hành hạnh lành thời gọi là thấy người trời. Thấy người tạo ác thời gọi là thấy địa ngục. Vì quyết định sẽ thọ quả báo.

Nầy Thiện nam tử ! Vì tất cả chúng sanh quyết định được vô thượng Bồ Đề nên Phật nói tất cả chúng sanh đều có Phật tánh. Nhưng thật ra tất cả chúng sanh chưa có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp. Do nghĩa đây nên nơi kinh nầy Phật nói kệ

rằng :

Trước có nay không
Trước không nay có
Ba đời có pháp
Nghĩa nầy không đúng.

Nầy Thiện nam tử ! Có ba thứ có : Một là vị lai có, hai là hiện tại có, ba là quá khứ có.

Tất cả chúng sanh vị lai sẽ có vô thượng Bồ Đề , đây gọi là Phật tánh. Tất cả chúng sanh hiện tại điều có phiền não, nên hiện tại không có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp. Tất cả chúng sanh quá khứ có dứt phiền não nên hiện tại được thấy Phật tánh. Do nghĩa nầy Phật thường tuyên nói : Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, nhẫn đến nhứt xiển đề cũng có Phật tánh.

Nhứt xiển đề không có pháp lành. Phật tánh là pháp lành vị lai họ sẽ có. Nhứt xiển đề đều có Phật tánh, vì họ quyết định sẽ đặng thành vô thượng Bồ Đề.

Ví như có người trong nhà có sữa lạc. Có người hỏi : Ông có tô không ? Đáp rằng tôi có. Lạc thiệt chẳng phải tô, do phương tiện khéo, chắc sẽ đặng tô, nên đáp rằng có tô.

Chúng sanh cũng như vậy tất cả đều có tâm. Phàm người có tâm sẽ được thành vô thượng Bồ Đề. Do nghĩa đây nên Phật thường tuyên nói : Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh.

Nầy Thiện nam tử ! Tất cánh có hai thứ : Một là trang nghiêm tất cánh, hai là cứu cánh tất cánh. Và một là thế gian tất cánh, hai là xuất thế tất cánh.

Trang nghiêm tất cánh là sáu môn Ba La Mật. Cứu cánh tất cánh là nhứt thừa của tất cả, chúng sanh chứng được. Nhứt thừa đó gọi là Phật tánh. Do nghĩa đây nên Phật nói tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, tất cả chúng sanh đều có nhứt thừa, vì vô minh che đậy nên chẳng thấy được.

Như Châu Uất Đơn Việt, Đao Lợi Thiên, vì quả báo che ngăn nên chúng sanh ở đây chẳng thấy được.

Phật tánh cũng như vậy, do các phiền não kiết sử che ngăn nên chúng sanh chẳng thấy được.

Nầy Thiện nam tử ! Phật tánh chính là Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội tánh như đề hồ, chính là mẹ của tất cả chư Phật. Do sức của Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội mà chư Phật được thường, lạc, ngã, tịnh. Tất cả chúng sanh đều có Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội vì chẳng tu hành nên không được thấy, vì thế nên không thể được thành vô thượng Bồ Đề.

Nầy Thiện nam tử ! Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội có năm tên : Một là Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội, hai là Bát Nhã Ba La Mật, ba là Kim Cang Tam Muội, bốn là Sư Tử Hống Tam Muội, năm là Phật tánh. Tùy theo năng lực chỗ làm của Tam muội mà có tên khác nhau.

Nầy Thiện nam tử ! Như một Tam Muội có nhiều tên, như thiền gọi là tứ thiền, căn gọi là định căn, lực gọi là định lực, giác gọi là định giác, chánh gọi là chánh định, bát đại nhơn giác gọi là định giác, Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội cũng như vậy.

Nầy Thiện nam tử ! tất cả chúng sanh đầy đủ ba môn định : Thượng, Trung và Hạ. Thượng là nói Phật tánh, do đây nên nói tất cả chúng sanh đều có Phật tánh. Trung là tất cả chúng sanh đầy đủ sơ thiền, lúc có nhơn duyên thời có thể tu tập, nếu không nhơn duyên thời chẳng thể tu tập. Nhơn duyên đây có hai thứ : Một là hỏa tai, hai là phá kiết sử cõi dục, do đây nên nói rằng tất cả chúng sanh đều đầy đủ định bực Trung.

Hạ định là định tâm sở trong mười đại địa, do đây nên nói tất cả chúng sanh đều đầy đủ định bực hạ.

Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh vì phiền não che đậy nên chẳng được thấy. Thập trụ Bồ Tát dầu thấy nhứt thừa nhưng chẳng biết Như Lai là pháp thường trụ, do đây nên nói rằng Thập trụ Bồ Tát dầu thấy Phật tánh mà chẳng rõ ràng.

Nầy Thiện nam tử ! Thủ Lăng gọi là nhứt thiết sự tất cánh, " Nghiêm" là kiên, nhứt thiết sự tất cánh mà đặng kiên cố gọi là Thủ Lăng Nghiêm. Do đây nên nói rằng Thủ Lăng Nghiêm định gọi là Phật tánh.

Nầy Thiện nam tử ! Một lúc nọ ta ở bên sông Ni Liên Thiền, bảo A Nan rằng : Nay ta muốn tắm rửa, ông nên lấy y và đem tháo đậu. Ta vào trong nước, tất cả loài chim cùng những loài ở trên đất, ở dưới nước đều tụ đến xem ngó ta. Lúc đó lại có năm trăm vị Phạm Chí đi đến bờ sông bảo nhau rằng : Thế nào mà được thân Kim Cương ? Nếu giả sử ông Cù Đàm chẳng nói đoạn kiến, ta sẽ theo ông để thỉnh thọ trai pháp.

Nầy Thiện nam tử ! Lúc đó ta dùng tha tâm trí biết tâm niệm của các Phạm Chí, bèn bảo họ rằng tại sao cho rằng ta nói đoạn kiến ? _ Các Phạm Chí đáp : Lúc trước ở trong các kinh Cù Đàm nói tất cả chúng sanh đều không có ngã, đã nói không ngã sao lại chẳng phải đoạn kiến ? Nếu không ngã thời ai trì giới ? Ai phá giới ?

_ Nầy các Phạm Chí ! Ta nói tất cả chúng sanh đều không ngã. Ta cũng thường tuyên nói tất cả chúng sanh đều có Phật tánh. Phật tánh đó há chẳng phải là ngã ư ? Do nghĩa nầy nên ta chẳng nói đoạn kiến. Vì tất cả chúng sanh chẳng thấy Phật tánh nên là vô thường, vô ngã, vô lạc, vô tịnh, đây thời gọi là nói đoạn kiến vậy.

Lúc đó các Phạm Chí nghe nói Phật tánh chính là ngã, liền phát tâm vô thượng Bồ Đề, đồng thời xuất gia tu đạo Bồ Đề. Tất cả những loài chim bay cá lội, thú chạy cũng đều phát tâm vô thượng Bồ Đề, đã phát tâm rồi chúng nó liền được bỏ thân chim thú.

Nầy Thiện nam tử ! Phật tánh đây thiệt chẳng phải ngã, vì chúng sanh nên nói là ngã. Vì có nhơn duyên nên Như Lai nói vô ngã là ngã, mà thật là vô ngã. Dầu nói như vậy nhưng không hư vọng. Vì có nhơn duyên, Như Lai nói ngã là vô ngã, mà thiệt là có ngã. Vì thế giới chúng sanh nên dầu nói vô

ngã mà không hư vọng. Phật tánh vô ngã Như Lai nói là ngã, vì Phật tánh là thường. Như Lai là ngã mà nói là vô ngã, vì được tự tại.

Sư Tử Hống Bồ Tát bạch rằng : “ Thế Tôn ! Nếu tất cả chúng sanh đều có Phật tánh như Kim Cang Lực Sĩ, do cớ gì mà tất cả chúng sanh chẳng được thấy.

Phật nói : “ Nầy Thiện nam tử ! Như sắc pháp dầu có màu xanh, vàng, đỏ, trắng, hình chất dài ngắn, mà kẻ mù chẳng thấy. Dầu chẳng thấy nhưng cũng chẳng thể nói rằng không có xanh, vàng, đỏ, trắng hình chất dài ngắn. Vì dầu rằng người mù chẳng thấy, nhưng người mắt sáng thời được thấy.

Phật tánh cũng như vậy, tất cả chúng sanh dầu chẳng được thấy, nhưng Thập Trụ Bồ Tát thấy được một ít phần, đức Như Lai thời thấy rõ hoàn toàn. Thập Trụ Bồ Tát thấy Phật tánh như đêm tối thấy hình sắc, Đức Như Lai thấy Phật tánh như giữa ban ngày thấy hình sắc.

Như người mắt lòa thấy hình sắc chẳng rõ ràng, lương y điều trị, do công dụng của thuốc nên được rõ ràng. Thập Trụ Bồ Tát cũng như vậy, dầu thấy Phật tánh nhưng chẳng được rõ ràng, nhờ năng lực của Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội mà được thấy rõ ràng.

Nầy Thiện nam tử ! Nếu có người thấy tất cả pháp là vô thường, vô ngã, vô lạc, vô tịnh, thấy chẳng phải tất cả pháp cũng là vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh, người như vậy thời chẳng thấy Phật tánh.

Trên đây nói tất cả pháp đó là nói sanh tử. Còn chẳng phải tất cả pháp đó là nói Tam Bảo.

Hàng Thanh Văn Duyên Giác thấy tất cả pháp là vô thường , vô lạc, vô ngã, vô tịnh ; thấy chẳng phải tất cả pháp cũng là vô thường, vô ngã, vô lạc, vô tịnh, vì thế nên chẳng thấy Phật tánh.

Thập Trụ Bồ Tát thấy tất cả pháp là vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh, còn chẳng phải tất cả pháp thời phần ít là thường, lạc, ngã, tịnh do đây nên trong mười phần thấy được một phần.

Chư Phật Thế Tôn thấy tất cả pháp là vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh, thấy chẳng phải tất cả pháp là thường, lạc, ngã, tịnh. Vì thế nên Như Lai thấy Phật tánh xem như trái A ma lặc trong bàn tay. Do nghĩa nầy nên Thủ Lăng Nghiêm định gọi là tất cánh.

Nầy Thiện nam tử ! Như đêm mùng một dầu chẳng thấy mặt trăng nhưng chẳng được nói là không. Phật tánh cũng như vậy, tất cả phàm phu dầu chẳng được thấy, cũng chẳng được nói rằng không có Phật tánh.

Nầy Thiện nam tử ! Phật tánh là mười trí lực, bốn vô sở úy, đại bi tam niệm. Tất cả chúng sanh thời có ba thứ ấy, vì sau khi phá trừ phiền não thời được thấy. Hàng nhứt xiển đề sau khi phá trừ nhứt xiển đề thời có thể được ba thứ ấy. Do nghĩa nầy nên Phật thường tuyên nói tất cả chúng sanh đều có Phật tánh.

Nầy Thiện nam tử ! Tất cả chúng sanh đều đồng có mười hai nhơn duyên, cũng có nội, cũng có ngoại.

Những gì là mười hai ?

Phiền não quá khứ gọi là "Vô minh", nghiệp quá khứ gọi là "hành". Trong đời hiện tại, lúc sơ khởi thọ thai gọi là "thức". Năm phần nhập thai chưa đủ bốn căn gọi là "danh sắc". Đầy đủ bốn căn gọi là "lục nhập". Chưa phân biệt khổ vui gọi là "xúc". Nhiễm tập một ái gọi là "thọ". Quen gần ngũ dục thời gọi là "ái". Tham cầu trong và ngoài thời gọi là "thủ". Vì sự trong ngoài mà khởi nghiệp thân, khẩu, ý đây gọi là "hữu". Thức đời hiện tại gọi là vị lai "sanh". Hiện tại danh sắc, lục, nhập, xúc, thọ thời gọi là vị lai "lão, bịnh, tử" vậy. Đây gọi là mười hai nhơn duyên.

Nầy Thiện nam tử ! Tất cả chúng sanh dầu có mười hai nhơn duyên như vậy, hoặc có kẻ chưa đủ như lúc Ca La Lã chết thời không có mười hai. Từ sanh đến lão tử thời đủ mười hai.

Chúng sanh cõi sắc không có ba thứ thọ, ba thứ xúc, ba thứ ái, không có già bịnh, nhưng cũng được gọi là đầy đủ mười hai.

Chúng sanh cõi vô sắc thời không có sắc nhẫn đến không lão bịnh, nhưng cũng được gọi là đủ mười hai, vì quyết định được vậy. Vì thế nên nói rằng chúng sanh đồng đầy đủ có mười hai nhơn duyên.

Phật tánh cũng như vậy, tất cả chúng sanh quyết định sẽ đặng thành vô thượng Bồ Đề. Do đây nên Phật nói tất cả chúng sanh đều có Phật tánh.

Nầy Thiện nam tử ! Núi Tuyết có thứ cỏ tên nhẫn nhục, nếu bò ăn cỏ nầy thời sanh chất đề hồ. Trên núi ấy lại có thứ cỏ khác, nếu bò ăn thứ cỏ ấy thời

không sanh chất đề hồ. Dầu không sanh chất đề hồ nhưng chẳng thể nói rằng trong núi Tuyết không có cỏ nhẫn nhục.

Phật tánh cũng như vậy. Núi Tuyết là nói Như Lai, cỏ nhẫn nhục là nói Đại Niết Bàn, những cỏ khác là nói mười hai bộ kinh. Chúng sanh nếu có thể được nghe, được học hỏi Đại Niết Bàn thời thấy được Phật tánh. Trong mười hai bộ kinh dầu chẳng nghe có, nhưng chẳng thể nói rằng không có Phật tánh.

Nầy Thiện nam tử ! Phật tánh đây cũng là sắc, cũng là chẳng phải sắc, chẳng phải sắc chẳng phải là chẳng phải sắc ; cũng là tướng cũng là chẳng phải tướng, chẳng phải tướng chẳng phải là chẳng phải tướng ; cũng là một cũng là chẳng phải một, chẳng phải một chẳng phải là chẳng phải một ; chẳng phải thường chẳng phải đoạn, chẳng phải chẳng phải thường, chẳng phải chẳng phải đoạn ; cũng là có cũng là không, chẳng phải có chẳng phải không ; cũng là tận cũng là chẳng phải tận, chẳng phải tận, chẳng phải là chẳng phải tận ; cũng là nhơn cũng là quả, chẳng phải nhơn chẳng phải quả ; cũng là nghĩa cũng là chẳng phải nghĩa, chẳng phải nghĩa chẳng phải là chẳng phải nghĩa ; cũng là danh tự cũng là chẳng phải danh tự, chẳng phải danh tự chẳng phải là chẳng phải danh tự ; cũng là khổ cũng là lạc, chẳng phải khổ chẳng phải lạc ; cũng là ngã cũng là chẳng phải ngã, chẳng phải ngã chẳng phải là chẳng phải ngã ; cũng là không cũng là chẳng phải không, chẳng phải là không chẳng phải là chẳng phải không.

Thế nào là sắc ? Vì là thân kim cang. Thế nào là phi sắc ? Vì mười tám pháp bất cộng chẳng phải là sắc pháp . Thế nào là chẳng phải sắc chẳng phải là chẳng phải sắc ? Vì sắc cũng chẳng phải sắc không có tướng quyết định.

Thế nào là tướng ? Vì là ba mươi hai tướng. Thế nào là chẳng phải tướng ? Vì tất cả chúng sanh chẳng hiện được tướng tốt. Thế nào là chẳng phải tướng chẳng phải là chẳng phải tướng ? Vì tướng cùng chẳng phải tướng không quyết địng vậy.

Thế nào là một ? Vì tất cả chúng sanh đều là nhứt thừa. Thế nào là chẳng phải một ? Vì nói ba thừa vậy . Thế nào là chẳng phải một chẳng phải là chẳng phải một ? Vì vô số pháp vậy.

Thế nào là chẳng phải thường ? Vì từ nơi duyên mà thấy.

Thế nào là chẳng phải đoạn ? Vì lìa đoạn kiến vậy.

Thế nào chẳng phải là chẳng phải thường, chẳng phải là chẳng phải đoạn ? Vì không chung không thỉ vậy.

Thế nào là có ? Vì tất cả chúng sanh đều có. Thế nào là không ? Vì từ phương tiện khéo mà đặng thấy vậy. Thế nào là chẳng phải có, chẳng phải không ? Vì hư không tánh vậy.

Thế nào gọi là tận ? Vì đặng Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội. Thế nào là chẳng phải tận ? Vì là thường vậy. Thế nào là chẳng phải tận, chẳng phải là chẳng phải tận ? Vì tất cả tướng tận dứt hết vậy.

Thế nào là nhơn ? Vì liễu nhơn vậy. Thế nào là quả ? Vì quả quyết định vậy. Thế nào là chẳng phải nhơn chẳng phải quả ? Vì là thường vậy.

Thế nào là nghĩa ? Vì đều có thể nhiếp lấy nghĩa không ngại. Thế nào là chẳng phải nghĩa ? Vì chẳng thể nói vậy. Thế nào là chẳng phải nghĩa chẳng phải là chẳng phải nghĩa ? Vì rốt ráo không vậy.

Thế nào là danh tự ? Vì có tên gọi vậy. Thế nào là chẳng phải danh tự ? Vì có tên mà thiệt không tên vậy. Thế nào là chẳng phải danh tự chẳng phải là chẳng phải danh tự ? Vì dứt tất cả danh tự vậy.

Thế nào là cũng khổ cũng lạc ? Vì các thọ duyên khởi vậy. Thế nào là chẳng phải khổ chẳng phải lạc ? Vì dứt tất cả thọ vậy.

Thế nào là chẳng phải ngã ? Vì chưa đầy đủ được tám thứ tự tại vậy. Thế nào là chẳng phải chẳng phải ngã ? Vì là thường vậy. Thế nào là chẳng phải ngã chẳng phải là chẳng phải ngã ? Vì chẳng tạo tác chẳng lãnh thọ vậy.

Thế nào là không ? Vì là đệ nhứt nghĩa không. Thế nào là chẳng phải không ? Vì là thường vậy.Thế nào là chẳng phải không chẳng phải là chẳng phải không ? Vì có thể là chủng tử cho pháp lành vậy.

Nầy Thiện nam tử ! Nếu có người tư duy hiểu rõ được kinh Đại Niết Bàn những nghĩa như vậy, nên biết rằng người nầy thấy được Phật tánh. Phật tánh đó chẳng thể nghĩ bàn, là cảnh giới của chư Phật, chẳng phải Thanh Văn Duyên Giác biết được.

Nầy Thiện nam tử ! Phật tánh chẳng phải là ấm, giới, nhập, chẳng phải trước không nay có, chẳng phải đã có rồi trở lại không, từ nơi nhơn duyên lành mà chúng sanh đặng thấy.

Ví như khối sắt đen để vào lửa đốt thời đỏ, lấy ra nguội thời trở lại đen. Dầu vậy nhưng màu đen nầy chẳng phải trong chẳng phải ngoài, do nhơn duyên mà có.

Phật tánh cũng như vậy, lửa phiền não tắt dứt thời chúng sanh được nghe được thấy.

Nầy Thiện nam tử ! Như hột giống biến diệt thời mầm mộng mọc lên, nhưng tánh mầm mộng nầy chẳng phải trong chẳng phải ngoài. Nhẫn đến bông trái cũng như vậy, đều theo nơi duyên mà có.

Kinh Đại Niết Bàn vi diệu nầy thành tựu đầy đủ vô lượng công đức. Phật tánh cũng như vậy đều là vô lượng vô biên công đức kết hợp mà thành tựu.

Sư Tử Hống Bồ Tát bạch rằng : " Thế Tôn ! Bồ Tát thành tựu đầy đủ bao nhiêu pháp thời đặng thấy Phật tánh mà chẳng rõ ràng ? Chư Phật Thế Tôn thành tựu bao nhiêu pháp mà được thấy rõ ràng ?

Phật bảo : " Nầy Thiện nam tử ! Bồ Tát thành tựu đầy đủ mười pháp dầu được thấy Phật tánh mà chẳng rõ ràng : Một là thiểu dục, hai là tri dục, ba là tịch tịnh, bốn là tinh tấn, năm là chánh niệm, sáu là chánh định, bảy là chánh huệ, tám là giải thoát, chín là tán thán giải thoát, mười là dùng Đại Niết Bàn giáo hóa chúng sanh".

Sư Tử Hống Bồ Tát bạch rằng : " Thế Tôn ! Thiểu dục cùng tri túc có gì sai khác ? "

Phật bảo : " Nầy Thiện nam tử ! thiểu dục là chẳng cầu chẳng lấy. Tri túc là lúc đặng ít lòng không hối hận. Thiểu dục là ít có mong muốn. Tri túc là chỉ vì pháp sự lòng chẳng sầu não.

Nầy Thiện nam tử ! Dục đó có ba : Một là ác dục, hai là đại dục, ba là dục dục.

Ác dục là nếu có Tỳ Kheo sanh lòng tham dục muốn làm thượng thủ của tất cả đại chúng, muốn cho tất cả chúng tăng thuận theo phía sau ta, khiến bốn bộ chúng thảy đều cúng dường cung kính tán thán tôn trọng ta. Khiến ta vì chúng thuyết pháp trước nhứt, đều muốn cho tất cả tin thọ lời của ta. Cũng khiến Quốc Vương, quan lớn, trưởng gỉa đều cung kính ta. Khiến ta được nhiều y phục, đồ uống ăn, đồ nằm, thuốc men, nhà cửa tốt đẹp. Đây là cầu muốn sanh tử nên gọi là ác dục.

Đại dục là thế nào ? Nếu có Tỳ Kheo sanh lòng cầu muốn làm thế nào cho bốn bộ chúng thảy đều biết ta được bực sơ trụ những đến thập trụ, được vô thượng Bồ Đề, được quả A La Hán nhẫn đến quả Tu Đà Hoàn, ta được tứ thiền nhẫn đến bốn trí vô ngại. Đây là vì lợi dưỡng nên gọi là đại dục.

Dục dục là, nếu có Tỳ Kheo muốn sanh Phạm Thiên, Ma Thiên, Tự Tại Thiên, Chuyển Luân Thánh Vương, hoặc Sát Đế Lợi, Cư Sĩ, Bà La Môn, đều được tự tại. Vì lợi dưỡng nên gọi là dục dục.

Nếu chẳng bị ba thứ ác dục nầy làm hại thời gọi là thiểu dục.

Dục đó gọi là hai mươi lăm ái, không có hai mươi lăm ái như vậy thời gọi là thiểu dục. Chẳng cần những sự mong muốn vị lai thời gọi là thiểu dục. Được mà chẳng tham đắm thời gọi là tri túc. Chẳng cầu cung kính gọi là thiểu dục, được mà chẳng chứa nhóm gọi là tri túc.

Nầy Thiện nam tử ! Có lúc thiểu dục chẳng gọi là tri túc, cũng có tri túc chẳng gọi là thiểu dục, cũng có thiểu dục mà cũng tri túc, cũng có chẳng tri túc chẳng thiểu dục.

Thiểu dục đó là nói bực Tu Đà Hoàn. Tri túc đó là nói Bích Chi Phật. Thiểu dục tri túc đó là nói A La Hán. Chẳng thiểu dục chẳng tri túc đó là nói Bồ Tát.

Nầy Thiện nam tử ! Thiểu dục tri túc lại có hai thứ : Một là thiện, hai là bất thiện. Bất thiện là nói phàm phu. Thiện là nói Thánh nhơn và Bồ Tát. Tất cả Thánh nhơn dầu chứng được đạo quả mà chẳng tự xưng nói vì chẳng tự xưng nói nên trong lòng chẳng não hận, đây gọi là tri túc.

Nầy Thiện nam tử ! Đại Bồ Tát tu tập kinh Đại Niết Bàn, vì muốn thấy Phật tánh nên tu tập thiểu dục tri túc.

Thế nào là tịch tịnh ? Tịch tịnh có hai : Một là tâm tịnh, hai là thân tịnh. Thân tịch tịnh thời trọn chẳng gây tạo ba điều ác nơi thân. Tâm tịch tịnh cũng chẳng gây tạo ba điều ác nơi ý, đây gọi là thân tâm tịch tịnh.

Thân tịch tịnh trọn chẳng gần gũi bốn chúng, chẳng dự việc của bốn chúng. Tâm tịch tịnh là chẳng quen tập tham dục, sân khuể, ngu si. Đây gọi là thân tâm tịch tịnh. Hoặc có Tỳ Kheo thân dầu tịch tịnh mà tâm chẳng tịch tịnh. Có Tỳ Kheo thân chẳng tịch tịnh mà tâm tịch tịnh. Có Tỳ Kheo thân tâm đều tịch tịnh. Lại có Tỳ Kheo thân tâm đều chẳng tịch tịnh.

Người thân tịch tịnh mà tâm chẳng tịch tịnh, như có Tỳ Kheo ngồi thiền chỗ vắng vẻ xa lìa bốn chúng mà trong lòng luôn chứa nhóm tham dục, sân khuể, ngu si.

Người tâm tịch tịnh mà thân chẳng tịch tịnh, như có Tỳ Kheo gần gũi bốn chúng cùng Quốc Vương, đại thần mà trong lòng dứt tham, sân, si. Người thân tâm đều tịch tịnh, chính là chư Phật và Bồ Tát.

Người thân tâm đều chẳng tịch tịnh chính là các phàm phu, vì phàm phu thân tâm dầu yên tịnh nhưng không thể quán sát sâu xa lý vô thường vô lạc vô ngả vô tịnh, do đây nên phàm phu không thể tịch tịnh được thân, khẩu, ý ba nghiệp.

Hạng nhứt xiển đề phạm bốn tội nặng, tạo năm tội nghịch cũng chẳng gọi là thân tâm tịch tịnh.

Thế nào là tinh tấn ? Nếu có Tỳ Kheo muốn cho thân, khẩu, ý ba nghiệp thanh tịnh nên xa lìa tất cả hạnh nghiệp bất thiện mà tu tập tất cả nghiệp lành, đây gọi là tinh tấn.

Siêng năng tinh tấn như đây thời chuyên niệm tưởng nơi sáu chỗ, chính là Phật Pháp Tăng, giới, thí và thiên, đây gọi là chánh niệm.

Người có chánh niệm thời được tam muội, đây gọi là chánh định.

Người có chánh định, quán sát thấy các pháp dường như hư không, đây gọi là chánh huệ. Người có chánh huệ xa lìa tất cả kiết sử phiền não, đây gọi là giải thoát.

Người được giải thoát vì chúng sanh mà khen ngợi giải thoát, nói rằng giải thoát là thường hằng chẳng biến đổi đây gọi là tán thán giải thoát. Giải thoát chính là vô thượng Đại Bát Niết Bàn. Niết Bàn chính là lửa phiền não kiết sử đã tắt mất. Lại Niết Bàn gọi là nhà cửa, vì có thể ngăn mưa gió phiền não. Lại Niết Bàn gọi là quy y, vì có thể qua khỏi tất cả những sự bố úy. Lại Niết Bàn gọi là cồn bãi, vì bốn con sông lớn hung bạo chẳng thể chảy trôi. Những gì là bốn ? Một là dục bạo, hai là hữu bạo, ba là kiến bạo, bốn là vô minh bạo. Do đây nên Niết Bàn gọi là cồn bãi. Lại Niết Bàn gọi là rốt ráo về, vì có thể được tất cả sự an lạc rốt ráo.

Nếu có Đại Bồ Tát thành tựu đầy đủ mười pháp như vậy, thời dầu được thấy Phật tánh mà chẳng rõ ràng.

Lại nầy Thiện nam tử ! Người xuất gia có bốn thứ bịnh nên chẳng chứng được bốn quả Sa Môn.

Những gì là bốn bịnh ? Chính là bốn ác dục : Một là y phục dục, hai là thực dục, ba là ngọa cụ dục, bốn là hữu dục.

Bịnh xuất gia nầy, có bốn thứ lương dược trị lành được : Phấn tảo y trị được bịnh y dục của Tỳ Kheo ; khất thực trị được bịnh vì thực dục ; thọ hạ trị được bịng ngọa cụ dục ; thân tâm tịch tịnh phá được hữu dục của Tỳ Kheo.

Đây gọi là bốn thứ thuốc trị bốn thứ bịnh, gọi đó là thánh hạnh. Thánh hạnh nầy được gọi thiểu dục tri túc.

Người tịch tịnh có bốn điều vui : Một là xuất gia vui, hai là tịch tịnh vui, ba là vĩnh việt vui, bốn là tất cánh vui. Được bốn điều vui nầy gọi là tịch tịnh.

Đủ bốn hạnh tinh tấn nên gọi là tinh tấn. Đủ tứ niệm xứ nên gọi là chánh niệm. Đủ tứ thiền nên gọi là chánh định. Thấy bốn điều chơn thật của Thánh nên gọi là chánh huệ.

Dứt hẳn tất cả phiền não kiết sử gọi là giải thoát. Quỡ trách lỗi của tất cả phiền não gọi là tán thán giải thoát.

Đại Bồ Tát đầy đủ mười pháp như vậy, dầu được thấy Phật tánh mà chẳng rõ ràng.

Nầy Thiện nam tử ! Đại Bồ Tát nghe kinh nầy rồi gần gũi tu tập, xa lìa tất cả việc thế gian, đây gọi là thiểu dục. Đã xuất gia rồi chẳng sanh lòng hối hận, đây gọi là tri túc. Đã tri túc rồi gần ở nơi chỗ vắng vẽ rảnh rang xa lìa chỗ ồn ào thời gọi là tịch tịnh.

Người chẳng tri túc chẳng thích chỗ vắng vẻ rảnh rang. Luận về người tri túc thời thường thích ở chỗ vắng vẻ. Ở chỗ vắng vẽ rồi thường suy nghĩ rằng : Tất cả thế gian đều gọi tôi đặng đạo quả Sa Môn, nhưng thiệt ra tôi chưa đặng, nay tôi sao lại phỉnh gạt mọi người, nghĩ như vậy rồi siêng năng tu tập đạo quả Sa Môn, đây gọi là tinh tấn.

Gần gũi tu tập Đại Niết Bàn, đây gọi là chánh niệm. Tùy thuận thiên hạnh gọi là chánh định. An trụ trong định nầy có chánh kiến chánh tri, đây gọi là chánh huệ. Người chánh tri kiến có thể xa lìa được kiết sử phiền não, đây gọi là giải thoát.

Thập trụ Bồ Tát vì chúng sanh mà khen ngợi Niết Bàn, đây gọi là tán thán giải thoát.

Đại Bồ Tát đầy đủ mười pháp như vậy, dầu được thấy Phật tánh mà chẳng rõ ràng.

Lại nầy Thiện nam tử ! Luận về người thiểu dục như có Tỳ Kheo ở chỗ vắng vẽ ngồi ngay thẳng chẳng nằm, hoặc ở dưới cội cây, hoặc ở trong gò mã, hoặc ở chỗ trống, tùy chỗ có cỏ mà ngồi trên đó, khất thực mà ăn đặng gì cũng là đủ cả. Hoặc một lần ngồi ăn, chẳng quá một lần ăn, chỉ chứa ba y, y phấn tảo, y bố, đây gọi là thiểu dục. Đã thật hành việc nầy trong lòng chẳng ăn năn, đây gọi là tri túc. Tu không tam muội, đây gọi là tịch tịnh. Đặng bốn quả Sa Môn rồi đối với vô thượng Bồ Đề tâm chẳng thôi dứt, đây gọi là tinht ấn. Chuyên tâm tư duy tánh Như Lai là thường không có biến đổi đây gọi là chánh niệm. Tu bát giải thoát đây gọi là chánh định. Đặng tứ vô ngại đây gọi là chánh huệ. Xa lìa bảy thứ lậu, đây gọi là giải thoát. Khen ngợi Niết Bàn không có mười tướng, gọi là tán thán giải thoát. Mười tướng là : Sanh, già, bịnh, chết sắc ,thinh, hương, vị, xúc và vô thường. Xa lìa mười tướng nầy thời gọi là Đại Niết Bàn. Đây gọi là Đại Bồ Tát đầy đủ mười pháp như vậy dầu được thấy Phật tánh mà chẳng rõ ràng.

Nầy Thiện nam tử ! Vì đa dục nên gần gũi Quốc Vương, Quan lớn, Trưởng giả, Sát Đế Lợi, Bà La Môn, Tỳ Xá , Thủ Đà, tự xưng là tôi đặng quả Tu Đà Hoàn nhẫn đến quả A La Hán.

Vì lợi dưỡng nên đi đứng ngồi nằm nhẫn đến đại tiện tiểu tiện, nếu thấy đàn việt vẫn chào hỏi tiếp đãi chuyện vãn.

Người phá ác dục gọi là thiểu dục, dầu người nầy chưa có thể phá hoại phiền não kiết sử, nhưng có thể đồng hành vi với Như Lai, đây gọi là tri túc.

Nầy Thiện nam tử ! Hai pháp như vậy bèn là nhơn duyên gần của chánh niệm, chánh định, thường được sư trưởng bạn học khen ngợi. Trong các kinh Phật cũng thường ngợi khen tán thán tôn trọng pháp như vậy. Nếu có thể đầy đủ hai pháp nầy thời được gần môn Đại Niết Bàn và năm điều vui, đây gọi là tịch tịnh. Người giữ giới bền chắc gọi là tinh tấn. Người có tàm quí gọi là chánh niệm, chẳng thấy tâm tướng gọi là chánh định, chẳng cầu tánh tướng nhơn duyên của các pháp thời gọi là chánh huệ. Vì không có tướng nên phiền não dứt, đây gọi là giải thoát. Khen ngợi kinh Đại Niết Bàn nầy thời gọi là tán thán giải thoát.

Đây gọi là Đại Bồ Tát an trụ mười pháp dầu được thấy Phật tánh mà chẳng rõ ràng.

Nầy Thiện nam tử ! Như ông hỏi Thập trụ Bồ Tát dùng con mắt gì mà thấy được Phật tánh mà chẳng rõ ràng, chư Phật dùng con mắt gì mà thấy đuợc Phật tánh rõ ràng ?

Nầy Thiện nam tử ! Do huệ nhãn mà thấy Phật tánh thời chẳng được rõ ràng, dùng Phật nhãn mà thấy thời được rõ ràng. Vì hạnh Bồ Đề thời chẳng rõ ràng, nếu vô hành vô tác thời được rõ ràng. Trụ nơi thập trụ thời dầu thấy mà chẳng rõ ràng, nếu chẳng trụ chẳng đi thời thấy được rõ ràng. Đại Bồ Tát vì nhơn trí huệ nên thấy chẳng rõ ràng, chư Phật vì dứt nhơn quả nên thấy rõ ràng. Bực nhứt thiết giác gọi là Phật tánh. Thập trụ Bồ Tát chẳng được gọi là nhứt thiết giác, nên dầu thấy mà chẳng rõ ràng.

Nầy Thiện nam tử ! Thấy có hai thứ : Một là con mắt thấy, hai là nghe thấy.

Chư Phật con mắt thấy Phật tánh như xem trái cây trong bàn tay. Thập trụ Bồ Tát nghe thấy Phật tánh nên chẳng rõ ràng . Thập trụ Bồ Tát dầu có thể tự biết quyết định đặng vô thượng Bồ Đề, mà chẳng biết được tất cả chúng sanh đều có Phật tánh.

Nầy Thiện nam tử ! Lại có con mắt ngó thấy : Như Chư Phật cùng Thập trụ Bồ Tát, con mắt thấy Phật tánh. Lại có nghe thấy : Như tất cả chúng sanh nhẫn đến Cửu trụ Bồ Tát nghe thấy Phật tánh.

Bồ Tát nếu nghe tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, chẳng sanh lòng tin thời chẳng gọi là nghe thấy.

Nếu có Thiện nam tử , Thiện nữ nhơn muốn thấy Như Lai, nên phải tu tập mười hai bộ kinh thọ trì đọc tụng biên chép giải thuyết.

Sư Tử Hống Bồ Tát bạch rằng : " Thế Tôn ! Tất cả chúng sanh chẳng biết được tâm tướng của Như Lai, phải quán tưởng thế nào để đuợc biết ?"

Phật bảo : " Nầy Thiện nam tử ! Tất cả chúng sanh thật ra chẳng biết được tâm tướng của Như Lai. Nếu muốn quan sát để được biết thời có hai nhơn duyên : Một là con mắt thấy, hai là nghe thấy. Nếu thấy thân nghiệp của Như Lai, nên biết rằng đây là Như Lai, đây gọi là con mắt thấy. Nếu xem thấy khẩu nghiệp của Như Lai, nên biết rằng đây là Như Lai, đây gọi là nghe thấy. Nếu thấy sắc mạo mà tất cả chúng sanh không sánh bằng được, nên

biết rằng đây là Như Lai, đây là con mắt thấy. Nếu nghe tiếng tâm vi diệu tối thắng chẳng đồng với tiếng tâm của chúng sanh, nên biết rằng đây là Như Lai, đây gọi là nghe thấy. Nếu thấy thần thông của Như Lai hiện, thần thông nầy là vì chúng sanh hay là vì lợi dưỡng ? Nếu là vì chúng sanh mà chẳng vì lợi dưỡng, nên biết rằng đây là Như Lai, đây là con mắt ngó thấy. Nếu xem thấy Như Lai lúc dùng tha tâm trí quán sát chúng sanh, vì lợi dưỡng thuyết pháp hay vì chúng sanh thuyết pháp ?

Nếu vì chúng sanh mà chẳng vì lợi dưỡng, nên biết rằng đây là Như Lai, đây gọi là nghe thấy.

Tại sao Như Lai thọ thân nầy ? Cớ gì thọ thân ? Vì ai mà thọ thân ? Đây gọi là con mắt ngó thấy.

Nếu quan sát Như Lai thuyết pháp thế nào ? Cớ gì thuyết pháp ? Vì ai mà thuyết
pháp ? Đây gọi là nghe thấy. Dùng nghiệp ác nơi thân gia hại đó mà chẳng sân hận, nên biết rằng đây là Như Lai vậy, đây gọi là con mắt thấy. Dùng nghiệp ác nơi miệng gia hại đó mà chẳng giận, nên biết rằng đây là Như Lai, đây gọi là nghe thấy.

Nếu thấy Bồ Tát lúc mới sanh, ở bốn phương đều đi bảy bước, các thiên thần cầm phan lọng, chấn động vô lượng vô biên thế giới, ánh sáng vàng chói rực khắp hư không, Long Vương dùng thần lực phun nước tắm rửa cho Bồ Tát, Chư Thiên hiện hình tiếp đỡ đảnh lễ, tiên A Tư Đà chắp tay cung kính, lớn khôn vất bỏ ngũ dục như bỏ nước miếng nước mũi, chẳng bị sự vui trong đời cám dỗ, xuất gia tu hành, thích ở chỗ vắng lặng, vì phá tà kiến nên khổ hạnh sáu năm, đối với chúng sanh bình đẳng không sai khác, tâm thường ở trong chánh định không bao giờ tán loạn, tướng hảo trang nghiêm nơi thân, đi đến chỗ nào những gò nỗng đều bằng, y phục cách rời nơi thân bốn tấc chẳng sa xuống, lúc đi nhìn thẳng chẳng ngó hai bên, vật thực của Phật ăn không có lỗi chẳng hoàn toàn, chỗ Phật ngồi đứng cỏ chẳng động loạn, vì điều phục chúng sanh nên qua thuyết pháp mà tâm không kiêu mạn, đây gọi là con mắt thấy.

Nếu nghe Bồ Tát đi bảy bước rồi xướng rằng : Nay thân nầy của ta là thân rốt sau cả. A Tư Đà Tiên chắp tay nói rằng :

_ Tâu Đại Vương ! Thái Tử Tất Đạt Đa quyết định sẽ thành Vô thượng Bồ Đề, trọn chẳng ở nhà làm Chuyển Luân Vương, vì Chuyển Luân Vương thân tướng chẳng rõ ràng, còn Thái Tử Tất Đại Đa tất cả tướng tốt nơi thân đều

sáng rở, do đây quyết chắc sẽ được vô thượng Bồ Đề. Lúc thấy người già bịnh chết, Bồ Tát nói rằng : Tất cả chúng sanh thật đáng xót thương, thường ở trong sanh, già, bịnh, chết mà chẳng biết quan sát, ta sẽ dứt trừ sự khổ ấy. Theo học định vô tưởntg với Ngũ Thông Tiên Nhơn là ông A La Lã, đã thành tựu rồi Bồ Tát bèn nói lỗi của môn định ấy. Lại theo học định phi phi tưởng với Tiên Nhơn Uất Đà Dà, đã thành tựu rồi bèn nói định nầy chẳng phải Niết Bàn, chính là pháp sanh tử. Sáu năm khổ hạnh không có kết quả : Tu khổ hạnh luống vô ích, nếu là hay thời ta đã được kết quả tốt, vì là hư vọng nên ta không được gì, đây gọi là tà thuật, chẳng phải là đạo chơn chánh.

Lúc đã thành đạo, Phạm Thiên thỉnh : " Ngửa mong đức Như Lai vì chúng sanh mà thuyết pháp cam lộ vô thượng".

Phật bảo : " Nầy Phạm Vương ! Tất cả chúng sanh thường bị phiền não che đậy chẳng thể lãnh thọ lời dạy về pháp chơn chánh của Phật."

Phạm Vương lại bạch : " Thế Tôn ! Tất cả chúng sanh phàm có ba hạng : Lợi căn, trung căn và hạ căn. Hạng lợi căn có thể lãnh thọ chánh pháp. Xin đức Thế Tôn vì họ mà thuyết pháp" .

Phật nói : " Nầy Phạm Vương ! Lóng nghe !Lóng nghe ! Nay Phật sẽ vì tất cả chúng sanh mở cửa cam lộ".

Ở thành Ba La Nại, chuyển chánh pháp luân, tuyên nói trung đạo, vì tất cả chúng sanh chẳng phá trừ các kiết sử, chẳng phải là không thể trừ, chẳng phải phá chẳng phải là chẳng phá, nên gọi là trung đạo.

Chẳng độ chúng sanh, chẳng phải là không độ được nên gọi là trung đạo.

Chẳng phải tất cả thành tựu, chẳng phải là chẳng thành tựu nên gọi là trung đạo.

Phàm có lời nói dạy ra, chẳng tự nói là thầy, chẳng nói là đệ tử, nên gọi là trung đạo.

Thuyết pháp chẳng vì lợi, chẳng phải là không được quả lành nên gọi là trung đạo.

Lời Phật là chánh ngữ, thiệt ngữ, thời ngữ, chơn ngữ, chẳng hư vọng, là vi diệu đệ nhứt.

Đây gọi là nghe thấy.

Nầy Thiện nam tử ! Tâm tướng của Như Lai thiệt ra không thể thấy. Nếu Thiện nam tử , Thiện nữ nhơn nào muốn được thấy Như Lai, phải nên y theo hai nhơn duyên như vậy.

Sư Tử Hống Bồ Tát bạch rằng : " Thế Tôn ! Như trước kia nói điều dụ trái am ma la bốn hạng người v.v… Có hạng người việc làm kỹ mà tâm chẳng chánh thiệt. Có hạng người tâm kỹ mà việc làm chẳng chánh thiệt. Có hạng người tâm kỹ mà việc làm cũng chánh thiệt. Có hạng người tâm chẳng kỹ việc làm cũng chẳng chánh thiệt.

Thế Tôn ! Hai hạng đầu, làm thế nào biết được ? Như lời Phật nói, dầu y theo hai nhơn duyên ấy, cũng chẳng thể biết được.

Phật nói : " Lành thay ! Lành thay ! Nầy Thiện nam tử ! Điều dụ trái am ma la, hai hạng người nầy thiệt khó biết được. Vì khó biết, nên trong kinh Phật nói phải cùng họ ở chung. Ở chung nếu chẳng biết được thời phải ở lâu. Ở lâu nếu chẳng biết được thời nên dùng trí huệ. Dùng trí mà chẳng biết thời nên quán sát suy gẫm kỹ. Do quán sát suy gẫm thời biết là trì giới cùng phá giới.

Nầy Thiện nam tử ! Đầy đủ bốn điều : Ở chung, ở lâu, trí huệ, quán sát rồi sau mới biết là trì giới cùng phá giới.

Nầy Thiện nam tử ! Giới có hai thứ, trì giới cũng hai : Một là giới cứu cánh, hai là giới chẳng cứu cánh.

Có người do nhơn duyên nên thọ trì cấm giới, người trí phải quán sát người nầy trì giới là vì lợi dưỡng hay là vì cứu cánh.

Giới của đức Như Lai không có nhơn duyên, vì thế nên được gọi là giới cứu cánh.

Do nghĩa nầy nên Bồ Tát dầu bị chúng sanh ác làm tổn hại mà chẳng có lòng giận hờn. Do đây nên Như Lai đặng gọi là thành tựu trì giới cứu cánh.

Nầy Thiện nam tử ! Xưa kia có một lúc ta cùng Xá Lợi Phất và năm trăm đệ tử đồng ở nơi nước Ma Dà Đà trong thành Chiêm Bà. Có thợ săn đuổi theo một con bồ câu. Bồ câu nầy sợ hải đến nơi bóng của Xá Lợi Phất vẫn còn run sợ, nó chạy đến trong bóng của ta thời thân tâm an ổn hết kinh sợ. Do

đây nên biết đức Như Lai trì giới rốt ráo nhẫn đến bóng của thân còn có năng lực như vậy.

Nầy Thiện nam tử ! Giới chẳng cứu cánh còn chẳng được quả Thanh Văn, Duyên Giác, huống là có thể được quả vô thượng Bồ Đề.

Lại có hai thứ : Một là vì lợi dưỡng, hai là vì chánh pháp. Vì lợi dưỡng mà thọ trì cấm giới, nên biết giới nầy chẳng thấy được Phật tánh cùng Như Lai. Dầu nghe Phật tánh và danh tự Như Lai nhưng vẫn chẳng được gọi là nghe thấy.

Nếu vì chánh pháp mà thọ trì cấm giới, nên biết giới nầy có thể thấy được Phật tánh cùng Như Lai, đây gọi là con mắt thấy cũng gọi là nghe thấy.

Lại có hai thứ : Một là căn sâu khó lay khó nhổ, hai là căn cạn dễ động. Nếu có thể tu tập không, vô tướng, vô nguyện, đây gọi là căn sâu. Nếu chẳng tu tập ba môn tam muội nầy, hoặc dầu tu tập mà vì hai mươi lăm cõi, đây gọi là căn cạn.

Lại có hai thứ : Một là vì thân mình, hai là vì chúng sanh. Người vì chúng sanh thời có thể thấy Phật tánh và Như Lai.

Người trì giới lại có hai hạng, một là tánh tự hay là trì giới, hai là cần phải người khác dạy bảo nếu đã thọ giới trải qua vô lượng đời không sai phạm hoặc ở nhằm nước ác, gặp bạn ác, thời kỳ ác, đời ác, gặp pháp ác gian tà, ở chung với kẻ tà kiến, dầu như vậy, nhưng người nầy vẫn giữ gìn giới pháp như cũ không có hủy phạm, đây gọi là tánh tự hay trì giới. Nếu là người gặp Sư Tăng Bạch Tứ Yết Ma mà đắc giới, thời cần phải nương nhờ Hòa Thượng, các Sư Tăng, bạn lành dạy bảo, mới biết oai nghi cử chỉ đúng pháp, đây gọi là hạng người cần nhờ sự dạy bảo.

Người tánh tự hay trì giới thời con mắt thấy Phật tánh và thấy Như Lai, cùng gọi là nghe thấy.

Giới lại có hai : Một là giới Thanh Văn, hai là giới Bồ Tát từ sơ phát tâm nhẫn đến đặng vô thượng Bồ Đề, đây gọi là giới Bồ Tát. Nếu quán bạch cốt nhẫn đến chứng quả A La Hán đây gọi là giới Thanh Văn.

Nếu có người trì giới Thanh Văn, nên biết rằng người nầy chẳng thấy Phật tánh và Như Lai. Nếu có người trì giới Bồ Tát, nên biết rằng người nầy được vô thượng Bồ Đề, thấy được Phật tánh và Như Lai Niết Bàn.

Sư Tử Hống Bồ Tát bạch rằng : “Thế Tôn ! Do nhơn duyên gì mà thọ trì cấm giới ?”

Phật nói : “ Nầy Thiện nam tử ! Vì tâm chẳng hối hận. Cớ gì chẳng hối hận ? Vì hưởng thọ an lạc. Cớ gì hưởng thọ an lạc ? Vì xa lìa. Cớ gì xa lìa ? Vì an ổn. Cớ gì an ổn ? Vì thiền định. Cớ gì thiền định ? Vì tri kiến chơn thật. Cớ gì tri kiến chơn thật ? Vì thấy những lỗi họa của sanh tử. Cớ gì thấy lỗi sanh tử ? Vì tâm chẳng tham đắm. Cớ gì tâm chẳng tham đắm ? Vì được giải thoát. Cớ gì được giải thoát ? Vì được vô thượng Đại Niết Bàn. Cớ gì được Đại Niết Bàn ? Vì được thường, lạc, ngã, tịnh. Cớ gì được thường, lạc, ngã, tịnh ? Vì được bất sanh bất diệt . Cớ gì được bất sanh bất diệt ? Vì thấy Phật tánh. Do đây nên Bồ Tát tánh tự hay trì giới cứu cánh.

Nầy Thiện nam tử ! Tỳ Kheo trì giới dầu chẳng phát nguyện cầu tâm chẳng hối hận, mà tự nhiên được, vì pháp tánh như vậy. Dầu chẳng cầu vui, xa lìa , an ổn, tri kiến chơn thật, thấy lỗi sanh tử, tâm chẳng tham đắm, giải thoát, Niết Bàn, thường, lạc, ngã,tịnh, bất sanh, bất diệt, cùng thấy Phật tánh, nhưng tự nhiên được tất cả, vì pháp tánh như vậy.

Sư Tử Hống Bồ Tát bạch rằng : “ Thế` Tôn ! Nếu do trì giới mà đặng quả chẳng ăn năn, nhơn nơi giải thoát mà đặng quả Niết Bàn, thời giới là không nhơn, Niết Bàn là không quả. Giới nếu không nhơn thời gọi là thường, Niết Bàn có nhơn thời là vô thườntg. Nếu như vậy, thời Niết Bàn là trước không mà nay có. Nếu trước không mà nay có thời là vô thường, như thắp ngọn đèn. Niết Bàn nếu như vậy thời thế nào được gọi là ngã, lạc, tịnh ư ?

Phật nói : “ Nầy Thiện nam tử ! Lành thay ! Lành thay ! Ông đã từng ở nơi vô lượng chư Phật trồng những thiện căn, mới có thể hỏi Như Lai thâm nghĩa như vậy ?

Nầy Thiện nam tử ! Ông chẳng mất bổn niệm mới hỏi như vậy ư ?

Ta nhớ thuở xưa, cách đây vô lượng kiếp, nơi thành Ba La Nại có đức Phật ra đời hiệu là Thiện Đức. Đức Phật đó diễn nói kinh Đại Niết Bàn nầy, trong ba ức năm. Lúc đó ta cùng ông đều ở trong pháp hội đó. Ta đem việc nầy để hỏi đức Phật Thiện Đức. Lúc ấy đức Phật Thiện Đức vì chúng sanh mà nhập chánh định nên chưa đáp nghĩa nầy.

Lành thay ! Ông bèn có thể nhớ được việc cũ. Lóng nghe ! Lóng nghe ! Ta sẽ vì ông giải nói.

Nầy Thiện nam tử ! Giới cũng có nhơn, chính là nghe chánh pháp. Nghe chánh pháp cũng có nhơn, chính là gần bạn lành. Gần bạn lành cũng có nhơn, chính là tín tâm. Người có tín tâm cũng có nhơn, chính là nghe pháp và tư duy ý nghĩa, Tín tâm nhơn nơi nghe pháp, nghe pháp nhơn nơi tín tâm, hai pháp nầy cũng là nhơn mà cũng là nhơn nhơn, cũng là quả, mà cũng là quả quả.Như Ni Kiền Tử dựng ba cây tréo để bình tròn, làm nhơn quả cho nhau chẳng rời được.

Nầy Thiện nam tử ! Như vô minh, duyên hành, hành duyên vô minh, vô minh và hành nầy cũng là nhơn mà cũng là nhơn nhơn, cũng là quả mà cũng là quả quả. Sanh duyên lão tử, lão tử duyên sanh, sanh cùng lão tử nầy cũng là nhơn mà cũng là nhơn nhơn, cũng là quả mà cũng là quả quả.

Nầy Thiện nam tử ! Pháp sanh có thể sanh ra pháp mà chẳng thể tự sanh, vì chẳng tự sanh nên do sanh mà sanh sanh. Sanh sanh chẳng tự sanh lại nhờ sanh mà sanh, vì thế nên hai thứ sanh nầy cũng là nhơn mà cũng là nhơn nhơn, cũng là quả mà cũng là quả quả.

Nầy Thiện nam tử ! Tín tâm và nghe pháp cũng như vậy.

Là quả mà chẳng phải nhơn chính là Đại Niết Bàn.

Cớ gì gọi là quả ? Vì là quả vô thượng, là quả Sa Môn, là quả Bà La Môn, vì dứt sanh tử, vì phá phiền não, do đây nên gọi là quả. Vì bị các phiền não quở trách nên Niết Bàn gọi là quả. Phiền não gọi là lỗi lầm trên lỗi lầm.

Nầy Thiện nam tử ! Niết Bàn không có nhơn mà thể của nó là quả. Vì nó không sanh diệt, vì không chỗ tạo tác, vì chẳng phải hữu vi, vì là vô vi, vì thường chẳng biến đổi, vì không chỗ nói, vì không thỉ chung.

Nầy Thiện nam tử ! Nếu Niết Bàn có nhơn thời chẳng đặng gọi là Niết Bàn. Bàn là nói nhơn, Niết là nói không, không có nhơn nên gọi là Niết Bàn.

Sư Tử Hống Bồ Tát bạch rằng : “ Như lời Phật nói Niết Bàn là không nhơn. Lời nầy không đúng. Nếu nói là không thời hiệp sáu nghĩa : Một là tất cánh không nên gọi là không, như tất cả pháp không có ngã không có ngã sở. Hai là có lúc không nên gọi là không, như người đời nói sông ao không có nước, không có mặt trời mặt trăng. Ba là vì ít nên nói là không, như người đời nói trong đồ ăn ít mặn thời gọi là không mặn, nước ngọt ít ngọt thời gọi là không ngọt. Bốn là không lãnh thọ nên gọi rằng không, như Chiên Đà La không thể thọ trì pháp Bà La Môn, nên gọi là không Bà La Môn. Năm là vì thọ pháp ác

nên gọi là không, như người đời nói người thọ pháp ác chẳng gọi là Sa Môn, chẳng gọi là Bà La Môn, nên nói không có Sa Môn và Bà La Môn. Sáu là vì đối đãi mà gọi là không, như không trắng gọi đó là đen, không sáng gọi đó là vô minh.

Thế Tôn ! Niết Bàn cũng như vậy, có lúc không nhơn nên gọi là Niết Bàn.

Phật nói : " Nầy Thiện nam tử Nay ông nói sáu nghĩa như vậy, cớ sao ông không dẫn rốt ráo không để dụ cho Niết Bàn, mà ông lại lấy có lúc không, để lệ cho Niết Bàn như vậy.

Nầy Thiện nam tử ! Thể của Niết Bàn rốt ráo không nhơn, cũng như không ngã và không ngã sở.

Nầy Thiện nam tử ! Pháp thế gian cùng Niết Bàn trọn chẳng tương đối nhau, vì thế nên sáu việc của ông dẫn ra chẳng làm ví dụ được.

Nầy Thiện nam tử ! Tất cả pháp đều không có ngã, mà Niết Bàn nầy thiệt không có ngã, do nghĩa nầy nên Niết Bàn không nhơn mà thể của nó là quả. Là nhơn mà chẳng phải qủa gọi là Phật tánh, vì chẳng phải do nhơn sanh, vì chẳng phải quả của Sa Môn nên gọi là chẳng phải quả. Cớ gì gọi là nhơn, vì là liễu nhơn vậy.

Nầy Thiện nam tử ! Nhơn có hai thứ : Một là sanh nhơn, hai là liễu nhơn. Hay sanh ra pháp thời gọi là sanh nhơn. Đèn hay chiếu rõ đồ vật, nên gọi là liễu nhơn. Phiền não kiết sử thời gọi là sanh nhơn. Cha mẹ của chúng sanh thời gọi là liễu nhơn. Như hột lúa v.v… thời gọi là sanh nhơn. Đất nước phân tro v.v… thời gọi là liễu nhơn. Lại có sanh nhơn, chính là sáu môn Ba La Mật, vô thượng Bồ Đề. Lại có liễu nhơn, chính là Phật tánh vô thượng Bồ Đề. Lại có liễu nhơn, chính là sáu môn Ba La Mật, Phật tánh. Lại có sanh nhơn, chính là Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội Vô Thượng Bồ Đề. Lại có liễu nhơn, chính là Bát Chánh Đạo Vô Thượng Bồ Đề. Lại có sanh nhơn, chính là tín tâm sáu môn Ba La Mật.

Sư Tử Hống Bồ Tát bạch rằng : " Thế Tôn ! Như Phật nói : Thấy Như Lai và Phật tánh, ý nghĩa đó như thế nào ?

Bạch Thế Tôn ! Thân Như Lai không có tướng mạo, chẳng phải dài ngắn trắng đen, không có phương sở, chẳng ở trong tam giới, chẳng phải tướng hữu vi, chẳng phải nhãn thức thấy được, như thế thời làm sao có thể thấy được, Phật tánh cũng vậy."

Phật nói : “ Nầy Thiện nam tử ! Thân của Phật có hai thứ : Một là thường, hai là vô thường. Thân vô thường chính là vì muốn độ thoát tất cả chúng sanh nên phương tiện thị hiện, thân nầy con mắt thấy được. Thân thường trụ chính là thân giải thoát của Như Lai, thân nầy cũng gọi là con mắt thấy, cũng gọi là nghe thấy.

Phật tánh cũng có hai thứ : Một là có thể thấy, hai là chẳng thể thấy. Có thể thấy là nói bực Thập trụ Bồ Tát và chư Phật. Chẳng thể thấy là nói tất cả chúng sanh. Con mắt có thấy, chính là Thập trụ Bồ Tát và chư Phật con mắt ngó thấy Phật tánh của chúng sanh. Có nghe thấy, là tất cả chúng sanh và Cửu Trụ Bồ Tát nghe có Phật tánh.

Thân của Phật lại có hai thứ : Một là sắc, hai là chẳng phải sắc. Là sắc chính là thân giải thoát của Như Lai. Là chẳng phải sắc vì đức Như Lai đã dứt hẳn sắc căn.

Phật tánh lại có hai thứ : Một là sắc, hai là chẳng phải sắc. Là sắc chính là vô thượng Bồ Đề. Là chẳng phải sắc chính là phàm phu nhẫn đến Thập Trụ Bồ Tát. Vì Thập Trụ Bồ Tát chẳng thấy rõ ràng nên gọi là chẳng phải sắc. Phật tánh lại có hai thứ : Một là sắc, hai là chẳng phải sắc. Là sắc chính là chư Phật và Bồ Tát. Là chẳng phải sắc chính là tất cả chúng sanh. Là sắc gọi rằng con mắt thấy. Là phi sắc gọi rằng nghe thấy.

Phật tánh chẳng phải trong chẳng phải ngoài, dầu chẳng phải trong ngoài nhưng chẳng phải là hư mất, nên gọi rằng chúng sanh đều có Phật tánh.

Sư Tử Hống Bồ Tát bạch rằng : “ Thế Tôn ! Như Phật nói tất cả chúng sanh đều có Phật tánh như trong sữa có chất lạc. Kim Cang lực sĩ, chư Phật, Phật tánh như đề hồ trong sạch. Cớ sao đức Như Lai nói rằng Phật tánh chẳng phải trong chẳng phải ngoài ?”

Phật nói : “ Nầy Thiện nam tử ! Ta cũng chẳng nói rằng trong sữa có chất lạc. Vì chất lạc từ sữa sanh ra nên nói rằng có chất lạc.

_ Thế Tôn ! Tất cả sanh pháp đều có thời tiết.

_ Nầy Thiện nam tử ! Lúc là sửa thời không có chất lạc, củng không có các chất sanh tô, thục tô, đề hồ. Tất cả chúng sanh cũng gọi đó là sửa. Vì thế nên ta nói rằng trong sửa không có chất lạc. Như trong sửa đồng thời có chất lạc, cớ sao chẳng đồng thời có hai thứ tên. Như người có hai nghề thời gọi rằng

thợ vàng sắt. Lúc là chất lạc không có sửa cũng như không có sanh tô, thục tô và đề hồ. Chúng sanh cũng gọi là chất lạc chẳng phải sửa, sanh tô thục tô và đề hồ.

Nầy Thiện nam tử ! Nhơn có hai thứ : Một là chánh nhơn, hai là duyên nhơn. Chánh nhơn là như sửa sanh chất lạc. Duyên nhơn là như ủ ấm. Vì từ sửa sanh nên gọi là trong sửa có tánh chất lạc.

Sư Tử Hống Bồ Tát bạch rằng : “ Thế Tôn ! Nếu sửa không tánh chất lạc, trong sừng bò cũng không có, cớ sao chẳng từ trong sừng bò mà sanh ?”

_ Nầy Thiện nam tử ! Sừng bò cũng sanh chất lạc. Vì ta nói rằng duyên nhơn có hai thứ : Một là ủ, hai là ấm. Tánh sừng bò là ấm nên cũng có thể làm duyên sanh chất lạc.

_ Bạch Thế Tôn ! Nếu sừng bò có thể sanh chất lạc, người tìm chất lạc cớ sao lại tìm nơi sửa mà chẳng dùng sừng.

_ Nầy Thiện nam tử ! Do cớ đó nên ta nói có chánh nhơn có duyên nhơn .

_ Thế Tôn ! Nếu trong sửa vốn không tánh của chất lạc nay mới có, trong sửa vốn không tánh cây am ma la, cớ sao chẳng sanh cây am ma la, vì trong sửa cả hai tánh đều không.

_ Nầy Thiện nam tử ! Sửa cũng có thể sanh cây am ma la, nếu dùng sửa tưới trong nột đêm, cây am ma la cao thêm năm thước. Do nghĩa nầy nên ta nói có hai thứ nhơn.

Nầy Thiện nam tử ! Nếu tất cả pháp chỉ có một nhơn sanh ra thời mới có thể vấn nạn như lời của ông vừa nói.

Nầy Thiện nam tử ! Như tứ đại làm nhơn duyên có ra tất cả sắc pháp. Nhưng sắc pháp mỗi mỗi riêng khác chẳng đồng nhau, do nghĩa nầy nên trong sửa chẳng sanh cây am ma la.

_ Bạch Thế Tôn ! Như Phật nói có hai nhơn là chánh nhơn và duyên nhơn, Phật tánh của chúng sanh thuộc về nhơn nào ?

_ Nầy Thiện nam tử ! Phật tánh của chúng sanh cũng hai thứ nhơn : Một là chánh nhơn, hai là duyên nhơn. Chánh nhơn đó chính là các chúng sanh. Duyên nhơn đó chính là sáu môn Ba La Mật.

_ Bạch Thế Tôn ! Nay tôi quyết định biết rằng trong sửa có tánh chất lạc. Vì tôi thấy trong đời những người tìm chất lạc chỉ lấy nơi trong sửa mà trọn chẳng lấy trong những vật khác. Do đây nên biết rằng trong sửa có tánh của chất lạc.

_ Nầy Thiện nam tử ! Như lời của ông hỏi, theo nghĩa thời chẳng đúng. Ví như có người muốn soi thấy hình bóng của mặt mình bèn lấy con dao sáng.

_ Bạch Thế Tôn ! Do nghĩa nầy nên trong sửa có tánh của chất lạc, vì nếu trong dao không có hình bóng của gương mặt, cớ gì lại lấy dao.

_ Nầy Thiện nam tử ! Nếu trong con dao nầy quyết định có hình bóng của gương mặt, cớ sao lại điên đảo : Dựng đứng thời thấy hình dài, cầm ngang thời thấy bóng rộng. Nếu là mặt của mình cớ sao lại thấy dài ? Nếu là mặt người khác thời đâu được gọi rằng là hình bóng của mặt mình. Nếu nhơn mặt mình mà thấy mặt người khác, cớ sao chẳng thấy bóng của lừa của ngựa ?

_ Bạch Thế Tôn ! Nhãn quang đến nơi kia nên thấy bóng mặt.

_ Nầy Thiện nam tử ! Thật ra nhãn quang nầy chẳng đến nơi kia, vì xa gần đồng một thời đều được thấy cả, vì chẳng thấy những vật ở chặng giữa vậy.

Nhãn quang nếu đến nơi kia mà được thấy, thời tất cả chúng sanh đều thấy lửa cớ sao chẳng bị cháy ? Như người thấy vật trắng ở xa thời chẳng nên nghi rằng đó là chim hạc ? Là phan ? Là người ? Là cây ? Nếu nhãn quang đến nơi kia thế nào thấy được vật ở trong bình thủy tinh, cá cùng đá ở dưới vực sâu. Nếu nhãn quang chẳng đến mà thấy cớ sao thấy được vật trong bình thủy tinh, mà chẳng thấy được vật ở ngoài vách. Do lẽ nầy nên nếu nói rằng nhãn quang đến nơi kia mà được thấy đó là không đúng.

Nầy Thiện nam tử ! Như ông vừa nói trong sửa có tánh của chất lạc, cớ sao người bán sửa chỉ lấy giá tiền sửa mà chẳng đòi tiền chất lạc. Người bán ngựa cái cớ sao chỉ lấy tiền ngựa mà chẳng đòi tiền ngựa con.

Nầy Thiện nam tử ! Người đời vì không con cái nên cầu cưới vợ. Vợ nếu có thai nghén thời chẳng được gọi là con gái. Nếu nói là con gái có tánh của con cái nên phải cưới hỏi thời không đúng. Vì nếu có tánh của con cái lẻ ra cũng phải có tánh của cháu. Nếu có tánh của cháu thời thành ra anh em, vì đồng một bụng sanh ra vậy. Do đây nên ta nói rằng nơi người con gái không có tánh của con cái.

Nếu trong sửa kia có tánh của chất lạc cớ sao chẳng thấy cả năm vị đồng một thời. Nếu trong hột cây có tánh chất của cây ni câu đà cao năm trượng, cớ sao chẳng thấy mọng cây, nhánh lá, bông trái, hình sắc sai khác của cây đồng một thời.

Nầy Thiện nam tử ! Lúc là sửa thời màu khác, vị khác công dụng khác, nhẫn đến đề hồ cũng lại như vậy. Làm sao có thể nói được rằng trong sửa có tánh của chất lạc.

Nầy Thiện nam tử ! Như có người sáng ngày sẽ uống chất tô, giờ đây đã sợ hôi. Nếu nói rằng trong sửa quyết định có chất lạc thời cũng như vậy.

Ví như có người dùng viết giấy mực hòa hiệp thành chữ, mà trong giấy nầy vốn không có chữ, vì vốn không có nên nhờ duyên mà thành có, nếu vốn đã có thời cần gì các duyên.

Như xanh vàng hợp lại thành màu lục, nên biết hai màu nầy vốn không có tánh của màu lục, nếu vốn đã có cần gì phải hiệp lại mới thành.

Như chúng sanh do ăn mà được sống. Nhưng trong vật thực nầy thiệt không có mạng sống. Nếu vốn đã có mạng sống thời lúc chưa ăn lẽ ra vật thực nầy là mạng sống.

Nầy Thiện nam tử ! Tất cả các pháp vốn không có tánh, do nghĩa nầy nên ta nói kệ rằng :

Trước không nay có.
Trước có nay không.
Ba đời có pháp.
Không có lẽ đó.

Nầy Thiện nam tử ! Tất cả pháp do nhơn duyên mà sanh cũng do nhơn duyên mà diệt.

Nếu chúng sanh có Phật tánh, thời tất cả chúng sanh lẽ ra có thân Phật như ta hôm nay.

Phật tánh của chúng sanh chẳng hư, chẳng hoại, chẳng bị kéo, bị bắt, chẳng bị trói, bị buộc. Như trong chúng sanh có hư không, vì tất cả chúng sanh đều có hư không chẳng chướng ngại, chúng sanh đều chẳng tự thấy mình có hư không nầy. Giả sử nếu chúng sanh chẳng có hư không, thời không có những

sự đến đi dứng ngồi nằm, chẳng sống chẳng lớn. Do nghĩa nầy nên trong kinh ta nói tất cả chúng sanh đều có hư không giới, hư không giới đây gọi là hư không. Phật tánh của chúng sanh cũng như vậy. Bực Thập trụ Bồ Tát thấy được phần ít như châu kim cương.

Nầy Thiện nam tử ! Phật tánh của chúng sanh là cảnh giới của chư Phật , chẳng phải là hàng Thanh Văn , Duyên Giác biết được. Tất cả chúng sanh vì chẳng thấy Phật tánh nên thường bị phiền não trói buộc mà phải lưu chuyển trong sanh tử . Chư Phật vì thấy Phật tánh nên phiền não kiết sử chẳng trói buộc được, do đây giải thoát sanh tử đặng Đại Niết Bàn.

Sư Tử Hống Bồ Tát bạch rằng : “ Thế Tôn ! Tất cả chúng sanh có tánh của Phật tánh như tánh chất lạc trong sửa. Nếu sửa không tánh chất lạc , tại sao Phật nói có hai thứ nhơn : Chánh nhơn và duyên nhơn. Duyên nhơn có hai : Ủ và ấm. Hư không vì là không tánh nên không có duyên nhơn.

Nầy Thiện nam tử : Giả sử trong sửa quyết định có tánh chất lạc, cần gì đến duyên nhơn ?

_ Bạch Thế Tôn ! Vì có tánh nên phải cần duyên nhơn. Vì muốn thấy rõ vậy. Duyên nhơn đó chính là liễu nhơn. Như trong nhà tối đã trước có những đồ vật, vì muốn thấy rõ nên dùng đèn soi sáng. Nếu vốn không đồ vật thời đèn soi sáng những gì ? Như trong đất sét có bình, nên cần nhân công, nước, vòng dây, gậy v.v… mà làm liễu nhơn. Như hột ni câu đà cần đến nước, đất, phân mà làm liễu nhơn. Trong sửa cũng như vậy, phải nhờ ủ ấm làm liễu nhơn. Vì thế nên dầu trước đã có tánh phải nhờ liễu nhơn rồi sau mới được thấy. Do nghĩa nầy nên quyết định biết trong sửa trước có tánh của chất lạc.

_ Nầy Thiện nam tử ! Giả sử nếu trong sửa quyết định có tánh của chất lạc thời tánh nầy chính là liễu nhơn. Nếu đã là liễu nhơn lại cần gì phải dùng liễu.

Nầy Thiện nam tử ! Nếu liễu nhơn đây tánh nó là liễu thời lẽ ra phải thường tự liễu. Nếu chẳng tự liễu thời đâu có thể liễu cái khác.

Nếu nói liễu nhơn có hai thứ tánh : Một là tự liễu, hai là liễu tha, thời không đúng nghĩa. Vì một pháp liễu nhơn làm sao lại có hai thứ tánh ? Nếu có hai tánh thời sửa lẽ ra cũng có hai thứ. Giả sử trong sửa không có hai thứ, tại sao liễu nhơn lại riêng có hai tánh ?

_ Bạch Thế Tôn ! Như người đời nói rằng chúng tôi cộng có tám người : Liễu nhơn cũng như vậy : Tự liễu và liễu tha.

_ Nầy Thiện nam tử ! Liễu nhơn nếu như vậy thời chẳng phải là liễu nhơn, vì là số, có thể đếm, sắc của mình, sắc của người nên được nói là tám, mà sắc tánh nầy tự nó không có liễu tướng, vì không liễu tướng phải nhờ trí tánh mới đếm được tự và tha. Do đây nên liễu nhơn chẳng thể tự liễu cũng chẳng liễu được tha.

Nầy Thiện nam tử ! tất cả chúng sanh đã có Phật tánh cớ gì lại phải tu tập công đức ? Nếu nói tu tập là liễu nhơn thời đã đồng hư hoại như chất lạc.

Nếu nói trong nhơn quyết định có quả thời giới, định, huệ lẽ ra không Tăng trưởng. Nhưng người đời trước kia không giới, định, huệ theo sư trưởng học tập thời lần lần được có giới, định, huệ. Nếu cho rằng sư trưởng dạy dổ là liễu nhơn, chính lúc dạy dỗ thời chưa có giới, định, huệ, nếu là liễu đó, lẽ ra là liễu thứ chưa có, sao lại gọi rằng liễu giới, định, huệ làm cho được Tăng trưởng.

Sư Tử Hống Bồ Tát bạch rằng : “ Thế Tôn ! Nếu liễu nhơn là không, sao lại được rằng có sữa có lạc ?”

Nầy Thiện nam tử ! Sự đáp nạn của thế gian có ba : Một là chuyển đáp, như trước kia nói cớ gì gọi là giới ? Do vì chẳng ăn năn nhẫn đến vì được Đại Niết Bàn. Hai là nín lặng mà đáp, như có Phạm Chí đến hỏi ta rằng : Ngã là thường ư ? Lúc đó ta nín lặng. Ba là nghi đáp như trong kinh đây nói : Nếu liễu nhơn có hai tánh cớ gì trong sửa chẳng được có hai thứ ?

Nầy Thiện nam tử ! Nay ta chuyển đáp, như người đời nói rằng có sửa có lạc, vì quyết định được nên được gọi rằng có sửa có lạc. Phật tánh cũng như vậy có chúng sanh có Phật tánh do vì sẽ được thấy.

_ Bạch Thế Tôn ! Như lời Phật vừa nói không được đúng nghĩa. Quá khứ đã diệt, vị lai chưa đến thế nào gọi là có ? Nếu cho rằng sẽ có mà gọi là có đó, thời không đúng. Như người đời thấy không con cái bèn nói không con. Tất cả chúng sanh không có Phật tánh, tại sao nói rằng tất cả chúng sanh đều có Phật tánh.

_ Nầy Thiện nam tử ! Quá khứ gọi rằng có . Ví như trồng quít mọng mọc lên thời hột hư mất. Từ mọng lên cây nhánh lá, nhẫn đến kết trái, lúc trái chín bèn có vị ngọt.

Nầy Thiện nam tử ! Vị ngọt nầy đều không từ nơi hột, mọng, cây, nhánh, bông v.v… Lúc trái chín thời sanh vị ngọt, vị ngọt nầy trước không nay có. Dầu trước không nay có mà chẳng phải là chẳng do nơi hột lúc trước. Thế nên hột lúc trước dầu đã quá khứ nhưng được gọi là có. Do nghĩa nầy nên quá khứ gọi rằng có.

Thế nào lại gọi rằng vị lai là có ? Ví như có người gieo trồng cây mè. Có kẻ hỏi cớ gì trồng thứ nầy ? _ Đáp rằng vì có dầu.

Thiệt ra thời chưa có dầu, khi cây mè đã già lấy hột hấp sôi, giã ép rồi sau mới có dầu chảy ra. Nên biết rằng người nầy trả lời như vậy chẳng phải là hư vọng. Do nghĩa nầy nên gọi rằng vị lai có.

Lại thế nào gọi rằng quá khứ có ư ? Ví như có người lén mắng nhà vua, trải qua nhiều năm. Lúc sau vua nghe được đòi đến hỏi cớ sao mắng ta ? _ Tâu Đại Vương ! Tôi chẳng mắng vì người mắng đó mất. _ Vua bảo : Kẻ mắng cùng thân ta cả hai đều còn tại sao lại nói rằng mất ? Người kia không trả lời được nên phải bị tội chết.

Nầy Thiện nam tử ! Hai tánh ấy thiệt không mà quả chẳng mất, đây gọi là quá khứ có.

Thế nào lại gọi rằng vị lai có ? Như có người đến nhà thợ gốm hỏi có bình không ? Đáp rằng có. Thiệt ra thợ gốm nầy chưa có bình vì có đất sét nên đáp rằng có bình, phải biết rằng thợ gốm nầy chẳng phải vọng ngữ. Trong sữa có chất lạc, chúng sanh có Phật tánh cũng như vậy, muốn thấy Phật tánh, phải nên quán sát thời tiết hình sắc, do đây nên ta nói rằng tất cả chúng sanh đều có Phật tánh thiệt chẳng hư vọng.

Sư Tử Hống Bồ Tát bạch rằng : “ Thế Tôn ! Tất cả chúng sanh không có Phật tánh, làm sao mà được vô thượng Bồ Đề ?

_ Do chánh nhơn, nên khiến chúng sanh được vô thượng Bồ Đề. Gì là chánh nhơn ? Chính là Phật tánh.

_ Bạch Thế Tôn ! Nếu hột Ni câu đà không có cây ni câu đà, tại sao gọi là hột ni câu đà mà chẳng gọi là hột khư đà la ?

Bạch Thế Tôn ! Như họ Cù Đàm chẳng được gọi là họ A Kỳ Da. Họ A Kỳ Da lại chẳng được gọi là Cù Đàm. Hột Ni Câu Đà chẳng được gọi là hột Khư Đà La, còn hột Khư Đà La chẳng được gọi là hột Ni Câu Đà. Cũng như đức Thế Tôn chẳng được bỏ lìa họ Cù Đàm. Phật tánh của chúng sanh cũng như vậy. Do nghĩa nầy nên biết rằng chúng sanh đều có Phật tánh.

Phật bảo : " Nầy Thiện nam tử ! Nếu nói rằng trong hột có cây Ni Câu Đà thời không đúng. Vì nếu là có cớ sao chẳng thấy ?

Nầy Thiện nam tử ! Như những vật trong đời vì có nhơn duyên nên chẳng thấy được. Ở xa chẳng thấy được như dấu chim bay giữa hư không. Vì gần nên chẳng thấy được như lông nheo rớt vào mắt. Vì hư hoại nên chẳng thấy như ngũ căn đã hư. Vì loạn tưởng nên chẳng thấy như tâm chẳng chuyên nhứt. Vì nhỏ nên chẳng thấy như vi trần. Vì bị che nên chẳng thấy như tinh tú bị mây phủ . Vì nhiều nên chẳng thấy như hột mè trên đống lúa. Vì tương tợ nên chẳng thấy như chẳng thấy như hột đậu trên đống đậu. Cây ni câu đà chẳng đồng tám thứ nhơn duyên như vậy, nếu nó là có tại sao chẳng thấy ? Nếu cho rằng vì nhỏ bị che nên chẳng thấy thời không đúng, vì tướng cây to thô. Nếu cho rằng tánh vi tế thời thế nào lại thành cây lớn. Nếu cho rằng bị che ngăn thời lẽ ra luôn luôn chẳng được thấy. Cây trước kia không có tướng thô to, nay thời thấy cây to, nên biết rằng tướng to nầy vốn không có tánh. Trước kia không có tánh thấy nay thời thấy được, nên biết rằng sự thấy nầy cũng vốn không có tánh. Hột cũng như vậy : Trước không có cây nay thời có đó, như thế có lỗi gì ?

_ Bạch Thế Tôn ! Như lời Phật nói có hai thứ nhơn : Chánh nhơn và liễu nhơn. Hột ni câu đà do đất, nước, phân làm liễu nhơn khiến nhỏ được thành to.

Nầy Thiện nam tử ! Nếu trước đã có thời cần gì đến liễu nhôn ? Nếu trước là không thời liễu nhơn là liễu cái gì ? Nếu trong hột Ni câu đà vốn không có tướng to, do liễu nhơn bèn sanh to, cớ sao chẳngsanh cây khư đà la, vì rằng hai thứ đều là không cả.

Nầy Thiện nam tử ! Nếu như nhỏ chẳng thấy được, thời lẽ ra to có thể thấy. Như một vi trần thời chẳng thấy được, nhiều vi trần hòa hiệp thời thấy được. Trong hột lẽ ra cũng như vậy, to thời có thể thấy, vì trong đó đã có

mọng cây, bông trái, trong mỗi mỗi trái có vô lượng hột, trong mỗi mỗi hột có vô lượng cây nên gọi là thô, vì là thô nên lẽ ra có thể thấy.

Nếu hột ni câu đà có tánh cây ni câu đà mà mọc lên cây, con mắt thấy hột nầy bị lửa đốt cháy thời lẽ ra tánh đốt cháy nầy cũng là đã có trước. Nếu tánh cháy vốn đã có thời lẽ ra cây chẳng mọc lên. Nếu tất cả pháp vốn đã có sanh diệt, cớ sao trước sanh rồi sau diệt mà chẳng đồng một thời ư ? Do nghĩa nầy nên biết là không có tánh.

_ Bạch Thế Tôn ! Nếu hột ni câu đà vốn không tánh cây mà sanh ra cây, thời hột nầy cớ gì chẳng sanh ra dầu, vì cả hai tánh đều là không cả ?

_ Nầy Thiện nam tử ! Hột ấy cũng có thể sanh ra dầu, dầu vốn không có tánh dầu, nhưng do nhơn duyên mà có.

_ Bạch Thế Tôn ! Cớ sao không gọi là dầu mè ư ?

_ Nầy Thiện nam tử ! Vì chẳng phải là mè.

Như duyên lửa sanh ra lửa, duyên nước sanh ra nước. Dầu hai thứ lửa và nước đều từ nơi duyên, nhưng chẳng thể có lẫn nhau được. Hột ni câu đà và dầu mè cũng như vậy, tuy cả hai đều từ nơi duyên mà đều chẳng sanh lẫn nhau.

Tánh chất của hột ni câu đà hay trị bịnh hàn lãnh. Tánh chất của dầu mè hay trị được bịnh phong.

Như cây mía, do nhơn duyên mà thành các thứ đường : Đường phèn, đường đen. Dầu cả hai thứ đường đều từ nơi chất mía, nhưng sắc tướng khác nhau, đường phèn trị bịnh nhiệt, đường đen trị hàn lãnh.

_ Bạch Thế Tôn ! Như trong sữa không tánh lạc, trong mè không tánh dầu, trong hột ni câu đà không tánh cây, trong đất sét không tánh bình tất cả chúng sanh không tánh Phật, cứ theo đây thời như trước kia đức Phật nói : Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh vì thế nên được vô thượng Bồ Đề. Nghĩa nầy xét ra không được đúng, vì trời và người đều vô tánh. Vì vô tánh nên người có thể sanh làm trời, trời có thể sanh làm người. Đều là do nhơn duyên của nghiệp, không phải do nơi tánh.

Đại Bồ Tát do nhơn duyên của nghiệp nên được vô thượng Bồ Đề.

Nếu các chúng sanh có Phật tánh thời do nhơn duyên gì mà nhứt xiển đề dứt căn lành phải đọa địa ngục ? Nếu Bồ Đề tâm là Phật tánh, thời nhứt xiển đề lẽ ra chẳng dứt. Nếu là có thể dứt được, sao lại được nói rằng Phật tánh là thường ? Còn nếu chẳng phải là thường thời không gọi là Phật tánh.

Nếu chúng sanh có Phật tánh, cớ sao gọi là sơ phát tâm ư ? Tại sao lại gọi là bực thối chuyển , bực bất thối chuyển ? Nếu là bực thối chuyển thời nên biết rằng người nầy không có Phật tánh.

Bạch Thế Tôn ! Đại Bồ Tát nhứt tâm hướng đến vô thượng Bồ Đề, đạitừ, đại bi, thấy tội lỗi của phiền não sanh tử. Quán sát Đại Niết Bàn không có các lỗi sanh tử phiền não. Tin ngôi Tam Bảo và nghiệp nhơn quả báo, thọ trì giới cấm. Những tâm hạnh như vậy gọi là Phật tánh.

Nếu rời lìa những tâm hạnh nầy mà có Phật tánh, thời cần gì dùng những tâm hạnh nầy để làm nhơn duyên.

Bạch Thế Tôn ! Như sữa chẳng chờ duyên tất sẽ thành lạc, nhưng thành tô phải chờ đủ duyên : Nhơn công, nước, bình, dây, khuấy.

Cũng vậy, những chúng sanh có Phật tánh lẽ ra không cần nhơn duyên cũng được vô thượng Bồ Đề.

Nếu là quyết định có Phật tánh, cớ sao người tu hành thấy sự khổ của ba ác đạo,
sanh , già, bịnh, chết mà thối tâm ? Nếu quyêt định có Phật tánh, cũng chẳng cần tu sáu môn Ba La Mật, lẽ ra được vô thượng Bồ Đề, như sữa chẳng cần duyên mà thành lạc. Nhưng thật ra phải nhờ tu sáu môn Ba La Mật mới được vô thượng Bồ Đề.

Do những nghĩa nầy nên biết rằng chúng sanh đều không có Phật tánh.

Như trước kia đức Phật nói Tăng Bảo là thường trụ. Đã là thường thời tất chẳng phải là vô thường. Đã chẳng phải vô thường, tại sao Tăng Bảo được thành vô thượng Bồ Đề.

Tăng nếu là thường, sao lại nói rằng tất cả chúng sanh đều có Phật tánh ?

Bạch Thế Tôn ! Giả sử nếu chúng sanh từ trước đến nay không tâm Bồ Đề, cũng không tâm vô thượng Bồ Đề, về sau mới có, thời Phật tánh của chúng sanh cũng lẽ ra trước không, sau mới có.

Do nghĩa trên đây nên tất cả chúng sanh lẽ ra không có Phật tánh.

Phật nói : " Lành thay ! Lành thay ! Ông từ lâu đã biết rõ nghĩa Phật tánh. Nay ông vì chúng sanh mà thỉnh hỏi như vậy.

Tất cả chúng sanh thiệt có Phật tánh.

Nầy Thiện nam tử ! Ông nói rằng nếu chúng sanh có Phật tánh lẽ ra chẳng nên có người sơ phát tâm. Phải biết rằng tâm không phải là Phật tánh, vì tâm vốn vô thường, còn Phật tánh là thường.

Ông nói cớ sao có người thối tâm. Thật ra không có thối tâm. Nếu tâm có thối thời tất là trọn chẳng thể được vô thượng Bồ Đề, vì được chậm nên gọi đó là thối.

Tâm Bồ Đề nầy thiệt chẳng phải là Phật tánh,vì nhứt xiển đề dứt căn lành đọa địa ngục.

Nếu tâm Bồ Đề là Phật tánh thời hạng nhứt xiển đề, chẳng được gọi là nhứt xiển đề. Tâm Bồ Đề cũng chẳng được gọi là vô thường. Do đây nên biết rằng tâm Bồ Đề thiệt chẳng phải là Phật tánh.

Nầy Thiện nam tử ! Ông nói nếu chúng sanh có Phật tánh thời lẽ ra chẳng cần nhờ nhơn duyên mới được vô thượng Bồ Đề, như sữa thành lạc. Lời nầy không đúng nghĩa. Vì ông đã nói phải có năm duyên mới thành sanh tô, nên biết rằng Phật tánh cũng như vậy.

Như trong các thứ đá có vàng, có bạc, có đồng, có sắt. Bốn thứ đá đều bổn thọ chất tứ đại, đồng tên là đá, đồng là vật có thiệt, nhưng mỗi thứ đá sản xuất mỗi chất không đồng nhau, phải cần nhờ đủ các duyên mới sản xuất ra chất vàng, bạc, đồng, sắt. Do đây nên biết rằng trước vốn không có, chờ đủ duyên mà sau mới có.

Phật tánh của chúng sanh chẳng gọi là Phật. Phải do công đức được thấy Phật tánh, rồi sau chúng sanh mới thành Phật.

Ông nói chúng sanh đều có Phật tánh tại sao lại không thấy. Lời nầy không đúng nghĩa. Vì các duyên công đức chưa đầy đủ nên không được thấy.

Do nghĩa nầy nên ta nói có hai nhơn : Chánh nhơn và duyên nhơn.

Chánh nhơn gọi là Phật tánh, duyên nhơn là phát tâm Bồ Đề. Do hai nhơn duyên nầy mà được vô thượng Bồ Đề, như đủ duyên thời sản xuất vàng.

Ông nói Tăng Bảo thường trụ thời lẽ ra chúng sanh không có Phật tánh đó. Phải biết rằng Tăng gọi là hòa hiệp. Hoà hiệp nầy có hai : Thế gian hòa hiệp và đệ nhứt nghĩa hòa hiệp.

Thế hòa hiệp gọi là Thanh Văn Tăng. Nghĩa hòa hiệp gọi là Bồ Tát Tăng.

Thế Tăng là vô thường. Phật tánh là thường trụ. Như Phật tánh, nghĩa Tăng cũng là thường trụ.

Lại có Tăng gọi là pháp hòa hiệp, chính là nói mười hai bộ kinh. Mười hai bộ kinh là thường, nên ta nói pháp và Tăng là thường trụ.

Nầy Thiện nam tử ! Tăng gọi là hòa hiệp. Hòa hiệp đây chính là nói mười hai nhơn duyên. Trong mười hai nhơn duyên cũng có Phật tánh. Mười hai nhơn duyên là thường, Phật tánh cũng vậy. Do đây nên ta nói Tăng có Phật tánh.

Ông nói : Nếu chúng sanh có Phật tánh, tại sao có kẻ thối, người không thối ?

Nầy Thiện nam tử ! Lóng nghe ! Lóng nghe ! Ta sẽ phân biệt giải thuyết cho :

Có mười ba điều làm cho Bồ Tát thối chuyển đạo vô thượng Bồ Đề : Một là tâm chẳng tin ; hai là tâm chẳng cố làm ; ba là tâm nghi ; bốn là tham tiếc thân mạng và của cải ; năm là có quan niệm quá sợ sệt đối với Niết Bàn : " Thế nào làm cho chúng sanh diệt độ hẳn" ; sáu là tâm chẳng kham nhẫn ; bảy là tâm chẳng điều nhu ; tám là sầu não ; chín là chẳng thích vui ; mười là phóng dật ; mười một là tự khinh thân mình ; mười hai là tự thấy phiền não không thể phá ; mười ba là không thích những pháp môn tiến tới Bồ Đề.

Trên đây là mười ba điều làm cho Bồ Tát thối chuyển đạo Bồ Đề vô thượng.

Lại có sáu điều làm hư tâm Bồ Đề : Một là bỏn xẻn pháp ; hai là có tâm chẳng lành chẳng đối với chúng sanh ; ba là gần gũi bạn ác ; bốn là chẳng siêng năng tinh tiến ; năm là quá tự kiêu mạn ; sáu là kinh doanh nghề nghiệp thế gian.

Nầy Thiện nam tử ! Có người được nghe chư Phật là bực Thầy của cõi Trời và nhơn gian, là đấng tối thượng trong tất cả chúng sanh, hơn tất cả hàng Thanh Văn Duyên Giác, là bực có pháp nhãn sáng suốt thấy rõ tất cả pháp, có thể đưa chúng sanh qua khỏi biển khổ lớn. Nghe như vậy rồi, người nầy phát nguyện lớn : Nếu trong đời có đấng vô thượng như vậy, tôi cũng sẽ được. Do đây nên người nầy phát tâm vô thượng Bồ Đề.

Hoặc có người nhờ người khác khuyên dạy mà phát tâm Bồ Đề, hoặc có người nghe nói Bồ Tát trãi qua vô số kiếp thật hành những khổ hạnh rồi sau mới được vô thượng Bồ Đề. Nghe rồi tự nghĩ rằng : Nay tôi không thể kham nổi những khổ hạnh như vậy, thời làm sao được vô thượng Bồ Đề. Do đây nên có thối tâm.

Lại còn có năm điều thối tâm Bồ Đề : Một là thích xuất gia theo ngoại đạo ; hai là chẳng tu tâm đại từ ; ba là ưa tìm lỗi pháp sư ; bốn là thường thích ở trong vòng sanh tử ; năm là không thích thọ trì đọc tụng biên chép giải thuyết mười hai bộ kinh.

Lại cũng có hai pháp làm thối tâm Bồ Đề : Một là tham ưa ngũ dục ; hai là chẳng thể cung kính tôn trọng ngôi Tam Bảo.

Nầy Thiện nam tử ! Do những nhơn duyên như vậy làm cho Bồ Tát thối tâm Bồ Đề.

Thế nào lại gọi là tâm bất thối ? Có người nghe rằng đức Phật có thể độ chúng sanh khỏi sanh lão bịnh tử. Là đấng chẳng học với Thầy ; tự tu tập được vô thượng Bồ Đề. Nếu đạo Bồ Đề là quả có thể được, tôi cũng tu tập quyết được quả ấy. Do đây nên người nầy phát tâm Bồ Đề. Bao nhiêu công đức tu tập không luận nhiều ít đều hồi hướng cả về vô thượng Bồ Đề.

Người nầy thệ nguyện thường được gặp Phật cùng đệ tử Phật, thường được nghe pháp đại thừa thâm diệu nhãn nhĩ tỷ thiệt thân, cả năm căn đều hoàn cụ, nếu gặp cảnh khổ nạn cũng quyết không mất tâm Bồ Đề nầy.

Lại nguyện rằng : Mong chư Phật, chư Bồ Tát luôn có lòng hoan hỷ đối với tôi, nguyện tôi đủ năm căn lành. Nếu có chúng sanh nào chặt chém đánh đập giết hại tôi, đối với kẻ nầy, tôi khởi lòng đại từ, lòng vui mừng, vì nhờ họ mà tôi được thêm lớn công hạnh Bồ Đề. Nếu không có họ, tôi làm sao được quả vô thượng Bồ Đề.

Lại nguyện rằng : Đời đời tôi được khỏi những thân nữ, thân hai căn, không căn ; không bị làm nô lệ, không gặp chủ hung ác, không thuộc dưới quyền vua chúa ác ; chẳng sanh vào nước ác.

Nếu được thân xinh tốt, dòng họ cao sang, giàu có, nguyện tôi không có lòng kiêu mạn.

Nguyện tôi thường được nghe mười hai bộ kinh và thọ trì, đọc tụng, biên chép, giải thuyết. Lúc tôi giảng thuyết cho chúng sanh, nguyện cho thính gỉa đều kính tin không nghi, chẳng sanh ác tâm đối với tôi.

Nguyện cho tôi thà nghe pháp ít mà hiểu được nhiều nghĩa vị, chẳng muốn nghe nhiều mà chẳng rõ nghĩa lý.

Nguyện là thầy của tâm mình, chớ chẳng bị tâm sai sử. Thân , khẩu, ý, ba nghiệp chẳng giao tiếp với kẻ ác, điều ác. Có thể làm cho tất cả chúng sanh được an lạc. Giới hạnh nơi thân cũng như trí huệ nơi tâm đều vững chắc như núi không bị lay động. Vì muốn thọ trì chánh pháp vô thượng nên chẳng lẫn tiếc thân mạng và tài sản. Chẳng đem vật bất tịnh làm phước nghiệp. Tâm không tà vạy. Tự sống với chánh mạng. Nếu thọ ơn thời nhớ mãi, trả nhiều hơn thọ. Biết rành những sự nghiệp thế gian ; hiểu rành ngôn ngữ của các địa phương, của mọi loài chúng sanh.

Đọc tụng biên chép mười hai bộ kinh không hề nhàm mõi biến lười.

Nếu có chúng sanh không thích nghe kinh, thời tôi tìm phương tiện tiếp dẫn cho họ ưa nghe kinh.

Tôi thường nói lời diệu hòa, miệng không tuyên điều xấu ác.

Chúng bất hòa, tôi làm cho họ hòa hiệp.

Người lo sợ, tôi làm cho họ được vững lòng.

Thời kỳ đói kém, tôi làm cho mọi người được no đủ. Đời tật bịnh thời tôi sẽ làm vị đại lương y tự có đủ tài bảo cũng như thuốc men, làm cho người bịnh đều được lành bịnh.

Kiếp binh đao, tôi sẽ có thế lực trừ dứt hết sự tương tàn tương hại.

Tôi sẽ làm cho chúng sanh khỏi các điều kinh sợ như bị giết, bị bắt giam nhốt đánh đập, những nạn về nước lụt, hỏa hoạn, nạn vua chúa, nạn giặc cướp, sự nghèo khốn, phá giới, danh xấu, ác đạo.

Với cha mẹ sư trưởng tôi rất kính mến, với kẻ thù nghịch tôi khởi lòng từ.

Tôi thường tu tập sáu chánh niệm, môn không tam muội, mười hai nhơn duyên, qúan sanh diệt vô thường, sở tức, thiên hạnh, phạm hạnh, thánh hạnh, Kim Cang Tam Muội, Thủ Lăng Nghiêm định. Nơi không có ngôi Tam Bảo, nguyện tôi được tâm tịch tịnh, nếu lúc thân tôi bị phải sự rất khổ, nguyện không hư mất tâm Bồ Đề vô thượng. Chẳng sanh lòng tri túc đối với Thanh Văn Bích Chi Phật.

Chỗ không ngôi Tam Bảo tôi thường xuất gia trong hàng ngoại đạo để phá tà kiến của họ, đặng pháp tự tại, đặng tâm tự tại, nơi pháp hữu vi thấy rõ sự lỗi lầm.

Nguyện tôi sợ sệt đạo quả nhị thừa như người tiếc thân sợ chết.

Nguyện tôi vì chúng sanh nên thích ở trong ba ác đạo như chúng sanh thích ở cõi trời Đao Lợi.

Nguyện tôi vì mỗi mỗi chúng sanh mà chịu khổ địa ngục trong vô lượng kiếp chẳng sanh lòng hối hận.

Nguyện tôi thấy người khác được lợi ích chẳng sanh lòng ganh ghét, thường có lòng tùy hỉ như chính mình được.

Nếu gặp ngôi Tam Bảo, nguyện tôi sẽ đem y phục đồ uống ăn, thuốc men đồ nằm nhà cửa đèn sáng hoa hương kỹ nhạc, phan lọng, bảy báu cúng dường.

Nếu thọ giới pháp của Phật nguyện tôi giữ gìn bền chắc trọn chẳng sanh lòng hủy phạm. Nếu nghe khổ hạnh khó làm của Bồ Tát, trong lòng vui mừng chẳng hối hận.
Tự biết những việc đời trước trọn chẳng gây nghiệp tham sân si. Chẳng vì quả báo mà chứa nhóm nghiệp nhơn. Đối với sự vui hiện tại chẳng sanh lòng tham đắm.

Nầy Thiện nam tử !Nếu có người phát được những nguyện như vậy thời gọi là Bồ Tát trọn chẳng thối thất tâm Bồ Đề, cũng gọi là thí chủ có thể thấy đức

Như Lai, thấy rõ Phật tánh, có thể điều phục chúng sanh độ khỏi sanh tử, có thể hộ trì chánh pháp vô thượng, có thể được đầy đủ sáu môn Ba La Mật.

Nầy Thiện nam tử ! Do nghĩa nầy nên tâm bất thối chẳng gọi là Phật tánh !

Nầy Thiện nam tử ! Ông chẳng nên vì tâm có thối chuyển mà cho rằng các chúng sanh không có Phật tánh. Thí như có hai người đều nghe phương khác có núi Thất Bảo, trong núi có suối nước trong vị ngọt. Nếu ai đến được núi ấy thời vĩnh viễn khỏi sự nghèo khốn. Ai uống được nước suối ấy thời sống lâu muôn tuổi. Chỉ vì đường sá xa xôi hiểm trở nhiều tai nạn. Hai người ấy đều muốn cùng nhau đi một người sắm sửa các thứ vật cần dùng đi đường, một người thời đi tay không cùng nhau đồng tiến về hướng núi báu. Dọc đường gặp người mang nhiều của báu đi ngược chiều. Hai người hỏi rằng : Xin hỏi ông xứ đó thiệt có núi bảy báu ư ? Đáp rằng : Thiệt có núi báu, chính tôi đã được bảo vật và được uống nước suối ngọt. Chỉ lo rằng đường xa hiểm trở, trộm cướp quá nhiều, hầm hố gai chông, lại thêm thiếu nước, thiếu cỏ. Muôn ngàn người đi ít người đến được.

Nghe khách nói một người ăn năn cho rằng đường sá gian nan khốn khổ như vậy, vô lượng người đi không mấy người được đến, tôi làm thế nào có thể đến được núi báu. Hiện tại sản nghiệp của tôi cũng tạm đủ dùng. Nếu gắng gượng đi hoặc có thể chẳng toàn thân mạng. Thân mạng đã chẳng còn, còn mong gì được trường thọ.

Một người nói rằng : Có người đến được thời tôi cũng có thể đến được. Tôi quyết đến núi báu lượm lấy bảo vật cùng uống nước suối ngọt, nếu chẳng toại nguyện có chết cũng cam lòng.

Lúc đó hai người, một thời ăn năn trở về, một thời tiến tới núi báu. Người sau nầy đến được núi kia, uống nước suối ngọt, mang nhiều bảo vật trở về nhà, dùng của ấy phụng dưỡng cha mẹ cung cấp họ hàng thân thuộc.

Bấy giờ người ăn năn thối về trước kia thấy kết quả tốt đẹp của người nầy trong lòng phát nhẫn : Anh ấy mang được bảo vật về nhà, tại sao ta cứ ở mãi bên đây mà chẳng dám đi ? Liền sắm sửa hành trang đến thẳng núi báu.

Nầy Thiện nam tử ! Núi báu kia dụ cho Đại Niết Bàn. Nước suối ngọt dụ cho Phật tánh. Hai người kia dụ cho hai vị Bồ Tát sơ phát tâm. Con đường hiểm ác dụ cho sanh tử. Người đi ngược chiều gặp dọc đường dụ cho đức Phật Thế Tôn. Trộm cướp dụ cho tứ ma. Hầm hố gai chông dụ cho các phiền não. Không nước không cỏ dụ cho chẳng tu tập đạo Bồ Đề. Người nghe khó

ăn năn trở về dụ cho Bồ Tát thối chuyển. Người dũng mãnh thẳng tiến dụ cho Bồ Tát bất thối.

Nầy Thiện nam tử ! Phật tánh của chúng sanh thường trụ chẳng biến đổi. Như con đường hiểm trở kia không ai có thể bảo rằng, vì có người ăn năn trở lại mà làm cho con đường thành vô thường. Phật tánh cũng như vậy, trong đạo Bồ Đề trọn không có sự thối thất. Như người ăn năn kia thấy bạn mình đặng của báu mang về nhà giàu có tự tại cúng dường cha mẹ cung cấp thân thuocä, an vui sung sướng.

Do đó bèn phát tâm thẳng đến núi báu chẳng tiếc thân mạng Bồ Tát thối chuyển cũng như vậy.

Nầy Thiện nam tử ! Tất cả chúng sanh quyết định sẽ được thành vô thượng Bồ Đề. Do nghĩa nầy nên trong kinh Phật nói tất cả chúng sanh nhẫn đến kẻ tạo tội ngũ nghịch, phạm tứ trọng và nhứt xiển đề đều có Phật tánh.

Sư Tử Hống Bồ Tát bạch rằng : "Thế Tôn ! Bồ Tát thế nào có thối cùng chẳng thối ?"

_ Nầy Thiện nam tử ! Nếu có Bồ Tát tu tập nghiệp nhơn ba mươi hai tướng tốt của Như Lai thời được gọi là bực bất động chuyển, là thương xót tất cả chúng sanh, gọi là hơn tất cả hàng Thanh Văn Duyên Giác, là bực A Bệ Bạt Trí.

Nầy Thiện nam tử ! Nếu Đại Bồ Tát trì giới chẳng lay động, tâm bố thí chẳng dời đổi, lời nói chơn thật như núi Tu Di, nghiệp duyên trên đây được tướng tốt dưới bàn chưn đầy bằng.

Nếu Đại Bồ Tát ở nơi cha mẹ, Hòa Thượng, Sư Trưởng nhẫn đến các loài súc sanh, đem của cải đúng pháp cúng dường cung cấp, do nghiệp duyên nầy được tướng tốt dưới lòng bàn chưn có tướng thiên bức luân.

Nếu Đại Bồ Tát chẳng sát sanh chẳng trộm cướp, đối với cha mẹ sư trưởng thường có lòng hoan hỷ, do nghiệp duyên nầy được thành ba tướng tốt : Một là ngón tay dài vót, hai là gót chân dài, ba là thân mình vuông thẳng, ba tướng tốt nầy đồng do một nghiệp duyên.

Nếu Đại Bồ Tát tu tập tứ nhiếp pháp để nhiếp thủ chúng sanh, do nghiệp duyên nầy được tướng tốt ngón tay có màng lưới như ngỗng chúa trắng.

Nếu Đại Bồ Tát lúc cha mẹ sư trưởng có bịnh khổ, tự tay tắm rửa lau chùi dắt đở thoa bóp, do nghiệp nầy được tướng tốt, tay chưn dịu dàng.

Nếu Đại Bồ Tát trì giới nghe pháp, cùng bố thí không nhàm chán, do nghiệp duyên nầy được tướng tốt mắt cá lóng đốt đều no đủ, lông trong thân đều xoắn lên trên.

Nếu Đại Bồ Tát chuyên tâm nghe pháp và diễn thuyết chánh pháp, do nghiệp duyên nầy được tướng tốt đùi vế như nai chúa.

Nếu Đại Bồ Tát đối với chúng sanh chẳng có lòng tổn hại, ăn uống biết đủ thường ưa bố thí khám bịnh, cung cấp thuốc men do nghiệp duyên nầy được tướng tốt, thân hình tròn đủ như cây Ni Câu Đà, lúc đứng hai tay dài quá đầu gối, đỉnh đầu có nhục kế vô kiến đảnh tướng.

Nếu Đại Bồ Tát thấy người gặp sự kinh sợ liền cứu hộ cho, thấy người lõa lồ rách rưới thời bố thí y phục do nghiệp duyên nầy được tướng tốt mã âm tàng.

Nếu Đại Bồ Tát gần gũi người trí xa lìa kẻ ngu, vui vẻ hỏi đáp quét dọn đường đi, do nghiệp nầy da thứa mịn màng, lông trên thân xoay về phía hữu.

Nếu Đại Bồ Tát thường dùng y phục đồ uống ăn đồ nằm thuốc men hương hoa đèn đuốc bố thí cho người, do nghiệp nầy đặng thân màu vàng ròng thường có ánh sáng chói rỡ.

Nếu Đại Bồ Tát lúc bố thí những vật báu quý có thể đem cho chẳng tiếc chẳng nghĩ là phước điền hay chẳng phải phước điền, do nghiệp duyên nầy được tướng tốt bảy chỗ trên thân được no đủ.

Nếu Đại Bồ Tát lúc bố thí lòng chẳng nghi ngờ, do nghiệp duyên nầy được tiếng nói dịu dàng.

Nếu Đại Bồ Tát đúng như pháp làm ra của cải đem bố thí, do nghiệp duyên nầy được tướng tốt nơi thân chỗ xương thiếu đều đầy đủ thân như sư tử vương, cánh tay thon dài.

Nếu Đại Bồ Tát xa lìa lưỡng thiệt ác khẩu và tâm giận hờn, do nghiệp duyên nầy đủ bốn mươi cái răng trong trắng sạch sẽ, bằng thẳng khít khao.

Nếu Đại Bồ Tát có lòng đại từ bi đối với chúng sanh do nghiệp duyên nầy được tướng hai răng nanh tốt.

Nếu Đại Bồ Tát thường phát nguyện : Có người đến cầu xin thời cấp cho theo ý của họ xin, do nghiệp duyên nầy được gò má như sư tử.

Nếu Đại Bồ Tát cung cấp đồ uống ăn theo sở thích của chúng sanh do nghiệp duyên nầy được tướng tốt trong cổ họng thường rịn chất cam lộ thượng vị.

Nếu Đại Bồ Tát tự thật hành mười điều lành cùng giáo hóa người, do nghiệp duyên nầy được tướng tốt lưỡi rộng dài.

Nếu Đại Bồ Tát chẳng rao nói lỗi xấu của người chẳng hủy báng chánh pháp, do nghiệp duyên nầy đặng tướng tốt tiếng phạm âm.

Nếu Đại Bồ Tát thấy kẻ thù nghịch thời sanh lóng hoan hỷ, do nhơn duyên nầy được tướng tốt, tròng mắt màu xanh biếc.

Nếu Đại Bồ Tát chẳng ẩn che tài đức của người mà phô dương điều hay của mình, do nghiệp duyên nầy được tướng tốt bạch hào.

Nầy Thiện nam tử ! Nếu Đại Bồ Tát tu tập nghiệp duyên ba mươi hai tướng tốt như vậy thời được chẳng thối chuyển tâm Bồ Đề.

Nầy Thiện nam tử ! Tất cả chúng sanh chẳng thể nghĩ bàn. Cảnh giới và nghiệp quả của chư Phật và Phật tánh cũng chẳng thể nghĩ bàn. Vì bốn pháp nầy đều là thường, vì thường trụ nên chẳng thể nghĩ bàn. Tất cả chúng sanh vì phiền não che đậy nên gọi là thường. Vì dứt phiền não thường nên gọi là vô thường. Nếu nói rằng tất cả chúng sanh là thường, cớ gì lại tu tập tám thánh đạo ? Tu tập để dứt các sự khổ, các sự khổ nếu đã dứt thời gọi là vô thường, sự vui được hưởng thọ thời gọi là thường. Do đây nên ta nói tất cả chúng sanh bị phiền não che đậy mà chẳng thấy được Phật tánh, vì chẳng thấy nên chẳng được Niết Bàn.

Sư Tử Hống Bồ Tát bạch rằng : “ Thế Tôn ! Như lời Phật nói tất cả các pháp có hai tbứ nhơn là chánh nhơn và duyên nhơn. Do hai nhơn nầy lẽ ra không có trói buộc không có giải thoát : Thân ngũ ấm nầy niệm niệm sanh diệt, nó đã sanh diệt thời có gì là trói buộc và giải thoát.

Bạch Thế Tôn ! Nhơn thân ngũ ấm nầy mà sanh thân ngũ ấm sau. Thân nầy tự diệt chẳng đến thân kia nhưng có thể sinh ngũ ấm kia. Như do hột sanh mọng, hột chẳng đến mọng , dầu hột chẳng đến mọng mà có thể sanh mọng. Chúng sanh cũng như vậy, thế nào có trói buộc và giải thoát ?

Phật nói : " Nầy Thiện nam tử ! Lóng nghe ! Lóng nghe ! Ta sẽ vì ông phân biệt giải thuyết. Như người lúc chết rất khổ quyến thuộc bao quanh kêu khóc than thở, người nầy sợ hải chẳng biết cầu cứu với ai, dầu có năm giác quan mà không hay không biết, tay chưn run giựt, không thể tự chủ, thân thể lành lạnh sắp hết hơi nóng, thấy những tướng nghiệp báo thiện ác đã tạo từ trước. Như mặt trời sắp lặn, thời bóng của núi gò ngã về hướng đông, không bao giờ trở qua Tây. Nghiệp quả của chúng sanh cũng như vậy, lúc thân ngũ ấm nầy diệt thời ngũ ấm kia liền nối sanh. Như đèn cháy lên thời bóng tối mất. Đèn tắt, thời bóng tối hiện ra. Như ấn sáp in vào đất sét, ấn cùng đất sét hiệp, ấn rã, lằn chữ nổi lên, mà ấn sáp nầy chẳng biến nơi đất sét, lằn chữ chẳng phải từ đất sét ra, cũng chẳng phải chỗ khác đến, do ấn làm nhơn duyên mà sanh lằn chữ. Ngũ ấm hiện tại diệt, thân trung ấm liền sanh. Ngũ ấm hiện tại nầy trọn chẳng biến làm thân trung ấm, thân trung ấm chẳng phải tự sanh, cũng chẳng từ nơi khác đến, do thân hiện tại mà sanh thân trung ấm. Như ấn sáp in nơi đất sét, ấn rã lằn chữ thành, danh từ dầu không sai khác mà thời tiết đều riêng khác. Do đây nên ta nói thân trung ấm chẳng phải nhục nhãn thấy được, thiên nhãn mới ngó thấy. Thân trung ấm nầy có ba cách ăn : Tư thực, xúc thực, ý thực. Thân trung ấm có hai thứ : Một là nghiệp quả lành, hai là nghiệp quả ác. Do nghiệp lành nên được giác quán lành, do nghiệp ác nên được giác quán ác. Lúc cha mẹ giao hội phán hiệp theo nhơn duyên của nghiệp mà đến chỗ thọ sanh. Đối với mẹ sanh lòng thương, đối với cha sanh lòng sân. Lúc tinh của cha chảy ra cho rằng là của mình, sanh lòng vui mừng. Do nhơn duyên của ba thứ phiền não nầy, thân trung ấm diệt mà sanh, thân ngũ ấm sau. Như ấn sáp in vào đất sét ấn hư lằn chữ thành.

Lúc sanh ra những căn thân có đầy đủ cùng chẳng đủ. Người căn đầy đủ thấy sắc thời sanh lòng tham, vì tham nên gọi là ái. Do hư dối mà sanh lòng tham, vì tham nên gọi là vô minh. Do nhơn duyên tham ái và vô minh nên những cảnh giới xem thấy thảy đều điên đảo : Vô thường thấy là thường, vô ngã thấy là ngã, vô lạc thấy là lạc, bất tịnh thấy là tịnh. Do bốn thứ điên đảo nầy nên gây tạo những hạnh nghiệp thiện ác. Phiền não gây ra nghiệp, nghiệp sanh ra phiền não, đây gọi là hệ phược. Do nghĩa nầy nên gọi là ngũ ấm sanh.

Người nầy nếu được gần gũi chư Phật, đệ tử của Phật cùng những thiện tri thức thời được nghe được học mười hai bộ kinh. Do nghe pháp nên quán những cảnh giới lành. Do quán cảnh giới lành nên được trí huệ lớn, đây gọi là chánh tri kiến. Vì được chánh tri kiến nên sanh lòng hối hận đối với sanh tử. Do tâm hối hận nầy nên chẳng ưa thích sanh tử , vì chẳng ưa thích nên phá được lòng tham, vì phá lòng tham nên tu tám thánh đạo, do tu tám thánh đạo nên được không sanh tử, vì không sanh tử nên gọi là được giải thoát. Như lửa chẳng gặp củi gọi đó là tắt. Vì tắt diệt sanh tử nên gọi là diệt độ. Do nghĩa nầy nên gọi là thân ngũ ấm diệt.

Sư Tử Hống Bồ Tát bạch rằng : " Trong hư không chẳng có gai thế nào nói rằng nhổ ? Ngũ ấm không cột trói thế nào gọi rằng hệ phược ?"

Phật nói : " Nầy Thiện nam tử ! Vì xiềng xích phiền não trói buộc ngũ ấm, lìa ngũ ấm rồi thời không có phiền não riêng, lìa phiền não rồi thời không có ngũ ấm riêng.

Như cột chống đỡ nóc nhà, lìa nhà thời không cột, lìa cột thời không nhà. Thân ngũ ấm của chúng sanh cũng như vậy : Vì có phiền não gọi là hệ phược, vì không phiền não nên gọi là giải thoát.

Như nắm tay, chắp tay, cột gút, ba thứ hiệp tan sanh diệt không có thứ gì riêng. Ngũ ấm của chúng sanh cũng như vậy : Vì có phiền não gọi là hệ phược, vì không phiền não gọi là giải thoát.

Như nói danh sắc hệ phược chúng sanh, cũng gọi là chúng sanh hệ phược danh sắc.

Sư Tử Hống Bồ Tát bạch rằng : " Thế Tôn ! Như con mắt chẳng tự thấy, ngón tay chẳng tự chạm, dao chẳng tự cắt, thọ chẳng tự thọ sao đức Thế Tôn lại nói rằng danh sắc hệ phược danh sắc ? Vì nói danh sắc thời chính là chúng sanh còn nói chúng sanh thời chính là danh sắc. Nếu nói danh sắc hệ phược chúng sanh thời là danh sắc hệ phược danh sắc.

Phật nói : " Nầy Thiện nam tử ! Như lúc hai tay chắp lại, thời không có cái gì khác đến chắp. Danh cùng sắc cũng như vậy. Do đây nên ta nói danh sắc hệ phược chúng sanh. Nếu rời danh sắc thời được giải thoát. Vì thế nên ta nói chúng sanh giải thoát.

Sư Tử Hống Bồ Tát bạch rằng : " Thế Tôn !Nếu có danh sắc là hệ phược, các vị A La Hán chưa rời danh sắc, lẽ ra cũng là hệ phược !"

Phật nói : " Nầy Thiện nam tử ! Có hai thứ giải thoát : Một là tử đoạn, hai là quả đoạn".

Tử đoạn là dứt phiền não. Các vị A La Hán đã dứt phiền não, các kiết sử đã phá hư, nên tử kiết sử dứt chẳng hệ phược được. Vì A La Hán chưa dứt quả nên gọi là quả hệ phược. Các vị A la Hán chẳng thấy Phật tánh. Vì chẳng thấy nên chẳng được vô thượng Bồ Đề. Do đây nên có thể gọi là quả hệ phược mà chẳng được gọi là danh sắc hệ phược.

Nầy Thiện nam tử ! Như thắp đèn, lúc dầu chưa hết thời ánh lửa chẳng tắt. Nếu đã hết dầu, thời lửa quyết phải tắt. Dầu là dụ cho phiền não. Đèn là dụ cho chúng sanh. Vì dầu phiền não nên chúng sanh chẳng nhập Niết Bàn. Nếu dứt hết phiền não, thời tất nhập Niết Bàn.

_ Bạch Thế Tôn ! Đèn cùng dầu tánh cách riêng khác còn chúng sanh và phiền não thời không phải như vậy : Chúng sanh là phiền não, cũng như phiền não là chúng sanh. Chúng sanh gọi là ngũ ấm, chính ngũ ấm gọi là chúng sanh. Ngũ ấm gọi là phiền não, cũng như phiền não gọi là ngũ ấm. Sao đức Như Lai lại dụ như đèn ?

_ Nầy Thiện nam tử ! Có tám thứ ví dụ : Một là thuận dụ, hai là nghịch dụ, ba là hiện dụ, bốn là phi dụ, năm là tiên dụ, sáu là hậu dụ, bảy là tiên hậu dụ, tám là biến dụ.

Thế nào là thuận dụ ?

Như trong kinh nói : Trời mưa lớn mương rãnh đều đầy nước, vì mương rãng đầy nước nên hố nhỏ đầy, vì hố nhỏ đầy nên hố lớn đầy, vì hố lớn đầy nên suối nhỏ đầy, vì suối nhỏ đầy nên suối lớn đầy, vì suối lớn đầy nên ao nhỏ đầy, vì ao nhỏ đầy nên ao lớn đầy, vì ao lớn đầy nên sông nhỏ đầy, vì sông nhỏ đầy nên sông lớn đầy, vì sông lớn đầy nên biển lớn đầy.

Pháp vỏ của đức Như Lai cũng như vậy, làm cho chúng sanh đầy đủ giới hạnh ! Vì giới đầy đủ nên tâm chẳng hối hận được đầy đủ : Vì tâm chẳng hối hận đầy nên lòng hoan hỷ đầy đủ, vì lòng hoan hỷ đầy nên sự viễn ly đầy đủ, vì sự viễn ly đầy nên sự an ổn được đầy đủ, vì sự an ổn đầy nên chánh định đầy đủ, vì chánh tri kiến đầy nên sự nhàm lìa đầy đủ, vì yểm ly đầy nên sự quở trách đầy đủ, vì sự quở trách đầy nên giải thoát đầy đủ, vì giải thoát đầy nên Niết Bàn đầy đủ. Đây gọi là thuận dụ vậy.

Thế nào là nghịch dụ ?

Biển lớn là nguồn chính là sông lớn ; sông lớn có nguồn chính là sông nhỏ, sông nhỏ có nguồn chính là ao lớn, ao lớn có nguồn chính là ao nhỏ, ao nhỏ có nguồn chính là suối lớn, suối lớn có nguồn chính là suối nhỏ, suối nhỏ có nguồn chính là hồ lớn, hồ lớn có nguồn chính là hồ nhỏ, hồ nhỏ có nguồn chính là mương rãnh, mương rãnh có nguyồn chính là mưa to.

Cũng vậy, Niết Bàn có nguồn chính là giải thoát : Giải thoát từ quở trách, quở trách từ yểm ly, yểm ly từ chánh tri kiến, chánh tri kiến từ chánh định, chánh định từ an ổn, an ổn từ viễn ly, viễn ly từ hoan hỷ, hoan hỷ từ chẳng hối hận, chẳng hối hận từ trì giới, sự trì giới bắt nguồn từ nơi pháp võ của đức Như Lai. Đây gọi là nghịch dụ vậy.

Thế nào là hiện dụ ?

Như nói tâm tánh của chúng sanh như khỉ, vượn. Tánh của khỉ, vượn bỏ cái nầy liền bắt cái kia. Cũng vậy, tâm tánh của chúng sanh bắt lấy lục trần không lúc nào tạm dừng. Đây gọi là hiện dụ vậy.

Thế nào là phi dụ ?

Như xưa kia ta bảo vua Ba Tư Nặc : Đại Vương ! Có người thân tín từ bốn phương đến báo với nhà vua rằng có bốn hòn núi lớn từ bốn phương đến muốn hại nhơn dân. Nếu nghe như vậy Đại Vương sẽ lập kế gì ?

_ Vua đáp : Bạch Thế Tôn ! Nếu có như vậy thời không còn có chỗ trốn tránh, chỉ phải chuyên tâm trì giới bố thí.

_ Ta khen rằng : Lành thay ! Đại vương ! Ta nói bốn hòn núi là sanh lão bịnh tử của chúng sanh. Bốn sự khổ đó thường đến bức não chúng sanh, sao Đại vương chẳng trì giới bố thí ? _ Vua đáp : Bạch Thế Tôn ! Trì giới bố thí được quả báo gì ? Ta nói : Trì giới bố thí sẽ được hưởng sự vui sướng ở cõi trời cõi người . _ Vua nói : Bạch Thế Tôn ! Cây Ni Câu Đà trì giới bố thí cũng được hưởng phước ư ? _ Ta nói cây ni câu đà chẳng thể trì giới bố thí, nếu có nó có thể làm được thời cũng được hưởng phước như người. Đây gọi là phi dụ.

Thế nào là Tiên dụ ? Trong kinh nói : Như có người ưa thích hoa đẹp, lúc hái lấy bị nước cuốn trôi, chúng sanh cũng vậy vì tham ái ngũ dục mà bị sanh tử. Đây gọi là Tiên dụ.

Thế nào là hậu dụ ?

Như kinh pháp cú nói :

Chớ khinh tội nhỏ,
Cho là không hại.
Giọt nước dầu ít,
Lần đầy lu lớn.

Đây gọi là hậu dụ.

Thế nào là Tiên hậu dụ ?

Ví như cây chuối có trái thời chết. Người ngu được lợi dưỡng cũng như vậy. Như con la có thai thời mạng sống chẳng còn lâu. Đây là Tiên hậu dụ.

Thế nào là biến dụ ?

Như trong kinh nói Trời Đao Lợi có cây Ba Lợi Chất Đa, gốc nó sâu năm do diên, cao một trăm do diên, nhánh lá bủa ra bốn phía năm mươi do diên, lúc lá chín thời màu vàng, chư Thiên xem thấy sinh lòng vui mừng. Lá nầy chẳng bao lâu rơi rụng. Chư Thiên thấy lá rụng lại sanh lòng vui mừng. Nhánh cây chẳng bao lâu sẽ đổi sắc, chư Thiên thấy nhánh đổi sắc lại sanh lòng vui mừng. Nhánh nầy chẳng bao lâu sẽ sanh nụ tròn chư Thiên thấy nụ sanh lòng vui mừng. Những nụ nầy chẳng bao lâu sẽ dài nhọn, chư Thiên lại sanh lòng vui mừng. Những nụ dài nhọn nầy chẳng bao lâu sẽ nở ra, lúc nụ nở hơi thơm khắp năm mươi do diên, chiếu sáng tám mươi do diên. Lúc đó chư Thiên ba tháng mùa hạ chơi vui dưới cây nầy.

Nầy Thiện nam tử ! Hàng đệ tử của ta cũng như vậy. Lá sắc vàng dụ cho đệ tử của ta có tâm niệm muốn xuất gia. Lá rụng dụ cho đệ tử của ta cạo bỏ râu tóc. Nhánh cây đổi sắc dụ cho đệ tử của ta bạch tứ yết ma thọ giới cụ túc. Mới sanh nụ tròn dụ cho đệ tử của ta phát tâm Bồ Đề, nụ nhọn dài dụ cho Thập Trụ Bồ Tát thấy được Phật tánh. Nở xòe ra dụ cho Bồ Tát được vô thượng Bồ Đề. Mùi thơm dụ cho vô lượng chúng sanh thọ trì cấm giới, chiếu sáng dụ cho Như Lai danh hiệu vô ngại cùng khắp mười phương. Ba tháng mùa hạ dụ cho ba môn chánh định. Chư Thiên chơi vui dụ cho chư Phật ở nơi Đại Niết Bàn được thường, lạc, ngã, tịnh. Đây gọi là biến dụ.

Nầy Thiện nam tử ! Phàm dẫn ví dụ bất tất phải lấy trọn hết, hoặc lấy phần ít, hoặc lấy phần nhiều, hoặc lấy hoàn toàn. Như nói gương mặt của Phật như mặt trăng tròn, đây gọi là lấy phần ít.

Ví như có người chưa bao giờ thấy sữa, hỏi người khác rằng : Sữa là giống gì ? Đáp : Như nước, mật, vỏ ốc ; nước thời là tướng ướt, mật thời vị ngọt, vỏ ốc thời là màu sắc. Dầu dẫu ba thí dụ nhưng chưa phải thiệt là sữa. Ta nói ví dụ cái đèn đem dụ cho chúng sanh cũng như vậy. Ta nói lìa nước thời không có con sông, chúng sanh cũng vậy lìa năm ấm thời không còn là chúng sanh. Như ngoài thùng, gọng, trục, bánh, căm thời không còn có cái xe. Chúng sanh cũng như vậy.

Nầy Thiện nam tử ! Nếu muốn đem pháp hiệp với ví dụ cái đèn kia, thời nên lóng nghe : Tim đèn dụ cho hai mươi lăm cõi, dầu dụ cho tham ái, ánh sáng dụ cho trí huệ, trừ bóng tối dụ cho phá vô minh, hơi nóng dụ cho thánh đạo. Như đèn hết dầu thời ngọn lửa tắt, chúng sanh hết tham ái thời thấy Phật tánh, tuy có danh sắc nhưng chẳng hệ phược được, tuy ở trong hai mươi lăm cõi nhưng chẳng bị các cõi làm nhiễm ô.

Bạch Thế Tôn ! Ngũ ấm của chúng sanh rỗng không chẳng có gì, ai lãnh thọ giáo pháp tu tập đạo hạnh ?

Nầy Thiện nam tử ! Tất cả chúng sanh đều có niệm tâm, huệ tâm, phát tâm, tinh tấn tâm, tín tâm, định tâm. Những tâm như vậy dầu niệm niệm diệt nhưng vẫn tương tợ tương tục chẳng dứt nên gọi là tu hành.

_ Bạch Thế Tôn ! Những tâm như vậy đều niệm niệm diệt, niệm niệm diệt nầy cũng là tương tợ, tương tục, thời thế nào có sự tu tập ?

_ Nầy Thiện nam tử ! Như ngọn đèn dầu niệm niệm diệt mà có ánh sáng trừ bóng tối. Như chúng sanh ăn uống dầu niệm niệm diệt nhưng cũng làm cho người đói bụng no. Như thuốc hay dầu niệm niệm diệt nhưng cũng có thể làm cho bịnh được lành. Như ánh sáng mặt trời mặt trăng dầu niệm niệm diệt nhưng cũng có thể làm cho cỏ cây sanh sống.

Ông nói niệm niệm diệt thế nào tu tập ?

Nầy Thiện nam tử ! Vì tâm nối luôn chẳng dứt nên gọi là tu tập thêm lên. Như người đọc tụng kinh sách, những chữ những câu đọc tụng chẳng đồng một thời gian : Chữ trước chẳng đến giữa, chữ giữa chẳng đến sau, người đọc cùng với chữ và tâm tướng tất cả đều niệm niệm diệt, do vì tập lâu mà được thông thuộc.

Nầy Thiện nam tử ! Như thợ kim hoàn từ lúc ban đầu tập nghề nhẫn đến đầu bạc, dầu niệm niệm diệt trước chẳng đến sau, nhưng do tích tập nên nghề

giỏi khéo, do đây được gọi là thợ kim hoàn khéo. Đọc tụng kinh sách cũng như vậy.

Như hột giống kia, đất chẳng bảo rằng ngươi phải sanh mầm, vì tánh tự nhiên nên mầm tự mọc lên, nhẫn đến bông cũng chẳng bảo ngươi nên thành trái, vì tánh tự nhiên mà trái tự thành. Chúng sanh tu hành cũng như vậy.

Ví như đếm số một chẳng đến hai, hai chẳng đến ba, dầu niệm niệm diệt mà đếm đến ngàn muôn chúng sanh tu hành cũng như vậy.

Như ngọn đèn niệm niệm diệt, ngọn trước diệt chẳng bảo ngọn sau sanh. Như con nghé sanh ra bèn tìm sữa bú, trí khôn tìm sữa thiệt không ai dại dầu niệm niệm diệt mà trước thời đói thời lúc sau được no. Do đây nên biết rằng trước và sau chẳng giống nhau thời lẽ ra chẳng sai khác.

Chúng sanh tu hành cũng như vậy, lúc mới tu dầu chưa tăng tiến nhưng vì tu tập lâu thời có thể phá hoại tất cả phiền não.

Sư Tử Hống Bồ Tát bạch rằng : " Thế Tôn ! Như lời Phật nói người được chúng quả Tu Đà Hoàn rồi, dầu thác sanh cõi nước hung ác, vẫn trì giới chẳng sát sanh trộm cướp, dâm dật, vọng ngữ, uống rượu. Thân ngũ ấm của Tu Đà Hoàn đã diệt chết ở đây chẳng qua đến nơi cõi nước hung ác, người tu hành cũng chẳng đến cõi nước hung ác, nếu là tương tợ thời cớ sao chẳng sanh nơi cõi nước tịnh diệu ? Nếu thân ngũ ấm ở cõi nước hung ác chẳng phải là ngũ ấm của Tu Đà Hoàn, do đâu mà được chẳng gây tạo nghiệp ác ?

_ Nầy Thiện nam tử ! Vị Tu Đà Hoàn dầu thác sanh cõi nước hung ác nhưng vẫn chẳng mất danh hiệu Tu Đà Hoàn, thân ngũ ấm thời chẳng tương tợ, nên ta dẫn con nghé làm dụ vị Tu Đà Hoàn dầu thác sanh cõi nước hung ác, do đạo lực nên chẳng gây tạo nghiệp ác.

Như núi Hương Sơn có Sư Tử chúa, do đây nên tất cả loài phi cầm tẩu thú không dám đến gần núi nầy. Có lúc Sư Tử chúa đây đến trong núi Tuyết, tất cả chim thú cũng vẫn chẳng đến gần núi Hương Sơn. Vị Tu Đà Hoàn cũng như vậy, dầu chẳng tu hành nhưng do đạo lực nên chẳng gây tạo nghiệp ác.

Ví như có người uống chất cam lộ, chất cam lộ nầy dầu đã tiêu hoá mất, nhưng thế lực có thể làm cho người uống chẳng già chẳng chết.

Như núi Tu Di có vị thuốc thượng diệu tên là Lăng Già Lợi, người uống vị thuốc nầy dầu niệm niệm diệt, nhưng do năng lực của thuốc làm cho người uống chẳng bao giờ phải bịnh khổ.

Như chỗ ngự của Chuyển Luân Vương, dầu vua chẳng ngự nơi đó nhưng không ai dám đến gần, đây là do oai lực của vua. Vị Tu Đà Hoàn cũng như vậy, dầu sanh nơi cõi nước hung ác, chẳng tu hành nhưng do đạo lực nên chẳng gây tạo nghiệp ác.

Thân ngũ ấm Tu Đà Hoàn chết mất ở đây, dầu sanh ngũ ấm khác, nhưng vẫn chẳng mất ngũ ấm Tu Đà Hoàn.

Ví như chúng sanh vì muốn được trái được hột nên đối với hột giống ra công săn sóc vun phân bón tưới, chưa gặp được trái được hột mà hột giống lại đã hư diệt, dầu vậy nhưng cũng được gọi là nhơn hột giống mà được trái. Ngũ ấm của Tu Đà Hoàn cũng như vậy.

Như có người sản nghiệp to tát, chỉ có một đứa con trai chết sớm, người con nầy cũng có một đứa con trai ở xứ khác. Lúc người giàu có nầy qua đời đứa cháu nội nghe tin bèn trở về lãnh lấy sản nghiệp, dầu mọi người đều biết tài sản đó chẳng phải của nó làm ra, nhưng không ai ngăn trở, vì nó là một họ, cháu ruột của phú ông. Ngũ ấm của Tu Đà Hoàn cũng như vậy.

Sư Tử Hống Bồ Tát bạch rằng : “ Thế Tôn ! Như bài kệ của Phật nói :

Tỳ Kheo nếu tu tập.
Giới định và trí huệ,
Nên biết là bất thối,
Gần đến Đại Niết Bàn.

Bạch Thế Tôn ! Thế nào là tu giới ? Thế nào là tu định ? Thế nào là tu huệ ?

Phật nói : “ Nầy Thiện nam tử ! Nếu có người trì giới chỉ vì muốn tư lợi hưởng thọ sự vui cõi trời, cõi người, mà chẳng vì độ thoát tất cả chúng sanh, chẳng vì ủng hộ chánh pháp vô thượng, chỉ vì lợi dưỡng, sợ ba ác đạo, vì sống lâu, sắc đẹp, sức mạnh, an ổn, vô ngại biện, vì sợ luật pháp của vua, vì sợ tiếng xấu, vì sự nghiệp thế gian, vì những việc như trên mà hộ trì giới luật thời chẳng được gọi là tu tập giới luật.

Thế nào gọi là chơn thiệt tu tập giới luật ? Lúc trì giới nếu vì độ thoát tất cả chúng sanh, vì hộ trì chánh pháp để độ người chưa được độ, khai ngộ người

chưa tỏ ngộ, quy y người chưa quy y, người chưa nhập Niết Bàn làm cho được nhập, lúc tu tập như vậy chẳng thấy giới, chẳng thấy giới tướng, chẳng thấy người trì, chẳng thấy quả báo, chẳng tìm xem hủy phạm. Nếu có thể được như vậy thời mới gọi là tu tập giới luật.

Thế nào gọi là tu tập chánh định ? Lúc tu tam muội, vì tự độ, vì lợi dưỡng, mà chẳng vì chúng sanh, chẳng vì hộ pháp, vì thấy những lỗi tham dục ăn uống, vì thấy những căn nam nữ chín lỗ bất tịnh, vì tranh đấu cãi cọ đánh đâm, giết hại lẫn nhau. Nếu vì những việc nầy mà tu tam muội, đây thời chẳng gọi là tu tập tam muội.

Thế nào gọi là chơn thật tu tam muội ? Nếu tu tập tam muội là vì chúng sanh, đối với chúng sanh có tâm bình đẳng, vì làm cho chúng sanh được pháp bất thối, được thánh tâm, được đại thừa, vì muốn hộ trì pháp vô thượng, khiến cho chúng sanh chẳng thối tâm Bồ Đề, làm cho chúng sanh được Thủ Lăng Nghiêm tam muội, được Kim Cang tam muội, được Đà La Ni, được tứ vô ngại, được thấy Phật tánh. Lúc thật hành chẳng thấy tam muội, chẳng thấy tướng tam muội, chẳng thấy người tu, chẳng thấy quả báo. Nếu có thể như vậy thời gọi là tu tập chánh định.

Thế nào gọi là tu tập trí huệ ? Nếu có người tu hành suy nghĩ như vầy : Nếu tôi tu tập trí huệ nầy thời được thoát khỏi ba ác đạo ? Ai có thể làm lợi ích cho tất cả chúng sanh ? Ai có thể ở trong đường sanh tử mà độ mọi người ? Phật xuất hiện ra đời khó gặp như hoa Ưu Đàm, nay tôi có thể dứt phiền não kiết sử được quả giải thoát, nên tôi phải siêng năng tu hành trí huệ, để sớm dứt phiền não mau được giải thoát. Tu tập như vậy chẳng được gọi là tu tập trí huệ.

Thế nào gọi là chơn thật tu tập trí huệ ? Người trí nếu quan sát sự khổ sanh lão bịnh tử, tất cả chúng sanh bị vô minh che đậy, chẳng biết tu tập đạo vô thượng. Nguyện thân tôi nhận lấy khổ não thay thế chúng sanh. Bao nhiêu những sự bần cùng hạ tiện phá giới, những nghiệp tham sân si của chúng sanh, nguyện tất cả đều đến nhóm chất trên thân tôi. Nguyện cho chúng sanh chẳng tham đắm, chẳng bị danh sắc trói buộc mau thoát khỏi sanh tử, chỉ để một thân tôi ở nơi sanh tử chẳng mõi nhàm. Nguyện cho tất cả chúng sanh đều được vô thượng Bồ Đề. Lúc tu tập như vậy chẳng thấy trí huệ, chẳng thấy tướng trí huệ, chẳng thấy người tu, chẳng thấy quả báo, đây thời gọi là tu tập trí huệ.

Nầy Thiện nam tử ! Người tu tập giới định huệ như vậy thời gọi là Bồ Tát. Người không thể tu tập giới định huệ như vậy thời gọi là Thanh Văn.

Thế nào lại gọi là tu tập giới hạnh ?Nếu có thể phá hoại mười sáu ác luật nghi của tất cả chúng sanh : Một là vì lợi mà nuôi dê, trừu cho mập để bán, hai là vì lợi mua dê trừu để làm thịt, ba là vì lợi nuôi heo cho mập để bán, bốn là vì lợi mua heo để làm thịt, năm là vì lợi nuôi bò con cho mập để bán, sáu là vì lợi mua bò để làm thịt, bảy là vì lợi nuôi gà cho mập để bán, tám là vì lợi mua gà để làm thịt, chín là câu cá, mười là thợ săn, mười một là cướp giựt, mười hai là thái thịt, mười ba là lưới chim, mười bốn là lưỡng thiệt, mười lăm là lính giữ ngục, mười sáu là bùa chú bắt rồng. Có thể vì chúng sanh mà dứt hẳng mười sáu nghiệp ác như vậy thời gọi là tu tập giới hạnh.

Thế nào là tu định ? Có thể dứt tất cả tam muội thế gian, như vô thân tam muội có thể làm cho chúng sanh có tâm điên đảo cho là Niết Bàn, cùng những tam muội hữu biên tâm, vô biên tâm, tịnh tụ, thế biên, thế đoạn, thế tánh, thế trượng phu, phi tưởng, phi phi tưởng, những môn định nầy có thể làm chúng sanh có tâm điên đảo cho là Niết Bàn. Nếu có thể dứt hẳn những tam muội như vậy thời gọi là tu tập chánh định.

Thế nào gọi là tu tập trí huệ ? Có thể phá những ác kiến của thế gian.

Tất cả chúng sanh đều có ác kiến : Chấp sắc là ngã là ngã sở, trong sắc có ngã, trong ngã có sắc, nhẫn đến chấp thức cũng như vậy. Thường tức là ngã, sắc diệt ngã còn. Sắc tức là ngã sắc diệt ngã cũng diệt. Lại có người cho rằng : Tác giả là ngã, thọ giả là sắc. Lại có người nói : Tác giả là sắc, thọ giả là ngã. Lại có người nói : Không tác giả, không thọ giả, tự sanh, tự diệt đều chẳng phải nhơn duyên. Lại có người nói : Không tác giả , không thọ giả, đều là Tự Tại Thiên chỗ tạo ra. Lại có người nói : Không tác giả, không thọ giả, tất cả đều do thời tiết làm ra. Lại có người nói : Không tác giả, không thọ giả. Địa, thủy, hỏa , phong, không, năm đại nầy gọi là chúng sanh.

Nếu có thể phá hoại những ác kiến của chúng sanh như vậy thời gọi là tu tập trí huệ.

Nầy Thiện nam tử ! Tu tập giới hạnh để cho thân được tịch tịnh. Tu tập chánh định để cho tâm được tịch tịnh. Tu tập trí huệ để phá trừ lòng nghi. Phá trừ lòng nghi là để tu tập Phật đạo. Người tu tập Phật đạo là để được thấy Phật tánh. Thấy Phật tánh để được vô thượng Bồ Đề. Được vô thượng Bồ Đề thời được vô thượng Đại Niêt Bàn. Được Đại Niết Bàn để dứt tất cả

sanh tử, tất cả phiền não, tật cả cõi, tất cả đế của tất cả chúng sanh. Dứt sanh tử nhẫn đến dứt tất cả đế là để được thường, lạc, ngã tịnh vậy.

Sư Tử Hống Bồ Tát bạch rằng : " Thế Tôn ! Như lời Phật nói nếu bất sanh bất diệt gọi là Đại Niết Bàn, thời sanh cũng là bất sanh bất diệt như vậy, cớ sao chẳng được gọi là Niết Bàn ?

Nầy Thiện nam tử ! Đúng như lời của ông nói. Sanh dầu cũng là bất sanh bất diệt nhưng có thỉ có chung.

_ Bạch Thế Tôn ! Pháp sanh tử nầy cũng là vô thỉ vô chung. Nếu là vô thỉ vô chung thời gọi là thường, thường trụ tức là Niết Bàn, cớ sao chẳng gọi sanh tử là Niết Bàn ?

_ Nầy Thiện nam tử ! Pháp sanh tử nầy đều có nhơn có quả, vì có nhơn quả nên chẳng được gọi là Niết Bàn. Thể tánh của Niết Bàn vốn không nhơn quả.

_ Bạch Thế Tôn ! Luận về Niết Bàn cũng có nhơn quả như bài kệ của Phật nói :

Từ nhơn nên sanh cõi trời,
Từ nhơn mà đọa ác đạo,
Từ nhơn nên được Niết Bàn,
Do đây nên đều có nhơn.

Xưa kia Phật bảo các Tỳ Kheo : Nay ta sẽ nói đạo quả của Sa Môn. Nói là Sa Môn đó nghĩa là người có thể tu tập hoàn toàn đạo hạnh giới định huệ, đạo hạnh nầy là bát thánh đạo. Quả của Sa Môn chính là Niết Bàn.

Bạch Thế Tôn ! Niết Bàn như vậy há chẳng phải là quả ư ? Cớ sao hôm nay đức Phật nói rằng thể của Niết bàn không nhơn , không quả ?

Nầy Thiện nam tử ! Ta tuyên nói nhơn của Niết Bàn chính là Phật tánh, tánh của Phật tánh chẳng sanh Niết Bàn, nên ta nói Niết Bàn không có nhơn. Vì có thể phá phiền não nên gọi là quả Đại Niết Bàn. Niết Bàn nầy chẳng từ nơi đạo hạnh sanh ra nên gọi là không có quả. Do đây nên Niết Bàn là không nhơn, không quả.

_ Bạch Thế Tôn ! Phật tánh của chúng sanh là chung có hay là riêng có ? Nếu là chung có thời một người lúc được vô thượng Bồ Đề lẽ ra tất cả chúng

sanh cũng đồng được. Như hai mươi người đồng có một kẻ oán thù, nếu một người trừ được kẻ thù, thời mười chín người kia cũng đồng hết người thù. Phật tánh cũng như vậy, lúc một người đặng thời lẽ ra những người khác cũng đồng đặng.

Nếu mỗi chúng sanh riêng có Phật tánh thời Phật tánh là vô thường, vì có thể tính đếm được. Nhưng Phật nói : Phật tánh của chúng sanh chẳng phải một chẳng phải hai. Nếu là riêng có, thời lẽ ra chẳng nên nói rằng chư Phật bình đẳng, cũng chẳng nên nói rằng Phật tánh như hư không.

_ Nầy Thiện nam tử ! Phật tánh của chúng sanh chẳng một chẳng hai. Chư Phật bình đẳng, dường như hư không. Tất cả chúng sanh đồng chung có đó. Nếu người có thể tu bát thánh đạo, nên biết người nầy được thấy rõ.

Nầy Thiện nam tử ! Trên núi Tuyết có thứ cỏ tên nhẫn nhục, nếu bò ăn cỏ nầy thời sanh ra chất đề hồ, Phật tánh của chúng sanh cũng như vậy.

_ Bạch Thế Tôn ! Cỏ nhẫn nhục đó là một hay là nhiều ? Như là một, bò ăn thời hết. Nếu là nhiều sao Phật lại nói Phật tánh của chúng sanh cũng như vậy ?

Như Phật nói : Nếu có người tu tập bát thánh đạo thời được thấy Phật tánh. Lời đây chẳng đúng nghĩa, vì thánh đạo nếu là một như cỏ nhẫn nhục thời lẽ ra phải hết. Nếu thánh đạo có hết, thời một người tu xong những người khác không có phần. Thánh đạo nếu là nhiều, thời thế nào nói rằng tu tập đầy đủ, cũng chẳng được gọi là tác bà nhã trí.

_ Nầy Thiện nam tử ! Như đường bằng thẳng, tất cả chúng sanh đồng đi trên đường không chướng ngại nhau. Giữa đường có cây to bóng mát, người đi đường nghỉ ngơi dưới bóng cây. Bóng cây nầy vẫn thường như vậy, chẳng biến đổi, chẳng hư mất, cũng chẳng ai mang đi.

Đường bằng thẳng dụ cho chánh đạo, bóng mát dụ cho Phật tánh.

Ví như thành lớn chỉ có một cửa, dầu đông người đồng do một cửa nầy ra vào nhưng đều không chướng ngại, cũng không ai phá hoại hoặc mang đem đi.

Ví như cây cầu nhiều người đi trên đó cũng không chướng ngại không ai phá hoại mang đi.

Ví như lương y trị đủ các chúng bịnh, không ai cấm ngăn lương y nầy trị người đây bỏ người kia.

Thánh đạo và Phật tánh cũng như vậy.

Bạch Thế Tôn ! Những điều dụ của Phật dẫn ra đây, theo nghĩa thời chẳng phải. Vì người trước ở trên đường thời trở ngại cho người đi sau, sao lại nói là không chướng ngại. Những điều dụ khác cũng như vậy.

Thánh đạo cùng Phật tánh nếu là như vậy, thời lúc một người tu hành lẽ ra trở ngại những người khác.

Nầy Thiện nam tử ! Như lời ông vừa gạn hỏi, xét nơi nghĩa thời chẳng tương ưng. Những điều dụ của ta dẫn ra là dụ phần ít chẳng phải dụ tất cả.

Nầy Thiện nam tử ! Con đường ở đời thời có chướng ngại, kia khác với đây, không có bình đẳng. Đạo vô lậu thời chẳng như vậy, có thể làm cho chúng sanh không có chướng ngại, luôn bình đẳng không hai, không có kia đây sai khác. Thánh đạo như vậy có thể làm liễu nhơn cho Phật tánh của tất cả chúng sanh, mà chẳng làm sanh nhơn. Như ngọn đèn sáng soi rõ các đồ vật.

Nầy Thiện nam tử ! Tất cả chúng sanh đều đồng vô minh làm nhơn duyên cho hành nghiệp. Không thể nói rằng một người vô minh làm nhơn duyên cho hành nghiệp rồi những người khác lẽ ra không có. Tất cả chúng sanh đều có vô minh làm nhơn duyên cho hành nghiệp, do đây nên nói rằng mười hai nhơn duyên tất cả đều bình đẳng.

Chúng sanh tu hành đạo vô lậu cũng như vậy, đồng dứt phiền não tứ sanh, các cõi các đường, do nghĩa nầy nên gọi là bình đẳng. Những người đã chứng được, kia đây thấy biết không có chướng ngại, nên được gọi là tát bà nhã trí.

_ Bạch Thế Tôn ! Tất cả chúng sanh chẳng phải đồng một thân : Hoặc là thân người, thân súc sanh, thân ngạ quỉ, thân địa ngục, những thân sai khác như vậy tại sao nói rằng Phật tánh là một ?

_ Nầy Thiện nam tử ! Như có người để chất độc trong sữa, sữa thành lạc nhẫn đến thành đề hồ, danh tự dầu biến đổi nhưng chất độc chẳng mất, nếu uống đề hồ cũng có thể bị độc mà chết, thật ra chẳng để độc trong đề hồ.

Phật tánh của chúng sanh cũng như vậy dầu ở trong thân sai khác của năm loài, nhưng Phật tánh nầy vẫn thường trụ duy nhứt không biến đổi.

_ Bạch Thế Tôn ! trong mười sáu nước lớn, có sáu thành lớn : Thành Xá Bà Đề, thành Bà Chỉ Đa, thành Chiêm Bà, thành Tỳ Xá Ly, thành Ba La Nại, thành Vương Xá, tại sao đức Như Lai bỏ những thành lớn ấy mà đến nơi thành Câu Thi Na nhỏ hẹp xấu xa nầy để nhập Niết Bàn ?

_ Nầy Thiện nam tử ! Ông chẳng nên nói rằng thành Câu Thi Na là nhỏ hẹp xấu xa, mà nên nói rằng thành nầy có nhiều công đức trang nghiêm tốt đẹp, vì chỗ nầy là chỗ mà chư Phật và Bồ Tát thường đi đến. Như nhà của người dân hèn, nếu có vua đi qua, thời nên tán thán nhà nầy là phước đức trang nghiêm, nên nhà vua mới ngự giá đến.

Như người bịnh nặng uống chất thuốc dơ xấu, uống xong bịnh liền lành, thời nên vui mừng khen ngợi thuốc nầy là rất hay, rất tốt, chữa lành được bịnh của tôi.

Như người đi ghe ở trong biển lớn, bị ghe hư chìm nhơn ôm tử thi mà được vào bờ, đã đến bờ rồi thời nên vui mừng khen ngợi rằng tôi nhờ tử thi nầy mà được an ổn.

Thành Câu Thi Na nầy cũng như vậy, là chỗ đi của chư Phật Bồ Tát, sao ông lại nói rằng là chỗ hẹp nhỏ xấu xa.

Nầy Thiện nam tử ! Ta nhớ thuở xa xưa cách đây hằng hà sa kiếp. Kiếp ấy hiệu là Thiện Giác. Lúc đó có vị Thánh Vương họ Kiều Thi Ca, bảy báu, ngàn con đều đầy đủ. Vua nầy là người ban đầu xây dựng thành trì nơi đây, ngang rộng đều mười hai do diên, bảy báu trang nghiêm, có nhiều con sông, nước sông trong sạch nhu nhuyễn ngon ngọt : Sông Ni Liên Thiền, sông Y La Bạt Đề, sông Hy Liên Thiền, sông Y Sưu Mạc Hoàn, sông Tỳ Bà Xá Na. Tất cả có năm trăm con sông như vậy. Hai bên bờ sông cây cối rậm rạp, hoa trái sum sê. Người thời ấy sống lâu vô lượng. Vua Chuyển Luân Thánh Vương qua khỏi trăm năm bèn xướng lên rằng : Như lời Phật nói tất cả pháp đều vô thường, nếu ai có thể tu tập mười pháp lành thời dứt được sự vô thường khổ não ấy. Toàn thể nhơn dân nghe Thánh Vương truyền ra như vậy, đều phụng trì mười pháp lành. Thuở đó ta nghe danh hiệu của Phật, suy nghĩ tu tập mười pháp lành, ban đầu phát tâm vô thượng Bồ Đề. Ta phát Bồ Đề tâm rồi lại đem pháp lành nầy chỉ dạy vô lượng vô biên chúng sanh, giảng nói tất cả pháp đều vô thường biến hoại.

Do cớ trên đây nên hôm nay ta ở nơi chỗ nầy tiếp tục giảng nói các pháp đều vô thường biến hoại, chỉ có thân của Phật là pháp thường trụ. Ta nhớ việc đời trước nên đến nơi đây để nhập Niết Bàn, cũng là muốn đền đáp ơn đời trước chính tại chỗ nầy ta thật hành pháp lành phát tâm Bồ Đề. Vì thế nên trong kinh ta nói : Quyến thuộc của ta thọ ơn đều có thể báo đáp.

Nầy Thiện nam tử ! Thuở xưa lúc chúng sanh tuổi thọ vô lượng, thời thành nầy hiệu là Câu Xa Bạt Đề, ngang rộng năm mươi do diên. Thuở ấy trong Diêm Phù Đề người ở khít nhau. Có vua Chuyển Luân Thánh Vương hiệu là Thiện Kiến, thất bảo và ngàn con đều đầy đủ, cai trị khắp bốn cõi. Vị Thái Tử thứ nhứt xuất gia tu hành được thành Bích Chi Phật. Thánh Vương thấy Thái Tử của mình thành Bích Chi Phật oai đức trang nghiêm, thần thông hi hữu, liền vất bỏ ngôi vua như nhổ bỏ nước mũi dãy, xuất gia nơi rừng Ta La nầy, trải qua tám muôn năm tu tập từ tâm, tám muôn năm tu tập bi tâm, tám muôn năm tu tập hỷ tâm, tám muôn năm tu tập xả tâm.

Nầy Thiện nam tử ! Nên biết rằng Thánh Vương Thiện Kiến thuở xưa chính là thân của ta. Do đây nên ngày nay ta thường ưa thích thật hành bốn pháp nầy, bốn pháp nầy gọi là chánh định. Do nghĩa nầy nên thân Như Lai là thường , lạc, ngã, tịnh.

Nầy Thiện nam tử ! Vì cớ trên đây nên hôm nay ta đến nơi thành Câu Thi Na nầy ở trong rừng Ta La Song Thọ mà nhập tam muội chánh định.

Nầy Thiện nam tử ! Ta nhớ thuở xưa cách đây vô lượng kiếp, thành nầy hiệu là Ca Tỳ La Vệ, trong thành có vua hiệu là Bạch Tịnh, phu nhơn hiệu là Ma Da, vua chỉ có một Thái Tu tên là Tất Đạt Đa. Lúc đó Thái Tử chẳng học với Thầy, tự mình tư duy tu tập chứng được vô thượng Bồ Đề. Có hai người đệ tử : Xá Lợi Phật và Đại Mục Kiền Liên. Đệ tử thị giả tên là A Nan. Đức Thế Tôn ấy ở trong rừng Song Thọ diễn nói kinh Đại Niết bàn.

Lúc đó ta được dự pháp hội, nghe Phật nói chúng sanh đều có Phật tánh. Nghe xong ta liền được bực bất thối chuyển, liền phát nguyện rằng. Nguyện đời vị lai lúc tôi được thành Phật, cha, mẹ, cõi nước, danh hiệu, đệ tử ,thị giả, thuyết pháp giáo hóa, tất cả đều đồng như đức Thế Tôn. Do nhơn duyên phát nguyện thuở xưa, nên hôm nay ta đến nơi đây diễn nói kinh Đại Niết Bàn.

Nầy Thiện nam tử ! Lúc ta mới xuất gia chưa được vô thượng Bồ Đề, vua Tần Bà Ta La sai sứ đến thưa với ta rằng : Thái Tử Tất Đạt Đa nếu làm Thánh Vương thời tôi sẽ là hạng thần thuộc. Nếu Thái Tử xuất gia được vô

thượng Bồ Đề, xin trước đến nơi thành Vương Xá để thuyết pháp độ người và thọ sự cúng dường của tôi : Lúc đó ta yên lặng nhận lời thỉnh của vua Tần Bà Ta La.

Nầy Thiện nam tử ! Lúc ta mời được vô thượng Bồ Đề, bèn đi về hướng nước Kiệt Xà. Lúc đó nơi sông Y Liên Thiền có nhà Bà La Môn họ Ca Diếp cùng năm trăm đệ tử ở bên sông cầu đạo vô thượng. Ta vì người nầy nên đến thuyết pháp. Ca Diếp nói : Thưa Cù Đàm ! Nay tôi đã già một trăm hai mươi tuổi, trong nước Ma Già Đà, tất cả nhơn dân cùng vua Tần Bà Ta La, đều cho rằng tôi đã chứng quả A La Hán. Nếu nay tôi ở trước Cù Đàm mà nghe pháp thời tất cả mọi người sẽ sanh lòng nghi ngờ. Trông mong Cù Đàm mau đi chỗ khác. Nếu mọi người biết rõ rằng công đức của Cù Đàm hơn tôi, thời chúng tôi sẽ mất sự cúng dường.

Lúc đó ta đáp rằng : Nầy ông Ca Diếp. Nếu ông chẳng tôn trọng ta, chẳng thích ta ở đây, xin cho ta nghỉ nhờ một đêm sáng sớm sẽ đi.

Ca Diếp nói : Thưa Cù Đàm, tôi không có lòng gì khác, thật ra tôi rất kính mến Cù Đàm. Ngặt vì chỗ ở của tôi có một con rồng độc tánh nó hung dữ, sợ rằng nó làm hại Cù Đàm.

Ta nói : Ông Ca Diếp ! Độc trong các thứ độc không gì hơn ba thứ độc, nay ta đã dứt, tất cả thứ độc trong đời ta đều chẳng sợ.

Ca Diếp lại nói : Nếu Cù Đàm không sợ xin mời đến ở.

Lúc đó ta có ý vì Ca Diếp mà hiện mười tám môn thần biến. Ca Diếp cùng năm trăm đệ tử thấy thần thông nghe ta thuyết pháp đều chứng quả A La Hán.

Lúc đó Ca Diếp lại có hai người em : Già Da Ca Diếp, Na Đề Ca Diếp. Hai người nầy có năm trăm đệ tử , nghe ta thuyết pháp cũng đều chứng quả A La Hán.

Lúc đó trong thành Vương Xá, hàng lục sư ngoại đạo nghe việc nầy, liền sanh lòng rất ác đối với ta. Lúc đó ta nhận lấy lời thỉnh của vua Tần Bà Ta La đi đến thành Vương Xá. Giữa đường gặp vua cùng trăm ngàn người đón rước. Ta vì đại chúng nầy thuyết pháp. Tám muôn sáu ngàn chư Thiên cõi dục phát tâm vô thượng Bồ Đề. Mười hai muôn người đi theo vua Tần Bà Ta La được quả Tu Đà Hoàn. Vô lượng chúng sanh thành tựu nhẫn tâm.

Sau khi ta vào thành, độ ông Xá Lợi Phất và Đại Mục Kiền Liên cùng hai trăm năm mươi đệ tử của hai người, đều khiến bỏ tâm ngoại đạo theo ta xuất gia. Ta liền ở nơi thành Vương Xá nhận lấy sự cúng dường của vua Tần Bà Ta La. Hàng lục sư ngoại đạo hợp nhau qua ở nơi thành Xá Vệ.

Trong thành Xá Vệ có một Trưởng giả tu Tu Đạt Đa, nhơn việc hỏi vợ cho con nên đến thành Vương Xá, ngụ ở nhà của trưởng giả San Đàn Na. Giữa đêm Trưởng giả dạy bảo các quyến thuộc lo quét rửa trần thiết nhà cửa cùng sắm sửa những thức ăn uống.

Ông Tu Đạt Đa nghĩ rằng : Nhà nầy hoặc sắp sửa thỉnh vua, hay có lễ gả cưới hội hè gì chăng ? Ông đem ý mình nghĩ mà hỏi Trưởng giả San Đàn Na. Được biết sáng ngày sẽ thỉnh Phật cùng giáo hội chư Tăng đến phó trai.

Ông Tu Đạt Đa nghe đến danh hiệu Phật, cả mình rởn ốc, liền hỏi rằng thế nào gọi là Phật ? Trưởng giả đáp : Ông chẳng biết ư ! Thành Ca Tỳ Đàm có Thái Tử Thích Ca hiệu là Tất Đạt Đa, họ Cù Đàm, Phụ Vương là Bạch Tịnh. Lúc Thái Tử sanh ra, các nhà tướng sư bàn quyết định sẽ được làm Chuyển Luân Thánh Vương. Lớn lên Thái Tử bỏ sự giàu sang mà xuất gia, không thầy được giác ngộ chứng vô thượng Bồ Đề, hết tham, sân, si, thường trụ không biến đổi, chẳng sanh chẳng diệt, chẳng còn lo sợ. Đối với chúng sanh tâm ngài bình đẳng thương đồng như cha mẹ thương con một. Dầu cao thượng hơn tất cả mà ngài không kiêu mạn. Với người kính mến cũng như với người ghét hại, lòng ngài không phân biệt. Trí huệ thông suốt đối với tất cả pháp không chướng ngại, đầy đủ mười trí lực, bốn vô sở úy, năm trí, đại từ, đại bi và tứ niệm xứ, do đầy đủ những công đức trên đây nên hiệu là Phật. Vì sáng ngày đức Phật sẽ đến nhà tôi thọ trai nên phải rộn ràng lo sắp đặt chẳng rỗi rảnh tiếp đãi nhau.

Tu Đạt Đa nói : Lành thay ! Thưa trưởng giả ! Đức Phật thật là công đức vô thượng, hiện nay Phật ngự tại đâu ?

Trưởng giả đáp : Hiện nay Phật đang ở tại Trúc Lâm Tịnh xá nơi thành Vương Xá nầy.

Lúc đó ông Tu Đạt Đa nhứt tâm nghĩ tưởng đến công đức của chư Phật. Bổng nhiên có ánh sáng như ban ngày chiếu đến. Ông liền theo ánh sáng đi đến cửa thành, do thần lực của Phật nên cửa thành tự mở. Ra khỏi cửa thành bên đường có miếu thờ trời, ông Tu Đạt Đa vô miễu lễ cúng. Lúc đó trời tối lại như cũ, ông sanh lòng sợ sệt bèn muốn trở về nhà ngủ. Trên cửa thành có

Thiên Thần bảo Tu Đạt Đa rằng : Nếu ông đến chỗ đức Như Lai thời sẽ được nhiều lợi ích lành tốt.

Ông Tu Đạt Đa thưa với thiên thần thế nào là lợi ích lành tốt ?

Thiên Thần đáp : Nầy Trưởng giả ! Giả sử có người đem trăm xe châu báu vàng bạc cùng voi ngựa và mỹ nữ, nhà cửa chạm trổ tốt đẹp, mâm vàng đựng lúa bạc, mâm bạc đựng lúa vàng, mỗi thứ đều đủ số một trăm, đem tất cả những thứ trên đây bố thí cho một người, lần lượt bố thí khắp tất cả người trong Diêm Phù Đề. Công đức bố thí nầy chẳng bằng có người phát tâm bước một bước đến chỗ Như Lai.

Tu Đạt Đa hỏi : Ngài là ai ?

Đáp rằng : Nầy Trưởng giả ! Tôi là Thắng Tướng Bà La Môn, bạn cũ của ông. Lúc còn sống, tôi thấy ngài Xá Lợi Phất và ngài Mục Kiền Liên sanh lòng hoan hỷ cung kính, do đó được sanh làm Thái Tử của Tỳ Sa Môn Thiên Vương, có bổn phận hộ trì thành Vương Xá nầy. Chỉ do cung kính ngài Xá Lợi Phất và ngài Đại Mục Kiền Liên mà tôi còn được thân trời tốt đẹp thế nầy, huống là được thấy đức Như Lai để đảnh lễ cúng dường !

Trưởng giả Tu Đạt Đa liền thẳng đường đến chỗ Phật, từ xa thấy Phật đi kinh hành thân chiếu sáng màu vàng, ông liền đến đảnh lễ dưới chơn Phật. Lúc đó đức Phật vì ông mà thuyết pháp. Sau khi nghe pháp, Trưởng giả Tu Đạt Đa chứng đặng quả Tu Đà Hoàn. Ông lại thỉnh Phật đến thành Xá Vệ để giáo hoá mọi người.

Đức Phật hỏi : " Nước Xá Vệ của ông có Tinh Xá có thể dung nạp giáo hội của ta chăng ?" Tu Đạt Đa thưa : " Nếu đức Phật xót thương hứa khả, tôi xin tận lực về nước lo xây dựng. Ông lại bạch cùng Phật từ nào tới giờ tôi chưa hiểu cách thức kiến trúc Tinh Xá. Mong đức Phật cử một vị đến Xá Vệ chỉ bày cách thức cho.

Đức Phật liền sai ngài Xá Lợi Phất theo Trưởng giả Tu Đạt Đa qua thành Xá Vệ.

Về đến Xá Vệ, Trưởng giả Tu Đạt Đa thỉnh ngài Xá Lợi Phất chọn khu đất xứng đáng để lập Tinh Xá. Ngài Xá Lợi Phất chọn được khu vườn của Kỳ Đà Thái Tử. Trưởng giả Tu Đạt Đa liền vào cung thưa với Thái Tử xin nhường khu vườn ấy để mình lập Tinh Xá thỉnh Phật về ở.

Thái Tử đáp rằng : Tôi không bán vườn, hoặc giả có đem vàng lót khắp mặt đất ta sẽ đổi cho.

Trưởng giả Tu Đạt Đa mừng rỡ thưa rằng : " Khu vườn ấy sẽ thuộc về tôi, Thái Tử sẽ lấy vàng."

Thái Tử nói ta không bán vườn.

Trưởng giả Tu Đatĩ Đa thưa nếu Thái Tử không bằng lòng xin đến quan đoán sự để giải quyết.

Quan đoán sự bảo rằng : " Cứ theo lời của Thái Tử và Trưởng giả giao ước với nhau thời vườn thuộc về Trưởng giả, Thái Tử lấy vàng."

Trưởng giả Tu Đạt Đa liền cho voi ngựa chở vàng đến lót, trong một ngày lót gần khắp cả vườn chỉ còn năm trăm bước.

Thái Tử nói : " Nếu Trưởng giả hối hận thời tùy ý trả vườn lại tôi".

Trưởng giả thưa : " Tôi chẳng hối hận, tôi đương suy nghĩ coi kho vàng nào đủ lót khoảng đất còn lại.

Thái Tử nghĩ rằng : " Có lẽ đức Phật thiệt là đấng Pháp vương vô thượng, nên khiến ông nầy không tiếc vàng như vậy. Thái Tử liền bảo Trưởng giả Tu Đạt Đa thôi đừng đem vàng lót nữa, tôi xin dâng hết đất vườn, và tự xây dựng cửa ngõ lầu, để đức Như Lai thường do nơi đó mà ra vào.

Sau đó Thái Tử Kỳ Đà xây dựng cửa ngõ lầu. Trưởng giả Tu Đạt Đa trong bảy ngày dựng xong ba trăm căn phòng lớn, sáu mươi ba tòa thiền, phòng tịch tịnh, cùng nhà mùa đông, nhà mùa hạ, nhà trù, nhà tắm, chỗ rửa chân, nhà đại tiểu tiện, tất cả cơ sở đều đầy đủ. Trưởng giả tay bưng lư hương quỳ hướng về thành Vương Xá mà bạch rằng : Tinh Xá xây dựng đã xong, ngưỡng mong đức Như Lai xót thương vì chúng sanh mà nhận ở nơi Tinh Xá nầy.

Lúc đó đức Phật ở thành Vương Xá rõ biết tâm niệm của Trưởng giả Tu Đạt Đa, liền cùng đại chúng rời thành Vương Xá đến nước Xá Vệ. Trưởng giả đem tất cả giường nhà đã xây dựng phụng thí nơi Phật. Phật nhận lấy rồi cùng chúng tăng ở lại Tịnh xá Kỳ Hoàn.

Lúc đó hàng lục sư ngoại đạo sanh lòng tật đố, họp nhau đến ra mắt vua Ba Tư Nặc mà tâu rằng : " Tâu Đại Vương, dất nước của Đại Vương nhàn tịnh bằng thẳng, thiệt đáng chỗ cho người xuất gia ở tu, nên chúng tôi mới đến cư ngụ. Đại Vương đem phép nước cai trị ngăn trừ sự tai hoạn cho nhơn dân. Nay có Sa Môn Cù Đàm tuổi đã nhỏ. Học lực lại kém, đạo thuật không có gì, nay đến ở nơi thành Xá Vệ nầy, dùng ảo thuật phỉnh gạt nhơn dân, nói rằng các pháp đều vô thường, là khổ , là không, là vô ngã, là không tác giả, là không thọ giả. Trong kinh của đạo chúng tôi có đoạn nói rằng qua khỏi ngàn năm có một người yêu thuật huyễn hóa ra đời : Lời trên đây chính là ứng chỉ Sa Môn Cù Đàm vậy. Cúi mong Đại Vương cho phép chúng tôi cùng Sa Môn Cù Đàm so sánh đạo lực. Nếu Cù Đàm hơn chúng tôi, chúng tôi sẽ qui thuộc về Cù Đàm. Nếu chúng tôi hơn Cù Đàm, thời họ phải qui thuộc về chúng tôi.

Vua bảo : " Nầy các Đại Đức ! Các ông đều có phương pháp tu hành riêng, có chỗ ở riêng. Tôi biết chắc rằng đức Như Lai không làm trở ngại các ông.

Sáu nhà ngoại đạo tâu rằng : " Tâu Đại vương ! Sa Môn Cù Đàm đối với chúng tôi có nhiều sự trở ngại, họ dùng ảo thuật gạt gẫm dụ dỗ nhơn dân, làm cho mọi người qui phục theo họ đã hết. Xin Đại vương theo lẽ công bình cho phép chúng tôi cùng sa Môn Cù Đàm so sánh đạo lực.

Vua nói : " Nầy các Đại Đức ! Bởi các ông chưa biết đạo lực thần thông cao cả của đức Như Lai nên mới nài so sánh. Sợ rằng các ông chẳng bằng được.

_ Tâu Đại Vương ! Nay có lẽ Đại Vương đã mắc ảo thuật của Sa Môn Cù Đàm. Ngưỡng mong Đại Vương xét kỹ lại, chấp thuận lời yêu cầu của chúng tôi.

_ Được lắm ! Được lắm ! Ta chấp thuận lời yêu cầu của các ông

Sáu nhà ngoại đạo cùng đồ chúng vui mừng tạ ơn vua mà lui về.

Vua Ba Tư Nặc liền xa giá đến lễ Phật và bạch rằng : " Thế Tôn ! Vừa rồi sáu nhà ngoại đạo yêu cầu tôi cho phép so đạo lực với đức Như Lai, tôi mạn phép đã hứa với họ."

Phật nói : " Lành thay ! Lành thay ! Nầy Đại Vương ! Chỉ có điều là nên ở trong nước nầy tạo lập thêm Tinh Xá. Vì nếu ta cùng họ so sánh đạo lực thần

thông , thời trong chúng của họ tất sẽ có nhiều người qui phục theo ta, Tinh Xá Kỳ Hoàn nầy không đủ chỗ để dung nạp.

Lúc đó, đức Phật vì muốn điều phục sáu phái ngoại đạo, nên trong mười lăm ngày hiện đại thần thông. Vô lượng chúng sanh do đây mà phát tâm vô thượng Bồ Đề, vô lượng chúng sanh qui tín ngôi Tam Bảo. Đồ chúng của sáu nhà ngoại đạo, vô lượng người bỏ tâm tà kiến, xuất gia theo chánh pháp. Vô lượng chúng sanh được bất thối đạo vô thượng Bồ Đề. Vô lượng chúng sanh được Đà La Ni cùng chánh định. Vô lượng chúng sanh chứng quả Tu Đà Hoàn đến quả A La Hán.

Lúc đó sáu nhà ngoại đạo hổ thẹn dắt nhau qua thành Bà Chỉ Đa để truyền giáo.

Lúc đó, đức Phật lên cung trời Đao Lợi an cư nơi cây Ba Lợi Chất Đa, để vì mẹ và chư thiên mà thuyết pháp.

Sáu nhà ngoại đạo hay tin mừng lắm, chia nhau đi truyền rao rằng : Nay thật là hân hạnh, nhà ảo thuật Cù Đàm đã diệt mất. Họ khuyến dụ vô số người tin theo tà kiến.

Vua Tần Bà Ta La, vua Ba Tư Nặc và bốn bộ chúng thưa ngài Đại Mục Kiền Liên rằng : Bạch Đại Đức ! Nay cõi Diêm Phù Đề nầy tà kiến thạnh hành, chúng sanh đi vào chỗ tối tăm, thật đáng thương xót. Ngưỡng mong Đại Đức lên cung trời đảnh lễ Thế Tôn , thay lời chúng tôi bạch cùng đức Phật : Như con nghé mới sanh, nếu không nhờ sữa trâu mẹ chắc sẽ phải chết, chúng tôi và mọi người cũng như vậy. Ngưỡng mong đức Như Lai thương xót chúng sanh mà trở về.

Đại Mục Kiền Liên yên lặng hứa khả, như trong khoảng co duỗi cánh tay của đại lực sĩ, ngài đã lên đến cung trời Đao Lợi bạch Phật rằng : “ Thế Tôn ! Tứ chúng trong cõi Diêm Phù Đề khao khát được thấy Phật và được nghe pháp của đức Như Lai. Vua Tần Bà Ta La, vua Ba Tư Nặc và đại chúng đồng đảnh lễ đức Như Lai. Hiện nay chúng sanh trong cõi Diêm Phù Đề mê theo tà kiến, đi trong bóng tối tăm thật đáng thương xót, như con nghé mới sanh, nếu rời sữa mẹ chắc sẽ phải chết, chúng tôi cũng như vậy. Ngưỡng mong đức Như Lai vì thương xót chúng sanh mà trở lại Diêm Phù Đề.

Phật bảo : “ Ông mau trở về bảo các Quốc Vương và bốn bộ chúng rằng : Sau bảy ngày đức Phật sẽ trở xuống. Vì sáu nhà ngoại đạo, đức Phật sẽ đến nơi thành Bà Chỉ Đa.

Qua bảy ngày, đức Phật cùng Đế Thích, Phạm Vương, với vô lượng chư thiên rời cung trời xuống đến thành Bà Chỉ Đa. Đức Phật tuyên rằng : Chỉ trong Phật pháp mới thiệt có Sa Môn và Bà La Môn. Tất cả các pháp là vô thường, vô ngã, Niết Bàn tịch tịnh rời những lỗi ác, nếu nói giáo pháp khác cũng có Sa Môn và Bà La Môn, có thường, có ngã có Niết Bàn đó thời không bao giờ đúng.

Khi Phật tuyên những lời như trên, vô lượng vô biên chúng sanh phát tâm vô thượng Bồ Đề.

Sáu nhà ngoại đạo bảo nhau rằng : " Nếu trong giáo pháp của chúng ta thiệt không có Sa Môn và Bà La Môn, tại sao lại được người đời cúng dường. Bấy giờ sáu nhà ngoại đạo lại tựu hội đồ chúng đi đến thành Tỳ Xá Ly.

Một thời gian sau, đức Phật đến thành Tỳ Xá Ly ở trong rừng cây Am La.

Hay tin đức Phật ở trong rừng nầy, nàng Am La muốn đến ra mắt đức Phật.

Lúc đó đức Phật bảo các Tỳ Kheo : " Các ông phải quán Tứ Niệm Xứ, khéo tu trí huệ, phải tinh tấn , chớ phóng dật.

Thế nào gọi rằng quán Tứ niệm xứ ? Nếu có Thầy Tỳ Kheo quan sát trong thân mình chẳng thấy ngã, chẳng thấy ngã sở, quan sát ngoài thân và quan sát cả trong thân ngoài thân, đều chẳng thấy có ngã và ngã sở. Quan sát thọ, tâm và pháp cũng như vậy. Đây gọi là quan sát niệm xứ.

Thế nào gọi là tu tập trí huệ ? Nếu có Thầy Tỳ Kheo chơn thật thấy tứ đế lý : Khổ tập diệt đạo, đây gọi là Thầy Tỳ Kheo tu tập trí huệ.

Thế nào gọi là tâm chẳng phóng dật ? Nếu có Thầy Tỳ Kheo niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm Giới, niệm Xả, niệm Thiên. Đây gọi là Thầy Tỳ Kheo tâm chẳng phóng dật.

Bấy giờ nàng Am La đến đảnh lễ và đi nhiễu Phật ba vòng, rồi ngồi qua một bên.

Đức Phật vì nàng Am La mà giảng nói chánh pháp. Nàng Am La sau khi nghe pháp liền phát tâm vô thượng Bồ Đề. Lúc đó trong thành Tỳ Xá Ly, có năm trăm Lê Xa Tử, đồng đến chỗ Phật đảnh lễ đi nhiễu, rồi ngồi qua một bên.

Đức Phật vì hàng Lê Xa Tử mà thuyết pháp rằng : Nầy các Thiện Nam Tử ! Luận về người phóng dật có năm kết quả không tốt ; Một là chẳng được của cải tự tại, hai là tiếng xấu truyền xa, ba là chẳng thích bố thí cho người nghèo thiếu, bốn là chẳng thích thấy bốn bộ chúng, năm là chẳng đặng thân chư Thiên. Nầy các Thiện Nam Tử ! Do nơi chẳng phóng dật có thể sanh ra pháp lành thế gian và xuất thế gian. Nếu có người muốn được vô thượng Bồ Đề nên phải siêng năng tu hạnh chẳng phóng dật.

Luận về người phóng dật lại còn có mười ba quả báo : Một là thích vì đời mà làm lụng, hai là thích nói những lời vô ích, ba là thường thích nằm lâu ngủ nhiều, bốn là thích nói việc đời, năm là thích gần gũi bạn ác, sáu là thích biếng lười, bảy là thường bị người khác khinh dể, tám là dầu có học hỏi liền quên mất, chín là thích ở nơi biên địa, mười là chẳng thể điều phục các căn, mười một là ăn chẳng biết đủ, mười hai là chẳng thích vắng vẻ, mười ba là chỗ thấy biết chẳng chơn chánh.

Nầy các Thiện Nam Tử ! Luận về người phóng dật dầu được gần Phật và Thánh chúng, nhưng vẫn là cách xa.

Các Lê Xa Tử bạch rằng : " Chúng tôi tự biết mình là người phóng dật. Vì nếu chúng tôi chẳng phóng dật, đấng Như Lai Pháp Vương sẽ ra đời trong cõi nước của chúng tôi.

Lúc đó trong đại hội có nhà Bà La Môn tên là Vô Thắng nói với các Lê Xa Tử rằng : " Phải lắm ! Đúng như lời các ông nói . Vua Tần Bà Ta La được lợi ích lớn, vì đức Như Lai Thế Tôn xuất hiện trong cõi nước đó. Như trong ao lớn mọc lên hoa sen đẹp, hoa sen dầu mọc trong nước, nhưng nước chẳng vấy lấm được.

Đức Phật cũng như vậy, dầu xuất hiện trong nước kia mà chẳng bị pháp thế gian làm trở ngại.

Chư Phật không có xuất hiện, nhưng vì chúng sanh mà xuất hiện ra đời, chẳng bị pháp thế gian làm trệ ngại.

Các ông tự mê tham đắm nơi ngũ dục, chẳng biết gần gũi đức Như Lai để nghe pháp, do đó nên gọi là hạng người phóng dật. Chẳng phải đức Phật xuất hiện nơi nước Ma Già Đà mà gọi các ông là người phóng dật. Vì đức Như Lai như mặt trời, mặt trăng kia, chẳng phải vì một người hai người mà xuất hiện ra đời.

Năm trăm Lê Xa Tử nghe ông Đức Vô Thắng Bà La Môn nói những lời như trên, liền phát tâm vô thượng Bồ Đề. Đồng tiếng tán thán rằng : Lành thay ! Lành thay ! Vô Thắng đồng tử nói những lời rất lành, rất hay như vậy. Các Lê Xa Tử mỗi người cổi y đang đắp trên thân đem cúng thí cho Vô Thắng.

Vô Thắng nhận lấy đem dâng lên Phật, bạch rằng : " Thế Tôn ! Những y nầy tôi nhận lấy của hàng Lê Xa Tử, xin dâng lên đức Thế Tôn. Ngưỡng mong đức Thế Tôn vì thương xót chúng sanh mà nạp thọ.

Đức Phật mở lòng từ bi liền lãnh lấy những y ấy.

Các Lê Xa Tử đồng chắp tay bạch rằng ngưỡng mong đức Như Lai an cư nơi nước nầy một mùa, và nhận sự cúng dường của chúng tôi. Đức Phật yên lặng nhận lời thỉnh cầu của Lê Xa Tử.

Lúc đó, sáu nhà ngoại đạo nghe được việc nầy, thầy trò kéo nhau đi qua thành Ba La Nại.

Đức Phật lại đi qua thành Ba La Nại ở bên bờ sông Ba La.

Nơi thành Ba La Nại có vị Trưởng giả tên là Bửu Xưng, ông nầy say mê ngũ dục chẳng biết lý vô thường. Do Phật đến ở,Trưởng giả Bửu Xưng tự nhiên chứng được bạch cốt quán : Tự thấy nhà cửa, điện đường, vợ con, quyến thuộc, tôi tớ, đều toàn là những bộ xương trắng. Lòng ông kinh sợ như sợ dao, rắn độc, giặc cướp, lửa. Ông liền ra khỏi nhà, thẳng đến chỗ Phật. Dọc đường, luôn miệng kêu rằng : Sa Môn Cù Đàm ! Nay tôi như là bị giặc rượt đuổi, lòng tôi quá kinh sợ, xin mau cứu tôi !

Phật bảo Trưởng giả : " Nầy Thiện Nam Tử ! Phật pháp và chúng Tăng vẫn an onả, không sự lo sợ ".

Trưởng giả bạch rằng : " Nếu trong Tam Bảo không sự kinh sợ, nay tôi cũng sẽ được không kinh sợ."

Đức Phật liền cho Trưởng giả xuất gia tu hành.

Trưởng giả nầy lại có năm mươi người bạn thân, nghe tin Trưởng giả Bửu Xưng nhàm chán dục lạc trong đời mà xuất gia, liền cùng nhau đồng xuất gia.

Sáu nhà ngoại đạo nghe việc nầy, liền dắt đồ chúng đi qua thành Chiêm Bà.

Lúc đó tất cả nhân dân trong nước Chiêm Bà đều cùng nhau phụng sự sáu nhà ngoại đạo, họ chưa từng nghe danh hiệu của Phật, Pháp, Tăng, phần đông gây tạo những nghiệp rất ác.

Đức Phật vì chúng sanh nên lại đi qua thành Chiêm Bà.

Trong thành nầy có vị đại Trưởng gỉa không con nối giòng, bèn phụng thờ sáu nhà ngoại đạo để cầu con. Thời gian sau vợ trưởng giả có thai. Trưởng giả vui mừng đến thưa với sáu nhà ngoại đạo : Vợ tôi có thai là nam hay nữ ?

Sáu nhà ngoại đạo đáp rằng : " Chắc chắn sẽ sanh con gái".

Trưởng giả nghe lời nầy sanh lòng sầu não. Thân hữu hỏi Trưởng giả : " Cớ sao ông quá sầu não như vậy ?"

Trưởng giả đáp vợ tôi có thai chưa biết là nam hay nữ nên tôi đến hỏi lục sư, các ngài bảo chắc chắn là con gái. Tôi tự nghĩ tuổi đã già, sự nghiệp to lớn, tài sản vô lượng. Nếu không phải con trai thời không người giao phó. Do đây nên tôi sầu não.

Thân hữu nói rằng : " Ông không có trí huệ, ngày trước ông cũng đã nghe rằng ba anh em Ưu Lâu Tần Loa Ca Diếp là đệ tử của ai ? Đệ tử của Phật hay đệ tử của lục sư ? Nếu lục sư là bực nhứt thiết trí, sao ba anh em Ca Diếp bỏ họ mà làm đệ tử của Phật ? Lại Xá Lợi Phất, Đại Mục Kiền Liên, các vị Quốc Vương như Tần Bà Ta La, các vị phu nhơn như Bà Mạt Lợi, các vị đại Trưởng giả như ông Tu Đạt Đa, những người ấy chẳng phải là đệ tử của Phật ư ?

Khoáng Dã quỉ thần, vua A Xà Thế, Voi say, Ươn Quật Ma La ác tâm muốn hại mẹ, những người nầy há chẳng phải nhờ đức Phật điều phục ư ?

Đức Như Lai Thế Tôn biết rõ tất cả Pháp không bị chướng ngại nên hiệu là Phật. Lời nói ra duy nhứt, không dời đổi, nên hiệu là Như Lai. Dứt hết phiền não nên gọi là A La Hán. Đức Thế Tôn phàm có nói ra trọn không sai. Lục sư chẳng phải như vậy, đâu đáng tin được.

Nay đức Như Lai đang ở nước nầy gần nơi đây, nếu ông muốn biết sự thiệt thời nên đến Phật.

Lúc đó Trưởng giả cùng thân hữu đến chỗ Phật đảnh lễ đi nhiễu ba vòng, rồi quì chấp tay bạch rằng : " Đức Thế Tôn đối với chúng sanh bình đẳng không oán không thân. Tôi còn bị tham ái ràng buộc, nay muốn hỏi đức Thế Tôn một việc, nhưng tự mình hổ thẹn chưa dám nói ra.

Bạch Thế Tôn ! Vợ tôi có thai, lục sư bảo rằng chắc chắn là con gái. Xin đức Phật phán việc ấy thế nào ?"

Phật nói : " Nầy Trưởng giả, vợ ông có thai quyết định là trai, đứa trẻ nầy sau khi sanh ra thời phước đức không ai bằng."

Trưởng giả nghe lời Phật dạy vui mừng làm lễ tạ đức Phật mà trở về nhà.

Sáu nhà ngoại đạo nghe Phật huyền ký vợ Trưởng giả quyết định sẽ sanh con trai có phước đức lớn, lòng họ ganh ghét, họ liền lấy trái Am La tẩm thuốc độc, rồi mang đến nhà biếu Trưởng giả mà nói rằng : Tốt thay ! Ông Cù Đàm bàn điều ấy rất hay. Gần ngày sanh vợ ông nên uống thuốc nầy sẽ bảo đảm cho mẹ cùng con lúc sanh sản không bịnh hoạn.

Trưởng giả mừng lắm nhận lấy thuốc của lục sư cho vợ uống. Uống xong vợ Trưởng giả trúng độc mà chết.

Lục sư vui mừng chia nhau đi khắp trong thành truyền rao rằng : Sa Môn Cù Đàm tự khoe là nhứt thiết trí, nói vợ Trưởng giả sẽ sanh con trai phước đức không ai sánh bằng, nay con chưa sanh mà mẹ đã chết.

Trưởng giả lại đối với Phật mất cả lòng tin. Ông liền theo nghi lễ thế gian tẩn liệm thây vợ, rồi đưa ra ngoài thành chất củi để thiêu.

Do đạo nhãn thấy rõ việc nầy, đức Phật bảo A Nan đem y đến cho Phật đắp và bảo rằng : Ta muốn đến chỗ hỏa táng để trừ dứt tà kiến cho chúng sanh.

Lúc đó Tỳ Sa Môn Thiên Vương bảo Thiên tướng là Na Ni Bạt Đà rằng : Nay đức Như Lai muốn đến khu gò mã, khanh phải mau đến đó sửa sang quét tước trải tòa sư tử, rải những hoa đẹp hương thơm, trần thiết trang nghiêm chỗ ấy.

Lục sư thấy Phật đàng xa đi đến họ bảo nhau rằng : Sa Môn Cù Đàm đến trong gò mã nầy hoặc giả muốn ăn thịt ư !

Lúc bấy giờ nơi ấy có nhóm Ưu Bà Tắc chưa chứng được pháp nhãn, nghe lời nói của lục sư thời đều hổ thẹn cùng nhau đón Phật bạch rằng : Vợ của Trưởng giả đã chết, xin Thế Tôn chớ đến đó.

A Nan liền nói với các vị Ưu Bà Tắc : " Các ông chờ giây lát, đức Như Lai sẽ hiển bày cảnh giới của chư Phật.

Phật đến gò mả lên ngồi tòa Sư Tử.

Trưởng giả đến trước Phật trách rằng : " Bực nhứt thiết trí lời nói ra đúng sự thật không sai mới đáng gọi là Thế Tôn. Nay mẹ thời đã chết mất làm sao sanh được con trai phước đức ?"

Phật bảo Trưởng giả : "Hôm trước ông chẳng hỏi tôi về sự chết sống của bà mẹ. Chỉ hỏi có thai là trai hay gái.

Chư Phật Như Lai phàm lời nói ra đúng thật không sai, do đây nên phải biết rằng ông quyết định sẽ được con trai phước đức.

Lúc đó lửa thiêu tử thi bụng nứt ra, có đứa trẻ trai từ trong bụng lọt ra ngồi ngay thẳng trong lửa như chim Oan Ương đậu trên gương sen.

Lục sư ngó thấy lại to tiếng la lên rằng : " Sa Môn Cù Đàm là yêu quái khéo làm aỏ thuật."

Trưởng giả vui mừng quở trách lục sư : Nếu cho là ảo thuật tại sao các ông chẳng làm. Phật liền bảo Kỳ Bà : "Ông vào trong lửa bồng đứa bé lại đây."

Kỳ Bà đi đến gần đống lửa, lục sư lật đật đi đến kéo lại nói rằng : " Sa Môn Cù Đàm làm ảo thuật chưa ắt là luôn được hoàn toàn, nếu ông vào trong lửa e không khỏi bị hại. Sao ông lại quá tin lời của Cù Đàm.

Kỳ Bà đáp rằng : " Giả sử đức Như Lai ra vào địa ngục A Tỳ, lửa dữ trong địa ngục còn không đốt cháy được huống là lửa trong thế gian.

Lúc đó Kỳ Bà đi thẳng vào trong đống lửa như vào trong nước mát mẻ, bồng đứa trẻ trở ra đến chỗ Phật, hai tay trao đứa trẻ cho Phật.

Đức Phật tiếp lấy đứa trẻ mà bảo Trưởng giả rằng : " Tất cả chúng sanh thọ mạng chẳng quyết định như bóng nước nổi trên mặt nước. Nếu chúng sanh

không có nghiệp quả sâu nặng thời lửa chẳng cháy được, độc chẳng hại được. Phước đức của trẻ nầy chẳng phải là ta làm ra.

Trưởng giả bạch rằng : " Lành thay ! Bạch Thế Tôn ! Ngưỡng mong đức Như Lai đặt tên cho nó". Đức Phật nói : Nầy Trưởng giả ! Trẻ nầy sanh ở trong đống lửa lớn, lửa gọi là thọ đề, nên đặt tên cho nó là Thọ Đề."

Lúc đó quần chúng hiện diện nghe và thấy việc nầy vô lượng người phát tâm vô thượng Bồ Đề.

Sau đó sáu nhà ngoại đạo kéo nhau đi khắp cả sáu nước lớn không chỗ nào ở yên được, họ lại đến nơi thành Câu Thi Na, họ chia nhau đi truyền rao rằng : Mọi người nên biết rằng Sa Môn Cù Đàm là nhà đại ảo thuật, phỉnh gạt trong thiên hạ khắp hết sáu nước lớn. Như nhà ảo thuật hoá làm bốn đạo binh chiến xa, chiến mã, voi trận, bộ binh. Lại biến hoá làm các thứ châu báu, cung điện, thành trì, sông ngòi , cây cối. Sa Môn Cù Đàm cũng như vậy, huyễn hóa làm ra thân vua để thuyết pháp, hoặc biến làm Sa Môn, Bà La Môn, biến làm thân nam, người nữ, thân nhỏ, thân lớn, hoặc biến làm thân súc sanh quỉ thần, hoặc nói vô thường, hoặc nói thường trụ, có lúc nói là khổ, có lúc nói là vui, hoặc nói có ngã, hoặc nói không ngã, có tịnh, không tịnh, lúc thời nói có lúc lại nói không, đó là những lời hư vọng nên gọi là ảo thuật.

Như nhơn hột giống mà có trái, Sa Môn Cù Đàm cũng như vậy, do bà Ma Da sanh ra, mẹ đã là huyễn ảo thời con không thể chẳng phải là huyễn ảo. Sa Môn Cù Đàm không có tri kiến chơn thật. Các vị Bà La Môn trải qua nhiều năm tu tập khổ hạnh giữ gìn cấm giới còn tự nói rằng chưa có tri kiến chơn thật. Huống là Cù Đàm tuổi còn trẻ, học lực cạn cợt, chẳng tu khổ hạnh, làm sao có được tri kiến chơn thật, nếu có thể khổ hạnh đủ bảy năm còn chẳng phải là nhiều, huống là Cù Đàm tu tập khổ hạnh chẳng đầy sáu năm. Có người ngu vô trí mới tin học theo giáo pháp của Cù Đàm. Như nhà huyễn thuật phỉnh gạt người ngu, Sa Môn Cù Đàm cũng như vậy. Sáu nhà ngoại đạo ở trong thành Câu Thi Na nầy làm cho chúng sanh thêm nhiều tà kiến.

Phật bảo Sư Tử Hống Bồ Tát : " Ta thấy việc như vậy sanh lòng xót thương, nên dùng thần lực triệu thỉnh các vị Bồ Tát ở mười phương vân tập trong rừng nầy chật cả bốn mươi do diên. Nay ở nơi đây ta hiện đại Sư Tử Hống.

Ở nơi chỗ trống trải vắng vẻ dầu có thuyết pháp nhiều cũng chẳng được gọi là Sư Tử Hống. Ở trong đại chúng toàn bực trí huệ như đây mà thuyết pháp mới được gọi là chơn thật đại Sư Tử Hống.

Sư Tử Hống là thuyết minh tất cả pháp đều vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh. Chỉ nói Như Lai là thường, lạc, ngã, tịnh.

Lục sư lại nói rằng : Nếu Cù Đàm có ngã ta cũng có ngã. Chỗ nói là ngã đó : Cái thấy gọi là ngã.

Nầy Cù Đàm ! Ví như có người hướng trong đây thấy đồ vật, ngã cũng như vậy. Hướng là dụ cho con mắt, người thấy dụ cho ngã.

Phật bảo lục sư : " Nếu nói cái thấy gọi là ngã, thời không đúng nghĩa. Vì điều dụ của các ông vừa dẫn ra nhơn hướng mà thấy, người ở một hướng, sáu căn đều có tác dụng. Nếu quyết định có ngã nhơn nơi con mắt mà thấy, sao lại chẳng như trong một nhãn căn kia đều nhận biết các trần cảnh ? Nếu trong một căn chẳng thể đồng thời nghe cả sáu trần, phải biết rằng đó là không có ngã. Điều dụ hướng thấy vật, dầu trãi qua trăm năm, người thấy nhơn nơi đó chỗ thấy vẫn không khác. Nhãn căn nếu như vậy, đến lúc tuổi già mắt kém lẽ ra không khác. Người cùng hướng khác nhau, thấy trong thấy ngoài, nhãn căn nếu như vậy lẽ ra cũng trong ngoài đồng một thời đều thấy. Nếu là chẳng thấy, sao lại có ngã.

Lục sư lại nói rằng : " Nầy Cù Đàm ! Nếu không có ngã, thời ai có thể thấy ? Phật nói có sắc, có ánh sáng, có tâm, có nhãn căn, bốn duyên nầy hòa hiệp nên gọi là có thấy. Trong đây thiệt không có người thấy người thọ. Vì điên đảo nên chúng sanh cho là có người thấy có kẻ thọ. Do nghĩa nầy nên tất cả chúng sanh chỗ thấy biết đều điên đảo, chỗ thấy biết của chư Phật và Bồ Tát là chơn thật.

_ Nầy Lục sư ! Nếu nói rằng sắc là ngã thời cũng chẳng phải. Vì sắc thiệt cũng chẳng phải là ngã. Sắc nếu là ngã lẽ ra chẳng nên có hình dạng xấu xa. Cớ sao lại có bốn tánh sai khác, chẳng đồng một dòng Bà La Môn ư ? Sao lại có kẻ nô lệ chẳng tự do ? Có người tàn tật, lúc sanh ra căn thân chẳng đầy đủ ? Cớ sao chẳng làm thân chư thiên, mà lại thọ thân địa ngục, súc sanh, ngạ quỉ ? Nếu chẳng có thể tùy ý để làm ra thân, nếu biết rằng quyết định là không có ngã. Do vì không ngã nên gọi là vô thường,. Vì vô thường nên phải khổ. Vì khổ nên là rỗng không. Vì rỗng không nên điên đảo. Vì điên đảo nên tất cả chúng sanh lưu chuyển trong vòng sanh tử.

Như sắc, thọ tưởng hành và thức cũng vậy.

Nầy Lục sư, Đức Như Lai Thế Tôn dứt hẳn sự ràng buộc của sắc cũng như dứt hẳn sự ràng buộc của thức v.v…, vì thế nên Như Lai gọi là thường, lạc, ngã, tịnh.

Lại sắc chính là nhơn duyên. Nếu đã là nhơn duyên thời gọi là vô ngã. Nếu là vô ngã thời gọi là khổ không.

Thân của Như Lai chẳng phải nhơn duyên. Vì chẳng phải nhơn duyên nên gọi là có ngã. Nếu có ngã thời chính là thường, lạc, ngã, tịnh.

Lục sư lại nói : " Nầy Cù Đàm ! Sắc chẳng phải ngã nhẫn đến thức cũng chẳng phải ngã, thế thì ngã khắp tất cả chỗ như hư không.

Phật nói : " Nếâu khắp mọi chỗ đều có ngã, thời lẽ ra chẳng nên nói rằng : Trước kia tôi chẳng thấy. Nếu trước kia chẳng thấy, thời biết rằng sự thấy nầy trước không nay có, nên gọi là vô thường. Nếu gọi là vô thường sao lại nói là khắp được.

Nếu ngã là khắp tất cả chỗ đều có, lẽ ra phải có đủ tất cả thân trong năm loài. Nếu có đủ thân, thời lẽ ra đều thọ báo. Nếu đã đều thọ báo, sao lại nói rằng trở lại thọ thân người thân trời …?

Các ông nói ngã là khắp đó, thời ngã là một hay là nhiều ?

Ngã nếu là một thời lẽ ra không có cha con, kẻ thù người thân. Ngã nếu là nhiều, căn thân của tất cả chúng sanh lẽ ra đều đồng như nhau, bao nhiêu những việc làm và trí huệ lẽ ra cũng đồng như vậy, nếu đồng như nhau, sao lại nói rằng có người thân căn đầy đủ, có người thiếu kém tàn tật, nghiệp lành nghiệp ác, kẻ ngu người trí khác nhau ?"

_ Nầy Cù Đàm ! Ngã của chúng sanh không có ngằn mé, pháp cùng phi pháp thời có chừng ngằn. Chúng sanh thật hành đúng pháp thời được thân tốt đẹp. Nếu chúng sanh thật hành phi pháp thời mang thân xấu xa. Do nghĩa nầy nên nghiệp quả của chúng sanh chẳng được không sai khác.

_ Nầy Lục sư !Nếu pháp cùng phi pháp là như vậy thời ngã chẳng cùng khắp. Nếu ngã là cùng khắp thời lẽ ra đều đến tất cả. Nếu ngã đều đến tất cả thời người thật hành pháp lành lẽ ra cũng có ác, người thật hành điều ác lẽ ra cũng có lành. Nếu không như vậy sao lại nói rằng ngã là cùng khắp.

_ Nầy Cù Đàm ! Như trong một nhà thắp trămngàn ngọn đèn, mỗi ngọn đèn tự chiếu sáng chẳng trở ngại nhau. Ngã của chúng sanh cũng như vậy, thật hành điều lành điều ác chẳng xen lộn nhau.

_ Nầy Lục sư ! Nếu các ông nói rằng ngã như ngọn đèn thời không đúng nghĩa. Vì ánh sáng ngọn đèn kia theo duyên mà có, ngọn đèn thêm lớn thời ánh sáng cũng thêm nhiều. Ngã của chúng sanh chẳng phải như vậy. Ánh sáng từ ngọn đèn chiếu ra, chỗ của ánh sáng khác chỗ với ngọn đèn. Ngã của chúng sanh chẳng được từ nơi thân mà ra ở nơi chỗ khác. Áng sáng của ngọn đèn kia ở chung chỗ với bóng tối, vì như trong căn nhà tối, lúc thắp một ngọn đèn chiếu chẳng sáng tỏ, thắp nhiều ngọn đèn thời được tỏ sáng. Nếu ngọn đèn ban đầu phá hết bóng tối thời lẽ ra chẳng cần đến ngọn đèn sau. Nếu cần phải nhờ ngọn đèn sau mới hết bóng tối, thời nên biết rằng áng sáng của ngọn đèn ban đầu cùng ở chung chỗ với bóng tối.

_ Nầy Cù Đàm ! Nếu là không có ngã thời ai làm lành làm ác ?

_ Nếu là ngã tạo tác thời sao lại gọi là thường ? Nếu ngã là thường, tại sao có lúc làm lành, có lúc lại làm ác ? Nếu cho rằng có lúc làm lành, có lúc làm ác, tại sao lại nói rằng ngã không ngằn mé. Nếu là ngã tạo tác, cớ chi lại tập làm điều ác. Nếu như ngã là tác giả, là tri giả, cớ chi lại sanh nghi rằng chúng sanh không có ngã.

Do nghĩa trên đây nên biết rằng trong pháp của ngoại đạo quyết định không có ngã. Nếu nói là ngã, thời nên biết rằng chính là đức Như Lai, vì thân Như Lai không ngằn mé, không ngờ vực, chẳng làm chẳng thọ, nên gọi là thường trụ. Như Lai bất sanh bất diệt nên gọi là lạc, vì Như Lai không có phiền não nên gọi là tịnh, không có mười tướng nên gọi là không. Do đây nên Như Lai là thường, lạc, ngã, tịnh, rỗng rang không có các tướng.

Các nhà ngoại đạo nói rằng : “ Nếu nói Như Lai là thường, lạc, ngã, tịnh vì không có tướng nên là không, phải biết rằng giáo pháp của Cù Đàm nói ra thời chẳng phải là không vậy. Vì thế nên nay chúng ta phải cung kính thọ trì

Lúc đó trong hàng ngoại đạo có vô lượng người sanh lòng kính tin xuất gia theo Phật pháp.

Phật bảo Sư Tử Hống Bồ Tát : “ Nầy Thiện Nam Tử ! Do nhơn duyên nên ta ở nơi rừng Ta La Song Thọ nầy hiển bày Đại Sư Tử Hống. Sư Tử Hống gọi là Đại Niết Bàn.

Nầy Thiện Nam Tử ! Cặp cây bên hướng Đông tiêu biểu rằng phá vô thường mà được thường trụ. Cặp cây bên hướng Nam tiêu biểu rằng phá khổ mà được lạc. Cặp cây bên hướng Tây tiêu biểu rằng phá vô ngã mà được chơn ngã. Cặp cây bên hướng Bắc tiêu biểu rằng phá bất tịnh mà được chơn tịnh.

Nầy Thiện Nam Tử ! Chúng sanh trong đây vì bốn cặp cây Song Thọ nên bảo hộ rừng Ta La, chẳng cho người ngoài đến bẻ nhánh hái lá đốt chặt phá hoại. Ta cũng như vậy, vì bốn pháp thường, lạc, ngã, tịnh, nên khiến hàng đệ tử hộ trì Phật pháp.

Bốn cặp Song Thọ nầy bốn Đại Vương quản trị săn sóc. Ta vì bốn Đại Vương hộ trì chánh pháp của ta, nên ta ở trong đây mà nhập Niết Bàn.

Nầy Thiện Nam Tử !Bốn cặp cây Ta La nầy bông trái thường sum sê, thường có thể lợi ích cho vô lượng chúng sanh. Ta cũng như vậy, thường có thể lợi ích cho vô lượng Thanh Văn Duyên Giác. Bông dụ cho ngã, trái dụ cho lạc. Do nghĩa nầy nên ta ở trong rừng cây Ta La Song Thọ nhập đại tịch diệt. Đại tịch diệt đây gọi là Đại Niết Bàn.

Sư Tử Hống Bồ Tát bạch rằng : “ Thế Tôn ! Cớ gì Đức Như Lai nhập Niết Bàn trong tháng hai ?”

_ Nầy Thiện Nam Tử ! Tháng hai gọi là mùa xuân, tháng mùa xuân muôn vật đều sanh trưởng, gieo trồng cây cối, bông trái tươi tắn xinh đẹp, sông rạch đầy nước, trăm thú sanh sản, do đây nên chúng sanh phần nhiều có quan niệm là thường là vui.

Vì phá quan niệm cho là thường như vậy, nên ta nói tất cả pháp đều là vô thường, chỉ nói đức Như Lai là thường trụ chẳng biến đổi.

Nầy Thiện Nam Tử ! Ở trong ba mùa sáu tiết, mạnh đông cây cối khô héo, mọi người chẳng ưa thích. Mạnh xuân hòa ấm mọi người tham ưa. Vì phá sự tham ưa thế gian của chúng sanh nên ta diễn nói thường, lạc, ngã, tịnh. Đức Như Lai vì phá thế ngã, thế tịnh, nên nói Như Lai là chơn thiệt ngã tịnh.

Nói tháng hai là dụ cho hai thứ pháp thân của Như Lai.

Mùa đông chẳng ưa thích, là người trí chẳng thích Như Lai vô thường nhập Niết Bàn. Tháng hai mùa xuân vui thích, là dụ cho người trí ưa thích Như Lai : Thường, lạc, ngã, tịnh. Gieo trồng dụ cho chúng sanh nghe pháp vui

mừng phát tâm vô thượng Bồ Đề, vun trồng các căn lành. Sông rạch là dụ cho các Đại Bồ Tát ở mười phương đến chỗ ta nghe học kinh Đại Niết Bàn.

Trăm thú sanh sản là dụ cho hàng đệ tử của ta sanh các căn lành.

Bông là dụ cho bảy giác chi. Trái là dụ cho bốn đạo quả.

Do những nghĩa nầy, nên ta nhập Niết Bàn trong tháng hai.

Sư Tử Hống Bồ Tát bạch rằng : " Thế Tôn ! Đức Như Lai lúc sơ sanh, xuất gia, thành đạo chuyển pháp luân đều ở vào ngày mùng tám, cớ cho riêng nhập Niết Bàn ở đêm rằm ?

Phật bảo : " Lành thay ! Lành thay ! Nầy Thiện Nam Tử ! Như mặt trăng rằm tròn đầy không khuyết, chư Phật Như Lai cũng như vậy, nhập Đại Niết Bàn không có kém khuyết. Vì thế nên Như Lai nhập Niết Bàn vào đêm rằm.

Nầy Thiện Nam Tử ! Như đêm rằm, lúc mặt trăng tròn có mười một điều : Một là phá tối tăm ; hai là khiến chúng sanh thấy rõ đường sá, ba là khiến chúng sanh thấy đường ngay đường cong ; bốn là trừ nóng nực được mát mẻ ; năm là phá lòng cao ngạo của lửa đom đóm ; sáu là dứt tất cả tưởng niệm trộm cướp ; bảy là trừ lòng sợ ác thú của chúng sanh ; tám là có thể làm cho hoa sen xanh nở ; chín là làm cho hoa sen búp lại ; mười là dẫn phát lòng tiến lên của kẻ đi đường ; mười một là làm cho chúng sanh thích ngũ dục được nhiều khoái lạc.

Như Lai cũng như vậy : Một là phá hoại vô minh ; hai là diễn thuyết chánh pháp, tà pháp ; ba là chỉ bày sanh tử là tà hiểm, Niết bàn là bằng thẳng ; bốn là làm cho người xa lìa phiền não tham, sân si ; năm là phá hoại ánh sáng của ngoại đạo ; sáu là phá hoại giặc kiết sử ; bảy là trừ tâm lo sợ ngũ cái ; tám là làm nẩy nở lòng vun trồng căn lành của chúng sanh ; chín là che trùm tâm ngũ dục của chúng sanh ; mười là phát khởi hạnh tiến tu công hạnh Đại Niết Bàn cho chúng sanh ; mười một là làm cho chúng sanh thích tu hạnh giải thoát.

Do đây nên ta nhập Đại Niết Bàn vào ngày rằm. Dầu vậy, nhưng thật ra ta chẳng có nhập Đại Niết Bàn. Trong hàng đệ tử của ta, những kẻ ngu si, kẻ ác cho rằng Như Lai quyết định nhập Niết Bàn.

Như bà mẹ kia có đông con. Một hôm bà mẹ bỏ đi đến nước khác, trong thời gian chưa trở về, các con đều nói rằng mẹ đã chết mất, nhưng thật ra bà mẹ nầy không chết.

Sư Tử Hống Bồ Tát bạch rằng : " Thế Tôn ! Hạng Tỳ Kheo nào có thể trang nghiêm rừng Ta La Song Thọ nầy ?

_ Nầy Thiện Nam Tử ! Nếu có Tỳ Kheo nào thọ trì đọc tụng mười hai bộ kinh, văn nghĩa đúng, thông đạt thâm nghĩa, giải thuyết cho mọi người, chỗ thuyết pháp trước sau giữa đều lành hay, vì muốn lợi ích cho vô lượng chúng sanh mà diễn thuyết phạm hạnh. Tỳ Kheo nầy có thể trang nghiêm rừng Ta La Song Thọ.

_ Bạch Thế Tôn ! Như chỗ tôi hiểu nghĩa của Đức Phật vừa dạy, thời Tỳ Kheo A Nan chính là người trang nghiêm vậy. Vì A Nan thọ trì đọc tụng mười hai bộ kinh, vì đại chúng mà khai thị diễn thuyết, lời cùng nghĩa đều chơn chánh.

Như đem nước rót vào bình, A Nan cũng như vậy, đúng như chỗ đã nghe nơi đức Phật đem diễn thuyết lại cho mọi người.

_ Nầy Thiện Nam Tử ! Nếu có Tỳ Kheo đặng thiên nhãn thanh tịnh, thấy đại thiên thế giới ở mười phương như thấy trái am ma lặc trong bàn tay, Tỳ Kheo nầy cũng có thể trang nghiêm rừng Ta La Song Thọ.

_ Bạch Thế Tôn ! Nếu như vậy thời Tỳ Kheo A Nâu Lâu Đà chính là người trang nghiêm, vì A Nâu Lâu Đà có thiên nhãn thấy rõ đại thiên thế giới, tất cả những loài những vật cho đến thân trung ấm đều thấy rõ ràng không chướng ngại.

Nầy Thiện Nam Tử ! Nếu có Tỳ Kheo thiểu dục tri túc, tâm thích tịch tịnh, siêng tu tinh tấn chánh niệm, chánh định, chánh huệ, giải thoát, Tỳ Kheo nầy có thể trang nghiêm rừng Ta La Song Thọ.

_ Bạch Thế Tôn ! Nếu như vậy thời Tỳ Kheo Đại Ca Diếp chính là người trang nghiêm, vì Đại Ca Diếp khéo tu những công hạnh thiểu dục tri túc v.v…

_ Nầy Thiện Nam Tử ! Nếu Tỳ Kheo vì lợi ích chúng sanh chẳng vì lợi dưỡng mà tu tập thông đạt vô tránh tam muội, thánh hạnh, không hạnh, Tỳ Kheo nầy thời có thể trang nghiêm rừng Ta La Song Thọ.

_ Bạch Thế Tôn ! nếu như vậy thời Tỳ Kheo Tu Bồ Đề chính là người trang nghiêm. Vì Tu Bồ Đề khéo tu tập hạnh vô tránh, thánh hạnh, không hạnh.

Nầy Thiện Nam Tử ! Nếu có Tỳ Kheo khéo tu tập thần thông, trong khoảng một niệm có thể hiện các thứ thần thông biến hoá, một tâm một định có thể hiện làm hai thứ là nước với lửa, Tỳ Kheo nầy thời có thể trang nghiêm rừng Ta La Song Thọ.

Bạch Thế Tôn ! Nếu như vậy thời Tỳ Kheo Đại Mục Kiền Liên chính là người trang nghiêm. Vì Đại Mục Kiền Liên khéo tu thần thông biến hoá vô lượng.

_ Nầy Thiện Nam Tử ! Nếu có Tỳ Kheo tu tập đại trí, lợi trí, tập trí, giải thoát trí, thậm thâm trí, quảng trí, vô biên trí, vô thắng trí, thật trí, thành tựu đầy đủ trí huệ như vậy, tâm bình đẳng đối với người thân kẻ thù nghe đức Như Lai nhập Niết Bàn chẳng lo buồn, nếu nghe Như Lai thường trụ chẳng nhập Niết Bàn cũng chẳng mừng rỡ, Tỳ Kheo nầy thời có thể trang nghiêm rừng Ta La Song Thọ.

Bạch Thế Tôn ! Nếu như vậy thời Tỳ Kheo Xá Lợi Phất chính là người trang nghiêm. Vì Xá Lợi Phất khéo thành tựu đầy đủ đại trí huệ như vậy.

_ Nầy Thiện Nam Tử ! Nếu có Tỳ Kheo có thể nói chúng sanh đều có Phật tánh, được thân Kim Cang không có ngằn mé, thường, lạc, ngã, tịnh, thân tâm vô ngại được tám môn tự tại. Tỳ Kheo nầy thời có thể trang nghiêm rừng Ta La Song Thọ.

_ Bạch Thế Tôn ! Nếu như vậy thời chỉ có đức Như Lai mới là người trang nghiêm. Vì thân Như Lai là thân Kim Cang không ngằn mé, là thường, lạc, ngã, tịnh, thân tâm vô ngại đủ tám môn tự tại.

Bạch Thế Tôn ! Chỉ có đức Như Lai mới có thể trang nghiêm rừng Ta La Song Tho, nếu không đức Như Lai thời chẳng trang nghiêm. Ngưỡng mong đấng Đại Từ Bi vì trang nghiêm mà thường ở trong rừng Ta La nầy.

_ Nầy Thiện Nam Tử ! Tất cả các pháp tánh vốn trụ nơi vô trụ, sao ông lại cầu mong đức Như Lai trụ.

Nầy Thiện Nam Tử ! Phàm nói rằng trụ đó thời gọi là sắc pháp từ nơi nhơn duyên mà sanh, nên gọi là trụ. Nhơn duyên không nơi chỗ nên gọi là vô trụ.

Đức Như Lai đã dứt tất cả sự ràng buộc của sắc, sao lại nói rằng Như Lai trụ ? Như sắc pháp, thọ tưởng hành thức cũng vậy.

Nầy Thiện Nam Tử ! Trụ gọi là kiêu mạn, vì kiêu mạn nên chẳng được giải thoát, vì chẳng được giải thoát nên gọi là trụ. Ai có kiêu mạn ? Từ chỗ nào mà đến ? Do đây nên được gọi là trụ nơi vô trụ.

Đức Như Lai đã dứt tất cả kiêu mạn, sao lại nói rằng ngưỡng mong đức Như Lai trụ ?

Trụ đó gọi là pháp hữu vi, đức Như lai đã dứt pháp hữu vi, nên là chẳng trụ.

Trụ đó gọi là pháp không, Đức Như Lai đã dứt pháp không như vậy nên được thường, lạc, ngã, tịnh. Tại sao nói rằng ngưỡng mong đức Như Lai trụ ?

Trụ đó gọi là hai mươi lăm cõi. Đức Như lai đã dứt hai mươi lăm cõi. Sao lại nói rằng ngưỡng mong đức Như Lai trụ ?

Trụ đó chính là tất cả phàm phu. Các bực thánh nhơn thời không khứ, không lai, không trụ. Đức Như Lai đã dứt những tướng khứ, lai, trụ. Sao lại nói rằng ngưỡng mong đức Như Lai trụ ?

Luận về vô trụ gọi là vô biên thân. Vì thân vô biên nên chớ nói rằng ngưỡng mong đức Như Lai trụ nơi rừng Ta La. Nếu trụ nơi rừng nầy thời là hữu biên. Nếu là thân hữu biên thời là vô thường. Đức Như Lai là thường, sao lại nói rằng trụ ?

_ Luận về vô trụ gọi là hư không, tánh của Như Lai đồng với hư không, sao lại nói rằng trụ ?

Lại vô trụ gọi là Kim Cang Tam Muội. Kim Cang Tam Muội phá hoại tất cả trụ. Kim Cang Tam Muội chính là Như Lai, sao lại nói rằng trụ ?

Lại vô trụ gọi là huyễn, Như Lai đồng huyễn, sao lại nói rằng trụ ?

Lại vô trụ gọi là vô chung vô thỉ, tánh Như Lai không có thỉ chung, sao lại gọi rằng trụ.

Lại vô trụ là pháp giới vô biên, pháp giới vô biên chính là Như Lai, sao lại nói rằng trụ ?

Lại vô trụ gọi là Thủ Lăng Nghiêm tam muội. Tam muội nầy biết tất cả pháp mà không chấp trước, vì không chấp trước nên gọi là Thủ Lăng Nghiêm. Đức Như Lai đầy đủ chánh định Thủ Lăng Nghiêm, sao lại gọi rằng trụ ?

Lại vô trụ gọi xứ phi xứ trí lực. Đức Như Lai thành tựu trí lực nầy, sao lại gọi rằng trụ ?

Lại vô trụ gọi là Đàn Ba La Mật. Nếu Đàn Ba La Mật mà có trụ thời chẳng đến được Thi La Ba La Mật, nhẫn đến Bát Nhã Ba La Mật, do nghĩa nầy nên Đàn Ba La Mật gọi là vô trụ. Đức Như Lai chẳng trụ Đàn Ba La Mật nhẫn đến chẳng trụ Bát Nhã Ba La Mật, sao lại nguyện rằng đức Như Lai thường trụ nơi rừng Ta La.

Lại vô trụ gọi là tu pháp Tứ Niệm Xứ. Nếu đức Như Lai trụ nơi pháp Tứ Niệm Xứ, thời không thể được Vô Thượng Bồ Đề, đây gọi là trụ nơi chẳng trụ.

Lại vô trụ gọi là chúng sanh giới vô biên. Đức Như Lai đã đến tột ngằn mé vô biên của tất cả chúng sanh giới mà không chỗ trụ.

Lại vô trụ gọi là không nhà cửa, không nhà cửa gọi là không chỗ có, không chỗ có gọi là vô sanh, vô sanh gọi là vô diệt, vô diệt gọi là vô tướng, vô tướng gọi là không hệ phước, không hệ phược gọi là không chấp trước, không chấp trước gọi là vô lậu, vô lậu chính là thiện, thiện chính là vô vi, vô vi chính là Đại Niết Bàn, Đại Niết Bàn chính là thường, thường chính là ngã, ngã chính là tịnh, tịnh chính là lạc. Thường, lạc, ngã, tịnh chính là Như Lai.

Nầy Thiện Nam Tử ! Như hư không chẳng trụ mười phương, đức Như Lai cũng như vậy chẳng trụ mười phương.

Nầy Thiện Nam Tử ! Nếu có ai nói rằng thân, khẩu, ý ác mà được quả lành thời là không đúng. Thân, khẩu, ý lành mà được quả ác cũng là không đúng.

Nếu nói phàm phu đặng thấy Phật tánh còn Thập Trụ Bồ Tát chẳng được thấy, lời nói nầy không đúng.

Nếu nói hạng Nhứt Xiển Đề phạm tội ngũ nghịch, hủy báng kinh Đại Thừa phá bốn giới trọng mà được Vô Thượng Bồ Đề, lời nói nầy cũng không đúng.

Nếu nói lục trụ Bồ Tát do phiền não mà đọa ba ác đạo, lời nòi nầy cũng không đúng.

Nếu nói Đại Bồ Tát dùng thân người nữ thật mà được Vô Thượng Bồ Đề, lời nói nầy cũng không đúng.

Nếu nói Nhứt Xiển Đề là thường còn, Tam Bảo là vô thường, lời nói nầy cũng không đúng.

Nếu nói đức Như Lai trụ nơi thành Câu Thi Na, là vô thường , lời nói nầy cũng không đúng.

Nầy Thiện Nam Tử ! Nay đức Như Lai ở nơi thành Câu thi Na nầy nhập Đại Tam Muội, vào trong hang thiền định thậm thâm. Vì chúng sanh chẳng thấy Như Lai nên gọi là Đại Niết Bàn.

_ Bạch Thế Tôn ! Đức Như lai cớ chi vào nơi hang thiền định ?

Nầy Thiện Nam Tử ! Vì muốn độ thoát chúng sanh : Người chưa gieo trồng căn lành làm cho được gieo trồng. Người đã gieo trồng căn lành nay được tăng trưởng. Người quả lành chưa thành thục làm cho được thành thục. Đức Như Lai vì người căn lành đã thành thục mà nói thu hướng Vô Thượng Bồ Đề. Làm cho người khinh tiện pháp lành sanh lòng tôn trọng. Làm cho những kẻ phóng dật rời bỏ sự phóng dật. Vì cùng Văn Thù Sư Lợi các vị Đại Bồ Tát luận bàn diệu nghĩa. Vì muốn giáo hoá người thích đọc tụng làm cho ưa thích thiền định. Vì đem thánh hạnh, phạm hạnh, thiên hạnh giáo hóa chúng sanh. Vì quan sát pháp tạng bất cộng thậm thâm. Vì muốn quở trách hàng đệ tử phóng dật. Đức Như Lai thường tịch tịnh mà còn ưa chuộng thiền định, huống là các ông chưa dứt hết phiền não mà sanh lòng phóng dật. Vì muốn quở trách các Tỳ Kheo ác nhận tám thứ vật bất tịnh, mà chẳng biết thiểu dục, chẳng biết tri túc. Vì khiến chúng sanh tôn trọng pháp thiền định đã nghe. Do những nhơn duyên trên đây nên đức Như Lai vào hang thiền định.

Bạch Thế Tôn ! Chánh định vô tướng gọi là Đại Niết Bàn, nên Đại Niết bàn gọi là vô tướng. Do nhơn duyên gì gọi là vô tướng ?

_ Nầy Thiện Nam Tử ! Vì không có mười tướng : Sắc, thinh, hương, vị, xúc, sanh, trụ, hoại, nam, nữ, đây gọi là mười tướng. Vì không mười tướng như vậy nên gọi là vô tướng.

Nầy Thiện Nam Tử ! Luận về người chấp tướng thời hay sanh ra si, vì si mà sanh ái, vì ái nên ràng buộc, vì ràng buộc nên thọ sanh, vì sanh nên có tử, vì tử nên là vô thường. Người chẳng chấp tướng thời chẳng sanh si, vì không si nên không ái, vì không ái nên không ràng buộc, vì không ràng buộc nên chẳng thọ sanh, vì chẳng thọ sanh nên không có tử, vì không có tử nên gọi là thường. Do nghĩa nầy nên Niết Bàn gọi là thường.

_ Bạch Thế Tôn ! Tỳ Kheo nào có thể dứt được mười tướng ?

_ Nầy Thiện Nam Tử ! Nếu có Tỳ Kheo luôn luôn tu tập ba tướng nầy thời dứt được mười tướng : Luôn luôn tu tập tướng tam muội chánh định, luôn luôn tu tập tướng trí huệ, luôn luôn tu tập tướng xả.

_ Bạch Thế Tôn ! Thế nào gọi là tướng chánh định, tướng trí huệ và tướng xả ?

Chánh định là tam muội, tất cả chúng sanh đều có tam muội, tại sao nay mới nói rằng tu tập tam muội ?

Nếu tâm duyên ở một cảnh thời gọi là tam muội, nếu lại duyên cảnh khác thời chẳng gọi là tam muội. Nếu như chẳng định thời chẳng phải là nhứt thiết trí, chẳng phải là nhứt thiết trí sao lại gọi là định ? Nếu do một hạnh mà được tam muội, những hạnh khác thời chẳng phải là tam muội, nếu chẳng phải là tam muội, thời chẳng phải là nhứt thiết trí, nếu chẳng phải nhứt thiết trí sao lại gọi rằng tam muội ? Tướng trí huệ và tướng xả cũng như vậy.

_ Nầy Thiện Nam Tử ! Như lời ông nói duyên nơi một cảnh được gọi là tam muội, nếu duyên các cảnh khác chẳng gọi là tam muội, lời nói nầy không đúng nghĩa. Vì duyên những cảnh khác như vậy cũng vẫn là một cảnh. Do một hạnh cùng những hạnh khác cũng như vậy.

Ông lại nói chúng sanh trước đã có tam muội chẳng cần tu tập, lời nầy cũng chẳng phải. Vì nói tam muội đây, là nói thiện tam muội, thật ra tất cả chúng sanh chưa có sao lại nói rằng chẳng cần tu tập ? Do trụ trong thiện tam muội như vậy mà quan sát tất cả pháp thời gọi là tướng thiện trí huệ. Chẳng thấy tướng tam muội cùng tướng trí huệ sai khác nhau thời gọi là tướng xả.

Lại nầy Thiện Nam Tử ! Nếu chấp tướng sắc, không thể quan sát tướng thường tướng vô thường của sắc thời gọi là tam muội. Nếu có thể quan sát tướng thường và tướng vô thường của sắc thời gọi là tướng trí huệ. Tam muội cùng trí huệ đồng quan sát tất cả pháp thời gọi là tướng xả.

Nầy Thiện Nam Tử ! Như người đánh xe bốn ngựa giỏi, điều khiển chậm mau phải lúc. Bồ Tát cũng như vậy, nếu tam muội nhiều thời tu tập trí huệ, nếu trí huệ nhiều thời tu tập tam muội. Tam muội cùng trí huệ đồng nhau thời gọi là xả.

Nầy Thiện Nam Tử ! Thanh Văn và Duyên Giác sức tam muội nhiều sức trí huệ ít, do đây nên chẳng thấy Phật tánh. Thập trụ Bồ Tát sức trí huệ nhiều sức tam muội ít, nên thấy Phật tánh chẳng rõ ràng. Chư Phật Thế Tôn vì tam muội cùng trí huệ đồng, nên thấy Phật tánh rõ ràng không chướng ngại như xem trái am ma lặc trong bàn tay. Thấy Phật tánh gọi đó là tướng xả.

Nầy Thiện Nam Tử ! Xa ma tha gọi là hay dứt trừ, vì hay dứt trừ tất cả phiền não. Lại xa ma tha gọi là hay điều phục, vì hay điều phục những căn ác chẳng lành. Lại xa ma tha gọi là tịch tịnh, vì có thể làm cho thân, khẩu, ý đều tịch tịnh. Lại xa ma tha gọi là viễn ly, vì có thể làm cho chúng sanh xa lìa ngũ dục. Lại xa ma tha gọi là hay lóng trong, vì hay lóng trong ba pháp nhơ đục tham dục, sân khuể, ngu si. Do những nghĩa nầy nên gọi là tướng chánh định.

Tỳ Bà Xá Na gọi là chánh kiến, cũng gọi là liễu kiến, năng kiến, biến kiến, thứ đệ kiến, biệt tướng kiến, đây gọi là trí huệ.

Ưu Tất Xoa gọi là bình đẳng, cũng gọi là vô tránh, vô quán , vô hành, đây gọi là xả.

Nầy Thiện Nam Tử ! Có hai thứ Xa Ma Tha : Thế gian và xuất thế gian.

Lại có hai thứ : Chẳng thành tựu và thành tựu. Chẳng thành tựu là nói Thanh Văn cùng Bích Chi Phật. Thành tựu là nói chư Phật và Bồ Tát.

Lại có ba thứ : Hạ, trung, và thượng. Hạ là nói hàng phàm phu. Trung là nói Thanh Văn và Duyên Giác. Thượng là nói chư Phật và Bồ Tát.

Lại có bốn thứ : Một là thối, hai là trụ, ba là tấn, bốn là có thể lợi ích lớn.

Lại có năm thứ chính là năm trí tam muội : Một là vô thực tam muội, hai là vô quá tam muội, ba là thân ý thanh tịnh nhứt tâm tam muội, bốn là nhơn quả câu lạc tam muội, năm là thường niệm tam muội.

Lại có sáu thứ : Một là quán cốt tam muội, hai là từ tam muội, ba là quán thập nhị nhơn duyên tam muội, bốn là xuất tức nhập tức tam muội, năm là chánh niệm giác quán tam muội, sáu là quán sanh trụ dị diệt tam muội.

Lại có bảy thứ chính là bảy giác chi : Một là niệm xứ giác chi, hai là trạch pháp giác chi, ba là tinh tấn giác chi, bốn là hỉ giác chi, năm là trừ giác chi, sáu là định giác chi, bảy là xả giác chi.

Lại có bảy thứ : Một là Tu Đà Hoàn tam muội, hai là Tư Đà Hàm tam muội, ba là A Na Hàm tam muội, bốn là A La Hán tam muội, năm là Bích Chi Phật tam muội, sáu là Bồ Tát tam muội, bảy là Như Lai giác tri tam muội.

Lại có tám thứ : Chính là tám môn giải thoát tam muội : Một là trong có sắc tướng, ngoài quán sắc giải thoát tam muội, hai là trong không sắc tướng, ngoài quán sắc giải thoát tam muội, ba là tịnh giải thoát thân chứng tam muội, bốn là không xứ giải thoát tam muội, năm là thức xứ giải thoát tam muội, sáu là vô sở hữu xứ giải thoát tam muội, bảy là phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ giải thoát tam muội, tám là diệt tận định xứ giải thoát tam muội.

Lại có chín thứ chính là cửu thứ đệ định : Tứ thiền, tứ không và diệt tận định tam muội.

Lại có mười thứ chính là mười nhứt thiết xứ tam muội : Một là địa nhứt thiết xứ tam muội, hai là thủy nhứt thiết xứ tam muội, ba là phong nhứt thiết xứ tam muội, bốn là thanh nhứt thiết xứ tam muội, năm là huỳnh nhứt thiết xứ tam muội, sáu là xích nhứt thiết xứ tam muội, bảy là bạch nhứt thiết xứ tam muội, tám là không nhứt thiết xứ tam muội, chín là thức nhứt thiết xứ tam muội, mười là vô sở hữu nhứt thiết xứ tam muội. Lại có vô số thứ chính là chư Phật và Bồ Tát. Đây gọi là tướng tam muội.

Nầy Thiện Nam Tử ! Huệ có hai thứ : Thế gian và xuất thế gian. Lại có ba thứ : Bát Nhã, Tỳ Bà Xá Na và Xà Na. Bát Nhã gọi là tất cả chúng sanh. Tỳ Bà Xá Na là tất cả thánh nhơn. Xà Na là chư Phật và Bồ Tát. Lại Bát Nhã gọi là biệt tướng, Tỳ Bà Xá Na gọi là tổng tướng, Xà Na gọi là phá tướng.

Lại có bốn thứ huệ, chính là quán tứ chơn đế.

Nầy Thiện Nam Tử ! Vì ba việc mà tu Xa Ma Tha : Một là vì chẳng phóng dật, hai là vì trang nghiêm đại trí, ba là vì được tự tại.

Lại vì ba việc mà tu Tỳ Bà Xá Na : Một là vì quán quả báo ác của sanh tử, hai là vì muốn tăng trưởng các căn lành, ba là vì phá tất cả phiền não.

Sư Tử Hống Bồ Tát bạch rằng : " Thế Tôn ! Như trong kinh nói nếu Tỳ Bà Xá Na có thể phá phiền não cớ gì lại tu tập Xa Ma Tha ?

Phật nói : Nầy Thiện Nam Tử ! Ông nói Tỳ Bà Xá Na phá phiền não, lời nầy không đúng. Vì lúc có trí huệ thời không phiền não, lúc có phiền não thời không trí huệ. Sao lại nói rằng Tỳ Bà Xá Na có thể phá phiền não ?

Ví như lúc sáng thời không tối, lúc tối thời không sáng. Nếu nói rằng sáng có thể phá tối, thời không đúng.

Nầy Thiện Nam Tử ! Ai có trí huệ ? Ai có phiền não ? Sao lại nói rằng trí huệ có thể phá phiền não. Nếu phiền não là không thời không chỗ phá.

Nầy Thiện Nam Tử ! Nếu nói trí huệ có thể phá phiền não, là đến mà phá, hay chẳng đến mà phá ? Nếu chẳng đến mà phá thời lẽ ra phàm phu cũng phá được. Nếu đến mà phá thời niệm ban đầu lẽ ra đã phá. Nếu niệm ban đầu chẳng phá thời niệm sau cũng chẳng phá. Nếu niệm ban đầu đến bèn đã phá đây thời là chẳng đến. Sao lại nói rằng trí huệ hay phá phiền não ? Nếu nói rằng đến cùng chẳng đến mà có thể phá đó thời không đúng nghĩa.

Lại Tỳ Bà Xá Na phá phiền não đó, là đơn độc có thể phá hay là có bạn mới phá ? Nếu đơn độc có thể phá cớ gì Bồ Tát tu bát chánh đạo ? Nếu có bạn mới phá thời nên biết rằng đơn độc chẳng phá được. Nếu đơn độc chẳng phá được thời bạn cũng chẳng phá được. Như một người mù chẳng thấy được màu sắc, dầu dắt cả lũ bạn mù cũng chẳng thấy được. TỳBà Xá Na cũng như vậy.

Nầy Thiện Nam Tử ! Như địa đại thời tánh chất là cứng, hỏa đại tánh chất là nóng, thủy đại tánh chất là ướt, phong đại tánh chất là động. Tánh chất cứng của địa đại nhẫn đến tánh chất động của phong đại, chẳng phải nhơn duyên làm ra, tánh của nó tự như v ậy. Như tánh chất của tứ đại, phiền não cũng vậy, tánh của nó là tự phải dứt mất. Nếu là tự dứt mất sao lại nói rằng trí huệ hay dứt. Do nghĩa nầy nên biết rằng Tỳ Bà Xá Na quyết định chẳng thể phá các phiền não.

Nầy Thiện Nam Tử ! Như chất muối là mặn làm cho vật khác mặn. Chất mật là ngọt làm cho vật khác ngọt, chất nước là ướt làm cho vật khác ướt. Tánh của trí huệ là diệt làm cho các pháp diệt, nghĩa nầy chẳng đúng. Vì nếu pháp

không diệt thời trí huệ làm thế nào diệt được. Nếu nói muối mặn làm cho vật khác mặn, tánh trí huệ là diệt cũng làm cho pháp khác diệt, lời nầy cũng chẳng đúng. Vì tánh của trí huệ niệm niệm diệt. Nếu niệm niệm diệt thời đâu có thể diệt pháp khác. Do nghĩa nầy nên biết rằng tánh trí huệ chẳng phá phiền não.

Nầy Thiện Nam Tử ! Tất cả các pháp có hai thứ diệt : Một là tánh diệt, hai là rốt ráo diệt. Nếu là tánh diệt sao lại nói rằng trí huệ có thể diệt.

Nếu nói trí huệ có thể diệt phiền não như lửa đốt cháy đồ vật, nghĩa nầy chẳng đúng. Vì như lửa đốt cháy đồ vật thời có tro tàn, trí huệ nếu như vậy thời lẽ ra cũng còn có tàn dư. Như búa chặt cây, chỗ bị chặt có thể thấy được, trí huệ nếu như vậy thời có gì là có thể thấy được ?

Trí huệ nếu có thể làm cho phiền não rời lìa đó, thời phiền não kia lẽ ra hiện ra chỗ khác. Như các ngoại đạo rời sáu thành lớn mà hiện đến ở nơi thành Câu Thi Na. Nếu phiền não nầy chẳng hiện ra nơi khác, thời biết rằng trí huệ chẳng có thể làm cho phiền não rời lìa.

Nầy Thiện Nam Tử ! Tất cả các pháp nếu tánh nó tự không, thời ai có thể làm cho nó sanh ? Ai có thể làm cho nó diệt ? Sanh khác diệt khác, không ai tạo tác. Nếu người tu tập chánh định thời được biết được thấy chơn chánh như vậy. Do nghĩa nầy nên trong kinh ta nói : Nếu có Tỳ Kheo tu tập chánh định, thời có thể thấy tướng sanh diệt của ngũ ấm.

Nầy Thiện Nam Tử ! Nếu chẳng tu tập chánh định, thời việc thế gian còn không thể rõ biết huống là ở nơi đạo xuất thế. Nếu người không có chánh định, thời té ngã nơi đất bằng, tâm duyên pháp khác, miệng nói lời khác, tai nghe tiếng khác, ý hiểu nghĩa khác, muốn đọc chữ khác, tay biên văn khác, muốn đi đường khác thân bước nẻo khác. Nếu người có tu tập tam muội chánh định thời được lợi ích lớn nhẫn đến được vô thượng Bồ Đề.

Nầy Thiện Nam Tử ! Đại Bồ Tát đầy đủ hai pháp thời có lợi ích lớn : Một là định, hai là trí.

Nầy Thiện Nam Tử ! Như cắt cỏ ống nếu kéo mạnh quá thời đứt. Đại Bồ Tát tu tập hai pháp nầy cũng như vậy.

Nầy Thiện Nam Tử ! Như nhổ cây cứng, trước dùng tay lay động, lúc sau nhổ lên dễ. Bồ Tát cũng như vậy, trước dùng định để động, rồi sau dùng trí để nhổ.

Nầy Thiện Nam Tử ! Như giặt y dơ, trước dùng nước tro, sau dùng nước trong, thời y được sạch sẽ. Định huệ của Bồ Tát cũng như vậy.

Nầy Thiện Nam Tử ! Như trước đọc tụng rồi sau hiểu nghĩa. Định huệ của Bồ Tát cũng như vậy.

Như người dũng kiện trước dùng khôi giáp đao trượng để tự võ trang, rồi sau ra trận có thể phá tan quân địch. Định huệ của Đại Bồ Tát cũng như vậy.

Như người thợ dùng kềm cùng khuôn để gắp và đựng vàng tự tại theo ý muốn : Khuấy trộn đốt cháy. Định huệ của Bồ Tát cũng như vậy.

Ví như gương sáng chói rõ mặt mắt. Định huệ của Bồ Tát cũng như vậy.

Như trước dọn đất rồi sau mới gieo giống, trước theo thầy học rồi sau mới suy nghĩ nghĩa lý. Định huệ của Bồ Tát cũng như vậy.

Do những nghĩa trên đây, nên Đại Bồ Tát tu tập hai pháp nầy thời được lợi ích rất lớn.

Đại Bồ Tát tu tập hai pháp định huệ nầy, điều nhiếp năm căn, kham nhẫn các sự khổ : Đói, khát, lạnh, nóng, đánh đập, mắng nhục, thú dữ cắn, muỗi mòng chích, thường nhiếp tâm mình chẳng cho phóng dật, chẳng vì lợi dưỡng mà làm việc phi pháp, khách trần phiền não chẳng nhiễm ô được, chẳng bị những thuyết tà ngoại làm mê lầm, thường có thể xa lìa những ác giác quán, chẳng bao lâu sẽ thành tựu vô thượng Bồ Đề, vì muốn thành tựu lợi ích tất cả chúng sanh.

Đại Bồ Tát tu hai pháp định huệ nầy thời bốn luồng gió dữ tứ đảo chẳng thể thổi động, như núi Tu Di. Các tà ma dị thuật chẳng thể phỉnh lầm. Thường hưởng thọ sự vui vi diệu thứ nhứt. Có thể hiểu nghĩa bí mật rất sâu của Như Lai. Được vui chẳng mừng gặp khổ chẳng buồn. Chư thiên và người đời cung kính tán thán. Thấy rõ sanh tử và chẳng sanh tử. Có thể rõ biết pháp giới pháp tánh pháp thân thường, lạc, ngã, tịnh, đây thời gọi là Đại Niết Bàn.

Nầy Thiện Nam Tử ! Định tướng gọi là không tam muội. Huệ tướng gọi là vô nguyện tam muội. Xả tướng gọi là vô tướng tam muội.

Nầy Thiện Nam Tử ! Nếu có Đại Bồ Tát biết rành thời gian định, thời gian huệ, thời gian xả, và biết phi thời, đây gọi là Đại Bồ Tát thật hành đạo Bồ Đề.

Bạch Thế Tôn ! Thế nào là Bồ Tát biết thời cùng phi thời ?

_ Nầy Thiện Nam Tử ! Đại Bồ Tát vì hưởng thọ sự vui mà sanh lòng kiêu mạn, hoặc vì thuyết pháp mà sanh lòng kiêu mạn, hoặc vì tinh tấn mà sanh lòng kiêu mạn, hoặc vì hiểu nghĩa vấn đáp giỏi mà sanh lòng kiêu mạn, hoặc vì gần bạn ác mà sanh lòng kiêu mạn, hoặc vì bố thí nhiều mà sanh lòng kiêu mạn, hoặc vì có công đức lành thế gian mà sanh lòng kiêu mạn, hoặc vì được người giàu sang cung kính mà sanh lòng kiêu mạn, nên biết những lúc như vậy chẳng nên tu tập trí huệ, mà phải tu tập chánh định, đây gọi là Bồ Tát biết thời cùng phi thời.

Nếu có Bồ Tát tinh tấn tu hành chưa được quả Niết Bàn an lạc, vì chẳng được mà sanh lòng hối hận, vì độn căn nên chẳng điều phục được ngũ căn, vì thế lực phiền não thạnh, vì tự nghi giới luật có kém tổn, nên biết rằng lúc như vậy chẳng nên tu chánh định, mà phải tu tập trí huệ, đây gọi là Bồ Tát biết thời và phi thời.

Nếu có Bồ Tát hai pháp định huệ chẳng bình đẳng, nên biết lúc như vậy chẳng nên tu hạnh xả, lúc định huệ bình đẳng thời nên tu hạnh xả, đây gọi là Bồ Tát biết thời và phi thời.

Nếu có Bồ Tát lúc tu tập định huệ nếu có phiền não khởi lên, nên biết lúc như vậy chẳng nên tu hạnh xả, mà phải đọc tụng biên chép giải thuyết mười hai bộ kinh, niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm giới, niệm Thiên, niệm thí xả, đây gọi là tu xả.

Nếu có Bồ Tát tu tập ba pháp tướng như vậy, do nhơn duyên nầy đặng vô tướng Niết Bàn.

_ Bạch Thế Tôn ! Vì không mười tướng gọi là Đại Niết Bàn là vô tướng. Lại do nhơn duyên gì gọi là vô sanh, vô xuất, vô tác, là nhà cửa, cồn bãi, chỗ về, là an ổn, diệt độ Niết Bàn, tịch tịnh không các bịnh khổ, là không chỗ có ?

_ Nầy Thiện Nam Tử ! Vì không nhơn duyên nên gọi là vô sanh, vì vô sanh nên gọi là vô xuất. Vì không tạo nghiệp nên gọi là vô tác. Vì chẳng vào năm thứ tà kiến nên gọi là nhà cửa. Vì rời lìa bốn dòng nước mạnh nên gọi là cồn bãi. Vì điều phục chúng sanh nên gọi là quy y. Vì phá hoại giặc phiền não

nên gọi là an ổn. Vì lửa kiết sử tắt nên gọi là diệt độ. Vì lìa giác quán nên gọi là Niết Bàn. Vì xa ồn náo nên gọi là tịch tịnh. Vì dứt hẳn sanh tử nên gọi là không bịnh tử. Vì tất cả không có nên gọi là không chỗ có. Nếu Đại Bồ Tát quan sát như vậy thời đặng thấy rõ Phật tánh.

_ Bạch Thế Tôn ! Đại Bồ Tát thành tựu bao nhiêu pháp thấy được vô tướng Niết Bàn như vậy nhẫn đến không chỗ có.

_ Nầy Thiện Nam Tử ! Đại Bồ Tát thành tựu mười pháp thời thấy rõ Niết Bàn vô tướng, nhẫn đến không chỗ có : Một là tín tâm đầy đủ, nghĩa là thâm tín Phật, Pháp, và Tăng là thường trụ, thập phương chư Phật phương tiện thị hiện. Tất cả chúng sanh và Nhứt Xiển Đề đều có Phật tánh. Chẳng tin đức Như Lai là sanh lão bịnh tử và tu khổ hạnh. Chẳng tin Đề Bà Đạt Đa là thật phá Tăng làm thân Phật ra máu. Chẳng tin đức Như Lai rốt ráo nhập Niết Bàn, chánh định diệt hết. Đây gọi là Bồ Tát đầy đủ tín tâm.

Hai là đầy đủ tịnh giới : Nếu có Bồ Tát tự nói rằng giới thanh tịnh, dầu chẳng cùng với người nữ kia hòa hiệp, lúc thấy người nữ hoặc cùng nhau nói chuyện cợt đùa cười giỡn Bồ Tát như vậy thành dục pháp hủy phá tịnh giới ô nhục phạm hạnh khiến giới tạp uế chẳng được gọi là đầy đủ tịnh giới. Lại có Bồ Tát tự nói giới thanh tịnh, dầu chẳng cùng người nữ hòa hiệp cợt đùa giỡn cười nhưng cách vách nghe những tiếng vòng vàng chuỗi ngọc của người nữ khua động, trong lòng sanh niệm ái trước, Bồ Tát như vậy, làm thành dục pháp hủy phá giới thanh tịnh, ô nhục phạm hạnh, làm cho giới tạp uế chẳng được gọi là đầy đủ tịnh giới. Lại có Bồ Tát tự nói giới thanh tịnh, dầu chẳng cùng người nữ hòa hiệp cợt đùa giỡn cười nghe tiếng khua động, nhưng lúc thấy người nam đi theo người nữ, hoặc lúc thấy người nữ đi theo người nam, bèn sanh niệm tham đắm. Bồ Tát như vậy làm nên pháp dục, hủy phá tịnh giới, ô nhục phạm hạnh khiến giới tạp uế, chẳng được gọi là đầy đủ tịnh giới. Lại có Bồ Tát tự nói giới thanh tịnh, dầu chẳng cùng người nữ hòa hiệp cợt đùa nghe tiếng khua thấy nam nữ theo nhau, nhưng lại muốn sanh cõi trời thọ vui ngũ dục. Bồ Tát như vậy làm nên pháp dục, hủy phá tịnh giới ô nhục phạm hạnh khiến giới tạp uế, chẳng được gọi là đầy đủ tịnh giới.

Nầy Thiện Nam Tử ! Nếu có Bồ Tát trì giới thanh tịnh mà chẳng vì giới, chẳng vì Thi La Ba La Mật, chẳng vì chúng sanh, chẳng vì lợi dưỡng, chẳng vì Niết Bàn, chẳng vì Bồ Đề, chẳng vì Thanh Văn và Bích Chi Phật, chỉ vì đệ nhứt nghĩa tối thượng mà hộ trì cấm giới, đây gọi là Bồ Tát đầy đủ tịnh giới.

Ba là gần gũi thiện tri thức : Nếu có người có thể nói tín, giới, đa văn, bố thí, trí huệ, làm cho mọi người thọ trì thật hành, đây gọi là Bồ Tát thiện tri thức vậy.

Bốn là ưa thích nơi tịch tịnh, nghĩa là thân tâm tịch tịnh quan sát pháp tánh thậm thâm của các pháp.

Năm là tinh tấn : Nghĩa là nhiếp tâm quán bốn chơn đế, giả sử lửa cháy trên đầu cũng chẳng buông bỏ.

Sáu là đầy đủ chánh niệm : Nghĩa là niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm giới, niệm Thiên, niệm thí xả.

Bảy là nhuyến ngữ : Nghĩa là lời nói chơn thật, lời nói hòa dịu, hỏi thăm trước, nói phải thời, nói chơn chánh.

Tám là hộ pháp : Nghĩa là mến thích chánh pháp, thường ưa diễn thuyết, đọc tụng, biên chép, tư duy ý nghĩa, tuyên dương sâu rộng làm cho chánh pháp được lưu bố, nếu thấy người khác biên chép giải thuyết đọc tụng, tán thán tư duy ý nghĩa, vì sanh sống mà cúng dường y phục, ẩm thục, đồ nằm thuốc men, vì hộ pháp nên chẳng tiếc thân mạng.

Chín là Đại Bồ Tát thấy có bạn đồng học đồng giới thiếu thốn đồ cần dùng, như y phục, thuốc men, đồ uống ăn, phòng nhà v.v…, thời đi khất xin người khác để cung cấp các vị ấy.

Mười là đầy đủ trí huệ : Nghĩa là quan sát nơi đức Như Lai thường, lạc, ngã, tịnh, tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, quan sát hai tướng không và bất không của các pháp, thường cùng vô thường, lạc cùng vô lạc, ngã cùng vô ngã, tịnh cùng bất tịnh, pháp khác có thể dứt, pháp khác chẳng thể dứt, pháp khác từ duyên sanh, pháp khác từ duyên thấy, pháp khác từ duyên thành quả, pháp khác chẳng phải duyên thành quả, đây gọi là đầy đủ trí huệ.

Nầy Thiện Nam Tử ! Đây gọi là BồTát đầy đủ mười pháp, có thể thấy rõ Niết Bàn vô tướng .

_ Bạch Thế Tôn ! Như trước kia đức Phật bảo Thuần Đà : Nay ông đã được thấy Phật tánh, được Đại Niết Bàn, thành vô thượng Bồ Đề, lời đó nghĩa thế nào ?

Bạch Thế Tôn ! Như trong kinh nói : Nếu bố thí cho súc sanh thời được phước báu trăm lần hơn bố thí cho Nhứt Xiển Đề được phước báo ngàn lần hơn, bố thí cho người trì giới được phước báo trăm ngàn lần hơn, bố thí cho người ngoại đạo dứt phiền não được phước báo vô lượng, dưng cúng cho bực tứ hướng nhẫn đến bực tứ quả cùng Bích Chi Phật thời được phước báo vô lượng, dưng cúng cho bực Bất Thối Bồ Tát, bực Đại Bồ Tát thân rốt sau, chư Phật Thế Tôn, thời đặng phước báo vô lượng vô biên chẳng thể nghĩ bàn, chẳng thể tính đếm.

Bạch Thế Tôn ! Nếu ông Thuần Đà hưởng thọ vô lượng như vậy, phước báo nầy vô tận, thời chừng nào ông sẽ được vô thượng Bồ Đề?

Bạch Thế Tôn ! Trong kinh lại có nói nếu có người do tâm ân trọng mà tạo nghiệp thiện nghiệp ác, chắc chắn được quả báo : Hoặc hiện đời, hoặc đời kế hoặc đời sau. Nay ông Thuần Đà do tâm ân trọng mà tạo nghiệp thiện, quyết định được phước báo. Nếu quyết định được phước báo thời thế nào chứng được vô thượng Bồ Đề ? Thế nào lại được thấy Phật tánh ?

Bạch Thế Tôn ! Trong kinh lại nói : Bố thí cho ba hạng người thời được phước báo vô tận : Một là người bịnh, hai là cha mẹ, ba là chư Phật Như Lai.

Bạch Thế Tôn ! Và lại trong kinh đức Phật bảo A Nan : Tất cả chúng sanh nếu không có nghiệp cõi dục thời được vô thượng Bồ Đề không có nghiệp cõi sắc cõi vô sắc cũng như vậy.

Bạch Thế Tôn ! Như bài kệ trong kinh pháp cú :

Chẳng phải hư không, trong biển cả.
Chẳng phải vào núi, trong kẹt đá,
Tất cả mọi nơi, tất cả chỗ,
Không chỗ nào thoát khỏi quả báo.

Lại thuở kia A Nậu Lâu Đà bạch Phật : Tôi nhớ đời trước nhờ bố thí một bữa ăn mà trong muôn kiếp chẳng đọa ác đạo.

Bạch Thế Tôn ! Bố thí một bữa ăn còn được phước báo như vậy, huống là Thuần Đà do tâm kính tin mà cúng dường Phật thành tựu đầy đủ Đàn Ba La Mật.

Bạch Thế Tôn ! Nếu phước báo lành là vô tận, thời hủy báng Đại Thừa phạm tội ngũ nghịch phá bốn giới trọng, tội Nhứt Xiển Đề thế nào hết được?

Nếu chẳng hết được thời thế nào có thể được thấy Phật tánh, thành vô thượng Bồ Đề ?

Phật nói : " Lành thay ! Lành thay ! Nầy Thiện Nam Tử ! Chỉ có hai hạng người có thể được vô lượng vô biên công đức chẳng thể tính đếm chẳng thể tính nói, có thể cạn giòng sông sanh tử, hàng phục ma oán, vô ngã tràng ma, có thể chuyển pháp luân vô thượng : Một là người khéo hỏi, hai là người khéo đáp.

Nầy Thiện Nam Tử ! Trong mười trí lực của Phật, nghiệp trí lực là rất sâu hơn cả.

Có những chúng sanh ở trong nghiệp duyên lòng khinh dể chẳng tin, vì độ họ mà Phật nói như vầy : Tất cả nghiệp gây tạo ra, có nghiệp nhẹ, có nghiệp nặng. Hai nghiệp lại đều có hai : Một là quyết định, hai là bất định.

Nầy Thiện Nam Tử ! Hoặc có người cho rằng ác nghiệp không quả, nếu nói ác nghiệp quyết định có quả báo, tại sao Khí Hứ Chiên Đà La mà được sanh lên trời ? Ươn Quật Ma La được quả giải thoát ? Do đây nên biết tạo nghiệp có quyết định được quả báo và chẳng quyết định được quả báo.

Ta vì trừ tà kiến nầy, nên trong kinh ta nói rằng tất cả nghiệp tạo ra không nghiệp nào chẳng có quả báo.

Nầy Thiện Nam Tử ! Hoặc có nghiệp nhẹ có thể làm cho nặng. Chẳng phải tất cả người chỉ có ngu và trí. Do đây nên biết chẳng phải tất cả nghiệp đều quyết định có quả, dầu chẳng quyết định có quả nhưng cũng chẳng phải là chẳng có.

Nầy Thiện Nam Tử ! Tất cả chúng sanh có hai hạng : Người trí và kẻ ngu. Người trí nhờ sức trí huệ có thể làm cho nghiệp địa ngục rất nặng trở thành quả báo nhẹ hiện đời. Người ngu si thời hoặc lại làm cho nghiệp nhẹ hiện đời trở thành quả báo nặng nơi địa ngục.

_ Bạch Thế Tôn ! Nếu như vậy thời chẳng nên cầu phạm hạnh thanh tịnh cùng quả giải thoát.

_ Nầy Thiện Nam Tử ! Nếu tất cả nghiệp quyết định có quả thời chẳng nên cầu phạm hạnh giải thoát. Vì nghiệp bất tịnh nên phải tu phạm hạnh và quả giải thoát.

Nầy Thiện Nam Tử ! Nếu xa lìa được tất cả nghiệp ác thời được quả lành. Nếu xa lìa nghiệp lành thời mang quả báo ác. Nếu tất cả nghiệp quyết định có quả, thời chẳng nên cần tu tập thánh đạo, nếu chẳng nên tu thánh đạo thời không được giải thoát. Tất cả thánh nhơn sở dỉ tu tập thánh đạo vì để phá hoại định nghiệp thành quả báo nhẹ và làm cho nghiệp bất định không có quả báo. Nếu tất cả nghiệp quyết định có quả, thời chẳng nên cầu tu tập thánh đạo. Nếu ai xa lìa thánh đạo thời không bao giờ được giải thoát. Chẳng được giải thoát thời không được Niết Bàn.

Nầy Thiện Nam Tử ! Nếu tất cả nghiệp quyết định có ngã, thời một đời tạo nghiệp thuần thiện lẽ ra phải mãi mãi thường hưởng thọ quả an vui. Một đời gây tạo tội ác rất nặng lẽ ra cũng mãi mãi chịu quả khổ lớn. Nếu nghiệp quả như vậy thời không có sự tu thánh đạo cùng giải thoát và Niết Bàn, người làm người thọ : Bà La Môn làm Bà La Môn thọ. Nếu như vậy thời lẽ ra chẳng có giòng hạ tiện người hạ tiện. Người lẽ ra luôn luôn là người, Bà La Môn lẽ ra mãi mãi là Bà La Môn. Lúc nhỏ tạo nghiệp lẽ ra lúc nhỏ thọ báo chẳng nên đến lúc trung niên và lúc già mới thọ. Lúc già tạo nghiệp ác khi sanh vào trong địa ngục, thân địa ngục lúc trẻ lẽ ra chẳng chịu khổ. Nếu lúc già chẳng sát sanh chẳng nên thuở tráng niên được sống còn, nếu thuở tráng niên chẳng sống còn thời thế nào có tuổi già, vì nghiệp không mất, nếu nghiệp không mất thế nào mà có tu hành thánh đạo đến quả Niết bàn.

Nầy Thiện Nam Tử ! Có hai thứ nghiệp : Định và bất định. Định nghiệp có hai : Báo định và thời định. Hoặc có báo định mà thời gian bất định, lúc duyên hiệp thời thọ báo, hoặc ba thời gian thọ báo nghĩa là đời hiện tại thọ, đời kế thọ, đời sau thọ.

Nầy Thiện Nam Tử ! Nếu định tâm làm những nghiệp lành, nghiệp ác, làm rồi sanh lòng rất tin vui mừng, nếu phát nguyện cúng dường Tam Bảo, đây gọi là định nghiệp.

Nầy Thiện Nam Tử ! Người trí căn lành sâu chắc khó lay động nên có thể làm cho nghiệp nặng thành nhẹ. Người ngu si điều bất thiện sâu dày nên có thể làm cho nghiệp nhẹ trở thành quả báo nặng. Do nghĩa nầy nên tất cả nghiệp chẳng gọi là quyết định.

Đại Bồ Tát không có nghiệp địa ngục, vì chúng sanh mà phát nguyện sanh trong địa ngục.

Nầy Thiện Nam Tử ! Thuở xưa lúc chúng sanh tuổi thọ trăm năm, có hằng sa chúng sanh bị quả báo địa ngục, lúc đó ta thấy như vậy liền phát nguyện

thọ thân địa ngục. Nên biết rằng lúc đó Bồ Tát thiệt không có nghiệp địa ngục, vì chúng sanh mà thọ thân địa ngục. Ở trong địa ngục cả vô lượng năm, và vì những người tội mà phân biệt giảng nói mười hai bộ kinh. Những người tội được nghe kinh pháp thoát khỏi quả báo ác làm cho địa ngục trống không, trừ hạng Nhứt Xiển Đề.

Đây gọi là Đại Bồ Tát chẳng phải nơi đời hiện tại, đời kế, đời sau thọ lấy nghiệp ác.

Nầy Thiện Nam Tử ! Trong Hiền kiếp nầy có vô lượng chúng sanh đọa trong loài súc sanh chịu phải nghiệp báo ác. Ta thấy như vậy, vì muốn thuyết pháp độ chúng sanh, nên phát nguyện làm cheo, nai, gấu, khỉ, rồng, voi, kim súy điểu, bồ câu, cá, trạnh, thỏ, rắn , bò , ngựa.

Nầy Thiện Nam Tử ! Đại Bồ Tát thiệt không có nghiệp súc sanh như vậy, vì nguyện lực muốn độ chúng sanh, nên hiện thọ thân súc sanh. Đây gọi là Đại Bồ Tát chẳng phải hiện đời, đời kế, đời sau thọ nghiệp ác như vậy.

Nầy Thiện Nam Tử ! trong Hiền kiếp nầy, lại có vô lượng vô biên chúng sanh đọa trong loài ngạ quỉ, hoặc ăn đờm dãi, mỡ, thịt, máu, mũ, phẩn dãi, thọ mạng vô lượng trăm ngàn muôn năm, không bao giờ nghe đến tên nước huống là con mắt ngó thấy mà được uống. Giả sử thấy nước đằng xa trong lòng muốn đến để uốntg, nhưng khi đến gần thời nước biến thành lửa đỏ và máu mủ. Hoặc có lúc nước chẳng biến khác, nhưng lại có nhiều người tay cầm binh khí ngăn cản không cho đến uống . Hoặc có lúc trời mưa, nước mưa rớt đến thân họ liền biến thành lửa. Đây gọi là nghiệp báo ác.

Nầy Thiện Nam Tử ! Đại Bồ Tát thiệt không những nghiệp quả ác như vậy, vì hoá độ chúng sanh llàm cho được giải thoát, nên phát nguyện thọ những thân như vậy. Đây gọi là Đại Bồ Tát chẳng phải hiện đời, đời kế, đời sau thọ lấy nghiệp quả ác như vậy.

Nầy Thiện Nam Tử ! Trong Hiền kiếp nầy, ta từng sanh vào nhà hàng thịt, nuôi gà, nuôi heo, nuôi bò, dê, đi săn bắn, lưới chim, bắt cá, sanh trong nhà Chiên Đà La, làm kẻ cướp, kẻ trộm. Đại Bồ Tát thiệt không nghiệp ác như vậy, vì muốn độ chúng sanh cho được giải thoát, nên dùng nguyện lực lớn thọ những thân như vậy. Đây gọi là Đại Bồ Tát chẳng phải hiện đời, đời kế, đời sau thọ nghiệp báo ác như vậy.

Nầy Thiện Nam Tử ! Trong Hiền kiếp nầy, ta lại sanh vào chốn biên địa, làm nhiều việc tham dục, sân khuể, ngu si, quen làm những điều phi pháp,

chẳng tin Tam Bảo và quả báo đời sau, chẳng cung kính cha mẹ tôn trưởng. Thiệt ra lúc đó Bồ Tát không có những ác nghiệp như vậy. Vì muốn làm cho chúng sanh được giải thoát, nên dùng nguyện lực lớn mà thọ sanh. Đây gọi là Đại Bồ Tát chẳng phải hiện đời, đời kế, đời sau thọ ác nghiệp như vậy.

Nầy Thiện Nam Tử ! Trong Hiền kiếp nầy ta lại thọ lấy thân nữ, thân ác, thân tham, thân sân , thân si, thân tật đố, thân bỏn xẻn, thân ảo thuật, thân dối trá, thân đần độn. Thiệt ra lúc đó Bồ Tát không có những nghiệp như vậy chỉ vì muốn độ chúng sanh cho được giải thoát , nên dùng nguyện lực lớn mà được thọ sanh. Đây gọi là Đại Bồ Tát chẳng phải hiện đời, đời kế, đời sau thọ lấy nghiệp ác như vậy.

Đại Bồ Tát hiện thọ những thân huỳnh môn, không căn, hai căn, và căn bất định cũng như vậy.

Nầy Thiện Nam Tử ! Trong Hiền kiếp nầy, ta lại học tập giáo pháp của ngoại đạo Ni Kiền Tử, tin thọ giáo pháp của họ : Không bố thí, không thờ phụng, không báo bố thí thờ phụng, không nghiệp thiện, nghiệp ác, không quả báo thiện ác, không đời hiện tại, không đời vị lai, không đây không kia, không thánh nhơn, không thân biến hoá, không đạo Niết Bàn. Thiệt ra Bồ Tát không có những ác nghiệp như vậy, vì muốn độ chúng sanh cho được giải thoát , nên dùng nguyện lực lớn mà thọ học những tà pháp như vậy. Đây gọi là Đại Bồ Tát chẳng phải hiện đời, đời kế, đời sau, thọ những ác nghiệp như vậy.

Nầy Thiện Nam Tử ! Ta nhớ thuở xưa cùng Đề Bà Đạt Đa đồng làm chủ đoàn con buôn, mỗi người đều có năm trăm khách buôn, đem nhau đến trong biển lớn để tìm lấy châu báu. Vì nghiệp duyên ác nên dọc đường gặp gió to ghe thuyền hư bể, khách buôn đều chết cả. Lúc đó ta cùng Đề Bà Đạt Đa nhờ nghiệp duyên bất sát được quả báo trường thọ, nên gió thổi tấp vào đất liền. Đề Bà Đạt Đa vì tham tiếc của cải châu báu, nên quá sầu khổ mà khóc lóc. Ta bảo Đề Bà Đạt Đa chẳng nên kêu khóc. Đề Bà Đạt Đa liền nói với ta rằng : Như có người nghèo cùng khốn khổ, đến trong gò mã tay nắm tử thi mà nói rằng trông mong người bố thí sự chết vui cho ta, ta sẽ bố thí đời sống nghèo cùng nầy cho người. Lúc đó tử thi liền ngồi dậy bảo người nghèo cùng rằng : Đời sống nghèo cùng người tự thọ lấy, nay ta rất thích sự chết vui nầy thiệt chẳng ham đời sống nghèo cùng của người.

Đề Bà Đạt Đa nói tiếp: Nhưng ngày nay tôi đã không được chết vui mà lại gồm cả sự nghèo cùng, bảo tôi chẳng khóc sao được.

Lúc đó ta lại an ủi rằng : Ông chớ sầu khổ, hiện nay tôi còn được hai viên bảo châu giá trị vô lượng, tôi sẽ chia cho ông. Ta liền chia một viên bảo châu cho Đề Bà Đạt Đa, rồi đến nằm ngũ dưới một cội cây.

Vì quá tham lam nên Đề Bà Đạt Đa sanh ác tâm đâm đui hai mắt của ta để cướp lấy viên bảo châu còn lại rồi bỏ đi.

Lúc đó vì quá đau đớn nên ta rên rỉ. Có một cô gái nghe tiếng rên đến gạn hỏi ta. Ta liền đem tất cả việc trước thuật lại. Cô gái nghe rồi lại hỏi ta : " Ông danh hiệu là gì ? ta đáp rằng : Tôi tên là Thật Ngữ. Cô gái nói : Làm thế nào biết được ông là Thật Ngữ. Ta liền phát thệ rằng : Nếu hiện nay tôi có lòng quấy nói vu cho Đề Bà Đạt Đà, thời cặp mắt tôi phải mù lòa vĩnh viễn, nếu tôi không hư dối thời xin đôi mắt sáng lại như cũ. Ta phát thệ vừa xong thời đôi mắt ta bình phục như cũ.

Nầy Thiện Nam Tử ! Đây gọi là Đại Bồ Tát nói về quả báo đời hiện tại.

Nầy Thiện Nam Tử ! Ta nhớ thuở xưa ta sanh trong nhà Bà La Môn nơi thành Phú Đơn Na ở Nam Thiên Trúc. Thuở đó có Quốc Vương tên Ca La Phú tánh tình hung dữ tự cao tự mạn, tuổi trẻ say đắm sắc đẹp ngũ dục.

Vì muốn độ chúng sanh, nên ta ở ngoài thành ngồi yên lặng tham thiền. Lúc đó Quốc Vương cùng với cung nhơn thể nữ ra ngoài thành dạo chơi, dừng ở dưới rừng nầy. Các thể nữ nhơn đi chơi giỡn bỏ Quốc Vương mà đến chỗ ta ngồi thiền. Ta liền vì các thể nữ thuyết pháp cho họ bỏ lòng tham dục.

Quốc Vương đi tìm các thể nữ, thấy họ đang ngồi quì xung quanh ta. Quốc Vương giận dữ hỏi ta rằng : Nay nhà ngươi đã chứng quả A La Hán chưa ? Ta nói chưa chứng. Quốc Vương lại hỏi nhà ngươi đã được qủa A Na Hàm chưa ? Ta đáp chưa được. Quốc Vương lại nói : " Nay nhà ngươi chưa được hai quả ấy thời là người còn đầy đủ tham dục, tại sao nhà ngươi dám buông lung nhìn ngó các thể nữ của ta ?"

Ta liền thưa rằng : " Đại Vương nên biết cho, nay tôi dầu chưa dứt phiền não tham dục, nhưng trong tâm tôi thiệt không có niệm tham đắm."

Quốc Vương nói : “ Người ngu si ! Trong đời có các tiên nhơn khổ hạnh thấy sắc đẹp còn tham, huống là nhà ngươi tuổi còn trai trẻ, chưa dứt tham dục, làm sao thấy sắc đẹp mà chẳng tham đắm ?”

_ Tâu Đại Vương ! Người thấy sắc đẹp chẳng tham đắm, thiệt chẳng phải do khổ hạnh , mà do nhiếp tâm quán vô thường bất tịnh.

Quốc Vương nói : “ Nếu khinh khi người khác mà phỉ báng, thời thế nào đặng gọi là tu trì tịnh giới ?

_ Tâu Đại Vương ! Nếu có tâm đố kỵ thời có phỉ báng, tôi không tâm đố kỵ thời đâu có phỉ báng.

Quốc Vương nói : “Nầy Đại Đức ! Thế nào gọi là giới ?”

_ Tâu Đại Vương ! Nhẫn nhục gọi là giới.

Quốc Vương nói nếu nhẫn nhục là giới, ta sẽ cắt lỗ tai của nhà ngươi ; nếu nhà ngươi nhẫn chịu được thời biết là nhà ngươi trì giới.

Quốc Vương liền cắt hai tai. Ta dầu bị cắt tai, nhưng nhan sắc chẳng biến đổi. Các quan theo vua thấy việc như vậy liền can gián rằng : Bực đại sĩ như vậy, Đại Vương chẳng nên làm hại.

Quốc Vương càng thêm giận bảo các quan : Tại sao các khanh biết là bực đại sĩ ?

_ Tâu Đại Vương ! Vì lúc bị cắt hai tai, chúng tôi thấy dung sắc chẳng biến đổi.

Quốc Vương nói : Ta sẽ thí nghiệm coi dung sắc biến đổi hay chẳng biến đổi. Nói xong , Quốc Vương liền thẻo mũi chặt tay, chặt chưn của ta.

Vì Bồ Tát đã trải qua vô lượng vô biên đời tu tập từ bi thương xót chúng sanh, nên không khổ cũng không giận.

Lúc đó Tứ Thiên Vương bất bình liền làm mưa cát mưa đá. Quốc Vương sợ hãi quì trước ta mà thưa rằng : Ngưỡng mong xót thương cho tôi sám hối.

Ta nói : ‘ Đại Vương ! Trong lòng của rôi không sân hận cũng như không tham đắm.”

Quốc Vương nói : Nầy Đại Đức ! Làm thế nào biết được rằng tâm Đại Đức không sân hận ?

Ta liền phát thệ : " Nếu tôi thiệt không sân hận nguyện cho thân của tôi bình phục như cũ. Phát nguyện vừa xong thân thể của ta liền bình phục.

Đây gọi là Đại Bồ Tát nói quả báo đời hiện tại.

Nầy Thiện Nam Tử ! Nghiệp lành có quả báo đời kế, quả báo đời sau, nghiệp chẳng lành cũng như vậy.

Đại Bồ Tát lúc được vô thượng Bồ Đề, tất cả các nghiệp đều được quả báo hiện tại.

Nghiệp ác chẳng lành mắc lấy quả báo hiện tại như Quốc Vương làm ác bị trời mưa cát mưa đá. Cũng như có người chỉ chỗ ở của gấu và nai bảo sắc, tay người chỉ liền rụng rớt. Đây gọi là nghiệp ác thọ lấy quả báo trong hiện tại.

Đời kế thọ quả báo, như Nhứt Xiển Đề phạm bốn tội trọng và tội ngũ ngghịch.

Quả báo đời sau, như người trì giới phát nguyện lớn : Nguyện đời vị lai thường được giới thân thanh tịnh như vậy. Như có chúng sanh lúc tuổi thọ trăm năm, tám chục năm, trong thời kỳ sẽ làm Chuyển Luân Thánh Vương giáo hóa chúng sanh.

Nầy Thiện Nam Tử ! Nếu là nghiệp quyết định được quả báo trong hiện đời, thời không thể được quả báo đời kế cùng đời sau.

Đại Bồ Tát tu nghiệp nhơn ba mươi hai tướng tốt, thời không thể được quả báo trong đời hiện tại. Nếu là nghiệp chẳng thọ lấy ba thứ quả báo như vậy thời gọi là nghiệp bất định.

Nầy Thiện Nam Tử ! Nếu cho rằng những nghiệp nhơn quyết định có quả báo, thời chẳng được có sự tu tập phạm hạnh, giải thoát Niết Bàn. Nên biết rằng người nói lời nầy chẳng phải là đệ tử của Phật mà chính là quyến thuộc của ma.

Nếu nói rằng các nghiệp có định nghiệp và bất định nghiệp. Định nghiệp thời có quả báo hiện tại, quả báo đời kế, quả báo đời sau. Bất định nghiệp

thời lúc nhơn duyên hội hiệp bèn thọ báo, chẳng hội hiệp thời chẳng thọ báo. Do đây nên có tu phạm hạnh, giải thoát Niết Bàn. Nên biết rằng người nói lời nầy thiệt là đệ tử Phật.

Nầy Thiện Nam Tử ! Tất cả chúng sanh gây tạo nghiệp bất định thời nhiều, tạo định nghiệp thời ít. Vì thế nên có tu tập đạo hạnh. Do tu tập đạo hạnh nên định nghiệp trọng có thể làm cho thọ báo nhẹ, những nghiệp bất định chẳng thọ quả báo đời kế.

Nầy Thiện Nam Tử ! Có hai hạng người : Một là hạng người với nghiệp bất định làm thành quả báo quyết định, quả báo hiện đời làm thành quả báo đời kế, quả báo nhẹ làm thành quả báo nặng, đáng lẽ thọ báo trong loài người mà lại thọ báo ở địa ngục. Hai là hạng người với định nghiệp làm thành bất định nghiệp, đáng lẽ thọ báo đời kế làm cho thọ báo đời hiện tại, báo nặng làm thành báo nhẹ, đáng thọ báo địa ngục làm cho thọ báo nhẹ trong loài người. Hai hạng nầy : Một là kẻ ngu, một là người trí. Người trí làm thành nhẹ. Người ngu khiến cho nặng.

Nầy Thiện Nam Tử ! Ví như hai người mắc tội với nhà vua, người có quyến thuộc đông đảo thời tội tất sẽ nhẹ, người quyến thuộc ít tội nhẹ trở thành nặng. Người trí kẻ ngu si cũng như vậy : Người trí nhờ nghiệp lành nhiều nên tội trọng mà thọ quả báo nhẹ. Người ngu vì nghiệp lành ít nên tội nhẹ mà thọ quả báo nặng.

Nầy Thiện Nam Tử ! Ví như hai người một thời mập mạnh, một thời gầy yếu. Hai người nầy đều té xuống bùn sâu. Người mập mạnh lên được, người gầy yếu thời lún mất.

Nầy Thiện Nam Tử ! Ví như hai người đồng uống thuốc độc. Một người có thần chú và thuốc a dà đa. Một người không có. Người có thần chú và thuốc thời độc chẳng làm hại được. Người không có bị chất độc hại chết.

Nầy Thiện Nam Tử ! Ví như hai người đồng uống nước trái cây ép : Một người nhiệt lực thạnh, một người suy yếu. Người nhiệt lực nhiều thời tiêu hóa được. Người suy yếu thời bị nước ấy làm thành bịnh.

Nầy Thiện Nam Tử ! Ví như hai người bị nhà vua bắt trói : Một người có trí huệ, một người thời ngu si. Người có trí thời có thể được thoát khỏi. Người ngu si thời không có thời kỳ thoát khỏi.

Nầy Thiện Nam Tử ! Ví như hai người đồng đi trên đường hiểm trở. Một thời mắt sáng. Một thời mù lòa. Người mắt sáng đi thẳng qua không hại gì. Người mù bị sụp té xuống hố sâu.

Nầy Thiện Nam Tử ! Ví như hai người đồng uống rượu. Một thời ăn nhiều. Một thời ăn ít. Người ăn nhiều uống rượu không bị hại. Người ăn ít uống rượu thời thành bịnh.

Nầy Thiện Nam Tử ! Ví như hai người đều đối địch với giặc thù. Một người thời võ trang đầy đủ, một người thời tay không. Người có võ trang ắt phá được kẻ thù. Người tay không tất chẳng khỏi bị hại.

Nầy Thiện Nam Tử ! Ví như hai người bị phẩn nhơ vấy vào y phục. Một người vừa biết liền giặt y phục. Một người biết mà chẳng chịu giặt. Người giặt liền đó thời y phục sạch sẽ. Người chẳng chịu giặt thời nhơ uế càng tăng thêm.

Nầy Thiện Nam Tử ! Lại có hai người đều ngồi xe. Một xe có trục có căm, một xe thời không trục không căm. Người ngồi xe có trục có căm thời tùy ý mà đi. Người ngồi xe không trục không căm thời không đi đâu được.

Lại có hai người đều đi trên đường hoang vắng. Một người có mang lương thực, một người thời đi không. Người có mang lương thời qua khỏi được con đường hiểm. Người đi không ắt chẳng qua được.

Lại có hai người bị kẻ cướp giựt. Một người có kho báu kín, một người thời không. Người có kho báu kín thời không lo rầu. Người không có kho báu thời sầu khổ.

Kẻ ngu người trí cũng như vậy : Người trí có kho báu lành nên nghiệp nặng mà thọ báo nhẹ. Người không có báu lành thời nghiệp nhẹ phải thọ báo nặng.

Sư Tử Hống Bồ Tát bạch rằng : “ Thế Tôn ! Như lời Phật nói chẳng phải là tất cả nghiệp đều thành quả nhứt định cũng chẳng phải tất cả chúng sanh quyết định thọ báo. Bạch Thế Tôn ! Chúng sanh làm thế bào khiến quả báo nhẹ hiện tại phải thọ báo nặng ở địa ngục ? Làm thế nào khiến quả báo nặng địa ngục trở thành báo nhẹ trong đời hiện tại ?”

Phật nói : “ Có hai hạng chúng sanh : Một là trí hai là ngu. Nếu có thể tu tập thân, giới, tâm, huệ, nơi tâm thời gọi là người trí. Nếu chẳng thể tu tập thời gọi là kẻ ngu.

Nếu chẳng thể điều nhiếp năm căn thời gọi là chẳng tu thân. Nếu chẳng thể thọ trì bảy thứ tịnh giới thời gọi là chẳng tu giới. Vì chẳng điều tâm nên gọi là chẳng tu tâm. Chẳng tu tập thánh hạnh thời gọi là chẳng tu huệ.

Lại người chẳng tu thân thời không thể đầy đủ giới thể thanh tịnh. Người chẳng tu giới thời nhận chứa tám thứ vật bất tịnh. Người chẳng tu tâm thời chẳng thể tu tập ba thứ tướng. Người chẳng tu huệ thời chẳng tu tập phạm hạnh.

Lại người chẳng tu thân thời chẳng thể quán thân, quán sắc, và quán sắc tướng, chẳng quán thân tướng, chẳng biết thân số, chẳng biết thân nầy từ đây đến kia, ở trong chẳng phải thân mà tưởng là thân, ở trong chẳng phải sắc mà tưởng là sắc, do đây nên tham đắm thân và thân số, đây gọi là chẳng tu thân.

Người chẳng tu giới nếu thọ hạ giới thời chẳng gọi là tu giới, thọ trì biên giới, giới gì tự lợi, giới gì tự điều phục, chẳng thể làm cho khắp chúng sanh được an vui, chẳng phải vì hộ trì chánh pháp vô thượng, vì sanh lên cõi trời hưởng thọ ngũ dục, đây chẳng gọi là tu giới.

Người chẳng tu tâm thời tâm tán loạn không thể chuyên nhứt duyên nơi tự cảnh. Tự cảnh chính là tứ niệm xứ. Cảnh khác là nói ngũ dục. Nếu không thể tu tập tứ niệm xứ thời gọi là chẳng tu tâm.

Ở trong nghiệp ác nếu chẳng khéo giữ gìn tâm niệm thời gọi là chẳng tu huệ.

Lại người chẳng tu thân thời không thể quan sát thấu đáo thân nầy là vô thường, là vô trụ, là mỏng manh, là niệm niệm diệt hoại, là cảnh giới của ma.Người chẳng thể tu giới thời không thể đầy đủ Thi La Ba La Mật. Người chẳng tu tâm thời không thể đầy đủ Thiền Na Ba La Mật. Người chẳng tu huệ thời không thể đầy đủ Bát Nhã Ba La Mật.

Lại người chẳng tu thân thời tham đắm thân ta và thân sở hữu của ta, cho rằng thân ta thường hằng không có biến đổi. Người chẳng tu giới thời vì tự thân mà tạo mười nghiệp ác. Người chẳng tu tâm thời ở trong nghiệpo ác không thể nhiếp tâm. Người chẳng tu huệ do vì không nhiếp tâm nên không phân biệt được những pháp thiện ác.

Lại người chẳng tu thân thời chẳng dứt ngã kiến. Người chẳng tu giới thời không dứt được giới thủ. Người chẳng tu tâm thời tạo nghiệp tham sân mà phải đọa địa ngục. Người chẳng tu huệ thời không dứt được tâm si.

Lại người chẳng tu thân thời không thể quán thân, dầu thân không lỗi lầm nhưng nó luôn là kẻ oán thù. Ví như có người bị kẻ thù theo dỏi, nếu người nầy có trí thời cẩn thận giữ gìn, nếu không thận trọng ắt bị kẻ thù làm hại, thân của tất cả chúng sanh cũng như vậy, thường phải dùng đồ uống món ăn, đồ lạnh đồ ấm để nuôi dưỡng, nếu chẳng khéo giữ gìn nuôi dưỡng thời nó sẽ tan rả.

Như Bà La Môn kính thờ Lửa, họ thường dưng hương hoa tán thán lễ bái, hạn kỳ phải đủ trăm năm, nếu lúc chạm đến liền đốt cháy tay người. Dầu lửa nầy được cung kính cúng dường như vậy, nhưng trọn không một niệm báo ân cho người phụng sự. Thân của tất cả chúng sanh cũng như vậy, dầu trong nhiều năm dùng hương hoa châu ngọc y phục đồ uống ăn đồ nằm, thuốc men tẩm bổ mà cung cấp đó, nếu gặp những duyên xấu hoặc trong hoặc ngoài thời liền hoại diệt, nó trọn chẳng nhớ tưởng đến ơn cung cấp ngày trước.

Ví như có Quốc Vương nuôi bốn con rắn độc trong một cái rương, giao phó cho một người bảo phải nuôi nấng săn sóc. Trong bốn con rắn nầy, nếu một con nổi giận thời có thể giết hại chết người. Người có phận sự săn sóc rắn luôn luôn lo sợ thường tìm món ăn thức uống giữ gìn nuôi nấng. Thân tứ đại của tất cả chúng sanh cũng như vậy, nếu một đại nổi giận thời có thể làm cho thân phải hư hoại.

Như người mang bịnh lâu phải nên hết lòng tìm y sĩ chữa trị, nếu chẳng siêng lo điều trị ắt phải chết. Thân của tất cả chúng sanh cũng như vậy, thường phải nhứt tâm chẳng nên buông lung, nếu buông lung thời hoại diệt.

Ví như bình đất chưa hầm thời không chịu được gió mưa đập ném dằn đè. Thân của tất cả chúng sanh cũng như vậy, chẳng chịu được đói khát lạnh cóng, gió mưa đánh đập mắng nhiếc.

Như mụn nhọt chưa muồi phải thường giữ gìn chớ cho người chạm đến, nếu để đụng chạm thời đau đớn lắm. Thân của tất cả chúng sanh cũng như vậy.

Ví như con la mang thai nghén thời tự hại lấy thân nó. Thân của tất cả chúng sanh cũng như vậy, nếu trong thân có phong lãnh thời thân phải bị hại.

Ví như cây chuối trổ buồng thời phải khô chết. Thân của tất cả chúng sanh cũng như vậy.

Như cây chuối không có lõi cứng. Thân của tất cả chúng sanh cũng như vậy.

Như rắn, chuột, chó sói, mỗi con thường sanh lòng oán hại lẫn nhau. Tứ đại của chúng sanh cũng như vậy.

Ví như con ngỗng chúa chẳng thích gò mả. Bồ Tát cũng như vậy, đối với thân thể cũng chẳng ưa thích.

Như giòng Chiên Đà La bảy đời nối nhau chẳng bỏ nghiệp hèn, đo đây nên bị người khinh tiện. Chủng tử của thân nầy cũng như vậy, tinh huyết hôi tanh hoàn toàn bất tịnh. Vì bất tịnh nên chư Phật và Bồ Tát quở khinh. Thân nầy chẳng phải như núi Ma La Da mọc cây Chiên đàn, cũng chẳng thể sanh hoa Ưu Bát La, hoa Phân Đà Lợi, hoa Chiêm Bà, hoa Ma Lợi Ca, hoa Bà Sư Ca. Chín lỗ của nó thường chảy ra máu mủ bất tịnh, chỗ nó sanh hôi dơ xấu xa đáng gớm, nó thường cùng các loài trùng đồng ở một chỗ.

Ví như trong đời dầu có vườn rừng thanh tịnh xinh đẹp, nhưng trong nhà chứa tử thi thời là bất tịnh, mọi người đều lìa bỏ chẳng ưa thích. Cõi sắc cũng như vậy, dầu là thanh tịnh tốt đẹp, nhưng vì có thân nên bị chư Phật cùng Bồ Tát lìa bỏ đó.

Nầy Thiện Nam Tử ! Nếu người chẳng thể quan sát như vậy thời chẳng thể gọi là tu thân.

Nầy Thiện Nam Tử ! Nếu chẳng thể quan sát giới luật là thần thang của tất cả pháp lành, cũng là cội gốc của tất cả pháp lành, như mặt đất là chỗ dựa nương của tất cả cây cối, là đạo thủ của các thiện căn, như thương chủ dẫn dắt đoàn người buôn. Giới là thắng tràng của tất cả pháp lành như thắng tràng của Thiên Đế Thích dựng. Giới có thể dứt hẳn tất cả nghiệp ác và ba ác đạo, có thể trị lành những bịnh dữ như dược thọ. Giới là tư lương trên con đường hiểm sanh tử. Giới là giáp trượng đánh dẹp những giặc phiền não hung ác. Giới là thần chú hay diệt rắn độc kiết sử. Giới là cây cầu đi qua khỏi nghiệp ác. Nếu chẳng thể quan sát như vậy thời gọi là chẳng tu giới.

Nếu không thể quan sát tâm niệm động chuyển lăng xăng, khó nắm lấy khó điều phục, lung chạy như voi dữ, nệm niệm mau chóng như chớp nháng, nhảy nhót chẳng dừng như khỉ vượn, như huyễn, như dương diệm, tâm niệm nầy là cội gốc của tất cả điều ác, ngũ dục khó vừa lòng như lửa thêm củi,

như biển cả nuốt hết các giòng sông, như núi Mạn Đà cỏ cây quá nhiều, chẳng thể thấy biết sanh tử hư vọng, mê lầm say đắm đến nỗi thành bịnh, như cá nuốt lưỡi câu. Thường đi trước dẫn theo những tội nghiệp như con bối mẫu dắt đàn con. Tham đắm ngũ dục chẳng thích Niết Bàn, như lạc đà ăn mật nhẫn đến chết chẳng đoái cỏ non. Quá tham đắm sự vui hiện tại chẳng nhìn đến lỗi lầm ngày sau, như bò tham ăn lúa mạ chẳng sợ roi gậy. Chạy khắp hai mươi lăm cõi, như giùo mạnh thổi bông nâu la. Chỗ chẳng đáng tìm cầu mà cầu đó không nhàm đủ như người vô trí cầu lửa không nóng. Thường thích sanh tử chẳng ưa giải thoát, như trùng nhiệm bà thích cây nhiệm bà. Mê lầm tham đắm sanh tử hôi nhơ, như kẻ ngục tù thích gái ngục tốt, cũng như heo trong chuồng ưa chỗ bất tịnh. Nếu có người không thể quan sát như vậy thời gọi là chẳng tu tâm.

Người chẳng tu huệ, chẳng quan sát trí huệ có thế lực lớn, như kim sí điểu có thể hoại nghiệp ác, như ánh sáng mặt trời phá tan tối tăm, trí huệ có thể nhổ cây ngũ ấm như nước đẩy trôi đồ vật, đốt cháy tà kiến như lửa hừng trí huệ là cội gốc của tất cả pháp lành, là chủng tử của Phật và Bồ Tát. Nếu không thể quan sát như vậy thời gọi là chẳng tu trí huệ.

Nầy Thiện Nam Tử ! Trong đệ nhứt nghĩa, nếu thấy thân, thân tướng, thân nhơn, thân quả, nhiều thân, thân một, thân hai, thân đây, thân kia, thân diệt, thân bình đẳng, thân tu, người tu, nếu có thấy như vậy thời gọi là chẳng tu thân.

Nầy Thiện Nam Tử ! Nếu thấy giới, giới tướng, giới nhơn, giới quả, giới thượng, giới hạ, giới tụ, giới một, giới hai, giới đây, giới kia, giới diệt, giới bình đẳng, giới tu, người tu, giới Ba La Mật, nếu có thấy như vậy thời gọi là chẳng tu giới.

Nầy Thiện Nam Tử ! Nếu thấy tâm, tâm tướng, tâm nhơn, tâm quả, tâm tu, tâm vương, tâm sở, tâm một, tâm hai, tâm đây, tâm kia, tâm diệt, tâm bình đẳng, tâm tu, người tu, tâm thượng trung hạ, tâm thiện, tâm ác, nếu có thấy như vậy thời gọi là chẳng tu tâm.

Nầy Thiện Nam Tử ! Nếu thấy huệ, huệ tướng, huệ nhơn, huệ quả, huệ tu, huệ một, huệ hai, huệ đây, huệ kia, huệ diệt, huệ bình đẳng, huệ thượng trung hạ, huệ lợi, huệ độn, huệ tu, người tu, nếu có thấy như vậy thời gọi là chẳng tu huệ.

Nầy Thiện Nam Tử ! Nếu chẳng tu thân giới tâm huệ, những người như vậy ở nơi nghiệp ác nhỏ mà mắc phải quả báo lớn. Do vì khủng bố nên thường

nghĩ rằng : Tôi thuộc người địa ngục làm hạnh địa ngục. Dầu nghe người trí nói khổ, địa ngục, thường nghĩ rằng như sắt đập sắt, như đá trở lại đập đá, như gỗ tự đập gỗ, như vi trùng lửa thích lửa, thân địa ngục trở lại giống địa ngục, nếu giống địa ngục thời có gì là khổ.

Ví như con lằn xanh bị dính nơi nước miếng chẳng thể bay được, người nầy cũng vậy ở trong tội nhỏ không thể thoát khỏi, trọn không lòng ăn năn, chẳng thể tu pháp lành, che giấu tội lỗi, dầu có tất cả nghiệp lành thuở quá khứ, nhưng đều bị tội nầy làm cấu nhơ, người nầy có báo nhẹ đáng lẽ hiện đời thọ lấy mà trở lại thành quả báo rất nặng nơi địa ngục.

Như trong chậu nước nhỏ để vào một thăng muối, nước đó mặn, chát khó uống được, tội nghiệp của người nầy cũng như vậy.

Ví như có người mắc nợ một tiền chẳng trả được nên thân bị trói buộc chịu nhiều sự khổ, tội nghiệp của người nầy cũng như vậy.

Sư Tử Hống Bồ Tát bạch rằng : " Thế Tôn ! Cớ gì người nầy làm cho quả báo nhẹ hiện đời trở thành quả địa ngục ?

Phật nói : " Nầy Thiện Nam Tử ! Tất cả chúng sanh nếu đủ năm việc thời làm cho quả báo nhẹ hiện đời trở thành quả địa ngục : Một là vì ngu si, hai là vì căn lành kém ít, ba là vì ác nghiệp sâu nặng, bốn là vì chẳng sám hối, năm là vì chẳng tu nghiệp lành hiện đang tu tập.

Lại có năm việc : Một là vì tu tập nghiệp ác, hai là vì không giới đức, ba là vì xa lìa căn lành, bốn là vì chẳng tu thân giới tâm huệ, năm là vì gần gũi bạn ác.

Nầy Thiện nam Tử ! Do vì đủ những việc trên đây, nên chúng sanh làm cho quả báo nhẹ hiện đời thành quả báo địa ngục.

_ Bạch Thế Tôn ! Những người nào có thể chuyển báo địa ngục thành quả báo nhẹ hiện đời ?

_ Nầy Thiện Nam Tử ! Nếu có người tu tập thân giới tâm huệ như đã nói ở trên, có thể thấy các pháp đồng với hư không, chẳng thấy trí huệ cũng như chẳng thấy người trí, chẳng thấy ngu si cũng như chẳng thấy kẻ ngu, chẳng thấy tu tập và người tu tập, đây gọi là người trí. Người nầy có thể tu tập thân giới tâm huệ. Người nầy có thể làm cho báo địa ngục trở thành quả nhẹ hiện đời : Giả sử người nầy gây tạo ác nghiệp rất nặng, nhờ tư duy quan sát có thể

làm cho nghiệp nặng thành nhẹ. Người nầy nghĩ rằng : Nghiệp của ta dầu nặng nhưng chẳng bằng nghiệp lành. Như bông vải dầu nhiều nặng cả trăm cân, nhưng chẳng thể sánh bằng một lượng vàng ròng. Như đem một thăng muối ném vào trong sông hằng, nước sông không vị mặn người uống chẳng biết. Như người giàu to dầu thiếu người ngàn muôn vật báu cũng không ai bắt bớ làm khổ được. Như đại hương tượng có thể bức dây xích sắt mà đi tự tại. Người trí huệ cũng như vậy, thường suy nghĩ rằng công đức lành của tôi nhiều, nghiệp ác yếu kém, tôi có thể phát lồ sám hối trừ hết tội ác, tôi có thể tu tập trí huệ làm cho sức trí huệ nhiều, sức vô minh ít.

Nghĩ như vậy rồi, gần gũi bạn lành tu tập chánh kiến, thọ trì đọc tụng biên chép giải thuyết mười hai bộ kinh. Sanh lòng cung kính đối với những người trì tụng biên chép giải thuyết mười hai bộ kinh, và đem những y phục, đồ uống ăn, phòng nhà , giường nệm, thuốc men, hoa hương mà cúng dường, thường tôn trọng tán thán, đi đến đâu cũng đều khen ngợi hạnh lành của người đó, chẳng nói đến việc kém dở của người đó. Thường cúng dường Tam bảo kính tin pháp Đại Thừa kinh Đại Niết Bàn. Tin đức Như Lai thường hằng không có biến đổi. Tin tất cả chúng sanh đều có Phật tánh. Người nầy có thể làm cho báo nặng địa ngục trở thành quả nhẹ hiện đời.ï

Nầy Thiện Nam Tử ! Do những nghĩa trên đây nên chẳng phải tất cả nghiệp đều quyết định có quả, cũng chẳng phải tất cả chúng sanh đều quyết định thọ báo.

Bạch Thế Tôn ! Nếu tất cả nghiệp chẳng quyết định có quả, tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, lẽ ra phải tu tập tám thánh đạo, cớ gì tất cả chúng sanh đều chẳng được Đại Niết Bàn nầy ?

Bạch Thế Tôn ! Nếu tất cả chúng sanh đều có Phật tánh thời sẽ quyết định được vô thượng Bồ Đề, cần gì phải tu tập tám thánh đạo?

Bạch Thế Tôn ! Như trong kinh nầy nói người có bịnh nếu gặp đặng thuốc hay và người khám bịnh tùy theo bịnh mà cho ăn uống, hoặc chẳng được như vậy tất cả cũng đều được lành mạnh. Tất cả chúng sanh cũng như vậy, nếu gặp Thanh Văn, Bích Chi Phật, Chư Phật , Bồ Tát những bực thiện tri thức, nghe chánh pháp, tu tập thánh đạo hoặc chẳng được gặp được nghe, được tu tập, cũng đều sẽ được thành vô thượng Bồ Đề. Tại sao vậy ? Vì do Phật tánh vậy .

Bạch Thế Tôn ! Ví như không ai có thể ngăn mặt trời, mặt trăng đi vòng khắp bốn châu thiên hạ, tất cả chúng sanh cũng như vậy, không ai có thể

ngăn trở làm cho có thể được đến vô thượng Bồ Đề. Tại sao vậy ? Vì do Phật tánh vậy.

Bạch Thế Tôn ! Cứ theo nghĩa nầy thời tất cả chúng sanh chẳng cần tu hành, do năng lực của Phật tánh đều đáng được vô thượng Bồ Đề.

Bạch Thế Tôn ! Nếu Nhứt Xiển Đề phạm bốn tội trọng năm tội nghịch chẳng được vô thượng Bồ Đề lẽ ra cần phải tu tập, vì do Phật tánh quyết định sẽ được, chẳng phải do tu tập rồi sau mới được.

Bạch Thế Tôn ! Ví như đá nam châm dầu cách xa sắt, nhưng do sức của nó mà sắt bị hút dính. Phật tánh của chúng sanh cũng như vậy, nên chẳng cần siêng năng tu tập thánh đạo.

Phật nói : " Lành thay ! Lành thay ! Nầy Thiện Nam Tử ! Như bên sông Hằng có bảy hạng người hoặc vì tắm rửa, hoặc vì sợ giặc cướp, hoặc vì hái hoa mà vào trong sông :

Người thứ nhứt vào nước thời chìm, vì yếu đuối lại chẳng biết lội.

Người thứ hai dầu bị chìm lại nổi lên nổi rồi lại chìm, vì người nầy có sức mạnh nên có thể nổi lên, vì chẳng biết lội nên lại chìm.

Người thứ ba chìm rồi liền nổi lên, nổi lên chẳng chìm nữa, vì người nầy thân nặng nên chìm, do sức mạnh nên nổi lên, vì biết lội nên không bị chìm nữa.

Người thứ tư vào nước bèn chìm, chìm rồi lại nổi lên, nổi lên rồi bèn chẳng chìm nữa mà ngó khắp bốn phương, vì người nầy thân nặng nên chìm, sức mạnh lại nổi lên, biết lội nên không chìm nữa, chẳng biết lên phía nào nên ngó khắp bốn phương.

Người thứ năm vào nước liền chìm, lại nổi lên rồi không chìm nữa, nhìn ngó phương hướng mà lội đi, vì có lòng sợ sệt.

Người thứ sáu vào nước liền lội đi, đến chỗ cạn thời đứng lại, vì để xem giặc cướp gần hay xa.

Người thứ bảy đã qua đến bờ kia leo lên núi lớn không còn sợ sệt, thoát khỏi giặc cướp lòng rất vui sướng ."

Nầy Thiện Nam Tử ! Sông lớn sanh tử cũng như vậy, có bảy hạng người vì sợ giặc phiền não mà muốn lội qua sông sanh tử, nên xuất gia cạo tóc thân mặc pháp phục. Đã xuất gia rồi gần gũi bạn ác nghe theo lời của họ mà lãnh thọ tà pháp. Họ bảo rằng thân chúng sanh tức là năm ấm, năm ấm gọi là năm đại, chúng sanh nếu chết thời năm đại dứt hẳn, đã dứt hẳn cần gì tu tập những hạnh nghiệp lành dữ, do đây nên biết rằng không có lành dữ cũng như không có quả báo lành dữ. Hạng ngừoi nầy gọi là Nhứt Xiển Đề, gọi là dứt căn lành, vì căn lành đã dứt nên chìm trong sông sanh tử không thể ra được, vì nghiệp ác của họ quá nặng, vì họ không có đức tin, như người thứ nhứt bên bờ sông Hằng.

Nầy Thiện Nam Tử ! Nhứt Xiển Đề có sáu nhơn duyên phải chìm trong ba đường ác không thể thoát được : Một là vì tâm ác quá thạnh, hai là vì chẳng thấy đời sau, ba là vì ưa huân tập phiền não, bốn là vì xa lìa căn lành, năm là vì nghiệp ác ngăn cách, sáu là vì gần gũi bạn ác. Lại có năm điều khiến họ chìm trong ba đường ác : Một là làm việc phi pháp đối với các Tỳ Kheo, hai là làm việc phi pháp đối với các Tỳ Kheo Ni, ba là tự do dùng của vật của chúng Tăng, bốn là làm việc phi pháp với mẹ, năm là sanh sự thị phi đối với năm bộ tăng. Lại có năm điều làm cho họ chìm trong ba đường ác : Một là nói không quả báo thiện ác, hai là giết chúng sanh phá Bồ Đề tâm, ba là ưa nói lỗi lầm của pháp sư, bốn là chánh pháp nói là phi pháp, còn phi pháp nói là chánh pháp, năm là vì tìm lỗi của chánh pháp mà đến nghe học. Lại có ba điều làm cho họ chìm trong ba đường ác : Một là nói Đức Như Lai vô thường nhập diệt vĩnh viễn, hai là nói chánh pháp vô thường dời đổi, ba là nói chúng tăng thiệt có thể hoại diệt.

Người thứ hai muốn qua khỏi sông lớn sanh tử, vì dứt mất căn lành nên chìm không thoát được. Nói rằng thoát khỏi tức là gần gũi bạn lành thời được tín tâm, chính lá tin bố thí và quả bố thí, tin nghiệp lành và quả lành, tin nghiệp ác và quả ác, tin sanh tử là khổ, là vô thường hư hoại. Do được tín tâm nên tu tập tịnh giới, trì tụng, biên chép giải thuyết mười hai bộ kinh, thường thích bố thí, khéo tu trí huệ. Vì độn căn nên lại gặp bạn ác, do đây nên không thể tu tập thân giới tâm huệ, trở lại thọ lấy tà pháp, hoặc gặp thời kỳ ác ở nơi cõi nước ác, nên dứt mất những căn lành mà phải chìm luôn trong sanh tử, như người thứ hai bên sông Hằng.

Người thứ ba muốn qua khỏi sông sanh tử, vì dứt mất căn lành nên chìm đắm ở trong sông. Người nầy gần gũi bạn lành nên được nổi lâu, tin Đức Như lai là bực nhứt thiết trí thường hằng không biến đổi, vì chúng sanh mà nói đạo vô thượng, tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, Như lai chẳng phải

diệt độ, Pháp và Tăng cũng không hoại diệt. Nhứt Xiển Đề nếu chẳng dứt ác pháp của họ thời trọn không thể được vô thượng Bồ Đề. Phải biết rằng cần phải xa lìa rồi sau mới đặng. Do tín tâm nên tu tịnh giới, tu tịnh giới rồi thọ trì đọc tụng biên chép giải thuyết mười hai bộ kinh, vì chúng sanh mà rộng tuyên dương lưu bố, ưa bố thí, tu tập trí huệ, do căn trí lanh lợi nên trụ vững nơi tín huệ không thối chuyển, như người thứ ba bên sông Hằng.

Người thứ tư muốn qua khỏi sông sanh tử, vì dứt căn ành nên chìm trong sông, vì gần gũi bạn lành nên được tín tâm đây gọi là nổi lên. Vì được tín tâm nên được thọ trì đọc tụng biên chép giải thuyết mười hai bộ kinh, rồi vì chúng sanh mà rộng tuyên dương lưu bố, ưa bố thí, tu tập trí huệ, do lợi căn nên đứng vững nơi tín huệ tâm không thối chuyển, quán sát khắp bốn phương, quán sát bốn phương đây là nói bốn quả Sa Môn, như người thứ tư bên sông Hằng.

Người thứ năm muốn lội qua sông sanh tử, vì dứt mất căn lành nên phải chìm trong sông, nhờ gần gũi bạn lành nên được tín tâm đây gọi là nổi lên, do tín tâm nên thọ trì đọc tụng biên chép giải thuyết mười hai bộ kinh, rồi vì chúng sanh mà rộng tuyên dương lưu bố, ưa bố thí, tu tập trí huệ vì lợi căn nên đứng vững nơi tín huệ không thối chuyển, không thối chuyển rồi bèn thẳng đến trước, thẳng đến trước, đây là nói quả Bích Chi Phật, dầu có thể tự độ nhưng chẳng độ đến chúng sanh, đây gọi là đi, như người thứ năm bên sông Hằng.

Người thứ sáu muốn qua khỏi sông sanh tử, vì mất thiện căn nên chìm trong sông, nhờ gần gũi bạn lành mà được tín tâm, đây gọi là nổi lên, do tín tâm nên thọ trì đọc tụng biên chép giải thuyết mười hai bộ kinh, rồi vì chúng sanh mà rộng tuyên dương lưu bố, ưa bố thí, tu tập trí huệ cho lợi căn nên đứng vững nơi tín huệ không thối chuyển, rồi bèn thẳng đến trước gặp chỗ cạn đứng lại chẳng đi nữa. Đứng lại chẳng đi là nói Bồ Tát vì muốn độ chúng sanh nên trụ lại quán sát phiền não, như người thứ sáu bên sông Hằng.

Người thứ bảy muốn thoát khỏi sông sanh tử vì mất căn lành nên chìm trong sông, nhờ gần gũi bạn lành mà được tín tâm đây gọi là nổi lên, do tín tâm nên thọ trì đọc tụng biên chép giải thuyết mười hai bộ kinh, rồi vì chúng sanh mà rộng tuyên dương lưu bố, ưa bố thí , tu tập trí huệ, do lợi căn nên đứng vững nơi tín huệ không thối chuyển, liền thẳng đến bờ kia, leo lên núi cao, lìa khỏi những sự khủng bố, hưởng nhiều sự an vui.

Nầy Thiện Nam Tử ! Núi cao bên bờ kia dụ cho đức Như Lai, hưởng sự an vui dụ cho Phật thường trụ, núi cao lớn dụ cho Đại Niết Bàn.

Nầy Thiện Nam Tử ! Những người ở bên bờ sông Hằng kia đều có đủ tay chân mà không thể qua được. Tất cả chúng sanh cũng như vậy, thiệt có Phật, Pháp, Tăng, Tam Bảo, đức Như Lai thường nói pháp yếu, có tám thánh đạo, có Đại Niết Bàn, mà chúng sanh đều chẳng thể được, đây chẳng phải lỗi của Như Lai cũng chẳng phải lỗi của thánh đạo và chúng sanh, nên biết rằng đều là lỗi ác của phiền não, do đây nên tất cả chúng sanh chẳng được Đại Niết Bàn.

Nầy Thiện Nam Tử ! Như lương y biết rõ bịnh nói phương thuốc, người bịnh chẳng chịu uống, đây chẳng phải là lỗi của Lương Y.

Nầy Thiện Nam Tử ! Như có thí chủ đem tiền của bố thí cho mọi người, có người chẳng chịu nhận lấy, đây chẳng phải là lỗi của thí chủ.

Nầy Thiện Nam Tử ! Như mặt trời mọc lên những chỗ tối tăm đều tỏ sáng, mà người mù lòa kia chẳng thấy đường sá, đây chẳng phải là lỗi của mặt trời.

Nầy ThiệnNam Tử ! Như nước sông Hằng có thể giải trừ sự khát nước, có kẻ khát nước chẳng chịu uống, đây chẳng phải là lỗi của nước.

Nầy Thiện Nam Tử ! Như mặt đất bình đẳng nuôi sống tất cả cây cỏ, có nông phu kia chẳng chịu gieo trồng, đây chẳng phải là lỗi của mặt đất.

Nầy Thiện Nam Tử ! Đức Như Lai khắp vì tất cả chúng sanh mà rộng mở bày phân biệt mười hai bộ kinh, chúng sanh chẳng chịu tin thọ, đây chẳng phải là lỗi của Như Lai.

Nầy Thiện Nam Tử ! Nếu người tu tập thánh đạo thời được vô thượng Bồ Đề.

Nầy Thiện nam Tử ! Vừa rồi ông nói tất cả chúng sanh đều có Phật tánh đáng được vô thượng Bồ Đề , như đá nam châm hút sắt.

Lành thay ! Lành thay ! Do có năng lực nhơn duyên của Phật tánh nên chúng sanh được vô thượng Bồ Đề.

Nhưng nếu nói rằng chẳng cần tu tập thánh đạo thời không đúng.

Nầy Thiện Nam Tử ! Như có người đi trong đồng hoang vắng khát nước gặp giếng, giếng nầy sâu thẳm tối đen, người nầy dầu chẳng thấy nước nhưng biết rằng chắc có nước, người nầy tìm dây gầu múc lên thời thấy nước. Phật tánh cũng vậy, tất cả chúng sanh mặc dầu đều có, nhưng cần phải tu tập vô lậu thánh đạo rồi sau mới đặng thấy.

Nầy Thiện Nam Tử ! Như người có hột mè thời tất được thấy dầu, nhưng rời bỏ phương tiện thời chẳng thấy được. Nơi mía thấy đường cũng như vậy.

Nầy Thiện Nam Tử ! Như cung trời Đao Lợi và Bắc Cu Lô Châu dầu là có, nhưng nếu không nghiệp lành, hoặc thần thông, hoặc đạo lực, thời chẳng thấy được.

Như rễ cỏ trong đất, như mạch nước dưới đất, vì đất che nên chúng sanh chẳng thấy. Phật tánh cũng vậy, vì chẳng tu tập thánh đạo nên chẳng thấy được.

Nầy Thiện Nam Tử ! Như vừa rồi ông nói trong đời có người bịnh nếu gặp được lương y, thuốc hay, người khám bịnh giỏi, ăn uống phải cách, hoặc chẳng gặp, đều được lành mạnh.

Nầy Thiện Nam Tử 1 Đó là ta vì bực lục trụ Bồ Tát mà nói nghĩa ấy.

Nầy Thiện Nam Tử ! Như hư không đối với chúng sanh, nó chẳng phải trong, chẳng phải ngoài, vì không phải trong ngoài nên cũng không trở ngại. Phật tánh của chúng sanh cũng như vậy.

Nầy Thiện Nam Tử ! Như có người để tài sản ở xứ khác, dầu của cải không hiện có, nhưng người nầy vẫn được tùy ý thọ dụng. Có người hỏi đến tiền của, người nầy đáp rằng tôi hứa cho. Tại sao vậy ? Vì người nầy quyết định có của. Phật tánh của chúng sanh cũng như vậy, chẳng phải đây chẳng phải kia, vì quyết định được nên ta nói tất cả chúng sanh đều có.

Nầy Thiện Nam Tử ! Như chúng sanh gây tạo các nghiệp, hoặc nghiệp lành, hoặc nghiệp ác, chẳng phải trong chẳng phải ngoài, nghiệp tánh nầy chẳng phải có chẳng phải không, lại cũng chẳng phải là trước không mà nay có, cũng chẳng phải không nhơn mà có ra, chẳng phải đây làm rồi đây thọ, chẳng phải đây làm mà kia thọ, chẳng phải kia làm mà kia thọ, nghiệp tánh nầy không tác giả không thọ giả, lúc thời tiết hòa hiệp thời có quả báo. Phật tánh của chúng sanh cũng như vậy, chẳng phải là trước không mà nay có, chẳng phải trong chẳng phải ngoài, chẳng phải có chẳng phải không, chẳng

phải đây chẳng phải kia, chẳng phải chỗ khác đến, chẳng phải không nhơn duyên, cũng chẳng phải là tất cả chúng sanh chẳng thấy, có những Bồ Tát lúc thời tiết nhơn duyên hòa hiệp mà được thấy. Thời tiết đây là nói bực Thập Trụ Bồ Tát tu tám thánh đạo được tâm bình đẳng đối với chúng sanh, lúc bấy giờ được thấy Phật tánh, chẳng gọi là tạo tác.

Nầy Thiện Nam Tử ! Ông nói rằng như đá nam châm hút sắt, cứ nơi nghĩa thời chẳng đúng. Tại sao vậy ? Vì đá ấy chẳng hút sắt, bởi đá ấy không tâm nghiệp. Nầy Thiện Nam Tử ! Do pháp kia có nên pháp nầy sanh ra, do pháp kia không nên pháp nầy diệt hoại không có tác giả cũng không có hoại giả.

Nầy Thiện Nam Tử ! Như ngọn lửa mạnh chẳng thể đốt cháy củi, lửa ra củi hư gọi đó là cháy củi.

Như bông quì xoay theo mặt trời, dầu vậy nhưng bông quì nầy không có tâm cung kính, không thức cũng không nghiệp, vì tánh chất riêng của nó mà tự xoay chuyển.

Như cây chuối nhơn tiếng sấm mà được tăng trưởng, cây nầy không lỗ tai, không có tâm ý thức, do vì có pháp kia nên pháp nầy tăng trưởng, vì không pháp kia nên pháp nầy hư hoại.

Như cây a thúc ca, người nữ rờ đụng đến thời cây nầy trổ bông, cây nầy không tâm ý, cũng không giác xúc, do vì có pháp kia nên pháp nầy sanh ra, vì không pháp kia nên pháp nầy hư hoại.

Như cây quít được tử thi thời trái thêm nhiều, cây quít nầy không tâm ý cũng không giác xúc, vì có pháp kia nên pháp nầy thêm nhiều, vì không pháp kia nên pháp nầy hư hoại.

Như cây an thạch lựu do phân gạch xương thời trái thêm nhiều, cây an thạch lựu nầy cũng không tâm ý không giác xúc, vì có pháp khác nên pháp nầy thêm nhiều, vì pháp khác không nên pháp nầy hư hoại.

Như đá nam châm hút sắt cũng như vậy, do pháp nầy có nên pháp kia sanh, vì pháp nầy không nên pháp kia hư hoại.

Phật tánh của chúng sanh cũng như vậy, chẳng thể đến được vô thượng Bồ Đề.

Nầy Thiện Nam Tử ! Vô minh chẳng thể hút lấy hành nghiệp, hành cũng chẳng thể hút lấy thức, dầu vậy nhưng cũng gọi là vô minh duyên hành, hành duyên thức.

Hoặc có Phật hay không Phật, pháp giới vẫn thường trụ. Nếu nói rằng Phật tánh ở trong chúng sanh, nên biết rằng pháp thường hằng thời vô trụ, nếu có chỗ ở thời là vô thường. Như mười hai nhơn duyên không chỗ ở nhứt định, nếu có chỗ ở thời mười hai nhơn duyên chẳng được gọi là thường. Pháp thân của Như lai cũng không chỗ ở. Pháp giới, pháp nhập, pháp ấm, hư không đều không chỗ ở. Phật tánh cũng không chỗ ở như vậy.

Nầy Thiện Nam Tử ! Như tứ đại dầu thế lực đồng nhau, nhưng có cứng, có nóng, có ướt, có động, có nặng, có nhẹ, có đỏ, có trắng, có vàng, có đen, mà tứ đại nầy cũng không có nghiệp, vì pháp giới khác nên đều chẳng giống nhau. Phật tánh cũng như vậy vì pháp giới khác đến thời kỳ thời hiện.

Nầy Thiện Nam Tử ! Vì tất cả chúng sanh chẳng thối mất Phật tánh nên gọi là có, vì bất thối chuyển, vì sẽ có, vì quyết định được, vì quyết địnhh sẽ thấy, nên gọi là tất cả chúng sanh đều có Phật tánh.

Ví như có Quốc Vương bảo một đại thần dắt một con voi đem chỉ cho người mù. Đại thần được lịnh Quốc Vương liền họp bọn người mù đến bên con voi. Lúc đó bọn người mù đều lấy tay rờ voi. Đại thần trở về tâu với Quốc Vương đã đem voi chỉ cho bọn người mù rồi. Quốc Vương liền kêu bọn người mù đến hỏi riêng từng người. Con voi hình dạng như thế nào ? Trong bọn người mù kia, kẻ rờ ngà bèn nói voi hình như củ cải ; kẻ rờ tai nói rằng voi giống như cái ki ; kẻ rờ đầu nói rằng voi giống như khối đá, kẻ rờ vòi nói rằng voi giống như cái chày ; kẻ rờ chân nói rằng voi giống như cái cối gỗ ; kẻ rờ lưng nói rằng voi như cái giường ; kẻ rờ bụng nói rằng voi như cái lu ; kẻ rờ đuôi nói voi như sợi dây.

Nầy Thiện Nam Tử ! Bọn người mù kia chẳng nói trúng thân hình của voi, nhưng cũng chẳng phải là chẳng nói, các hình tướng đó đều chẳng phải hình voi, nhưng rời ngoài những hình nầy lại không có voi.

Nầy Thiện Nam Tử ! Quốc Vương là dụ cho Như Lai đấng chánh biến tri vậy. Đại thần dụ cho kinh Đại Thừa Đại Niết bàn. Voi dụ cho Phật tánh. Bọn mù dụ cho tất cả chúng sanh vô minh.

Những chúng sanh nầy cho rằng Phật đã nói xong, hoặc có kẻ nói sắc là Phật tánh, vì sắc nầy dầu diệt, nhưng tuần tự nối luôn do đây được ba mươi hai

tướng tốt vô thượng của Như Lai, sắc tướng Như Lai là thường, vì sắc tướng Như Lai thường hằng chẳng dứt, do đây nên nói sắc là Phật tánh, như vàng thật, chất vàng dầu thay đổi nhưng màu sắc vẫn thường chẳng đổi khác, hoặc làm vòng, làm roi, làm mâm, màu vàng vẫn không đổi khác. Phật tánh của chúng sanh cũng như vậy, tánh chất dầu vô thường mà sắc là thường, do đây nên nói sắc là Phật tánh.

Hoặc có kẻ nói thọ là Phật tánh, vì do thọ mà được chơn lạc của Như Lai, thọ của Như Lai là thọ rốt ráo, là thọ đệ nhứt nghĩa. Tánh thọ của chúng sanh dầu là vô thường nhưng nó tuần tự nối nhau chẳng dứt, nên được lạc thọ chơn thường của Như Lai. Như người họ Kiều Thi Ca thân người dầu vô thường mà họ vẫn thường, trãi qua ngàn muôn đời không đổi khác. Phật tánh chúng sanh cũng như vậy. Do đây nên nói thọ ấm là Phật tánh.

Lại có kẻ nói tưởng ấm là Phật tánh, vì do tưởng mà được chơn thật tưởng của Như Lai. Tưởng của Như Lai gọi là tưởng mà không tưởng chẳng phải tưởng của chúng sanh, chẳng phải tưởng của nam của nữ, chẳng phải tưởng trong sắc thọ tưởng hành thức, chẳng phải tâm tưởng dứt tưởng như tưởng của chúng sanh. Dầu tưởng nầy vô thường nhưng do tuần tự nối nhau chẳng dứt, nên được tưởng thường hằng của Như Lai. Như mười hai nhơn duyên của chúng sanh, dầu chúng sanh diệt mất mà nhơn duyên vẫn rthường. Phật tánh của chúng sanh cũng như vậy, do đây nên nói tưởng là Phật tánh.

Lại có kẻ nói hành ấm là Phật tánh, vì hành gọi là thọ mạng. Thọ mạng làm nhơn duyên nên được thọ mạng thường trụ của Như Lai. Thọ mạng của chúng sanh dầu là vô thường, nhưng vì tuần tự nối nhau chẳng dứt, nên được thọ mạng chơn thường của Như Lai. Như mười bộ kinh, người nói người nghe dầu là vô thường, nhưng kinh điển nầy thường còn chẳng biến đổi. Phật tánh của chúng sanh cũng như vậy. Do đây nên nói hành là Phật tánh.

Lại có kẻ nói thức ấm là Phật tánh. Do thức làm nhơn duyên mà được tâm bình đẳng của Như Lai. Ý thức của chúng sanh dầu là vô thường, nhưng thức tuần tự nối nhau chẳng dứt, nên được tâm chơn thường của Như Lai. Như lửa tánh nóng dầu ngọn lửa vô thường, nhưng tánh nóng chẳng phải vô thường. Phật tánh của chúng sanh cũng như vậy. Do đây nên nói thức là Phật tánh.

Lại có kẻ nói rời năm ấm có ngã, ngã nầy là Phật tánh, vì ngã làm nhơn duyên mà được ngã tự tại của Như Lai. Có các nhà ngoại đạo nói rằng : Đứng đi thấy nghe buồn vui nói năng chính đó là ngã, ngã tướng ấy dầu vô

thường nhưng ngã của Như Lai chơn thiệt thường trụ. Như ấm nhập giới dầu là vô thường nhưng vẫn gọi là thường. Phật tánh của chúng sanh cũng vậy.

Nầy Thiện Nam Tử !Như bọn mù kia mỗi người tự nói hình tướng của voi, dầu chẳng được đúng, nhưng chẳng phải là chẳng nói tướng của voi.

Những người nói Phật tánh cũng như vậy, Phật tánh chẳng phải tức sáu pháp, nhưng cũng chẳng ly sáu pháp. Vì thế nên ta nói Phật tánh của chúng sanh chẳng phải sắc chẳng phải ly sắc, nhẫn đến chẳng phải ngã, chẳng phải ly ngã.

Có các nhà ngoại đạo dầu nói có ngã, nhưng thiệt ra không có ngã. Ngã của chúng sanh chính là ngũ ấm, rời ngoài ngũ ấm không có ngã riêng biệt.

Ví như cọng, cánh, tua, gương hiệp lại làm hoa sen, lìa ngoài những thứ nầy thời không có hoa sen riêng biệt. Ngã của chúng sanh cũng như vậy.

Như tường, vách, gỗ, tranh hoà hiệp gọi đó là nhà, lìa ngoài những thứ nầy thời không có nhà riêng biệt.

Như cây Khư đà la, cây Ba la xa, cây Ni câu đà, cây Uất đàm bát hiệp lại thành rừng, rời ngoài những thứ nầy thời không có rừng riêng biệt.

Như chiến xa, voi, ngựa, bộ binh hiệp lại thành quân đội, rời ngoài những thứ nầy thời không có quân đội riêng biệt.

Như những chỉ năm màu hiệp lại dệt thành vải ngũ sắc, rời ngoài những chỉ nầy thời không có vải ngũ sắc riêng biệt.

Như bốn họ hiệp lại gọi là đại chúng, rời ngoài những người nầy thời không có đại chúng riêng biệt.

Ngã của chúng sanh cũng như vậy, rời ngoài năm ấm thời không có ngã riêng biệt.

Nầy Thiện Nam Tử ! Như Lai thường trụ thời gọi là ngã. Pháp thân của Như Lai là vô biên vô ngại, là chẳng sanh chẳng diệt, được đủ tám tự tại nên gọi là ngã.

Thiệt ra chúng sanh không có ngã như vậy, chỉ vì quyết định sẽ được rốt ráo đệ nhứt nghĩa không, nên gọi là Phật tánh.

Nầy Thiện Nam Tử ! Đại từ đại bi gọi là Phật tánh, vì đại từ đại bi thường theo dõi Bồ Tát như bóng theo hình.Tất cả chúng sanh quyết định sẽ được đại từ đại bi, do đây nên nói rằng tất cả chúng sanh đều có Phật tánh. Đại từ đại bi gọi là Phật tánh, Phật tánh gọi là Như Lai.

Đại hỷ đại xả gọi là Phật tánh, vì Đại Bồ Tát nếu chẳng xả được hai mươi lăm cõi, thời không thể được vô thượng Bồ Đề. Bởi chúng sanh quyết định sẽ được, do đây nên nói tất cả chúng sanh đều có Phật tánh. Đại hỷ đại xả chính là Phật tánh, Phật tánh chính là Như Lai.

Phật tánh gọi là đại tín tâm. Vì do tín tâm mà đại Bồ Tát được đầy đủ Đàn Ba La Mật nhẫn đến Bát Nhã Ba La Mật. Tất cả chúng sanh quyết định sẽ được đại tín tâm, do đây nên nói tất cả chúng sanh đều có Phật tánh. Đại tín tâm chính là Phật tánh, Phật tánh chính là Như Lai.

Phật tánh gọi là nhứt tử địa. Vì do nhứt tử địa nên Bồ Tát được tâm bình đẳng đối với tất cả chúng sanh. Tất cả chúng sanh quyết định sẽ được nhứt tử địa, do đây nên nói tất cả chúng sanh đều có Phật tánh. Nhứt tử địa chính là Phật tánh, Phật tánh chính là Như Lai.

Phật tánh gọi là trí lực thứ tư. Vì do trí lực thứ tư, nên Bồ Tát có thể giáo hóa chúng sanh. Tất cả chúng sanh quyết định sẽ được trí lực thứ tư, do đây nên nói tất cả chúng sanh đều có Phật tánh. Trí lực thứ tư chính là Phật tánh, Phật tánh chính là như Lai.

Phật tánh gọi là mười hai nhơn duyên. Vì do nhơn duyên nên đức Như Lai được thường trụ. Tất cả chúng sanh quyết định có mười hai nhơn duyên như vậy, do đây nên nói rằng tất cả chúng sanh đều có Phật tánh. Mười hai nhơn duyên chính là Phật tánh, Phật tánh chính là Như Lai.

Phật tánh gọi là bốn trí vô ngại. Do bốn trí vô ngại nên giảng thuyết chữ nghĩa vô ngại. Do chữ nghĩa vô ngại nên có thể giáo hóa chúng sanh. Bốn trí vô ngại chính là Phật tánh, Phật tánh chính là Như Lai.

Phật tánh gọi là đảnh tam muội.Vì do tu đảnh tam muội nầy nên có thể tổng nhiếp tất cả Phật pháp, do đây nên nói đảnh tam muội gọi là Phật tánh. Thập Trụ Bồ Tát tu tam muội nầy chưa được đầy đủ, nên dầu thấy Phật tánh mà chẳng rõ ràng. Vì tất cả chúng sanh quyết định được, nên nói rằng tất cả chúng sanh đều có Phật tánh.

Nầy Thiện Nam Tử ! Như các thứ pháp đã nói ở trên, vì tất cả chúng sanh quyết định sẽ được, nên nói rằng tất cả chúng sanh đều có Phật tánh.

Nầy Thiện Nam Tử ! Nếu ta nói sắc là Phật tánh, chúng sanh nghe lời nầy tất sanh tà kiến điên đảo, do tà kiến điên đảo tất sẽ phải đọa A Tỳ địa ngục. Đức Như Lai thuyết pháp để dứt địa ngục nên chẳng nói sắc là Phật tángh, nhẫn đến chẳng nói thức là Phật tánh cũng như vậy.

Nầy Thiện Nam Tử ! Nếu chúng sanh thấy rõ Phật tánh thời chẳng cần tu tập thánh đạo. Thập Trụ Bồ Tát tu tám thánh đạo còn thấy Phật tánh một phần ít, huống là người chẳng tu mà được thấy ư !

Nầy Thiện Nam Tử ! Các vị Đại Bồ Tát như Văn Thù Sư Lợi tu tập thánh đạo đã trải qua vô lượng đời nên thấy rõ Phật tánh. Hàng Thanh Văn Duyên Giác làm thế nào biết Phật tánh được !

Nếu chúng sanh muốn biết rõ Phật tánh, thời phải nhứt tâm thọ trì đọc tụng biên chép giải thuyết cúng dường cung kính tôn trọng tán thán kinh Đại Niết Bàn nầy. Thấy người nào trì tụng nhẫn đến tán thán kinh Đại Niết Bàn nầy thời phải đem bốn thứ cúng dường thật tốt mà cung cấp cho người ấy, cùng tán thán lễ bái hỏi thăm.

Nầy Thiện Nam Tử ! Nếu có người nào đã trải qua vô lượng vô biên đời gần gũi cúng dường vô lượng chư Phật trồng sâu các căn lành, rồi sau mới đặng nghe tên của kinh nầy.

Nầy Thiện Nam Tử ! Phật tánh chẳng thể nghĩ bàn. Phật, Pháp, Tăng, Tam Bảo cũng chẳng thể nghĩ bàn.

Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, nhưng chẳng biết được dầu vậy mà cũng chẳng thể nghĩ bàn.

Như Lai thường lạc ngã tịnh cũng chẳng thể nghĩ bàn.

Tất cả chúng sanh nếu ai tin được kinh Đại Niết bàn nầy, kẻ ấy chẳng thể nghĩ bàn.

Sư Tử Hống Bồ Tát bạch rằng : “ Bạch Thế Tôn ! Như lời đức Phật nói tất cả chúng sanh có thể tin kinh Đại Niết Bàn chẳng thể nghĩ bàn như đây. Bạch Thế Tôn ! Trong đại chúng nầy có tám muôn năm ngàn ức người

không có lòng tin đối với kinh nầy, do đây nên người nào tin kinh nầy thời gọi người đó chẳng thể nghĩ bàn.

_ Nầy Thiện Nam Tử ! Số người trên đây đến đời vị lai cũng sẽ quyết định tin được kinh điển nầy, được thấy Phật tánh và được vô thượng Bồ Đề.

_ Bạch Thế Tôn ! Thế nào Bất Thối Bồ Tát tự biết quyết định có tâm bất thối.

_ Nầy Thiện Nam Tử ! Đại Bồ Tát sẽ dùng khổ hạnh để thí nghiệm lấy tâm của mình : Mỗi ngày ăn một hột mè trọn bảy ngày ; gạo trắng, đậu xanh đậu trắng v.v… mỗi thứ bảy ngày, mỗi ngày một hột cũng như vậy.

Lúc ăn một hột mè, Bồ Tát nghĩ rằng : Khổ hạnh như vậy đều không lợi ích, việc không lợi ích còn làm được huống việc lợi ích mà lại không làm.

Đối với việc không lợi ích, trong lòng có thể nhẫn được sự khổ chẳng thối chẳng chuyển, do đây nên quyết đặng vô thượng Bồ Đề.

Trong những ngày tu khổ hạnh như vậy, da thịt ốm khô lần lần, như cắt trái bầu tươi phơi trong nắng. Mắt của Bồ Tát thụt sâu vào như đáy giếng. Hết thịt lòi gân như nhà tranh hư mục, xương sống lộ lên như dây thừng, chỗ Bồ Tát ngồi như dấu chân ngựa. Muốn ngồi thời mọp xuống, muốn đứng thời ngã nghiêng. Dầu chịu lấy sự khổ, không lợi ích như vậy, nhưng chẳng thối chuyển tâm Bồ Đề. Nầy Thiện Nam Tử ! Đại Bồ Tát vì phá các sự khổ, ban sự an vui cho chúng sanh, nên có thể xả thí của, vật, ngoài thân trong thân đến thân mạng của mình như bỏ cỏ khô.

Nếu có thể chẳng tiếc thân mạng như vậy, Bồ Tát nầy tự biết quyết định có tâm bất thối, tự biết tôi quyết định sẽ được vô thượng Bồ Đề.

Đại Bồ Tát vì pháp mà khoét thân làm đèn lấy tô vu đổ vào đặt tim để đốt.

Lúc Bồ Tát thọ sự khổ lớn như vậy tự trách tâm mình rằng : Sự khổ nầy đối với sự khổ ở địa ngục trăm ngàn muôn phần chưa bằng một phần. Ở trong vô lượng trăm ngàn kiếp, ta chịu nhiều sự khổ não đều không đem lại mảy may lợi ích, nếu ta không chịu được sự khổ nhẹ nầy, thời làm sao có thể ở nơi trong địa ngục để có thể cứu khổ chúng sanh.

Lúc Bồ Tát suy nghĩ như vậy thời thân chẳng biết khổ, tâm chẳng thối chuyển, do đây Bồ Tát tự biết chắc rằng tôi quyết định sẽ được vô thượng Bồ Đề.

Nầy Thiện Nam Tử ! Lúc đó Bồ Tát còn đầy đủ phiền não, vì chánh pháp mà có thể đem đầu mắt óc tủy tay chưn máu thịt bố thí cho người, lấy đinh đóng trên thân, nhảy từ gộp đá cao xuống, nhảy vào lửa. Dầu chịu lấy vô lượng sự khổ như vậy, nhưng nếu trong lòng chẳng có niệm thối chuyển, Bồ Tát nầy nên biết rằng nay tôi quyết định có tâm bất thối, sẽ được vô thượng Bồ Đề.

Nầy Thiện Nam Tử ! Đại Bồ Tát vì phá trừ khổ não cho tất cả chúng sanh, nên nguyện làm thân súc sanh to lớn, đem máu thịt bố thí cho chúng sanh.

Lúc chúng sanh đến lấy máu ăn, Bồ Tát lại sanh lòng thương xót, lúc đó Bồ Tát nín hơi chẳng thở làm như chết, để cho những kẻ đến lấy thịt chẳng có quan niệm giết hại.

Dầu BồTát thọ thân súc sanh nhưng trọn chẳng tạo nghiệp súc sanh. Vì Bồ Tát đã được tâm bất thối chuyển, thời trọn chẳng gây tạo ác nghiệp. Nếu đời vị lai Bồ Tát có nghiệp quả ác nhỏ nhặt bất định, do sức nguyện lớn vì độ chúng sanh nên đều thọ lấy đó. Như người bịnh bị quỉ dựa ở ẩn trong thân, do oai lực của chú thuật, nên liền hiện tướng quỉ : Hoặc nói hoặc cười, hoặc mừng hoặc giận, hoặc mắng hoặc khóc. Đại Bồ Tát thọ lấy nghiệp quả đời vị lai cũng như vậy.

Lúc Bồ Tát thọ lấy thân gấu, thường vì chúng sanh mà diễn nói chánh pháp. Hoặc lúc thọ thân chim Ca Tân Xà La, lúc thọ thân Cù Đà thân nai, thân thỏ, thân voi, thân dê núi, thân khỉ vượn, thân bồ câu trắng, thân kim súy điểu, thân rồng, thân rắn, lúc thọ những thân súc sanh như vậy, nhưng trọn chẳng gây tạo nghiệp ác súc sanh, mà thường vì những súc sanh khác diễn thuyết chánh pháp, làm cho những súc sanh kia nhờ nghe pháp mà được mau khỏi thân súc sanh.

Lúc Bồ Tát thọ thân súc sanh mà chẳng gây tạo nghiệp ác nên biết rằng quyết định có tâm bất thối.

Đại Bồ Tát ở đời đói khát, thấy chúng sanh đói khát, nên nguyện làm thân cá lớn dài nhiều do diên, lại nguyện những chúng sanh nào lấy thịt của tôi, lấy rồi liền sanh trở lại, ai ăn thịt của tôi thời được khỏi đói khỏi khát, tất cả đều

phát tâm vô thượng Bồ Đề, do nơi tôi mà kẻ nào được khỏi đói khát, thời đời vị lai họ sẽ mau được xa lìa khổ hoạn đói khát trong hai mươi lăm cõi.

Lúc Đại Bồ Tát chịu sự khổ như vậy mà tâm chẳng thối chuyển, thời nên biết quyết định sẽ được vô thượng Bồ Đề.

Nhằm đời tật dịch, Bồ Tát thấy nhiều người phải bịnh khổ, bèn suy nghĩ rằng như cây Dược thọ, nếu người bịnh lấy rễ lấy cây, lấy nhánh, lấy lá, lấy bông, lấy trái, lấy vỏ đều trị được lành bịnh. Nguyện thân của tôi đây cũng như vậy, nếu người bịnh nghe tiếng chạm đến thân ăn thịt uống máu, nhẫn đến xương tủy đều trị lành bịnh. Nguyện chúng sanh lúc ăn thịt tôi chẳng sanh lòng ác, đều có quan niệm như ăn thịt con. Tôi trị cho họ được lành bịnh rồi sẽ thường vì họ mà thuyết pháp. Nguyện họ nghe pháp kính tin lãnh thọ suy gẫm rồi đem dạy lại người khác.

Bồ Tát đầy đủ phiền não lúc chịu sự khổ nơi thân như vậy vẫn chẳng thối cghuyển tâm Bồ Đề, nên biết quyết định được tâm bất thối, sẽ thành vô thượng Bồ Đề

Nếu có chúng sanh bị quỉ làm bịnh, Bồ Tát thấy việc nầy liền phát nguyện làm thân quỉ to lớn mạnh mẽ, quyến thuộc đông, khiến người bịnh kia nghe thấy liền hết bịnh quỉ.

Đại Bồ Tát vì độ chúng sanh nên siêng tu khổ hạnh, dầu có phiền não nhưng tâm chẳng nhiễm ô.

Nầy Thiện Nam Tử ! Đại Bồ Tát dầu tu hành Lục Ba La Mật, cũng chẳng cầu quả Lục Ba La Mật.

Lúc tu hành Lục Ba La Mật vô thượng, Bồ Tát nguyện rằng : Nay tôi đem Lục Ba La Mật nầy bố thí cho tất cả chúng sanh, mỗi chúng sanh nhận lấy sự bố thí của tôi rồi thời đều sẽ được thành vô thượng Bồ Đề. Tôi cũng tự vì Lục Ba La Mật mà siêng tu khổ hạnh chịu những sự khổ não. Lúc đương chịu khổ nguyện tôi chẳng thối tâm Bồ Đề.

Nầy Thiện Nam Tử ! Đại Bồ Tát lúc suy gẫm phát nguyện như vậy thời gọi là tướng chẳng thối chuyển tâm Bồ Đề.

Nầy Thiện Nam Tử ! Đại Bồ Tát chẳng thể nghĩ bàn, vì biết rõ sanh tử, có nhiều tội lỗi, quan sát Đại Niết Bàn có công đức lớn, vì chúng sanh mà ở nơi

sanh tử chịu những sự khổ tâm chẳng thối chuyển, do đây nên gọi là Bồ Tát chẳng thể nghĩ bàn.

Nầy Thiện Nam Tử ! Đại Bồ Tát không có nhơn duyên mà vẫn sanh lòng thương xót tất cả chúng sanh, thiệt chẳng thọ ơn mà còn ghi ơn. Dầu thi ơn mà chẳng cần đền trả, do đây nên lại gọi Đại Bồ Tát là chẳng thể nghĩ bàn.

Nầy Thiện Nam Tử ! Hoặc có chúng sanh vì lợi ích cho mình mà tu các khổ hạnh. Đại Bồ Tát vì lợi ích cho người cho chúng sanh mà tu khổ hạnh, dầu vậy nhưng vẫn gọi là lợi ích cho mình, do đây nên Đại Bồ Tát lại gọi là chẳng thể nghĩ bàn.

Bồ Tát đầy đủ phiền não, vì phá hoại quan niệm kẻ oán người thân nên thọ những sự khổ để tu tâm bình đẳng, do đây nên Bồ Tát lại gọi là chẳng thể nghĩ bàn.

Bồ Tát nếu thấy những chúng sanh hung ác thời hoặc quở trách, hoặc nói dịu ngọt, hoặc đuổi, hoặc bỏ.

Với những kẻ tánh ác, Bồ Tát thị hiện nói lời dịu dàng.

Với kẻ kiêu mạn, Bồ Tát thị hiện làm ngã mạn lớn, nhưng trong tâm của Bồ Tát thiệt không kiêu mạn. Đây gọi là phương tiện của Bồ Tát chẳng thể nghĩ bàn.

Bồ Tát đầy đủ phiền não, lúc của cải ít mà người cầu xin nhiều, lòng Bồ Tát trọn chẳng hẹp nhỏ. Đây gọi là Bồ Tát chẳng thể nghĩ bàn.

Lúc Đức Phật ra đời, Bồ Tát biết công đức của Phật, nhưng vì chúng sanh mà thọ thân biên địa nơi chỗ không Phật, như đui, như điếc, như què, như thọt. Đây gọi là Bồ Tát chẳng thể nghĩ bàn.

Bồ Tát biết rõ chúng sanh có những tội lỗi, vì muốn độ họ nên Bồ Tát thường cùng đi chung với họ, dầu làm theo ý của họ nhưng vẫn không nhiễm lấy tội lỗi. Do đây nên lại gọi Bồ Tát là chẳng thể nghĩ bàn.

Bồ Tát thấy biết rõ ràng không tướng chúng sanh, không phiền não nhiễm ô, không người tu tập thánh đạo xa lìa phiền não. Dầu vì Bồ Đề nhưng không hạnh Bồ Đề, cũng không có người thành tựu hạnh Bồ Đề, không người thọ khổ và người phá khổ mà cũng có thể vì chúng sanh phá hoại sự khổ thật hành hạnh Bồ Đề. Do đây nên gọi Bồ Tát là chẳng thể nghĩ bàn.

Bồ Tát thọ thân rốt sau ở cung trời Đâu Suất, đây cũng gọi là chẳng thể nghĩ bàn. Vì trời Đâu Suất là hơn tất cả trong cõi dục, cõi trời dưới thời tâm phóng dật, cõi trời trên thời căn tánh ám độn, do đây nên trời Đâu Suất gọi là hơn. Tu thí, tu giới thời được thân trời cõi trên và cõi dưới. Tu thí, tu giới và tu định thời được thân trời Đâu Suất.

Tất cả Bồ Tát đã tự phá hoại tất cả cõi, trọn chẳng tạo nghiệp trời Đâu Suất để thọ thân nơi cõi trời đó. Vì Bồ Tát nếu ở nơi các cõi khác, cũng đều có thể giáo hóa thành tựu chúng sanh, thiệt không có dục tâm mà lại sanh vào cõi dục, do đây nên lại gọi là chẳng thể nghĩ bàn.

Đại Bồ Tát sanh ở trời Đâu Suất có ba việc thù thắng : Một là mạng, hai là sắc, ba là danh.

Đại Bồ Tát thiệt chẳng cầu mạng, sắc và danh, dầu không có tâm mong cầu mà chỗ được lại thù thắng. Đại Bồ Tát rất ưa thích Niết Bàn, nhưng có nhơn duyên nên mạng, sắc và danh cũng thù thắng. Do đây nên lại gọi chẳng thể nghĩ bàn.

Đại Bồ Tát mạng, sắc, và danh dầu hơn Chư Thiên, nhưng Chư Thiên đối với Bồ Tát chẳng có lòng giận, lòng ganh ghét, lòng kiêu mạn, thường có lòng hoan hỷ. Bồ Tát đối với Chư Thiên cũng chẳng kiêu mạn, nên lại gọi là chẳng thể nghĩ bàn.

Đại Bồ Tát chẳng tạo nghiệp nhơn thọ mạng, mà ở nơi trời Đâu Suất kia, Bồ Tát được thọ mạng rốt ráo, đây gọi là mạng thù thắng.

Bồ Tát không tạo nghiệp nhơn sắc đẹp, mà thân sắc của Bồ Tát xinh đẹp đầy đủ ánh sáng, đây gọi là sắc thù thắng.

Bồ Tát ở cung trời Đâu Suất chẳng ưa ngũ dục chỉ làm pháp sự, nên tiếng đồn khắp cả mười phương, đây gọi là danh thù thắng. Do đây nên lại gọi Bồ Tát là chẳng thể nghĩ bàn.

Lúc Đại Bồ Tát từ trời Đâu Suất giáng sanh, cả đại địa sáu thứ chấn động, nên lại gọi là chẳng thể nghĩ bàn. Vì lúc Bồ Tát giáng sanh, chư Thiên cõi dục và cõi sắc đều đến hầu hạ đưa đi, lớn tiếng tán thán Bồ Tát, do hơi gió nơi miệng chư Thiên làm cho đại địa chấn động. Lại lúc Bồ Tát mới nhập thai, có các Long Vương ở dưới đại địa nầy hoặc khủng bố, hoặc hoan hỷ, nên đại địa chấn động. Do đây nên lại gọi Bồ Tát là chẳng thể nghĩ bàn.

Đại Bồ Tát biết rõ lúc nhập thai, lúc trụ thai, lúc xuất thai, biết cha, biết mẹ, chẳng nhiễm ô bất tịnh, như bảo châu màu xanh trên búi tóc của Đế Thích nên lại gọi là chẳng thể nghĩ bàn.

Nầy Thiện Nam Tử ! Kinh Đại Niết Bàn cũng chẳng thể nghĩ bàn như vậy.

Nầy Thiện Nam Tử ! Như biển cả có tám điều chẳng thể nghĩ bàn : Một là lần lần càng sâu, hai là sâu khó đến đáy, ba là đồng một vị mặn, bốn là thủy triều chẳng quá hạn, năm là có nhiều thứ kho báu, sáu là những chúng sanh thân to lớn ở trong đó, bảy là chẳng chứa tử thi, tám là tất cả muôn dòng đổ về cùng mưa to xối xuống mà biển vẫn chẳng thêm chẳng bớt.

Nầy Thiện Nam Tử ! Biển lần lần càng sâu là vì có ba điều : Một là phước lực của chúng sanh, hai là thuận theo gió mà chảy, ba là vì nước trong sông đổ ra. Nhẫn đến chẳng thêm chẳng bớt cũng đều có ba việc.

Kinh Đại Niết Bàn nầy cũng có tám điều chẳng thể nghĩ bàn như vậy : Một là lần lần càng sâu, nghĩa là từ giới Ưu Bà Tắc, giới Sa Di, giới Tỳ Kheo, giới Bồ Tát, quả Tu Đà Hoàn, quả Tư Đà Hàm, quả A Na Hàm, quả A La hán, quả Bích Chi Phật, quả Bồ Tát, quả Vô Thượng Bồ Đề. Kinh Đại Niết Bàn nầy thuyết minh những pháp như vậy, đây gọi là lần lần càng sâu.

Hai là sâu khó đến đáy : Đức Như Lai Thế Tôn bất sanh bất diệt, chẳng được vô thượng Bồ Đề, chẳng chuyển pháp luân, chẳng ăn chẳng thọ, chẳng thật hành bố thí, do đây nên đặng thường lạc ngã tịnh.

Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, Phật tánh nầy chẳng phải sắc thọ tưởng hành thức, chẳng rời sắc thọ tưởng hành thức, là thường trụ có thể thấy : Là liễu nhơn chẳng phải tác nhơn. Tu Đà Hoàn nhẫn đến Bích Chi Phật sẽ được vô thượng Bồ Đề, cũng không phiền não, cũng không trụ xứ, dầu không phiền não nhưng chẳng gọi là thường, do đây nên nói là sâu.

Trong kinh nầy hoặc có lúc nói là ngã, hoặc có lúc nói vô ngã, hoặc có lúc nói là thường, hoặc có lúc nói là vô thường, hoặc có lúc nói là tịnh, hoặc có lúc nói là bất tịnh, hoặc có lúc nói là lạc, hoặc có lúc nói là khổ, hoặc có lúc nói là không, hoặc có lúc nói là bất không, hoặc có lúc nói tất cả đều có, hoặc có lúc nói tất cả đều không, hoặc nói nhị thừa hoặc nói nhứt thừa, hoặc nói ngũ ấm tức là Phật tánh, là Kim Cang Tam Muội, là Trung Đạo, Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội, mười hai nhơn duyên , đệ nhứt nghĩa không, từ bi bình đẳng đối với chúng sanh, đảnh trí, tín tâm, trí lực biết các căn , trí

không chướng ngại đối với tất cả pháp, dầu có Phật tánh nhưng chẳng nói quyết định. Do đây nên gọi là rất sâu.

Ba là đồng một vị : Tất cả chúng sanh đồng có Phật tánh, đều đồng nhứt thừa, đồng một giải thoát một nhơn một quả, đồng một cam lộ, tất cả đều sẽ được thường lạc ngã tịnh, đây gọi là đồng một vị.

Bốn là thủy triều chẳng quá hạn : Như trong kinh nầy chế các Tỳ Kheo chẳng được lẫn chứa tám vật bất tịnh. Nếu đệ tử của ta có thể thọ trì đọc tụng biên chép giải thuyết phân biệt kinh Đại Niết Bàn nầy, thà chết chớ trọn chẳng hủy phạm, đây gọi là thủy triều chẳng quá hạn.

Năm là có nhiều thứ kho báu : Kinh nầy tức là kho báu vô lượng, nghĩa là Tứ Niệm Xứ, Tứ Chánh Cần, Tứ Như Ý Túc, Ngũ Căn, Ngũ Lực, Thất Giác Chi, Bát Thánh Đạo, Anh Nhi Hạnh, Thánh Hạnh, Phạm Hạnh, Thiên Hạnh, những thiện phương tiện, Phật tánh của chúng sanh, công đức của Bồ Tát, công đức của Như Lai, công đức của Thanh Văn, công đức của Duyên Giác, Lục Ba La Mật, vô lượng Tam Muội, vô lượng Trí Huệ, đây gọi là những kho báu.

Sáu là chúng sanh thân to lớn ở trong đó : Vì chư Phật và Bồ Tát có trí huệ lớn nên gọi là chúng sanh lớn, vì thân lớn, vì tâm lớn, vì trang nghiêm lớn, vì điều phục lớn, vì phương tiện lớn, vì thuyết pháp lớn, vì thế lực lớn, vì đồ chúng lớn, vì thần thông lớn, vì từ bi lớn, vì thường chẳng biến đổi, vì tất cả chúng sanh thân không chướng ngại, vì dung thọ tất cả chúng sanh. Đây gọi là chỗ ở của những chúng sanh thân to lớn.

Bảy là chẳng chứa tử thi, tử thi là nói Nhứt Xiển Đề phạm bốn tội trọng năm tội vô gián, phỉ báng Đại Thừa, tà pháp nói là chánh pháp, chánh pháp nói là tà pháp, nhận chứa tám thứ vật bất tịnh, tùy ý dùng vật của Phật, vật của Tăng, đối với Tỳ Kheo, với Tỳ Kheo Ni làm việc phi pháp, đây gọi là tử thi, kinh Đại Niết Bàn nầy lìa những việc như vậy nên gọi rằng chẳng chứa tử thi.

Tám là chẳng thêm chẳng bớt, vì không ngằn mé, vì không thỉ chung, vì chẳng phải sắc, vì chẳng phải tạo tác, vì là thường trụ, vì chẳng sanh diệt, vì đều bình đẳng với tất cả chúng sanh, vì tất cả đồng một tánh Phật tánh, đây gọi là không thêm không bớt. Do đây nên kinh Đại Niết Bàn nầy có tám điều chẳng thể nghĩ bàn như biển cả kia.

Sư Tử Hống Bồ Tát bạch rằng : " Thế Tôn ! nếu cho rằng Như Lai bất sanh bất diệt là thậm thâm đó, thời tất cả chúng sanh có bốn loài sanh : Noãn, thai, thấp, hóa. Trong bốn loài sanh nầy thời loài người có đủ, như Tỳ Kheo Thi Bà La, Tỳ Kheo Ưu Bà Thi Bà La, mẹ của Trưởng giả Di Ca La, mẹ của Trưởng giả Ni Câu Đà, mẹ của Trưởng giả Bán Xà La, mỗi người đều sanh năm trăm con trai đồng là noãn sanh. Do đây nên biết rằng trong loài người cũng có noãn sanh.

Trong loài người mà thấp sanh, như Phật từng nói rằng : Thuở trước lúc ta tu hạnh Bồ Tát làm Đảnh Sanh Vương và Thủ Sanh Vương, và như nay cô gái Am La, cô gái Ca Bất Ba, nên biết rằng trong loài người cũng có thấp sanh.

Thuở kiếp sơ tất cả chúng sanh đều là hóa sanh.

Đức Thế Tôn đã được tám thứ tự tại, do nhơn duyên gì mà chẳng hóa sanh ?

Phật nói : " Nầy Thiện Nam Tử ! Tất cả chúng sanh từ nơi bốn loài sanh mà sanh ra, khi đã được thánh pháp thời chẳng được noãn sanh và thấp sanh như trước.

Nầy Thiện Nam Tử ! Chúng sanh thuở kiếp sơ, thảy đều hoá sanh, trong thời kỳ đó, không có Phật ra đời.

Nầy Thiện Nam Tử ! Nếu có chúng sanh lúc mang bịnh khổ thời cần thầy, cần thuốc, thuở kiếp sơ chúng sanh đều hoá sanh dầu có phiền não nhưng bịnh phiền não chưa phát, do đây nên đức Như lai chẳng hiện ra đời. Lại chúng sanh thuở kiếp sơ, thân tâm của họ chẳng phải pháp khí, nên đức Như Lai chẳng hiện ra trong thời kỳ đó.

Nầy Thiện Nam Tử ! Phàm tất cả sự nghiệp của đức Như Lai đều hơn chúng sanh, như giòng họ, quyến thuộc, cha mẹ. Do hơn chúng sanh, nên chỗ thuyết pháp của Như Lai mọi người đều tin thọ. Do đây nên đức Như Lai chẳng hóa sanh.

Nầy Thiện Nam Tử ! Tất cả chúng sanh, hoặc là cha làm theo nghề nghiệp của con, hoặc là con làm theo nghề nghiệp của cha. Đức Như Lai nếu hóa sanh thời không có cha mẹ, nếu không có cha mẹ thời làm sao khiến tất cả chúng thật hành những nghiệp lành. Do đây đức Như Lai chẳng hóa sanh.

Nầy Thiện Nam Tử ! Trong chánh pháp của Phật có hai thứ hộ trì : Một là nội hai là ngoại. Nội hộ là giới cấm. Ngoại hộ là thân tộc, quyến thuộc. Nếu

đức Như Lai hóa sanh thời không ngoại hộ. Do đây nên đức Như Lai chẳng hóa sanh.

Nầy Thiện Nam Tử ! Có người ỷ dòng họ mà sanh kiêu mạn. Vì phá sự kiêu mạn như vậy, nên đức Như Lai giáng sanh trong dòng họ cao sang, mà chẳng hóa sanh.

Nầy Thiện Nam Tử ! Đức Như Lai có cha mẹ thật, cha là Vua Tịnh Phạn, mẹ là Hoàng Hậu Ma Da, mà còn có chúng sanh nói rằng Như Lai là người huyễn hóa, như thế thời đâu nên hóa sanh.

Nầy Thiện Nam Tử ! nếu Như Lai hóa sanh, thời làm thế nào có thân thể nát ra thành Xá Lợi. Đức Như Lai vì muốn cho chúng sanh tăng trưởng phước đức, nên nát rã thân thể mình thành Xá Lợi để cho chúng sanh cúng dường. Do đây nên đức Như Lai chẳng hóa sanh.

Nầy Thiện Nam Tử ! Tất cả chư Phật đều không hóa sanh, thời làm sao ta lại riêng mình hóa sanh."

Sư Tử Hống Bồ Tát liền qùy chấp tay nói kệ tán thán Phật :

Như Lai có vô lượng công đức, Tôi chẳng thể trình bày đủ hết, Nay vì chúng sanh nói một phần, Xin Phật xót thương cho tôi nói : Chúng sanh đi trong tối vô minh,Chịu đủ vô biên trăm thứ khổ, Phật có thể khiến họ xa lìa, Nên đời gọi Phật là đại bi. Chúng sanh đi trên dây sanh tử, Phóng dật mê hoan không an vui. Phật có thể ban cho an vui, Do đây dứt hẳn dây sanh tử. Vì Phật cho chúng sanh an vui, Nên chẳng tham đắm vui của mình, Phật vì chúng sanh tu khổ hạnh, Nên trong đời đều cúng dường Phật. Thấy người chịu khổ thân run rẩy, Nên ở địa ngục chẳng biết đau, Phật vì chúng sanh chịu khổ nhiều, Nên là vô lượng không ai hơn. Phật vì chúng sanh tu khổ hạnh, Đầy đủ sáu môn Ba La Mật, Ở trong gió tà tâm chẳng động, Nên hơn được đại sĩ trong đời. Chúng sanh thường muốn được an vui, Mà chẳng biết tu nhơn an vui, Phật có thể dạy bảo tu tập, Dường như cha lành thương con một, Phật thấy chúng sanh khổ phiền não, Lòng khổ như mẹ lo con bịnh, Thường nghĩ những phương tiện lìa bịnh, Nên thân Phật hệ thuộc nơi người. Tất cả chúng sanh làm điều khổ, Lòng họ điên đảo cho là vui, Phật diễn nói khổ vui chơn thật, Nên đời gọi Phật là đại bi. Đời đều ở trong vỏ vô minh, Không có mỏ trí mổ lủng được, Mỏ trí của Phật mổ lủng được, Nên gọi Phật là mẹ lớn nhứt. Chẳng bị nhiếp trì trong ba đời, Không có danh tự và hiệu giả, Hiểu biết nghĩa sâu của Niết Bàn, Nên gọi Phật là bực Đại Giác. Ba cõi xoay chuyển nhận chúng sanh,

Vô minh mù lòa chẳng biết ra, Phật tự độ mình độ được người, Nên gọi Phật là đại thuyền sư. Biết rõ được tất cả nhơn quả, Cũng lại thông đạt đạo tịch diệt, Thường ban pháp dược cho chúng sanh, Nên đời gọi Phật là Y Vương. Ngoại đạo tà kiến nói khổ hạnh, Nhơn hạnh nầy được vui vô thượng, Đức Phật diễn nói hạnh chơn lạc, Làm cho chúng sanh hưởng an vui, Như Lai Thế Tôn phá đạo tà, Chỉ dạy chúng sanh đường chơn chánh, Ai đi đường nầy được an vui, Nên đời gọi Phật là Đạo Sư. Chẳng phải mình và người làm ra, Chẳng phải chung làm vô nhơn làm, Đức Phật giảng nói những sự khổ, Đúng thật không như các ngoại đạo. Thành tựu đầy đủ giới định huệ, Cũng đem pháp nầy dạy chúng sanh, Đem pháp bố thí không lẫn tiếc, Phật hiệu là Đấng Vô Duyên Từ. Không tạo tác cũng không nhơn duyên, Chứng đặng báo không nhơn không quả, Do đây tất cả bực trí giả, Khen nói đức Phật chẳng cầu báo. Thường cùng thế gian hành phóng dật,Mà thân chẳng làm phóng dật hạnh, Nên gọi Phật là Bất Tư Nghì. Tám pháp thế gian chẳng nhiễm ô. Như Lai Thế Tôn không thân thù, Nên tâm của Phật thường bình đẳng, Tôi Sư Tử Hống, tán thán Phật, Rống như vô lượng sư tử rống.

XXIV

PHẨM CA DIẾP BỒ TÁT THỨ HAI MƯƠI BỐN

Ca Diếp Bồ Tát bạch rằng : " Thế Tôn ! Đức Như Lai thương xót tất cả chúng sanh. Có thể điều phục kẻ chẳng điều phục, có thể thanh tịnh kẻ chẳng thanh tịnh, có thể quy y kẻ chẳng quy y, có thể giải thoát kẻ chưa giải thoát, được tám môn tự tại là bực đại Y Sư, đại Dược Vương.

Bạch Thế Tôn ! Thiện Tinh Tỳ Kheo là con trai của đức Phật lúc chưa xuất gia, sau khi làm Tỳ Kheo, Thiện Tinh thọ trì đọc tụng giải thuyết mười hai bộ kinh, phá kiết sử cõi dục chứng được tứ thiền. Tại sao đức Như Lai nói Thiện Tinh là hạng Nhứt Xiển Đề, là người hạ tiện người không thể trị được phải ở nơi địa ngục cả kiếp. Cớ gì đức Như Lai chẳng trước diễn nói chánh pháp cho Thiện Tinh, để được làm Bồ Tát. Nếu đức Thế Tôn chẳng cứu được Thiện Tinh Tỳ Kheo, thời đâu được gọi là có đại từ bi, có đại phương tiện ?

Phật nói : " Nầy Thiện Nam Tử ! Ví như cha mẹ chỉ có ba người con trai : Người trai thứ nhứt cung kính cha mẹ có lòng tin thuận, thông minh trí huệ có thể làm xong được sự nghiệp trong đời ; người trai thứ hai không cung

kính tin thuận cha mẹ, thông minh trí huệ có thể làm xong sự nghiệp trong đời ; người trai thứ ba không cung kính tin thuận cha mẹ, ngu si vô trí.

Nầy Thiện Nam Tử ! Nếu lúc cha mẹ muốn dạy bảo điều gì, thời nên dạy đứa con nào trước, thân ái đứa con nào trước, nên bảo đứa nào làm sự nghiệp trước ?

_ Bạch Thế Tôn ! Cha mẹ đó nên trước dạy bảo đứa con có lòng cung kính tin thuận thông minh trí huệ hiểu biết sự nghiệp trong đời, kế đến dạy bảo đứa thứ hai, rồi sau mới đến đứa con thứ ba. Hai đứa sau dầu không lòng cung kính tin tbhuận nhưng vì xót thương nên cũng lần lượt dạy bảo.

_ Nầy Thiện Nam Tử ! Đức Như Lai cũng như vậy. Đứa con thứ nhứt dụ cho Bồ Tát, đứa giữa dụ cho hàng Thanh Văn, đứa thứ ba dụ cho hạng Nhứt Xiển Đề.

Như trong khế kinh, những nghĩa lý vi tế ta đã trước giảng nói cho các vị Bồ Tát. Những nghĩa cạn cợt thời giảng nói cho hàng Thanh Văn. Những nghĩa thế gian thời giảng nói cho hạng Nhứt Xiển Đề phạm tội ngũ nghịch, dầu trong đời hiện tại họ không được lợi ích, nhưng cũng làm chủng tử lành cho đời sau.

Nầy Thiện Nam Tử ! Ví như ba hạng ruộng : Hạng thứ nhứt nước chảy lưu thông, không có ngói đá gai gốc, trồng một thâu được trăm. Hạng thứ hai dầu không ngói đá gai gốc, nhưng đường nước không được lưu thông nên hoa mầu kém ruộng trên phân nửa. Hạng thứ ba đường nước khó khăn lại nhiều ngói đá gai gốc cỏ mọc lan tràn trồng một chỉ thâu được một.

Nầy Thiện Nam Tử ! Đến mùa gieo trồng thời nông phu nên gieo trồng ruộng nào trước ?

_ Bạch Thế Tôn ! Nông phu kia nên gieo trồng ruộng thứ nhứt trước, kế đến ruộng thứ hai, sau rốt đến ruộng thứ ba.

_ Nầy Thiện Nam Tử ! Ruộng thứ nhứt dụ cho Bồ Tát, ruộng thứ hai dụ cho Thanh Văn, ruộng thứ ba dụ cho hạng Nhứt Xiển Đề.

Nầy Thiện Nam Tử ! Ví như ba cái chậu : Cái thứ nhứt nguyên vẹn, cái thứ hai rịn chảy, cái thứ ba bể. Nếu muốn đựng sữa, lạc, nước, tô thời trước nên dùng chậu nào ?

_ Bạch Thế Tôn ! Nên trước dùng chậu lành, kế đến dùng chậu nứt, sau rốt mới đến chậu bể.

_ Nầy Thiện Nam Tử ! Chậu lành dụ cho Bồ Tát, chậu nứt dụ hàng Thanh Văn, chậu bể dụ hạng Nhứt Xiển Đề.

Nầy Thiện Nam Tử ! Như có ba người bịnh đồng đến y sĩ : Người thứ nhứt dễ trị, người thứ hai khó trị, người thứ ba không thể trị. Y Sĩ nên trước trị cho người nào ?

_ Bạch Thế Tôn ! Nên trị cho người dễ trước, kế đến người thứ hai, sau rốt đến người thứ ba, vì là hàng thân thuộc.

_ Nầy Thiện Nam Tử ! Người bịnh dễ trị dụ cho Bồ Tát, người bịnh khó trị dụ cho Thanh Văn, người bịnh không thể trị dụ cho hạng Nhứt Xiển Đề. Dầu hạng sau rốt nầy đối với chánh pháp không được quả lành trong đời hiện tại, nhưng vì xót thương nên đức Như Lai cũng gieo trồng chủng tử lành cho họ đời sau.

Nầy Thiện Nam Tử ! Ví như nhà vua có ba hạng ngựa : Hạng thứ nhứt điều thuận mạnh mẽ, hạng thứ hai không điều thuận nhưng mạnh mẽ, hạng thứ ba không điều thuận là già yếu. Lúc muốn cỡi, nhà vua nên cỡi hạng ngựa nào trước ?

_ Bạch Thế Tôn ! Nhà vua nên trước cỡi hạng ngựa điều thuận mạnh mẽ, kế đến hạng thứ hai, sau cùng đến hạng thứ ba.

_ Nầy Thiện Nam Tử ! Hạng điều thuận mạnh mẽ dụ cho Bồ Tát, hạng thứ hai dụ cho Thanh Văn, hạng thứ ba dụ cho Nhứt Xiển Đề. Dầu hạng sau rốt nầykhông được lợi ích trong đời hiện tại, nhưng vì xót thương nên đức Như Lai vun trồng chủng tử lành đời sau cho họ.

Nầy Thiện Nam Tử ! Như lúc bố thí lớn có ba hạng người đến xin : Hạng thứ nhứt dòng sang thông minh giữ giới hiền lành, hạng thứ hai dòng trung lưu ngu tối nhưng cũng giữ giới hiền lành, hạng thứ ba, dòng hạ tiện ngu tối phá giới hung ác.

Nầy Thiện Nam Tử ! Thí chủ kia nên bố thí cho hạng nào trước ?

_ Bạch Thế Tôn ! Nên trước bố thí cho hạng thứ nhứt, kế đến hạng thứ hai, sau rốt đến hạng thứ ba.

_ Nầy Thiện Nam Tử ! Hạng thứ nhứt dụ cho Bồ Tát, hạng thứ hai dụ cho Thanh Văn, hạng thứ ba dụ cho Nhứt Xiển Đề.

Nầy Thiện Nam Tử ! Như đại sư tử lúc giết hương tượng thời dùng hết sức lực, lúc giết thỏ cũng dùnh hết sức lực chẳng khinh thường. Chư Phật cũng như vậy, lúc thuyết pháp cho chư vị Bồ Tát dụng công cũng như lúc thuyết pháp cho hạng Nhứt Xiển Đề.

Nầy Thiện Nam Tử ! Trước kia lúc ta ở thành Vương Xá, Thiện Tinh Tỳ Kheo làm thị giả. Đầu hôm nói pháp cho Thiên Đế Thích. Theo phép của thị giả, phải đi nằm sau Thầy.

Lúc đó vì ta ngồi lâu nên Thiện Tinh sanh niệm ác bạch với ta rằng mau đi vào thiền thất quỉ Bạc Câu La đến kia kìa. Ta bảo Thiện Tinh, ngươi là kẻ ngu si, ngươi chẳng biết rằng đức Như Lai là bực vô sở úy ư !

Đế Thích hỏi ta rằng : Bạch Thế Tôn ! Hạng người như vậymà cũng được vào trong Phật pháp ư ?

Ta nói với Thiên Đế : Hạng người ấy cũng đặng vào trong Phật pháp, họ cũng có Phật tánh sẽ chứng được vô thượng Bồ Đề.

Dầu ta vì Thiện Tinh mà thuyết pháp, nhưng Thiện Tinh vẫn không có lòng tin.

Nầy Thiện Nam Tử ! Lại có một lúc ta ở nước Ca Thi, thành Thi Bà Phú La, ta muốn vào thành khất thực. Vô lượng chúng sanh khao khát muốn thấy dấu chưn của ta. Thiện Tinh Tỳ Kheo theo hầu phía sau chà bỏ dấu chưn của ta, nhưng không chà mất được, lại làm cho chúng sanh có quan niệm chẳng lành.

Khi vào thành rồi, thấy trong nhà cất rượu có một Ni Kiền Tử ngồi xổm khum lưng ăn bã rượu.

Thiện Tinh bạch với ta rằng : Nếu trong đời có bực A La Hán thời người đó là hơn tất cả, vì người đó tuyên bố rằng không nhơn không quả. Ta bảo Thiện Tinh : Ngươi là người ngu si. Ngươi chẳng nghe rằng bực A La Hán chẳng uống rượu, chẳng hại người, chẳng khi dối, chẳng trộm cướp, chẳng dâm dật ư ! Ni Kiền Tử đó giết hại cha mẹ, ăn bã rượu sao ngươi nói là bực A La Hán. Người đó sau khi chết quyết định đọa địa ngục A Tỳ. Bực A La Hán dứt hẳn ba đường ác, sao ngươi gọi người đó là A La Hán.

Thiện Tinh liền nói : Tánh của tứ đại còn có thể chuyển đổi, quyết không có lẽ người đó đọa địa ngục A Tỳ.

Ta nói : Ngươi là người ngu si. Ngươi chẳng thường nghe rằng chư Phật luôn luôn nói lời thành thật ư ?

Dầu ta khuyên dạy Thiện Tinh, nhưng Thiện Tinh tuyệt không có lòng tin.

Nầy Thiện Nam Tử ! Có một lúc kia ta cùng Thiện Tinh ở thành Vương Xá, trong thành có một Ni Kiền Tử tên là Khổ Đắc. Người nầy thường tuyên bố rằng : Chúng sanh phiền não không nhơn, không duyên, chúng sanh giải thoát cũng không nhơn không duyên.

Thiện Tinh bạch với ta rằng : Nếu trong đời có bực A La Hán thời ông Khổ Đắc là trên hết.

Ta nói ngươi là kẻ ngu si. Ni Kiền Tử Khổ Đắc thiệt chẳng phải A La Hán chẳng hiểu được đạo A La Hán.

Thiện Tinh nói rằng : Tại sao bực A La Hán lại tật đố với A La Hán.

Ta nói ngươi là người ngu si. Ta chẳng sanh tật đố với A La Hán, chính là người tự sanh quan niệm ác tà. Nếu người nói Khổ Đắc là A La Hán, thời ông nên nghe đây, bảy ngày sau Khổ Đắc sẽ bị trúng thực đau bụng mà chết, chết rồi sẽ sanh trong loài quỉ ăn đồ ói mửa khạc nhổ của người. Bạn đồng học sẽ mang thây của Khổ Đắc bỏ trong rừng Tha Ma.

Thiện Tinh liền đem lời nầy thuật lại với Khổ Đắc rồi bảo Khổ Đắc rằng : Trưởng lão nên khéo tư duy, tu tập phương tiện, làm cho lời ông Cù Đàm thành vọng ngữ.

Sau khi nghe Thiện Tinh nói, Khổ Đắc liền đoạn thực, từ một ngày đến ngày thứ sáu, nhịn đói đủ bảy ngày, Khổ Đắc bèn ăn đường đen, rồi uống nước lã, đau bụng mà chết. Bạn của Khổ Đắc liền mang thi hài bỏ trong rừng Tha Ma, Khổ Đắc sanh làm quỉ đói ăn đồ ói mửa, quanh quẩn ở bên tử thi.

Thiện Tinh hay được việc nầy liền đến trong rừng Tha Ma, thấy Khổ Đắc thọ thân quỉ đói, ở bên tử thi ngồi xổm khum lưng. Thiện Tinh hỏi quỉ đói : Đại Đức đã chết rồi ư ?

Khổ Đắc đáp : Tôi đã chết.

_ Tại sao mà chết ?

_ Vì đau bụng mà chết.

_ Ai mang thây Đại Đức ra đây ?

_ Bạn học của tôi.

_ Mang thây bỏ chỗ nào ?

_ Ông là người ngu ! Ông há chẳng biết rằng đây là rừng Tha Ma ư ?

_ Đại Đức thọ thân gì ?

_ Tôi mang lấy thân quỉ ăn đồ ói mửa. Ông nên nghe kỹ ! Lời nói của đức Như Lai, là lời lành, lời chơn thật, lời phải thời, lời đúng nghĩa, lời đúng pháp. Sao ông lại chẳng tin lời chơn thật của Như Lai. Nếu có kẻ nào chẳng tin lời nói chơn thật của Như Lai thời kẻ đó cũng phải thọ lấy thân như tôi.

Thiện Tinh trở về bạch với ta rằng : Thế Tôn ! Ni Kiền Tử Khổ Đắc sau khi chết được sanh lên cõi trời Đao Lợi.

Ta nói : Nầy người ngu ! Bực A La Hán là bực vô sanh, sao ngươi lại nói Khổ Đắc được sanh lên cõi trời Đao Lợi ?

Thiện Tinh bạch rằng : Thế Tôn ! Ni Kiền Tử Khổ Đắc thiệt chẳng sanh lên cõi trời, hiện nay đương thọ thân quỉ đói.

Ta nói : Nầy người ngu ! Lời của chư Phật là lời thành thật, không bao giờ nói sai.

Thiện Tinh liền bạch rằng : Dầu lúc đó đức Như Lai nói như vậy, nhưng tôi trọn không có lòng tin.

Nầy Thiện Nam Tử ! Ta cũng thường thuyết pháp cho Thiện Tinh Tỳ Kheo, mà Thiện Tinh tuyệtkhông có lòng tin thuận.

Nầy Thiện Nam Tử ! Dầu Thiện Tinh đọc tụng mười hai bộ kinh, chứng được tứ thiền, nhưng chẳng hiểu nghĩa một kệ một câu nhẫn đến một chữ. Vì gần gũi bạn ác nên mất tứ thiền, sanh kiến chấp tà ác mà nói rằng không Phật, không Pháp, không có Niết Bàn. Sa Môn Cù Đàm giỏi tướng số nên có thể biết được tâm niệm của người.

Ta bảo Thiện Tinh : “ Những pháp của ta giảng nói : Ban đầu, chặn giữa, rốt sau, điều lành, lời khéo, nghĩa chánh, không xen tạp, thành tựu đầy đủ phạm hạnh thanh tịnh.

Thiện Tinh lại nói rằng : Dầu đức Như Lai vì tôi mà thuyết pháp, nhưng tôi vẫn nói quyết rằng không nhơn không quả.

Phật bảo Ca Diếp Bồ Tát : “ Nầy Thiện Nam Tử ! Nếu ông chẳng tin những việc như vậy, nay Thiện Tinh ở gần sông Ni Liên Thiền, ta cùng ông có thể đến đó để hỏi.

Liền đó đức Như Lai cùng ca Diếp Bồ Tát đến chỗ Thiện Tinh tỳ Kheo.

Thiện Tinh thấy Phật từ xa đi đến liền sanh tâm tà ác. Do tâm ác nầy, hiện thân đọa vào địa ngục A Tỳ.

Phật bảo Ca Diếp Bồ Tát : “ Nầy Thiện Nam Tử ! Thiện Tinh dầu vào trong Phật pháp vô lượng công đức, nhưng trọn không đặng mảy mún lợi ích, đó là vì phóng dật, gần bạn ác.

Ví như có người dù vào biển lớn thấy nhiều châu báu, nhưng vì phóng dật nên không được của báu.

Lại như người vào biển thấy châu báu, hoặc tự giết mình chết, hoặc bị ác quỉ giết chết. Cũng vậy, Thiện Tinh dầu vào trong Phật pháp nhưng bị bạn ác giết hại.

Nầy Thiện Nam Tử ! Do đây nên đức Như Lai xót thương thường bảo rằng : Thiện Tinh phóng dật quá nhiều.

Nầy Thiện Nam Tử ! Nếu là người trước kia nghèo cùng, với người nầy dầu có xót thương nhưng lòng thương không nhiều lắm. Nếu là người trước kia giàu lớn, về sau suy sụp nghèo cùng với người nầy, lòng xót thương sâu đậm hơn.

Thiện Tinh Tỳ Kheo cũng như vậy, đã thọ trì đọc tụng mười hai bộ kinh, chứng đặng tứ thiền, tồi để thối thất tất đáng xót thương. Do đây nên ta nói Thiện Tinh phóng dật quá nhiều nên dứt mất những căn lành. Hàng đệ tử của ta người nào nghe thấy việc nầy đều sanh lòng xót thương sâu đậm đối với Thiện Tinh Tỳ Kheo.

Từ nhiều năm ta thường cùng Thiện Tinh Tỳ Kheo gần gũi nhau, mà Thiện Tinh tự sanh lòng tà ác, chẳng bỏ ác kiến.

Nầy Thiện Nam Tử ! Từ xưa ta thấy Thiện Tinh có chút ít căn lành như lông tóc, trọn chẳng huyền kỳ Thiện Tinh là dứt tuyệt căn lành, là hạng hạ tiện Nhứt Xiển Đề phải đọa địa ngục. Bởi Thiện Tinh tuyên bố rằng không nhơn không quả, không có tạo nghiệp, do đây nên ta huyền ký Thiện Tinh là hạng Nhứt Xiển Đề hạ tiện dứt hẳn căn lành phải đọa địa ngục cả kiếp.

Nầy Thiện Nam Tử ! Như có người té chìm trong hầm phẩn, có bạn lành đưa tay mò đó, nếu nắm đặng đầu tóc, bèn muốn kéo lên, mò lâu chẳng được mới có tâm niệm thôi vớt. Cũng vậy ta tìm chút ít căn lành nơi Thiện Tinh để cứu vớt, nhưng trọn ngày tìm cầu mà chẳng được mảy lông tóc căn lành , do đây nên chẳng cứu được tội đọa địa ngục của Thiện Tinh.

Ca Diếp Bồ Tát bạch rằng : “ Thế Tôn ! Đức Như Lai cớ gì huyền ký Thiện Tinh sẽ đọa địa ngục A Tỳ”.

_ Nầy Thiện Nam Tử ! Thiện tinh Tỳ Kheo có quyến thuộc đông, đều cho rằng Thiện Tinh đã chứng được quả A La Hán. Vì ta muốn phá tâm niệm tà ác của họ nên huyền ký Thiện Tinh do phóng dật phải đọa địa ngục.

Nầy Thiện Nam Tử ! Ông nên biết rằng lời nói của Như Lai là lời chơn thật không sai . Nếu Phật huyền ký sẽ đọa địa ngục, thời chẳng bao giờ không đọa.

Hàng Thanh Văn Duyên Giác huyền ký thời có hai thứ hoặc đúng, hoặc chẳng đúng. Như Mục Kiền Liên bảo người nước Ma Già Đà sau bảy ngày trời sẽ mưa, đến kỳ trời trọn chẳng mưa. Có lúc ông dự ký bò cái sẽ đẻ bò con trắng, đến lúc sanh sản lại đẻ bò con vá. Ông ấy dự ký sanh trai, về sau lại sanh con gái.

Nầy Thiện Nam Tử ! Thiện Tinh thường tuyên bố với vô lượng chúng sanh rằng tất cả không có quả lành quả dữ, do đó dứt hẳn tất cả căn lành không còn mảy mún như lông tóc.

Từ lâu ta biết rõ Thiện Tinh sẽ dứt mất căn lành, ta vẫn cố ý cùng Thuiện Tinh ở chung cả hai mươi năm. Vì nếu ta không ở gần Thiện Tinh, thời Thiện Tinh sẽ khuyên bảo vô lượng chúng sanh tạo những nghiệp ác. Đây gọi là trí lực thứ năm của đức Như Lai.

Bạch Thế Tôn ! Hạng Nhứt Xiển Đề do nhơn duyên gì mà không có pháp lành ?

_ Nầy Thiện Nam Tử ! Vì hạng Nhứt Xiển Đề dứt căn lành. Chúng sanh đều có năm căn : tín, tấn, niệm, định và huệ, mà hạng Nhứt Xiển Đề dứt hẳn căn lành nầy. Do nghĩa đây nên giết hại con kiến còn mắc phải tội sát sanh, nhưng giết hại hạng Nhứt Xiển Đề không mắc tội sát sanh.

_ Bạch Thế Tôn ! Vì Nhứt Xiển Đề trọn không pháp lành nên gọi là Nhứt Xiển Đề ư ?

_ Đúng như vậy !

_ Bạch Thế Tôn ! Tất cả chúng sanh có ba thứ pháp lành : Quá khứ , vị lai và hiện tại. Hạng Nhứt Xiển Đề không thể dứt được pháp lành đời vị lai, sao lại nói rằng dứt hết pháp lành gọi là Nhứt Xiển Đề.

_ Nầy Thiện Nam Tử ! Luận về sự dứt có hai thứ : Một là hiện tại dứt, hai là hiện tại chướng ngại vị lai. Hạng Nhứt Xiển Đề đủ cả hai thứ nầy nên ta nói rằng Nhứt Xiển Đề dứt hết căn lành.

Nầy Thiện Nam Tử ! Ví như có người té chìm trong hầm phẩn, dầu còn một sợi tóc chưa chìm, nhưng một sợi tóc không thể kéo nổi toàn thân. Hạng Nhứt Xiển Đề cũng như vậy dầu đời vị lai sẽ có căn lành nhưng không thể cứu được khổ địa ngục. Đời vị lai dầu có thể cứu khỏi, nhưng đời hiện tại không thể làm sao được. Do đây nên gọi là kẻ không thể cứu vớt.

Do Phật tánh làm nhơn duyên thời cứu vớt được, vì Phật tánh chẳng phải quá khứ chẳng phải vị lai chẳng phải hiện tại, nên Phật tánh không bị dứt mất. Như hột mục hư thời không thể mọc mọng, hạng Nhứt Xiển Đề cũng như vậy.

_ Bạch Thế Tôn ! Hạng Nhứt Xiển Đề chẳng dứt Phật tánh, Phật tánh là pháp lành, tại sao nói rằng dứt tất cả pháp lành ?

Nầy Thiện Nam Tử ! Nếu chúng sanh nào trong đời hiện tại có Phật tánh thời chẳng được gọi là Nhứt Xiển Đề. Như ngã tánh trong thế gian. Phật tánh là thường chẳng thuộc về ba đời. Nếu thuộc về ba đời thời gọi là vô thường. Vì đời vị lai sẽ thấy Phật tánh, nên nói rằng chúng sanh đều có Phật tánh. Do nghĩa nầy nên bực Thập Trụ Bồ Tát trang nghiêm đầy đủ công hạnh mới thấy được phần ít.

_ Bạch Thế Tôn ! Phật tánh là thường dường như hư không, tại sao đức Như Lai nói rằng vị lai ? Nếu đức Như Lai nói rằng hạng Nhứt Xiển Đề không có pháp lành, lẽ đâu hạng nầy không có lòng thương tưởng đối với bạn bè, cha mẹ, vợ con thân quyến. Nếu họ có lòng thương tưởng thời lòng thương nầy chẳng phải là lành ư ?

_ Lành thay ! Lành thay ! Lời ông hỏi rất hay Phật tánh dường như hư không, chẳng phải quá khứ, chẳng phải vị lai, chẳng phải hiện tại. Tất cả chúng sanh có ba thứ thân ; Thân quá khứ, thân vị lai, thân hiện tại. Đời vị lai chúng sanh trang nghiêm đầy đủ thân thanh tịnh thấy được Phật tánh, nên ta nói rằng Phật tánh đời vị lai.

Nầy Thiện Nam Tử ! Ta vì chúng sanh có lúc hoặc nói nhơn là quả, có lúc hoặc nói quả là nhơn, do đây nên trong kinh nói rằng mạng căn là ăn uống, thấy sắc là chạm xúc. Vì thân đời vị lai thanh tịnh nên nói Phật tánh.

_ Bạch Thế Tôn ! Như ý nghĩa của đức Phật nói như vậy, sao lại nói rằng tất cả chúng sanh đều có Phật tánh ?

_ Nầy Thiện Nam Tử ! Dầu Phật tánh hiện tại không, nhưng chẳng được nói rằng chúng sanh không Phật tánh. Như tánh hư không kia, dầu không hiện tại mà chẳng được nói là không. Dầu tất cả chúng sanh là vô thường, còn Phật tánh là thường trụ không biến đổi, do đây nên trong kinh ta nói rằng Phật tánh của chúng sanh chẳng phải trong chẳng phải ngoài, dường như hư không. Nếu có trong có ngoài thời chẳng được gọi là duy nhứt, là thường trụ, cũng chẳng được gọi là tất cả chỗ đều có. Dầu hư không chẳng phải trong chẳng phải ngoài nhưng tất cả chúng sanh đều có Phật tánh của chúng sanh cũng như vậy.

Ông nói rằng hạng Nhứt Xiển Đề có pháp lành đó, lời nầy không đúng nghĩa. Vì hạng Nhứt Xiển Đề tất cả hành động nói năng đều là tà nghiệp, vì họ chẳng tin chẳng cầu nhơn quả. Như gốc, cây, nhánh, lá, bông, hột, trái A Lê Lặc đều đắng, tất cả hành nghiệp của Nhứt Xiển Đề cũng như vậy.

Nầy Thiện Nam Tử ! Đức Như Lai thành tựu đầy đủ tri chư căn trí lực, do đây nên biết rõ căn tánh thượng trung hạ của tất cả chúng sanh : Biết rõ rằng người nầy từ bực hạ lên bực trung, biết rõ rằng người nầy từ bực trung lên bực thượng, biết rõ rằng người nầy từ bực thượng thành bục trung, biết rõ rằng người nầy từ bực trung thành bực hạ. Do đây nên biết rằng căn tánh của chúng sanh không quyết định, vì không quyết định nên hoặc đã dứt căn lành rồi trở lại sanh căn lành. Nếu căn tánh của chúng sanh là quyế định thời trọn

không có đã dứt mà lại sanh, cũng chẳng nên nói rằng hạng Nhứt Xiển Đề đọa địa ngục một kiếp. Nầy Thiện Nam tử ! Do đây nên đức Như Lai nói rằng tất cả pháp không có tướng quyết định.

_ Bạch Thế Tôn ! Đức Như Lai đầy đủ tri chư căn trí lực, biết chắc rằng Thiện Tinh sẽ dứt mất căn lành, tại sao lại cho Thiện Tinh xuất gia ?

_ Nầy Thiện Nam Tử ! Thuở ta mới xuất gia, em ta là Nan Đà, em họ là A Nan và Đề Bà Đạt Đa, con trai ta là La Hầu La, những người đó đều theo ta xuất gia tu hành. Nếu ta chẳng cho Thiện Tinh xuất gia, thời Thiện Tinh sẽ nối ngôi vua có quyền thế sẽ phá hoại Phật pháp, do đó nên ta cho Thiện Tinh xuất gia.

Nầy Thiện Nam Tử ! Nếu Thiện Tinh chẳng xuất gia cũng dứt mất căn lành trong vô lượng đời đều không lợi ích. Nay đã xuất gia dầu mất căn lành, nhưng có thể trì giới cung kính cúng dường bực đức hạnh, tu tập sơ thiền nhẫn đến tứ thiền những điều này gọi là nhơn lành, nhơn lành nầy có thể sanh pháp lành, pháp lành đã sanh thời có thể tu tập đạo hạnh, đã có thể tu tập đạo hạnh thời có thể được vô thượng Bồ Đề, do đây nên ta cho Thiện Tinh xuất gia.

Nếu ta chẳng cho Thiện Tinh xuất gia thọ giới thời ta chẳng được gọi là Như Lai Thế Tôn đầy đủ mười trí lực.

Nầy Thiện nam Tử ! Đức Phật quán sát chúng sanh đủ cả pháp lành và pháp chẳng lành. Người nầy dầu đủ hai pháp như vậy, nhưng chẳng bao lâu sẽ dứt mất tất cả căn lành mà đủ cả pháp chẳng lành. Vì những chúng sanh nầy chẳng gần gũi bạn lành, chẳng nghe chánh pháp, chẳng khéo tư duy, chẳng thật hành đúng pháp, do đây nên sẽ dứt mất căn lành.

Đức Như Lai lại biết người nầy hiện đời hoặc đời vị lai, lúc trẻ hoặc lúc già, sẽ gần gũi bạn lành được nghe chánh pháp, thời có thể sanh căn lành trở lại.

Ví như có khe suối gần xóm làng, nước suối ngọt ngon đủ tám công đức. Có người nóng nảy khát nước muốn đến khe suối, người trí quyết định biết rằng người khát nầy sẽ đến bên nước, vì không còn con đường nào khác. Đức Như Lai quán sát chúng sanh cũng như vậy. Do đây nên Như Lai gọi là có đũ tri chư căn trí lực.

Đức Thế Tôn lấy chút đất để trên móng tay rồi bảo Ca Diếp Bồ Tát rằng : Đất nầy nhiều hay đất nơi mười phương thế giới nhiều ?

_ Bạch Thế Tôn ! Đất dính trên móng tay đâu có thể sánh với đất trong mười phương thế giới !

_ Nầy Thiện Nam Tử ! Có người đã chết trở lại được thân người, bỏ thân trong ba đường ác mà được thân người, căn thân đầy đủ, sanh nơi trung quốc, có đủ chánh tín, có thể tu tập đạo hạnh, có thể tu tập chánh đạo, có thể được giải thoát, có thể nhập Đại Niết Bàn. Được những điều trên đây thật là hy hữu như số lượng đất trên móng tay.

Bỏ thân người mang thân ba đường ác, bỏ thân ba đường ác trở lại thọ thân ba đường ác, thân căn chẳng đầy đủ, sanh nơi biên địa, tà kiến điên đảo, thật hành đạo tà, chẳng được giải thoát, chẳng được Niết Bàn, những hạng nầy đông nhiều như số lượng đất trong mười phương thế giới.

Nầy Thiện Nam Tử ! Người hộ trì cấm giới tinh tấn chẳng biến trể, chẳng phạm bốn tội trọng, chẳng gây năm tội nghịch, chẳng lạm dụng vật của Tăng, chẳng dứt căn lành, chẳng làm Nhứt Xiển Đề, tin thọ kinh điển Đại Niết bàn nầy, những người đây tất hy hữu như lượng số đất trên móng tay.

Người lười biếng phá giới, phạm bốn tội trọng, gây năm tội nghịch, lạm dùng của Tăng, làm Nhứt Xiển Đề dứt mất căn lành, chẳng tin kinh Niết Bàn nầy, số lượng đông nhiều như đất trong mười phương thế giới.

Nầy Thiện Nam Tử ! Đức Như Lai biết rõ căn tánh thượng trung hạ của chúng sanh như vậy nên gọi là đầy đủ tri chư căn trí lực.

Bạch Thế Tôn ! Đức Như Lai có đủ tri chư căn trí lực như vậy, nên biết rõ căn tánh thượng trung hạ của tất cả chúng sanh, biết rõ căn tánh của chúng sanh đời hiện tại, cũng biết rõ căn tánh của chúng sanh đời vị lai, biết rõ những chúng sanh nầy sau khi Phật nhập diệt sẽ nói rằng đức Như Lai rốt ráo nhập Niết Bàn hoặc nói rằng đức Như Lai không rốt ráo nhập Niết Bàn, hoặc nói có ngã, hoặc nói không ngã, hoặc cho rằng có trung ấm, hoặc không trung ấm, hoặc nói có thối thất, hoặc không thối thất, hoặc nói thân Như Lai là hữu vihoặc nói là vô vi, hoặc có kẻ nói mười hai nhơn duyên là pháp hữu vi, hoặc nói là pháp vô vi, hoặc nói tâm là thường trụ, hoặc nói tâm là vô thường, hoặc có người nói hưởng vui ngũ dục thời hay chướng thánh đạo, hoặc nói chẳng chướng ngại, hoặc có kẻ nói thế đệ nhứt chỉ thuộc về cõi dục hoặc nói thuộc về cả ba cõi, hoặc nói bố thí chỉ thuộc nơi ý nghiệp, hoặc nói bố thí thuộc nơi ngũ ấm, hoặc nói có ba pháp vô vi, hoặc nói không ba pháp vô vi, hoặc nói có tạo sắc, hoặc nói không tạo sắc, hoặc nói có vô tác sắc, hoặc nói không vô tác sắc, hoặc nói có tâm sở, hoặc nói

không tâm sở ; hoặc nói có năm đại chủng, hoặc nói có sáu đại chủng ; hoặc nói giới Ưu Bà Tắc thọ đầy đủ bát quan trai, hoặc nói chẳng thọ được đầy đủ ; hoặc nói Tỳ Kheo đã phạm tội tứ trọng mà giới Tỳ Kheo vẫn còn, hoặc nói chẳng còn ; hoặc nói bực Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm, A Na Hàm, A La Hán, đều được thành Phật, hoặc nói chẳng được thành : Hoặc nói chính nơi chúng sanh có Phật tánh, hoặc nói rời chúng sanh có Phật tánh ; hoặc nói hạng Nhứt Xiển Đề phạm bốn tội trọng năm tội nghịch đều có Phật tánh, hoặc nói không có Phật tánh ; hoặc nói có chư Phật mười phương, hoặc nói không có chư Phật mười phương.

Đức Như Lai thành tựu đầy đủ tri chư căn trí lực như vậy, tại sao hôm nay chẳng nói quyết định ?

Nầy Thiện Nam Tử ! Những nghĩa như vậy chẳng phải là nhãn thức biết được nhẫn đến chẳng phải là ý thức biết được, đây là chỗ biết của trí huệ. Nếu với người có trí huệ, thời ta trọn chẳng nói phân hai, người trí nầy cũng cho rằng Phật chẳng nói phân hai. Với người vô trí thời ta nói bất định người vô trí nầy cũng cho rằng Phật nói bất địng.

Nầy Thiện Nam Tử ! Tất cả công hạnh lành của Như Lai đều vì điều phục chúng sanh. Như tất cả phương thuốc của lương y đều để chữa trị những bịnh khổ.

Nầy Thiện Nam Tử ! Vì quốc độ, vì thời tiết, vì ngôn ngữ của người, vì độ người, vì căn tánh sai khác, nên đức Như Lai ở trong một pháp mà nói phân hai, nơi một danh từ nói thành vô lượng danh từ, nơi trong một nghĩa nói thành vô lượng, nơi trong vô lượng nghĩa nói thành vô lượng.

Thế nào là một danh từ nói thành vô lượng danh từ ? Như Niết Bàn, cũng gọi là Niết Bàn, là vô sanh, là vô xuất, là vô tác, là vô vi, là quy y, là nhà cửa, là giải thoát, là quang minh, là đèn sáng, là bờ kia, là vô úy, là bất thối, là chỗ an ổn, là tịch tịnh, là vô tướng, là bất nhị, là nhứt hạnh, là thanh lương, là không tối tăm, là không chướng ngại, là vô tránh, là vô trược, là quảng đại, là cam lộ, là cát tường.

Thế nào là một nghĩa nói thành vô lượng ? Như Đế Thích : Cũng gọi là Đế Thích, cũng gọi là Kiều Thi Ca, là Bà Ta Bà, là Phú Lan Đà La, là Ma Pháp Bà, là Nhơn Đà La, là Thiên Nhãn, là Xá Chỉ Thiên, là Kim Cang, là Bửu Đảnh, là Bửu Tràng.

Thế nào là nơi vô lượng nghĩa nói thành vô lượng ? Như Phật Như Lai cũng gọi là Như Lai, vì nghĩa khác nên tên cũng khác, gọi là A La Ha, cũng gọi là Tam Miệu Tam Phật Đà, cũng gọi là Thuyền Sư, cũng gọi là Đạo Sư, là Chánh Giác, là Minh Hạnh Túc, là Sư Tử Vương, là Sa Môn, là Bà La Môn, là Tịch Tịnh, là Thí Chủ, là Đáo Bĩ Ngạn, là Đại Y Vương, là Đại Tượng Vương, là Đại Long Vương, là Thí Nhãn, là Đại Lực Sĩ, là Đại Vô Uùy, là Bửu Tựu, là Thương Chủ, là Đắc Thoát, là Đại Trượng Phu, là Thiên Nhơn Sư, là Đại Vân Đà Lợi, là Vô Đẳng Lữ , là Đại Phước Điền, là Trí Huệ Hải, là Vô Tướng, là Bát Trí.

Lại có một nghĩa mà nói thành vô lượng danh từ, như ấm : Cũng gọi là ấm, cũng gọi là điên đảo, là đế, là tứ niệm xứ, là tứ thực, là chỗ ở của tứ thức, là hữu, là đạo, là thời, là chúng sanh, là thế, là đệ nhứt nghĩa, là ba pháp tu : Thân, giới và tâm, là nhơn quả, là phiền não, là giải thoát, là mười hai nhơn duyên, là Thanh Văn, là Bích Chi Phật, là Phật, là địa ngục, ngạ quỉ, súc sanh, nhơn, thiên, là quá khứ, hiện tại, vị lai.

Nầy Thiện Nam Tử ! Đức Như Lai vì chúng sanh nên trong rộng mà nói lược, trong lược mà nói rộng, nơi đệ nhứt nghĩa đế nói thành thế đế, nơi thế đế nói thành đệ nhứt nghĩa đế.

Thế nào trong rộng mà nói lược ? Như ta bảo các Tỳ Kheo : Hôm nay ta giảng nói mười hai nhơn duyên. Thế nào gọi là mười hai nhơn duyên ?

Chính là nhơn quả.

Thế nào gọi là trong lược mà nói rộng ? Như ta bảo các Tỳ Kheo : Hôm nay ta giảng nói khổ tập diệt đạo. Khổ là vô lượng sự khổ, tập là vô lượng phiền não, diệt là vô lượng giải thoát, đạo là vô lượng phương tiện.

Thế nào gọi là nơi đệ nhứt nghĩa đế nói là thế đế ? Như ta bảo các Tỳ Kheo. Thân của ta đây có già bịnh chết.

Thế nào gọi là nơi thế đế nói là đệ nhứt nghĩa đế ? Như ta bảo Kiều Trần Như : Vì ông đắc pháp nên gọi là A Nhã Kiều Trần Như.

Do vì tùy theo người tùy theo ý, tùy theo thời như vậy, nên gọi đức Như Lai có đủ tri chư căn trí lực.

Nầy Thiện Nam Tử ! Đối với những nghĩa như vậy nếu ta nói quyết định thời ta chẳng được gọi là đức Như Lai có đủ tri chư căn trí lực. Người có trí

biết rằng chỗ mang chở của hương tượng chẳng phải lừa ngựa mang nổi. Tất cả chúng sanh có vô lượng hành nghiệp, nên đức Như Lai vì họ mà nói vô lượng pháp, đó là do vì chúng sanh có vô lượng phiền não. Nếu đức Như Lai nói một hạnh một pháp thời chẳng gọi là đức Như Lai có đủ tri chư căn trí lực. Do đây nên trong các kinh khác ta nói rằng có năm hạng chúng sanh chẳng nên vì họ nói năm thứ pháp : Vì người chẳng có lòng tin thời chẳng tán thán chánh tín, vì người phá giới cấm thời chẳng tán thán trì giới, vì người xan tham thời chẳng tán thán bố thí, vì người giải đãi thời chẳng tán thán đa văn vì người ngu si thời chẳng tán thán trí huệ. Nếu người trí vì năm hạng này mà nói năm việc trên đây, thời nên biết rằng người thuyết pháp nầy chẳng có đủ tri chư căn trí lực, cũng chẳng được gọi là thương xót chúng sanh. Vì năm hạng nầy nếu nghe giảng nói năm điều trên đây thời họ sẽ sanh lòng nghi, lòng ác, lòng sân hận, mà phải chịu quả báo khổ trong vô lượng đời. Do đây nên trước kia trong các kinh khác ta bảo Xá Lợi Phất rằng : Ông phải cẩn thận chớ vì người lợi căn mà rộng thuyết pháp, chớ vì người độn căn mà lược thuyết pháp. Xá Lợi Phất bạch rằng tôi chỉ vì thương xót mà thuyết pháp, chẳng phải là có đủ tri chư căn trí lực mà thuyết pháp.

Nầy Thiện Nam Tử ! Thuyết pháp hoặc rộng hoặc lược là cảnh giới của Phật, chẳng phải hàng Thanh Văn và Duyên Giác biết được.

Nầy Thiện Nam Tử ! Như ông nói rằng sau khi Phật nhập Niết Bàn hàng đệ tử đều nói khác nhau, những người đó đều vì điên đảo nên chẳng được chánh kiến, chẳng thể lợi mình lợi người.

Nầy Thiện Nam Tử ! Chúng sanh chẳng phải chỉ có một tánh một hạnh , một căn, một quốc độ, một thiện tri thức. Do đây nên đức Như Lai vì chúng sanh mà tuyên nói nhiều pháp yếu. Do nhơn duyên nầy nên chư Phật trong mười phương ba đời vì chúng sanh mà khai thị diễn thuyết mười hai bộ kinh.

Nầy Thiện Nam Tử ! Đức Như Lai nói mười hai bộ kinh đây chẳng phải để lợi cho mình mà chỉ vì lợi ích cho người, nên trí lực thứ năm của Như Lai gọi là giải lực. Do hai trí lực nầy nên đức Như Lai biết rõ người nầy hiện tại có thể dứt căn lành người nầy đời sau có thể dứt căn lành, người nầy hiện tại có thể được giải thoát, người nầy đời sau có thể được giải thoát, do đây nên đức Như Lai được là vô thượng lực sĩ.

Nầy Thiện Nam Tử ! Nếu nói rằng đức Như Lai rốt ráo nhập Niết Bàn, hoặc nói chẳng rốt ráo nhập Niết Bàn, những người nầy chẳng hiểu ý của Như Lai nên nói những lời như vậy.

Nầy Thiện Nam Tử ! Trong núi Hương Sơn có năm mươi ba ngàn vị tiên nhơn, những vị nầy đã tu tập công đức nơi đức Phật Ca Diếp thuở quá khứ, họ chưa được chánh đạo, chưa được gần gũi Phật để nghe chánh pháp. Vì muốn độ những vị tiên nhơn nầy nên đức Như Lai bảo A Nan rằng ba tháng sau ta sẽ nhập Niết Bàn. Chư thiên truyền lời nầy đến núi Hương Sơn. Các vị tiên nhơn nghe tin Phật sắp nhập Niết Bàn bèn sanh lòng hối hận mà bảo nhau rằng tại sao chúng ta được sanh trong nhơn đạo mà chẳng được gần gũi Phật. Chư Phật ra đời rất khó gặp như hoa Ưu Đàm. Nay chúng ta nên đến ra mắt đức Thế Tôn để được nghe chánh pháp.

Nầy Thiện Nam Tử ! Lúc đó năm mươi ba ngàn tiên nhơn liền đến ra mắt ta. Ta bèn theo cơ của họ mà thuyết pháp : Nầy các đại sĩ ! Sắc là vô thường, vì nhơn duyên của sắc là vô thường. Đã từ nhơn vô thường mà sanh thời sắc đâu phải là thường trụ. Như sắc, thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy.

Các tiên nhơn sau khi nghe pháp yếu trên đây tất cả đều chứng được quả A La Hán.

Nầy Thiện Nam Tử ! Trong thành Câu Thi Na Kiệt có ba mươi muôn lực sĩ tự thị sức mạnh của mình ngạo nghễ không chịu tùng phục ai.

Vì muốn điều phục các lực sĩ nầy nên ta bảo Mục Liên đến điều phục các lực sĩ ấy. Lúc đó Mục Kiền Liên tuân lịnh ta, trọn năm năm giáo hóa nhiều cách, nhưng chẳng thể điều phục được một lực sĩ. Do đây nên ta bảo A Nan rằng sau ba tháng đức Phật sẽ nhập Niết Bàn. Các lực sĩ nghe được tin nầy bèn họp nhau sửa sang đường sá.

Đến ngày ta từ nước Tỳ Xá Ly đến thành Câu Thi Na. Giữa đường thấy các lực sĩ, ta liền hóa thân làm vị Sa Môn hỏi các lực sĩ rằng : Bọn đồng tử kia làm việc gì thế ?ù Các lực sĩ đều nổi giận nói rằng : Nầy Sa Môn ! Tại sao ông gọi chúng ta là đồng tử ?

Ta bảo các lực sĩ bọn ngươi đến ba mươi muôn người mà không đủ sức dời nổi hòn đá nhỏ nhít nầy, nên ta gọi là đồng tử đâu phải lời quá đáng.

Các lực sĩ nói nếu ông gọi chúng ta là đồng tử, thời ông phải là bực đại nhơn.

Nầy Thiện Nam Tử ! Lúc đó ta dùng hai ngón chơn hất văng hòn đá ấy. Các lực sĩ thấy như vậy liền hết khinh ngạo mà nói rằng : Nầy Sa Môn ! Nay ông có thể dời hòn đá nầy ra khỏi đường chăng ? _ Ta nói nầy các đồng tử ! Do

nhơn duyên gì mà các người sửa sang con đường nầy ? _ Các lực sĩ nói nầy Sa Môn ! Đức Thích Ca Như Lai sẽ do con đường nầy đi đến rừng Ta La mà nhập Niết Bàn, nên chúng ta họp nhau lại sửa sang. Ta khen rằng : Lành thay ! Các đồng tử đã phát tâm tốt như vậy, ta sẽ dời hòn đá nầy cho các ông.

Nói xong ta liền lấy tay bưng hòn đá dồi lên giữa hư không. Các lực sĩ kinh hải muốn chạy tránh. Ta liền bảo họ rằng : Các ngươi chẳng nên kinh sợ ! Rồi ta lấy tay hứng bắt hòn đá để trên bàn tay mặt.

Các lực sĩ đều vui mừng khen ngợi hỏi rằng : Nầy Sa Môn ! Hòn đá ấy là thường hay vô thường ?

Ta liền dùng miệng thổi hòn đá tan nát ra như cát bụi.

Các lực sĩ thấy như vậy đồng cất tiếng xướng rằng hòn đá ấy là vô thường ! Họ sanh lòng hổ thẹn không còn có tâm niệm kiêu mạn.

Ta liền hiện lại hình Phật mà vì họ thuyết pháp. Ba mươi muôn lực sĩ đều phát tâm vô thượng Bồ Đề.

Nầy Thiện Nam Tử ! Nơi thành Câu Thi Na có người thợ tên Thuần Đà. Người nầy nơi thời kỳ đức Phật Ca Diếp đã phát nguyện rằng : Lúc Thích Ca Như Lai nhập Niết Bàn ta sẽ là người cúng dường bữa ăn cuối cùng cho Phật. Do đây nên ta ở nước Tỳ Xá Ly bảo Tỳ Kheo Ưu Bà Ma Na rằng sau ba tháng ta sẽ nhập Niết Bàn nơi rừng Ta La trong thành Câu Thi Na, ông nên qua cho Thuần Đà hay !

Nầy Thiện Nam Tử ! Trong thành Vương Xá có vị Ngũ Thông Tiên Nhơn tên là Tu Bạt Đà La được một trăm hai mươi tuổi. Tiên nhơn nầy thường tự xưng là bực nhứt thiết trí sanh lòng kiêu mạn. Tiên nhơn nầy đã vun trồng căn lành nơi vô lượng chư Phật thuở quá khứ.

Vì muốn điều phục Tiên nhơn nầy nên ta bảo A Nan rằng sau ba tháng ta sẽ nhập Niết Bàn ! Tu Bạt Đà La nghe tin nầy sẽ sanh lòng kính tin mà đến ra mắt ta. Ta sẽ độ ông chứng quả A La hán.

Nầy Thiện Nam Tử ! Nơi thành La Duyệt Kỳ, Thái Tử Thiện Kiến muốn hại vua cha là Tần Bà Ta La, mà chưa có dịp hại được. Lúc đó Đề Bà Đạt Đa cũng muốn hại ta, bèn tu tập chứng được ngũ thông, làm bạn thân với Thái

Tử Thiện Kiến. Vì Thái Tử mà hiện thần thông. Thái Tử rất kính mến cúng dường trọng hậu.

Một lúc kia Thái Tử thưa với Đề Bà Đạt Đa rằng : Bạch Đại Sư Thánh nhơn, nay tôi muốn thấy hoa Mạn Đà La.

Đề Bà Đạt Đa liền đến cung trời Đao Lợi, xin bông Mạn Đà La, vì phước đã hết nên không vị trời nào chịu cho. Xin không được bông, Đề Bà Đạt Đa suy nghĩ rằng : Cây Mạn Đà La vốn không ngã, không ngã sở, nếu ta tự lấy bông nào có tội gì. Nghĩ xong Đề Bà Đạt Đa đến bên cây muốn lấy bông, liền mất thần thông, trở lại thấy thân mình ở nơi thành Vương Xá, sanh lòng hổ thẹn chẳng dám đến gặp Thái Tử Thiện Kiến. Đề Bà Đạt Đa lại nghĩ rằng nay ta nên đến chỗ Phật đòi đại chúng. Nếu Phật cho ta sẽ tùy ý sai bảo Xá Lợi Phất v.v…

Đề Bà Đạt Đa liền đến chỗ Phật mà bạch rằng : Ngưỡng mong đức Như Lai đem đại chúng nầy giao phó cho tôi, tôi sẽ thuyết pháp giáo hóa họ.

Phật nói : Người ngu si ! Xá Lợi Phất v.v… là bực thông minh đại trí mọi người tin phục, mà ta còn chẳng đem đại chúng giao phó, huống ngươi là người ngu si ăn nước miếng của kẻ khác ư !

Lúc đó Đề Bà Đạt Đa càng sanh ác tâm nói rằng : Nầy Cù Đàm. Nay dầu ông điều phục đại chúng, nhưng thế cũng chẳng được lâu sẽ phải bị tiêu diệt ! Vừa nói xong đất liền rúng động, Đề Bà Đạt Đa té xuống đất, bên thân ông ấy phát ra luồng gió mạnh thổi bụi đất lấm dơ cả mình.

Đề Bà Đạt Đa thấy tướng xấu nầy lại nói rằng : Nếu thân ta hiện đời phải đọa A Tỳ địa ngục, ta phải báo sự oán thù lớn nầy.

Đề Bà Đạt Đa liền đến chỗ Thái Tử Thiện Kiến.

Thái Tử : Hỏi Đại sư Thánh nhơn cớ sao dung nhan tiều tụy sắc diện lo buồn ?

Đề Bà Đạt Đa nói : Ta luôn luôn như vậy mà Thái Tử chẳng biết ư ?

Thái Tử hỏi : Có nhơn duyên gì như vậy ? Xin Đại Sư dạy rõ .

Đề Bà Đạt Đa nói : Nay ta cùng Thái Tử thân mến nhau. Người ngoài mắng nhiếc Thái Tử, lẽ đâu ta chẳng lo buồn.

Thái Tử hỏi : Người ta mắng nhiếc tôi như thế nào ?

Đề Bà Đạt Đa nói : Mọi người mắng Thái Tử là vị sanh oán.

Thái Tử hỏi : Sao lại gọi tôi là vị sanh oán ? Ai đặt ra danh từ nầy ?

Đề Bà Đạt Đa nói : Lúc chưa sanh Thái Tử, tất cả tướng sư đều bảo rằng lúc đứa trẻ nầy lớn lên sẽ giết cha do đó người ngoài đều gọi Thái Tử là vị sanh oán. Người trong cung vì muốn Thái Tử vui lòng nên đặt là Thiện Kiến.

Vi Đề Hy phu nhơn nghe lời tướng sư, lúc sanh Thái Tử từ trên lầu cao ném xuống đất, làm gãy mất một ngón tay của Thái Tử. Do cớ nầy nên mọi người lại gọi tên Thái Tử là Chiết Chỉ. Ta nghe những việc nầy trong lòng lo buồn, nhưng lại chẳng dám nói với Thái Tử.

Đề Bà Đạt Đa đem những việc ác như vậy xúi Thái Tử giết vua cha mà bảo rằng : Nếu Thái Tử giết vua cha, thời ta cũng có thể giết Sa Môn Cù Đàm.

Thái Tử hỏi đại thần Võ Hành. Đại thần thuật sự tích đặt tên đúng như lời của Đề Bà Đạt Đa.

Thái Tử nghe xong liền cùng đại thần bắt vua cha giam ở ngoài thành sai bốn đội binh giữ gìn nghiêm ngặt. Phu nhơn Vi Đề Hy đến thăm vua. Người giữ cửa nhà giam chẳng cho vào. Phu nhơn cả giận bèn quở mắng. Người giữ cửa đem việc nầy thưa với Thái Tử. Thái Tử Thiện Kiến giận dữ vào cung nắm tóc mẹ rút gươm muốn chém.

Kỳ Bà liền đến can rằng : Tâu Đại Vương ! Từ khi lập quốc đến nay, dầu tội rất nặng cũng chẳng xử đến người nữ, huống là mẹ đẻ.

Thái Tử vì nể Kỳ Bà nên không giết phu nhơn. Dứt hẳn sự uống ăn thuốc men của vua cha. Quá bảy ngày vua cha chết. Thiện Kiến Thái Tử mới sanh lòng hối hận.

Đại Thần Võ Hành tâu rằng : Tất cả hành nghiệp đều không có tội, sao Đại Vương lại sanh lòng hối hận buồn rầu.

Kỳ Bà tâu rằng : Đại Vương nên biết rằng việc làm của Đại Vương gồm hai tội nặng : một là tội giết cha, hai là tội giết Tu Đà Hoàn. Tội nặng như vậy trừ Phật không ai có thể làm cho tội đó được trừ diệt.

Vua nói Đức Như Lai thanh tịnh ta là người tội nhơ uế làm sao dám đến thấy Phật.

Nầy Thiện Nam Tử ! Ta biết việc nầy nên bảo A Nan rằng sau ba tháng ta sẽ nhập Niết Bàn.

Thái Tử Thiện Kiến nghe tin nầy liền đến ra mắt ta. Ta vì Thiện Kiến mà thuyết pháp, do đây tội nặng được bớt nhẹ, Thiện Kiến được vô căn tín.

Nầy Thiện Nam Tử ! Hàng đệ tử của ta nghe những lời nầy chẳng hiểu ý của ta, nên cho rằng đức Như Lai quyết định nói rốt ráo nhập Niết Bàn.

Phật bảo Ca Diếp Bồ Tát : Nầy Thiện Nam Tử ! Bồ Tát có hai hạng : Một là thật nghĩa, hai là giả danh.

Giả danh Bồ Tát nghe tin Phật sau ba tháng sẽ nhập Niết Bàn, đều sanh lòng thối thất mà nói rằng : Đức Như Lai còn là vô thường, tại sao chúng ta lại vì sự vô thường mà lại cần khổ trong vô lượng đời. Đức Như Lai thành tựu đầy đủ vô lượng công đức mà còn không thể phá hoại được tử ma, huống là bọn ta.

Nầy Thiện Nam Tử ! Ta vì hạng Bồ Tát nầy mà nói rằng Như Lai thường trụ không có biến đổi.

Các đệ tử của ta nghe lời trên đây chẳng hiểu ý của ta bèn xướng rằng đức Như Lai trọn chẳng rốt ráo nhập Niết Bàn.

Nầy Thiện Nam Tử ! Có những chúng sanh chấp đoạn kiến bảo rằng tất cả chúng sanh sau khi thân thể chết mất, những nghiệp thiện, nghiệp ác không có người lãnh thọ. Ta vì những người nầy mà nói rằng quả báo lành cũng như quả báo ác thiệt có người lãnh thọ. Do đâu biết rằng có ?

Như thuở quá khứ nơi thành Câu Thi Na có Thiện Kiến Vương : Lúc làm đồng tử trải qua tám muôn bốn ngàn tuổi, thời kỳ làm Thái tử trải qua tám muôn bốn ngàn tuổi, đến lúc lên ngôi vua cũng trải qua tám muôn bốn ngàn tuổi. Thiện Kiến Vương ngồi riêng một mình suy nghĩ rằng : Chúng sanh phước mỏng tuổi thọ ngắn ngủi, thường có bốn thứ oan gia theo dỏi mà chúng sanh chẳng hay biết, mãi phóng dật. Ta nên xuất gia tu hành dứt tuyệt bốn thứ oan gia sanh, già, bịnh, chết. Nhà vua sai quan xây nhà thất bảo ở ngoài thành rồi bảo quần thần, hậu phi, các vương tử cùng tất cả quyến thuộc :Nay ta muốn xuất gia các người có bằng lòng không ? Các đại thần

cùng quyến thuộc đều bằng lòng. Thiện Kiến Vương đem theo một người hầu hạ qua ở nơi nhà thất bảo tu tập từ tâm trải qua tám muôn bốn ngàn năm. Do sự tu tập từ tâm nầy nên sau đó trải qua tám muôn bốn ngàn đời thường làm Chuyển Luân Thánh Vương, ba mươi đời làm Thích Đề Hoàn Nhơn, vô lượng đời làm tiểu quốc vương.

Nầy Thiện Nam Tử ! Thiện Kiến Vương thuở xưa đó chính là tiền thân của ta. Các đệ tử của ta nghe những lời trên đây chẳng hiểu được ý của ta bèn nói rằng : Đức Như Lai quyết định nói có ngã và có ngã sở.

Lại một thời kỳ kia ta vì chúng sanh mà nói rằng ngã chính là tánh, nghĩa là những nhơn duyên trong thân ngoài cảnh, mười hai nhơn duyên, ngũ ấm, tâm, giới, công đức, hành nghiệp, tự tại thiên chính đây gọi là ngã. Các đệ tử của ta nghe lời nầy chẳng hiểu ý của ta bèn cho rằng đức Như Lai quyết định nói có ngã.

Nầy Thiện Nam Tử ! Ngày kia có một Tỳ Kheo đến bạch rằng : Thế Tôn ! Thế nào gọi là ngã, ai là ngã ? Duyên gì mà có ngã ? Ta bảo Tỳ Kheo đó rằng : Nầy Tỳ Kheo không có ngã không có ngã sở. Ngã đó chính là trước không mà nay có, có rồi trở lại không. Lúc nó sanh không từ đâu lại, lúc nó diệt cũng không đến đâu. Dầu có nghiệp quả mà không có tác giả, không có ai rời bỏ ngũ ấm cũng như không có ai thọ lấy ngũ ấm. Như lời ông hỏi thế nào là ngã ? Ngã đó chính là thời kỳ vậy. Ai là ngã ? Chính là nghiệp vậy. Duyên gì mà có ngã ? Chính là ái vậy. Nầy Tỳ Kheo ! Như hai tay vổ nhau trong đó phát ra tiếng. Ngã cũng như vậy, chúng sanh, nghiệp, ái, do ba nhơn duyên nầy mà gọi đó là ngã. Nầy Tỳ Kheo ! Nơi tất cả chúng sanh, sắc chẳng phải là ngã, trong ngã không có sắc, trong sắc không có ngã,thọ tưởng hành thức cũng như vậy. Nầy Tỳ Kheo ! Các ngoại đạo dầu nói là có ngã nhưng trọn chẳng lìa ngũ ấm. Không bao giờ có thể nói rằng riêng có ngã rời ngoài ngũ ấm. Tất cả chúng sanh, hành nghiệp như huyễn hóa như dương diệm. Nầy Tỳ Kheo ! Ngũ ấm đều là vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh.

Nầy Thiện Nam Tử ! Lúc ta giảng dạy những lời trên đây, có vô lượng Tỳ Kheo quán ngũ ấm là vô ngã, là không ngã sở, mà chứng đặng quả A La Hán.

Nầy Thiện Nam Tử ! Các đệ tử của ta nghe lời nói trên đây chẳng hiểu được ý của ta cho rằng đức Như Lai quyết định nói vô ngã.

Nầy Thiện Nam Tử ! Trong khế kinh ta lại nói rằng do ba sự hòa hiệp mà có thân : Cha mẹ, trung ấm. Hoặc có lúc ta nói bực A Na Hàm nơi hiện thân

nhập Niết Bàn, hoặc nói nơi thân trung ấm nhập Niết Bàn. Hoặc nói rằng thân căn của trung ấm minh mẫn sáng suốt đều do nơi hạnh nghiệp đời trước, như đề hồ trong sạch.

Nầy Thiện Nam Tử ! Có lúc ta nói rằng chúng sanh tệ ác thọ thân trung ấm xấu xí như vải bố thô. Chúng sanh thuần thiện thọ thân trung ấm tốt đẹp như lụa trắng. Các đệ tử của ta nghe lời nầy chẳng hiểu ý của ta bèn cho rằng đức Như Lai nói có thân trung ấm.

Nầy Thiện Nam Tử ! Ta lại vì những chúng sanh phạm tội nghịch mà nói rằng kẻ tạo tội ngũ nghịch sau khi chết chẳng vào địa ngục A Tỳ.

Ta lại nói rằng Tỳ Kheo Đàm Ma Lưu Chi, sau khi chết chẳng vào địa ngục A Tỳ, nơi khỏang giữa không chỗ dừng ở.

Ta lại bảo Phạm Chí Độc Tử : Nầy Phạm Chí ! Nếu có thân trung ấm thời có sáu sự có. Ta lại nói có chúng sanh cõi vô sắc không có thân trung ấm. Các đệ tử của ta nghe lời trên đây chẳng hiểu được ý của ta bèn nói rằng đức Phật quyết định nói không thân trung ấm.

Nầy Thiện Nam Tử ! Trong khế kinh ta lại nói có thối thất. Nhơn nơi vô lượng sự giải đãi biếng trễ, các Tỳ Kheo chẳng tu hành đạo hạnh nên nói có năm điều thối thất : Một là thích nhiều việc, hai là thích nói việc đời, ba là ưa ngủ nghỉ, bốn là ưa gần người tại gia, năm là ưa thường dạo đi, do năm nhơn duyên nầy làm cho Tỳ Kheo thối thất.

Nhơn duyên thối thất lại có hai thứ : Một là nội nhơn, hai là ngoại nhơn, bực A La Hán dầu rời khỏi nội nhơn chẳng lìa ngoại nhơn. Do nhơn duyên ngoài nên sanh phiền não. Vì sanh phiền não thời thối thất.

Có Tỳ Kheo tên là Cù Đàm , sáu phen thối thất, sanh lòng hổ thẹn lại tiến tu lần thứ bảy bèn được, được rồi sợ thối thất lấy dao tự đâm mình mà chết.

Ta lại nói có lúc giải thoát, hoặc nói sáu hạng A La Hán. Các đệ tử của ta nghe những lời nầy chẳng hiểu được ý của ta bèn cho rằng đức Như lai quyết định nói có thối thất.

Nầy Thiện Nam Tử ! Trong kinh lại nói như đã cháy thành than thời chẳng còn trở lại làm cây gỗ. Như bình đã bể thời không còn công dụng của bình. Phiền não cũng như vậy, A La Hán đã dứt thời trọn chẳng có lại nữa.

Ta cũng nói chúng sanh nhơn duyên có phiền não do ba điều : Một là chưa dứt phiền não, hai là chẳng dứt nhơn duyên, ba là chẳng khéo suy nghĩ. Bực A La Hán không có hai điều : Nghĩa là đã dứt phiền não và đã khéo suy nghĩ. Các đệ tử của ta nghe lời nầy , chẳng hiểu được ý của ta bèn cho rằng đức Như Lai quyết định nói không thối thất.

Trong khế kinh ta nói thân của Như Lai có hai thứ : Một là sanh thân, hai là pháp thân. Sanh thân là thân phương tiện ứng hóa. Thân nầy có thể nói là sanh già bịnh chết, cao thấp đen trắng, là đây là kia là học là vô học. Các đệ tử của ta nghe lời nầy chẳng hiểu được ý của ta bèn cho rằng đức Như Lai quyết định nói thân Phật là pháp hữu vi. Pháp thân là thường lạc ngã tịnh, lìa hẳn tất cả sanh già bịnh chết, chẳng phải trắng đen, chẳng phải cao thấp, chẳng phải đây kia, chẳng phải học vô học, Phật ra đời hoặc chẳng ra đời vẫn thường trụ chẳng động không biến đổi. Các đệ tử của ta nghe lời nầy chẳng hiểu được ý của ta, bèn cho rằng đức Như lai quyết định nói thân Phật là pháp vô vi.

Nầy Thiện Nam Tử ! Trong khế kinh ta nói mười hai nhơn duyên : Từ vô minh sanh ra hành, từ hành sanh ra thức, từ thức sanh ra danh sắc, từ danh sắc sanh ra lục nhập, từ lục nhập sanh ra xúc, từ xúc sanh ra thọ, từ thọ sanh ra ái, từ ái sanh ra thủ, từ thủ sanh ra hữu, từ hữu sanh ra sanh, từ sanh thời có già chết buồn khổ. Các đệ tử của ta nghe lời nầy chẳng hiểu được ý của ta bèn nói rằng đức Như Lai nói mười hai nhơn duyên quyết định là hữu vi.

Lại một ngày kia ta bảo các Tỳ Kheo rằng mười hai nhơn duyên tánh tướng là thường trụ không luận có Phật hay không Phật. Có mười hai duyên chẳng từ duyên sanh, có từ duyên sanh chẳng phải mười hai duyên, có từ duyên sanh cũng là mười hai duyên, có chẳng phải duyên sanh mà cũng chẳng phải là mười hai duyên.

Có mười hai duyên chẳng phải là duyên sanh, chính là mười hai chi đời vị lai. Có từ duyên sanh mà chẳng phải là mười hai chính là thân ngũ ấm của A La Hán. Có từ duyên sanh cũng là mười hai duyên chính là thân ngũ ấm của phàm phu. Mười hai nhơn duyên chẳng phải là duyên sanh, chẳng phải mười hai duyên chính là hư không Niết Bàn.

Các đệ tử của ta nghe lời nầy chẳng hiểu được ý của ta, bèn cho rằng đức Như Lai nói mười hai nhơn duyên quyết định là vô vi.

Nầy Thiện Nam Tử ! Trong khế kinh ta nói tất cả chúng sanh tạo nghiệp thiện ác, lúc chết, tứ đại nầy liền hư hoại. Người tạo nghiệp thuần thiện tâm

thức liền đi lên, người tạo nghiệp thuần ác tâm thức liền đi xuống. Các đệ tử của ta nghe lời nầy chẳng hiểu được ý của ta bèn cho rằng đức Như Lai nói tâm quyết định là thường trụ.

Nầy Thiện Nam Tử ! Một thuở kia ta nói với vua Tần Bà Ta La rằng : Nầy Đại vương ! Sắc là vô thường vì từ nhơn vô thường mà sanh ra sắc. Nếu sắc đã từ nhơn vô thường mà sanh, người trí không bao giờ nói sắc là thường. Nếu sắc là thường lẽ ra chẳng hoại diệt sanh các khổ não. Nay thấy sắc hoại diệt nên biết rằng sắc là vô thường. Như sắc, thọ tưởng hành thức cũng như vậy.

Các đệ tử của ta nghe lời nầy chẳng hiểu được ý của ta bèn cho rằng đức Như Lai nói tâm quyết định đoạn diệt.

Nầy Thiện Nam Tử ! Trong khế kinh ta nói hàng đệ tử lãnh thọ những hoa hương vàng bạc vật báu vợ con tôi tớ, tám vật bất tịnh chứng được chánh đạo cũng chẳng rời bỏ những vật ấy. Các đệ tử của ta nghe lời nầy chẳng hiểu được ý của ta bèn cho rằng đức Như Lai nói hưởng thọ ngũ dục chẳng chướng ngại thánh đạo.

Lại có lúc ta nói người tại gia không thể chứng được chánh đạo. Hàng đệ tử của ta nghe lời nầy chẳng hiểu được ý của ta bèn cho rằng đức Như Lai nói hưởng thọ ngũ dục quyết định chướng ngại chánh đạo.

Trong khế kinh ta nói xa lìa phiền não chưa được giải thoát như cõi dục tu tập pháp thế đệ nhứt. Các đệ tử của ta nghe lời nầy chẳng hiểu được ý của ta bèn cho rằng đức Như Lai nói pháp thế đệ nhứt chỉ là cõi dục.

Trong khế kinh ta lại nói noãn pháp, đảnh pháp, nhẫn pháp, thế đệ nhứt pháp thuộc nơi sơ thiền đến tứ thiền. Với các đệ tử của ta nghe lời nầy chẳng hiểu được ý của ta bèn cho rằng đức Như Lai nói bốn pháp ấy thuộc nơi cõi sắc. Trong khế kinh ta lại nói hàng ngoại đạo đã dứt được phiền não cõi tứ thiền tu tập noãn pháp đảnh pháp, nhẫn pháp, thế đệ nhứt pháp, quán tứ đế chứng quả A Na Hàm. Các đệ tử của ta nghe lời nầy chẳng hiểu được ý của ta bèn cho rằng đức Như Lai nói thế đệ nhứt pháp thuộc nơi cõi vô sắc.

Trong khế kinh ta từng nói trong bốn thứ bố thí có ba điều trong sạch : Một là thí chủ tin nhơn tin quả tin bố thí, người thọ chẳng tin nhơn, chẳng tin quả cùng bố thí, hai là thí chủ chẳng tin nhơn quả và bố thí, người thọ tin nhơn quả và bố thí ; ba là thí chỉ và người thọ cả hai đều có lòng tin ; bốn là thí chủ và người thọ cả hai đều chẳng tin. Bốn thứ bố thí trên đây ba hạng ban

đầu là trong sạch. Các đệ tử của ta nghe lời nầy chẳng hiểu được ý của ta bèn cho rằng đức Như Lai nói bố thí chỉ thuộc nơi ý.

Có một lúc kia ta lại nói rằng người bố thí lúc bố thí đem năm việc ra bố thí : Một là bố thí sắc, hai là bố thí sức lực, ba là bố thí an ổn, bốn là bố thí mạng sống, năm là bố thí biện tài, do nhơn duyên nầy nên thí chủ trở lại được năm quả báo. Các đệ tử của ta nghe lời nầy chẳng hiểu được ý của ta bèn cho rằng đức Phật nói bố thí tức là năm ấm.

Có một lúc ta nói rằng : Niết Bàn tức là viễn ly, phiền não dứt hẳn không còn thừa sót, như đèn đã tắt, không còn pháp gì sanh trở lại, Niết Bàn cũng như vậy.

Nói hư không đó tức là không chỗ có, như trong đời gọi chỗ không có là hư không, chẳng phải do trí dứt mới không chỗ có. Nếu hư không là có lẽ ra phải có nhơn duyên nếu đã có nhơn duyên lẽ ra phải có dứt diệt, bởi hư không vốn là không nên không có dứt diệt. Các đệ tử của ta nghe lời nầy chẳng hiểu được ý của ta bèn cho rằng đức Phật nói không có ba pháp vô vi.

Một lúc kia ta bảo Mục Kiền Liên rằng luận về Niết Bàn tức là chương cú, tức là dấu vết, tức là chỗ rốt ráo, là chỗ vô sở úy, là bực đại sư, là đại quả, là trí rốt ráo, là đại nhẫn, là vô ngại tam muội, là đại pháp giới, là cam lộ vị, là khó thấy biết. Nầy Mục Kiền Liên ! Nếu nói rằng không Niết Bàn, tại sao có người sanh lòng hủy báng Niết Bàn lại phải đọa địa ngục. Các đệ tử của ta nghe lời nầy chẳng hiểu được ý của ta bèn cho rằng đức Như Lai nói có Niết Bàn.

Lại một lúc kia ta bảo Mục Kiền Liên rằng nhãn căn chẳng bền chắc nhẫn đến thân cũng chẳng bền chắc. Vì chẳng bền chắc nên gọi là hư không. Ăn nuốt xuống rồi xoay chuyển tiêu hóa. Tất cả âm thanh đều gọi là hư không. Các đệ tử của ta nghe lời nầy chẳng hiểu ý của ta bèn cho rằng đức Như Lai quyết định nói có hư không vô vi.

Ta lại bảo Mục Kiền Liên có người chưa được quả Tu Đà Hoàn, lúc trụ nơi nhẫn pháp, dứt vô lượng quả báo trong ba đường dữ, nên biết rằng chẳng phải trừ nơi trí mà dứt diệt. Các đệ tử của ta nghe lời nầy chẳng hiểu ý của ta, bèn cho rằng đức Như Lai quyết định nói có chẳng phải do trí mà dứt diệt. Lại một lúc kia ta nói với Tỳ Kheo Bạt Ba nếu Tỳ Kheo quán nơi sắc : Hoặc quá khứ, vị lai, hiện tại, hoặc gần hoặc xa, hoặc thô hoặc tế, những sắc như vậy chẳng phải là ngã chẳng phải ngã sở : Quán như vậy có thể dứt được lòng tham ái nơi sắc, _ Bạt Ba bạch rằng : Thế nào gọi là sắc ?

_ Ta đáp : Tứ đại gọi rằng sắc, thọ tưởng hành thức bốn ấm nầy gọi là danh. Các đệ tử của ta nghe lời nầy chẳng hiểu ý của ta bèn cho rằng đức Như Lai quyết định nói sắc là tứ đại.

Nầy Thiện Nam Tử ! Ta lại nói rằng như nhơn nơi mặt gương mà có bóng hình hiện ra, sắc cũng như vậy nhơn nơi tứ đại tạo thành. Chính là những thứ to, nhỏ, rít, trơn, xanh, vàng, đỏ, trắng, dài, vắn, vuông, tròn, cong , ngay, nhẹ, nặng, lạnh, nóng, đói khát, khói, mây , bụi mù, đây gọi là những sắc do tứ đại tạo thành dường như vang bóng. Các đệ tử của ta nghe lời nầy chẳng hiểu ý của ta bèn cho rằng đức Như Lai nói có tứ đại thời có sắc do tứ đại tạo thành, hoặc nói có tứ đại mà không có sắc.

Nầy Thiện Nam Tử ! Trước kia Phương Tử Bồ Đề nói rằng nếu có Tỳ Kheo trì giới lúc phát tâm ác, nên biết rằng lúc đó mất giới Tỳ Kheo. Ta nghe lời nầy bèn bảo rằng : Nầy Phương Tử ! Giới có bảy thứ từ nơi thân và miệng mà có vô tác biểu sắc. Do nhơn duyên vô tác biểu sắc nầy nên dầu tâm của Tỳ Kheo ở trong ác vô ký nhưng chẳng gọi là mất giới, vẫn còn gọi là trì giới. Các đệ tử của ta nghe lời nầy chẳng hiểu ý của ta bèn cho rằng đức Phật nói có vô tác biểu sắc.

Nầy Thiện Nam Tử ! Trong các kinh khác ta có nói rằng giới chính là ngăn chế pháp ác, nếu chẳng làm ác đây gọi là trì giới. Các đệ tử của ta nghe lời nầy chẳng hiểu ý của ta bèn xướng rằng đức Như Lai quyết định nói không có vô tác biểu sắc.

Nầy Thiện Nam Tử ! Trong khế kinh ta từng nói sắc ấm của thánh nhơn nhẫn đến thức ấm đều là do vô minh sanh ra. Tất cả phàm phu cũng như vậy, từ vô minh sanh ra ái, nên biết rằng ái nầy chính là vô minh, từ ái sanh ra thủ, nên biết rằng thủ nầy chính là vô minh ái. Tù thủ sanh ra hữu, hữu nầy chính là vô minh ái thủ. Từ hữu sanh ra thọ, nên biết rằng thọ nầy chính là hành hữu. Từ nơi thọ sanh ra danh sắc, vô minh ái, thủ, hữu, hành, thọ, xúc, thức, lục, nhập v.v… do đây nên thọ chính là mười hai chi. Các đệ tử của ta nghe lời nầy chẳng hiểu ý của ta bèn cho rằng đức Như Lai nói không có tâm sở.

Nầy Thiện Nam Tử ! Trong khế kinh ta từng nói từ nơi nhãn, sắc, minh và ác dục, do bốn thứ nầy làm nhơn duyên sanh ra nhãn thức. Ác dục trong đây chính là vô minh, lúc dục cầu thời gọi là ái, do ái mà có thủ, thủ đây gọi là nghiệp, nghiệp làm duyên cho thức, thức làm duyên cho danh sắc, danh sắc làm duyên cho lục nhập, lục nhập làm duyên cho xúc, xúc làm duyên cho

tưởng thọ ái, tín, tinh tấn định và huệ, những pháp nầy nhơn nơi xúc mà sanh nhưng chẳng phải là xúc. Các đệ tử của ta nghe lời nầy chẳng hiểu ý của ta bèn cho rằng đức Như Lai nói có tâm sở.

Nầy Thiện Nam Tử ! Hoặc có lúc ta nói chỉ có một cỏi, hoặc nói hai ba bốn năm sáu mười tám chín nhẫn đến hai mươi lăm cõi. Các đệ tử của ta nghe lời nầy chẳng hiểu ý của ta bèn cho rằng đức Như Lai nói có năm cõi, hoặc nói có sáu cõi.

Nầy Thiện Nam Tử ! Ngày trước lúc ở nơi rừng Ni Câu Đà tại thành Ca Tỳ La Vệ, Thích Ma Nam bạch với ta rằng : Thế Tôn sao gọi là Ưu Bà Tắc ? Ta nói : Nếu có Thiện nam tử hoặc Thiện nữ nhơn nào căn thân đầy đủ thọ ba pháp quy y thời gọi là Ưu Bà Tắc. Thích Ma Nam lại hỏi : Thế Tôn sao gọi là nhứt phần Ưu Bà Tắc ? Ta nói : Nếu thọ ba pháp quy y và thọ một giới thời gọi là nhứt phần Ưu Bà Tắc. Các đệ tử của ta nghe lời nầy chẳng hiểu ý của ta bèn cho rằng đức Như Lai nói Ưu Bà Tắc được thọ từ phần.

Lại một lúc kia ta ở bên sông Hằng, Ca Chiên Diên đến bạch với ta rằng : Thế Tôn ! Tôi giáo hoá chúng sanh khiến họ thọ pháp bát quan trai : Hoặc một ngày, hoặc một đêm, hoặc một giờ, hoặc một niệm, những người nầy được thành trai pháp chăng ? Ta nói : Này Ca Chiên Diên, những người nầy chỉ được điều lành mà chẳng được gọi là được trai pháp. Các đệ tử của ta nghe lời nầy chẳng hiểu ý của ta bèn nói rằng đức Như Lai nói pháp bát quan trai thọ đủ mới được.

Trong khế kinh ta từng nói rằng nếu có Tỳ Kheo đã phạm bốn tội trọng thời chẳng gọi là Tỳ Kheo, gọi là phá Tỳ Kheo, hư mất Tỳ Kheo chẳng còn có thể sanh chủng tử pháp lành, như hột giống đã cháy chẳng còn mọc mầm sanh bông trái , như cây đa la nếu ngọn đã bị đứt thời chẳng còn sanh trái. Các đệ tử của ta nghe lời nầy chẳng hiểu ý của ta bèn cho rằng đức Như Lai nói các Tỳ Kheo phạm giới trọng rồi bèn mất giới Tỳ Kheo.

Trong khế kinh , ta vì Thuần Đà mà nói bốn hạng Tỳ Kheo : Một là hạng rốt ráo đến chánh đạo, hai là hạng chỉ bày chánh đạo, ba là hạng lãnh thọ chánh đạo, bốn là hạng nhiễm ô chánh đạo. Người phạm bốn tội trọng là hạng nhiễm ô chánh đạo. Các đệ tử của ta nghe lời nầy chẳng hiểu ý của ta bèn cho rằng đức Như Lai nói các Tỳ Kheo đã phạm bốn tội trọng chẳng mất giới.

Trong khế kinh ta bảo các Tỳ Kheo có nhứt thừa, nhứt đạo, nhứt hạnh, nhứt duyên, bốn pháp nầy có thể làm cho chúng sanh được đại tịch tịnh, dứt hẳn tất cả sự ràng buộc sầu khổ, khổ quả cùng khổ nhơn, làm cho tất cả chúng sanh đến nơi nhứt thừa. Các đệ tử của ta nghe lời nầy chẳng hiểu ý của ta bèn cho rằng đức Như Lai nói Tu Đà Hoàn nhẫn đến A La Hán đều được Phật đạo.

Nầy Thiện Nam Tử ! Trong khế kinh ta nói Tu Đà Hoàn bảy lần sanh qua lại trong nhơn gian cùng cõi trời, bèn chứng A La Hán nhập Niết Bàn. Tư Đà Hàm một lần sanh trong nhơn gian và cõi trời bèn nhập Niết Bàn. A Na Hàm phàm có năm hạng : Hoặc có trung gian nhập Niết Bàn nhẫn đến thượng lưu nhập Niết bàn. A La Hán phàm có hai hạng : Một là hiện tại, hai là vị lai, hiện tại cũng dứt phiền não ngũ ấm, vị lai cũng dứt phiền não ngũ ấm. Các đệ tử của ta nghe lời nầy chẳng hiểu ý của ta bèn cho rằng đức Như Lai nói Tu Đà Hoàn đến A La Hán chẳng được Phật đạo.

Trong khế kinh ta từng nói Phật tánh đủ có sáu điều : Một là thường, hai là thật, ba là chơn, bốn là thiện, năm là tịnh, sáu là có thể thấy. Các đệ tử của ta nghe lời nầy chẳng hiểu ý của ta bèn cho rằng đức Như Lai nói Phật tánh của chúng sanh rời ngoài chúng sanh mà có.

Ta lại nói Phật tánh của chúng sanh như hư không. Hư không chẳng phải quá khứ vị lai hiện tại, chẳng phải nội ngoại, chẳng phải sắc thinh hương vị xúc, Phật tánh cũng như vậy. Các đệ tử của ta nghe lời nầy chẳng hiểu ý của ta bèn cho rằng đức Như Lai nói Phật tánh của chúng sanh rời ngoài chúng sanh mà có.

Ta lại nói Phật tánh của chúng sanh dường như kho châu báu ẩn kín trong nhà của bần nữ, như Kim Cang bảo châu ẩn trên trán của lực sĩ, như suối Cam Lộ của Chuyển Luân Thánh Vương. Các đệ tử của ta nghe lời nầy chẳng hiểu ý của ta bèn cho rằng đức Như Lai nói Phật tánh của chúng sanh rời ngoài chúng sanh mà có.

Ta lại nói hàng Nhứt Xiển Đề phạm bốn tội trọng, hủy báng kinh điển đại thừa, tạo tội ngũ nghịch đều có Phật tánh. Những chúng sanh nầy đều không có pháp lành. Phật tánh là lành. Các đệ tử của ta nghe lời nầy chẳng hiểu ý của ta bèn cho rằng đức Như Lai nói Phật tánh của chúng sanh rời ngoài chúng sanh mà có.

Ta lại nói chúng sanh chính là Phật tánh, vì nếu rời chúng sanh thời chẳng được vô thượng Bồ Đề. Do đây nên ta vì vua Ba Tư Nặc mà nói ví dụ rờ voi

: Như bọn người mù nói hình dạng của voi, dầu chẳng trúng nhưng đều chẳng rời ngoài voi. Chúng sanh nói sắc, nói thọ tưởng hành thức là Phật tánh cũng như vậy, dầu chẳng phải là Phật tánh nhưng chẳng phải rời Phật tánh. Như ta vì vua Ba Tư Nặc mà nói ví dụ ống không hầu Phật tánh cũng như vậy. Các đệ tử của ta nghe lời nầy chẳng hiểu ý của ta bèn lập ra nhiều thuyết khác nhau, như người mù hỏi màu của sữa, Phật tánh cũng như vậy. Do cớ nầy, hoặc có người nói hàng Nhứt Xiển Đề phạm bốn tội trọng hủy báng kinh Đại Thừa tạo tội ngũ nghịch đều có Phật tánh. Hoặc có người nói là không có Phật tánh.

Trong khế kinh nhiều lần ta nói rằng một người xuất thế thời nhiều người được lợi ích. Trong một cõi nước không có hai vua Chuyển Luân. Trong một thế giới không có hai đức Phật xuất thế. Một tứ thiên hạ không có tám Tứ Thiên Vương, nhẫn đến không có hai Tha Hoá Tự Tại Thiên. Ta nói từ Diêm Phù Đề, dưới đến địa ngục A Tỳ, trên đến trời Sắc Cứu cánh. Các đệ tử của ta nghe lời nầy chẳng hiểu ý của ta bèn cho rằng đức Như Lai nói không có Phật mười phương. Thật ra trong các kinh Đại Thừa ta nói có thập phương chư Phật.

Nầy Thiện Nam Tử ! Những điều tránh tụng như vậy là cảnh giới của chư Phật chẳng phải hàng Thanh Văn Duyên Giác biết được. Nếu người nào đối với những việc nầy sanh lòng nghi còn có thể phá hoại được vô lượng phiền não. Nếu người nào ở trong những việc nầy sanh lòng quyết định thời gọi là chấp trước.

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật rằng : Thế nào là chấp trước ?

_ Nầy Thiện Nam Tử ! Những người như vậy hoặc do người khác dạy bảo, hoặc nghe người khác nói, hoặc tự tìm kinh điển, với những điều ham thích chẳng thể buông bỏ đây gọi là chấp trước.

_ Bạch Thế Tôn ! Sự chấp trước nầy là thiện hay là bất thiện ?

_ Nầy Thiện Nam Tử ! Sự chấp trước như vậy chẳng gọi là thiện, vì không thể phá hoại những lưới nghi.

_ Bạch Thế Tôn ! Những người nầy vốn tự chẳng nghi, sao lại nói rằng chẳng phá hoại lưới nghi ?

_ Nầy Thiện Nam Tử ! Luận về người chẳng nghi chính là nghi.

_ Bạch Thế Tôn ! Nếu có người nói rằng bực Tu Đà Hoàn chẳng đọa ba ác đạo. Người nầy cũng nên gọi là chấp trước, là nghi.

_ Nầy Thiện Nam Tử ! Nên gọi là quyết định, mà chẳng được gọi là nghi. Tại sao vậy ? Nầy Thiện Nam Tử ! Như có người trước kia thấy cây thấy người, về sau đi ban đêm từ xa thấy gốc cây trụi, bèn nghi rằng đó là người hay là cây ? Như người trước thấy Tỳ Kheo và Phạm Chí, lúc sau đi đường từ xa thấy Tỳ Kheo bèn nghi rằng đó là Sa Môn hay là Phạm Chí ? Như người trước thấy bò và trâu, lúc sau từ xa thấy bò, bèn nghi rằng đó là bò hay trâu ?

Nầy Thiện Nam Tử ! Tấ cả chúng sanh trước thấy hai vật về sau bèn sanh nghi, vì trong tâm họ chẳng nhận được rõ ràng.

Ta cũng chẳng nói rằng bực tu Đà Hoàn có đọa ba đường ác hay chẳng đọa ba đường ác, cớ gì người nầy lại sanh lòng nghi !

_ Bạch Thế Tôn ! Như Phật nói phải trước có thấy rồi sau mới nghi. Nhưng có người lúc chưa thấy hai vật cũng lại sanh nghi. Như đối với Niết Bàn. Như có người đi đường gặp dòng nước đục, trước kia chưa từng thấy mà cũng sanh nghi rằng dòng nước nầy sâu hay cạn.

_ Nầy Thiện Nam Tử ! Luận về Niết Bàn chính là dứt khổ, chẳng phải là Niết Bàn thời chính là khổ. Tất cả chúng sanh thấy có khổ cùng chẳng phải khổ. Như thấy đói khát, lạnh nóng, giận mừng, bịnh gầy, an ổn, trẻ, già, sống chết, trói buộc, cởi mở, ân ái biệt ly, oán thù gặp gỡ, sau khi thấy những việc nầy, chúng sanh bèn nghi rằng sẽ có những gì xa lìa vĩnh viễn những sự khổ não nầy chăng ? Do đây nên chúng sanh đối với Niết Bàn mà sanh nghi.

Nếu ông cho rằng người đó từ trước đến nay chưa từng thấy dòng nước đục nầy sao lại sanh nghi. Lời nói nầy không đúng nghĩa, vì người đó ở nơi chỗ khác đã từng thấy rồi, nên ở nơi chỗ mới đến nầy mà sanh nghi.

_ Bạch Thế Tôn ! Người đó lúc trước thấy nước sâu cạn đã chẳng sanh nghi, nay cớ gì mà sanh nghi ?

_ Nầy Thiện Nam Tử ! Vì trước kia chưa đi nên sanh nghi. Do đây nên ta nói rằng vì trong tâm họ chẳng nhận được rõ ràng nên sanh nghi.

_ Bạch Thế Tôn ! Như lời Phật nói nghi chính là chấp trước, chấp trước chính là nghi, đây là ngườ nào ?

_ Nầy Thiện Nam Tử ! Là người dứt căn lành.

_ Bạch Thế Tôn ! Những hạng người nào có thể dứt căn lành.

_ Nầy Thiện Nam Tử ! Người thông minh lanh lợi có thể khéo phân biệt, nếu xa lìa bạn lành chẳng nghe chánh pháp, chẳng khéo tư duy, chẳng thật hành đúng pháp, người nầy có thể dứt căn lành.

Người thông minh nầy vì thiếu bốn điều trên mà tự suy nghĩ rằng : Không có vật bố thí, vì người thí là rời bỏ của cải, nếu bố thí mà có quả báo, thời thí chủ phải thường nghèo cùng, vì nhơn cùng quả giống nhau. Do suy nghĩ những việc như vậy nên người nầy nói rằng không nhơn không quả. Nếu nói không nhơn không quả như vậy thời gọi là dứt căn lành.

Người thông minh nầy lại suy nghĩ rằng : Thí chủ, người thọ và tài vật đều là vô thường biến đổi, nếu không biến đổi sao lại nói rằng đây là thí chủ, đây là người thọ, đây là của cải, nếu không người thọ sao lại được quả báo, do nghĩa nầy nên biết rằng không nhơn không quả. Nếu nói không nhơn không quả như vậy thời gọi là dứt căn lành.

Người thông minh nầy lại suy nghĩ rằng : Lúc thí chủ bố thí có năm sự bố thí : Người thọ thí khi lãnh được của cải rồi hoặc làm lành, hoặc làm điều chẳng lành, mà thí chủ nầy cũng chẳng mắc phải quả báo lành hay chẳng lành, như trong đời từ hột sanh ra trái, rồi từ trái trở lại có hột. Nhơn chính là thí chủ, quả chính là người thọ, mà người thọ nầy không thể đem điều thiện, điều bất thiện của mình đã làm khiến cho thí chủ được quả báo thiện cùng bất thiện, do nghĩa nầy nên không nhơn không quả. Nếu nói không nhơn không quả như vậy, nên biết người nầy có thể dứt căn lành.

Người thông minh nầy lại suy nghĩ rằng : Không có vật bố thí, vì vật bố thí là vô ký, đã là vô ký thời đâu có quả báo lành, không quả báo lành tức là vô ký, của vật nếu là vô ký nên biết rằng không có quả báo thiện ác, nên không có sự bố thí không nhơn không quả. Nếu nói rằng không nhơn không quả như vậy phải biết người nầy có thể dứt căn lành.

Người thông minh nầy lại suy nghĩ rằng : Người bố thí do nơi ý, ý nầy chẳng phải là sắc pháp, không thể thấy không đối tượng, đã chẳng phải là sắc pháp thời đâu có thể bố thí, do đây nên không có sự bố thí không nhơn không quả.

Nếu nói không nhơn không quả như vậy, phải biết rằng người nầy có thể dứt căn lành.

Người thông minh lại suy nghĩ rằng : Nếu thí chủ cúng thí cho tượng Phật, tượng chư Thiên cho cha mẹ đã qua đời, như vậy là có người thí mà không người thọ, nếu không người thọ thời lẽ ra không quả báo, nếu không quả báo thời là không nhơn, nếu đã không nhơn thời là không quả. Nếu nói không nhơn quả như vậy, phải biết rằng người nầy có thể dứt căn lành.

Người thông minh nầy lại suy nghĩ rằng : Không cha không mẹ. Nếu nói cha mẹ là nhơn sanh ra chúng sanh, đúng lý phải thường sanh không có đoạn tuyệt, vì nhơn là thường có, nhưng chẳng thường sanh, do đây nên biết rằng không có cha mẹ. Người nầy lại nghĩ rằng : Không cha không mẹ. Vì nếu thân chúng sanh do cha mẹ mà có, lẽ ra một người phải đủ cả hai căn nam nữ, nhưng sự thật không có đủ, do đây biết rằng chúng sanh chẳng phải do cha mẹ mà có. Người nầy lại nghĩ rằng chẳng phải do cha mẹ mà có ra chúng sanh, vì chính mắt họ thấy chúng sanh chẳng giống với cha mẹ, nghĩa là thân hình diện mạo tâm tánh đi đứng cử động chẳng giống với cha mẹ, nên cha mẹ chẳng phải là nhơn sanh ra chúng sanh. Người nầy lại nghĩ rằng trong đời có bốn thứ không có : Một là chưa sanh gọi là không có, như lúc còn là viên đất sét thời chưa có công dụng của cái bình ; hai là đã diệt mất gọi là không có, như cái bình đã bể hư thời gọi là không có ; ba là riêng khác nhau nên lẫn không có, như trong bò không có ngựa trong ngựa không có bò ; bốn là rốt ráo gọi là không có, như sừng thỏ lông rùa. Cha mẹ cũng đồng như bốn thứ không có nầy. Nếu nói cha mẹ là nhơn có ra chúng sanh, lúc cha mẹ chết đứa con bất tất cũng chết, do đây nên cha mẹ chẳng phải là nhơn sanh ra chúng sanh. Người nầy lại nghĩ rằng : Nếu nói cha mẹ là nhơn sanh ra chúng sanh, lẽ ra nhơn nơi cha mẹ thường sanh ra chúng sanh, nhưng lại có hóa sanh và thấp sanh, do đây nên biết chẳng phải nhơn nơi cha mẹ sanh ra chúng sanh. Người nầy lại nghĩ rằng : Tự có chúng sanh chẳng phải nhơn nơi cha mẹ mà được sanh trưởng như chim công nghe tiếng sấm nổ mà có trứng, như chim thanh tước uống nước mắt của chim tước trống mà có trứng, như chim cộng mạng thấy chim trống múa bèn có trứng. Người nầy lúc suy nghĩ những điều trên đây nếu chẳng gặp được bực thiện tri thức khai thị, phải biết rằng người nầy có thể dứt căn lành.

Người thông minh nầy lại nghĩ rằng : Trong đời không có quả thiện ác, vì có những chúng sanh tu tập đủ mười điều lành, ưa thật hành bố thí siêng làm công đức, mà những người nầy cũng lại bị các bịnh tật nhóm trên thân, hoặc chết yểu, hoặc mất của, hoặc nhiều sự lo khổ. Cũng có những người tạo đủ

mười điều dữ, tham lam bỏn xẻn tật đố giải đãi, mà lại mạnh khỏe sống lâu, hoặc giàu có không sầu khổ, do đây nên biết rằng không có quả thiện ác. Người nầy lại nghĩ rằng : Tôi cũng từng nghe các thánh nhơn nói có người tu tập pháp lành khi chết bị đọa trong ba đường dữ. Có người làm điều ác khi chết sanh trong loài người trên trời, do đây nên biết rằng không quả thiện ác. Người nầy lại nghĩ rằng : Các thánh nhơn nói hai thuyết : Hoặc nói sát sanh được quả báo lành, hoặc nói sát sanh mắc quả báo dữ. Thánh nhơn còn nói bất định, tại sao tôi lại nói quyết định, do đây nên biết không có quả thiện ác.

Người thông minh nầy lại nghĩ rằng : Trong đời không có thánh nhơn, vì nếu nói là thánh nhơn thời phải chứng được thánh đạo. Tất cả chúng sanh lúc có đủ phiền não tu hành chánh đạo, nên biết rằng người nầy đồng thời đủ có phiền não và chánh đạo. Nếu đồng thời có thời chánh đạo chẳn g phá được kiết sử. Nếu không phiền não mà tu hành chánh đạo, thời chánh đạo ấy dùng làm gì ? Do đây nên người đủ phiền não thời chánh đạo chẳng thể phá hoại được, người không phiền não thời chánh đạo lại vô dụng. Do đây nên biết trong đời không có bực thánh nhơn.

Người thông minh nầy lại nghĩ rằng : Vô minh làm duyên cho hành, nhẫn đến sanh làm duyên cho lão tử, mười hai nhơn duyên nầy tất cả chúng sanh đồng có. Tám thánh đạo tánh nó bình đẳng cũng như vậy, lúc một người được, thời tất cả người lẽ ra cũng được, lúc một người tu hành lẽ ra tất cả khổ đều diệt, vì phiền não bình đẳng. Mà nay chẳng đồng chứng đặng, do đây nên biết rằng không có chánh đạo.

Người thông minh nầy lại nghĩ rằng : Các thánh nhơn đều có những pháp đồng với phàm phu, như là uống ăn, đi đứng ngồi nằm, ngủ nghỉ, vui cười, đói khát, lạnh nóng, lo buồn sợ sệt. Nếu đã đồng với phàm phu có những việc như vậy, nên biết rằng bực thánh nhơn chẳng chứng được thánh đạo, nếu đã được thánh đạo lẽ ra phải dứt hẳn những việc như vậy. Những việc như vậy nếu đã chẳng dứt, do đây nên biết rằng không thánh đạo.

Người thông minh nầy lại nghĩ rằng : Thánh nhơn có thân thọ vui ngũ dục, cũng mắng nhiếc đánh đập người, cũng tật đố kiêu mạn thọ những sự khổ vui, tạo nghiệp thiện ác, do đây nên biết rằng không có thánh nhơn. Nếu có chánh đạo lẽ ra đã dứt những việc nầy, nếu những việc nầy chẳng dứt nên biết rằng không chánh đạo.

Người thông minh nầy lại nghĩ rằng : Người nhiều lòng từ mẫn gọi là thánh nhơn. Do nhơn duyên gì gọi là thánh nhơn ? Nhơn nơi thánh đạo mà gọi là thánh nhơn. Nếu tánh của thánh đạo là từ mẫn, thời nên thương xót tất cả chúng sanh, chẳng cần chờ tu hành rồi mới đặng. Nếu như không từ mẫn cớ sao thánh nhơn chứng được thánh đạo lại hay từ mẫn, do đây nên biết trong đời không có thánh đạo.

Người thông minh nầy lại nghĩ rằng : Tất cả tứ đại chẳng từ nhơn duyên sanh. Chúng sanh đồng có tánh tứ đại nầy. Chẳng quán sát chúng sanh đáng đến bờ nầy, chẳng đáng đến bờ kia, nếu là có thánh đạo, thời tánh của thánh đạo lẽ ra cũng như vậy, nhưng nay chẳng phải như vậy, do đây nên biết rằng trong đời không có thánh nhơn.

Người thông minh nầy lại nghĩ rằng : Nếu các bực thánh nhơn có một Niết Bàn thời nên biết rằng không có thánh nhơn. Vì Niết Bàn là bất khả đắc. Pháp thường trụ là bất khả đắc chẳng thể lấy chẳng thể bỏ. Nếu các bực thánh nhơn có nhiều Niết Bàn thời là vô thường, vì là pháp có thể đếm được. Niết Bàn nếu là một, lúc một người được thời lẽ ra tất cả đều được. Nếu Niết Bàn là nhiều thời là có chừng ngằn, nếu là có chừng ngằn thời đâu được gọi là thường trụ. Nếu nói rằng thể của Niết Bàn là một, mà người giải thoát là nhiều, như một cây lọng là một mà cọng cánh lá nhiều, lời nói nầy chẳng đúng nghĩa, vì mỗi người chứng đặng chẳng phải tất cả người chứng đặng, bởi có chừng ngằn lẽ ra là vô thường nếu đã là vô thường thời đâu được gọi là Niết Bàn. Nếu không có Niết Bàn thời ai là bực thánh nhơn ? Do đây nên biết rằng không có thánh nhơn.

Người thông minh nầy lại nghĩ rằng : Chánh đạo của thánh nhơn chẳng phải do nhơn duyên mà được. Nếu chánh đạo của thánh nhơn đã chẳng phải do nhơn duyên mà được, cớ sao tất cả chúng sanh chẳng làm thánh nhơn. Nếu tất cả người chẳng phải là thánh nhơn, thời biết rằng không có thánh nhơn và không có thánh đạo.

Người thông minh lại nghĩ rằng : Thánh nhơn nói có hai nhơn duyên được chánh kiến : Một là nghe người khác thuyết pháp, hai là tự mình tư duy. Hai nhơn duyên nầy đã từ duyên sanh, thời duyên nầy lại từ duyên khác mà sanh, xoay vần mãi như vậy thành ra có lỗi vô cùng. Nếu hai nhơn duyên nầy chẳng từ duyên sanh, thời tất cả chúng sanh do cớ gì mà chẳng đều được.

Lúc người thông minh nầy suy nghĩ những điều như trên thời có thể dứt mất căn lành.

Nầy Thiện Nam Tử ! Nếu có chúng sanh nào chấp chặt những điều không nhơn không quả như vậy người nầy có thể dứt mất năm căn : Tín, tấn, niệm, định và huệ. Người dứt mất căn lành chẳng phải là người hạ liệt, ngu độn, cũng chẳng phải chư thiên, chẳng phải ba ác đạo. Người phá Tăng cũng như vậy.

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật rằng : Thế Tôn ! Người như vậy, lúc nào sẽ có thể sanh căn lành trở lại.

_ Nầy Thiện Nam Tử ! Người nầy có hai lúc sanh căn lành trở lại : Lúc mới vào địa ngục và lúc ra khỏi địa ngục.

Nầy Thiện Nam Tử ! Căn lành có ba thứ : Quá khứ, hiện tại và vị lai. Nếu là quá khứ thời tánh nó tự diệt, dầu nhơn diệt nhưng quả báo chưa thục nên chẳng gọi là dứt quả quá khứ. Vì dứt nhơn lành ba đời nên gọi là dứt mất.

_ Bạch Thế Tôn ! Nếu dứt nhơn lành ba đời mà gọi là mất căn lành, người dứt căn lành vẫn có Phật tánh, Phật tánh nầy là quá khứ, là hiện tại, là vị lai, hay là khắp cả ba đời ? Nếu là quá khứ thế nào gọi là thường. Phật tánh là thường trụ nên biết rằng không phải là quá khứ. Nếu là vị lai thế nào gọi là thường ? Cớ sao Phật nói rằng tất cả chúng sanh quyết định sẽ được ? Nếu quyết định được thời sao lại nói rằng dứt mất ? Nếu là hiện tại sao lại là thường ? Cớ sao lại nói rằng quyết định có thể thấy ?

Đức Như Lai cũng nói rằng Phật tánh cũng có sáu : Một là thường, hai là chơn, ba là thật, bốn là thiện, năm là tịnh, sáu là có thể thấy. Nếu người dứt mất thiện căn mà có Phật tánh thời chẳng được gọi là dứt mất căn lành. Nếu không có Phật tánh sao lại nói rằng tất cả chúng sanh đều có Phật tánh. Nếu nói rằng Phật tánh cũng có, cũng dứt, thế nào đức Như Lai lại nói Phật tánh là thường trụ ?

_ Nầy Thiện Nam Tử ! Đức Như Lai vì chúng sanh nên có ba thứ giải đáp : Một là đáp quyết định, hai là phân biệt mà đáp, ba là theo lời hỏi mà đáp, bốn là yên lặng mà đáp.

Thế nào là quyết định đáp ? Nếu có ai hỏi rằng nghiệp ác cảm quả lành hay quả chẳng lành ? Thời nêu quyết định đáp rằng cảm quả chẳng lành. Hỏi thiện nghiệp cũng đáp như vậy . Nếu hỏi đức Như Lai có phải là bực nhứt

thiết trí chăng ? Thời nên quyết định đáp rằng là bực nhứt thiết trí. Nếu hỏi Phật pháp là thanh tịnh chăng ? Thời nên quyết định đáp rằng là thanh tịnh. Nếu hỏi đệ tử của Phật có ăn ở đúng như pháp chăng ? Thời nên quyết định đáp rằng có đúng như pháp mà ở. Đây gọi là quyết định đáp.

Thế nào là phân biệt mà đáp ? _ Như đức Phật giảng nói bốn chơn đế. _ Thế nào là bốn ? _ Là khổ tập diệt đạo. _ Sao gọi rằng khổ đế ? _ Vì có tám điều khổ nên gọi là khổ đế. _ Thế nào là tập đế ? _ Vì là nhơn của ngũ ấm nên gọi là tập đế. _ Thế nào là diệt đến ? _ Vì đã dứt hẳn tham sân si nên gọi là diệt đế. _ Thế nào là đạo đế ? _ Ba mươi bảy pháp trợ đạo gọi đó là đạo đế. Đây gọi là phân biệt mà giải đáp.

Thế nào là theo lời hỏi mà đáp ? Hỏi rằng đức Thế Tôn nói những pháp gì là vô thường ? _ Đáp rằng đức Như Lai nói pháp hữu vi là vô thường. Vô ngã cũng như vậy. _ Hỏi rằng đức Thế Tôn vì những pháp gì mà nói tất cả đốt cháy ? _ Đáp rằng đức Như Lai vì tham, sân, si mà nói tất cả đốt cháy.

Nầy Thiện Nam Tử ! Đức Như Lai có mười trí lực, bốn vô sở úy, ba niệm xứ, Đại Từ Đại Bi, Thủ Lăng Nghiêm v.v…tám muôn ức môn Tam Muội, ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp, năm trí ấn v.v… ba muôn năm ngàn môn Tam Muội, Kim Cang định v.v…bốn ngàn hai trăm môn Tam Muội, vô lượng vô biên phương tiện Tam Muội, những công đức trên đây là Phật tánh của Phật. Phật tánh nầy có bảy điều : Thường, lạc, ngã, tịnh, chơn, thật và thiện. Đây gọi là phân biệt mà giải đáp.

Nầy Thiện Nam Tử ! Phật tánh của Bồ Tát thân rốt sau có sáu điều : Thường, tịnh, chơn, thật, thiện và thiểu kiến. Đây gọi là phân biệt mà giải đáp.

Như trước kia ông hỏi : Người dứt mất căn lành có Phật tánh. Người nầy cũng có Phật tánh của Như Lai, cũng có Phật tánh của Bồ Tát thân rốt sau. Hai Phật tánh nầy vì chướng ngại vị lai nên được gọi là không, vì rốt ráo sẽ được nên gọi là có. Đây gọi là phân biệt mà đáp.

Phật tánh của Như Lai chẳng phải quá khứ, chẳng phải hiện tại, chẳng phải vị lai.

Phật tánh của Bồ Tát thân rốt sau là hiện tại và vị lai : Vì có thể thấy phần ít nên gọi là hiện tại, vì chưa thấy đầy đủ nên gọi là vị lai.

Đức Như Lai lúc chưa chứng được vô thượng Bồ Đề, về nhơn Phật tánh cũng là quá khứ, hiện tại và vị lai. Về quả Phật tánh thời chẳng như vậy : Có là ba đời, có chẳng phải ba đời.

Phật tánh của Bồ Tát thân rốt sau về nhơn cũng là ba đời, về quả cũng như vậy. Đây gọi là phân biệt mà đáp.

Phật tánh của Cửu Trụ Bồ Tát có sáu điều : Thường, thiện, chơn, thật, tịnh, khả kiến. Nhơn Phật tánh cũng là ba đời, quả cũng như vậy. Đây gọi là phân biệt mà nói.

Bát Trụ Bồ Tát xuống đến bực Lục Trụ, Phật tánh có năm điều : Chơn, thật, tịnh, thiện và khả kiến. Nhơn Phật tánh cũng là ba đời, quả cũng như vậy. Đây gọi là phân biệt mà đáp.

Ngũ Trụ Bồ Tát xuống đến bực Sơ Trụ, Phật tánh có năm điều : Chơn, thật, tịnh, khả kiến và thiện bất thiện.

Nầy Thiện Nam Tử ! Năm thứ Phật tánh, sáu thứ Phật tánh, bảy thứ Phật tánh, người dứt mất căn lành quyết sẽ được nên gọi là có, đây gọi là phân biệt mà đáp.

Nếu nói rằng người dứt mất căn lành quyết định có Phật tánh quyết định không Phật tánh. Đây gọi là yên lặng mà đáp.

_ Bạch Thế Tôn ! Tôi nghe rằng chẳng đáp mới gọi là yên lặng mà đáp. Nay cớ gì đức Như Lai đáp mà lại gọi là yên lặng đáp ?

_ Nầy Thiện Nam Tử ! Ta cũng chẳng nói ra, để đó chẳng giải đáp nên gọi là yên lặng mà đáp.

Nầy Thiện Nam Tử ! Yên lặng đáp như vậy lại có hai thứ : Một là ngăn dứt, hai là chẳng chấp trước. Do nghĩa nầy nên được gọi là yên lặng đáp.

_ Bạch Thế Tôn ! Như lời Phật nói, thế nào gọi rằng nhơn Phật tánh cũng là ba đời, quả cũng là ba đời, lại chẳng phải là ba đời ?

_ Nầy Thiện Nam Tử ! Ngũ ấm có hai thứ : Một là nhơn hai là quả. Nhơn ngũ ấm nầy cũng là ba đời, quả ngũ ấm nầy cũng là ba đời mà cũng chẳng phải là ba đời.

Nầy Thiện Nam Tử ! Tất cả những kiết sử vô minh phiền não đều là Phật tánh, vì là nhơn của Phật tánh. Từ vô minh, hành và các phiền não mà được ngũ ấm lành, đây gọi là Phật tánh. Từ ngũ ấm lành nhẫn đến chứng đặng vô thượng Bồ Đề. Do đây nên trong kinh ta nói trước rằng Phật tánh của chúng sanh như sữa lẫn lộn trong máu. Máu là nói vô minh, hành v.v… tất cả những phiền não. Sữa là nói ngũ ấm lành. Nên ta nói rằng do từ những phiền não và ngũ ấm lành mà chứng được vô thượng Bồ Đề như thân chúng sanh đều do từ tinh huyết mà được thành, Phật tánh cũng như vậy.

Bực Tu Đà Hoàn và Tư Đà Hàm dứt phần ít phiền não, Phật tánh của những bực nầy như sữa. Bực A Na Hàm Phật tánh như lạc. Bực A La Hán Phật tánh như sanh tô. Từ bực Bích Chi Phật đến Thập Trụ Bồ tát, Phật tánh như thục tô. Phật tánh của đức Như Lai như đề hồ.

Nầy Thiện Nam Tử ! Vì phiền não hiện tại chướng ngăn làm cho chúng sanh chẳng thấy được Phật tánh. Như trong núi Hương Sơn có cỏ nhẫn nhục chẳng phải tất cả bò đều có thể được ăn. Phật tánh cũng như vậy. Đây gọi là phân biệt và giải đáp.

_ Bạch Thế Tôn ! Năm thứ, sáu thứ, bảy thứ Phật tánh, nếu là đến vị lai sẽ có, tại sao nói rằng người dứt căn lành có Phật tánh ?

_ Nầy Thiện Nam Tử ! Như các chúng sanh có nghiệp quá khứ, do nghiệp nầy mà chúng sanh thọ lấy quả báo hiện tại. Có nghiệp vị lai vì chưa sanh nên trọn chẳng thành quả. Chúng sanh hiện tại có phiền não, nếu không phiền não thời tất cả chúng sanh lẽ ra phải thấy rõ Phật tánh hiện tại. Do đây nên người dứt căn lành do phiền não đời hiện tại nên có thể dứt căn lành, do năng lực Phật tánh đời vị lai nên căn lành sanh trở lại.

_ Bạch Thế Tôn ! Đời vị lai thế nào có thể sanh căn lành ?

_Nầy Thiện Nam Tử ! Như ngọn đèn và mặt trời dầu lại là vị lai mới sáng nhưng cũng phá tối tăm. Tánh vị lai có thể sanh ra chúng sanh, Phật tánh đời vị lai cũng như vậy. Đây gọi là phân biệt mà giải đáp.

_ Bạch Thế Tôn ! Nếu nói ngũ ấm là Phật tánh tại sao nói rằng Phật tánh của chúng sanh chẳng phải trong chẳng phải ngoài.

Nầy Thiện Nam Tử ! Cớ sao quên mất như vậy. Trước kia ta chẳng nói rằng Phật tánh của chúng sanh là trung đạo ư ?

_ Bạch Thế Tôn ! Thiệt ra tôi chẳng quên lời Phật dạy. Chỉ vì chúng sanh chẳng hiểu được trung đạo nầy nên bạch hỏi đức Phật như vậy.

_ Nầy Thiện Nam Tử ! Chỗ mà chúng sanh chẳng hiểu được chính đó là trung đạo. Có lúc hoặc có hiểu hoặc có người chẳng hiểu. Ta vì muốn làm cho chúng sanh được hiểu rõ nên nói Phật tánh của chúng sanh chẳng phải trong chẳng phải ngoài. Vì kẻ phàm phu cho rằng Phật tánh ở trong ngũ ấm, như trái cây đựng trong chậu. Cũng có kẻ cho rằng rời ngoài ngũ ấm mà có Phật tánh, như hư không. Do đây nên đức Như Lai nói nghĩa trung đạo : Phật tánh của chúng sanh chẳng phải là sáu căn ở trong, chẳng phải là sáu trần ở ngoài. Vì hiệp trong và ngoài nên gọi là trung đạo. Do đây đức Như Lai nói rằng : Phật tánh chẳng phải trong chẳng phải ngoài, nên gọi là trung đạo, đây là phân biệt mà giải đáp.

Nầy Thiện Nam Tử ! Thế nào gọi là chẳng phải trong chẳng phải ngoài ?

Nầy Thiện Nam Tử ! Có người nói rằng Phật tánh chính là ngoại đạo, vì các bực đại Bồ Tát trải qua vô lượng kiếp ở trong ngoại đạo, mà dứt phiền não điều phục tâm của mình, giáo hoá vô lượng chúng sanh, rồi sau mới được vô thượng Bồ Đề.

Hoặc có người cho rằng Phật tánh chính là nội đạo. Vì đại Bồ Tát dầu trong vô lượng kiếp tập học ngoại đạo, nhưng nếu rời nội đạo thời chẳng thể được vô thượng Bồ Đề.

Đức Như Lai vì ngăn hai thứ chấp trước nầy nên nói rằng Phật tánh chẳng phải trong chẳng phải ngoài, cũng gọi là trong ngoài, đây là trung đạo.

Có người nói Phật tánh chính là Kim Cang của Như Lai : Ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp. Có người nói Phật tánh chính là mười trí lực, bốn món vô sở úy, đại từ đại bi, tam niệm xứ, Thủ Lăng Nghiêm v.v… tất cả môn Tam Muội, vì do những Tam Muội nầy mà sanh ra thân Kim Cang ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp. Đức Như Lai vì ngăn hai sự chấp trước nầy nên nói rằng Phật tánh chẳng phải trong, chẳng phải ngoài cũng là trong ngoài, đây gọi là trung đạo.

Nầy Thiện Nam Tử ! Có người cho rằng Phật tánh chính là trong tâm khéo tư duy, vì rời khéo tư duy thời chẳng thể được vô thượng Bồ Đề. Có người nói rằng Phật tánh chính là do nghe pháp với người khác, vì nghe pháp với người khác thời có thể trong tâm khéo tư duy, nếu chẳng nghe pháp thời không tư duy.

Do đây nên Như Lai vì ngăn hai sự chấp trước nầy nên nói Phật tánh chẳng phải trong chẳng phải ngoài, cũng là trong ngoài, đây gọi là trung đạo.

Lại có người nói Phật tánh là ngoài nghĩa là Đàn Ba La Mật. Từ Đàn Ba La Mật mà chứng được vô thượng Bồ Đề. Có người nói Phật tánh là trong nghĩa là năm môn Ba La Mật, vì rời năm môn nầy thời không có nhơn quả Phật tánh.

Do đây nên Như Lai vì ngăn hai thứ chấp trước nầy mà nói Phật tánh chẳng phải trong chẳng phải ngoài, đây gọi là trung đạo.

Nầy Thiện Nam Tử ! Có người nói Phật tánh ở nơi trong, như viên bảo châu trtên trán của lực sĩ, vì thường, lạc, ngã, tịnh như bảo châu. Có người nói Phật tánh ở nơi ngoài như kho báu của bần nữ, vì do phương tiện mà được thấy.

Vì ngăn hai thứ chấp trước nầy nên đức Như Lai nói rằng Phật tánh chẳng phải trong, chẳng phải ngoài cũng là trong ngoài, đây gọi là trung đạo.

Nầy Thiện Nam Tử ! Phật tánh của chúng sanh chẳng phải có chẳng phải không. Vì Phật tánh dầu là có nhưng chẳng phải như hư không. Vì hư không của thế gian dầu dùng vô lượng thiện xảo phương tiện cũng chẳng thể thấy được, còn Phật tánh thời có thể thấy, do đây nên Phật tánh dầu là có nhưng chẳng phải như hư không.

Phật tánh dầu là không nhưng chẳng đồng như sừng thỏ. Vì lông rùa, sừng thỏ dầu dùng vô lượng thiện xảo phương tiện cũng chẳng thể sanh lên được, còn Phật tánh thời có thể sanh. Do đây nên Phật tánh chẳng phải có, chẳng phải không, cũng là có, cũng là không.

Thế nào gọi là có ? Tất cả chúng sanh đều có chẳng dứt chẳng diệt, dường như ngọn đèn, mãi đến chứng đặng vô thượng Bồ Đề, nên gọi là có Phật tánh.

Thế nào gọi là không ? Tất cả chúng sanh hiện tại chưa có đủ tất cả Phật pháp thường, lạc, ngã, tịnh nên gọi là không Phật tánh.

Vì có và không hiệp lại chính là trung đạo, nên đức Như Lai nói Phật tánh chúng sanh chẳng phải có, chẳng phải không.

Nầy Thiện Nam Tử ! Như có người hỏi trong hột giống nầy có trái hay không ? Tất phải đáp rằng cũng có cũng không. Vì ngoài hột giống thời không thể sanh ra trái nên gọi là có, còn hột giống chưa mọc mọng nên gọi rằng không. Do nghĩa nầy nên nói cũng có cũng không. Vì thời tiết có khác, nhưng thể chất của hột giống là một. Phật tánh của chúng sanh cũng như vậy. Nếu nói rằng trong chúng sanh riêng có Phật tánh thời không đúng nghĩa. Vì chúng sanh là Phật tánh, Phật tánh là chúng sanh, chỉ do thời gian có tịnh và bất tịnh sai khác.

_ Nầy Thiện Nam Tử ! Nếu có người hỏi hột nầy có thể sanh trái chăng, trái nầy có thể sanh hột chăng ? Tất phải đáp rằng cũng sanh cũng chẳng sanh.

_ Bạch Thế Tôn ! Như người đời nói rằng trong sữa có chất lạc, nghĩa nầy như thế nào ?

_ Nầy Thiện Nam Tử ! Nếu nói trong sữa có chất lạc thời là chấp trước. Nếu nói trong sữa không chất lạc thời là hư vọng. Tất phải nói rằng cũng có cũng không. Từ sữa sanh ra chất lạc : Nhơn là sữa, quả là lạc, đây gọi là có. Màu sắc cùng mùi vị đều khác nhau, ăn dùng cũng chẳng đồng : Bịnh nóng thời dùng sữa, bịnh lạnh thời dùng lạc, sữa sanh bịnh lạnh, lạc sanh bịnh nóng.

Nếu nói trong sữa có tánh của lạc, sữa là lạc, lạc là sữa, hai thứ đồng một tánh, nhơn duyên gì mà sữa lại có trước, còn lạc chẳng sanh ra trước ? Nếu có nhơn duyên tại sao tất cả người đời chẳng nói ? Nếu không nhơn duyên cớ sao lạc chẳng sanh ra trước ? Nếu lạc chẳng sanh ra trước thời ai làmra có thứ tự : Sữa, lạc, sanh, tô, thục tô, đề hồ ? Do đây nên biết rằng chất lạc trước không có nay mới có, nếu là trước không nay có thời là pháp vô thường.

Nầy Thiện Nam Tử ! Nếu nói rằng trong sữa có chất lạc có thể sanh ra lạc, trong nước không có chất lạc nên chẳng sanh ra lạc, lời nầy không đúng nghĩa. Vì nước cỏ cũng có tánh chất của sữa và lạc, vì do nước cỏ mà sanh ra sữa và lạc. Nếu nói trong sữa quyết định có chất lạc, còn nước cỏ không chất lạc, lời nầy gọi là hư vọng, vì tâm chẳng bình đẳng nên gọi là hư vọng.

Nầy Thiện nam Tử ! Nếu nói trong sữa quyết định có chất lạc, thời lẽ ra trong chất lạc cũng quyết định có chất sữa. Cớ gì trong sữa sanh ra lạc mà trong lạc chẳng sanh ra sữa ? Nếu là không duyên cớ thời nên biết rằng chất

lạc nầy trước không mà nay có. Do đây nên người trí phải nói rằng trong sữa chẳng phải có chất lạc chẳng phải không chất lạc.

Nầy Thiện Nam Tử ! Do đây nên đức Như Lai từng nói trong khế kinh rằng :Nếu cho tất cả chúng sanh quyết định có Phật tánh thời gọi là chấp trước, nếu cho không Phật tánh thời gọi là hư vọng. Người trí nên nói rằng : Phật tánh của chúng sanh cũng có cũng không.

Nầy Thiện Nam Tử ! Do bốn pháp hòa hiệp mà có nhãn thức : Nhãn căn, sắc trần, ánh sáng, tác ý. Tánh nhãn thức nầy chẳng phải là nhãn căn, chẳng phải sắc trần, chẳng phải ánh sáng, chẳng phải tác ý. Do bốn pháp nầy hòa hiệp mà nhãn thức được sanh. Nhãn thức như vậy là trước không mà nay có, đã có trở lại không. Do đây nên biết rằng nhãn thức vốn không có tánh. Chất lạc ở trong sữa cũng như vậy.

Nếu nói rằng trong nước không chất lạc nên chẳng xuất sanh ra lạc, còn trong sữa sanh ra lạc, nên trong sữa quyết định có chất lạc. Lời nói trên đây không đúng nghĩa. Vì tất cả pháp : Nhơn khác, quả khác, cũng chẳng phải một nhơn sanh tất cả quả, chẳng phải tất cả quả từ một nhơn sanh. Như do bốn pháp sanh ra nhãn thức, chẳng nên nói rằng từ bốn pháp nầy phải sanh ra nhĩ thức hay tỷ thức.

Nầy Thiện Nam Tử ! Rời các phương tiện thời không thể được chất lạc trong sữa, cũng không thể từ chất lạc sanh ra chất tô. Do đây nên cần phải có phương tiện. Người trí chẳng nên có quan niệm rằng rời các phương tiện mà được chất lạc từ nơi sữa. Được sanh tô cũng như vậy.

Do đó nên trong khế kinh ta từng nói : Vì “nhơn” sanh nên có pháp, vì “ nhơn” diệt nên không pháp.

Nầy Thiện Nam Tử ! Như muối tánh chất là mặn có thể làm cho vật chẳng phải mặn thành mặn. Nếu vật chẳng phải mặn mà trước có tánh chất mặn, cớ sao người đời cho rằng chẳng phải là muối ư ! Nếu trước không mặn thời nên biết rằng trước không mà nay có, do các duyên khác mà thành mặn.

Nếu nói rằng tất cả vật chẳng mặn đều có tánh chất mặn vì quá ít nên chẳng biết, do tánh chất quá ít nầy nên muối có thể làm cho vật ấy thành mặn, nếu vốn không tánh chất mặn thời dầu có muối cũng chẳng thể làm thành mặn được. Như hột giống tự nó có tứ đại, duyên nhờ tứ đại ngoài mà nó được tăng trưởng : Nẩy mầm, lên cây, đâm chồi ra lá, tánh chất của muối cũng vậy. Lời nói trên đây không đúng nghĩa, vì vật chẳng mặn nếu trước đã có

tánh chất mặn, muối lẽ ra cũng có tánh chất chút ít chẳng mặn. Muối nầy nếu có hai tánh chất như vậy, duyên cớ gì rời vật chẳng mặn nó không thể riêng dùng ? Do đây nên biết muối vốn không có hai tánh. Như muối không có hai tánh, tất cả vật chẳng mặn cũng không có hai tánh như vậy.

Nếu nói rằng tứ đại ngoài có năng lực làm tăng trưởng tứ đại trong. Lời nói nầy không đúng nghĩa, vì là theo thứ tự mà nói chẳng phải từ phương tiện : Trong sữa được chất lạc, chất sanh tô, nhẫn đến tất cả pháp đều cũng chẳng phải do phương tiện mà được, tứ đại cũng như vậy. Nếu nói từ tứ đại trong tăng trưởng tứ đại ngoài. Như trái Thi lợi sa, từ trước không hình chất, lúc gặp sao Mão mọc thời sanh trái lớn đủ năm tấc. Trái nầy thiệt chẳng do nơi tứ đại ngoài mà tăng trưởng.

Nầy Thiện Nam Tử ! Như mười hai bộ kinh của ta nói : Hoặc tùy tự ý mà nói, hoặc tùy tha ý mà nói, hoặc tùy tự tha ý mà nói.

Thế nào gọi là tùy tự ý mà nói ? Như năm trăm Tỳ Kheo hỏi Xá Lợi Phất : Bạch Đại Đức ! Phật nói nhơn của thân là những gì ? Xá Lợi Phất nói : Chư Đại Đức cũng đều được chánh giải thoát tự mình nên biết đó, duyên cớ gì mà hỏi như vậy ? Có Tỳ Kheo nói : Bạch Đại Đức ! Lúc tôi chưa được chánh giải thoát, cho rằng vô minh là nhơn của thân, lúc quán sát như vậy chứng được quả A La Hán.

Lại có Tỳ Kheo nói : Bạch Đại Đức ! Lúc tôi chưa được chánh giải thoát, cho rằng thọ và vô minh là nhơn của thân, lúc quán sát như vậy đặng quả A La Hán.

Hoặc có Tỳ Kheo nói : Hành, thức, danh, sắc, lục nhập, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sanh, ẩm thực, ngũ dục là nhơn của thân.

Lúc đó năm trăm Tỳ Kheo mỗi người tự nói chỗ hiểu biết của mình rồi, bèn cùng nhau đến đảnh lễ chơn Phật, đi nhiễu ba vòng rồi ngồi qua một bên. Mỗi người tự đem chổ hiểu của mình như đã nói ở trên mà bạch với Phật. Xá Lợi Phất bạch rằng : Thế Tôn ! Những Tỳ Kheo nầy ai là chánh thuyết, ai là không chánh thuyết.

Phật nói : Lành thay ! Lành thay ! Tất cả Tỳ Kheo đây đều là chánh thuyết cả.

Xá Lợi Phất bạch rằng : Thế Tôn ! Ý của Đức Phật thế nào ?

_ Nầy Xá Lợi Phất ! Ta vì chúng sanh trong cõi dục mà nói cha mẹ là nhơn của thân.Những kinh như vậy gọi là tùy tự ý mà nói.

Thế nào gọi là tùy tha ý mà nói ? Như Bà Tra La Trưởng giả đến hỏi ta rằng : Thưa Cù Đàm ! Ngài có biết ảo thuật chăng ? Nếu biết ảo thuật thời ngài là nhà đại ảo thuật, còn nếu không biết thời ngài chẳng phải là nhứt thiết trí.

Phật nói : Nầy Trưởng giả ! Người biết ảo thuật có gọi là người ảo thuật chăng ?

Trưởng giả nói : Đúng vậy ! Đúng vậy ! Người biết ảo thuật chính là người ảo thuật.

Phật nói : Nầy Trưởng giả ! Trong nước Xá Vệ vua Ba Tư Nặc có gã Chiên Đà La tên là Khí Hứ, ông có biết không ?

Trưởng giả thưa rằng : Từ lâu tôi đã biết người ấy.

Phật nói : Từ lâu ông đã biết người ấy mà ông có thể chính là Chiên Đà La không ?

Trưởng giả thưa : Tôi dầu biết gã Chiên Đà La ấy, nhưng thân của tôi chẳng phải Chiên Đà La.

Phật nói : Ông biết được nghĩa ấy : Người biết Chiên Đà La chẳng phải là Chiên Đà La. Nay cớ sao ta chẳng được biết ảo thuật mà chẳng phải là ảo thuật ? Nầy Trưởng giả, thiệt ra ta biết ảo thuật, biết người ảo thuật, biết quả báo ảo thuật, biết nghề ảo thuật. Ta biết sát nghiệp, biết người sát nghiệp, biết quả báo sát nghiệp, biết giải thoát sát nghiệp, nhẫn đến biết tà kiến, biết người tà kiến, biết quả báo tà kiến, biết giải thoát tà kiến.

Nếu Trưởng giả nói người chẳng phải ảo thuật gọi là người ảo thuật, người chẳng phải tà kiến gọi là người tà kiến, thời mắc vô lượng tội.

Trưởng giả nói : Thưa Cù Đàm ! Cứ như lời của ngài nói thời tôi mắc tội rất lớn. Nay tất cả của cải của tôi, tôi đem dâng cho ngài tất cả. Mong ngài chớ cho vua Ba Tư Nặc biết việc của tôi.

Phật nói : Nầy Trưởng giả ! Tội của ông bất tất mất của. Ông sẽ do tội nầy mà phải bị đọa trong ba ác đạo.

Trưởng giả nghe nói đến ba ác đạo, kinh sợ bạch Phật rằng : Thưa Thánh Nhơn ! Nay tôi vì quên sót mà mắc lấy tội lớn. Thánh nhơn là bực nhứt thiết trí tất là biết rõ con đường giải thoát. Nay tôi phải thế nào để thoát khỏi địa ngục, ngạ quỉ và súc sanh ?

Lúc đó đức Phật giảng giải về bốn lý chơn đế. Nghe xong trưởng giả chứng được quả Tu Đà Hoàn. Trong lòng hổ thẹn hướng về đức Phật mà sám hối : Tôi vốn ngu si, đức Phật không phải người ảo mà nói là ảo. Ngày nay tôi xin quy y Tam Bảo.

Đức Phật nói : Lành thay ! Lành thay !

Đây gọi là tùy tha ý mà nói.

Thế nào gọi là tùy tự tha ý mà nói ? Như ta từng nói : Trong tất cả thế gian, người trí nói có thời ta cũng nói có, người trí nói không thời ta cũng nói không.

Người trí trong đời nói sự vui ngũ dục có vô thường, khổ, vô ngã, đáng dứt diệt, thời ta cũng nói là có như vậy.

Người trí trong đời nói không bao giờ có vui ngũ dục, mà có thường, lạc, ngã, tịnh, thời ta cũng nói là không bao giờ có.

Đây gọi là tùy tự tha ý mà nói.

Nầy Thiện Nam Tử ! Như ta nói bực Thập Trụ Bồ Tát thấy Phật tánh một phần ít. Đây gọi là tùy tha ý mà nói.

Thế nào gọi là thấy phần ít ? Thập Trụ Bồ Tát được ba ngàn môn Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội v.v…nên biết rõ mình sẽ được vô thượng Bồ Đề, mà chẳng thấy tất cả chúng sanh quyết định được vô thượng Bồ Đề, do đây nên ta nói bực Thập Trụ Bồ Tát thấy Phật tánh phần ít.

Nầy Thiện Nam Tử ! Ta thường tuyên nói : Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh. Đây gọi là tùy tự ý mà nói.

Tất cả chúng sanh chẳng đoạn chẳng diệt mãi đến chứng được vô thượng Bồ Đề. Đây gọi là tùy tự ý mà nói.

Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, vì phiền não che ngăn nên chẳng thể thấy được. Ta nói như vậy, ông cũng nói như vậy. Đây gọi là tùy tự tha ý mà nói.

Nầy Thiện Nam Tử ! Đức Như Lai có lúc vì một pháp mà nói vô lượng pháp. Như trong khế kinh nói : Tất cả phạm hạnh nhơn nơi thiện tri thức. Tất cả phạm hạnh dầu có vô lượng nhơn, nhưng nói thiện tri thức thời đã nhiếp hết cả.

Như ta từng nói : Tất cả ác hạnh nhơn nơi tà kiến. Tất cả ác hạnh dầu có vô lượng nhơn nhưng nói tà kiến thời đã nhiếp hết cả.

Hoặc như ta nói : Tín tâm là nhơn của vô thượng Bồ Đề, dầu Bồ Đề có vô lượng nhơn, nhưng nói tín tâm thời đã nhiếp hết cả.

Nầy Thiện Nam Tử ! Dầu đức Như Lai nói vô lượng pháp là Phật tánh, nhưng chẳng rời ấm, nhập, giới.

Nầy Thiện Nam Tử ! Vì chúng sanh nên đức Như Lai thuyết pháp có bảy thứ từ ngữ : Một là từ ngữ về nhơn, hai là từ ngữ về quả, ba là từ ngữ về nhơn quả, bốn là từ ngữ về ví dụ, năm là từ ngữ bất ưng thuyết, sáu là từ ngữ về thế đế lưu bố, bảy là từ ngữ như ý.

Thế nào gọi là từ ngữ về Nhơn ?

Trng Nhơn hiện tại nói quả báo vị lai. Như ta từng bảo Tỳ Kheo : Ông xem chúng sanh ưa sát hại nhẫn đến ưa tà kiến, phải biết đó là người địa ngục vậy. Nếu có người chẳng ưa sát hại nhẫn đến chẳng ưa tà kiến, phải biết đó là người cõi trời. Đây gọi là từ ngữ về Nhơn.

Thế nào là từ ngữ về Quả ?

Trong quả báo hiện tại nói nhơn quá khứ. Như trong khế kinh, ta bảo Tỳ Kheo : Như ông thấy mấy người nghèo khó, hình dung xấu xa, không được thong thả, phải biết rằng những người ấy quyết định đời trước có phá giới, tật đố, sân hận, không lòng hổ thẹn. Nếu thấy người giàu có, lành mạnh, có thế lực, phải biết rằng người nầy đời trước quyết định có trì giới, bố thí, tinh tấn, hổ thẹn, không lòng tật đố, sân hận. Đây gọi là từ ngữ về Quả.

Thế nào là từ ngữ về Nhơn Quả ?

Như trong khế kinh ta bảo các Tỳ Kheo chúng sanh hiện tại lục nhập, xúc làm nhơn đây gọi là nghiệp quả quá khứ. Đức Như Lai cũng gọi đó là nghiệp, nghiệp nầy làm nhơn duyên sẽ có quả vị lai. Đây gọi là từ ngữ về nhơn quả.

Thế nào là từ ngữ về Ví Dụ ?

Như nói rằng Sư Tử Vương dụ cho thân của Phật. Cũng nói những ví dụ : Đại Tượng Vương, Đại Long Vương, cây Ba Lợi Chất Đa La, đẳng Thất Bảo, Đại Hải, núi Tu Di, quả đất, mưa to, Thuyền Sư, Đạo Sư, Điều Ngự Trượng Phu, Đại Lực Sĩ, Ngưu Vương, Bà La Môn, Sa Môn, Đại Thành, cây Đa La, đây gọi là từ ngữ về ví dụ.

Thế nào là từ ngữ Bất Ưng Thuyết ? Như trong kinh ta từng nói : Trời đất có thể hiệp, con sông chẳng chảy vào biển. Như ta nói với vua Ba Tư Nặc bốn phía núi đồng đến. Như ta vì Lộc Mẫu Ưu Bà Di nói nếu cây Ta La có thể thọ giới Bát Quan Trai thời nó được hưởng thọ sự vui sướng cõi trời cõi người. Thà nói Thập Trụ Bồ Tát có tâm thối chuyển chẳng nên nói đức Như Lai nói hai lời. Thà nói bực Tu Đà Hoàn đọa ba ác đạo chẳng nên nói Thập Trụ Bồ Tát có tâm thối chuyển. Đây gọi là từ ngữ Bất Ưng Thuyết.

Thế nào là từ ngữ Thế Đế Lưu Bố ? Như Phật nói : Nam, nữ, lớn, nhỏ, đến, đi, nằm , ngồi, xe cộ, nhà cửa, bình, áo, chúng sanh, thường, lạc, ngã, tịnh, quân, rừng, thành , ấp, tăng, phường, hiệp, tan. Đây gọi là từ ngữ về Thế Đế Lưu Bố.

Thế nào là từ ngữ Như Ý ? Như ta quở trách người hủy phạm cấm giới khiến họ tự trách hộ trì cấm giới. Như ta khen ngợi bực Tu Đà Hoàn, khiến hàng phàm phu sanh tâm lành. Ngợi khen Bồ Tát làm cho chúng sanh phát tâm Bồ Đề, nói những sự khổ não của ba ác đạo khiến chúng sanh tu tập các pháp lành. Chỉ vì tất cả pháp hữu vi mà nói tất cả đều đốt cháy, vô ngã cũng như vậy, nói tất cả chúng sanh đều có Phật tánh khiến mọi người chẳng phóng dật. Đây gọi là từ ngữ Như Ý.

Nầy Thiện Nam Tử ! Đức Như Lai lại có từ ngữ tùy tự ý : Như nói Phật tánh của Như Lai có hai thứ : Một là có, hai là không.

Có, là Như Lai có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, mười trí lực, bốn vô sở úy, ba niệm xứ, đại từ, đại bi, Thủ Lăng Nghiêm v.v… Vô lượng Tam Muội, Kim Cang v.v…Vô lượng Tam Muội, phương tiện v.v… Vô lượng Tam Muội, năm trí ấn v.v… vô lượng Tam Muội.

Không, là Như lai không có các điều thiện, bất thiện, vô ký, nghiệp nhơn quả báo, phiền não, ngũ ấm, mười hai nhơn duyên.

Nầy Thiện Nam Tử ! Như có và không, thiện , bất thiện, hữu lậu, vô lậu, thế gian, phi thế gian, thánh, phi thánh, hữu vi, vô vi, thật, bất thật, tịch tịnh, phi tịch tịnh, tránh, phi tránh, giới, phi giới, phiền não, phi phiền não, thủ, phi thủ, thọ ký, phi thọ ký, hưũ, phi hữu, tam thế, phi tam thế, thời, phi thời, thường, vô thường, ngã, vô ngã, lạc, vô lạc, tịnh, vô tịnh, sắc, thọ, tưởng, hành, thức, phi sắc thọ tưởng hành thức, nội nhập, phi nội nhập, ngoại nhập, phi ngoại nhập, thập nhị nhơn duyên, phi thập nhị nhơn duyên. Đây là Phật tánh của Như Lai hai thứ có và không, nhẫn đến Nhứt Xiển Đề Phật tánh hai thứ có và không cũng như vậy.

Nầy Thiện Nam Tử ! Dầu ta nói rằng : Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, nhưng chúng sanh chẳng hiểu những từ ngữ tùy tự ý của Phật như vậy. Những lời như vậy bực tối hậu thân Bồ Tát còn chẳng hiểu được huống là những Bồ Tát khác và hàng nhị thừa.

Nầy Thiện Nam Tử ! Trước kia có một lúc tại núi Kỳ Xà Quật, ta cùng Di Lặc Bồ Tát luận về thế đế, mà Xá Lợi Phất v.v… năm trăm vị Thanh Văn đều chẳng hiểu biết những việc ấy, huống là việc xuất thế đệ nhứt nghĩa đế.

Nầy Thiện Nam Tử ! Hoặc có Phật tánh Nhứt Xiển Đề có mà người thiện căn thời không. Hoặc có Phật tánh người thiện căn thời có còn Nhứt Xiển Đề thời không. Hoặc có Phật tánh cả hai đều có, hoặc cả hai đều không. Nếu hàng đệ tử của ta hiểu bốn nghĩa như vậy, chẳng nên gạn rằng : Nhứt Xiển Đề quyết định có Phật tánh hay quyết định không Phật tánh.

Như nói chúng sanh đều có Phật tánh, đây là từ ngữ tùy tự ý của Như Lai. Tù ngữ tùy tự ý của Như Lai như vậy, sao chúng sanh lại nhận hiểu quyết định một bề.

Nầy Thiện Nam Tử ! Như trong sông Hằng có bảy hạng chúng sanh : Một là chìm luôn, hai là tạm nổi lên lại chìm, ba là nổi lên rồi thời dừng lại, bốn là nổi lên rồi xem khắp bốn phương, năm là xem khắp rồi thời đi, sáu là đi rồi lại đứng lại, bảy là dưới nước trên bờ đều đi.

Nói chìm luôn , là cá lớn mang nghiệp ác lớn thân nặng ở sâu nên chìm luôn.

Nói tạm thời nổi lên rồi lại chìm, là cá lớn vì nghiệp ác thân nặng ở chỗ cạn tạm thời thấy ánh sáng, do ánh sáng tạm thời nổi lên, rồi vì thân nặng mà lại chìm xuống.

Nói nổi lên rồi ở lại, là cá Kỳ Di ở chỗ nước cạn thích thấy ánh sáng nên nổi lên rồi ở lại.

Nói xem khắp bốn phương, là cá Tích vì kiếm ăn mà xem khắp bốn phương.

Xem khắp rồi đi, là nói cá Tích ấy thấy vật đằng xa cho là ăn được nên mau lội đến.

Đi rồi lại đứng lại, là cá nầy đi rồi đã đặng đồ ăn bèn dừng lại.

Nói dưới nước trên bờ đều đi tức là linh qui vậy.

Nầy Thiện Nam Tử ! Con sông Đại Niết Bàn vi diệu nầy, trong đó cũng có bảy hạng chúng sanh : Từ hạng ban đầu thường chìm, nhẫn đến hạng thứ bảy hoặc xuống nước hoặc lên bờ.

Nói thường chìm, là như có người nghe kinh Đại Niết Bàn, nói rằng đức Như Lai thường trụ không có biến đổi, là thường, lạc, ngã, tịnh, trọn chẳng nhập Niết Bàn, tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, đến hạng Nhứt Xiển Đề cũng ắt sẽ thành đạo Bồ Đề, Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm, A Na Hàm, A La Hán, Bích Chi Phật v.v.. ắt sẽ được thành vô thượng Bồ Đề. Người nầy nghe lời trên đây không tin mà nghĩ và nói rằng kinh điển Đại Niết Bàn nầy là sách ngoại đạo chẳng phải kinh Phật. Lúc bây giờ người nầy xa lìa bạn lành, chẳng nghe chánh pháp, dầu có lúc được nghe nhưng chẳng thể tư duy, dầu có tư duy nhưng chẳng tư duy pháp lành, vì chẳng tư duy pháp lành nên trụ nơi pháp ác. Người trụ nơi pháp ác có sáu hạng : Một là ác, hai là vô thiện, ba là ô pháp, bốn là tăng hữu, năm là não nhiệt, sáu là thọ quả ác, do đây nên gọi là chìm.

Cớ sao gọi là chìm ? Vì không tâm lành mà thường làm việc ác, vì chẳng tu tập pháp đối trị nên gọi là chìm.

Nói rằng ác là vì thánh nhơn quở trách, vì tâm sợ sệt, vì xa lìa người lành, vì không lợi ích chúngb sanh, nên gọi là ác.

Nói rằng vô thiện là vì có thể sanh vô lượng quả báo ác, vì thường bị vô minh ràng buộc, vì thích cùng người ác làm bạn, vì không tu tập những phương tiện lành, vì tâm họ điên đảo luôn sai lầm.

Nói rằng ô pháp là vì thân khẩu thường nhiễm ô,vì nhiễm ô chúng sanh thanh tịnh, vì thêm lớn nghiệp chẳng lành, vì xa lìa pháp lành, đây gọi là ô pháp.

Nói tăng hữu là ba người như trên thật hành những pháp ác, có thể thêm địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ, chẳng thể tu tập pháp giải thoát, thân, khẩu, ý chẳng nhàm các cõi, đây gọi là tăng hữu.

Nói rằng não nhiệt là những người nầy, làm đủ bốn việc như trên có thể khiến thân tâm não nhiệt, xa lìa tịch tịnh thời gọi là nhiệt, bị quả báo địa ngục nên gọi là nhiệt, đốt cháy các chúng sanh nên gọi là nhiệt, đốt cháy các pháp lành nên gọi là nhiệt, người nầy chẳng có tín tâm mát mẻ nên gọi là nhiệt.

Nói rằng thọ lấy quả ác là người nầy làm đủ năm việc trên khi chết đọa địa ngục, ngạ quỉ, súc sanh. Có ba việc ác nên gọi là quả ác : Một là phiền não ác, hai là nghiệp ác, ba là báo ác, đây gọi làthọ lấy quả báo ác. Người nầy có đủ sáu việc như trên thời có thể làm dứt mất căn lành tạo tội ngũ nghịch, phạm bốn tội trọng, hủy báng Tam bảo, dùng của vật của chúng Tăng, có thể làm những việc phi pháp, do đây nên chìm đắm ở trong địa ngục A Tỳ, thân hình rộng lớn tám muôn bốn ngàn do diên, vì người nầy nghiệp ác nơi thân, khẩu, ý quá nặng nên không thể ra khỏi được, vì tâm họ chẳng thể sanh pháp lành, dầu có vô lượng chư Phật ra đời cũng chẳng được nghe được thấy, đây gọi là thường chìm. Như cá lớn trong sông Hằng.

Nầy Thiện Nam Tử ! Dầu ta nói Nhứt Xiển Đề gọi là thường chìm, nhưng lại có hạng thường chìm, mà chẳng phải Nhứt Xiển Đề : Như người vì cõi hữu lậu mà bố thí trì giới làm các việc lành, đây cũng gọi là thường chìm.

Nầy Thiện Nam Tử ! Có bốn việc lành mang lấy quả ác : Một là vì hơn người mà đọc tụng kinh điển, hai là vì lợi dưỡng mà thọ trì cấm giới, ba là vì hệ thuộc người khác mà làm việc bố thí, bốn là vì cõi phi tưởng, phi phi tưởng mà nhiếp niệm tư duy, đây là bốn điều lành được quả báo ác. Nếu người thật hành bốn việc như vậy thời gọi là chìm rồi lại nổi lên, nổi lên rồi lại chìm xuống. Vì ưa thích ba cõi hữu lậu nên gọi là chìm. Vì thấy ánh sáng tức là được nghe pháp trì giới, bố thí, thiền định, đây gọi là nổi lên. Thêm

lớn tà kiến, sanh kiêu mạn nên gọi là lại chìm xuống. Do đây nên trong khế kinh ta nói kệ rằng :

Nếu có chúng sanh thích các cõi, Vì các cõi mà tạo nghiệp ác, Người nầy mê mất đạo Niết Bàn, Đây là tạm nổi lại chìm xuống. Đi nơi biển sanh tử tối tăm, Dầu được giải thoát xem phiền não, Người nầy lại thọ quả báo ác, Đây là tạm ra lại chìm xuống.

Nầy Thiện Nam Tử ! Như cá lớn kia do thấy ánh sáng tạm thời nổi lên khỏi nước, vì thân nặng nên lại chìm xuống, hai hạng người trên đây cũng lại như vậy.

Nầy Thiện nam Tử ! Hoặc có người tham đắm ba cõi hữu lậu đây gọi là chìm. Được nghe kinh Đại Niết Bàn nầy mà sanh lòng tin, đây gọi là nổi lên. Duyên cớ gì gọi đó là nổi lên ? Ví nghe kinh nầy rồi xa lìa pháp ác tu tập pháp lành, nên gọi là nổi lên. Người nầy dầu tin nhưng cũng chẳng đầy đủ. Duyên cớ gì tín tâm chẳng đầy đủ ? Người nầy dầu tin Đại Niết Bàn thường, lạc, ngã, tịnh, mà nói rằng thân Như Lai là vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh. Đức Như Lai có hai thứ Niết Bàn : Một là hữu vi, hai là vô vi. Hữu vi Niết Bàn không có thường lạc ngã tịnh. Vô vi Niết Bàn có thường lạc ngã tịnh. Dầu tin Phật tánh là chúng sanh có, nhưng bất tất là tất cả đều có. Do đây nên gọi là tín tâm chẳng đầy đủ.

Nầy Thiện Nam Tử ! Tín tâm có hai thứ : Một là tin, hai là cầu. Người như trên đây dầu có tín tâm, nhưng chẳng thể suy cầu, nên gọi là tín tâm chẳng đầy đủ.

Tín tâm lại có hai thứ : Một là từ nghe pháp mà sanh lòng tin, hai là từ tư duy mà sanh lòng tin. Tín tâm của người nầy do nghe pháp mà sanh chẳng phải do tư duy, nên gọi là tín tâm chẳng đầy đủ.

Tín tâm lại có hai thứ : Một là tin có thánh đạo, hai là tin người đắc đạo. Người nầy dầu tin có thánh đạo, nhưng trọn chẳng tin có người đắc đạo, nên gọi là tín tâm chẳng đầy đủ.

Tín tâm lại có hai thứ : Một là tin chánh, hai là tin tà. Nói rằng có nhơn quả, có Phật, Pháp, Tăng, đây gọi là tin chánh. Nói rằng không nhơn quả, tánh Tam Bảo khác nhau, tin theo những lời tà của ngoại đạo, đây gọi là tin tà. Người nầy dầu tin Phật pháp Tăng Tam Bảo, nhưng chẳng tin Tam Bảo đồng một tánh tướng, dầu tin nhơn quả nhưng chẳng tin người đắc quả, nên gọi là tín tâm chẳng đầy đủ.

Người nầy trọn nên tín tâm chẳng đầy đủ, thọ trì cấm giới cũng chẳng đầy đủ. Vì nhơn chẳng đầy đủ nên chỗ được cấm giới cũng chẳng đầy đủ. Lại giới có hai thứ : Một là oai nghi, hai là tùng giới. Người nầy dầu đầy đủ những giới về oai nghi nhưng chẳng đầy đủ những giới về tùng giới, nên gọi là giới chẳng đầy đủ.

Giới lại có hai thứ : Một là tác giới, hai là vô tác giới. Người nầy dầu có tác giới nhưng chẳng đủ vô tác giới, nên gọi là giới chẳng đầy đủ.

Giới lại có hai thứ : Một là từ thân khẩu mà được chánh mạng, hai là từ thân khẩu chẳng được chánh mạng. Người nầy dầu từ thân khẩu nhưng chẳng được chánh mạng, nên gọi là giới chẳng đầy đủ.

Giới lại có hai thứ : Một là cầu giới, hai là xả giới. Người nầy dầu đủ giới do cầu mà có nhưng chẳng được giới do xả mà có, nên gọi là giới chẳng đầy đủ.

Giới lại có hai thứ : Một là tùy hữu, hai là tùy đạo. Người nầy dầu đủ giới tùy hữu nhưng chẳng đủ giới tùy đạo, nên gọi là giới chẳng đầy đủ.

Giới lại có hai thứ : Một là thiện giới, hai là ác giới. Thân khẩu ý lành gọi là thiện giới. Ngưu giới, Cẩu giới v.v… gọi là ác giới. Người nầy rất tin cả hai thứ giới đây đều có quả lành, nên gọi là giới chẳng đầy đủ.

Người nầy chẳng đầy đủ hai điều : Tín tâm và giới, nên chỗ tu tập đa văn cũng chẳng đầy đủ,. Thế nào gọi là đa văn chẳng đầy đủ ? Mười hai bộ kinh của đức Như Lai nói ra người nầy chỉ tin sáu bộ, mà chẳng tin sáu bộ, nên gọi là đa văn chẳng đầy đủ. Người nầy dầu thọ trì sáu bộ kinh đây nhưng không thể đọc tụng cùng giảng giải cho người, không chỗ lợi ích, nên gọi là đa văn chẳng đầy đủ. Hoặc người nầy thọ trì sáu bộ kinh đây rồi mà vì luận nghị, vì hơn người, vì lợi dưỡng, vì các cõi hữu lậu mà đọc tụng giảng thuyết nên gọi là đa văn chẳng đầy đủ.

Nầy Thiện Nam Tử ! Ở trong khế kinh ta từng nói đa văn đầy đủ. Thế nào là đầy đủ ?â Nếu có Tỳ Kheo thân khẩu ý đều lành, trước có thể cúng dường Hòa Thượng, chư Sư, những người có đức. Chư Sư nầy đối với người ấy sanh lòng thương mến, nên đem kinh pháp truyền dạy cho. Người nầy chí tâm thọ trì tụng tập, được trí huệ. Được trí huệ rồi có thể khéo tư duy thật hành đúng như pháp. Khéo tư duy rồi thời được chánh nghĩa. Được chánh nghĩa rồi thân tâm tịch tịnh. Thân tâm đã tịch tịnh thời sanh hỷ tâm. Do hỷ tâm mà được định. Do được định nên được chánh tri kiến. Được chánh tri

kiến rồi sanh lòng ăn năn nhàm chán các cõi hữu lậu. Vì nhàm chán các cõi nên được giải thoát.

Người trên đây không có những việc như vậy nên gọi là đa văn chẳng đầy đủ.

Người nầy chẳng đầy đủ ba việc như vậy nên bố thí cũng chẳng đầy đủ.

Bố thí có hai thứ : Một là tài thí, hai là pháp thí, người nầy dầu thật hành về tài thí nhưng vì cầu cõi hữu lậu, dầu thật hành pháp thí nhưng cũng chẳng đầy đủ, vì bí lẫn chẳng nói hết sợ người hơn mình, nên gọi là bố thí chẳng đầy đủ.

Hai thứ tài thí, pháp thí đều riêng có hai : Một là thánh, hai là chẳng phải thánh. Thánh nhơn bố thí rồi chẳng cầu quả báo. Người chẳng phải thánh bố thí rồi cầu quả báo. Thánh nhơn bố thí pháp để làm cho pháp được tăng trưởng. Người chẳng phải thánh bố thí pháp để tăng trưởng các cõi hữu lậu.

Người nầy vì tăng trưởng của cải mà thật hành tài thí, vì tăng trưởng cõi hữu lậu mà thật hành pháp thí, nên gọi là bố thí chẳng đầy đủ.

Lại người nầy lãnh thọ sáu bộ kinh, thấy người thọ pháp thời cung cấp cho, gặp người chẳng thọ pháp thời chẳng cung cấp, nên gọi là bố thí chẳng đầy đủ.

Người nầy chẳng đủ bốn điều như trên nên chỗ tu trí huệ cũng chẳng đầy đủ. Tánh của trí huệ là hay phân biệt. Người nầy chẳng thể phân biệt Như Lai là thường hay vô thường. Trong kinh Đại Niết Bàn nầy đức Phật nói Như Lai chính là giải thoát, giải thoát chính là Như lai. Như Lai là Niết bàn, Niết Bàn là giải thoát. Trong những nghĩa đây người nầy chẳng thể phân biệt được.

Đức Phật lại nói phạm hạnh là Như Lai, Như Lai là từ, bi, hỷ, xả. Từ, bi, hỷ, xả là giải thoát, giải thoát là Niết Bàn, Niết Bàn là từ, bi, hỷ, xả. Trong những nghĩa đây, người nầy không phân biệt được nên gọi là trí chẳng đầy đủ.

Người nầy lại chẳng phân biệt được Phật tánh, Phật tánh là Như Lai, Như Lai là tất cả pháp bất cộng, pháp bất cộng là giải thoát, giải thoát là Niết Bàn, Niết Bàn là pháp bất cộng. Người nầy lại chẳng phân biệt được bốn đế lý khổ tập diệt đạo, vì không phân biệt được bốn đế lý nên chẳng biết thánh hạnh, vì chẳng biết thánh hạnh nên chẳng biết Như Lai, vì chẳng biết Như

Lai nên chẳng biết giải thoát, vì chẳng biết giải thoát nên chẳng biết Niết Bàn, do đây nên gọi là trí chẳng đầy đủ.

Người nầy chẳng có đủ năm điều như vậy, thời thêm lớn hai pháp : Một là thêm pháp lành, hai là thêm pháp ác.

Thế nào gọi là thêm lớn pháp ác ? Người nầy chẳng biết rằng mình không đầy đủ, tự cho rằng đầy đu ûmà sanh tâm tham trước, đối với người đồng hàng cho mình là hơn, do đây bèn gần gũi những bạn ác đồng với mình đã gần gũi bạn ác rồi lại được nghe những pháp chẳng đầy đủ, sanh tâm vui mừng nhiễm trước, kiêu mạn phóng dật, do phóng dật mà gần gũi người tại gia, thích nghe nói những việc tại gia, xa lìa pháp xuất gia thanh tịnh, do đây nên thêm lớn pháp ác, vì đã thêm pháp ác nên thân khẩu ý gây nghiệp chẳng thanh tịnh, vì ba nghiệp chẳng thanh tịnh nên thêm lớn địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ. Đây gọi là tạm nổi lên lại chìm xuống.

Trong Phật pháp của ta ai là kẻ tạm nổi lên lại chìm xuống ? Chính là Đề Bà Đạt Đa, Cù Hoà Ly Tỳ Kheo, Uyển Thủ Tỳ Kheo, Thiện Tinh Tỳ Kheo, Tỳ Xá Tỳ Kheo, Mãn Tú Tỳ Kheo, Từ Địa Tỳ Kheo Ni, Khoáng Dã Tỳ Kheo Ni, Phương Tỳ Kheo Ni, Mạn Tỳ Kheo Ni, Tịnh Khiết Trưởng Giả, Câu Hữu Ưu Bà Tắc, Kim Lặc Thích Chủng, Tượng Trưởng Giả, Danh Xưng Ưu Bà Di, Quang Minh Ưu Bà Di, Nan Đà Ưu Bà Di, Quân Ưu Bà Di, Linh Ưu Bà Di.Như cá lớn thấy ánh sáng nên nổi lên, vì thân nặng lại chìm xuống.

Thế nào gọi là thân lớn pháp lành ? Người nầy biết rõ mình công hạnh chẳng đầy đủ, vì tự biết chẳng đầy đủ nên cầu gần bạn lành, vì gần bạn lành nên thích nghe hỏi chỗ chưa được nghe, nghe rồi thích thọ trì, thọ rồi thích tư duy, khéo tư duy rồi có thể ở đúng như pháp, vì ở đúng như pháp nên thêm lớn pháp lành, vì thêm lớn pháp lành nên trọn chẳng còn chìm, đây gọi là nổi lên rồi ở lại.

Trong Phật pháp của ta ai là người nổi lên rồi ở lại ? Chính là Xá Lợi Phất, Đại Mục Kiền Liên, A Nhã Kiều Trần Như v.v… năm vị Tỳ Kheo Da Xá v.v… năm mươi vị Tỳ Kheo, A Nâu Lâu Đà, Ma Ha Ca Diếp, Ưu Lâu Tần Loa Ca Diếp v.v… ba vị Tỳ Kheo Thập Lực Ca Diếp, Sấu Cù Đàm Di Tỳ Kheo Ni, Ba Tra La Hoa Tỳ Kheo Ni, Thắng Tỳ Kheo Ni, Thiệt Nghĩa Tỳ Kheo Ni, Hải Ý Tỳ Kheo Ni, Bạt Đà Tỳ Kheo Ni, Tịnh Tỳ Kheo Ni, Bất Thối Chuyển Tỳ Kheo Ni, Tần Bà Ta La Vương, Úc Dà Trưởng Giả, Tu Đạt Đa Trưởng Giả, Thích Ma Ha Nam Trưởng Giả, Bần Tu Đạt ĐaThử Lang Trưởng Giả, Danh Xưng Trưởng Giả, Cụ Túc Trưởng Giả, Sư Tử

Tướng Quân, Ưu Bà Ly Trưởng Giả, Đao Trưởng Giả, Vô Úy Ưu Bà Di, Thiện Trụ Ưu Bà Di, Ái Pháp Ưu Bà Di, Dũng Kiện Ưu Bà Di, Thiên Đắc Ưu Bà Di, Thiện Sanh Ưu Bà Di, Cụ Thân Ưu Bà Di, Ngưu Đắc Ưu Bà Di, Khoáng Dã Ưu Bà Di, Ma Ha Tư Na Ưu Bà Di v.v…

Thế nào gọi là ở lại ? Vì thường thích xem thấy ánh sáng pháp lành. Do nhơn duyên nầy, hoặc Phật xuất thế, hoặc chẳng xuất thế, những người trên đây trọn chẳng tạo nghiệp ác nên gọi là ở lại. Như cá Kỳ Di thích thấy ánh sáng nên chẳng lặn chẳng chìm. Hạng tứ chúng trên đây cũng như vậy. Trong kinh ta từng nói kệ rằng :

Nếu người khéo phân biệt pháp nghĩa, Chí tâm cầu được quả Sa Môn, Quở trách tất cả cõi hữu lậu, Người nầy gọi là ở đúng pháp. Nếu hay cúng dường vô lượng Phật, Trong vô lượng đời tu thánh đạo, Hưởng thọ vui sướng chẳng phóng dật, Người nầy gọi là ở đúng pháp. Gần gũi bạn lành nghe chánh pháp, Tâm khéo tư duy ở đúng pháp, Thích thấy ánh sáng tu thánh đạo, Chứng được giải thoát thường an ổn.

Nầy Thiện Nam Tử ! Trí chẳng đầy đủ phàm có năm điều , người nầy biết rồi cầu gần bạn lành. Bạn lành nầy nên xem xét người trên đây nhiều tham dục hay nhiều sân khuể, ngu si, tư giác, chấp ngã ?

Nếu biết là nhiều tham dục thời nên dạy cho pháp quán bất tịnh : Nhiều sân khuể dạy pháp quán từ bi ; nhiều ngu si dạy pháp quán nhơn duyên ; nhiều tư giác dạy pháp quán sổ tức ; nhiều chấp ngã nên dạy phân tích thập bát giới v.v…

Người nầy nghe rồi chí tâm thọ trì, thọ trì rồi tu hành đúng như pháp, thật hành đúng như pháp rồi lần lượt chứng được tứ niệm xứ quán thân thọ tâm pháp, đặng pháp quán nầy rồi lại quán mười hai nhơn duyên, quán rồi chứng được noãn pháp.

Ca Diếp Bồ Tát bạch rằng : Thế Tôn ! Tất cả chúng sanh đều có noãn pháp. Vì đức Phật nói ba pháp hòa hiệp gọi là chúng sanh : Một là thọ, hai là noãn, ba là thức. Nếu theo nghĩa nầy thời tất cả chúng sanh lẽ ra trước đã có noãn. Tại sao đức Như Lai nói rằng noãn pháp do bạn lành mà có ?

Phật nói : “ Nầy Thiện Nam Tử ! Như noãn pháp của ông hỏi thời tất cả chúng sanh đến Nhứt Xiển Đề đều có. Noãn pháp của ta nói hôm nay phải do phương tiện rồi sau mới được, chẳng phải tất cả chúng sanh đều có trước.

Nay ông chẳng nên gạn rằng tất cả chúng sanh đều có noãn pháp.

Nầy Thiện Nam Tử ! Noãn pháp nầy thuộc về cõi sắc, chẳng phải cõi dục có được. Vì cõi dục không có, nên biết rằng tất cả chúng sanh bất tất đều có.

Nầy Thiện Nam Tử ! Cõi sắc dầu có noãn pháp nhưng chẳng phải tất cả đều có, vì đệ tử của ta thời có, còn ngoại đạo thời không.

Nầy Thiện Nam Tử ! Tất cả ngoại đạo chỉ quán được sáu hạnh. Đệ tử của ta thời quán đủ cả mười sáu hạnh. Mười sáu hạnh nầy tất cả chúng sanh bất tất đều có.

_ Bạch Thế Tôn ! Thế nào gọi là noãn ? Là tánh nó tự noãn hay vì pháp khác mà noãn ?

_ Nầy Thiện Nam Tử !Noãn pháp nầy tánh nó là noãn chẳng phải do pháp khác mà noãn.

_ Bạch Thế Tôn ! Đức Như Lai trước kia nói rằng Mã Sư và Mãn Tú không có noãn pháp, vì hai người nầy không có tín tâm đối với Tam Bảo. Do đây nên biết rằng tín tâm chính là noãn pháp.

_ Nầy Thiện Nam Tử ! Tín tâm chẳng phải là noãn pháp, vì do tín tâm mà chứng noãn pháp.

Nầy Thiện Nam Tử ! Luận về noãn pháp chính là trí huệ, vì quán tứ đế nên gọi là mười sáu hạnh. Hạnh đây chính là trí.

Nầy Thiện Nam Tử ! Như lời ông hỏi duyên cớ gì mà gọi là noãn ?

Nầy Thiện Nam Tử ! Luận về noãn pháp chính là tướng lửa của tám thánh đạo.

Như cọ lửa : Trước có hơi nóng, kế có lửa, rồi sau có khói, đạo vô lậu nầy cũng như vậy : Hơi nóng là mười sáu hạnh, lửa là quả T   u Đà Hoàn, khói là trong vị tu đạo dứt kiết sử.

_ Bạch Thế Tôn ! Noãn pháp nầy cũng là pháp có, cũng là hữu vi. Noãn pháp nầy được qủa báo thân ngũ ấm cõi sắc nên gọi là có. Vì là nhơn duyên nên lại gọi là hữu vi. Nếu là hữu vi tại sao có thể làm tướng đạo vô lậu ?

_ Nầy Thiện Nam Tử ! Đúng như vậy ! Noãn pháp nầy dầu là pháp hữu vi hữu lậu, nhưng trở lại có thể phá hoại pháp hữu vi hữu lậu, nên có thể làm tướng đạo vô lậu. Như người cỡi ngựa cũng thương ngựa nhưng cũng đánh ngựa. Noãn pháp cũng vậy : Vì ái mà thọ sanh, vì nhàm mà tu quán hạnh, do đây nên dầu là hữu lậu hữu vi mà có thể làm tướng cho chánh đạo kia.

Có bảy mươi ba hạng người được noãn pháp : Cõi dục mười hạng người. Mười hạng người nầy đầy đủ tất cả phiền não : Từ dứt một phần đến chín phần. Như cõi dục, Sơ thiền nhẫn đến Vô Sở Hữu Xứ cũng như vậy. Đây gọi là bảy mươi ba. Những người nầy được noãn pháp rồi thời chẳng còn lại có thể dứt căn lành tạo tội ngũ nghịch phạm bốn tội trọng. Những người nầy có hai hạng : Một là gặp bạn lành, hai là gặp bạn ác.

Người gặp bạn ác tạm thời nổi lên rồi chìm trở lại.

Người gặp bạn lành thời quan sát khắp bốn phương. Quan sát bốn phương chính là đảnh pháp, đảnh pháp nầy dầu cũng là tánh ngũ ấm, nhưng vẫn duyên nơi bốn đế lý, nên được gọi là quan sát khắp bốn phương. Được đảnh pháp rồi kế được nhẫn pháp. Nhẫn pháp nầy tánh nó cũng là ngũ ấm, cũng duyên bốn đế lý. Người nầy kế được thế đệ nhứt pháp, pháp nầy dầu tánh là ngũ ấm nhưng cũng duyên bốn đế lý. Người nầy kế được khổ pháp nhẫn, tánh của nhẫn là huệ duyên nơi một đế lý. Pháp nhẫn nầy duyên một đế lý rồi nhẫn đến kiến đạo dứt phiền não đặng quả Tu Đà Hoàn. Đây gọi là quan sát khắp bốn phương, bốn phương chính là bốn đế lý.

Bạch Thế Tôn ! Trước kia đức Phật nói rằng những phiền não của bực Tu Đà Hoàn dứt, dường như dòng nước rộng bốn mươi dặm, những phiền não còn lại như giọt nước đầu sợi lông.

Nơi đây sao lại nói dứt ba món kiết sử gọi là bực Tu Đà Hoàn : Một là ngã kiến, hai là chẳng phải nhơn thấy là nhơn, ba là lưới nghi.ï

Bạch Thế Tôn ! Nhơn duyên gì gọi là Tu Đà Hoàn xem khắp bốn phương ? Lại do duyên gì mà gọi là Tu Đà Hoàn ? Duyên cớ gì đem cá Tích để dụ bực Tu Đà Hoàn ?

_ Nầy Thiện Nam Tử ! Bực Tu Đà Hoàn dầu có thể dứt vô lượng phiền não, nhưng ba món kiết nầy nặng nhứt và cũng nhiếp tất cả những kiết sử của bực Tu Đà Hoàn dứt, nên nói là dứt ba món kiết sử.

Như Quốc Vương lúc đi tuần du, dầu có các quan và bốn đạo binh, nhưng người đời chỉ nói rằng nhà vua đến, nhà vua đi. Trong đây nói dứt ba món phiền não nầy cũng như vậy. Duyên cớ gì ba món kiết nầy là nặng ? Vì tất cả chúng sanh thường khởi phiền não nầy và vì vi tế khó biết, nên gọi là nặng. Vì ba món kiết nầy khó dứt được, vì nó có thể làm nhơn cho tất cả phiền não, là oán địch bị đối trị của giới, định và huệ.

Nầy Thiện Nam Tử ! Có những chúng sanh nghe bực Tu Đà Hoàn có thể dứt vô lượng phiền não như vậy, thời chúng nó sanh lòng thối chuyển mà nói rằng : Chúng ta thế nào có thể dứt vô lượng phiền não như vậy. Do đây nên đức Như Lai phương tiện nói dứt ba kiết sử.

Nầy Thiện Nam Tử ! Bực Tu Đà Hòan quán tứ đế được bốn điều : Một là kiên cố trụ chánh đạo, hai là có thể khắp quan sát, ba là có thể thấy đúng như thật, bốn là có thể phá hoại oán địch lớn. Bực Tu Đà Hoàn, thành tựu tín v.v… Ngũ căn không ai có thể lay động, nên gọi là kiên cố trụ nơi chánh đạo. Bực nầy đều có thể quở trách những phiền não trong và ngoài, nên gọi là khắp quan sát. Thấy đúng như thật chính là nhẫn trí. Oán địch lớn là nói bốn thứ điên đảo.

Nầy Thiện Nam Tử ! Chữ Tu là vô lậu, chữ Đà Hoàn là tu tập, vì tu tập vô lậu nên gọi là Tu Đà Hoàn. Lại có nghĩa chữ Tu là dòng, vì ngược dòng nên gọi là Tu Đà Hoàn.

_ Bạch Thế Tôn ! Nếu theo nghĩa nầy, duyên cớ gì những bực Tư Đà Hàm, A Na Hàm và A La Hán chẳng được gọi là Tu Đà Hoàn ?

_ Nầy Thiện Nam Tử ! Từ bực Tu Đà Hoàn nhẫn đến chư Phật cũng đều được gọi là Tu Đà Hoàn cả. Nếu bực Tư Đà Hàm đến chư Phật mà không có danh nghĩa Tu Đà Hoàn, thời đâu được gọi là Tư Đà Hàm nhẫn đến Phật.

Tất cả chúng sanh về danh tự có hai thứ : Một là tên cũ, hai là tên mới. Lúc còn phàm phu có danh tự thế tục, lúc đã đắc đạo lại đặt tên gọi là Tu Đà Hoàn. Trước gọi là Tu Đà Hoàn, vì lúc sau đắc quả nên gọi là Tư Đà Hàm. Người nầy cũng gọi là Tu Đà Hoàn, cũng gọi là Tư Đà Hàm, nhẫn đến chư Phật cũng như vậy.

Nầy Thiện Nam Tử ! Có hai thứ dòng : Một là giải thoát, hai là Niết Bàn. Tất cả Thánh nhơn đều có hai dòng nầy, nên cũng được gọi là Tu Đà Hoàn cũng gọi là Tư Đà Hàm, nhẫn đến Phật cũng như vậy.

Nầy Thiện Nam Tử ! Bực Tu Đà Hoàn cũng gọi là Bồ Tát. Vì Bồ Tát chính là tận trí và vô sanh trí. Bực Tu Đà Hoàn cũng mong cầu hai trí nầy, nên được gọi là Bồ Tát.

Bực Tu Đà Hoàn cũng được gọi là giác. Vì chánh giác kiến đạo dứt phiền não, vì chánh giác nhơn quả, vì chánh giác cộng đạo và bất cộng đạo. Bực Tư Đà Hàm nhẫn đến bực A La Hán cũng như vậy.

Nầy Thiện Nam Tử ! Có hai hạng Tu Đà Hoàn : Lợi căn và độn căn. Bực độn căn bảy lần sanh cõi người cõi trời, hoặc sáu lần, năm lần, bốn lần, ba lần, hai lần sanh cõi người trời mới chứng quả A La Hán. Bực lợi căn hiện đời chứng quả Tu Đà Hoàn đến quả A La Hán.

Nầy Thiện Nam Tử ! Cá Tích có bốn điều : Một là xương nhỏ nên nhẹ, hai là có cánh nên nhẹ, ba là thích thấy ánh sáng, bốn là ngậm được vật thời giữ chặt.

Bực Tu Đà Hoàn cũng có bốn điều : Một là phiền não nhỏ nhẹ như cá Tích nhỏ xương, hai là có chỉ có quán như cá Tích có cánh, ba là kiến đạo, như cá Tích thích thấy ánh sáng, bốn là nghe thấy đức Phật nói nghĩa vô thường khổ vô ngã bất tịnh thời kiên trì chẳng bỏ như cá Tích ngậm được vật thời giữ chặt.

Như trước kia Ma Vương hóa làm thân Phật. Thủ La Trưởng Giả xem thấy trong lòng kinh sợ, Ma thấy tâm Trưởng giả động bèn bảo Trưởng giả rằng : Trước kia ta nói bốn chơn đế, thuyết đó không chơn thật. Nay ta vì ông mà nói năm đế, sáu ấm , mười ba nhập, mười chín giới. Thủ La Trưởng Giả nghe lời nầy liền quan sát pháp tướng đều không có lý do, nên kiên trì nghĩa cũ, tâm ông chẳng lay động.

_ Bạch Thế Tôn ! Bực Tu Đà Hoàn nầy vì đắc đạo trước mà gọi là Tu Đà Hoàn hay là vì chứng sơ quả mà gọi là Tu Đà Hoàn ? Nếu vì đắc đạo trước, thời lúc được khổ pháp nhẫn cớ sao chẳng gọi là Tu Đà Hoàn mà gọi là Hướng ? Nếu vì được sơ quả, thời người ngoại đạo trước dứt phiền não đến vô sở hữu xứ tu đạo vô lậu được quả A Na Hàm, cớ sao chẳng gọi là Tu Đà Hoàn ?

_ Nầy Thiện Nam Tử ! Vì được sơ quả mà gọi là Tu Đà Hoàn, lúc đó người nầy đầy đủ tám trí và mười sáu hạnh.

Bạch Thế Tôn ! Người được A Na Hàm cũng đầy đủ tám trí và mười sáu hạnh. Cớ sao chẳng được gọi là Tu Đà Hoàn ?

_ Nầy Thiện Nam Tử ! Mười sáu hạnh hữu lậu có hai thứ : Cộng và bất cộng. Mười sáu hạnh vô lậu cũng có hai : Hướng quả và đắc quả. Tám trí cũng có hai, hướng quả và đắc quả. Bực Tu Đà Hoàn rời bỏ mười sáu hạnh công, chứng được mười sáu hạnh bất công, rời bỏ tám trí hướng quả chứng được tám trí đắc quả. Bực A Na Hàm thời chẳng như vậy. Do đây nên sơ quả gọi là Tu Đà Hoàn.

Nầy Thiện Nam Tử ! Bực Tu Đà Hoàn duyên nơi tứ đế, bực A Na Hàm chỉ duyên nhứt đế, nên sơ quả gọi là Tu Đà Hoàn.

Do nhơn duyên trên đây nên dùng cá Tích để ví dụ, ngó khắp bốn phương rồi bèn đi. Nói đi là chỉ cho bực Tư Đà Hàm nhiếp tâm tu hành để dứt trừ tham, sân, si, mạn.

Như cá Tích kia nhìn xem khắp bốn phương rồi vì kiếm ăn nên đi, đi rồi lại đứng lại, đây là dụ bực A Na Hàm được món ăn rồi thời dừng lại. Có hai hạng A Na Hàm : Một là hiện tại được quả A Na Hàm rồi tiến tu được quả A La Hán, hai là hạng tham trước Tam Muội tịch tịnh trong cõi sắc và cõi vô sắc, bực nầy chẳng thọ thân cõi dục nên gọi là A Na Hàm. Bực A Na Hàm nầy lại có năm hạng : Một là trung bát Niết Bàn, hai là thọ thân bát Niết Bàn, ba là hành bát Niết Bàn, bốn là vô hành bát Niết Bàn, năm là thượng lưu bát Niết Bàn. Lại có sáu hạng là thân hiện tại bát Niết Bàn. Lại có bảy hạng là thân vô sắc giới bát Niết Bàn.

Hạng hành bát Niết Bàn có hai : Hoặc thọ hai thân, hoặc thọ bốn thân. Nếu thọ hai thân thời gọi là lợi căn, nếu thọ bốn thân thời gọi là độn căn. Lại có hai hạng, một là tinh tấn mà không chánh định tự tại, hai là giải đãi mà có chánh định tự tại. Lại có hai hạng : Một là có đủ tinh tấn và chánh định tự tại, hai là chẳng có cả hai.

Nầy Thiện Nam Tử ! Chúng sanh trong cõi dục, cõi sắc có hai thứ nghiệp : Tác nghiệp và thọ sanh nghiệp. Bực A Na Hàm trung bát Niết Bàn chỉ có tác nghiệp mà không thọ sanh nghiệp, nên bỏ thân cõi dục lúc chưa đến cõi sắc, vì lợi căn mà bát Niết Bàn. Bực A Na Hàm trung bát Niết Bàn nầy có bốn tâm : Một là phi học, phi vô học, hai là học, ba là vô học, bốn là phi học, phi vô học nhập Niết Bàn. Thế nào lại gọi là trung bát Niết Bàn ?

Nầy Thiện Nam Tử ! Trong bốn thứ tâm của bực A Na Hàm nầy hai tâm là Niết Bàn, hai tâm là chẳng phải Niết Bàn, do đây nên gọi là trung bát Niết Bàn.

Bực A Na Hàm thọ thân bát Niết Bàn có hai thứ : Một là tác nghiệp, hai là sanh nghiệp. Bực nầy bỏ thân dục giới thọ thân sắc giới, tinh tấn tu hành mãn thọ mạng thời nhập Niết Bàn.

Bạch Thế Tôn ! Nếu là thọ mạng hết nhập Niết Bàn, tại sao gọi rằng thọ thân Niết Bàn ?

_ Nầy Thiện Nam Tử ! Bực nầy thọ thân rồi sau mới dứt hết phiền não trong tam giới, nên gọi là thọ thân Niết Bàn.

Bực A Na Hàm thường tu hành do sức Tam Muội hữu vi có thể dứt phiền não nhập Niết Bàn, do đây nên gọi là hành bát Niết Bàn.

Bực A Na Hàm rõ biết quyết định sẽ chứng được Niết Bàn nên giải đãi, cũng do sức Tam Muội hữu vi mãn thọ mạng thời được nhập Niết Bàn, do đây gọi là vô hành bát Niết Bàn.

Nếu bực A Na Hàm được đệ tứ thiền rồi lại sanh lòng mến sơ thiền do đây sanh xuống trời sơ thiền. Nơi đây có hai dòng : Dòng phiền não và dòng đạo mà mến nhị thiền, nên sanh lên trời nhị thiền, lần đến trời tứ thiền cũng như vậy.

Bực nầy trong trời tứ thiền lại có hai hạng : Một là vào cõi vô sắc, hai là vào trời Ngũ Tịnh Cư. Hai bực nầy, bực thích Tam Muội thời vào cõi vô sắc. Bực thích trí huệ thời vào trời Ngũ Tịnh Cư.

Hai bực trên đây, một hạng tu đệ tứ thiền có năm từng cấp, một hạng chẳng tu.

Thế nào là năm từng cấp ? Là hạ, trung, thượng, thượng trung, thượng thượng. Bực tu thượng thượng thời ở trời Sắc Cứu cánh, bực tu trung thượng thời ở trời Thiện Hiện, bực tu thượng phẩm thời ở trời Thiện Kiến, bực tu trung phẩm thời ở trời Vô Nhiệt, bực tu hạ phẩm thời ở trời Vô Phiền.

Hai bực nầy, một thời ưa luận nghị ở trời Ngũ Tịnh Cư, một thời ưa tịch tịnh vào cõi Vô Sắc.

Lại có hai hạng : Một thời tu huân thiền vào trời Ngũ Tịnh Cư, một thời chẳng tu huân thiền sanh cõi Vô Sắc mãn thọ mạng mà nhập Niết Bàn, do đây gọi là thượng lưu bát Niết Bàn. Nếu muốn vào cõi Vô Sắc thời không thể tu năm từng cấp tứ thiền. Nếu tu năm từng cấp nầy thời có thể quở trách định Vô sắc.

_ Bạch Thế Tôn ! Bực trung bát Niết Bàn là lợi căn. Nếu là lợi căn cớ sao chẳng hiện tại nhập Niết Bàn ? Cớ sao dục giới có hạng trung bát Niết Bàn mà sắc giới thời không .

_ Nầy Thiện Nam Tử ! Người nầy thân tứ đại hiện tại yếu kém không thể hành đạo. Dầu có Tỳ Kheo thân thể tráng kiện nhưng những duyên nhà cửa y phục uống ăn thuốc men v.v… chẳng đủ, nên chẳng được hiện tại bát Niết Bàn.

Nầy Thiện Nam Tử ! Ngày trước có một lúc ta ở nước Xá Vệ tại tịnh xá A Na Phân Chỉ, có một Tỳ Kheo đến bạch với ta rằng ông luôn tu hành mà chẳng thể được quả Tu Đà Hoàn đến quả A La Hán. Lúc đó ta liền bảo A Nan rằng : Nay ông nên lo đủ đồ cần dùng cho Tỳ Kheo nầy.

A Nan liền dắt Tỳ Kheo đó đến rừng Kỳ Đà cho ở phòng nhà tốt. Tỳ Kheo đó nói với A Nan rằng : Trông mong Đại Đức vì tôi mà trần thiết phòng nhà, dọn dẹp thật sạch sẽ, dùng thất bảo trang nghiêm, treo phan lọng bằng lụa.

A Nan nói : Người nghèo trong thế gian mới gọi là Sa Môn, tôi làm sao sắm được những đồ như vậy?

Tỳ Kheo nói : Nếu Đại Đức có thể sắm sửa được cho tôi thời tốt lắm, bằng không thời tôi sẽ trở về ra mắt Phật.

A Nam liền trở về đem việc ấy bạch với Phật. Đức Phật liền bảo A Nan sắm sửa tất cả đồ dùng theo ý của Tỳ Kheo đó.

Tỳ Kheo đó được những đồ cần dùng theo ý mình muốn, liền nhiếp niệm tu hành, không bao lâu chứng được quả Tu Đà Hoàn lần đến quả A La Hán.

Nầy Thiện Nam Tử ! Vô lượng chúng sanh đáng được nhập Niết Bàn, nhưng vì thiếu thốn chướng ngại loạn động tâm niệm của họ, nên chẳng chứng được.

Nầy Thiện Nam Tử ! Lại có chúng sanh thích giáo quá nhiều, tâm họ bực bội nhiều việc chẳng thể được chánh định nên hiện tại không được bát Niết Bàn.

Nầy Thiện Nam Tử ! Như lời ông nói, duyên cớ gì bỏ thân dục giới có hạng trung bát Niết Bàn, còn sắc giới thời không ?

Nầy Thiện Nam Tử ! Người nầy quán phiền não cõi dục có hai nhơn duyên : Nội và ngoại, mà trong cõi sắc thời không ngại nhơn duyên. Cõi dục lại có hai thứ ái tâm : Dục ái và sắc ái, quán hai ái tâm nầy rồi hết lòng quở trách, do quở trách nầy mà được nhập Niết Bàn. Trong cõi dục có thể quở trách được những phiền não thô : Xan tham, sân hận, tật đố, vô tàm, vô quí, do đây nên được nhập Niết Bàn. Lại người trong cõi dục tánh chất dũng kiện, vì được hưởng quả, nên trong cõi dục có trung bát Niết bàn, trong cõi sắc thời không.

Nầy Thiện Nam Tử ! Trung bát Niết Bàn có ba hạng : Thượng, trung và hạ. Hạng thượng lúc bỏ thân chưa rời cõi dục bèn được Niết Bàn. Hạng trung mới rời cõi dục chưa đến cõi sắc bèn được Niết Bàn. Hạng hạ rời khỏi cõi dục đến ranh cõi sắc bèn được Niết Bàn.

Như cá Tích khi đi kiếm được đồ ăn thời dừng lại, hạng nầy cũng vậy, ở nơi cỏi sắc và cõi vô sắc mà được thọ thân nên gọi là dừng lại. Và cũng do chẳng còn thọ thân nhơn, thiên , địa ngục, súc sanh, ngạ quỉ trong cõi dục nên gọi là dừng lại. Vì đã dứt vô lượng phiền não kiết sử còn thừa lại chút ít nên gọi là dừng lại. Lại vì vĩnh viễn chẳng gây tạo nghiệp phàm phu nên gọi là dừng lại. Lại vì tự mình chẳng còn sợ sệt , cũng chẳng làm cho người khác sợ sệt nên gọi là dừng lại. Vì xa lìa hai ác tâm : Xan tham, sân hận nên gọi là dừng lại.

Nầy Thiện Nam Tử ! Bực đến bờ kia là A La Hán, Bích Chi Phật, Bồ Tát, Chư Phật Thế Tôn, dụ như thần qui trên bờ dưới nước đều đi tự tại.

Duyên cớ gì dùng thần qui để ví dụ ? Vì thần qui khéo giấu năm chi.

Bực A La Hán nhẫn đến chư Phật cũng khéo giấu che năm căn. Dưới nước là dụ thế gian, trên bờ là dụ xuất thế. Các bực thánh nầy có thể quán sát tất cả ái phiền não lên đến bờ kia, nên dụ như thần qui dưới nước trên bờ đều đi tự tại.

Nầy Thiện Nam Tử ! Như bảy hạng chúng sanh trong sông Hằng, dầu có tên cá rùa nhưng chẳng rời khỏi nước, kinh Đại Niết Bàn nầy từ Nhứt Xiển Đề lên đến chư Phật, dầu có tên khác nhau nhưng cũng chẳng rời khỏi Phật tánh.

Nầy Thiện Nam Tử ! Bảy hạng chúng sanh đây, hoặc pháp lành hoặc pháp ác, hoặc đạo phương tiện, hoặc đạo giải thoát, hoặc đạo thứ đệ, hoặc nhơn, hoặc quả, tất cả đều là Phật tánh. Đây gọi là từ ngữ tùy tự ý của Như Lai.

_ Bạch Thế Tôn ! Nếu có nhơn thời có quả, không nhơn thời không quả. Niết Bàn gọi là quả, là thường trụ nên không nhơn. Nếu đã không nhơn tại sao gọi là quả ? Niết Bàn đây cũng gọi là Sa Môn, cũng gọi là Sa Môn quả. Thế nào là Sa Môn ? Thế nào là Sa Môn quả ?

_ Nầy Thiện Nam Tử ! Trong thế gian có bảy thứ quả : Một là phương tiện quả, hai là báo ân quả, ba là thân cận quả, bốn là dư tàn quả, năm là bình đẳng quả, sáu là quả báo quả, bảy là viễn ly quả.

Như người đời, mùa thu thâu gặt được nhiều lúa, bảo nhau rằng được phương tiện quả. Phương tiện quả gọi là nghiệp hành quả. Quả nầy có hai nhơn : Cận nhơn và viễn nhơn. Cận nhơn là hột giống, viễn nhơn là nước phân nhơn công. Đây gọi là phương tiện quả.

Như người đời phụng dưỡng cha mẹ. Cha mẹ nói rằng nay chúng tôi đã được quả báo ơn phụng dưỡng. Người con có thể báo ơn gọi đó là quả. Quả nầy có hai nhơn : Cận nhơn và viễn nhơn, cận nhơn là nghiệp thuần thiện đời quá khứ của cha mẹ, viễn nhơn là sanh ra người con có hiếu. Đây gọi là báo ân quả.

Như có người gần gũi bạn lành, hoặc được quả Tu Đà Hoàn đến quả A La Hán. Người nầy nói rằng nay tôi được quả báo thân cận. Quả nầy có hai nhơn : Cận nhơn và viễn nhơn. Cận là tín tâm, viễn là bạn lành. Đây gọi là thân cận quả.

Như do chẳng sát sanh mà được thân thứ ba sống lâu, đây gọi là dư tàn quả. Quả nầy cũng có hai nhơn : Cận nhơn và viễn nhơn. Cận là thân khẩu ý thanh tịnh, viễn là sống lâu. Đây gọi là dư tàn quả.

Bình đẳng quả là nói khí thế giới, quả nầy cũng có hai nhơn : Một là cận nhơn, hai là viễn nhơn. Cận nhơn là chúng sanh tu mười nghiệp lành. Viễn nhơn là đại tam tai.

Quả báo quả là như người chứng đặng thân thanh tịnh rồi tu ba nghiệp thân, khẩu, ý thanh tịnh, người nầy bèn nói tôi được quả báo. Quả nầy có hai nhơn : Cận nhơn và viễn nhơn Cận nhơn là hiện tại thân, khẩu, ý thanh tịnh. Viễn nhơn là quá khứ thân , khẩu, ý thanh tịnh.

Viễn ly quả tức là Niết Bàn lìa các phiền não, tất cả các nghiệp lành là nhơn Niết Bàn. Nhơn Niết Bàn nầy có hai : Cận nhơn và viễn nhơn. Cận nhơn là ba môn giải thoát, viễn nhơn tức là pháp lành đã tu từ vô lượng đời.

Nầy Thiện Nam Tử ! Như pháp thế gian hoặc nói sanh nhơn, hoặc nói liễu nhơn. Pháp xuất thế cũng như vậy, cũng nói sanh nhơn cũng nói liễu nhơn. Ba môn giải thoát, ba mươi bảy phẩm trợ đạo có thể làm cho sanh nhơn củatất cả phiền não chẳng sanh được, mà cũng làm liễu nhơn cho Niết Bàn. Xa lìa phiền não thời đặng thấy rõ Niết Bàn, nên Niết Bàn chỉ có liễu nhơn mà không có sanh nhơn.

Nầy Thiện Nam Tử ! Như lời ông hỏi : Thế nào là Sa Môn ? Thế nào là Sa Môn quả ?

Nầy Thiện Nam Tử ! Sa Môn Na tức là bát chánh đạo, Sa Môn Quả là từ nơi đạo rốt ráo xa lìa tất cả tham , sân v.v… đây gọi là Sa Môn Na và Sa Môn Quả.

_ Bạch Thế Tôn ! Duyên cớ gì bát chánh đạo gọi là Sa Môn Na ?

_ Nầy Thiện Nam Tử ! Trong đời nói Sa Môn gọi đó là thiếu thốn, Na gọi là đạo. Đạo nầy dứt tất cả thiếu thốn, và dứt tất cả đạo, do nghĩa nầy gọi bát chánh đạo là Sa Môn Na . Từ trong đạo nầy chứng được thánh quả nên gọi là Sa Môn Quả.

Lại Sa Môn Na, như người đời có ai thích tịch tịnh cũng gọi là Sa Môn, đạo nầy cũng như vậy, có thể làm cho người tu hành xa lìa những sự ác tà mạng v.v… của thân, khẩu, ý đặng vui tịch tịnh nên gọi đó là Sa Môn Na.

Như trong đời người dưới có thể làm người trên, đây gọi là Sa Môn. Đạo nầy cũng như vậy, có thể làm cho người dưới thành người trên nên được gọi là Sa Môn Na.

Bực A La Hán tu đạo nầy được quả Sa Môn. Được gọi là đến nơi bờ kia. Quả A La Hán chính là năm phần pháp thân vô học : Giới, định, huệ, giải thoát, giải thoát tri kiến. Do năm phần nầy được đến bờ kia, nên gọi là đến

bờ kia. Do đến bờ kia nên tự nói rằng tôi đã hết sanh tử, phạm hạnh đã trọn, chỗ làm đã xong, chẳng thọ thân đời sau.

Nầy Thiện Nam Tử ! Bực A La Hán dứt hẳn nhơn duyên sanh tử ba đời, nên tự nói tôi đã hết sanh tử. Bực nầy cũng dứt thân ngũ ấm trong ba cõi nên lại nói rằng tôi đã hết sanh tử. Chỗ tu phạm hạnh đã rốt ráo, nên xướng rằng phạm hạnh đã trọn, lại vì xả học đạo nên cũng gọi là đã trọn. Như chỗ mong cầu, lúc trước ngày nay đã được, nên lại xướng rằng chỗ làm đã xong. Hành đạo được quả cũng nói rằng đã xong. Vì được tận trí và vô sanh trí nên nói rằng tôi đã hết sanh tử, dứt hết kiết sử hữu lậu. Do nghĩa nầy nên gọi bực A La Hán đặng đến bờ kia. Như A La Hán, bực Bích Chi Phật cũng lại như vậy.

Bồ Tát và Phật thành tựu đầy đủ sáu môn Ba La Mật gọi là đến bờ kia. Phật và Bồ Tát được vô thượng chánhn giác rồi gọi là đầy đủ sáu môn Ba La Mật, vì được quả của sáu môn Ba La Mật như vậy. Do được quả nên gọi là đầy đủ.

Nầy Thiện Nam Tử ! Bảy chúng sanh đây vì chẳng thể tu tập bốn điều : Thân, giới tâm và huệ, nên hay gây tạo tội ngũ nghịch, dứt căn lành, phạm bốn tội trọng, hủy báng Phật, Pháp, Tăng, do đây nên gọi là thường chìm đắm.

Nầy Thiện Nam Tử ! Trong bảy hạng chúng sanh nầy ai có thể gần gũi thiện tri thức chí tâm nghe và nhận lấy chánh pháp của Như Lai, trong tâm khéo tư duy ở đúng pháp, siêng năng tu tập thân, giới, tâm và huệ, do đây nên được gọi là qua khỏi sông sanh tử đến nơi bờ kia.

Nếu có người nói rằng : Nhứt Xiển Đề được vô thượng chánh giác, lời nầy gọi là nhiễm trước. Nếu nói rằng chẳng được, thời gọi là lời hư vọng.

Nầy Thiện Nam Tử !Bảy hạng nầy, hoặc có một người đủ cả bảy, hoặc mỗi người mỗi hạng.

Nếu có người nào tâm tưởng khác, miệng nói khác, cho rằng Nhứt Xiển Đề đặng vô thượng chánh giác, phải biết người nầy hủy báng Phật, Pháp, Tăng. Nếu nói không được thời cũng gọi là hủy báng Phật, Pháp, Tăng.

Nếu nói rằng bát thánh đạo là của phàm phu được, hoặc nói chẳng phải phàm phu được, đều gọi là hủy báng Phật, Pháp, Tăng.

Nếu nói rằng tất cả chúng sanh quyết định có Phật tánh, hoặc nói quyết định không Phật tánh, đều gọi là hủy báng Phật, Pháp, Tăng.

Nầy Thiện Nam Tử ! Do đây nên trong khế kinh ta nói rằntg có hai hạng người hủy báng Phật, Pháp, Tăng : Một là người chẳng tin, vì họ giận hờn ; hai là người dầu tin nhưng vì chẳng hiểu nghĩa.

Nếu người tin mà không có trí huệ thời hay thêm lớn vô minh. Nếu người có trí huệ mà không có tín tâm thời hay tăng trưởng tà kiến.

Người chẳng tin vì tâm họ giận hờn nên nói rằng không có Phật, Pháp, Tăng. Người tin mà không trí huệ giải nghĩa điên đảo làm cho người nghe pháp hủy báng Phật, Pháp, Tăng. Do đây nên ta nói người chẳng tin vì lòng hờn giận, người tin lại không trí huệ, những người nầy hay hủy báng Phật, Pháp, Tăng.

Nầy Thiện Nam Tử ! Nếu nói rằng Nhứt Xiển Đề chưa sanh pháp lành bèn được vô thượng chánh giác, người nầy cũng gọi là hủy báng Phật, Pháp, Tăng. Nếu nói Nhứt Xiển Đề rời bỏ Nhứt Xiển Đề ở trong thân khác được vô thượng chánh giác, người nầy cũng gọi là hủy báng Phật, Pháp, Tăng.

Nếu nói rằng Nhứt Xiển Đề có thể sanh căn lành, sanh căn lành rồi nối luôn chẳng dứt chứng được vô thượng chánh giác, nên gọi rằng Nhứt Xiển Đề được vô thượng Bồ Đề, phải biết rằng người nầy chẳng hủy báng Tam Bảo.

Nếu có người nói rằng tất cả chúng sanh quyết định có Phật tánh thường, lạc, ngã, tịnh, bất tác, bất sanh, do vì phiền não nên chẳng thấy được, người nầy là hủy báng Phật, Pháp, Tăng.

Nếu nói rằng tất cả chúng sanh đều không có Phật tánh cũng như sừng thỏ, do từ phương tiện mà sanh, trước kia không nay mới có, có rồi trở lại không, người nầy là hủy báng Phật, Pháp, Tăng.

Nếu nói rằng Phật tánh của chúng sanh chẳng phải có như hư không, chẳng phải không như sừng thỏ. Vì hư không là thường, sừng thỏ là không, nên được nói là cũng có cũng không. Vì có nên phá sừng thỏ, vì không nên phá hư không. Thuyết trên đây chẳng hủy báng Tam Bảo.

Nầy Thiện Nam Tử ! Luận về Phật tánh chẳng gọi là một pháp, chẳng gọi là mười pháp, chẳng gọi là trăm pháp, chẳng gọi là ngàn pháp, chẳng gọi là muôn pháp.

Lúc chưa được vô thượng chánh giác, tất cả thiện , bất thiện, vô ký đều gọi là Phật tánh. Có lúc đức Như Lai trong nhơn nói quả, trong quả nói nhơn, đây gọi là từ ngữ tùy tự ý của Như Lai. Vì tùy tự ý mà nói nên gọi là Như Lai, ứng cúng, chánh đẳng chánh giác.

_ Bạch Thế Tôn ! Như lời của Phật nói : Phật tánh của chúng sanh dường như hư không. Thế nào gọi là như hư không ?

_ Nầy Thiện Nam Tử ! tánh hư không chẳng phải quá khứ, vị lai, hiện tại.

Phật tánh cũng như vậy.

Hư không chẳng phải quá khứ, vì không phải hiện tại. Nếu pháp là hiện tại mới có thể nói là quá khứ, vì không hiện tại nên không quá khứ. Hiện tại cũng không, vì không vị lai. Nếu pháp là vị lai mới có thể nói là hiện tại. Vì không vị lai nên không hiện tại. Vị lai cũng không vì không hiện tại và quá khứ. Nếu pháp có hiện tại và quá khứ thời có vị lai, vì không quá khứ hiện tại nên không vị lai.

Do nghĩa trên đây nên tánh của hư không chẳng phải nhiếp trong ba đời.

Nầy Thiện Nam Tử ! Vì hư không là không nên không có ba đời, chẳng phải vì có mà không có ba đời. Như hoa đốm hư không vì chẳng phải là có nên không có ba đời. Hư không cũng như vậy.

Nầy Thiện Nam Tử ! Không có vật chính đó là hư không, Phật tánh cũng như vậy. Vì hư không là không nên chẳng nhiếp trong ba đời. Vì Phật tánh là thường nên chẳng nhiếp trong ba đời.

Nầy Thiện Nam Tử ! Đức Như Lai đã được vô thượng Bồ Đề, đức Như Lai chỗ được Phật tánh và tất cả Phật pháp là thường trụ không biến đổi. Do nghĩa nầy nên không có ba đời dường như hư không.

Nầy Thiện Nam Tử ! Vì hư không là không nên chẳng phải trong chẳng phải ngoài. Vì Phật tánh là thường trụ nên chẳng phải trong chẳng phải ngoài, do đây nên nói rằng Phật tánh dường như hư không .

Nầy Thiện Nam Tử ! Nhưng trong đời chỗ không chướng ngại thời gọi là hư không.

Đức Như Lai được vô thượng Bồ Đề rồi, nói tất cả Phật pháp đều không có chướng ngại, nên nói rằng Phật tánh dường như hư không.

_ Bạch Thế Tôn ! Phật tánh và Niết bàn của Như Lai chẳng nhiếp trong ba đời mà gọi là có, hư không cũng chẳng nhiếp trong ba đời, cớ sao chẳng được gọi là có ư ?

Nầy Thiện Nam Tử ! Vì chẳng phải Niết Bàn gọi là Niết Bàn, vì chẳng phải Như Lai gọi là Như Lai, vì chẳng phải Phật tánh gọi là Phật tánh.

Thế nào gọi là chẳng phải Niết Bàn ? Nghĩa là tất cả phiền não những pháp hữu vi. Vì phá những phiền não hữu vi nầy mà gọi là Niết Bàn.

Thế nào là chẳng phải Như Lai ? Chính là Nhứt Xiển Đề nhẫn đến bực Bích Chi Phật. Vì phá Nhứt Xiển Đề nhẫn đến Bích Chi Phật nầy mà gọi là Như Lai.

Thế nào là chẳng phải Phật tánh ? Chính là tất cả vật vô tình như tường, vách, ngói, đá v.v…lìa những vật vô tình nầy gọi là Phật tánh.

Nầy Thiện Nam Tử ! Tất cả thế gian không gì chẳng phải hư không đối với hư không.

_ Bạch Thế Tôn ! Thế gian cũng không gì chẳng phải là đối với tứ đại, mà còn được gọi tứ đại là có, hư không chẳng có đối cớ sao chẳng được gọi đó là có.

_ Nầy Thiện nam Tử ! Nếu cho rằng Niết Bàn chẳng nhiếp trong ba đời, hư không cũng như vậy. Lời nói nầy chẳng đúng nghĩa. Vì Niết Bàn là có thấy được chứng được, là dấu vết của sắc của sắc pháp, là có chương cú, là tướng, là duyên, là chỗ quy y, là bờ kia, tịch tịnh sáng suốt an ổn, do đây nên được gọi là nhiếp trong ba đời. Tánh hư không chẳng có những pháp như vậy, nên gọi là không. Nếu có cái gì lìa những pháp như vậy mà lại là có thời nhiếp trong ba đời. Hư không nếu đồng là pháp có thời chẳng được chẳng nhiếp trong ba đời.

Nầy Thiện Nam Tử ! Như người đời cho rằntg hư không là không sắc, không đối không thể thấy thời chính là tâm sở pháp. Hư không nếu đồng tâm sở pháp, thời chẳng được chẳng nhiếp trong đời. Nếu nhiếp trong ba đời tức là bốn ấm. Do đây nên rời bốn ấm thời không có hư không.

Nầy Thiện Nam Tử ! Những nhà ngoại đạo nói rằng : Hư không chính là quang minh. Nếu là quang minh thời là sắc pháp hư không, nếu là sắc pháp như vậy bèn là vô thường. Vì là vô thường nên nhiếp trong ba đời. Sao ngoại đạo lại nói là chẳng phải ba đời. Nếu đã nhiếp trong ba đời thời chẳng phải là hư không. Sao lại nói rằng hư không là thường.

Nầy Thiện Nam Tử ! Lại có người cho rằng : Hư không là chỗ an trụ. Nếu có chỗ an trụ thời là sắc pháp. Tất cả chỗ đều là vô thường nhiếp trong ba đời, hư không cũng là thường chẳng phải nhiếp trong ba đời. Nếu nói là chỗ thời biết rằng không phải hư không.

Lại có người nói rằng hư không là thứ đệ. Nếu là thứ đệ thời là pháp số. Nếu đã là có thể tính đếm được thời nhiếp trong ba đời, nếu nhiếp trong ba đời sao lại gọi rằng thường?

Nầy Thiện Nam Tử ! Lại có người nói rằng luận về hư không thời lìa ba pháp, một là không, hai là thật, ba là không thật. Nếu nói là không thời nên biết rằng hư không là pháp vô thường, vì không có trong phạm vi thật. Nếu nói là thật thời nên biết hư không cũng là vô thường, vì không có trong phạm vi không. Nếu nói là không thật thời nên biết rằng hư không cũng là vô thường, vì không có trong phạm vi không. Do những nghĩa nầy nên trong phạm vi không là không có.

Nầy Thiện Nam Tử ! Có người nói hư không là pháp bị làm ra, như nói bỏ cây, bỏ nhà mà làm hư không, san bằng cho trống không, che hư không, lên hư không, cùng tận hư không như nước biển cả, đo đây nên hư không là pháp bị làm ra. Tất cả pháp làm ra đều là vô thường, dường như ngói bình v.v… Hư không nếu như vậy thời phải là vô thường.

Nầy Thiện Nam Tử ! Người đời nói trong tất cả pháp chỗkhông chướng ngại gọi đó là hư không. Chỗ không chướng ngại nầy nơi tất cả pháp là có tất cả hay có từng phần ? Nếu là có tất cả thời những chỗ khác không có hư không. Nếu có từng phần thời là pháp kia và pháp đây có thể tính đếm. Nếu đã là tính đếm được thời là vô thường.

Có người cho rằng hư không gồm hiệp không chướng ngại cùng có chướng ngại. Và lại nói rằng hư không ở nơi sự vật như trái đựng trong bình chậu. Hai thuyết trên đều chẳng đúng. Nếu nói gồm cả hai thời có ba thứ : Một là nghiệp khác nhau mà cùng hiệp, như chim bay đậu trên cây. Hai là cộng nghiệp cùng hiệp, như hai con dê đụng nhau. Ba là đã hiệp rồi lại cùng hiệp như hai đôi ngón tay hiệp ở một chỗ.

Nếu nói nghiệp khác nhau cùng hiệp, khác nhau đây có hai : Một là nghiệp sự vật, hai là nghiệp hư không. Nếu nghiệp hư không hiệp với vật thời hư không là vô thường. Nếu nghiệp sự vật hiệp với hư không, sự vật thời chẳng cùng khắp, đã chẳng cùng khắp thời chẳng là vô thường. Nếu nói hư không là thường, tánh của nó chẳng lay động mà cùng với động vật hiệp, thời không đúng nghĩa. Vì nếu hư khônglà thường thời vật lẽ ra cũng là thường. Nếu vật là vô thường thời hư không cũng là vô thường. Không thể nói rằng hư không cũng là thường cũng là vô thường.

Thuyết cộng nghiệp hiệp nhau cũng không đúng nghĩa. Vì hư không gọi là cùng khắp, nếu hiệp với nghiệp thời lẽ ra nghiệp cũng cùng khắp, nếu là cùng khắp thời phải khắp tất cả, nếu khắp tất cả thời lẽ ra hiệp với tất cả, chẳng nên nói rằng có hiệp cùng chẳng hiệp.

Thuyết đã hiệp rồi lại cùng hiệp như hai đôi ngón tay hiệp nhau cũng không đúng nghĩa. Vì trước không có hiệp về sau mới hiệp, trước không sau có là pháp vô thường. Nên chẳng được nói rằng hư không đã hiệp rồi lại cùng hiệp. Như các pháp trong đời trước không sau có là vô thường, nếu hư không như vậy thời cũng phải là vô thường.

Thuyết hư không ở nơi sự vật như trái đựng trong bình chậu cũng không đúng nghĩa. Vì lúc chưa có bình chậu hư không kia ở chỗ nào ?â Nếu có chỗ ở thời có nhiều hư không. Đã là nhiều sao lại nói là thường, là duy nhứt, là cùng khắp. Giả sử hư không rời hư không có chỗ ở, thời sự vật lẽ ra cũng rời hư không có chỗ ở, do đây nên biết rằng không có hư không.

Nầy Thiện Nam Tử ! Nếu cho rằng chỗ ngón tay ở gọi là hư không , theo thuyết nầy thời hư không là pháp vô thường, vì ngón tay có bốn phương hướng, hư không cũng phải có bốn phương, tất cả pháp thường trụ đều không có phương sở. Nếu có phương sở thời hư không là vô thường. Nếu là vô thường thời chẳng rời năm ấm. Nếu muốn rời năm ấm thời thành ra không chỗ có.

Nầy Thiện Nam Tử ! Nếu có pháp nào do nhơn duyên mà tồn tại thời pháp đó là vô thường. Như tất cả chúng sanh cùng cây cối do nơi đất mà tồn tại. Vì đất là vô thường, nên những vật trên đây cũng là vô thường. Như đất nhơn nơi nước, vì nước vô thường nên đất cũng vô thường. Như nước nhơn nơi gió vì gió vô thường nên nước cũng vô thường. Gió nương nơi hư không, vì hư không vô thường nên gió cũng vô thường. Sao lại nói rằng hư không là thường khắp tất cả chỗ ?

Vì hư không là không chẳng phải quá khứ vị lai hiện tại, cũng như sừng thỏ là vật không có nên chẳng phải quá khứ vị lai hiện tại. Do đây nên ta nói Phật tánh thường trụ chẳng nhiếp trong ba đời. Vì hư không là không nên chẳng nhiếp trong ba đời.

Nầy Thiện Nam Tử ! Ta trọn chẳng trái cãi với thế gian. Vì người trí nói có thời ta cũng nói có, vì người trí nóikhông thời ta cũng nói không.

_ Bạch Thế Tôn ! Bồ Tát có đủ mấy pháp thời chẳng trái cãi với thế gian, chẳng bị pháp thế gian làm ô nhiễm ?

_ Nầy Thiện Nam Tử ! Bồ Tát có đủ mười pháp thời được hai điều trên : Một là tín tâm, hai là có giới, ba là gần gũi bạn lành, bốn là trong tâm khéo tư duy, năm là có tinh tấn, sáu là có chánh niệm, bảy là có trí huệ, tám là có chánh ngữ, chín là thích chánh pháp, mười là thương xót chúng sanh. Bồ Tát có đủ mười pháp nầy thời chẳng trái cãi với thế gian, chẳng bị pháp thế gian làm ô nhiễm, như hoa Ưu Bát La.

_ Bạch Thế Tôn ! Như lời Phật nói : Người trí trong đời nói có Phật cũng nói có, người trí trong đời nói không Phật cũng nói không. Những gì là có với không ?

_ Nầy Thiện Nam Tử ! Người trí trong đời nói sắc là vô thường khổ không vô ngã, nhẫn đến thức cũng như vậy. Đây là người trí trong đời nói có, ta cũng nói có. Người trí nói sắc chẳng có thường, lạc, ngã, tịnh, thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy Đây là người trí trong đời nói không ta cũntg nói không.

Bạch Thế Tôn ! Người trí trong đời chính là Phật và Bồ Tát tất cả thánh nhơn. Nếu sắc ấm của các thánh nhơn là vô thường khổ không vô ngã, tại sao đức Như lai nói sắc thân của Phật là thường hằng không biến đổi. Người trí trong đời nói chẳng có thường, lạc, ngã, tịnh, tại sao Đức Như Lai nói là có. Đức Thế Tôn nói những lời như vậy sao lại nói rằntg chẳng tranh cải với thế gian, chẳng bị pháp thế gian làm nhiễm ô. Đức Như Lai đã lìa ba thứ điên đảo : Tưởng đảo, tâm đảo, và kiến đảo. Lẽ ra nên nói rằng sắc thân của Phật thiệt là vô thường. Nay lại nói là thường, thế nào đặng gọi là xa lìa điên đảo chẳng tranh cãi với thế gian ?

_Nầy Thiện Nam Tử ! Sắc thân của phàm phu từ phiền não mà sanh, nên người trí nói săc thân là vô thường khổ không vô ngã. Sắc thân của Như Lai xa lìa phiền não, nên nói là thường hằng không biến đổi.

_ Bạch Thế Tôn ! Sắc ấm do phiền não sanh ra như thế nào ?

_ Nầy Thiện Nam Tử ! Phiền não có ba thứ : Dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu. Người trí phải quán sát tội lỗi của ba thứ lậu nầy. Vì có biết tội thời có thể xa lìa. Như y sư coi mạch biết bịnh rồi mới cho thuốc.

Như dắt người mù đến trong rừng gai rồi bỏ đó mà về, người mù nầy rất khó ra khỏi rừng dầu được ra khỏi nhưng thân thể phải bị trầy trụa.

Phàm phu trong đời cũng như vậy, vì không biết được tội lỗi của ba món lậu nên đi theo nó. Nếu người nào thấy được tội lỗi của ba món lậu thời có thể xa lìa. Người đã biết tội lỗi dầu có thọ quả báo nhưng quả báo cũng nhẹ nhàng.

Nầy Thiện Nam Tử ! Có bốn hạng người : Một là lúc tạo nghiệp thời nặng, lúc thọ báo thời nhẹ, hai là lúc tạo nghiệp thời nhẹ, lúc thọ báo thời nặng, ba là lúc tạo nghiệp thời nặng, lúc thọ báo cũng nặng, bốn là lúc tạo nghiệp thời nhẹ, lúc thọ báo cũng nhẹ.

Nầy Thiện Nam Tử ! Nếu người có thể quán sát tội lỗi của phiền não thời tạo nghiệp cùng thọ báo đều nhẹ.

Nầy Thiện Nam Tử ! Người có trí nghĩ rằng : Ta nên xa lìa ba thứ lậu như vậy, chẳng nên gây tạo những nghiệp xấu xa như vậy, vì ngày nay ta chưa được giải thoát lục đạo. Nếu ta tu hành phải nương sức nầy để phá hoại các sự khổ. Suy nghĩ như vậy rồi thời tham sân si của người nầy kém yếu. Người nầy thấy phiền não của mình nhẹ nên lòng họ vui mừng, lại nghĩ rằng ta được như vầy đều do công đức tu hành, làm cho ta lìa đặng pháp ác, gần gũi pháp lành, nên hiện tại ta được thấy thánh đạo, vậy ta phải nên siêng năng tu tập thêm. Do công đức siêng năng tu hành, người nầy xa lìa vô lượng phiền não và thoát khỏi lục đạo luân hồi.

Do đây nên trong khế kinh Phật nói phải quán sát tất cả phiền não hữu lậu và nhơn của hữu lậu. Vì người trí nếu chỉ quán hữu lậu mà chẳng quán nhơn của hữu lậu thời không thể dứt các phiền não. Vì người trí quán sát hữu lậu do nhơn nầy mà sanh, nay ta dứt nhơn nầy thời lậu chẳng còn sanh. Như y sư trước từ nhơn của bịnh thời bịnh chẳng còn. Do đây nên người trí phải trước quán sát nhơn, kế đó quán sát quả báo, biết rằng từ nhơn lành sanh ra quả lành, từ nhơn ác sanh quả ác. Khi rõ biết quả báo rồi thời xa lìa nhơn ác. Lại phải quán phiền não nhẹ hay nặng, trước lìa phiền não nặng thời phiền não nhẹ tự mất.

Nầy Thiện Nam tử ! Người trí nếu biết phiền não, biết nhơn của phiền não, biết quả báo của phiền não, biết phiền não nhẹ hay nặng, bấy giờ người nầy siêng năng tu hành chẳng ngừng nghỉ, chẳng hối tiếc, thường gần gũi bạn lành chí tâm nghe pháp để dứt trừ những phiền não như vậy.

Như người bịnh tự biết bịnh nhẹ có thể trị lành, nên dầu uống thuốc đắng vẫn không ăn năn. Người trí siêng tu thánh đạo thường vui mừng chẳng sầu, chẳng nghĩ, chẳng ăn năn.

Nầy Thiện Nam Tử ! Nếu người biết được phiền não, nhơn của phiền não, quả báo của phiền não, biết phiền não nhẹ nặng, vì trừ phiền não mà tu thánh đạo, người nầy chẳng do phiền não sanh sắc thân, cũng chẳng do phiền não sanh thọ, tưởng, hành, thức. Nếu chẳng biết được phiền não v.v… chẳng siêng tu tập, người nầy từ phiền não sanh thân ngũ ấm.

Nầy Thiện Nam Tử ! Người rõ biết phiền não v.v…vì dứt trừ phiền não mà tu hành thánh đạo, đây chính là đức Như Lai do nhơn duyên nầy nên sắc thân của Như Lai cùng thọ, tưởng, hành, thức, đều là thường trụ.

Kế chẳng biết phiền não v.v…, chẳng tu hành thánh đạo, đây là phàm phu. Do nhơn duyên nầy nên sắc, thọ, tưởng, hành, thức của phàm phu đều là vô thường.

Nầy Thiện Nam Tử ! Người trí trong đời : Tất cả Thánh nhơn, Bồ Tát, chư Phật đều nói hai nghĩa trên đây, ta cũng nói hai nghĩa như vậy, do đây nên ta nói rằng chẳng tranh cãi với người trí trong đời, chẳng bị thế pháp làm nhiễm ô.

_ Bạch Thế Tôn ! Thế nào gọi là dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu ?

_ Nầy Thiện Nam Tử ! Do trong tâm có giác quán chẳng lành, nhơn nơi duyên ngoài mà sanh ra dục lậu.

Ngày trước lúc ở thành Vương Xá, ta bảo A Nan rằng : Nay ông thọ lấy bài kệ tụng của cô gái nầy nói. Bài kệ đây là lời của chư Phật quá khứ. Do đây nên tất cả giác quán chẳng lành trong tâm cùng những nhơn duyên ngoài gọi đó là dục, đây là dục lậu.

Trừ dục lậu ở cõi dục, những á pháp nơi trong cùng các nhơn duyên nơi ngoài của cõi sắc và vô sắc gọi là hữu lậu.

Chẳng thể rõ biết ngã cùng ngã sở, chẳng biện biệt được trong cùng ngoài, đây gọi là vô minh lậu.

Nầy Thiện Nam Tử ! Vô minh là cội gốc của tất cả các lậu, vì tất cả chúng sanh do vô minh nên ức tưởng chấp trước nơi ngũ ấm, thập nhị nhập, thập bát giới, đây gọi là chúng sanh, cũng gọi là tưởng đảo, tâm đảo, kiến đảo. Do nhơn duyên nầy sanh ra tất cả các lậu. Vì thế nên trong mười hai bộ kinh, ta nói vô minh là nhơn của tham sân si.

_ Bạch Thế Tôn ! Trước kia đức Như Lai nói rằng do chẳng khéo tư duy mà có tham, sân, si. Nay duyên cớ gì mà nói do vô minh ?

_ Nầy Thiện Nam Tử ! Hai pháp đây làm nhơn quả lẫn nhau, tăng trưởng lẫn nhau : Chẳng khéo tư duy sanh vô minh, do vô minh nên chẳng khéo tư duy.

Nầy Thiện nam Tử ! Những gì có thể sanh trưởng các phiền não thời đều gọi là nhơn duyên của phiền não. Gần gũi những nhơn duyên của phiền não như vậy thời gọi là vô minh. Chẳng khéo tư duy dụ như hột giống lên mọng : Hột giống là cận nhơn, nước đất là viễn nhơn. Phiền não cũng như vậy.

_ Bạch Thế Tôn ! Như lời Phật nói vô minh tức là lậu, sao lại nói rằng nhơn nơi vô minh mà sanh các lậu ?

_ Nầy Thiện Nam Tử ! Vô minh lậu là nội vô minh. Nhơn nơi vô minh sanh ra các lậu là nội ngoại nhơn. Nếu nói vô minh lậu thời gọi là nội đảo : Chẳng biết vô thường, khổ, không và vô ngã. Nếu nói nhơn duyên của tất cả phiền não, đây gọi là chẳng rõ biết ngoài ngã và ngã sở. Nếu nói vô minh lậu, đây gọi là vô thỉ vô chung : Từ nơi vô minh sanh ra ấm nhập giới v.v…

_ Bạch Thế Tôn ! Thế nào gọi là biết nhơn của các lậu ?

_ Nầy Thiện Nam Tử ! Người trí nên quán sát rằng : Nhơn duyên gì sanh ra phiền não nầy ? Làm hạnh nghiệp gì sanh ra phiền não nầy ? _ Lúc ở chung với ai sanh ra phiền não nầy ? _ Ở chỗ nào sanh ra phiền não nầy ? Quán sát việc gì sanh ra phiền não nầy ? _ Thọ lãnh đồ ăn đồ dùng của ai sanh ra phiền não nầy ? Duyên cớ gì chuyển hạ làm trung, chuyển trung làm thượng ? _ Hạ nghiệp làm trung, trung nghiệp làm thượng ?

Bồ Tát lúc quán sát như vậy thời xa lìa được nhơn duyên sanh ra các lậu. Lúc quán sát như vậy những phiền não chưa sanh ngăn ngừa làm cho chẳng

sanh, nhữngphiền não đã sanh thời trừ diệt được. Do đây nên trong khế kinh ta nói rằng người trí phải quán sát nhơn duyên sanh ra phiền não.

_ Bạch Thế Tôn ! Chúng sanh có một thân làm sao có thể khởi ra các thứ phiền não ?

_ Nầy Thiện Nam Tử ! Như trong một cái chậu đựng nhiều thứ hột giống, lúc có nước mưa thời mỗi hột giống đều tự mọc lên. Chúng sanh cũng như vậy, thân dầu chỉ có một, do nhơn duyên tham ái mà có thể sanh trưởng các thứ phiền não.

_ Bạch Thế Tôn ! Người trí quán sát quả báo như thế nào ?

_ Nầy Thiện Nam Tử ! Người trí nên quán sát nhơn duyên của các lậu có thể sanh thân tam đồ, nhơn duyên của các lậu được thân nhơn thiên, đều là vô thường, khổ, không, vô ngã. Trong thân nầy có ba thứ khổ, ba thứ vô thường. Nhơn duyên của các lậu nầy có thể làm cho chúng sanh tạo tội ngũ nghịch thọ lấy ác báo, có thể dứt mất căn lành, phạm bốn tội trọng, hủy báng Tam Bảo.

Người trí lại nên quán sát ngày nay ta đã có thân như vầy, chẳng nên sanh khởi những phiền não như vậy để khỏi mang lấy những ác quả.

_ Bạch Thế Tôn ! Có quả vô lậu. Lúc người trí dứt những quả báo, quả báo vô lậu nầy có ở trong số bị dứt đây chăng ?

Những người đắc đạo có quả vô lậu. Người trí kia cầu quả vô lậu. Tại sao đức Phật nói rằng tất cả người trí nên dứt quả báo. Nếu dứt quả báo thời ngày nay làm sao có các bực thánh nhơn ?

_ Nầy Thiện Nam Tử ! Có lúc đức Như Lai trong nhơn mà nói quả, có lúc trong quả mà nói nhơn.

Như người đời nói đất sét, chính là cái bình, những sợi chỉ chính là cái áo, đây gọi là trong nhơn mà nói quả.

Như người đời nói con bò chính là nước và cỏ, người chính là đồ ăn, đây là trong quả mà nói nhơn. Ta cũng ở trong nhơn mà nói quả như vậy. Như trong khế kinh trước kia ta từng nói rằng : Ta từ nơi tâm mà thân đến cõi Phạm Thiên, đây gọi là trong nhơn mà nói quả. Lục nhập nầy là nghiệp quá khứ, đây gọi là trong quả mà nói nhơn.

Nầy Thiện Nam Tử ! Thật ra tất cả thánh nhơn không có quả báo vô lậu. Tất cả thánh nhơn tu hành thánh đạo được quả báo chẳng còn sanh các lậu do đây nên gọi là quả báo vô lậu.

Nầy Thiện Nam Tử ! Người trí lúc quán sát như vậy liền dứt hẳn được quả báo của phiền não. Vì dứt quả báo phiền não nầy mà tu tập thánh đạo : Không vô tướng và vô nguyện. Tu tập thánh đạo nầy có thể dứt tất cả quả báo của phiền não.

_ Bạch Thế Tôn ! Tất cả chúng sanh đều do phiền não mà có quả báo. Phiền não chính là ác. Từ phiền não ác sanh ra phiền não cũng gọi là ác. Phiền não như vậy có hai thứ : Nhơn và quả. Vì nhơn ác nên quả ác, vì quả ác nên nhơn ác.

Như trái nhâm bà vì hột nó đắng, nên bông trái cây lá tất cả đều đắng. Như cây độc vì hột nó độc nên trái cũng độc.

Nhơn là chúng sanh quả cũng chúng sanh. Nhơn là phiền não quả cũng phiền não. Nhơn quả phiền não chính là chúng sanh. Chúng sanh chính là nhơn quả phiền não.

Nếu cứ theo nghĩa nầy, cớ sao đức Như Lai trước kia nói dụ núi Tuyết cũng có cỏ độc, cũng có cây thuốc hay ?

Nếu nói phiền não là chúng sanh, chúng sanh là phiền não, sao Phật lại nói trong thân chúng sanh có thuốc hay ?

Lành thay ! Lành thay ! Nầy Thiện Nam Tử ! Vô lượng chúng sanh đều đồng nghi như vậy. Nay ông vì chúng sanh mà thưa hỏi. Ta cũng có thể giải thích để trừ nghi.

Ông nên lóng nghe khéo suy nghĩ và ghi nhớ đó.

Nầy Thiện Nam Tử ! Núi Tuyết kia dụ cho chúng sanh, cỏ độc là nói phiền não, cây thuốc hay là chỉ cho phạm hạnh thanh tịnh.

Nầy Thiện Nam Tử ! Nếu có chúng sanh tu tập phạm hạnh thanh tịnh như vậy, thời gọi là trong thân có thuốc hay.

_ Bạch Thế Tôn ! Thế nào chúng sanh có phạm hạnh thanh tịnh.

_ Nầy Thiện Nam Tử ! Như trong đời, từ hột sanh ra trái. Trái nầy có thứ sanh ra hột, có thứ chẳng sanh. Thứ có thể sanh hột thời gọi là quả tử. Thứ không thể sanh chỉ được gọi là quả chẳng đượcgọi là tử.

Tất cả chúng sanh cũng như vậy, có hai hạng : Một là có quả phiền não là nhơn phiền não, hai là có quả phiền não chẳng phải nhơn phiền não. Hạng sau đây gọi là phạm hạnh thanh tịnh.

Nầy Thiện Nam Tử ! Chúng sanh quán sát thọ ấm, biết nó là cận nhơn của tất cả lậu. Vì thọ ấm làm nhơn duyên nên không thể dứt tuyệt tất cả các lậu, cũng không thể ra khỏi ngục tam giới. Nhơn nơi thọ mà chúng sanh chấp ngã và ngã sở, sanh ra tâm đảo, tưởng đảo và kiến đảo. Do đây nên chúng sanh trước phải quán sát thọ ấm, thọ nầy là cận nhơn của tất cả ái. Do đây nên người trí muốn dứt tham ái, trước phải quán sát thọ.

Nầy Thiện Nam Tử ! Tất cả chúng sanh, mười hai nhơn duyên chỗ gây tạo nghiệp thiện ác đều nhơn nơi thọ. Do đây nên ta từng bảo A Nan rằng : Tất cả chúng sanh tạo nghiệp thiện ác đều do nơi thọ. Nên người trí trước phải quán sát thọ.

Đã quán sát thọ rồi lại phải quán sát thọ nầy do nhơn duyên gì mà sanh ? Nếu do nhơn duyên sanh, thời nhơn duyên đó lại từ đâu mà sanh ? Nếu không nhơn duyên mà sanh, thời không nhơn kia cớ sao chẳng sanh không thọ ?

Lại quán sát thọ nầy chẳng phải do Tư Tại Thiên sanh, chẳng do sĩ phu sanh, chẳng do vi trần sanh, chẳng phải thời tiết sanh, chẳng do tưởng sanh, chẳng do tánh sanh, chẳng phải tự sanh, chẳng phải tha sanh, chẳng phải vô nhơn sanh. Thọ nầy từ các duyên hòa hiệp mà sanh, duyên đây chính là ái. Trong sự hòa hiệp nầy chẳng phải có thọ chẳng phải không thọ. Do đây nên ta phải dứt sự hòa hiệp nầy. Vì dứt hòa hiệp nên chẳng sanh ra thọ.

Nầy Thiện Nam Tử ! Người trí quán sát nhơn rồi kế quán sát quả báo : Chúng sanh do nơi thọ mà thọ báo địa ngục, ngạ quỉ, súc sanh, nhẫn đến thọ vô lượng sự khổ não trong tam giới. Do nơi thọ mà thọ lấy sự vui hư huyễn vô thường. Do nơi thọ mà dứt căn lành. Do nơi thọ mà được giải thoát. Lúc quán sát như vậy thời chẳng làm nhơn cho thọ.

Thế nào gọi là chẳng làm nhơn cho thọ ? Chính là phân biệt thọ : Những thọ gì có thể làm nhơn cho ái ? Những ái gì có thể làm nhơn cho thọ ?

Nầy Thiện Nam Tử ! Nếu chúng sanh có thể quán sát rành rẽ ái nhơn và thọ nhơn như vậy, thời có thể dứt ngã và ngã sở.

Nầy Thiện Nam Tử ! Nếu người nào có thể quán sát những điều như vậy, thời nên biện biệt ái cùng thọ dứt tại chỗ nào ?ø Bèn thấy ái và thọ có chỗ diệt phần ít, do đây nên biết rằng cũng phải có diệt hoàn toàn. Bấy giờ ở nơi giải thoát người nầy sanh tín tâm, quán sát chỗ giải thoát nầy do đâu mà được. Quán sát rồi biết rõ từ bát chánh đạo nên liền tu tập.

Thế nào gọi là bát chánh đạo ? Đạo nầy quán sát thọ có ba tướng : Một là khổ, hai là lạc, ba là bất khổ bất lạc. Ba tướng nầy đều có thể làm cho thân tâm tăng trưởng.

Nhơn duyên gì mà có thể tăng trưởng ? Vì xúc làm nhơn duyên. Xúc nầy có ba : Một là vô minh xúc, hai là minh xúc, ba là phi minh phi vô minh xúc. Minh xúc đây chính là bát chánh đạo. Hai xúc kia thời tăng trưởng thân tâm và ba món thọ. Do đây nên phải dứt hai món xúc nầy. Xúc đã dứt nên chẳng sanh ba món thọ.

Nầy Thiện Nam Tử ! Thọ nầy cũng gọi là nhơn cũng gọi là quả. Người trí phải quán sát cũng nhơn cũng quả nầy : Nhơn thọ sanh ra ái gọi đó là nhơn. Thọ nhơn nơi xúc mà sanh đây gọi là quả.

Người trí quán sát thọ như vậy rồi, kế lại quán sát ái. Quả báo của thọ gọi là ái. Quán sát ái có hai thứ Một là tạp thực, hai là vô thực.

Tạp thực ái làm nhơn sanh ra già bịnh chết tất cả những cõi hữu lậu. Vô thực ái thời dứt sanh già bịnh chết tất cả các cõi mà tham ưa đạo vô lậu.

Lại nên nghĩ rằng : Nếu ta sanh tạp thực ái nầy thời không thể dứt được sanh lão bịnh tử . nay dầu ta tham đạo vô lậu, nếu chẳng dứt thọ nhơn, thời không thể được đạo quả vô lậu. Do đây nên phải dứt xúc nầy trước. Xúc đã dứt thời thọ tự diệt. Thọ đã diệt thời ái cũng mất theo. Đây gọi là bát chánh đạo.

Nầy Thiện Nam Tử ! Nếu có chúng sanh nào quán sát như vậy, dầu hiện tại có thân ác độc, nhưng trong đó cũng có cây thuốc hay. Như trong núi Tuyết dầu có cỏ độc nhưng cũng có cây thuốc tốt.

Những chúng sanh nầy dầu do phiền não mà có quả báo, những quả báo nầy chẳng còn lại sanh phiền não, đây gọi là phạm hạnh thanh tịnh.

Nầy Thiện Nam Tử ! Người trí phải quán sát hai thứ thọ và ái do nhơn duyên gì sanh ra ? Biết do nơi tưởng mà sanh. Vì chúng sanh lúc thấy sắc cũng chẳng sanh tham. Đến lúc quán thọ cũng chẳng sanh tham. Nếu ở trong sắc mà sanh tưởng điên đảo, cho rằng sắc là thường, lạc, ngã , tịnh. Thọ là thường hằng không biến đổi. Do tưởng điên đảo nầy mà sanh tham, sân, si. Do đây nên người trí phải quán sát.

Và phải suy nghĩ rằng : Tất cả chúng sanh lúc chưa được chánh đạo đều có tưởng điên đảo : Ở trong chẳng phải thường, lạc, ngã, tịnh mà nhận là thường, lạc, ngã, tịnh. Nơi pháp chẳng phải nam, nữ, lớn, nhỏ, ngày, đêm, năm, tháng, y phục, nhà cửa v.v… mà tưởng là nam, là nữ v.v…

Tưởng nầy có ba thứ : Tiểu, đại và vô lượng. Vì nhơn duyên nhỏ nên sanh tưởng nhỏ. Vì nhơn duyên lớn nên sanh tưởng lớn. Vì vô lượng duyên nên sanh tưởng vô lượng.

Lại có tưởng nhỏ chính là chưa nhập định, tưởng lớn là nói đã nhập định, vô lượng tưởng là nói mười nhứt thiết nhập.

Lại có tưởng nhỏ là tất cả tưởng ở cõi dục, tưởng lớn là tất cả tưởng ở cõi sắc, vô lượng tưởng là tất cả tưởng ở cõi vô sắc.

Vì ba thứ tưởng nầy diệt nên thọ cũng tự diệt. Vì tưởng thọ diệt nên gọi là giải thoát.

_ Bạch Thế Tôn ! Diệt tất cả pháp gọi là giải thoát, sao đức Như Lai nói tưởng thọ diệt gọi là giải thoát ?

_ Nầy Thiện Nam Tử ! Như Lai có lúc nhơn chúng sanh mà thuyết pháp, người nghe hiểu được pháp.

Như trước kia ta bảo Đại Ca Diếp : Lúc chúng sanh diệt thời pháp lành diệt. Hoặc có lúc ta nhơn nơi pháp mà nói chúng sanh, người nghe cũng hiểu là nói chúng sanh. Như trước kia ta bảo A Nan rằng : Đức Phật cũng chẳng nói gần gũi tất cả pháp, lại cũng chẳng nói chẳng gần gũi tất cả pháp. Nếu đã gần nơi pháp mà pháp lành kém suy, pháp ác lừng thạnh, thời chẳng nên gần pháp đó. Nếu đã gần nơi pháp nào mà điều ác suy diệt, điều lành thêm lớn, thời nên gần gũi pháp đó.

Nầy Thiện Nam Tử ! Dầu đức Như Lai nói tưởng thọ diệt, nhưng đã tổng nói dứt tất cả pháp nên dứt.

Người trí đã quán tưởng như vậy rồi, kế lại quán nhơn của tưởng : Vô lượng tưởng nầy nhơn đâu mà sanh ? Biết rằng nhơn xúc mà sanh. Xúc nầy có hai : Một là do phiền não mà có xúc, hai là do giải thoát mà có xúc. Do vô minh sanh gọi là phiền não xúc, do minh sanh gọi là giải thoát xúc. Nhơn nơi phiền não xúc sanh ra đảo tưởng. Nhơn nơi giải thoát xúc sanh ra bất đảo tưởng. Quán sát nhơn của tưởng rồi kế lại quán sát quả báo.

_ Bạch Thế Tôn ! Nếu vì nhơn nơi tưởng phiền não nầy mà sanh đảo tưởng, thời tất cả thánh nhơn thiệt có đảo tưởng mà không phiền não.

_ Nầy Thiện Nam Tử ! Thế nào là Thánh nhơn mà có đảo tưởng ?

_ Bạch Thế Tôn ! Tất cả Thánh nhơn đối với con bò con ngựa tưởng là bò là ngựa rồi cũng nói là bò là ngựa. Đối với nam nữ lớn nhỏ nhà cửa v.v… cũng như vậy, do đây nên gọi là đảo tưởng.

_ Nầy Thiện Nam Tử ! Tất cả phàm phu có hai thứ tưởng : Một là thế lưu bố tưởng, hai là chấp trước tưởng. Tất cả Thánh nhơn chỉ có thế lưu bố tưởng, không có chấp trước tưởng. Tất cả phàm phu vì ác giác quán nên đối với thế lưu bố sanh ra chấp trước tưởng. Tất cả Thánh nhơn vì thiện giác quán nên đối với thế lưu bố chẳng sanh tưởng chấp trước. Do đây nên phàm phu gọi là đảo tưởng. Thánh nhơn dầu biết các pháp mà chẳng gọi là đảo tưởng.

Người trí quán sát nhơn của tưởng rồi kế lại quán quả báo : Ác trưởng nầy thọ quả nơi địa ngục, ngạ quỉ, súc sanh, nhơn và thiên. Như ta do vì dứt ác giác quán nên vô minh xúc dứt, do đây mà tưởng dứt, vì tưởng dứt nên quả báo cũng dứt. Người trí vì dứt nhơn của tưởng nên tu bát chánh đạo.

Nếu có người quán sát được như vậy, thời gọi là phạm hạnh thanh tịnh.

Nầy Thiện Nam Tử ! Như trên đây gọi là trong thân ác độc của chúng sanh mà có thuốc hay. Như trong núi Tuyết dầu có cỏ độc nhưng cũng có cây thuốc hay. Nầy Thiện nam Tử ! Người trí kế lại quán sát dục, tức là sắc, thinh, hương, vị, xúc. Đây là đức Như Lai ở trong nhơn mà nói quả, vì từ năm trần nầy mà sanh ra dục, thiệt ra năm trần chẳng phải dục.

Nầy Thiện Nam Tử ! Người ngu si vì tham cầu thọ lấy nên đối với sắc sanh ra tưởng điên đảo, đối với thanh, hương, vị, xúc cũng sanh ra tưởng điên đảo. Do đảo tưởng làm nhơn duyên mà sanh ra thọ. Do đây nên trong đời nói rằng nhơn đảo tưởng sanh ra mười món tưởng.

Do dục làm nhơn duyên mà thọ lấy quả báo ác nơi thế gian. Đem sự ác làm hại cha mẹ, Sa Môn, Bà La Môn v.v…, chỗ chẳng nên làm ác mà cố làm chẳng tiếc thân mạng. Người trí quán sát ác tưởng nầy làm nhơn duyên mà sanh ra dục tâm.

Quán sát nhơn duyên của dục rồi kế lại quán quả báo : Dục nầy có nhiều quả báo ác : Địa ngục, ngạ quỉ, súc sanh, nhơn và thiên.

Nếu những ác tưởng nầy đã trừ diệt được, thời vĩnh viễn chẳng sanh dục tâm nầy, vì không dục tâm nên chẳng sanh ác thọ, đã không ác thọ thời không ác quả, do đây nên phải dứt ác tưởng trước. Ác tưởng đã dứt thời những pháp ác khác tự nhiên đều dứt. Do cớ trên đây nên người trí vì dứt ác tưởng mà tu bát chánh đạo, đây gọi là phạm hạnh thanh tịnh, cũng gọi là trong thân độc của chúng sanh có vị thuốc hay. Như trong núi Tuyết dầu có cỏ độc nhưng cũng có cây thuốc hay.

Nầy Thiện Nam Tử ! Người trí quán dục như vậy rồi kế nên quán nghiệp. Phải suy nghĩ rằng : Bốn thứ thọ, tưởng, xúc và dục chính là phiền não. Phiền não nầy có thể làm sanh nghiệp mà chẳng làm thọ nghiệp. Phiền não nầy cùng đi với nghiệp có hai thứ : Một là làm sanh nghiệp, hai là làm tác nghiệp.

Do đây nên người trí phải quán sát nơi nghiệp. Nghiệp nầy có ba : Thân, khẩu và ý. Hai nghiệp thân, khẩu tên là nghiệp mà cũng gọi là nghiệp quả, ý chỉ gọi là nghiệp, vì là nhơn của nghiệp nên gọi là nghiệp. Hai nghiệp thân, khẩu là nghiệp ngoài, ý gọi là nghiệp trong. Ba thứ nghiệp nầy đi cùng với phiền não làm thành hai thứ nghiệp : Một là sanh nghiệp, hai là thọ nghiệp.

Nầy Thiện Nam Tử ! Chánh nghiệp tức là ý, kỳ nghiệp tức là thân khẩu. Phát sanh trước gọi là ý nghiệp, từ ý nghiệp sanh ra gọi là thân khẩu nghiệp. Do đây nên ý nghiệp được gọi là chánh.

Người trí đã quán nghiệp rồi kế lại quán nghiệp nhơn. Nghiệp nhơn đây là vô minh xúc. Do nơi vô minh xúc mà chúng sanh cầu lấy có. Nhơn duyên cầu lấy có tức là ái. Nhơn nơi ái mà gây tạo ba thứ nghiệp, thân, khẩu, ý.

Người trí quán nghiệp nhơn rồi kế lại quán quả báo. Quả báo đây có bốn : Một là hắc hắc quả báo, hai là bạch bạch quả báo, ba là tạp tạp quả báo, bốn là bất hắc bất bạch quả báo.

Hắc hắc quả báo là lúc tạo nghiệp nhơ đục quả báo cũng nhơ đục. Bạch bạch quả báo là lúc tạo nghiệp thanh tịnh quả báo cũng thanh tịnh.

Tạp tạp quả báo là lúc tạo nghiệp tạp quả báo cũng tạp. Bất bạch bất hắc quả báo là nói vô lậu nghiệp.

_ Bạch Thế Tôn Trước kia đức Như Lai nói vô lậu không có quả báo, cớ sao nay lại nói vô lậu là bất bạch bất hắc quả báo.

_ Nầy Thiện Nam Tử ! Nghĩa nầy có hai : Một là cũng quả cũng báo, hai là chỉ quả chẳng phải báo. Hắc hắc quả báo là quả cũng là báo : Do nghiệp nhơn hắc mà sanh ra nên gọi là quả, nó lại có thể làm nhơn nên lại gọi là báo. Bạch bạch và tạp tạp cũng như vậy. Quả vô lậu nhơn nơi hữu lậu mà sanh nên gọi là quả, nó chẳng làm nhơn cho pháp khác nên chẳng gọi là báo. Do đây nên vô lậu gọi là quả mà chẳng gọi là báo.

_ Bạch Thế Tôn ! Nghiệp vô lậu nầy chẳng phải là hắc pháp, duyên cớ gì chẳng gọi nó là bạch ?

_ Nầy Thiện Nam Tử ! Vì vô lậu không có báo nên chẳng gọi là bạch. Vì đối trị hắc nên gọi là bạch. Nay ta nói thọ quả báo gọi là hắc bạch. Vì nghiệp vô lậu nầy chẳng thọ báo nên chẳng gọi là bạch mà gọi là tịch tịnh.

Nghiệp như vậy có chỗ định thọ báo, như mười pháp ác quyết định ở địa ngục, ngạ quỉ, súc sanh, mười nghiệp lành quyết định ở nhơn, thiên.

Mười pháp ác có thượng, trung và hạ : Nghiệp thượng thọ thân địa ngục, nghiệp trung thọ thân súc sanh, nghiệp hạ thọ thân ngạ quỉ.

Mười nghiệp lành về nhơn đạo có bốn hạng : Nghiệp hạ sanh Bắc Câu Lô Châu, nghiệp trung sanh Tây Ngưu Hóa Châu, nghiệp thượng sanh Đông Thắng Thần Châu, nghiệp thượng thượng sanh Diêm Phù Đề.

Người trí quán sát như vậy rồi liền nghĩ rằng : Ta phải làm thế nào dứt những quả báo ấy ? Lại nghĩ rằng nhơn duyên của những nghiệp nầy do vô minh xúc sanh ra, nếu ta dứt trừ vô minh cùng xúc, thời nghiệp quả nầy dứt mất chẳng còn sanh. Vì dứt trừ vô minh và xúc nên người trí tu bát chánh đạo, đây gọi là phạm hạnh thanh tịnh. Cũng gọi là trong thân độc của chúng sanh có vị thuốc hay, như trong núi Tuyết dầu có cỏ độc nhưng cũng có cây thuốc.

Nầy Thiện Nam Tử ! Người trí quán sát nghiệp và quán sát phiền não rồi, kế lại quán sát quả báo của hai thứ nầy : Tức là khổ. Đã biết là khổ thời có thể xa lìa tất cả sự thọ sanh.

Người trí lại quán sát phiền não làm nhơn duyên sanh ra phiền não, nghiệp cũng làm nhơn duyên sanh ra phiền não. Phiền não lại làm nhơn duyên sanh ra nghiệp, nghiệp làm nhơn duyên sanh ra khổ, khổ làm nhơn duyên sanh ra phiền não, phiền não làm nhơn duyên sanh ra hữu, hữu làm nhơn duyên sanh ra khổ, khổ làm nhơn duyên sanh ra hữu, hữu làm nhơn duyên sanh ra nghiệp, nghiệp làm nhơn duyên sanh ra phiền não, phiền não làm nhơn duyên sanh ra khổ, khổ làm nhơn duyên sanh ra nghiệp.

Nầy Thiện Nam Tử ! Nếu ai có thể quán sát như vậy, nên biết rằng người nầy có thể quán sát nghiệp khổ, vì những điều quán sát như vậy chính là mười hai nhơn duyên sanh tử, người nầy chẳng gây tạo nghiệp mới, có thể phá hoại nghiệp cũ.

Nầy Thiện Nam Tử ! Người trí quán sát sự khổ nơi địa ngục. Quán sát nơi địa ngục nhẫn đến ba trăm ba mươi sáu sở. Mỗi địa ngục đều có các sự khổ, đều do phiền não và nghiệp sanh ra. Quán sát địa ngục rồi kế lại quán sát những sự khổ của ngạ quỉ và súc sanh. Kế lại quán sát những sự khổ của nhơn gian và của chư thiên. Những sự khổ như vậy đều do nơi phiền não và nghiệp sanh ra.

Nầy Thiện Nam Tử ! Trên các cõi Trời dầu không những sự khổ não lớn, nhưng thân thể của chư thiên mềm dịu mịn trơn, lúc năm tướng suy hiện ra họ cũng thọ lấy sự khổ lớn, như sự khổ của địa ngục.

Nầy Thiện Nam Tử ! Người trí quán sát những sự khổ của tam giới đều do nơi phiền não và nghiệp mà sanh. Như đồ bằng đất chưa hầm thời dể bể hư. Thân thể của chúng sanh cũng như vậy, là những đồ đầy sự khổ. Như cây to bông trái sum sê bầy chim có thể làm hư hại. Như nhiều cỏ khô chút lửa cũng có thể cháy hết. Thân thể của chúng sanh bị những sự khổ làm hư hoại cũng như vậy. Người trí nếu có thể quán sát tám thứ khổ, người nầy có thể dứt được những sự khổ.

Nầy Thiện NamTử ! Đã quán sát tám sự khổ rồi kế lại quán sát khổ nhơn.

Khổ nhơn đây là ái cùng vô minh. Có hai thứ : Một là cầu thân thể, hai là cầu của cải, hai thứ nầy đều là khổ, do đây nên biết ái cùng vô minh là khổ nhơn. Lại có hai thứ : Một là nội, hai là ngoại. Nội có thể gây nghiệp, ngoại

có thể làm tăng trưởng. Nội lại có thể gây nghiệp, ngoại làm thành nghiệp quả.

Đã dứt nội ái thời nghiệp cũng dứt, dứt được ngoại ái thời qủa cũng dứt. Nội ái có thể sanh khổ đời vị lai, ngoại ái có thể sanh khổ đời hiện tại. Do đây nên ái là khổ nhơn.

Đã quán khổ nhơn rồi kế lại quán sát quả báo. Quả báo của khổ chính là thủ, ái quả gọi là thủ. Nhơn duyên của thủ nầy tức là nội ái và ngoại ái do đây có ái khổ.Người trí phải quán sát ái làm nhơn duyên cho thủ, thủ nhơn duyên nơi ái, nếu có thể dứt ái và thủ thời chẳng tạo nghiệp thọ khổ. Do đây nên người trí vì dứt trừ ái khổ mà tu bát chánh đạo. Đây gọi là phạm hạnh thanh tịnh, cũng gọi là trong thân độc của chúng sanh có vị thuốc hay. Như trong núi Tuyết dầu có cỏ độc nhưng cũng có cây thuốc.

_ Bạch Thế Tôn ! Thế nào gọi là phạm hạnh thanh tịnh ?

Nầy Thiện Nam Tử ! Chính là tất cả pháp.

_ Bạch Thế Tôn ! Nghĩa của tất cả pháp chẳng nhứt định. Vì đức Như Lai có lúc nói là thiện, bất thiện. Có lúc nói là tứ niệm xứ quán. Hoặc nói là thập nhị nhập. Hoặc nói là thiện tri thức. Hoặc nói là thập nhị nhơn duyên. Hoặc nói là chúng sanh. Hoặc nói là chánh kiến, tà kiến. Hoặc nói là mười hai bộ kinh. Hoặc nói là nhị đế.

Hôm nay đức Như Lai lại nói tất cả pháp là phạm hạnh thanh tịnh, đó là những tất cả pháp gì ?

Nầy Thiện Nam Tử ! Kinh Đại Niết Bàn vi diệu nầy là bảo tạng trong tất cả pháp.

Như biển cả là kho chứa những châu báu, kinh Đại Niết bàn nầy cũng như vậy, là bí tạng của tất cả chữ nghĩa.

Như núi Tu Di là cội gốc của các vị thuốc, kinh nầy cũng là cội gốc của giới Bồ Tát.

Như hư không là chỗ ở củatất cả vật, kinh nầycũng là chỗ ở của tất cả pháp lành.

Như luồng gió mạnh không gì trói buộc được. Tất cả Bồ Tát thật hành kinh nầy cũng chẳng bị tất cả phiền não trói buộc.

Như chất kim cương không gì phá hoại được, kinh nầy dầu có ngoại đạo ác tà cũng chẳng phá hoại được.

Như cát sông Hằng không ai đếm được, ý nghĩa của kinh nầy cũng không ai đếm được.

Kinh nầy là pháp tràng của Bồ Tát, như bảo tràng của Thiên Đế Thích.

Kinh nầy là vị thương chủ thẳng đến thành Niết Bàn, như bực đạo sư dẫn các thương nhơn thẳng đến biển cả.

Kinh nầy có thể làm ánh sáng pháp cho Bồ tát, như mặt trời mặt trăng có thể phá tối tăm ở thế gian.

Kinh nầy có thể làm vị thuốc hay cho chúng sanh mang bịnh khổ, như trong núi Tuyết có cây thuốc hay trị được các thứ bịnh. Kinh nầy có thể làm gậy cho Nhứt Xiển Đề, như người quá yếu nhờ gậy mà đứng dậy được.

Kinh nầy có thể làm cầu đò cho tất cả người ác, như cây cầu là chỗ tất cả người đi qua.

Kinh nầy làm bóng mát cho những ai bị nóng phiền não trong hai mươi lăm cõi, như cây lọng che nắng nóng.

Kinh nầy là vua đại vô úy có thể phá hoại tất cả ác ma phiền não, như Sư Tử Vương hàng phục bầy thú.

Kinh nầy là đại thần chú có thể phá hoại tất cả ác quỉ phiền não, như chú sư trong đời có thể đuổi trừ quỉ vọng lượng.

Kinh nầy là mưa đá vô thượng có thể phá hoại tất cả quả báo sanh tử.

Kinh nầy có thể làm vị thuốc hay cho người hư con mắt giới, như thuốc An Xà Na trị lành con mắt đau.

Kinh nầy có thể làm chỗ ở cho tất cả pháp lành, như mặt đất làm chỗ ỡ cho muôn vật.

Kinh nầy là gương sáng của chúng sanh phá giới,như gương sáng soi các hình tượng.

Kinh nầy có thể làm y phục cho người không tàm quí, như áo xiêm che đậy thân thể của người đời.

Kinh nầy làm của báu lớn cho người nghèo pháp lành, như Công Đức Thiên lợi ích ban sự lợi ích cho người nghèo.

Kinh nầy làm nước cam lộ cho chúng sanh khát ngưỡng chánh pháp, như nước bát công đức làm no đủ cho người khát nước.

Kinh nầy làm giường pháp cho người phiền não, như người đời gặp được giừơng nằm an ổn.

Kinh nầy là cổ xe trân bảo, chuổi ngọc hoa hương trang nghiêm thanh tịnh của bực sơ địa Bồ Tát nhẫn đến bực Thập Địa Bồ Tát, hơn tất cả chỗ vui vi diệu của sáu môn Ba La Mật, như cây Ba Lợi Chất Đa La trên cung Trời Đao Lợi.

Kinh nầy là cây buá trí huệ cứng bén có thể chặt tất cả cây to phiền não, là dao bén có thể cắt đứt tập khí, là lực sị dũng kiện có thể trừ dẹp ma tà oán địch, là ngọn lửa trí huệ đốt củi phiền não, là tạng nhơn duyên xuất sanh Bích Chi Phật, là tạng Thanh Văn sanh ra bực Thanh Văn, là con mắt của tất cả chư Thiên, là con đường chánh của mỗi người là chỗ nương của tất cả loài súc sanh, là chỗ giải thoát của ngạ quỉ, là đấng vô thượng tôn của địa ngục, là chỗ vô thượng của tất cả chúng sanh trong mười phương, là phụ mẫu của chư Phật.

Do đây nên kinh nầy nhiếp tất cả pháp.

Nầy Thiện Nam Tử ! Trước kia ta nói kinh nầy dầu nhiếp tất cả pháp, nhưng ta nói phạm hạnh là ba mươi bảy phẩm trợ đạo. Nếu rời ba mươi bảy phẩm nầy thời trọn chẳng được quả Thanh Văn nhẫn đến quả vô thượng Bồ Đề, cũng chẳng thấy Phật tánh cùng quả Phật tánh. Do đây nên phạm hạnh là ba mươi bảy phẩm trợ đạo.

Vì ba mươi bảy phẩm nầy tánh của nó chẳng phải điên đảo, nó có thể phá hoại điên đảo ; tánh của nó chẳng phải ác kiến, nó có thể phá hoại ác kiến ; tánh của nó chẳng phải bố úy, nó có thể phá hoại bố úy ; tánh của nó là

phạm hạnh, nó có thể làm cho chúng sanh rốt ráo thật hành phạm hạnh thanh tịnh.

_ Bạch Thế Tôn ! Pháp hữu lậu cũng có thể làm nhơn cho pháp vô lậu, cớ sao đức Như Lai chẳng nói pháp hữu lậu là phạm hạnh thanh tịnh ?

_ Nầy Thiện Nam Tử !Tất cả pháp hữu lậu là điên đảo, nên tất cả pháp hữu lậu chẳng được gọi là phạm hạnh thanh tịnh.

_ Bạch Thế Tôn ! Pháp thế đệ nhứt là hữu lậu hay là vô lậu.

_ Nầy Thiện Nam Tử ! Là hữu lậu.

_ Bạch Thế Tôn ! Pháp thế đệ nhứt dầu là hữu lậu nhưng tánh nó chẳng phải điên đảo, cớ sao chẳng gọi nó là phạm hạnh thanh tịnh ?

Nầy Thiện Nam Tử ! Pháp thế đệ nhứt là nhơn của pháp vô lậu, vì giống với vô lậu và hướng về vô lậu nên chẳng gọi là điên đảo. Phạm hạnh thanh tịnh phát tâm tương tục mãi đến rốt ráo. Còn pháp thế đệ nhứt chỉ là một niệm, nên chẳng được gọi là phạm hạnh thanh tịnh.

_ Bạch Thế Tôn !Năm thức của chúng sanh cũng là hữu lậu nhưng chẳng phải là điên đảo, lại chẳng phải là một niệm, cớ sao chẳng gọi là phạm hạnh thanh tịnh ?

_ Nầy Thiện Nam Tử ! Năm thức của chúng sanh dầu chẳng phải một niệm nhưng là hữu lậu lại là điên đảo. Vì thêm các lậu nên gọi là hữu lậu, thể của nó chẳng phải chơn thật vì là tưởng chấp trước nên là điên đảo.

Thế nào gọi là thể của nó chẳng phải chơn thật vì tưởng chấp trước nên điên đảo ? Vì trong vật chẳng phải nam nữ nó sanh tưởng nam nữ, nhẫn đến nhà cửa xe cộ v.v… cũng như vậy, nên gọi là điên đảo.

Nầy Thiện Nam Tử ! Ba mươi bảy phẩm trợ đạo tánh của nó không điên đảo nên được gọi là phạm hạnh thanh tịnh.

Nầy Thiện Nam Tử ! Nếu có Bồ Tát đối với ba mươi bảy phẩm nầy mà biết căn, biết nhơn, biết nhiếp, biết tăng, biết chủ, biết đạo, biết thắng, biết thật và biết rốt ráo, Bồ Tát nầy được gọi là phạm hạnh thanh tịnh.

_ Bạch Thế Tôn ! Thế nào gọi là biết căn, nhẫn đến biết rốt ráo ?

_ Nầy Thiện Nam Tử ! Bồ Tát thưa hỏi thường vì hai điều : Một là vì mình, hai là vì người. Nay ông đã biết mà vì vô lượng chúng sanh nên thưa hỏi những việc như vậy. Lành thay ! Lành thay !

Nầy Thiện Nam tử ! Căn bổn của ba mươi bảy phẩm trợ đạo là dục, nhơn là minh xúc, nhiếp thủ là thọ, tăng trưởng là thiện tư duy, chủ là niệm, đạo dẫn là định, thắng là trí huệ, thật là giải thoát, rốt ráo là Đại Bát Niết Bàn.

Nầy Thiện Nam Tử ! Thiện dục là căn bổn của sơ phát tâm nhẫn đến vô thượng Bồ Đề, do đây nên ta nói dục là căn bổn.

Như người đời nói tất cả khổ não do ái làm căn bổn,. Tất cả bịnh tật do ăn cách đêm làm căn bổn. Tất cả sự phán đoán do đấu tranh làm căn bổn. Tất cả việc ác do hư vọng làm căn bổn.

_ Bạch Thế Tôn ! Trong kinh nầy trước kia đức Như Lai nói rằng tất cả pháp lành do bất phóng dật làm căn bổn. Sao nay đức Phật lại nói rằng dục là căn bổn ?

_ Nầy Thiện Nam Tử ! Nếu luận về sanh nhơn thời là thiện dục, còn liễu nhơn thời là bất phóng dật. Như người đời nói rằng tất cả trái cây do hột làm nhơn, hoặc có người nói hột là sanh nhơn, đất là liễu nhơn.

_ Bạch Thế Tôn ! Trong những kinh khác đức Phật từng nói rằng Phật là cội gốc của ba mươi bảy phẩm trợ đạo. Nghĩa nầy như thế nào ?

_ Nầy Thiện Nam Tử ! Đức Như Lai ngày trước nói rằng chúng sanh mới biết ba mươi bảy phẩm trợ đạo thời Phật là căn bổn. Nếu tự chứng đặng thời dục là căn bổn.

_ Bạch Thế Tôn ! Sao minh xúc gọi là nhơn ?

_ Nầy Thiện Nam Tử ! Có lúc đức Như Lai nói minh là huệ, hoặc nói minh là tín. Do tín tâm mà gần gũi bạn lành đây gọi là xúc. Do gần gũi bạn lành được nghe chánh pháp, đây gọi là xúc. Do nghe chánh pháp mà thân, khẩu, ý thanh tịnh, đây gọi là xúc. Do ba nghiệp thanh tịnh mà được chánh mạng, đây gọi là xúc. Do chánh mạng được giới căn thanh tịnh, do giới căn thanh tịnh mà thích nơi tịch tịnh, do thích tịch tịnh nên có thể tư duy hiểu biết do thiện tư duy mà được an trụ đúng pháp, do an trụ đúng pháp mà được ba mươi bảy phẩm trợ đạo, do đây có thể phá hoại vô lượng phiền não ác, đây gọi là xúc.

Nầy Thiện Nam Tử ! Thọ gọi là nhiếp thủ, vì lúc chúng sanh cảm thọ có thể làm việc lành việc ác. Do nơi thọ mà sanh các phiền não. Ba mươi bảy phẩm trợ đạo có thể phá hoại những phiền não nầy, nên dùng thọ làm nhiếp thủ.

Do thiện tư duy có thể phá phiền não, nên gọi là tăng trưởng. Vì siêng năng tu tập nên được ba mươi phẩm trợ đạo như vậy.

Nếu quán lực có thể phá những phiền não ác cần phải nhờ chuyên niệm, do đây nên dùng niệm làm chủ. Như trong đời tất cả binh chủng đều theo ý của chủ tướng. Ba mươi phẩm trợ đạo cũng đều theo nơi niệm chủ.

Nầy Thiện Nam Tử ! Đã nhập chánh định rồi thời ba mươi bảy phẩm trợ đạo có thể khéo phân biệt tất cả pháp tướng, nên dùng làm dẫn đạo.

Phân biệt pháp tướng nầy do trí huệ là tối thắng, nên dùng huệ làm thắng.

Trí huệ nầy rõ biết phiền não, vì năng lực của trí huệ và phiền não tiêu diệt. Như trong đời bốn binh cbhủng phá hoại óan địch, hoặc một hoặc hai người dũng kiện có công năng phá địch. Ba mươi bảy phẩm trợ đạo cũng như vậy, do năng lực của trí huệ có thể phá hoại phiền não, nên lấy trí huệ làm thắng.

Nầy Thiện Nam Tử ! Dầu do tu tập ba mươi phẩm trợ đạo mà chứng được tứ thiền thần thông an lạc nhưng cũng chẳng gọi là thật. Nếu phá hoại phiền não lúc chứng được giải thoát mới gọi là thật.

Ba mươi phẩm trợ đạo nầy từ khi phát tâm tu hành, dầu được thế lạc và xuất thế lạc, chứng bốn quả Sa Môn được giải thoát, cũng chẳng gọi là rốt ráo. Nếu có thể dứt trừ được những công hạnh do ba mươi bảy phẩm trợ đạo nầy thật hành, đây gọi là Niết Bàn, nên ta nói rốt ráo là Đại Niết Bàn.

Nầy Thiện Nam Tử ! Lại tâm thiện ái niệm chính là dục. Do thiện ái niệm mà gần gũi bạn lành nên gọi là xúc, đây là nhơn. Do gần gũi bạn lành nên gọi là thọ, đây là nhiếp thủ. Do gần bạn lành mà có thể thiện tư duy nên gọi là tăng trưởng. Do bốn pháp nầy có thể sanh trưởng chánh đạo, dục, niệm, định và trí, đây gọi là chủ, là dẫn đạo, là tối thắng vậy.

Do ba pháp nầy mà được hai thứ giải thoát, do dứt trừ ái nên tâm được giải thoát, do dứt trừ vô minh nên huệ được giải thoát, đây gọi là thật.

Tâm pháp như vậy rốt ráo được quả gọi là Niết Bàn, nên Đại Niết Bàn gọi là rốt ráo.

Nầy Thiện Nam Tử ! Lại dục chính là phát tâm xuất gia, xúc là bạch tứ yết ma, đây gọi là nhơn. Nhiếp thủ chính là thọ hai thứ giới : Một là Ba La Đề Mộc Xoa giới, hai là tịnh căn giới, đây gọi là thọ, đây gọi là nhiếp thủ.

Tăng trưởng là tu tập tứ thiền. Chủ là quả Tu Đà Hoàn và quả Tư Đà Hàm. Dẫn đạo là quả A Na Hàm. Tối thắng là quả A La Hán, thật là quả Bích Chi Phật. Rốt ráo là quả vô thượng Bồ Đề.

Nầy Thiện Nam Tử ! Lại dục gọi là thức, xúc gọi là lục nhập, nhiếp gọi là thọ, tăng trưởng gọi là vô minh, chủ gọi là danh sắc, dẫn đạo gọi là ái, thắng gọi là thủ, thật gọi là hữu, rốt ráo gọi là sanh, lão, bịnh, tử.

_ Bạch Thế Tôn ! Căn bổn cùng nhơn với Tăng, ba pháp nầy khác nhau thế nào ?

_ Nầy Thiện Nam Tử ! Căn bổn tức là sơ phát tâm. Nhơn là tương tợ chẳng dứt. Tăng trưởng là tương tợ dứt rồi có thể sanh tương tợ.

Lại căn là tạo tác. Nhơn chính là quả. Tăng trưởng là có thể dùng.

Nầy Thiện Nam Tử ! Đời vị lai dầu có quả báo, nhưng vì chưa thọ nên gọi là nhơn. Đến khi thọ thời gọi là tăng trưởng.

Lại căn là mong cầu. Được tức là nhơn. Dùng được tức là tăng trưởng.

Nầy Thiện Nam Tử ! Trong kinh nầy, căn là kiến đạo, nhơn là tu đạo, tăng là vô học đạo. Lại căn là chánh nhơn, phương tiện gọi là nhơn, từ chánh nhơn nầy chứng được quả báo gọi là tăng trưởng.

_ Bạch Thế Tôn ! Như đức Phật nói rốt ráo là Đại Niết Bàn, Đại Niết Bàn nầy làm thế nào chứng được ?

_ Nầy Thiện Nam Tử ! Hoặc Bồ Tát hoặc Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, hoặc Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di có thể tu tập mười quán tưởng, thời người nầy có thể được Niết bàn : Một là vô thường tưởng, hai là khổ tưởng, ba là vô ngã tưởng, bốn là yểm ly thuật tưởng, năm là nhứt thiết thế gian bất khả lạc tưởng, sáu là tư tưởng, bảy là đa tội quá tưởng, tám là lý tưởng, chín là diệt tưởng, mười là vô ái tưởng. Người nào tu tập mười thứ quán tưởng như vậy thời rốt ráo quyết định được Niết Bàn. Chẳng do nơi người, tự mình có thể phân biệt thiện bất thiện v.v…, đây gọi là thật xứng nghĩa Tỳ Kheo, nhẫn đến xứng nghĩa Ưu Bà Di.

_ Bạch Thế Tôn ! Thế nào gọi là Bồ Tát nhẫn đến Ưu Bà Di tu tập vô thường tưởng ?

_ Nầy Thiện Nam Tử ! Có hai hạng Bồ Tát : Một là sơ phát tâm, hai là đã hành đạo.

Vô thường tưởng cũng có hai thứ : Thô và tế. Bồ Tát sơ phát tâm lúc quán vô thường tưởng, suy nghĩ rằng : Vạn vật trong đời phàm có hai loại : Nội và ngoại. Những loại thuộc về nội vật đều vô thường biến đổi. Tôi thấy lúc sanh, lúc nhỏ, lúc lớn, lúc mạnh, lúc già, lúc chết đều khác nhau, do đây nên biết những loại thuộc về nội vật đều vô thường. Lại suy nghĩ rằng tôi thấy chúng sanh hoặc có kẻ mập mạnh tươi tốt, hoặc có kẻ bịnh hoạn héo gầy, hoặc có người giàu có dư giả, hoặc thấy người nghèo cùng thiếu thốn, hoặc thấy người có vô lượng công đức, hoặc thấy người tạo vô lượng tội lỗi, do đây nên quyết định biết rằng những loại thuộc về nội vật là vô thường.

Lại suy nghĩ rằng, những vật ngoài thời kỳ hột, thời kỳ mọc mộng, lên cây ra lá trổ bông, kết trái đều chẳng đồng, lại có thứ đầy đủ, có thứ chẳng đầy đủ, do đây nên biết rằng tất cả vật ngoài quyết định là vô thường.

Đã quán sát những vật bị thấy là vô thường, kế lại là quán sát những pháp bị nghe : Tôi từng nghe chư thiên có thần thông tự tại hưởng sự vui rất vi diệu nhưng cũng có năm tướng suy, do đây nên biết rằng là vô thường. Tôi lại từng nghe thuở kiếp sơ có các chúng sanh đầy đủ công đức, thân thể sáng chói chẳng cầu mặt trời mặt trăng, vì vô thường biến đổi mà công đức hao tổn, ánh sáng tắt mất. Tôi lại nghe thuở xưa có Chuyển Luân Thánh Vương thống lãnh bốn châu thiên hạ, có đủ thất bảo thế lực tự tại dầu vậy nhưng cũng không thể tránh khỏi vô thường. Lại quán quả địa cầu, ngày xưa người ở đông đảo, có đủ cây thuốc hay, rừng cây bông trái sum sê. Ngày nay vì chúng sanh phước bạc, nên những sanh vật trên mặt đất thành hư hao. Do đây nên biết rằng tất cả vật trong thân ngoài cảnh đều vô thường. Đây gọi là tướng vô thường thô.

Đã quán tưởng tướng thô rồi, kế lại quán sát tướng vô thường tế.

Bồ Tát quán sát tất cả vật trong ngoài, nhẫn đến vi trần, tại thời kỳ vị lai đã là vô thường, vì tất cả đều có đủ tướng phá hoại vậy. Nếu sắc uẩn vị lai chẳng phải là vô thường, thời chẳng nên nói sắc uẩn có mười thời kỳ sai biệt : Thời kỳ đông lại, thời kỳ nổi bóng, thời kỳ ung nhọt, thời kỳ khối thịt, thời kỳ mọc đầu và tứ chi, thời kỳ bé thơ, thời kỳ trẻ, thời kỳ thiếu niên thời kỳ tráng niên, thời kỳ già suy. Nếu không phải là vô thường thời đông váng

không thành bóng, nhọt nhẫn đến không có già suy. Nếu những thời kỳ chẳng phải niệm niệm hoại diệt, thời trọn chẳng có lần lần lớn lên, đáng lẽ phải đồng thời trưởng thành tất cả. Do đây biết rằng quyết định có niệm niệm vi tế vô thường.

Lại thấy có người thân thể toàn vẹn, nhan sắc tươi đẹp, lúc sau lại thấy người ấy gầy gò tiều tụy. Do đây biết rằng người nầy quyết địnyh có niệm niệm vô thường.

Lại quán sát tứ đại và bốn oai nghi, trong ngoài đều có hai khổ nhơn : Đói khát và lạnh nóng. Nếu không có niệm niệm vi tế vô thường, thời cũng lẽ ra không có bốn điều khổ ấy.

Suy xét như trên đây gọi là quán tưởng vô thường tế.

Như trong thân và ngoại cảnh tâm pháp cũng như vậy, vì tâm duyên theo sáu trần hoặc sanh lòng mừng, lòng giận, lòng yêu, v.v… lần lượt thay đổi khác, không trụ một niệm. Do đây nên biết rằng tất cả sắc pháp và tâm pháp đều vô thường cả.

Nếu Bồ Tát có thể ở trong một niệm thấy rõ tất cả pháp đều sanh diệt vô thường, đây gọi là Bồ Tát có đủ vô thường tưởng.

Nầy Thiện Nam Tử ! Người trí tu tập vô thường tưởng rồi thời xa lìa quan niệm điên đảo chấp thường.

Kế lại tu tập khổ tưởng. Duyên cớ gì có sự khổ như vậy ? Biết rõ rằng sự khổ nầy do nơi vô thường. Do vô thường mà có sanh, già , bịnh, chết. Vì có sanh già bịnh chết nên gọi là vô thường. Vì vô thường mà chịu lấy những sự khổ : Đói, khát, lạnh, nóng v.v…

Lại quán sát thân thể nầy chính là khí cụ vô thường, là khổ. Vì là khí cụ khổ nên bao nhiêu sự nhận lấy của thân đều là khổ cả.

Lại quán sát sanh là khổ, diệt là khổ. Sanh diệt chính là vô thường, chẳng phải ngã, chẳng phải ngã sở, nên tu vô ngã tưởng.

Lại quán sát khổ là vô thường, vô thường tức là khổ. Nếu đã là khổ vô thường, người trí đâu nên cho rằng có ngã ! Khổ không phải là ngã, vô thường cũng vậy.Cả năm ấm đều là khổ là vô thường, sao chúng sanh lại cho là có ngã !

Lại quán sát tất cả pháp có nhiều thứ hòa hiệp sai khác.Chẳng phải từ một hòa hiệp sanh tất cả pháp. Lại một pháp chẳng phải là quả của tất cả hòa hiệp. Tất cả hòa hiệp đều không tự tánh, cũng không một tánh, cũng không tánh sai khác, cũng không vật tánh, cũng không tự tại. Các pháp đã có những tướng như vậy, người trí đâu nên nói là có ngã.

Lại suy nghĩ rằng : Trong tất cả pháp không có một pháp nào là tác giả. Một pháp đã không phải tác giả. Tánh của các pháp hòa hiệp cũng không thể là tác giả. Tánh của các pháp không thể tự sanh tự diệt, do hòa hiệp mà diệt, do hòa hiệp mà sanh. Khi pháp đã sanh, chúng sanh điên đảo tưởng rằng là hòa hiệp, từ hòa hiệp sanh. Chúng sanh điên đảo tưởng niệm không có chơn thật. Như thế thời đâu có thật ngã ! Do đây nên người trí quán sát vô ngã.

Lại quán sát duyên cớ gì mà chúng sanh nói là ngã ? Ngã nầy nếu là có, thời là một hay nhiều. Nếu ngã chỉ có một, thời sao lại có Sát Đế Lợi, Bà La Môn v.v…nhẫn đến nhơn, thiên, quỉ, súc?â Nếu ngã là nhiều, sao lại nói rằng ngã của chúng sanh là duy nhứt, là khắp, là không biến tế. Cho là một hay là nhiều, cả hai đều không có ngã cả.

Người trí đã quán vô ngã rồi, kế lại quán tưởng yểm ly thực.

Nên suy nghĩ rằng : Nếu tất cả pháp là vô thường, khổ, vô ngã, sao lại vì sự ăn mà thân, khẩu, ý gây tạo ác nghiệp ! Nếu có chúng sanh nào vì tham ăn mà thân, khẩu, ý gây tạo nghiệp ác, bao nhiêu của cải có ra, mọi người đều cùng hưởng dụng, về sau lúc mắt quả khổ, không một ai cùng chia.

Lại quán sát tất cả chúng sanh vì ăn uống mà thân tâm chịu khổ. Nếu từ các sự khổ mà được ăn uống, sao ta lại đối với sự ăn uống mà sanh lòng tham đắm.

Kế lại nên quán sát thân nhơn. Do nơi uống ăn mà thân thể tăng trưởng. Nay ta xuất gia vì muốn xả thân nên thọ giới tu hành, nếu tham đắm ăn uống thời sao gọi là xả thân ! Quán sát như vậy rồi, dầu có ăn uống, nhưng coi như quỉ Khóang Dã ăn thịt con của nó, trong lòng nhàm ghét không biết ngon ngọt.

Quán sát rõ món ăn uống có lỗi như vậy rồi, kế lại quán xúc thực : Như con bò bị lột da, có vô số kiến ruồi bu cắn. Kế quán tư thực như đống lửa lớn. Quán thức thực như ba trăm mâu nhọn.

Người trí quán sát bốn thứ thực nầy rồi thời không còn có quan niệm tham ưa. Nếu còn tham ưa thời nên quán bất tịnh để lìa hẳn sự ái nhiễm đối với tứ

thực. Phải khéo phân biệt sự bất tịnh của tất cả thứ uống ăn. Lúc thọ ăn món ngon món dở, xem như thuốc thoa ghẻ, trọn không sanh lòng tham ái. Nếu có thể quán sát như trên đây thời gọi là người trí trọn nên quán tưởng yểm ly thực.

_ Bạch Thế Tôn ! Người trí quán sát món ăn là bất tịnh , đó là thật quán hay hư quán ? Nếu là thật quán thời thức ăn đương quán thật chẳng phải bất tịnh. Nếu là hư quán, thời sao lại gọi là thiện tưởng ?

_ Nầy Thiện Nam Tử ! Quán tưởng như vậy, cũng là thật cũng là hư : Vì có thể trừ quan niệm tham ăn nên gọi là thật ; vì không phải trùng dòi mà thấy là trùng dòi nên gọi là hư.

Nầy Thiện Nam Tử ! Tất cả pháp hữu lậu đều gọi là hư, mà cũng có thể được thật.

Nầy Thiện Nam Tử ! Nếu có Tỳ Kheo lúc muốn đi khất thực, tự nghĩ rằng :Tôi sẽ đi khất thực, mong được món ăn ngon, nhiều và mau được, đừng được món ăn dở, ít và chậm lâu. Tỳ Kheo nầy chẳng được gọi là có yểm ly tưởng đối với sự ăn uống, pháp lành sẽ suy hao lần, pháp chẳng lành sẽ càng ngày càng tăng trưởng.

Nầy Thiện Nam Tử ! Nếu có Tỳ Kheo lúc muốn đi khất thực, phải nguyện trước rằng : Cầu mong cho những người khất thực đều được no đủ, người bố thí vô lượng phước. Nếu tôi được món ăn, cũng chỉ là dùng để chữa bịnh cho thân thể ác độc nầy, để tu tập pháp lành, cho thí chủ được lợi ích. Tỳ Kheo lúc phát nguyện thời pháp lành lần tăng trưởng, pháp chẳng lành tiêu diệt lần. Tỳ Kheo nầy chẳng luống ăn của tín thí.

Nầy Thiện Nam Tử ! Người trí có đủ bốn pháp quán tưởng như vậy thời có thể tu pháp quán tưởng “ Thế gian không đáng ưa thích”. Suy nghĩ rằng : Tất cả thế gian không chỗ nào chẳng có sự sanh, già, bịnh, chết, mà thân của tôi không chỗ nào chẳng sanh. Thế gian đã không có một chỗ nào lìa được sự sanh, già, bịnh, chết, như vậy tại sao tôi lại ưa thích thế gian ! Tất cả thế gian không có gì tiến đắc mà chẳng phải thối thất, nên thế gian quyết định là vô thường. Đã là vô thường, người trí đâu nên ưa thích thế gian.

Mỗi chúng sanh trải qua khắp tất cả thế gian, hưởng thọ đủ cả sự khổ vui, đều được thân Phạm Thiên cho đến Trời Phi Phi Tưởng, lúc mạng chung cũng lại phải sa vào ba ác đạo. Dầu được thân Trời Tứ Thiên Vương cho đến

Trời Tha Hóa Tự Tại, lúc mạng chung hoặc phải sanh trong loài súc sanh làm thân sư tử, cọp, sói, voi, ngựa, bò, lừa v.v…

Kế lại suy nghĩ : Chuyển Luân Thánh Vương thống lãnh bốn châu thiên hạ, sang giàu tự tại, lúc hết phước phải nghèo khốn ăn mặc không đủ.

Người trí quán tưởng như trên đây rồi, thời có quan niệm thế gian không đáng ưa thích.

Người trí lại quán sát tất cả tài vật, châu báu, nhà cửa , hương hoa v.v… ở thế gian dầu dùng để đỡ khổ, nhưng những vật ấy chính nó là khổ, sao lại dùng khổ để lìa khổ.

Nầy Thiện Nam Tử ! Người trí quán sát như vậy rồi thời chẳng còn ưa thích tài vật ở thế gian. Như có người thân mang bịnh nặng, dầu có những thứ âm nhạc ca hát hoa hương chuỗi ngọc, nhưng trọn chẳng sanh lòng ưa thích. Người trí quán sát những điều trên đây không tham ưa tài vật châu báu ở thế gian cũng như vậy.

Nầy Thiện Nam Tử ! Người trí quán sát tất cả thế gian đều chẳng phải chỗ quy y, chẳng phải chỗ giải thoát, chẳng phải chỗ tịch tịnh, chẳng phải chỗ đáng ưa, chẳng phải bờ kia, chẳng phải thường , lạc, ngã, tịnh. Nếu tôi tham ưa nơi thế gian thời tôi làm thế nào lìa được thế gian, như người chẳng thích ở trong tối muốn tìm ánh sáng mà lại trở về trong tối. Trong tối là thế gian, ánh sáng là xuất thế. Nếu tôi ưa thích thế gian thời là thêm lớn sự đen tối mà muốn xa lìa đen tối.

Đen tối là vô minh, ánh sáng là trí minh. Chính quan niệm chẳng ưa thích thế gian là nhơn của trí minh. Tất cả kiết sử tham ưa dầu hay trói buộc, nhưng nay tôi tham ưa trí minh mà chẳng tham ưa thế gian.

Người trí quán sát rõ những sự trên đây rồi thời có đủ quan niệm rằng thế gian là chẳng đáng ưa thích.

Nầy Thiện Nam Tử ! Người trí kế lại tu tập tư tưởng : Quán sát thọ mạng nầy thường bị vô lượng oán thù vây quanh, niệm niệm tổn diệt không có tăng trưởng, như nước dốc trên núi không thể đứng dừng, cũng như sương móc ban mai thế chẳng còn lâu, như người tù bị dắt ra chợ mỗi bước gần đến chỗ chết, như dắt bò dê đến chỗ hàng thịt.

_ Bạch Thế Tôn ! Người trí quán sát niệm niệm diệt như thế nào ?

Nầy Thiện Nam Tử ! Như bốn người đều có tài bắn giỏi họp nhau ở một chỗ, mỗi người riêng bắn qua một hướng đồng nghĩ rằng bốn mũi tên của chúng tôi đồng thời bắn ra đồng thời rơi xuống. Lại có một người nghĩ rằng lúc bốn mũi tên nầy chưa rơi xuống, trong một lúc tôi có thể dùng tay bắt lấy.

Nầy Thiện Nam Tử ! Đáng gọi người nầy là mau lẹ chăng ?

_ Bạch Thế Tôn ! Người nầy thật mau lẹ.

_ Nầy Thiện Nam Tử ! Địa Hành quỉ còn lẹ hơn người nầy. Phi Hành quỉ lại mau hơn Địa Hành quỉ. Tứ Thiên Vương mau hơn Phi Hành quỉ. Nhựt Nguyệt Thần Thiên mau hơn Tứ Thiên Vương. Hành Kiên Tật Thiên mau hơn Nhựt Nguyệt Thiên. Thọ mạng của chúng sanh lại mau hơn Kiên Tật Thiên.

Nầy Thiện Nam Tử ! Một hơi thở một nháy mắt, thọ mạng của chúng sanh có bốn trăm lần sanh diệt. Nếu có thể quán sát thọ mạng như vậy thời gọi là có thể quán niệm niệm diệt.

Nầy Thiện Nam Tử ! Người trí quán sát thọ mạng thuộc nơi vua chết, nếu tôi lìa được vua chết nầy thời dứt hẳn được thọ mạntg vô thường. Lại nên quán sát thọ mạng nầy như cây to bên bờ sông lở, như người phạm tội lúc bị xử tử không ai xót thương, như lúc Sư Tử Vương quá đói, như lúc rắn độc hớp gió to, như lúc ngựa khát nươc nó giữ gìn nước, như lúc đại ác quỉ phát sân, vua chết của chúng sanh cũng dữ độc như vậy.

Người trí nếu có thể quán sát như vậy thời gọi là tu tập tư tưởng.

Nầy Thiện Nam Tử ! Người trí lại nên quán sát rằng nay tôi xuất gia dầu thọ mạng chỉ có bảy ngày bảy đêm, trong thời gian ấy tôi sẽ tinh tấn tu hành giữ gìn cấm giới, thuyết pháp giáo hóa lợi ích chúng sanh, đây là người trí tu tập tư tưởng.

Lại vì bảy ngày bảy đêm còn là nhiều, nếu được sáu ngày, hoặc năm ngày, bốn ngày, ba ngày, hai ngày, một ngày, một giờ, nhẫn đến trong khoảng một hơi thở ra vào, trong thời gian nầy tôi sẽ tinh tấn tu hành, giữ gìn cấm giới, thuyết pháp giáo hóa lợi ích chúng sanh. Đây gọi là người trí khéo tu tập tư tưởng.

Người trí có đủ sáu pháp quán tưởng trên đây có thể làm nhơn cho bảy pháp quán tưởng. Đây là bảy pháp quán tưởng : Một là quán tưởng thường tu tập, hai là quán tưởng thích tu tập, ba là quán tưởng không sân hận, bốn là quán tưởng không tật đố, năm là quán tưởng phát nguyện lành, sáu là quán tưởng không kiêu mạn, bảy là quán tưởng tam muội tự tại.

Nầy Thiện Nam Tử ! Nếu có Tỳ Kheo nào có đủ bảy pháp quán tưởng nầy, thời gọi là Sa Môn, là Bà La Môn, là tịch tịnh, là tịnh khiết, là giải thoát, là người trí, là chánh kiến, là đáo bĩ ngạn, là đại Y Vương, là đại thương chủ, là hiểu rõ pháp bí mật của Như Lai, là biết bảy thứ lời nói của chư Phật , là tri kiến chơn chánh, dứt được những lưới nghi trong bảy thứ lời nói của chư Phật.

Nầy Thiện Nam Tử ! Nếu người nào có đủ sáu pháp quán tưởng như trên, nên biết rằng người đó có thể quở trách ba cõi, xa lìa ba cõi, dứt trừ ba cõi, chẳng ưa đắm ba cõi. Đây gọi là người trí có đủ mười pháp quán tưởng.

Nếu Tỳ Kheo nào có đủ mười pháp quán tưởng nầy thời đáng được gọi là tướng Sa Môn.

Lúc đó Ca Diếp Bồ Tát liền ở trước Phật nói kệ tán thán :

Đấng Đại Y Vương thương thế gian, Thân và trí huệ đều tịch tịnh, Trong pháp vô ngã có chơn ngã, Nên tôi kỉnh lễ Vô Thượng Tôn. Phát tâm và rốt ráo không sai khác, Hai tâm nầy tâm trước khó hơn, Mình chưa được độ, độ người trước, Nên tôi kỉnh lễ sơ phát tâm. Sơ tâm đã là Thầy Trời, người, Hơn bực Thanh Văn và Duyên Giác,

Phát tâm như vậy hơn ba cõi, Nên được gọi là Tối Vô Thượng. Trong đời phải cầu rồi mới được, Phật không chờ thỉnh mà làm Thầy, Phật theo thế gian như nghé con, Nên được gọi là đấng đại bi. Công đức của Phật khắp mười phương, Phàm phu vô trí chẳng thể khen, Nay tôi tán thán tâm từ bi, Để báo đáp hai nghiệp thân khẩu. Thế gian thường ưa tự lợi ích, Đức Phật trọn chẳng có như vậy, Dứt báo thế gian cho chúng sanh, Nên tôi kỉnh lễ Tự Tha Lợi, Người đời làm lợi cho thân nhơn, Đức Phật lợi ích không thân thù, Phật không riêng biệt như người đời, Do đây tâm Phật thường bình đẳng . Người đời nói khác việc làm khác, Nói làm của Phật đều không sai, Phàm chỗ tu hành xả các hạnh, Do đây được gọi là Như Lai. Trước đã rõ biết lỗi phiền não, Thị hiện ở đó vì chúng sanh, Từ lâu đã giải thoát thế gian, Vì từ bi mà ở sanh tử.

Dầu hiện thân trời cùng thân người, Từ bi theo dõi như nghé con, Đức Phật là mẹ của chúng sanh, Từ tâm chính là nghé con nhỏ. Tự chịu khổ não vì chúng sanyh. Do xót thương nên lòng chẳng hối. Quá xót thương mà chẳng biết khổ, nên tôi cúi lạy đấng cứu khổ. Đức Phật dầu làm vô lượng phước, Nhưng thân khẩu ý thường thanh tịnh, Thường vì chúng sanh chẳng vì mình, Nên tôi kính lễ nghiệp thanh tịnh. Đức Phật chịu khổ chẳng biết khổ, Thấy người chịu khổ như mình khổ, Dầu vì chúng sanh ở địa ngục, Chẳng có niệm khổ và ăn năn. Chúng sanh chịu khổ đều khác nhau, Mà Như Lai một mình chịu khổ, Biết rồi tâm Phật càng kiên cố, Do đây siêng tu đạo vô thượng. Phật đủ tâm đại từ duy nhứt, Thương xót chúng sanh xem như con, Chúng sanh chẳng biết Phật cứu mình, Nên hủy báng Phật cùng Pháp, Tăng. Thế gian có đủ những phiền não, Cũng có vô lượng những lỗi ác, Phiền não và tội lỗi như vậy, Lúc sơ phát tâm đã dứt trừ. Chư Phật mới tán thán được Phật, Ngoài Phật không ai tán thán được, Nay tôi chỉ tán thán một điều, Là tâm đại từ thương thế gian. Từ tâm của Phật là pháp lớn, Từ tâm nầy độ được chúng sanh, Chính đây là vô thượng giải thoát, Giải thoát nầy là Đại Niết Bàn.

XXV

PHẨM KIỀU TRẦN NHƯ THỨ HAI MƯƠI LĂM

Lúc bấy giờ đức Thế Tôn bảo Kiều Trần Như : " Sắc là vô thường, do dứt sắc nầy được sắc thân thường trụ giải thoát. Thọ, tưởng, hành và thức cũng đều vô thường, do dứt thức ấm nầy mà được thức uẩn giải thoát thường trụ.

Nầy Kiều Trần Như ! Sắc là khổ, dứt sắc ấm nầy mà được sắc thân an lạc giải thoát. Thọ, tưởng, hành và thức cũng như vậy.

Nầy Kiều Trần Như ! Sắc là không, do dứt sắc không nầy mà được sắc uẩn giải thoát phi không. Thọ, tưởng, hành và thức cũng như vậy.

Nầy Kiều Trần Như ! Sắc là vô ngã, do dứt sắc ấm nầy mà được sắc uẩn giải thoát chơn ngã. Thọ, tưởng, hành và thức cũng như vậy.

Nầy Kiều Trần Như ! Sắc ấm là bất tịnh, do dứt sắc ấm nầy mà được sắc uẩn giải thoáthanh tịnh. Thọ, tưởng, hành và thức cũng như vậy.

Nầy Kiều Trần Như ! Sắc là tướng của sanh, lão , bịnh, tử, do dứt sắc ấm nầy mà được sắc uẩn giải thoát chẳng phải tướng sanh, lão, bịnh, tử. Thọ, tưởng, hành và thức cũng như vậy.

Nầy Kiều Trần Như ! Sắc là nhơn của vô minh do dứt sắc ấm nầy mà được sắc uẩn giải thoát chẳng phải nhơn của vô minh. Thọ, tưởng, hành và thức cũng như vậy.

Nầy Kiều Trần Như ! Nhẫn đến sắc ấm là nhơn của sanh, do dứt sắc ấm nầy mà được sắc uẩn giải thoát chẳng phải nhơn của sanh. Thọ, tưởng, hành và thức cũng như vậy.

Nầy Kiều Trần Như ! Sắc ấm là nhơn của bốn tưởng điên đảo, do dứt sắc ấm điên đảo nầy mà được sắc uẩn giải thoát chẳng phải nhơn của bốn tưởng điên đảo. Thọ, tưởng, hành và thức cũng như vậy.

Nầy Kiều Trần Như ! Sắc ấm là nhơn của vô lượng ác pháp : Nào là thân nam , thân nữ v.v…, nào là thực ái, dục ái, tham sân, tật đố, ác tâm, xan tâm, đoàn thực, xúc thực, tư thực, thức thực, noãn sanh, thai sanh, thấp sanh, hóa sanh, ngũ dục, ngũ cái v.v… : Tất cả ác pháp nầy đều nhơn nơi sắc cả. Do dứt sắc ấm nầy mà được sắc uẩn giải thoát không có vô lượng ác pháp như vậy. Thọ, tưởng, hành và thức cũng như vậy.

Nầy Kiều Trần Như ! Sắc là trói buộc, do dứt sắc nầy mà được sắc giải thoát không trói buộc. Thọ, tưởng, hành và thức cũng như vậy.

Nầy Kiều Trần Như ! Sắc là lưu chuyển, do dứt sắc nầy mà được sắc giải thoát không lưu chuyển. Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy.

Nầy Kiều Trần Như ! Sắc chẳng phải chỗ quy y, do dứt sắc nầy mà được sắc giải thoát quy y. Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy.

Nầy Kiều Trần Như ! Sắc là ghẻ lở, do dứt sắc nầy mà được sắc giải thoát không tội lỗi. Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy.

Nầy Kiều Trần Như ! Sắc chẳng tịch tịnh, do dứt sắc nầy được sắc Niết Bàn tịch tịnh. Thọ, tưởng, hành và thức cũng như vậy.

Nầy Kiều Trần Như ! Người nào rõ biết được như trên đây thời gọi là Sa Môn là Bà La Môn có đủ những pháp Sa Môn, pháp Bà La Môn.

Nếu ngoài Phật pháp thời không có Sa Môn, Bà La Môn, cũng không có pháp Sa Môn, pháp Bà La Môn. Tất cả ngoại đạo dối trá tự xưng, toàn hư giả không có thiệt hạh. Dầu họ tưởng rằng họ có hai bực nầy, nhưng thật ra thời không có. Vì nếu đã không có pháp Sa Môn và Bà La Môn, làm sao có được hai bực Sa Môn và Bà La Môn.

Ta thường ở giữa đại chúng xướng to những lời nầy. Các ông cũng nên xướng to như vậy.

Bấy giờ có số đông ngoại đạo sanh lòng bất bình rằng : Cù Đàm nói trong giáo phái của chúng ta không có Sa Môn và Bà La Môn, cũng không có pháp Sa Môn, pháp Bà La Môn. Chúng ta làm thế nào tỏ cho Cù Đàm biết rằng trong giáo phái của chúng ta có hai bực và hai pháp như vậy.

Có một Phạm Chí lên tiếng nói : " Nầy các ngài ! Lời nói của Cù Đàm như điên như cuồng, cần gì kiểm giảo ! Người điên cuồng trong đời hoặc ca, hoặc múa, hoặc khóc, hoặc cười, hoặc mắng , hoặc khen, không phân biệt kẻ thân người thù. Sa Môn Cù Đàm cũng như vậy : Có lúc nói ta sanh trong cung vua Tịnh Phạn, có lúc nói là chẳng sanh. Hoặc nói sau khi sanh tự đi bảy bước, lại nói là chẳng đi. Hoặc nói ta từ thuở nhỏ học tập văn vỏ, nghề nghiệp thế gian, rồi lại tự nói là bực nhứt thiết trí. Có lúc ở cung hưởng lạc thú sanh con trai, rồi lại nhàm chê là ác tiện. Có lúc đích thân tu khổ hạnh sáu năm, lại quở trách sự khổ hạnh của ngoại đạo. Hoặc nói theo học với ông Uất Đầu Lam Phất, ông A La Lã v.v…, có lúc nói các ông ấy không chỗ hiểu biết. Hoặc nói nơi cội Bồ Đề ta chứng được đạo vô thượng giác, có lúc lại nói ta không có đến cây Bồ Đề, không có chứng đắc. Hoặc nói thân ta đây chính là Niết Bàn, lại nói thân diệt mới là Niết Bàn.

Lời nói của Cù Đàm như điên cuồng, các ngài lo rầu làm gì ?

Có các Bà La Môn nói : " Trước kia Sa Môn Cù Đàm nói vô thường, khổ, không, vô ngã, bất tịnh. Hàng đệ tử trong giáo phái ta nghe lời nầy mà kinh sợ. Nay Cù Đàm đến rừng Ta La nầy tuyên bố có thường, lạc, ngã, tịnh. Hàng đệ tử ta nghe lời nầy đều bỏ phái ta, hoặc thọ lấy lời của Cù Đàm. Như thế bảo ta không sầu khổ sao được !

Lại có một Bà La Môn bảo rằng các ngài lóng nghe tôi nói đây : Sa Môn Cù Đàm gọi rằng tu từ bi, xét ra thời lời nói nầy là hư vọng, chẳng phải chơn thật. Vì nếu có từ bi sao ông ấy lại giáo hóa hàng đệ tử của chúng ta thọ lấy pháp của ông ấy. Lòng từ bi là tùy thuận theo ý của người, nay ông ấy làm trái bổn nguyện của chúng ta thời đâu phải là từ bi.

Nếu nói rằng Sa Môn Cù Đàm chẳng bị tám pháp thế gian làm ô nhiễm, lời nầy cũng là hư vọng : Vì nếu Cù Đàm là thiểu dục tri túc, hôm nay sao lại cướp lấy lợi dưỡng của chúng ta.

Nếu nói Cù Đàm thuộc về dòng họ cao thượng, lời nầy cũng hư vọng. Vì từ xưa đến nay chưa từng nghe thấy Sư Tử Vương tàn hại con chuột bé nhỏ. Nếu Cù Đàm là dòng cao thượng ngày nay sao lại não loạn chúng ta.

Nếu cho rằng Cù Đàm có thế lực lớn, lời nầy cũng là hư vọng. Vì từ xưa đến nay cũng chẳng từng thấy nghe Kim Súy Điểu Vương đua tranh cùng các chim. Nếu Cù Đàm thật có thế lực lớn, việc gì lại tranh đấu với chúng ta.

Nếu cho rằng Cù Đàm có tha tâm trí, xét ra cũng là hư vọng. Vì nếu có tha tâm trí cớ sao Cù Đàm chẳng rõ biết tâm niệm của chúng ta.

Nầy các ngài ! Xưa kia tôi từng nghe bực tôn túc nói rằng sau đây một trăm năm thế gian sẽ có một yêu huyễn ra đời. Yêu huyễn nầy chính là ông Cù Đàm. Ông ấy sắp sẽ diệt mất tại trong rừng Ta La nầy, các ngài chẳng nên sầu não.

Có một Ni Kiền Tử nói rằng : " Nay tôi sầu khổ chẳng phải vì đệ tử và sự cúng dường của riêng mình, chỉ vì người đời ngu tối không có con mắt, chẳng thấy biết phước điền cùng chẳng phải phước điền, bỏ bực Bà La Môn niên cao nhiều trí mà cúng dường người tuổi trẻ, do đây nên tôi lo rầu mà thôi.

Sa Môn Cù Đàm biết chú thuật, do sức chú thuật mà ông ấy có thể biến một thân thành vô lượng thân, biến vô lượng thân huờn lại một thân, hoặc biến thân làm hình nam, nữ, bò, dê, voi, ngựa. Sức của tôi có thể trừ việc chú thuật như vậy. Chú thuật của Cù Đàm đã mất, các ngài sẽ được an vui thọ hưởng nhiều sự cúng dường".

Lại có một Bà La Môn nói rằng : Nầy các ngài, Sa Môn Cù Đàm thành tựu đầy đủ vô lượng công đức, các ngài chẳng nên tranh đua.

Chúng ngoại đạo phản đối lại : Người ngu si kia ! Sao ông lại nói Sa Môn Cù Đàm có công đức lớn ? Lúc Cù Đàm sanh ra bảy ngày thời mẹ của ông ấy chết, như thế có thể được gọi là tướng phước đức chăng ?

Bà La Môn đáp rằng : Bị mắng chẳng giận, bị đánh chẳng đánh lại, đây là tướng đại phước đức. Thân của Cù Đàm có đủ ba mươi hai tướng tốt, tám

mươi vẻ đẹp, lại có vô lượng thần thông, đây là tướng đại phước đức. Không kiêu mạn thưa hỏi trước, lời nói dịu dàng không cộc cằn, lúc trai tráng chí ý hưng hạnh mà tâm chẳng nóng nảy, nước lớn của nhiều mà không tham luyến, bỏ cung điện đi xuất gia như nhổ bỏ nước miếng. Do những điều trên đây nên tôi nói rằng Sa Môn Cù Đàm thành tựu đầy đủ vô lượng công đức.

Chúng ngoại đạo nói : " Sa Môn Cù Đàm thiệt có vô lượng thần thông biến hoá như lời ông nói, chúng tôi chẳng thử thách thần thông với Cù Đàm.

Cù Đàm bản tánh nhu nhuyến, chẳng kham khổ hạnh, sanh trưởng chốn thâm cung chẳng rõ thấu được việc ngoài. Chỉ được lời nói dịu dàng mà chẳng biết nghề nghiệp văn hóa luận nghị. Chúng tôi xin tranh biện pháp yếu với Cù Đàm. Nếu ông Cù Đàm hơn, chúng tôi sẽ theo hầu Cù Đàm. Nếu chúng tôi hơn Cù Đàm thời Cù Đàm phải phụng sự chúng tôi."

Lúc đó một số đông ngoại đạo họp nhau đến ra mắt vua A Xà Thế.

Vua hỏi các ngài mỗi phái riêng tu tập theo đạo của mình, đều là người xuất gia rời bỏ danh lợi, nhơn dân trong nước của ta đều kính trọng cúng dường, nay duyên cớ gì họp nhau đến đây ?

Các ngài đều có pháp tu tập khác nhau, giới cấm khác nhau, mỗi người tự theo giáo phái của mình mà xuất gia tu hành, nay duyên cớ gì lại họp nhau một lòng như những lá rụng bị gió trốt thổi gom lại một chỗ.

Ta thường ủng hộ người xuất gia nhẫn đến chẳng tiếc thân mạng. Nay duyên cớ gì mà các ngài họp nhau đến đây ?

Chúng ngoại đạo đồng thưa : Tâu Đại Vương ! Nay Đại Vương là cây cầu đại pháp, có tiếng tăm lớn, có công đức lớn, là căn bổn của các nước, là tấm gương sáng của tất cả nước, là hình tượng của chư thiên, là cha mẹ của nhơn dân. Nhà vua coi việc nước chẳng riêng rẻ người thân kẻ thù, lòng vua bình đẳntg như đất nước lửa gió, do đây nhà vua đáng gọi là công đức tạng.

Tâu Đại Vương ! Dầu chúng sanh hiện tại tuổi đời ngắn ngủi, nhưng công đức của nhà vua như các vua thời kỳ trường thọ an lạc thuở xưa : Như các vua Đảnh Sanh, Thiện Kiến, Nhẫn Nhục, Na Hầu Sa, Da Da Đế, Thi Tỳ, Nhứt Xoa Câu v.v… Nhờ nhà vua mà trong nước an vui, nhơn dân giàu mạnh. Do đây nên tất cả người xuất gia đều mến nước Ma Dà Đà nầy.

Tâu Đại Vương ! Trong kinh của chúng tôi có nói : Nếu người xuất gia ở nơi nước nào mà tinh tấn trì giới tu hành, thời vua nước ấy cũng có phần tu công đức lành.

Tâu Đại Vương ! Tất cả trộm cướp nhà vua đã dẹp xong, nên người xuất gia không còn sợ sệt. Hiện nay chỉ còn có một người đại ác là Sa Môn Cù Đàm nhà vua chưa xét đến, chúng tôi rất lo sợ. Cù Đàm tự thị dòng họ cao quý, thân hình đẹp mạnh, lại do phước bố thí đời trươc mà được cúng dường nhiều. Cù Đàm cậy những việc nầy mà quá kiêu mạn, hoặc cậy chú thuật giỏi mà ngạo nghễ. Cù Đàm không thể tu khổ hạnh lãnh và chứa những y phục nệm chăn mịn nhuyễn, nên những người ác trong đời vì tham lợi dưỡng mà theo làm quyến thuộc. Do sức chú thuật, Cù Đàm điều phục Ca Diếp, Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên v.v…

Nay đến chỗ ở của chúng tôi, nơi rừng Ta La, tuyên bố rằng thân nầy là thường, lạc, ngã, tịnh để khuyến dụ hàng đệ tử của chúng tôi.

Tâu Đại Vương ! Ngày trước Cù Đàm nói thân người là không thường, lạc, ngã, tịnh chúng tôi còn có thể nhẫn được. Nay Cù Đàm tuyên bố thân nầy là thường, lạc, ngã, tịnh chúng tôi thiệt chẳng chịu được.

Xin Đại Vương cho phép chúng tôi luận nghị với Cù Đàm.

Vua A Xà Thế nói : Hôm nay các ngài do ai bày vẽ mà tâm trí cuồng loạn chẳng định như vậy ? Khác nào nước nổi sóng, vòng lửa xoay, khỉ vượn leo cây , thật đáng hổ thẹn.

Người trí nghe được việc nầy tất sẽ xót thương cho các ngài. Kẻ ngu nghe biết thời tất chê cười các ngài. Lời nói của các ngài chẳng phải là lời của người xuất gia. Các ngài nếu mang phải bịnh tật, ta đều có thuốc trị lành được. Nếu như mắc bịng ma quỉ, thời anh ta là Kỳ Bà có thể trị được.

Nay các ngài muốn lấy móng tay mà chẻ núi Tu Di, muốn dùng răng để cắn nghiền chất Kim Cang, khác nào người ngu thấy Sư Tử Vương lúc đói nằm ngủ mà muốn chọc cho thức dậy, như người lấy ngón tay muốn để trong miệng rắn độc, như muốn lấy tay đậy ngọn lửa, như con chồn rừng muốn kêu rống như sư tử, như con muỗi muốn bay đua với Kim Súy Điểu, như con thỏ lội qua biển muốn chưn đụng đến đáy. Nay các ngài cũng như vậy. Các ngài như chiêm bao thấy hơn Sa Môn Cù Đàm, đây là mơ mộng điên cuồng, chẳng nên tin tưởng.

Nay các ngài có quan niệm muốn tranh biện với Sa Môn Cù Đàm, khác nào con phi nga tự đáp vào đống lửa lớn. Các ngài phải theo lời của ta chẳng cần nói nữa.

Các ngài dầu tán thán ta là bình đẳng như cán cân, nhưng chớ để cho người ngoài nghe được lời nầy.

Các ngoại đạo lại thưa : Tâu Đại Vương ! Sa Môn Cù Đàm có lẽ dùng chú thuật đến bên nhà vua, nên làm cho lòng vua nghi mà chẳng tin các vị thánh nhơn nầy. Nhà vua chẳng nên khinh miệt chúng tôi.

Tâu Đại Vương ! Mặt trăng tròn khuyết, nước biển mặn v.v…, những việc như thế ai làm ra ? Há chẳng phải hàng Bà La Môn chúng tôi ư !

Nhà vua chẳng nghe nước sông Hằng dừng ở trong lỗ tai của A Kiệt Đa Tiên trọn mười hai năm ư ? Nhà vua chẳng nghe Cù Đàm Tiên nhơn cả hiện thần thông mười hai năm biến làm Đế Thích, rồi biến thân Đế Thích làm thân dê đực, biến ngàn nữ căn ở thân Đế Thích ? Nhà vua chẳng nghe Kỳ Nâu Tiên trong một ngày uống hết nước bốn biển làm cho quả đất khô ?

Nhà vua chẳng nghe bà Tẩu Tiên làm ba con mắt cho Tự Tại Thiên ư ? Nhà vua chẳng nghe La Lã Tiên biến thành Ca La Phú làm nước mọi ư ?

Tâu Đại Vương ! Trong phái Bà La Môn có những Tiên nhơn thần thông như vậy, sao nhà Vua lại khinh miệt ư ?

Vua nói : " Các ngài nếu chẳng tin theo lời của ta, đức Như Lai chánh giác hiện ở trong rừng Ta La, các ngài có thể qua đó tùy ý vấn nạn, Đức Như Lai cũng sẽ giải thích vừa ý các ngài."

Liền đó vua A Xà Thế cùng chúng ngoại đạo đến chỗ Phật. Vua đầu mặt làm lễ đi nhiễu ba vòng ngồi qua một bên bạch Phật rằng : " Thế Tôn ! Các nhà ngoại đạo nầy muốn được tùy ý vấn nạn, xin đức Như Lai tùy ý đáp đó."

Phật nói : " Nầy Đại Vương ! Như Lai tự biết phải lúc."

Trong chúng ngoại đạo có Bà La Môn Xà Đề Thủ Na lên tiếng hỏi :" Nầy Cù Đàm ngài nói Niết Bàn là pháp thường trụ phải chăng ?"

_ Nầy Đại Bà La Môn ! Đúng như vậy.

_ Nếu Cù Đàm nói Niết Bàn là thường trụ thời không đúng nghĩa. Vì như những sự vật trong đời, từ hột sanh ra trái nối luôn chẳng dứt, như từ đất sét làm ra cái bình, từ những sợi chỉ mà có cái áo. Cù Đàm thường nói rằng tu quán tưởng vô thường chứng được Niết Bàn. Nhơn là vô thường sao quả lại thường trụ ?

Cù Đàm lại nói giải thoát dục tham chính là Niết Bàn, giải thoát sắc tham và vô sắc tham chính là Niết Bàn. Dứt vô minh v.v… tất cả phiền não thời là Niết Bàn. Từ dục, sắc, nhẫn đến vô minh phiền não đều là vô thường. Nhơn đã vô thường thời quả Niết Bàn cũng phải vô thường.

Cù Đàm lại nói từ nghiệp nhơn nên sanh cõi Trời, do nghiệp nhơn nên sanh địa ngục, do nghiệp nhơn mà được giải thoát, nên các pháp đều do nơi nhơn mà sanh. Nếu đã từ nơi nhơn sanh mà được giải thoát, sao lại nói Niết Bàn là thường ?

Cù Đàm cũng nói rằng sắc theo duyên mà sanh nên gọi là vô thường, thọ tưởng hành thức cũng như vậy. Giải thoát như vậy, nếu là sắc thời là vô thường, nếu là thọ tưởng hành thức cũng là vô thường. Nếu ngoài năm ấm mà có giải thoát, thời giải thoát nầy chính là hư không. Nếu đã là hư không thời chẳng được nói rằng do nhơn duyên sanh, vì hư không là thường là duy nhứt, là khắp tất cả.

Cù Đàm cũng nói rằng : Phàm do nhơn duyên sanh ra thời là khổ, nếu đã là khổ sao lại nói giải thoát là lạc.

Cù Đàm lại nói : Vô thường là khổ, khổ là vô ngã. Nếu đã là vô thường, là khổ, là vô ngã thời là bất tịnh. Tất cả những pháp do nhơn duyên sanh ra, đều là vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh, sao lại nói Niết Bàn là thường , lạc, ngã tịnh ?

Nếu Cù Đàm nói rằng cũng là thường cũng vô thườntg, cũng khổ cũng vui, cũng là ngã cũng là vô ngã, cũng tịnh cũng bất tịnh, như thế há chẳng phải là hai lời ư ?

Tôi cũng từng nghe bực tôn túc nói nếu Phật ra đời thời lời nói không hai. Nay Cù Đàm nói hai lời, lại xưng rằng Phật chính là thân ta đây. Xin giải thích những điều tôi đã hỏi .

Phật nói : Nầy bà La Môn ! Cứ theo lời của ông, nay tôi hỏi ông tùy ý ông đáp.

Nầy Bà La Môn ! Tánh của ông là thường hay là vô thường ?

_ Tánh của tôi là thường.

Nầy Bà La Môn ! Tánh ấy có thể làm nhơn cho tất cả pháp trong và ngoài chăng ?

_ Chính thế, thưa Cù Đàm.

_ Nầy Bà La Môn ! Tánh ấy làm nhơn như thế nào ?

_ Thưa Cù Đàm ! Từ tánh sanh ra đại, từ đại sanh mạn, từ mạn sanh mười sáu pháp : Năm đại là địa, thủy, hỏa, phong, không, năm tri căn là nhãn, nhĩ, tỹ, thiệt, thân, năm nghiệp căn là tay , chơn, miệng tiếng, nam căn, nữ căn, cùng tâm bình đẳng căn. Mười sáu pháp nầy do năm pháp : Sắc, thinh, hương, vị, xúc sanh ra. Hai mươi mốt pháp nầy có ba pháp căn bổn : Nhiễm, thô và đen. Nhiễm là ái, thô là sân, đen là vô minh. Hai mươi ba pháp nầy, đều nhơn nơi tánh mà sanh.

_ Nầy Bà La Môn ! Những pháp đại, mạn v.v… là thường hay vô thường ?

_ Thưa Cù Đàm theo giáo pháp của tôi thời tánh là thường, những pháp đại v.v… đều là vô thường.

_ Nầy Bà La Môn ! Như trong pháp của ông nhơn là thường còn quả là vô thường. Trong pháp của ta dầu nhơn là vô thường nhưng quả là thường, thời có lỗi gì ?

Nầy Bà La Môn ! Trong pháp của các ông có hai nhơn chăng ?

_ Thưa Cù Đàm, có.

_ Thế nào là hai ?

_ _ Thưa Cù Đàm ! Một là sanh nhơn, hai là liễu nhơn .

_ Thế nào là sanh nhơn ? Thế nào là liễu nhơn ?

_ Sanh nhơn như đất sét làm ra cái bình. Liễu nhơn như đèn soi đồ vật.

_ Hai nhơn nầy là một tánh. Đã là một tánh có thể khiến sanh nhơn làm liễu nhơn chăng ? Có thể khiến liễu nhơn làm sanh nhơn chăng ?

_ Thưa Cù Đàm ! Không.

_ Nếu như sanh nhơn chẳng làm liễu nhơn, liễu nhơn chẳng làm sanh nhơn, có thể nói là nhơn tướng chăng ?

_ Thưa Cù Đàm ! Dầu hai nhơn chẳng làm thành lẫn nhau, nhưng vẫn có nhơn tướng.

_ Nầy Bà La Môn ! Vật của liễu nhơn chiếu rõ có đồng với liễu nhơn chăng ?

_ Thưa Cù Đàm ! Không .

Phật nói : Trong pháp của ta, dầu do từ vô thường chứng đặng Niết Bàn, nhưng Niết Bàn nầy chẳng phải là vô thường. Do từ liễu nhơn mà được nên là thường, lạc, ngã, tịnh. Do từ sanh nhơn mà được nên là vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh. Do đây nên đức Như Lai nói có hai thuyết thường và vô thường. Hai thuyết nầy không có hai lời, nên Phật gọi là không nói hai lời.

Như lời ông nói từng nghe bực tôn túc bảo rằng Phật ra đời không có hai lời. Lời nói trên đây rất đúng. Tất cả chư Phật mười phương ba đời không bao giờ có lời nói sai, vì có thời đồng nói có, không thời đồng nói không, nên gọi là đồng một nghĩa, do đây nên gọi Phật không nói hai lời.

Nầy Bà La Môn ! Đức Như Lai dầu gọi là hai lời, nhưng vì để hiểu rõ một lời. Thế nào là hai lời để hiểu rõ một lời ? Như nhãn căn cùng sắc trần đây là hai lời, sanh ra thức đây là một lời. Nhẫn đến ý căn cùng pháp trần sanh ra thức cũng như vậy.

_ Cù Đàm khéo phân biệt được ngữ nghĩa như vậy. Nay tôi chưa hiểu dùng hai lời để hiểu rõ một lời.

Đức Thế Tôn liền vì Bà La Môn mà tuyên nói pháp tứ đế : Nầy Bà La Môn ! Khổ Đế cũng hai cũng một, nhẫn đến đạo đế cũng hai cũng một.

Bà La Môn thưa : “ Bạch Thế Tôn ! Tôi đã hiểu biết rồi”.

_ Nầy Thiện Nam Tử ! Ông hiểu biết như thế nào ?

_ Bạch Thế Tôn ! Khổ đế , tất cả phàm phu thời hai, còn thánh nhơn thời một. Nhẫn đến đạo đế cũng như vậy.

_ Lành thay ! Đã hiểu.

_ Bạch Thế Tôn ! Nay tôi nghe pháp đã được chánh kiến, tôi quy y Phật Pháp Tăng Tam Bảo. Cúi xin Đức Đại Từ cho tôi xuất gia.

Đức Phật bảo Kiều Trần Như : ‘ Ông nên cạo bỏ râu tóc cho Xà Đề Thủ Na, cho ông xuất gia”.

Ngài Kiều Trần Như vâng lời Phật cạo tóc cho Xà Đề Thủ Na. Đương lúc cạo có hai thứ rơi xuống : Một là râu tóc, hai là phiền não. Xà Đề Thủ Na liền ở nơi chỗ ngồi chứng đặng quả A La Hán.

Lại có Phạm Chí Bà Trư Tra hỏi Phật : “ Cù Đàm nói Niết Bàn là thường trụ phải chăng ?”

_ Nầy Phạm Chí ! Đúng như vậy.

_ Cù Đàm toan chẳng nói rằng không phiền não là Niết Bàn ư ?

_ Nầy Phạm Chí ! Đúng như vậy.

_ Thưa Cù Đàm ! Ở thế gian có bốn thứ gọi là không : Một là những pháp chưa có ra thời gọi là không, như cái bình lúc chưa ra khỏi viên đất thời gọi là không có cái bình. Hai là những pháp đã diệt mất gọi là không, như cái bình đã hư bể thời gọi là không. Ba là lẫn không có tướng loại khác mà gọi là không, như trong bò không có ngựa, trong ngựa không có bò. Bốn là rốt ráo không nên gọi là không, như lông rùa sừng thỏ.

Thưa Cù Đàm ! Nếu vì đã dứt trừ phiền não mà gọi là Niết Bàn, thời Niết Bàn là không có. Nếu đã là không Niết Bàn, sao lại nói có thường, lạc, ngã, tịnh ?

_ Nầy Thiện Nam Tử ! Niết Bàn đây chẳng phải là trước không có như cái bình lúc còn là viên đất, cũng chẳng phải dứt mất thành không như cái bình lúc hư bể, cũng chẳng phải rốt ráo không như lông rùa sừng thỏ. Niết Bàn nầy đồng với khác loại mà không.

Như lời ông nói, dầu trong bò không có ngựa, nhưng chẳng được nói rằng bò cũng là không. Dầu trong ngựa không có bò nhưng cũng chẳng được nói rằng ngựa cũng là không. Niết Bàn cũng như vậy : Trong phiền não không

Niết Bàn, trong Niết Bàn không phiền não, do đây nên gọi là lẫn không có tướng khác nhau.

Thưa Cù Đàm ! Nếu cho Niết Bàn là lẫn không tướng khác nhau, sự không nầy không có thường, lạc, ngã, tịnh, sao Cù Đàm lại nói Niết Bàn là thường, lạc, ngã, tịnh ?

_ Nầy Thiện Nam Tử ! Như không tướng khác nhau của ông nói có ba thứ không : Bò, ngựa đều là trước không sau có, đây gọi là trước không ; đã có trở thành không đây gọi là hư hoại mà không ; không có tướng khác nhau thời như ông đã nói. Niết bàn không có ba tướng nầy, nên Niết Bàn là thường, lạc, ngã, tịnh.

Như ba thứ bịnh của người đời ; Bịnh nhiệt, bịnh phong, bịnh hàn. Ba thứ thuốc có thể trị được : Tô trị được bịnh nhiệt, dầu trị được bịnh phong, mật trị được bịnh hàn.

Nầy Thiện Nam Tử ! Trong bịnh phong không có dầu, trong dầu không có bịnh phong, nên dầu có thể trị được bịnh phong. Hai thứ kia cũng như vậy.

Tất cả chúng sanh có ba thứ bịnh : Tham, sân và si. Có ba thứ pháp dược trị được ba bịnh nầy : Bất tịnh quán là thuốc trị được bịnh tham, từ tâm quán là thuốc trị được bịnh sân, nhân duyên quán là thuốc trị được bịnh si.

Nầy Thiện Nam Tử ! Vì trừ tham nên quán pháp chẳng phải tham, vì trừ sân nên quán pháp chẳng phải sân, vì trừ si nên quán pháp chẳng phải si. Trong ba thứ bịnh không ba thứ thuốc pháp, trong ba thứ thuốc pháp không ba thứ bịnh.

Nầy Thiện Nam Tử ! Vì trong ba thứ bịnh không có ba thứ thuốc pháp, nên là vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh. Trong ba thứ thuốc pháp không có ba thứ bịnh nên được gọi là thường, lạc, ngã, tịnh.

_ Bạch Thế Tôn ! Đức Như Lai vì tôi nói thường là vô thường. Xin giải thích thế nào là thường, thế nào là vô thường ?

_ Nầy Thiện Nam Tử ! Sắc ấm là vô thường, giải thoát sắc ấm là thường.Nhẫn đến thức ấm là vô thường, giải thoát thức ấm là thường.

Nếu có người nào quán sắc nhẫn đến thức là vô thường, nên biết rằng người nầy chứng được pháp thường trụ.

_ Bạch Thế Tôn ! Nay tôi đã biết pháp thường và pháp vô thường.

_ Nầy Thiện Nam Tử ! Ông rõ biết pháp thường và vô thường như thế nào ?

_ Bạch Thế Tôn ! Nay tôi biết sắc ấm của tôi là vô thường, được giải thoát là thường, nhẫn đến thức cũng như vậy.

_ Lành thay ! Nầy Thiện Nam Tử ! Nay ông đã đền xong thân nầy.

Đức Phật bảo Kiều Trần Như : Bà Trư Tra đã chứng quả A La Hán, ông nên ban cho Bà Trư Tra ba y và bát.

Ngài Kiều Trần Như tuân lời Phật trao y bát cho Bà Trư Tra.

Lãnh y bát xong , Bà Trư Tra thưa rằng : Bạch Đại Đức Kiều Trần Như ! Nay tôi do thân tệ ác nầy mà được quả lành. Xin Đại Đức vì tôi đến bạch với đức Thế Tôn : Tôi là người ác xúc phạm đến họ Cù Đàm của đức Như Lai. Mong Đại Đức vì tôi mà sám hối tội nầy. Tôi cũng không thể ở lâu nơi thân ác độc nầy. Nay xin nhập Niết Bàn.

Ngài Kiều Trần Như liền đến bạch Phật : Thế Tôn ! Tỳ Kheo Bà Trư Tra sanh lòng hổ thẹn, tự nói là hung dữ xúc phạm họ Cù Đàm của đức Như Lai. Nay ông ấy muốn diệt thân, nhờ tôi sám hối.

Phật nói ; Nầy Kiều Trần Như ! Tỳ Kheo Bà Trư Tra đã thành tựu căn lành nơi vô lượng Phật quá khứ, nay thọ giáo với ta mà trụ đúng pháp, vì trụ đúng pháp nên chứng được chánh quả. Các ông phải cúng dường thân của ông ấy.

Ngài Kiều Trần Như nghe Phật dạy xong, đến nơi thân của Bà Trư Tra mà trần thuyết cúng dường.

Lúc thiêu thân, Bà Trư Tra hiện các thứ thần thông.

Chúng ngoại đạo thấy việc nầy đồng to tiếng xướng rằng : Bà Trư Tra đã được chú thuật của Sa Môn Cù Đàm, chẳng bao lâu ông sẽ hơn Sa Môn Cù Đàm.

Lại có Phạm Chí Tiên Ni hỏi Phật : Thưa Cù Đàm ! Cù Đàm có ngã không ?

Đức Như Lai nín lặng.

Tiên Ni lại hỏi : Thưa Cù Đàm ! Cù Đàm không có ngã ư ?

Đức Như Lai cũng nín lặng.

Tiên Ni hỏi luôn mấy lần như vậy, đức Phật đều nín lặng.

Tiên Ni nói : Thưa Cù Đàm ! Nếu tất cả chúng sanh có ngã khắp tất cả chỗ là một tác giả, cớsao Cù Đàm nín lặng chẳng trả lời ?

Phật nói : Nầy Tiên Ni ! Ông nói ngã đó là khắp tất cả chỗ phải chăng ?

_ Thưa Cù Đàm ! Chẳng những là tôi nói, mà tất cả người trí cũng nói như vậy.

_ Nầy Thiện Nam Tử ! Nếu ngã đó cùng khắp tất cả chỗ lẽ ra phải đồng thời thọ báo trong ngũ đạo. Nếu đồng thời thọ báo nơi ngũ đạo, hàng Phạm Chí các ông duyên cớ gì chẳng gây tạo những điều ác để khỏi địa ngục, mà lại tu những pháp lành để được thân Trời ?

_ Thưa Cù Đàm ! Ngã trong giáo pháp của chúng tôi có hai thứ : Một là ngã tác thân, hai là ngã thường thân. Vì ngã tác thân mà phải lìa nghiệp ác để khỏi địa ngục, phải tu những pháp lành để được sanh lên Trời.

_ Nầy Thiện Nam Tử ! Như ông đã nói ngã khắp tất cả chỗ. Ngã đó nếu ở trong tác thân thời là vô thường. Nếu trong tác thân không có ngã sao lại nói là khắp ?

_ Thưa Cù Đàm ! Ngã của chúng tôi lập cũng ở trong tác thân, mà cũng là thường trụ. Như người lúc để lửa cháy nhà, chủ nhà chạy ra ngoài, chẳng thể nói rằng nhà cửa bị cháy chủ nhà cũng bị cháy. Ngã nầy cũng như vậy, đương lúc tác thân vô thường, ngã nầy xuất ra đi, nên ngã nầy cũng là khắp, cũng là thường.

_ Nầy Thiện Nam Tử ! Như lời ông nói ngã đó cũng khắp cũng thường, nghĩa nầy không đúng. Vì khắp có hai thứ : Thường và vô thườntg. Lại có hai thứ ; Sắc và vô sắc. Do đây nên nếu nói rằng khắp tất cả thời cũng là thườntg cũng là vô thường, cũng là sắc cũng là vô sắc.

Nếu nói chủ nhà chạy ra khỏi nên chẳng gọi là vô thường, nghĩa nầy chẳng đúng. Vì nhà chẳng gọi là chủ, chủ chẳng gọi là nhà. Cái bị cháy khác, người chạy ra khác, nên được như vậy. Ngã nầy thời chẳng như vậy, vì ngã là sắc, sắc là ngã, ngã là vô sắc, vô sắc là ngã, sao lại nói rằng đương lúc sắc thân vô thường ngã xuất ra khỏi.

Nầy Thiện Nam Tử ! Ý ông nếu cho rằng : Tất cả chúng sanyh đồng một ngã, thời trái với pháp thế gian và xuất thế gian. Vì pháp thế gian có cha mẹ, con trai, con gái. Nếu ngã là một, thời cha là con trai, con trai là cha, mẹ là con gái, con gái là mẹ, thù là thân , thân là thù, đây là kia, kia là đây. Nên nếu nói rằng tất cả chúng sanh đồng một ngã thời là trái với pháp thế gian và xuất thế gian.

Tiên Ni nói : " Tôi chẳng nói tất cả chúng sanh đồng một ngã. Mà tôi nói mỗi người đều riêng có một ngã".

_ Nầy Thiện Nam Tử ! Nếu ông nói một người đều riêng có một ngã, đây là nhiều ngã, thời không đúng nghĩa. Vì như trước kia ông nói, ngã khắp tất cả chỗ. Nếu đã khắp tất cả thời tất cả chúng sanh lẽ ra phải đồng một nghiệp căn : Lúc được Trời mà thấy thời lúc được Phật cũng thấy, lúc được thân Trời làm, thời lúc được Phật cũng làm, nghe biết và nhẫn đến tất cả pháp cũng như vậy.

Nếu được thân Trời mà thấy chẳng phải là được Phật mà thấy thời chẳng nên nói rằng ngã khắp tất cả chỗ. Nếu ngã chẳng khắp thời là vô thường.

_ Thưa Cù Đàm ! Ngã của tất cả chúng sanh khắp tất cả. Còn pháp cùng phi pháp chẳng khắp tất cả. Do nghĩa nầy nên tác dụng của Phật khác, tác dụng của Trời khác. Chẳng nên nói rằng lúc Phật thấy lẽ ra Trời cũng thấy, lúc Phật nghe Trời cũng nên nghe.

_ Nầy Thiện Nam Tử ! Pháp và phi pháp chẳng phải là nghiệp làm ra ư ?

_ Thưa Cù Đàm ! Là nghiệp làm ra.

_ Nầy Thiện Nam Tử ! Nếu pháp cùng phi pháp là nghiệp làm ra thời là đồng pháp, sao nói rằng khác. Vì chỗ nghiệp của Phật có ngã của Trời, chỗ ngã của Trời có ngã của Phật, do đây nên lúc Phật tác dụng, Trời cũng tác dụng, pháp và phi pháp cũng phải như vậy.

Nầy Thiện Nam Tử ! Nếu tất cả chúng sanh pháp cùng phi pháp là như vậy, thời quả báo lẽ ra chẳng khác.

Nầy Thiện Nam Tử ! Từ nơi nhơn sanh ra quả, nhơn nầy trọn chẳng suy nghĩ phân biệt ta chỉ nên là quả Bà La Môn, chẳng làm quả cho Sát Lợi, Tỳ Xá, Thủ Đà. Vì từ nhơn sanh ra quả trọn chẳng trở ngại đối với bốn giòng như vậy. Pháp cùng phi pháp cũng như vậy, không thể phân biệt ta chỉ nên

làm quả Phật, chẳng làm quả Trời, hoặc ta chỉ làm quả Trời chẳng làm quả Phật. Vì nghiệp bình đẳng vậy.

_ Thưa Cù Đàm ! Như trong một nhà có trăm ngàn ngọn đèn, ngọn đèn có khác nhưng ánh sáng thời không khác. Ngọn đèn khác nhau dụ cho pháp cùng phi pháp, ánh sáng không sai khác dụ cho ngã của chúng sanh.

_ Nầy Thiện Nam Tử ! Ông đem đèn sáng để dụ cho ngã đó, không được đúng nghĩa. Vì đèn khác nhà khác. Ánh sáng của đèn cũng ở bên ngọn đèn mà cùng khắp trong nhà. Ngã của ông nói nếu đồng như vậy thời bên pháp và phi pháp đều phải có ngã, trong ngã cũng phải có pháp và phi pháp đều phải có ngã, trong ngã cũng phải có pháp và phi pháp. Nếu pháp cùng phi pháp không có ngã, thời chẳng được nói rằng ngã khắp tất cả chỗ. Nếu đều chung có cả, đâu đặng dùng đèn và ánh sáng để làm ví dụ.

Nầy Thiện Nam Tử ! Nếu ý của ông cho rằng ngọn đèn cùng ánh sáng thiệt khác nhau, duyên cớ gì ngọn đèn thêm thời ánh sáng nhiều, ngọn đèn lụn thời ánh ssáng mất. Do đây chẳng nên đem pháp cùng phi pháp dụ như ngọn đèn, ánh sáng không khác dụ cho ngã. Vì pháp và phi pháp cùng với ngã ba thứ là một.

_ Thưa Cù Đàm ! Ngài dẫn ví dụ ngọn đèn, việc đó chẳng tốt. Vì ví dụ ngọn đèn nếu là tốt thời tôi đã dẫn trước rồi. Như ví dụ đó chẳng tốt cớ sao ngài lại nói ?

_ Nầy Thiện Nam Tử ! Ví dụ ta dẫn ra đó đều chẳng làm tốt cùng chẳng tốt, đó là theo ý của ông để nói. Trong ví dụ đó cũng trình bày hai nghĩa rời ngoài ngọn đèn có ánh sáng và chính nơi ngọn đèn có ánh sáng, ý ông chẳng bình đẳng nên ông nói ngọn đèn dụ cho pháp cùng phi pháp, ánh sáng thời dụ cho ngã. Do đây nên ta trách ông : Ngọn đèn chính là ánh sáng, rời ngọn đèn có ánh sáng. Trong pháp có ngã, trong ngã có pháp, trong phi pháp có ngã, trong ngã có phi pháp. Nay cớ gì ông chỉ nhận lấy một bên bỏ một bên. Ví dụ như vậy là chẳng tốt đối với ông, nên nay ta trở lại dẫn ví dụ đó để dạy bảo ông.

Nầy Thiện Nam Tử ! Ví dụ như vậy thời chẳng thành, vì chẳng thành ví dụ nên với ta thời tốt, mà chẳng tốt đối với ông.

Nầy Thiện Nam Tử ! Nếu ý ông cho rằng nếu tôi chẳng tốt thời ngài cũng chẳng tốt. Ý nghĩ nầychẳng đúng, vì thấy người đời dùng sức mình để hại

lấy mình, tự mình làm ra mà người khác thọ dụng. Ví dụ của ông dẫn ra đó cũng như vậy. Nơi ta thời tốt, nơi ông thời chẳng tốt.

_ Thưa Cù Đàm ! Vừa rồi ngài trách tôi tâm chẳng bình đẳng, nay lời nói của ngài cũng chẳng bình đẳng. Vì ngài lấy tốt về mình, mà chẳng tốt lại để cho tôi. Cứ đây mà suy thời thật là chẳng bình đẳng.

_ Nầy Thiện Nam Tử ! Sự bất bình của ta có thể phá được sự bất bình của ông, do đây nên ông được bình, sự bất bình của ta chính là tốt vậy. Sự bất bình của ta phá sự bất bình của ông, làm cho ông được bình cũng chính là ta bình đẳng, vì đồng được bình đẳng với các thánh nhơn.

_ Thưa Cù Đàm ! Ngã thường là bình đẳng, sao ngài lại nói phá hoại sự bất bình của tôi. Tất cả chúng sanh bình đẳng có ngã sao ngài nói rằng ngã là bất bình ?

_ Nầy Thiện nam Tử ! Ông cũng có nói rằng : Sẽ thọ quả địa ngục, sẽ thọ quả ngạ quỉ, sẽ thọ quả súc sanh, sẽ thọ quả nhơn , thiên. Nếu ngã đã khắp trong ngũ đạo, sao ông lại nói sẽ thọ quả nơi các loài ?

Ông cũng nói rằng cha mẹ hòa hiệp rồi sau mới sanh con. Nếu con đã có trước, sao ông lại nói hòa hiệp rồi mới có. Nếu một người có thân trong ngũ đạo, đã là trước có thân trong ngũ đạo, duyên cớ gì lại vì thân mà tạo nghiệp. Do nghĩa trên đây nên là chẳng bình đẳng.

Nầy Thiện Nam Tử ! Ý của ông nếu cho rằng ngã là tác giả, thời cũng chẳng đúng. Vì nếu ngã là tác giả, duyên cớ gì ngã lại tự làm ra sự khổ. Nhưng hiện nay chúng sanh thiệt có bị khổ nên biết rằng ngã chẳng phải tác giả.

Nếu ông nói sự khổ nầy chẳng phải ngã làm ra, chẳng do nơi nhơn sanh, thời tất cả pháp cũng phải như vậy, chẳng do nhơn sanh, cớ gì lại nói là ngã làm ra .

Nầy Thiện Nam Tử ! Sự khổ vui của chúng sanh thiệt do nơi nhơn duyên. Sự khổ vui nầy có thể làm chúng sanh lo và mừng. Lúc lo không mừng, lúc mừng không lo, hoặc mừng hoặc lo, người trí đâu nên nói đó là thường trụ.

Nầy Thiện Nam Tử ! Ông nói ngã là thường. Nếu ngã là thường, sao lại nói có mười thời kỳ sai khác. Đã là thường lẽ ra chẳng có thời kỳ đậu thai nhẫn đến thời kỳ già.

Phật pháp thường như hư không còn chẳng có một thời kỳ, huống lại có cả mười thời kỳ !

Nếu ngã chẳng phải là thời kỳ đậu thai nhẫn đến chẳng phải thời kỳ già, sao lại nói có mười thời kỳ sai khác.

Nầy Thiện Nam Tử ! Nếu ngã là tác giả, ngã nầy cũng có lúc thạnh lúc suy, chúng sanh cũng có lúc thạnh lúc suy. Nếu ngã đã như vậy sao lại là thường.

Nầy Thiện Nam Tử ! Nếu ngã là tác giả, sao một người lại có khôn lanh, có đần độn ? Nếu ngã là tác giả, ngã nầy có thể làm ra thân nghiệp và khẩu nghiệp. Thân nghiệp và khẩu nghiệp nếu là ngã làm ra, sao miệng lại nói rằng không có ngã ư ? Sao lại tự nghi có ngã hay không có ngã ?

Nầy Thiện Nam Tử ! Nếu ý ông cho rằng rời ngoài nhãn căn có sự thấy. Lời nầy không đúng, vì nếu ngoài nhãn căn đã riêng có sự thấy thời cần gì đến nhãn căn nầy ? Như nhãn căn, nhĩ căn v.v… cũng như vậy. Nếu ý ông cho rằng dầu ngã có thể thấy nhưng cần phải do nhãn căn mới thấy, nghĩa nầy cũng chẳng đúng. Như có người nói rằng bông Tu mạn na có thể đốt cháy cả thôn xóm lớn, tại sao có thể cháy ? Vì lửa có thể cháy. Ông lập ngã có thể thấy cũng như vậy.

_ Thưa Cù Đàm ! Như người cầm liềm thời có thể cắt cỏ. Ngã nhơn nơi năm căn mà có thể thấy nghe nhẫn đến xúc cũng như vậy.

_ Nầy Thiện Nam Tử ! Liềm cùng người đều khác nhau, nên người cầm liềm thời cắt được cỏ. Rời ngoài năm căn không có ngã riêng khác, sao lại nói rằng ngã nhơn nơi năm căn mà có công năng ?

Nầy Thiện Nam Tử ! nếu ý ông cho rằng vì cầm liềm nên có thể cắt cỏ, ngã cũng như vậy. Như thế thời ngã có tay hay không tay ? Nếu có tay sao ngã chẳng tự cầm ? nếu ngã không có tay sao lại nói rằng ngã là tác giả ?

Nầy Thiện Nam Tử ! Có thể cắt cỏ đó chính là cái liềm, chẳng phải ngã cũng chẳng phải người. Nếu ngã và người có thể cắt cớ sao lại nhơn nơi cái liềm !

Nầy Thiện Nam Tử ! Người có hai tác động : Một là nắm lấy cỏ, hai là cầm cái liềm. Cái liềm nầy thời chỉ có công năng xén cắt,

Chúng sanh ngó thấy các pháp cũng như vậy : Nhãn căn có thể thấy sắc, từ nhơn duyên hòa hiệp mà có ra sự thấy đó. Nếu đã từ nhơn duyên hòa hiệp , người trí sao lại nói là có ngã ?

Nầy Thiện Nam Tử ! Nếu ý ông cho rằng thân làm mà ngã thọ, cũng không đúng nghĩa. Vì trong đời không bao giờ thấy Trời tạo nghiệp mà Phật thọ quả.

Nếu nói rằng chẳng phải là thân làm, ngã chẳng phải thọ, cớ sao các ông lại từ nơi nhơn duyên tu hành để cầu giải thoát ?

Thân nầy của ông trước kia chẳng phải nhơn duyên sanh. Khi được giải thoát rồi cũng lẽ ra không do nhơn duyên mà lại sanh ra thân. Như thân , tất cả phiền não cũng như vậy.

_ Thưa Cù Đàm ! Ngã có hai thứ : Một là hữu tri, hai là vô tri. Ngã vô tri có thể thọ lấy thân, ngã hữu tri có thể rời bỏ thân. Như cái bình đất, khi đã bị nung rồi thời mất màu sắc đất, chẳng còn sanh trở lại, phiền não của người trí cũng như vậy, đã dứt, mất rồi thời trọn chẳng còn sanh.

_ Nầy Thiện Nam Tử ! Ông nói là hữu tri đó, là trí có thể biết hay ngã có thể biết ? Nếu trí có thể biết sao lại nói rằng ngã là hữu tri ? Nếu ngã có thể biết cớ gì phải dùng phương tiện tu hành để cầu có trí ? Nếu ý ông cho rằng ngã nhơn nơi trí mà có biết thời đồng với điều dụ bông đốt cháy trước kia.

Nầy Thiện Nam Tử ! Như cây gai tánh của nó tự có thể đâm, chẳng được nói rằng cây cầm gai để đâm. Trí cũng như vậy : Trí tự có thể hiểu biết. Sao lại nói rằng ngã cầm lấy trí để biết ?

Nầy Thiện Nam Tử ! Như trong pháp của ông nói ngã được giải thoát, là ngã vô tri được giải thoát, hay là ngã hữu tri được ?

Nếu là ngã vô tri được thời phải biết rằng vẫn còn đủ phiền não. Nếu là ngã hữu tri được thời nên biết rằng đã có ngũ căn, vì ngoài ngũ căn không còn có sự biết. Nếu đã đủ ngũ căn thời sao lại nói là được giải thoát ?

Nếu cho rằng tánh của ngã nầy thanh tịnh rời ngoài ngũ căn, sao lại nói rằng ngã khắp trong ngũ đạo, duyên cớ gì tu các pháp lành để được giải thoát ?

Nầy Thiện nam Tử ! Như có người nhổ gai hư không. Ông cũng như vậy : Nếu ngã đã thanh tịnh sao lại nói rằng dứt các phiền não ?

Nếu ý ông cho rằng chẳng do nhơn duyên mà được giải thoát, cớ gì tất cả chúng sanh lại chẳng được ?

_ Thưa Cù Đàm ! Nếu không có ngã thời cái gì có thể ghi nhớ ?

_ Nầy Thiện Nam Tử ! Nếu có ngã cớ gì lại quên ?

Nầy Thiện Nam Tử ! Nếu nhớ là ngã, cớ gì lại nhớ những niệm ác, nhớ chỗ chẳng đáng nhớ, chẳng nhớ chỗ đáng nhớ ?

_ Thưa Cù Đàm ! Nếu không có ngã thời cái gì thấy, cái gì nghe ?

_ Nầy Thiện Nam Tử ! Trong có sáu căn, ngoài co sáu trần, căn trần hòa hiệp sanh ra sáu thức . Sáu thức nầy theo nhơn duyên mà được có tên.

Như một thứ lửa do nơi cây mà có lửa thời gọi là lửa cây, nhơn nơi cỏ thời gọi là lửa cỏ, nhơn nơi trấu thời gọi là lửa trấu, nhơn nơi phân bò thời gọi là lửa phân bò.

Ý thức của chúng sanh cũng như vậy : Nhơn nơi nhãn căn, sắc trần, ánh sáng và tác ý thời gọi đó là nhãn thức. Nhãn thức nầy chẳng ở trong nhãn căn nhẫn đến chẳng ở trong tác ý, do bốn thứ hòa hiệp nên sanh ra thức nầy. Nhẫn đến ý thức cũng lại như vậy.

Nếu đã là nhơn duyên hòa hiệp mà sanh ra, người trí chẳng nên nói rằng sự thấy chính là ngã, sự nghe nhẫn đến chạm xúc chính là ngã.

Nầy Thiện Nam Tử ! Do nghĩa trên đây nên ta nói rằng nhãn thức nhẫn đến ý thức, tất cả các pháp đều là như huyễn,

Thế nào là như huyễn ? Vì trước không nay mới có, đã có rồi trở lại không .

Như tỏi, bột, mật, gừng, tiêu, tất lăng, nho, hồ đào, thạch lựu , hột quì, các thứ ấy hòa hiệp lại gọi là huờn thuốc hoan hỷ. Rời ngoài sự hòa hiệp nầy thời không có huờn hoan hỷ.

Do căn nơi trong, trần nơi ngoài mà gọi là chúng sanh, là ngã, nhơn, sĩ phu. Ngoài căn và trần nầy không riêng có chúng sanh, ngã, nhơn, sĩ phu.

_ Thưa Cù Đàm ! Nếu không có ngã, sao lại nói rằng ; ta thấy, ta nghe, ta khổ, ta vui, ta lo, ta mừng ?

_ Nầy Thiện Nam Tử ! Nếu cho rằng ta thấy, ta nghe v.v… gọi là có ngã đó, cớ gì người đời, lại nói rằng tội của người làm ra chẳng thấy nghe ?

Như bốn đoàn binh hiệp lại gọi là quân đoàn, bốn đoàn binh chẳng gọi là một, mà cũng nói rằng quân ta mạnh mẽ quân ta thắng địch.

Nội căn ngoại trần hòa hiệp làm ra cũng như vậy, dầu chẳng phải là một, nhưng cũng được nói rằng : Ta làm, ta thọ, ta thấy, ta nghe, ta khổ, ta vui.

_ Thưa Cù Đàm ! Cứ như lời ngài : " Nội căn và ngoại trần hòa hiệp", thời ai ra tiếng nói rằng : Ta làm ta thọ ?

_ Nầy Tiên Ni ! Từ ái vô minh nhơn duyên sanh ra nghiệp, từ nghiệp sanh ra hữu, từ hữu xuất sanh vô lượng tâm sở, tâm sở sanh ra giác quán, giác quán động đến hơi gió, hơi gió theo tâm chạm xúc cổ họng lưỡi răng môi , chúng sanh điên đảo phát ra tiếng nói rằng ta làm , ta thọ, ta thấy, ta nghe.

Nầy Thiện Nam Tử ! Như cái linh đầu cột phướn, do gió động bèn phát ra tiếng, gió lơnù thời tiếng lớn, gió nhỏ thời tiếng nhỏ, không có tác giả.

Lại như sắc nóng ném vào trong nước phát ra nhiều tiếng, nơi đây thật ra cũng không có tác giả.

Nầy Thiện Nam Tử ! Phàm phu không thể tư duy phân biệt việc như vậy, nên nói rằng có ngã và ngã sở, ngã tác, ngã thọ.

Như Cù Đàm nói không có ngã và ngã sở, duyên cớ gì ngài lại nói có thường, lạc, ngã, tịnh ?

Nầy Thiện Nam Tử ! Ta chẳng nói sáu căn sáu trần và sáu thức là thường, lạc, ngã, tịnh. Mà ta tuyên bố rằng diệt sáu thức do nội căn ngoại trần sanh ra gọi đó là thường, do thường đây mà gọi là ngã, vì có thường ngã nên gọi là lạc, vì có thường lạc ngã nên gọi là tịnh.

Nầy Thiện Nam Tử ! Chúng sanh nhàm sự khổ mà dứt khổ nhơn nầy, được xa lìa tự tại đây gọi là vô ngã. Do nhơn duyên nầy nên nay ta thiết thiệt nói rằng thường, lạc, ngã, tịnh.

Tiên Ni thưa rằng : Bạch Thế Tôn ! Xin đức Đại Từ dạy bảo cho tôi phải làm thế nào để được thường, lạc, ngã, tịnh như vậy.

_ Nầy Thiện Nam Tử ! Từ trước đến nay tất cả thế gian có đủ sự ngã mạn lớn, lại tăng trưởng ngã mạn, cũng lại làm ra mạn nhơn, mạn nghiệp, nên nay thọ lấy quả báo của mạn, không thể xa lìa tất cả phiền não để được thường, lạc, ngã, tịnh.

Nếu chúng sanh muốn được xa lìa tất cả phiền não, trước hết phải xa lìa ngã mạn.

_ Bạch Thế Tôn ! Phải lắm ! Phải lắm ! Đúng như lời Phật dạy. Từ trước tôi có ngã mạn, do ngã mạn nên gọi đức Như Lai là Cù Đàm. Nay tôi đã lìa ngã mạn đó nên thành tâm thỉnh cầu giáo pháp : Làm thế nào sẽ được thường, lạc, ngã, tịnh.

_ Nầy Thiện Nam Tử ! Lóng nghe ! Lóng nghe ! Ta sẽ giải thuyết cho ông.

Nầy Thiện Nam Tử ! Nếu người có thể chẳng phải tự, chẳng phải tha, chẳng phải chúng sanh, xa lìa pháp nầy.

_ Bạch Thế Tôn ! Tôi đã hiểu rõ đã được chánh pháp nhãn.

_ Nầy Thiện Nam Tử ! Do đâu mà ông nói rằng đã biết, đã hiểu, đã được chánh pháp nhãn.

_ Bạch Thế Tôn ! Sắc ấm chẳng phải tự, chẳng phải tha, chẳng phải chúng sanh, thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Tôi quán sát như vậy mà được chánh pháp nhãn.

Bạch Thế Tôn ! Nay tôi rất muốn xuất gia tu học, xin đức Như Lai nhận cho.

Đức Phật gọi : “ Thiện Lai Tỳ Kheo !”

Liền đó Tiên Ni được đầy đủ phạm hạnh thanh tịnh chứng quả A La Hán.

Trong chúng ngoại đạo lại có Phạm Chí họ Ca Diếp lên tiếng rằng : Thưa Cù Đàm ! Thân tức là mạng, hay là thân khác mạng khác ?

Đức Như Lai nín lặng.

Phạm Chí hỏi lần thứ hai lần thứ ba, đức Như Lai vẫn nín lặng.

Phạm Chí lại nói : Thưa Cù Đàm ! Như người lúc chết chưa thọ lấy thân sau, chặn giữa đó đâu được chẳng gọi rằng thân khác mạng khác. Nếu là khác tại sao Cù Đàm nín lặng chẳng trả lời ?

_ Nầy Thiện Nam Tử ! Ta nói thân và mạng đều từ nhơn duyên, chẳng phải là không nhơn duyên. Như thân mạng tất cả pháp cũng như vậy.

_ Thưa Cù Đàm ! Tôi thấy thế gian cũng có pháp không từ nhơn duyên.

Nầy Phạm Chí ! Ông thấy thế gian có pháp chẳng từ nhơn duyên như thế nào ?

_ Tôi thấy lửa lớn đốt cháy lùm cây, gió thổi bức ngọn lửa rớt ở chỗ khác, đây há chẳng gọi là không nhơn duyên ư ?

_ Nầy Thiện Nam Tử ! Lửa nầy cũng từ nhơn mà sanh, chẳng pải là không nhơn.

Thưa Cù Đàm ! Lúc ngọn lửa bức bay đi chẳng nhơn củi than, sao lại nói rằng từ nơi nhơn mà sanh.

Nầy Thiện Nam Tử ! Dầu không củi than nhưng nhơn gió mà đi, do gió nên ngọn lửa đó chẳng tắt.

_ Thưa Cù Đàm ! Nếu người chết lúc chưa thọ thân sau, thọ mạng ở chặn giữa cái gì làm nhơn duyên ?

_ Nầy Phạm Chí ! Chính vô minh cùng ái làm nhơn duyên mà thọ mạng nầy được còn.

Nầy Thiện Nam Tử ! Vì có nhơn duyên nên thân là mạng, mạng là thân, vì có nhơn duyên nên thân khác, mạng khác. Người trí chẳng nên một bề nói rằng thân khác mạng khác.

_ Bạch Thế Tôn ! Xin giải thuyết cho tôi rõ biết được nhơn quả.

_ Nầy Phạm Chí ! Nhơn là ngũ ấm, quả cũng là ngũ ấm.

Nầy Thiện Nam Tử ! Nếu có chúng sanh chẳng đốt lửa thời không khói.

_ Bạch Thế Tôn ! Tôi đã hiểu rồi.

Nầy Thiện Nam Tử ! Ông hiểu biết như thế nào ?

_ Bạch Thế Tôn ! Lửa là nói phiền não có thể đốt cháy nơi địa ngục, ngạ quỉ, súc sanh, nhơn thiên. Khói là nói quả báo phiền não : Vô thường bất tịnh hôi nhơ đáng ghét đáng nhàm. Nếu chúng sanh chẳng khởi phiền não thời không có quả báo của phiền não. Do đây nên đức Như Lai nói không đốt lửa thời không có khói.

Bạch Thế Tôn ! Tôi đã được chánh kiến xin thương xót cho tôi xuất gia.

Đức Phật bảo Kiều Trần Như cho Phạm Chí nầy xuất gia thọ giới.

Ngài Kiều Trần Như tuân lời Phật hòa hiệp chúng Tăng cho Phạm Chí xuất gia thọ giới Cụ Túc. Năm ngày sau , Phạm Chí nầy chứng được A La Hán.

Trong chúng ngoại đạo lại có Phạm Chí Phú Na lên tiếng rằng : " Thưa Cù Đàm ! Ngài thấy thế gian là pháp thường trụ mà nói là thường phải chăng ?

Nghĩa như vậy là thiệt hay hư ? Là thường hay vô thường ? Là cũng thường, vô thường ? Là chẳng phải thường, chẳng phải vô thường ? Là hữu biên, là vô biên ? Là cũng hữu biên cũng vô biên ? Là chẳng phải hữu biên, chẳng phải vô biên ? Là thân là mạng ? Thân khác mạng khác ? Như Lai sau khi diệt độ, như mà đi hay chẳng như mà đi ? Cũng như mà đi cũng chẳng như mà đi ? Chẳng phải như mà đi, chẳng phải chẳng như mà đi ?

_ Nầy Phú Na ! Ta chẳng nói thế gian là thường là hư là thiệt là vô thường v.v… nhẫn đến cũng chẳng nói chẳng phải như mà đi, chẳng phải chẳng như mà đi.

_ Thưa Cù Đàm ! Nay thấy tội lỗi gì mà ngài chẳng nói như vậy ?

_ Nầy Phú Na ! Nếu có người nói rằng thế gian là thường, chỉ đây là chơn thật ngoài ra đều là vọng ngữ. Quan niệm nầy gọi là kiến, chỗ bị thấy gọi là kiến hành, gọi là kiến nghiệp, gọi là kiến trước, gọi là kiến phược, gọi là kiến khổ, gọi là kiến thủ, gọi là kiến bố, gọi là kiến nhiệt, gọi là kiến triền.

Nầy Phú Na ! Phàm phu bị kiến chấp ràng buôc nên không thể xa lìa sanh già, bịnh, chết mà lưu chuyển trong sáu đường , thọ vô lượng sự khổ. Nhẫn đến chẳng phải như mà đi, chẳng phải chẳng như mà đi cũng như vậy.

Nầy Phú Na ! Ta thấy kiến chấp nầy có lỗi như vậy, nên ta chấp trước cũng chẳng nói với người.

_ Thưa Cù Đàm ! Nếu thấy tội lỗi như vậy mà chẳng chấp trước chẳng nói. Nay Cù Đàm thấy gì ? Trước gì ? Tuyên thuyết những gì ?

Nầy Thiện Nam Tử ! Luận về người kiến trước gọi là pháp sanh tử . Như Lai đã rời pháp sanh tử nên chẳng kiến trước. Như Lai gọi là năng kiến, năng thuyết , mà chẳng phãi là chấp trước.

_ Thưa Cù Đàm ! Thế nào là năng kiến ? Thế nào là năng thuyết ?

_ Nầy Thiện Nam Tử ! Ta có thể thấy rõ khổ tập diệt đạo, ta phân biệt tuyên thuyết bốn đế lý nầy như vậy. Vì ta thấy như vậy nên xa lìa được tất cả kiến chấp, tất cả ái, tất cả lưu, tất cả mạn. Do đây nên ta có đủ phạm hạnh thanh tịnh tịch tịnh vô thượng, được thân thường trụ. Thân đây chẳng phải đông tây nam bắc.

_ Thưa Cù Đàm ! Cớ gì thân thường trụ chẳng phải đông tây nam bắc ?

_ Nầy Thiện Nam Tử ! Nay ta hỏi ông tùy ý ông đáp.

Nầy Thiện Nam Tử ! Như ở trước ông đốt đống lửa lớn, đương lúc lửa cháy ông có biết là lửa cháy không ?

_ Tôi biết là lửa cháy.

_ Lúc lửa tắt ông có biết là lửa tắt không ?

_ Tôi biết là lửa tắt.

_ Nầy Phú Na ! Nếu có người hỏi ông đống lửa trước mặt ông từ đâu mà cháy ? Tắt rồi đi về đâu ? Thời ông sẽ đáp thế nào ?

_ Thưa Cù Đàm ! Tôi sẽ đáp rằng : Lúc lửa nầy có ra là nhờ các duyên. Duyên cũ đã hết, duyên mới chưa đến thời lửa nầy phải tắt.

_ Nầy Phú Na ! Nếu họ lại hỏi lửa nầy đã tắt đi đến chỗ nào ? Thời ông sẽ đáp ra sao ?

_ Thưa Cù Đàm ! Tôi sẽ đáp rằng : Duyên hết nên tắt chẳng đến chỗ nào.

_ Nầy Thiện Nam Tử ! Như Lai cũng như vậy. Sắc vô thường nhẫn đến thức vô thường do ái mà cháy lên, vì cháy lên mà phải thọ lấy thân trong hai mươi lăm cỏi. Lúc cháy lên đó có thể nói là Đông, Tây, Nam, Bắc. Hiện tại ái đã diệt, quả báo hai mươi lăm cõi chẳng còn cháy, vì chẳng cháy nên không thể nói là có Đông , Tây, Nam, Bắc…

Nầy Thiện Nam Tử Như Lai đã dứt sắc ấm vô thường nhẫn đến dứt thức ấm vô thường, nên thân của Như Lai là thường trụ. Thân đã là thường chẳng nói rằng có Đông Tây Nam Bắc.

Phú Na thưa rằng xin trình bày một ví dụ, mong Thế Tôn nghe cho.

_ Lành thay ! Lành thay ! Ông cứ tùy ý mà nói.

_ Bạch Thế Tôn ! Như ngoài thôn lớn có rừng Ta La, trong rừng có một cây mọc trước khi thành rừng đủ một trăm năm. Lúc đó chủ rừng lấy nước tưới cây nầy, theo thời tiết mà săn sóc. Cây nầy già, mục, vỏ, lá, nhánh đều rơi rớt chỉ còn lõi chắc.

Đức Như Lai cũng như vậy : Tất cả những gì có đã cũ hư thảy đều trừ hết, chỉ còn có tất cả pháp chơn thật.

Bạch Thế Tôn ! Nay tôi rất thích xuất gia tu hành.

Phật bảo : “ Thiện Lai Tỳ Kheo !”

Vừa dứt tiến, Phú Na liền biến thành tướng Tỳ Kheo, dứt hết phiền não, chứng được quả A La Hán.

Lại có Phạm Chí tên Thanh Tịnh lên tiếng rằng : “ Thưa Cù Đàm ! Do chẳng biết pháp gì mà tất cả chúng sanh thấy thế gian là thường, là vô thường, cũng thường, cũng vô thường, chẳng phải thường, chẳng phải vô thường, nhẫn đến chẳng phải như mà đi, chẳng phải chẳng như mà đi ?”

_ Nầy Thiện Nam Tử !Vì chẳng biết sắc, nhẫn đến chẳng biết thức nên thấy thế gian là thường, nhẫn đến thấy chẳng phải chẳng như mà đi.

_ Thưa Cù Đàm ! Do chúng sanh biết pháp gì mà chẳng thấy thế gian là thường nhẫn đến chẳng thấy chẳng phải, chẳng như mà đi ?

_ Nầy Thiện Nam Tử ! Vì biết sắc, thọ, tưởng, hành, thức nên chẳng thấy thế gian là thường nhẫn đến chẳng thấy chẳng phải chẳng như mà đi.

_ Bạch Thế Tôn ! Xin vì tôi mà giải thuyết thế gian là thường cùng vô thường.

_ Nầy Thiện Nam Tử ! Nếu người bỏ nghiệp cũ chẳng gây tạo nghiệp mới, người nầy có thể biết thường cùng vô thường.

_ Bạch Thế Tôn ! Tôi đã hiểu biết.

_ Nầy Thiện Nam Tử ! Ông thấy biết thế nào ?

_ Bạch Thế Tôn ! Cũ là nói vô minh cùng ái, mới là nói thủ và hữu. Nếu người xa lìa vô minh ái nầy mà chẳng gây tạo thủ và hữu, người nầy thật biết thường và vô thường.

Nay tôi đã được pháp nhẫn thanh tịnh quy y Tam Bảo. Xin đức Như Lai cho tôi xuất gia.

Phật bảo Kiều Trần Như cho Phạm Chí Thanh Tịnh nầy xuất gia.

Ngài Kiều Trần Như tuân lời Phật, dắùt Thanh Tịnh đến trong Tăng làm pháp Yết Ma cho xuất gia. Sau đó mười lăm ngày, Tỳ Kheo Thanh Tịnh dứt hết phiền não chứng quả A La Hán.

Phạm Chí Độc Tử thưa rằng : “ Thưa Cù Đàm ! Nay tôi muốn hỏi ngài có cho phép chăng ?”

Đức Như Lai nín lặng.

Thưa lần thứ hai lần thứ ba, Đức Như Lai vẫn nín lặng.

Độc Tử thưa rằng : “ Từ lâu tôi cùng ngài vẫn là thân hữu, ngài cùng tôi nghĩa không có khác, nay tôi muốn hỏi han, cớ sao ngài lại nín lặng ?”

Lúc đó Đức Thế Tôn nghĩ rằng : “ Phạm Chí nầy tánh tình nho nhã thuần thiện ngay thẳng. Thường vì muốn hiểu biết mà đến thưa hỏi, chẳng phải vì não loạn. Nếu ông ấy có hỏi ta nên tùy ý đáp”.

Suy nghĩ xong Phật nói rằng : Lành thay ! Lành thay ! Ông cứ theo chỗ nghi mà hỏi ta sẽ giải đáp cho.

Độc Tử thưa rằng : “ Thế gian có pháp lành chăng ?”

_ Nầy Phạm Chí ! Thế gian có pháp lành.

_ Thưa Cù Đàm ! Thế gian có pháp chẳng lành chăng ?

_ Nầy Phạm Chí ! Thế gian có pháp chẳng lành.

_ Xin Cù Đàm vì tôi mà giảng nói, cho tôi biết pháp lành và pháp chẳng lành.

_ Nầy Thiện Nam Tử ! Ta có thể phân biệt giảng rộng nghĩa đó. Nay sẽ vì ông mà nói lược.

_ Nầy Thiện Nam Tử ! Dục gọi là pháp chẳng lành, giải thoát dục gọi là pháp lành. Sân cùng si cũng như vậy. Sát sanh là pháp chẳng lành, chẳng sát sanh là pháp lành, nhẫn đến tà kiến cũng như vậy.

Nầy Thiện Nam Tử ! Ta đã vì ông mà nói ba thứ pháp lành cùng chẳng lành và nói mười thứ pháp lành cùng chẳng lành. Nếu hàng đệ tử của ta có thể hiểu biết ba thứ nhẫn đến mười thứ pháp lành cùng chẳng lành như vậy, phải biết rằng người nầy có thể dứt hết tham sân, si tất cả phiền não, dứt tất cả quả báo sanh tử.

_ Thưa Cù Đàm ! Trong Phật pháp có một Tỳ Kheo nào được như vậy chăng ?

_ Nầy Thiện Nam Tử ! Trong Phật pháp chẳng phải chỉ có một hai người nhẫn đến trăm ngàn người, mà có vô lượng Tỳ Kheo dứt được tham, sân, si tất cả phiền não, tất cả quả báo sanh tử như vậy.

_ Thưa Cù Đàm ! Trong Phật pháp có một Tỳ Kheo Ni nào được như vậy chăng ?

_ Nầy Thiện Nam Tử ! Trong Phật pháp đây cũng có vô lượng Tỳ Kheo Ni dứt được tham, sân, si tất cả phiền não, tất cả quả báo sanh tử.

_ Thưa Cù Đàm ! Trong Phật pháp có Ưu Bà Tắc nào siêng năng giữ giới dứt được lưới nghi chăng ?

_ Nầy Thiện Nam Tử ! Trong Phật pháp của ta có vô lượng Ưu Bà tắc tinh tấn giữ giới thanh tịnh, dứt được năm phẩm kiết sử bực hạ, được quả A Na Hàm, dứt được lưới nghi.

_ Thưa Cù Đàm ! Trong Phật pháp có Ưu Bà Di nào tinh cần trì giới thanh tịnh dứt được lưới nghi chăng ?

_ Nầy Thiện Nam Tử ! Trong Phật pháp ta có vô lượng Ưu Bà Di tinh cần trì giới thanh tịnh dứt năm phẩm kiết sử bực hạ, dứt được lưới nghi, chứng quả A Na Hàm.

_ Thưa Cù Đàm ! Ngoài những vị trên, trong Phật pháp có Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di nào hưởng lạc thú ngũ dục mà tâm dứt được lưới nghi chăng ?

_ Nầy Thiện Nam Tử ! Trong Phật pháp ta vô lượng Ưu Bà Tắc cũng như Ưu Bà Di dứt ba phẩm kiết sử được quả Tu Đà Hoàn. Người tham, sân, si mỏng thời được quả Tư Đà Hàm.

_ Bạch Thế Tôn ! Nay tôi thích nói thí dụ, xin ngài cho phép.

_ Lành thay ! Ông thích nói thời cứ nói.

_ Bạch Thế Tôn ! Như Long Vương Nan Đà và Bạt Nan Đà bình đẳng mưa to. Pháp dụ của Như Lai cũng như vậy, bình đẳng mưa xuống hàng Ưu Bà Tắc và Ưu Bà Di.

Bạch Thế Tôn ! Nếu hàng ngoại đạo muốn đến Phật pháp để xuất gia, chẳng rõ đức Như Lai thử họ trong mấy tháng ?

_ Nầy Thiện Nam Tử ! Thử họ trong bốn tháng, nhưng bất tất hết thảy đều một hạng.

_ Bạch Thế Tôn ! Nếu chẳng đều một hạng, xin đức Đại Từ cho tôi xuất gia.

Đức Thế Tôn bảo Kiều Trần Như cho Độc Tử xuất gia thọ giới.

Sau đó mười lăm ngày, Độc Tử được quả Tu Đà Hoàn.

Độc Tử nghĩ rằng nếu người có trí huệ do nơi học mà được, nay tôi đã được có thể đến ra mắt Phật.

Liền đến lễ Phật bạch rằng : “Thế Tôn ! Những người có trí huệ từ nơi học mà được, nay tôi đã được. Xin đức Thế Tôn vì tôi mà giảng thuyết cho tôi được trí huệ vô học.

_ Nầy Thiện nam Tử ! Ông nên tinh tấn tu tập hai pháp : Chỉ và quán. Nếu có Tỳ Kheo muốn được quả Tu Đà Hoàn cũng phải siêng tu tập hai pháp như vậy. Nếu muốn được Tư Đà Hàm, A Na hàm, A La Hán cũng phải tu tập hai pháp như vậy.

Nầy Thiện Nam Tử ! Nếu có Tỳ Kheo muốn được tứ thiền, tứ vô lượng tâm, lục thần thông, bát bội xả, bát thắng xứ, vô tránh trí, đảnh trí, tất cánh trí, tứ vô ngại trí, kim cang tam muội, tận trí, vô sanh trí, cũng phải tu tập hai pháp như vậy.

Nầy Thiện Nam Tử ! Nếu muốn được bực Thập Trụ, vô sanh pháp nhẫn, vô tướng pháp nhẫn, bất khả tư nghì pháp nhẫn, thánh hạnh, phạm hạnh, thiên hạnh, Bồ Tát hạnh, hư không tam muội, trí ấn tam muội, không vô tướng vô tác tam muội, địa tam muội, bất thối tam muội, Thủ Lăng Nghiêm tam muội, Kim Cang tam muội, vô thượng Bồ Đề Phật hạnh, cũng phải tu tập hai pháp như vậy.

Độc Tử nghe xong lễ Phật lui ra, ở trong rừng Ta La tu tập hai pháp chỉ quán, chẳng bao lâu được quả A La Hán.

Lúc đó lại có vô lượng Tỳ Kheo muốn đến chỗ Phật. Độc Tử hỏi rằng : Chư Đại Đức muốn đến đâu ?

Các Tỳ Kheo nói : Chúng tôi muốn đến Phật.

Độc Tử lại nói : Nếu chư Đại Đức đến chỗ Phật xin vì tôi bạch cùng Phật rằng Độc Tử Tỳ Kheo đã tu tập hai pháp chỉ quán được trí vô học, nay báo ơn Phật mà nhập Niết Bàn.

Các Tỳ Kheo đem lời nầy đến bạch cùng Phật.

Phật bảo các Tỳ Kheo : Nầy các Thiện Nam Tử ! Độc Tử đã được quả A La Hán, các ông nên đến cúng dường thân thể của Độc Tử.

Các Tỳ Kheo tuân lời Phật trở về cúng dường thi hài của Độc Tử.

Nạp Y Phạm Chí lại lên tiếng hỏi Phật : Thưa Cù Đàm ! Như lời Cù Đàm nói trong vô lượng đời làm điều lành điều chẳng lành, đời vị lai trở lại được thân lành thân chẳng lành. Theo ý tôi, lời trên đây không đúng.

Vì như Cù Đàm từng nói nhơn phiền não mà cảm lấy thân nầy. Đã nhơn nơi phiền não mà có thận, thời thân có trước hay phiền não có trước ? Nếu phiền não có trước thời ai làm và ở chỗ nào ? Nếu thân có trước thời sao lại nói nhơn phiền não mà có thân ? Do đây nên nếu nói phiền não ở trước hay thân ở trước đều không được. Nếu nói đồng một thời cũng chẳng được. Thế là hoặc trước, hoặcsau, hoặc đồng một thời, đều chẳng được. Do đây nên tôi nói tất cả pháp đều có tự tánh chẳng phải từ nơi nhơn duyên.

Thưa Cù Đàm ! Lại cứng là tánh của địa đại, ướt là tánh của thủy đại, nóng là tánh của hoả đại, động là tánh của phong đại, không chướng ngại là tánh của hư không, tánh của năm đại nầy chẳng phải từ nhơn duyên mà có. Nếu trong thế gian có tánh của một pháp chẳng phải từ nhơn duyên mà có, thời tánh của tất cả pháp cũng phải như vậy. Nếu có một pháp từ nơi nhơn duyên, cớ gì tánh của ngũ đại lại chẳng từ nơi nhơn duyên ?

Thưa Cù Đàm ! Chúng sanh mà có thân lành, thân chẳng lành, hoặc được giải thoát đều là tự tánh cả, chẳng phải từ nơi nhơn duyên. Nên tôi nói rằng tất cả các pháp do tự tánh mà có, chẳng phải là nhơn duyên sanh.

Thưa Cù Đàm ! Pháp thế gian có chỗ dùng nhứt định, như người thợ nói cây nầy có thể làm xe cộ, cây nầy có thể làm cửa, làm ván, làm giường, làm ghế. Lại như thợ kim hoàn làm ra những đồ trang sức : Đội trên trán thờigọi là tràng, đeo dưới cổ thời gọi là chuỗi, đeo trên tay thời gọi là xuyến, đeo nơi ngón tay thời gọi là nhẫn. Vì chỗ dùng nhứt định nên gọi là định tánh. Do đây biết rằng tất cả chúng sanh cũng như vậy : Vì có tánh ngũ đạo nên có địa ngục, ngạ quỉ, súc sanh, nhơn, thiên. Nếu đã như vậy sao lại nói rằng từ nơi nhơn duyên.

Thưa Cù Đàm ! Lại tất cả chúng sanh tánh của họ đều khác, nên gọi là tất cả tự tánh. Như con rùa sanh trên đất cao mà nó tự có thể lặn xuống nước, bò con lúc sanh ra nó tự có thể uống sữa, cá thấy mồi tự nhiên nuốt ăn, rắn độc lúc sanh ra tự nhiên ăn đất, những việc như vậy có ai dạy bảo ? Như gai sanh ra tự nhiên đầu nhọn, lông cánh của loài chim bay tự nhiên có màu sắc riêng khác. Chúng sanh trong thế gian cũng như vậy : Có khôn lanh, có đần độn, có giàu, có nghèo, có đẹp, có xấu, có người đượcgiải thoát, có kẻ chẳng được. Do đây nên biết trong tất cả pháp đều riêng có tự tánh.

Thưa Cù Đàm ! Lại như ngài từng nói tham, sân, si từ nơi nhơn duyên mà sanh, ba món độc nầy do nơi năm trần làm duyên. Theo ý tôi lời trên đây không đúng.

Vì chúng sanh lúc ngủ xa lìa năm trần mà cũng vẫn sanh tham, sân, si. Lúc ở trong thai cũng vậy. Lúc mới ra khỏi thai chưa phân biệt được năm trần là tốt hay xấu mà cũng sanh lòng tham, sân, si. Các vị Tiên Nhơn ở nơi chỗ vắng vẻ. Không có ngũ trần mà cũng sanh tham, sân, si. Lại cũng có người nhơn nơi năm trần mà sanh vô tham, vô sân, vô si. Do đây nên bất tất từ nơi nhơn duyên sanh ra tất cả pháp, vì tự tánh nó sẵn như vậy.

Thưa Cù Đàm ! Tôi lại thấy trong đời có người căn thân chẳng đầy đủ mà giàu có thế lực lớn, có người thân thể hoàn bị mà nghèo cùng hèn hạ làm tôi làm tớ. Nếu có nhơn duyên cớ sao lại như vậy ? Do đây nên các pháp đều riêng có tự tánh chẳng phải do nhơn duyên.

Thưa Cù Đàm ! Trong đời những trẻ nhỏ chưa phân biệt được năm trần, chúng nó hoặc cười hoặc khóc. Lúc cười biết nó mừng, lúc khóc biết nó buồn. Do đây nên biết tất cả pháp đều riêng có tự tánh.

_ Thưa Cù Đàm ! Thế pháp có hai : Có và không. Có là hư không, không là sừng thỏ. Hư không vì là có nên chẳng từ nơi nhơn duyên, sừng thỏ vì là không nên cũng chẳng từ nơi nhơn duyên. Do đây nên biết các pháp cótự tánh chẳng từ nơi nhơn duyên.

Phật nói : " Nầy Thiện Nam Tử ! Như lời ông nói tất cả pháp cũng như tánh của năm đại. Nghĩa nầy không đúng.

Vì như trong pháp của ông cho năm đại là thường, duyên cớ gì mà tất cả pháp đều chẳng phải là thường ? Nếu sự vật trong đời là vô thường, tánh của năm đại nầy duyên cớ gì chẳng phải vô thường. Nếu năm đại là thường thời lẽ ra sự vật trong đời cũng là thường. Do đây nên ông nói tánh của năm đại vì có tự tánh chẳng từ nơi nhơn duyên, khiến tất cả pháp đồng như năm đại, thời không đúng nghĩa.

Nầy Thiện Nam Tử ! Ông nói vì chỗ dùng nhứt định nên có tự tánh, nghĩa nầy không đúng. Vì tất cả đồ dùng đều từ nơi nhơn duyên mà được có danh tự, nếu đã từ nhơn duyên có danh tự thời cũng từ nhơn duyên mà có nghĩa.

Thế nào gọi là từ nhơn duyên mà có danh tự ? Như đồ trang sức ở trên trán thời tên là tràng, ở dưới cổ thời tên là chuỗi,ở nơi tay thời gọi là xuyến, và như ở nơi xe thời tên là bánh xe, lửa ở nơi cỏ cây thời tên là lửa cỏ lửa cây.

Nầy Thiện Nam Tử ! Cây gỗ lúc mới sanh không có tánh mũi tên và cây lao. Vì từ nơi nhơn duyên thợ đẽo làm mũi tên, vì từ nơi nhơn duyên thợ đẽo làm cây lao. Do đây chẳng nên nói rằng tất cả pháp là có tự tánh.

Nầy Thiện Nam Tử ! Ông nói như con rùa sanh trên đất mà tánh tự nó có thể lặn xuống nước, bò con mới sanh ra tánh nó có thể uống sửa, lời nầy không đúng. Vì nó chẳng phải nhơn duyên mà rùa tự xuống nước, sao rùa lại chẳng vào lửa ? Đây là vì điều chẳng phải nhơn duyên. Bò con lúc sanh ra chẳng từ nơi nhơn duyên mà tánh nó tự có thể mút vú, sao bò con chẳng tự mút sừng ? Đây là đều chẳng phải nhơn duyên cả.

Nầy Thiện Nam Tử ! Nếu nói các pháp đều có tự tánh, chẳng cần dạy bảo tập làm, không có thêm lên, lời nầy không đúng nghĩa. Vì hiện nay thấy có sự dạy bảo, nhơn nơi dạy bảo mà được thêm lên. Do đây nên biết rằng không có tự tánh.

Nầy Thiện Nam Tử ! Nếu tất cả pháp có tự tánh riêng, thời hàng Bà La Môn chẳng nên vì được thân thanh tịnh mà giết dê để cúng tế, nếu đã vì thân mà cúng tế thời nên biết rằng không có tự tánh.

Nầy Thiện Nam Tử ! Ngữ pháp của thế gian đại phàm có ba thứ : Muốn làm, lúc làm, làm rồi.Nếu tất cả pháp đều có tự tánh cớ sao thế gian lại có ba ngữ pháp nầy ? Đã có ba ngữ pháp nầy nên biết tất cả pháp đều không có tự tánh.

Nầy Thiện Nam Tử ! Nếu nói các pháp đều có tự tánh, nên biết các pháp đều có định tánh. Nếu có định tánh thời một thứ mía duyên cớ gì làm ra mật mía, đường, rượu, rượu đắng. Nếu chỉ có một tự tánh duyên cớ gì lại sanh ra nhiều vị như vậy ?

Nếu trong một thứ mà sanh ra nhiều thứ thời nên biết rằng các pháp chẳng phải là nhứt định riêng có một tự tánh.

Nầy Thiện Nam Tử ! Nếu tất cả pháp có tánh nhứt định, cớ gì thánh nhơn uống nước mía, ăn đường, lúc thành rượu thời chẳng uống, lúc thành rượu đắng lại uống ? Do đây nên biết không có tánh nhứt định. Nếu đã không tánh nhứt định tại sao lại chẳng phải từ nhơn duyên mà có ?

Nầy Thiện Nam Tử ! Ông nói tất cả pháp đều có tự tánh, tại sao ông lại nói thí dụ ? Nếu đã có thí dụ thời nên biết rằng các pháp không có tự tánh. Người trí trong đời đều nói thí dụ, nên biết rằng các pháp không có tự tánh không có tánh nhứt định.

Nầy Thiện Nam Tử ! Ông gạn hỏi thân có trước hay phiền não có trước, lời hỏi nầy không đúng. Vì nếu ta nói thân có trước, ông mới nên vấn nạn. Ông cũng đồng như ta cho thân chẳng có trước cớ gì lại vấn nạn như vậy.

Nầy Thiện Nam Tử ! Tất cả chúng sanh, thân cùng phiền não đều không có trươc sau, là đồng một thời mà có. Dầu đồng một thời nhưng phải nhơn nơi phiền não mà được có thân, trọn chẳng nhơn nơi thân mà có phiền não.

Nếu trong ý ông cho rằng như đôi mắt của người đồng thời mà có, mắt tả chẳng nhơn hữu, mắt hữu chẳng nhơn mắt tả, phiền não và thân cũng như vậy. Ý ngĩ nầy chẳng đúng. Vì trong đời con mắt ngó thấy ngọn đèn cùng ánh sáng dầu là đồng một thời, nhưng anh sáng cần phải nhơn nơi ngọn đèn, chẳng phải nhơn nơi ánh sáng mà có ngọn đèn.

Nầy Thiện nam Tử ! Nếu ý ông cho rằng vì thân chẳng có trước nên biết là không nhơn duyên ý nầy chẳng đúng. Vì nếu cho rằng trước thân không có nhơn duyên nên gọi là không, thời ông chẳng nên nói tất cả các pháp không có nhơn duyên. Nếu nói vì chẳng thấy nên chẳng nói, nay thấy cái bình v.v… từ nơi nhơn duyên mà có, cớ sao chẳng nói như cái bình, nhơn duyên ở trước thân cũng như vậy.

Nầy Thiện Nam Tử ! Thấy cùng chẳng thấy, tất cả các pháp có ra đều từ nơi nhơn duyên, không có tự tánh.

Nầy Thiện Nam Tử ! Nếu nói tất cả pháp đều có tự tánh không do nhơn duyên, cớ gì ông lại nói năm đại ? Tánh của năm đại nầy chính là nhơn duyên. Dầu năm đại là nhơn duyên như vậy, cũng chẳng nên nói rằng các pháp đều đồng năm đại làm nhơn duyên. Như người đời nói tất cả người xuất gia tinh tấn trì giới, bọn Chiên Đà La cũng phải tinh tấn trì giới như vậy.

Nầy Thiện Nam Tử ! Ông nói năm đại có tánh chắc nhứt định. Theo ta thấy thời tánh nầy chuyển biến chẳng nhứt định. Tô, bạch lạp, hồ giao, những thứ nầy trong pháp của ông gọi là địa, địa nầy chẳng nhứt định, hoặc đồng với nước, hoặc đồng với đất, nên chẳng được nói rằng tự tánh cứng chắc.

Nầy Thiện nam Tử ! Nhôm, chì, kẽm, đồng, sắt, vàng , bạc, những thứ nầy trong pháp của ông gọi là hỏa. Hỏa nầy có bốn tánh : Lúc chảy là tánh nước, lúc động là tánh gió, lúc nóng là tánh lửa, lúc cứng là tánh đất, sao lại nói rằng nhứt định gọi là hỏa tánh.

Nầy Thiện Nam Tử ! Tánh của nước gọi là chảy, nếu lúc nước đông cứng chẳng gọi là địa mà gọi là hỏa tánh, cớ gì lúc sóng động chẳng gọi là phong ? Nếu nổi sóng chẳng gọi là phong , thời lúc đông đặc cũng chẳng nên gọi là hỏa. Nếu bốn tánh nầy từ nơi nhơn duyên, cớ sao nói rằng tất cả pháp chẳng từ nơi nhơn duyên ?

Nầy Thiện Nam Tử ! Nếu nói rằng năm căn, vì tánh nó hay thấy, nghe, giác, xúc, nên đều là có tự tánh chẳng từ nơi nhơn duyên. Lời nầy không đúng nghĩa. Vì tánh của tự tánh là không thể chuyển đổi. Nếu nói tánh của nhãn căn là thấy, lẽ ra phải thường thấy, chẳng nên có lúc thấy có lúc chẳng thấy. Do đây nên biết rằng nhãn căn thấy là có nhơn duyên, chẳng phải không nhơn duyên.

Nầy Thiện Nam Tử ! Ông nói chẳng phải nhơn nơi trần mà có tham cùng giải thoát, lời nầy không đúng nghĩa. Vì dầu chẳng phải do nơi năm trần mà có tham cùng giải thoát, nhưng vì ác giác quán thời sanh tham dục, vì thiện giác quán thời được giải thoát. Do nội nhơn duyên mà có tham cùng giải thoát, do ngoại nhơn duyên mà hai món nầy được tăng trưởng. Do đây nên lời ông nói tất cả pháp đều riêng có tự tánh, chẳng nhơn nơi năm trần sanh tham và giải thoát, là không đúng nghĩa.

Nầy Thiện Nam Tử ! Ông nói người thân thể đầy đủ lại nghèo thiếu chẳng tự do, người tàn tật thời giàu có tự do, nhơn đây chứng minh là có tự tánh, chẳng từ nơi nhơn duyên. Lời nầy chẳng đúng.

Nầy Thiện Nam Tử ! Chúng sanh do nơi nghiệp mà có quả báo. Quả báo nầy có ba : Hiện báo, sanh báo và hậu báo. Những người nghèo cùng giàu có, lành lặn hay tàn tật, đều do nghiệp riêng khác. Nếu là có tự tánh, người lành lặn lẽ ra phải giàu có, người giàu có lẽ ra phải lành lặn. Nay chẳng như vậy, nên biêt rằng không có tự tánh, mà đều từ nơi nhơn duyên.

Nầy Thiện Nam Tử ! Ông nói trẻ nhỏ chưa phân biệt được năm trần mà cũng khóc cũng cười, để chứng minh tất cả đều có tự tánh. Lời nầy chẳng đúng. Vì nếu có tự tánh lẽ ra cười phải thường cười, khóc phải thường khóc, chẳng nên một cười một khóc. Nếu đã một cười một khóc, thời biết rằng tất cả đều

từ nhơn duyên. Do đây chẳng nên nói rằng tất cả pháp đều có tự tánh chẳng từ nơi nhơn duyên.

Phạm Chí nói : Bạch Thế Tôn ! Nếu tất cả pháp từ nhơn duyên mà có, thân thể nầy từ nhơn duyên nào ?

_ Nầy Thiện Nam Tử ! Phiền não cùng nghiệp là nhơn duyên của thân nầy.

_ Bạch Thế Tôn ! Như thân nầy từ nơi phiền não và nghiệp mà có, vậy phiền não và nghiệp nầy có thể dứt được chăng ?

_ Có thể dứt được.

_ Bạch Thế Tôn ! Xin vì tôi giải nói, cho tôi được nghe liền đây đều dứt đượcphiền não và nghiệp.

_ Nầy Thiện nam Tử ! Nếu rõ biết hai bên và chặn giữa không chướng ngại, thời người nầy có thể dứt phiền não và nghiệp.

_ Bạch Thế Tôn ! Tôi đã hiểu biết, đã được chánh pháp nhãn.

Ông biết thế nào ?

_ Bạch Thế Tôn ! Hai bên là sắc và sắc giải thoát, trung gian chính là bát chánh đạo. Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy.

_ Lành thay ! Lành thay ! Nầy Thiện Nam Tử ! Ông biết rõ hai bên phiền não và nghiệp.

_ Bạch Thế Tôn ! Xin cho tôi xuất gia.

_ Thiện Lai Tỳ Kheo !

Liền đó Nạp Y Phạm Chí dứt trừ phiền não trong ba cõi được quả A La Hán.

Lại có Bà La Môn Hoằng Quảng nói rằng : Cù Đàm biết tâm niệm hiện tại của tôi chăng ?

Phật nói : Nầy Thiện Nam Tử ! Niết Bàn là thường, hữu vi là vô thường, cong là tà kiến, ngay là thánh đạo.

_ Cớ gì Cù Đàm nói như vậy ?

_ Nầy Thiện Nam Tử ! Ý của ông thường cho rằng khất thực là thường, biệt thỉnh là vô thường, cong là cửa khóa, ngay là tràng của Thiên Đế. Do đây nên ta nói những lời vừa rồi, chẳng phải như chỗ suy nghĩ của ông.

_ Cù Đàm thiệt biết được tâm niệm của tôi. Bát chánh đạo đó có thể làm cho chúng sanh, tất cả đều được tận diệt chăng ?

Đức Thế Tôn nín lặng.

_ Cù Đàm đã biết tâm niệm của tôi, nay tôi hỏi sao lại nín lặng mà chẳng đáp ?

Lúc đó Kiều Trần Như liền nói : Nầy Đại Bà La Môn ! Nếu có người hỏi thế gian là hữu biên hay vô biên, thời Đức Như Lai thường nín lặng.

_ Nầy Đại Bà La Môn ! Bát thánh đạo là ngay , Niết Bàn là thường, nếu tu bát thánh dạo thời được diệt tận, nếu chẳng tu tập thời chẳng được.

Như thành lớn kia bốn vách chỉ có một cửa, người giữ cửa rất thông minh kẻ đáng cho đi thời cho, kẻ đáng ngăn thời ngăn lại, người nầy dầu chẳng biết được số người ra vào nhiều ít nhưng chắc chắn biết rằng tất cả người ra vào đều phải do người nầy.

Nầy Đại Bà La Môn ! Đức Như Lai cũng như vậy. Thành lớn dụ cho Niết Bàn, cửa dụ bát chánh đạo, người giữ cửa dụ Đức Như Lai.

Nay Đức Như Lai dầu chẳng trả lời là diệt tận cùng chẳng diệt tận, nhưng người được diệt tận, cần phải tu tập bát chánh đạo nầy.

Lành thay ! Lành thay ! Đại Đức Kiều Trần Như ! Đức Như Lai khéo nói pháp vi diệu. Nay tôi thiệt muốn biết thành lớn, biết đạo, tự mình làm người giữ cửa.

Kiều Trần Như nói : Lành thay ! Lành thay ! Ông có thể phát tâm vô thượng rộng lơn.

Phật nói : Nầy Kiều Trần Như ! Ông Bà La Môn Hoằng Quảng nầy chẳng phải mới phát tâm vô thượng. Thuở quá khứ cách đây vô lượng kiếp có Phật ra đời hiệu là Phổ Quang Minh đầy đủ mười hiệu, ông Hoằng Quảng nầy ở chỗ Đức Phật đó đã phát tâm vô thượng Bồ Đề. Trong Hiền Kiếp nầy Hoằng Quảng sẽ được thành Phật. Ông ấy từ đâu đã thông đạt pháp tướng, vì chúng

sanh mà hiện ở ngoại đạo. Do đây nên Kiều Trần Như chẳng nên khen ông ấy là hiện nay có thể phát tâm vô thượng.

Lúc đó đức Thế Tôn đã biết mà hỏi Kiều Trần Như rằng : " A Nan Tỳ Kheo nay ở đâu ?"

Kiều Trần Như thưa : " Bạch Thế Tôn ! A Nan Tỳ Kheo ở ngoài rừng Ta La, cách đại hội nầy mười hai do tuần, đương bị sáu muôn bốn ngàn ức thiên ma nhiễu loạn. Chúng thiên ma nầy đều tự biến thân làm hình Như Lai mà tuyên nói những pháp khác nhau, hoặc lại thị hiện thần thông biến hóa.

Bạch Thế Tôn ! A Nan Tỳ Kheo nghe và thấy những việc nầy nghĩ rằng những thần thông biến hóa từ trước chưa từng thấy. Ai làm ra ? Hoặc giả Đức Thích Ca Thế Tôn hiện ra chăng ? A Nan muốn đứng dậy muốn nói, mà thân thể không theo ý muốn. A Nan lọt vào trong rọ của ma, tự nghĩ rằng : Chư Phật nói pháp riêng khác chẳng đồng, nay tôi nên lãnh thọ lời của Đức Phật nào ?

Bạch Thế Tôn ! Hiện nay A Nan rất khổ sở, dầu nghĩ nhớ Đức Như Lai mà không ai cứu thoát, do đó nên chẳng đến trong đại chúng nầy.

Lúc đó Văn Thù Sư Lợi Đại Bồ Tát bạch Phật rằng : " Thế Tôn ! Trong đại chúng nầy có hàng Bồ Tát đã từ một đời đến vô lượng đời phát tâm Bồ Đề, đã cúng dường vô lượng chư Phật, tâm chí bền chắc tu hành đầy đủ sáu môn Ba La Mật, trọn nên công đức lớn, từ lâu đã gần gũi vô lượng chư Phật, phạm hạnh thanh tịnh, tâm Bồ Đề chẳng thối chuyển, đặng nhẫn bất thối, trì bất thối, được như pháp nhẫn, Thủ Lăng Nghiêm v.v… vô lượng Tam Muội. Hàng Bồ Tát nầy nghe kinh Đại Thừa trọn chẳng sanh nghi mà có thể khéo phân biệt, tuyên nói Tam Bảo đồng một tánh tướng thường trụ bất biến. Nghe pháp bất tư nghì chẳng kinh sợ, nghe các pháp không lòng chẳng rúng động, thông đạt rành rẽ tất cả pháp tánh, thọ trì được tất cả mười hai bộ kinh và hiểu rõ ý nghĩa, cũng có thể thọ trì mười hai bộ kinh của vô lượng chư Phật.

Hàng Bồ Tát nầy lo gì chẳng thọ trì được kinh Đại Niết Bàn nầy, cớ gì Đức Như Lai lại hỏi Kiều Trần Như A Nan ở đâu ?

Đức Thế Tôn bảo Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát : Lóng nghe ! Lóng nghe ! Nầy Thiện Nam Tử ! Ngày trước ta thành Phật đã trải qua ba mươi năm, lúc ở thành Vương Xá, ta có bảo các Tỳ Kheo rằng nay trong đại chúng nầy ai có thể vì ta mà thọ trì mười hai bộ kinh, và cung cấp hầu hạ cho ta, cũng khiến

nơi mình chẳng mất lợi lành. Lúc đó Kiều Trần Như đến bạch với ta để lãnh. Ta bảo Kiều Trần Như đã già yếu cần phải có người hầu hạ, sao lại muốn hầu hạ ta. Lúc đó Xá Lợi Phất cũng đến lãnh, ta cũng bảo Xá Lợi Phật như đã bảo Kiều Trần Như. Lần lượt đến năm trăm vị A La Hán, ta đều chẳng nhận làm thị giả.

Lúc đó Đại Mục Kiền Liên liền nhập chánh định quán sát biết ý của Phật muốn A Nan làm thị giả liền xuất định nói với Kiều Trần Như.

Lúc đó Kiều Trần Như cùng năm trăm A La Hán đến nói với A Nan rằng : " Nầy A Nan ! Nay ông nên làm thị giả cho Đức Như Lai, nên đến thưa với Đức Như Lai để nhận lấy việc ấy.

A Nan nói : " Thưa chư Đại Đức ! Thiệt tôichẳng kham hầu hạ Như Lai. Vì Đức Như Lai tôn trọng như Sư Tử Vương, như rồng, như lửa, tôi thời yếu đuối nhơ nhớp đâu có thể kham được.

Các A La Hán khuyên bảo A Nan đến lần thứ ba, A Nan vẫn từ chối.

Đại Mục Kiền Liên nói rằng : Nầy A Nan, nay ông chưa rõ biết duyên cớ.

An Nan thưa : Bạch Đại Đức xin nói cho.

Đại Mục Kiền Liên nói : Vừa rồi, đức Như Lai cầu thị giả, năm trăm A La Hán đều xin lãnh mà Đức Như Lai chẳng bằng lòng. Tôi nhập định thấy ý của Như Lai muốn cho ông làm. Sao ông trở lại chẳng chịu.

A Nan nghe xong liền quỳ chấp tay thưa rằng : Bạch Chư Đại Đức ! Nếu có việc như vậy, Đức Thế Tôn cho tôi ba điều nguyện, tôi sẽ tuân mạng lịnh chư Tăng mà làm thị giả :]
Một là giả sử Đức Như Lai đem y cũ ban cho tôi, xin cho phép tôi chẳng nhận. Hai là giả sử Đức Như Lai thọ biệt thỉnh của đàn việt, xin cho phép tôi chẳngđi theo. Ba là xin cho phép tôi ra vào không luận là giờ khắc nào.

Nếu Đức Thế Tôn bằng lòng ba điều nguyện nầy, thời tôi xin tuân mạng lịnh chư Tăng mà làm thị giả cho Như Lai.

Kiều Trần Như cùng năm trăm A La Hán đem việc trên mà bạch lại với Phật.

Đức Phật Thế Tôn khen ngợi A Nan rằng : “ Lành thay ! Lành thay ! A Nan Tỳ Kheo có đủ trí huệ dự thấy mà tránh trước sự cơ hiềm. Vì sẽ có người cho rằng vì y thực mà A Nan hầu hạ Đức Như Lai, nên A Nan xin phép chẳng lãnh y cũ và chẳng theo Phật thọ biệt thỉnh. Lại A Nan có đủ trí huệ, biết rằng nếu ra vào có giờ thời không thể làm lợi ích rộng cho bốn bộ chúng, nên A Nan xin phép ra vào không luận giờ nào.

Ta bằng lòng cho phép A Nan ba điều như A Nan đã xin.

Đại Mục Kiền Liên trở lại bảo A Nan rằng : “ Chúng tôi đã đem lời ông yêu cầu bạch lên Đức Như Lai. Đấng Đại Từ đã bằng lòng.

A Nan thưa : “ Bạch Đại Đức ! Nếu Như Lai đã bằng lòng , tôi xin qua làm thị giả.

Phật bảo Văn Thù Sư Lợi : “ Hơn hai mươi năm nay, A Nan hầu hạ ta có đủ tám điều chẳng thể nghĩ bàn :

Một là hơn hai mươi năm, A Nan không bao giờ theo ta thọ biệt thỉnh. Hai là không bao giờ lãnh lấy y cũ của ta. Ba là không bao giờ đến ta mà phi thời. Bốn là dầu còn đủ phiền não nhưng khi theo ta vào cung vua, đến nhà sang giàu, thấy các người nữ, thiên nữ, long nữ, A Nan không bao giờ có dục tâm. Năm là mười hai bộ kinh của ta nói ra, nghe qua một lần A Nan đều nhớ rõ chẳng cần hỏi lại, như nước trong bình nầy rót qua bình kia, chỉ trừ một lần hỏi : Thuở Lưu Ly Thái Tử giết hại họ Thích Ca, phá thành Ca Tỳ La, A Nan buồn khổ khóc lóc đến bạch với ta rằng tôi cùng Như Lai đồng sanh trưởng trong thành nầy, đồng một họ Thích, tại sao dung nhan của Như Lai như thường, mà tôi thời tiều tụy. Ta đáp A Nan rằng vì ta tu không định nên chẳng đồng như ông.

Ba năm sau, A Nan trở lại hỏi ta rằng : Bạch Thế Tôn ! Tôi qua thành Ca Tỳ La kia từng nghe Đức Như Lai tu không Tam Muội, việc đó là hư hay thật ? Ta bảo A Nan đúng như vậy. Sáu là từ khi hầu hạ ta đến nay, dầu chưa được tha tâm trí, mà A Nan thường biết những chánh định của Như Lai nhập. Bảy là từ khi hầu ta đến nay, dầu chưa được nguyện trí, mà A nan có thể biết rõ người nầy đến chỗ Như Lai hiện tại có thể được bốn quả Sa Môn, người nầy ngày sau sẽ được, người nầy sẽ được thân Trời hay thân người. Tám là từ khi hầu ta đến nay, những lời bí mật của Như Lai, A Nan đều biết được cả.

Nầy Văn Thù Sư Lợi ! A Nan Tỳ Kheo có đủ tám điều bất tư nghì như vậy nên ta gọi A Nan là đa văn tạng.

Nầy Văn Thù Sư Lợi ! A Nan lại có đủ tám pháp nên có thể thọ trì hoàn toàn mười hai bộ kinh : Một là tín căn kiên cố, hai là tâm ý chất trực, ba là thân không bịnh, bốn là thường tinh tấn, năm là có đủ niệm tâm, sáu là không kiêu mạn, bảy là thành tựu định ý, tám là có đủ trí huệ do nghe pháp mà sanh.

Nầy Văn Thù Sư Lợi ! Thị giả của Phật Tỳ Bà Thi tên là A Thúc Ca cũng có đủ tám pháp như vậy. Thị giả của Phật Thi Khí tên là Sai Ma Ca La, thị giả của Phật Tỳ Xá Phù tên là Ưu Ba Phiến Đà, thị giả của Phật Câu Lưu Tôn tên là Bạt Đề, thị giả của Phật Câu Na Hàm Mâu Ni tên là Tô Đàn. Thị giả của Phật Ca Diếp tên là Diệp Đà Mật Đa, đều cũng có đủ tám pháp như vậy. Nay A Nan thị giả của ta cũng có đủ tám pháp ấy, nên ta gọi A Nan là đa văn tạng.

Nầy Văn Thù Sư Lợi ! Trong đại chúng nầy dầu có vô lượng vô biên Bồ Tát, nhưng các Bồ Tát nầy đều có trọng nhiệm là đại từ đại bi, đều có công vụ gấp rút : Điều phục quyến thuộc và trang nghiêm tự thân. Do đây nên sau khi ta nhập Niết Bàn, những vị nầy không thể tuyên thông mười hai bộ kinh. Nếu có Bồ Tát hoặc có lúc tuyên thuyết mà người chẳng tin thọ.

Nầy Văn Thù Sư Lợi ! A Nan Tỳ Kheo là em của ta, hầu hạ ta hơn hai mươi năm, những pháp được nghe đều thọ trì đầy đủ như nước rót vào một cái bình. Nên nay ta cố hỏi A Nan ở đâu, muốn khiến A Nan thọ trì kinh Đại Niết Bàn nầy.

Nầy Văn Thù Sư Lợi ! Sau khi ta nhập Niết Bàn, những pháp mà A Nan được nghe, ông ấy tự có thể tuyên thông, những pháp A nan chưa được nghe thời Hoằng Quảng Bồ Tát có thể lưu bố.

Nầy Văn Thù Sư Lợi ! Nay A Nan ở cách ngoài đại hội nầy mười hai do tuần, đương bị sáu muôn bốn ngàn ức thiên ma não loạn, ông nên qua đó nói lớn rằng : Tất cả loài ma nên lóng nghe ! Nay Đức Như Lai nói Đại Đà La Ni, tất cả thiên long bát bộ cùng chư vị thần kỳ đều cung kính thọ trì Đà La Ni nầy. Mười hằng hà sa chư Phật cũng đồng tuyên nói Đà La Ni nầy. Đà La Ni nầy có thể chuyển thân nữ, tự biết túc mạng. Nếu thọ trì năm điều : Phạm hạnh, đoạn nhục, đoạn tửu, đoạn tâm, thích ở vắng lặng, rồi chí tâm, tín thọ, đọc tụng, biên chép Đà La Ni nầy, người nầy sẽ được vượt khỏi bảy mươi bảy ức thân tệ ác.

Liền đó đức Thế Tôn nói thần chú :

_ A Ma Lệ, Tỳ Ma Lệ, Niết Ma Lệ, Mông Già Lệ, Hê Ma La Nhã Kiệt Bệ, Tam Mạn Na Bạt Đề Lệ, Ta Bà La Đà Ta Đàn Ni, Ba La Ma Tha Ta Đàn Ni, Ma Na Tư, A Chuyết Đề, Tỳ La Kỳ, Am Ma Lại, Đàn Bà Táp Ma, Tá Lệ Phú La Nê, Phú La Na, Ma Nô Lại Đệ.

Lúc đó Văn Thù Sư Lợi lãnh Đà La Ni nầy đến chỗ A Nan y theo lời Phật to tiếng bảo chúng ma.

Ma Vương nghe Đà La Ni nầy rồi liền phát tâm vô thượng Bồ Đề, bỏ nghiệp ma và thả A Nan.

Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát cùng A Nan đồng đến chỗ Phật, A Nan thấy Phật chí tâm kỉnh lễ.

Phật bảo A Nan, ngoài rừng Ta La nầy có một Phạm Chí tên Tu Bạt Đà La đã một trăm hai mươi tuổi, ông ấy dầu được ngũ thông mà chưa bỏ kiêu mạn, được phi phi tưởng định cho là nhứt thiết trí đã được Niết Bàn. Ông nên đến nói với Tu Bạt Đà La rằng : Đức Như Lai ra đời như hoa Ưu Đàm. Giưã đêm nay đức Như Lai sẽ nhập Niết Bàn. Nếu có chỗ phải làm nên làm kịp thời, chớ để ngày sau sanh lòng hối hận.

Ông nói, Tu Bạt Đà La chắc sẽ tin thọ. Vì ông thuở quá khứ đã từng năm trăm đời làm con trai của Tu Bạt Đà La. Lòng yêu thương của ông ấy vẫn còn, nên có thể tin thọ lời của ông.

A Nan tuân lời Phật đến nói với Tu Bạt Đà La.

Tu Bạt Đà La bảo rằng: Lành thay ! Thưa ngài A Nan ! Nay tôi sẽ đến chỗ Như Lai.

A Nan cùng Tu Bạt Đà La trở về ra mắt Phật.

Thăm hỏi xong , Tu Bạt Đà La nói : Thưa Cù Đàm ! Nay tôi muốn hỏi xin ngài đáp cho.

Phật liền hứa khả.

Tu Bạt Đà La nói : Thưa Cù Đàm ! Có các nhà Sa Môn, Bà La Môn nói rằng tất cả chúng sanh thọ báo khổ vui đều theo nơi nghiệp đã tạo ra ngày trước. Do đây nếu có người trì giới tinh tấn, thân tâm chịu khổ thời phá hoại được

nghiệp đời trước. Nghiệp cũ đã hết thời quả khổ cũng dứt hết, khổ đã dứt thời chứng được Niết Bàn. Nghĩa trên đây là thế nào ?

_ Nầy Thiện Nam Tử ! Nếu có Sa Môn hay Bà La Môn nói như vậy, ta sẽ vì xót thương mà thường đến chỗ người ấy để hỏi rằng : Quả thiệt ngài có nói như vậy chăng ? Nếu họ đáp là có và họ bảo rằng vì họ thấy cbúng sanh làm điều ác mà giàu sang tự tại, lại thấy người làm lành mà nghèo hèn mất tự do, lại thấy có người ra công ra sức nhiều mà không có của, thấy kẻ ở không tự nhiên có của, có người từ tâm chẳng sát sanh mà chết yểu, có kẻ ưa sát sanh lại sống lâu, có người tinh tấn trì giới phạm hạnh thanh tịnh hoặc được giải thoát hoặc chẳng được, do đây nên nói rằng tất cả chúng sanh thọ báo khổ vui đều do nghiệp nhơn ngày trước.

Nầy Tu Bạt Đà La ! Tasẽ hỏi họ các ngài có thiệt thấy nghiệp quá khứ chăng ? nếu có, nghiệp ấy nhiều hay ít ? Khổ hạnh hiện tại phá được nhiều ít ? Các ngài biết được nghiệp nầy đã hết hay chẳng hết chăng? Nghiệp nầy đã hết là hết tất cả chăng ? _ Nếu họ đáp là họ thiệt chẳng biết, thời ta sẽ vì họ mà dẫn ví dụ : Như có người thân bị tên độc, gia quyến rước y sĩ đến để nhổ mũi tên độc, lấy độc xong người đó được lành mạnh. Sau đó mười năm, người nầy còn nhớ rõ rằng : Y sĩ đó nhổ tên độc cho tôi rồi dùng thuốc thoa đắp khiến tôi được lành mạnh an vui.

Các ngài đã chẳng biết nghiệp nhơn quá khứ làm sao biết được khổ hạnh hiện tại quyết định phá được nghiệp quá khứ ?

Nếu họ nói rằng : Nay Cù Đàm cũng có nghiệp quá khứ, cớ sao lại riêng trách nghiệp quá khứ của chúng tôi ? Trong kinh của Cù Đàm cũng nói rằng : Nếu thấy người giàu sang tự tại, thời nên biết người nầy đời trước ưa bố thí. Như vậy chẳng phải gọi là nghiệp quá khứ ư ?

Ta bảo họ rằng : Nầy các ngài ! Biết như vậy gọi là tỉ tri, chẳng gọi là chơn tri. Trong Phật pháp hoặc có do nhơn mà biết quả, hoặc có do quả mà biết nhơn. Trong Phật pháp có nghiệp quá khứ có nghiệp hiện tại. Các ngài thời chẳng như vậy, chỉ có nghiệp quá khứ mà không biết nghiệp hiện tại.

Phật pháp của ta do nơi phương tiện mà dứt nghiệp, giáo pháp của các ngài thời chẳng từ nơi phương tiện mà dứt nghiệp.

Giáo pháp của các ngài cho rằng nghiệp đã hết thời khổ hết, Phật pháp của ta thời phiền não đã hết nghiệp và khổ cũng hết. Do đây nên ta trách nghiệp quá khứ của các ngài.

Nếu họ nói rằng : Thưa Cù Đàm ! Chúng tôi thiệt chẳng biết, đó là lời của thầy chúng tôi, không phải lỗi của chúng tôi.

Ta sẽ bảo họ rằng thầy của các ngài là ai ? Nếu họ đáp là Phú Lan Na. Thời ta lại bảo họ rằng : Trước kia sao các ngài chẳng thưa hỏi cho rõ ràng coi thầy của các ngài có thiệt biết nghiệp quá khứ không ? Nếu Thầy của các ngài bảo là chẳng biết, tại sao các ngài lại nhận lấy lời ấy. Nếu thầy của các ngài bảo là biết thời nên hỏi rằng : Hạ khổ làm nhơn duyên có thọ trung và thượng khổ chăng ? Trung khổ làm nhơn duyên có thọ hạ và thượng khổ chăng ? Thượng khổ làm nhơn duyên có thọ hạ và trung khổ chăng ? Nếu đáp là không thời nên lại hỏi : Sao nhà thầy nói báo khổ vui chỉ do nghiệp quá khứ mà chẳng phải nghiệp hiện tại ?

Lại nên hỏi : Khổ hiện tại, quá khứ có chăng ? Nếu quá khứ có khổ thời nghiệp quá khứ đều đã dứt hết, nếu đã đều dứt hết sao lại còn thọ lấy thân ngày nay ? Nếu quá khứ không khổ chỉ có nơi hiện tại, tại sao lại nói chúng sanh khổ vui đều do nghiệp quá khứ ?

Nầy các ngài ! Nếu cho rằng khổ hạnh hiện tại có thể phá hoại nghiệp quá khứ, lại lấy gì để phá khổ hạnh hiện tại ? Nếu như chẳng phá thời khổ là thường, nếu khổ là thường sao lại nói rằng được giải thoát khổ ? Nếu lại có hạnh nhiệp phá hoại khổ hạnh, thời quá khứ đã hết tại sao có khổ ?

Nầy các ngài ! Khổ hạnh như vậy có thể làm cho nghiệp vui thọ lấy quả khổ chăng ? Có thể làm cho nghiệp khổ thọ lấy quả vui chăng ? Có thể làm cho nghiệp không khổ không vui chẳng thọ quả chăng ? Có thể làm cho báo hiện tại thành báo đời kế chăng ? Có thể làm cho báo đời kế thành báo hiện tại chăng ? Có thể làm cho hai báo nầy thành không quả báo chăng ? Có thể làm cho định báo thành không quả báo chăng ? Có thể làm cho không quả báo thành định báo chăng ?

Nếu họ trả lời rằng không thể được, ta sẽ bảo rằng : Nầy các ngài ! Nếu như không thể được, duyên cớ gì các ngài lại thọ khổ hạnh nầy ?

Các ngài nên biết rằng quyết định có nghiệp quá khứ và nhơn duyên hiện tại. Do đây nên tôi nói nhơn nơi phiền não mà sanh ra nghiệp, nhơn nơi nghiệp mà thọ quả báo.

Các ngài nên biết rằng tất cả chúng sanh có nghiệp quá khứ và có nhơn hiện tại. Dầu chúng sanh có nghiệp sống lâu quá khứ, nhưng phải nhờ nhơn duyên ăn uống hiện tại. Nếu nói chúng sanh thọ khổ thọ vui quyết định chỉ

do nơi nghiệp quá khứ thời không phải. Vì như có người trừ được kẻ thù cho nhà vua, do đây mà được vua ban cho nhiều của báu, do có nhiều tiền của mà hiện tại được sung sương. Người nầy hiện tại làm nhơn sung sướng nên thọ báo sung sướng hiện tại. Lại như có người giết chết Vương Tử, do đây mà phải bị tru lục. Người nầy hiện tại tạo nhơn khổ nên phải thọ báo khổ hiện tại.

Nầy các ngài ! Tất cả chúng sanh hiện tại nhơn nơi tứ đại, thời tiết, đất đai, nhơn dân mà thọ khổ thọ vui. Do đây nên ta nói tất cả chúng sanh bất tất đều nhơn nơi nghiệp đời trước mà thọ khổ, thọ vui.

Nầy các ngài ! Nếu do nhơn duyên dứt nghiệp mà được giải thoát, thời tất cả thánh nhơn chẳng được giải thoát. Vì bổn nghiệp quá khứ của tất cả chúng sanh là vô thỉ vô chung. Do đây nên ta nói lúc tu thánh đạo, thánh đạo nầy có thể ngăn nghiệp vô thỉ vô chung.

Nầy các ngài ! Nếu thọ khổ hạnh bèn đắc đạo đó, thời tất cả loài súc sanh lẽ ra đều đắc đạo. Do đây nên phải trước điều phục tâm mình mà chẳng điều phục thân. Vì thế nên trong kinh ta nói chặt đốn rừng nầy chớ chặt đốn cây, vì do nơi rừng sanh kinh sợ chẳng phải do nơi cây. Muốn điều phục thân phải trước điều phục tâm. Tâm dụ như rừng, thân dụ nơi cây.

Tu Bạt Đà La thưa : Bạch Thế Tôn ! Tôi đã trước điều phục tâm rồi.

Phật nói : Nầy Thiện Nam Tử !Nay ông làm thế nào có thể trước điều phục tâm ông ?

_ Bạch Thế Tôn ! Tôi trước suy nghĩ rằng : Dục ái là vô thường, vô lạc, vô tịnh, quán sát sắc là thường, lạc, ngã, tịnh. Suy nghĩ như vậy rồi kiết sử cõi dục dứt mà được sắc xứ, nên gọi là trước điều phục tâm.

Kế đó tôi quán sát sắc là vô thường : Như mụn nhọt ghẻ, như thuốc độc như mũi tên, thấy vô sắc là thường tịch tịnh trong sạch. Quán sát như vậy rồi kiết sử cõi sắc dứt mà được vô sắc xứ. Do đây nên gọi là trước điều phục tâm.

Kế đó tôi lại quán sát tưởng là vô thường như nhọt như ghẻ như độc như tên. Quan sát như vậy rồi được phi tưởng phi phi tưởng xứ. Phi phi tưởng xứ nầy là nhứt thiết trí vắng lặng thanh tịnh thường hằng bất biến không sa đọa. Do đây nên tôi có thể điều phục lấy tâm mình.

Phật nói : Nầy Thiện Nam Tử ! Như thế thời ông đâu có điều phục được tâm ! Phi tưởng phi phi tưởng xứ định của ông được vẫn còn gọi là tưởng, Niết Bàn là vô tưởng, sao ông nói rằng chứng được Niết Bàn ?

Nầy Thiện Nam Tử ! Trước ông đã có thể nhàm trách thô tưởng, nay sao ông lại tham trước nơi tế tưởng. Chẳng biết nhàm trách phi tưởng phi phi tưởng xứ định, định nầy vẫn gọi là tưởng như nhọt ghẻ như độc như tên.

Nầy Thiện Nam tử ! Thầy của ông là Uất Đầu Lam Phất thông minh lanh lợi còn không thể dứt được phi tưởng phi phi tưởng xứ nầy mà phải thọ lấy thân ác đạo, huống là những kẻ khác.

_ Bạch Thế Tôn ! Thế nào có thể dứt được tất cả các cõi ?

_ Nầy Thiện Nam Tử ! Người quán thiệt tướng có thể dứt tất cả các cõi.

Bạch Thế Tôn ! Thế nào gọi là thiệt tướng ?

_ Nầy Thiện Nam Tử ! Tướng vô tướng gọi là thiệt tướng.

_ Bạch Thế Tôn ! Thế nào gọi là tướng vô tướng ?

_ Nầy Thiện Nam Tử ! Tất cả pháp không tự tướng, không tha tướng và không tự tha tướng, không tướng vô nhơn, không tướng tác, không tướng thọ gỉa, không tướng pháp, tướng phi pháp, không tướng nam nữ, không tướng sĩ phu, không tướng vi trần, không tướng thời tiết, không tướng làm ra mình, không tướng làm ra người, không tướng làm ra mình ra người, không tướng có tướng không, không tướng sanh, tướng sanh giả, không tướng nhơn, tướng nhơn nhơn, không tướng quả, tướng quả quả, không tướng ngày đêm, không tướng sáng tối, không tướng kiến tướng, kiến giả, không tướng văn tướng văn giả, không tướng giác tri, tướng giác tri giả, không tướng Bồ Đề, không tướng Đắc Bồ Đề giả không tướng nghiệp, tướng nghiệp chủ, không tướng phiền não, tướng phiền não chủ.

Nầy Thiện Nam Tử ! Những tướng như vậy tùy theo chỗ nó diệt thời gọi là tướng chơn thiệt. Tất cả pháp đều là hư giả, tùy theo chỗ nó diệt thời gọi là thiệt. Đây gọi là thiệt tướng, là pháp giới, là tất cánh trí, là đệ nhứt nghĩa đế, là đệ nhứt nghĩa không.

Nầy Thiện Nam Tử ! Nơi thiệt tướng nầy, người hạ trí quán đó thời được Thanh Văn Bồ Đề, người trung trí quán đó thời được Duyên Giác Bồ Đề, người thượng trí quán đó thời được vô thượng Bồ Đề.

Lúc Phật nói pháp nầy, có mười ngàn Bồ Tát chứng được nhứt sanh thật tướng, có mười lăm ngàn Bồ Tát chứng được nhị sanh pháp giới, có hai mươi lăm ngàn Bồ Tát được tất cánh trí, có ba mươi lăm ngàn Bồ Tát ngộ đệ nhứt nghĩa đế. Đệ nhứt nghĩa đế nầy cũng gọi là đệ nhứt nghĩa không, cũng gọi là Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội. Lại có bốn mươi lăm ngàn Bồ Tát được hư không Tam Muội, hư không Tam Muội nầy cũng gọi là Quảng Đại Tam Muội, cũng gọi là Trí Ấn Tam Muội. Năm mươi lăm ngàn Bồ Tát được bất thối nhẫn, bất thối nhẫn nầy cũng gọi là như pháp nhẫn, cũng gọi là như pháp giới. Có sáu mươi lăm ngàn Bồ Tát được Đà La Ni, Đà La Ni nầy cũng gọi là Đại Niệm Tâm, cũng gọi là vô ngại trí. Có bảy mươi lăm ngàn Bồ Tát được Sư Tử Hống Tam Muội, Tam Muội nầy cũng gọi là Kim Cang Tam Muội, cũng gọi là Ngũ Trí Ấn Tam Muội. Có tám mươi lăm ngàn Bồ Tát được bình đẳng Tam Muội, Tam Muội nầy cũng gọi là Đại Từ Đại Bi. Có vô lượng hằng hà sa chúng sanh phát tâm vô thượng Bồ Đề, vô lượng hằng hà sa chúng sanh phát tâm Duyên Giác, vô lượng hằng hà sa chúng sanh phát tâm Thanh Văn. Có hai muôn ức nhơn nữ và thiên nữ hiện đời chuyển thân nữ được thân nam.

Lúc đó Tu Bạt Đà La nghe đức Phật nói pháp thậm thâm vi diệu, được pháp nhãn thanh tịnh bỏ tà kiến xin xuất gia.

Phật nói : " Lành thay ! Lành thay ! Thiện Lai Tỳ Kheo !"

Tu Bạt Đà La vui mừng hớn hở, râu tóc tự rụng thành tướng Sa Môn, dứt hết phiền não đặng quả A La Hán.

Được chứng quả rồi, Tu Bạt Đà La chiêm ngưỡng tôn nhan, đầu mặt đãnh lễ chơn Phật, quỳ chắp tay tự trách tội lỗi ngày trước của mình mà bạch Phật rằng : "Bạch Thế Tôn ! Tôi rất hờn thân độc nầy nhiều kiếp đến nay luôn khi dối, làm cho tôi chìm mãi trong vô minh tà kiến trôi đắm theo giáo pháp của ngoại đạo. Rất đau đớn thay ! Thân nầy làm hại quá nhiều. May mắn thay ! Nay nhờ ơn Như Lai mà được vào chánh pháp.

Trí huệ của Đức Thế Tôn như biển cả, lòng từ bi của đức Thế Tôn vô lượng. Tôi tự suy xét dầu nhiều kiếp nát thân cũng chưa báo được ơn đức nầy.

Tu Bạt Đà La buồn khóc rơi lệ không thể tự ngăn được, lại bạch Phật rằng : “ Bạch Thế Tôn ! Tôi tuổi đã già suy, không còn sống bao lâu, bị hành khổ bức não. Xin đức Thế Tôn nán lại để dạy dỗ chớ nhập Niết Bàn.

Đức Thế Tôn nín lặng chẳng hứa.

Thỉnh Phật chẳng được, Tu Bạt Đà La sầu khổ kêu to lên rằng : “ Khổ thay ! Khổ thay !Thế gian trống rỗng ! Thế gian trống rỗng ! Nay cớ gì sự kinh sợ lớn liền đến, khắp nơi phải khổ não.

Than ôi ! Chúng sanh phước đã hết ; huệ nhãn đã dứt.

Than xong, ông càng khóc lóc nghẹn ngào, cả mình ửng máu, té xuống trước Phật hôn mê ngất xỉu.

Giây lâu tỉnh lại, ông nghẹn ngào rơi lệ mà bạch Phật rằng : “ Bạch Thế Tôn ! Nay tôi không nỡ thấy đức Như Lai nhập Niết Bàn xin Đức Thế Tôn cho phép tôi diệt thân nầy trước, rồi sau Đức Thế Tôn sẽ nhập Niết Bàn.

Bạch xong, Tu Bạt Đà La liền ở trước Phật mà nhập Niết Bàn.

Lúc đó có vô số hằng hà sa Bồ Tát, Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Thiên, Nhơn, A Tu La v.v… đồng kêu to lên rằng : “ Khổ thay ! Khổ thay ! Cớ sao đấng chánh giác lại sớm bỏ lìa khiến chúng tôi không có chủ, không chỗ về, không nơi nương, không chỗ đến.

Đại chúng buồn than khóc lóc đấm ngực té xỉu. Tiếng kêu khóc khắp cõi Đại Thiên. Lúc đó Đức Thế Tôn bảo khắp đại chúng : Chớ quá khóc lóc như trẻ nít. Đại chúng phải cố dằn chớ để tâm mê loạn !

Đại chúng ở trong biển lớn sanh tử phải siêng năng tu hành cho tâm được thanh tịnh, chớ để mất chánh niệm chánh huệ, phải gấp cầu chánh trí mau thoát khỏi các cõi. Nếu thọ thân trong ba cõi thời bị khổ luân hồi không ngằn mé, vô minh là ông chủ, ân ái là ma vương, sai khiến thân tâm như tôi tớ, duyên theo trần cảnh tạo nghiệp sanh tử, tham sân si niệm niệm làm hại, từ vô lượng kiếp đến nay thường thọ lấy sự khổ não. Đâu có người trí mà chẳng đi ngược lại nguồn sanh tử nầy !

Đại chúng nên biết rằng từ nhiều kiếp đến nay ta đã nhập Đại Niết Bàn, không còn có ấm giới nhập, mà đã dứt hẳn các cõi, thường ở trong bảo tạng Kim Cang thường, lạc, ngã, tịnh. Hôm nay ta ở nơi đây thị hiện sức phương

tiện bất tư nghì mà nhập Đại Niết Bàn đồng với pháp thế gian. Đó là ta muốn cho chúng sanh rõ biết thân như chớp nháng, dòng sanh tử chảy quá mau, những hành pháp luân chuyển vô thường lẽ phải như vậy.

Như Lai nhập Đại Niết Bàn là rất sâu rất sâu chẳng thể nghĩ bàn, là cảnh giới của chư Phật Bồ Tát, chẳng phải hàng Thanh Văn Duyên Giác biết được.

Đức Phật lại bảo đại chúng : Tu Bạt Đà La đây đã từng cúng dường hằng hà sa chư Phật, đã trồng sâu căn lành, do sức đại nguyện, ông ấy thường xuất gia trong phái ngoại đạo Ni Kiền Tử, dùng phương tiện huệ để dắt dẫn chúng sanh tà kiến cho họ được vào chánh trí. Tu Bạt Đà La nương nơi bổn nguyện lực, hôm nay được gặp ta sắp nhập Niết Bàn, được nghe chánh pháp, được quả A La Hán. Đã được quả rồi lại nhập Niết Bàn.

Từ khi ta thành Phật độ A Nhã Kiều Trần Như , đến sắp nhập Niết Bàn độ Tu Bạt Đà La, công việc của ta đã trọn vẹn, dầu ta có mãi ở lại cũng không có gì khác với ngày nay.

Nói xong Đức Thế Tôn lại xướng rằng : Lành thay ! Lành thay ! Tu Bạt Đà La vì báo ân Phật mà nhập Niết Bàn. Đại chúng phải nên cúng dường thi hài của ông ấy và xây lập tháp miếu.

Lúc đó đại chúng buồn khổ thảm thiết, gạt lệ dằn lấy lòng, y theo lời Phật dạy, dùng gỗ thơm trà tỳ thi hài của Tu Bạt Đà La.

Đương lúc thiêu, thi hài của Tu Bạt Đà La ở trong lửa phóng ánh sáng lớn, hiện đủ mười tám sự biến hóa : Trên thân ra nước, dưới thân ra lửa, hông mặt ra lửa, hông trái ra nước, hiện thân lớn khắp trong hư không rồi lại hiện nhỏ v.v…

Lúc đó trong đại chúng có vô lượng ngoại đạo tà kiến được chánh kiến phát tâm Bồ Đề.

Sau khi hiện thần thông, thi hài của Tu Bạt Đà La trở vào trong lửa.

Trà Tỳ xong , đại chúng thâu lấy xá lợi, dựng tháp cúng dường.

XXVI

PHẨM DI GIÁO THỨ HAI MƯƠI SÁU

Lúc bấy giờ Đức Phật bảo An Nan và đại chúng : Sau khi ta diệt độ, hàng tứ chúng phải siêng hộ trì kinh Đại Bát Niết Bàn của ta. Trong vô lượng vô số kiếp ta tu tập pháp Đại Niết Bàn khó đặng nầy, nay đã giải thuyết rõ ràng cho đại chúng.

Các người nên biết pháp Đại Niết Bàn nầy là bảo tạng Kim Cang thường , lạc, ngã, tịnh hoàn toàn viên mãn của tất cả chư Phật. Tất cả chư Phật đều ở nơi pháp Đại Niết Bàn nầy mà nhập Niết Bàn. Pháp nầy là pháp tối hậu rốt ráo chí lý cùng tột không thiếu sót. Chư Phật đều phóng xả thân mạng nơi đây, do đó nên gọi là Đại Niết Bàn.

Đại chúng muốn đặng chơn thật báo ân Phật, mau chứng Bồ Đề, được chư Phật rờ đầu, đời đời sanh ra chẳng mất chánh niệm, thập phương chư Phật thường hiện trước mình ngày đêm giữ gìn làm cho tất cả mọi người được pháp xuất thế, thời phải siêng năng tu tập kinh Đại Niết Bàn nầy.

Phật bảo A Nan : Lúc ta chưa thành Phật thị hiện vào trong pháp ngoại đạo của Uất Đầu Lam Phất, tu học tứ thiền bát định.

Từ khi ta thành Phật đến nay bác bỏ những pháp ấy khuyến dụ lần lần các phái ngoại đạo, cuối cùng đến ông Tu Bạt Đà La, cho họ đều vào Phật Đạo.

Đức Như Lai dùng đuốc đại trí đốt tràng tà kiến, như đem lá cỏ khô ném vào trong ngọn lửa lớn.

Nầy A Nan ! Nay những người dòng Thích Ca ta rất lo nghĩ đến họ. Sau khi ta nhập Niết Bàn, ông phải siêng năng đem điều lành dạy răn, hàng quyến thuộc của ta, hết lòng dạy dỗ cho họ được diệp pháp. Chớ để họ phóng dật tán tâm chơi bời hoặc theo tà pháp.

Người chưa thoát khỏi sự thống khổtrong ba cõi phải sớm cầu giải thoát. Phải lo sợ chốn ngũ trược ái dục nầy, một khi mất thân người rất khó được lại, trọn đời phải thường soi xét. Khó lấy tình để cầu thoát khỏi quỉ vô thường.

Phải thương xót chúng sanh, chớ giết hại dầu là côn trùng nhỏ nhít.

Thân nghiệp thanh tịnh thường sanh cõi tốt đẹp. Khẩu nghiệp thanh tịnh xa lìa những lỗi ác . Chớ ăn thịt, chớ uống rượu.

Điều phục con rắn tâm cho nó vào đạo quả.

Phải suy nghĩ kỹ nghiệp nhơn thiện ác cảm báo tốt xấu. Nhơn quả trong ba đời tuần hoàn chẳng mất, như bóng theo hình. Đời nầy luống qua về sau ăn năn không kịp.

Giờ Niết Bàn đã đến, ta tóm tắt dạy bảo như vậy.

A Nan nghe lời Phật dạy, thân thể rung tâm động, buồn khóc nghẹn ngào, mê muội té xuống trước mặt Phật như người chết.

Lúc đó ngài A Nâu La Đà an ủi A Nan rằng : " Đâu nên quá sầu khổ như vậy ! Đã đến giờ Đức Như Lai nhập Niết Bàn, ngày nay dầu có Phật, sáng mai thời đã không. Ông y theo lời tôi để thưa hỏi Đức Như Lai bốn điều.

_ Sau khi Phật nhập Niết Bàn Lục Quần Tỳ Kheo làm việc ô tha gia, cùng Xa Nặc ác tánh, các Tỳ Kheo làm thế nào để cùng họ cộng trụ và chỉ dạy họ ?

Đức Như Lai còn thời dùng Phật làm Thầy, Đức Như Lai đã diệt độ rồi lấy gì để làm Thầy ?

_ Lúc Phật còn nương nơi Phật mà trụ, Như Lai đã diệt độ nương gì để trụ ?

_ Sau khi Phật diệt độ, lúc kết tập pháp tạng, đầu các kinh phải để những lời gì ?

A Nan như ở trong mộng nghe ngài A Nâu Lâu Đà khuyên bảo hỏi Phật bốn điều. Lần lần được tỉnh ngộ chẳng xiết buồn thảm, A Nan đem bốn điều trên hỏi Phật.

Đức Như Lai bảo A Nan : " Sao lại quá buồn khổ như vậy ! Chư Phật thuyết pháp giáo hóa việc làm đã xong, theo phải về nơi đây.

Lành thay ! Lành thay ! Bốn điều ông vừa hỏi, là lời hỏi tối hậu, có lợi ích lớn cho tất cả thế gian. Các ông lóng nghe và khéo suy nghĩ ghi nhớ.

Sau khi Phật nhập Niết Bàn, Tỳ Kheo Xa Nặc tâm tánh sẽ lần lần điều phục nhu hòa bỏ ác tánh cũ.

Nầy A Nan ! Ông Nan Đà trước kia rất nặng ái dục, tánh rất xấu ác, Đức Như Lai dùng thiện phương tiện chỉ dạy cho ông ấy được lợi ích vui mừng. Phật rõ biết căn tánh của ông ấy, dùng huệ bát nhã mà giảng thuyết mười hai nhơn duyên : Chính là vô minh duyên hành, hành duyên thức, nhẫn đến lão tử ưu bi khổ não, đều là rừng bụi vô minh yêu ghét, tất cả hành khổ đầy tràn trong ba cõi, chạy khắp trong lục đạo. Cội gốc sự khổ từ vô minh khởi lên. Dùng huệ bát nhã hiển bày tánh tịnh, quán sát kỹ cội gốc thời dứt được tội lỗi trong ba cõi. Vì cội gốc vô minh dứt nên vô minh dứt, vô minh dứt thời hành dứt, nhẫn đến lão tử ưu bi khổ não đều dứt.

Lúc được quán niệm nầy nhiếp tâm đứng dừng thời được nhập Tam Muội, do sức Tam Muội được nhập sơ thiền lần lượt nhập tứ thiền không rời chánh niệm luôn tu tập như vậy, rồi sau tự sẽ được chứng thượng quả thoát khỏi khổ trong ba cõi Nan Đà Tỳ Kheo, tin sâu lời dạy của Phật, siêng năng tu tập trong một ít lâu được chứng quả A La Hán.

Nầy A Nan ! Sau khi ta nhập Niết Bàn, các ông nên y theo giáo pháp chánh quán của ta mà chỉ dạy cho Lục Quần cùng Xa Nặc, hết lòng nương theo chánh pháp thanh tịnh nầy, tự sẽ được chứng thượng quả.

Nầy A Nan ! Phải biết rằng đều do nơi vô minh mà tăng trưởng cây sanh tử trong ba cõi, nên mãi trôi chìm trong ái hà, chịu khổ mãi dưới vực tối tăm, vòng quanh cột sanh tử. Sáu thức là nhánh, vọng niệm là gốc, lượn sóng vô minh xúc khiến tâm thức dạo chơi theo lục trần, sanh mầm các sự khổ não. Vô minh nó tự tại như vua, không ai chế ngự được. Do đây nên ta nói ông chủ vô minh niệm niệm làm hại, chúng sanh chẳng hay biết, mãi luân chuyển trong sanh tử.

Nầy A Nan ! Tất cả chúng sanh vì vô minh nầy mà khởi những tham ái, bị ngã kiến che đậy, tám muôn bốn ngàn phiền não sai sử thân họ, làm cho thân tâm họ tan vỡ không được tự tại.

Nầy A Nan ! Nếu vô minh dứt thời ba cõi đều hết, nên gọi là người xuất thế.

Nầy A Nan ! Nếu có thể quán sát kỹ mười hai nhơn duyên rốt ráo không có ngã, sâu vào nơi bổn tánh thanh tịnh, thời có thể xa lìa ngọn lửa lớn ba cõi.

Nầy A Nan ! Đức Như Lai là đấng chơn ngữ nói lời thành thật, đây là lời phó chúc tối hậu, các ông phải y theo tu hành.

Nầy A Nan ! Ông hỏi sau khi Phật diệt độ lấy gì làm Thầy ?â Nên biết giới Ba La Đề Mộc Xoa là Đại Sư của các ông. Nương theo đó tu hành thời có thể được định huệ xuất thế.

Nầy A Nan ! Ông hỏi sau khi Phật nhập Niết Bàn nương gì để trụ ? Phải nương pháp tứ niệm xứ mà trụ : Quán sát tánh tướng của thân đồng như hư không gọi là thân niệm xứ, quán sát sự cảm thọ chẳng ở trong, chẳng ở ngoài, chẳng ở chặn giữa, gọi là thọ niệm xứ, quán sát tâm chỉ có danh tự tánh danh tự rời rạc gọi là tâm niệm xứ, quán sát pháp thiện chẳng thể được pháp bất thiện cũng chẳng thể được gọi là pháp niệm xứ. Tất cả người tu hành phải nương theo pháp tứ niệm xứ nầy mà trụ.

Nầy A Nan ! Ông hỏi sau khi Như Lai diệt độ lúc kết tập pháp tạng, đầu tất cả kinh để những lời gì ?

Nầy A Nan ! Sau khi Như Lai diệt độ lúc kết tập pháp tạng đầu tất cả kinh nên để như vầy : " Như thị ngã văn nhứt thời Phật trụ mỗ phương mỗ xứ, cùng hàng tứ chúng mà nói kinh nầy ".

A Nan lại bạch Phật : Lúc Phật ở đời, hoặc sau khi Phật nhập Niết Bàn, có tín tâm đàn việt đem vàng bạc bảy báu cùng tất cả đồ cần dùng dưng cúng cho Như Lai thời phải xử trí thê nào ?

Phật nói : Lúc Phật còn, những vật cúng dường Phật, thời chúng Tăng nên biết. Sau khi Phật diệt độ những vật cúng dường Phật, thời nên dùng tạo tượng Phật và tạo y của Phật, phan lọng bảy báu, sắm các thứ hương dầu bông để cúng dường Phật. Trừ việc cúng dường Phật ngoài ra chẳng được dùng. Người lạm dụng thời phạm tội lấy trộm vật của Phật.

A Nan lại bạch : Lúc Phật còn có người đem vàng bạc bảy báu điện đường phòng nhà y phục đồ uống ăn tất cả đồ cần dùng, hoặc vợ con tôi tớ mà cung kính cúng dường Như Lai. Sau khi Phật nhập diệt nếu có người đem những vật như trên mà cung kính cúng dường tượng Phật. Bạch Thế Tôn ! Phước đức của hai người nầy ai nhiều hơn ?

Phật nói : Vì đều cung kính cúng dường cả nên phước đức của hai người được đồng nhau. Dầu Phật diệt độ nhưng pháp thân vẫn thường còn, nên cung kính cúng dường được phước vẫn đồng như Phật hiện tại.

A Nan lại bạch ; Lúc Phật hiện tại nếu có người đem những vật như trên cung kính cúng dường Phật, sau khi Như Lai nhập Niết Bàn, nếu có người

đem những vật như trên cung kính cúng dường toàn thân Xá Lợi, phước đức của hai người nầy, ai nhiều hơn ?

Phật nói : Hai người nầy được phước đồng nhau công đức rộng lớn vô lượng vô biên nhẫn đến hết khổ, phước đó chẳng hết.

A Nan lại bạch : Lúc Phật hiện tại, nếu có người cung kính cúng dường Phật như trên, sau khi Phật nhập Niết Bàn nếu có người cung kính cúng dường nửa thân Xá Lợi ai được phước nhiều hơn ?

Phật nói : Vì hai người đều cung kính cúng dường nên được phước đồng nhau phước đức nầy vô lượng vô biên.

Nầy A Nan ! Nhẫn đến cung kính cúng dường một phần tư Xá Lợi, một phần tám , một phần trăm, một phần ngàn, một phần muôn, một phần hằng hà sa, hoặc chừng bằng hột cải, người nầy được phước cũng đồng như người cung kính cúng dường Đức Như Lai hiện tại.

A Nan nên biết rằng hoặc Phật hiện tại hoặc đã nhập Niết Bàn, nếu có người cung kính cúng dường lễ bái tán thán, được phước đức đồng nhau không khác.

Phật bảo A Nan cùng đại chúng : Sau khi ta nhập Niết Bàn, tất cả chúng sanh hoặc thiên thượng hay nhơn gian , được Xá Lợi của ta mà vui mừng thương cảm cung kính lễ bái cúng dường thời được vô lượng vô biên công đức.

Nầy A Nan ! Nếu thấy Xá Lợi của Như Lai thời là thấy Phật, thấy Phật là thấy Pháp, thấy Pháp là thấy Tăng, thấy Tăng là thấy Niết Bàn.

A Nan nên biết rằng do nhơn duyên trên đây mà Tam Bảo thường trụ không biến đổi, có thể làm chỗ quy y cho tất cả chúng sanh.

A Nan bạch Phật : Sau khi Như Lai nhập Niết Bàn, tất cả đại chúng y theo phép tắc nào để trà tỳ thân Như Lai để được Xá Lợi cung kính cúng dường.

Phật nói : “ Khi ta nhập Niết Bàn rồi, đại chúng nên y theo phương pháp trà tỳ Chuyển Luân Thánh Vương.”

A Nan bạch Phật : “ Pháp tắc trà tỳ Chuyển Luân Thánh Vương như thế nào ?”

Phật nói : Sau khi Chuyển Luân Thánh Vương mạng chung, đình thi hài bảy ngày mới để vào quan tài vàng, rồi lấy dầu thơm vi diệu đổ đầy quan tài đậy lại thật kín. Đủ bảy ngày đem thi hài ra, dùng nước thơm tắm rửa, đốt hương thơm cúng dường. Dùng bông Đâu La Miên bao khắp thân thể, sau đó dùng ngàn bức bạch điệp tốt đẹp vô giá thứ tự vấn chồng lên nhau khắp thi hài của Luân Vương. Vấn xong đổ dầu thơm đầy trong kim quan rồi mới để thi hài Luân Vương vào. Đậy kín quan tài xong, chở trên xe thất bảo, bốn mặt treo các chuỗi ngọc, dùng châu báu trang nghiêm xe ấy, vô số phan lọng bằng châu báu tốt đẹp giăng treo trên xe. Đốt hương thơm , trổi đại nhạc để cúng dường. Sau đó dùng thuần những gỗ thơm cùng những dầu thơm mà trà tỳ. Trà tỳ xong hốt lấy Xá Lợi, xây tháp thất bảo giữa đường ngã tư trong thành, bốn phía tháp có bốn cửa an trí Xá Lợi trong đó, để cho tất cả mọi người đồng chiêm ngưỡng.

Nầy A Nan ! Chuyển Luân Thánh Vương kia do chút ít phước đức được nối ngôi vua, chưa thoát khỏi ba cõi, còn đủ ngũ dục thê thiếp, ác kiến tham, sân, si, tất cả phiền não kiết sử chưa dứt được một mảy. Sau khi mạng chung mà thế gian còn theo cách thức như vậy, dựng tháp cúng dường để mọi người chiêm ngưỡng, huống là Đức Như Lai đã trải qua vô lượng, vô biên, vô số kiếp bỏ hẳn ngũ dục, tinh tấn thật hành tất cả khổ hạnh xuất thế của Bồ Tát, đã thành tựu đạo hạnh thậm thâm vi diệu thanh tịnh, giới, định, huệ, giải thoát, giải thoát tri kiến, sáu môn Ba La Mật, tu tập thập lực, đại bi, bốn vô sở úy, ba môn giải thoát, mười tám đại không, lục thông, ngũ nhãn, ba mươi bảy phẩm, mười tám bất cộng, ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, thọ mạng của tất cả chư Phật, tất cả cõi Phật thanh tịnh, tất cả pháp thành tựu chúng sanh, tất cả khổ hạnh khó làm, tất cả nhiếp luật nghi giới, tất cả nhiếp thiện pháp giới, tất cả nhiếp chúng sanh giới, tất cả công đức, tất cả trí huệ, tất cả trang nghiêm, tất cả đại nguyện, tất cả phương tiện, tất cả trí huệ phước đức chẳng thể nghĩ bàn như vậy, đều đã thành tựu đầy đủ, dứt trừ tất cả ác, dứt trừ tất cả phiền não, dứt trừ tất cả phiền não tập khí, thông đạt tứ đế thập nhị nhơn duyên, nơi cội Bồ Đề hàng phục bốn ma thành tựu nhứt thiết chủng trí. Được tất cả chư Phật xướng lời khen lành thay ! Lành thay ! Đồng lấy nước trí pháp tánh, rưới trên đỉnh pháp thân, mới thành vô thượng Bồ Đề. Do nhơn duyên như vậy nên nay ta hiệu là Thiên Nhơn Sư thập lực đẳng giác, Thế Tôn vô thượng, nhơn gian thiên thượng không ai bằng, bình đẳng xem chúng sanh như La Hầu La, do đó ta hiệu là Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật Thế Tôn.

Duyên giáo hóa thế gian đã xong, ta vì chúng sanh ên hôm nay thị hiện nhập Niết bàn. Vì muốn cho chúng sanh khắp được cúng dường, nên ta theo pháp thế gian như vua Chuyển Luân, mà tẩn táng cùng trà tỳ.

Tứ chúng nhơn thiên đem Xá Lợi của Như Lai đựng trong bình thất bảo xây dựng tháp thất bảo để cúng dường Xá Lợi, có thể làm cho chúng sanh được công đức lớn, lìa khổ ba cõi đến vui Niết Bàn.

Nầy A Nan ! Hàng tứ chúng xây tháp thất bảo cúng dường Xá Lợi của Phật rồi, lại nên xây ba thứ tháp để cúng dường : Tháp Bích Chi Phật, tháp A La hán, tháp Chuyển Luân Thánh Vương, vì muốn cho mọi người biết chỗ quy y vậy.

A Nan bạch Phật : Đức Như Lai ra đời thương xót chúng sanh, hiển bày thập lực, đại bi, bốn vô sở úy, ba môn giải thoát, tứ đế, mười hai nhơn duyên, tám thứ phạm âm vang rền ba cõi, từ quang ngũ sắc soi khắp lục đạo, tùy thuận tâm nghiệp của chúng sanh mà chuyển pháp luân, có người chứng được bốn quả của nhị thừa tu tập, hoặc chứng đạo Duyên Giác vô lậu vô vi, hoặc nhập lực Bồ Tát bất diệt bất sanh, hoặc được vô lượng Đà La Ni, hoặc được ngũ nhãn, hoặc được lục thông, hoặc thoát ba ác đạo, hoặc ra khỏi tám nạn, hoặc lìa khổ trời người ba cõi. Đức từ thanh tịnh của Như Lai, pháp môn giải thoát của Như Lai đều chẳng thể nghĩ bàn.

Sau khi nhập diệt, hàng tứ chúng dựng tháp bảy báu cúng dường Xá Lợi được công đức lớn, có thể làm cho chúng sanh thoát khổ ba cõi, được chánh giải thoát. Do nhơn duyên nầy nên khi Phật nhập Niết Bàn, tất cả thế gian vì báo đáp từ ân vô lượng của Phật mà xây tháp thất bảo để cúng dường Xá Lợi, theo lẽ phải như vậy. Ba thứ pháp kia có những lợi ích gì đối với chúng sanh mà đức Phật bảo dựng tháp cúng dường ?

Pật nói : “ Bích Chi Phật tỏ ngộ nhơn duyên của các pháp chứng nhập pháp tánh, đã thoát tất cả khổ hoạn trong tam giới, có thể làm phước điền cho nhơn thiên. Do đây nên xây tháp cúng dường Bích Chi Phật được phước đức kế nơi sự cúng dường Như Lai, có thể làm cho chúng sanh đều được diệu quả.

Nầy A Nan ! A La Hán kia đối với ba cõi đã hết sanh tử chẳng thọ thân đời sau, phạm hạnh đã lập có thể làm phước điền cho thế gian, nên xây tháp cúng dường được phước đức kế sự cúng dường Bích Chi Phật, cũng làm cho chúng sanh được nhơn duyên giải thoát.

Nầy A Nan ! Chuyển Luân Thánh Vương dầu chưa dứt phiền não, chưa giải thoát ba cõi, nhưng do phước đức mà cai trị bốn thiên hạ, đem pháp thập thiện giáo hóa nhơn dân, là bực tôn kính của mọi người, nên tứ chúng dựng tháp cúng dường, được phước đức cũng là vô lượng .”

A Nan bạch Phật : “ Sau khi Phật nhập Niết Bàn, hàng tứ chúng nên làm lễ trà tỳ đức Như Lai tại chỗ nào ?”

Phật nói : “ Sau khi ta nhập Niết Bàn, nếu tứ chúng làm lễ trà tỳ ở trong thành Câu Thi Na nầy, người trong thành tất tranh giành đánh đập nhau, và cũng làm cho tất cả mọi người được phước chẳng đồng nhau. Nên tứ chúng phải làm lễ trà tỳ ở ngoài thành, cho mọi người đều bình đẳng được phước.”

A Nan bạch Phật : “ Trà tỳ xong, tứ chúng dùng bình báu để đựng Xá Lợi, thời nên dựng tháp thất bảo ở tại chỗ nào để cho tất cả mọi người đều được cung kính cúng dường ?”

Phật nói : “ Nên ở trong thành Câu Thi Na, nơi ngã tư đường mà xây tháp cao mười ba từng, trước pháp có tướng pháp luân, phan lọng, lan can đều bằng thất bảo, bốn mặt tháp đều mở một cửa, từng lớp cửa nẻo xứng nhau an trí bình báu đựng Xá Lợi của Như Lai trong đó cho tất cả trời người chiêm ngưỡng cúng dường.

Tháp của Bích Chi Phật nên mười một từng . Tháp của A La Hán nên bốn từng. Cũng đều dùng các thứ báu mà trang nghiêm.

Tháp của Chuyển Luân Vương cũng xây bằng bảy báu nhưng không có từng cấp, vì Luân Vương chưa thoát khổ sanh tử trong ba cõi.”

A Nâu Lâu Đà bạch Phật : Khi trà tỳ xong, tất cả Trời người cùng bốn bộ chúng phân chia Xá Lợi của Phật như thế nào ?

Phật nói : “ Nên dùng tâm bình đẳng phân chia Xá Lợi của Phật khắp ba cõi để tất cả thế gian đều được cúng dường .”

Thiên Đế Thích Đề Hoàn Nhơn bạch Phật : “ Nay tôi xin cung kính thỉnh nửa thân Xá Lợi của Như Lai để cúng dường.”

Phật bảo Thiên Đế : “ Đức Như Lai bình đẳng xem chúng sanh như La Hầu La, ông chẳng nên thỉnh nửa thân Xá Lợi. Nay ta cho ông một cái răng nanh

Xá Lợi hàm trên bên hữu, có thể xây tháp cúng dường ở trên Trời, làm cho ông được phước đức vô tận.”

Lúc đó tất cả đại chúng Trời người buồn thương rơi lệ không tự dằn được.

Đức Thế Tôn bảo khắp đại chúng : “ Khi Phật nhập Niết Bàn rồi, đại chúng chớ quá sầu não. Vì dầu Phật nhập Niết Bàn mà Xá Lợi vẫn thường còn để cúng dường. Lại có những pháp bảo vô thượng, tạng Tu Đa La, tạng Tỳ Nại Da, tạng Ma Ha Đạt Ma, do đây Tam Bảo và tứ đế vẫn thường trụ ở thế gian, làm chỗ quy y cho chúng sanh. Vì cúng dường Xá Lợi tức là Phật Bảo, thấy Phật Bảo là thấy pháp thân, thấy pháp thân là thấy hiền thánh ,thấy hiền thánh là thấy tứ đế, thấy tứ đế là thấy Niết Bàn. Do đây nên biết rằng Tam Bảo thường trụ không biến đổi, có thể làm chỗ quy y cho thế gian.

Đại chúng chớ quá sầu khổ. Nay ta ở đây sắp nhập Niết Bàn. Trong những pháp : Quy y, giới luật, thường, vô thường, Tam Đảo, tứ đế, lục độ, mười hai nhơn duyên v.v…, nếu ai có điều chi nghi phải mau thưa hỏi, đây là lời hỏi rốt ráo cuối cùng để sau khi Phật nhập Niết Bàn không còn nghi hối.”

Đức Phật phổ cáo trong đại chúng ba lần như vậy.

Tất cả đại chúng không ai thưa hỏi, vì ai nấy đều thông đạt hiểu rõ không còn nghi ngờ.

Đức Thế Tôn khen rằng : Lành thay ! Lành thay Đại chúng đã có thể thông đạt các pháp không còn nghi ngờ như nước sạch rửa hết bụi nhơ nơi thân. Đại chúng phải tinh tấn sớm được giải thoát, chớ sầu não mê muội loạn tâm.

Lúc đó Đức Thế Tôn ngồi trên tòa Sư Tử, lấy tay vàng vạch y tăng già lê để lộ ngực huỳnh kim cho đại chúng thấy rồi bảo rằng : Tất cả đại chúng Trời người nên chí tâm nhìn xem sắc thân hùynh kim của Như Lai !

Đại chúng chiêm ngưỡng sắc thân vàng ròng của Phật thảy đều sung sướng như Tỳ Kheo nhập đệ tam thiền.

Sau đó Đức Thế Tôn phóng vô lượng vô biên trăm ngàn muôn ức ánh sáng Đại Niết Bàn chiếu khắp tất cả thế giới mười hương, che khuất ánh sáng của tất cả mặt trời mặt trăng.

Phóng ánh sáng trên đây rồi Đức Phật bảo đại chúng : Mọi người nên biết rằng Đức Như Lai vì tất cả đại chúng mà cần khổ trong nhiều kiếp, đến chặt

tay chơn lóc da thịt, đại bi đại nguyện thành bực vô thượng chánh giác nơi đời ngũ trược nầy, được sắc thân Kim Cang bất hoại đủ ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, vô lượng ánh sáng chiếu khắp tất cả. Ai thấy được hình, gặp được ánh sáng của Phật, đều được giải thoát cả.

Nầy đại chúng ! Phật ra đời rất khó gặp khó thấy như hoa Ưu Đàm. Đại chúng gặp ta đây là lần sau cùng, đối với thân nầy chớ để luống qua. Do sức thệ nguyện mà ta sanh nơi cõi uế ác nầy. Duyên giáo hóa đã hòan tất, nay ta muốn nhập Niết Bàn. Đại chúng nên chí thành nhìn xem sắc thân hùynh kim của ta, cố gắng tu tập nghiệp thanh tịnh như vậy, đời vị lai sẽ được quả báo nầy.

Đức Thế Tôn ba phen ân cần khuyên bảo như vậy, đồng thời bày thân chơn kim cho đại chúng thấy.

Sau đó Đức Phật từ trên giường thất bảo sư tử bay lên hư không cao bằng một cây Đa La, bảo một lần rằng : " Ta sắp nhập Niết Bàn, đại chúng nhìn xem sắc thân huỳnh kim của ta !"

Lần lượt đức Phật bay trên cao bằng bảy cây Đa La, bảy lần bảo rằng : Ta sắp nhập Niết Bàn, đại chúng nên chí tâm nhìn xem sắc thân huỳnh kim của ta !

Từ hư không xuống ngồi trên giường sư tử Đức Phật lại bảo : Ta sắp nhập Niết Bàn, đại chúng nên chí tâm nhìn xem sắc thân huỳnh kim của ta !

Đức Thế Tôn từ trên giừơng sư tử lại bay lên hư không cao bằng một cây Đa La, thời một lần bảo đại chúng, lần lượt bay cao bằng bảy cây Đa La, bảy lần bảo rằng : Ta sắp nhập Niết Bàn, đại chúng nên chí tâm nhìn xem sắc thân huỳnh kim của ta !

Từ hư không xuống ngồi trên giừơng sư tử Đức Phật lại kêu đại chúng mà bảo rằng : Ta sắp nhập Niết Bàn, đại chúng nên chí tâm nhìn xem sắc thân huỳnh kim của ta!

Lần thứ ba, Đức Thế Tôn cũng từ trên giừơng sư tử bay lên hư không cao bằng bảy cây Đa La, đồng thời cũng bảy lần bảo đại chúng như vậy. Từ hư không xuống ngồi trên giừơng thất bảo Đức Phật lại bảo : Ta sắp nhập Niết Bàn , đại chúng nên chí tâm nhìn xem nơi sắc thân của ta !

Đức Phật hai mươi bốn lần ân cần bảo đại chúng như vậy, rồi lại bảo rằng : Ta sắp nhập Niết Bàn, đại chúng nên chí tâm nhìn xem sắc thân vô úy Kim Cang bất hoại của ta rất khó gặp gỡ như hoa Ưu Đàm, như người quá khát gặp nước trong mát thời uống đến no không còn khao khát, đại chúng cũng phải như vậy, nên chí tâm chiêm ngưỡng sắc thân của Như Lai lần sau cùng, sau lần thấy nầy không còn thấy lại nữa. Đại chúng nên chiêm ngưỡng cho thỏa mãn để về sau khỏi ăn năn.

Sau khi ta nhập Niết Bàn, đại chúng phải tinh tấn tu hành sớm ra khỏi ba cõi, chớ có giãi đãi phóng dật tán tâm.

Lúc đó tất cả đại chúng Trời người trong tất cả thế giới mười phương được gặp ánh sáng Niết Bàn, được chiêm ngưỡng đúc Phật đều được giải thoát. Những chúng sanh được gặp được thấy đều được dứt hẳn tam đồ bát nạn, bốn tội trọng, năm tội nghịch, đến tất cả phiền não đều dứt hẳn không còn thừa.

Sau khi lộ bày sắc thân huỳnh kim cho tứ chúng chiêm ngưỡng và ân cần khuyến cáo xong, Đức Thế Tôn kéo y tăng già đắp lại như cũ.

XXVII

PHẨM ỨNG TẬN HƯỜN NGUYÊN THỨ HAI MƯƠI BẢY

Đức Phật bảo đại chúng : " Giờ đây ta nhập Niết Bàn, cả mình ta đau nhức."

Nói vừa xong, đức Phật liền nhập sơ thiền, xuất sơ thiền nhập nhị thiền, xuất nhị thiền nhập tam thiền, xuất tam thiền nhập tứ thiền, xuất tứ thiền nhập không xứ định, xuất không xứ định nhập thức xứ định, xuất thức xứ định nhập bất dụng xứ định, xuất bất dụng xứ định nhập phi tưởng phi phi tưởng xứ định, xuất phi tưởng xứ định nhập diệt tận định, xuất diệt tận định nhập phi tưởng phi phi tưởng xứ định, xuất phi tưởng xứ định nhập bất dụng xứ định, xuất bất dụng xứ định nhập thức xứ định, xuất thức xứ định nhập không xứ định, xuất không xứ định nhập tứ thiền, xuất tứ thiền nhập tam thiền, xuất tam thiền nhập nhị thiền xuất nhị thiền nhập sơ thiền.

Đức Thế Tôn thuận nghịch nhập các thiền định xong, lại phổ cáo đại chúng : " Ta dùng thậm thâm bát nhã xem khắp ba cõi tất cả lục đạo chúng sanh, ba cõi nầy bổn tánh rời lìa rốt ráo tịch diệt đồng như hư không, không danh,không thức, dứt hẳn các cõi, bổn lai bình đẳng không có tưởng niệm

cao hạ, không thấy nghe, không hay biết, không hệ phược, không giải thoát, không chúng sanh, không thọ mạng, không sanh không diệt, chẳng phải thế gian chẳng phải chẳng thế gian, Niết Bàn sanh tử đều không thể được, trước sau bình đẳng vì bình đẳng với các pháp, nhàn cư tịnh trụ không có chỗ thi vi, an trí rốt ráo quyết định bất khả đắc, từ pháp vô trụ pháp tánh thi vi, dứt tất cả tướng, trọn không chỗ có. Pháp tướng như vậy, ai biết rõ thời gọi là người xuất thế, kẻ chẳng biết như vậy thời gọi là đầu mối sanh tử. Đại chúng phải dứt vô minh, diệt đầu mối sanh tử !

Bảo xong, Đức Thế Tôn nhập thiền định siêu việt : Từ sơ thiền xuất liền nhập tam thiền, xuất tam thiền nhập không xứ định, xuất không xứ định nhập vô sở hữu xứ định, xuất vô sở hữu xứ định nhập diệt tận định, xuất diệt tận định nhập phi tưởng phi phi tưởng xứ định, xuất phi tưởng xứ định nhập thức xứ định, xuất thức xứ định nhập tứ thiền, xuất tứ thiền nhập nhị thiền, xuất nhị thiền nhập sơ thiền.

Đức Thế Tôn nghịch thuận nhập thiền định siêu việt xong, lại bảo đại chúng : " Ta dùng Ma Ha Bát Nhã xem khắp ba cõi tất cả nhơn pháp hữu tình vô tình thảy đều rốt ráo, không hệ phược, không giải thoát, không chủ, không y, không thể nhiếp trì, chẳng ra ba cõi, chẳng vào các cõi, bổn lai thanh tịnh không cấu nhơ, không phiền não, đồng như hư không, chẳng bình đẳng chẳng phải chẳng bình đẳng, dứt hết những động niệm tư tưởng tâm thức. Pháp tướng như vậy gọi là Đại Niết Bàn, thấy rõ được pháp tướng nầy thời gọi là giải thoát, phàm phu chẳng thấy biết thời gọi là vô minh.

Nói xong Đức Phật lại nhập thiền định siêu việt xuất sơ thiền nhập tam thiền nhẫn đến nhập diệt tận định, xuất diệt tận định nhẫn đến nhập sơ thiền.

Nghịch thuận nhập thiền định siêu việt xong, Đức Thế Tôn lại bảo đại chúng : " Ta dùng Phật nhãn xem khắp ba cõi tất cả các pháp, thể tánh của vô minh vốn là giải thoát, tìm khắp mười phương trọn không thể được. Vì cội gốc đã không nên nhánh lá thảy đều giải thoát. Vì vô minh giải thoát nên hành đến lão tử đều được giải thoát. Do đây nên ngày nay ta an trụ thường tịnh diệt quang gọi là Đại Niết Bàn.

Lúc đó A Nan quá sầu khổ bi ai tâm trí cuồng loạn, như người quá say không còn biết những việc xung quanh, chẳng thấy đại chúng, cũng chẳng biết Như Lai đã nhập Niết Bàn hay chưa.

Đức Thế Tôn nhập siêu thiền định thuận nghịch ba lần, xem khắp pháp giới ba phen phổ cáo đại chúng, Đức Như Lai lần lượt nhập các thiền định hai mươi bảy lần như vậy.

Vì chẳng biết, nên khi Phật nhập một thiền định A Nan liền hỏi một lần, hai mươi bảy lần hỏi ngài A Nâu Lâu Đà : Phật nhập Niết Bàn hay chưa ?

Ngài A Nâu Lâu Fđà rõ biết Như Lai nhập các thiền định, hai mươi bảy lần đều trả lời với A Nan rằng Phật chưa nhập Niết Bàn.

Sau khi ba lần thuận nghịch nhập các thiền định cùng phổ cáo đại chúng, đức Thế Tôn nằm nghiêng bên hữu trên giường thất bảo : Gối đầu phương bắc, chưn chỉ thẳng phương Nam, mặt hướng về phương Tây, lưng day qua phương Đông.

Bốn phía giường, tám cây Ta La chia làm bốn cặp : Một cặp phương Tây ở trước mặt Như Lai, một cặp phương Đông che sau lưng Như Lai, một cặp phương Bắc che trên đầu Như Lai, một cặp phương Nam đứng phía chưn Như Lai.

Lúc đó đúng giữa đêm Đức Như Lai nằm trên giừơng thất bảo trong rừng Ta La nhập tứ thiền yên lặng mà Bát Niết Bàn.

Liền đó bốn cặp cây Ta La : Cặp hướng Đông, cặp hướng Tây ngọn bốn cây hiệp làm một tàng, cặp hướng Nam, cặp hướng Bắc ngọn bốn cây hiệp làm một tàng, che giừơng thất bảo trùm trên thân Như Lai. Những cây Ta La đó, tất cả lá biến thành sắc trắng như bạch hạc, nhánh lá bông trái da và thân cây thảy đều rụng rớt nức nẻ, lần lần khô héo gãy rớt.

Đồng thời trong lúc đó vô lượng thế giới ở mười phương đều chấn động vang ra tiếng rằng : “ Khổ thay ! Khổ thay ! Thế giới trống rỗng.”

Lại vang ra tiếng buồn than diễn nói nghĩa vô thường, khổ, không.

Tát cả những núi trong mười phương thế giới : Núi Mục Chơn Lân Đà, núi Đại Mục Chơn Lân Đà, núi Thiết Vi, núi Đại Thiết Vi, Hắc Sơn, Hương Sơn, Kim Sơn, Bảo Sơn, núi Tu Di đồng thời rúng động vang ra tiếng lớn : Khổ thay ! Khổ thay ! Tại sao một mai mà thế gian bơ vơ, huệ nhựt tắt mất vào núi Đại Niết Bàn, tất cả chúng sanh mất cha lành, mất chỗ chiêm ngưỡng.

Tất cả biển lớn trong mười phương thế giới đều đục ngầu, sóng cuồn cuộn nổi lên vang ra các thứ tiếng : Khổ thay ! Khổ thay ! Đấng vô thượng chánh giác đã diệt, chúng sanh phải tội khổ trôi mãi trong biển lớn sanh tử, mê mất con đường chơn chánh không do đâu để giải thoát được.

Tất cả sông rạch khe suối, mương rãnh, giếng ao thảy đều nghiêng ngữa khô cạn.

Mười phương thế giới vắng lặng tối tăm. Sầu não tối tăm bao trùm cả thế giới. Lúc đó bỗng có gió to thổi bay bụi cát, khắp nơi đều mờ tối. Tất cả cỏ cây trên mặt đất gãy ngã rơi rụng. Tât cả chư thiên vân tập chật cả hư không, than thở kêu khóc tiếng động cả cõi đại thiên, rưới vô số trăm ngàn hoa trời hương trời cúng dường Đức Như Lai, lại rải vô số thiên tràng, thiên phan, thiên anh lạc, thiên bảo cái, thiên bảo châu biến thành bửu đài giữa hư không để cúng dường Đức Như Lai. Chư thiên lại ở trên hư không tấu vô số thiên nhạc xướng rằng : Khổ thay ! Khổ thay ! Đức Phật đã nhập Niết Bàn. Thế giới trống rỗng, chúng sanh đã mất con mắt, quỉ La Sát phiền não lan tràn khắp nơi, sự khổ nối luôn xoay vần chẳng dứt.

Lúc đó A Nan mê muội, chẳng biết Đức Như Lai đã nhập Niết Bàn hay chưa nhập, chỉ nghe thấy những cảnh những tiếng lạ thường nên lại hỏi .

Ngài A Nâu Lâu Đà đáp rằng : “ Đấng Đại Giác Thế Tôn đã nhập Niết Bàn.”

Nghe lời nầy, A Nan té xỉu xuống đất, mất thở như người chết.

Ngài A Nâu Lâu Đà lấy nước lạnh rải trên mặt A Nan đỡ dậy nhiều lời an ủi rằng : Thảm thay ! Thảm thay ! Rất đáng đau khổ. Nhưng ông chớ quá buồn rầu mà tâm trí điên loạn. Hóa duyên của Đức Như Lai đã hoàn tất, tất cả trời, người không ai cầm lại được. Khổ thay ! Biết làm sao được ! Nào ngờ ngày nay Đấng Thiên Nhơn Sư việc làm đã rốt ráo không ai cầm lại được. Ông cùng tôi phải đồng dằn sự buồn khổ. Đức Phật dầu nhập Niết bàn, nhưng còn Xá Lợi và Pháp Bảo vô thượng thường trụ nơi thế gian, có thể làm chỗ quy y cho chúng sanh. Các ông cùng tôi phải tinh tấn đem Pháp Bảo của Phật truyền lại cho chúng sanh, khiến họ thoát khổ, dùng đây để báo ân đức của Như Lai.

An Nan nghe lời an ủi trên, lần lần tỉnh ngộ nghẹn ngào buồn khóc.

Trong rừng Ta La nơi thành Câu Thi Na rộng mười hai do tuần, đại chúng trời người chật khắp trong đó. Chỗ nhỏ bằng đầu mũi kim dung thọ vô lượng

chúng, không một chút hở trống, dầu vậy nhưng chẳng trở ngại, chẳng che khuất nhau.

Vô số ức Bồ Tát cùng đại chúng nhơn thiên đều mê muội loạn tâm, thấy thế giới biến độngï khác thường và nghe ngài A Nâu Lâu Đà bảo là Đức Phật đã nhập Niết Bàn, có nhiều người ngất xỉu té xuống đất. Trong đó có người nhập diệt theo Phật, có người mất trí, có người thân tâm rung rẩy, có người nghẹn ngào nước mắt tuôn rơi, có người đấm ngực kêu to, có người cào đầu bức tóc. Hoặc than khổ thay khổ thay, hoặc kêu sao Đức Như Lai nhập Niết Bàn quá mau, hoặc khóc tôi đã mất đấng tôn kính, hoặc than thế giớiù trống rỗng, con mắt chúng sanh đã mất, hoặc than quỉ phiền não lan tràn hoặc than mầm lành của chúng sanh đã chết, hoặc nói ma vương mừng rỡ cởi khôi giáp ra nghỉ, hoặc tự trách thân tâm suy gẫm vô thường hoặc chánh quán được giải thoát, hoặc cảm thương mất chỗ quy y. Có người máu ửng đỏ khắp thân chảy lan ra đất. Tất cả đại chúng kêu khóc tiếng động khắp thế giới .

Lúc đó Khi Thí Đại Phạm Thiên Vương biết Phật đã nhập Niết Bàn, liền cùng chư thiên từ cõi sắc bay xuống khóc to nghẹn ngào xỉu té trước Như Lai, giây lâu tỉnh lại buồn than nói kệ rằng :

Thuở xưa Thế Tôn có lời nguyện, Vì chúng tôi mà ở Ta Bà, Ẩn giấu vô lượng sức tụ tại , Đem pháp phương tiện độ chúng sanh, Tùy theo cơ nghi mà thuyết pháp,
Chúng sanh thọ pháp được an lạc, Dìu dắt ra khỏi ba cõi khổ, Rốt ráo đều đến đạo Niết Bàn. Phật là mẹ lành nuôi chúng sanh, Khắp cho uống sữa Đại Từ Bi, Nào ngờ nay lại sớm sả ly, Trời người bơ vơ mất nương cậy. Thương thay mầm lành của chúng sanh, Không có cam lồ để tăng trưởng, Mầm lành lần lần héo mất rồi, Tội nghiệp kéo nhau đọa ác đạo. Thế giới trống rỗng biết làm sao, Huệ nhãn chúng sanh nay đã tắt, Đi trong đường hắc ám vô minh, Đọa lạc ba cõi trôi chìm khổ. Chúng sanh tội ác không ai cứu, Nguyện nương Xá Lợi cầu giải thoát, Nhờ sức Đại Bi của Như Lai,
Cứu giúp chúng tôi thoát chốn khổ. Ngờ đâu giữa cõi đời ác trược, Phật bỏ chúng tôi nhập Niết Bàn.

Lúc đó Thích Đề Hoàn Nhơn cùng chư thiên từ hư không xuống than thở khóc lóc ngất xỉu trước Như Lai, giây lâu tỉnh lại nghẹn ngào rơi lệ quì trước Phật nói kệ than thở :

Như Lai nhiều kiếp tu khổ hạnh, Vì lợi ích quần sanh chúng tôi, Được thành đạo chánh giác vô thượng, Đồng thương chúng sanh như con mật, Ban cho

thuốc pháp thuốc vô thượng, Y Sư trị bịnh là Y Vương , Mây đại từ bi che chúng sanh, Mưa huệ cam lồ rưới tất cả. Ánh sáng huệ nhựt soi vô minh, Chúng sanh vô minh thấy thánh đạo, Từ quang thánh nguyệt chiếu lục thú, Ba cõi được soi thoát các khổ. Nào ngờ hôm nay bỏ đại bi, Đã nhập Niết Bàn chẳng còn thấy, Bổn thệ Đại Bi nay ở đâu, Rời bỏ chúng sanh như mũi dãi. Tất cả hàng chúng sanh chúng tôi, Như nghé mất mẹ ắt phải chết, Đại chúng cầm tay nhau kêu khóc, Đấm ngực buồn than động Đại Thiên. Khổ thay mọi người trong ba cõi, cớ gì một mai đều côi cút, Chúng tôi hết phước rất là khổ, Mầm lành cháy không nước nhuần. Nguyện ánh sáng pháp bảo Xá Lợi, Chiếu đến tôi thoát khỏi ba cõi, Buồn thay khổ thay cho chúng tôi, Bao giờ lại được thấy Như Lai.

Lúc bấy giờ ngài A Nâu Lâu Đà buồn than rơi lệ quì trước Phật nói kệ than rằng :

Chánh pháp Pháp Vương nuôi chúng tôi, Cho uống Pháp nhũ lớn khắp thân, Chúng sanh Pháp thân chưa thành lập, Lại thêm huệ mạng thiếu tư lương, Dùng tám phạm âm thường diễn thuyết. Đại chúng nghe rồi đều ngộ đạo, Thường phóng Đại Bi ngũ sắc quang, Đại chúng được soi đều giải thoát. Hôm nay sao lại nhập Niết Bàn, Chúng sanh tội khổ nương về đâu, Khổ thay Thế Tôn bỏ Đại Bi, Chúng tôi cô cùng ắt phải chết, Dầu biết Thế Tôn hiện phương tiện, Chúng tôi không thể chẳng buồn thương, Đại chúng mê muội mất bổn tâm, Khóc động trời đất rúng ba cõi. Riêng mình Thế Tôn ở an lạc, Chúng sanh quá khổ sao bỏ đi, Thuở xưa Thế Tôn vì chúng tôi, Bỏ đầu chặt tay trong nhiều kiếp. Được thành đạo chánh giác vô thương, Chẳng ở đời lâu vội Niết Bàn, Đại chúng, chúng tôi ở vô minh, Ma vương mừng rỡ cởi khôi giáp, Nguyện sức từ bi của Thế Tôn, Xá Lợi phóng quang nhiếp chúng tôi, Cúi xin Thế Tôn thương tứ chúng, Pháp bảo lưu truyền mãi chẳng cùng, Chúng tôi không thể liều tự chết, Mạng sống thừa nầy được bao lâu, Khổ thay đau đớn khó chịu nổi, Bao giờ lại thấy Đức Như Lai.

Lúc bấy giờ A Nan ngất xỉu lần lần tỉnh lại giơ tay vỗ đầu đấm ngực nghẹn ngào buồn khóc rơi lệ quì trước Phật nói kệ buồn than :

Xưa tôi cùng Phật đồng thệ nguyện, May mắn đồng sanh trong giòng Thích, Như Lai đặng thành đạo chánh giác, Tôi làm thị giả hai mươi năm, Hết lòng cúng dường chưa thỏa lòng, Nay Phật bỏ tôi vào Niết Bàn, Than ôi, than ôi sao quá khổ, Từ đây mãi mãi lòng đớn đau. Thân tôi chưa thoát lưới ba cõi, Vỏ trứng vô minh chưa ra khỏi, Mỏ huệ Thế Tôn chưa mổ vỡ, Sao lại bỏ tôi vội Niết Bàn. Tôi như trẻ nít vừa mới sanh, Mất mẹ chẳng lâu ắt phải chết,

Cớ gì Thế Tôn bỏ rơi tôi. Để riêng hưởng vui ngoài ba cõi. Nay tôi sám hối với Thế Tôn, Hầu Phật đến nay hai mươi năm, Trong lúc đứng ngồi nhiều biếng trễ, Không được vui đẹp lòng Thế Tôn, Nguyện đấng chánh giác Đại Từ Bi, Ban pháp cam lộ tôi an vui, Tôi nguyện cùng tận thuở vị lai, Thường gặp Thế Tôn làm thị giả. Ngưỡng mong Thế Tôn đại từ quang, Tất cả thế giới nhiếp thọ tôi, Than ôi khổ thay nói chẳng được, Ơn Phật nghẹn ngào chẳng thể bày.

Lúc bấy giờ vô số hằng hà sa Bồ Tát tất cả đại chúng trời người buồn khóc rơi lệ chẳng xiết than thở. Mọi người khuyên nhủ nhau dằn bớt lòng buồn khổ, lo sắm sửa vô số hương hoa vi diệu : Hoa mạn đà la, hoa ma ha mạn đà la, hoa mạn thù sa, hoa ma ha mạn thù sa, hương hải thử ngạn, chiên đàn, trầm thủy, hòa hương, hương thủy, hương nê, cùng trăm ngàn muôn thứ lọng báu, tràng báu, phan báu, chuỗi ngọc, chân châu đem đến cúng dường Như Lai.

Nhơn dân nam nữ lớn nhỏ trong thành Câu Thi Na đều buồn khóc rơi lệ, sắm sửa vô số hương hoa phan lọng tốt đẹp đem đến cúng dường Như Lai.

Tứ Thiên Vương cùng thiên chúng buồn than rơi lệ, sắm sửa vô số hương hoa phan lọng đem đến cúng dường Như Lai.

Đao Lợi Thiên Vương, Dạ Ma Thiên Vương, Đâu Suất Thiên Vương, Hoá Lạc Thiên Vương, Tha Hoá Thiên Vương, Sắc Giới Thiên Vương, Vô Sắc Giớiù Thiên đều cùng thiên chúng buồn thươngthan thở mang vô số hoa hương phan lọng vi diệu đến cúng dường Như Lai.

XXVIII

PHẨM TRÀ TỲ THỨ HAI MƯƠI TÁM

Lúc đó tất cả nhân dân nam nữ trong thành Câu Thi Na hỏi ngài A Nan pháp tắc trà tỳ đối với Đức Như Lai.

Ngài A Nan thuật lại lời Phật nên theo pháp tắc Chuyển Luân Thánh Vương.

Tất cả nhân dân buồn khóc rơi lệ trở vào trong thành làm kim quan dùng thất bảo trang nghiêm, cùng lo sắm ngàn bức bạch điệp vô giá, vô số bông đâu la miên mềm nhuyễn, vô số chiên đàn, trầm thủy, hòa hương hương thủy,

hương nê, phan lọng hoa hương v.v… Sắm sửa xong, cùng nhau đến trước Phật rơi lệ nghẹn ngào mà dâng lên cúng dường.

Lúc đó đại chúng buồn thương cung kính dùng bạch điệp tốt che tay đỡ Như Lai vào trong kim quan đổ đầy dầu thơm, nắp kim quan liền đóng kín lại.

Nhơn dân trong thành Câu Thi Na vì tham phước lành, không muốn cho đại chúng trời người khiêng kim quan của Phật, họ sai bốn đại lực sĩ thỉnh kim quan của Phật vào trong thành để cúng dường. Bốn đại lực sĩ nầy vận dụng hết sức mình mà vẫn không động được kim quan. Trong thành lại sai tám đại lực sĩ, rồi đến mười sáu đại lực sĩ, nhưng vẫn không khiêng nổi.

Ngài A Nâu Lâu Đà thong thả bảo các lực sĩ rằng : " Dầu cho tất cả nhơn dân trong thành cũng không khiêng nổi kim quan, huống là các ông. Các ông phải thỉnh đại chúng cùng chư thiên trợ lực các ông mới khiêng kim quan vào thành được.

Lúc đó Thiên Đế Thích cùng chư thiên cầm lọng thất bảo lớn cùng vô số hoa hương phan lọng các thứ âm nhạc, khóc lóc rơi lệ ở giữa hư không giăng che cúng dường kim quan của Phật. Lục dục thiên cùng sắc giới thiên cũng đồng cúng dường kim quan như Đế Thích.

Đức Đại Bi của Thế Tôn muốn cho thế gian được tâm bình đẳng đồng được phước, kim quan liền từ rừng Ta La tự bay lên hư không cao bằng một cây Đa La.

Nhơn dân trong thành Câu Thi Na và tất cả đại chúng trời người, vì không được khiêng kim quan nên tự cảm thương kêu khóc.

Chư thiên đem hoa hương châu ngọc rải trước kim quan, vần vũ quanh kim quan. Đồng than thở xướng to rằng : Khổ thay ! Khổ thay ! Chúng ta vô phước chẳng đặng khiêng kim quan.

Lúc đó kim quan của Phật bay trên hư không, từ rừng Ta La bay chậm chậm vào cửa Tây thành Câu Thi Na, Tất cả nhơn dân đại chúng trời, người, Bồ Tát, Thanh Văn, hoặc đi dưới đất, hoặc đi trên hư không, theo sau kim quan buồn khóc than thở nghẹn ngào rơi lệ.

Thành Câu Thi Na mỗi phía rộng bốn mươi tám do tuần. Kim quan của Phật bay chậm chậm trên hư không vòng ra cửa Đông hữu nhiễu vào của Nam, rồi vẫn bay chậm chậm trên hư không mà ra của Bắc, lại tả nhiễu vào cửa

Tây. Bay nhiễu đủ ba vòng như vậy, kim quan bay chậm chậm trên không vào cửa Tây rồi ra cửa Đông, tả nhiễu vào cửa Bắc lại ra cửa Nam, hữu nhiễu trở lại vào cửa Tây, bay như vậy đủ bốn vòng.

Lúc kim quan của Phật bay vào thành, vô số đại chúng mang vô số gỗ thơm, chiên đàn, trầm thủy, tất cả hương báu cùng vô số phan lọng hương hoa chuỗi ngọc đến chỗ trà tỳ.

Tứ Thiên Vương cùng chư thiên cũng đem những thứ hương thượng diệu cõi trời đến chỗ trà tỳ.

Chư thiên cõi trời Đao Lợi nhẫn đến chư thiên cõi trời Tha Hóa cũng đều đem vô số thứ hương thượng diệu cõi trời và phan lọng hoa hương chuỗi ngọc gấp bội trời Tứ Thiên Vương đến chỗ trà tỳ.

Chư thiên cõi sắc, cõi vô sắc chỉ đem hương hoa đến chỗ trà tỳ.

Ngài A Nâu Lâu Đà, lệ đầy mắt chẳng xiết buồn thương, khất gỗ thơm chiên đàn trầm thủy cõi trời đủ sáu ngàn cây đem đến chỗ trà tỳ.

Lúc Đức Thế Tôn mới thành đạo, bờ phía Bắc sông Hằng mọc lên một cây chiên đàn, lớn như bánh xe, cao bằng bảy cây Đa La. Hơi thơm bay tỏa khắp nơi Thọ Thần của cây chiên đàn nầy sanh đồng thời với cây, thường đem hương của cây nầy đến cúng dường Phật. Giờ Phật nhập Niết Bàn, cây chiên đàn nầy liền chết nhánh lá khô rụng, Thọ Thần nầy cũng chết theo cây. Các vị thần khác đem cả cây chiên đàn đã chết khô nầy đến chỗ trà tỳ để cúng dường.

Nơi đây là chỗ trà tỳ của tam thế chư Phật. Nơi đây có vô lượng tháp báu của chư Phật quá khứ. Nơi đây là chỗ đất Kim cang cứng chắc.

Lúc đó kim quan của Phật bay chầm chậm trên không hữu nhiễu tả nhiễu bay quanh thành Câu thi Na đủ bảy vòng, rồi từ từ hạ xuống trên giường thất bảo, trong thời gian đó trải qua bảy ngày.

Nhơn dân đại chúng trời người , Thanh Văn, Bồ Tát cầm phan lọng hoa hương buồn khóc rơi lệ theo sau kim quan trọn bảy ngày.

Do thần lực của Phật, tất cả đại chúng đều không đói khát, không một ai nghĩ đến ăn uống, chỉ thành tâm cung kính mến luyến Đức Như Lai.

Vì đã đủ bảy ngày sắp đem Như Lai ra khỏi kim quan, đại chúng kêu khóc chấn động thế giới, dùng bạch điệp mịn nhuyễn che tay cung kính phò thân Kim Cang bất hoại đủ ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp của Như Lai an lành ra khỏi kim quan để trên giừơng thất bảo.

Đại chúng càng thêm buồn thương than khóc, đem hoa hương, trổi âm nhạc cúng dường Như lai.

Mọi người mắt đầy lệ, miệng nghẹn ngào, dùng vô số hương thủy, cung kính tắm rửa thân Như Lai từ đầu đến chân. Cũng rửa kim quan trong ngoài sạch sẽ.

Tắm rửa thân Như Lai xong, đại chúng lại đem vô số hương hoa phan lọng buồn thương khóc lóc, cúng dường như Lai. Dùng vô số bông đâu la miên mịn màng bao bọc thân Kim Cang của Như Lai từ đầu đến chân. Rồi lấy bạch điệp vô giá tuần tự quấn ngoài bông đâu la miên đủ một ngàn bức.

Đại chúng lại khóc than cúng dường rồi lấy bạch điệp che tay cung kính phò thân Như Lai vào trong kim quan, đổ đầy dầu thơm, nắp kim quan liền đóng lại.

Đại chúng lại buồn than khóc lóc trổi âm nhạc dưng hương hoa cúng dường kim quan.

Sau đó đại chúng chất gỗ thơm chiên đàn trầm thủy thành lầu hương lớn, bốn phía treo giăng những lọng báu phan đèn, chuỗi ngọc, dây vàng. Mùi gỗ thơm bay tỏa khắp thành.

Sau khi dâng hoa hương, trổi âm nhạc thương khóc cúng dường, đại chúng trời người dùng bạch điệp che tay cung kính khiêng kim quan để lên lầu hương.

Đại chúng lại than khóc, nhiều người ngất xỉu. Khi tỉnh lại đồng kêu rằng : Khổ thay ! Khổ thay ! Nào ngờ cuối cùng không chỗ nương cậy ! Than xong nghẹn ngào rơi lệ lại rải hương hoa, treo phan lọng, trổi âm nhạc cúng dường Như Lai.

Lúc đó sắp sửa nổi lửa trà tỳ, đại chúng lại kêu gào than khóc chấn động cõi đại thiên trần thiết cúng dường kim quan của Phật.

Mọi người vừa khóc lóc lệ đầy mắt, đều cầm đuốc hương lớn cả ôm, cháy sáng cả vùng, đem đến châm vào lầu gỗ thơm. Khi đến gần lầu gỗ thơm, tất cả ngọn đuốc đều tự nhiên tắt. Đại chúng lại thay vô số đuốc khác ném vào dưới lầu hương, tất cả ngọn đuốc cũng đều tắt.

Trăm ngàn Hải Thần đem đuốc lớn thất bảo đến châm vào lầu hương, những đuốc nầy cũng đều tắt.

Đại chúng chẳng biết cớ gì trà tỳ chẳng được, đây có lẽ Đức Như lai còn có nhơn duyên gì chưa xong.

Lúc đó ngài Ma Ha Ca Diếp cùng năm trăm Tỳ Kheo ở tại núi Kỳ Xà Quật cách thành Câu Thi Na năm mươi do tuần, đương nhập Tam Muội, bỗng nhiên tim nhảy thân rung, liền xuất định thấy núi cây đều chấn động, biết rằng Đức Như Lai đã nhập Niết Bàn. Ngài bảo các Tỳ Kheo : Đức Đại Sư Thế Tôn của chúng ta đã nhập Niết Bàn bảy ngày rồi, hiện đã vào trong kim quan.

Khổ thay ! Khổ thay ! Chúng ta phải mau đến chỗĐức Như Lai, sợ rằng đã trà tỳ rồi chẳng còn được thấy sắc thân chơn tịnh ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp của Đức Phật.

Ngài Ma Ha Ca Diếp vì lòng kính trọng Phật nên chẳng dám dùng thần thông bay đi, bèn dắt các Thầy Tỳ Kheo đi bộ bảy ngày mới tới thành Câu Thi Na.

Trên đầu đường cửa Đông, ngài Ma Ha Ca Diếp thấy một Bà La Môn tay cầm một nhánh thiên hoa đi ngược chiều, liền hỏi : “ Ông từ đâu mà đến đây?”

Bà La Môn đáp : “ Đức Phật đã nhập Niết Bàn, tôi vừa ở chỗ trà tỳ về”.

_ Ông đương cầm đó là hoa gì ?

_ Tôi ở chỗtrà tỳ được cành hoa trời nầy.

Ngài Ma Ha Ca Diếp ngỏ ý xin hoa ấy.

Bà La Môn nói : “ Không được ! Tôi muốn đem hoa nầy về cho thân tộc tôi cúng dường trong nhà.”

Ngài Ma Ha Ca Diếp bèn mượn cành hoa, hai tay cung kính để lên đầu mình, liền ngất xỉu té xuống đất. Giây lậu tỉnh lại suy nghĩ rằng : Ở đây than khóc, chẳng thấy được sắc thân hùynh kim của Như Lai cũng không ích gì.

Nghĩ xong, liền cùng các Tỳ Kheo đi gấp vào cửa Bắc thành Câu Thi Na, ghé vào một tăng phường thấy các Tỳ Kheo đang hội họp.

Các Tỳ Kheo nầy bảo ngài rằng : Xem các ông dường như từ xa mới đến, có lẽ nhọc nhằn đói khát, nên ngồi nghỉ chờ đến giờ ăn.

Ngài Ma Ha Ca Diếp nói : Đấng Đại Sư đã nhập Niết Bàn, chúng tôi còn lòng nào ở yên đây chờ ăn.

_ Đại Sư là ai ?

_ Khổ thay , đau đớn thay ! Các Thầy chẳng biết ư ? Đấng Đại Giác Thế Tôn nay đã nhập Niết Bàn.

Các Tỳ Kheo nầy nghe rồi vui mừng lắm, nói rằng : " Sướng lắm ! Sướng lắm ! Đức Như Lai còn tại thế cấm răn chúng ta, đặt ra giới luật nghiêm tuấn, chúng ta chẳng chịu nổi. Nay đã nhập diệt, những giới luật nghiêm tuấn ấy cũng phải bỏ. Các ông thong thả chờ ăn uống, có gì phải vội gấp."

Đức Phật dùng thần lực bít tai chư thiên và các Tỳ Kheo theo ngài Ca Diếp. Những Tỳ Kheo nầy cùng chư thiên đều chẳng nghe những lời ác của các Tỳ Kheo vừa nói. Chỉ một mình ngài Ma Ha Ca Diếp nghe thôi.

Lúc đó, ngài Ca Diếp dắt các Tỳ Kheo rời tăng phường vội vã đến chỗ Phật. Vừa đi vừa suy nghĩ chúng tôi làm sao được có những đồ cúng dường, để khi đến chỗ Phật dâng lên cúng dường ?

Ngài Ma Ha Ca Diếp lại suy nghĩ : Tôi vốn sanh trưởng ở trong thành nầy, nay xin đồ cúng dường có lẽ cũng được.

Ngài liền dắt các Tỳ Kheo ghé từng nhà để xin, được ngàn bức bạch điệp tốt, vô số bông đâu la miên, cùng rất nhiều hương hoa, hương nê, hương thủy, hương du, phan lọng, hàng màu, chuỗi ngọc.

Xin đồ cúng dường xong, các ngài lật đật mang ra cửa Tây. Từ xa nghe vẳng tiếng đại chúng than khóc ở chỗ trà tỳ. Nghe đại chúng hỏi Thiên Đế cúng

dường đã xong làm sao có lửa để đốt lầu hương ? Nghe Thiên Đế đáp rằng đại chúng nên chờ, ngài Ma Ha Ca Diếp sắp đến.

Tất cả đại chúng đương buồn khóc thấy ngài Ma Ha Ca Diếp cùng năm trăm Tỳ Kheo vừa đi, vừa khóc mà đến, liền tránh đường nhường chỗ cho ngài Ma Ha Ca Diếp đi thẳng vào lầu hương. Ngài Ma Ha Ca Diếp dắt cácTỳ Kheo vòng lên kim quan mà lễ bái kêu khóc ngất xỉu, giây lâu tỉnh lại nước mắt tuôn rơi, hỏi đại chúng rằng : " Làm sao để được mở kim quan của Phật ?"

Đại chúng đáp : " Phật nhập Niết Bàn đã trải qua hai thất, sợ có tổn hoại chăng ?"

Ngài Ma Ha Ca Diếp nói : " Thân của Như Lai là thân Kim Cang thường, lạc, ngã, tịnh, không thể có sự hư rã, thân Phật thơm tho ngào ngạt như núi Chiên Đàn."

Nói xong các ngài liền đến bên kim quan than thở khóc lóc.

Lúc đó Đức Như Lai Đại Bi bình đẳng vì ngài Ma Ha Ca Diếp nên kim quan tự nhiên mở nắp. Ngàn trương bạch điệp cùng bông đâu la miên đều tự tháo tung, lộ bày thân huỳnh kim ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp. Vừa thấy kim thân của Phật lộ ra, các ngài liền ngất xỉu té xuống, giây lâu tỉnh lại nghẹn ngào than khóc, nước mắt chảy tuôn đem hoa hương phan lọng hàng màu chuỗi ngọc của mình xin đặng dâng lên cúng dường, rồi lấy hương nê hương thủy tắm rửa kim thân của Như Lai, đốt hương rải hoa khóc lóc cúng dường. Sau đó các ngài đem bông đâu la miên của mình bao trùm kim thân kế lấy bông đâu la miên cũ bao ngoài. Lại lấy ngàn bức bạch điệp của mình tuần tự quấn ngoài bông đâu la miên, kế đó lấy ngàn bức bạch điệp cũ cũng theo thứ tự quấn ngoài bạch điệp mới. Sau khi quấn bạch điệp xong nắp kim quan liền đóng lại.

Ngài Ma Ha Ca Diếp cùng các Tỳ Kheo khóc lóc rơi lệ đi nhiễu kim quan bảy vòng, quì gối chắp tay nói kệ than thở :

Khổ thay khổ thay đấng Đại Thánh, Nay tôi đau đớn như cắt lòng, Thế Tôn diệt độ sao quá sớm, Đại Bi chẳng thể nán chờ tôi. Trong thiền định ở núi Xà Quật, Tôi khắp tìm Phật đều chẳng thấy, Nhìn lại thấy Phật đã Niết Bàn, Thoạt vậy thân tâm tôi kinh động. Bỗng thấy mây đen khắp thế gian, Lại thấy núi cây đều chấn động, Liền biết Như Lai đã Niết Bàn, Chúng tôi vội

đến chẳng được thấy. Thế Tôn Đại Bi chẳng đến tôi, Khiến tôi chẳng thấy Phật nhập diệt, Chẳng được nghe một lời dạy bảo, Tôi nay côi cùng biết nương đâu ! Thế Tôn ôi ! Tôi quá đau đớn, Rối loạn tinh thần tâm mê muội Nay tôi cúi lạy đầu Thế Tôn, Và cũng kính lạy ngực Thế Tôn, Kính lễ hai tay của Đại Thánh, Và cũng kính lễ lưng Thế Tôn, Cung kính đảnh lễ rún Thế Tôn, Thâm tâm kính lễ chưn của Phật. Khổ thay chẳng thấy Phật Niết Bàn, Xin hiện bày chỗ tôi kính lễ. Như Lai ở đời chúng an vui, Nay nhập Niết Bàn đều rất khổ. Buồn thay buồn thay quá đớn đau, Đại Bi hiện bày chỗ tôi lễ.

Lúc ngài Ma Ha Ca Diếp khóc than nói kệ rồi, đấng đại bi Thế Tôn liền hiện hai bàn chân thiên bức luân tướng ra ngoài kim quan. Từ thiên bức luân phóng ngàn tia sáng chiếu khắp tất cả thế giới ở mười phương.

Ngài Ma Ha Ca Diếp cùng các Tỳ Kheo thấy chưn Phật, đồng thời cúi lạy tướng thiên bức luân. Vì quá cảm động, các ngài mê muội ngất xỉu, giây lâu tỉnh lại nghẹn ngào kêu khóc, đi nhiễu bảy vòng rồi lại đảnh lễ chưn Phật buồn khóc nói kệ rằng :

Như Lai tâm Đại Bi trọn vẹn, Từ quang bình đẳng không phân biệt, Chúng sanh có cảm đều ứng hiện, Cho tôi được thấy tướng túc luân. Nay tôi thâm tâm quy mạng lễ, Đấng hai chân thiên bức luân tướng, Trong thiên luân phóng ngàn tia sáng, Chiếu khắp cõi Phật ở mười phương. Nay tôi quy y cúi đầu lạy, Thiên bức luân tướng phóng ánh sáng, Chúng sanh được chiếu đều giải thoát, Tam đồ bát nạn đều lìa khổ. Tôi lại quy y cúi đầu lạy, Ánh sáng khắp cứu các ác thú. Thuở xưa Thế Tôn từ nhiều kiếp, Vì chúng tôi siêng tu khổ hạnh, Ngày nay chứng được thân kim cang, Do đây dưới chưn ngàn tia sáng. Buồn thương cúi đầu quy mạng lễ, Thiên luân an lạc các chúng sanh. Phật tu công đức vì tất cả, Dưới cội đạo thọ hàng bốn ma, Bốn ma hàng rồi dẹp ngoại đạo, Nhơn đây chúng sanh được chánh kiến. Cung kính quy y cúi đầu lạy, Chưn sáng khiến chúng được chánh kiến, Phật là cha lành của tất cả, Chưn sáng bình đẳng độ chúng sanh. Tôi lại quy y cúi đầu lạy, Chưn sáng bình đẳng cứu thoát khổ, Tôi gặp chưn sáng thiên bức luân, Buồn mừng xen lộn đau đớn lòng. Tôi lại khóc than cúi đầu lạy, Tướng sáng thiên luân có cảm ứng, Quy y cúi lạy ánh sáng chưn, Nương thừa rốt ráo ra ba cõi. Kính lễ chưn trời người quy y, Ánh sáng khắp soi ba cõi khổ, Chúng sanh chưa được giải thoát khổ, Thảy đều qui mạng chưn thiên quang. Chúng tôi luân hồi chưa ra khỏi, Cớ sao chưn Phật lại bỏ rơi, Thương thay, thương thay cho chúng sanh. Tia sáng thiên luân mãi chẳng thấy, Sám hối với đấng

Đại Từ Bi, Đảnh lễ chưn vàng ngàn tia sáng. Buồn thay nay gặp tướng Thiên Luân, Từ đây lúc nào được thấy lại !

Ngài Ma Ha Ca Diếp cùng các Tỳ Kheo nói kệ trên đây rồi, lại ngất xỉu mê muội, giây lâu tỉnh lại nghẹn ngào buồn thương không dằn được.

Hai chân Kim Cang thiên bức luân tướng của Đấng Đại Giác Thế Tôn tự rút vào kim quan đóng kín như cũ.

Tất cả nhơn dân đại chúng trời người ngó thấy ngài Ma Ha Ca Diếp càng thêm sầu khổ đấm ngực kêu gào, tiếng khóc than vang động cả thế giới, đem lễ vật nghẹn ngào dâng cúng.

Lúc đó trong thành Câu Thi Na sai bốn lực sĩ đeo chuỗi ngọc trang nghiêm nơi thân, tay cầm đuốc lớn như bánh xe ngọn lửa chói sáng, đến đốt lầu hương để trà tỳ Như Lai. Vừa đến lầu hương lửa đuốc liền tắt. Trong thành lại sai tám lực sĩ, lần lượt sai đến ba mươi sáu đại lực sĩ, mỗi lực sĩ vác đuốc lớn đến châm vào lầu hương để đốt. Tất cả lửa đuốc đều tắt.

Ngài Ma Ha Ca Diếp bảo các lực sĩ cùng mọi người rằng kim quan của Phật, lửa trong tam giới không thể đốt cháy được. Đại chúng nên biết rằng giả sử tất cả những lửa trên trời cùng nhơn gian đều không thể trà tỳ kim quan của Như Lai. Mọi người chớ gắng gượng luống đốt nhọc nhằn.

Đại chúng nghe lời trên đây càng thêm buồn khổ đồng nhau đảnh lễ cúng dường đi nhiễu kim quan bảy vòng, tiếng khóc than vang động cả mười phương.

Lúc bấy giờ Đức Như Lai dùng sức Đại Bi, từ nơi ngực phóng ngọn lửa ra ngoài ki8m quan, lần lần đốt cháy lầu hương trải qua bảy ngày mới cháy hết.

Tất cả đại chúng trời người cùng nhân dân nam nữ trong thành cũng buồn than khóc lóc trọn bảy ngày không dứt tiếng, đồng thời chẳng ngớt cúng dường đảnh lễ.

Lúc đó Tứ ThiênVương đều nghĩ rằng : Tôi dùng nước thơm rưới tắt lửa, gấp lượm lấy Xá Lợi đem về cõi trời cúng dường. Nghĩ xong, Tứ Thiên Vương liền mang bình vàng đựng đầy nước thơm, lại đem bốn cây cam nhũ, bốn cây nầy mọc ở trên bốn triền núi Tu Di, mỗi cây cao trăm do tuần, lớn một ngàn ôm, đồng đến chỗ trà tỳ. Thiên Vương trút nước thơm trong bình,

bốn cây tuôn nước cam nhũ tưới trên ngọn lửa. Tưới xong, thấy lửa càng mạnh không tắt.

Lúc đó Hải Thần cùng Ta Già La Long Vương và Giang Thần, Hà Thần thấy Tứ ThiênVương tưới nước thơm chẳng tắt lửa, đều nghĩ rằng : Chúng ta đem nước thơm tưới tắt lửa thâu gấp Xá Lợi đem về cúng dường tại chỗ của chúng ta. Nghĩ xong, mỗi thần cầm bình báu đựng vô lượng nước thơm mang đến chỗ trà tỳ đồng thời tưới trên lửa, thấy lửa như cũ không tắt chút nào.

Ngài A Nâu Lâu Đà hỏi Tứ Thiên Vương cùng các Thần : " Các ông tưới nước thơm, có phải muốn lửa tắt để lấy Xá Lợi về cúng dường tại chỗ ở của các ông chăng ?"

_ Thưa ngài A Nâu Lâu Đà ! Đúng như vậy.

Ngài A Nâu Lâu Đà bảo Tứ Thiên Vương : " Các ông lòng quá tham ! Nếu tất cả Xá Lợi đều theo các ông về thiên cung, người ở địa cầu làm sao lên trời được để cúng dường ?

Ngài lại bảo các Thần : " Các ông ở trong biển lớn dưới sông sâu, nếu các ông đem Xá Lợi của Đức Như Lai về chỗ ở của các ông, thời người trên mặt đất nầy làm sao đến đó để cúng dường ?

Tứ Thiên Vương cùng chư Thần đều sám hối.

XXVIX

PHẨM CÚNG DƯỜNG XÁ LỢI THỨ HAI MƯƠI CHÍN

Lúc đó, Thiên Đế cầm bình thất bảo cùng đồ cúng dường đến chỗ trà tỳ, ngọn lửa tự nhiên đồng thời tắt. Thiên Đế liền mở nắp kim quan, muốn thỉnh răng nanh của Phật.

Ngài A Nâu Lâu Đà liền ngăn lại và hỏi : "Ông làm gì thế ?"

Thiên Đế nói : " Tôi muốn thỉnh răng nanh Phật về trời cúng dường."

Ngài A Nâu Lâu Đà bảo : " Chớ vội lấy ! Ông nên chờ đại chúng để cùng nhau chia."

Thiên Đế nói : “ Trước kia đức Phật hứa cho tôi một răng nanh Xá Lợi, vì cớ ấy nên tôi vừa đến thời lửa liền tắt.”

Nói xong, Thiên Đế liền lấy một răng nanh xá Lợi ở hàm trên bên hữu đem về thiên cung xây tháp cúng dường.

Lúc đó có hai quỉ La Sát Thiệp Tập ẩn thân theo sau Đế Thích, mọi người đều chẳng thấy, hai quỉ trộm lấy một cặp răng nanh Xá Lợi của Phật.

Tất cả đại chúng cùng nhơn dân trong thành đồng thời muốn tranh lấy xá lợi.

Ngài A Nâu Lâu Đà bảo rằng: Đại chúng nên chẫm rãi chờ ! Như lời Phật dặn phải theo đúng pháp cùng nhau chia để cúng dường.

Mọi người chẳng nghe theo lời ngài A Nâu Lâu Đà, đều võ trang muốn dành lấy Xá Lợi. Đồng áp đến bên kim quan, nhìn thấy bông Đâu La Miên cùng bạch diệp còn nguyên chẳng cháy, Thấy thế mọi người đứng nhìn cất tiếng khoc than, đồng cúng dường đãnh lễ, quì xuống rơi lệ nói kệ tán thán rằng :

Như Lai do sức đại tự tại, Tất cả thế gian được tự tại, Đại Bi bổn nguyện ở cõi nầy,

Vòng quanh biển khổ độ chúng sanh. Vô lượng trí huệ sức thần thông, Ra vào sanh tử không chướng ngại, Một thân hiện ra làm nhiều thân, Nhiều thân một thân làm vô lượng. Thần biến ứng khắp người đều thấy, Không duyên liền hiện nhập Niết Bàn, Chúng tôi hết phước không duyên ứng, Nên bị Như Lai buông bỏ rời. Kim quan của Phật nơi Song Thọ, Tất cả lực sĩ không khiêng nổi, Do sức Đại Bi tự cất lên, Bay trên hư không một Đa La. Chẫm rải bay vòng thành Thi Na, Bảy ngày bay đủ bảy vòng thành, Sau đó tự đến chỗ trà tỳ, Thần lực bất cộng làm việc ấy. Đại chúng trời người không lường được, Đức Phật ở trong Đại Niết Bàn, Kim Cang bất hoại sức tự tại, Tất cả lửa đuốc đều chẳng cháy, Từ nơi giữa ngực phóng chơn hỏa, Bảy ngày đốt cháy mới hết củi, Trời người không thể tắt lửa nầy, Đại Bi Thế Tôn hiện thần lực. Đế Thích vừa đến lửa bèn tắt, Bông Đâu La Miên bao thân Phật, Ngọn lửa quá to mà chẳng cháy, Ngàn trương bạch điệp quấn thân Phật, Ở trong lửa hừng mà chẳng cháy, Mới biết Như Lai sức tự tại. Tự tại với pháp là Pháp Vương, Kỉnh lễ Từ Tôn trong ba cõi, Lễ đấng vô úy trong các thành, Lễ đấng đại từ che tất cả, Lễ đấng thần biến đại tự tại, Chúng tôi từ nay xa Thế Tôn, Buồn khổ không ai cứu vớt được, Buồn thay, thương thay đấng Đại Thánh, Vĩnh biệt ngày nào lại thấy Phật !

Đại chúng nói kệ xong, than khóc cúng dường.

Lúc đó ngài A Nâu Lâu Đa vì tất cả đại chúng mà chẫm rãi tháùo bạch điệp cùng bông Đâu La. Ngàn bức bạch điệp của Ma Ha Ca Diếp đều còn nguyên vẹn. Ngàn bức bạch điệp của nhân dân trong thành trừ một lớp ngoài còn nguyên, ngoài ra đều cháy ra tro tất cả. Bông Đâu La Miên còn nguyên như cũ.

Ngài A Nâu Lâu Đà đem bạch điệp Đâu La Miên còn nguyên không cháy nầy cắt nhỏ ra chia cho đại chúng khiến đem về xây tháp cúng dường. Ngài lại đem tro bạch điệp cũng chia cho đại chúng. Những thứ tro khác đại chúng riêng tự lấy để đem về xây tháp cúng dường.

Người trong thành Câu Thi Na đã sắm sẵn tám cái ché bằng vàng, mỗi ché dung lượng một hộc, cùng tám tòa sư tử trang nghiêm bằng bảy báu. Ché vàng để trên tòa sư tử, mỗi tòa có ba mươi hai lực sĩ khiêng. Trên mỗi tòa có ba mươi hai gái đẹp trang sức lộng lẫy : Áo màu , chuỗi ngọc. Tám người vịn ché vàng, tám người cầm lọng báu, tám người cầm gươm báu, tám người cầm cờ Tiết dựng bốn mặt ché.

Theo sau mỗi tòa, có vô lượng đại chúng trổi nhạc cầm phan lọng rải hương hoa. Lại có vô lượng võ sĩ cầm cung tên kiếm kích vệ hộ tòa sư tử.

Lúc khiên tám tòa sư tử ra khỏi thành, nhơn dân trong thành liền đem vô số hương thủy hương nê theo sau lực sĩ, để sửa sang mặt đất làm thành con đường bằng phẳng thơm sạch thẳng đến chỗ trà tỳ. Nhơn dân lại giăng treo vô số phan lọng hương hoa chuỗi ngọc chơn châu trang nghiêm hai bên đường để chờ cung nghinh Xá Lợi của Như Lai.

Lúc các lực sĩ khiêng tám tòa sư tử báu đến chỗ trà tỳ đại chúng cất tiếng kêu khóc vang động, cùng nhau đãnh lễ chí tâm cúng dường Như Lai.

Đức Thế Tôn dùng sức Đại Bi làm cho thân Kim Cang nát thành hột Xá Lợi nhỏ, chỉ bốn răng nang còn nguyên vẹn.

Đại chúng ngó thấy Xá Lợi càng thêm buồn thương than khóc đồng đãnh lễ cúng dường.

Ngài A Nâu Lâu Đà cùng người trong thành vừa khóc than rơi lệ, vừa thâu lấy Xá Lợi để vào trong ché vàng trên tòa sư tử. Tám ché vàng đựng đầy Xá Lợi của Phật mới hết.

Đại chúng thấy thân Xá Lợi vào ché vàng xong, lại khóc lóc đảnh lễ cúng dường.

Các đại lực sĩ cùng nhân dân đại chúng rước Xá Lợi vào thành Câu Thi Nađể giữa ngã tư đường. Người trong thành võ trang bốn đội quân phòng vệ bốn mặt thành. Lại sai năm trăm nhà chú thuật giỏi chia ra gìn giữ bốn cửa thành. Dầu võ trang phòng vệ như vậy, nhưng trọn không có lòng chiến tranh.

Ngoài thành cũng như trong thành, nhơn dân treo vô số phan lọng.

Tám ché vàng đựng Xá Lợi để yên trên tòa sư tử trọn bảy ngày.

Đại chúng trời người cũng trọn bảy ngày khóc than chẳng dứt và không ngớt đảnh lễ cúng dường.

Mỗi tòa sư tử đều có năm trăm nhà chú thuật gìn giữ, phòng ngừa có Thiên , Long, Dạ Xoa, Quỉ Thần đến lén lấy Xá Lợi.

Quốc Vương Ca Tỳ La Vệ cùng dòng Thích Ca thân quyến của Phật, vì thần lực của Phật nên sau khi Đức Phật nhập Niết Bàn hai mươi mốt ngày mới hay tin. Quốc Vương cùng dòng họ Thích lật đật đến thành Câu Thi Na, thấy khắp thành phan lọng rợp trời, quân đội và các nhà chú thuật gìn giữ bốn cửa thành nghiêm ngặt.

Quốc Vương Ca Tỳ La hỏi thăm biết rằng Phật nhập Niết Bàn đã qua hai mươi tám ngày, trà tỳ rồi sắp sửa chia Xá Lợi. Quốc Vưông xin phép các nhà chú thuật cùng quân đội giữ thành để được vào đảnh lễ Xá Lợi của Đức Như Lai. Người giữ thành liền cho Quốc Vương cùng dòng họ Thích vào thành.

Vừa thấy Xá Lợi của Phật đựng trong ché vàng trên tòa sư tử, Quốc Vương Ca Tỳ La Vệ cùng người họ Thích Ca đều rơi lệ nghẹn ngào cúi đầu đảnh lễ rồi đi nhiễu bảy vòng, muốn thỉnh một phần Xá Lợi của Đức Như Lai đem về nước cúng dường.

Đại chúng đáp rằng : “ Dầu biết các ông là quyến thuộc dòng Thích Ca, nhưng Đức Thế Tôn trước kia có dặn phân chia Xá Lợi, chưa nghe nói đến các ông. Xá Lợi nầy đều có thỉnh chủ, đâu dám chia cho các ông, các ông nên trở về.”

Quốc Vương cùng người dòng Thích Ca thỉnh Xá Lợi chẳng được, vì quá đau đớn nên kêu gào ngất xỉu, giây lâu tỉnh lại bảo đại chúng rằng : " Đức Thế Tôn giáng sanh trong dòng Thích Ca của chúng tôi, nay vì thương xót các ông mà nhập Niết Bàn tại đây. Sao các ông lại hẹp hòi khinh khi chúng tôi mà chẳng chịu chia một phần Xá Lợi. Nói xong, đồng đảnh lễ Xá Lợi đi nhiễu bảy vòng, buồn khóc rơi lệ ôm giận mà trở về Ca Tỳ La Vệ.

Vua A Xà Thế chúa nước Ma Già Đà chẳng hay Đức Như Lai nhập Niết Bàn . Trong đêm Đức Phật nhập Niết Bàn, vua mộng thấy mặt trăng rớt, mặt trời từ đất mọc lên, các ngôi sao rơi rớt khắp nơi, hơi khói từ đất bay lên, bảy sao chổi hiện ra trên trời, lửa lớn cháy khắp hư không rồi đồng thời sa xuống đất. Khi tỉng giấc lòng vua kinh sợ triệu các quan đến để hỏi.

Các quan tâu rằng : Đây là điềm Đức Phật nhập Niết Bàn. Sau khi Đức Phật diệt độ, lục đạo chúng sanh phiền não nổi dậy, nên nhà vua thấy lửa to cháy từ hư không sa xuống đất. Nguyệt ái từ quang của Phật đều tắt mất nên nhà vua thấy mặt trăng lặn. Tám muôn luật nghi tất cả giới pháp, chúng sanh không tuân hành mà theo tà pháp đọa nơi địa ngục, nên nhà vua thấy các ngôi sao sa xuống. Tam đồ ác đạo hiện khắp thê gian, chúng sanh bị khổ như ánh nắng gay gắt nóng bức, nên nhà vua thấy mặt trời từ đất mọc lên.

Vua A Xà Thế liền cùng các quan suốt đêm thẳng đến thành Câu Thi Na, muốn vào thành để đảnh lễ Kim Cang Xá Lợi của Như Lai, người giữ cửa thành cho vua cùng các quan vào thành. Đến giữa ngã tư đường nhà vua thấy ché vàng đựng Xá Lợi để trên tòa sư tử, liền rơi lệ khóc lóc , cùng các quan đồng đãnh lễ cúng dường đi nhiễu Xá Lợi bảy vòng. Vua A Xà Thế yêu cầu đại chúng cho thỉnh một phần Xá Lợi để đem về nước cúng dường. Đại chúng không bằng lòng. Vua A Xà Thế thỉnh Xá Lợi không được liền đảnh lễ buồn tức trở về nước.

Vua nước Tỳ Gia Ly, vua nước A Lặc Già La, vua nước Tỳ Nậu, vua nước Sư Già Na, vua nước Ba Kiên La, hay tin Phật nhập Niết Bàn đều dắt các quan đi gấp đến thành Câu Thi Na, thấy vô số quân binh phòng vệ bốn cửa thành, các vua xin vào thành để đảnh lễ cúng dường Xá Lơïi. Người giữ thành liền mở cửa cho vào. Sau khi buồn than đảnh lễ cúng dường Xá Lợi xong, các vua đều xin chia phần Xá Lợi để thỉnh về nước cúng dường. Đại chúng không bằng lòng. Các vua sầu khổ đảnh lễ Xá Lợi buồn tức trở về nước.

Khi về đến nước nhà, Quốc Vương Ca Tỳ La Vệ cùng vua các nước đều sai sứ đến thành Câu Thi Na để xin thỉnh Xá Lợi. Người trong thành Câu Thi Na bảo rằng : " Đức Thế Tôn đã nhập Niết Bàn tại nước của chúng tôi, toàn thân Xá Lợi phải để tại nước chúng tôi cúng dường mãi mãi, quyết chẳng chia cho người nước ngoài."

Sứ giả của các nước bảo rằng : " Nếu chịu chia xá Lợi cho các nước thời tốt, bằng không, chúng tôi, buộc phải dùng sức mạnh để đoạt lấy."

Vua A Xà Thế lại sai đại tướng Võ Hành đem binh đến bảo người trong thành Câu Thi Na : " Nếu chịu chia Xá Lợi thời tốt, bằng không chúng tôi sẽ thêm binh lực để đoạt lấy.

Người trong thành đều trả lời tùy ý. Rồi tất cả những tráng sĩ cùng nam nữ trong thành đồng võ trang kéo bốn bộ binh ra thành muốn giao chiến với binh các nước.

Lúc đó nước Tỳ Gia Ly sai quân đội đến thành Câu Thi Na. Nước Tỳ Nậu, nước Giá La Ca La, nước Sư Gia Na, nước Ba Kiên La cùng Quốc Vương Ca Tỳ La Vệ, năm nước này cũng đều sai quân đội đến thành Câu Thi Na.

Quân của bảy nước vây kín thành Câu Thi Na.

Lúc đó trong đại chúng có một Bà La Môn họ Yên ở giữa quân đội của tám nước to tiếng khuyên rằng : " Xin các lực sĩ thành Câu Thi Na lóng nghe ! Đức Thế Tôn từ vô lượng kiếp chứa công đức lành, tu hạnh nhẫn nhục, các ngài cũng thường nghe Đức Phật khen ngợi hạnh nhẫn nhục. Hôm nay Đức Như Lai vừa diệt độ, các ngài đâu nên vì Xá Lợi mà đánh đập nhau, hành động nầy chẳng phải là cử chỉ tôn kính Xá Lợi. Các ngài nên chia Xá Lợi của Như Lai làm tám phần để cúng dường ở tám nước."

Các lực sĩ đáp rằng : " Xin kính tuân lời đề nghị ấy."

Lúc đó Yên Bà La Môn liền chia Xá Lợi làm tám phần bằng nhau. Chia xong Yên Bà La Môn to tiếng xin thỉnh cái bình dùng lường Xá Lợi để đem về tụ lạc Đầu Na La xây tháp cúng dường. Đại chúng đồng bằng lòng.

Các Cư Sĩ và Bà La Môn ở nước Tất Ba Diên Na xin thỉnh tro chỗ trà tỳ. Đại chúng cũng bằng lòng.

Lúc đó người thành Câu Thi Na lãnh được phần Xá Lợi thứ nhứt. Người nước Ba Kiên La thỉnh được phần Xá Lợi thứ hai. Người nước Sư Già Na thỉnh được phần Xá Lợi thứ ba. Người nước A Lặc Già thỉnh được phần Xá Lợi thứ tư. Người nước Tỳ Nậu thỉnh được phần Xá Lợi thứ năm. Người nước Tỳ Gia Ly thỉnh được phần Xá Lợi thứ sáu. Người nước Ca Tỳ La Vệ thỉnh được phần Xá Lợi thứ bảy. Chúa nước Ma Già Đà Vua A Xà Thế thỉnh được phần Xá Lợi thứ tám. Người trong tám nước đều xây tháp cúng dường Xá Lợi tại nước mình.

Yên Bà La Môn thỉnh bình đựng Xá Lợi về xây tháp tại tụ lạc Đầu Na La.

Người nước Ba La Diên Na cũng thỉnh tro đem về xây tháp cúng dường.

Lúc đó trong Diêm Phù Đề có tám tháp thờ Xá Lợi của Phật, một tháp thờ bình lường Xá Lợi, một tháp thờ tro. Thế là việc phân chia Xá Lợi đã xong.

Lúc đó chư Bồ Tát, hàng Thanh Văn, Trời, Người, Bát Bộ Quỉ Thần, Quốc Vương, Trưởng Giả, Quan, Dân toàn thể đại chúng buồn khóc rơi lệ cúi đầu đảnh lễ Xá Lợi của Phật mà đi.

- TRỌN BỘ –

BỔ KHUYẾT TÂM KINH MA HA BÁT NHÃ BA LA MẬT ĐA TÂM KINH

Quán Tự Tại Bồ Tát hành thâm bát nhãba la mật đa thời, chiếu kiến ngũ uẩn giai không độ nhứt thiết khổ ách.

Xá Lợi Tử ! Sắc bất dị không, không bất dị sắc ; sắc tức thị không, không tức thị sắc ; thọ, tưởng, hành, thức, diệt phục như thị. Xá Lợi Tử ! Thị chư pháp không tướng : Bất sanh , bất diệt, bất cấu, bất tịnh, bất tăng, bất giãm. Thị cố không trung vô sắc, vô thọ, tưởng, hành, thức ; vô nhãn, nhĩ, tỹ, thiệt thân, ý ; vô sắc, thinh, hương, vị xúc, pháp ; vô nhãn giới nãi chí vô ý thức giới ; vô vô minh diệc, vô vô minh tận, nãi chí vô lão tử diệc, vô lão tử tận ; vô khổ, tập, diệc, đạo ; vô trí diệc vô đắc. Dĩ vô sở đắc cố, Bồ đề tát đỏa y Bát nhã ba la mật đa cố, tâm vô quái ngại, vô quái ngại cố, vô hữu khủng bố, viễn ly điên đảo mộng tưởng cứu cánh Niết Bàn.

Tam thế chư Phật y Bát nhã ba la mật đa cố, đắc a nậu đa la tam miệu tam bồ đề.

Cố tri Bát nhã ba la mật đa, thị đại thần chú, thị đại minh chú, thị vô thượng chú, thị vô đẳng đẳng chú, năng trừ nhứt thiết khổ chơn thiệt bất hư.

Cố thuyết bát nhã ba la mật đa chú, tức thuyết chú viết :

“ Yết đế yết đế, ba la yết đế, ba la tăng yết đế, bồ đề tát bà ha.”

VÃNG SANH QUYẾT ĐỊNH CHƠN NGÔN

Nam mô A di đa bà dạ, đa tha già đa dạ, đa điệt dạ tha, A di rị đô bà tỳ, a di rị đa, tất đam bà tỳ, A di rị đa, tỳ ca lan đế, A di rị đa, tỳ ca lan đa, già di nị, già già na, chỉ đa ca lệ ta bà ha. (3 lạy)

Khể thu ûTây phương An lạc quốc.
Tiếp dẫn chúng sanh đại đạo sư.
Ngã kim phát nguyện nguyện vãng sanh.
Duy nguyện từ bi ai nhiếp thọ,
Ngã kim phổ vị tứ ân tam hữu,
Cập pháp giới chúng sanh cầu ư chư Phật.
Nhứt thừa vô thượng Bồ Đề đạo cố,
Chuyên tâm trì niệm A Di Đà Phật,
Vạn đức hồng danh kỳ sanh tịnh độ.
Duy nguyện Từ Phụ A Di Đà Phật,
Ai lân nhiếp thọ từ bi gia hộ.

A Di Đà Phật thân kim sắc,
Tướng hảo quang minh vô đẳng luân.
Bạch hào uyển chuyển ngũ Tu Di,
Hám mục trừng thanh tứ đại hải.
Quang Trung hoá Phật vô số ức,
Hoá Bồ Tát chúng diệc vô biên,
Tứ thập bát nguyện độ chúng sanh,
Cửu phẩm hàm linh đăng bỉ ngạn.

Nam mô Tây Phương cực lạc thế giới đại từ đại bi tiếp dẫn đạo sư A Di Đà Phật.(niệm 10, 20, 30 câu tùy ý)

Nam mô Quán Thế Âm Bồ Tát (10 tiếng)
Nam mô Đại Thế Chí Bồ Tát (10 tiếng)
Nam mô Địa Tạng Vương Bồ Tát (10 tiếng)
Nam mô Thanh Tịnh Đại Hải Chúng Bồ Tát (10 tiếng)

HỒI HƯỚNG

Đệ tử chúng đẳng, hiện thị sanh tử phàm phu, tội chướng thâm trọng, luân hồi lục đạo, khổ bất khả ngôn ; kim ngộ tri thức, đắc văn A Di Đà danh hiệu, bổn nguyện công đức, nhứt tâm xưng niệm, cầu nguyện vãng sanh, nguyện Phật từ bi bất xả, ai lân nhiếp thọ, đệ tử chúng đẳng, bất thức Phật thân, tướng hảo quang minh, nguyện Phật thị hiện, linh ngã đắc kiến cập kiến Quán Âm Thế Chí chư Bồ Tát chúng, bỉ thế giới trung, thanh tịnh trang nghiêm, quang minh diệu tướng đẳng, linh ngã liễu liễu đắc kiến, A Di Đà Phật.

Ngã kim trì niệm A Di Đà
Tức phát Bồ Đề quảng đại nguyện :
Nguyện ngã định huệ tốc viên minh
Nguyện ngã công đức giai thành tựu
Nguyện ngã thắng phước biến trang nghiêm
Nguyện cộng chúng sanh thành Phật đạo.
Vãng tích sở tạo chư ác nghiệp
Giai do vô thỉ tham sân si
Tùng thân ngữ ý chi sở sanh
Nhứt thiết ngã kim giai sám hối.
Nguyện ngã lâm dục mạng chung thời
Tận trừ nhứt thiết chư chướng ngại
Diện kiến ngã Phật A Di Đà
Tức đắc vãng sanh Cực Lạc sát.
Ngã ký vãng sanh Cực Lạc dĩ
Hiện tiền thành tựu thử đại nguyện
Nhứt thiết viên mãn tận vô dư
Lợi lạc nhứt thiết chúng sanh giới.
Ngã Phật chúng hội hàm thanh tịnh,
Ngã thời ư thắng liên hoa sanh
Thân đỗ Như Lai Vô Lượng Quang
Hiện tiền thọ ngã Bồ Đề ký.
Mong ngã Như Lai thọ ký dĩ
Hóa thân vô số bá cu chi

Trí lực quảng đại biến thập phương
Phổ lợi nhứt thiết chúng sanh giới
Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ.
Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn,
Pháp môn vô lượng thệ nguyện học,
Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành.
Nguyện sanh Tây Phương tịnh độ trung,
Cửu phẩm liên hoa vi phụ mẫu,
Hoa khai kiến Phật ngộ vô sanh,
Bất Thối Bồ Tát vi bạn lữ
Nguyện dĩ thử công đức
Trang nghiêm Phật tịnh độ
Thượng báo tứ trọng ân
Hạ tế tam đồ khổ.
Nhược hữu kiến văn giả
Tức phát Bồ Đề tâm,
Tận thử nhứt báo thân,
Đồng sanh Cực Lạc Quốc,
Tận thử nhứt báo thân
Đồng sanh An Dưỡng Quốc.

NGUYỆN

A Di Đà Phật, thường lai hộ trì, linh ngã thiện căn, hiện tiền tăng tấn, bất thất tịnh nhơn, lâm mạng chung thời, thân tâm chánh niệm, thị thính phân minh, diện phụng Di Đà, giữ chư thánh chúng, thủ chấp hoa đài, tiếp dẫn ư ngã.

Nhứt sát na khoảnh, sanh tại Phật tiền, cụ Bồ Tát đạo, quảng độ chúng sanh đồng thành chủng trí.

Chí tâm đảnh lễ : Nam Mô A Di Đà Phật Thế Tôn.

Nguyện ngã Tội chướng tất tiêu diệt (1 lạy)
Nguyện ngã Thiện căn nhựt tăng trưởng (1 lạy)
Nguyện ngã Thân tâm hàm thanh tịnh (1 lạy)
Nguyện ngã Nhứt tâm tảo thành tựu (1 lạy)
Nguyện ngã Tam muội đắc hiện tiền (1 lạy)
Nguyện ngã Tịnh nhơn tốc viên mãn (1 lạy)
Nguyện ngã Liên đài tự tiêu danh (1 lạy)

Nguyện ngã Kiến Phật ma đảnh ký (1 lạy)
Nguyện ngã Dự tri mạng chung thời (1 lạy)
Nguyện ngã Vãng sanh Cực Lạc Quốc (1 lạy)
Nguyện ngã Viên Mãn Bồ Tát đạo (1 lạy)
Nguyện ngã Quảng độ chư chúng sanh (1 lạy)

Chí tâm qui mạng đảnh lễ : Nam Mô Tây Phương Cực Lạc thế giới giáo chủ, thọ quang thể tướng vô lượng vô biên, từ thệ hoằng thâm, tứ thập bát nguyện độ hàm linh, đại từ đại bi tiếp dẫn đạo sư A Di Đà Như Lai biến pháp giới Tam Bảo (1 lạy)

Tự quy y Phật, đương nguyện chúng sanh, thể giải đại đạo, phát vô thượng tâm (l lạy)

Tự quy y Pháp, đượng nguyện chúng sanh, thâm nhập kinh tạng, trí huệ như hải.(1 lạy)

Tự quy y Tăng, đương nguyện chúng sanh, thống lý đại chúng, nhứt thiết vô ngại .(1 lạy)

HẾT KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN TRỌN BỘ



Chân thành cảm ơn Thầy **Thích Đồng Bổn** và Đạo hữu **Lệ Diệu** đã giúp đánh máy vi tính bộ kinh này (Tâm Diệu)

HẾT